UBND TỈNH QUẢNG NINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 2139 /SGDĐT-VP
V/v thông báo kết quả thi tuyển sinh trung học phổ thông năm học 2026 - 2027

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Các trường trung học phổ thông có tổ chức thi tuyển sinh.

Thực hiện lịch công tác của Kỳ thi tuyển sinh trung học phổ thông năm học 2026 - 2027 quy định tại Công văn số 1217/SGDĐT-VP ngày 17/4/2026 về việc hướng dẫn tổ chức Kỳ thi tuyển sinh THPT năm học 2026 - 2027, ngày 06/7/2026 Sở Giáo dục và Đào tạo đã công bố kết quả thi tuyển sinh.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị:

1. Niêm yết công khai Bảng điểm bài thi tuyển sinh tại trường để học sinh, cha mẹ học sinh biết kết quả thi.

2. Phúc khảo: Thí sinh có nguyện vọng phúc khảo thì nộp đơn xin phúc khảo bài thi cho trường THPT nơi dự thi tuyển sinh trong thời gian từ 07-09/7/2026.

3. Kiểm tra thông tin của thí sinh; nếu phát hiện sai sót, gửi văn bản đề nghị chỉnh sửa về Sở Giáo dục và Đào tạo qua email ts10@quangninh.edu.vn trước ngày 11/7/2026.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, VP.

Ký bởi: Phạm Thái Sơn

Ký bởi: Đào Duy Hưng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH QUẢNG NINH

Đinh Ngọc Sơn

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
1	0101001	038211032380	PHẠM BẢO	AN	30/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		7.75	8.6	8	1		
2	0101002	030211017331	BÙI VĂN THẾ	ANH	04/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Toán		6.5	8.8	6.5	3.25		
3	0101003	022311011081	DỊP THỊ VÂN	ANH	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	Toán		7.5	7.4	8.25	3.5		
4	0101004	022211004620	NGUYỄN QUANG	ANH	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	Toán	Tin	8	10	9.25	6.5	0	
5	0101005	022211000621	NGUYỄN TIẾN	ANH	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Toán		7.5	9.8	9.5	4.5		
6	0101006	033211002899	NGUYỄN VIỆT	ANH	11/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	Toán		7	9.4	9.25	9.25		
7	0101007	022311008556	PHẠM BÙI NGỌC	ANH	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	Toán		7.75	9.8	8.75	6.25		
8	0101008	022211014697	PHẠM ĐỨC	ANH	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	Toán		7.25	9.4	8.75	4.75		
9	0101009	022211011445	ĐỖ GIA	BẢO	30/04/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Toán		8	9.8	9.25	6.5		
10	0101010	022211012734	HOÀNG GIA	BẢO	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		8	9.8	8.5	5		
11	0101011	022211007681	LÊ HẢI	BẮC	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Toán		7.25	9.2	8.25	3.5		
12	0101012	022211000190	BÙI NGUYỄN MINH	CHÂU	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Toán		7.5	9.8	9.25	6.75		
13	0101013	022311009950	ĐẶNG BÙI BẢO	CHÂU	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Toán		8.25	9.8	9.25	7		
14	0101014	022311009106	LẠI DƯƠNG MAI	CHI	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	Toán		6.75	8	7.5	2.5		
15	0101015	024211010883	THÂN ĐỨC	CÔNG	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	Toán		7.5	9.4	9.5	4.5		
16	0101016	022211011232	VŨ MẠNH	CƯỜNG	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chi	TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	Toán		5.5	9.8	8	3.5		
17	0101017	022311009958	TRẦN PHƯƠNG	DUNG	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	Toán		7	9.6	8.5	7.5		
18	0101018	022211006136	ĐINH TIẾN	DŨNG	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	Toán		7	9.8	9.5	3		
19	0101019	022211007675	LƯƠNG MINH	DŨNG	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	Toán		6.5	7.2	8	4		
20	0101020	022211009664	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	Toán		6.5	9	8.75	5.5		
21	0101021	022211000914	TIÊN TRUNG	DŨNG	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	Toán		7.5	9.8	9	4		
22	0101022	022211000628	HOÀNG CÔNG	DUY	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		8.25	9.6	9.25	6.5		
23	0101023	027211001956	VŨ THÀNH	DUY	17/02/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	Toán		6.75	9.2	9	4.5		
24	0101024	022211003871	VƯƠNG ĐẠI	DƯƠNG	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		7.25	9.2	6.75	5.75		
25	0101025	022211009329	LÊ TRỌNG	ĐẠT	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		6.75	10	9	5.25		
26	0101026	022211006494	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	Toán	Tin	6	8.6	8	4.5		Chuyên nv2: vắng thi

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
27	0101027	022211010643	NGUYỄN BÁ HẢI	ĐĂNG	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Toán		7	9.2	9.25	5		
28	0101028	022211004656	NGUYỄN QUỐC	ĐOÀN	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	Toán		7.75	10	9	5.75		
29	0101029	022211007929	ĐỖ MINH	ĐỨC	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Toán		8	9.6	9.25	4.75		
30	0101030	034211002998	NGUYỄN MINH	ĐỨC	02/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Toán		7.25	9.2	7.5	4.5		
31	0101031	022211011135	NGUYỄN MINH	ĐỨC	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		7.75	9.4	9.5	5.5		
32	0101032	022211004089	NGUYỄN THẠC	ĐỨC	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Toán		7.75	9.4	8.5	4.75		
33	0101033	022211006203	PHẠM ĐẶNG MINH	ĐỨC	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		8.5	9.8	9.5	6.5		
34	0101034	031211018348	VŨ NGỌC MINH	ĐỨC	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		7.5	9.2	7.5	0		
35	0101035	022311008569	ĐẶNG THU	HÀ	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		7	9	8	2.5		
36	0101036	022311001096	LÊ THANH	HÀ	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		8	9.6	8.75	4.25		
37	0101037	022311011060	VŨ THÚY	HÀ	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	Toán		6.75	9.4	9.25	5		
38	0101038	030211001660	ĐỖ TRUNG	HẢI	11/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	Toán		6.5	9.8	8.75	2.75		
39	0101039	036211020095	LÊ LƯƠNG	HẢI	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	Toán		6.75	8.6	8.5	5.25		
40	0101040	022211012814	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	HẢI	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Toán		6.75	9.8	9	2		
41	0101041	022211005502	NGUYỄN THANH	HẢI	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Toán		6.75	9.4	9	6.5		
42	0101042	022211003867	TRẦN HOÀNG THANH	HẢI	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	Toán		7.5	10	9.75	8.25		
43	0101043	030311000442	TRẦN GIA	HÂN	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán	Vật lý	7.75	8.8	8.75	6	1.25	
44	0101044	034211009424	NGUYỄN TRƯỜNG	HIẾU	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		7.5	8	9	0.5		
45	0101045	022211002614	ĐOÀN ĐỨC	HOÀNG	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		7.25	9.8	9.25	6.25		
46	0101046	022211004823	BÙI GIA	HUY	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Toán		6.75	9.4	7.5	3.25		
47	0101047	022211003941	BÙI QUANG	HUY	06/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		6.75	9.6	9.5	5.5		
48	0101048	022211000455	HOÀNG GIA	HUY	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán	Tin	7	9.4	9.5	5.5	5.4	
49	0101049	022211002057	LƯƠNG TUẤN	HUY	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Toán		7.5	8.2	7.25	2.5		
50	0101050	038211035708	NGUYỄN GIA	HUY	01/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		6	8.4	9.25	7.25		
51	0101051	022211012518	NGUYỄN GIA	HUY	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		7	9.8	9	4		
52	0101052	022211006998	NGUYỄN QUANG	HUY	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		8.25	9.8	8.5	2		
53	0101053	022211001536	PHÙNG GIA	HUY	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Toán		7	6.4	8.5	5.25		
54	0101054	022211007016	VŨ QUANG	HUY	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Toán		7.75	9.2	6.5	0.25		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
55	0101055	022211011438	ĐÀO PHÚC	HƯNG	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		7.5	9.8	9.5	2.5		
56	0101056	232211000017	MẠCH LƯU NHẬT	HƯNG	23/10/2011	Nước ngoài	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	Toán		6	9.2	7.25	0.75		
57	0101057	031211001020	NGUYỄN GIA	HƯNG	02/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	Toán		7	9.6	9	6.25		
58	0101058	022211012440	NGUYỄN TUẤN	HƯNG	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	Toán		6.75	9.8	8.25	2.5		
59	0101059	022211012718	PHẠM KHÁNH	HƯNG	30/01/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		7	7.6	9.5	2		
60	0101060	022311004364	PHẠM THU	HƯƠNG	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	Toán		8	9	8	4.25		
61	0101061	022211006810	ĐỖ THÀNH	KHANG	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Toán		7.75	10	9.75	6.5		
62	0101062	036211013476	NGUYỄN TÙNG	KHANG	26/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		8	9.8	9.75	5.75		
63	0101063	022211009561	MẠC BÙI DUY	KHOA	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		6.75	9.4	8.75	4		
64	0101064	022211005484	NGUYỄN ĐÌNH ANH	KHOA	10/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		6	9.4	8.75	5.75		
65	0101065	022211011780	BÙI ANH	KHÔI	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		7.25	9.4	8.5	2		
66	0101066	022211008810	LƯU TRỌNG	KHÔI	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Toán		8.5	9.6	9.75	8		
67	0101067	022211010231	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám (Phân hiệu 1)	Tiếng Anh	Toán		7.75	9.4	9.5	4.5		
68	0101068	030211000474	ĐÀO TUẤN	KIỆT	06/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		7.75	9.8	9.25	5		
69	0101069	022311007296	NÔNG NGỌC	LAN	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	Toán		8	7.6	8.5	3.25		
70	0101070	037211000805	LƯU TÙNG	LÂM	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		7.5	10	10	6.5		
71	0101071	022211013264	NGUYỄN ĐÌNH TÙNG	LÂM	10/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		7.25	9.6	7.75	3.75		
72	0101072	022211007554	NGUYỄN THÀNH	LÂM	05/02/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	Toán	Tin	7.5	9	8.75	4.25		Chuyên nv2: vắng thi
73	0101073	022311001291	PHẠM MAI	LÂM	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		6.5	8.6	8	2		
74	0101074	022311000328	MAI PHẠM	LINH	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	Toán	Tin	9	10	9.75	6.5	5.15	
75	0101075	022311000221	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	LINH	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		7.75	9.8	8	3		
76	0101076	022311009464	NGUYỄN NGÂN	LINH	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	Toán		8.5	10	9.5	5.25		
77	0101077	022311003505	TRẦN NGỌC KHÁNH	LINH	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		8	9.6	7.75	2.5		
78	0101078	027311012462	VŨ TRÚC	LINH	17/11/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Toán		7.5	9.6	8.5	2.5		
79	0101079	001211022733	BÙI VIỆT	LONG	27/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	Toán		7.5	7.8	9.5	6.75		
80	0101080	022211010206	CAO THẾ	LONG	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		7.5	9.4	9	9		
81	0101081	022211011511	ĐÀO CÔNG HOÀNG	LONG	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Toán		8	10	8.5	6.5		
82	0101082	022211000079	NGUYỄN BẢO	LONG	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		7.5	9.4	9	4.75		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
83	0101083	022211010083	PHẠM HẢI	LONG	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	Toán		7.75	9.8	8.25	2.5		
84	0101084	038211006950	HOÀNG XUÂN	LỰC	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	Toán		8.25	9.8	8.5	6		
85	0101085	022311000429	LÊ THANH	MAI	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Toán		7.5	10	8.25	6.5		
86	0101086	022211009156	BÙI ĐỨC	MINH	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Toán		7.75	9.6	9.25	6		
87	0101087	027211000358	ĐINH QUỐC	MINH	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Toán		6	9.2	8.5	4		
88	0101088	030211019058	ĐỖ HIẾU	MINH	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		6.75	8.4	8.5	1.5		
89	0101089	022211006410	HOÀNG QUANG	MINH	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	Toán		8	9.6	7.25	5.75		
90	0101090	022211010755	LÊ TUẤN	MINH	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán	Tin	8.75	10	9.5	5.75	2	
91	0101091	022211009839	LƯU QUANG	MINH	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	Toán		6.5	8.8	9	7.75		
92	0101092	022211006698	NGUYỄN ĐỨC	MINH	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		7.5	9.6	9.5	6		
93	0101093	022211013689	NGUYỄN TUẤN	MINH	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		7.5	9.8	10	7.5		
94	0101094	022211006577	NGUYỄN TÙNG	MINH	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Toán		7.5	10	9.5	5		
95	0101095	022211004784	NGUYỄN TƯỜNG	MINH	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		8	9.6	10	8.5		
96	0101096	022311011779	PHẠM HIỀN	MINH	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		9	10	8.75	4		
97	0101097	022211005664	PHẠM PHÚ ĐỨC	MINH	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		7.5	9	7.75	6		
98	0101098	022311005509	ĐẶNG HÀ	MY	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Toán		7	8.2	8.25	2		
99	0101099	022311008609	ĐỖ BẢO	NGỌC	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		8	10	8.5	2		
100	0101100	022311010603	HOÀNG BẢO	NGỌC	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Toán		7.25	9.4	8.75	4.5		
101	0101101	022211005526	ĐỖ ĐỨC	NGUYÊN	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Toán		8.25	9.2	7.5	6.75		
102	0101102	022211000239	ĐỖ VIỆT ĐỨC	NGUYÊN	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Toán	Tiếng Trung	8.25	9.8	9	7.25	7.2	
103	0101103	022211011252	NINH ĐỨC	NHÂN	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	Toán		6.5	9.4	8.25	5.75		
104	0101104	022211013350	TRƯƠNG TRỌNG	NHÂN	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		7	9.4	6.75	1.25		
105	0101105	022211010007	HOÀNG NGÔ MINH	NHẬT	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	Toán		6	7.8	7.5	3.75		
106	0101106	022311007369	ĐOÀN HUYỀN	NHI	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	Toán		7.25	9.6	9.75	5.25		
107	0101107	022311001249	TRẦN THẢO	NHI	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Toán		8	9.2	8	4		
108	0101108	022311011879	NGUYỄN MAI	OANH	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		7.25	9.6	9.25	4.5		
109	0101109	031211001461	PHẠM PHÚC PHƯƠNG	PHI	18/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Toán		7.75	9.4	9.25	6.75		
110	0101110	022211008490	MAI XUÂN	PHÚ	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		6.25	9.2	8.75	0.75		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
111	0101111	022211006067	NGUYỄN HẢI	PHÚ	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	Toán		6.5	9.4	9.5	4.5		
112	0101112	022211008755	VŨ ĐÌNH	PHÚ	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		8.5	9.4	9.5	6.25		
113	0101113	038211035790	LÊ VĂN	PHÚC	16/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	Toán		6.75	7.8	8	5		
114	0101114	022211008233	MAI HỒNG	PHÚC	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		7.5	9.4	7.5	3.5		
115	0101115	022211003287	NGUYỄN MINH	PHÚC	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	Toán		6.5	9.8	9	5		
116	0101116	022211010025	NÔNG HOÀNG	PHÚC	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	Toán		7.5	9.2	9.25	6.5		
117	0101117	022211005320	TRẦN ANH	PHÚC	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Toán		6.25	9.2	8.75	1.5		
118	0101118	022211009248	MẠC LÊ HUY	PHƯỚC	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		6.75	9.6	8.75	4.5		
119	0101119	022311004302	CHU DIỆU	PHƯƠNG	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	Toán		7.5	9.2	6.75	2		
120	0101120	022211006835	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Toán		6.75	9.8	8.25	4.25		
121	0101121	024211000846	NGUYỄN MINH	QUANG	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	Toán		6	8.4	9	5		
122	0101122	022211008364	CHU MINH	QUÂN	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Toán		7.25	9	9.75	7.25		
123	0101123	022211006624	NGUYỄN ANH	QUÂN	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Toán		7.25	10	9	4		
124	0101124	034211010627	VŨ MINH	QUÂN	27/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Toán		8.25	9	9.25	4		
125	0101125	022211007835	TRẦN MINH	QÚY	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	Toán		7.5	9.2	9.25	6.75		
126	0101126	031311010988	TRẦN VŨ NHƯ	QUỲNH	13/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		7	9	9	3.5		
127	0101127	022311007438	NGUYỄN TUỆ	SAN	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		7.75	10	9.25	4		
128	0101128	022211013673	PHẠM TRƯỜNG	SƠN	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		8.25	9.6	9.75	4.25		
129	0101129	022211011451	NGUYỄN ĐỨC	TÀI	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		6	9.8	8.75	1.5		
130	0101130	022211008331	TRẦN QUỐC	THÁI	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	Toán		7.25	6.8	7.75	3.75		
131	0101131	022211007830	VŨ GIA	THÁI	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Toán		7.5	9.2	8.25	2.75		
132	0101132	001311001191	HOÀNG THIÊN	THANH	08/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	Toán		8.5	9.2	9	6.5		
133	0101133	022311001363	TRƯƠNG TRẦN Y	THANH	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Toán	Vật lý	8.5	9.6	8	4		Chuyên nv2: vắng thi
134	0101134	022311007772	HOÀNG HÀ PHƯƠNG	THẢO	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	Toán		7.25	8.8	8.25	6.75		
135	0101135	022311008231	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Toán		7.5	7.6	6.25	0.25		
136	0101136	022211006106	VŨ ĐỨC	THỊNH	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	Toán		6.5	8.8	9.5	5.5		
137	0101137	022311010054	TRIỆU MINH	THÙY	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	Toán		6.75	7	7	2.75		
138	0101138	022211011000	BÙI VIỆT	TIẾN	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	Toán		8	9.2	9	6.25		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
139	0101139	040211026693	CAO BÁ	TOÀN	27/01/2011	Tỉnh Nghệ An	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Toán		7.5	9	8	4		
140	0101140	022311001039	ĐỖ HÀ	TRANG	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	Toán		7	9.2	8.75	3		
141	0101141	022311008207	HOÀNG THẢO	TRANG	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	Toán		7	9.8	8.25	7.25		
142	0101142	022211006110	ĐOÀN MINH	TRÍ	02/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán	Tin	6.5	9	8.5	4		Chuyên nv2: vắng thi
143	0101143	022211007777	PHẠM MINH	TRÍ	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		8	9.8	9.5	5.75		
144	0101144	022211012864	TRẦN GIA MINH	TRÍ	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		8.5	9.4	9	7		
145	0101145	033211003867	CHU SỸ	TRỌNG	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	Toán		7.5	9	9.5	4.5		
146	0101146	022211009016	NGUYỄN QUANG	TRƯỜNG	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	Toán		7.75	9.8	8.75	6		
147	0101147	022211002281	TRẦN ANH	TÚ	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		8.5	10	9.5	6.25		
148	0101148	022211012162	TRẦN VŨ VIỆT	TÙNG	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		8	9.6	7	2		
149	0101149	022211014746	NGUYỄN PHÚC	TƯỜNG	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Yên Hưng	Tiếng Anh	Toán		7	9.2	8.5	5		
150	0101150	022211007629	BÙI MAI MINH	VŨ	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Toán		7	9.6	9.25	2.5		
151	0101151	022211013933	NGUYỄN NAM	VŨ	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Toán	Tiếng Trung	7.25	8.8	9.25	5.5	2.7	
152	0101152	022311009885	PHẠM ĐÔNG	VY	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Toán		8.5	9.4	9.25	2.5		
153	0101153	048311002149	BÙI THỊ NHƯ	Ý	29/09/2011	Thành phố Đà Nẵng	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	Toán		7.75	9	8	2		
154	0101154	022311012715	LÊ BẢO	YẾN	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Toán		7.5	9.2	9	3.5		
155	0101155	022311004131	TRẦN LÊ HẢI	YẾN	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	Toán		8	9.2	9.25	4.5		
156	0102001	022211008263	NGUYỄN XUÂN	AN	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	Tin		6.75	9.2	5.5	2		
157	0102002	022311007119	ĐỖ NGUYỄN HÀ	ANH	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Tin		7.25	9.8	9.5	6.25		
158	0102003	022211009129	PHẠM QUANG	BÁCH	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tin		5.5	8.6	7.25	5		
159	0102004	022211012001	NGUYỄN GIA	BẢO	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tin		7.5	9.8	8.5	7.2		
160	0102005	022211005689	ĐÀM HIẾU	BÌNH	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	Tin		7	7.6	7	2.55		
161	0102006	022311007201	ĐỖ VÂN	CẦM	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	Tin		7	6.8	4.5	0		
162	0102007	022211012836	ĐÀO ANH	DŨNG	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tin		6.5	9.2	7.5	6		
163	0102008	022211012237	VŨ TIẾN	DŨNG	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tin		5.5	9.4	9.5	7.6		
164	0102009	022211007510	ĐẶNG ĐỨC	DƯƠNG	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	Tin	Tiếng Anh	7.75	9.8	9	5.05		Chuyên nv2: vắng thi
165	0102010	022211007533	LÊ MINH	DƯƠNG	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tin					0		Chuyên nv1: đình chỉ
166	0102011	022211009971	NGUYỄN PHÚC	ĐẠI	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tin		7.25	9.6	8.25	6.1		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
167	0102012	022211003406	LÊ VĂN	ĐẠT	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tin		8	9.8	8.25	3.05		
168	0102013	022211000934	LỤC QUỐC	ĐẠT	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hán	THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	Tin		7	9.8	8.5	7.4		
169	0102014	022211000182	LÊ VĂN	ĐOÀN	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tin		6.5	9.6	8.5	6.5		
170	0102015	022211000876	NGUYỄN MẠNH	ĐỨC	20/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tin		6.75	9.4	8.5	2.8		
171	0102016	022211012798	TRƯƠNG TRUNG	HẬU	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Mường	THCS Trới	Tiếng Anh	Tin		7	9.2	8	0.7		
172	0102017	022211013124	ĐOÀN CHÍ	HIẾU	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tin		7	9.4	9	6.3		
173	0102018	022211009549	TRƯƠNG ĐỨC	HIẾU	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tin		7.5	9.8	8.5	6.85		
174	0102019	022211001580	NGUYỄN TRỌNG	HOÀNG	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	Tin		7.5	9.8	9.5	8.3		
175	0102020	022211009780	HOÀNG QUỐC	HÙNG	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tin		7.25	9.6	9	7		
176	0102021	022211007589	ĐINH NHẬT	HUY	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	Tin		7.5	8.8	7.75	7.5		
177	0102022	040211032515	HỒ VĨNH GIA	HUY	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Tin		8	9.8	8.75	6.4		
178	0102023	022211000593	LẠI NGUYÊN	HUY	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tin		6.75	9.4	7.5	7.1		
179	0102024	022211010806	NGÔ ĐỨC	HUY	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Tin		8.5	8.8	7.5	5.5		
180	0102025	022211005216	NGUYỄN VĂN KHÁNH	HUY	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Tin		8	8.4	7	1.65		
181	0102026	022211008910	PHẠM GIA	HUY	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	Tin		7.25	10	9	8.6		
182	0102027	022211005746	VŨ GIA	HUY	11/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Tin		7.25	9.6	8.25	5.55		
183	0102028	022211012929	HÀ PHÚC	HƯNG	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tin		7.25	9	9	2.9		
184	0102029	022211011208	NGUYỄN DUY	HƯNG	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tin	Tiếng Anh	8.25	9.6	8.75	7		Chuyên nv2: vắng thi
185	0102030	022211002788	NGUYỄN GIA	HƯNG	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Tin		7	9.4	7.75	7.7		
186	0102031	022211005114	TRẦN DOÃN GIA	HƯNG	19/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tin		7.25	9.8	7.75	0		
187	0102032	022211014736	TRỊNH TUẤN	HƯNG	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tin		7.5	8.6	8	5		
188	0102033	022211009104	LÊ NGUYÊN	KHÁNH	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tin		7	7.8	6.5	0		
189	0102035	022211004519	NGUYỄN DUY	KHOA	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	Tin		4.75	9.2	7.5	0		
190	0102036	022211003646	BÙI NAM	KIÊN	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tin		8	9.2	7.5	6.1		
191	0102037	022211003426	VI TUẤN	KIỆT	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	Tin		6	5.4	5.25	1.75		
192	0102038	022211001687	LÊ NGUYỄN TÙNG	LÂM	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	Tin		6.5	7.6	7.75	3.15		
193	0102039	022311009300	ĐỖ Ý	LINH	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tin		8.25	9.4	9	1.6		
194	0102040	022211013600	MAI THÀNH	NAM	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tin	Toán	6.75	9	8	6.1	2.75	

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
195	0102041	022211013931	NGUYỄN HẢI	NAM	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tin		7.25	9.2	7.5	3		
196	0102042	022211008086	PHẠM HẢI	NAM	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tin		6.5	9.2	8.25	2.75		
197	0102043	022211003790	NGUYỄN CHÍ	PHÁT	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tin		6	9.6	7.75	1.9		
198	0102044	022211010045	NGUYỄN HOÀNG GIA	PHÚ	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Tin		7.25	10	7.25	6.5		
199	0102045	022211008402	LÊ NGỌC	PHÚC	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tin		6.25	8.4	7.25	0		
200	0102046	022211012758	NGUYỄN MINH	QUANG	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tin		7	9.8	6.75	6		
201	0102047	022211010388	NGUYỄN TUẤN	QUANG	01/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tin		6.5	9.4	4.75	0		
202	0102048	022211000552	NGUYỄN TIẾN	TRƯỜNG	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tin		6.75	10	8.75	6.85		
203	0102049	022211001555	TRỊNH TUẤN	TRƯỜNG	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	Tin		7	9.6	7.5	6.55		
204	0102050	022311002815	ĐỖ THANH	TÚ	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tin	Ngữ văn	7	8.6	9	0	4.25	
205	0102051	001211073208	LÊ BÁ DUY	TÙNG	08/03/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tin		6	9.2	6	7.4		
206	0102052	022211007655	NGUYỄN HOÀNG	TÙNG	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	Tin		5.25	9.6	9	5.9		
207	0102053	022211002826	NGUYỄN SỸ	TÙNG	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	Tin		7.25	9.8	6	6.7		
208	0103001	022211006213	NGÔ HẢI	AN	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Vật lý		7	9.8	8.75	4.5		
209	0103002	022211008170	NGÔ VIỆT	AN	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Vật lý		6.5	8.6	8.25	5.5		
210	0103003	022211001195	NGUYỄN PHÚC	AN	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		8	9	9.5	7.25		
211	0103004	022211010133	VŨ QUÝ	AN	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Vật lý		7.75	10	9	8.75		
212	0103005	022211006309	NGÔ ĐỨC	ANH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	Vật lý		7.25	9.4	7.75	8		
213	0103006	022211004492	NGUYỄN BẢO	ANH	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	Vật lý		6.5	8.2	5.5	2		
214	0103007	035211008241	NGUYỄN ĐỨC	ANH	10/12/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	Vật lý		7.25	10	8.25	6.75		
215	0103008	022211013522	NGUYỄN HOÀNG	ANH	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		6.75	9.8	8.75	4.5		
216	0103009	022311011261	NGUYỄN NGỌC	ANH	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Vật lý		7.75	9.2	8	5.5		
217	0103010	022311009857	NGUYỄN THU	ANH	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Vật lý		8.25	9.4	8.5	8.75		
218	0103011	022211010301	NGUYỄN TUẤN	ANH	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Vật lý		7.5	10	8.5	9.5		
219	0103012	022311009604	PHẠM BÙI NGỌC	ANH	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		8.5	9.8	9.5	7.75		
220	0103013	027311011146	TRƯƠNG NGUYỆT	ÁNH	05/11/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		8.75	10	9.25	9		
221	0103014	034211014967	NGUYỄN NGỌC	BÁCH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Vật lý		7	9.4	7.75	4.25		
222	0103015	022211003165	PHẠM HẢI	BÁCH	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7.75	9.8	9	7.25		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
223	0103016	022211010081	TRẦN LINH NGỌC	BÁCH	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Vật lý		7.5	9.8	7.5	2		
224	0103017	022211007107	LÊ GIA	BẢO	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7.75	9.8	8.75	6.75		
225	0103018	034211010319	NGUYỄN GIA	BẢO	01/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7.25	9.2	8.25	6.25		
226	0103019	022211002631	TRIỆU GIA	BẢO	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	Vật lý		7	9.6	7.75	4.25		
227	0103020	022211006992	VŨ PHẠM GIA	BẢO	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Vật lý		8	8.8	8.5	4.5		
228	0103021	022211013455	NGUYỄN LƯƠNG	BẰNG	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7.5	10	9	9.25		
229	0103022	022311012115	HÀ NGỌC DIỆP	CHI	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		6.75	9.6	8.25	3.25		
230	0103023	022211004248	NGUYỄN DANH	CƯỜNG	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		8	9.8	6.5	4		
231	0103024	022211005739	TRẦN MẠNH	CƯỜNG	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	Vật lý		8	9.6	9.5	9.5		
232	0103025	030311016145	LÊ NGỌC	DIỆP	23/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Vật lý	Ngữ văn	7	8.6	5.25	4.25	3.75	
233	0103026	022311003932	VŨ NGỌC	DIỆP	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Vật lý		5.25	8.4	8.5	2.25		
234	0103027	022211012462	ĐỖ ĐỨC	DŨNG	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Vật lý		7.75	9.8	9	7.5		
235	0103028	022211006557	HOÀNG TRÍ	DŨNG	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Vật lý		7.25	6.8	9	4		
236	0103029	022211001774	PHẠM TRUNG	DŨNG	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	Vật lý		7.25	9.6	8	1.75		
237	0103030	022211008095	ĐẶNG KHÁNH	DUY	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Vật lý		6.5	9.6	8.25	2.25		
238	0103031	022211003795	NGUYỄN KHÁNH	DUY	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	Vật lý		7.25	9.6	7.75	4		
239	0103032	022211012108	ĐINH TRIỀU	DƯƠNG	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Vật lý		7.75	8.2	8.75	3.5		
240	0103033	031211016028	MẠNH XUÂN	ĐẠT	17/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		6.5	9.4	8	2.5		
241	0103034	022211000584	ĐỖ TRẦN MINH	ĐỨC	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7	9.2	7.25	1.25		
242	0103035	022311005502	TRẦN HOÀNG GIA	HÂN	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Vật lý		7.75	9.8	9.25	4.75		
243	0103036	022211004019	NGUYỄN HÀ ĐỨC	HIẾU	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	Vật lý		6.25	8.2	7.5	5		
244	0103037	022211001859	NGUYỄN MINH	HIẾU	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Vật lý	Hóa	8.25	9.8	9.5	9	3	
245	0103038	022211007549	VŨ ĐỨC	HÒA	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Vật lý		8	9.8	8.5	9		
246	0103039	022211006843	LÊ MINH	HOÀNG	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	Vật lý		7	9.2	9	7.25		
247	0103040	022211013393	NGÔ HUY	HOÀNG	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Vật lý		5.5	9.4	8	4.25		
248	0103041	024211010079	NGUYỄN VĂN VIỆT	HOÀNG	02/07/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	Vật lý		6.25	8.6	6.75	2.75		
249	0103042	022211014800	TRẦN HUY	HOÀNG	12/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Vật lý		6.5	9.2	8	3		
250	0103043	022211001415	TRỊNH KHẮC	HOÀNG	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Vật lý		5.75	7.6	7.25	3		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
251	0103044	022211000034	LƯƠNG GIA	HUY	21/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		8	10	9.75	7		
252	0103045	022211011048	PHẠM AN	HUY	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Vật lý		4.5	8.2	8.5	5.75		
253	0103046	022211011309	PHẠM GIA	HUY	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		6.75	9.8	8.75	6.5		
254	0103047	022211010551	TRẦN TRÍ	HUY	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	Vật lý		7	7.8	8	6.5		
255	0103048	036211015025	VŨ ĐÌNH	HUY	09/04/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý	Tiếng Anh	6.75	9.6	9	8	4.3	
256	0103049	022211012217	VŨ GIA	HUY	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7	9.6	8.75	3.75		
257	0103050	022211011716	VƯƠNG GIA	HUY	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7.5	9.2	9	4.75		
258	0103051	022211014861	ĐÀO BÁ DUY	HƯNG	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Vật lý		7.75	8.6	9	1.75		
259	0103052	022311002400	PHÙNG MAI	HƯƠNG	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7.75	8.8	9	6		
260	0103053	022211009105	ĐOÀN QUANG	KHẢI	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Vật lý		6.25	9.2	8.25	6.25		
261	0103054	031211020252	TRẦN THẾ	KHANG	14/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		8.5	9.8	9.25	9		
262	0103055	022211006362	VƯƠNG HUY TÙNG	KHANG	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		8	9.8	8.5	5.5		
263	0103056	022311009713	PHẠM HOÀNG BẢO	KHANH	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	Vật lý		7.5	6.8	7.25	4.25		
264	0103057	022311009269	ĐẶNG KIM	KHÁNH	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Vật lý		7	9.6	8.25	5		
265	0103058	022211002493	HÀ AN	KHÁNH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7.75	9.4	8.25	3		
266	0103059	022211007015	TRẦN NGUYÊN	KHÁNH	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Vật lý		6.5	8.8	8.25	5.75		
267	0103060	022211013298	TRẦN QUỐC	KHÁNH	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Vật lý		8	9.2	7.75	4.5		
268	0103061	022211013090	DƯƠNG BẢO	LÂM	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	Vật lý		8	9	7.75	3.75		
269	0103062	022211001561	VŨ HOÀNG	LÂM	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7.25	8.6	7.25	3.75		
270	0103063	022311001975	ĐỖ NGỌC PHƯƠNG	LINH	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Vật lý		7.5	8.8	7	5		
271	0103064	022311003860	NGÔ NGỌC KHÁNH	LINH	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Vật lý		8.5	9.6	8.75	5.25		
272	0103065	022311005911	PHẠM KHÁNH	LINH	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		5.75	8.6	8.25	5.5		
273	0103066	022311001659	CAO PHẠM NHƯ	LOAN	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7.75	10	8.75	6.25		
274	0103067	022311012229	TRẦN KHÁNH	LY	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Vật lý		6.5	9.8	8.25	6.25		
275	0103068	022211011370	ĐỖ TRẦN BÌNH	MINH	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		6.25	9.4	8.25	1.75		
276	0103069	022211014744	LẠI QUANG	MINH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Vật lý		6	8.6	7.75	4.75		
277	0103070	022211010874	NGUYỄN ĐỨC	MINH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7.25	9.2	7.25	6		
278	0103071	030211000686	NGUYỄN QUANG	MINH	10/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7	9.8	7.5	5.25		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
279	0103072	022211004745	NGUYỄN THÁI	MINH	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Vật lý		6.25	8.4	6.75	3.25		
280	0103073	022211002315	TÔ ĐĂNG	MINH	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	Vật lý		7.5	10	8.25	5.25		
281	0103074	022211005644	VŨ TẤN	MINH	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7.25	8.4	7.75	3		
282	0103075	022211001533	NGUYỄN HẢI	NAM	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		8	9.4	8.75	5.5		
283	0103076	022211011827	NGUYỄN TRẦN SƠN	NAM	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	Vật lý	Tiếng Anh	6.25	9.6	9	4.5	5.2	
284	0103077	022211012653	TRẦN THÀNH	NAM	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Vật lý		8	9.4	8	4		
285	0103078	022311004537	NGUYỄN HOÀNG	NGÂN	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Vật lý		8	9.2	6.5	3		
286	0103079	022311007558	ĐINH THỊ BẢO	NGỌC	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Vật lý		8.5	9.6	8.25	7.5		
287	0103080	022211002416	LÊ XUÂN	NGUYÊN	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7.75	9.8	8.75	5.75		
288	0103081	022211008871	PHẠM KHÔI	NGUYÊN	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		8	9.8	8.75	5.75		
289	0103082	022311012965	LÊ HẢI	NGUYỆT	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Vật lý		7.75	10	8	5.25		
290	0103083	022211004783	NGUYỄN HẠO	NHIÊN	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Vật lý		7.5	9.4	8.75	5.25		
291	0103084	022211000848	BÙI HOÀNG	PHONG	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Vật lý		7	9.2	8.5	5.5		
292	0103085	022211002045	PHẠM HỒNG	PHÚC	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Vật lý		8	9.8	7	2.25		
293	0103086	022211011482	PHẠM NGUYÊN	PHÚC	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Vật lý		8.5	9.4	9	7.5		
294	0103087	030211014113	TRƯƠNG VĂN	PHÚC	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	Vật lý		7.5	9.4	8	3.75		
295	0103088	022311000524	NGHIÊM THU	PHƯƠNG	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Vật lý		6.75	6.6	5.25	3		
296	0103089	022211000479	LƯU HỒNG	QUANG	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Vật lý		8.25	9.6	8	7.75		
297	0103090	022211002754	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Vật lý		6.25	9.2	8.5	4.5		
298	0103091	022211013068	VŨ HOÀNG	SƠN	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Vật lý		6.25	9.6	7.5	5		
299	0103092	022211005403	DƯƠNG QUANG	THÁI	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Vật lý		5.25	9.4	7.5	1		
300	0103093	022211007801	PHÙNG DUY	THANH	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		6.75	9.6	8.75	6.75		
301	0103094	022211011900	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Vật lý		6.75	6.8	5	1.25		
302	0103095	022311001197	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý	Tiếng Anh	8.5	10	9	9	6.95	
303	0103096	022311004096	ĐỖ MAI	THU	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	Vật lý		8.5	9.8	8	7.75		
304	0103097	022211009178	QUYỀN TRỌNG	TÍN	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	Vật lý		7.5	9.4	7.5	6.5		
305	0103098	022211001200	ĐẶNG PHÚ	TRỌNG	07/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7.5	9.8	9	5.5		
306	0103099	024211013551	ĐÀO MINH	TUẤN	29/01/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Vật lý		6	8.4	7.5	6.75		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
307	0103100	022211012292	TRẦN ANH	TUẤN	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	Vật lý		8.25	9.8	8	6		
308	0103101	022211006860	ĐỖ THANH	TÙNG	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	Vật lý		6.5	9.6	8	4.25		
309	0103102	022211007568	ĐỖ XUÂN	TÙNG	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	Vật lý		7.25	9.2	8.25	6		
310	0103103	022211011937	NGUYỄN BÁCH	TÙNG	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Vật lý		7.5	7.2	7.75	1.75		
311	0103104	022211012892	NGUYỄN MẠNH	TÙNG	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Vật lý		7.5	9.6	9	3.75		
312	0103105	022211006976	PHẠM MINH	TÙNG	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Vật lý		7	8.8	8.75	7		
313	0103106	022211005464	PHẠM THANH	TÙNG	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Vật lý		6.25	9.2	7.75	7		
314	0103107	022211008870	VŨ TRƯỜNG	TÙNG	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7.25	9.6	9	7		
315	0103108	022311001630	NGUYỄN MỸ	UYÊN	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Vật lý		8	10	8	9.25		
316	0103109	022211000485	PHẠM QUỐC	VIỆT	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		7.25	10	9	9.25		
317	0103110	020211008403	TRỊNH QUANG	VINH	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Vật lý		6.75	9.6	9	4.25		
318	0103111	022311005321	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	Vật lý		6.5	7.8	7.5	5.75		
319	0104001	001211074144	NGÔ DOÃN	AN	17/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Hóa	Lịch sử	4.5	9	6.25	0.4	0	
320	0104002	022311012670	LƯƠNG DIỆP	ANH	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		7.5	9.2	8.25	5.4		
321	0104003	054211006804	NGUYỄN ĐỨC	ANH	10/10/2011	Tỉnh Đắk Lắk	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Hóa		8	8.6	8.25	5		
322	0104004	022311011444	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	Hóa		7.5	7.8	5.75	4.1		
323	0104005	046311000751	PHẠM NGỌC CÁT	ANH	28/02/2011	Thành phố Hồ Chí Min	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		7.5	8.6	9.25	1.3		
324	0104006	022311012968	TRẦN HÀ	ANH	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Hóa		7.25	9	8.25	3.3		
325	0104007	022311008269	TRẦN HẢI	ANH	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Hóa		5.5	8.2	7.5	3.1		
326	0104008	022211005750	VŨ ĐỨC	ANH	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	Hóa		6.25	9.4	8.75	6.2		
327	0104009	030311003471	VŨ KIỀU	ANH	01/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	Hóa		5.75	7.4	5.5	1.1		
328	0104010	022211007304	PHẠM XUÂN THIÊN	ÂN	26/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		8.25	9.4	9.5	4.6		
329	0104011	022211013454	ĐINH CHU VIỆT	BÁCH	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		7	9.8	8.75	6.8		
330	0104012	022211013866	BÙI QUANG	BẢO	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		7.75	8.4	8	4.7		
331	0104013	022211007990	ĐÀO TRÍ	BẢO	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	Hóa		6.25	8.8	7.5	4.6		
332	0104014	022211014673	NGÔ GIA	BẢO	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	Hóa		7.25	7.4	8.75	3.6		
333	0104015	022211004680	NGUYỄN ĐỨC	BÌNH	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Hóa		7.5	8.6	7.25	6.9		
334	0104016	022211011878	NGUYỄN HẢI	BÌNH	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		6.75	9.8	9	6.9		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
335	0104017	031311008375	ĐỖ MINH	CHÂU	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	Hóa		7.75	9.6	9	6.6		
336	0104018	036311014126	TRẦN THỊ MINH	CHÂU	15/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Hóa		7.25	6.6	8.25	4.6		
337	0104019	022311008797	KIM VŨ HÀ	CHI	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	Hóa		8	7.4	7.25	3.5		
338	0104020	022311006699	TRẦN PHẠM LINH	CHI	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		8.5	9.8	9	6.2		
339	0104021	022311012156	NGUYỄN THỤC	CHINH	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Hóa		8.5	8.4	9.25	6		
340	0104022	022311011848	ĐÀO NGỌC	DIỆP	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	Hóa		8.25	10	8.25	5.5		
341	0104023	022311001609	LƯƠNG NGỌC	DIỆP	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Hóa		6	9.2	7.75	5.1		
342	0104024	036311000768	NGUYỄN BÁCH	DIỆP	09/06/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Phạm Sư Mạnh	Tiếng Anh	Hóa		8	9.6	8	4.5		
343	0104025	022211002709	VŨ DUY	DŨNG	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Hóa		6.75	7.2	7.5	2.1		
344	0104026	022211008440	PHẠM CÔNG	DUY	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Hóa		6.25	9.2	8.75	5.9		
345	0104027	034311000041	NGUYỄN PHẠM THÙY	DƯƠNG	27/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Hóa		7.5	9.6	6.5	5.5		
346	0104028	022311012691	VŨ THÙY	DƯƠNG	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Hóa		6.25	6.4	6.5	1.3		
347	0104029	022211005437	BÙI THÀNH	ĐẠT	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Hóa		6.25	8.6	8.25	2.3		
348	0104030	022211011729	TRẦN TIẾN	ĐẠT	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Hóa		5.5	9.4	7.25	1.1		
349	0104031	022211005920	BÙI VIỆT	ĐỨC	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	Hóa		5.25	5.2	6.25	3.7		
350	0104032	001211071592	NGUYỄN MINH	ĐỨC	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	Hóa		6.25	9	8.25	5.8		
351	0104033	022211009781	NGUYỄN HÙNG	GIANG	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Hóa		8.5	9.2	8.75	6.3		
352	0104034	022311008034	PHẠM HÀ	GIANG	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Hóa		7	6.6	5.25	0.5		
353	0104035	022311008079	ĐỒNG HOÀNG NGỌC	HÀ	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		8.5	9.8	8.25	6.4		
354	0104036	037311006180	ĐẶNG HỒNG	HẠNH	11/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	Hóa		8	10	8	5.6		
355	0104037	022311002738	LÊ GIA	HÂN	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		8.75	9	8.5	1.9		
356	0104038	022311007561	LÊ GIA	HÂN	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		7.5	7	6.25	2.7		
357	0104039	022311007504	LƯU THANH	HIỀN	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Hóa		7.75	8.8	6.75	3		
358	0104040	022211014836	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Hóa		4.75	9.8	9.25	6.1		
359	0104041	034211008748	VŨ MINH	HIẾU	01/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Hóa		7	9.4	7.5	5		
360	0104042	022211013594	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Hóa		6.5	9.8	9	4		
361	0104043	022211012893	BÙI ĐỨC	HUY	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		6.75	10	8.5	4.1		
362	0104044	022211010465	HOÀNG MINH	HUY	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Hóa		7.75	7.6	8.5	0.9		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
363	0104045	022211005046	VŨ VĂN VIỆT	HUY	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Hóa		7.5	9.2	8.5	3.2		
364	0104046	017311005508	PHAN KHÁNH	HUYỀN	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		7.75	9.4	8.25	2.6		
365	0104047	022211002550	HOÀNG GIA	HƯNG	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	Hóa		8.25	9.8	8.25	7.7		
366	0104048	022211011636	LƯU GIA	HƯNG	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Mường	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	Hóa		5.5	7.6	7.5	5.9		
367	0104049	022211000645	NGUYỄN LÊ KHÁNH	HƯNG	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Hóa		4.75	9.4	7	3.5		
368	0104050	022211007061	NGUYỄN PHÚC	KHANG	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	Hóa		8.5	8.8	8.75	5.4		
369	0104051	022211010090	TRẦN NAM	KHÁNH	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		7.75	10	9.25	6		
370	0104052	022211007601	ĐOÀN HỮU	KHIÊM	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Hóa		7.25	9.4	8.25	1.7		
371	0104053	022211007190	NGUYỄN THÁI	KHOA	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		7.25	9.6	8.75	3.1		
372	0104054	022211007226	VŨ ĐỨC	KHOA	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		8	9.4	6.25	5		
373	0104055	022311010074	BÙI THỊ MINH	KHUÊ	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		8.5	10	9.75	9		
374	0104056	022211013589	NGÔ BẢO	LÂM	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		8	9.4	9	5.2		
375	0104057	030311000254	PHẠM THỊ MAI	LIÊN	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Hóa		8.75	9.2	8.75	5.2		
376	0104058	022311012809	BÙI HÀ	LINH	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	Hóa		7.5	9.8	8	4.3		
377	0104059	022311000522	KHỔNG HÀ	LINH	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		7.5	10	8.5	5.1		
378	0104060	022311000580	LÊ PHƯƠNG	LINH	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Hóa		7.5	9	8.75	2.2		
379	0104061	022311003496	LÊ THUỲ	LINH	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	Hóa		7.75	6.6	7.75	2.9		
380	0104062	022311003837	PHAN BẢO	LINH	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK Academy	Tiếng Anh	Hóa		8.25	9.6	6.75	5		
381	0104063	022311003933	TRỊNH PHƯƠNG	LINH	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Hóa		7.5	9.2	6.5	2.6		
382	0104064	022211005735	NGUYỄN ĐỨC	LONG	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		7	9.8	9	6.5		
383	0104065	022311009450	HOÀNG SƯƠNG	MAI	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		7	9.8	8.75	6.5		
384	0104066	022311007368	PHẠM ĐOÀN TUYẾT	MAI	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		7.5	9.8	6	3.2		
385	0104067	022211008961	BÙI KỲ	MINH	13/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		7.25	9.4	7	4.5		
386	0104068	022211003758	ĐỖ TẤN	MINH	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Hóa		6.25	8.6	8	2.5		
387	0104069	022211011819	LÊ NGUYỄN TUẤN	MINH	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		8	10	9.25	6.3		
388	0104070	022211008573	LÊ QUÝ	MINH	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Hóa		6.58	9.4	9	4.6		
389	0104071	022211007709	NGUYỄN VŨ	MINH	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Hóa	Sinh	8	10	9	8.6	0.25	
390	0104072	022211006643	PHẠM ĐĂNG NHẬT	MINH	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Hóa		7	8.8	7.75	3.5		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
391	0104073	022311003132	HOÀNG KIM	NGÂN	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	Hóa		6.75	5.4	5.25	2.2		
392	0104074	022311000501	LÊ BÍCH	NGỌC	04/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Hóa		6.25	9.8	6.5	3.6		
393	0104075	033311006309	NGUYỄN MINH	NGỌC	19/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		7.25	10	8.25	5.7		
394	0104076	022311006506	TRẦN THỊ THƯ	NGỌC	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Hóa		8.25	9.4	8.25	2.6		
395	0104077	022211011606	NGUYỄN PHÚ KHÔI	NGUYÊN	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		7.75	9.4	8	4.5		
396	0104078	022211000415	VŨ ĐỨC KHÔI	NGUYÊN	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		8	9.6	9	8.1		
397	0104079	022311010555	ĐẶNG LÊ NGỌC	NHI	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Hóa		7	9.8	8.25	6.9		
398	0104080	022311002338	LÊ NGỌC ĐAN	NHI	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Hóa		8	9.2	8	4.1		
399	0104081	022311006896	VŨ TÂM	NHƯ	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		8.25	8.8	8.5	7.4		
400	0104082	022311008841	BẠCH THỊ HÀ	NINH	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	Hóa		7.5	10	8.25	5.2		
401	0104083	022211010834	HÀ TRƯỜNG	PHONG	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	Hóa		7	5.6	6.5	3		
402	0104084	027211012879	LÊ ĐÌNH NAM	PHONG	31/08/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	Hóa		8.5	8.4	7.5	0.5		
403	0104085	034211000398	NGUYỄN THANH	PHONG	18/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Hóa		7.75	9.6	7.25	6.9		
404	0104086	022211012723	TRẦN ĐỨC MINH	PHONG	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		8	9.8	9	2.4		
405	0104087	022211011605	PHẠM GIA	PHÚC	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		6.75	8	8.25	3.8		
406	0104088	022311005195	NGUYỄN THỊ NGỌC	PHƯỢNG	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Hóa		8	9.8	6.75			Chuyên nv1: vắng thi
407	0104089	022211002736	LÊ VĂN	QUANG	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	Hóa		7.5	10	7.5	6.9		
408	0104090	022311011805	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Hóa		6.75	9.6	8	3.8		
409	0104091	022311012093	PHẠM DIỄM	QUỲNH	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Hóa		7.5	8.4	9	3.9		
410	0104092	022211010855	NGÔ BẢO	SƠN	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	Hóa		6	9.2	6	6.2		
411	0104093	022311004344	PHẠM MINH	TÂM	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	Hóa		8	9.4	8	5.4		
412	0104094	031311007957	TĂNG THANH	TÂM	20/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		8	9.2	8.75	6.3		
413	0104095	022211008947	DƯƠNG DUY	THÁI	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		7.25	9.2	8.25	2.5		
414	0104096	022311005138	BÙI PHƯƠNG	THANH	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Hóa		6.75	8.6	8.75	2.8		
415	0104097	022311003038	HOÀNG NGUYỆT	THANH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Hóa		7.5	9	7.75	1.5		
416	0104098	022311006328	ĐOÀN THANH	THẢO	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Hóa		7.75	9	8.25	4.5		
417	0104099	022311003448	VŨ ANH	THƯ	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Hóa		7.25	9	8.5	5.8		
418	0104100	022311007686	NGUYỄN THU	TRANG	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Hóa		7.75	9.2	8.75	4.3		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
419	0104101	022311000214	PHẠM THU	TRANG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Hóa		7.25	7	7.5	1		
420	0104102	022311008592	HOÀNG MINH	TRÂM	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	Hóa		6.25	9.8	7.75	6.2		
421	0104103	022211000641	LÊ TUẤN	TÚ	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	Hóa		6.5	7.6	5.75	2.2		
422	0104104	022211013322	NGUYỄN MINH	TUẤN	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	Hóa		7.75	9.6	9	7.1		
423	0104105	022211004987	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Hóa		6.75	9.4	8.25	6.2		
424	0104106	022211009324	NGUYỄN LÂM	TÙNG	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Hóa		7.5	9.4	8	4.4		
425	0104107	022211013235	LƯƠNG THÀNH	TUYÊN	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Hóa		8	7.6	9	7.1		
426	0104108	022311008008	LÊ KHÁNH	UYÊN	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Hóa		7.5	9	8.25	5		
427	0104109	022311012789	NGUYỄN THỊ KHÁNH	VI	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Hóa		7.25	7.8	8.25	5.2		
428	0104110	022211000074	PHẠM GIA	VŨ	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Hóa		7.25	8.6	7.25	1.6		
429	0104111	036211006407	TRẦN TUẤN	VŨ	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Hóa		7.75	10	8.5	7.6		
430	0104112	022211005713	TRỊNH UY	VŨ	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	Hóa		7.5	9	8	4		
431	0104113	022311013786	BÙI NHẬT	VY	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Hóa		8.5	10	8.75	4.4		
432	0105001	027311008593	NGHIÊM PHẠM KHÁNH	AN	07/12/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Sinh		6.75	9	9	5.25		
433	0105002	022311001528	NGUYỄN THỦY	AN	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh	Ngữ văn	7.75	9.8	8.5	5	4.5	
434	0105003	031311015656	NGÔ DIỆP	ANH	01/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Sinh		7.25	9.8	8.5	2.5		
435	0105004	022311005111	NGUYỄN DƯƠNG CHÂU	ANH	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Sinh		6.75	9.4	7.75	4.25		
436	0105005	022311000457	NGUYỄN HÀ	ANH	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh		5.75	10	8.5	2.25		
437	0105006	038311006683	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	24/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh		7.75	9.2	8.5	5		
438	0105007	022311003651	PHẠM BẢO	ANH	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Sinh		7.25	9.2	7.75	2.25		
439	0105008	022311002269	TRẦN NGUYỄN MINH	ANH	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh		7	8.4	4.25	1.5		
440	0105009	022311005032	VŨ QUỲNH	ANH	03/06/2011	Tỉnh Lào Cai	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Sinh		7	8.2	7.25	5.25		
441	0105010	022211013856	ĐẶNG NGUYỄN GIA	BẢO	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Sinh		7	8.2	9	3.25		
442	0105011	022211001850	LÊ BẢO	CHÂU	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh		7.75	9.8	9	3.75		
443	0105012	022311006238	LÊ KHÁNH	CHI	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Sinh		6.5	8.2	7	1.5		
444	0105013	022311000871	LÊ TRẦN LAN	CHI	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	Sinh		7	7.8	5.75	3.5		
445	0105014	022311013049	NGUYỄN HOÀNG YẾN	CHI	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	Sinh		7.25	6	7.5	5		
446	0105015	022311004091	NGUYỄN LAN	CHI	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Sinh		8.5	8.6	8.75	3		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
447	0105016	022311011750	NGUYỄN LINH	CHI	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh		7	8.6	7.5	1		
448	0105017	031211000351	PHẠM HỮU	CÔNG	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	Sinh		6.5	7.2	7.75	3		
449	0105018	022311003424	BÙI NGUYỄN THIÊN	DI	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	Sinh		7.5	9.4	7	3.5		
450	0105019	022311003579	TRỊNH HOÀN BĂNG	DI	07/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh		6.5	8.2	5.5	0.25		
451	0105020	022311001900	BÙI NGỌC	DIỆP	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Sinh		8.5	10	9	5.75		
452	0105021	022311006747	DƯƠNG NGỌC	DIỆP	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Sinh	Tiếng Anh	7.25	9.8	7.5	5	3.95	
453	0105022	001311005028	HOÀNG TRẦN NGỌC	DIỆP	22/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh		7.25	9.6	7.75	5		
454	0105023	022311004822	NGUYỄN BẢO	DIỆP	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Sinh		8.5	9.8	7.25	4.5		
455	0105024	022311012413	TRẦN PHƯƠNG	DUNG	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Sinh		6.25	6.4	5	1.5		
456	0105025	022211011670	HOÀNG ĐỨC	DŨNG	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh		6.5	8.2	8	2.25		
457	0105026	022311002274	NGUYỄN HỒ LINH	ĐAN	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Sinh		6.25	9.6	7.25	3.5		
458	0105027	022311006107	VŨ LINH	ĐAN	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	Sinh	Hóa	7.25	8.8	9	5.5	3	
459	0105028	036211018274	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	26/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Sinh		7	6.6	7.25	2.75		
460	0105029	022211000847	NGÔ TRUNG	ĐỨC	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Sinh		6.5	9.8	8.25	5.75		
461	0105030	022211008079	NGUYỄN MINH	ĐỨC	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	Sinh		7.5	10	6.5	7		
462	0105031	022211011669	PHẠM HỮU ANH	ĐỨC	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh		6.75	8.6	7.75	3.5		
463	0105032	022211007105	TRẦN MẠNH	ĐỨC	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Sinh		7.25	9.6	8.25	2.75		
464	0105033	022311011770	LÊ NGÂN	GIANG	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Sinh		7.75	9.6	8.75	2		
465	0105034	030311002687	BÙI NGÂN	HÀ	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh		7.5	9.4	6.5	5		
466	0105035	022211001757	NGUYỄN VĂN PHÚ	HẢI	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Sinh		6	5.4	6.25	2.5		
467	0105036	022211004737	TRẦN HOÀNG	HẢI	02/02/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	Sinh		6	9.6	9	3.5		
468	0105037	022311007374	ĐOÀN THỊ THU	HIỀN	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	Sinh		7.25	8.2	6.5	3.25		
469	0105038	022211009514	NGUYỄN MINH	HIẾU	19/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	Sinh		6.75	8.6	6.75	5		
470	0105039	022211001665	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	Sinh		7	8.2	7.5	5		
471	0105040	038211022605	LÊ HỮU QUANG	HUY	10/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Sinh		6	9	7	2.5		
472	0105041	022311001112	ĐÀM THU	HƯƠNG	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh		7.75	6.2	8.25	5		
473	0105042	022311003134	NGUYỄN THIÊN	HƯƠNG	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Sinh		7.25	8	8.75	1.5		
474	0105043	022311001843	TRẦN VÂN	KHÁNH	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	Sinh		7	9.4	9	8.5		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
475	0105044	022211009421	TRỊNH TUẤN	KHOA	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Sinh		7	8.4	5.25	3.75		
476	0105045	022211011449	VŨ ĐỨC	KHOA	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Sinh		5.25	9.4	5	1.5		
477	0105046	022211007429	LÂM TẤN	KHÔI	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	Sinh		7.25	9.8	9	6.5		
478	0105047	022211011668	ĐỖ HOÀNG	KIỆT	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh		7.25	9	7.25	2		
479	0105048	022311005876	ĐỖ VŨ TRÚC	LÂM	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Sinh		7.5	10	9	5		
480	0105049	022311008825	NGUYỄN TUỆ	LÂM	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Sinh		8.25	7	6.75	2.5		
481	0105050	022311007431	LÊ HOÀNG	LINH	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Sinh		6	8	8.25	3.5		
482	0105051	022311011961	LÊ THỊ TRÚC	LINH	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	Sinh		7	7.6	7.75	5.25		
483	0105052	022311005735	NGÔ PHƯƠNG	LINH	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Sinh		7.75	6.2	4.75	5		
484	0105053	022311007084	NGÔ THỊ PHƯƠNG	LINH	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh		8	9.8	9.25	8.75		
485	0105054	022311004842	NGUYỄN KHÁNH	LINH	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Sinh		7.5	8	8.75	6		
486	0105055	022311011742	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	LINH	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Sinh		8	9.4	9.25	6		
487	0105056	022311008530	TRỊNH PHƯƠNG	LINH	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Sinh		5	6.4	4.25	1.75		
488	0105057	022311007533	VŨ HÀ	LINH	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh		8	9.4	8.25	5		
489	0105058	022211003017	VÕ PHƯỚC	LONG	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Sinh		8.25	9.4	5.5	1.75		
490	0105059	022211000606	VŨ HUY HẢI	LONG	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	Sinh		6.5	8.4	3.75	2.5		
491	0105060	022311002682	BÀNG XUÂN	MAI	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	Sinh		6.75	6.2	7.75	3.25		
492	0105061	022311010408	TRẦN PHƯƠNG	MAI	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Sinh		7.5	9.2	8	1.25		
493	0105062	022311010298	TRỊNH NGỌC	MAI	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	Sinh		7.75	9.4	4.5	5		
494	0105063	022211012834	NGUYỄN NHẬT	MINH	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Sinh		7.5	9.8	9.5	0.5		
495	0105064	022211012464	NGUYỄN TUẤN	MINH	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Sinh		6.25	9.6	8	4		
496	0105065	022311005206	VŨ HỒNG	MINH	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	Sinh		8.5	8.4	7.75	6.5		
497	0105066	035311004275	TRẦN HÀ	MY	14/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Sinh		8.5	8.4	7.75	5.25		
498	0105067	022211011715	BÙI TẤN	NAM	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	Sinh		8	9.8	8.75	8.25		
499	0105068	022311002511	NGÔ PHƯƠNG	NGA	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	Sinh		7	8.6	9	5		
500	0105069	022311005474	LƯ BẢO	NGÂN	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	Sinh		7.5	8.2	6.5	1.5		
501	0105070	022311012083	NGUYỄN NHƯ	NGỌC	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	Sinh		8.25	9.4	4.75	5		
502	0105071	031211006059	LÝ HẢI	PHONG	09/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh		6.75	9.8	8.75	5.5		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
503	0105072	022211010473	NGUYỄN BẢO	PHÚC	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	Sinh		7	9.6	8	5.5		
504	0105073	022311010195	NGUYỄN Y	PHỤNG	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Sinh		7.5	9.4	7.75	6.5		
505	0105074	022311001074	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Sinh		7.75	8.6	7.5	4.25		
506	0105075	022311006904	TRẦN VŨ MINH	PHƯƠNG	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Sinh		7.25	9.6	6.75	5		
507	0105076	022211010432	LÂM CHÍ	THÀNH	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	Sinh		6.75	10	8.25	5		
508	0105077	022311007942	PHẠM HƯƠNG	THẢO	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Sinh		7	7.8	8.75	3.5		
509	0105078	022311010850	PHAN TRẦN BẢO	THU	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Sinh		7	8.6	7.75	5		
510	0105079	034311002895	LÊ ANH	THƯ	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	Sinh		5.5	7	5.5	2.5		
511	0105080	022311008271	LÊ ANH	THƯ	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh		8	9.2	8.25	4.25		
512	0105081	022311011825	PHẠM LÊ THANH	TRÀ	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Sinh	Ngữ văn	8.25	9	8.25	3.75	4.5	
513	0105082	022311012546	NGÔ THỊ THẢO	TRANG	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	Sinh		6.5	8	8.25	5.75		
514	0105083	022211002328	TRẦN TUẤN	TÚ	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	Sinh		6.75	6.2	8.5	3.5		
515	0105084	022311000147	VŨ MINH	TUỆ	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Sinh		8	10	8.75	7.25		
516	0105085	022211006016	ĐÀO THANH	TÙNG	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	Sinh		7.25	8.8	8	5.5		
517	0105086	022311003237	LÊ NGÔ HUYỀN	VŨ	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Sinh		7.25	5.6	7.25	1		
518	0105087	022311007421	VŨ THỊ TƯỜNG	VY	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Sinh		7.5	10	8	5		
519	0106001	022311002863	MẠC NGUYỄN LINH	AN	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	7.4	8	4.5		
520	0106002	022311011139	NGUYỄN HỒ QUỲNH	AN	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	9.8	7.25	4.5		
521	0106003	022311002712	VŨ THÙY	AN	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		9	9.2	8.25	4.75		
522	0106004	030311017118	BÙI PHƯƠNG	ANH	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	9	7.5	1.5		
523	0106005	022311013712	DƯƠNG PHƯƠNG	ANH	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	9.8	7.5	4.25		
524	0106006	030311014922	ĐÀO DIỆP	ANH	09/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.5	8.4	8	5		
525	0106007	022311010830	LẠI LÊ KIM	ANH	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.75	8.4	8.5	6		
526	0106008	022311007181	LÊ DƯƠNG CHÂU	ANH	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	7.8	4.5	3.75		
527	0106009	022311011146	LÝ NGỌC	ANH	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	8	5.75	3.75		
528	0106010	022311000795	NGUYỄN DIỆU	ANH	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	Ngữ văn		6.5	7.8	4.75	4.25		
529	0106011	034311015496	NGUYỄN DIỆU	ANH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn	Lịch sử	8.5	8.8	8	1.5	6	
530	0106012	022311011408	NGUYỄN HẢI	ANH	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		6.5	8.8	7	4.25		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
531	0106013	022311007349	NGUYỄN HÀ LIÊN	ANH	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		6.5	8.6	8.25	1.5		
532	0106014	022311005121	NGUYỄN NGỌC	ANH	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Ngữ văn		6.5	8.8	6.25	4.25		
533	0106015	022311012895	NGUYỄN NGỌC	ANH	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	9.6	6.5	5		
534	0106016	022311002288	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	9	8	4.25		
535	0106017	022311008565	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	7	5.5	5.5		
536	0106018	030311000289	PHẠM QUỲNH	ANH	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	9.8	8.25	6.25		
537	0106019	022311001650	PHẠM QUỲNH	ANH	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	9.2	9	5.5		
538	0106020	022311004686	TÔ MINH	ANH	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		6.75	7.8	4	4		
539	0106021	022311011705	TRẦN DIỆP	ANH	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Ngữ văn		6.75	7.2	6.25	3.5		
540	0106022	022311003202	VŨ DIỆU	ANH	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	8.8	8	5.5		
541	0106023	067311004337	LÊ THỊ	ÁNH	09/02/2011	Tỉnh Đắk Lắk	Nữ	Sán Chi	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	5	4.5	3.5		
542	0106024	022311009720	TRẦN NGUYỄN NGUYỆT	ÁNH	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	7.4	7	5		
543	0106025	022311012622	TRIỆU MINH	ÁNH	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	9.6	7.25	3.75		
544	0106026	022211006286	NGUYỄN	BÌNH	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	8.6	5.25	4		
545	0106027	026311005004	ĐÀO THỊ BẢO	CHÂM	17/10/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	9	8.75	4		
546	0106028	022311010655	LÊ BẢO	CHÂU	16/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.5	9.6	6.75	5.25		
547	0106029	022311005126	NGUYỄN BẢO	CHÂU	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	9	6.5	4.25		
548	0106030	022311000356	DƯƠNG QUỲNH	CHI	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.5	10	9	4.25		
549	0106031	022311010985	ĐẶNG LINH	CHI	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn	Địa lý	5.5	7.6	7.25	2.25	2	
550	0106032	022311010658	ĐINH THÙY	CHI	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	8.6	6.75	5		
551	0106033	022311000277	ĐỖ YẾN	CHI	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	8.6	6	4		
552	0106034	022311005239	HOÀNG MỸ	CHI	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	6.8	4.5	5.25		
553	0106035	022311007886	LÊ HUYỀN	CHI	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	8.8	7.5	5.5		
554	0106036	022311008810	NGUYỄN BẢO	CHI	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	5.8	5.5	4.25		
555	0106037	022311006826	NGUYỄN KHÁNH	CHI	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	8.6	7.25	4.5		
556	0106038	022311005410	PHẠM MAI	CHI	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		6.5	8	6.5	4.5		
557	0106039	022311004881	TÔ NGỌC	CHI	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	6.6	8.25	5.5		
558	0106040	022311001945	LƯƠNG NGỌC	CHUYÊN	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	10	8.75	5.25		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
559	0106041	022211000420	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.5	8	8	4.5		
560	0106042	022211011779	PHẠM VIỆT	CƯỜNG	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	6	3.75	5		
561	0106043	022311002901	DƯƠNG THỊ HỒNG	DIỆP	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	9.6	7	5.25		
562	0106044	033311011516	TRẦN THỊ PHƯƠNG	DIỆP	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.5	8.4	7	5.5		
563	0106045	022311013787	VŨ NGỌC	DIỆP	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.75	9.4	8.25	5		
564	0106046	022311006235	LÊ HẠNH	DUNG	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.5	9.6	7.5	5.25		
565	0106047	022211005334	ĐÀM NGỌC	DUY	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	5.8	6.25	4		
566	0106048	022311006877	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	7.8	7.5	5.25		
567	0106049	022311008415	PHẠM THÙY	DƯƠNG	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	9.4	8	4.5		
568	0106050	022311000688	PHẠM NGUYỄN LINH	ĐAN	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	8.6	8	5.5		
569	0106051	022311006333	ĐẶNG HƯƠNG	GIANG	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	Ngữ văn		9	9.4	7.75	4.25		
570	0106052	022311006434	NGUYỄN BÙI HƯƠNG	GIANG	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.75	9.8	7.5	4.5		
571	0106053	022311007244	NGUYỄN THỊ	GIANG	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.75	9.8	8.75	5.25		
572	0106054	022311012327	BÙI NGÂN	HÀ	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	10	8	5.25		
573	0106055	022311006137	HOÀNG THỊ THU	HÀ	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	9	6.75	4.5		
574	0106056	022311008689	NGUYỄN PHƯƠNG	HÀ	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	8.8	7.25	5		
575	0106057	022211014732	NGUYỄN TRUNG	HẢI	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.5	6.2	5.25	4.5		
576	0106058	022311000973	ĐÀM MINH	HẰNG	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.5	9.8	8.75	6		
577	0106059	022311007389	LÊ MAI	HÂN	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.5	10	5.5	5		
578	0106060	022311000514	LÊ NGỌC	HÂN	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	8.8	6	5.75		
579	0106061	022311003342	NGUYỄN NGỌC	HÂN	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	10	9	5.5		
580	0106062	022311004930	TẠ THIỀU GIA	HÂN	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	5.6	8.5	4.25		
581	0106063	022311005018	TRẦN BẢO	HÂN	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	9.4	8	4.25		
582	0106064	022311004867	TRƯƠNG BẢO	HÂN	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	8.6	5.75	4		
583	0106065	022311006052	VŨ BẢO	HÂN	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	9.4	7.25	4.25		
584	0106066	022311010688	ĐÀO THU	HIỀN	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	9.4	7.75	4.5		
585	0106067	022311004572	ĐẶNG THU	HIỀN	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	7.8	4.75	5.75		
586	0106068	022311011800	NGUYỄN PHƯƠNG	HOA	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn	Lịch sử	6.75	9	6.25	4.5	5	

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
587	0106069	022311002300	LƯU THU	HOÀI	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	9.8	4.75	5.5		
588	0106070	022211013813	PHÙNG GIA	HUY	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	9.6	6.25	6.25		
589	0106071	022311008073	NGUYỄN THU	HUYỀN	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	8.6	7.5	5.25		
590	0106072	022211008684	LÊ GIA	HƯNG	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	7.2	7.25	5		
591	0106073	022211005737	NGUYỄN CAO	HƯNG	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.5	9.6	8.25	5		
592	0106074	022311009896	NGÔ QUỲNH	HƯƠNG	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.5	8.6	6.75	5		
593	0106075	022311000043	NGUYỄN TRƯƠNG MAI	HƯƠNG	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	9	7.25	4.5		
594	0106076	001311001513	ĐINH TRẦN HÀ	KHANH	19/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	9.4	7.75	5.5		
595	0106077	022311011888	NGUYỄN NGÂN	KHÁNH	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.5	9.8	6.25	5.25		
596	0106078	022311004026	NGUYỄN NGÂN	KHÁNH	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.75	9.6	7.75	5.25		
597	0106079	022311012580	NGUYỄN VÂN	KHÁNH	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	9.8	9	5.5		
598	0106080	022311001149	BÙI HOÀNG	LAN	06/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.75	9.2	7.75	4.5		
599	0106081	022211003422	PHẠM HOÀNG	LÂM	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	9.8	8.75	5		
600	0106082	022311002556	BIỆN BẢO	LINH	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	9	9	5.25		
601	0106083	022311006603	CHU KHÁNH	LINH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	8.2	5	4.5		
602	0106084	022311011233	ĐÀO PHƯƠNG	LINH	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	9.4	6.75	5.5		
603	0106085	022311011308	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	LINH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	9.4	7.5	6.5		
604	0106086	022311011220	ĐẶNG KHÁNH	LINH	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	8.2	6	4.5		
605	0106087	022311010973	ĐINH NGỌC	LINH	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.75	9.6	7.5	5		
606	0106088	034311002973	ĐỖ THỊ NGỌC	LINH	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	9	7.5	4.5		
607	0106089	022311009529	HOÀNG BẢO	LINH	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.75	9	8	4.25		
608	0106090	022311011073	LÊ HÀ	LINH	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.5	9.8	7	5.5		
609	0106091	022311013797	LÊ NGỌC	LINH	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	9.8	7.75	6		
610	0106092	022311007648	LÊ PHƯƠNG	LINH	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	8.4	5.75	4.5		
611	0106093	022311004345	LƯU DIỆU	LINH	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	9.4	8.5	5		
612	0106094	022311000452	NGUYỄN BẢO	LINH	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	9	8	4.5		
613	0106095	022311001561	NGUYỄN BÙI PHƯƠNG	LINH	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.5	9.4	6	5		
614	0106096	022311002822	NGUYỄN HOÀNG	LINH	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.5	9.8	7	5.25		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
615	0106097	022311006956	NGUYỄN HOÀNG	LINH	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	9.8	8.75	5.25		
616	0106098	022311004694	NGUYỄN KHÁNH	LINH	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Ngữ văn		6.5	9.4	7	5.25		
617	0106099	036311001325	NGUYỄN KHÁNH	LINH	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	9.4	7.5	5		
618	0106100	022311001766	NGUYỄN KHÁNH	LINH	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	9.4	7.75	4.25		
619	0106101	022311001449	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	10	8.25	5.25		
620	0106102	030311016676	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	12/05/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.5	7.4	3.75	5.5		
621	0106103	022311000553	PHẠM BẢO	LINH	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	7	5.25	4		
622	0106104	022311009640	PHẠM GIA	LINH	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.5	9.6	8.25	5.5		
623	0106105	022311005431	PHẠM KHÁNH	LINH	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	8.6	5	5.5		
624	0106106	022311006187	TĂNG VŨ THẢO	LINH	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.5	9.8	8.5	6		
625	0106107	022311008656	TRẦN GIA	LINH	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	9.4	9	5.5		
626	0106108	022311006156	VŨ THỊ NHẬT	LINH	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	8.6	6	5.25		
627	0106109	030311007915	PHẠM HƯƠNG	LY	15/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	8.4	6	4.5		
628	0106110	022311008509	TRỊNH PHƯƠNG	LY	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Ngữ văn		5.75	6.4	4.25	3.75		
629	0106111	034311016302	NGUYỄN BÙI ÁNH	MAI	06/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	10	8.25	4		
630	0106112	022311006117	NGUYỄN TÚ	MAI	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	9.2	7.75	4.75		
631	0106113	022311005684	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	8.8	5.75	3		
632	0106114	022311008693	TRỊNH PHƯƠNG	MAI	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.5	7.8	7.5	5.25		
633	0106115	022211006816	ĐẶNG NHẬT	MINH	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.5	9	6.5	4		
634	0106116	022211013407	NGUYỄN QUANG	MINH	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	9.2	7	6		
635	0106117	022311009090	ĐỖ HÀ	MY	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	9.6	5.75	6		
636	0106118	022311008992	TRẦN HÀ	MY	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	9.2	7	4.5		
637	0106119	022211013773	VŨ BẢO	NAM	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	9.4	9	2.75		
638	0106120	022311005607	BÙI THU	NGA	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	6.8	5.5	4.5		
639	0106121	022311009453	ĐOÀN VIỆT	NGA	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.5	9	7.75	5.5		
640	0106122	022311006339	LÊ PHƯƠNG	NGA	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	7.8	6.5	4		
641	0106123	022311013766	BÙI KIM	NGÂN	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	7.8	6	5		
642	0106124	022311009718	LÝ BẢO	NGÂN	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		6	8.6	6.75	4.5		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
643	0106125	022311006352	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.75	9.8	8.75	6		
644	0106126	030311010761	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	17/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	8.6	7.5	7.25		
645	0106127	022311001448	NGUYỄN THÚY	NGÂN	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.75	9.8	7.5	6.25		
646	0106128	022311006372	DƯƠNG KHÁNH	NGỌC	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.5	8.6	7.25	6.25		
647	0106129	022311003671	HOÀNG BẢO	NGỌC	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	10	8.5	5.25		
648	0106130	022311011190	LA THỊ BÍCH	NGỌC	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	9	6.25	6.25		
649	0106131	022311002285	NGUYỄN BẢO	NGỌC	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	8.2	7.75	4.5		
650	0106132	031211005198	PHẠM VŨ KHÔI	NGUYÊN	08/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	8.4	8.75	5		
651	0106133	022311007031	NGUYỄN PHẠM GIA	NHI	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		6.75	9.4	9	5.75		
652	0106134	022311001094	NGUYỄN THỊ BẢO	NHI	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	9.2	6.5	4.5		
653	0106135	022311001124	PHẠM BẢO	NHI	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	10	4.25	3		
654	0106136	022311008851	CAO THÙY	NINH	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.5	9.6	8	5		
655	0106137	022211009338	ĐOÀN GIA	PHONG	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	9	7.75	4.5		
656	0106138	022311002788	ĐỖ THẢO	PHƯƠNG	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.5	9.2	8.25	5.25		
657	0106139	022311004087	LÊ KỲ	PHƯƠNG	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.5	9.8	9.5	4.25		
658	0106140	022311004352	MAI DIỆU	PHƯƠNG	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	Ngữ văn		6.75	9.8	5.75	4.5		
659	0106141	022311009293	MAI MINH	PHƯƠNG	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	9.6	8	7.25		
660	0106142	022311002312	NGÔ MAI	PHƯƠNG	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	9.8	7.75	6.5		
661	0106143	031311001089	PHẠM HÀ	PHƯƠNG	31/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	9.8	8.75	5.25		
662	0106144	022311009956	PHẠM HÀ	PHƯƠNG	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	7.6	5.5	4.5		
663	0106145	022311005528	PHẠM HÀ	PHƯƠNG	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		6.75	9	7.25	3.5		
664	0106146	022311013792	VŨ MAI	PHƯƠNG	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	9.6	7.5	5.25		
665	0106147	022311003182	ĐẶNG TÚ	QUYÊN	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	9.4	7.5	4.25		
666	0106148	033311002473	PHẠM NHƯ	QUỲNH	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	9.8	4.5	5.25		
667	0106149	022311000666	VŨ PHẠM NHƯ	QUỲNH	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	8	3.75	3.25		
668	0106150	022211000039	DƯƠNG BẢO	SANG	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	9.4	9.25	5.5		
669	0106151	030311014026	BÙI THANH	TÂM	02/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	7.2	7.5	5.5		
670	0106152	022311005844	ĐÀO MAI PHƯƠNG	THẢO	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	9.8	7.75	4.75		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
671	0106153	022311007451	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	9.6	7.5	3.5		
672	0106154	022311012343	VŨ HƯƠNG	THẢO	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	9.4	9	4.25		
673	0106155	022311002009	NGUYỄN LÊ BẢO	THOA	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	8.2	5.75	5.25		
674	0106156	033311010906	ĐỖ MAI	THU	01/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	9.6	7.25	6		
675	0106157	022311008549	LẠI THU	THỦY	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.75	8.4	8.5	5.5		
676	0106158	022311007223	PHẠM THANH	THỦY	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	9	8.25	5.5		
677	0106159	022311009548	ĐỖ PHƯƠNG	THÚY	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	9.8	6.5	4.5		
678	0106160	022310003824	LĂNG ANH	THƯ	10/06/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Ngữ văn		9	9	7.5	5.5		
679	0106161	022311002109	PHẠM ANH	THƯ	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	9.4	6.5	5.5		
680	0106162	022311008359	PHẠM ANH	THƯ	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.5	8.6	7.25	4.5		
681	0106163	022311011001	ĐẶNG THU	TRANG	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	8.6	6.5	5		
682	0106164	022311002431	ĐỖ BẢO	TRANG	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.75	9.2	9	5.25		
683	0106165	022311002272	LÊ BẢO	TRANG	05/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		6.75	9.8	7.75	4.5		
684	0106166	030311012310	NGUYỄN THÁI	TRANG	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	5.6	6.5	4		
685	0106167	030311015305	PHẠM QUỲNH	TRANG	16/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	4.6	4.75	5		
686	0106168	022311007919	PHẠM TRẦN QUỲNH	TRANG	25/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		9.5	9.8	8.75	6.5		
687	0106169	022311002701	TRẦN HUYỀN	TRANG	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Ngữ văn		6.75	7.4	4.75	4.5		
688	0106170	034311000006	VŨ THẢO	TRANG	01/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	9	7	4.5		
689	0106171	022311010944	LÊ BẢO	TRÂM	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.5	9.4	8	4.5		
690	0106172	022311003374	TRẦN NGỌC	TRÂM	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	5.8	5.5	4.25		
691	0106173	022311011620	VŨ NGUYỄN BẢO	TRÂN	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	5	6.75	4.5		
692	0106174	022211009748	MẠC ĐỨC	TÙNG	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	9.6	7.75	1.5		
693	0106175	022311000498	NGHIÊM CÁT	TƯỜNG	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	9.4	6.75	4.25		
694	0106176	022311002621	BÙI THU	UYÊN	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Ngữ văn		8	8.8	7.5	2.25		
695	0106177	022311000364	LẠI PHƯƠNG	UYÊN	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.5	9.6	7	5.25		
696	0106178	022311005897	KHỔNG YẾN	VY	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	8.8	6.5	5.25		
697	0106179	022311012434	LƯU PHƯƠNG	VY	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.75	7.4	8	5.75		
698	0106180	022311006710	NGUYỄN KHÁNH	VY	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Ngữ văn		8.25	9.8	7.75	5.75		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
699	0106181	022311009496	NGUYỄN TƯỜNG	VY	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.5	8.6	5	4.25		
700	0106182	022311013743	QUÁCH KHÁNH	VY	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Ngữ văn		7.25	4	5	4.5		
701	0106183	034311001065	HÀ HẢI	YẾN	20/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Ngữ văn		6.5	7.4	4.5	3.75		
702	0106184	022311003951	VŨ THỊ BẢO	YẾN	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Ngữ văn		7	6.6	6.5	4.5		
703	0107001	022311011460	ĐỒNG THU	AN	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Lịch sử		6.75	9.2	6.5	6		
704	0107002	022311002093	HÀ MINH	ANH	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Lịch sử		8.5	8.4	7.25	6.5		
705	0107003	022311009125	NGUYỄN DIỆP	ANH	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Lịch sử		7	9.6	6	7.5		
706	0107004	022311007425	NGUYỄN QUỲNH	ANH	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Lịch sử		7.5	7	2.5	4.5		
707	0107005	022311008858	PHẠM TRẦN PHƯƠNG	ANH	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Lịch sử		7.5	9	3.75	3.75		
708	0107006	022311008374	PHẠM VÂN	ANH	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Lịch sử		7	7.2	4.25	5		
709	0107007	022311003842	TRẦN THỊ TƯỜNG	ANH	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Lịch sử		7.5	9.2	8.25	6.75		
710	0107008	022311008496	VŨ CHÂU	ANH	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử							Ngữ văn: vắng thi; Toán: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng
711	0107009	022211010733	PHẠM NGỌC	BÁCH	16/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		7	9.8	9	6.75		
712	0107010	022311011547	NGÔ HẢI	BÌNH	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		7.5	9.6	6.75	6		
713	0107011	022211012195	NGUYỄN NGỌC	BÌNH	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Lịch sử		7.75	7.8	8.75	8.5		
714	0107012	022311003270	ĐẶNG KHÁNH	CHI	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	Lịch sử		6.25	6.4	3.5	6.25		
715	0107013	022311004965	NGUYỄN NGỌC	DUNG	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	Lịch sử		7.5	6.8	6.75	5.5		
716	0107014	022211012633	BÙI MINH	ĐỨC	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Lịch sử		7.25	9.6	7.25	6.75		
717	0107015	022211012872	ĐÀO MINH	ĐỨC	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Lịch sử		7.25	9.6	8.25	5.5		
718	0107016	022211001302	ĐOÀN MINH	ĐỨC	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	Lịch sử		6.25	8.8	7	5.25		
719	0107017	022211004287	ĐỖ MINH	ĐỨC	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	Lịch sử		6.5	7.6	5.5	5		
720	0107018	024311014648	NGUYỄN THỊ HÀ	GIANG	18/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Lịch sử		8.25	8.6	6.5	4.5		
721	0107019	022311006588	BÙI YẾN	HÀ	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Lịch sử		7	7.8	3	2.75		
722	0107020	022311005039	ĐẶNG THU	HÀ	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	Lịch sử		7.75	9.6	6.25	6		
723	0107021	022311012999	NGUYỄN MINH	HÀ	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		7.75	10	6.5	7.75		
724	0107022	022311003613	PHÙNG NGỌC	HÀ	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		8	6.6	4	5.25		
725	0107023	022311003521	KHỔNG GIA	HÂN	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	Lịch sử		7.25	6.4	3.75	5		
726	0107024	022311007742	NGÔ TRỊNH GIA	HÂN	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Lịch sử		8	7.8	7	7		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
727	0107025	022311008038	PHẠM BẢO	HÂN	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		6.75	10	7.5	6.25		
728	0107026	022211010274	HỒ GIA	HUY	24/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		5.25	7.6	5.75	4		
729	0107027	022211012795	TRƯƠNG GIA	HUY	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Lịch sử		7.25	7.8	6.5	4.5		
730	0107028	022311008641	LÊ NGÂN	HUYỀN	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Lịch sử		9	9	7.75	6.25		
731	0107029	022211009666	VŨ ĐỨC MINH	KHOA	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		7.75	10	7.75			Chuyên nv1: vắng thi
732	0107030	022211001712	NGUYỄN TRẦN MINH	KHÔI	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Lịch sử		6	8.2	5.25	7		
733	0107031	022211008395	BÙI TRUNG	KIÊN	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	Lịch sử		7	7.6	7	7.25		
734	0107032	022311012313	ĐOÀN PHƯƠNG	LINH	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		6	6	4	3.25		
735	0107033	022311000036	NGUYỄN HÀ	LINH	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		5.5	8.4	7	5.5		
736	0107034	022211012710	KHỔNG TIẾN	LONG	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Lịch sử		5.75	7.6	6.75	3.5		
737	0107035	022311012892	LÊ NGỌC	MAI	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		7.75	9.4	7.25	8.25		
738	0107036	022311001328	NGUYỄN PHƯƠNG	MAI	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Lịch sử		8.25	9	6	5		
739	0107037	001311044800	NGUYỄN TƯỜNG	MAI	14/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Lịch sử		8	9	6.75	5.25		
740	0107038	022311006007	PHẠM HIẾU	MAI	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Lịch sử		8.25	9	7	6.75		
741	0107039	022211009041	ĐOÀN BÌNH	MINH	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		7.75	9.4	6.75	6.25		
742	0107040	022211000534	HOÀNG NHẬT	MINH	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử	Tiếng Anh	6.75	9	8.5	5.25	4.55	
743	0107041	022311010785	TRẦN THÙY	MINH	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	Lịch sử		7.5	9.8	4.5	6		
744	0107042	022211010760	NGUYỄN PHÚ	NAM	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		7	8.8	6.5	7.5		
745	0107043	022211000993	TRẦN BẢO	NAM	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Lịch sử		7	9.4	5.5	5.5		
746	0107044	034311010942	NGUYỄN NGÂN	NGA	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	Lịch sử		7	6.2	6	5.75		
747	0107045	034311002222	ĐẶNG LINH	NGỌC	05/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		8.25	8.6	6.75	7.75		
748	0107046	022311012949	ĐOÀN BẢO	NGỌC	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Lịch sử		7.25	7.8	5	3.75		
749	0107047	022311009844	LÝ KHÁNH	NGỌC	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		7.5	9.4	7.75	6.25		
750	0107048	022311011820	NGUYỄN THỊ THANH	NGỌC	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Lịch sử		8	8.4	5.25	6.25		
751	0107049	022311013100	TRẦN THỊ BÍCH	NGỌC	05/04/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	Lịch sử		7.25	9.2	6.5	6.75		
752	0107050	022211011113	DƯƠNG HÀ	NGUYÊN	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		6	7.6	7	5		
753	0107051	022311010323	VŨ HỒNG	NHUNG	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Lịch sử	Ngữ văn	8.25	9.4	9	8.5	5	
754	0107052	022311000572	CHU HUYỀN	NHƯ	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Lịch sử		7.5	6.6	6.5	5.5		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
755	0107053	022311007388	NGUYỄN PHƯƠNG	OANH	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Lịch sử		7.5	8.8	4.5	5.5		
756	0107054	022211001843	TRẦN GIA	PHÚC	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	Lịch sử		8	9.8	7.75	7.25		
757	0107055	022311008739	ĐỖ HÀ	PHƯƠNG	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	Lịch sử		7	5.8	7.5	6		
758	0107056	022311004837	NGÔ BẢO	PHƯƠNG	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Lịch sử		7	7.6	5.25	5.5		
759	0107057	030311003002	PHẠM HÀ	PHƯƠNG	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Lịch sử		7.5	9.4	9	6.5		
760	0107058	022311000099	PHÙNG QUÝ	PHƯỢNG	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Lịch sử		7	8	4.5	3.5		
761	0107059	022211008045	NGUYỄN MINH	QUANG	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Lịch sử	Tiếng Anh	7.75	8.8	5	4.25	2.45	
762	0107060	022211006411	ĐẶNG HỒNG	QUÂN	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		8	9.6	7	5.5		
763	0107061	022211009864	NGÔ MINH	QUÂN	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		7.5	8.8	7.25	4.5		
764	0107062	022311009789	LẠI BẢO	QUYÊN	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		8	9	6.5	5.75		
765	0107063	022211003964	LÊ MINH	SƠN	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	Lịch sử		6.75	8.6	6.5	4.25		
766	0107064	022211007055	PHẠM ĐỨC	TÀI	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Lịch sử		8.75	7.8	5.5	7.75		
767	0107065	038211020800	NGUYỄN PHONG	THÀNH	15/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Lịch sử		7.25	9.8	7.5	7		
768	0107066	022311003767	NGUYỄN THANH	THẢO	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Lịch sử		7.5	7.8	3.75	4.25		
769	0107067	036211016072	HOÀNG THANH	THIÊN	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Lịch sử		5.75	8.2	5.5	6.75		
770	0107068	022211009306	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊNH	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Lịch sử		7.75	9.8	8.75	6		
771	0107069	022311012590	ĐẶNG ANH	THƯ	03/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Lịch sử		8	8.4	7.5	5		
772	0107070	022311008752	PHÍ ANH	THƯ	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Lịch sử		6.5	5.8	3	8.25		
773	0107071	022311010602	TRỊNH VŨ VIỆT	TRANG	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Lịch sử		8.5	8.8	9.5	6		
774	0107072	022311006461	NGUYỄN BẢO	TRÂN	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Lịch sử		8.5	9.2	6.5	5.25		
775	0107073	022211001126	TRỊNH MINH	TRÍ	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám (Phân hiệu 1)	Tiếng Anh	Lịch sử		8.25	9	8	7.5		
776	0107074	022311000833	HOÀNG TÔ CẨM	TÚ	14/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	Lịch sử		7.25	7.8	5.5	5.25		
777	0107075	022211007171	TRỊNH ANH	TUẤN	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		7.75	10	7.5	6		
778	0107076	022311007135	ĐÀO NGÂN	UYÊN	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	Lịch sử		8	7.6	5	4		
779	0107077	022311010634	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	UYÊN	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Lịch sử		7.25	7.6	6.5	5		
780	0107078	022211008025	PHẠM QUANG	VINH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		7	8.2	5.75	5.5		
781	0107079	022211000849	HOÀNG NGUYÊN	VŨ	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Lịch sử		6.75	10	8	7.75		
782	0108001	022311004452	NGUYỄN NGỌC TÂM	AN	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		8	9.2	8.75	5		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
783	0108002	001311050689	TRẦN NGUYỄN XUÂN	AN	06/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Địa lý		8	9.4	4.5	5		
784	0108003	022311013002	ĐẶNG HÀ	ANH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Địa lý		6	8.6	4	4		
785	0108004	022311000708	ĐỖ LÊ PHƯƠNG	ANH	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Địa lý		7.25	5.8	3.5	3		
786	0108005	022311001405	KIỀU HÀ	ANH	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý							Ngữ văn: vắng thi; Toán: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng
787	0108006	030311016253	NGUYỄN TRÂM	ANH	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Địa lý		7.5	9.4	7.75	5		
788	0108007	022311004915	LƯƠNG NGỌC	CHÂM	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	Địa lý		7.75	6.2	5	6		
789	0108008	022311008972	NGUYỄN QUẾ	CHI	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		7.75	6	7.25	5.5		
790	0108009	022311003531	ĐẶNG NGỌC	DIỆP	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		7.75	6.8	7.5	7.25		
791	0108010	022311001787	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Địa lý		7.75	7.8	5.25	3.25		
792	0108011	001311039678	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆP	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Địa lý		8.25	8	7.25	3.75		
793	0108012	022211005561	ĐINH TIẾN	DŨNG	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Địa lý		7.5	9.4	7.75	4		
794	0108013	022311003226	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		8	8.2	7	7		
795	0108014	022311006685	TRỊNH THÁI	DƯƠNG	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Địa lý		7.25	8.8	7	5.25		
796	0108015	022211001777	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		7	9.2	8.5	5.25		
797	0108016	022311002479	TRẦN LÊ	GIANG	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	Địa lý	Ngữ văn	7.25	7.4	7	5.25	3	
798	0108017	022311008991	ĐẶNG NGÂN	HÀ	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	Địa lý		7	8	5.5	5		
799	0108018	022311012254	NGUYỄN KHÁNH	HÀ	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Địa lý		8	8.2	7.75	7		
800	0108019	042311001815	NGUYỄN GIA	HÂN	21/09/2011	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Địa lý		7.25	9.2	9	5.5		
801	0108020	022311008890	NGUYỄN NGỌC GIA	HÂN	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		6.5	6.2	4.75	1.5		
802	0108021	024211004195	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	14/09/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Địa lý		8	9.2	6.75	6.75		
803	0108022	022311005397	PHẠM KHÁNH	HUYỀN	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		8	9.4	7.25	6.75		
804	0108023	022211011078	NGUYỄN ANH	KHOA	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Địa lý		6.5	7.2	4.5	5.25		
805	0108024	020311000158	NGUYỄN NGỌC	LAM	09/01/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		8.5	9.4	7.75	6		
806	0108025	022211003481	NGUYỄN TÙNG	LÂM	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK Academy	Tiếng Anh	Địa lý	Tiếng Anh	8.75	9.6	8.25	8		Chuyên nv2: vắng thi
807	0108026	022311001935	NGÔ HOÀNG	LINH	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	Địa lý		8	8	6.5	7		
808	0108027	022311001071	NGUYỄN NGỌC	LINH	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Địa lý		7	7.6	5.75	5		
809	0108028	022311002843	PHẠM GIA	LINH	20/07/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Địa lý		7	8.4	6	4.25		
810	0108029	022311000827	PHẠM TRỊNH BẢO	LINH	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	Địa lý		7.25	9.8	7	5		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
811	0108030	022311006598	TRẦN THU	LINH	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Địa lý		8	9.4	6.5	7.5		
812	0108031	022211007770	LÊ THÀNH	LONG	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	Địa lý		7.5	8.6	7	6.25		
813	0108032	035211006915	PHẠM NHẬT	LONG	17/08/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Địa lý		6.5	9.6	8.25	2.5		
814	0108033	022211001070	TRẦN KHÁNH	LUÂN	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Địa lý		7	8.8	8	3.25		
815	0108034	022311011303	PHẠM KHÁNH	LY	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	Địa lý		7	8.4	7.75	4		
816	0108035	022311010874	NGUYỄN HỒNG	MAI	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		7.75	9.4	7.5	6.75		
817	0108036	022311009313	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	MAI	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Địa lý		8.25	10	7.5	6		
818	0108037	022311002160	NGUYỄN NHƯ	MAI	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Địa lý		7.5	8.4	7.75	6		
819	0108038	022311010799	PHAN NGUYỄN NGỌC	MAI	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	Địa lý		6.25	7.4	4.5	3.25		
820	0108039	022211012537	TRẦN ĐỨC	MINH	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		7	7.6	7.5	3.75		
821	0108040	022311003562	NGUYỄN TRÀ	MY	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	Địa lý		8	6.8	7.75	5		
822	0108041	022311000211	ĐOÀN LÊ THANH	NGA	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Địa lý	Ngữ văn	7.25	9.4	6	1.5	4.75	
823	0108042	022311011243	NGUYỄN HOÀNG	NGÂN	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		7.75	9.6	6.75	4.5		
824	0108043	022311005389	TRẦN THẢO	NGÂN	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Địa lý		7.5	9.6	6.25	2.5		
825	0108044	022311006973	LÊ MAI KHÁNH	NGỌC	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Địa lý	Ngữ văn	7.25	7.4	5	3.75	3.75	
826	0108045	022211010533	LƯU DANH	NGỌC	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		8	8.6	7.75	5.75		
827	0108046	022311011921	NGUYỄNTHỊ THANH	NGỌC	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Địa lý		7.75	8.8	6.75	4.5		
828	0108047	022211011006	ĐÀO ĐỨC	NGUYÊN	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		6.75	8.8	7.5	7		
829	0108048	022211010646	NGUYỄN ĐÌNH THIỆN	NHÂN	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		7.75	9	6	7		
830	0108049	022311010376	ĐẶNG PHƯƠNG	NHI	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		7.5	8.8	5.5	6.75		
831	0108050	022311012022	VŨ LƯU THẢO	NHI	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		8.5	9.4	9	5.25		
832	0108051	022311000300	PHẠM TRANG	NHUNG	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Địa lý		8.75	9.8	9	5.5		
833	0108052	036211018836	NGUYỄN NAM	NINH	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	Địa lý		5.5	6	5	4.25		
834	0108053	022311009921	LƯU THỊ PHƯƠNG	OANH	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	Địa lý		7.25	9.4	5.5	7		
835	0108054	001211058068	ĐOÀN NAM	PHONG	18/06/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	Địa lý		5.75	4	6.25	5.25		
836	0108055	022211001173	TRẦN HẢI	PHONG	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		7.75	9.4	8.5	5.5		
837	0108056	022311011218	BÙI THẢO	PHƯƠNG	03/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Địa lý		6.5	8	7.25	7.75		
838	0108057	022311004105	NGUYỄN KHÁNH	PHƯƠNG	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Địa lý		7.75	9.8	6.5	5.5		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
839	0108058	022211013406	NGUYỄN TRỌNG	SÁNG	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Địa lý		7	9.6	7.75	2.25		
840	0108059	022311002221	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Địa lý		7.75	8.2	8	5.25		
841	0108060	033211000038	NGUYỄN DUY	THIÊN	30/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Địa lý		7.5	8	7.75	6		
842	0108061	001211052134	CHU LÊ ĐỨC	THỊNH	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Địa lý		6	9.8	7.25	3		
843	0108062	022311005953	ĐỖ ANH	THƯ	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cô Tô	Tiếng Anh	Địa lý		6.5	6.4	5.25	4.25		
844	0108063	022311012072	LÊ HUYỀN	TRANG	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		5.5	9.8	4.75	4		
845	0108064	022311006572	TRỊNH NGỌC	TRÂM	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Địa lý		8	9.6	8.5	6.75		
846	0108065	022211013258	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Địa lý		6.75	8	6.25	4.25		
847	0108066	022211003207	ĐINH MẠNH	TUẤN	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Địa lý		6.5	8	7.75	4.25		
848	0108067	022211001717	ĐINH HOÀNG	TÙNG	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Địa lý		7.25	9	7.25	3.75		
849	0108068	022211005633	ĐỖ ĐÌNH	TÙNG	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		6	8.6	6.25	6.25		
850	0108069	022211013511	NGUYỄN HÙNG	VĂN	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Địa lý		7.5	9.8	8.75	5.25		
851	0109001	022211004671	BÙI VŨ BẢO	AN	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.6	6.5	5.5		
852	0109002	022311005733	LÊ VŨ TUỆ	AN	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.75	9.8	3.25	4.75		
853	0109003	022311009973	NGUYỄN HOÀI	AN	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.8	8.5	5.4		
854	0109004	022311007240	TRẦN THỊ THÁI	AN	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	9.6	7.25	5.35		
855	0109005	022311002428	BÙI BẢO	ANH	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.25	9.6	5.5	4.3		
856	0109006	022311002264	ĐẶNG HẢI	ANH	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.8	6.75	5		
857	0109007	001311018452	HOÀNG TRÀN DIỆU	ANH	22/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	10	5.5			Chuyên nv1: vắng thi
858	0109008	022311002343	NGUYỄN CHÂU	ANH	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.4	7.25	4.15		
859	0109009	022311013788	NGUYỄN DIỆP	ANH	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.75	9.8	9	5.1		
860	0109010	022211011990	NGUYỄN ĐỨC	ANH	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	10	9	7.75		
861	0109011	022311009272	NGUYỄN HÀ	ANH	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	10	8	5.5		
862	0109012	022311012908	NGUYỄN HOÀI	ANH	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	10	6.75	6.9		
863	0109013	022211007188	NGUYỄN LƯU ĐỨC	ANH	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.25	9.6	7.25	3.9		
864	0109014	022311001882	NGUYỄN PHẠM QUỲNH	ANH	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.5	9.2	4.75	3.85		
865	0109015	022311011004	NGUYỄN QUỲNH	ANH	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	9.8	7	3.75		
866	0109016	022311003082	NGUYỄN TRÂM	ANH	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.6	6.25	4.85		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
867	0109017	024311005827	PHẠM DƯƠNG NGỌC	ANH	30/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ	Dao	TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.2	6.25	3.15		
868	0109018	022311003137	PHẠM NGỌC	ANH	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.8	7.5	6.6		
869	0109019	022311007650	PHẠM PHƯƠNG	ANH	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK Academy	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	9.6	5.5	4.75		
870	0109020	001311057960	PHẠM QUỲNH DƯƠNG	ANH	07/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.5	9.8	7.75	6.35		
871	0109021	022311001159	HOÀNG NGUYỆT	ÁNH	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.4	6.5	7.45		
872	0109022	022311005778	TẠ MINH	ÁNH	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	10	7.75	6.95		
873	0109023	022211004984	PHẠM HOÀNG	BÁCH	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.6	5.25	6		
874	0109024	040211004523	ĐINH GIA	BẢO	05/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.75	10	6.5	3.45		
875	0109025	022211000747	NGUYỄN DOÃN GIA	BẢO	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.8	6.75	4.95		
876	0109026	022211000354	NGUYỄN GIA	BẢO	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.5	9.8	8	6.9		
877	0109027	022211005741	NGUYỄN QUỐC	BẢO	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.4	9	4.85		
878	0109028	022211009943	TẠ HUY	BẢO	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	9.8	7.5	6.5		
879	0109029	022211009045	NGUYỄN DUY	BẰNG	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	10	7.75	6.1		
880	0109030	022311000566	NGUYỄN NGỌC	BÍCH	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.8	9	6		
881	0109031	022311004333	ĐẶNG MỸ	BÌNH	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	10	6.5	5.3		
882	0109032	022311012674	LÊ THỊ	BÌNH	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	10	8.25	4.65		
883	0109033	022311001303	NGUYỄN AN	BÌNH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.75	9.6	7.25	5.4		
884	0109034	022311012350	ĐINH THÙY	CHI	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.25	10	9	4.7		
885	0109035	022311010961	ĐỖ KHÁNH	CHI	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.75	9.2	6.25	5.9		
886	0109036	022311008466	HOÀNG TÙNG	CHI	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	9.6	7.75	3.9		
887	0109037	022311012567	NGUYỄN HÀ KHÁNH	CHI	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	10	9	5.6		
888	0109038	022311000034	TRẦN MAI	CHI	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.25	9.2	6	5.05		
889	0109039	022311012974	TRỊNH QUỲNH	CHI	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6	9.2	5	3.1		
890	0109040	022311012798	VƯƠNG NGUYỄN LINH	CHI	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	10	7.25	5.65		
891	0109041	034211008603	LÊ VIỆT	CƯỜNG	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	10	8	6.35		
892	0109042	022211004603	NGUYỄN NAM	CƯỜNG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.25	10	9	7.8		
893	0109043	022311000484	ĐẶNG NGỌC	DIỆP	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.8	7.75	3		
894	0109044	022311010938	HOÀNG LÊ NGỌC	DIỆP	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		9	9.8	8.75	4.65		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
895	0109045	022311008097	LÊ HÀ BÁCH	DIỆP	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.6	7.75	4.45		
896	0109046	022311011027	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.75	10	9.5	7.9		
897	0109047	022311008767	NGÔ NGHI	DUNG	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.25	9.2	7	5.6		
898	0109048	031211015549	ĐỒNG THANH	DŨNG	15/09/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	10	9	6.35		
899	0109049	022211004982	TRỊNH TUẤN	DŨNG	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.5	9.4	8.5	6.9		
900	0109050	022311001976	CHU THÙY	DƯƠNG	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	10	9	6.9		
901	0109051	022211006925	HÀ TÙNG	DƯƠNG	16/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	9.6	5.5	4.15		
902	0109052	022311001508	HOÀNG THÙY	DƯƠNG	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9	8	5.1		
903	0109053	022211008724	LÊ ĐỨC	DƯƠNG	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.6	7.5	6.25		
904	0109054	022211004036	NGUYỄN NAM	DƯƠNG	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.25	9	6	4.9		
905	0109055	022211008237	NÔNG ĐỨC	DƯƠNG	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.2	8	3.35		
906	0109056	022311008984	TRẦN THÙY	DƯƠNG	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6	9.6	7	4.1		
907	0109057	022311000420	ĐINH PHẠM LINH	ĐAN	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	10	8.25	6.9		
908	0109058	022211007328	HOÀNG QUỐC	ĐẠT	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	10	7.5	4.2		
909	0109059	022211004344	PHẠM VŨ GIA	ĐẠT	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.8	8.25	7.7		
910	0109060	022211009213	TRẦN THÀNH	ĐẠT	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	Tiếng Anh		5	9.8	5.5	4.75		
911	0109061	022211013401	PHẠM HẢI	ĐĂNG	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6	9.8	7.75	8.35		
912	0109062	022211007878	TRẦN HẢI	ĐĂNG	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.6	7.5	5.4		
913	0109063	022211007972	TRẦN	ĐÔNG	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.8	8.75	6.1		
914	0109064	022211003137	ĐẶNG MINH	ĐỨC	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Anh		4.5	9.8	6.75	3.9		
915	0109065	022211003530	HOÀNG MINH	ĐỨC	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.5	7.4	5.25	2.25		
916	0109066	022211001313	NGUYỄN MINH	ĐỨC	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		5	9.2	7.25	4		
917	0109067	022211014860	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	ĐỨC	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Tiếng Anh		5.25	9.4	7.25	3.9		
918	0109068	022211007979	PHẠM MINH	ĐỨC	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.4	8.25	2.05		
919	0109069	022311005313	ĐƯỜNG HƯƠNG	GIANG	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.2	5.5	3.15		
920	0109070	034311016361	NGUYỄN TRẦN HƯƠNG	GIANG	20/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.8	6.75	3.55		
921	0109071	022211002477	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.8	6.25	5.85		
922	0109072	022311000435	BÙI VÂN	HÀ	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.25	9.8	7.75	5.8		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
923	0109073	001311060364	ĐẶNG NGÂN	HÀ	11/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	10	8.25	5.25		
924	0109074	022311002916	ĐỖ NGỌC	HÀ	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.25	8.8	6.75	3		
925	0109075	022311007737	ĐỖ NHẬT	HÀ	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9	6.75	5.2		
926	0109076	038311016018	LÊ NGỌC	HÀ	20/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	9.6	7	5.75		
927	0109077	022311010450	NGHIÊM NGỌC	HÀ	21/02/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.5	10	8.5	8.6		
928	0109078	001311060051	NGUYỄN LÊ	HÀ	02/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.5	9.6	8.75	7.25		
929	0109079	022311010627	NGUYỄN NGÂN	HÀ	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	9.4	8.5	5.55		
930	0109080	022311001040	NGUYỄN NGỌC	HÀ	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.25	9.4	6.75	7.25		
931	0109081	022311012777	NGUYỄN THÁI NGỌC	HÀ	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.5	9	7.5	4.35		
932	0109082	022311011375	PHẠM THÁI	HÀ	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Lịch sử	7	9.8	6.75	4.8	4.25	
933	0109083	022311010293	VI CHU HẢI	HÀ	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	9.6	7.5	4.85		
934	0109084	022311005947	VŨ VIỆT	HÀ	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.75	10	8.25	4.75		
935	0109085	022211007485	NGUYỄN THANH	HẢI	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.8	8.5	5.2		
936	0109086	022311010998	NGUYỄN THỊ THANH	HẢI	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.8	7	6		
937	0109087	022211007415	PHẠM HOÀNG	HẢI	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.2	7.5	2.9		
938	0109088	022311008885	NGUYỄN THỊ MINH	HẠNH	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	10	8.25	7.4		
939	0109089	022311002145	ĐỒNG GIA	HÂN	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.6	7	4.9		
940	0109090	022311007785	PHẠM GIA	HÂN	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		9	9.8	8.75	7.8		
941	0109091	022311013999	TẠ BẢO NHÃ	HÂN	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.6	6	7.25		
942	0109092	022211006090	NGÔ NGUYỄN	HIỂN	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.5	9.2	7.25	5.2		
943	0109093	022211011080	CHU MINH	HIẾU	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.4	5	2		
944	0109094	022211008236	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.8	9.25	7.1		
945	0109095	022211002283	PHẠM THANH	HIẾU	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.8	8.75	7.15		
946	0109096	022311004246	PHẠM MAI	HOA	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	10	6.25	7.3		
947	0109097	022311012906	PHẠM VŨ THUÝ	HỒNG	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.6	6.25	4.2		
948	0109098	022211002448	NGUYỄN ĐỨC	HUY	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6	8.6	5.5	3.4		
949	0109099	022211003300	NGUYỄN QUANG	HUY	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.8	7.75	5.15		
950	0109100	033211000079	NGUYỄN VŨ QUANG	HUY	02/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.25	10	8.25	7.6		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
951	0109101	022211011116	TRẦN NGÔ QUANG	HUY	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.6	6.25	2.3		
952	0109102	014311000566	LƯU NGUYỄN MINH	HUYỀN	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		Trường Trung Học Cơ Sở Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.5	9.6	4.5	6.5		
953	0109103	022311007391	PHẠM THANH	HUYỀN	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.5	10	7.75	3.3		
954	0109104	022311012218	TRẦN KHÁNH	HUYỀN	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.4	8	3.4		
955	0109105	022311005472	TRƯƠNG KHÁNH	HUYỀN	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.75	8.6	8.25	3.7		
956	0109106	022211014686	DƯƠNG ĐÌNH	HƯNG	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.6	6.75	6.6		
957	0109107	022211003395	ĐÀM PHÚC	HƯNG	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.25	9.6	8.75	2.15		
958	0109108	022211016868	NGUYỄN DUY	HƯNG	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	10	8.75	8.15		
959	0109109	022211000025	NGUYỄN NGỌC	HƯNG	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Anh		5.5	9.4	6	4		
960	0109110	022211008904	NGUYỄN QUANG	HƯNG	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.25	10	7.25	5.9		
961	0109111	022211009519	PHẠM GIA	HƯNG	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6	9.8	9	6		
962	0109112	022211003544	TRỊNH QUỐC	HƯNG	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.75	9.8	7.75	2.65		
963	0109113	022311011221	BÙI NGỌC	KHÁNH	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	10	8.5	6		
964	0109114	022211007918	NGUYỄN NAM	KHÁNH	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.6	9	2.35		
965	0109115	022211000499	NGUYỄN NAM	KHÁNH	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	7	7.8	8.5	4.3	5.9	
966	0109116	022311009818	NGUYỄN VÂN	KHÁNH	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	10	8	5		
967	0109117	022211006865	PHẠM AN	KHÁNH	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.6	8.25	4.2		
968	0109118	022211000603	VŨ HỒNG GIA	KHÁNH	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.8	7.75	3.35		
969	0109119	001211045474	BÙI DANH	KHOA	02/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.25	10	4.75	2.2		
970	0109120	022211012048	BÙI TIẾN	KHOA	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tin	6.5	10	8.25	5.4	6	
971	0109121	022211012164	ĐOÀN MINH	KHÔI	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	10	8.25	7.8		
972	0109122	022211000724	HOÀNG TRỌNG	KHÔI	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.75	9.4	6	4.1		
973	0109123	022211012846	NGUYỄN DUY	KIÊN	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6	10	6	4.8		
974	0109124	022211002983	NGUYỄN ĐỨC	KIÊN	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.25	9.6	9	6.1		
975	0109125	022211010920	PHẠM TRUNG	KIÊN	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	10	8	5		
976	0109126	022211009811	LÊ TUẤN	KIỆT	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	10	7.75	6.8		
977	0109127	022211014694	NGUYỄN PHÚC	LAI	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tin	7	10	7.75	1.4	1.95	
978	0109128	022311003855	PHẠM MỸ	LAN	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	8.8	8	3.35		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
979	0109129	030311017742	PHẠM NGỌC	LAN	20/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.6	7.75	4.95		
980	0109130	022311002403	NGUYỄN LÊ TUỆ	LÂM	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	10	7.75	7.15		
981	0109131	022211001634	NGUYỄN MINH	LÂM	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.8	9	5.6		
982	0109132	022311004292	CAO THỊ TRÚC	LINH	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.5	9.8	9	5.1		
983	0109133	022311005673	ĐÀO KHÁNH	LINH	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.6	7.75	7.35		
984	0109134	022311010217	HOÀNG NGỌC	LINH	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.4	8	2.7		
985	0109135	022311001660	LÃNH THẾ GIA	LINH	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.5	9.2	4.25	6.6		
986	0109136	024311001883	NGUYỄN DẠ THẢO	LINH	08/10/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	10	7.5	6.4		
987	0109137	037311003624	NGUYỄN HÀ	LINH	21/02/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.6	7.5	6		
988	0109138	022311003582	NGUYỄN HOÀNG	LINH	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.4	7.25	2.4		
989	0109139	022311005635	PHẠM VŨ BẢO	LINH	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Tiếng Anh		9	9.8	9	2.6		
990	0109140	022311000531	PHƯƠNG VŨ NGỌC	LINH	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.4	7.5	6.7		
991	0109141	022311002334	QUÁCH PHƯƠNG	LINH	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.25	9.6	8	6		
992	0109142	022311010337	TỪ HÀ	LINH	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.5	9.8	7	4.1		
993	0109143	022211004250	ĐÀO VIỆT HẢI	LONG	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.75	9.6	5.5	5		
994	0109144	022211009386	ĐỖ GIA BẢO	LONG	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6	9.4	4.5	3.45		
995	0109145	022211000523	NGUYỄN THÀNH	LONG	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6	10	7	5.35		
996	0109146	022311012182	LÊ QUỲNH	LY	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	10	8.25	5.35		
997	0109147	022311013780	ĐINH TUYẾT	MAI	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.75	9.6	5.25	3.55		
998	0109148	079311002710	NGUYỄN TRẦN NHẬT	MAI	25/04/2011	Thành phố Hồ Chí Min	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6	9	6.5	4.8		
999	0109149	022311004904	TRẦN CHI	MAI	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.25	9.8	6.75	5.85		
1000	0109150	174311000054	KIM SU	MI	04/07/2011	Nước ngoài	Nữ	Người nước ngoài	THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	9.6	7.5	3.8		
1001	0109151	022311010109	CAO NGỌC	MINH	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	10	8	4.25		
1002	0109152	022211010138	LÊ HUY	MINH	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.25	10	9	3.45		
1003	0109153	001311056624	LÊ NGỌC	MINH	07/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.25	9.8	7	6.85		
1004	0109154	034211004895	NGÔ HOÀNG	MINH	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.6	7.75	3.85		
1005	0109155	022211010634	NGÔ TUẤN	MINH	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.75	9.6	6.25	6.9		
1006	0109156	022211002870	NGUYỄN DƯƠNG BẢO	MINH	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.75	9.8	9	7.7		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
1007	0109157	022211006863	NGUYỄN DƯƠNG	MINH	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.4	8.5	3.55		
1008	0109158	022211003642	NGUYỄN ĐỨC	MINH	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	10	9	4.9		
1009	0109159	022211002796	PHẠM QUANG	MINH	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.8	9	7.6		
1010	0109160	022211001320	PHAN BÌNH	MINH	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	10	8	4.35		
1011	0109161	022211013135	TẠ ĐỨC	MINH	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.6	10	5.9		
1012	0109162	022211014738	TRẦN NHẬT	MINH	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.4	7.5	4.15		
1013	0109163	022211000728	TRẦN TẤN	MINH	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.6	9	3.7		
1014	0109164	022211003820	VŨ HẢI	MINH	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.8	9	7.1		
1015	0109165	022311000857	ĐOÀN LƯU TRÀ	MY	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.25	9.2	8.75	5.65		
1016	0109166	022311008675	VĂN NGỌC HẢI	MY	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.8	6.75	4.2		
1017	0109167	022311001460	VŨ HUYỀN THẢO	MY	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.8	7.5	6.55		
1018	0109168	030211005098	PHẠM BẢO	NAM	15/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.8	6.25	7.1		
1019	0109169	022211001243	PHẠM HOÀNG	NAM	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	10	8	7.15		
1020	0109170	022311006398	NGUYỄN LINH	NGA	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	10	7	6.8		
1021	0109171	022311005492	NGUYỄN BẢO	NGÂN	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Anh		5.75	9.6	5.25	5.35		
1022	0109172	022311012446	NGUYỄN HÀ	NGÂN	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.8	8.25	8.1		
1023	0109173	030311010360	NGUYỄN HỒNG	NGÂN	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	10	8.25	4.1		
1024	0109174	022311004310	PHẠM THỊ BẢO	NGÂN	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.25	10	9	6.3		
1025	0109175	036311008889	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	07/10/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	7.6	8.25	2.3		
1026	0109176	022211013711	TRẦN QUANG	NGHĨA	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9	8.5	4.5		
1027	0109177	022311000537	BÙI MINH	NGỌC	18/09/2011	Nước ngoài	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.6	5.5	3.8		
1028	0109178	022311000154	DƯƠNG YẾN	NGỌC	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.8	7.75	5.65		
1029	0109179	022311011474	HOÀNG MINH	NGỌC	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	10	6.5	6.75		
1030	0109180	022311004600	LÊ MINH	NGỌC	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	10	8	6.55		
1031	0109181	022311003643	NGUYỄN BẢO	NGỌC	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.6	6.25	3.15		
1032	0109182	022211010892	NGUYỄN AN NHẬT	NGUYÊN	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		Liên cấp Quốc tế Singapore	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.8	7.75	7.85		
1033	0109183	022211004066	NGUYỄN VŨ	NGUYÊN	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.4	8.5	5.9		
1034	0109184	022311007817	TẠY HÀ	NGUYÊN	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Lịch sử	5.25	9.2	7.25	5.35	5	

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
1035	0109185	022211002596	NGUYỄN DUY	NHÂN	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.6	7	5		
1036	0109186	022311012835	VŨ NGÔ NGỌC	NHI	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		5.5	9.6	7	2.75		
1037	0109187	022311001245	LÊ HỒNG	NHUNG	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	10	7.75	4.65		
1038	0109188	022311002465	LƯU VŨ	NHƯ	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.6	8.75	8		
1039	0109189	022211003828	NHÂM HẢI	PHONG	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	10	7	4.1		
1040	0109190	022211009377	PHẠM HẢI	PHONG	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.25	9.6	8	2.7		
1041	0109191	022211002003	PHẠM NAM	PHONG	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.6	5.5	4.95		
1042	0109192	022211007627	LÊ GIA	PHÚ	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.8	7	5.05		
1043	0109193	036211000493	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.5	9.6	7.25	5		
1044	0109194	022211008652	NGUYỄN HỮU	PHÚC	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.75	9.8	6.75	7.3		
1045	0109195	022211000557	NGUYỄN TRƯỜNG	PHÚC	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.4	7	6.5		
1046	0109196	022311009477	ĐÀM LÊ DIỆP	PHƯƠNG	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.8	8	6		
1047	0109197	022311011739	ĐOÀN MAI	PHƯƠNG	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	10	9	8		
1048	0109198	022311004527	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.6	8	6.55		
1049	0109199	022311006770	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.75	9.8	7.5	4.6		
1050	0109200	022311007946	NGUYỄN MỸ	PHƯƠNG	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.5	10	8	5.55		
1051	0109201	022211001149	PHẠM HIẾU ANH	QUÂN	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	8.8	7.25	2.75		
1052	0109202	022311006523	ĐỖ NGỌC	SAN	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.4	5.5	2.8		
1053	0109203	022211008426	NGUYỄN PHÚC	SANG	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	10	7	4.7		
1054	0109204	035211004254	HOÀNG THÁI	SƠN	20/02/2011	Thành phố Hồ Chí Min	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	10	7	4.75		
1055	0109205	034211009614	LÊ MINH	SƠN	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.6	8.75	4.85		
1056	0109206	022211003863	NGÔ VŨ THÁI	SƠN	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Địa lý	7.25	10	5.5	1.5		Chuyên nv2: vắng thi
1057	0109207	022211009254	PHẠM THÁI	SƠN	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.4	9	4.1		
1058	0109208	022211005852	VŨ ĐỨC THIỆN	TÂM	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.8	7.75	7.35		
1059	0109209	022311013776	ĐỖ ĐAN	THANH	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.4	8	5.65		
1060	0109210	022211011969	VŨ	THANH	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.6	8	3.35		
1061	0109211	022211013848	NGHIÊM CÔNG	THÀNH	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.25	9.4	9	6.2		
1062	0109212	022311010099	NGUYỄN MAI NGÂN	THẢO	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	10	7.5	7.5		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
1063	0109213	027311010007	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	05/03/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tiếng Anh		9.25	9.8	8.5	5		
1064	0109214	022311002616	TRƯƠNG THU	THẢO	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	10	8	5.4		
1065	0109215	022311006164	VŨ THỊ NGỌC	THẢO	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hoành Mô	Tiếng Anh	Tiếng Anh		5.75	10	7.75	5.1		
1066	0109216	022211001604	VŨ HOÀNG	THIÊM	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Anh		5.5	9.2	5.75	6		
1067	0109217	022211006575	NGUYỄN NGỌC	THIỆN	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.8	8.5	5		
1068	0109218	022211012446	TẠ QUANG	THỊNH	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.25	9.4	4.5	3.7		
1069	0109219	022311008210	TRẦN THU	THỦY	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	9.8	7.75	6.35		
1070	0109220	022311013736	VŨ THU	THỦY	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.5	9.2	5.75	3.35		
1071	0109221	022311008817	NGUYỄN ANH	THƯ	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.8	9.25	7.35		
1072	0109222	022311002809	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.5	10	7.5	4.75		
1073	0109223	022311012912	NGUYỄN NGỌC	THƯ	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Trung	7.75	9.2	8.5	7.05	5	
1074	0109224	022311001532	TỪ MINH	THƯ	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.8	9.25	5.15		
1075	0109225	022311006342	VŨ NGỌC CẨM	THƯ	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.75	9.8	9	4.85		
1076	0109226	022311006681	HOÀNG THỊ HUYỀN	THƯƠNG	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Tiếng Anh		5.75	8.6	5.5	1.75		
1077	0109227	022311005353	PHẠM THỦY	TIÊN	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.8	6	4.9		
1078	0109228	022211007079	ĐỒNG NHẬT	TIỀN	31/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	10	6	6.7		
1079	0109229	022211009223	LÊ PHÚC	TÍN	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.5	10	9.25	7.8		
1080	0109230	022211001487	HOÀNG ĐỨC	TOÀN	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	Tiếng Anh		5.25	9.6	8.5	8.1		
1081	0109231	022211011774	NGÔ KHÁNH	TOÀN	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.5	10	7.5	6.1		
1082	0109232	022311001314	PHẠM THANH	TRÀ	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.25	9	8	4.35		
1083	0109233	001311060198	HOÀNG QUỲNH	TRANG	14/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.5	9.6	7.25	6.1		
1084	0109234	022311010965	KHIẾU MAI	TRANG	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.8	8	7		
1085	0109235	022311011069	NGÔ MINH	TRANG	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.75	9.8	7.75	6.3		
1086	0109236	022311011924	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Trung	8	10	9	7.5	1.5	
1087	0109237	022311012013	CAO LÊ PHƯƠNG	TRINH	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8.25	9.8	6.5	4.6		
1088	0109238	022211008471	LÊ ĐỨC	TRỌNG	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.6	4.5	2.9		
1089	0109239	022311009115	HOÀNG THANH	TRÚC	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Trung	8.25	9.6	8.25	6.7	6.7	
1090	0109240	022311006348	AN THANH	TÚ	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.6	6.5	4.7		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
1091	0109241	022311004910	CÙ NGỌC	TÚ	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.5	10	5.75	7.5		
1092	0109242	022211011436	NGUYỄN TRỌNG	TUÂN	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.75	9.8	7.25	4.95		
1093	0109243	022211001381	ĐẶNG MINH	TUẤN	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK Academy	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.4	7	6.2		
1094	0109244	022211009317	NGUYỄN ĐỨC	TUẤN	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	Tiếng Anh		4.75	9.2	6.5	3		
1095	0109245	022211001050	NGUYỄN TRÍ	TUỆ	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	6.5	9.6	6.75	5	3.7	
1096	0109246	022211006313	BÙI KHÁNH	TÙNG	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.6	5.5	6		
1097	0109247	022211013368	NGUYỄN SINH	TÙNG	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		8	9.6	9	2.2		
1098	0109248	022211004808	NGUYỄN MẠNH	TƯỜNG	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	9.4	8.25	5.5		
1099	0109249	022211006736	TÔ CHẤN	UY	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.8	8.5	5.3		
1100	0109250	022311001333	LÊ PHƯƠNG THU	UYÊN	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	9.8	3.5	5.1		
1101	0109251	022311006778	NGUYỄN NGỌC	UYÊN	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7	10	8.5	3.3		
1102	0109252	022311007568	NGUYỄN THU	UYÊN	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.75	10	7.25	6.9		
1103	0109253	022311002438	PHẠM NGỌC MINH	UYÊN	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.5	9.6	8.75	6.7		
1104	0109254	022311005884	PHẠM PHƯƠNG	UYÊN	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.75	9.6	8	3.9		
1105	0109255	022311006277	TRẦN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.8	9	5.85		
1106	0109256	022311005463	LƯU KHÁNH	VI	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.8	7.25	5.6		
1107	0109257	022211001987	LÊ GIA	VIỆT	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.25	9.6	7.5	5.75		
1108	0109258	022211000921	NGUYỄN QUANG	VINH	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.5	9.2	6.25	6.2		
1109	0109259	030211000953	PHẠM QUANG	VINH	05/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.75	9.4	8.25	5		
1110	0109260	022211012426	PHẠM MINH	VŨ	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tiếng Anh		6.75	9.8	6.25	7.5		
1111	0109261	022311003931	NGUYỄN HÀ	VY	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.5	9.6	6.5	4.5		
1112	0109262	022311003584	NGUYỄN HÀ	VY	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Anh		7.25	9.8	5	5.3		
1113	0110001	022211007241	NGÔ BÁ	AN	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Tiếng Anh	6.75	10	8.75	7.1	3.6	
1114	0110002	022311008335	HÀ VŨ KIỀU	ANH	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.5	9.2	5.75	4.7		
1115	0110003	022211002330	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	ANH	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.75	9.8	8.75	6.6		
1116	0110004	022311008322	NGUYỄN MAI	ANH	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	Tiếng Trung		6.5	9.2	7.5	2.5		
1117	0110005	022311005813	NGUYỄN NGỌC CHÂU	ANH	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.75	8.4	6.25	5.8		
1118	0110006	022311007593	TẠ NGỌC QUỲNH	ANH	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK Academy	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Ngữ văn	6.75	9.4	6.5	8.2	4.5	

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
1119	0110007	031311010845	TRẦN CHÂU	ANH	03/04/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	Tiếng Trung		7	9.4	5.75	4.5		
1120	0110008	022311011028	TRẦN PHẠM PHƯƠNG	ANH	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.75	8.4	6	4		
1121	0110009	022311009725	TỪ HOÀNG QUỲNH	ANH	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.5	9.2	6.75	6.3		
1122	0110010	022311005870	VŨ LÊ QUỲNH	ANH	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7	9.2	8	5.9		
1123	0110011	022311012428	VŨ TRẦN THỤC	ANH	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Trung		8	5.2	7.75	3.4		
1124	0110012	022311005987	ĐINH NGỌC	ÁNH	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Trung	Tiếng Trung		6	6.2	8.5	2.2		
1125	0110013	022211003023	VƯƠNG GIA	BẢO	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.25	7.8	7.75	1.4		
1126	0110014	022311008177	LÂM BẢO	BÌNH	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	Tiếng Trung		7.25	9.8	6	7.9		
1127	0110015	025311000557	HÀ THỦY	CHI	08/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.25	8.4	7.75	6		
1128	0110016	022311013714	HOÀNG NGỌC HÀ	CHI	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7	9.2	7.5	4.3		
1129	0110017	022311006268	LÊ TRẦN HÀ	CHI	01/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Ngữ văn	7.25	9.8	7.75	6.6		Chuyên nv2: vắng thi
1130	0110018	022311008217	NGÔ PHƯƠNG	CHI	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7	6	4.5	4.5		
1131	0110019	022211006651	TRẦN QUANG	DŨNG	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Trung	Tiếng Trung		5	8.3	5.75	6.5		
1132	0110020	022311008703	NGUYỄN TRẦN MỸ	DUYÊN	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Trung		5	9.8	6	1.4		
1133	0110021	034311000790	LAU TRIỆU	DƯƠNG	05/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	Tiếng Trung		6.25	9	7.5	8.6		
1134	0110022	022311003820	LÊ HỒNG ÁNH	DƯƠNG	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Trung		8.25	9.6	8.75	3		
1135	0110023	022311007406	NGÔ THÙY	DƯƠNG	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7	9	5.25	3.3		
1136	0110024	022311011155	LÊ NGỌC	ĐAN	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Tiếng Trung		8	9.4	6.75	2		
1137	0110025	022211000426	NGUYỄN TUẤN	ĐẠT	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.75	8.2	4.5	2.3		
1138	0110026	022311006596	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	03/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.25	9.2	6.25	7.5		
1139	0110027	022311007895	TÔ HƯƠNG	GIANG	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7	7.2	7.25	2		
1140	0110028	022311007015	TRẦN HƯƠNG	GIANG	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.25	9	5.25	7		
1141	0110029	022311009031	HOÀNG THU	HÀ	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.75	9.4	8.5	7.8		
1142	0110030	022311010970	NGUYỄN BẢO	HÀ	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.75	9.6	7.75	6.9		
1143	0110031	022311004922	NGUYỄN KHÁNH	HÀ	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.25	8.8	6.5	4.5		
1144	0110032	022311007751	NGUYỄN VÂN	HÀ	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.25	5.6	4.25	0.9		
1145	0110033	034311004944	TRẦN PHAN NHƯ	HÀ	16/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.5	7.2	5.75	5		
1146	0110034	022311003867	NGUYỄN MINH	HẰNG	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.25	8	4.75	3.6		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
1147	0110035	022311002120	NGUYỄN HOÀNG BẢO	HÂN	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		8	9.6	8.25	6.7		
1148	0110036	022311000583	PHẠM GIA	HÂN	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Trung	Tiếng Trung		8	8	7	6.2		
1149	0110037	022311003125	PHẠM NGÂN	HÂN	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.5	9.6	8.5	6.1		
1150	0110038	022311005395	PHẠM NGỌC	HÂN	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7	7.8	8.5	3.4		
1151	0110039	022311011450	PHẠM TRƯƠNG BẢO	HÂN	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	Tiếng Trung		5.25	7	4.25	1.4		
1152	0110040	031311000356	XIE GIA	HÂN	29/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ	Hán	THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	Tiếng Trung		6.75	9.8	4.5	8		
1153	0110041	020211007818	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	29/12/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Trung		5	8.2	5	5		
1154	0110042	022311005701	HOÀNG MINH	HUYỀN	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	Tiếng Trung		6.25	9.2	5.5	5.6		
1155	0110043	035311005521	LÊ TRẦN KHÁNH	HUYỀN	28/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.5	9.6	9	3.3		
1156	0110044	022211001938	LÊ DUY	HƯNG	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		5.25	9.2	8.5	2.4		
1157	0110045	022311005708	TRỊNH LAN	HƯƠNG	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.75	9.6	7	4.7		
1158	0110046	022211004995	BÙI GIA	KHÁNH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.75	9.8	8.75	5.2		
1159	0110047	022311010516	BÙI LÊ GIA	KHÁNH	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.5	9.8	8.25	6.3		
1160	0110048	001211018762	VŨ MINH	KHÁNH	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Ngữ văn	7.5	10	9	6.9	4	
1161	0110049	022311007382	VŨ NGÂN	KHÁNH	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.5	9.2	8	7.2		
1162	0110050	022311007510	LỤC LAM	KIỀU	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	Tiếng Trung		6.75	8.4	6.25	4		
1163	0110051	022311009076	NGÔ NGỌC	LAM	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.25	8	6	4.2		
1164	0110052	022311001386	ĐẶNG HÀ	LINH	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.75	9.4	8.75	4.3		
1165	0110053	022311012382	ĐOÀN NGUYỄN HẢI	LINH	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.5	9.2	8	3.8		
1166	0110054	022311007727	ĐỖ NGỌC BẢO	LINH	19/02/2011	Nước ngoài	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	Tiếng Trung		8.25	9.4	4.25	5.9		
1167	0110055	022311009583	NGÔ VŨ GIA	LINH	04/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		8	9.8	8	7.1		
1168	0110056	022311004153	NGUYỄN GIA BẢO	LINH	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.75	6.6	7.75	2.1		
1169	0110057	022311010611	NGUYỄN HỒNG	LINH	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		8.25	9.6	8	4.4		
1170	0110058	022311013734	NGUYỄN KHÁNH	LINH	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.25	7.8	3.75	2.4		
1171	0110059	031311007125	NGUYỄN KHÁNH	LINH	14/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		Trường THCS Đằng Lâm	Tiếng Trung	Tiếng Trung		8.25	8.4	7.75	6.4		
1172	0110060	022311008901	NGUYỄN MAI	LINH	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Tiếng Anh	7.75	10	7.5	5.6	5.6	
1173	0110061	022311013017	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7	9.6	6.5	5.6		
1174	0110062	022311007666	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.5	9.8	7	2.7		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
1175	0110063	022309005002	NGUYỄN THUỲ	LINH	01/01/2009	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.25	4.8	7.5	3.7		
1176	0110064	030311009219	TRẦN THỊ HOÀNG	LINH	21/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.5	9.8	6	5.9		
1177	0110065	022311002181	VŨ NGỌC	LINH	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7	9.8	5.5	1		
1178	0110066	022311010209	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	Tiếng Trung		7.25	8.4	5.5	6.5		
1179	0110067	022311010716	NGUYỄN LÊ KHÁNH	MINH	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.75	10	7.75	5.4		
1180	0110068	022311005964	NGUYỄN THẢO	MINH	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		8.25	9.6	8	7.7		
1181	0110069	022211001699	PHAN NGUYỄN MINH	MINH	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK Academy	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Ngữ văn	7.75	9.8	8.5	8.3	4.5	
1182	0110070	022311006008	NGUYỄN TRÀ	MY	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Ngữ văn	7.5	9.8	8.75	6.8	4.5	
1183	0110071	022311011877	ĐOÀN VẠN	MỸ	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.75	6.4	6	2		
1184	0110072	022311002751	VÕ THIÊN	MỸ	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.25	8.8	6.75	0.9		
1185	0110073	022311011866	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.75	8.6	7	4.5		
1186	0110074	030311004996	HÀ BẢO	NGỌC	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.25	9	7.75	3.9		
1187	0110075	022311000563	LÊ MINH KHÁNH	NGỌC	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		8.25	8.8	8.5	6.2		
1188	0110076	022311007122	NGÔ HẢI	NGỌC	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	Tiếng Trung		8	9.8	9	6		
1189	0110077	022311007152	MAI THẢO	NGUYÊN	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.5	7.8	4.75	1.6		
1190	0110078	022311009142	ĐỖ THỊ ÁNH	NGUYỆT	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	Tiếng Trung		5.75	9.4	4.25	5.6		
1191	0110079	022311010161	BÙI NGỌC TUYẾT	NHI	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7	8.4	5.75	3.2		
1192	0110080	022311009072	BÙI YẾN	NHI	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.5	9.2	6.25	4		
1193	0110081	022311000245	PHẠM BẢO	NHI	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7	8.8	6	3.9		
1194	0110082	022311005110	VŨ ĐAN	NHI	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.25	8.6	8	2.2		
1195	0110083	022311003143	VŨ ĐÔNG	NHI	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7	6.4	4.5	3.4		
1196	0110084	022311011950	NGUYỄN VŨ TRANG	NHUNG	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.25	8	6.25	1.9		
1197	0110085	022211012874	NGUYỄN HOÀNG	PHÚ	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.75	9.8	8	5.3		
1198	0110086	022311012720	ĐÀO HÀ	PHƯƠNG	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		8	9.8	8.75	5.5		
1199	0110087	022311011247	NGUYỄN BẢO	PHƯƠNG	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Trung		8.25	9.2	7	6.3		
1200	0110088	001311034797	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	07/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6	9.6	5.75	4.5		
1201	0110089	022311006049	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.5	9	8.25	6.3		
1202	0110090	022311007146	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.5	5.8	4.75	3.9		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
1203	0110091	022311002137	TRẦN THỊ THIÊN	QUÝ	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.25	8.4	5.25	3.2		
1204	0110092	022311000877	ĐỖ THỊ NHƯ	QUỲNH	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	Tiếng Trung		5.75	9	8	3.9		
1205	0110093	022311006843	NGUYỄN NGỌC	QUỲNH	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.75	8.4	6.75	8		
1206	0110094	022310010882	ZENG THI	SAN	08/05/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hán	TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK Academy	Tiếng Trung	Tiếng Trung	Tiếng Anh	8	8.6	7.75	7.9		Chuyên nv2: vắng thi
1207	0110095	022311012169	ĐẶNG SANG	SANG	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.25	8.4	5.25	4.3		
1208	0110096	022211002348	SRICHAN VIỆT	THÁI	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.25	8.4	8.5	1.3		
1209	0110097	001311059399	KHÚC TRẦN PHƯƠNG	THẢO	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		8.25	9.4	8	6.3		
1210	0110098	022311002941	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.5	9.8	7.75	5.6		
1211	0110099	034311000493	TRẦN THỊ MAI	THÙY	27/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		8.5	9.6	8.75	6.9		
1212	0110100	022311002772	NGUYỄN MAI	THƯ	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	Tiếng Trung		7	9	6.5	2.8		
1213	0110101	022311008027	PHẠM VŨ BẢO	TRANG	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7	8.8	6.5	1.4		
1214	0110102	022311011841	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7	8.8	5.25	2.6		
1215	0110103	022211011270	HOÀNG MINH	TRÍ	25/01/2011	Thành phố Hồ Chí Min	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung		5.5	9.6	9	3.4		
1216	0110104	022311011475	PHẠM THANH	TRÚC	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Ngữ văn	7.75	9.8	7.5	8.7		Chuyên nv2: vắng thi
1217	0110105	022211003419	NGUYỄN ANH	TRƯỜNG	11/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Tiếng Anh	6	8.8	7.75	2.9	3.5	
1218	0110106	022211000554	NGUYỄN KHẮC ANH	TUẤN	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	Tiếng Trung		4.75	6.2	4.25	2.8		
1219	0110107	022311011140	LÊ NGỌC	TUYẾT	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.25	9.6	7.25	4.3		
1220	0110108	022311005066	NGUYỄN MAI	UYÊN	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	Tiếng Trung		8	9.6	5.25	8.6		
1221	0110109	031311015606	NGUYỄN ĐỖ THANH	VÂN	18/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	Tiếng Trung		6.5	8.6	6.25	3.1		
1222	0110110	022311006131	TẠ THANH	VÂN	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7	7.2	4.75	2.3		
1223	0110111	022311002316	NGUYỄN THỊ YẾN	VY	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	Tiếng Trung		7.25	7.6	8.25	1.6		
1224	0110112	022311001908	NGUYỄN TƯỜNG	VY	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	Tiếng Trung		7	9.8	7.5	8.2		
1225	0110113	022311010802	PHẠM TRƯƠNG BẢO	VY	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	Tiếng Trung		5.25	8.8	2.25	1.7		
1226	0111001	034311016486	NGUYỄN BẢO	AN	20/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		7	9.2	8.25	7.2		
1227	0111002	022311000425	NGUYỄN KHÁNH	AN	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		6.25	8.6	4.75	6.3		
1228	0111003	022211000482	TRỊNH ĐỖ HÙNG	AN	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		4	6.2	7.25	4		
1229	0111004	022311003885	BÙI NGỌC	ANH	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		5.75	9.8	8.75	8.3		
1230	0111005	022311008966	ĐẶNG PHẠM MAI	ANH	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	Tiếng Pháp		7	9.6	7.5	4		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
1231	0111006	022311004609	PHẠM MINH	ANH	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		6.5	7.6	6.25	5.5		
1232	0111007	022311003654	TRẦN DIỆU	ANH	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		6.75	7.8	6.75	5.1		
1233	0111008	022311007200	NGUYỄN MINH	ÁNH	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		5.25	9.2	7.25	7.5		
1234	0111009	022211012573	NGUYỄN QUANG	BÁCH	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		5.75	8.2	7	5.5		
1235	0111010	022311012160	BÙI ÁNH	CHI	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		5.5	9.8	5.75	7.4		
1236	0111011	022211009544	TRỊNH ĐỨC	CHÍNH	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		7	9.8	5.25	7.3		
1237	0111012	022311012606	BÙI NGỌC	DIỆP	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		4.5	5.2	4.75	3		
1238	0111013	022211014013	ĐÀO BÁ MINH	DŨNG	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		7	7.8	6.5	5.4		
1239	0111014	022311011162	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		5.25	5.8	3.25	4		
1240	0111015	022211002017	TRẦN MINH	ĐỨC	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		5	7.2	4.75	4		
1241	0111016	022311007001	PHẠM HƯƠNG	GIANG	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		5.5	9	7.5	6.3		
1242	0111017	022311003309	HOÀNG MỸ	HÀ	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		5	9.8	3.5	6.4		
1243	0111018	022311000096	TRƯƠNG NGỌC	HÀ	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		6	7.8	3.75	4.2		
1244	0111019	022311000415	ĐẶNG GIA	HÂN	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		7.75	8.4	8.75	5.8		
1245	0111020	022211004769	DOÃN HOÀNG	HIẾU	27/01/2011	Tỉnh Tuyên Quang	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		6.25	7.2	4.5	4.4		
1246	0111021	022211005163	NGUYỄN QUANG	HIẾU	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		7.75	10	8.25	9		
1247	0111022	022211003835	TRẦN HOÀNG	HUY	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		6.5	9.8	7	7.7		
1248	0111023	022211011557	NGUYỄN QUÝ GIA	KHÁNH	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp	Toán	7	9.6	9	7.3	1	
1249	0111024	022311013669	BÙI NGUYỄN TRANG	LINH	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		5.75	8	7.25	6.5		
1250	0111025	022311011898	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	Tiếng Pháp		5	9.6	5.25	5.6		
1251	0111026	022311002389	NGUYỄN THỊ NHÃ	LINH	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		6.25	10	5.75	7.6		
1252	0111027	022311011276	NGUYỄN VŨ HÀ	LINH	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	Tiếng Pháp		6.25	9.8	6.75	5.1		
1253	0111028	001311069402	PHẠM HOÀNG BẢO	LINH	14/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		4.5	8.6	7.75	6.8		
1254	0111029	240311000008	NGUYỄN ÁI THÙY AN	MAYA	22/04/2011	Nước ngoài	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		4.25	6.4	2.25	3.3		
1255	0111030	022211007730	LÊ BÌNH	MINH	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		5	8.2	3.25	6		
1256	0111031	022311005713	NGUYỄN THU	NGÂN	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		3.5	9.6	6	5		
1257	0111032	022211004930	TRẦN DUY	NGHỊ	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		5.5	7.2	4.75	5		
1258	0111033	022311000586	LÊ ĐỖ BẢO	NGỌC	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		5.25	7	5.25	5.5		

Đơn vị: THPT Chuyên Hạ Long (22_HD_001)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Bài thi môn chuyên NV1	Bài thi môn chuyên NV2	Điểm bài thi					Ghi chú
													Ngữ văn	N.ngữ	Toán	Chuyên NV1	Chuyên NV2	
1259	0111034	022311006833	HOÀNG HẠNH	NGUYÊN	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		8	9.6	8.75	8.3		
1260	0111035	022311012928	NGUYỄN YẾN	NHI	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		5.5	6.8	4.5	5		
1261	0111036	022311009264	VŨ GIA	NHI	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		4.5	6.6	4.5	3.2		
1262	0111037	022211010101	MAI NGUYỄN AN	THÁI	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		5	7.2	6.25	4.4		
1263	0111038	022211007360	DƯƠNG GIA	THÀNH	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		6.25	9.6	8.75	9.2		
1264	0111039	022311000519	LÊ THỊ THANH	THỦY	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		5.75	7.6	7.5	4.3		
1265	0111040	022311002542	HOÀNG ANH	THƯ	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	Tiếng Pháp		7	10	7	6.7		
1266	0111041	022311010709	ĐINH THỊ THÙY	TRANG	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		7	8	6.5	5		
1267	0111042	022311004453	NGUYỄN VŨ BẢO	TRANG	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		6.25	9.6	4.75	7.1		
1268	0111043	022311000068	TRẦN BẢO	TRANG	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		7.25	10	7.75	8.5		
1269	0111044	022211006683	NGUYỄN ĐĂNG	TÙNG	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		7.25	8.6	4.25	4.5		
1270	0111045	022311000050	BÙI NGUYỄN CÁT	TƯỜNG	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		5.25	9	3.75	6.6		
1271	0111046	022311002878	TRẦN THỊ NHÃ	UYÊN	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		7	8.4	6.75	7.3		
1272	0111047	022311011715	NGUYỄN LƯƠNG HÀ	VY	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp		6.75	8.8	4.5	7.1		

(Danh sách này gồm có 1272 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	040001	022211007270	ĐẶNG KHÁNH	AN	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	4.5	5.4	2.5	
2	040002	022311004266	HOÀNG HOÀI	AN	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.75	8.6	6	
3	040003	031311007609	LÊ THỊ	AN	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	4	5.5	2	
4	040004	022211013171	LƯU TRƯỜNG	AN	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	3.25	3.4	2.5	
5	040005	022211012621	NGÔ QUỐC	AN	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.25	7	5.25	
6	040006	022311002354	NGUYỄN KHÁNH	AN	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	5	4.3	2.5	
7	040007	022211002079	NGUYỄN KHÁNH BẢO	AN	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	4.5	6.6	2.25	
8	040008	022211000782	NGUYỄN LONG	AN	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	5.75	3.8	7.25	
9	040009	036211000417	NGUYỄN MẠNH	AN	08/04/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	3.2	3.25	
10	040010	022311011420	NGUYỄN NGỌC BẢO	AN	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.25	4.2	4	
11	040011	022311002590	NGUYỄN NGỌC NHƯ	AN	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.75	5.8	5.75	
12	040012	022211004923	PHẠM ĐỨC	AN	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.25	8.2	9	
13	040013	034211002329	TRẦN NHO BẢO	AN	10/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	9.2	9	
14	040014	022311005774	TRẦN THỊ	AN	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	8	7.2	3.5	
15	040015	034211018937	VŨ THÀNH	AN	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	4.75	6.2	5.25	
16	040016	022211009457	VY TRƯỜNG	AN	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	4.25	4.2	2.5	
17	040017	022211013635	BÙI LÊ TUẤN	ANH	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.25	7.4	4.25	
18	040018	022311003985	BÙI LÝ MINH	ANH	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	7.6	3.75	
19	040019	022211002825	BÙI THẾ	ANH	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.25	5.5	7.25	
20	040020	030211006601	ĐÀO ĐỨC	ANH	09/01/2011	Thành phố Hải Phòn	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	4.5	2	4.25	
21	040021	022311000427	ĐẶNG DIỆP	ANH	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	2.5	2.6	1.25	
22	040022	031311019763	ĐINH THỊ HÀ	ANH	10/01/2011	Thành phố Hải Phòn	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5	8	3	
23	040023	022311000551	ĐOÀN DIỆU	ANH	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	3.4	5.25	
24	040024	022211000785	ĐOÀN ĐỨC	ANH	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	2.75	6	2.25	
25	040025	022311000692	ĐỖ DIỆU	ANH	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6	2.5	4.75	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
26	040026	022211012352	ĐỖ DUY	ANH	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	5.25	3.4	1.75	
27	040027	022311001255	ĐỖ HOÀNG NGỌC	ANH	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	8.25	8.8	6.5	
28	040028	022311000695	ĐỖ VI	ANH	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	4.6	4	
29	040029	022211011927	HÀ HÙNG	ANH	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	3	3.25	
30	040030	022211012708	HOÀNG ĐỨC	ANH	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	6	2.6	1	
31	040031	030311018419	HOÀNG NGỌC	ANH	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	5.75	5	1.75	
32	040032	030311000536	HOÀNG PHƯƠNG	ANH	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	8.25	5.4	3.75	
33	040033	022311001287	HOÀNG QUỲNH	ANH	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	7	5.9	4.5	
34	040034	022211010275	HOÀNG THÁI	ANH	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	7.25	4.2	7.5	
35	040035	034311007337	HOÀNG THỊ VÂN	ANH	29/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	7.5	9	5.5	
36	040036	022311000951	LƯƠNG HÀ	ANH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.25	4.2	4	
37	040037	022311005156	LƯƠNG NGỌC	ANH	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.25	7.4	4.25	
38	040038	022311011665	LƯƠNG QUỲNH	ANH	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.5	4	3.5	
39	040039	022311002543	NGHIÊM HÀ	ANH	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	7.75	7	2.5	
40	040040	022311012620	NGÔ THỊ HOÀNG	ANH	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	4.25	2.2	0.5	
41	040041	022311011091	NGÔ TRÂM	ANH	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.25	8.6	4.75	
42	040042	022311006357	NGUYỄN DIỆP	ANH	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	7.25	7.2	5.5	
43	040043	034311000276	NGUYỄN HẢI	ANH	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.25	6.7	3	
44	040044	022311013055	NGUYỄN KIM	ANH	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.25	7.2	6.75	
45	040045	022311011122	NGUYỄN MAI	ANH	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.5	6.8	5	
46	040046	022311001244	NGUYỄN NGỌC	ANH	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	7	4.2	4	
47	040047	022311010537	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	3.5	2	2.25	
48	040048	022211006814	NGUYỄN NGỌC TRÍ	ANH	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	5.4	6.25	
49	040049	022311007990	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	4	3	
50	040050	024311003284	NGUYỄN THỊ HOÀI	ANH	24/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	8	4.4	3.25	
51	040051	030311001043	NGUYỄN THỊ HỒNG	ANH	30/05/2011	Thành phố Hải Phòn	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	3.25	3.2	1.25	
52	040052	022211009898	NGUYỄN TUẤN	ANH	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	8.4	4.75	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
53	040053	030211012089	NGUYỄN TUẤN	ANH	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	4.25	6	3.75	
54	040054	022211001227	NGUYỄN TUẤN	ANH	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.25	7.8	6.25	
55	040055	022211000761	NGUYỄN VIỆT	ANH	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	3.6	3.25	
56	040056	022211000041	PHẠM KHẮC ĐỨC	ANH	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.5	6.4	4.5	
57	040057	022311009752	PHẠM LÂM	ANH	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	6.25	5.5	2	
58	040058	022211007502	PHẠM MINH	ANH	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.25	9.2	7.5	
59	040059	022311005131	PHẠM NGỌC TRÂM	ANH	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	6.25	3	0.75	
60	040060	022311010363	PHẠM NGUYỄN TRÂM	ANH	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	5.25	2.4	2	
61	040061	022311001892	PHẠM PHƯƠNG	ANH	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	8.2	4.5	
62	040062	022311002723	PHẠM TÂM	ANH	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	5.75	5.2	1	
63	040063	033311010464	PHẠM THỊ MAI	ANH	06/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.5	5.2	3.5	
64	040064	022311010108	PHẠM THỊ PHƯƠNG	ANH	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	6.5	2.6	2	
65	040065	022311011043	PHẠM TRẦN KIỀU	ANH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	5	2.6	2.75	
66	040066	022211003081	PHÙNG TIẾN	ANH	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	5.5	8.9	2	
67	040067	022311009569	PHƯƠNG THÙY LINH	ANH	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	6	6.8	6.25	
68	040068	030211002237	TĂNG XUÂN	ANH	12/09/2011	Thành phố Hải Phòn	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	3	3.25	
69	040069	022211010322	TRẦN ĐỨC	ANH	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	7	5.25	
70	040070	022211007449	TRẦN HOÀNG	ANH	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6.75	5.2	4	
71	040071	022311002401	TRẦN LAN	ANH	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.75	6.6	5.5	
72	040072	022311013609	TRẦN THỊ LAN	ANH	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6	4.6	4.25	
73	040073	022211008542	TRẦN TUẤN	ANH	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.25	7	4.5	
74	040074	022311008945	TRẦN VŨ HÀ	ANH	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	7	6.4	4.25	
75	040075	022211009573	TRƯƠNG TUẤN	ANH	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	4	4	1.75	
76	040076	022211007235	VŨ DUY	ANH	01/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.5	8.6	4.5	
77	040077	022211013365	VŨ ĐỨC	ANH	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.75	9.6	6.25	
78	040078	022311004208	VŨ THỊ NGỌC	ANH	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.75	9.6	6.5	
79	040079	022211005946	VƯƠNG QUỐC	ANH	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.25	6.8	3.5	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
80	040080	022211006576	VY DUY	ANH	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	5.5	5.5	3.75	
81	040081	022211003393	VY VŨ TÙNG	ANH	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7	5.8	7	
82	040082	031311005822	BÙI THỊ NGỌC	ÁNH	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Mường	THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	5.25	8.4	3.5	
83	040083	022311010563	MỄ HOÀNG	ÁNH	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.75	6.2	4.25	
84	040084	022311000485	NGUYỄN MINH	ÁNH	04/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7.5	9	4.25	
85	040085	022311009701	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	5.75	5.6	5	
86	040086	022311003319	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	ÁNH	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6.25	4.4	2	
87	040087	022311004236	PHẠM MINH	ÁNH	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.5	6.8	7	
88	040088	022211014876	ĐẶNG HOÀNG	BÁCH	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	8.8	7	
89	040089	022211009557	ĐỖ XUÂN	BÁCH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	4.5	3.4	3.5	
90	040090	022211000579	VŨ ĐÌNH	BÁCH	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	4.5	4.2	1.25	
91	040091	030211017574	ĐÀO CÔNG GIA	BẢO	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	5.75	8	5.25	
92	040092	022211004396	ĐINH TRỌNG	BẢO	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	4.75	2.2	1.25	
93	040093	001211037568	HOÀNG GIA	BẢO	09/06/2011	Thành phố Hà Nội	Nam	Hoa	THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	7.25	8.6	8	
94	040094	022211010575	HOÀNG GIA	BẢO	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	4.25	4	1.5	
95	040095	022211009464	LÊ GIA	BẢO	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	8.25	8.2	7.25	
96	040096	022211008661	LƯƠNG GIA	BẢO	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.5	3.2	3.25	
97	040097	030211001329	LƯU GIA	BẢO	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	7.25	8.8	5.25	
98	040098	022211008008	NGÔ GIA	BẢO	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.25	7.4	7.25	
99	040099	030211000535	NGUYỄN GIA	BẢO	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	7	6.8	7.75	
100	040100	022211007482	NGUYỄN GIA	BẢO	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.5	8	7	
101	040101	022211005431	TRẦN GIA	BẢO	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	4	3	3	
102	040102	037211002055	TRẦN GIA	BẢO	28/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.5	4.8	6	
103	040103	027211000910	TRẦN GIA	BẢO	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	3	1.4	1	
104	040104	022211000120	TRẦN THIỆU	BẢO	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.5	8	6.25	
105	040105	022211002945	BÙI NGỌC	BẮC	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	4	4.1	3.25	
106	040106	022211014024	PHÙNG XUÂN	BẮC	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.25	2.5	3.75	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
107	040107	022311001928	PHẠM BĂNG	BĂNG	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.5	9	4.5	
108	040108	022311009920	LÊ THỊ NGỌC	BÍCH	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	6.5	9.6	3	
109	040109	022311000279	NGUYỄN NGỌC	BÍCH	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	8.75	8	5	
110	040110	030311014851	VŨ NGỌC	BÍCH	21/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6.75	2.8	2	
111	040111	022311011316	ĐỖ GIANG	BÌNH	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	4.75	6.4	0.75	
112	040112	022211000668	HIÊN THANH	BÌNH	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	4.75	2.7	3.5	
113	040113	022311005960	NÌNH THỊ	BÌNH	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chi	TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	2.75	3.2	1.5	
114	040114	022211011689	PHAN THANH	BÌNH	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6.5	6.4	4.5	
115	040115	022311013046	TRƯƠNG NGỌC	BÌNH	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	4.5	1.3	1	
116	040116	052211000037	TRẦN XUÂN	CẢNH	04/09/2011	Tỉnh Gia Lai	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	5.5	3.8	2.5	
117	040117	022311000500	ĐOÀN ĐƯỜNG BẢO	CHÂU	18/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	3.5	2.4	1	
118	040118	022311006189	HOÀNG BẢO	CHÂU	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6	2.9	3.25	
119	040119	022311000446	BÙI QUỲNH	CHI	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	7.6	6	
120	040120	022311013043	BÙI THỊ DƯƠNG	CHI	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	2.8	4.75	
121	040121	022311001235	HỨA THỊ QUỲNH	CHI	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	7	3.2	3.25	
122	040122	022311010057	LÊ QUỲNH	CHI	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.5	5.2	5.25	
123	040123	022311005192	LƯƠNG KHÁNH	CHI	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.75	6	5	
124	040124	001311040983	NGUYỄN LINH	CHI	13/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7	8.2	3.75	
125	040125	022311000595	NGUYỄN QUỲNH	CHI	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	6.25	7	6.25	
126	040126	022311009523	NGUYỄN THÙY	CHI	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	5	7.6	4	
127	040127	030311011387	VŨ HÀ	CHI	25/02/2011	Thành phố Hải Phòn	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.5	7.4	4	
128	040128	022211010076	PHẠM THÀNH	CÔNG	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	4.5	2.2	3.5	
129	040129	022211013629	BÙI HÙNG	CƯỜNG	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	8.75	4.8	6.5	
130	040130	022211010921	ĐÀO VIỆT	CƯỜNG	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.25	7.4	6.25	
131	040131	022211000762	NGUYỄN QUANG	CƯỜNG	02/10/2011	Thành phố Hải Phòn	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	4.5	5.9	3.25	
132	040132	022211001436	TRẦN VĂN	CƯỜNG	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	5.5	2.2	1	
133	040133	022211000614	VŨ MINH	CƯỜNG	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	6	5.5	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
134	040134	022311009260	ĐINH KHÁNH	DIỆP	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.75	2.2	1	
135	040135	022311012526	HỒ NGỌC	DIỆP	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	6.25	7.4	3.75	
136	040136	036311004044	LƯU THANH	DIỆP	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.25	9.2	7.5	
137	040137	036311007308	LƯU THỊ	DIỆP	16/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.25	7.8	6.5	
138	040138	022311009129	PHẠM NGỌC	DIỆP	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.75	7.8	5.25	
139	040139	022311001634	TRẦN NGỌC	DIỆP	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.75	6.4	4	
140	040140	022311009930	CAO MỸ	DUNG	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5	4	3	
141	040141	022311013048	NGUYỄN THÙY	DUNG	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	4	4.5	
142	040142	022211004170	ĐÀO HỒNG	DŨNG	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	1.75	3.4	0.5	
143	040143	022211014724	ĐƯỜNG TRÍ	DŨNG	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	5.4	5.75	
144	040144	022211012265	LÊ CÔNG	DŨNG	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.25	4.2	3.5	
145	040145	022211000808	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	7	8.2	7	
146	040146	022211010917	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	6.5	6.1	3.25	
147	040147	031211015358	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	7.8	3.25	
148	040148	022211010230	NGUYỄN TUẤN	DŨNG	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	5.25	8.4	4	
149	040149	022211014863	PHẠM TUẤN	DŨNG	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	6	6	
150	040150	022211001300	TRƯƠNG ĐỨC	DŨNG	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	4.5	2	1.25	
151	040151	022211000287	VŨ ĐỨC	DŨNG	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.25	9.6	5.75	
152	040152	022211006596	BÙI CÔNG	DUY	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.25	4.5	7	
153	040153	022211000401	HÀ KHÁNH	DUY	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	6.25	6	8.75	
154	040154	022211004704	PHẠM ANH	DUY	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	10	5.25	
155	040155	022211005290	PHẠM ĐỨC	DUY	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	6.75	2	5	
156	040156	022211005093	PHẠM KHÁNH	DUY	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	3	1.3		Toán: vắng thi
157	040157	022211006180	TRẦN ANH	DUY	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6	9.2	6.75	
158	040158	022311005515	HOÀNG MỸ	DUYÊN	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7	5.7	3.75	
159	040159	022311007096	LƯU THU	DUYÊN	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	3	5.2	1.25	
160	040160	022311006993	LÝ THỊ	DUYÊN	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	5.5	2.8	1.75	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
161	040161	022311013028	ĐẶNG THÙY	DƯƠNG	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	3.5	2.5	3	
162	040162	034211000435	ĐỖ THANH TÙNG	DƯƠNG	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	3.4	2.5	
163	040163	022311004433	ĐỖ THÙY	DƯƠNG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	3.5	4	2.5	
164	040164	022311011632	LƯƠNG THÙY	DƯƠNG	12/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.75	7.4	4.75	
165	040165	022311008627	NGUYỄN ÁNH	DƯƠNG	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6.75	3.8	6.25	
166	040166	037211002822	NGUYỄN LÂM TÙNG	DƯƠNG	21/07/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	3	1.5	1.25	
167	040167	022211001361	NGUYỄN THÁI	DƯƠNG	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	9	8.5	
168	040168	030311001817	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	27/10/2011	Thành phố Hải Phòn	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	4.75	4.2	3.5	
169	040169	022211002920	NGUYỄN XUÂN	DƯƠNG	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	7.75	5.8	7.5	
170	040170	022211003261	VŨ HỮU TÙNG	DƯƠNG	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	4.25	3.6	4.25	
171	040171	022211013791	THẨM HOA	ĐÀ	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	7.8	6.25	
172	040172	022211013433	HOÀNG THÀNH	ĐẠI	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	4.25	2.2	6.75	
173	040173	022311007554	CHU LINH	ĐAN	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	5.2	5	
174	040174	022311002858	LÊ NGUYỄN LINH	ĐAN	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6	4.9	3	
175	040175	022311000546	NGUYỄN LINH	ĐAN	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	7	9.2	4.75	
176	040176	022311005034	NGUYỄN LINH	ĐAN	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.5	6.2	3	
177	040177	022311000010	PHẠM LINH	ĐAN	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	4.25	3.8	0.75	
178	040178	022211002987	BÙI ĐỨC	ĐẠT	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	3.8	4.75	
179	040179	022211001828	ĐÀO QUỐC	ĐẠT	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	3.75	2.6	1.75	
180	040180	035211008536	ĐINH QUANG	ĐẠT	11/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.25	5.2	4.75	
181	040181	022211000514	MỄ PHONG	ĐẠT	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	5.5	7.7	4.5	
182	040182	022211000948	NGUYỄN CHÍNH QUỐC	ĐẠT	30/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	3	5.2	2.25	
183	040183	022211002221	NGUYỄN ĐỨC	ĐẠT	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6.75	3.6	3.25	
184	040184	022211006777	NGUYỄN ĐỨC	ĐẠT	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	6.4	4.75	
185	040185	031211002591	NGUYỄN KHẮC	ĐẠT	24/10/2011	Thành phố Hải Phòn	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	5	2.5	1.5	
186	040186	022211011536	NGUYỄN QUỐC	ĐẠT	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7.5	8.8	3.5	
187	040187	022211000611	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.75	6.2	3.25	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
188	040188	022211011331	NGUYỄN TUẤN	ĐẠT	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	7.2	6.5	
189	040189	022211005618	NỊNH HỮU	ĐẠT	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.25	9	5.75	
190	040190	022211008843	ÔN THÀNH	ĐẠT	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	7.5	6.8	5.75	
191	040191	022211010645	PHẠM QUỐC	ĐẠT	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	4.5	5.4	2.25	
192	040192	022211009737	TRẦN QUỐC	ĐẠT	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	4.25	6	6	
193	040193	030211007979	TRẦN THÀNH	ĐẠT	09/08/2011	Thành phố Hải Phòn	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.75	9.2	9	
194	040194	022211013315	VŨ HOÀNG THÀNH	ĐẠT	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.5	6.4	5.25	
195	040195	022211002110	ĐOÀN HẢI	ĐĂNG	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.75	8.4	5.25	
196	040196	022211000807	ÔN GIA	ĐỊNH	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	4.75	4.4	3	
197	040197	027211005237	ĐỖ XUÂN	ĐOAN	04/10/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	6.75	5.2	5	
198	040198	022211001221	BÙI ANH	ĐỨC	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	7	2.6	3.75	
199	040199	022211001319	ĐẶNG TRUNG	ĐỨC	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5	7	6	
200	040200	022211012485	HOÀNG ANH	ĐỨC	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.25	2.7	7	
201	040201	022211001142	HỨA TRUNG	ĐỨC	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	4.75	3.8	3.5	
202	040202	022211000498	MAI MINH	ĐỨC	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	7.4	5.25	
203	040203	022211007741	NGUYỄN MINH	ĐỨC	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	8	8.5	
204	040204	033211003525	NGUYỄN PHÚ DUY	ĐỨC	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.5	6	5	
205	040205	022211003196	TRẦN MINH	ĐỨC	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	8	4.5	
206	040206	022211009342	VŨ BẢO	ĐỨC	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	8.6	4.5	
207	040207	031311010808	BÙI HÀ	GIANG	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.25	7.8	8	
208	040208	022211002356	ĐẶNG TRƯỜNG	GIANG	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.75	9	3.5	
209	040209	022311011810	LƯU HƯƠNG	GIANG	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	3.4	1.75	
210	040210	022311008999	NGUYỄN THANH	GIANG	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	8.25	10	5.5	
211	040211	022311000471	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	3.5	4.8	1.25	
212	040212	022311000065	NGUYỄN TRÀ	GIANG	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	8.25	8.6	7	
213	040213	001311060984	PHẠM QUÝ	GIANG	31/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7.25	7.4	5	
214	040214	022311001910	PHẠM THỊ HỒNG	GIANG	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	7	3	4	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
215	040215	022311008894	TRẦN HƯƠNG	GIANG	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	2.5	3	1	
216	040216	022211001010	NGUYỄN ĐÌNH	GIỚI	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	4.5	5.6	2.5	
217	040217	022311000614	BÙI MINH	HÀ	11/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	7.6	4.25	
218	040218	022311002845	BÙI THANH	HÀ	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6	8	7.25	
219	040219	022311001031	ĐINH KHÁNH	HÀ	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Mường	THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	5.8	4.5	
220	040220	022211007323	HOÀNG SƠN	HÀ	01/12/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	6.75	3.4	4	
221	040221	022311006404	LÂM HẢI	HÀ	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6	5.4	3.5	
222	040222	022311000642	LÊ THỊ HẢI	HÀ	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7	6.6	4	
223	040223	022311002163	LƯƠNG THÁI	HÀ	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	6.5	9.6	6.75	
224	040224	022311005554	PHẠM THỊ BÍCH	HÀ	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.75	6.4	6.25	
225	040225	022311000130	PHẠM THU	HÀ	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	4.75	4.8	2	
226	040226	022311012309	TĂNG THANH	HÀ	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	5.75	2.2	4.25	
227	040227	022311000067	TRẦN THANH	HÀ	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	9.4	8	
228	040228	022311005646	VŨ HOÀNG THANH	HÀ	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	6	5.6	3.75	
229	040229	030311011791	VŨ XUÂN	HÀ	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7.25	8.4	6.5	
230	040230	022211000463	PHẠM NAM	HẢI	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	5.25	4.8	2.5	
231	040231	022211008779	TRẦN HOÀNG	HẢI	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	6.4	4.5	
232	040232	022311000611	TRẦN THANH	HẢI	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.25	7.6	5	
233	040233	022211009489	VŨ HOÀNG	HẢI	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	9.4	8	
234	040234	022311005011	HOÀNG THÚY	HẠNH	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.75	4.5	3	
235	040235	022311002608	KHÚC HỒNG	HẠNH	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.75	9.6	7.5	
236	040236	022311010117	PHẠM THỊ MỸ	HẠNH	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	5.75	7.3	4.5	
237	040237	022211000553	VŨ ANH	HÀO	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.25	8.2	4	
238	040238	022211002552	BÙI MINH	HẢO	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	8	8.2	7	
239	040239	022211000605	NGUYỄN VU	HẠO	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.5	6	4	
240	040240	022311002187	ĐOÀN THỊ THANH	HẰNG	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.75	8.8	5.25	
241	040241	022311003506	ĐOÀN THỊ THU	HẰNG	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	7.5	7	6.75	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
242	040242	031311013342	NGUYỄN MINH	HẰNG	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	4.5	8.3	2.5	
243	040243	022311000618	PHAN MINH	HẰNG	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.5	6.4	6.5	
244	040244	035311010912	TẠ MINH	HẰNG	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	6.2	4.5	
245	040245	022311003744	TRẦN DIỄM	HẰNG	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.5	4.1	2.75	
246	040246	022311012031	TRẦN THỊ MINH	HẰNG	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	5.5	2.6	2.75	
247	040247	022311000582	ĐỖ NGỌC	HÂN	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	3.2	3.5	
248	040248	022311005585	HÀ GIA	HÂN	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.75	9.4	5	
249	040249	022311003884	HOÀNG TRẦN BẢO	HÂN	01/08/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.25	6	3.75	
250	040250	022311005903	KHỔNG NGỌC	HÂN	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	8	7.2	5.75	
251	040251	001311058923	LÊ GIA	HÂN	02/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.25	5	2.5	
252	040252	022311012492	LƯU NGỌC	HÂN	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.5	5	3.75	
253	040253	022211002299	NGÔ BẢO	HÂN	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	4.25	4.8	2.5	
254	040254	022311008857	NGUYỄN ĐOÀN GIA	HÂN	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.5	4.6	4	
255	040255	022311000473	NGUYỄN GIA	HÂN	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	7.5	9.2	7.5	
256	040256	022311001984	PHẠM NGỌC	HÂN	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	6.25	7.8	3.75	
257	040257	022311006550	VI BẢO	HÂN	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	8.5	9.8	8.25	
258	040258	031311014586	VŨ NGỌC BẢO	HÂN	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	4.4	5	
259	040259	022311009877	VŨ THỊ	HÂN	19/02/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7	5.9	3	
260	040260	022311006424	VƯƠNG GIA	HÂN	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7	5.9	4.25	
261	040261	022211014117	TRẦN TRUNG	HẬU	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	5.25	3.4	3.75	
262	040262	022311012196	LÊ MAI	HIỀN	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	8.25	8	6.75	
263	040263	022311001137	NGUYỄN THANH	HIỀN	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	6.5	6.8	6.5	
264	040264	022311000127	NGUYỄN THỊ THẢO	HIỀN	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	3.8	4.25	
265	040265	022311005127	BÙI CHI	HIỀNG	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.25	6.2	2.5	
266	040266	022211010423	ĐẶNG TRUNG	HIẾU	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	2.75	1.6	2.25	
267	040267	022211014869	ĐOÀN TRUNG	HIẾU	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.5	7.2	5.5	
268	040268	022211001498	HOÀNG TRUNG	HIẾU	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.75	3.4	6.5	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
269	040269	022211004122	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	4.25	3.4	2	
270	040270	022211000629	TRẦN ĐỖ CHÍ	HIẾU	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	4.6	3.5	
271	040271	022211010702	TRẦN ĐỨC	HIẾU	31/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	7	8.2	8	
272	040272	022211000510	TRẦN MINH	HIẾU	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	7.8	5	
273	040273	022311010745	BÙI NGUYỄN KIM	HOA	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	2.5	2.8	0.75	
274	040274	022311013062	HOÀNG QUỲNH	HOA	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6.5	3	3.5	
275	040275	022311008866	HOÀNG THỊ	HOA	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	7.5	8	5.75	
276	040276	022311011704	HOÀNG THỊ THANH	HOA	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	3.75	5.6	1.5	
277	040277	022311012032	HOÀNG THỊ THU	HOA	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	5.5	3.2	2.75	
278	040278	022311011645	LÊ MAI	HOA	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.5	7.8	5.75	
279	040279	022311011960	NGUYỄN HỒNG	HOA	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.75	8.1	6.75	
280	040280	022311002625	NÌNH THỊ NGỌC	HOA	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	4.5	3.8	3.75	
281	040281	022311000477	VŨ NHƯ	HOA	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.5	9.2	6.75	
282	040282	022311002703	VŨ YẾN	HOA	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.75	6.2	3.5	
283	040283	022211013451	ĐINH ĐỨC	HÒA	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	5.75	7.8	6	
284	040284	022311010757	ĐỖ THỊ THU	HOÀI	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	6.5	5	4.5	
285	040285	022311002976	NỊNH THỊ THU	HOÀI	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PTDT nội trú THCS Hải Hà	Tiếng Anh	4.75	4	2	
286	040286	030211019636	ĐOÀN GIA	HOÀN	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	4.2	4.25	
287	040287	022211000618	NGUYỄN HỮU	HOÀN	06/03/2011	Thành phố Hải Phòn	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7	7.4	7	
288	040288	022210003956	DƯƠNG MINH	HOÀNG	05/12/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	3.25	3	1.75	
289	040289	022211010387	ĐỖ ĐẮC MINH	HOÀNG	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.25	5	4	
290	040290	022211000027	ĐỖ HUY	HOÀNG	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.25	4.2	2.5	
291	040291	022211000569	GIANG HUY	HOÀNG	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	4.75	2.3	2.75	
292	040292	022211007474	KHỔNG MINH	HOÀNG	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	3.75	5	1.75	
293	040293	022211007668	LÊ MINH	HOÀNG	17/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam	Mường	TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	4.5	4	3.25	
294	040294	046211006439	NGÔ VIỆT	HOÀNG	12/02/2011	Thành phố Huế	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	3.6	5.75	
295	040295	022211007228	NGUYỄN HUY	HOÀNG	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	6.75	9.4	6.25	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
296	040296	036211000425	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	18/07/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7	8	8.25	
297	040297	022211002073	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	3	3.2	3.75	
298	040298	022211005517	NGUYỄN XUÂN	HOÀNG	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	4.75	4.6	2.5	
299	040299	034211014414	VŨ NGỌC HUY	HOÀNG	08/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.75	6.4	7.25	
300	040300	022311008407	CAO THỊ	HUỆ	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	4.75	7.4	3.75	
301	040301	022211002927	ĐINH MẠNH	HÙNG	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.5	8.2	6.75	
302	040302	022211005646	LÂM VĂN	HÙNG	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5	2.8	4.25	
303	040303	022211000669	PHẠM LÝ	HÙNG	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5	3.4	3.75	
304	040304	022211000778	PHẠM QUANG	HÙNG	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	9.2	8	
305	040305	022211013225	ĐẶNG GIA	HUY	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	3	3.4	3.5	
306	040306	022211000094	ĐỖ GIA	HUY	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.5	8.2	4	
307	040307	036211006680	HOÀNG BÁ GIA	HUY	10/05/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.5	5.2	4.25	
308	040308	022211014063	HOÀNG ĐỨC	HUY	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	2	2.2	1.5	
309	040309	022211009771	LƯU GIA	HUY	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.75	9.4	4.75	
310	040310	034211005355	NGUYỄN CÔNG	HUY	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6	6.6	6.5	
311	040311	022211013105	NGUYỄN ĐỨC	HUY	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.25	8.6	4.5	
312	040312	022211006939	NGUYỄN GIA	HUY	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	7.8	6	
313	040313	022211000812	NGUYỄN HOÀNG GIA	HUY	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.5	2	1.75	
314	040314	022211013196	NGUYỄN KHÁNH	HUY	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	5.25	4.6	3.5	
315	040315	022211013535	PHẠM MINH	HUY	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	4.8	4.75	
316	040316	022211014027	PHẠM QUỐC	HUY	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5	6.6	4	
317	040317	022211000613	PHÙNG QUANG	HUY	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.5	9.6	4.5	
318	040318	022211013928	TĂNG MINH	HUY	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	3	8.8	5	
319	040319	022211011861	TÔ DƯƠNG	HUY	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	5.75	8.4	5.75	
320	040320	022211013681	TÔ GIA	HUY	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.75	6.6	5.25	
321	040321	022211006848	TRẦN GIA	HUY	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.25	5.8	3	
322	040322	034211002694	TRẦN GIA	HUY	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		Tiểu học và THCS Quỳnh Khê	Tiếng Anh	4	5.2	1.5	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
323	040323	022211000919	TRẦN QUANG	HUY	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	8.8	6.5	
324	040324	022211013040	VŨ ĐỨC	HUY	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.5	4.4	3.75	
325	040325	033211003432	VŨ ĐỨC	HUY	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	4.2	5.5	
326	040326	022211000786	VŨ GIA	HUY	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	5	3.6	4.5	
327	040327	022311004749	ĐINH THU	HUYỀN	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.75	9.6	9	
328	040328	030311017301	ĐOÀN THỊ KHÁNH	HUYỀN	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	6.75	7.4	3.5	
329	040329	022311002998	ĐỖ THỊ THANH	HUYỀN	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	7.5	6	3.5	
330	040330	022311012225	MẠC HOÀNG KHÁNH	HUYỀN	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	2	2.6	1.25	
331	040331	022311001835	MẠCH VI KHÁNH	HUYỀN	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	3.5	2.6	1.25	
332	040332	022311008915	MẠC KHÁNH	HUYỀN	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4	3.2	3.5	
333	040333	022311012345	NGUYỄN THANH	HUYỀN	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.25	5.6	3.25	
334	040334	022311003784	NGUYỄN THẢO	HUYỀN	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.75	7.2	5.25	
335	040335	022311003072	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	7.75	9	5	
336	040336	022311002541	VŨ THANH	HUYỀN	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	6	3.4	3	
337	040337	022311007900	VŨ THU	HUYỀN	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	4.25	9.2	5.25	
338	040338	022211000032	DƯƠNG GIA	HUYNH	26/10/2011	Nước ngoài	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.75	8.8	3.25	
339	040339	022211003984	BÙI HOÀNG GIA	HƯNG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	9	7	
340	040340	022211004326	HOÀNG QUANG	HƯNG	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	7.4	7.75	
341	040341	022211002046	LIÊU GIA	HƯNG	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.25	9.2	5.75	
342	040342	022211009318	NGÔ QUANG	HƯNG	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	5	7.2	3.25	
343	040343	022211011399	PHẠM KHÁNH	HƯNG	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.5	4.7	3	
344	040344	022311006679	CHÌU THU	HƯƠNG	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	4.25	3.4	2.5	
345	040345	022311012028	LÊ THỊ LAN	HƯƠNG	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	6.5	2	1.75	
346	040346	022311001996	NGUYỄN MAI	HƯƠNG	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.75	9	4.5	
347	040347	022311002135	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7	9.8	8.5	
348	040348	022311008744	NGUYỄN VI	HƯƠNG	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	5.5	5.8	4.5	
349	040349	022311008381	PHẠM MAI	HƯƠNG	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	6.25	9.6	8	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
350	040350	022311011523	TRẦN THỊ NGUYỆT	HƯƠNG	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	5.25	3.2	1.5	
351	040351	022311006387	CHU NGỌC	HƯỜNG	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	3	7.6	3.5	
352	040352	022311005098	LÊ THỊ THU	HƯỜNG	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Nùng	TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	5	4.2	3	
353	040353	022211013874	BÙI GIA	KHANG	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	5	7.4	5	
354	040354	033211003677	ĐỖ PHÚ	KHANG	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5	3.2	4.25	
355	040355	022211008603	HỒ MINH	KHANG	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.5	7.6	7	
356	040356	037211012184	LÊ NGUYỄN MINH	KHANG	07/12/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Toán: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi
357	040357	031211012834	NGUYỄN ĐỨC	KHANG	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	2.25	2.4	1.5	
358	040358	022211001491	NGUYỄN TRÍ	KHANG	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.25	4.4	4	
359	040359	022211005310	NGUYỄN XUÂN	KHANG	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	5	3.6	2.75	
360	040360	022211000087	TRẦN VĂN	KHANG	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	3.75	2.7	2.5	
361	040361	022211007873	TRỊNH HOÀNG	KHANG	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	4	1.2	1.25	
362	040362	022211014103	NGUYỄN CHÂU	KHANH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.5	9.4	4.5	
363	040363	022311006806	PHƯƠNG BẢO	KHANH	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	10	7	
364	040364	022211000487	DƯƠNG LONG	KHÁNH	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.75	4.4	1.75	
365	040365	231211000096	ĐỖ MINH	KHÁNH	04/11/2011	Nước ngoài	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.75	4.6	3.25	
366	040366	022211000110	HOÀNG GIA	KHÁNH	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.25	9.4	8	
367	040367	022311003877	MẠCH TRIỆU NGÂN	KHÁNH	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	5.75	3.2	2	
368	040368	022311010639	NGÔ KIM	KHÁNH	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.75	5	3	
369	040369	022211007221	NGUYỄN HOÀNG	KHÁNH	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5	2.8	2	
370	040370	022311006881	NGUYỄN KIM	KHÁNH	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	4.6	5	
371	040371	022311001643	NGUYỄN MAI	KHÁNH	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	3.8	3.25	
372	040372	022211000065	NGUYỄN MINH	KHÁNH	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	4	7.75	
373	040373	022311009013	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	3.75	9.4	3.25	
374	040374	022311013035	NGUYỄN THỊ NGỌC	KHÁNH	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	6.5	8	4.5	
375	040375	022211000508	PHẠM GIA	KHÁNH	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.25	4.2	2.25	
376	040376	022211004414	VŨ DUY	KHÁNH	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5	4	3.5	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
377	040377	022311001160	VŨ LÊ VÂN	KHÁNH	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.75	5.6	5.75	
378	040378	022211010073	LÊ DUY	KHOA	04/10/2011	Thành phố Hải Phòn	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	4.75	5.2	7	
379	040379	079211039887	LÊ	KHOA	30/12/2011	Thành phố Hồ Chí M	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.75	7.4	5	
380	040380	022211010027	NGUYỄN VĂN	KHOA	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	2	5	
381	040381	022211003605	NGUYỄN VĂN	KHOA	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.25	7.8	3.25	
382	040382	022211012977	VŨ ANH	KHOA	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6.75	8.2	4	
383	040383	022211006190	DƯƠNG MINH	KHÔI	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	8.4	5.25	
384	040384	031211005229	NGUYỄN ANH	KHÔI	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	7.6	5.75	
385	040385	022211011598	NGUYỄN TUẤN	KHÔI	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5	4.4	4	
386	040386	022211013580	PHẠM ĐĂNG	KHÔI	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7	7.8	8.25	
387	040387	022211014033	PHẠM TRẦN ANH	KHÔI	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	7.2	6	
388	040388	022211000636	TRẦN TRƯỢNG	KHÔI	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	7.8	6	
389	040389	022211002612	TRƯƠNG ANH	KHÔI	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.5	6.4	4.75	
390	040390	022211006256	LỀNH PHAN MẠNH	KIÊN	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chi	THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	6	4.25	
391	040391	034211009915	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.25	7.4	6.75	
392	040392	022211008221	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.75	4.2	1.5	
393	040393	022211004304	NGUYỄN VĂN	KIÊN	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.25	2.6	4.75	
394	040394	022211002204	PHẠM TUẤN	KIÊN	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6	7	7.5	
395	040395	022211009190	ĐOÀN TUẤN	KIỆT	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.5	9.6	7.5	
396	040396	022211012687	KHỔNG TUẤN	KIỆT	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.75	9	7	
397	040397	022211000626	PHẠM TUẤN	KIỆT	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	8.25	9.2	7.5	
398	040398	022211000955	TRỊNH TUẤN	KIỆT	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.5	9.8	9	
399	040399	031311005038	TRẦN THIÊN	KIM	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	6.75	9	3.5	
400	040400	022211005373	LÊ TRẦN GIA	KỲ	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.25	7.6	7	
401	040401	022211002008	VƯƠNG GIA	KỲ	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	5.5	3.7	6.25	
402	040402	022311000035	ĐÀM DƯỢC	LAM	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.5	4.8	2.25	
403	040403	022311012826	ĐINH NGỌC	LAN	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	2	4.1	0.5	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
404	040404	022311008254	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.75	9	6.5	
405	040405	022311005325	TÔ THỊ NGỌC	LAN	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	5.75	3.6	4.5	
406	040406	022311009704	VŨ NGỌC	LAN	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	3.6	4.25	
407	040407	022211000488	HOÀNG THANH	LÂM	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	3.6	3	
408	040408	022211001251	NGUYỄN TRẦN BẢO	LÂM	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.5	7.2	7.5	
409	040409	001211071271	NGUYỄN VŨ THANH	LÂM	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	7.4	6.25	
410	040410	022211011308	PHẠM TÙNG	LÂM	27/01/2011	Nước ngoài	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	9.4	5	
411	040411	022311007352	TÔ TUỆ	LÂM	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4	3	1.25	
412	040412	022311002385	TRƯƠNG TUỆ	LÂM	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	5.2	4.5	
413	040413	015311008162	BÙI HÀ	LINH	14/02/2011	Tỉnh Lào Cai	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	2.5	2.8	1	
414	040414	022311011907	BÙI THỊ THÙY	LINH	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	6.25	4.8	5.25	
415	040415	022311001254	DƯƠNG THÙY	LINH	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	6	2.9	4.25	
416	040416	022311007309	ĐÀO HÀ	LINH	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	4	6.8	3.5	
417	040417	022311008761	ĐẶNG THỊ	LINH	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	5	3	0.75	
418	040418	022311002342	ĐINH NGUYỄN HÀ	LINH	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.5	6.1	3.75	
419	040419	034211001655	ĐINH QUANG	LINH	30/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	7	7.4	4.75	
420	040420	022311003711	ĐOÀN DIỆU	LINH	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.75	2.6	3.5	
421	040421	022311000262	HOÀNG KHÁNH	LINH	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	6.75	6.5	5.25	
422	040422	022311008452	LÊ KHÁNH	LINH	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	8.25	6.8	7.75	
423	040423	022311012535	LÊ THỊ DIỆU	LINH	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	7.5	5	4.75	
424	040424	022311003127	LÊ THỊ PHƯƠNG	LINH	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	5	3	1.25	
425	040425	034311010999	LÊ VŨ GIA	LINH	11/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	2.8	5.5	
426	040426	022311013606	LƯƠNG HUYỀN	LINH	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	6.5	6.2	6.5	
427	040427	022311006194	MẠC NHẬT KHÁNH	LINH	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.75	9.2	6.25	
428	040428	030311005746	NGHIÊM THẢO	LINH	13/09/2011	Thành phố Hải Phòn	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.25	5.6	6	
429	040429	022311006161	NGUYỄN BẢO	LINH	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Toán: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi
430	040430	022311006597	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	LINH	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.25	10	7.25	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
431	040431	022311000569	NGUYỄN NGỌC	LINH	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	3.8	3.5	
432	040432	022311006705	NGUYỄN NGỌC	LINH	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	3.2	4.25	
433	040433	022311004109	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	25/10/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	7	5.4	4	
434	040434	030311006457	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	26/10/2011	Thành phố Hải Phòn	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	4.6	6.25	
435	040435	022311001741	NGUYỄN THỊ HOÀNG	LINH	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	5.25	3.6	2	
436	040436	030311000417	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6	7.6	4	
437	040437	022311005382	NGUYỄN THÙY	LINH	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	4.75	2.1	2.75	
438	040438	031311003517	NGUYỄN THÙY	LINH	13/05/2011	Thành phố Hải Phòn	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	8.2	4.5	
439	040439	030211005246	NGUYỄN XUÂN TÙNG	LINH	02/07/2011	Thành phố Hải Phòn	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	4	1.7	1.5	
440	040440	022311007092	ÔN THỊ DỊU	LINH	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	5	2.8	1.75	
441	040441	031311014716	PHẠM HÀ	LINH	21/02/2011	Thành phố Hải Phòn	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	7.2	4.5	
442	040442	030311007155	PHẠM HÀ	LINH	07/11/2011	Thành phố Hải Phòn	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	2.6	3.75	
443	040443	022311000599	PHẠM PHƯƠNG	LINH	05/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.75	6	5.25	
444	040444	022311006362	PHẠM THỊ THÙY	LINH	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	4.5	3.8	3	
445	040445	022311005536	PHÙN THỊ HÀ	LINH	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	6.5	4.4	1	
446	040446	022311000259	TRẦN BẢO	LINH	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.5	5	2.75	
447	040447	030311013494	TRẦN ĐẶNG NGỌC	LINH	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.5	6.6	4.25	
448	040448	022311008369	TRẦN THẢO	LINH	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	6.2	6.75	
449	040449	022311006283	TRIỆU PHƯƠNG	LINH	23/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	5.2	3	
450	040450	022311009803	VI KHÁNH	LINH	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.75	9.4	7.25	
451	040451	022311003306	VƯƠNG PHƯƠNG	LINH	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	3.75	2.2	1.75	
452	040452	022311007855	ĐOÀN THỊ HỒNG	LĨNH	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	4.25	3.6	0.75	
453	040453	022211012639	ĐINH HẢI	LONG	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	6.8	4.75	
454	040454	022211011254	HOÀNG BẢO	LONG	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4	4	1.5	
455	040455	022211013682	LÊ BÀNG ĐẠI	LONG	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	5	5.6	2.75	
456	040456	022211014075	LÊ TỰ	LONG	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	3.75	3.4	2.25	
457	040457	022211006885	NGUYỄN VĂN ĐỨC	LONG	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	4	3.4	2.5	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
458	040458	022211014671	TRẦN BẢO	LONG	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	5.75	6.9	5	
459	040459	022211000535	VŨ ĐỨC	LONG	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	8.6	3.75	
460	040460	036211004715	VŨ THÀNH	LONG	09/04/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6.5	7.8	3.5	
461	040461	022211011730	VŨ VI	LONG	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	5.5	4.8	6.25	
462	040462	022211014859	ĐOÀN PHÚC	LỘC	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	8.6	7.5	
463	040463	033211011774	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	LỘC	02/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6.5	6.4	5.5	
464	040464	022311011402	ĐINH NGỌC	LY	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5	2.8	2.25	
465	040465	022311004363	LÊ HƯƠNG	LY	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	7.25	8.5	5.5	
466	040466	022311002521	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	7	8.4	3.75	
467	040467	030311014020	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	04/10/2011	Thành phố Hải Phòn	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	7.5	7.6	3.75	
468	040468	022311006864	PHẠM KHÁNH	LY	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6	6.2	5	
469	040469	036311000619	PHẠM THỊ TRÚC	LY	21/07/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7	6	5	
470	040470	022311011413	TRỊNH THỊ CẨM	LY	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	6.5	5.8	3.25	
471	040471	022311000602	BÙI THỊ XUÂN	MAI	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5	2.1	1.5	
472	040472	022311003408	LÊ ĐẶNG HOÀNG	MAI	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	9.6	6.5	
473	040473	022311010848	NGUYỄN ĐỖ THỤC	MAI	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.5	7	1.75	
474	040474	030311003447	NGUYỄN HOÀNG	MAI	01/10/2011	Thành phố Hải Phòn	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	7	9.4	8.25	
475	040475	022311011394	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	MAI	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7.75	9.6	5.25	
476	040476	022311008654	NGUYỄN NGỌC	MAI	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	4.75	3	2	
477	040477	022311004792	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	4	2.75	
478	040478	022311009892	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.5	5.4	4.5	
479	040479	022311001368	NÌNH THỊ THANH	MAI	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chí	TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	4	2	1	
480	040480	022311012768	PHẠM HƯƠNG	MAI	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.75	10	7.25	
481	040481	022211004440	HOÀNG THẾ	MẠNH	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.75	7.6	1.5	
482	040482	024211003094	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	08/10/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	4.5	5.8	4.75	
483	040483	022211002558	THIỆN ĐỨC	MẠNH	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	3	3	1.25	
484	040484	022211001399	TRẦN NAM	MẠNH	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4	2.6	5	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
485	040485	022311012101	TÔ TRÀ	MI	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.75	4.6	3	
486	040486	022211012557	ĐOÀN PHÚC	MINH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.75	7.2	4.75	
487	040487	022211002829	NGUYỄN BÌNH	MINH	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.5	7.2	6.25	
488	040488	022211002352	NGUYỄN BÌNH	MINH	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	7.6	7.5	
489	040489	022211003222	NGUYỄN ĐÌNH	MINH	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.25	9	3.75	
490	040490	022211013176	NGUYỄN ĐỨC QUANG	MINH	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.25	8.8	6	
491	040491	022211005819	NGUYỄN NGỌC	MINH	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6.75	9.2	7.75	
492	040492	022211010986	NGUYỄN NHẬT	MINH	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.5	4.4	2	
493	040493	022211003461	NGUYỄN QUANG	MINH	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	5.4	5	
494	040494	022211002430	PHẠM BÌNH	MINH	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	8.8	6.25	
495	040495	022211002163	PHẠM ĐỨC	MINH	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.25	6.6	6.5	
496	040496	022211007364	PHẠM TUẤN	MINH	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	5.75	6.4	4	
497	040497	022211004979	PHAN TUẤN	MINH	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	6.5	6.9	5.5	
498	040498	022211009809	TRẦN ĐỨC	MINH	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	5.2	5.25	
499	040499	022311004597	TRẦN NGUYỆT	MINH	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	8.6	5	
500	040500	022211009231	VŨ ANH	MINH	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.25	5.2	5.25	
501	040501	022211005396	VŨ BÁ	MINH	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	6.75	7.6	7.75	
502	040502	022211012501	VŨ HOÀNG	MINH	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6	8.8	5	
503	040503	022211002648	VŨ NHẬT	MINH	05/10/2011	Thành phố Hải Phòn	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5	6.2	3	
504	040504	022311006812	DƯƠNG HÀ	MY	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	8	7.8	4.75	
505	040505	022311000447	DƯƠNG HÀ	MY	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	8.5	7	5.25	
506	040506	022311013628	ĐẶNG HÀ	MY	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	6.8	5.25	
507	040507	022311003573	HOÀNG HÀ	MY	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7	6.1	2.75	
508	040508	022311004885	HOÀNG TRÀ	MY	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	3.6	4	
509	040509	040311000419	NGÂN THỊ THẢO	MY	01/03/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Thái	TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	6.25	2.6	1.75	
510	040510	022311011891	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	17/11/2011	Thành phố Hải Phòn	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	5.5	7.5	1	
511	040511	022311001353	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.5	8.8	5	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
512	040512	031311015792	NGUYỄN TRÀ	MY	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	8	5.5	
513	040513	022311012924	PHẠM THỊ KHÁNH	MY	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	7	5.5	
514	040514	022311000091	PHAN HUYỀN	MY	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.25	2.8	2.75	
515	040515	031311012597	TRẦN THỊ HÀ	MY	29/12/2011	Thành phố Hải Phòn	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	4.75	4.8	4.75	
516	040516	022311009914	TRƯƠNG THẢO	MY	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.5	7	4.25	
517	040517	022211006744	BÙI HOÀI	NAM	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	7.25	7.4	5.5	
518	040518	022211012358	ĐỖ HOÀI	NAM	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	4.25	2.5	2.75	
519	040519	022211008042	HOÀNG VŨ HẢI	NAM	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	4.25	2	2.25	
520	040520	015211008042	LÊ NHẬT	NAM	06/10/2011	Tỉnh Lào Cai	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.5	9.4	8.75	
521	040521	036211002865	LÊ THÀNH	NAM	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	7.6	6.25	
522	040522	022211000547	LƯƠNG QUỐC HOÀNG	NAM	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5	3	3	
523	040523	022211000551	NGÔ BẢO	NAM	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	8	9.8	5.5	
524	040524	022211000495	NGÔ BẢO	NAM	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.25	5.6	4.5	
525	040525	022211011439	NGUYỄN BẢO	NAM	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	7.5	8.6	4.25	
526	040526	022211000124	NGUYỄN BẢO	NAM	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	1.5	2.6	2	
527	040527	022211004047	NGUYỄN HOÀI	NAM	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	1	2.8	0.25	
528	040528	022211003837	TRẦN HOÀNG	NAM	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	3	5.6	4.75	
529	040529	022211010873	VŨ ĐẠI	NAM	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6	7.8	5.5	
530	040530	030210018191	VŨ ĐÌNH BẢO	NAM	25/01/2010	Thành phố Hải Phòn	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5	6.4	7.25	
531	040531	022311005205	HOÀNG THỊ THÚY	NGA	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	6.5	8	4.25	
532	040532	022311002720	MAI KHÁNH	NGA	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	6.5	9.3	6.5	
533	040533	022311004695	NGUYỄN QUỲNH	NGA	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	8.25	10	8.25	
534	040534	022311012337	NGUYỄN QUỲNH	NGA	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	8.25	4.8	3.5	
535	040535	034311009681	PHẠM THÚY	NGA	07/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.25	5.6	7.5	
536	040536	022311001310	BÙI NGUYỄN BẢO	NGÂN	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.75	7.6	4.25	
537	040537	022311000132	HOÀNG THANH	NGÂN	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.5	4.2	4	
538	040538	022311010491	HOÀNG THỊ KIM	NGÂN	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	5.5	4.8	5.75	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
539	040539	022311000814	NGUYỄN THỊ	NGÂN	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	8	8.8	7	
540	040540	022311001970	NGUYỄN THU	NGÂN	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.5	7.6	6.75	
541	040541	022311002965	PHẠM HẢI	NGÂN	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.5	8.8	8.5	
542	040542	022311008564	PHẠM KIM	NGÂN	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.75	4.6	3.5	
543	040543	022311012338	PHAN KIM	NGÂN	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.75	7.4	4.5	
544	040544	022211012825	HOÀNG MINH	NGHĨA	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	4.4	3.75	
545	040545	022211001008	HOÀNG TRUNG	NGHĨA	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	6.25	2.8	3	
546	040546	022211000520	HOÀNG VĂN	NGHĨA	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	5	8.25	
547	040547	031211012115	TRẦN ĐỨC	NGHĨA	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.5	7.2	4.75	
548	040548	022211005764	TRẦN GIA	NGHĨA	15/12/2011	Thành phố Hải Phòn	Nam		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	5.75	2.3	4.25	
549	040549	022311012374	BÙI THỊ BÍCH	NGỌC	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	6.5	3.6	2.75	
550	040550	022311004976	DƯƠNG KHÁNH	NGỌC	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	6	2.4	1.5	
551	040551	022311012552	ĐINH THỊ BẢO	NGỌC	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.75	8	6.25	
552	040552	022311000481	HOÀNG BẢO	NGỌC	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.75	5.8	6.25	
553	040553	022311002468	LÊ BẢO	NGỌC	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	6.75	7.6	6.25	
554	040554	022311012086	LÊ BẢO	NGỌC	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	3.2	4.75	
555	040555	022311000074	LÊ HỒNG	NGỌC	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.25	5.4	3.75	
556	040556	022311006700	LÊ NGUYỄN BẢO	NGỌC	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	6.25	4.4	1.75	
557	040557	022311008977	NGUYỄN BẢO	NGỌC	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.25	9	4.25	
558	040558	022311001153	NGUYỄN BẢO	NGỌC	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7.75	8.4	6.25	
559	040559	037311004600	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	06/08/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	4.5	3.4	1.75	
560	040560	022311006447	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.25	9.2	4.75	
561	040561	030311001133	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	1.8	3.75	
562	040562	022311004953	NGUYỄN THẢO	NGỌC	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.75	8.2	8	
563	040563	036311006808	NGUYỄN THỊ YẾN	NGỌC	23/04/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6	4.8	5.5	
564	040564	022311006444	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	NGỌC	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6	5.6	7.5	
565	040565	022211009313	NGUYỄN VY THẾ	NGỌC	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	7.25	5.4	5	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
566	040566	022311000985	PHẠM KHÁNH	NGỌC	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	5	3.8	4	
567	040567	037311006444	TRẦN ÁNH	NGỌC	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	6	3.4	4.75	
568	040568	022311000587	TRẦN GIA	NGỌC	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.5	9.4	8	
569	040569	022311006534	VŨ HÀ BẢO	NGỌC	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	5.2	4.75	
570	040570	022311007246	VŨ MINH	NGỌC	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	4.5	5.8	2.75	
571	040571	022211008880	VŨ VIỆT	NGỌC	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	7	3.8	6	
572	040572	022211005756	ĐẶNG DUY KHÔI	NGUYÊN	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.25	7	5.5	
573	040573	022211014670	HOÀNG BẢO	NGUYÊN	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.25	5.4	5.5	
574	040574	022311000499	NGUYỄN HÀ THẢO	NGUYÊN	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	5	5.25	
575	040575	022211006127	NGUYỄN TRẦN BÌNH	NGUYÊN	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	7.5	9.4	8.5	
576	040576	022211013449	NGUYỄN VŨ HOÀNG	NGUYÊN	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	5	6.6	2	
577	040577	022311009425	PHẠM PHƯƠNG	NGUYÊN	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.5	7.6	4.25	
578	040578	022211013026	VŨ ĐỨC	NGUYÊN	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7	4.8	4	
579	040579	022311002082	VŨ THẢO	NGUYÊN	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5	6.3	6.75	
580	040580	033211006374	PHẠM NGÔ NGỌC	NGUYỆN	04/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	7	5.6	4	
581	040581	022311013050	BÙI THỊ ÁNH	NGUYỆT	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	3.6	4	
582	040582	022311006979	LƯƠNG ÁNH	NGUYỆT	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7	7.6	4	
583	040583	022311012628	NGUYỄN MINH	NGUYỆT	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.25	8.4	8.25	
584	040584	027311006994	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	01/01/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	4	2.4	3.25	
585	040585	022311011416	PHẠM ÁNH	NGUYỆT	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	3	4.2	4.25	
586	040586	022311010456	NGUYỄN THANH	NHÀN	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	7.5	4.5	2	
587	040587	022211013990	BÙI LÊ THIỆN	NHÂN	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	2.75	1.8	2.25	
588	040588	045211000127	NGUYỄN ĐỨC ANH	NHẬT	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	4.8	6	
589	040589	030211006246	VŨ HUY	NHẬT	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.75	9.2	7	
590	040590	022311000133	BÙI THẢO	NHI	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	6	6.25	
591	040591	022311001411	ĐẶNG THỊ YẾN	NHI	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.5	8.8	4.5	
592	040592	022311001478	HOÀNG DUNG	NHI	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	7	3.2	3.75	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
593	040593	022311005403	HOÀNG HÀ	NHI	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	3	3.5	
594	040594	022311001731	HOÀNG PHƯƠNG	NHI	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.25	8	5.75	
595	040595	022311011582	HOÀNG THẢO	NHI	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6	4.6	4	
596	040596	022311009617	LÊ THẢO	NHI	18/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	8	7.6	4.75	
597	040597	022311006799	LÊ THẢO	NHI	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.5	5.2	4.5	
598	040598	022311009542	NGÔ THỊ YẾN	NHI	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	7	4.2	5.75	
599	040599	022311010506	NGÔ YẾN	NHI	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	6.75	8.5	3.75	
600	040600	022311012866	NGUYỄN NGỌC TUỆ	NHI	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	8	9	4	
601	040601	022311004001	NGUYỄN THẢO	NHI	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.25	4	2.5	
602	040602	036311017804	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHI	20/12/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	5.25	5.2	2.5	
603	040603	022311003677	PHẠM HOÀNG TUYẾT	NHI	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6	8.6	4	
604	040604	022311008393	PHẠM THỊ ĐÔNG	NHI	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	4.5	2.4	2.75	
605	040605	022311008590	PHẠM TUYẾT	NHI	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.5	3.2	3	
606	040606	019311012854	PHẠM YẾN	NHI	30/12/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	7.25	5.7	2.25	
607	040607	022311010312	PHẠM YẾN	NHI	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	2.8	2.5	
608	040608	030311008964	PHẠM YẾN	NHI	02/12/2011	Thành phố Hải Phòn	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	4.4	4	
609	040609	022311001177	PHAN THỊ YẾN	NHI	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	3.5	4	2.5	
610	040610	022311008059	TRẦN PHƯƠNG	NHI	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	3.6	2.75	
611	040611	022311011256	TRẦN THỊ BĂNG	NHI	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	6.75	4	3.75	
612	040612	022311005962	VŨ NGỌC	NHI	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.75	8.2	4.5	
613	040613	022311007529	VŨ YẾN	NHI	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	7	6.2	3.75	
614	040614	022311002232	ĐẶNG HỒNG	NHUNG	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6	4.2	3	
615	040615	022311009553	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	4.25	4.4	3.25	
616	040616	022311000548	TRẦN PHƯƠNG	NHUNG	08/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.5	7.6	5	
617	040617	014311019106	ĐINH TỐ	NHƯ	08/05/2011	Tỉnh Sơn La	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	3.5	3.2	2.25	
618	040618	022311013739	LÃ KHÁNH	NHƯ	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	8	8.6	5.5	
619	040619	022311000526	LÃ QUỲNH	NHƯ	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	5	2.25	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
620	040620	001311060284	PHẠM GIA	NHƯ	03/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.75	7.4	4	
621	040621	022311007596	TRẦN BẢO	NHƯ	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.75	8.2	4.75	
622	040622	022211019999	ĐINH MẠNH	NINH	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	4	4.1	4	
623	040623	046311003265	LÊ THỊ PHƯƠNG	NINH	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6	8.2	6.25	
624	040624	022211001105	HOÀNG ANH	PHÁT	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	3.5	5	4.75	
625	040625	022211008546	NGUYỄN BẢO	PHÁT	24/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6	8.4	4.5	
626	040626	001211007369	NGUYỄN CÔNG	PHÁT	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	3.75	5.4	3.5	
627	040627	022211008888	NGUYỄN GIA THÀNH	PHÁT	26/06/2011	Thành phố Hải Phòn	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	2	6.6	1	
628	040628	022211008648	ĐẶNG HẢI	PHONG	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.75	6.8	6.75	
629	040629	022211002343	ĐẶNG NHẬT	PHONG	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.75	3.8	4.25	
630	040630	022211002959	ĐINH ĐẠI	PHONG	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.5	10	8	
631	040631	022211014729	ĐỖ TÂN	PHONG	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	5.5	7.8	4	
632	040632	022211006787	HÀ THẾ	PHONG	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	5.75	1.2	1.25	
633	040633	022211001724	HOÀNG NAM	PHONG	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.75	5.6	4.5	
634	040634	022211004616	LIÊU NHẬT	PHONG	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	3.25	5	1.5	
635	040635	033211012442	LƯƠNG GIA	PHONG	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	5.75	7.6	5.5	
636	040636	022211010242	NGUYỄN CHẤN	PHONG	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6	7.4	3.75	
637	040637	022211007002	NGUYỄN DUY	PHONG	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	5	3.8	2.75	
638	040638	022211006275	NGUYỄN TUẤN	PHONG	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	7.8	5.75	
639	040639	022211012320	PHẠM GIA KỲ	PHONG	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6	3.2	3	
640	040640	022211014857	PHẠM NAM	PHONG	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.5	3.8	7.5	
641	040641	022211007687	ĐÀM GIA	PHÚ	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.25	7.4	5.75	
642	040642	022211013795	ĐINH ĐỨC	PHÚ	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6.75	7	4.5	
643	040643	022211005251	LÊ GIA	PHÚ	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	2.5	2.1	1	
644	040644	022211000708	BÙI HỒNG	PHÚC	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	4.25	5.4	1.75	
645	040645	001211062376	ĐÀO TUẤN	PHÚC	16/02/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.25	7.2	4.25	
646	040646	022211008075	ĐINH HOÀNG	PHÚC	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.25	7.4	3.75	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
647	040647	022211008363	ĐỖ ĐỨC	PHÚC	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.5	8.8	5.25	
648	040648	022211008334	HÀ NAM	PHÚC	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5	9.4	7	
649	040649	022211005667	HOÀNG MINH	PHÚC	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6	9.6	6	
650	040650	030211014674	LÊ MINH	PHÚC	16/02/2011	Thành phố Hải Phòn	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	4	9.4	4.25	
651	040651	022211000865	VƯƠNG ĐÌNH	PHÚC	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7	9.4	9	
652	040652	064311000400	ĐẶNG NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	01/07/2011	Tỉnh Gia Lai	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.25	1.4	3.5	
653	040653	022311000629	HOÀNG THU	PHƯƠNG	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	3	3.5	2.25	
654	040654	022311003128	NGÔ HÀ	PHƯƠNG	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.5	8	5.25	
655	040655	022311004319	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	4.5	9.2	2.5	
656	040656	022311012954	NGUYỄN LAN	PHƯƠNG	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	7.25	7.5	2.75	
657	040657	034311003193	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	05/01/2011	Tỉnh Gia Lai	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	7.75	5.8	6.25	
658	040658	022211005603	NGUYỄN TUẤN	PHƯƠNG	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	7.25	6.6	7.5	
659	040659	022211008308	ĐINH ĐẠI	QUANG	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	6.75	9.6	3.75	
660	040660	022211009867	LƯƠNG VIỆT	QUANG	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.75	9.6	6.75	
661	040661	022211002098	NGUYỄN HUY	QUANG	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6.5	5.8	3.25	
662	040662	022211008522	NGUYỄN NGỌC VINH	QUANG	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.25	6.2	7	
663	040663	022211011935	BÙI MINH	QUÂN	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.5	5.4	4.75	
664	040664	022211001763	ĐỖ ĐÔNG	QUÂN	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	6.5	9.6	4.75	
665	040665	022211013317	HOÀNG MẠNH	QUÂN	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	6	2.8	3.25	
666	040666	022211005401	LĂNG VŨ HỒNG	QUÂN	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7.75	9.2	7.75	
667	040667	022211007492	NGÔ MINH	QUÂN	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	5.6	4.75	
668	040668	001211065771	NGUYỄN ANH	QUÂN	05/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5	4.2	6.25	
669	040669	022211010197	THIỆN HOÀNG	QUÂN	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.75	5.3	4.5	
670	040670	022211000024	VŨ THẮNG	QUÂN	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	8	8	6	
671	040671	022211003796	VƯƠNG MINH	QUÂN	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.5	8.2	6	
672	040672	022311006118	PHẠM THỊ PHAN	QUÝ	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5	8.6	4	
673	040673	022311003221	ĐỖ NGỌC	QUYÊN	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	4.5	2.6	0.75	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
674	040674	022311009594	HOÀNG HẠNH	QUYÊN	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6	3.2	3.75	
675	040675	022311011959	LÊ THỤC	QUYÊN	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.25	8.4	8	
676	040676	022311007734	VŨ THỊ NGỌC	QUYÊN	17/12/2011	Thành phố Hải Phòn	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	4.5	4.1	2.25	
677	040677	022311000115	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7.75	3.5	4.75	
678	040678	022311005845	PHẠM NHƯ	QUỲNH	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	8	7	4.75	
679	040679	022311008794	TẰNG THỊ	QUỲNH	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	4.25	4.4	3.5	
680	040680	022311005860	TRẦN NHƯ	QUỲNH	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	7	6.1	3.75	
681	040681	022311000545	TRƯƠNG MAI	QUỲNH	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	6	6.8	4	
682	040682	022211006299	BÙI NGUYỄN MINH	SÂM	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	9	8	
683	040683	022211011782	NGUYỄN VŨ	SƠN	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	4	3	1	
684	040684	030211000770	PHẠM ĐỨC	SƠN	28/01/2011	Thành phố Hải Phòn	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.75	6.6	4.5	
685	040685	022211012701	TRẦN THANH	SƠN	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	5.75	4.7	4	
686	040686	022211014026	BÙI NGUYÊN	TÂM	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.5	7.1	4.75	
687	040687	022211004841	ĐẶNG VŨ THÀNH	TÂM	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	4.5	3.3	4	
688	040688	022211001473	LƯƠNG VĂN	TÂM	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.75	6.2	7.75	
689	040689	022311011063	PHẠM VŨ TUỆ	TÂM	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.75	6.2	8	
690	040690	022311011772	THÔI TUỆ	TÂM	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	8	5.6	3	
691	040691	022211001357	TRẦN DUY	TÂN	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	6.25	3.7	2	
692	040692	022211006894	ĐẶNG VŨ AN	THÁI	25/02/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam	Dao	THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7	6.8	5.25	
693	040693	022211008816	VŨ NGỌC	THÁI	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	4	3.7	4.25	
694	040694	022311004005	NGUYỄN PHƯƠNG	THANH	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.75	4.3	3.5	
695	040695	022311001131	PHẠM PHƯƠNG	THANH	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	4.25	3	2.25	
696	040696	022211000533	HOÀNG MINH	THÀNH	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.25	6	3.5	
697	040697	033211013373	NGUYỄN VĂN	THÀNH	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.75	9.4	8.75	
698	040698	022211002964	VŨ TIẾN	THÀNH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	7	5.3	7.5	
699	040699	022311011558	BÙI PHƯƠNG	THẢO	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	4	3.1	2.5	
700	040700	034311012207	ĐẶNG PHƯƠNG	THẢO	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5	6	3.25	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
701	040701	022311007365	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	5.75	3.2	2.75	
702	040702	022311003400	ĐINH PHƯƠNG	THẢO	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	7.2	4.75	
703	040703	022311007708	HOÀNG THU	THẢO	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	5.2	4.75	
704	040704	022311004161	HỨA THỊ THU	THẢO	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	7.25	3.8	3.5	
705	040705	022311001345	LÊ THANH	THẢO	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.5	4.2	3.5	
706	040706	022311008227	MẠC PHƯƠNG	THẢO	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	4.75	8.3	3.75	
707	040707	022311000258	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	7.6	3.5	
708	040708	022311002745	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	8	8.4	7	
709	040709	022311004259	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	7	7	6.25	
710	040710	022311000936	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	THẢO	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6	8.7	4.75	
711	040711	022311000818	VŨ PHƯƠNG	THẢO	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	5.5	5.2	4	
712	040712	022311012673	VŨ PHƯƠNG	THẢO	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.5	6.6	4	
713	040713	022211008185	HÀ QUANG	THẮNG	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.25	9.2	7.25	
714	040714	001211006066	LÊ ĐỨC	THẮNG	14/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	9	6	
715	040715	022211012606	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.5	9.2	5.25	
716	040716	022211013752	NGUYỄN HOÀNG	THẮNG	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	1.75	2	2.75	
717	040717	022211000121	TRẦN VIỆT	THẮNG	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.5	9	7	
718	040718	033311007529	PHẠM THỊ KHÁNH	THI	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	5.25	4.2	2.25	
719	040719	022311000935	NGÔ THỊ DIỆU	THIỆN	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.75	8.2	3.75	
720	040720	022211005743	HOÀNG TRÍ	THỊNH	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	3	9.4	7.25	
721	040721	030211002455	TRẦN HƯNG	THỊNH	25/07/2011	Thành phố Hải Phòn	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.25	8.8	6.75	
722	040722	022311005856	LÊ ANH	THƠ	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5	3.4	2.75	
723	040723	022211000771	PHẠM THANH	THUẬN	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	7	3.3	7.75	
724	040724	022311009014	SẦN THU	THUẬN	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chay	TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	5.25	2.2	2.5	
725	040725	022311003581	BÙI THANH	THÙY	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.5	7.8	2	
726	040726	022311005451	ĐOÀN THỊ NGỌC	THÙY	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	3.25	1.8	2.25	
727	040727	022311007945	HOÀNG PHƯƠNG	THÙY	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.75	4.8	5.25	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
728	040728	022311010789	NGÔ PHƯƠNG	THÙY	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	4	8.1	3	
729	040729	022311004847	NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.75	5.1	7	
730	040730	022311011246	NGUYỄN THỊ BIÊN	THÙY	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Trung	7.25	9.2	7	
731	040731	022311002509	BÙI THỊ THU	THỦY	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	8.5	6.6	5.5	
732	040732	033311000183	HOÀNG THU	THỦY	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.5	8	4.5	
733	040733	022311013068	KHỔNG DƯƠNG PHƯƠNG	THỦY	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	6.8	5	
734	040734	022311002492	NGÔ THỊ NGỌC	THỦY	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6.75	4	7	
735	040735	022311010587	NGUYỄN THU	THỦY	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	2.4	2.25	
736	040736	022311010677	TRẦN VŨ NHƯ	THỦY	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	8.6	6.75	
737	040737	022311001271	TRƯƠNG THANH	THỦY	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	7.5	4.4	3.75	
738	040738	030311003412	VŨ PHƯƠNG	THÚY	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	6.5	7.2	7	
739	040739	022311002484	BÙI ANH	THƯ	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	8.25	4.4	4.25	
740	040740	022311009361	DƯ SONG	THƯ	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	4.5	2.5	0.25	
741	040741	022311000626	ĐỖ ANH	THƯ	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.5	6	3.25	
742	040742	022311008755	HOÀNG ANH	THƯ	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6	8	3.5	
743	040743	022311001752	NGUYỄN ANH	THƯ	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.5	6.6	4.75	
744	040744	022311011751	NGUYỄN VŨ ANH	THƯ	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	5.5	4.6	2.75	
745	040745	022311005776	PHẠM ANH	THƯ	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	7.5	2.9	4	
746	040746	022311002473	PHẠM ANH	THƯ	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	8.25	7.6	4.5	
747	040747	022311004380	TÔ THỊ MINH	THƯ	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	3.5	3	1.5	
748	040748	022311008484	VŨ ANH	THƯ	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.75	3.6	2	
749	040749	030311000451	VŨ ANH	THƯ	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7	8.7	5.5	
750	040750	034311016209	VŨ ANH	THƯ	30/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.25	5	2.5	
751	040751	022311003190	VŨ KIỀU MINH	THƯ	14/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	4.75	8.6	4	
752	040752	022311003315	LƯU THỊ	THƯƠNG	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	3.5	2.3	2.5	
753	040753	022211000806	TRỊNH VĂN	THƯỞNG	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	5.75	4	4.5	
754	040754	022311012068	TÔ HOÀNG KHÁNH	THY	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5	8.1	3.5	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
755	040755	022311007581	PHAN THỊ THỦY	TIÊN	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	4.25	7.1	4.75	
756	040756	034311011528	TRẦN THỊ THỦY	TIÊN	19/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.25	1.8	2	
757	040757	019211000165	BÙI NGỌC	TIỀN	18/01/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6	6.3	4.25	
758	040758	022211004005	HOÀNG ANH	TIẾN	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.25	8.6	5.25	
759	040759	022211002482	VŨ VIỆT	TIẾN	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5	3.4	1.5	
760	040760	034211009387	NGUYỄN VĂN VIỆT	TIỆP	15/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	4	4.2	2.25	
761	040761	092211009545	NGÔ HOÀNG TRUNG	TÍN	16/05/2011	Thành phố Cần Thơ	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.75	9.4	7.5	
762	040762	022211000491	ĐỖ KHÁNH	TOÀN	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	5.6	5	
763	040763	022211014061	HOÀNG KHÁNH	TOÀN	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5	2.4	7.5	
764	040764	022211000573	NGUYỄN TIẾN	TOÀN	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	9	5.75	
765	040765	022311000111	HOÀNG PHƯƠNG	TRÀ	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6	7	4.5	
766	040766	022311000517	NGUYỄN KHÁNH BẢO	TRÀ	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.75	9.6	4.75	
767	040767	022311010277	BÙI THỊ HUYỀN	TRANG	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	8	4.9	2.5	
768	040768	019311013953	BÙI THU	TRANG	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Mường	TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	5	8.7	3.5	
769	040769	022311006630	CAO THỊ	TRANG	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	5	5.4	3.75	
770	040770	022311011059	ĐẶNG THU	TRANG	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	4.75	2.3	3.25	
771	040771	022311006311	NGÔ QUỲNH	TRANG	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.5	5.1	3	
772	040772	022311008805	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	7.25	4.4	5	
773	040773	022311009008	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.5	5.6	5.5	
774	040774	022311013794	NGUYỄN THÙY	TRANG	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	5.75	8.3	4.5	
775	040775	022311003162	NGUYỄN YẾN	TRANG	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	1.5	1.6	1.75	
776	040776	022311000109	PHẠM QUỲNH	TRANG	22/05/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.75	6	3	
777	040777	022311009518	PHẠM THU	TRANG	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	4.5	3.4	4.25	
778	040778	022311001587	TRẦN BẢO	TRANG	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	6	5.7	4.75	
779	040779	034311008994	TRẦN DƯƠNG PHƯƠNG	TRANG	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	8	5.8	6	
780	040780	022311004786	TRẦN ĐÔNG	TRANG	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	4.75	3.8	3.75	
781	040781	022311012001	TRẦN LINH	TRANG	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chay	THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.75	9	4.5	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
782	040782	022311012779	TRỊNH THU	TRANG	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	7.75	7.1	5.75	
783	040783	031311014266	VŨ HUYỀN	TRANG	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	5.5	5.2	4	
784	040784	022311012401	BÙI NGUYỄN NGỌC	TRÂM	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.25	5.6	2.75	
785	040785	022311005334	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRÂM	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	5.25	2.4	1.25	
786	040786	045311002465	NGUYỄN VÕ HUYỀN	TRÂM	30/03/2011	Thành phố Huế	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	4.75	4.2	3	
787	040787	022311011070	TÔ NGỌC	TRÂM	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	6.75	6	3	
788	040788	022311005709	VŨ BẢO	TRÂM	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.75	2.8	2.75	
789	040789	022311009665	NGUYỄN BẢO	TRÂN	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.5	4.4	4	
790	040790	022311001606	PHẠM HUYỀN	TRÂN	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.25	6	4	
791	040791	022311004696	TRẦN HUYỀN	TRÂN	11/08/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.75	7.8	4.75	
792	040792	022211002526	NGUYỄN MINH	TRÍ	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	5.5	6.8	2.75	
793	040793	022211001114	NGUYỄN VŨ MINH	TRÍ	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	7.4	3.5	
794	040794	022311000554	HOÀNG KIỀU	TRINH	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	6	5.6	1.75	
795	040795	022211011797	LÊ ĐẮC	TRỌN	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7	3.6	2	
796	040796	022211012656	SÁI LONG	TRỌNG	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	5.75	5.8	4	
797	040797	022211003614	NGUYỄN ĐỨC	TRỤ	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.5	7.6	8.75	
798	040798	022311000493	NGÔ THANH	TRÚC	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.75	9.2	7.25	
799	040799	022311009324	NGUYỄN QUÁN THANH	TRÚC	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	6	6	4.25	
800	040800	022311007224	TÔ THANH	TRÚC	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	4.75	2.7	2.25	
801	040801	022211014794	BÙI NHẬT	TRUNG	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Toán: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi
802	040802	022211008001	ĐỖ QUANG	TRUNG	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6	6.8	5.75	
803	040803	022211003567	LẠI HOÀNG	TRUNG	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.5	6.6	6.5	
804	040804	022211000712	LA THÀNH	TRUNG	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.75	6.6	4.75	
805	040805	022211002489	NGUYỄN QUỐC	TRUNG	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5	7.4	5	
806	040806	022211000631	TRẦN BẢO	TRUNG	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	4	8	3	
807	040807	034211016609	TRẦN VIỆT	TRUNG	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.5	9.4	7	
808	040808	022211009478	LƯU QUỐC	TRƯỜNG	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	5.75	4.5	4.25	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
809	040809	031211013349	NGUYỄN HOÀNG	TRƯỜNG	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	3	2.7	4	
810	040810	022211002688	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4	3.2	5	
811	040811	022211000638	NGUYỄN MINH	TÚ	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6	4.6	4	
812	040812	022211009526	PHẠM TUẤN	TÚ	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.5	4.5	4	
813	040813	022211012459	PHẠM TUẤN	TÚ	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.5	7.4	4	
814	040814	022211012199	TÔ HOÀNG TUẤN	TÚ	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	3	3.4	2.75	
815	040815	022311004488	TRƯƠNG CẨM	TÚ	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.5	5	5	
816	040816	022211008625	TRƯƠNG MINH	TÚ	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7	8	6.5	
817	040817	022211014067	ĐOÀN ANH	TUẤN	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5	3.8	3.5	
818	040818	030211018186	LÊ ĐỨC	TUẤN	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6	9.6	7.5	
819	040819	030211008218	NGUYỄN HUY	TUẤN	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.75	7.2	7.5	
820	040820	022211006162	NGUYỄN MINH	TUẤN	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.5	6.8	5.75	
821	040821	022211004761	NGUYỄN VŨ ANH	TUẤN	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	0.5	4.6	1	
822	040822	022211009363	BÙI VIỆT	TÙNG	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5	8.2	4.5	
823	040823	022211012347	ĐÀO DUY	TÙNG	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	7.8	6.75	
824	040824	022211008936	HOÀNG THANH	TÙNG	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.75	9.2	7	
825	040825	022211008670	LĂNG NHẬT	TÙNG	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	6.25	3.8	3	
826	040826	022211000627	NGUYỄN MINH	TÙNG	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	3	2.8	1.75	
827	040827	022211010788	NGUYỄN SƠN	TÙNG	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		Trường Tiểu học, Trung học cơ sở IVS	Tiếng Anh	3	2.8	1.5	
828	040828	022211005809	PHẠM THANH	TÙNG	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.25	9	5.25	
829	040829	031211000198	THIỀU ĐÌNH	TÙNG	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	8	7.25	
830	040830	022311012803	PHẠM THỊ HÀ	TUYÊN	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	5.25	6.1	0.75	
831	040831	022311008925	PHẠM MINH	TUYỀN	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.25	7.2	4.5	
832	040832	022311013078	PHẠM THỊ MINH	TUYẾT	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	3.75	3.2	1.75	
833	040833	022311010550	TĂNG NGỌC ÁNH	TUYẾT	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	6.5	3.3	5.5	
834	040834	022211007700	LÊ AN	TƯỜNG	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	9.6	7.25	
835	040835	022211010510	NGUYỄN TRỌNG	TƯỜNG	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.75	8.8	5.75	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
836	040836	022311013047	HỒ THỤC	UYÊN	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.75	5.1	2.5	
837	040837	022311006264	LÝ TỐ	UYÊN	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.5	5.4	3.75	
838	040838	022311007074	NGUYỄN THỊ NHÃ	UYÊN	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.75	5.6	4.5	
839	040839	022311007875	LÊ HẢI	VÂN	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	8	8	4.5	
840	040840	022311004278	VŨ THANH	VÂN	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5	4.4	2.25	
841	040841	022311007447	NGUYỄN THẢO	VI	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7	8.7	3.5	
842	040842	022311001943	NGUYỄN YẾN	VI	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7	3.6	4	
843	040843	022311000852	THÂN THỊ TƯỜNG	VI	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.75	6	3.25	
844	040844	030311003553	TRẦN THẢO	VI	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	3.25	1.6	1.5	
845	040845	034311002279	TRẦN THỊ TƯỜNG	VI	21/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.5	4.6	5	
846	040846	030211000510	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	20/07/2011	Thành phố Hải Phòn	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	5.25	7.6	4.25	
847	040847	022211001970	NGÔ QUANG	VINH	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.25	7.8	7	
848	040848	022211008269	NGUYỄN GIA	VINH	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.5	9.2	5.5	
849	040849	033211008581	NGUYỄN QUANG	VINH	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	7.5	7	5.75	
850	040850	022211014057	VƯƠNG LẬP	VINH	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6.75	9.2	7.75	
851	040851	022211005113	BÙI MINH	VŨ	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.5	6.4	6.75	
852	040852	022211005655	ĐINH UY	VŨ	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	4.75	5	4.25	
853	040853	022211009822	ĐOÀN THẾ	VŨ	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.75	5	4	
854	040854	030211013489	ĐỖ HUY	VŨ	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5	3.8	4	
855	040855	022211003824	HOÀNG GIA	VŨ	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	7.25	7.4	5.5	
856	040856	022211012535	HOÀNG UY	VŨ	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.25	7.4	5.75	
857	040857	022211008708	NGUYỄN HUY	VŨ	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	8	9.8	7.25	
858	040858	036211014081	NGUYỄN HOÀNG	VƯƠNG	03/04/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.5	5.4	6	
859	040859	027211000071	NGUYỄN THỰC	VƯƠNG	11/01/2011	Nước ngoài	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6	5.9	3	
860	040860	022311000620	BÙI THẢO	VY	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.75	7.2	3.25	
861	040861	022311006611	CẦN BẢO	VY	01/04/2011	Thành phố Hải Phòn	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	7	6.7	4.5	
862	040862	022311000575	ĐẶNG HÀ	VY	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	9.8	3	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
863	040863	022311011159	HOÀNG THANH	VY	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.75	2.9	2.25	
864	040864	022311007608	HOÀNG THÚY	VY	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.5	6	6	
865	040865	031311004048	LÊ THẢO	VY	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	5.25	6.2	2.5	
866	040866	026311000355	NGÔ HÀ	VY	29/06/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.25	5.2	6	
867	040867	022311003141	NGUYỄN HÀ	VY	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	6.75	8.8	6	
868	040868	022311009891	NGUYỄN KIỀU	VY	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	5.75	5.2	3.5	
869	040869	022311000541	NGUYỄN NGỌC	VY	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	5.25	4.8	3.25	
870	040870	031311014630	NGUYỄN TƯỜNG	VY	13/09/2011	Thành phố Hải Phòn	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.75	7.8	2.5	
871	040871	022311001163	NGUYỄN YẾN	VY	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Trung	7	8.4	4.5	
872	040872	022311008936	PHẠM NGỌC HÀ	VY	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	8.25	8.4	5.25	
873	040873	022311000494	PHẠM PHƯƠNG	VY	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	6.75	5	3.75	
874	040874	022311003113	PHẠM TƯỜNG	VY	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	8.75	8.2	8.25	
875	040875	022311007505	TĂNG TƯỜNG	VY	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	7.5	8.4	4	
876	040876	022311006233	TRẦN NGỌC TƯỜNG	VY	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.5	5.8	4.5	
877	040877	022311011957	VŨ HÀ	VY	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.25	9	8.25	
878	040878	022311003615	VŨ HOÀNG HÀ	VY	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	5.25	3.8	2.25	
879	040879	022311013057	CAO ĐÀO NHƯ	Ý	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	6.75	3.6	4.5	
880	040880	022311010691	NGUYỄN THIÊN	Ý	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	6.5	4.4	4.25	
881	040881	022311006527	HOÀNG BẢO	YẾN	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Xuân	Tiếng Anh	7.25	4	2.75	
882	040882	022311005750	HOÀNG HẢI	YẾN	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vĩnh Thực	Tiếng Anh	6.25	3.6	0.75	
883	040883	022311000601	HOÀNG THỊ LƯƠNG	YẾN	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	7.5	2	1	
884	040884	022311000604	LÊ NGỌC	YẾN	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.75	6.9	3.25	
885	040885	022311000284	NGÔ THỊ HẢI	YẾN	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Trung	7.75	9	6.5	
886	040886	022311006011	NGUYỄN HẢI	YẾN	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trà Cổ	Tiếng Anh	6.25	6.8	4.25	
887	040887	022311008516	NGUYỄN HẢI	YẾN	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Trung	6.25	6.4	3.25	
888	040888	042311004414	PHAN THỊ HẢI	YẾN	20/10/2011	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.75	3.2	3.75	
889	040889	022311003060	PHÙN PHƯƠNG	YẾN	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Hải Sơn	Tiếng Anh	7	4.6	2	

Đơn vị: THPT Trần Phú (22_HD_004)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
890	040890	022311002926	THÁI NGỌC	YẾN	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	7.75	6.8	7.25	
891	040891	022311013670	TRỊNH BẢO	YẾN	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	6.5	5	3.25	
892	040892	022311004211	TRỊNH NGỌC	YẾN	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hòa Lạc	Tiếng Anh	8.25	7.2	4	

(Danh sách này gồm có 892 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Lý Thường Kiệt (22_HD_005)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	050001	022211001678	BÙI CÔNG	AN	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	3	2.9	0.5	
2	050002	022211002058	BÙI TRƯỜNG	AN	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	4.5	1.6	1.25	
3	050003	022211012677	ĐINH THUẬN	AN	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	3.25	2.8	3	
4	050004	022311012611	TRẦN BẢO	AN	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6	3	4	
5	050005	022311009495	BÙI PHẠM LAN	ANH	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	6.25	2.2	1.25	
6	050006	022311003292	BÙI THỊ TRÂM	ANH	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	5	2.8	0.75	
7	050007	022311010263	ĐOÀN THỊ VÂN	ANH	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7.5	1.8	3.25	
8	050008	022311004886	HOÀNG MAI	ANH	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6	3.8	3.75	
9	050009	022211012074	HOÀNG THẾ	ANH	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Móng Cái 2	Tiếng Anh	4.5	2	2.75	
10	050010	022311009081	LÊ MINH	ANH	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	4	2.4	1.75	
11	050011	022211011724	LÝ HOÀNG	ANH	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	6.25	4.9	3.75	
12	050012	022311001521	NGUYỄN MINH	ANH	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	7	3.2	3.25	
13	050013	022211002684	NGUYỄN NGỌC	ANH	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	5.5	2.8	2.75	
14	050014	030311002805	NGUYỄN NGỌC KIỀU	ANH	08/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.75	4	2.5	
15	050015	022311007356	NGUYỄN QUỲNH	ANH	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	6.5	4.6	3.5	
16	050016	022211005979	NGUYỄN THẾ	ANH	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	5.5	3	3.5	
17	050017	022311013629	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	8.25	4	6	
18	050018	022211006745	NGUYỄN TUẤN	ANH	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	7	6.2	6	

Đơn vị: THPT Lý Thường Kiệt (22_HD_005)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
19	050019	022311005723	PHẠM QUỲNH	ANH	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	7.75	3.1	3.25	
20	050020	022311008176	PHẠM VÂN	ANH	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	4.5	2	1.25	
21	050021	022211004282	TRẦN TUẤN	ANH	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	3.25	2.6	4.75	
22	050022	036311004229	VŨ LAN	ANH	09/02/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	2.25	1.6	0.75	
23	050023	022311007845	BÙI THỊ HỒNG	ÁNH	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	4.5	1.4	3	
24	050024	022311003939	MẠC THỊ HỒNG	ÁNH	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	4	3.4	2.25	
25	050025	022311004826	NGUYỄN THỊ MINH	ÁNH	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	6.75	3.4	4.5	
26	050026	022311002867	PHẠM NGỌC	ÁNH	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	4.75	2.4	2.25	
27	050027	022211001018	LƯƠNG TÙNG	BÁCH	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	4.5	3.4	2.25	
28	050028	022211013044	LÝ GIA	BẢO	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	2	1.2	1.75	
29	050029	022211011695	NGÔ GIA	BẢO	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5	3.6	3.75	
30	050030	022211003798	NGUYỄN GIA	BẢO	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	5.75	7.3	5.25	
31	050031	022211013123	TRẦN NGUYÊN	BẢO	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	6.75	3.4	3.25	
32	050032	022211008643	NGUYỄN ĐÔNG	BẮC	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6	3	3.25	
33	050033	022211006422	BÙI DUY	BẰNG	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	2.25	2.7	2	
34	050034	022311005484	ĐỖ THỊ	BÍCH	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7	2.6	2.5	
35	050035	022211013531	BÙI TIẾN	BÌNH	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	2.5	1.3	2.5	
36	050036	036311011725	NGUYỄN THỊ KHÁNH	BÌNH	09/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5.5	2.8	2.25	
37	050037	022311001477	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂM	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	4.25	1.9	1.25	
38	050038	022311013642	PHẠM THÙY	CHÂM	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	3.25	2.2	0.5	

Đơn vị: THPT Lý Thường Kiệt (22_HD_005)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
39	050039	022311001796	NGỤY KHÁNH	CHI	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	6.25	3.4	3.75	
40	050040	022311008028	PHẠM TRÚC	CHI	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	7.25	4.2	7.25	
41	050041	022211009844	NGUYỄN HỮU	CHÍNH	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	6.75	3.6	4.5	
42	050042	022211011697	PHẠM VĂN	CHƯƠNG	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	5	1.8	2.25	
43	050043	022211013574	NGUYỄN TIẾN	CÔNG	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	5.25	3.6	4.25	
44	050044	022211010384	NGUYỄN VĂN	CÔNG	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	7	3.5	3.75	
45	050045	022311009406	HÀ THỊ	CÚC	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	4	3	1.75	
46	050046	022211009198	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	4.25	5.5	2.5	
47	050047	022211008596	PHẠM HÙNG	CƯỜNG	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5.5	2	4	
48	050048	022211010054	PHẠM VĂN	CƯỜNG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	4.25	2.2	2.25	
49	050049	022311006309	VI THỊ KIM	DUNG	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	4.5	2	2.75	
50	050050	022211007998	BÙI KHÁNH	DUY	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	5.75	2.6	3	
51	050051	022211011324	LÝ KHÁNH	DUY	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	1.5	2.2	1.25	
52	050052	022211006417	NGUYỄN VĂN BẢO	DUY	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	2.75	2.4	1.5	
53	050053	022211009021	PHẠM KHÁNH	DUY	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	2.25	2.4	2.75	
54	050054	022311008304	PHẠM THỊ	DUYÊN	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	6.5	4.5	2.75	
55	050055	022311011677	CAO THỊ THÙY	DƯƠNG	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5.5	2.2	4.25	
56	050056	022211008701	HOÀNG MINH	DƯƠNG	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	4	2.2	1.75	
57	050057	022311003320	LÊ THÙY	DƯƠNG	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5	2.4	2.75	
58	050058	022311005633	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	5	5.3	4.25	

Đơn vị: THPT Lý Thường Kiệt (22_HD_005)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
59	050059	022311002107	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	4.5	1.9	2.25	
60	050060	022211007841	NGUYỄN TRẦN BÌNH	DƯƠNG	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5.25	3	5	
61	050061	022211005759	VI VĂN	DƯƠNG	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	4.75	1.6	2	
62	050062	022311004100	PHẠM LINH	ĐAN	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7.75	2.6	3.5	
63	050063	036211023464	LÊ VŨ	ĐẠT	24/10/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	5.5	3.3	1.75	
64	050064	022211009667	PHẠM THÀNH	ĐẠT	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	4	4.2	2.75	
65	050065	022211005065	VŨ HOÀNG THÀNH	ĐẠT	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	4.5	3.4	2.75	
66	050066	022211013774	PHẠM TRẦN HẢI	ĐĂNG	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7.5	7	3.5	
67	050067	022211000379	ĐỖ TRIỆU	ĐÔ	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	4.25	2.6	1.5	
68	050068	022211004289	BÙI VĂN	ĐỨC	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	7.5	4.4	6.75	
69	050069	022211010776	ĐỖ MINH	ĐỨC	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	4.75	2.8	3	
70	050070	022211008807	LÊ VĂN	ĐỨC	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	3.25	1.8	1.75	
71	050071	022211005573	LÝ ANH	ĐỨC	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5.5	1.8	1.25	
72	050072	022211008391	PHẠM HOÀNG	ĐỨC	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	3.75	2.6	2.75	
73	050073	022311007638	ĐỖ HƯƠNG	GIANG	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	1.25	1.9	1.75	
74	050074	022311012316	BÙI NGỌC	HÀ	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.5	2.6	2.5	
75	050075	022311008278	KHUẤT VŨ DIỆP	HÀ	10/07/2011	Tỉnh Sơn La	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.25	2.4	3	
76	050076	022311003737	LƯƠNG THU	HÀ	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	7.75	4	4.75	
77	050077	022311011160	NGUYỄN HOÀNG	HÀ	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	6.5	3.2	2	
78	050078	022311006084	PHẠM THỊ	HÀ	17/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	6.5	2.8	4	

Đơn vị: THPT Lý Thường Kiệt (22_HD_005)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
79	050079	022211004954	LÊ ĐỨC	HẢI	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	3.25	2	0.5	
80	050080	022311007002	BÙI THỊ MINH	HẰNG	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7	2.6	2.75	
81	050081	022311011852	ĐẶNG THỊ MINH	HẰNG	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5.75	2.6	3.75	
82	050082	002311010508	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	29/01/2011	Tỉnh Tuyên Quang	Nữ	Tày	TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7.75	3	4	
83	050083	022311013633	PHẠM THANH	HẰNG	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	7	7.2	2.5	
84	050084	022311004789	PHẠM THANH	HẰNG	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	3.5	3.6	1.5	
85	050085	037310008990	TRẦN THỊ THU	HẰNG	18/08/2010	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.25	2	2.5	
86	050086	022311009814	HOÀNG BẢO	HÂN	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.25	4.2	6	
87	050087	022311004551	LÊ ĐỖ BẢO	HÂN	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5.75	2.4	2.25	
88	050088	022311009726	PHẠM THỊ	HIỀN	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	4.75	2.6	3.25	
89	050089	022211012442	NGÔ THÀNH	HIỆP	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	2.25	2.4	3.5	
90	050090	022211001133	ĐẶNG TRUNG	HIẾU	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	4.5	2.6	2.5	
91	050091	022211010532	NGUYỄN VĂN	HIẾU	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	7.25	5.6	8.75	
92	050092	022311012849	SẺN BẢO	HOA	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	8.25	5.2	4.75	
93	050093	022311008298	HOÀNG THỊ	HÒA	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	4.25	1.8	1.75	
94	050094	022211009821	PHẠM HUY	HOÀNG	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	5.5	3.4	2.75	
95	050095	022211003093	PHẠM NGỌC	HOÀNG	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6	2.6	3.25	
96	050096	022211007917	PHẠM VIỆT	HOÀNG	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	6	2.8	2.75	
97	050097	022311005604	NGUYỄN ĐỨC NHÃ	HỒNG	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5	1.8	2	
98	050098	022311007287	ĐỖ GIA	HUỆ	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	7.25	4.2	3.75	

Đơn vị: THPT Lý Thường Kiệt (22_HD_005)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
99	050099	022311008540	HOÀNG KIM	HUỆ	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	5.5	2	2	
100	050100	022311009266	NGUYỄN THU	HUỆ	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	7.25	3	3.5	
101	050101	022211003545	ĐỖ VIỆT	HÙNG	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.25	2.2	2.75	
102	050102	022211003034	HOÀNG VĂN	HÙNG	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	3.5	2	0.75	
103	050103	022211003854	LÝ VĂN	HÙNG	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	2.5	2	1.25	
104	050104	022211007486	MẠC TRÍ	HÙNG	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7	2.6	2.75	
105	050105	022211012306	BÙI GIA	HUY	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	5.75	2.8	3.25	
106	050106	022211011846	ĐỖ QUANG	HUY	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	5.5	2.4	2	
107	050107	022211010570	NGUYỄN GIA	HUY	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	8	4.8	6	
108	050108	022211004645	NGUYỄN GIA	HUY	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6	3.8	2.75	
109	050109	022211004204	NGUYỄN QUANG	HUY	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	0.5	2.8	0.75	
110	050110	022211006014	NGUYỄN VĂN	HUY	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	5	4.3	2.75	
111	050111	022211014809	TRẦN ĐỨC	HUY	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	4.75	4.5	3.25	
112	050112	031211015568	VŨ VĂN	HUY	30/07/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	8.25	5.8	9	
113	050113	022311006804	ĐOÀN KHÁNH	HUYỀN	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7.25	6	5.5	
114	050114	022311006394	LÊ THỊ NGỌC	HUYỀN	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	2.5	2.1	1.5	
115	050115	022311003649	PHẠM KHÁNH	HUYỀN	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7.25	2.8	2.25	
116	050116	022211011366	NGUYỄN THÀNH	HƯNG	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	6	1.7	3	
117	050117	022211011249	NGUYỄN TUẤN	HƯNG	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7.75	5.2	2.75	
118	050118	033211011069	TRẦN QUỐC	HƯNG	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5.25	3.8	2.75	

Đơn vị: THPT Lý Thường Kiệt (22_HD_005)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
119	050119	022311003410	HÀ THỊ LAN	HƯƠNG	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	8.25	4.4	4	
120	050120	022311013060	TRƯƠNG THỊ	HƯỜNG	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	7.25	4.3	0.75	
121	050121	034211000247	NGUYỄN BẢO	KHANG	11/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	1.5	1.8	1	
122	050122	022211009220	TẠ GIA	KHANG	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5.75	5.6	4	
123	050123	022211010305	NGUYỄN ĐỨC GIA	KHÁNH	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.25	5.2	4.5	
124	050124	022211007160	NGUYỄN SỸ QUỐC	KHÁNH	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	6.25	3.7	3.25	
125	050125	022211013590	PHẠM DUY	KHÁNH	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	2.75	1.8	1.75	
126	050126	022211006392	VI NAM	KHÁNH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	4	2.6	1.25	
127	050127	022211000195	VŨ DUY	KHÁNH	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.5	1.8	5.5	
128	050128	022211005174	NGUYỄN ANH	KHOA	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	3	1.6	1.25	
129	050129	022211010470	PHẠM VIỆT	KHOA	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	1.5	1.9	1	
130	050130	022211013272	NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	2.5	1.8	1.75	
131	050131	022211012880	NGUYỄN MINH	KHÔI	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7.75	5.2	4	
132	050132	022211010157	NGUYỄN THẾ	KHỞI	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	7	6.4	5.5	
133	050133	022211007305	HOÀNG	KỲ	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.25	2.2	1.5	
134	050134	022311005186	VI BẢO	LAM	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	6	4	4.25	
135	050135	022311006090	HOÀNG NGỌC	LAN	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.5	4.4	2.25	
136	050136	022311008141	NGUYỄN NGỌC	LAN	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	3.75	2.3	1.75	
137	050137	022211008988	ĐÀO MINH	LÂM	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	5.25	2	2.25	
138	050138	022211010649	LÊ TÙNG	LÂM	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	6.75	7.6	5.5	

Đơn vị: THPT Lý Thường Kiệt (22_HD_005)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
139	050139	022211003192	BẾ QUANG	LINH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	5.5	2.6	3.75	
140	050140	022311003178	BÙI DIỆU	LINH	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	6.75	4.2	4.25	
141	050141	022311006913	BÙI THỊ KHÁNH	LINH	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.25	3.4	3.25	
142	050142	022311003991	LÊ BẢO	LINH	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	5.75	3.4	3.75	
143	050143	022311008920	NGÔ THỊ THÙY	LINH	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	7	3	2.5	
144	050144	038311029162	NGUYỄN KHÁNH	LINH	20/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	5	6.3	2.75	
145	050145	022311006361	PHẠM HOÀNG	LINH	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	8.25	7.8	6	
146	050146	022311011962	PHẠM THỊ HỒNG	LINH	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	5	4.1	1.25	
147	050147	022311012071	VI HOÀNG	LINH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6	2.8	4.25	
148	050148	030311013791	BÙI THỊ THANH	LOAN	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5.5	2.8	4	
149	050149	022311011071	TRẦN THỊ KIM	LOAN	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	7	2.4	3.5	
150	050150	022211010041	BÙI ĐỨC	LONG	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.5	3.2	3	
151	050151	022211007994	BÙI THÀNH	LONG	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.75	2.6	2.75	
152	050152	022211007275	LƯƠNG NHẬT	LONG	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	3.5	3	1.5	
153	050153	022211001866	NHỮ VI TRƯỜNG	LONG	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	4.75	4.2	3	
154	050154	022211002732	VI VĂN	LONG	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5	3	2.75	
155	050155	022211001297	TẰNG HỮU	LỢI	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	4.5	2	0.75	
156	050156	022211012913	VI VĂN	LUÂN	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	5	3	3.25	
157	050157	022311007956	PHÙN XUÂN	LUYẾN	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	7.75	3.2	3.5	
158	050158	022211005547	TRẦN ĐỨC	LƯƠNG	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	3.75	2.6	2	

Đơn vị: THPT Lý Thường Kiệt (22_HD_005)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
159	050159	022211005313	BÙI CÔNG	LÝ	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	5.75	4.2	4	
160	050160	022311003603	ĐÀO THỊ TUYẾT	MAI	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	4.25	2	1.25	
161	050161	022311005715	HOÀNG NHUNG	MAI	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	7	2.6	1.25	
162	050162	022311011241	NGUYỄN NGỌC	MAI	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	6	3.8	2.75	
163	050163	022211008521	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Trung	7.75	8.8	6	
164	050164	022211013337	PHẠM VĂN	MẠNH	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	4	2	3.75	
165	050165	022211008700	BÙI ĐỨC	MINH	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.75	3	3.5	
166	050166	031211013515	CAO HỮU	MINH	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5.5	2.6	1.25	
167	050167	022311002432	DƯƠNG THỊ THANH	MINH	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.75	2.6	2.5	
168	050168	022211002975	VI CAO	MINH	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7	5.8	7.5	
169	050169	022311012982	TẠ TRÀ	MY	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.25	2.8	2.75	
170	050170	022211009625	HOÀNG GIANG	NAM	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	4.5	2	0.75	
171	050171	022211008978	HOÀNG HẢI	NAM	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	4	3.2	1.75	
172	050172	022211014121	NGUYỄN NHẬT	NAM	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	5.25	2.8	2.25	
173	050173	022211012944	PHẠM HẢI	NAM	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	2.75	2.6	1.75	
174	050174	022211002226	PHẠM VĂN	NAM	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	2.5	2	1	
175	050175	022211004811	TRẦN ĐẠI	NAM	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5.5	4	4.5	
176	050176	022311008508	HOÀNG THU	NGÂN	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	7	3	3	
177	050177	022311004589	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	5	2.6	1	
178	050178	031211004573	LƯƠNG TRUNG	NGHĨA	11/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	5.5	3.5	3.5	

Đơn vị: THPT Lý Thường Kiệt (22_HD_005)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
179	050179	022311011881	ĐẶNG THỊ	NGOAN	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	2.75	1.3	1.75	
180	050180	022211001453	NGUYỄN BẢO	NGỌC	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	5	1.6	2.5	
181	050181	022311000215	NGUYỄN HÀ MINH	NGỌC	20/11/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.75	2.6	3.25	
182	050182	022311000149	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGỌC	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	4.5	4.5	3	
183	050183	022311000856	NGUYỄN HOÀNG KIM	NGỌC	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	6.25	5.8	1	
184	050184	022311007932	NGUYỄN HOÀNG	NGỌC	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	6.75	5.8	2.25	
185	050185	022311001786	PHẠM BẢO	NGỌC	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.25	3.2	4	
186	050186	022311007337	PHÙN THỊ BẢO	NGỌC	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	6.75	4.2	4.5	
187	050187	022311005083	TĂNG HỒNG	NGỌC	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	4.75	3.3	1	
188	050188	022211013031	VŨ BẢO	NGỌC	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	8.25	2.2	4	
189	050189	019210010427	NGUYỄN CAO	NGUYÊN	27/08/2010	Tỉnh Thái Nguyên	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	5.5	2.6	3.25	
190	050190	022211006183	TRỊNH QUANG	NGUYÊN	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	5.25	2	3	
191	050191	022211005894	ĐOÀN THANH	NHÀN	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	3.75	2.8	1.5	
192	050192	022311010484	ĐẶNG TUYẾT	NHI	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	4.75	3	2.25	
193	050193	012311007368	LÊ HOÀNG BẢO	NHI	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5.5	2.4	2	
194	050194	022311009218	LƯƠNG THỊ YẾN	NHI	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	6.25	3.7	4.75	
195	050195	022311001445	MẠC THỊ UYÊN	NHI	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	5	3.6	2.75	
196	050196	022311012816	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	5.25	6.4	3.5	
197	050197	022311010926	PHẠM THỊ YẾN	NHI	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	6.75	3	2.25	
198	050198	022311000801	PHÓ LÊ TUYẾT	NHI	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hán	TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	4.5	2.8	3	

Đơn vị: THPT Lý Thường Kiệt (22_HD_005)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
199	050199	022311007619	PHẠM HỒNG	NHUNG	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	3.25	2	1.25	
200	050200	022311002689	PHẠM TƯỜNG	NHƯ	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	7.25	4.8	6.25	
201	050201	022311008435	PHẠM DIỆU	NƯƠNG	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	5.25	2.4	2.25	
202	050202	022211012148	CAO ĐỨC	PHÁT	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.5	3	1.75	
203	050203	022211000228	ĐỖ HÙNG	PHI	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	2.25	2.4	1.5	
204	050204	022211001093	BÙI ĐỨC	PHONG	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	5.5	3.2	2.75	
205	050205	022211003087	NGUYỄN THANH	PHONG	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	3.75	2.2	2.25	
206	050206	022211007217	PHẠM NAM	PHONG	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	3.75	3	3	
207	050207	022211009760	PHẠM TIẾN	PHONG	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	3.5	1.8	1.25	
208	050208	022211004525	ĐỖ HUY	PHÚC	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	3	1.4	0.25	
209	050209	022211011523	TRIỆU DUY	PHÚC	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	4.25	2.4	1.25	
210	050210	022311003433	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	8.25	4.8	5.5	
211	050211	022311000136	PHẠM THỊ HỒNG	PHƯƠNG	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	4.75	3.2	0.75	
212	050212	022311009159	PHẠM THU	PHƯƠNG	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	7.75	8.1	3.25	
213	050213	022311012831	PHẠM THU	PHƯƠNG	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.75	2.4	3	
214	050214	022311008696	TRẦN LÊ THU	PHƯƠNG	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7	8.4	4	
215	050215	022311005651	HÀ KIM	PHƯỢNG	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	5.5	3	3.25	
216	050216	022211005073	NGUYỄN VĂN	QUÂN	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	4.5	1.8	3.5	
217	050217	022211003957	TẠ VĂN	QUÝ	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	4.75	1.6	3.5	
218	050218	022311007818	PHẠM HOÀNG	QUYÊN	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	5	4.4	5.25	

Đơn vị: THPT Lý Thường Kiệt (22_HD_005)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
219	050219	022311005571	PHẠM LỆ	QUYÊN	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	3.5	2.2	1.5	
220	050220	022311009622	BÙI THỊ NHƯ	QUỲNH	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	3.75	1.8	3.25	
221	050221	031211003239	NGUYỄN ĐẠI	SƠN	24/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	3.75	2.2	1.5	
222	050222	022211013278	NGUYỄN NAM	SƠN	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	5	2.4	2	
223	050223	022211005923	NGUYỄN XUÂN	TÁ	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	4	2.2	0.75	
224	050224	022211002738	NGUYỄN HOÀNG	TÂM	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	5.25	4	3.75	
225	050225	022311006054	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	5	4	1.5	
226	050226	022311009712	PHẠM THỊ	TÂM	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	2.75	2.2	2.25	
227	050227	022211002394	DƯƠNG CÔNG	THÁI	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	1.25	2.6	1.75	
228	050228	022211008782	LÊ HỒNG	THÁI	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	3.75	2.6	2.5	
229	050229	022211000203	MAI HOÀNG	THÁI	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	6.25	6.2	3.25	
230	050230	022311009463	PHẠM THỊ	THANH	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	5	2.8	2.75	
231	050231	022211005699	HOÀNG ĐỨC	THÀNH	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	4.5	3.6	3.25	
232	050232	022211003227	PHẠM KIM	THÀNH	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	3.25	2.8	3.25	
233	050233	022311007035	BÙI THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	3.75	2.1	0.75	
234	050234	022311004073	PHẠM THANH	THẢO	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	6	3	3.25	
235	050235	022211010847	ĐẶNG QUANG	THẮNG	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	3.25	1.6	3.25	
236	050236	022211004896	LÊ CAO	THẮNG	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5	3	1	
237	050237	022211000453	NGUYỄN VĂN QUANG	THẮNG	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	6.5	3.4	4.75	
238	050238	022210009607	PHẠM VĂN	THẮNG	20/08/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	5	3.4	0.5	

Đơn vị: THPT Lý Thường Kiệt (22_HD_005)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
239	050239	022211010704	ĐỖ TRƯỜNG	THỊNH	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5	1.8	1.75	
240	050240	022211013645	TRẦN TẤT	THỌ	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7	3.2	4	
241	050241	022311009229	PHẠM ANH	THƠ	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	7	3.4	3	
242	050242	022211008799	CAO ĐỨC	THUẬN	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6	4	3	
243	050243	022211005153	PHẠM VĂN	THUẬN	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	4.75	2.2	1.5	
244	050244	022311011545	CAO THỊ THU	THỦY	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	4.75	4.2	2.5	
245	050245	027211004026	NGUYỄN VŨ	THỦY	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	4.75	2.2	2.25	
246	050246	022311007108	ĐỖ THANH	THÚY	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	5.5	5.8	3.75	
247	050247	022311004571	NGUYỄN ANH	THƯ	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.25	3.2	2	
248	050248	022311001306	NGUYỄN THỊ THANH	THƯ	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6	3.2	1.25	
249	050249	022311006949	NGUYỄN TRẦN ANH	THƯ	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	5.5	3.6	4.75	
250	050250	022311009369	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7.75	2.8	3	
251	050251	022311009023	PHẠM THỊ	THƯƠNG	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	4.5	0.7	1.5	
252	050252	022311001432	VŨ THỊ ANH	THƯƠNG	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	3.5	3.6	1	
253	050253	038211017894	NGÔ THÁI	THƯỢNG	20/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6	2.4	3.5	
254	050254	022211007321	ĐỖ XUÂN	TOÀN	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	4	2.6	1.75	
255	050255	022311004700	LÊ HUYỀN	TRANG	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	3.5	3.1	0.75	
256	050256	022311012711	NGUYỄN THÙY	TRANG	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	6.25	4.4	3.25	
257	050257	022311005212	PHẠM QUỲNH	TRANG	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7.75	3.8	2.5	
258	050258	022311011804	PHẠM THẢO	TRANG	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	6.75	3	3.25	

Đơn vị: THPT Lý Thường Kiệt (22_HD_005)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
259	050259	022311005691	TẠ THỊ THU	TRANG	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.5	2.6	3.5	
260	050260	022311004539	TRẦN BẢO	TRANG	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	8	5	5.25	
261	050261	022311012008	VI THANH	TRANG	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	4.5	2.4	2.5	
262	050262	022311004558	VI THÙY	TRANG	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7	3	0.75	
263	050263	022311007509	VŨ HUYỀN	TRANG	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7	2.6	1.75	
264	050264	019311000092	VŨ TRẦN PHƯƠNG	TRANG	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	8.25	4.4	4.25	
265	050265	022311006664	VY THỊ HÀ	TRANG	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7.5	2.4	3	
266	050266	022311002614	BÙI NGỌC	TRÂM	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	8.25	4.9	2.75	
267	050267	022311004756	HOÀNG NGỌC	TRÂM	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	5.5	2.6	1.75	
268	050268	022311005949	PHẠM THÙY	TRÂM	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	7	2.6	2.5	
269	050269	022211012275	NGÔ ĐÌNH	TRỌNG	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	3.5	3	2.5	
270	050270	022311003878	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5.75	5.8	3.75	
271	050271	022311003425	TRỊNH THANH	TRÚC	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7	3.2	2.5	
272	050272	022211004927	ĐỖ VIỆT	TRUNG	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	3	2.4	3	
273	050273	022211003738	MẠC VĂN	TRUNG	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	4.75	3.2	1.25	
274	050274	022211009095	NGUYỄN VĂN	TRUNG	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	1	4.2	1.75	
275	050275	022211000196	PHẠM THÀNH	TRUNG	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	5	2.6	3.75	
276	050276	022211003250	TRƯƠNG THÀNH	TRUNG	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	1.75	1.4	1.25	
277	050277	022211004642	NGUYỄN MINH	TRƯỜNG	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	4	1.8	2.25	
278	050278	022211006567	TRẦN NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	5	2.6	2.75	

Đơn vị: THPT Lý Thường Kiệt (22_HD_005)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
279	050279	022211002065	ĐÀO VĂN	TRƯỜNG	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	4.75	2.2	2.25	
280	050280	022311001692	LÊ NGỌC	TÚ	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7.75	2.8	4.25	
281	050281	030211004781	VŨ TUẤN	TÚ	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	5	2.2	1.5	
282	050282	022211001630	ĐỖ MINH	TUẤN	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	2.5	1.6	2.5	
283	050283	022211013095	LÝ NGỌC	TUẤN	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	2.75	3.6	3	
284	050284	024211005423	NGUYỄN ANH	TUẤN	28/01/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5.5	2.4	5	
285	050285	022211004870	PHẠM ANH	TUẤN	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Anh	3.75	3.8	3.25	
286	050286	022211007879	VI HỮU	TUẤN	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5	2.4	2.75	
287	050287	022211009308	LÊ ĐỖ MINH	TÙNG	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	6.25	1.8	2.75	
288	050288	022211006918	PHẠM ĐÌNH	TÙNG	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	3	1.4	1.25	
289	050289	022211004861	TRẦN XUÂN	TÙNG	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	3.75	1.8	3.5	
290	050290	022211004055	VI VĂN	TÙNG	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	2.5	3.4	3	
291	050291	022310006891	LÝ THỊ	TƯƠI	14/11/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	5.5	4.2	1	
292	050292	022311005080	HOÀNG THỊ THU	UYÊN	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	4.75	2	4.25	
293	050293	022311005578	ĐINH THỊ HẢI	VÂN	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	3	2.1	2.25	
294	050294	022311002057	NGUYỄN THỊ	VÂN	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	4.5	1.6	1.5	
295	050295	022311011265	PHẠM THẢO	VÂN	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	6	2	2	
296	050296	022311003208	VŨ CHÂN	VÂN	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	3.5	1.8	1.5	
297	050297	022311013732	ĐỖ NGỌC	VI	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5.75	1.2	2.25	
298	050298	022211009144	PHẠM THẾ	VIỆT	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	5.75	3.2	3.75	

Đơn vị: THPT Lý Thường Kiệt (22_HD_005)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
299	050299	022210008183	BÙI VĂN	VINH	18/11/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Trung	2.5	1.6	0.75	
300	050300	022311006061	TRẠC MINH	VY	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Đông	Tiếng Anh	8.25	5	5.5	
301	050301	022311005945	VI KIỀU	VY	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Yên	Tiếng Trung	3.25	1.9	3	
302	050302	022211013954	HOÀNG ĐẠI	VỸ	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	3.75	1.8	2.75	
303	050303	022311003680	HÀ THỊ	XUÂN	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	2.75	2.8	0.75	
304	050304	022311001274	CAO THỊ KIM	YẾN	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	2.5	1.4	1.25	
305	050305	022311013731	ĐỖ NGỌC	YẾN	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Tiến	Tiếng Anh	7.75	2.6	2.25	
306	050306	022311004381	PHẠM NGỌC	YẾN	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Nghĩa	Tiếng Anh	7.75	3.4	4.5	

(Danh sách này gồm có 306 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	060001	022311003966	ĐẶNG BẢO	AN	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	8	10	6.5	
2	060002	022311000717	NGUYỄN NGỌC HÀ	AN	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6.5	4	2.5	
3	060003	022311007009	PHẠM HÀ	AN	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7	6	3.25	
4	060004	022311010984	BÙI LAN	ANH	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	8.5	6.8	4.5	
5	060005	022311002669	BÙI THỊ VIỆT	ANH	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	7	4.2	4	
6	060006	022311008730	BÙI THỊ YẾN	ANH	06/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.25	3.2	4.25	
7	060007	022211002623	BÙI TUẤN	ANH	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	3	3.4	2.25	
8	060008	022311004014	ĐẶNG TRANG	ANH	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	6.8	4.25	
9	060009	022311006180	ĐỖ KIỀU	ANH	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.5	5.8	2.75	
10	060010	022311000122	ĐỖ KIỀU	ANH	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	6.25	4.6	4.5	
11	060011	031211000349	MẠC VŨ VĂN NHẬT	ANH	10/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	2.75	3.8	1.25	
12	060012	022211005811	MAI VIỆT	ANH	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.25	9.4	6.25	
13	060013	022311003142	NGÔ PHƯƠNG	ANH	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6	2.2	2.25	
14	060014	022211012856	NGUYỄN ĐẶNG ĐỨC	ANH	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.5	9.4	7.25	
15	060015	022311004977	NGUYỄN MINH	ANH	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6	3.8	2	
16	060016	022211005582	NGUYỄN PHAN	ANH	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5	8.2	6.25	
17	060017	022311003384	NGUYỄN QUỲNH	ANH	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.5	4	2	
18	060018	022311007980	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	4.75	3.2	4.25	
19	060019	022311008873	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	ANH	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	4	3.4	4.5	
20	060020	022311001126	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	8	7.2	7	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
21	060021	022311006076	NGUYỄN THÙY	ANH	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.25	5.2	4.25	
22	060022	038211020869	NGUYỄN TUẤN	ANH	26/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6.25	5.2	3.5	
23	060023	034311010878	PHẠM ĐAN	ANH	03/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	4.6	6	
24	060024	030311008147	PHẠM NGỌC	ANH	19/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.5	3.8	4.25	
25	060025	022311010964	PHÙN THỊ QUỲNH	ANH	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTNT TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.5	3.6	2.75	
26	060026	034211006524	TRẦN HẢI	ANH	03/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.5	4.6	3.5	
27	060027	022211004981	TRẦN NGỌC	ANH	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	3	3.6	1.75	
28	060028	022311010987	TRẦN PHƯƠNG	ANH	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	5.4	3.75	
29	060029	022311003023	TRẦN QUỲNH	ANH	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	5.25	3.4	3	
30	060030	046311002520	TRẦN THỊ QUỲNH	ANH	20/10/2011	Thành phố Huế	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	5.5	4.8	3.25	
31	060031	022311003607	TRIỆU THỊ NGUYỆT	ANH	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	8.75	9.2	8	
32	060032	022211004516	TRỊNH ĐỨC	ANH	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	3.5	3	2	
33	060033	022311004841	TRỊNH THỊ LAN	ANH	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.25	3.6	2.75	
34	060034	022211002944	TRƯƠNG TUẤN	ANH	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PTNT TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	3.75	4.2	2.25	
35	060035	022311012613	VŨ MINH	ANH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	8.5	7.4	7.25	
36	060036	022311000431	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	7.5	4.8	6.5	
37	060037	022311010949	PHẠM HỒNG	ÁNH	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	4.75	3.4	2.75	
38	060038	022311010954	VOÒNG THỊ NGỌC	ÁNH	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	PTNT TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4	2.6	1	
39	060039	022311006396	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5	4.2	7.75	
40	060040	022211009548	NGUYỄN THÁI	BẢO	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.25	9.6	7.25	
41	060041	022211001760	NGUYỄN VĂN	BẢO	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	3.5	3.2	3	
42	060042	022211013886	ĐÀO VĂN	BẮC	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5	4.4	3	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
43	060043	022311008911	HOÀNG THỊ NGỌC	BÍCH	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	5.25	4.8	3	
44	060044	022311008422	LÊ THỊ NGỌC	BÍCH	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	7	4.6	6.25	
45	060045	022311003062	NGUYỄN NGỌC	BÍCH	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.25	5	2.5	
46	060046	022311002779	LÝ BÌNH	BÌNH	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	8.6	5	
47	060047	022211002950	PHAN NINH	BÌNH	04/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4	5	4.75	
48	060048	022311001525	PHẠM TÚ	CẦM	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.5	3.2	2	
49	060049	022311011938	HOÀNG MINH	CHÂU	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	6	5.4	3.75	
50	060050	001311037350	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	03/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.25	9	6	
51	060051	022311009446	ĐỖ THÙY	CHI	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.25	3.8	4.5	
52	060052	022311009117	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	8	4	
53	060053	022311012706	NGUYỄN THÙY	CHI	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	4.75	2.6	2.25	
54	060054	022311010282	PHẠM NGỌC KHÁNH	CHI	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4	4.2	6.25	
55	060055	022311001323	PHẠM THỊ TUYẾT	CHI	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5	1.8	3	
56	060056	022311012542	TĂNG THỊ	CHI	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	3.5	2	3.75	
57	060057	022211009949	NGUYỄN MINH	CHIẾN	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	5.2	5	
58	060058	022311012752	NGUYỄN THỊ MÊ	CHIN	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	7	3.6	4.25	
59	060059	022311010920	PHÙN DÙNG	CHÍNH	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	7	7	5	
60	060060	022211008356	DOÃN VIỆT	CHUNG	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4	2.6	2.25	
61	060061	022211008608	NGUYỄN VĂN	CHUNG	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	4.5	2.8	3	
62	060062	022211013333	NGUYỄN LÊ THÀNH	CÔNG	17/02/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	10	8.25	
63	060063	022211003864	NGUYỄN TRÍ	CỪ	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	3.4	4	
64	060064	022211013230	BÙI MẠNH	CƯƠNG	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	3.75	6.8	2.5	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
65	060065	022211002740	ĐỖ VIỆT	CƯỜNG	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	6.75	4.4	4.75	
66	060066	022211001883	LƯƠNG GIA	CƯỜNG	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.25	8	3.25	
67	060067	022211000419	PHẠM MẠNH	CƯỜNG	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.75	4.8	2.5	
68	060068	022211010789	PHẠM TRUNG VIỆT	CƯỜNG	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5	6.2	4.5	
69	060069	022311011653	BÙI THỊ NGỌC	DIỄM	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6	5.8	5.5	
70	060070	022311006721	MAI BÍCH	DIỆP	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	6.5	5	3	
71	060071	042311004426	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6.75	7.8	4.25	
72	060072	022311001615	NGUYỄN PHÚC NGỌC	DIỆP	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.25	8.2	7	
73	060073	022311004963	NGUYỄN PHƯƠNG	DIỆP	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.5	9	5.25	
74	060074	022311009561	PHẠM NGỌC	DIỆP	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	9.6	8.5	
75	060075	022311012489	VŨ NGỌC	DIỆP	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6	6.6	7.5	
76	060076	022311003761	NGUYỄN THỊ	DUNG	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4	4	2.75	
77	060077	022311008573	PHAN NGỌC MỸ	DUNG	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.25	9.8	7	
78	060078	022311000095	PHÙNG THÙY	DUNG	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.25	8.2	5.75	
79	060079	022211011868	BÙI ĐỨC	DŨNG	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	4	3.4	2.75	
80	060080	036211018536	ĐINH MẠNH	DŨNG	08/04/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7	8	5.75	
81	060081	022211013815	ĐINH VIỆT	DŨNG	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	7	2	5	
82	060082	022211004857	NGUYỄN MẠNH	DŨNG	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.5	4	5.25	
83	060083	022211004604	NGUYỄN QUANG	DŨNG	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.75	3.2	4.5	
84	060084	030211002533	TRẦN TRUNG	DŨNG	01/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	5.8	4.25	
85	060085	022211013165	BÙI TIẾN	DUY	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.25	2.6	3.5	
86	060086	022211005599	ĐẶNG THÀNH	DUY	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	5.25	4.6	3	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
87	060087	022211003949	HỒ QUỐC	DUY	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5	4	4.5	
88	060088	022211008198	LÊ MẠNH	DUY	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cái Chiên	Tiếng Anh	5	4	4.25	
89	060089	022211011796	PHẠM ĐỨC	DUY	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cái Chiên	Tiếng Anh	6.25	4.2	3.75	
90	060090	022211006452	PHẠM KHÁNH	DUY	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5	3.4	2	
91	060091	022211004266	ĐINH HÀ	DƯƠNG	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.25	5.2	6.5	
92	060092	022311001762	NGUYỄN THÁI THÙY	DƯƠNG	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	7.5	5	7.5	
93	060093	022311012669	NGUYỄN THỊ Á	DƯƠNG	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	7	5.6	5.75	
94	060094	022311002641	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.25	4	2.5	
95	060095	022311012913	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.75	2.6	4.5	
96	060096	022211004990	NGUYỄN VĂN	DƯƠNG	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.75	3.4	3	
97	060097	022311005720	PHẠM THÙY	DƯƠNG	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6.5	6.4	7.25	
98	060098	022211001301	VŨ ĐĂNG	ĐẠI	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	2.75	2.4	0.5	
99	060099	022311013793	NGUYỄN LINH	ĐAN	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6	9.6	7	
100	060100	022311005373	NGUYỄN THỊ LINH	ĐAN	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6.75	3.2	2.25	
101	060101	022211006179	BÙI XUÂN	ĐẠT	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.75	3	5.5	
102	060102	022211009431	ĐINH NHƯ	ĐẠT	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	4	5	3.25	
103	060103	022211010558	LƯƠNG TẤT	ĐẠT	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.25	7	6.75	
104	060104	022211005286	NGUYỄN HỮU	ĐẠT	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.75	2.8	3.25	
105	060105	022211009788	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	5.25	4.2	3.5	
106	060106	022211012849	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	2.5	4	2	
107	060107	022211005267	PHẠM THÀNH	ĐẠT	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	4.5	5.2	3.75	
108	060108	022211000473	VŨ TIẾN	ĐẠT	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.5	6.4	7.5	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
109	060109	022211001412	NGUYỄN VĂN	ĐỊNH	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	6	2.6	3	
110	060110	022211007863	BẾ CÔNG	ĐOÀN	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	7	5.4	7	
111	060111	022211012951	MẠC NGUYỄN	ĐOÀN	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6	4.2	8.25	
112	060112	022211013002	NGÔ VĂN HẢI	ĐÔNG	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	7.75	3.6	4.75	
113	060113	022211004585	ĐINH MINH	ĐỨC	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7	9	7.25	
114	060114	022211001416	ĐỖ VĂN	ĐỨC	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	4.4	3.5	
115	060115	022211012607	HÀ HUY	ĐỨC	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.25	7.2	6	
116	060116	022211010039	TRẦN MINH	ĐỨC	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	3.25	3.6	4	
117	060117	022211002862	TRẦN VIỆT	ĐỨC	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	4	2.8	3	
118	060118	022311008661	LÊ HƯƠNG	GIANG	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6	3.8	3.25	
119	060119	022311013012	LƯU TRẦN HƯƠNG	GIANG	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.5	8.6	7	
120	060120	037311006439	TẠ THÙY	GIANG	30/03/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	6	5.5	
121	060121	022311012603	CHU NGỌC	HÀ	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	4.25	3.8	2.75	
122	060122	022311007212	ĐẶNG HẢI	HÀ	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.25	8.6	2.5	
123	060123	022311002106	ĐINH NGÂN	HÀ	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	6.6	4.25	
124	060124	022311010744	KHỔNG LÊ	HÀ	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	8	9	7	
125	060125	022311004746	LƯU BÍCH	HÀ	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.25	7.6	5.75	
126	060126	022311009978	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	HÀ	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4	4	1.75	
127	060127	022311002982	PHẠM THỊ THANH	HÀ	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cái Chiên	Tiếng Anh	7	2	3	
128	060128	022211008279	PHẠM TUẤN	HÀ	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.75	4.8	4.5	
129	060129	022211006749	TRẦN ĐẠI	HẢI	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.25	5.2	4.75	
130	060130	022211011263	TRẦN MẠNH	HẢI	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.5	3	4.75	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
131	060131	022211011822	TRẦN NAM	HẢI	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.75	1.2	3.5	
132	060132	022311002348	VŨ HỒNG	HẠNH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	7	2	3.75	
133	060133	022311008275	ĐINH THỊ THÚY	HẰNG	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.25	3.2	1.25	
134	060134	031311001911	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	27/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.25	3.6	2.25	
135	060135	022311002293	PHẠM THỊ MINH	HẰNG	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	7	3.4	3.75	
136	060136	022311007233	PHÙNG THỊ MINH	HẰNG	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	8.25	6.4	4.25	
137	060137	033311007608	TÔ MINH	HẰNG	21/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	7	5	4	
138	060138	031311004976	BÙI NGỌC	HÂN	09/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	6	7.2	6	
139	060139	022311006737	ĐINH GIA	HÂN	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.25	3.6	4.25	
140	060140	022311005547	LÊ NGỌC	HÂN	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7	4.8	3.5	
141	060141	022311012234	LÊ NGỌC	HÂN	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	6.4	3.25	
142	060142	022311003333	NGUYỄN BẢO	HÂN	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7	5.2	5	
143	060143	022211010296	NGUYỄN GIA	HÂN	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	4.5	6.8	3.75	
144	060144	022311010354	NGUYỄN LÊ NGỌC	HÂN	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	9	9.6	7	
145	060145	022311007370	NGUYỄN NGỌC BẢO	HÂN	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.5	3.4	2.5	
146	060146	022311002717	NGUYỄN NGỌC BẢO	HÂN	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.5	8.6	5.5	
147	060147	022311001879	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.5	3.2	3.5	
148	060148	022311010172	PHÙN NGỌC	HÂN	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTNT TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.25	3.6	3.25	
149	060149	022311010091	BẾ THỊ	HIỀN	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PTDT nội trú THCS Hải Hà	Tiếng Anh	5.5	4.8	3.5	
150	060150	022311003921	BÙI THỊ	HIỀN	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	5.75	5.6	4	
151	060151	022311012932	HOÀNG THU	HIỀN	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6	2.2	4.5	
152	060152	022311009890	TRƯƠNG THỊ	HIỀN	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTDT nội trú THCS Hải Hà	Tiếng Anh	4.5	2.4	2.75	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
153	060153	036211001488	NGUYỄN CÔNG	HIỂN	01/08/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.5	9.6	8.25	
154	060154	022211001733	TRIỆU ĐẠI	HIỆP	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.75	3.6	2.75	
155	060155	022211010925	MAI HUY	HIẾU	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6	4.2	3.25	
156	060156	022211002936	PHẠM MINH	HIẾU	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	5.25	3.6	3.25	
157	060157	022211007612	TRƯỞNG VÀ	HIẾU	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PTDT nội trú THCS Hải Hà	Tiếng Anh	6	3.4	3.75	
158	060158	022311008337	TRẦN THỊ	HOA	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.75	3.4	5	
159	060159	022311002981	TRẦN THỊ THANH	HOA	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	6.5	7.6	8	
160	060160	022211008902	CHU VIỆT	HÒA	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cái Chiên	Tiếng Anh	5.75	3.8	3.25	
161	060161	022311005394	ĐẶNG THÚY	HÒA	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	4	2.2	3.25	
162	060162	022311006919	ĐOÀN THỊ THU	HOÀI	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	3.25	2.6	1.75	
163	060163	022211010687	ĐINH VIỆT	HOÀNG	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.5	7.6	8.75	
164	060164	022211007073	ĐỖ HUY	HOÀNG	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	5.5	3.6	3	
165	060165	022211009747	NGUYỄN HỮU	HOÀNG	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.5	4.2	3.75	
166	060166	022211002620	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	5.5	1.8	2.25	
167	060167	022211003360	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	7.2	8.25	
168	060168	022211002778	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	4	5.2	3	
169	060169	022211007981	PHẠM VŨ HUY	HOÀNG	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	4.5	2.8	3.75	
170	060170	022211014832	NGUYỄN THÁI	HỌC	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.25	3.2	5	
171	060171	022311012227	BÙI THỊ KIM	HUỆ	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	3.75	4.4	3.75	
172	060172	022211013161	ĐINH MẠNH	HÙNG	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.25	5.8	4.75	
173	060173	022211009797	NGUYỄN ĐỨC	HÙNG	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.5	6	6.25	
174	060174	022211001303	NGUYỄN ĐỨC	HÙNG	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	7.25	8.6	6.75	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
175	060175	022211003620	NGUYỄN PHI	HÙNG	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	6.25	5.2	7.5	
176	060176	022211011591	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6	9.8	8.75	
177	060177	022211000580	ĐẶNG GIA	HUY	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.75	5.8	3.75	
178	060178	022211012642	HOÀNG GIA	HUY	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.5	3.2	3.25	
179	060179	022211007975	NGUYỄN GIA	HUY	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.25	7.2	6.75	
180	060180	022211010185	NGUYỄN GIA	HUY	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	5	4.25	
181	060181	022211007445	NGUYỄN VĂN	HUY	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	6.75	3	4.25	
182	060182	022211002025	VŨ NHẬT	HUY	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	3.5	6.2	5.5	
183	060183	022311007922	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.5	4.4	5.25	
184	060184	022311004173	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	7	7	5.25	
185	060185	022311009191	TRỊNH THỊ THANH	HUYỀN	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	7.5	2.2	4.25	
186	060186	022211006934	MAI VĂN	HƯNG	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.25	2.2	4.5	
187	060187	022211004402	NGUYỄN NGÔ VIỆT	HƯNG	10/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.5	3	3.5	
188	060188	022311001588	LÊ THỊ	HƯƠNG	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	6	4.4	4.25	
189	060189	034311010949	PHẠM DIỆU	HƯƠNG	30/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.25	4	4	
190	060190	022311011895	PHẠM THỊ THU	HƯƠNG	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.5	3.2	3.25	
191	060191	022311004374	TRỊNH THỊ MAI	HƯƠNG	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.75	2.6	2.5	
192	060192	022211003108	LÊ THÀNH	HỮU	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	4.75	2.6	2.5	
193	060193	022311012014	ĐỖ HOÀNG MINH	HY	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6	4.4	4	
194	060194	022211011408	NGUYỄN HUY	KHANG	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7	3.2	2	
195	060195	022211008898	ĐINH NHẬT	KHÁNH	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.25	7.8	4.75	
196	060196	022211009426	HOÀNG QUỐC	KHÁNH	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	2.75	3.2	1.75	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
197	060197	022211011041	LÊ NAM	KHÁNH	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	7	4.2	5	
198	060198	031311013078	NGUYỄN GIA	KHÁNH	29/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5	3.2	4.75	
199	060199	022211001964	ĐỖ ĐỨC	KHỞI	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.75	4.4	4	
200	060200	022311008973	TRƯỞNG THỊ NGỌC	KHUÊ	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTNT TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5	3.4	3	
201	060201	022211005097	ĐỖ CHÍ	KIÊN	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.5	7.4	5.75	
202	060202	022211009973	LÊ VĂN	KIÊN	22/10/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	3	3.2	3.25	
203	060203	022211009177	NGUYỄN ĐỨC	KIÊN	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5	2.6	3.25	
204	060204	022211011462	TRƯỞNG MẠNH	KIÊN	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	4.75	2.8	1.5	
205	060205	022211006316	LÊ TRUNG	KIỆT	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5	3.2	3.75	
206	060206	022211004935	NGUYỄN TRUNG	KỲ	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	2.25	4.4	3.25	
207	060207	022211002961	TẰNG ĐẠI	KỲ	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	5	2	5	
208	060208	022311011822	HÁU THỊ	LAN	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTNT TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	6	3	1.5	
209	060209	022311002502	PHẠM HƯƠNG	LANH	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.75	5.2	5.25	
210	060210	022211008325	ĐẶNG TÙNG	LÂM	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6	7.4	8.5	
211	060211	022211012587	NGUYỄN PHAN	LÂM	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7	8.6	6.25	
212	060212	022211000102	PHẠM ĐOÀN	LÂM	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	4	3.6	7.5	
213	060213	022211011035	VOÒNG QUANG	LÂM	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PTNT TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4	3.2	3.25	
214	060214	030311017893	ĐÀO KHÁNH	LINH	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6	6.6	5	
215	060215	022311004112	ĐẶNG KHÁNH	LINH	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	2.5	2	2	
216	060216	022311009022	ĐẶNG PHƯƠNG	LINH	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.25	7.2	3	
217	060217	022311010470	ĐẶNG THỊ KIỀU	LINH	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTDT nội trú THCS Hải Hà	Tiếng Anh	6.5	4.4	2	
218	060218	022311008639	ĐINH HÀ PHƯƠNG	LINH	30/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	8.75	8	7.5	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
219	060219	022311013796	ĐINH NGUYỄN DIỆU	LINH	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	4.4	5.25	
220	060220	022311001997	LÊ TRÚC	LINH	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	3.75	4.2	1	
221	060221	022311006732	NGÔ BẢO	LINH	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.75	9.8	7	
222	060222	022311001095	NGUYỄN BẢO	LINH	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.25	3.6	4.25	
223	060223	022311010523	NGUYỄN NGỌC THÙY	LINH	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	8	5.6	5.75	
224	060224	022311000821	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4	3.2	3.5	
225	060225	022311004141	NGUYỄN THỊ HẢI	LINH	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.25	1.4	3.25	
226	060226	001311025620	NGUYỄN THỊ THẢO	LINH	14/06/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	9.2	8.5	
227	060227	022311010937	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	4.75	5.4	5.5	
228	060228	022311003453	NGUYỄN THỊ VÂN	LINH	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.25	3.2	2.25	
229	060229	022311008348	NGUYỄN THÙY	LINH	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	8	7	4.75	
230	060230	022311006401	NGUYỄN THÙY	LINH	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	8	8	6.25	
231	060231	022311005441	TRẦN HOÀNG	LINH	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.25	8.6	5.5	
232	060232	022311004357	TRUNG THỊ HÀ	LINH	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	4.4	3.5	
233	060233	022311009559	VŨ THỊ KHÁNH	LINH	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	3.75	4.2	3.5	
234	060234	022311006209	NGUYỄN NGỌC DIỆU	LOAN	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.5	4.4	2.75	
235	060235	030211012674	NGUYỄN QUANG	LONG	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	9.6	5.75	
236	060236	022211003956	TÔ VŨ HOÀNG	LONG	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	3.5	6.6	3.25	
237	060237	022211001993	VŨ BẢO	LONG	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	6.25	4	3.5	
238	060238	022211014864	NGUYỄN TUẤN	LỘC	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	6	3.6	3.75	
239	060239	022211010565	VŨ VĂN	LỘC	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	2.75	2.6	1.25	
240	060240	022211002396	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	7.25	8.8	5.5	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
241	060241	034211001657	KHỔNG MINH	LƯƠNG	07/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5	7.8	7.5	
242	060242	022311013778	NGUYỄN HIỀN	LƯƠNG	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	3.8	3	
243	060243	022311003101	ĐẶNG KHÁNH	LY	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6.75	2.8	3.5	
244	060244	022311008482	HOÀNG CẨM	LY	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	4.25	2.6	1	
245	060245	022311007560	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chay	TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6	2.8	2.25	
246	060246	022311004370	PHÙN THỊ	LY	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6.75	4	3.25	
247	060247	022311006853	ĐẶNG THANH	MAI	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.75	4	4	
248	060248	022311008821	LÊ ANH SAO	MAI	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	4.2	4.5	
249	060249	022211008577	BÙI HUY ĐỨC	MẠNH	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.25	5.4	4	
250	060250	022211005784	NGUYỄN HOÀNG	MẠNH	06/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5	3.6	2.75	
251	060251	022210012041	NGUYỄN KHẮC	MẠNH	07/12/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	5.75	7.4	5.5	
252	060252	022211013107	NGUYỄN TIẾN	MẠNH	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5	3.6	1.5	
253	060253	022311001334	HOÀNG LAN	MÂY	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.75	3.8	3.25	
254	060254	022311003360	PHOÒNG THỊ TRÀ	MI	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTNT TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	2.5	2.8	2	
255	060255	022211009030	NGUYỄN DUY	MINH	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	2	3.2	3.25	
256	060256	022211009196	NGUYỄN DUY	MINH	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4	4	1.75	
257	060257	022210001917	NGUYỄN HOÀNG	MINH	10/10/2010	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4	2.2	2.75	
258	060258	033211006593	NGUYỄN NHẬT	MINH	18/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7	5	4.5	
259	060259	022211003409	NGUYỄN TIẾN	MINH	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.25	4.4	4.25	
260	060260	022211007980	NGUYỄN TUYỂN	MINH	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	8.2	7.5	
261	060261	022211014820	PHẠM BÌNH	MINH	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.75	3.8	5	
262	060262	022211000058	PHẠM ĐỨC	MINH	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.25	5.8	5	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
263	060263	022211003172	TRẦN ĐỨC	MINH	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.5	3.6	4	
264	060264	022211010730	VŨ THIÊN	MINH	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	5.2	4.75	
265	060265	022311003179	ĐINH THỊ TRÀ	MY	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	4.8	2	
266	060266	022311003702	HOÀNG THẢO	MY	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	4.5	3.2	1.5	
267	060267	022311001140	NGUYỄN HOÀNG TRÀ	MY	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	7	3.8	4	
268	060268	022311013763	NGUYỄN NGỌC THẢO	MY	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.5	7.6	6.25	
269	060269	022311010165	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5	3.2	3.25	
270	060270	022311005351	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.75	3.8	4.5	
271	060271	022311005608	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	7.75	8.8	6	
272	060272	022311004023	TẰNG THỊ TRÀ	MY	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	4	3.4	2.25	
273	060273	022311001347	VŨ THẢO	MY	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	7	6.25	
274	060274	022311011323	PHẠM NGỌC	MỸ	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6.75	6.2	5.25	
275	060275	022211002884	ĐINH KHẮC	NAM	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	4.6	3.5	
276	060276	022211002867	HOÀNG PHƯƠNG	NAM	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	8.8	5.5	
277	060277	022211011530	NGUYỄN ĐỨC	NAM	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	3.75	2.4	1	
278	060278	022211007759	NGUYỄN HOÀI	NAM	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	4.25	3.4	2.25	
279	060279	022211011237	TÔ THIỆN	NAM	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	4.2	3.25	
280	060280	022311008021	CHU QUỲNH	NGA	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.25	6.8	5	
281	060281	022311008270	ĐINH THỊ THÚY	NGA	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.5	5	4	
282	060282	022311004034	HOÀNG THỊ	NGA	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4	3.2	2.75	
283	060283	022311010857	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGA	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.75	4.2	3.75	
284	060284	022311005090	TÔ HOÀNG THU	NGA	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.25	8.8	5	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
285	060285	022311011977	TRẦN THỊ HẰNG	NGA	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5	3.2	1.25	
286	060286	022311012762	ĐẶNG THỊ KIM	NGÂN	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	4.5	5.2	3.75	
287	060287	022311009052	ĐỖ KIM	NGÂN	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.25	7	5.25	
288	060288	022311011749	HOÀNG THU	NGÂN	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.5	4.2	2.75	
289	060289	022311009935	LƯƠNG THỊ THU	NGÂN	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	5.6	3.25	
290	060290	022311006677	NGUYỄN NGỌC BẢO	NGÂN	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.75	3.4	2.25	
291	060291	024311001461	THÂN NGUYỄN HÀ	NGÂN	19/10/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.25	8.6	5.75	
292	060292	022311004522	TRƯỞNG THỊ KIM	NGÂN	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	4.5	2.8	2.5	
293	060293	022311001803	TRƯƠNG THỊ	NGÂN	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.75	3.2	4.5	
294	060294	022311007528	ĐỖ THỊ THÚY	NGÂN	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	7	7.8	5.75	
295	060295	022211003788	NGUYỄN CÔNG	NGHĨA	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5	6.4	2.25	
296	060296	022311002208	BÙI NGUYỄN BẢO	NGỌC	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	6.5	4.4	4.25	
297	060297	022311003419	HOÀNG ÁNH	NGỌC	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cái Chiên	Tiếng Anh	7.5	3.6	3.25	
298	060298	022311003600	HOÀNG HỒNG	NGỌC	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.25	3.8	2.25	
299	060299	022311007741	HOÀNG MINH	NGỌC	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.25	5.6	3.75	
300	060300	022311003241	LÊ BẢO	NGỌC	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.25	2.8	1	
301	060301	022311009044	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	6.5	4.6	3.5	
302	060302	022311009616	NỊNH BẢO	NGỌC	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	4	7.8	4.25	
303	060303	022311007929	PHẠM BÍCH	NGỌC	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6	3.6	4	
304	060304	022311012167	PHẠM BÙI MINH	NGỌC	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	8	8.4	4.5	
305	060305	022311003968	PHẠM KHÁNH	NGỌC	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	7.5	5.8	3	
306	060306	022311001248	PHẠM QUỲNH	NGỌC	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	7.75	5.6	4.5	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
307	060307	022311001339	PHÙN DÙNG	NGỌC	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	7	4.2	4.25	
308	060308	049311015981	TRẦN ĐOÀN BẢO	NGỌC	08/07/2011	Thành phố Đà Nẵng	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4	3.8	3	
309	060309	022311008475	VŨ MINH	NGỌC	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	8.6	7	
310	060310	022311009588	ĐẶNG THỊ	NHÀN	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	3.75	3.2	0.75	
311	060311	022311010783	NGUYỄN THANH	NHÀN	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	4	5.6	2.25	
312	060312	022311011392	TRẦN THỊ TUYẾT	NHÀN	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PTDT nội trú THCS Hải Hà	Tiếng Anh	5	3.2	5.25	
313	060313	022211010889	ĐỖ TRÍ	NHÂN	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.25	9.4	9	
314	060314	022211011099	PHẠM NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.25	4.6	3.25	
315	060315	064311016163	ĐẶNG HOÀNG	NHI	14/01/2011	Tỉnh Gia Lai	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	4.25	3.6	2	
316	060316	022311010119	LỘC THỊ THẢO	NHI	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6	5	5.25	
317	060317	022311011210	NGUYỄN NGỌC	NHI	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	5.5	1.4	3	
318	060318	022311010255	NGUYỄN THỊ THẢO	NHI	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	6.25	6.2	3.75	
319	060319	022311003264	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.75	2.8	2.5	
320	060320	022311012765	NGUYỄN THỊ VÂN	NHI	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.25	4.8	4	
321	060321	022311003683	NGUYỄN YẾN	NHI	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	6	3.2	4	
322	060322	022311000037	NGUYỄN YẾN	NHI	16/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.5	9.8	7.25	
323	060323	022311004863	TẢNG GIA	NHI	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	7.25	2.8	1.25	
324	060324	079311030410	TRẦN ĐỖ YẾN	NHI	04/05/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	6.75	6.6	3.75	
325	060325	022311006159	TRẦN GIA	NHI	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	7.25	4.2	3.75	
326	060326	022311013752	VÕ LINH	NHI	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	2.8	3.25	
327	060327	022311001512	CAO THỊ TRANG	NHUNG	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Nùng	TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	6.5	2.8	3.25	
328	060328	033311000139	PHẠM THỊ	NHUNG	06/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.5	5.2	4.5	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
329	060329	022311011035	BÙI TRỊNH BẢO	NHƯ	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.25	9.8	7	
330	060330	022311001351	HỨA QUỲNH	NHƯ	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.25	6.2	5.75	
331	060331	022311009826	MẠC TÂM	NHƯ	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.5	8	4	
332	060332	022311009867	NGUYỄN TÂM	NHƯ	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	7.4	5.25	
333	060333	022311009073	PHẠM TÂM	NHƯ	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.5	4.6	4	
334	060334	022311005738	TRẦN TỐ	NHƯ	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.25	4.4	5	
335	060335	022311001388	HÀ THỊ KIỀU	OANH	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	3.75	1.8	2.75	
336	060336	022211013420	ĐINH MẠNH	PHÁT	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	4	4	2.25	
337	060337	022211002686	NGUYỄN NHƯ	PHÁT	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4	4.8	3.5	
338	060338	022211005120	HOÀNG ĐĂNG	PHONG	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.5	3.2	2.25	
339	060339	022211010744	NGUYỄN DUY	PHONG	01/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.25	6.8	8	
340	060340	022211014806	NGUYỄN ĐÔNG	PHONG	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	9.4	8.5	
341	060341	022211006103	NGUYỄN NAM	PHONG	08/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.75	10	6.75	
342	060342	022211001421	PHẠM ĐÌNH	PHONG	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.25	2.2	2.5	
343	060343	022211010928	PHẠM TRUNG	PHONG	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4	3	1.75	
344	060344	022211008541	TÔ HỒNG	PHONG	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.5	2.6	4.75	
345	060345	022211012932	TRỊNH VĂN	PHONG	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	5.75	3.6	3	
346	060346	022211008937	NGUYỄN THIÊN	PHÚ	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	4.5	3.2	3.5	
347	060347	022211004610	ĐINH NHƯ	PHÚC	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	2.4	7.75	
348	060348	022211011890	LÊ MINH	PHÚC	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	3.75	4.6	3.25	
349	060349	022211013792	NGUYỄN GIA	PHÚC	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	4.8	4.5	
350	060350	022211008540	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6	8	6.75	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
351	060351	022211007894	PHẠM VŨ BẢO	PHÚC	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6.25	2	3.5	
352	060352	022211009442	VŨ MINH	PHÚC	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	4.75	4.6	2.75	
353	060353	022311009703	BÙI KHÁNH	PHƯƠNG	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6	4.6	2.5	
354	060354	022311006470	BÙI MAI	PHƯƠNG	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4	4.8	4.5	
355	060355	022211004651	NGUYỄN ĐỨC	PHƯƠNG	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.5	3.6	2	
356	060356	022311006195	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	4.5	6.2	5.25	
357	060357	022311009102	PHẠM THỊ MAI	PHƯƠNG	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	6	2.6	2.25	
358	060358	022311001315	TRẦN THỊ MINH	PHƯƠNG	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.25	2.6	2.5	
359	060359	022311001457	VŨ MINH	PHƯƠNG	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	7.6	3.75	
360	060360	022311011177	ĐÀO KIM	PHƯỢNG	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4	2.8	1	
361	060361	022211004685	ĐẶNG VĂN MẠNH	QUÂN	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.25	2.8	1	
362	060362	022211010034	ĐỖ HỒNG	QUÂN	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	1.6	3.25	
363	060363	022211013041	LÊ ANH	QUÂN	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6.5	4	4.25	
364	060364	022211005306	LÊ VĂN	QUÂN	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	6	2.4	4.25	
365	060365	022211008047	NGUYỄN ĐỨC	QUÂN	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	7.75	8.4	7.25	
366	060366	022211013743	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	QUYẾT	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	2.5	4.2	3	
367	060367	022311005331	HOÀNG NHƯ	QUỲNH	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	3.5	3.6	3.25	
368	060368	022311004979	HOÀNG THỊ NHƯ	QUỲNH	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	3.75	6.2	2.75	
369	060369	022311010654	LÊ THỊ NHƯ	QUỲNH	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7	4	2.5	
370	060370	022311001233	NGUYỄN NGỌC	QUỲNH	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	4	3.4	3.5	
371	060371	022311009223	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	6.5	3.6	4.5	
372	060372	022311001694	PHẠM THỊ THU	QUỲNH	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	8	2.8	4.25	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
373	060373	022311001077	TRỊNH THU	QUỲNH	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6.5	3.2	3	
374	060374	020210001924	CHU KHÁNH	SƠN	24/10/2010	Tỉnh Lạng Sơn	Nam	Tày	TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.5	3.4	2.75	
375	060375	022211008962	VŨ ANH	TÀI	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	7.6	5.5	
376	060376	022311011398	TRẦN THỊ MỸ	TÂM	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	5.2	3.5	
377	060377	022311013795	TRẦN THỊ THANH	TÂM	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	6	4.2	3.25	
378	060378	022311001276	NGUYỄN MẠC NHƯ	TÂN	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	7.6	4.25	
379	060379	022211009845	PHẠM HỒNG	THẠCH	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	2.5	2.6	1.25	
380	060380	022211001391	ĐẶNG QUỐC	THÁI	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.75	9.8	6.5	
381	060381	022211012081	PHẠM TRUNG	THÁI	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6	5.4	4	
382	060382	022211008579	BÙI CHÍ	THANH	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5	6.2	4.25	
383	060383	022311001431	HOÀNG PHƯƠNG	THANH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.5	7.6	6	
384	060384	022311006808	PHẠM DIỆP	THANH	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	3.5	2.8	1.75	
385	060385	022311008674	VŨ THỊ THANH	THANH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.5	3	0.75	
386	060386	022211006414	HOÀNG MINH	THÀNH	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	6.75	8.2	8	
387	060387	022211014829	LƯƠNG CÔNG	THÀNH	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.25	5	3.75	
388	060388	022211007496	MẠC CHÍ	THÀNH	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.5	4.8	4	
389	060389	022211010439	NGUYỄN TRƯỜNG	THÀNH	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5	3.4	4.5	
390	060390	022211007595	PHẠM TIẾN	THÀNH	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5	2.2	2.25	
391	060391	022311013064	ĐẶNG PHƯƠNG	THẢO	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	8.25	7.8	8.25	
392	060392	022311000632	ĐINH PHƯƠNG	THẢO	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.5	5.8	5.5	
393	060393	022311002761	ĐINH THỊ PHƯƠNG	THẢO	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.5	5.6	3	
394	060394	022311009028	LÊ ĐẶNG PHƯƠNG	THẢO	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.5	4	3.75	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
395	060395	022311007740	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6	4.6	2.5	
396	060396	022311003617	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	8.25	9.6	4.75	
397	060397	022311013755	NGUYỄN THANH	THẢO	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7	4.4	4.75	
398	060398	022311011928	TÔ PHƯƠNG	THẢO	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	4.2	4.25	
399	060399	022311012614	TRẦN THỊ THANH	THẢO	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	3.2	2	
400	060400	922000000002	TRẦN THỊ THU	THẢO	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	2.2	1.5	
401	060401	022311002290	BÙI THỊ HỒNG	THẮM	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6.5	3.6	3.75	
402	060402	022211010612	PHẠM CHIẾN	THẮNG	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.25	3.8	4	
403	060403	022211006023	TÔ VĂN	THẮNG	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.75	3.2	3.5	
404	060404	022311011537	TRẦN THỊ KHÁNH	THI	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6.5	4	5.25	
405	060405	022211006514	NGUYỄN THÀNH	THIÊN	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	5.25	3	2.5	
406	060406	022311006566	HOÀNG THỊ	THIẾT	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	5	3.4	2	
407	060407	022211004996	DƯƠNG ĐỨC	THỊNH	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	6.4	3.5	
408	060408	022311006751	CHÌU THỊ ÁNH	THƠ	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	7.25	3.6	3.5	
409	060409	022311009934	ĐINH THỊ ANH	THƠ	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.25	2.6	1.25	
410	060410	022311008229	LIÊU TRANG	THƠ	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	8	4.2	2.25	
411	060411	022311001652	NGUYỄN THỊ ANH	THƠ	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	6	5.8	5	
412	060412	022311008018	NGUYỄN TRANG	THƠ	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	4	3.75	
413	060413	022311010788	PHẠM NGUYỄN ANH	THƠ	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	8	8.4	5.5	
414	060414	022311010287	HOÀNG HOÀI	THU	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	7.75	6.4	4	
415	060415	022211005537	NGUYỄN HOÀNG TIẾN	THUẬN	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.25	3.4	3.25	
416	060416	022311008695	NGUYỄN THỊ	THUẬN	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	8	4.6	4.25	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
417	060417	022211009036	TRƯƠNG HỮU	THUẬN	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PTNT TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5	5	1.75	
418	060418	022311010713	NGUYỄN THANH	THUỲ	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	7	3.8	4.75	
419	060419	022311006152	ĐINH THỊ BIÊN	THÙY	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	6.75	9	5.75	
420	060420	022311001603	VŨ THU	THỦY	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	7	4.6	3.75	
421	060421	022311005603	NGUYỄN NGỌC	THÚY	26/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7	5.8	3.5	
422	060422	022311007231	ĐINH THỊ MINH	THƯ	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	8	4.6	4	
423	060423	022311011123	HOÀNG ANH	THƯ	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.25	7.6	5.5	
424	060424	022311007387	HOÀNG THỊ ANH	THƯ	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	3.25	4.6	4.25	
425	060425	022311010851	LẠC THỊ ANH	THƯ	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.25	5.6	2	
426	060426	022311000615	LÊ ANH	THƯ	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	4.5	2.6	2.5	
427	060427	022311011664	NGUYỄN ANH	THƯ	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	8.4	4.75	
428	060428	022311007040	NGUYỄN ĐOÀN ANH	THƯ	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	8.25	10	8.25	
429	060429	022311005170	NGUYỄN MINH	THƯ	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.5	9.4	5.75	
430	060430	022311003245	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	2.6	2.5	
431	060431	022311011373	PHÙN THỊ ANH	THƯ	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTDT nội trú THCS Hải Hà	Tiếng Anh	5.75	2.8	4	
432	060432	022311004807	TRẦN KHÁNH	THƯ	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	2.6	3	
433	060433	022311003865	NGUYỄN PHẠM HOÀI	THƯƠNG	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	4	3	
434	060434	022311012876	ĐOÀN PHẠM THỦY	TIÊN	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	7.5	5.2	5.75	
435	060435	022211010162	ĐINH HOÀNG	TIẾN	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	3.4	3.5	
436	060436	022211004540	PHẠM VĂN	TIẾN	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	5.5	4	3.5	
437	060437	022211003983	LÊ VĂN	TOÀN	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.75	2.6	2.75	
438	060438	022211013857	PHẠM	TOÀN	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	7.25	5.2	3.75	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
439	060439	022311011782	HOÀNG THỊ	TRÀ	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	6.5	4	3.75	
440	060440	022311003291	ĐINH NGUYỄN ĐOAN	TRANG	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	5.75	5.8	4.75	
441	060441	022311005558	KHÚC HUYỀN	TRANG	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	7	4.8	4.25	
442	060442	022311004714	LƯƠNG QUỲNH	TRANG	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.25	3.6	3	
443	060443	022311010815	LƯƠNG THỊ	TRANG	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.25	3	3	
444	060444	022311002807	NGUYỄN MAI	TRANG	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6.25	2.6	2	
445	060445	022311012856	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5	3.2	3.75	
446	060446	022311012131	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5	2.4	1.75	
447	060447	022311001479	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRANG	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	6.5	2.8	2.25	
448	060448	022311007159	NGUYỄN THU	TRANG	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	2.6	4.25	
449	060449	022311003044	PHẠM MAI	TRANG	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	6.5	5.8	5	
450	060450	022311001994	PHẠM QUỲNH	TRANG	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.75	4.8	5.5	
451	060451	022311007871	VŨ THỊ HUYỀN	TRANG	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.5	3.6	1.75	
452	060452	022311009080	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	7.25	3.4	3.75	
453	060453	022211008121	ĐINH MINH	TRIẾT	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	3.2	3.5	
454	060454	022311008566	ĐINH THỊ KIỀU	TRINH	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	7.5	9.4	6.75	
455	060455	022311012937	HOÀNG MAI	TRINH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7	8	9	
456	060456	022311008053	NGUYỄN MAI	TRINH	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.5	9.6	7.5	
457	060457	022311011309	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRINH	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	6.25	4.2	3.25	
458	060458	022211007004	HOÀNG ĐỨC	TRỌNG	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7	9.4	7.75	
459	060459	022311008043	ĐINH THỊ THANH	TRÚC	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	6.25	5.8	3.75	
460	060460	022311005899	MẠC THANH	TRÚC	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	3.25	3.6	1	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
461	060461	022311007183	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	5.2	5.25	
462	060462	022311007052	VŨ THỊ THANH	TRÚC	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	8	6.8	6.5	
463	060463	022211006890	HÀ MINH	TRUNG	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7	4.8	4.25	
464	060464	022211013300	LÊ CHÍ	TRUNG	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	5.25	5.4	2.75	
465	060465	022211007900	NGUYỄN VĂN	TRUNG	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	2	5.2	1.75	
466	060466	022211003410	DƯƠNG VÂN	TRƯỜNG	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	8.8	6	
467	060467	022211014044	PHẠM VĂN	TRƯỜNG	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5	3.4	6	
468	060468	022311012012	PHẠM NGỌC KHẢ	TÚ	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.25	8.6	6.25	
469	060469	022211005305	VŨ ANH	TÚ	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	4.75	3	1	
470	060470	022211006142	VŨ TUẤN	TÚ	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	6.75	6.8	4.5	
471	060471	022211009286	BAN VĂN	TUẤN	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	6.5	6.2	4.5	
472	060472	022211008310	NGUYỄN VĂN	TUẤN	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.25	6.8	4	
473	060473	022211014855	PHẠM NGUYỄN ANH	TUẤN	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.5	5.4	7.25	
474	060474	034211008576	VŨ MINH	TUẤN	19/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	7.5	8.4	7.75	
475	060475	022211012178	NGÔ GIA	TÙNG	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7	9	5	
476	060476	022211007854	NGUYỄN LÂM	TÙNG	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	3.6	5	
477	060477	022211010420	NGUYỄN SƠN	TÙNG	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6	6.4	5.25	
478	060478	022211013226	TRẦN ĐỨC	TÙNG	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	7.5	8.6	8	
479	060479	022211001741	NGUYỄN XUÂN	UY	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.5	5.4	4	
480	060480	022311003969	NGUYỄN THỊ BẢO	UYÊN	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	5.5	2.8	0.75	
481	060481	022311004349	NGUYỄN TỐ	UYÊN	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6.75	7.6	7	
482	060482	022311002166	VŨ THU	UYÊN	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.25	2.2	3.75	

Đơn vị: THPT Quảng Hà (22_HD_006)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
483	060483	022311009599	NGUYỄN CẨM	VÂN	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	8	6.2	5.75	
484	060484	022311009110	BÙI THỊ YẾN	VI	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	7	4.2	3.75	
485	060485	022311008307	HOÀNG NGUYÊN	VI	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6	4.4	5	
486	060486	022311004708	NGUYỄN KHÁNH	VI	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	5	4.5	
487	060487	022211011938	BẾ TIẾN	VIỆT	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	6.5	6.8	6	
488	060488	022211004495	BÙI ĐỨC	VIỆT	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.75	2.8	3.75	
489	060489	022211001220	NGUYỄN HỮU	VIỆT	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	5.75	4	5.75	
490	060490	022211009005	BÙI QUANG	VINH	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	6	9	6.25	
491	060491	034211000274	HÀ NGUYÊN	VŨ	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	6.25	2.4	4	
492	060492	022311004481	BÙI THẢO	VY	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	5.75	5.8	4.5	
493	060493	022311005401	BÙI THỊ MAI	VY	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	5.25	4.2	3	
494	060494	022311001557	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	VY	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	7.75	5.2	2.5	
495	060495	040310024390	LÊ THỊ KIỀU	VY	13/07/2010	Tỉnh Nghệ An	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	7.25	6	5.5	
496	060496	022311004089	LÝ THỊ HÀ	VY	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTDT nội trú THCS Hải Hà	Tiếng Anh	6.75	2.8	3.5	
497	060497	022311002986	NGUYỄN NGỌC HÀ	VY	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6	5.6	4	
498	060498	022311003652	PHẠM PHƯƠNG	VY	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Hà II	Tiếng Anh	5.75	7	5.5	
499	060499	022311006585	TRẦN THỊ PHƯƠNG	VY	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.5	3.6	3	
500	060500	022211006877	TRIỆU TUẤN	VỸ	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PTDT nội trú THCS Hải Hà	Tiếng Anh	5.25	5	5	
501	060501	022311008087	BÙI THỊ NHƯ	Ý	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6	6.6	3.75	
502	060502	022311004492	HOÀNG HẢI	YẾN	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Nùng	TH và THCS Quảng Đức	Tiếng Anh	6.75	4.6	4.75	
503	060503	022310008625	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	09/06/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Minh	Tiếng Anh	6.5	2.6	4.75	

(Danh sách này gồm có 503 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THCS và THPT Đường Hoa Cương (22_HD_007)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	070001	022211003809	NGUYỄN BẢO	AN	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	4.5	4	3.75	
2	070002	022311003420	BÙI HẢI	ANH	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	7.5	8.8	8.5	
3	070003	022311002942	CHÍU THỊ PHƯƠNG	ANH	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTNT TH và THCS Quảng Sơn	Tiếng Anh	5.75	4	1.25	
4	070004	022211002406	ĐINH VIỆT	ANH	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	2.25	3.6	4.5	
5	070005	022211011718	ĐINH VIỆT	ANH	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	4.25	2.6	1.75	
6	070006	022211014814	ĐINH VIỆT	ANH	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	3.25	3.8	1.25	
7	070007	022311004163	ĐOÀN THỊ KIỀU	ANH	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	3.5	3.4	2.25	
8	070008	022311005931	HOÀNG THỊ NGỌC	ANH	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	6.75	2.8	5.25	
9	070009	022311012289	HOÀNG VÂN	ANH	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	6.75	3.2	5	
10	070010	022311007381	LÊ NGỌC	ANH	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	4.25	3	2	
11	070011	022211009261	LÊ TUẤN	ANH	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	2.25	1.6	2.25	
12	070012	022311003204	NGUYỄN NGỌC	ANH	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6.75	3	4	
13	070013	022211007279	NGUYỄN PHÚ	ANH	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	5.75	3	3.5	
14	070014	022311006925	NGUYỄN TRÂM	ANH	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	7.25	8.4	3.75	
15	070015	022211001109	PHẠM VIỆT	ANH	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6.25	6.2	3.25	
16	070016	022211005160	VŨ THẾ	ANH	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	5	3.4	3.5	
17	070017	022211002258	NGUYỄN DUY	BẢO	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	2.25	4	3.25	
18	070018	022211006177	TẰNG VĂN	BIÊN	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PTDT nội trú THCS Hải Hà	Tiếng Anh	5.75	4.4	3	
19	070019	001311017039	LÊ MINH	CHÂU	09/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	4.75	5.2	3.25	
20	070020	022311012058	TẰNG YẾN	CHI	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTNT TH và THCS Quảng Sơn	Tiếng Anh	5.75	5	1.5	
21	070021	022211012396	PHẠM NGỌC	CHIẾN	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6	5	2.5	

Đơn vị: THCS và THPT Đường Hoa Cương (22_HD_007)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
22	070022	022211011282	HOÀNG THANH	CHƯƠNG	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	4.5	3.2	2.75	
23	070023	034211004779	HOÀNG QUANG	CƯỜNG	14/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam	Nùng	THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	4.5	1.8	2.5	
24	070024	022211012466	HÀ QUỐC	DIỄM	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	6	3.4	2.75	
25	070025	022311011062	LÊ NGỌC	DIỆP	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	6	4	4.25	
26	070026	022311007312	TRẦN THỊ MỸ	DUNG	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	3	3.2	3.75	
27	070027	022211010543	DƯƠNG HOÀNG TIẾN	DŨNG	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	2.25	4.2	3.75	
28	070028	022211009743	ĐÀO TIẾN	DŨNG	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	5.5	3.6	3.25	
29	070029	022211012480	ĐÀM ĐỨC	DUY	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chay	THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	4.25	2.6	2.25	
30	070030	022211004691	LỶ QUỐC	DUY	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	2.5	4.4	1.5	
31	070031	022311005299	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6.75	5	4.5	
32	070032	022311001684	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6.25	4	4.25	
33	070033	022211003939	LẠI TÙNG	DƯƠNG	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	3.5	3.4	2.75	
34	070034	022211012067	LỶ A	DƯƠNG	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PTNT TH và THCS Quảng Sơn	Tiếng Anh	4.25	3.6	1.5	
35	070035	022211006518	PHẠM TÙNG	DƯƠNG	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	4.25	4	6	
36	070036	022211002876	TRẦN VĂN	ĐÌNH	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	1.75	2.4	3	
37	070037	022211001345	PHAN MINH	ĐỨC	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	4.25	4.8	3	
38	070038	022311011903	HOÀNG THỊ	GIANG	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	6.25	5.6	4.5	
39	070039	022311004912	HOÀNG NGỌC	HÀ	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	5.75	4.8	5.5	
40	070040	022311007257	LÂM THÁI	HÀ	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	5.25	5	4	
41	070041	022311012250	PHẠM NGỌC	HÀ	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	3.5	2.8	4.5	
42	070042	022211008633	ĐẶNG NGỌC	HẢI	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	5.5	2.6	4	
43	070043	022211010991	HOÀNG MẠNH	HẢI	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	4.25	5.2	3.75	
44	070044	022311007013	ĐINH GIA	HÂN	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	5.75	3.2	4.5	

Đơn vị: THCS và THPT Đường Hoa Cương (22_HD_007)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
45	070045	022311007901	HOÀNG NGỌC	HÂN	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	6	6.2	6.5	
46	070046	022311005631	LÊ THỊ HẢI	HẬU	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	6	3.6	4.25	
47	070047	022211006646	HOÀNG THẾ	HIÊN	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	5	5.6	3.75	
48	070048	022311009819	HOÀNG THU	HIỀN	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6	5.4	5	
49	070049	022211008650	NGUYỄN ANH	HIẾU	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	5.5	4	3	
50	070050	022211012096	VŨ VĂN	HOÀ	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	4.75	3.6	2.75	
51	070051	030211000503	DƯƠNG VIỆT	HOÀN	04/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	3	2.8	1	
52	070052	022311012923	VŨ THỊ HOA	HỒNG	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	5.25	3.4	2	
53	070053	022311007983	NGUYỄN THỊ	HUẾ	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	4.5	4.4	3.5	
54	070054	022311003418	ĐỖ THỊ MINH	HUỆ	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	5.25	5	3	
55	070055	022211011672	CHÍU A	HÙNG	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	1.75	2.6	2.5	
56	070056	022211002066	ĐINH NHƯ	HÙNG	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	2	5.4	2.25	
57	070057	022211002154	ĐINH KHẮC	HUY	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	4.25	4	3	
58	070058	022211006761	ĐINH NGUYỄN GIA	HUY	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	4.5	3.6	3.75	
59	070059	022211013444	ĐINH NHƯ	HUY	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	3.5	2.8	2	
60	070060	022211011633	HÀ PHÁT	HUY	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	4	3.8	3.5	
61	070061	022211006087	HOÀNG GIA	HUY	19/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nam	Dao	THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.75	2.4	3	
62	070062	022311012710	HOÀNG THỊ KHÁNH	HUYỀN	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	5.75	4	5	
63	070063	022311001313	HOÀNG THỊ THU	HUYỀN	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	6.5	3.8	3.5	
64	070064	022311006594	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	7.5	7.8	5.25	
65	070065	022311012681	TẰNG THỊ THANH	HUYỀN	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTDT nội trú THCS Hải Hà	Tiếng Anh	6	3.2	2.75	
66	070066	022311007653	VŨ THỊ THU	HUYỀN	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	4.5	3.4	6.75	
67	070067	022211001589	HOÀNG VŨ	HƯNG	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	5.75	4.4	6	

Đơn vị: THCS và THPT Đường Hoa Cương (22_HD_007)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
68	070068	022311005538	PHẠM THỊ THU	HƯƠNG	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6	3.8	4	
69	070069	022211012470	ĐẶNG QUỐC	KHÁNH	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6.75	9	7	
70	070070	022211003175	LÊ TRẦN DUY	KHÁNH	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	6.75	2.6	4.75	
71	070071	022211002666	NINH GIA	KHÁNH	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.25	5	4.25	
72	070072	022211004964	VŨ VĂN	KHÁNH	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	3	1.8	3.5	
73	070073	022311005154	NGUYỄN NGỌC	KHUÊ	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6.75	6	4	
74	070074	022211008431	ĐINH DUY	KIÊN	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	5.5	3.6	5	
75	070075	022211009607	HOÀNG TRUNG	KIÊN	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	4.75	4.6	4.5	
76	070076	022211011492	LOAN THẾ	KIỆT	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	5.25	2.8	3	
77	070077	022211001713	HOÀNG TRƯỜNG	KỲ	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	4.5	3.2	3.75	
78	070078	022311011675	TRẦN MAI	LAN	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	6	5.2	3.75	
79	070079	022211010249	PHẠM VĂN	LÂM	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	5.25	3.2	2.75	
80	070080	087311001012	HÀ THỊ KIỀU	LINH	19/09/2011	Tỉnh Đồng Tháp	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	3.25	3	1.75	
81	070081	022311008142	HOÀNG THỊ KHÁNH	LINH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	4.5	2	2.25	
82	070082	022311004243	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	LINH	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	4	3	3.75	
83	070083	022311005782	LÊ THỊ KHÁNH	LINH	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	5	3.8	2	
84	070084	022311001150	NGUYỄN HOÀNG	LINH	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	5	3	2.25	
85	070085	022311002373	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	4.5	2.8	2	
86	070086	022211001812	TRẦN VĂN	LINH	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	1.5	1.6	0.75	
87	070087	022311012599	VŨ THỊ	LINH	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	3.25	2.8	1.75	
88	070088	022211001102	HÀ VĂN	LUÂN	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	4.75	1.4	3.75	
89	070089	022211002601	PHẠM THÀNH	LƯƠNG	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	4	5.6	6.75	
90	070090	022311010445	CHÍU YẾN	LY	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTDT nội trú THCS Hải Hà	Tiếng Anh	7	6.2	5.5	

Đơn vị: THCS và THPT Đường Hoa Cương (22_HD_007)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
91	070091	022311008962	LỤC THỊ NHƯ	MAI	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	4.75	5	3.75	
92	070092	022211009300	TRƯỞNG TẮC	MẠNH	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PTNT TH và THCS Quảng Sơn	Tiếng Anh	4.25	3.4	2	
93	070093	033311007127	GIANG THỊ TRÀ	MY	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6	7.2	4.25	
94	070094	022311012449	HOÀNG HẠ	MY	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	3	3.2	0.75	
95	070095	022311004190	HOÀNG KHỞI	MY	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	1.75	2.6	1.75	
96	070096	031311012324	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6.75	4	3	
97	070097	022311009539	HÀ THỊ	MỴ	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	5.25	2.6	4.25	
98	070098	022211009988	PHẠM VĂN	NAM	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	3.75	6.2	4.5	
99	070099	022311011418	HOÀNG THANH	NGÀ	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	6.75	3.6	5.5	
100	070100	022311004710	ĐÀM BÙI HẠNH	NGÂN	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	8	6.2	5.5	
101	070101	022211002633	PHẠM GIA	NGHĨA	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	5.5	5.4	3.25	
102	070102	022311008242	GIANG THỊ	NGỌC	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	4	2.4	3	
103	070103	001311064214	LÊ BẢO	NGỌC	09/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	7	8.4	8	
104	070104	022311009119	NGUYỄN BẢO	NGỌC	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	5.75	6.6	4	
105	070105	022311002567	ĐINH THỊ HẢI	NGUYÊN	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	7.25	4.8	4.25	
106	070106	022211002582	VŨ BẢO	NGUYÊN	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	3.5	4.8	4.25	
107	070107	022311004407	PHẠM THỊ ÁNH	NGUYỆT	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	5.5	5.8	3	
108	070108	022311007891	ĐINH THỊ TUYẾT	NHI	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	4.5	5	4.25	
109	070109	022311005824	HOÀNG THỊ YẾN	NHI	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6.5	3.4	4	
110	070110	022311001925	LÊ TUYẾT	NHI	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	5.75	4.2	3.25	
111	070111	022311011995	TẠ NGỌC	NHI	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Quảng Hà	Tiếng Anh	4.25	3.4	3.25	
112	070112	022311009359	LÊ HỒNG	NHUNG	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	4.75	3	3.75	
113	070113	022311010082	ĐINH THỊ VÂN	PHI	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	4.5	3	2.75	

Đơn vị: THCS và THPT Đường Hoa Cương (22_HD_007)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
114	070114	022211011096	PHẠM HUY	PHONG	02/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	4.25	3.4	4.75	
115	070115	014211008154	HOÀNG QUỲNH	PHÚ	07/03/2011	Tỉnh Sơn La	Nam	Thái	TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	4	3.8	2.5	
116	070116	022211007416	CHÍU VĂN	PHÚC	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	3	4	2.5	
117	070117	022211011074	VŨ GIA	PHƯỚC	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	4.25	5.2	3	
118	070118	022211007224	LÝ MINH	PHƯƠNG	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	5.5	3.8	5.25	
119	070119	022311006359	ĐINH THỊ THU	PHƯỢNG	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	4.75	2.6	3	
120	070120	022211007232	NGUYỄN VĂN	QUẢNG	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	2	2	0.75	
121	070121	022211001325	ĐINH HỮU	QUÂN	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	5	4	2.5	
122	070122	022211004874	HOÀNG ĐÌNH	QUÂN	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	3.75	3.6	2.25	
123	070123	022211010961	HOÀNG PHÚ	QUÝ	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	5.5	3.4	3.5	
124	070124	031211016006	NGUYỄN ĐĂNG	QUÝ	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	3.5	3.6	3	
125	070125	022311004202	HOÀNG NHƯ	QUỲNH	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	4	2.4	3	
126	070126	022211006535	VOÒNG VẦN	SÀU	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	3.25	2.2	2.75	
127	070127	022211002678	CHÍU VĂN	SINH	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	3	3.6	1.5	
128	070128	022211006294	ĐOÀN THANH	SƠN	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	1.5	2.6	2	
129	070129	022211009995	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	TÀI	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	5.5	8.8	8.75	
130	070130	024211015067	THÂN ĐỨC	TÀI	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	5.5	6.6	4.75	
131	070131	022211005066	GIANG THÀNH	TÂM	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6.5	7.2	4.75	
132	070132	022211010632	ĐINH CHÍNH	TÂN	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
133	070133	022311008835	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	THANH	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	3.5	2.4	1.25	
134	070134	022211010051	LÊ TRUNG	THÀNH	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	3.75	2.4	5	
135	070135	022211012260	VŨ VĂN	THÀNH	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	2.5	2.2	3.25	
136	070136	022311012438	BÙI PHƯƠNG	THẢO	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	5.25	3.6	3.75	

Đơn vị: THCS và THPT Đường Hoa Cương (22_HD_007)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
137	070137	022311005702	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	THẢO	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	3.5	3	1.25	
138	070138	022311003432	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	5.75	3.2	2.25	
139	070139	022311009384	PHÙN THỊ	THẢO	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	7.5	3.2	5.5	
140	070140	022211006094	PHẠM VĂN	THẮNG	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	5	4	4.5	
141	070141	022311008681	VŨ THỊ	THỦY	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	4.75	6	5	
142	070142	022311010205	VƯƠNG NGỌC	THỦY	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6.25	4.2	4	
143	070143	022311005258	ĐINH THỊ	THÚY	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	5	5.4	4.25	
144	070144	022311008259	NGÔ HOÀNG SONG	THƯ	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	4.75	1.6	3.5	
145	070145	022311004944	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6.75	4.2	3.5	
146	070146	022311006368	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6.75	5.2	3.25	
147	070147	022311011969	TRẦN KHÁNH	THY	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6.25	4.6	3.25	
148	070148	022211000108	NÔNG VĂN	TIỀN	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	5.25	2.2	2.25	
149	070149	022211011713	CHÌU QUAY	TIẾN	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	4	3	2.5	
150	070150	022211009852	ĐINH LƯỜNG KHÁNH	TOÀN	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	6.75	3.2	5	
151	070151	022211013872	HOÀNG CHÍ	TOÀN	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	2.75	2.2	1	
152	070152	022211007020	MÀ MẠNH	TOÀN	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	5.5	2.6	2.75	
153	070153	022311004509	ĐINH THỊ XUÂN	TRÀ	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	5.75	3.8	3.5	
154	070154	022311000605	HOÀNG THỊ THU	TRANG	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6.75	4.6	3.25	
155	070155	022311012512	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6.5	4.8	4.75	
156	070156	022311010115	ĐINH BẢO	TRÂM	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	6	2.4	3.25	
157	070157	022311009928	ĐINH THỊ BẢO	TRÂM	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	5.25	3	3.75	
158	070158	022311000114	TRẦN THỊ MỸ	TRÂM	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	5.75	6.8	5.25	
159	070159	022211001259	CHU SĨ	TUÂN	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	5.75	2.6	5.25	

Đơn vị: THCS và THPT Đường Hoa Cương (22_HD_007)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
160	070160	022211007657	ĐINH KHẮC MINH	TUẤN	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	3.5	3.4	4.75	
161	070161	022211007393	VÒONG ANH	TUẤN	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	3.5	3	2.25	
162	070162	022211010867	ĐINH PHAN QUỐC	TUỆ	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	6.25	4	2.75	
163	070163	022211006923	PHẠM CHÂU	TÙNG	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	3.75	3.6	2.75	
164	070164	022311001316	ĐẶNG THỊ	UYÊN	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	3.75	2	1	
165	070165	022211002147	BÙI QUẢNG	VĂN	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	4	3.6	2.5	
166	070166	022311001962	CHIẾNG THỊ	VI	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	4	4.4	1.5	
167	070167	022311005305	ĐINH THỊ HÀ	VI	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	5	6.4	6	
168	070168	022311004335	HOÀNG HÀ	VI	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đường Hoa	Tiếng Anh	6.25	4.6	5.75	
169	070169	033311006263	NGUYỄN TƯỜNG	VI	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	6.25	2.2	3	
170	070170	022311004809	TRƯƠNG THỊ THẢO	VY	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Chính	Tiếng Anh	5.75	3.8	3.75	
171	070171	022211005068	PHẠM HOÀNG	XUÂN	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	3.25	4.6	1.75	
172	070172	022311000714	PHẠM THỊ THU	YẾN	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Đường Hoa Cương	Tiếng Anh	4.75	2.6	1.75	
173	070173	022211012337	NGUYỄN THẾ	ĐAN	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Phong	Tiếng Anh	1.5	0.6	1.25	

(Danh sách này gồm có 173 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	080001	022311011983	HÀ HOÀNG BẢO	AN	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.25	3.2	5	
2	080002	022311012862	LÊ THẢO	AN	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5.25	2.8	3.75	
3	080003	022211005834	NGUYỄN PHÚ	AN	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	3.25	2.8	2.25	
4	080004	022311005458	NGUYỄN THỊ BẢO	AN	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.5	3.2	5.75	
5	080005	022311006884	PHẠM THỊ HOÀI	AN	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.25	7.6	5.5	
6	080006	022311009866	PHAN TƯỜNG	AN	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Nùng	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.5	3.6	2	
7	080007	022311011654	TRẦN THỊ THÙY	AN	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.25	3.4	4	
8	080008	022311008166	BÙI HOÀNG	ANH	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	6.25	3.2	3.75	
9	080009	022311012743	CHÌU THỊ KIM	ANH	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	4.25	2.8	3.25	
10	080010	022211010898	DƯƠNG THẾ	ANH	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	8	6	6	
11	080011	022211012424	ĐINH VIỆT	ANH	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	4.5	4.4	3.5	
12	080012	022311008826	ĐỒNG CHÂU	ANH	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	2.75	3.4	3.75	
13	080013	022211001939	HOÀNG HẢI	ANH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	2.5	2.2	2	
14	080014	022311004657	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	ANH	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	7	3.2	4	
15	080015	022211006013	LÊ ĐỨC	ANH	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	2.25	5.8	5	
16	080016	022311008903	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	ANH	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	8.25	7.4	5.75	
17	080017	022311009502	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	4.75	4	3.5	
18	080018	022211009339	THÂN ĐỨC	ANH	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3	6.4	4.75	
19	080019	022311000742	TRẦN HẢI	ANH	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.25	9.4	4.75	
20	080020	022311002909	TRẦN THỊ LAN	ANH	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.75	3.6	3.5	
21	080021	022311006314	TRIỆU LAN	ANH	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.25	5.8	6	
22	080022	022311008709	VŨ QUỲNH	ANH	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.5	7.4	5	
23	080023	022311001088	CHÌU NGỌC	ÁNH	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	6.75	3.4	3.25	
24	080024	022311002770	LÂM KIỀU	ÁNH	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chay	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5	3.4	2	

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
25	080025	022311010735	LÊ HỒNG	ÁNH	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.5	3.8	4.5	
26	080026	022311007524	NGUYỄN DIỆU	ÁNH	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	1.75	2.8	3	
27	080027	022311010111	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	4	3.4	3.5	
28	080028	022311010779	PHAN THỊ NGỌC	ÁNH	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.25	2.4	3.75	
29	080029	022311012365	TRẦN THỊ	ÁNH	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chi	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.75	7.2	5	
30	080030	022311006441	TRỊNH NGỌC	ÁNH	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.25	3.2	5.25	
31	080031	022211013654	TRẦN VĨNH	ÂN	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.25	9	7.75	
32	080032	030211012355	BÙI GIA	BẢO	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.75	2.2	1.25	
33	080033	022211007898	ĐINH VĂN	BẢO	22/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5	2.8	2.5	
34	080034	022311012111	TRẦN GIA	BẢO	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.5	4.2	5	
35	080035	022211008638	LÊ VĂN	BẮC	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5	2.8	4.75	
36	080036	022311003364	HÀ KHÁNH	BĂNG	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.5	4.8	5.75	
37	080037	022311002667	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	4.75	2.8	4.75	
38	080038	022311009913	BÙI THANH	BÌNH	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	7.2	4.25	
39	080039	022311009258	LƯƠNG THỊ DUYÊN	BÌNH	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.75	8.2	4.25	
40	080040	022211005781	LƯU THANH	BÌNH	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	7	5.6	8.25	
41	080041	022311002053	TRẦN THỊ	CHẮN	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chi	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7	5.4	4.5	
42	080042	022311006636	NGUYỄN THỊ BẢO	CHÂM	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	8.25	4	4	
43	080043	030311015165	BÙI THỊ NGỌC	CHÂU	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	7.25	4.6	3.25	
44	080044	022311002753	CHÍU KIM	CHI	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	3	3.6	3.25	
45	080045	022311010648	HÀ LINH	CHI	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4	2.8	4.5	
46	080046	022311011512	HOÀNH THỊ QUỲNH	CHI	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chi	TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	7.5	3.6	3.5	
47	080047	022311007545	TẰNG THUÝ	CHÚC	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Lâm	Tiếng Anh	7	5.2	3.5	
48	080048	022211013891	CHÍU ĐỨC	CƯƠNG	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	2.75	4.2	2.75	
49	080049	022211001094	ĐINH HÙNG	CƯỜNG	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	1.75	1	0.5	
50	080050	022210002163	CHU THÀNH	DANH	05/01/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.5	4.4	4.5	

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
51	080051	022311007072	CHẠC THỊ	DẬU	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chi	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.25	3.6	2.5	
52	080052	022311005048	PHẠM AN	DI	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	7	8.2	4.75	
53	080053	022311011870	ĐINH NGỌC	DIỆP	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.5	6.8	4.25	
54	080054	022311010840	ĐINH NGỌC	DIỆP	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.75	2.2	3	
55	080055	022311003288	ĐOÀN THỊ NGỌC	DIỆP	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.75	4.6	4	
56	080056	022311009225	PHAN NGỌC	DIỆP	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.75	9	6.75	
57	080057	022211003349	HOÀNG KHÁNH	DU	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.75	4.4	3	
58	080058	022211005516	ĐẶNG CHÍ	DŨNG	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.5	2.6	4.5	
59	080059	022211005877	ĐINH MẠNH	DŨNG	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3.75	3.6	1.25	
60	080060	022211003672	ĐINH MẠNH	DŨNG	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.25	2.8	2.25	
61	080061	022211002852	LỶ QUANG	DŨNG	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	3.75	4	3.75	
62	080062	022211011415	SÍU TUẤN	DŨNG	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quảng Lâm	Tiếng Anh	3.5	3.8	4.25	
63	080063	022211010443	TRẦN ĐÌNH	DŨNG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.25	2.4	3.5	
64	080064	022211011628	DƯƠNG KHÁNH	DUY	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3.25	2.4	3.5	
65	080065	022211013503	HOÀNG NHẤT	DUY	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.5	7.8	3.25	
66	080066	022211006493	KHÂU KHÁNH	DUY	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	THCS Đại Bình	Tiếng Anh	2	4.8	2	
67	080067	022211007151	LÊ HOÀNG	DUY	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.5	9	6.75	
68	080068	022211007528	PHẠM QUANG	DUY	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	2.75	2.6	2.5	
69	080069	022211005821	TRẦN ĐỨC	DUY	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.25	3.4	2.25	
70	080070	022311013036	TRẦN THỊ ĐỖ	DUYÊN	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.5	4	2.75	
71	080071	022311010175	HOÀNG THÙY	DƯƠNG	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5.25	3.2	2.25	
72	080072	022211001015	LỶ ĐỨC	DƯƠNG	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	5	2.8	2.75	
73	080073	027211005856	NGUYỄN ANH	DƯƠNG	19/04/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.25	3	3.5	
74	080074	022211005137	NGUYỄN THÁI	DƯƠNG	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.75	6.8	4.75	
75	080075	022211008010	NGUYỄN THÁI	DƯƠNG	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	4	4.75	
76	080076	022211012993	LÊ NHẬT	ĐAM	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.75	2.6	3.5	

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
77	080077	022311005837	BÀN ĐẶNG KHÁNH	ĐAN	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	5.25	3.6	4	
78	080078	022311012864	CAO VŨ LINH	ĐAN	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.75	8.8	6	
79	080079	022211005312	ĐẶNG QUỐC	ĐẠT	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.75	5	4.75	
80	080080	022211001299	PHẠM MINH	ĐẠT	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3.75	2.6	2.5	
81	080081	022211006713	TRƯƠNG THÀNH	ĐẠT	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.25	3.2	3.5	
82	080082	022211011036	HOÀNG HẢI	ĐĂNG	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.25	5	4.5	
83	080083	022211005608	BÙI MINH	ĐOÀN	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
84	080084	022211007185	ĐINH PHƯƠNG	ĐÔNG	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.5	5.6	4	
85	080085	022211003290	LÝ MẠNH	ĐÔNG	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.25	3.4	2.75	
86	080086	022211012427	CHU MINH	ĐỨC	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.5	3.4	3	
87	080087	022211008525	ĐẶNG ANH	ĐỨC	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5	5	4.25	
88	080088	022211002853	ĐẶNG QUÝ	ĐỨC	29/01/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam	Dao	THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.5	5.2	3.5	
89	080089	022211012922	ĐỒNG NGÔ MINH	ĐỨC	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5.75	6.6	4.25	
90	080090	022211002942	NGUYỄN ANH	ĐỨC	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.75	3	4.5	
91	080091	022211013383	PHAN DUY	ĐỨC	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.5	6.2	5	
92	080092	022311000851	HÀ THỊ HƯƠNG	GIANG	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6	1.8	2.5	
93	080093	022211006265	LA DƯƠNG	GIANG	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chi	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	4.5	2.6	4	
94	080094	022311012633	NGUYỄN HÀ	GIANG	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.5	5.2	5.5	
95	080095	022211001704	PHAN HOÀNG	GIANG	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.5	4.4	4.5	
96	080096	034311013708	NGUYỄN QUỲNH	GIAO	18/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.5	4	4.25	
97	080097	022311009805	HOÀNG THU	HÀ	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	3.5	3.4	1.75	
98	080098	022311006377	LÊ THU	HÀ	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	6.5	3.4	3.75	
99	080099	022311009386	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÀ	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.5	2.4	2.5	
100	080100	022311001907	NGUYỄN THU	HÀ	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	7	5.6	3.25	
101	080101	022311002062	TRẦN THÁI	HÀ	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.75	7	6	
102	080102	022311000785	TRẦN THỊ	HÀ	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7	2.8	2.75	

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
103	080103	022311002860	TY HOÀNG	HÀ	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.5	4.2	5	
104	080104	022311008125	HOÀNG KIM	HẢI	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.75	4.6	4.25	
105	080105	022211002514	NGUYỄN HOÀNG	HẢI	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3.75	3.6	2.25	
106	080106	022211007500	HOÀNG ANH	HÀO	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	4	3	
107	080107	022211003312	LÊ ĐỨC	HẠO	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3	3.8	4.25	
108	080108	022311007876	LIÊU THỊ THU	HẰNG	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đại Bình	Tiếng Anh	6.75	4	5.25	
109	080109	022311004253	LƯU THU	HẰNG	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.5	3.8	4.5	
110	080110	022311011483	PHẠM THỊ	HẰNG	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	3	2.25	
111	080111	022311003791	PHAN BÍCH	HẰNG	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5	3.2	2.25	
112	080112	022311009924	LÊ BẢO	HÂN	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.5	4.4	3.75	
113	080113	022311008477	TRẦN GIA	HÂN	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.75	5.6	7.5	
114	080114	022311010664	LẦU THỊ	HIỀN	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4	3.6	3	
115	080115	022311011497	LÝ THU	HIỀN	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	3.75	4	4.25	
116	080116	022311006286	NGUYỄN THU	HIỀN	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.5	4.6	3	
117	080117	022311001123	PHẠM THU	HIỀN	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3.25	3.4	1	
118	080118	022211007299	NGUYỄN THẾ	HIỂN	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5.75	3.4	4.75	
119	080119	022211013968	HOÀNG ĐỨC	HIỆP	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6	4.2	3.5	
120	080120	022211006691	LÊ HOÀNG	HIỆP	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.5	2	4	
121	080121	022211010005	CHÍU CHĂN	HIẾU	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	3	3.4	3	
122	080122	022211006365	CHÌU ĐỨC	HIẾU	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng Lâm	Tiếng Anh	4	3	2.25	
123	080123	022211003582	HOÀNG CHÍ	HIẾU	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.25	2.6	3.25	
124	080124	022211003547	HOÀNG TRÍ	HIẾU	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.5	2.4	3.75	
125	080125	022211006381	HOÀNG VĂN	HIẾU	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	7	4.8	7.75	
126	080126	022211010795	LÊ QUANG	HIẾU	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.25	4	5	
127	080127	022211008068	NGUYỄN HÀ TRUNG	HIẾU	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3	3.8	4.5	
128	080128	022211005994	PHẠM TRUNG	HIẾU	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	3.6	4.25	

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
129	080129	022211007753	TRẦN TRUNG	HIẾU	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.75	2.6	2.5	
130	080130	022311008430	CHÌU THỊ	HOA	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.25	4	3.75	
131	080131	022211009620	CAO THÁI	HÒA	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.5	1.8	2.5	
132	080132	022211010588	LỒ THÁI	HÒA	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chi	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.75	3	5	
133	080133	022311003216	CHÍU THỊ	HOÀI	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Lâm	Tiếng Anh	5.5	4.6	3.25	
134	080134	022311006537	LÊ THU	HOÀI	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.75	2	2	
135	080135	022211003011	CHU VIỆT	HOÀNG	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.25	4	3.5	
136	080136	022211004832	ĐÀO TRỌNG	HOÀNG	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.25	7.2	3.25	
137	080137	022211010283	ĐẶNG ĐỨC	HOÀNG	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	8.6	4	
138	080138	022211002676	ĐINH ĐỨC	HOÀNG	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.75	6.2	3.25	
139	080139	022211012837	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.25	9	5.75	
140	080140	022311008791	ĐINH CHÌU YẾN	HỒNG	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4	6.2	3	
141	080141	022311009451	NGUYỄN THỊ	HỒNG	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.5	5.4	5	
142	080142	022311006544	CHÍU THANH	HUẾ	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Lâm	Tiếng Anh	4.5	8.8	4.75	
143	080143	022311009855	NGÔ NHẬT	HUẾ	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6	7	7	
144	080144	022211003451	ĐINH ĐỨC	HÙNG	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.25	4.8	2	
145	080145	022211013071	HOÀNG GIA	HUY	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	2.25	7	4	
146	080146	022211012156	HOÀNG GIA	HUY	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	7	8.6	7.25	
147	080147	022211013400	HOÀNG PHẠM GIA	HUY	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.5	4.2	4.25	
148	080148	022211000544	LƯƠNG GIA	HUY	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.75	4.2	4.5	
149	080149	022211001032	PHẠM KHÁNH	HUY	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	2.75	2.6	4.25	
150	080150	022211004191	VŨ GIA	HUY	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6	3.4	2.75	
151	080151	022211013572	VŨ GIA	HUY	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.75	3.2	3.5	
152	080152	022311007008	ĐINH THỊ THU	HUYỀN	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3.5	2.6	2.75	
153	080153	022311001857	NGUYỄN LINH	HUYỀN	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3.25	4.2	2	
154	080154	022311005041	PHẠM THỊ KHÁNH	HUYỀN	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.5	9.6	8.25	

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
155	080155	022311002804	TÔ KHÁNH	HUYỀN	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.25	7.2	6.5	
156	080156	022311012066	VŨ NGỌC	HUYỀN	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5	3.6	3.5	
157	080157	022211013314	NGUYỄN VĂN	HUYNH	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3	3.4	3.75	
158	080158	022211002720	PHẠM KHÁNH	HƯNG	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.75	3	3.25	
159	080159	022211003228	PHAN VIỆT	HƯNG	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3.75	5.8	3.75	
160	080160	022211007541	TRẦN VIỆT	HƯNG	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.75	7.4	5	
161	080161	022311007320	CHIÊU THỊ VÂN	HƯƠNG	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.5	6	3.75	
162	080162	022311007189	DÍN NHẬT	HƯƠNG	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	3	3.75	
163	080163	022311001620	LÊ THỊ THANH	HƯƠNG	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.75	3.4	5.5	
164	080164	022311011292	NGÔ THỊ LAN	HƯƠNG	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.75	8.4	5	
165	080165	022311009234	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6	8	4.25	
166	080166	022311002629	PHẠM LÊ MAI	HƯƠNG	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	6.75	4.6	3.25	
167	080167	022311004327	SẺN LAN	HƯƠNG	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chí	TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.25	3.6	4	
168	080168	022311008312	TRẦN MAI	HƯƠNG	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	4.5	2.8	2.5	
169	080169	022311001807	TY THỊ THÙY	HƯƠNG	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.5	3	2	
170	080170	022311006282	VŨ THỊ THU	HƯƠNG	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	6.25	8.2	5.5	
171	080171	022311010347	LÊ THU	HƯỜNG	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.5	4	3.5	
172	080172	022211010087	TRẦN ĐÌNH	HƯỚNG	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6	5.4	3.5	
173	080173	022211013882	HIÊN XUÂN	HỮU	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	2.5	4.6	3	
174	080174	022211011150	NGUYỄN HOÀNG GIA	HY	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	5.8	5.75	
175	080175	022211003292	NGUYỄN QUANG	KHẢI	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5.25	3.2	2.5	
176	080176	022311003964	ĐINH THỊ HÀ	KHÁNH	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.5	3	2.25	
177	080177	022211003352	LÝ TRUNG	KHÁNH	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	2.5	2.8	2.75	
178	080178	022311012307	NGÔ THỊ VI	KHÁNH	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	6.25	4.4	4	
179	080179	022211008852	NÔNG NAM	KHÁNH	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7	7	7	
180	080180	022211004926	TRẦN NAM	KHÁNH	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.25	4.2	4.25	

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
181	080181	022211010196	VŨ DUY	KHÁNH	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	2.5	5.4	1.5	
182	080182	033211003273	PHẠM ANH	KHOA	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4	8.4	6.25	
183	080183	022211013755	TRẦN ĐĂNG	KHOA	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3.25	5.2	3.5	
184	080184	022311003741	BÙI HOÀNG BÌNH	KHÔI	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	6.75	7.2	3	
185	080185	022211003797	TẰNG TRUNG	KIÊN	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.75	4.8	3	
186	080186	022211010828	TRẦN XUÂN	KIÊN	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	4.75	4.6	2	
187	080187	022211010385	HOÀNG TUẤN	KIỆT	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	7.8	5.75	
188	080188	030211009071	ĐỖ HOÀNG	KIM	04/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.5	6.2	4.5	
189	080189	022211008901	CHÌU KHẢI	KỲ	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng Lâm	Tiếng Anh	5.5	3	2	
190	080190	022311004878	LÝ HÀ	LAN	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	5.25	4	3.75	
191	080191	022311005771	TẰNG AN	LÀNH	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Lâm	Tiếng Anh	6	6.6	4.5	
192	080192	022211012969	ĐINH TÙNG	LÂM	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5	3	3.25	
193	080193	022311011425	LÝ HIẾU	LÂM	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	1.75	2	3.25	
194	080194	022211008004	TÔ TRẦN ĐỨC	LÂM	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.25	5.4	5	
195	080195	022311009173	TRẦN THỊ KIM	LIÊN	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.75	4.4	4.75	
196	080196	022311011823	BÙI THỊ THÙY	LINH	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.25	7.4	4.25	
197	080197	022311007051	BÙI THỊ THÙY	LINH	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5	3.8	4.5	
198	080198	022311002370	CHU THỊ HOÀNG	LINH	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4	4.4	3.5	
199	080199	022311011613	ĐÀO KHÁNH	LINH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.75	5.2	4	
200	080200	022311007698	ĐÀO PHƯƠNG	LINH	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	6.25	5.8	3.75	
201	080201	022311011927	ĐỖ THỊ KHÁNH	LINH	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.5	5.6	4.75	
202	080202	022311004060	HOÀNG THỊ THU	LINH	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5.25	4.4	2.5	
203	080203	022311012869	HỨA KHÁNH	LINH	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7	5.4	4.75	
204	080204	022311006917	LÊ THỊ KHÁNH	LINH	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	6.5	4.4	2.75	
205	080205	022311002469	LÝ THÙY	LINH	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	5.25	2.8	4	
206	080206	022311002706	NGUYỄN KHÁNH	LINH	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3.25	4	3.75	

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
207	080207	022311001186	NGUYỄN LÊ THÙY	LINH	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.75	9.4	5.5	
208	080208	022311012200	NGUYỄN NGỌC	LINH	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.75	3	3.25	
209	080209	022311008520	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.75	6	3.75	
210	080210	022311012833	NGUYỄN THÙY	LINH	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	3.4	3.25	
211	080211	022311007824	PHAN HÀ	LINH	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.25	6.2	4.75	
212	080212	022311007808	PHAN THỊ NGỌC	LINH	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.25	5.4	3.75	
213	080213	022311008201	SẦM THỊ	LINH	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chi	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.5	2.2	4.75	
214	080214	022311005517	SẺN THỊ KHÁNH	LINH	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chi	TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	4.25	2.6	2.25	
215	080215	024311005871	NGUYỄN THỊ MAI	LOAN	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6	4.6	5	
216	080216	022311006036	PHẠM THỊ THANH	LOAN	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5	4.8	3	
217	080217	022211001058	ĐỖ NHƯ THÀNH	LONG	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.75	4.4	4.5	
218	080218	022211009459	HOÀNG HẢI	LONG	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	4.75	3.2	3.75	
219	080219	022211007732	CHẠC ĐỨC	LỢI	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chi	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	2.25	3	1.5	
220	080220	022211002608	LƯƠNG DUY	LỢI	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.25	5	4.75	
221	080221	022211004460	NÌNH VĂN	LỢI	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chay	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	3.8	3.5	
222	080222	022311005411	PHẠM HÀ	LƯƠNG	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.25	5.8	4.25	
223	080223	022311008856	ĐINH THỊ KHÁNH	LY	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3.5	3.6	2.25	
224	080224	022311003920	NGUYỄN KHÁNH	LY	17/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.5	5	4.75	
225	080225	022311003700	TÔ THỊ KHÁNH	LY	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	2.5	3.2	3.5	
226	080226	022311001640	ĐINH HOÀNG	MAI	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5.75	2.6	3.25	
227	080227	022311003692	ĐINH QUỲNH	MAI	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6	2.6	4.5	
228	080228	022211007053	LÊ DUY	MẠNH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.25	3	3	
229	080229	022211013778	DƯƠNG HOÀNG NGỌC	MINH	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.25	5.6	4.5	
230	080230	022211012419	ĐINH HÙNG	MINH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3	4.6	4.25	
231	080231	022211012482	LÊ QUANG	MINH	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.5	5.4	5	
232	080232	022211004009	LƯƠNG ANH	MINH	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5	5.8	2.75	

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
233	080233	022211001332	NGUYỄN VŨ TUẤN	MINH	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	2.75	2.6	1.25	
234	080234	022211012982	TẠ HIẾU	MINH	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.5	6.8	5.5	
235	080235	022311011193	TRẦN MINH	MINH	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.75	6	3.25	
236	080236	022311000322	ĐINH THỊ KHÁNH	MY	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
237	080237	022311003311	SẦN THẢO	MY	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chi	TH và THCS Quảng Lâm	Tiếng Anh	5.5	3.4	3.75	
238	080238	022311010582	HIÊN NA	NA	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3.75	4.2	3.25	
239	080239	022211001546	BÙI TÔN KHÁNH	NAM	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6	5.6	7.5	
240	080240	022211002663	HOÀNG TUẤN	NAM	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.75	5.2	5.5	
241	080241	022211013665	NGUYỄN MẠNH	NAM	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	3.2	4.25	
242	080242	022211001965	TẰNG DẬU	NAM	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	5.75	3.2	4.25	
243	080243	022311002637	CAO THỊ HẰNG	NGA	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.5	5.2	4.5	
244	080244	022311004577	ĐÀO THỊ QUỲNH	NGA	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5.5	4.4	1.5	
245	080245	022311002767	BÙI THỊ KIM	NGÂN	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	8.5	8.8	6.5	
246	080246	022311009032	ĐẶNG HOÀNG TỐ	NGÂN	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.5	7.6	6	
247	080247	022311001296	ĐINH THỊ THU	NGÂN	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.25	6	6	
248	080248	022311004726	ĐỒNG THỊ	NGÂN	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.75	2.6	5	
249	080249	022311008175	TRẦN THỊ	NGÂN	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chi	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	5.75	2.6	3.5	
250	080250	022311009426	ĐỒNG THỊ	NGẦN	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	7.25	2	3.75	
251	080251	022211009109	NGUYỄN ĐỨC	NGHỊ	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.75	2	4.5	
252	080252	022211001390	ĐẶNG TRUNG	NGHĨA	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7	6.4	3.25	
253	080253	022211012519	ĐỖ TRỌNG	NGHĨA	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4	3.6	3	
254	080254	022211005447	LÝ TRỌNG	NGHĨA	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	3.5	3.8	3.75	
255	080255	022211013364	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	2.5	3.6	2.25	
256	080256	022311002467	CHU HÀ BẢO	NGỌC	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.75	5.6	5.25	
257	080257	022311010596	DỊP THỊ	NGỌC	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	3.4	2	
258	080258	022311012572	ĐINH BẢO	NGỌC	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	6.5	5	4.5	

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
259	080259	022311004006	ĐINH THỊ BẢO	NGỌC	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.25	3.4	4.75	
260	080260	022311001618	HOÀNG YẾN	NGỌC	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	1.75	4.4	5	
261	080261	022311007304	LÊ NGUYỄN BẢO	NGỌC	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.25	3.4	4.5	
262	080262	022311008688	NGUYỄN BẢO	NGỌC	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.25	3.4	4.5	
263	080263	022311011380	NGUYỄN THỊ	NGỌC	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5	4.4	4.75	
264	080264	066208007488	NỊNH QUANG	NGỌC	10/06/2008	Tỉnh Đắk Lắk	Nam	Sán Chay	TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6	1.8	3.5	
265	080265	022211001187	DƯƠNG ANH	NGUYÊN	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	2	4.4	3.75	
266	080266	022211002279	ĐOÀN VĨNH	NGUYÊN	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.25	4.6	6.25	
267	080267	022311009144	HOÀNG THỊ ÁNH	NGUYỆT	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	3.2	3.5	
268	080268	022311008849	PHẠM THỊ ÁNH	NGUYỆT	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.25	3.8	2.75	
269	080269	022311005042	PHẠM THỊ	NGUYỆT	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	0.5	2	1	
270	080270	067311008169	LƯU THỊ THANH	NHÀN	02/08/2011	Tỉnh Lâm Đồng	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	7.25	3.4	4.25	
271	080271	022311005285	NGÔ THỊ THANH	NHÀN	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	6.5	3.6	2.25	
272	080272	022311012299	ĐINH THỊ YẾN	NHI	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.75	3	2	
273	080273	022311004754	ĐỖ BẢO	NHI	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.75	2.2	2.75	
274	080274	022311002060	HOÀNG	NHI	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.5	5	5	
275	080275	022311006641	HOÀNG THỊ YẾN	NHI	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Nùng	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4	2.8	2.25	
276	080276	022311001566	HOÀNG YẾN	NHI	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.75	3.8	4.5	
277	080277	022311003917	NGUYỄN TRANG	NHI	25/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7	3.6	3.75	
278	080278	022311004592	ĐẶNG HOÀI NHỚ	NHUNG	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.25	2.4	4	
279	080279	022311002946	ĐINH HỒNG	NHUNG	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5	4	4	
280	080280	022311010749	HÀ THỊ HỒNG	NHUNG	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5.25	6.4	3.25	
281	080281	022311003978	HOÀNG PHI	NHUNG	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6	4	3.5	
282	080282	022311011918	LÊ PHƯƠNG	NHUNG	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.25	2.8	4	
283	080283	020311002369	HOÀNG THỊ	NƯƠNG	24/10/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nữ	Tày	THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5	3.8	3.25	
284	080284	022211002749	NGUYỄN HỮU TẤN	PHÁT	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5	4.6	4.75	

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
285	080285	022211002661	CHẠC A	PHONG	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chay	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4	3.2	3.75	
286	080286	022211008382	CHU THÁI	PHONG	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.75	6	4.5	
287	080287	022211004206	ĐẶNG NHẤT	PHONG	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4	4.2	2.5	
288	080288	022211001972	LỀNH HOÀNG	PHONG	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	3.75	2.6	4	
289	080289	022211009868	NGÔ GIA	PHONG	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5	3.8	3.25	
290	080290	022211006776	NGUYỄN DUY	PHONG	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	6.75	4.4	4.5	
291	080291	022311007471	NGUYỄN HỒNG	PHONG	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5	2	4	
292	080292	022211005880	NGUYỄN NHẬT	PHONG	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.5	3.2	3.5	
293	080293	022211008555	PHẠM XUÂN	PHÚ	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	3.75	4	3.5	
294	080294	022211013320	DỊP HOÀNG	PHÚC	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.5	3.2	4	
295	080295	022211003513	SỀNH GIA	PHÚC	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	1.75	2.8	1.5	
296	080296	022311002188	TY NGUYỄN HẠNH	PHÚC	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	8	5	7	
297	080297	022311011422	BÙI THỊ MAI	PHƯƠNG	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6	3.2	2.75	
298	080298	022311005486	CHÍU MINH	PHƯƠNG	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	4.75	2	2.75	
299	080299	022311011718	CHÍU THỊ LAN	PHƯƠNG	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	4	3.2	4	
300	080300	022311006486	HOÀNG MAI	PHƯƠNG	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.5	4.8	4.25	
301	080301	022311001894	HOÀNG MINH	PHƯƠNG	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	3	4	3.5	
302	080302	022311006185	LÊ QUỲNH	PHƯƠNG	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.5	3.4	4	
303	080303	022311009153	LƯƠNG THU	PHƯƠNG	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5.5	3	2.5	
304	080304	022311008647	LỶ THỊ	PHƯƠNG	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	2.75	2.4	2.25	
305	080305	022311008167	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	3.2	3.5	
306	080306	022211010189	LÀU NGỌC	QUANG	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quảng Lâm	Tiếng Anh	5.5	3.4	4.25	
307	080307	022211002858	HOÀNG MINH	QUÂN	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Nùng	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	2.5	2.2	0.75	
308	080308	022211009228	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3.75	3.8	4.25	
309	080309	022211000632	NGUYỄN TRỊNH MINH	QUÂN	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.75	4.4	4.5	
310	080310	022211009127	VI MINH	QUÂN	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Đại Bình	Tiếng Anh	2.75	4.6	3.5	

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
311	080311	022311009203	SẺN THỊ MINH	QUÝ	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chi	TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.25	4.8	4.25	
312	080312	022311001383	DỊP TÚ	QUYÊN	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	4.5	3.2	3.5	
313	080313	022311008487	ĐINH BẢO	QUYÊN	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.5	5	5.25	
314	080314	022311012037	NGUYỄN NHẬT	QUYÊN	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.75	2.6	5.25	
315	080315	022311003246	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.75	1.2	2.25	
316	080316	022211004042	ĐINH TIẾN	QUYẾT	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5	4.8	4.25	
317	080317	019311007328	ÂU VŨ	QUỲNH	16/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ	Sán Chay	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.25	5	4.25	
318	080318	022311006763	LOAN NHƯ	QUỲNH	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3.75	4.4	3.75	
319	080319	022311002085	VŨ THỊ NHƯ	QUỲNH	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3.75	2	2.75	
320	080320	022211013897	HOÀNG ANH	SANG	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4	3.8	4	
321	080321	022311004875	LÊ THỊ HỒNG	SEN	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4	2.4	1.25	
322	080322	022311001554	SẦN THỊ TRƯỜNG	SINH	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chi	TH và THCS Quảng Lâm	Tiếng Anh	5.75	4.4	3.75	
323	080323	022211005196	LÊ THỦY	SƠN	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	2.75	7	2.5	
324	080324	022211007392	PHẠM NAM	SƠN	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	3.5	4.2	4.5	
325	080325	022211007570	LA VÕ	TĂNG	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chi	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	3.75	1.6	3.5	
326	080326	022311009940	ĐẶNG THỊ	TẰNG	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chi	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	6	3.8	4.75	
327	080327	022311004827	ĐÀO THẢO	TÂM	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3	4.2	2.25	
328	080328	022211003622	ĐẶNG KHÁNH	TÂM	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.75	5.4	5	
329	080329	022311012088	ĐINH THỊ THANH	TÂM	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.25	2.6	2.25	
330	080330	022311006012	PHẠM MINH	TÂM	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5	4.6	2.5	
331	080331	022311010495	TRẦN THỊ THANH	TÂM	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6	3	3	
332	080332	022211007867	PHÙNG DŨNG	TẤN	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.75	1.8	4	
333	080333	022211002909	CHÌU QUAN	THẠCH	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	2.75	2.2	2.5	
334	080334	022311005923	HOÀNG PHƯƠNG	THANH	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.75	5.8	5.75	
335	080335	022311007278	LÊ THỊ	THANH	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.5	5.2	4	
336	080336	022311012472	LÝ PHƯƠNG	THANH	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	5	4.8	4.5	

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
337	080337	022311002534	PHẠM THỊ HUYỀN	THANH	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4	2.6	2.5	
338	080338	022211001519	ĐINH VĂN	THÀNH	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.25	4.2	1.75	
339	080339	022211004249	PHAN NHẬT	THÀNH	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	4.25	2.6	2	
340	080340	022211010193	VŨ TIẾN	THÀNH	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	7	2	4.25	
341	080341	022211009559	VŨ VIỆT	THÀNH	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	2.75	3.6	2.75	
342	080342	022311005250	CHÌU THỊ	THẢO	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	5.25	4.6	7.25	
343	080343	022311012168	ĐỖ THỊ THANH	THẢO	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	6.5	4.8	5	
344	080344	022311011572	HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.5	2.4	2.75	
345	080345	022311009500	LÊ PHƯƠNG	THẢO	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5.25	3.8	4.5	
346	080346	022211005387	DƯƠNG HỮU	THẮNG	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng Lâm	Tiếng Anh	4.75	3.4	3.5	
347	080347	022211005194	NGUYỄN QUANG	THẮNG	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	6	3.2	5.25	
348	080348	022211011541	TRẠC QUỐC	THẮNG	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chi	TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.5	4	3.75	
349	080349	022211012788	VOÒNG CẨM	THỀNH	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	4.75	4	3.5	
350	080350	022211000625	ĐINH NGỌC	THIỆN	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.75	3	2	
351	080351	022211004883	HOÀNG ĐỨC	THIỆN	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5	5	0.75	
352	080352	022211006413	PHẠM VĂN	THIỆN	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	4	3	1.5	
353	080353	022211005448	ĐINH VĂN	THỊNH	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4	2.6	2.5	
354	080354	022211009921	LÝ CẢNH	THỌ	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	3.75	2.8	3.5	
355	080355	022311006426	PHAN TRẦN XUÂN	THƠ	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.25	7	6.25	
356	080356	022311012179	ĐỖ THỊ MINH	THỜI	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5	5.6	3.5	
357	080357	022311004221	HOÀNG THỊ HOÀI	THU	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.5	4.4	1.75	
358	080358	022311007477	PHAN MAI	THU	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.5	5.8	4	
359	080359	022211004442	TRẠC MINH	THU	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chi	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	3	1.6	3.25	
360	080360	022211010751	ĐẶNG VĂN	THUẬN	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4	3.8	3.25	
361	080361	031211012547	HOÀNG GIA	THUẬN	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.5	3	3.5	
362	080362	022211003692	VŨ ĐỨC	THUẬN	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4	3	4.5	

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
363	080363	022311008085	HÀ PHƯƠNG	THÙY	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.75	7.4	5.75	
364	080364	022311005054	LƯƠNG THANH	THÙY	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	5.4	4	
365	080365	022311004415	LÊ THỊ	THỦY	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	3.2	3.5	
366	080366	022311005665	TY THỊ THU	THÚY	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.75	3.2	2.75	
367	080367	022311008273	BÙI ANH	THƯ	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	3.25	2.4	2.75	
368	080368	022311010750	CHU THỊ ANH	THƯ	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5	3.6	2.75	
369	080369	022311001511	ĐINH HOÀNG QUỲNH	THƯ	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.5	2.2	4	
370	080370	022311011014	LÊ HUYỀN	THƯ	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.75	2.2	4	
371	080371	022311009661	TẰNG KIM	THƯ	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Lâm	Tiếng Anh	5.5	3.2	3.25	
372	080372	022311002964	LÊ HOÀNG HOÀI	THƯƠNG	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.75	2.8	2.25	
373	080373	022311001974	NGUYỄN THỊ DIỆU	THƯƠNG	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3	2.6	3.25	
374	080374	022311006022	PHẠM THỊ THANH	THƯƠNG	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	7.25	3	5.5	
375	080375	022311004123	TRẦN THỊ KHÁNH	THƯƠNG	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5	4.8	5.25	
376	080376	022211011339	LÊ MINH	TIỆP	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.25	4	2.75	
377	080377	022211012415	VŨ THANH	TIỆP	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.5	9.2	6.75	
378	080378	022211011300	LÊ VĂN	TÌNH	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3.25	4.4	3.75	
379	080379	022211011233	ĐINH XUÂN	TOÀN	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	7	7	8	
380	080380	022311001647	ĐẶNG HUYỀN	TRANG	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	2.4	3.75	
381	080381	022311012629	ĐỖ THỊ KIỀU	TRANG	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5	5.2	5.5	
382	080382	022311006291	HÀ THỊ HUYỀN	TRANG	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	7	3.4	4.25	
383	080383	022311003445	LA THỊ QUỲNH	TRANG	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chi	TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.75	4.2	4.5	
384	080384	022311009134	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	3.75	5.8	3.5	
385	080385	022311009069	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.75	2.6	3.25	
386	080386	022311009839	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.75	6	6	
387	080387	022311008830	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	5.4	4.25	
388	080388	022311010212	NGUYỄN THÙY	TRANG	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.75	4.8	5.75	

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
389	080389	022311004028	SẺN THỊ THU	TRANG	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chi	TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5	3.4	3.5	
390	080390	022311011551	TRẦN THỊ ĐOAN	TRANG	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chay	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.5	4.6	3.25	
391	080391	022311005471	TRỊNH LÊ HÀ	TRANG	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.5	8	4.5	
392	080392	022311000637	VOÒNG YẾN	TRANG	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.75	4.6	4.25	
393	080393	022311004252	VŨ THỊ HÀ	TRANG	16/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	6.25	8.2	4.5	
394	080394	022311009050	LÊ ÁNH	TRĂNG	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7	6.2	5.25	
395	080395	022311012487	CHẠC THÙY	TRÂM	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chi	TH và THCS Quảng Lâm	Tiếng Anh	5.5	2.4	4	
396	080396	022311007802	HÀ THỊ BÍCH	TRÂM	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Đại Bình	Tiếng Anh	1.25	2.6	4.75	
397	080397	022311001079	TY THỊ BẢO	TRÂM	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	3.25	3.2	4.25	
398	080398	022211008733	NGUYỄN XUÂN	TRIỆT	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.5	4.8	4.75	
399	080399	022211009281	VŨ MINH	TRIỆT	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6.5	3.2	4	
400	080400	022211008876	PHẠM VĂN	TRIỆU	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.75	4.8	4.75	
401	080401	022311010032	ĐỖ THỊ THANH	TRÚC	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	5.25	7.4	4.5	
402	080402	022311006939	LỲ THỊ THANH	TRÚC	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	4.5	8.2	3.75	
403	080403	022311005648	NGÔ THỊ THANH	TRÚC	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	6	9	6	
404	080404	022211006239	TRỊNH BẢO	TRƯỜNG	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.25	3.8	5	
405	080405	022211003126	CHÌU A	TÚ	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng Lâm	Tiếng Anh	5	3.6	3.75	
406	080406	022211013443	ĐẶNG LƯƠNG ANH	TÚ	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	2.75	5	4.75	
407	080407	022311007823	NGUYỄN THỊ THANH	TÚ	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.75	3.6	3.5	
408	080408	022211002107	ĐẶNG QUỐC	TUẤN	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chi	TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.75	5.4	4.75	
409	080409	022211005602	NỀNH QUỐC	TUẤN	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chay	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.75	3.6	4.75	
410	080410	022211002313	PHAN QUỐC	TUẤN	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.5	7.6	4.5	
411	080411	022211006600	NGUYỄN NHẬT	TUỆ	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.75	4	7.25	
412	080412	022211006758	ĐÀO THIẾT	TÙNG	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	3.25	5.6	3.5	
413	080413	022211010787	ĐẶNG QUYẾT	TÙNG	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chi	THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4.25	3.2	2.25	
414	080414	022211012149	HOÀNG THANH	TÙNG	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5	5.2	6.75	

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
415	080415	022211007639	NGUYỄN DƯƠNG THANH	TÙNG	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6	6	6.25	
416	080416	022211001981	HOÀNG ĐỨC	TUYỂN	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	5.75	5	5.25	
417	080417	022311007285	PHẠM ÁNH	TUYẾT	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	6.5	2.6	4.25	
418	080418	022311010734	TRẦN THỊ NGỌC	TUYẾT	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	4.25	4.2	2.75	
419	080419	022311008912	TRƯƠNG THỊ ÁNH	TUYẾT	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	3	4.4	2.75	
420	080420	022311004784	CHÍU THỊ THUÝ	UYÊN	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng Lâm	Tiếng Anh	5.5	2.6	3.75	
421	080421	022311001798	ĐÀO THU	UYÊN	15/01/2011	Tỉnh Lào Cai	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.75	3.4	5.5	
422	080422	022311001562	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	8	4.8	5	
423	080423	022311009383	NGUYỄN THỊ	VÂN	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5.25	4	3.75	
424	080424	022311003635	HÀ TƯỜNG	VI	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.25	6	3.5	
425	080425	022311008419	HOÀNG ĐẶNG HÀ	VI	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5	3.6	2.75	
426	080426	022311011731	NGUYỄN TƯỜNG	VI	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	6	3.8	2.75	
427	080427	022311007463	NGUYỄN TƯỜNG	VI	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	8	6.6	5.25	
428	080428	022311010790	TRẦN HOÀNG TƯỜNG	VI	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	2.75	2.6	1.75	
429	080429	022211006470	TRIỆU QUỐC	VIỆT	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3	3.4	4.75	
430	080430	022211001534	ĐINH THẾ	VỊNH	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	4	1.8	3	
431	080431	022211006984	LÊ	VŨ	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5	4.2	3.5	
432	080432	022211005728	PHẠM VĂN	VŨ	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	4.5	4	3.75	
433	080433	031211002175	TRỊNH TRẦN CHẤN	VŨ	14/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	2.5	5.8	4	
434	080434	022211004634	ĐINH NGỌC	VƯƠNG	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	4.5	6.6	5.25	
435	080435	022311012328	BẾ THỊ HÀ	VY	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Đại Bình	Tiếng Anh	1.25	3.2	4.5	
436	080436	022311003287	ĐẶNG TƯỜNG	VY	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.5	6.8	3.25	
437	080437	022311013698	ĐOÀN THỊ KIỀU	VY	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	6	6.4	3.5	
438	080438	022311010601	GIẢN PHƯƠNG	VY	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	7.4	5	
439	080439	022311008309	HOÀNG HÀ	VY	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5.75	3	3	
440	080440	022311009881	HOÀNG THỊ NGỌC	VY	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	6.5	5.8	4.75	

Đơn vị: THPT Đầm Hà (22_HD_008)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
441	080441	022311002792	LÊ VŨ KHÁNH	VY	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	7.75	6.2	3.25	
442	080442	022311008138	PHẠM HÀ	VY	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.25	6.6	4	
443	080443	022311011253	TY ĐỖ BẢO	VY	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng Tân	Tiếng Anh	3	4.6	4.75	
444	080444	022311012023	VŨ THỊ KIỀU	VY	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7.25	6.2	3.25	
445	080445	022311011165	ÔN DỰC	XUÂN	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	7	9.2	5.75	
446	080446	022211001951	TRẦN VĂN	XUYÊN	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	5.25	2.8	4	
447	080447	022311007102	HOÀNG HẢI	YẾN	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5	3.8	4.5	
448	080448	022311008463	NGUYỄN HÀ HẢI	YẾN	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đầm Hà	Tiếng Anh	3.75	2	3.5	
449	080449	022311011524	NGUYỄN HOÀNG PHI	YẾN	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đại Bình	Tiếng Anh	5.5	5.8	4.75	
450	080450	022311011948	NGUYỄN THANH	YẾN	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng An	Tiếng Anh	5.25	4.8	4.75	

(Danh sách này gồm có 450 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Bình Liêu (22_HD_009)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	090001	022211001355	NGÔ BẢO	AN	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.5	7.2	5.5	
2	090002	022311010695	HOÀNG HÀ	ANH	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	8.25	10	5.25	
3	090003	022211006621	LA HỒNG	ANH	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	2.5	3.2	0.5	
4	090004	022311011588	LA LAN	ANH	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.75	4.2	3.75	
5	090005	022211010960	LÝ ĐỨC	ANH	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	6.25	3.6	1	
6	090006	022311003070	LÝ MAI	ANH	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.5	8	6.75	
7	090007	022211002379	LỶ THẾ	ANH	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	3	3.4	2.75	
8	090008	022311001173	LÝ THỊ LAN	ANH	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	5.25	6.2	4	
9	090009	022311003345	PHAN HOÀI	ANH	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6	5.2	4	
10	090010	022311001836	PHÙN TUYẾT	ANH	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	3	4.6	2.25	
11	090011	022311001309	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG	ANH	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.5	4	4.25	
12	090012	022311012427	TRẦN VÂN	ANH	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5	4	4.75	
13	090013	022311001198	CHU NGỌC	ÁNH	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7.75	5.4	4.5	
14	090014	022311001542	ĐÀM THỊ NGỌC	ÁNH	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	5	3	3	
15	090015	022311010767	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	7	3	4	
16	090016	022210005471	GIÁP ĐẠI	BÌNH	31/07/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	1	3.6	1.5	
17	090017	022311011501	LỤC THỊ	BÌNH	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	6	4.6	1	
18	090018	022211005745	NÌNH VĂN	BÌNH	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	2.25	2	2.75	
19	090019	022211001335	SẦN VĂN	BÌNH	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	3.75	1.4	1	
20	090020	022311002752	MẠ THANH	CẦM	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	6.5	3	3	
21	090021	022311008498	LÝ THỊ QUỲNH	CHÂM	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6.75	4.2	2	
22	090022	022311004179	CHU THÙY	CHI	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.75	5	5.25	
23	090023	022311005252	HOÀNG LAN	CHI	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.75	4.4	4	

Đơn vị: THPT Bình Liêu (22_HD_009)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
24	090024	022311013009	LA THỊ LINH	CHI	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	7	4	3.5	
25	090025	022311002839	LƯƠNG THỊ LINH	CHI	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	8	9	5.5	
26	090026	022211003298	CHÌU SÒI	CHINH	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	5.25	4	1.75	
27	090027	022211003146	HOÀNG DUY	CƯỜNG	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7.75	5.6	8.75	
28	090028	022311002258	LA TRẦN NGỌC	DIỆP	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7.5	4	4.25	
29	090029	022211006867	LƯU HẢI	DUẪN	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	5.5	5.2	2.75	
30	090030	022211004237	BẾ CHÍ	DŨNG	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7	5.8	5.5	
31	090031	022211009439	HOÀNG TRUNG	DŨNG	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6.5	6.8	4.5	
32	090032	022211012652	VI HẢI	DŨNG	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	3.25	2.4	2.25	
33	090033	022211014087	HÀ QUỐC	DUY	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	5	5.2	4	
34	090034	022211001467	HOÀNG MẠNH	DUY	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	3	4.2	2.5	
35	090035	022211010511	HOÀNG QUANG	DUY	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	3.5	2.2	2.25	
36	090036	022211012135	LA NGỌC	DUY	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	5.5	3.8	3	
37	090037	022211011069	LA THANH	DUY	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	3	5.4	3	
38	090038	022211009577	LA THÀNH	DUY	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	4.5	4	3.25	
39	090039	022211008620	LÝ QUỐC	DUY	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6	3.6	4.75	
40	090040	022211006700	NGUYỄN ANH	DUY	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS và THPT Hoành Mô	Tiếng Anh	6.75	3.4	6	
41	090041	027211008061	NGUYỄN VĂN	DUY	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5	3.6	2.25	
42	090042	022211013202	TẰNG NGỌC	DUY	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	6.5	4.2	1.5	
43	090043	022311002171	HOÀNG THỊ	DUYÊN	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	7.5	5.2	4.5	
44	090044	022311010169	TÔ NGỌC	DUYÊN	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6	3.8	4.75	
45	090045	022311000923	ĐỖ THÙY	DƯƠNG	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	6.25	3.2	1.75	
46	090046	022211009905	HOÀNG PHÁT	DƯƠNG	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	5.5	2.8	2.25	
47	090047	022311006017	HOÀNG THÙY	DƯƠNG	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	6	4.8	3.5	
48	090048	022211004477	LÝ A	DƯƠNG	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	4.5	5.2	2.25	

Đơn vị: THPT Bình Liêu (22_HD_009)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
49	090049	022311004596	MẠ THÙY	DƯƠNG	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	3.5	4	2	
50	090050	022211008062	LÃ MẠNH	ĐẠT	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	6.75	6	5	
51	090051	022211012920	LƯƠNG VĨNH	ĐẠT	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	3.5	2.2	1.25	
52	090052	022211002100	LÝ TIẾN	ĐẠT	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	4.25	4.2	3.75	
53	090053	022211001732	NGUYỄN DUY	ĐẠT	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	5	5	4.5	
54	090054	022211006587	VI THANH	ĐIỀN	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	4	2.6	3.5	
55	090055	022311007380	ĐINH KHÁNH	ĐIỆP	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	6.5	5.8	3.25	
56	090056	022211011667	HOÀNG SƠN	ĐÔNG	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	3	4.2	2.5	
57	090057	022211011803	LA THANH	ĐỒNG	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	4.25	3.4	1.25	
58	090058	031211005463	NGUYỄN ANH	ĐỨC	24/02/2011	Tỉnh Hà Tĩnh	Nam		TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.5	3.4	3.75	
59	090059	022311002725	LÔ HƯƠNG	GIANG	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.25	4.2	3.5	
60	090060	022311001192	LỤC HƯƠNG	GIANG	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7.5	7.6	5.5	
61	090061	022311012205	LA NGỌC NGUYỆT	HÀ	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	6.5	7.2	4.75	
62	090062	022311007873	NÌNH THU	HÀ	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	6.25	4.6	4.75	
63	090063	022311008424	TRẦN THỊ	HÀ	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	3.5	3	1	
64	090064	022311010457	HOÀNG THỊ	HẠ	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	8.5	6.6	3.75	
65	090065	022311009997	HOÀNG THỊ	HẠ	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	7.5	5.8	8	
66	090066	022211012073	HOÀNG THẾ	HẢI	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.75	7.2	6.5	
67	090067	022211006384	BẾ HỒNG	HẠNH	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	7.25	4.4	4.25	
68	090068	022311001410	ĐẶNG HỒNG	HẠNH	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	5.25	5.4	3.75	
69	090069	022311007226	LA NHƯ	HẠNH	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	5	4.2	2	
70	090070	022311001420	LA THỊ	HẠNH	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	5.75	3.8	3	
71	090071	022311009806	MẠ THỊ THU	HẰNG	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6.75	4.8	3	
72	090072	022311003818	MẢY THỊ NGỌC	HÂN	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.5	5.6	6.75	
73	090073	022311002778	LA THỊ THẢO	HIỀN	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.5	4.2	4	

Đơn vị: THPT Bình Liêu (22_HD_009)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
74	090074	022311001690	TRẦN THỊ THU	HIỀN	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	6.75	4.8	6.5	
75	090075	022311005881	CHU HOÀNG	HIỆP	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	6.5	5.2	4.25	
76	090076	022211009582	ĐÀM MINH	HIỆP	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	7.25	7.6	7.25	
77	090077	022211005607	LÝ NHÂN	HIỆP	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6.5	4.8	3.25	
78	090078	022211009858	NGŨ NGỌC	HIỆP	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5	4	4	
79	090079	022211008262	ĐẶNG QUỐC	HIẾU	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	2	3.6	1.25	
80	090080	022211013395	LÊ ĐỨC	HIẾU	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.5	3.4	4.5	
81	090081	022211013712	PHÒNG MINH	HIẾU	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	2.75	3.4	1.25	
82	090082	022211010768	TRẦN MINH	HIẾU	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6.25	3.2	2.75	
83	090083	022211001762	TRẦN TRUNG	HIẾU	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	4	4.8	4.75	
84	090084	022311012077	TRẦN THỊ	HOA	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	4.75	3.8	1	
85	090085	022311011097	PHÙN THỊ	HỒNG	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	5.5	4	2.75	
86	090086	022211006524	CHÌU SÒI	HÙNG	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	4.25	3	2	
87	090087	022211012667	TRẦN MẠNH	HÙNG	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.25	8	4	
88	090088	022211012593	LÔ ĐẠI	HUY	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5	5.4	2.5	
89	090089	022211010678	TẰNG MẠNH	HUY	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	3.25	4	3.25	
90	090090	022211012523	TÔ QUANG	HUY	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.5	3.4	3.75	
91	090091	022211009268	TRẦN NGUYỄN QUỐC	HUY	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	3.25	3	2.5	
92	090092	022211004706	VI GIA	HUY	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.75	5.6	4	
93	090093	022311009097	CHU KHÁNH	HUYỀN	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6	3.6	2.25	
94	090094	022311003630	PHƯƠNG THANH	HUYỀN	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	7.25	7	1.75	
95	090095	022211003876	HOÀNG LỘC GIA	HƯNG	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5	5	4.25	
96	090096	022211009079	NÌNH QUỐC	HƯNG	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	3.5	3.4	4	
97	090097	022311011809	CHOÒNG THỊ QUỲNH	HƯƠNG	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	5.25	4.2	3.75	
98	090098	022311002970	VI THỊ THANH	HƯƠNG	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7	3.4	5	

Đơn vị: THPT Bình Liêu (22_HD_009)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
99	090099	022311004635	CHÍU THÚY	HƯỜNG	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	7.75	7	3.5	
100	090100	022211004195	NGUYỄN MINH	HƯỜNG	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.75	7.8	5	
101	090101	022311003446	LỶ THỊ	KẾT	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	7	6.4	5.5	
102	090102	022211006086	LẠC LÊ	KHANH	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	4.5	2.2	2.25	
103	090103	022311004312	ĐÀO VÂN	KHÁNH	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7.5	5.8	5.5	
104	090104	022211009447	LÝ QUỐC	KHÁNH	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	7	5.4	7.5	
105	090105	022211001792	MẠ DUY QUỐC	KHÁNH	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	3.25	3	2.5	
106	090106	022211009284	MẠ NGỌC	KHÁNH	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	6	6.2	5	
107	090107	030211013402	NGUYỄN ĐA	KHÁNH	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.75	5	6.75	
108	090108	022211011958	TRẦN DUY	KHỎE	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6.5	5.4	2.25	
109	090109	022211002521	BÙI ANH	KHÔI	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	4.75	3.6	2.25	
110	090110	022211013623	HÀ QUANG	KHÔI	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7.75	6.6	5.25	
111	090111	022210008626	NGUYỄN NGUYÊN	KHÔI	20/10/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	4.5	2.4	2	
112	090112	022211009890	TRẦN MẠNH	KHÔI	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	5.25	6	5	
113	090113	022211003038	TRẦN MINH	KHÔI	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6	7.4	4.75	
114	090114	022211003866	MẢY TRUNG	KIÊN	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	4.25	3.6	1.5	
115	090115	022211007619	TRẦN TRUNG	KIÊN	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	4.25	3.2	1	
116	090116	022210002537	HOÀNG ANH	KIỆT	28/08/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	2.25	2.2	2	
117	090117	022211007169	HOÀNG TUẤN	KIỆT	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.75	4.6	4.5	
118	090118	022211012208	TẰNG QUỐC	KIỆT	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	4.75	5	1.75	
119	090119	022311006741	CHOÒNG THỊ NGỌC	KIỀU	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	3	2.2	2	
120	090120	022311002810	SẦN THỊ	KIM	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	7	5.4	3.25	
121	090121	022311003876	CHỎONG THỊ	LAN	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	5.25	3.8	3.5	
122	090122	022311001775	HOÀNG MAI	LAN	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	3.5	4	1	
123	090123	022311004771	LẠC THỊ	LAN	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	6.25	4.6	4.75	

Đơn vị: THPT Bình Liêu (22_HD_009)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
124	090124	022311007173	LỶ THỊ MAI	LAN	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	4.25	3.6	4	
125	090125	022311007655	NÔNG NGỌC	LAN	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	6.25	3.8	3.5	
126	090126	022311001370	TRẦN MAI	LAN	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	7.5	5.4	6.5	
127	090127	022211001518	TRẦN A	LÂM	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	2.5	1.8	0.75	
128	090128	022311007280	HOÀNG THỊ	LỆ	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	6.5	5.4	3.25	
129	090129	022311004916	HOÀNG MAI	LINH	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	3	5	2.75	
130	090130	022311005729	HOÀNG THÙY	LINH	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	4.75	3.4	2.25	
131	090131	022311006378	HOÀNG THÙY	LINH	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6	4	4	
132	090132	022311005352	HOÀNG TƯỜNG	LINH	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7	9.4	6	
133	090133	022311011692	LA THỊ KHÁNH	LINH	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	4.75	2.4	1	
134	090134	022311008202	LỤC THỊ THÙY	LINH	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	5.25	4.8	3.5	
135	090135	022311004721	LÝ THÙY	LINH	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6.25	5.6	4.75	
136	090136	022311003809	MÃ KHÁNH	LINH	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	8.25	7.2	4.5	
137	090137	022311001026	VI THỊ	LÒ	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	3.5	2.8	2	
138	090138	022211001175	GIÁP HIỆN	LONG	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5	2.2	1.75	
139	090139	022211001437	LÝ TRUNG	LONG	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	4	2.8	2.5	
140	090140	022211001591	QUI THÀNH	LONG	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	2.25	2.8	3	
141	090141	022211002198	TÔ QUẢNG	LONG	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	3	3	3.75	
142	090142	022211008041	HÀ SÌU	LUÂN	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	2	3	2.75	
143	090143	022211006159	HOÀNG MẠNH	LỰC	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	3	3	1.5	
144	090144	022211011145	TRIỆU PHÚ	LƯƠNG	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.25	8	4	
145	090145	022311007976	NÔNG THỊ	LY	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.25	3.6	4.75	
146	090146	022311001719	CHÌU THỊ	MAI	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	2.75	2.6	2.5	
147	090147	022311006244	TRẦN THỊ	MAI	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	2.25	2.2	1.25	
148	090148	022311010015	VI THỊ XUÂN	MAI	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Đồng Tâm	Tiếng Anh	7.25	8.2	3.75	

Đơn vị: THPT Bình Liêu (22_HD_009)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
149	090149	022211013741	DƯƠNG ĐỨC	MẠNH	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	2.25	3.4	2.75	
150	090150	022211002052	HOÀNG DUY	MẠNH	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.75	9.6	4.25	
151	090151	022211005227	MA VĂN	MẠNH	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	3.75	4	3	
152	090152	022211011013	VI TIẾN	MẠNH	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	3.5	2.8	2.25	
153	090153	022211006158	TRẦN BÌNH	MINH	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	1.25	2	1.5	
154	090154	022211001343	TRẦN VĂN	NAM	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	1	1.8	1.25	
155	090155	024211010763	TRẦN XUÂN	NAM	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	1.75	2.2	2.5	
156	090156	022311008247	DƯỜNG THỊ	NGA	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	7.25	6.4	7.25	
157	090157	022311002919	HOÀNG BẢO	NGỌC	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	2.5	4	2.75	
158	090158	022311005363	HOÀNG MINH	NGỌC	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	5.25	4.4	3.5	
159	090159	022311005071	LA THỊ KHÁNH	NGỌC	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	4.75	3	0.5	
160	090160	022211012284	TRẦN LÝ BẢO	NGỌC	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6	4.4	3.5	
161	090161	022311007684	TRẦN THỊ	NGỌC	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	5	2.4	2.25	
162	090162	022311006304	TRẦN VY BẢO	NGỌC	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.5	7.2	3.75	
163	090163	022311002487	VI BẢO	NGỌC	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6.5	8.6	5.5	
164	090164	022311011516	TRẦN THỊ MINH	NGUYỆT	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	5.5	3.2	1.75	
165	090165	022211007756	VI DŨNG	NHẤT	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.25	6.8	7.75	
166	090166	022311002228	LÝ THỊ QUỲNH	NHI	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	4	3	1.5	
167	090167	022311008147	NGUYỄN LINH	NHI	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	7	6.8	5.25	
168	090168	022311011503	LOAN CẨM	NHUNG	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7.5	4.6	4.5	
169	090169	022311012243	HÀ QUỲNH	NHƯ	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.5	5.6	3.75	
170	090170	022311004692	LÔ THỊ QUỲNH	NHƯ	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	8.25	7.6	7.5	
171	090171	022311009871	LÝ THỊ QUỲNH	NHƯ	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	7.5	8.6	2.75	
172	090172	022311003669	PHÙN THỊ	NHƯ	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	5.5	2.6	1.5	
173	090173	022311010903	TẰNG THỊ	NHƯ	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6	6.4	3.75	

Đơn vị: THPT Bình Liêu (22_HD_009)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
174	090174	022311003014	TÔ THỊ TÂM	NHƯ	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.75	2.4	3	
175	090175	022311010737	TÔ HOÀNG	NƯƠNG	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	3.25	3.8	3.25	
176	090176	022311009338	LỤC THỊ KIỀU	OANH	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	8.25	6	4.5	
177	090177	022311006016	TRẦN VY	OANH	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	8.5	8.2	5.25	
178	090178	022211002761	SÁI HOÀNG	PHÁT	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7	8.6	4.75	
179	090179	022311007345	PHÙN QUÝ	PHI	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6.75	3.6	5.25	
180	090180	022211008921	HOÀNG GIA	PHONG	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.5	1.8	5.5	
181	090181	022211013460	LÊ ĐỨC	PHÚC	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.25	5	4.75	
182	090182	022211010238	NGÔ BẢO	PHÚC	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5	6.4	3	
183	090183	034311015025	BÙI THỊ	PHƯƠNG	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	8.5	6	3.75	
184	090184	022311002551	LA THỊ	PHƯƠNG	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	6	3.8	3	
185	090185	022311001888	NGUYỄN HOÀI	PHƯƠNG	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.75	8.6	6.5	
186	090186	022211003573	TRẦN MINH	QUẢNG	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	4	3.2	0.75	
187	090187	022211003777	ĐẶNG MẠNH	QUÂN	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7.25	7.8	6.5	
188	090188	022211002806	LA THÀNH	QUÂN	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7.75	8.8	7.5	
189	090189	022211001601	HOÀNG KIẾN	QUỐC	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7.75	5.6	7.5	
190	090190	022211004899	NGÔ BẢO	QUỐC	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.5	6.6	5	
191	090191	022311009123	NÌNH THỊ	QUÝ	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	5.5	3	2.75	
192	090192	022211002660	LÝ ĐỨC	QUYỀN	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	4.5	3.2	3.5	
193	090193	022311004739	LÝ NHÃ	QUỲNH	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	6.5	5.8	5.5	
194	090194	022311008131	NGÔ NGỌC	QUỲNH	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7.25	3.8	5	
195	090195	022211007340	ĐINH THÁI	SAN	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.75	9	3.25	
196	090196	022311008064	LỤC THỊ	SINH	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	3.25	2.4	2.25	
197	090197	022311001612	NÌNH THỊ	SINH	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	4	2.8	3.5	
198	090198	022211002206	NÔNG NGỌC	SƠN	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	5.5	4.8	5	

Đơn vị: THPT Bình Liêu (22_HD_009)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
199	090199	022211002668	VI HIẾU	TÂM	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	4.25	4.2	3	
200	090200	022211008326	HOÀNG MẠNH	TÂN	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	5.5	4.6	5.5	
201	090201	022311012483	LA THỊ	THANH	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	2.5	4.6	1.25	
202	090202	022211007399	TRẦN TIẾN	THÀNH	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.75	7.8	7.5	
203	090203	022310008900	CHÌU THỊ	THẢO	21/01/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	5.5	3.8	1.5	
204	090204	022311008630	HOÀNG TRANG	THẢO	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6	2.8	3.5	
205	090205	022311010489	LA THỊ BÍCH	THẢO	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	5	2.4	3.25	
206	090206	022311006648	TRẦN THỊ THU	THẢO	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	4.5	3.2	3.5	
207	090207	022211005978	NÌNH CHIẾN	THẮNG	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	5.75	2.8	2.75	
208	090208	022210009593	TRẦN ĐỨC	THẮNG	24/06/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	2.5	3.4	1.75	
209	090209	022211007008	ĐINH NHẬT	THIÊN	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	4.75	3.2	2	
210	090210	022211005057	LA THANH	THIÊN	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	4.5	2.8	2.75	
211	090211	022211006076	HOÀNG THANH	THIỆN	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	3.5	2.6	3	
212	090212	022211009371	LỤC VĂN	THIỆN	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	4.5	3.8	2.5	
213	090213	022211004476	HÀ ĐỨC	THỊNH	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	7.25	5.4	4.75	
214	090214	022311008679	LA THỊ THU	THƠM	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	5.75	3.6	3.25	
215	090215	022311005000	NÌNH THỊ	THƠM	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	5	4.8	2.5	
216	090216	022311010329	TRẠC THỊ	THƠM	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	4.25	4	2.25	
217	090217	022211001916	NGUYỄN MINH	THUẬN	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	4.75	2.2	2.25	
218	090218	022311004614	HOÀNG THANH	THUỲ	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	9	6	6.25	
219	090219	022211013011	HOÀNG CHUNG	THỦY	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6.25	5.4	4.25	
220	090220	022311003759	LA THỊ	THỦY	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	3.5	2.4	2	
221	090221	022311001362	LÔ THU	THỦY	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	7.25	6.6	4.25	
222	090222	022311007456	TRẦN THU	THỦY	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6.5	3.2	3	
223	090223	022311004368	HOÀNG THỊ MINH	THƯ	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	7.5	6	4	

Đơn vị: THPT Bình Liêu (22_HD_009)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
224	090224	022311002013	LÔ MINH	THƯ	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	8	5.8	4	
225	090225	022311005289	CHÌU THỊ HOÀI	THƯƠNG	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	7.25	7.4	4.75	
226	090226	022311002611	HOÀNG THỊ HỒNG	THƯƠNG	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS và THPT Hoành Mô	Tiếng Anh	7	4.4	2	
227	090227	022311002102	LA HOÀI	THƯƠNG	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	7.5	4.4	3.25	
228	090228	022311000628	CAM BẢO	THY	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	7	6	6	
229	090229	022211011053	LA THANH	TIỆP	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	1.25	3.2	2.5	
230	090230	022211010605	MẠ LẬP	TOÀN	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Đồng Tâm	Tiếng Anh	6.75	7	6.5	
231	090231	022211001645	TÔ ĐÌNH	TOÀN	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	6	5.8	4.25	
232	090232	022211003084	VI TIẾN	TỚI	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	5.5	3.8	4.25	
233	090233	022311003836	HOÀNG HƯƠNG	TRÀ	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	4.25	4.2	2.75	
234	090234	022311005189	LƯƠNG HUYỀN	TRANG	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7.25	5.4	6.5	
235	090235	022311011090	LỶ THỊ	TRANG	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	5.5	3	2.75	
236	090236	022311001158	NGÔ THUỲ	TRANG	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	8	6.4	4.25	
237	090237	022311003379	PHÙN THANH	TRANG	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	6.25	4.2	3.25	
238	090238	022311008084	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	5.25	4.6	3.25	
239	090239	022311001679	VOÒNG HUYỀN	TRANG	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	3	3.6	1.75	
240	090240	022311009780	HOÀNG NGỌC	TRÂM	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	5.75	3.8	2.5	
241	090241	022311007175	HOÀNG THỊ BẢO	TRÂM	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	5.75	4.4	3.5	
242	090242	022311007951	LA NGỌC BẢO	TRÂM	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	7	5.4	6	
243	090243	022311001723	LÔ NGỌC BẢO	TRÂM	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.5	4.4	4.25	
244	090244	022311011598	NÌNH TRẦN NGỌC	TRÂM	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7.25	4	4.75	
245	090245	022311009760	TÔ THỦY	TRÂM	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.75	4.4	4.75	
246	090246	022311000445	TRẦN NGỌC BẢO	TRÂM	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7	5	6.25	
247	090247	022211006153	PHÙN VĂN	TRINH	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	5.25	4.4	1.75	
248	090248	022311011648	VI LAN	TRINH	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.75	4.6	5.75	

Đơn vị: THPT Bình Liêu (22_HD_009)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
249	090249	022211013189	BẾ ĐỨC	TRỌNG	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6	4	3	
250	090250	022211004315	LÔ VĨNH	TRỌNG	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7.25	3.6	4.25	
251	090251	022211006419	SẦN VĂN	TRUNG	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	5	2.8	1.25	
252	090252	022211007405	HOÀNG XUÂN	TRƯỜNG	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	4.75	3	3	
253	090253	022311006274	MẠ THỊ ANH	TÚ	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	7	4.4	6.25	
254	090254	022211012968	CHU MINH	TUẤN	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	5.25	4.4	4	
255	090255	022211002665	GIÁP MINH	TUẤN	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.75	3.2	4	
256	090256	022211001552	LÝ ĐỨC	TUẤN	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	5	3.4	2	
257	090257	022211012576	TRẦN QUỐC	TUẤN	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	5	3.2	0.5	
258	090258	022211002009	HOÀNG THANH	TÙNG	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	4.5	3.4	3	
259	090259	022211010526	HOÀNG XUÂN	TÙNG	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	3.75	4	3.75	
260	090260	022211003327	LOAN THANH	TÙNG	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	4.75	3.8	4.25	
261	090261	022211010125	LÝ XUÂN	TÙNG	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.75	6.2	4.5	
262	090262	022211004565	NGUYỄN BÁCH	TÙNG	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	5.25	3.8	6	
263	090263	022211014102	BẾ CHÍ	TUYỂN	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	5.5	4	3.25	
264	090264	022311011875	LÔ THỊ MINH	TUYẾT	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	7	6.2	5.5	
265	090265	022311009931	HOÀNG THỊ	TƯƠI	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	6.25	3.8	2	
266	090266	022311006048	LÔ THỊ THẢO	UYÊN	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7.25	3.2	4.25	
267	090267	022311012308	LÝ THỊ LỆ	UYÊN	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6	4.8	3.75	
268	090268	022311002065	NGÔ THẢO	UYÊN	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7.75	8	4.25	
269	090269	022311010730	BẾ YẾN	VI	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	6.75	4.8	3.25	
270	090270	022311005641	LƯƠNG MAI	VI	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	8	6.6	6.5	
271	090271	022311007788	PHÙN THỊ	VIỆN	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	3.25	3	1.25	
272	090272	022211001991	ĐINH QUỐC	VIỆT	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7.5	7.4	7.5	
273	090273	022211009169	HOÀNG QUỐC	VIỆT	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6.75	3	3.75	

Đơn vị: THPT Bình Liêu (22_HD_009)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
274	090274	022211001127	LÀI TIẾN	VIỆT	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	3	4.2	1	
275	090275	022211007734	LA QUỐC	VIỆT	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	5.5	3	2.25	
276	090276	022211006354	TRẮNG ĐỨC	VIỆT	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	4.75	4	3.25	
277	090277	022211003138	VI BẢO	VIỆT	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	3.25	2.8	2.5	
278	090278	022211008120	HOÀNG QUANG	VINH	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	2.5	3	2.75	
279	090279	022311009600	HOÀNG NGỌC TƯỜNG	VY	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	3.5	1.8	2.25	
280	090280	022311012574	HOÀNG TƯỜNG	VY	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	7	7.2	4	
281	090281	022311011366	LA HIỀN	VY	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	6	4.2	3.5	
282	090282	022311004969	LA TRIỆU	VY	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	4.25	3.6	4.25	
283	090283	022311005944	NGUYỄN KHÁNH	VY	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT Bình Liêu	Tiếng Anh	8	9	7.75	
284	090284	022311012920	PHÙN THỊ	VY	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	6.5	4	4	
285	090285	022311007521	LỶ THỊ	XUÂN	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	4.25	2.6	1.25	
286	090286	022311006003	NGUYỄN THỊ	XUÂN	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	3	2.6	1	
287	090287	022311009491	NÌNH THỊ	XUÂN	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	5.5	2.6	2.25	
288	090288	022311007606	ĐẶNG THỊ THU	YẾN	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Húc Động	Tiếng Anh	5.5	4.2	2.5	
289	090289	022311012173	GIÁP THỊ HẢI	YẾN	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lục Hồn	Tiếng Anh	6.5	4.8	3.5	
290	090290	022311010309	NGÔ HOÀNG	YẾN	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	6.5	3.8	5.25	
291	090291	022311000513	NÔNG HẢI	YẾN	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Liêu	Tiếng Anh	8.25	5.2	4.75	
292	090292	022311009614	VI THỊ HẢI	YẾN	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Vô Ngại	Tiếng Anh	7.75	4.4	4.25	

(Danh sách này gồm có 292 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Ba Chẽ (22_HD_011)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	110001	022211012246	BÙI BÌNH	AN	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4.5	1.6	2.25	
2	110002	022210013259	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	AN	26/09/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4	4.6	3.5	
3	110003	022311001611	PHẠM BẢO	AN	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	1.25	2	0.5	
4	110004	024311016768	TRIỆU HOA TUỆ	AN	03/03/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	8.5	5.8	5.5	
5	110005	022211001171	CHƯƠNG BẢO	ANH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.75	3	4.5	
6	110006	022311003112	HÀ KỲ	ANH	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.75	3.8	3.25	
7	110007	022311012566	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	ANH	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lương Mông	Tiếng Anh	5.75	3.2	2.75	
8	110008	022311002022	LINH THỊ HOÀNG	ANH	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Lương Mông	Tiếng Anh	5	1.4	2.25	
9	110009	022211001852	NGUYỄN TRUNG	ANH	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	3.75	2.8	5	
10	110010	067311001533	TÔ THỊ VÂN	ANH	11/08/2011	Tỉnh Lâm Đồng	Nữ	Sán Dìu	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.75	3.2	3	
11	110011	022311003962	VŨ HOÀI	ANH	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.5	4.6	5.75	
12	110012	022211003285	VŨ THIỆN	ANH	20/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4	3.6	4.5	
13	110013	022311006482	CHU NGỌC	ÁNH	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	2.5	2.6	2	
14	110014	022211004657	NỊNH VĂN	ÁNH	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	2.75	2.6	1.25	
15	110015	022311002897	TRIỆU NGỌC	ÁNH	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	3.25	2.8	2.75	
16	110016	022311001319	CHÙ CHI	ÂN	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6	4.6	3.75	
17	110017	022211005247	VI HOÀNG	BÁCH	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lương Mông	Tiếng Anh	6	2.8	3	
18	110018	022311011846	LÝ SAO	BĂNG	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	3	2.8	2	
19	110019	022311011013	MÃ NGỌC	BÍCH	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	6	3	2.25	
20	110020	022211011885	LAN TUẤN	BÌNH	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.5	9.2	3.75	
21	110021	022311002486	TRIỆU THU	BÌNH	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	3.25	2.6	1.5	
22	110022	022311009831	VŨ LÂM RU	BY	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5	4.2	2.75	
23	110023	022211002940	ĐẶNG NAM	CAO	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	4.25	3.4	1	
24	110024	022311011714	LÝ THỊ	CHÂM	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	6	2.6	1.5	

Đơn vị: THPT Ba Chẽ (22_HD_011)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
25	110025	022311010095	ĐINH NGỌC MINH	CHÂU	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	2.75	2.2	2.5	
26	110026	022311010480	NGUYỄN BẢO	CHÂU	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	7.5	5.2	3	
27	110027	022311010504	NGUYỄN QUỲNH	CHI	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.75	3.8	3.5	
28	110028	022311001927	TRIỆU THỊ THÙY	CHI	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4.5	2.8	2.5	
29	110029	022211004260	NỊNH VĂN	CHIẾN	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.5	3.8	2.75	
30	110030	022211011337	VI VĂN	CHIẾN	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lương Mông	Tiếng Anh	3.25	2.8	1.5	
31	110031	022211004341	NGUYỄN LÂM	CHÍNH	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	3.5	1.8	2.5	
32	110032	022211008565	ĐÀM VĨNH	CƯỜNG	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	2.5	2	1.25	
33	110033	022211011413	ĐẶNG CHÍ	CƯỜNG	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	1.25	2.6	0.75	
34	110034	022211007598	LÝ CÔNG	DANH	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	2.75	2.4	1.25	
35	110035	022311012090	NỊNH THỊ KIỀU	DIỄM	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	5	4	4.75	
36	110036	022311011851	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.75	3.6	2.25	
37	110037	022211013621	LA ĐÌNH	DŨNG	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	1	2.6	2.75	
38	110038	022211006701	TRẦN TIẾN	DŨNG	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	1.5	2.4	1	
39	110039	031211014314	LÊ KHÁNH	DUY	16/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	4.5	4.2	3.75	
40	110040	022211006633	NGUYỄN ĐỨC	DUY	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.25	4.6	4.75	
41	110041	022211011991	NỊNH QUANG	DUY	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	2.25	1.2	1.25	
42	110042	022211010483	PHẠM ANH	DUY	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	3.25	6.8	1.75	
43	110043	022311010928	NỊNH THỊ MỸ	DUYÊN	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	2.75	3.8	2	
44	110044	022211005343	ĐẶNG QUỐC	DƯƠNG	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	2.75	3	3	
45	110045	022211012842	MỄ BẢO	DƯƠNG	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Cao Lan	TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	0.75	1.4	0.5	
46	110046	022311006744	NGUYỄN ÁNH	DƯƠNG	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	7	4.6	2.75	
47	110047	022311002875	NÔNG HOÀNG LINH	ĐAN	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.5	3.2	1.25	
48	110048	022311002112	TRẠC THỊ HOÀI	ĐAN	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	1.5	2.6	1	
49	110049	022211003857	NỊNH THÀNH	ĐẠT	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	7	9.2	6.5	
50	110050	022211004291	TRƯƠNG TIẾN	ĐẠT	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	3.5	1.2	2.5	

Đơn vị: THPT Ba Chẽ (22_HD_011)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
51	110051	022211005442	TẠ MINH	ĐỨC	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4	3.8	5	
52	110052	022211007636	LAN HOÀNG	GIANG	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	4.75	2.4	2.75	
53	110053	022311006374	MÃ TRÀ	GIANG	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Lương Mông	Tiếng Anh	2.5	2.4	3.25	
54	110054	022311006520	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	3.5	3.6	1.75	
55	110055	022311001404	HOÀNG NGỌC	HÀ	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.25	3.4	4.25	
56	110056	022311007867	MÔNG THÚY	HÀ	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Cao Lan	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.5	4.2	2.75	
57	110057	022211013577	LÝ MINH	HẠC	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	7.5	5.4	5.5	
58	110058	022311011389	TRẦN MỸ	HẠNH	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	7.5	5.2	6.25	
59	110059	022311005588	TRIỆU THỊ	HẠNH	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Lương Mông	Tiếng Anh	4.5	1	3.75	
60	110060	022311004973	NỊNH THỊ MINH	HẢO	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	1.75	3	3	
61	110061	022311004013	ĐẶNG THỊ	HẰNG	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	4.5	2.6	1.75	
62	110062	022311006693	LÝ BẢO	HÂN	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	2.25	3.4	1.5	
63	110063	022311009834	LÝ NGỌC	HÂN	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	4.25	3.2	1.75	
64	110064	022311006899	NỊNH NGUYỄN GIA	HÂN	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	7	6	4.25	
65	110065	022311008850	TRIỆU NGỌC	HÂN	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
66	110066	022311011127	BÙI HOA	HẬU	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	7.25	5	7.75	
67	110067	022211008464	TRIỆU VĂN	HIỂN	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Lương Mông	Tiếng Anh	6	2.4	6.5	
68	110068	022211006474	LƯƠNG MINH	HIẾU	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lương Mông	Tiếng Anh	5.25	2	2.75	
69	110069	022211004559	TÔ MINH	HIẾU	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5	1.8	1.75	
70	110070	022311008390	CHÍU THỊ	HOA	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4.5	3	3.25	
71	110071	022311007193	DỊP BÁCH	HOA	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.25	2.4	1.75	
72	110072	022211002239	MỄ THANH	HÒA	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Cao Lan	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	3.75	2.8	2.5	
73	110073	022311009827	TRIỆU THU	HÒA	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	7.75	3	2.75	
74	110074	022311008546	TRIỆU THU	HÒA	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	4.25	1.6	1	
75	110075	022311004329	VY THỊ	HÒA	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	3.75	3	2.75	
76	110076	022311012488	TRIỆU THỊ	HOAN	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4.25	2.8	2.5	

Đơn vị: THPT Ba Chẽ (22_HD_011)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
77	110077	022211011677	LÝ XUÂN	HOÀN	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	4	2.8	2	
78	110078	033211002629	ĐOÀN QUÂN	HOÀNG	14/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	2	4.2	4.75	
79	110079	022211012494	LÃ VIỆT	HOÀNG	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.75	2.8	4.25	
80	110080	022211009143	TRƯƠNG HUY	HOÀNG	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	3.75	2	2.5	
81	110081	022311006199	ĐINH THỊ	HỒNG	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.75	3.8	3.75	
82	110082	022311004378	LỤC THỊ KIM	HUỆ	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Cao Lan	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	7.75	3.4	4	
83	110083	022311009797	LÝ THỊ THU	HUỆ	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	8	4	3.75	
84	110084	022211012515	NGUYỄN SỸ	HÙNG	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	1.25	3.6	2.5	
85	110085	022211011645	HOÀNG GIA	HUY	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5	3.6	3.75	
86	110086	022211007263	LỘC THẾ	HUY	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	1.75	4.8	3	
87	110087	022211010386	NGUYỄN LÂM	HUY	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	1.75	2.6	3.5	
88	110088	067211008478	LÊ CHẤN	HƯNG	29/08/2011	Tỉnh Lâm Đồng	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.25	6	8.25	
89	110089	022211002119	LÝ TUẤN	HƯNG	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	2.25	2.8	2.5	
90	110090	022211008895	NGUYỄN DUY	HƯNG	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	2.5	3.8	3	
91	110091	022211006813	NỊNH QUỐC	HƯNG	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.5	2.6	3.5	
92	110092	022211013285	TÔ GIA	HƯNG	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4	3.4	4.25	
93	110093	022311013600	TRIỆU THỊ LAN	HƯƠNG	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4.5	2.8	1	
94	110094	022311004086	TRẦN THỊ THÚY	HƯỜNG	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	3.75	2.8	1	
95	110095	022211009742	ĐẶNG MINH	KHẢI	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	3.25	3.2	3.5	
96	110096	022211006953	TRẦN	KHẢI	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	2.75	2.6	2.5	
97	110097	022211002591	NGUYỄN BẢO	KHANG	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	7.5	6.8	4.25	
98	110098	022211010451	ĐINH DUY	KHÁNH	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	1.25	2.2	0.25	
99	110099	022211001400	HOÀNG MINH	KHÁNH	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	5.5	3.4	3.75	
100	110100	022211004907	NGUYỄN GIA	KHÁNH	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.75	3.6	5.5	
101	110101	022211007596	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	3	3.2	2.5	
102	110102	022211012597	NÔNG DUY	KHÁNH	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.5	4.8	4.75	

Đơn vị: THPT Ba Chẽ (22_HD_011)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
103	110103	022211010654	PHẠM NGỌC	KHÁNH	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	7.25	4.6	8.5	
104	110104	022211001583	TRẦN DUY	KHÁNH	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	3.75	2.2	3.25	
105	110105	022211007860	HỒ DUY	KHIÊM	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	5.25	3.4	5.25	
106	110106	022211004413	ĐOÀN MINH	KIỆT	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.5	8.6	3.75	
107	110107	022311002362	NỊNH THỊ	LAN	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.5	4	2.75	
108	110108	022311002091	TRIỆU THÚY	LAN	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	1	4	2.25	
109	110109	022211014739	VŨ TÙNG	LÂM	16/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	5	4.2	5.25	
110	110110	022311003227	NGUYỄN THỊ MỸ	LỆ	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	6	3.8	2.75	
111	110111	022311006694	HÀ KHÁNH	LINH	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6	3	4.25	
112	110112	022311008492	HOÀNG THỊ	LINH	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	4.75	1.8	0.75	
113	110113	022311012836	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	LINH	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4.5	3.6	4.25	
114	110114	022311009141	NỊNH THỊ KHÁNH	LINH	24/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ	Sán Chỉ	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.5	3	3.5	
115	110115	066311004751	TRẦN THỊ HOÀNG	LINH	08/12/2011	Tỉnh Đắk Lắk	Nữ	Sán Chỉ	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	3.75	3.6	2.75	
116	110116	022311003073	VI THỊ	LINH	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	4.5	2.4	4.75	
117	110117	022311002394	VŨ THỊ CẨM	LINH	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	3.25	2.2	2.75	
118	110118	022311007555	HÀ THỊ MAI	LOAN	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	3.25	2	3	
119	110119	022311006474	TRIỆU THÚY	LOAN	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	5.75	2.4	3.75	
120	110120	022211008868	VY HOÀNG	LỘC	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	1.75	3.6	0.5	
121	110121	022211005351	TRIỆU VĂN	LƯU	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Lương Mông	Tiếng Anh	3.5	3.4	2.25	
122	110122	022311004247	MỄ THỊ QUỲNH	LY	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Cao Lan	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	5	2.6	3.5	
123	110123	022311007780	BÙI THANH	MAI	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	8.25	2	4	
124	110124	022311003487	NỊNH THANH	MAI	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	3.5	3.8	3.75	
125	110125	022211005642	ĐINH VIỆT	MẠNH	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	2.75	4.6	2.25	
126	110126	022209012899	ĐẶNG QUANG	MINH	28/05/2009	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	1.75	3.8	0.5	
127	110127	022211002132	NGUYỄN ĐẶNG	MINH	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4.25	2.6	3.75	
128	110128	022311006815	NỊNH THỊ	MƠ	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	3.5	2.4	0	

Đơn vị: THPT Ba Chẽ (22_HD_011)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
129	110129	022311005369	NỊNH THỊ TRÀ	MY	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	1.25	2.6	0.75	
130	110130	022311008450	NÔNG THỊ HÀ	MY	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.25	2.8	4	
131	110131	022311001979	TRIỆU THỊ	NA	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	3.75	2	1	
132	110132	022211008005	NỊNH VĂN	NAM	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	6	3.4	5	
133	110133	022211010502	TRẦN HOÀNG	NAM	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6	2.8	2.75	
134	110134	022211009189	TRƯƠNG NHẬT	NAM	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4.5	4.6	3.5	
135	110135	022211013797	VŨ HẢI	NAM	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	1.5	2.2	1	
136	110136	022311012815	CHÍU HẰNG	NGA	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	5.25	3.4	2.5	
137	110137	022311012425	LỘC PHƯƠNG	NGA	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	7.75	4.2	7	
138	110138	022311005380	TRẦN THỊ HẰNG	NGA	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.75	4.8	0.75	
139	110139	022311007377	ĐẶNG BẢO	NGÂN	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	8	8.6	3	
140	110140	022311007353	PHÙN THỊ	NGÂN	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	5	2.6	2	
141	110141	022211006368	ĐINH HOÀNG	NGHIỆP	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.25	4.4	5.5	
142	110142	022311005789	TRƯƠNG THỊ	NGOAN	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	7.5	3	3.25	
143	110143	022311007174	DƯƠNG BÍCH	NGỌC	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	3.25	3.2	1.5	
144	110144	022211004597	HOÀNG THIÊN	NGỌC	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	1.75	3	3.25	
145	110145	022211009650	NGUYỄN ĐĂNG	NGUYÊN	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	2.5	1.8	3.25	
146	110146	022211004720	PHÙN ĐỊNH	NGUYÊN	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	4.5	2.2	1.75	
147	110147	022211001701	TÔ ÍCH	NGUYÊN	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4.25	2.6	4	
148	110148	022311006688	CHIẾNG THỊ	NGUYỆT	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	2.75	3.4	2.25	
149	110149	022311009326	LINH THỊ	NGUYỆT	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4.25	3.2	2	
150	110150	022311003278	LỤC THỊ ÁNH	NGUYỆT	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Cao Lan	TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	3.25	2.4	1.5	
151	110151	022311002335	VŨ ÁNH	NGUYỆT	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	1.25	3.2	5.25	
152	110152	022211004893	VI THÀNH	NHÂN	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.75	4.4	6.25	
153	110153	022211014016	PHẠM BẠCH	NHẬT	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6	4.4	5.75	
154	110154	022310001898	VI THỊ	NHẬT	12/08/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	2.25	3.4	3.25	

Đơn vị: THPT Ba Chẽ (22_HD_011)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
155	110155	022311011690	BÙI YẾN	NHI	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.5	4	4.75	
156	110156	022311010828	MÔNG THỊ	NHI	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Cao Lan	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4	2.6	3.75	
157	110157	034311002269	PHẠM THỊ PHƯƠNG	NHI	03/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	7	4.6	6	
158	110158	022311001947	PHẠM TÔ UYÊN	NHI	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4.25	4.6	5.5	
159	110159	022311010462	TRIỆU THÚY	NHI	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	3	4.2	3	
160	110160	022211010835	LÌU TRỌNG	NHIÊN	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4.5	2.4	3	
161	110161	022311012748	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	7	4.4	5.25	
162	110162	022311005349	LÝ THỊ QUỲNH	NHƯ	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	4	4.2	3.25	
163	110163	022311006356	PHÙN ÁNH	NHƯ	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	6.5	6	2	
164	110164	022311008833	PHÙN QUỲNH	NHƯ	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	6	5.4	4.5	
165	110165	022211009259	LA TRỌNG	NINH	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	5.5	4.6	2.75	
166	110166	022311010712	HÀ KIM	OANH	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4.25	1.8	1	
167	110167	022211001247	DƯƠNG CHÍ	PHI	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4.75	3	2	
168	110168	022211008965	HOÀNG TRUNG	PHONG	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	2.25	3	2	
169	110169	022211005424	LÊ CHẤN	PHONG	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5	3.8	3.75	
170	110170	022211003110	LÝ MINH	PHƯƠNG	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	1.75	1.8	0.75	
171	110171	022311008163	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	7	4.8	3.75	
172	110172	022210006257	CHÍU THÀNH	QUANG	17/09/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	2.25	5.8	2	
173	110173	022211002106	NỊNH DUY	QUANG	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	1.5	3.2	1	
174	110174	022211007819	KHIẾU MINH	QUÂN	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	7.5	8	6	
175	110175	022211008084	VI MINH	QUÂN	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	3	3.4	2.75	
176	110176	022210003390	VŨ MINH	QUÂN	08/04/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4.25	3	3.25	
177	110177	020211002060	DƯƠNG VĂN	QUYẾT	08/01/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nam	Dao	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	4.25	3	3	
178	110178	022311008293	CHU THỊ DIỄM	QUỲNH	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	3.75	3.4	1	
179	110179	022311012364	LA THỊ NHƯ	QUỲNH	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	6	3.6	2.5	
180	110180	022311011151	LỤC THỊ	SEN	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Cao Lan	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	4.75	1.2	1	

Đơn vị: THPT Ba Chẽ (22_HD_011)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
181	110181	022211000910	PHẠM NGỌC	SƠN	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	2.75	5	3.5	
182	110182	022211008600	VI ĐỨC	TÀI	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lương Mông	Tiếng Anh	4.75	3.4	4	
183	110183	022211001236	BÙI DANH	THÁI	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.75	5.6	6	
184	110184	022211011505	MÃ LÂM	THANH	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.5	4.8	2.75	
185	110185	022211003520	ĐẶNG NHẬT	THÀNH	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	8.25	5.4	8	
186	110186	022211004395	PHẠM CÔNG	THÀNH	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4	2.6	3	
187	110187	022210012463	TRẦN VĂN	THAO	29/09/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	1.5	4	1.5	
188	110188	022311005254	CHÍU THỊ THANH	THẢO	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	3	3	1	
189	110189	022311003817	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6	5.6	4	
190	110190	022311011240	TRIỆU THỊ	THẢO	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	4.5	1.6	2.25	
191	110191	022211012383	VI HÙNG	THẮNG	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6	4.4	4.75	
192	110192	022311002748	TẰNG THỊ	THÊM	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	4.75	2	3.5	
193	110193	040311025561	BÙI KHÁNH	THI	02/09/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Sán Chỉ	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	7	3.8	2	
194	110194	022311011130	PHẠM MẪN	THI	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	7.5	5.6	5.5	
195	110195	022311008397	VŨ BẢO	THI	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5	4	2	
196	110196	022211002436	LÝ ĐỨC	THIỆN	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	4.25	2.4	3.25	
197	110197	022210006444	VŨ CHÍ	THIỆN	27/08/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.25	2.2	2	
198	110198	022211013262	ĐẶNG PHÚC	THỊNH	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	5.25	3.6	4	
199	110199	022211011926	NGUYỄN DUY	THỊNH	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.75	3.6	5.25	
200	110200	020211009469	TRIỆU VĂN	THUẬN	12/12/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nam	Dao	TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	3.75	1.8	1.75	
201	110201	022311012821	NGUYỄN PHẠM MINH	THÙY	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.5	3.6	4.25	
202	110202	022311008502	NỊNH THANH	THÙY	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.25	4.4	7.25	
203	110203	022311013013	CHÌU THANH	THỦY	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	7.75	3	2	
204	110204	022311000617	NGUYỄN ANH	THƯ	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	1.75	1.8	2.75	
205	110205	022311010913	CHÍU THỊ	THƯƠNG	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	2.75	3	2.5	
206	110206	022311007324	NGUYỄN ANH	THƯƠNG	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.25	1.8	3.75	

Đơn vị: THPT Ba Chẽ (22_HD_011)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
207	110207	022211006060	ĐÀM VĂN	TIẾN	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Cao Lan	TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	2.5	2	1.25	
208	110208	022211003647	HOÀNG TRUNG	TÍN	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lương Mông	Tiếng Anh	2.75	0.8	2	
209	110209	022311011006	HÀ HUYỀN	TRANG	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	7.25	3.2	5.75	
210	110210	022311012048	LỘC MAI	TRANG	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4.5	3	3.5	
211	110211	022311009368	TẠ THỊ HUYỀN	TRANG	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4.75	2.6	3.75	
212	110212	022311008058	TRIỆU HUYỀN	TRANG	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	5.25	2.8	1	
213	110213	022311009133	TRIỆU THU	TRANG	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.5	3.6	3	
214	110214	022311005350	BÀN THÙY BẢO	TRÂM	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	1.75	2.6	1	
215	110215	022311002749	LÂM BẢO	TRÂM	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	6.75	3.2	4.5	
216	110216	022311013614	TRẦN THỊ BẢO	TRÂM	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.75	3	3	
217	110217	022311000940	VŨ NGỌC BẢO	TRÂN	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.75	3	3.5	
218	110218	022311012702	NỊNH TƯỜNG	TRINH	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Cao Lan	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.75	3.6	3.5	
219	110219	075311005337	LÝ THỊ THANH	TRÚC	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	4.75	4.2	4.5	
220	110220	022311002584	NỊNH THANH	TRÚC	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	3.75	3.4	3.5	
221	110221	022211009449	BÙI HOÀNG ANH	TÚ	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	3.5	5.4	4	
222	110222	022211005866	LA ANH	TÚ	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	5	6.6	3.75	
223	110223	022211003397	BÀN GIA	TUẤN	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	5.75	4.8	5	
224	110224	022211013509	NGUYỄN DUY	TUẤN	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	3.75	2.6	2	
225	110225	022211005622	TRIỆU ANH	TUẤN	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	4	3.2	3	
226	110226	022311010650	TRẦN GIA	TUỆ	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.25	5.4	6.5	
227	110227	022211002542	HOÀNG DUY	TÙNG	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.75	4	4	
228	110228	022211000483	NỊNH THANH	TÙNG	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	2.75	3.8	3.75	
229	110229	022211004918	NỊNH THANH	TÙNG	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Thanh Lâm	Tiếng Anh	2	2.8	1.5	
230	110230	022311012559	BÙI ÁNH	TUYẾT	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	3.5	4.6	3.75	
231	110231	022311007726	ĐẶNG THỊ	TUYẾT	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
232	110232	022311009461	CHÌU THỊ	TƯƠNG	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	4.25	5.4	2.25	

Đơn vị: THPT Ba Chẽ (22_HD_011)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
233	110233	022311003807	ĐÀM TỐ	UYÊN	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Cao Lan	TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	2.5	2.4	4	
234	110234	022311004042	HOÀNG LÊ PHƯƠNG	UYÊN	19/09/2011	Tỉnh Điện Biên	Nữ	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.75	7.8	4.75	
235	110235	022311001382	LÝ THỊ MỸ	UYÊN	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	3	2.6	2	
236	110236	022311001169	LÂM THÚY	VÂN	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.25	4.4	4.5	
237	110237	022311004496	TÔ KHÁNH	VÂN	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.75	4.4	5	
238	110238	022311008599	TRIỆU HỒNG	VÂN	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Lương Mông	Tiếng Anh	4	3.2	3.5	
239	110239	022311008880	LÝ THỊ MINH	VI	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	2.5	2.8	1	
240	110240	022311006420	MỄ HÀ	VI	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Cao Lan	TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	2.5	3.2	2.25	
241	110241	022311005887	NGUYỄN NGỌC	VI	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	3.25	1.8	3	
242	110242	022211003954	HOÀNG CHÍ	VĨ	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	3	3.2	1.75	
243	110243	022211004953	VI XUÂN	VIÊN	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	5.5	2.2	2.25	
244	110244	022211011699	HOÀNG THÀNH	VINH	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	2	2.2	1	
245	110245	022211001820	HÀ ANH	VŨ	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	4	4.2	1.75	
246	110246	022211009629	HOÀNG NGUYÊN	VŨ	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lương Mông	Tiếng Anh	4.5	2.6	2.25	
247	110247	024211013280	NÔNG LÂM	VŨ	24/08/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Lương Mông	Tiếng Anh	4.5	2	1.75	
248	110248	022311009984	ĐINH TƯỜNG	VY	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.25	3.8	1.75	
249	110249	022311008561	HOÀNG KHÁNH	VY	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	7	4.2	4.75	
250	110250	022311008968	NGUYỄN THẢO	VY	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6.5	2.6	5.25	
251	110251	022311012562	PHÙN HỒNG	VY	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	4	3.8	1.5	
252	110252	022311005924	TÔ THẢO	VY	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	8	4.6	4.5	
253	110253	022311008883	BAN THỊ	YẾN	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Cao Lan	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	7.5	5.8	3.5	
254	110254	022311001874	CHÌU THỊ	YẾN	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Đạp Thanh	Tiếng Anh	5.5	2.2	1	
255	110255	022311006785	ĐẶNG THỊ HẢI	YẾN	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Nam Sơn	Tiếng Anh	4.75	3.6	0.5	
256	110256	022311002096	ĐOÀN HẢI	YẾN	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Ba Chẽ	Tiếng Anh	6	2.8	3.75	
257	110257	022311005260	TRIỆU PHƯƠNG	YẾN	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTDT Nội Trú Ba Chẽ	Tiếng Anh	7.75	4.6	3.5	

(Danh sách này gồm có 257 thí sinh)

Đơn vị: THPT Ba Chẽ (22_HD_011)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
										Ngữ văn	N.ngữ	Toán	

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THCS và THPT Tiên Yên (22_HD_012)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	120001	022311001084	NGUYỄN BẢO	AN	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	3.75	6.4	5	
2	120002	038311007959	NGUYỄN HÀ	AN	30/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ	Mường	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	4	2.2	1.5	
3	120003	022211001815	CHU BI TUẤN	ANH	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	1.75	3	2.25	
4	120004	022211012029	CHU BO VIỆT	ANH	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	3	3.6	1.75	
5	120005	001311060621	ĐÀO NGUYỄN HÀ	ANH	18/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.5	8.4	5.5	
6	120006	022211012752	HOÀNG THẾ	ANH	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5	7.4	2	
7	120007	022211001069	HOÀNG TUẤN	ANH	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.75	7.4	8.5	
8	120008	022211007584	LÃ QUỐC	ANH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	4.75	4.6	4.5	
9	120009	022311009233	LÊ HÀ	ANH	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	4.75	3.8	5.5	
10	120010	022211002543	LÝ THẾ	ANH	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	4	3.2	3.25	
11	120011	022311005914	NGUYỄN HÀN TUỆ	ANH	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5.5	6.2	4.25	
12	120012	022311004939	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	5.5	6.4	3	
13	120013	022311011941	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.25	6	4.25	
14	120014	022211004299	NGUYỄN TÙNG	ANH	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.5	7.4	6.25	
15	120015	022211008178	NGUYỄN VIỆT	ANH	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5.25	5.4	3.5	
16	120016	022311007078	NÔNG THỊ CHÂM	ANH	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.75	4.2	3.25	
17	120017	022311003930	PHÙNG THỊ KIỀU	ANH	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	4.75	1.8	3.25	
18	120018	022211003677	VŨ DUY	ANH	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5.75	9.2	5.75	
19	120019	022311010447	VŨ THỊ KIM	ANH	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	6.5	8.4	7	
20	120020	022311006575	VY THỊ MINH	ANH	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.5	7	1.5	
21	120021	022311010519	LÀU NGỌC KIM	ÁNH	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	7.5	3.4	3.5	
22	120022	022311008360	TRẦN MINH	ÁNH	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	5.5	2.6	1	
23	120023	022211001363	LƯƠNG TÙNG	BÁCH	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	4.5	7.6	3.5	

Đơn vị: THCS và THPT Tiên Yên (22_HD_012)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
24	120024	022211001039	NGUYỄN ĐĂNG	BÁCH	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.75	8.6	7	
25	120025	022211009398	ĐƯỜNG GIA	BẢO	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5.25	3.6	2	
26	120026	022211009009	NÔNG QUỐC	BẢO	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.5	5	6.25	
27	120027	034211002331	PHẠM GIA	BẢO	01/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	5.25	4.8	3.75	
28	120028	022311001740	TRỊNH THỊ KẾT	BĂNG	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.5	4.4	4	
29	120029	022211007456	ĐỖ THANH	BÌNH	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	2.75	5.2	4.75	
30	120030	022311005160	NÌNH THỊ	BÌNH	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4.75	5.6	2.75	
31	120031	022311012749	NỊNH THỊ	BÌNH	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	4.75	3.2	2.5	
32	120032	022311009470	TẠ VŨ HẢI	BÌNH	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6.75	5.6	4	
33	120033	031211039999	PHẠM VĨNH	CÁT	26/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		Trường THCS Hồng Bàng	Tiếng Anh	8	7	5	
34	120034	022311001530	BÀN MINH	CHÂU	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	7	2.6	4	
35	120035	022311010834	PHÙN BẢO	CHÂU	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	1.25	2.4	3.5	
36	120036	022311004397	HOÀNG THÙY	CHI	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	8.25	8	7.5	
37	120037	022311001335	LÊ TÙNG	CHI	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	7.5	6.2	4.5	
38	120038	022311002314	NGUYỄN THỊ YẾN	CHI	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	7.25	4	3	
39	120039	022311011713	LA THỊ	CHINH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	4	3.4	3.75	
40	120040	022211007673	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	4	3.4	4	
41	120041	030211001709	ĐOÀN VIỆT	CƯỜNG	06/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.5	6.2	7.5	
42	120042	022211006858	HOÀNG THẾ	DÂN	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	3.25	2.8	1	
43	120043	022311003919	ĐỖ NGỌC	DIỄM	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	3.75	2.2	1.25	
44	120044	022311010318	KIỀU HỒNG	DIỄM	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Hà Lâu	Tiếng Anh	4.75	2.6	2	
45	120045	022311002962	TĂNG NGỌC	DIỄM	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Hà Lâu	Tiếng Anh	4	2.8	3.25	
46	120046	022309001376	ĐỖ THỊ THÙY	DUNG	13/11/2009	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	7.25	4.6	3.25	
47	120047	022311012312	NÌNH THỊ	DUNG	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	3.75	3.4	3.25	
48	120048	022311009833	PHẠM NGỌC	DUNG	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	8.5	9.2	6.25	

Đơn vị: THCS và THPT Tiên Yên (22_HD_012)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
49	120049	022211013958	HOÀNG LÊ	DUY	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.75	3.4	3.75	
50	120050	022211006944	LÊ ĐÌNH	DUY	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.25	3.8	3.75	
51	120051	022211013583	SÁI BẢO	DUY	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Phong Dụ	Tiếng Anh	6.75	2.8	4.5	
52	120052	022311012870	PHOÒNG TRÚC	DUYÊN	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	4.5	3.8	3.75	
53	120053	022311010647	VOÒNG QUỲNH	DUYÊN	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	6	4.8	5	
54	120054	022311008954	ĐÀO YẾN	DƯƠNG	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5.5	6.8	6	
55	120055	022311011287	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7	5	5	
56	120056	022311006184	PHẠM THỊ THÙY	DƯƠNG	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.75	2.4	3.5	
57	120057	022211011920	VŨ HẢI	DƯƠNG	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	8.25	7.6	7	
58	120058	022211010464	LƯU HOÀNG	ĐẠI	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	5.75	9.8	6.75	
59	120059	022311009396	TẠ NHÃ	ĐAN	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.25	3	4.75	
60	120060	022311008995	TRẦN LINH	ĐAN	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.5	3.4	2.75	
61	120061	022211007904	CHÌU TIẾN	ĐẠT	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	5.25	2.8	2.75	
62	120062	022211008970	DƯƠNG NHẬT	ĐĂNG	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Phong Dụ	Tiếng Anh	6.75	6.4	4.5	
63	120063	022211009197	LÊ HẢI	ĐĂNG	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.5	2.8	3.5	
64	120064	022211004627	PHẠM HẢI	ĐĂNG	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.5	2.2	2.75	
65	120065	022211007090	HÀ LÊ TIẾN	ĐÔNG	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	2.5	2.6	3.25	
66	120066	022211013190	LÝ VĂN	ĐÔNG	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Phong Dụ	Tiếng Anh	5.5	5.2	5.25	
67	120067	022311001284	CAM HÀ	GIANG	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.5	1.8	3.75	
68	120068	022311003316	HÀ QUỲNH	GIANG	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	8	5.4	4.75	
69	120069	022311003967	MÃ THỊ HÀ	GIANG	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	4.75	5.6	2.25	
70	120070	022311005378	TRỊNH BẢO	GIANG	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	7	6.4	3.75	
71	120071	014311019029	ĐINH VIỆT	HÀ	03/08/2011	Tỉnh Sơn La	Nữ	Mường	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5.5	5.4	4	
72	120072	022311011550	HOÀNG NGỌC	HÀ	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	3.5	5.6	2	
73	120073	001211067605	LÊ HỒNG	HÀ	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Lâu	Tiếng Anh	4	3.6	1.25	

Đơn vị: THCS và THPT Tiên Yên (22_HD_012)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
74	120074	022311010982	LÊ NGỌC	HÀ	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.75	7.8	7.5	
75	120075	022311005784	LÊ THU	HÀ	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	7.75	3.2	4.5	
76	120076	022311004868	NGUYỄN NGÂN	HÀ	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7	6.8	6.25	
77	120077	022311010016	NGUYỄN NGỌC	HÀ	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6.25	3.2	3.25	
78	120078	022311010723	NGUYỄN THỊ NGÂN	HÀ	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	8.25	7.2	6.75	
79	120079	022311009137	PHẠM NGỌC	HÀ	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	8.25	3.6	5	
80	120080	022311011958	TÔ NGỌC	HÀ	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	6.75	5.4	4.75	
81	120081	022311007904	VI THU	HÀ	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	5.5	4.6	1.5	
82	120082	022311009204	BÙI XUÂN	HẠ	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.25	4.6	4	
83	120083	022211004545	TRẦN HOÀNG	HẢI	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Phong Dụ	Tiếng Anh	7.25	6.2	6.25	
84	120084	022211008719	HOÀNG ĐỨC	HẠNH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.25	5.6	4	
85	120085	022211012069	VŨ ĐỨC	HẠNH	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.5	6.2	5.75	
86	120086	022211012727	TẰNG DU	HẠO	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Hà Lâu	Tiếng Anh	3.5	4.2	1.25	
87	120087	022211002777	TÔ TIẾN	HẠO	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	4.25	2	2	
88	120088	022311004719	BÙI THU	HẰNG	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	8	7.2	6.5	
89	120089	022311009224	LÝ THỊ	HẰNG	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	4.5	3.8	2.75	
90	120090	022311005550	NGUYỄN THANH	HẰNG	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	7	3.6	2.75	
91	120091	022311010503	ĐẶNG NGỌC	HÂN	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5.75	4.8	2	
92	120092	022311011039	NGUYỄN BẢO	HÂN	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	4.25	5	2.5	
93	120093	022311006070	NGUYỄN BẢO	HÂN	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5	3.8	4.25	
94	120094	022311006726	NGUYỄN PHƯƠNG BẢO	HÂN	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.25	9.4	6.5	
95	120095	022311001129	NGUYỄN THỊ BẢO	HÂN	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5	3.2	1.75	
96	120096	022311008488	SẦN THỊ	HÂN	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	3	3.8	2.5	
97	120097	022311006167	TẰNG NGỌC	HÂN	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	7	4	3	
98	120098	022311008383	TÔ NGỌC	HÂN	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	7.25	4.6	6.25	

Đơn vị: THCS và THPT Tiên Yên (22_HD_012)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
99	120099	022311007975	TRẦN BẢO	HÂN	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	4.25	3	0.25	
100	120100	022211011159	ĐỖ VĂN	HẬU	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.25	3	2	
101	120101	022311012948	VŨ THỊ THU	HIỀN	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5	3.4	3	
102	120102	022211005371	ĐINH HOÀNG	HIỆP	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	6.5	4	3.5	
103	120103	022211006206	HOÀNG VĂN	HIẾU	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Phong Dụ	Tiếng Anh	7.75	4.6	3.25	
104	120104	022211004974	LÊ TRUNG	HIẾU	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.5	8.4	5.25	
105	120105	022211006279	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5	6	3.75	
106	120106	022211008182	ĐINH VĂN	HÒA	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.25	2.6	1.75	
107	120107	022311007298	ĐÀM THỊ THU	HOÀI	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Nùng	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.75	7	6.5	
108	120108	022311004472	NGUYỄN THU	HOÀI	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	7.25	6.6	4.75	
109	120109	022211004143	LA VIỆT	HOÀNG	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chi	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.75	4	2	
110	120110	022211011485	LƯU NGỌC	HỘI	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	6.75	6.6	5.25	
111	120111	022311010574	CHÍU THANH	HUỆ	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	5.25	4	4	
112	120112	022211007479	LÊ QUỐC	HÙNG	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	5.25	5.4	2.25	
113	120113	022211002655	HOÀNG MINH	HUY	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.25	4.6	1.75	
114	120114	022211006663	HOÀNG NHẬT	HUY	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.75	1.8	3.25	
115	120115	022211007903	KHỔNG ĐỨC	HUY	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	5.25	3.2	2.75	
116	120116	022211008479	TRẦN GIA	HUY	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5.75	5.4	6	
117	120117	022211002193	SẾN QUỐC	HUY	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
118	120118	022311009187	ĐẶNG THỊ TRÚC	HUYỀN	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	6.25	3	3.25	
119	120119	022311011430	ĐỖ THANH	HUYỀN	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	6.25	4.8	3.5	
120	120120	022311007912	HÀ THU	HUYỀN	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.75	5.6	5.25	
121	120121	022311011833	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6	4	2.25	
122	120122	022311011611	SỂNH THU	HUYỀN	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	1.75	4.6	2.5	
123	120123	022311011471	TRẦN THỊ KHÁNH	HUYỀN	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.5	6.2	7	

Đơn vị: THCS và THPT Tiên Yên (22_HD_012)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
124	120124	022211010907	ĐINH CHẤN	HƯNG	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	3	3.4	2.75	
125	120125	022211007471	NGÔ GIA	HƯNG	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.25	5.2	3.25	
126	120126	022211010474	NGUYỄN HỮU CHẤN	HƯNG	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.25	8.4	5.25	
127	120127	022209009181	NGUYỄN THẾ	HƯNG	13/07/2009	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	3.75	5	4.25	
128	120128	022211001242	TRỊNH GIA	HƯNG	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6.5	8.6	3.5	
129	120129	022211006341	VŨ GIA	HƯNG	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.5	8	7.5	
130	120130	022311007414	CHU LÊ MAI	HƯƠNG	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	7.25	5.6	4.5	
131	120131	022311009905	HOÀNG THỊ QUỲNH	HƯƠNG	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	3.5	3.4	2.25	
132	120132	022311008583	LÊ TRÚC	HƯƠNG	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	7.25	2.2	3.75	
133	120133	022311011288	NÔNG THU	HƯỜNG	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Hà Lâu	Tiếng Anh	7.75	3.4	1.75	
134	120134	022211011974	LÔ TIẾN	KHẢI	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	5.5	3.4	2.25	
135	120135	022211007804	PHẠM VĂN	KHẢI	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	4	3.2	2.25	
136	120136	022211005663	ĐẶNG TIẾN	KHANG	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	3	3	1.75	
137	120137	022211010452	DƯƠNG GIA	KHANH	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6	5.4	4	
138	120138	022211013820	LÊ QUỐC	KHÁNH	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6	4.4	4	
139	120139	022311007718	TÔ BẢO	KHÁNH	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.75	3.2	0.75	
140	120140	001211014796	TỐNG GIA	KHÁNH	29/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	7	9.8	7.75	
141	120141	022211009608	TRẦN DUY	KHÁNH	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	2.75	8.2	3	
142	120142	022211007253	VŨ DUY	KHÁNH	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	2.75	5.2	1.5	
143	120143	022211009562	LÝ ĐÌNH	KHIÊM	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	5.25	5.2	2.25	
144	120144	022211003970	TRẦN HOÀNG MINH	KHIẾT	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.5	4.8	2.75	
145	120145	022211001980	CHƯƠNG THANH	KHOA	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	2.5	2.8	2.75	
146	120146	022211008605	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7	9	7.25	
147	120147	022211007507	NGUYỄN ĐOÀN ANH	KHOA	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.5	4.8	5.25	
148	120148	022211000942	TRẦN ANH	KHÔI	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5	2.4	3.25	

Đơn vị: THCS và THPT Tiên Yên (22_HD_012)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
149	120149	022211004687	ĐỖ TRUNG	KIÊN	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5	6.2	7.5	
150	120150	022211009403	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.25	7.8	4.25	
151	120151	022211012948	TẠ TRÌNH	KIÊN	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	3.25	2.8	2.25	
152	120152	022211002592	ĐOÀN VŨ NHÂN	KIỆT	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.5	9.8	8.5	
153	120153	022211010742	HOÀNG TUẤN	KIỆT	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6	5.4	4	
154	120154	022211009987	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	4.25	1.6	2.75	
155	120155	022211009568	TÔ TUẤN	KIỆT	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6.5	6.4	3.75	
156	120156	022311008580	HOÀNG THANH	KIỀU	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6	3.2	4.25	
157	120157	022311003442	DƯƠNG NGỌC	LAN	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.75	3	1.75	
158	120158	022311003063	LÊ THỊ	LAN	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5.75	5.4	4.5	
159	120159	022311012888	ĐINH THẢO	LINH	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5	4.4	2.75	
160	120160	022311008377	ĐƯỜNG GIAI KHÁNH	LINH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hán	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	4.25	2.4	4.75	
161	120161	022311003956	LÊ HOÀNG MAI	LINH	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	6.5	3.6	2.5	
162	120162	022311010116	LÊ KHÁNH	LINH	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7	3.4	2.75	
163	120163	022311001234	LÊ THỊ MAI	LINH	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	6.75	4.8	4.5	
164	120164	022311012926	LƯƠNG PHƯƠNG	LINH	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	4.5	3	3.75	
165	120165	022211006426	NGUYỄN LÊ TÙNG	LINH	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5.25	4	2.75	
166	120166	022311005399	NGUYỄN MAI	LINH	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.5	4.6	5.5	
167	120167	022311005677	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	5	3	2	
168	120168	022311003766	NÌNH THỊ PHƯƠNG	LINH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chi	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	2.5	4	2.25	
169	120169	022311008052	NÔNG HOÀNG	LINH	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	4.25	4	3.75	
170	120170	030311014390	TRẦN THỊ THÙY	LINH	01/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Đức Chính	Tiếng Anh	6.75	3.6	1.25	
171	120171	022311001498	VOÒNG THỊ	LINH	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4	3.6	3.5	
172	120172	036311016194	ĐẶNG NGUYỄN HỒNG	LĨNH	15/07/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	5	4.2	4.75	
173	120173	022211005986	LÝ ĐỖ GIA	LONG	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.75	9.4	7.75	

Đơn vị: THCS và THPT Tiên Yên (22_HD_012)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
174	120174	022211003233	VŨ TIẾN	LONG	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.75	7	5.5	
175	120175	022211008286	TRÌNH THÀNH	LỘC	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5	6.6	3.5	
176	120176	022311003788	CHƯƠNG THỊ	LY	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.5	3.6	1.75	
177	120177	022311003605	LƯU GIA	LY	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.25	3.6	1.75	
178	120178	022211008828	ĐÀO ĐỨC	MẠNH	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6	6.2	6.75	
179	120179	022211012786	LÊ XUÂN	MẠNH	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	6	4	3.25	
180	120180	022211004121	LÊ VY	MÃO	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.5	9.4	6.25	
181	120181	022211010800	PHẠM TÂN	MÃO	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	5.75	9	4.25	
182	120182	022311011811	LÝ THỊ KIM	MÂY	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	5	3.8	2	
183	120183	022211004800	DƯƠNG VĂN	MINH	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	2.25	2.4	1.25	
184	120184	022211001796	TẠ NGUYỄN TIẾN	MINH	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.75	7.8	3.75	
185	120185	022211007166	TÔ ĐỨC	MINH	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Hà Lâu	Tiếng Anh	4.25	3.6	2	
186	120186	022311006784	BÙI THỊ THẢO	MY	24/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6.75	8.2	2.5	
187	120187	022311008702	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	6.25	4.2	3.5	
188	120188	022311000982	ĐỖ THỊ HOÀN	MỸ	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6.25	4.2	1	
189	120189	022211010463	ĐỖ HOÀNG BẢO	NAM	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	7.25	6.2	3.5	
190	120190	022211006796	LÊ BẢO	NAM	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7	10	9	
191	120191	022211010506	TÔ BẢO	NAM	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.5	9.4	5.75	
192	120192	001211027709	VŨ BẢO	NAM	28/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	2.75	7.6	4.75	
193	120193	022211013624	VY MẠNH	NAM	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	7	3	5.75	
194	120194	022311007299	TÔ THỊ QUỲNH	NGA	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.25	4	4.5	
195	120195	022311010772	PHẠM THANH	NGÂN	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	8	8.2	6.5	
196	120196	022311004629	VŨ BÍCH	NGÂN	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	7.5	3.6	4.25	
197	120197	022211008453	ĐINH TRỌNG	NGHĨA	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.25	6.6	3.25	
198	120198	022211011561	HOÀNG TRỌNG	NGHĨA	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6	6.6	3.5	

Đơn vị: THCS và THPT Tiên Yên (22_HD_012)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
199	120199	022211005301	LÊ HIẾU	NGHĨA	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	6.25	4.6	3	
200	120200	022311010398	HỒ QUỲNH	NGỌC	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.75	4.6	1.75	
201	120201	022311008451	LÊ BÍCH	NGỌC	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	7.25	4.4	4.75	
202	120202	022311012300	LƯƠNG HỒNG	NGỌC	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	6.25	3	3.25	
203	120203	022311011668	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGỌC	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.5	4	2	
204	120204	022311004424	HOÀNG THU	NGUYỆT	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.25	7.2	6.5	
205	120205	022311006312	LA ÁNH	NGUYỆT	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	7	6.4	3.25	
206	120206	022211013349	HÀ BẢO	NHÂN	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	6.75	4.8	4.75	
207	120207	022211001234	NGUYỄN TOÀN	NHẤT	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.75	2.6	1.25	
208	120208	022311004943	CHU TUYẾT	NHI	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	6	4	3.25	
209	120209	022311012930	DIỆP MAI	NHI	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.25	2.8	2.25	
210	120210	022311001342	ĐINH THỊ LAN	NHI	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	8.25	7.6	6.75	
211	120211	022311010184	ĐỖ YẾN	NHI	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6.5	4.6	3.75	
212	120212	033311006356	HOÀNG DIỆP	NHI	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.25	8.6	7	
213	120213	022311005891	HOÀNG YẾN	NHI	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	3.75	4.4	1.5	
214	120214	022311007892	LÊ HỒNG	NHI	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	8	9.2	8	
215	120215	022311001746	LÊ NGỌC UYÊN	NHI	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.5	4.2	1.25	
216	120216	020311006728	NGUYỄN DƯƠNG YẾN	NHI	30/03/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7	6.4	5.25	
217	120217	022311008785	PHẠM THẢO	NHI	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	4.75	7.8	7.25	
218	120218	022311006172	LÔ QUỲNH	NHUNG	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	8	6.8	3.75	
219	120219	022311012950	TÔ BÍCH	NHUNG	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	6	3.8	2	
220	120220	022311004799	LÊ TÂM	NHƯ	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.75	4	4	
221	120221	022311010479	BÀN KIM	OANH	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4	3.8	3	
222	120222	022311003666	LÝ THỊ KIM	OANH	15/08/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nữ	Dao	TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	3.75	3.6	2.75	
223	120223	022311012610	PHÙN KIM	OANH	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	3	5	2.75	

Đơn vị: THCS và THPT Tiên Yên (22_HD_012)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
224	120224	022311005061	PHÙN THỊ	OANH	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	5.75	4.2	4	
225	120225	022211001553	ĐẶNG NHẬT	PHONG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6	2.8	3	
226	120226	022211003746	LÝ HOÀNG	PHONG	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.25	3	1.75	
227	120227	022211002081	NGUYỄN TUẤN	PHONG	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.75	7.4	4.75	
228	120228	022211008000	NGUYỄN VŨ	PHONG	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6.5	6.4	5.25	
229	120229	022211009113	TÔ HỒNG	PHONG	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.5	5.4	8.25	
230	120230	022211013382	VŨ HẢI	PHONG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	5.5	4.8	4.75	
231	120231	022211000770	ĐÀO NGUYỄN THIÊN	PHÚ	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.75	4	5.25	
232	120232	022211003291	TRẦN HỮU	PHƯỚC	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	5.25	4.4	4.75	
233	120233	025311014288	CHU KHÁNH	PHƯƠNG	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.25	3.4	1.25	
234	120234	022311000896	PHẠM THỊ THU	PHƯƠNG	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.75	6.4	7.75	
235	120235	022211001204	TÔ DIỆP	PHƯƠNG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	3.5	1.8	3.25	
236	120236	022311003318	TẰNG THỊ	PHƯỢNG	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	5.75	5	4.5	
237	120237	022211009726	CHU MẠNH	QUANG	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.5	6	3	
238	120238	022211008144	TÔ MINH	QUÂN	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	7	7.2	5.75	
239	120239	022211009997	NGUYỄN PHAN	QUỐC	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7	8	5.75	
240	120240	022311012847	PHÙN THỊ ĐỖ	QUYÊN	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	3.5	3.4	3.75	
241	120241	022311001372	PHÙN THỊ	QUYÊN	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	5.5	3.2	4	
242	120242	022311001901	TẰNG LỆ	QUYÊN	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	5.5	3.6	3.75	
243	120243	022211008449	ĐỖ NHƯ	QUYẾT	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	6.25	4.2	5	
244	120244	022211010233	HOÀNG THÁI	SƠN	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	6.5	3.8	2	
245	120245	022311012429	PHẠM THANH	TÂM	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.25	6	6.25	
246	120246	022211012915	VI VĂN	THÁI	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	4.75	4.8	2.5	
247	120247	022311007815	LÝ THỊ	THANH	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.5	2	4	
248	120248	022211012003	PHẠM CÔNG NGỌC	THANH	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4	2.8	1.5	

Đơn vị: THCS và THPT Tiên Yên (22_HD_012)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
249	120249	022211009741	DOÃN TẤT	THÀNH	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Mường	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.75	8.6	5.25	
250	120250	022211006946	HOÀNG TRUNG	THÀNH	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6.75	7	4.5	
251	120251	022211005220	NÌNH XUÂN	THÀNH	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chí	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	3.75	3.4	4.5	
252	120252	022211002790	VŨ ĐỨC	THÀNH	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5.25	2.8	3.25	
253	120253	022311001261	BẾ THU	THẢO	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	4.75	4.6	4.25	
254	120254	022311009809	HOÀNG THANH	THẢO	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	6.5	3.2	4.5	
255	120255	022311001987	LỤC PHƯƠNG	THẢO	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	8	6	3.75	
256	120256	022211012054	HOÀNG ĐỨC	THẮNG	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	6	5.2	5	
257	120257	046211005211	NGUYỄN VĂN HOÀNG	THẮNG	07/11/2011	Thành phố Huế	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6	8.8	6	
258	120258	022211003848	TÔ VĂN	THẮNG	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	3.25	4.8	1.5	
259	120259	022211005563	VŨ VIỆT	THẮNG	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.5	3.4	1.75	
260	120260	022211007436	LẠC GIA	THIÊN	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chí	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	4.5	2.6	3.25	
261	120261	022311005278	HÀ THU	THỦY	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6.5	6.8	4	
262	120262	022311008461	PHẠM HÀ	THỦY	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	8	8.8	6.25	
263	120263	022311002138	TRẦN THU	THỦY	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	6	3.6	3	
264	120264	022311005650	VI THỊ THU	THỦY	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Phong Dụ	Tiếng Anh	7	2.4	1.5	
265	120265	022311002445	HÀ ANH	THƯ	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	5.75	4.2	3.25	
266	120266	022311002105	HOÀNG ANH	THƯ	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Phong Dụ	Tiếng Anh	6	3.8	3.25	
267	120267	022311002440	KIỀU ANH	THƯ	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.75	2.8	1.75	
268	120268	022311006397	NGUYỄN ANH	THƯ	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.75	8.6	6.75	
269	120269	022311003561	NGUYỄN HUYỀN	THƯ	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.25	3.4	5.5	
270	120270	022311004220	TÔ ANH	THƯ	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	4.5	2.2	1.5	
271	120271	022311006650	DƯƠNG THƯƠNG	THƯƠNG	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chí	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.75	3	3.25	
272	120272	022311004761	LÝ THỊ	THƯƠNG	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	7.25	3	4	
273	120273	022311002558	NGUYỄN HẠ	THƯƠNG	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6	4.6	2.75	

Đơn vị: THCS và THPT Tiên Yên (22_HD_012)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
274	120274	022211010562	TRỊNH QUỐC	TOÀN	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7	4	4.75	
275	120275	022211006467	TĂNG TIẾN	TỚI	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	5.25	6.4	4.5	
276	120276	022311012758	CHU THỊ THU	TRANG	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	5.25	2.8	1	
277	120277	022311006868	HOÀNG THUỲ	TRANG	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	6.25	3	3	
278	120278	022311013031	HỒ QUỲNH	TRANG	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.25	3.6	2.75	
279	120279	022311006923	LẠI THÙY	TRANG	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	6.5	3.8	3.5	
280	120280	022311013621	LÔ QUỲNH	TRANG	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	4.5	2.6	2	
281	120281	022311011182	NGUYỄN BẢO	TRANG	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6.75	7.2	3.5	
282	120282	022311011573	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.5	6.6	8.75	
283	120283	022311001934	NÌNH THỊ THUỲ	TRANG	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4	2.4	2.25	
284	120284	022311001066	TẠ MINH	TRANG	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	3.5	3.2	2	
285	120285	022311010667	TRẦN THỊ QUỲNH	TRANG	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.5	4.8	1.5	
286	120286	022311000958	ĐINH THỊ HUYỀN	TRÂM	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.5	2	0.75	
287	120287	022311009611	HÀ LINH	TRÂM	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	3.5	3.2	3.25	
288	120288	022311012298	LÊ BẢO	TRÂM	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.5	4.2	3	
289	120289	022311008193	PHẠM NGUYỄN LINH	TRÂM	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	8	8	7.5	
290	120290	022311008154	PHẠM TỐ	TRÂM	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	5	3.4	2.75	
291	120291	022311003330	DIỆP HUYỀN	TRÂN	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5	4.6	2.25	
292	120292	022311001804	VŨ BẢO	TRÂN	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.25	4.2	2.5	
293	120293	022311001001	LÝ THANH	TRÚC	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6	1.8	0.75	
294	120294	022311006215	TRỊNH THANH	TRÚC	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5	4	0.5	
295	120295	022211014846	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6.5	5.2	3.75	
296	120296	022211013763	TÔ VIỆT	TRUNG	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.25	4.8	5.5	
297	120297	022211001790	TRỊNH HÀ	TRUNG	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	4.5	4	3.25	
298	120298	022211004998	LÊ ANH	TUẤN	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.25	5.2	6	

Đơn vị: THCS và THPT Tiên Yên (22_HD_012)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
299	120299	022311008713	HOÀNG GIA	TUỆ	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	8.25	7.8	4.75	
300	120300	022211007569	LÊ ĐỨC	TUỆ	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.5	8	8.75	
301	120301	022311011691	LÊ TRẦN MINH	TUỆ	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chay	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.5	5.8	4.5	
302	120302	022211002217	TÔ QUANG	TÙNG	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	3.5	5.4	3.5	
303	120303	022210009113	VI XUÂN	TÙNG	29/08/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	4	4	1.75	
304	120304	022311012980	KHỔNG THANH	TUYỀN	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	6.5	4.4	5	
305	120305	022311001238	PHẠM LÂM	TUYỀN	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5.5	5	3.75	
306	120306	022311012134	HOÀNG ANH	TUYẾN	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	4.25	4.6	3.25	
307	120307	022311003946	TRẦN THỊ KIM	TUYẾN	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	4.25	4.4	2.5	
308	120308	022311012700	VŨ KIM	TUYẾN	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	6.75	4	3.5	
309	120309	022311006228	PHẠM ÁNH	TUYẾT	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	2.75	4.4	2.5	
310	120310	022211005027	DIỆP TÚ	TƯỜNG	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.5	4	6.5	
311	120311	022311003997	HOÀNG THẢO	UYÊN	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.5	7	6	
312	120312	022311005164	LÊ THU	UYÊN	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5.75	5.8	2.5	
313	120313	022211012986	BÙI ĐĂNG	VANG	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6	8.6	7.5	
314	120314	022311007348	HOÀNG THỊ	VÂN	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Phong Dụ	Tiếng Anh	6	2.6	5	
315	120315	022311006365	CHU THỊ HÀ	VI	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6.25	3.6	3.25	
316	120316	022211009675	ĐƯỜNG GIAI	VĨ	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	7	6.2	4.75	
317	120317	022211004118	ĐOÀN QUỐC	VIỆT	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5.5	4.6	4.25	
318	120318	022211011281	GIÁP ĐẠI	VIỆT	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	4.5	1.4	1.5	
319	120319	022211011155	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	12/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	5.75	6.4	4.75	
320	120320	022211012112	TRẦN BẢO	VIỆT	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	1.75	3.6	2.25	
321	120321	022311003328	CAM THỊ KHÁNH	VY	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7.75	5.2	5.75	
322	120322	022311005040	ĐINH KIỀU	VY	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6.5	4.4	4.5	
323	120323	022311005612	HÀ TƯỜNG	VY	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.75	4.6	2.5	

Đơn vị: THCS và THPT Tiên Yên (22_HD_012)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
324	120324	022311011116	LÝ TƯỜNG	VY	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5.5	4.6	3.5	
325	120325	022311002740	MẠC PHƯƠNG	VY	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	5	3.8	2.25	
326	120326	022311001586	NGÔ HÀ	VY	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	5	3.2	3.75	
327	120327	022311007366	NGUYỄN BẢO	VY	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	6	4.8	4.5	
328	120328	020310007368	PHƯƠNG BÌNH MINH	VY	16/01/2010	Thành phố Đồng Nai	Nữ	Nùng	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	6	2	3	
329	120329	022311012648	VOÒNG THỊ NGỌC	YÊN	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Điền Xá	Tiếng Anh	7.25	5	4.25	
330	120330	022311003731	DƯƠNG HOÀNG	YẾN	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS và THPT Tiên Yên	Tiếng Anh	7	6.2	7.25	
331	120331	022311011593	NGUYỄN HẢI	YẾN	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Lạng	Tiếng Anh	6	4	4.5	
332	120332	022311005362	TÔ KIM	YẾN	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiên Lãng	Tiếng Anh	6	3.8	4.25	

(Danh sách này gồm có 332 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THCS và THPT Hải Đông (22_HD_013)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	130001	022211008465	HOÀNG BẢO	AN	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5.5	2.2	1.25	
2	130002	022211003082	NGUYỄN BÌNH	AN	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5.25	2.4	1	
3	130003	022311012991	HÀ THỊ KIỀU	ANH	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4	2.4	3	
4	130004	022311004152	LÃ THỊ QUỲNH	ANH	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5.5	2.4	4.25	
5	130005	022311007232	LĂNG THỊ LAN	ANH	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4	2.6	2.5	
6	130006	022211008796	LÊ VIỆT	ANH	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5.75	2.8	3.75	
7	130007	022311012442	LƯƠNG THỊ HOÀI	ANH	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.75	3.4	3	
8	130008	022211005130	MẠC HOÀNG	ANH	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5	1.2	4.5	
9	130009	022211009477	NGUYỄN VIỆT	ANH	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5	4.6	5.75	
10	130010	022311011768	HÀ NGỌC	ÁNH	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	7.75	2.6	5	
11	130011	022211013684	HÀ GIA	BẢO	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6	2.8	4.75	
12	130012	022311005861	TRIỆU BĂNG	BĂNG	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	5.75	3	1	
13	130013	022211011212	HÀ XUÂN	BIỂN	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	3.75	1.8	1.5	
14	130014	022311003071	PHẠM THANH	BÌNH	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	2.75	2.2	1.75	
15	130015	022311007311	QUÁCH NHƯ	BÌNH	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6.5	2.8	3.5	
16	130016	022311004188	NÌNH THỊ	CAM	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PTDT Nội trú THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh - Cơ sở Tiên	Tiếng Anh	6.5	3.6	3.75	
17	130017	022311005521	NÌNH THỊ	CÁNG	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.5	3.6	1.75	
18	130018	022311006468	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	7.75	3.2	2	
19	130019	022311007363	NGUYỄN HOÀNG	DUNG	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4	1.8	2	
20	130020	022211010777	HÀ XUÂN	DŨNG	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	1.5	2.8	1.75	
21	130021	022211008513	TÔ MINH	DŨNG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	7.75	3.2	2.5	
22	130022	022211008747	LÊ VĂN	DUY	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6	3.2	3.25	
23	130023	022311007150	NGUYỄN NGỌC ÁNH	DƯƠNG	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6.5	4	2.25	
24	130024	022311009847	NÌNH THỊ NGỌC	ĐÀO	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.75	3.2	3.5	
25	130025	022211003374	NGUYỄN HOÀNG	ĐẠT	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.25	4.2	2	
26	130026	022211008819	TÔ THẾ	ĐẠT	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5	6.4	3.25	
27	130027	022211010311	VI GIA	ĐẠT	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.5	5.8	5	

Đơn vị: THCS và THPT Hải Đông (22_HD_013)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
28	130028	022211007026	ĐÀO HẢI	ĐĂNG	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4.75	2.6	3.25	
29	130029	022211002122	ĐẶNG HẢI	ĐĂNG	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.5	4.6	2.5	
30	130030	022211013544	LÊ QUÝ	ĐÔN	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6.75	5.8	2.25	
31	130031	022211007958	TÔ MINH	ĐỨC	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.75	3.4	4.5	
32	130032	022311003203	ĐÀO THỊ	GIANG	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6	4.2	2	
33	130033	022311003036	ĐỖ NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	7.25	8.6	6	
34	130034	022311010160	HÀ HƯƠNG	GIANG	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6.75	2.8	2	
35	130035	022311009510	PHẠM THỊ HƯƠNG	GIANG	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5.75	3.6	3	
36	130036	022311008610	HÁN THỊ THANH	HÀ	16/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	8.25	8.2	7.25	
37	130037	022311009332	NGUYỄN NGỌC	HÀ	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.25	3	4.75	
38	130038	022311012368	NGUYỄN THỊ	HÀ	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	2.25	5.6	3.25	
39	130039	022211007864	HÀ HOÀNG	HẢI	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
40	130040	022311006345	BẾ THỊ THU	HẠNH	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6.25	3.6	2.5	
41	130041	022311002307	TÔ THỊ HỒNG	HẠNH	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6	3.6	2.25	
42	130042	040211001917	PHẠM THÁI	HÀO	05/11/2011	Tỉnh Nghệ An	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	2.25	4.8	2.5	
43	130043	022211006507	LÊ NGUYÊN	HẠO	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6.75	4.4	6.25	
44	130044	022311005498	LÊ THỊ MINH	HẰNG	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5.5	4	3.25	
45	130045	022311011326	NGUYỄN THU	HẰNG	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.75	4.4	3.75	
46	130046	022311011094	PHẠM NGUYỄN BẢO	HÂN	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	8	5.6	5	
47	130047	022311009439	HÀ THỊ	HIỀN	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	7.5	5	5.25	
48	130048	022211004216	LÊ TRUNG	HIẾU	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.75	2.6	2.25	
49	130049	022211006928	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.25	1.8	1	
50	130050	022311002122	TÔ THỊ	HOA	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.75	2.8	2.25	
51	130051	022311002677	HÀ THỊ	HÒA	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6.5	3	2.75	
52	130052	022311007037	PHẠM THỊ THU	HOÀI	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.75	2.6	1.5	
53	130053	022211013288	VƯƠNG ĐỨC	HOÀN	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6.25	3.8	3.5	
54	130054	022211009850	LƯƠNG MẠNH	HÙNG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.75	3	3.5	
55	130055	022211008644	NGUYỄN THẾ	HÙNG	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.75	3.4	3.5	
56	130056	022211011276	NGUYỄN THẾ	HUY	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6	3.4	4	

Đơn vị: THCS và THPT Hải Đông (22_HD_013)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
57	130057	022211012128	PHẠM GIA	HUY	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5.75	2.2	1.75	
58	130058	022311004859	PHAN THỊ THANH	HUYỀN	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	2.75	3.4	1.25	
59	130059	022211001380	VŨ CHẤN	HƯNG	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	7.25	1.8	4.25	
60	130060	022311010702	ĐẶNG THỊ QUỲNH	HƯƠNG	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6.25	1.8	3.75	
61	130061	022311004541	NGUYỄN TRỊNH CẨM	HƯƠNG	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.25	3.4	4	
62	130062	022311005060	NÔNG KIỀU	HƯƠNG	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4	3	2.25	
63	130063	022311010508	TRẦN THU	HƯƠNG	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chay	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5	3.8	3.5	
64	130064	022211012300	LÊ THẾ	KHẢI	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	2.75	4.8	1.75	
65	130065	022211001197	ĐÀO DUY	KHÁNH	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.5	1.6	2.25	
66	130066	022311011415	LÊ NGÂN	KHÁNH	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6.75	2.2	3.25	
67	130067	022211010153	PHẠM DUY	KHÁNH	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
68	130068	022211003414	PHẠM QUỐC	KHÁNH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5.75	3.8	2.75	
69	130069	022211002831	TÔ DUY	KHÁNH	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.25	1.4	3.25	
70	130070	022211009663	VƯƠNG GIA	KHÁNH	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	3.75	3.6	3.25	
71	130071	022211005430	HÀ ĐĂNG	KHOA	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	7.5	6.4	4	
72	130072	022211009521	LÊ ANH	KHOA	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5.5	4.4	1.75	
73	130073	022211014046	LÊ PHẠM ĐĂNG	KHOA	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6.5	4.8	5	
74	130074	022211003953	NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.75	3	3.75	
75	130075	022211005100	NGÔ MINH	KHUÊ	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5	3	2.75	
76	130076	022311004595	NGUYỄN MINH	KHUÊ	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.5	3	0.75	
77	130077	022211006047	TRẦN TRUNG	KIÊN	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5	3.2	3	
78	130078	022211013672	VƯƠNG TUẤN	KIỆT	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.25	4.4	3.25	
79	130079	022311001105	LÃ THIÊN	KIỀU	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	7.5	7.8	7.25	
80	130080	022211013132	TÔ HOÀNG	LÂM	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5	3.4	3.25	
81	130081	022311005470	ĐINH KIỀU	LINH	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.75	5	3.5	
82	130082	022311005270	ĐINH THỊ HOÀI	LINH	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.5	5.8	3.5	
83	130083	022311010393	ĐINH THỊ MAI	LINH	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	7	6.4	4.5	
84	130084	022311001239	LOAN THỊ MAI	LINH	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6.5	3.6	2.5	
85	130085	022311009238	NGUYỄN THÙY	LINH	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	7	4.2	2.75	

Đơn vị: THCS và THPT Hải Đông (22_HD_013)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
86	130086	022311010690	TÔ PHƯƠNG	LINH	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.25	2.6	2.75	
87	130087	022211001920	ĐÀO THIÊN	LONG	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	3.75	1.4	1.25	
88	130088	022311011992	LÊ THU	LỢI	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	8	7.8	4.75	
89	130089	022211009866	VI THANH	LỢI	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6	6.2	4.75	
90	130090	022210011696	BÙI THÀNH	LUÂN	02/05/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	3.5	2	2.75	
91	130091	022211008520	LƯƠNG THÀNH	LUÂN	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6.25	6	4.75	
92	130092	022311008425	HÀ THỊ KHÁNH	LY	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	7.75	3.4	2.5	
93	130093	022310008238	LỤC HOÀNG KHÁNH	LY	23/05/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.25	3	1.25	
94	130094	022311001614	LƯƠNG KHÁNH	LY	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.5	5	4.25	
95	130095	022311006494	VŨ KHÁNH	LY	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	7.25	3	3	
96	130096	022311010430	NÌNH THỊ	LÝ	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.75	2.8	2.5	
97	130097	022211002218	TRƯƠNG QUANG	MINH	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4	3	2.75	
98	130098	022311009628	HÀ HOÀNG TRÀ	MY	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6.25	5.8	4.25	
99	130099	022311010473	TỪ GIA	MỸ	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.25	3.2	3	
100	130100	022211012000	NÌNH ĐẠI PHƯƠNG	NAM	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5.75	3.4	5	
101	130101	022311009007	NGUYỄN QUỲNH	NGA	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.25	6.2	3.75	
102	130102	022311001730	NGUYỄN KIM	NGÂN	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4	2.4	0.75	
103	130103	022211012617	LƯƠNG TRUNG	NGHĨA	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4.5	3.4	4	
104	130104	022311002586	ĐÀO HÀ BÍCH	NGỌC	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	8	5.4	6.25	
105	130105	022311010098	LÊ BẢO	NGỌC	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6.5	6.8	4.75	
106	130106	022311003050	LÊ YẾN	NGỌC	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5	4.2	3.75	
107	130107	022311007133	LƯƠNG VY BÍCH	NGỌC	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.25	3.6	3	
108	130108	022211012725	LÔ ĐỨC	NGUYÊN	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6.25	5	3.75	
109	130109	022211010794	MAI ĐỨC	NGUYÊN	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6.5	3.4	3.75	
110	130110	022311012810	BÙI ÁNH	NGUYỆT	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	2.75	5.8	3	
111	130111	022311011093	HÀ ÁNH	NGUYỆT	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	8	9.8	8	
112	130112	022311004671	LÊ ÁNH	NGUYỆT	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	7.25	6	4.75	
113	130113	022211006708	TRẦN HIẾU THIỆN	NHÂN	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chay	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.75	2.6	3.25	
114	130114	022211006553	VŨ LONG	NHẬT	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5	4.2	3.5	

Đơn vị: THCS và THPT Hải Đông (22_HD_013)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
115	130115	022311004802	PHẠM PHƯƠNG	NHI	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	7.25	4	4.5	
116	130116	022311007498	MẠC THỊ QUỲNH	NHƯ	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.5	3.6	3.5	
117	130117	022311004413	PHAN THẢO	NHƯ	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6	2.2	1.75	
118	130118	022311002984	TRẠC GIA	NHƯ	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	5.25	2	2.5	
119	130119	022311010090	VŨ QUỲNH	NHƯ	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	7.75	4.2	5.5	
120	130120	022211007974	NGUYỄN ĐÌNH	PHÁT	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4	3.4	1.25	
121	130121	022211006258	VŨ DUY	PHONG	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5.75	2.8	2.5	
122	130122	022211005875	ĐẶNG ANH	PHÚC	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4.5	3.8	3.25	
123	130123	022311007091	LẠC THU	PHƯƠNG	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.75	2.6	3.75	
124	130124	022211004805	LÊ MINH	PHƯƠNG	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.75	2	2	
125	130125	022311009812	LỒ THỊ	PHƯƠNG	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ TIÊN YÊN)	Tiếng Anh	4.5	2.6	4	
126	130126	022311002192	NGUYỄN THỊ HÀ	PHƯƠNG	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4.75	2.6	1.75	
127	130127	022210010007	NÌNH VĂN	QUÂN	10/10/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	3.5	2.2	1.25	
128	130128	022211013510	TÔ MINH	QUÂN	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4.25	2.8	2	
129	130129	022311008379	LỒ NGỌC	QUYÊN	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4	2.6	2	
130	130130	022311007928	PHẠM HỒNG	QUYÊN	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5.5	1.8	4	
131	130131	022311009889	TÔ THỊ THU	QUYÊN	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	3.75	1.6	2	
132	130132	022211009932	HOÀNG THẾ	QUYỀN	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	3.25	1.8	3	
133	130133	022211008404	PHẠM VĂN	QUYỀN	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4	3.8	1	
134	130134	022211012349	NGUYỄN VĂN	QUYẾT	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4.5	2.8	1	
135	130135	022211006376	TRƯƠNG CÔNG TẤN	SANG	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4.5	1.6	1.5	
136	130136	022311001263	HOÀNG KIỀU	SINH	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.75	4.2	2.5	
137	130137	022211008711	ĐẶNG VĨNH	SƠN	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4.25	2.2	3.5	
138	130138	022211009043	VI ĐỨC	TÂN	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5	3	2.25	
139	130139	022311012975	HÀ MAI	THANH	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6.5	4	3.5	
140	130140	022311005781	QUÁCH· THỊ PHƯƠNG	THANH	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6.75	6.6	4.25	
141	130141	022211010306	MẠC HỮU	THÀNH	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6	2.2	4	
142	130142	022311005112	CHÍU THU	THẢO	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6	2.4	4	
143	130143	022311011609	HOÀNG THANH	THẢO	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	7.25	2.4	4.25	

Đơn vị: THCS và THPT Hải Đông (22_HD_013)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
144	130144	022311003431	HOÀNG THỊ THANH	THẢO	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.5	2.4	3.5	
145	130145	022311011395	NÌNH THỊ	THẢO	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6.5	3.2	3.75	
146	130146	022311012451	NÌNH THỊ	THẢO	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chay	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4	2.6	3	
147	130147	022311001722	TRẦN THỊ THANH	THẢO	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chay	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	7.75	3.2	3.75	
148	130148	022211009378	TRẦN VĂN	THẮNG	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chỉ	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	3.25	3	0.75	
149	130149	022211004655	TRÌU VĂN	THẮNG	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.25	2.4	1.25	
150	130150	022210007925	ĐINH HOÀNG	THIÊN	11/05/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5	4.2	6	
151	130151	022211007838	LÊ ĐỨC	THỊNH	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6.75	4.2	4.25	
152	130152	022211003057	LÊ THÀNH	THU	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6.5	2.4	3.5	
153	130153	022311003376	NGÔ TỐ	THU	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6.5	5.2	3.25	
154	130154	022311001733	LÊ THỊ	THÙY	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6.75	3.2	4.25	
155	130155	022311011150	NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.75	2	3.5	
156	130156	022311004615	TRẦN THU	THỦY	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4.5	3.4	2.75	
157	130157	022311010326	NÔNG THU	THÚY	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6.5	2.2	3.5	
158	130158	022311011455	LÊ ANH	THƯ	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5	2.8	1.25	
159	130159	022311006839	NÔNG ANH	THƯ	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.5	2.6	1.5	
160	130160	022311000388	HÀ HOÀNG	THƯƠNG	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4.25	3.6	1.5	
161	130161	022311004511	NỀNH THỊ	THƯƠNG	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	7.25	3	4	
162	130162	022311011813	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	7	3.6	3.5	
163	130163	022311008352	NGUYỄN VÂN	THƯƠNG	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	7.5	8.2	5.5	
164	130164	022311004983	LƯƠNG THỦY	TIÊN	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5.75	4	2.75	
165	130165	022211007874	CHÍU SÁNG	TIỀN	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	2.5	2.4	6	
166	130166	022311012624	TÔ HƯƠNG	TRÀ	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	7.75	4.2	1	
167	130167	022311006622	TÔ THU	TRÀ	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	8.25	5	5.5	
168	130168	022311011417	HÀ HUYỀN	TRANG	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	8	4.2	3.5	
169	130169	022311008117	HOÀNG HOÀNG	TRANG	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Nùng	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6.75	2	2.25	
170	130170	022311010343	LÊ THU	TRANG	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6	3.4	3.25	
171	130171	022311010536	TÔ HUYỀN	TRANG	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6.25	3.4	4.25	
172	130172	022311007631	LƯƠNG BẢO	TRÂM	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5	3	4	

Đơn vị: THCS và THPT Hải Đông (22_HD_013)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
173	130173	022311010047	NGUYỄN ĐẶNG THÙY	TRÂM	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.75	3	3.75	
174	130174	022311005221	TÔ BẢO	TRÂM	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5.75	3.6	3.5	
175	130175	022311002945	TRƯƠNG THỊ NGỌC	TRÂM	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5.75	2.8	3.25	
176	130176	022311010269	LÊ THỊ KIỀU	TRINH	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	3.5	3	2.75	
177	130177	022311006752	NÔNG THỊ LAN	TRINH	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4.75	3.8	1.5	
178	130178	022311002757	PHẠM KIỀU	TRINH	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	7.75	8.4	5.5	
179	130179	022211002358	LÊ ĐÌNH	TRUNG	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6.25	7.8	5	
180	130180	022211002093	LÔ ĐỨC	TRUNG	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4.75	3.2	4.25	
181	130181	022211006063	HÀ THIÊN	TRƯỜNG	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6.5	4.8	1.5	
182	130182	022311003369	TRẦN ÁNH	TUYẾT	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6	4.2	2.5	
183	130183	022311010434	LƯƠNG THỊ NGỌC	TƯƠI	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5	2.6	2.75	
184	130184	022311011065	HOÀNG THUẬN	UYÊN	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.75	4.2	2.75	
185	130185	022311008246	LÊ PHƯƠNG	UYÊN	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5.25	4.8	4.25	
186	130186	022311009526	LÊ THU	UYÊN	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	3.75	3.2	3.25	
187	130187	022311006380	NGUYỄN NHƯ	VÂN	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6.25	2.4	2.25	
188	130188	022311001713	ĐỖ THỊ	VI	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	4.25	2	0.25	
189	130189	022211011368	VI NGỌC	VIỆT	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	3.75	3	2.5	
190	130190	022211004147	VŨ ĐỨC	VIỆT	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	3.25	2	0.5	
191	130191	030211005250	LÊ QUANG	VINH	14/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	4.75	2.6	2.5	
192	130192	022211006314	LÊ THẾ	VINH	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	3.25	4.2	1	
193	130193	022211010371	LƯƠNG CHIỀU	VƯƠNG	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.75	5.4	3.75	
194	130194	022311008836	LÊ TƯỜNG	VY	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	5.25	3.6	2.75	
195	130195	022311004780	LƯƠNG HÀ	VY	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	6	5.4	3.75	
196	130196	022311007748	NGUYỄN DIỆP	VY	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	3.5	3	3.25	
197	130197	022311008951	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Ngũ	Tiếng Anh	5.5	3.2	2	
198	130198	022311002379	TỪ KHÁNH	VY	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	6.5	4.6	4.25	
199	130199	022211011389	LÊ HOÀNG KHÔI	VỸ	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	7.5	4.8	3.75	
200	130200	022311010858	PHƯƠNG THỊ NGỌC	YẾN	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS và THPT Hải Đông	Tiếng Anh	7.5	3.8	4	

(Danh sách này gồm có 200 thí sinh)

Đơn vị: THCS và THPT Hải Đông (22_HD_013)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
										Ngữ văn	N.ngữ	Toán	

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	140001	022211011717	ĐIỆP THÁI	AN	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.5	3.6	2.5	
2	140002	022311006970	HOÀNG HOÀI	AN	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6.75	5.8	4	
3	140003	022311008258	NGUYỄN BÌNH	AN	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7.25	4.6	3.75	
4	140004	035311001561	NGUYỄN NGỌC AN	AN	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.75	4.4	3.75	
5	140005	022211011860	NGUYỄN TÂN	AN	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6	6.2	7.25	
6	140006	022211014005	PHẠM NGỌC BÌNH	AN	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.75	4.2	3	
7	140007	022211006484	TRƯƠNG BẢO	AN	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	2.75	4	3.5	
8	140008	022211008671	TỪ PHÚC	AN	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.5	4	6.75	
9	140009	022311007455	VŨ BẢO	AN	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.75	5.6	3.5	
10	140010	022311002101	VŨ BÌNH	AN	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7.75	6	3.75	
11	140011	022211012293	ĐINH HẢI	ANH	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.5	6.2	2.75	
12	140012	022311007449	HOÀNG VŨ HÀ	ANH	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6.75	7.4	6	
13	140013	022311005525	LÊ KIỀU	ANH	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4.5	3	1.5	
14	140014	022311009511	LÊ NGỌC	ANH	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	7.25	2	3.5	
15	140015	022311005803	LIÊU THỊ QUỲNH	ANH	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6.5	8.8	3.5	
16	140016	022311003346	NGUYỄN BÙI HÀ	ANH	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.25	3	3.75	
17	140017	022311012505	NGUYỄN BÙI VÂN	ANH	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5.5	2.8	3	
18	140018	022211000516	NGUYỄN ĐỨC	ANH	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.25	3.8	2.75	
19	140019	022311002884	NGUYỄN HÀ	ANH	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.5	6.8	4	
20	140020	022211009851	NGUYỄN HẢI	ANH	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.25	4.8	3.25	
21	140021	022311011152	NGUYỄN LAN	ANH	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7.5	8	6	
22	140022	030311000472	NGUYỄN NGỌC TRÂM	ANH	03/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6.5	3.8	4	
23	140023	022211008986	NGUYỄN TIẾN	ANH	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.25	4.2	2	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
24	140024	022311006422	PHAN VŨ PHƯƠNG	ANH	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6.5	4.6	5	
25	140025	022211007229	PHÙNG NGUYỄN TUẤN	ANH	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4	3.4	2	
26	140026	022311010854	TẠ THU	ANH	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.5	3.8	4	
27	140027	022211012541	TÔ HOÀNG	ANH	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	3.25	3.4	3.5	
28	140028	022311005307	TRẦN HÀ	ANH	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.5	3.8	3.25	
29	140029	022211011948	TRẦN NGUYÊN	ANH	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5	5.8	2	
30	140030	022311012415	TRẦN VŨ HOÀI	ANH	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.5	5.2	3.75	
31	140031	022311012678	VƯƠNG THỤY	ANH	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4.25	3	2.75	
32	140032	022311004291	ĐẶNG NGỌC	ÁNH	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	7	3	2	
33	140033	022311004932	TRƯƠNG NGỌC	ÁNH	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	3.4	2.5	
34	140034	022211004843	ĐINH GIA	BẢO	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4	6.4	3.5	
35	140035	022211008202	ĐINH GIA	BẢO	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	1.6	2	
36	140036	022211000609	KHÚC VĂN GIA	BẢO	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.25	4.4	2.75	
37	140037	022211011162	LÊ ĐÌNH QUỐC	BẢO	22/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	5	2.8	3	
38	140038	022211011621	NGUYỄN GIA	BẢO	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	3.25	3.6	2.75	
39	140039	022211001541	PHẠM GIA	BẢO	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	3	3.2	2	
40	140040	022211003322	PHẠM GIA	BẢO	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4	3	3.75	
41	140041	022211001588	PHẠM GIA	BẢO	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7.25	6	5	
42	140042	036211000808	TRẦN NGỌC	BẢO	01/04/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.5	3.4	4	
43	140043	022211003382	TỪ GIA	BẢO	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.5	2.6	3.25	
44	140044	022211012422	VŨ GIA	BẢO	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	3.75	2.6	3.5	
45	140045	022311008986	CHU HOÀNG THU	BĂNG	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	7.25	6	3	
46	140046	035311005299	NGUYỄN NGỌC BÌNH	BÌNH	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.75	4.6	4.25	
47	140047	022311008408	NGUYỄN THANH	BÌNH	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	3	4	
48	140048	022211003305	PHẠM THÁI	BÌNH	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5	3.8	2.5	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
49	140049	022311003896	VŨ BẢO	CHÂM	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.5	3.6	2.5	
50	140050	022311005478	NGUYỄN MINH	CHÂU	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	2.2	3.25	
51	140051	033311000075	VŨ AN BẢO	CHÂU	23/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	7.5	7	6	
52	140052	022311000732	VŨ BẢO	CHÂU	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	2.75	3.4	3.75	
53	140053	022311012274	BÙI THỊ TÙNG	CHI	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.25	4.4	3	
54	140054	022311009949	CHÂU LAN	CHI	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.5	3.2	4	
55	140055	022311010360	ĐỖ NGUYỄN LINH	CHI	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.25	7.4	5.25	
56	140056	031311007788	HOÀNG DIỆP	CHI	25/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	2.75	2.8	1.5	
57	140057	022311002098	LƯƠNG THỊ QUỲNH	CHI	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6	3.6	4.75	
58	140058	022311003629	NGUYỄN DIỆP	CHI	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5	5.4	5.25	
59	140059	022311003567	NGUYỄN MAI	CHI	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.75	6	4.75	
60	140060	022211003029	NGUYỄN ĐỨC	CHƯƠNG	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.5	2	2.25	
61	140061	036211000833	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	27/02/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4.25	5	1.25	
62	140062	022211008375	NGUYỄN VĂN	CÔNG	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	3.25	2.2	1.75	
63	140063	022211004319	ĐẶNG DUY	CƯỜNG	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.75	5.2	5	
64	140064	022211003574	HOÀNG HUY	CƯỜNG	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6	5	3	
65	140065	022211011665	HOÀNG MẠNH	CƯỜNG	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4	4.2	2.75	
66	140066	022211013759	NGÔ VIỆT	CƯỜNG	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.5	2.8	3	
67	140067	022311005475	TRẦN THỊ HỒNG	DIỄM	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5.5	3.6	3	
68	140068	022311006040	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	3	4	
69	140069	022311004851	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆP	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	4.8	3.25	
70	140070	022311006959	TỪ THỊ BÍCH	DIỆP	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.75	8.6	3.5	
71	140071	022311006249	NGUYỄN THỊ HUYỀN	DỊU	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	2	4	2.5	
72	140072	022311007647	NGUYỄN THỊ	DOAN	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	3.75	2.4	2	
73	140073	038311023312	LƯƠNG NGUYỄN VÂN	DUNG	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Thái	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4	3	0.75	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
74	140074	022211013113	BÙI ĐÌNH	DŨNG	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	1.75	2	2	
75	140075	022211012604	DƯƠNG NGHĨA	DŨNG	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	5.5	4.6	4	
76	140076	022211001509	ĐINH VIỆT	DŨNG	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.75	4.6	4	
77	140077	022211007312	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.25	4.4	3	
78	140078	022211007395	TẠ HUY	DŨNG	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5	5.2	4	
79	140079	022211003855	TRẦN ĐỨC	DŨNG	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.25	4.8	2.75	
80	140080	022211014758	TỪ MẠNH	DŨNG	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	3.25	5.2	3.75	
81	140081	022211012628	HOÀNG KHÁNH	DUY	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5.5	5.2	3.75	
82	140082	022211011333	NGUYỄN KHÁNH	DUY	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5.5	5.6	5.5	
83	140083	022211010183	PHẠM ĐÌNH ANH	DUY	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.75	4.4	3.25	
84	140084	034211000522	PHẠM SONG	DUY	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5	3.2	4.5	
85	140085	022311010056	NGUYỄN PHẠM MAI	DUYÊN	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	7.75	6.2	4	
86	140086	034311010268	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.5	5.2	2	
87	140087	022311012879	VŨ THỊ HẢI	DUYÊN	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5.25	4.2	3.5	
88	140088	022211011288	ĐÀO NAM	DƯƠNG	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6	5.4	4.25	
89	140089	022311009603	ĐỖ THÙY	DƯƠNG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	7.5	8.2	5.5	
90	140090	022311002505	HOÀNG TRẦN ÁNH	DƯƠNG	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.75	5	4	
91	140091	022311011831	LÝ THUỲ	DƯƠNG	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6	4	3	
92	140092	022211013167	NGUYỄN THẾ	DƯƠNG	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.25	3.8	3.75	
93	140093	022311006321	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.5	3.4	3.75	
94	140094	022311011315	PHẠM THẢO	DƯƠNG	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.25	7	3.5	
95	140095	022211006846	PHẠM THẾ	DƯƠNG	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6.5	6.2	5.75	
96	140096	022211013751	TRƯƠNG TUẤN	DƯƠNG	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	1.75	2.6	0.75	
97	140097	022311007587	VŨ THUỲ	DƯƠNG	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.5	5.6	4	
98	140098	022211005052	TRẦN ĐỨC	ĐẠI	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	2.25	3	0.75	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
99	140099	022311006879	LÊ HỒ LINH	ĐAN	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.5	3.4	3.5	
100	140100	034311017165	NGUYỄN LINH	ĐAN	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.75	3.8	4	
101	140101	022211013199	BÙI THÀNH	ĐẠT	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.5	7.4	4.25	
102	140102	022211002041	LƯƠNG MINH	ĐẠT	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.5	5.8	4	
103	140103	033211021156	TRẦN QUỐC	ĐẠT	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.75	6.6	7	
104	140104	022211010437	VŨ THÀNH	ĐẠT	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.75	4	2.75	
105	140105	022211003069	VŨ TUẤN	ĐẠT	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	6.6	3	
106	140106	036211015710	ĐỖ HẢI	ĐĂNG	18/06/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5.75	6.6	6.75	
107	140107	022211012568	BÙI TRẦN THU	ĐÔ	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	3.75	6.2	2	
108	140108	022211013859	ĐÀO VĂN	ĐỨC	19/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.75	3	4.5	
109	140109	022211004775	ĐOÀN TRỌNG	ĐỨC	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6	4.8	1.75	
110	140110	022211000502	LIÊU MINH	ĐỨC	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	4.6	3.5	
111	140111	022211005337	NGUYỄN ANH	ĐỨC	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.5	6	1.75	
112	140112	022211011256	NGUYỄN BÁ	ĐỨC	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.5	7.2	4.75	
113	140113	002211004094	NGUYỄN DUY ANH	ĐỨC	31/03/2011	Tỉnh Tuyên Quang	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4.75	4.6	4.5	
114	140114	022211003607	NGUYỄN MINH	ĐỨC	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4	5.6	4.75	
115	140115	022211003663	NGUYỄN NGÔ MINH	ĐỨC	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.5	5.4	3.25	
116	140116	022211001531	NGUYỄN THANH	ĐỨC	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.25	9.8	6	
117	140117	022311009846	LÊ HƯƠNG	GIANG	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6.25	6.2	5.25	
118	140118	022311008749	LÊ VŨ HƯƠNG	GIANG	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	8.5	7.8	3.75	
119	140119	022211007517	ĐINH NGUYÊN	GIÁP	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.75	5.8	4.75	
120	140120	022311000472	ĐIỆP THỊ THU	HÀ	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.75	5.2	1.75	
121	140121	022311010311	ĐỖ BÍCH	HÀ	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.5	2.6	2	
122	140122	022211003042	HÀ QUANG	HÀ	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.75	3.4	2.75	
123	140123	022311007062	LÂM NGỌC	HÀ	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4.5	2	2.75	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
124	140124	022311004024	LÊ NGUYỄN NGỌC	HÀ	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.25	7.6	4.25	
125	140125	022311005128	LƯƠNG THANH	HÀ	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7	4.2	4	
126	140126	022311000790	LƯU VIỆT	HÀ	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.5	6.4	4	
127	140127	030311003115	PHẠM VÂN	HÀ	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	1	2	
128	140128	022311004342	TRẦN VIỆT	HÀ	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	3.5	1.6	2.5	
129	140129	022311009249	TÔ THỊ BÍCH	HẠ	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	2.5	4	4.5	
130	140130	022211009802	HÀ TRUNG	HẢI	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	3.25	4.4	3.5	
131	140131	022211007648	HOÀNG TRUNG	HẢI	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.75	5	2.75	
132	140132	022211008255	NGUYỄN HOÀNG	HẢI	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5	3.4	2.25	
133	140133	022211010450	NGUYỄN TRUNG	HẢI	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	2.5	2.4	2.5	
134	140134	022311005097	HÀ THỊ	HẠNH	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	3.25	2.8	3	
135	140135	022211004057	VŨ TIẾN	HÀO	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5	2	2	
136	140136	022311003466	LƯU XUÂN	HẢO	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	5.75	3.2	4.25	
137	140137	022211008071	LÝ LƯƠNG	HẠO	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	6.25	4.4	3.75	
138	140138	022311011900	LƯƠNG MINH	HẰNG	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.25	7.2	4	
139	140139	022311012506	PHẠM MINH	HẰNG	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.5	6.2	4	
140	140140	024311005452	LÊ HOÀNG BẢO	HÂN	26/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	5.8	6	
141	140141	022311004388	LONG THỊ NGỌC	HÂN	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	3.75	2.4	5.25	
142	140142	022311008786	LƯU GIA	HÂN	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.25	6	3.5	
143	140143	022311002078	LÝ NGỌC	HÂN	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	6.75	3.2	5.25	
144	140144	022311001348	NGÔ GIA	HÂN	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7	7.8	2.75	
145	140145	022311009632	NGUYỄN NGỌC	HÂN	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.75	3.4	1.25	
146	140146	022311006938	TRẦN NGỌC	HÂN	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	3.5	4.2	3.25	
147	140147	022311002715	TRẦN THỊ NGỌC	HÂN	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.25	5.2	3	
148	140148	022311012120	HOÀNG NGỌC	HIÊN	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5.25	6.4	2.25	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
149	140149	022311011569	LÊ THỊ THUỲ	HIÊN	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4	3.8	2.5	
150	140150	022311001080	HOÀNG THU	HIỀN	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4	5	3.25	
151	140151	022311001518	LƯU KHÁNH	HIỀN	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5	4.6	3.5	
152	140152	022311010234	NGUYỄN THU	HIỀN	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.75	3.6	2.25	
153	140153	019211000160	DƯƠNG ĐỨC	HIẾU	10/05/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.5	8.6	3.5	
154	140154	022211011321	ĐIỆP MẠNH	HIẾU	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	3.5	5.2	2.5	
155	140155	022211010314	ĐỖ MINH	HIẾU	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	3.25	4.6	2.25	
156	140156	022211000810	HÀ ĐỨC	HIẾU	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	3.75	5	3.75	
157	140157	022211011832	HÀ MINH	HIẾU	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	3.5	3.2	3.25	
158	140158	022211003674	HOÀNG TRUNG	HIẾU	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4.5	4.8	2.25	
159	140159	022211010033	LÊ MINH	HIẾU	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	2.5	7.4	2.5	
160	140160	022211013413	NGUYỄN DƯƠNG	HIẾU	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5	8.2	3.5	
161	140161	022211012650	NGUYỄN ĐÌNH	HIẾU	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.75	6.6	2.75	
162	140162	022211014082	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	28/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5	6.6	2.5	
163	140163	022211007410	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.5	6	3	
164	140164	022211002080	NGUYỄN MINH	HIẾU	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6	3.4	3.75	
165	140165	022211011458	NGUYỄN VĂN	HIẾU	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
166	140166	022211010624	NGUYỄN VĂN	HIẾU	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	3.75	4	2.75	
167	140167	022211011616	PHẠM ĐỨC	HIẾU	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4.25	4.4	1.75	
168	140168	022211007336	PHAN ĐỨC	HIẾU	11/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.25	5.2	3.75	
169	140169	022211013273	TÔ ĐỨC	HIẾU	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	3.25	4.6	3.5	
170	140170	022311009609	CÁM THỊ MAI	HOA	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	3	2	0.5	
171	140171	022311008771	LÊ NGUYỄN TRÁC	HOA	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4.5	3.8	1	
172	140172	022311011072	ĐỖ THU	HOÀ	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	6.2	3.25	
173	140173	022311010906	LÊ THÁI	HOÀ	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.5	8.8	4.5	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
174	140174	022311003115	BÙI NHƯ	HOÀI	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	3.75	7	2.75	
175	140175	022211012883	VŨ ĐỨC	HOÀN	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.25	7.8	7.75	
176	140176	022211008469	LÊ VIỆT	HOÀNG	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	2	7	2	
177	140177	022209007865	HOÀNG NGỌC	HỒI	06/08/2009	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6.5	6.4	6.25	
178	140178	022211007383	TRƯƠNG VIỆT	HÙNG	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	2.25	5.2	3.25	
179	140179	022211011960	DƯƠNG BẢO	HUY	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6	3.6	1	
180	140180	030211016476	ĐẶNG GIA	HUY	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.5	4.8	5	
181	140181	022211013489	HOÀNG GIA	HUY	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	8.8	4.5	
182	140182	022211004385	HOÀNG GIA	HUY	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	3	3.8	3.75	
183	140183	022211008037	LÊ THẾ QUANG	HUY	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.25	3.4	3	
184	140184	022211010590	LƯU GIA	HUY	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5	6.2	5	
185	140185	022211010930	NGUYỄN NHẬT	HUY	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.25	4.4	4	
186	140186	022211011593	NGUYỄN VĂN GIA	HUY	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	7.25	5.4	4.75	
187	140187	022211011177	NÔNG THÀNH	HUY	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	2	4.4	2.5	
188	140188	022211012547	PHẠM GIA	HUY	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	3	4.8	2.25	
189	140189	022211004766	PHẠM GIA	HUY	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	3.75	5.2	1.75	
190	140190	022211005778	PHẠM TIẾN	HUY	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	2.75	3.8	2	
191	140191	022211012831	PHAN GIA	HUY	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6.5	4	4.25	
192	140192	022211009242	PHÙNG THẾ	HUY	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	3.75	6.6	2.25	
193	140193	022211001430	TẠ VĂN	HUY	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	3.25	2.6	3.25	
194	140194	022211006812	TỪ GIA	HUY	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	3	5.4	3.25	
195	140195	022211004451	VI MẠNH	HUY	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	2.25	5	2.75	
196	140196	022211004973	VŨ ĐỨC	HUY	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.25	6.8	6	
197	140197	022211012169	VŨ GIA	HUY	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7	7.4	6	
198	140198	022211006895	VƯƠNG HOÀNG	HUY	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4.25	5.4	2.5	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
199	140199	022311012482	BÙI THỊ KHÁNH	HUYỀN	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.75	6.2	2.75	
200	140200	014311008796	CẦM THỊ THU	HUYỀN	22/12/2011	Tỉnh Sơn La	Nữ	Thái	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	6.25	6.6	4	
201	140201	022311008404	ĐINH THỊ KHÁNH	HUYỀN	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6	6.8	4	
202	140202	022311003324	ĐỖ THỊ THU	HUYỀN	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5.5	4.6	4.25	
203	140203	030311013154	MẠC THỊ KHÁNH	HUYỀN	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5.75	2.8	5.25	
204	140204	022311002115	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6	3	3.25	
205	140205	022311008365	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	1.25	2.8	1.75	
206	140206	022311005565	PHẠM THU	HUYỀN	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.5	6	4.75	
207	140207	022311003389	TẨY PHƯƠNG	HUYỀN	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	3.5	4	4.25	
208	140208	022211003429	BÀNG GIA	HƯNG	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	3.75	6.4	4	
209	140209	022211008437	LƯU TUẤN	HƯNG	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	3	7.4	4	
210	140210	022211008718	NGUYỄN VIỆT	HƯNG	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	2.25	6.4	4.5	
211	140211	022211005555	TRẦN GIA	HƯNG	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.75	9.8	9	
212	140212	022311012852	HOÀNG NGỌC THIÊN	HƯƠNG	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	8.5	9.8	7.25	
213	140213	022311006985	LẦU THU	HƯƠNG	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	7	7.6	5.25	
214	140214	022311000389	LIÊU THIÊN	HƯƠNG	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4.25	3	3.25	
215	140215	022310004060	NGUYỄN HÀ	HƯƠNG	30/12/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.5	3.2	4	
216	140216	022311009430	NGUYỄN THU	HƯƠNG	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6	7.8	4.25	
217	140217	022211001358	NGUYỄN PHÚC	KHANG	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4	6.6	4.25	
218	140218	022211013067	TRƯƠNG MINH	KHANG	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	2.5	3.4	2.25	
219	140219	022211008954	ĐINH GIA	KHÁNH	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	2.8	2.25	
220	140220	022311009736	NGUYỄN VŨ NGỌC	KHÁNH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6.5	8.2	6	
221	140221	022211005848	NÔNG QUỐC	KHÁNH	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4	3.8	3.75	
222	140222	022211006565	TRẦN DUY	KHÁNH	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	1.75	4.8	2.25	
223	140223	022211007215	TRẦN PHẠM ĐỨC	KHÁNH	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.5	4.8	2.25	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
224	140224	022211013533	ĐỖ TRỌNG	KHÔI	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4	2.8	1.75	
225	140225	022211008414	NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	4.75	3.8	3.75	
226	140226	022211004312	PHẠM ĐĂNG	KHÔI	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6	8.2	4	
227	140227	025211005982	NGUYỄN HOÀNG	KIÊN	08/08/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6	3.4	6.25	
228	140228	022211010689	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.75	8	6.25	
229	140229	022211006478	VŨ NGỌC TRUNG	KIÊN	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	3.75	2.8	3	
230	140230	022211003229	NGUYỄN VŨ ANH	KIỆT	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.75	5.6	4.5	
231	140231	022311004902	BÙI THỊ THIÊN	KIM	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6.75	9.2	6.75	
232	140232	022311012859	NGUYỄN XUÂN	LAM	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.5	4.6	2.5	
233	140233	022311005449	PHẠM YÊN	LAM	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.5	3.8	4	
234	140234	022211007404	TRẦN HẢI	LAM	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.75	4.8	4.25	
235	140235	022311012893	ĐỖ HOÀNG	LAN	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.25	4.4	3.25	
236	140236	022311005826	LẠC THỊ TUYẾT	LAN	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7	4	3	
237	140237	037311007833	TRẦN THỊ NGỌC	LAN	06/04/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	6.2	4.75	
238	140238	022211013072	BÙI PHÚC	LÂM	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	6.4	3.75	
239	140239	022211012735	CAO CẢNH	LÂM	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	4.5	4.4	4.5	
240	140240	022211008756	LÊ ĐỨC	LÂM	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	2.5	2.8	2.5	
241	140241	022211003413	NGUYỄN HẢI	LÂM	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	5.75	3.2	2.75	
242	140242	022211005465	NGUYỄN TRÚC THÀNH	LÂM	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	8.25	7	7.5	
243	140243	022211014081	VŨ TÙNG	LÂM	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	8	7.6	6.5	
244	140244	022311001582	ĐINH THỊ BÍCH	LIÊN	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6.25	4.4	2.25	
245	140245	022311000733	BÙI NGỌC	LINH	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	3.25	4.2	5.25	
246	140246	174311000057	BÙI THỊ	LINH	03/07/2011	Nước ngoài	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	1.25	4.6	4.25	
247	140247	022311008092	ĐÀO THUỲ	LINH	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	4.6	3.75	
248	140248	022311009455	ĐOÀN MAI THÙY	LINH	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5	4.4	4.5	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
249	140249	022311008533	HÀ MAI	LINH	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	6.5	7	3.5	
250	140250	022311011658	LÊ TUỆ	LINH	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.25	5.6	3.5	
251	140251	022311003861	MỘC THỊ	LINH	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	5.25	4.4	4.25	
252	140252	022311005671	NGÔ HOÀNG	LINH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.75	5.2	5.25	
253	140253	022311006331	NGUYỄN HOÀNG	LINH	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.25	5.2	5.25	
254	140254	022311002351	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	LINH	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	2.75	4.2	4.25	
255	140255	022311001754	NGUYỄN NGỌC	LINH	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.75	5.2	4	
256	140256	022311008101	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	7.25	9.8	4.25	
257	140257	036311016605	NGUYỄN TRẦN GIA	LINH	18/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6	4.4	3	
258	140258	022311012388	NGUYỄN VŨ HÀ	LINH	08/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	8.25	5.6	4	
259	140259	022311008310	PHẠM PHƯƠNG	LINH	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.25	3.8	3.75	
260	140260	022311006962	PHÙNG THỊ NGỌC	LINH	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6	5	4	
261	140261	022311007429	TRẦN THỊ KHÁNH	LINH	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	1.75	3.6	2.5	
262	140262	022311008243	TRƯƠNG GIA	LINH	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	8	9.2	6.75	
263	140263	022311004655	TRƯƠNG NGỌC	LINH	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5.75	8.6	6.5	
264	140264	022311012406	TRƯƠNG PHƯƠNG	LINH	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.5	4.4	2	
265	140265	022311001024	TỪ THỊ PHƯƠNG	LINH	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	4	3.75	
266	140266	022311010884	VƯƠNG HÀ	LINH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	8	5.6	6.5	
267	140267	038211007116	BÙI BẢO	LONG	19/07/2011	Thành phố Đồng Nai	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	7.5	8.8	5.5	
268	140268	022211000665	BÙI NHẤT	LONG	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.25	3.4	5	
269	140269	022211013058	ĐÀO DUY	LONG	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	4.75	4.2	3.5	
270	140270	022211003308	HOÀNG ĐỨC	LONG	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.25	4.8	6	
271	140271	022211004733	LÝ QUẾ	LONG	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.25	5.4	3.5	
272	140272	022211013020	MẠC HẢI	LONG	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4.25	4.2	3.75	
273	140273	022211006673	PHẠM GIA	LỘC	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5	5.2	3.75	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
274	140274	022311010843	LIÊU THỊ CẨM	LY	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5	2.8	4.25	
275	140275	022311010542	LỤC THẢO	LY	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.5	2.8	3.25	
276	140276	022311006263	PHẠM KHÁNH	LY	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.25	3	4.25	
277	140277	022311008512	TRẦN NGUYỄN HƯƠNG	LY	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	3.4	3.75	
278	140278	022311001932	TRẦN NGUYỄN KHÁNH	LY	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	3.5	3.2	3.25	
279	140279	022311009423	VŨ KIỀU	LY	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	3	3.4	4	
280	140280	019311011446	HÀ NGỌC	MAI	21/07/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	6	2.8	3.75	
281	140281	022311012746	HOÀNG CHI	MAI	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6.25	4.4	4.75	
282	140282	022311000041	LÊ THU	MAI	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	3.6	3.5	
283	140283	022311012440	LƯU NGỌC	MAI	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	3	3.6	5.5	
284	140284	022211000709	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	4.2	4.75	
285	140285	022211010682	TRẦN DUY	MẠNH	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	4.25	1.4	3.75	
286	140286	022211007688	DƯƠNG HOÀNG BÌNH	MINH	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	5.5	3.4	3.75	
287	140287	027211006427	ĐỖ KHANG	MINH	07/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	2.75	4.2	2.75	
288	140288	031211018474	ĐỖ NGỌC	MINH	23/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.25	3.6	2.5	
289	140289	022211008674	HÀ VĂN BÌNH	MINH	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	3.25	4	2.75	
290	140290	022211000061	HOÀNG HẢI	MINH	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.5	6.2	3.25	
291	140291	022211002254	HOÀNG TRÍ	MINH	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6	5.4	4.5	
292	140292	022211006573	LẠI THÁI HẢI	MINH	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6	5.4	3.75	
293	140293	022211008941	LÊ QUANG	MINH	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6.5	4.8	5	
294	140294	022311001608	LÊ THU	MINH	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.75	3.6	3.75	
295	140295	022211010408	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	MINH	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4.5	5.2	2.5	
296	140296	022211012844	NGUYỄN ĐỨC	MINH	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6	2.6	4.75	
297	140297	022211001873	NGUYỄN THẾ	MINH	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6	6.6	6.25	
298	140298	022311010307	NGUYỄN TƯỜNG	MINH	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	8	9.4	7.75	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
299	140299	022211005038	TRẠC QUANG	MINH	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Cao Lan	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	3.5	3.6	2.75	
300	140300	022211006943	TRẦN BÌNH	MINH	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.25	6.2	3.75	
301	140301	024210017045	VI VĂN	MINH	28/11/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Nùng	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	3.75	4	2	
302	140302	022211003687	VŨ HỮU HẢI	MINH	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.5	3.2	4	
303	140303	022311011571	ĐINH TRÀ	MY	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	6.75	6.8	6.5	
304	140304	022311011756	HOÀNG THỊ TRÀ	MY	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.5	5.8	4.5	
305	140305	022311002672	LƯU NGUYỄN TRÀ	MY	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4	2.4	3.5	
306	140306	022311006634	NGUYỄN THẢO	MY	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4.75	4.4	3.5	
307	140307	022311003170	NGUYỄN THỊ HÀ	MY	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6	4	4.25	
308	140308	022311012164	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	7	5.2	5	
309	140309	030311004952	NGUYỄN TRÀ	MY	24/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	5.2	4.25	
310	140310	022311006351	PHẠM THỊ THẢO	MY	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.75	6.2	4	
311	140311	022311010442	VÌ HOÀNG TRÀ	MY	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Thái	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5.75	3.8	4.5	
312	140312	022211002730	HOÀNG BẢO	NAM	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.75	3	2	
313	140313	022211007220	NGUYỄN HẢI	NAM	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	2.25	3.8	1.75	
314	140314	022211013428	NGUYỄN HOÀNG	NAM	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5	4.6	3.25	
315	140315	022211006866	TÔ BẢO	NAM	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5.5	5.8	5	
316	140316	022211006584	TỪ ĐIỆP BẢO	NAM	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6.5	5.8	4.5	
317	140317	022311009170	BÙI QUỲNH	NGA	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	5.8	4.25	
318	140318	022311008505	HOÀNG QUỲNH	NGÂN	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	8	8	5.25	
319	140319	022311001584	NGUYỄN ĐỖ HỒNG	NGÂN	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.75	7.6	5.5	
320	140320	022211013742	HOÀNG CHÍ	NGHĨA	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.75	6	2	
321	140321	022311008205	BÙI NHƯ	NGỌC	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.75	3.2	4	
322	140322	022311008208	ĐINH BẢO	NGỌC	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Mường	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	2.8	1.5	
323	140323	022311000837	ĐỖ BẢO	NGỌC	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4	3.4	2.5	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
324	140324	022311007137	HÀ ĐỖ BẢO	NGỌC	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.25	3.8	3	
325	140325	022311001035	HOÀNG BẢO	NGỌC	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.75	2.2	2.5	
326	140326	022311011557	MAI ÁNH	NGỌC	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6	5	5.5	
327	140327	022311002271	NGUYỄN ÁNH	NGỌC	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	3.8	2.5	
328	140328	022311011681	NGUYỄN BẢO	NGỌC	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.25	4.4	3.5	
329	140329	022311002866	NGUYỄN BẢO	NGỌC	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.75	4	2.75	
330	140330	022311009217	NGUYỄN BẢO	NGỌC	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	6.2	5.5	
331	140331	022311013029	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4	2.2	4	
332	140332	022311000816	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGỌC	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6.25	5.8	4.5	
333	140333	022311002235	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6.25	2.4	3.75	
334	140334	022311005564	PHẠM BẢO	NGỌC	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	8.25	7	5.25	
335	140335	022311005786	PHẠM BẢO	NGỌC	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	4.4	3	
336	140336	022311011443	PHẠM BẢO	NGỌC	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	5.8	3.75	
337	140337	022311012007	PHẠM THỊ PHƯƠNG	NGỌC	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	2.25	5	3	
338	140338	036311005202	TRẦN GIA	NGỌC	22/07/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	3.5	2.2	2.25	
339	140339	022311000538	VI HOÀNG BẢO	NGỌC	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	4	2.5	
340	140340	022311006911	VŨ HOÀNG BẢO	NGỌC	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.5	4.8	2.25	
341	140341	022211000617	HOÀNG THẢO	NGUYÊN	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4	2.4	2.5	
342	140342	022311003094	LÊ THẢO	NGUYÊN	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.75	1.6	2	
343	140343	022211008821	LONG NHẬT	NGUYÊN	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	5.75	2.8	2.75	
344	140344	022211002483	NGÔ HẠO	NGUYÊN	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	7	4	5.25	
345	140345	022211004764	NGUYỄN ĐỨC	NGUYÊN	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.5	7.4	3.5	
346	140346	022211008642	NGUYỄN KHÔI	NGUYÊN	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.5	5.6	4.75	
347	140347	022211001603	NGUYỄN KHÔI	NGUYÊN	23/05/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7	4.2	4.75	
348	140348	022211004027	NGUYỄN PHẠM KHÔI	NGUYÊN	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6.75	9	5.75	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
349	140349	022311003157	PHẠM THẢO	NGUYÊN	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.75	8.4	6.25	
350	140350	022211003906	VŨ NGỌC KHÔI	NGUYÊN	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5.5	7.2	5.75	
351	140351	022311006798	VŨ THẢO	NGUYÊN	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	2.25	2.8	2.75	
352	140352	030311005425	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	10/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.75	3	4.75	
353	140353	022311009498	PHẠM THỊ ÁNH	NGUYỆT	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6.5	2.2	3	
354	140354	022211002801	ĐẶNG MINH	NHẬT	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	4.25	3.2	2.5	
355	140355	022211009869	ĐINH CÔNG	NHẬT	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.75	5.8	3.25	
356	140356	022211011706	LÝ ANH	NHẬT	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	6.5	5.4	5	
357	140357	033311008295	NGUYỄN KHÁNH	NHẬT	29/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	8	8.4	7.25	
358	140358	022211004721	VŨ MINH	NHẬT	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	3	1.8	3.5	
359	140359	022311005661	BÙI BẢO	NHI	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.25	5.2	4.5	
360	140360	022311006940	ĐỖ YẾN	NHI	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	1.75	2.6	1.5	
361	140361	022311005387	GIANG YẾN	NHI	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.5	4	4.25	
362	140362	022311007625	HÀ YẾN	NHI	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6.25	4.8	5.25	
363	140363	022311011333	HÀ YẾN	NHI	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.75	4.2	3.25	
364	140364	022311011342	LÊ THẢO	NHI	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6	5.4	3.75	
365	140365	030311015635	NGUYỄN BẢO	NHI	17/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6	4.2	5	
366	140366	022311002035	NGUYỄN HẢI YẾN	NHI	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.25	9	5.75	
367	140367	022311002047	NGUYỄN LÊ YẾN	NHI	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.5	1.4	2.5	
368	140368	022311006706	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6	3.4	3.25	
369	140369	022311006094	PHẠM YẾN	NHI	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6	5.6	4.5	
370	140370	022311011359	PHẠM YẾN	NHI	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	2	1.2	1.5	
371	140371	022311001638	TRẦN THỊ YẾN	NHI	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	1.25	3	2.25	
372	140372	022311012564	TRẦN YẾN	NHI	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	4.75	5.4	4	
373	140373	022311010222	PHẠM HỒNG	NHUNG	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6.75	5.8	6.25	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
374	140374	022311012579	VŨ THỊ CẨM	NHUNG	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.5	5	4.75	
375	140375	022311002273	BÙI KHÁNH	NHƯ	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	4.75	3.6	3.5	
376	140376	022311006793	LÝ DIỄM	NHƯ	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	5	2.2	3.5	
377	140377	022311001143	VŨ LỤC KIỀU	OANH	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Thái	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	7	3.6	5.5	
378	140378	022211010187	HOÀNG NHẬT	PHAN	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	3	4.4	3.5	
379	140379	022211008486	DƯƠNG TRIỆU	PHONG	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.75	6.4	4	
380	140380	022210008863	LÊ VĂN	PHONG	15/05/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	2.25	5.2	1.75	
381	140381	022211009507	NGÔ VIẾT ĐĂNG	PHONG	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	1.75	4.2	3.75	
382	140382	030211015512	NGUYỄN HOÀNG	PHONG	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	3.75	6.6	4.25	
383	140383	022211003271	NGUYỄN THANH	PHONG	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	2.25	4.6	3.75	
384	140384	022211002903	NGUYỄN THẾ	PHONG	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	4	4.4	4	
385	140385	022211002378	TRƯƠNG THANH	PHONG	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.25	8.4	4	
386	140386	022211002059	CHU QUỐC	PHÚ	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.5	4.8	4.75	
387	140387	022211003969	LỤC THÀNH	PHÚC	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	2.5	6.4	2.75	
388	140388	022211013429	NGUYỄN MINH	PHÚC	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	8.5	7.2	6	
389	140389	022211004754	NGUYỄN MINH	PHÚC	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4	6.2	4	
390	140390	022211003859	NGUYỄN XUÂN	PHÚC	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6.75	6.2	4	
391	140391	022211007032	TRƯƠNG HỒNG	PHÚC	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.25	9	4.5	
392	140392	022211012878	HÀ HỮU	PHƯỚC	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.75	8	4.5	
393	140393	022311001818	BÙI THÚY	PHƯƠNG	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6	8.2	4	
394	140394	022311004750	HÀ DIỆP	PHƯƠNG	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.25	4.8	4	
395	140395	022211005323	HÀ KHÁNH	PHƯƠNG	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	3	3.8	4.5	
396	140396	022311007680	LÝ KHÁNH	PHƯƠNG	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	4.8	3.75	
397	140397	034311007993	NGUYỄN KHẮC MINH	PHƯƠNG	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5	3.4	4	
398	140398	022311006057	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	07/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.25	4.4	5	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
399	140399	030311002488	VŨ MAI	PHƯƠNG	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6.25	4.4	4.25	
400	140400	022311002133	NGUYỄN THỊ KIM	PHƯỢNG	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7.25	9.4	4.5	
401	140401	022311003269	VŨ THỊ	PHƯỢNG	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.75	3.8	4.25	
402	140402	022211013842	NGUYỄN NGỌC	QUANG	20/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.5	6.6	6.5	
403	140403	022211007887	DƯƠNG ANH	QUÂN	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5	6	5.75	
404	140404	020211002250	LÝ THANH	QUÂN	23/12/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nam	Dao	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	3	2.8	1.5	
405	140405	022211008607	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	3.25	8.8	3.75	
406	140406	022211010626	TRỊNH LÊ MINH	QUÂN	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.5	7.8	4.25	
407	140407	022211004223	TRẦN NGỌC	QUÝ	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	3	8.4	3.25	
408	140408	022311000437	ĐẶNG THỊ BẢO	QUYÊN	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	4.5	2.8	1.25	
409	140409	022211006916	TRẦN VĂN	QUYẾT	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	3.25	5.6	2	
410	140410	022311008887	PHẠM THỊ	QUỲNH	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	5.75	3	2	
411	140411	022211001216	NGUYỄN HỒNG	SƠN	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	2.5	3.2	4.25	
412	140412	001311042814	TRẦN THỊ LAN	SƯƠNG	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6.5	4.8	6	
413	140413	022311005972	DƯƠNG MINH	TÂM	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	8.25	8.6	5	
414	140414	022311009922	TRẦN THỊ	TÂM	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	4.2	5	
415	140415	022311000641	TỪ LỘC THÀNH	TÂM	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	6	8	5.5	
416	140416	022211010155	VŨ ĐỨC	TÂM	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.5	9.4	3.75	
417	140417	022211010525	PHẠM PHÚC	TẤN	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.5	8.2	3	
418	140418	030211005845	DƯƠNG VĂN	THÁI	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	1.5	3.8	1.75	
419	140419	022211008092	ĐINH TRƯỜNG	THÁI	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	3	3.2	2.75	
420	140420	022211003892	PHÙNG DUY	THÁI	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	3.75	3.4	5.5	
421	140421	022211001499	TRƯƠNG DUY	THÁI	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	9.4	7.25	
422	140422	022311002572	HỨA THỊ NGỌC	THANH	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5	4	5.5	
423	140423	022311006141	LÊ NGUYỆT	THANH	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.75	4	6	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
424	140424	022311005742	TRẦN THỊ	THANH	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	5.75	3.4	6	
425	140425	022211003616	LÊ TRÍ	THÀNH	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	3.75	7	1.5	
426	140426	022211004038	LIÊU ĐỨC	THÀNH	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	5.25	6.8	4.75	
427	140427	022211004105	NGUYỄN TUẤN	THÀNH	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	3.2	3.5	
428	140428	022211012249	TRƯƠNG CHỨC	THÀNH	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	4.25	1.8	3.5	
429	140429	022211006434	VƯƠNG CHÍ	THÀNH	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.5	3.4	5.25	
430	140430	022311007480	BÙI DƯƠNG PHƯƠNG	THẢO	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5	3	3	
431	140431	022311008256	CHÂU PHƯƠNG	THẢO	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	3.6	3.75	
432	140432	022311005119	ĐINH PHƯƠNG	THẢO	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6.25	3.4	5.5	
433	140433	022311011906	HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4.5	2.4	2	
434	140434	022311005118	LẠI PHƯƠNG	THẢO	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.25	4.4	3.5	
435	140435	022311007663	LÊ PHẠM PHƯƠNG	THẢO	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	4.2	4.5	
436	140436	022311006891	PHẠM THANH	THẢO	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.75	3.2	4	
437	140437	022311000565	VŨ PHƯƠNG	THẢO	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7	5.2	2.5	
438	140438	022211004850	LÊ XUÂN	THẮNG	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	2.25	4.2	2.5	
439	140439	022211009786	LONG MINH	THẮNG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6	4.8	3.75	
440	140440	022211002491	LONG QUỐC	THẮNG	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	3.5	2.8	2.25	
441	140441	022211007264	NGUYỄN PHẠM QUANG	THẮNG	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	1.6	2.25	
442	140442	022311007556	PHẠM KHÁNH	THI	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7.25	6.4	4	
443	140443	022211002273	HOÀNG VĂN	THIỆN	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6	5	4	
444	140444	022211004965	LÝ VĂN	THIỆN	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	4.5	3.8	2.75	
445	140445	022211011014	ĐỖ ĐỨC	THỊNH	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.5	5.8	3	
446	140446	022211004269	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.75	4.4	2.5	
447	140447	036311017453	TRẦN ANH	THƠ	10/12/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.25	3.2	4	
448	140448	022211006935	ĐIỆP HOÀNG ĐỨC	THUẬN	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4.5	4.6	2.25	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
449	140449	022211012499	HOÀNG ĐỨC	THUẬN	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	3.25	3.6	3.25	
450	140450	022311012921	ĐINH MINH	THÙY	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	8	8.4	5.25	
451	140451	022311012545	NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7.25	9.8	8	
452	140452	022311007864	VŨ ANH	THÙY	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5.5	3.4	3.75	
453	140453	022311012149	LÊ TRÚC	THỦY	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4.25	3.4	3.25	
454	140454	022311001299	BÙI THANH	THÚY	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.75	2.6	2.75	
455	140455	022311006659	BÙI ANH	THƯ	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	6	4.4	3.75	
456	140456	022311003146	DƯƠNG HOÀNG ANH	THƯ	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.25	9.4	3.75	
457	140457	022311007321	ĐẶNG ANH	THƯ	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7.75	9	6.75	
458	140458	022311004510	HOÀNG ANH	THƯ	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6	5	4.25	
459	140459	022311006060	LIÊU ANH	THƯ	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	5.75	3.8	4	
460	140460	022311004227	LỤC ANH	THƯ	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	6	3	
461	140461	022311001651	LƯU ANH	THƯ	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	5.5	3	4.75	
462	140462	022311010493	NGUYỄN ANH	THƯ	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5.5	4.6	4.25	
463	140463	022311011018	NGUYỄN ANH	THƯ	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5	6.6	4	
464	140464	022311008562	NGUYỄN PHẠM ANH	THƯ	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.25	5.8	3.75	
465	140465	022311005850	PHẠM ANH	THƯ	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	3.2	3.5	
466	140466	022311010514	PHẠM ANH	THƯ	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.5	2.6	0.5	
467	140467	022311009996	PHẠM ANH	THƯ	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4	3.6	4.25	
468	140468	022311002704	TRẦN MINH	THƯ	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.75	8.8	3.5	
469	140469	022311003443	TỪ QUỲNH	THƯ	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	5.6	4.75	
470	140470	022311009248	CHÂU HẠ	THƯƠNG	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.75	5.4	3.5	
471	140471	022311005926	LÊ KHÁNH	THY	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.75	3.6	3.25	
472	140472	022311013765	NGUYỄN THỦY	TIÊN	06/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.25	4.2	4.25	
473	140473	022211007193	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.25	2.6	4.75	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
474	140474	030311000653	BÙI THU BẢO	TRANG	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.5	2.8	5	
475	140475	022311007000	ĐIỆP THỊ THU	TRANG	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	3	3	2.5	
476	140476	022311011689	ĐỖ VŨ QUỲNH	TRANG	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5	3.4	4	
477	140477	022311001188	HÀ THỊ ĐOAN	TRANG	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7.25	4	2.25	
478	140478	022307004439	LỤC THỊ HUYỀN	TRANG	09/12/2007	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5	3.6	4	
479	140479	022311001209	NGÔ MAI	TRANG	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	4.75	2.6	2	
480	140480	022311012314	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4	3.6	4.25	
481	140481	022311000490	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	26/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	1.75	2.8	1.75	
482	140482	022311009612	PHẠM LÊ QUỲNH	TRANG	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	8	6.8	6.5	
483	140483	022311008071	PHẠM THU	TRANG	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	3	3.8	3.75	
484	140484	022311001953	PHÙN THỊ	TRANG	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	4.25	3.2	2.25	
485	140485	022311001217	TẠ NGỌC BẢO	TRANG	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.75	6.2	5	
486	140486	022301010721	TRẦN HUYỀN	TRANG	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.25	2.8	3.25	
487	140487	022311002835	CHÂU THỊ MỸ	TRẮC	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6	3.8	5.25	
488	140488	022311007769	NGUYỄN BẢO	TRÂM	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.5	3	3.75	
489	140489	037311004874	PHẠM BẢO	TRÂM	03/05/2011	Thành phố Đà Nẵng	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.5	3.8	2.5	
490	140490	022311010191	NGUYỄN ĐỖ BẢO	TRÂN	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	4.25	5.4	5.5	
491	140491	022070001922	TRẦN QUANG	VINH	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	3	3.4	1.75	
492	140492	020211006561	LÝ VIỆT	TRIỆU	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	3.5	3.2	2.25	
493	140493	022211012713	VŨ NHƯ	TRỌNG	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6	5.2	4	
494	140494	022311002359	NGUYỄN THANH	TRÚC	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6	3.8	5	
495	140495	022311001174	PHẠM THANH	TRÚC	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.5	2.4	2.5	
496	140496	022211013142	ĐỖ THÀNH	TRUNG	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7.25	3.2	5.25	
497	140497	022211010370	VŨ ANH	TRUNG	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	3.25	4.2	3.5	
498	140498	022211009758	KHỔNG VĂN	TRƯỜNG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.25	3	2.75	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
499	140499	022211010229	HOÀNG TUẤN	TÚ	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4	2.8	1.75	
500	140500	022211008194	NGUYỄN NGỌC	TÚ	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	1	3.4	1.75	
501	140501	022211003580	NGUYỄN TUẤN	TÚ	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	3.5	3.2	4	
502	140502	022211009370	PHẠM TUẤN	TÚ	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	2	4	2.75	
503	140503	022211001679	TRẦN VĂN	TÚ	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5	5.6	3.5	
504	140504	022211002629	HOÀNG VĂN	TUẤN	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5.5	5.6	4.25	
505	140505	022211002594	VƯƠNG QUỐC	TUẤN	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	2.25	3	1	
506	140506	022211007343	LÊ SĨ	TUYỂN	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5	5.2	2.75	
507	140507	022311007344	ĐỖ THỊ	TUYẾT	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	3.25	3.2	1.75	
508	140508	022211003841	NGUYỄN ĐÌNH	TỨ	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5	4.6	5	
509	140509	022311010701	HOÀNG NGỌC CÁT	TƯỜNG	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	2.75	4.8	2.75	
510	140510	022311007562	BÙI TÚ	UYÊN	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	3.5	4	3.75	
511	140511	022311005741	NGUYỄN NHÃ	UYÊN	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7.5	6.2	3.75	
512	140512	022311005827	BÙI PHẠM HẢI	VÂN	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.5	4.2	3.25	
513	140513	022311008056	CHÂU BẢO	VÂN	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4.25	4.6	1.75	
514	140514	022311005303	VŨ HỒNG	VÂN	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	3.75	8	2.5	
515	140515	022311006912	TỪ NGUYỄN TƯỜNG	VI	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	5.75	8	6	
516	140516	022311000023	VŨ HÀ	VI	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.25	4.6	2.75	
517	140517	022211013348	ĐẶNG QUANG	VIỄN	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	6	8.6	7.25	
518	140518	022211013550	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	3	2.8	2.5	
519	140519	022211003570	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chay	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	3.25	2.4	3.75	
520	140520	001211024235	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	10/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	4.25	3.8	2.5	
521	140521	022211012041	LIÊU THẾ	VINH	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.5	5	4.5	
522	140522	031211009767	LƯƠNG THẾ	VINH	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	3.25	2.6	0.75	
523	140523	022211011128	TRẦN TRÍ	VINH	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Hạ Long	Tiếng Anh	4.25	1.8	3.25	

Đơn vị: THPT Hải Đảo (22_HD_014)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
524	140524	022211008407	TRỊNH BẢO	VINH	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6.25	6.8	3	
525	140525	022211012709	TRƯƠNG THẾ	VINH	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6.25	3.4	4.25	
526	140526	022211003890	LƯƠNG HOÀNG	VŨ	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hạ Long	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
527	140527	022211004207	TRƯƠNG QUANG	VŨ	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	5.25	6	5.25	
528	140528	022311010833	ĐÀO MINH	VY	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6	4.2	3.75	
529	140529	022311004308	ĐỖ HÀ	VY	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	5.75	3.8	3.75	
530	140530	022311001075	HOÀNG HÀ	VY	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	7	4.6	3.5	
531	140531	022311007902	NGUYỄN NGỌC HÀ	VY	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	6	4.4	3.75	
532	140532	022311009345	NGUYỄN TRÀ	VY	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hạ Long	Tiếng Anh	5	6	5	
533	140533	022311009652	TÔ THỊ YẾN	VY	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	6.5	3.6	3.25	
534	140534	022311006775	TRẦN ĐỖ TƯỜNG	VY	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	5.25	6.4	4.5	
535	140535	022311004662	TỪ BẢO	VY	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7.25	5.4	4.25	
536	140536	030211006030	NGUYỄN VĂN	XANH	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cái Rồng	Tiếng Anh	2	5.4	2	
537	140537	022310003876	PHẠM THỊ NHƯ	Ý	09/09/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	4	3.8	2.25	
538	140538	022311009532	ĐẶNG THỊ HOÀNG	YẾN	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	7.25	7.4	4.25	
539	140539	022311011703	PHẠM HOÀNG BẢO	YẾN	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Đông Xá	Tiếng Anh	6.25	5.4	3.75	
540	140540	022311001106	TÔ THỊ NGỌC	YẾN	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	5.5	2.6	2.75	
541	140541	022311011445	TRƯƠNG TUỆ	YẾN	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Vạn Yên	Tiếng Anh	3.75	4.8	4.5	

(Danh sách này gồm có 541 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	171001	022211004125	BÙI BÌNH	AN	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	5.4	4	
2	171002	022211014844	BÙI PHÚC	AN	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	4.6	4	
3	171003	022211002234	LÊ ĐỨC	AN	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	7.8	5.75	
4	171004	022311008291	LÊ LINH	AN	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	6	4.75	
5	171005	001311045082	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	26/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	6.6	7.25	
6	171006	022311005457	PHẠM THANH	AN	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	8.4	7.5	
7	171007	022211014839	VŨ BẢO	AN	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	6	5	
8	171008	022211003299	BÙI DUY	ANH	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.75	7.8	4.25	
9	171009	022311010722	BÙI PHƯƠNG	ANH	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	4.8	4.5	
10	171010	022311000905	BÙI QUỲNH	ANH	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	6.8	4.25	
11	171011	022311004047	BÙI VŨ NGỌC	ANH	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.5	6.2	4.25	
12	171012	022211004695	CAO VIỆT	ANH	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	6	2.75	
13	171013	022211011017	DƯƠNG TUẤN	ANH	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	6.8	5.5	
14	171014	034311003426	ĐINH MAI PHƯƠNG	ANH	29/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8	5.6	6.25	
15	171015	022211000362	ĐOÀN HOÀNG TUẤN	ANH	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	7.4	4.5	
16	171016	036211004245	ĐỖ TUẤN	ANH	04/04/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.75	5	3.25	
17	171017	022211002894	LÊ HỒNG	ANH	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	8.8	7.75	
18	171018	038311019694	LÊ THỊ QUỲNH	ANH	03/12/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	8	6.25	
19	171019	022311003286	LƯƠNG QUỲNH	ANH	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4	5.2	3	
20	171020	022311001671	LƯU PHƯƠNG	ANH	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	3.5	5	2.5	
21	171021	034211016483	LƯU QUANG	ANH	22/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	8	5.75	
22	171022	022311010188	MAI THỊ MINH	ANH	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.5	5.2	4.25	
23	171023	022311011369	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	ANH	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	8	6.5	
24	171024	022211011463	NGUYỄN ĐỨC	ANH	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.75	3.6	1.75	
25	171025	022211005128	NGUYỄN HOÀNG	ANH	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	8.8	7.5	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
26	171026	022311006306	NGUYỄN HOÀNG BẢO	ANH	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	9.8	6.25	
27	171027	022311010400	NGUYỄN HOÀNG DIỆP	ANH	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.75	3	3.75	
28	171028	022311006432	NGUYỄN HOÀNG KIỀU	ANH	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8.5	9.4	6.5	
29	171029	022311004709	NGUYỄN NGỌC DIỆP	ANH	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	3	2.75	
30	171030	022311010878	NGUYỄN NGUYỆT	ANH	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.75	5.4	3.5	
31	171031	034311003936	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	24/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.25	8.4	5.75	
32	171032	022311007058	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.75	7	5	
33	171033	022211003431	NGUYỄN QUANG	ANH	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	9.2	4	
34	171034	030311018180	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	21/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	4.2	4.5	
35	171035	022311003358	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	4	4.25	
36	171036	022311010000	NGUYỄN THỊ TRÂM	ANH	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	3.8	1.75	
37	171037	022311012938	NGUYỄN TRÂM	ANH	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	5.4	2.5	
38	171038	022211007052	NGUYỄN VIỆT	ANH	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.5	7.4	4.5	
39	171039	034311005449	NGUYỄN VŨ QUỲNH	ANH	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	6.4	5.25	
40	171040	022311009079	PHẠM CHÂU	ANH	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5	8.2	4.25	
41	171041	022311004900	PHẠM ĐỖ NHƯ QUỲNH	ANH	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	5.2	6.75	
42	171042	022211000846	PHẠM HẢI	ANH	19/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.5	4.2	2	
43	171043	030311018106	PHẠM MAI	ANH	29/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.75	3.4	5.25	
44	171044	022311001794	PHẠM QUỲNH	ANH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.5	8.4	1.25	
45	171045	022211000911	PHẠM TÙNG	ANH	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	6.2	4.25	
46	171046	022211004719	PHẠM VIỆT	ANH	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	4.6	3	
47	171047	022211011737	PHẠM VIỆT	ANH	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.75	3.6	3.25	
48	171048	022311006315	TẠ PHƯƠNG	ANH	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	3.6	4.75	
49	171049	022311007211	TẠ THỊ MỸ	ANH	04/09/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Sán Dìu	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.25	7	4.5	
50	171050	022311003693	TRẦN PHƯƠNG	ANH	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	4.4	1.5	
51	171051	022311009675	TRẦN THỊ TRÚC	ANH	16/10/2011	Thành phố Cần Thơ	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.5	2.2	3.75	
52	171052	034211006681	TRẦN TUẤN	ANH	15/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.75	10	7.5	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
53	171053	036311017230	TRỊNH THỊ VÂN	ANH	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	7.6	4.75	
54	171054	022211005803	TRỊNH VIỆT	ANH	27/12/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.5	3.8	1.75	
55	171055	022211009262	TRƯƠNG TUẤN	ANH	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	4	4.75	
56	171056	022311010176	VŨ NHƯ	ANH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4	4.2	3	
57	171057	022311005217	VŨ QUỲNH	ANH	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	5.2	5.75	
58	171058	022311004239	VY NGỌC	ANH	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.5	5.6	5.25	
59	171059	022311000633	HOÀNG HỒNG	ÁNH	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	4.4	4.25	
60	171060	030311003278	NGUYỄN HỒNG	ÁNH	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	9	6	
61	171061	022311005659	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	4.4	5	
62	171062	022311004474	TÔ THỊ NGỌC	ÁNH	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.75	3.8	5.25	
63	171063	022211014631	VŨ ĐÌNH	ÁNH	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3.5	3.8	2.75	
64	171064	030311010593	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	22/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.25	2.8	4.75	
65	171065	022311007690	TÔ HÀ	ÂN	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	5.2	4.75	
66	171066	022211004913	DƯƠNG TÙNG	BÁCH	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	9.6	7.25	
67	171067	022211007254	LỤC CHÍ	BÁCH	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	3.75	2	2	
68	171068	022211005083	NGUYỄN HOÀNG	BÁCH	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.5	8	5	
69	171069	022211011999	NGUYỄN HOÀNG	BÁCH	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	7.2	4.25	
70	171070	030211000540	NGUYỄN HOÀNG	BÁCH	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	9	5.75	
71	171071	022211004748	NGUYỄN TUẤN	BÁCH	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	0.5	3.8	4	
72	171072	022211011625	QUÁCH HOÀNG XUÂN	BÁCH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	5	4	
73	171073	022211002454	BÙI ĐỨC GIA	BẢO	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	9.4	5	
74	171074	022211011040	ĐÀO GIA	BẢO	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	2.75	2.8	2.5	
75	171075	022211009171	ĐINH GIA	BẢO	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	4.2	4.75	
76	171076	022211006715	ĐỖ THÁI	BẢO	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	7.4	7.25	
77	171077	001211055674	NGÔ MINH	BẢO	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	7.6	7.5	
78	171078	022211010648	PHẠM GIA	BẢO	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	8.8	8.25	
79	171079	034211014566	PHẠM HỒNG DUY	BẢO	07/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	8.8	6.5	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
80	171080	022211002427	PHẠM NGÔ GIA	BẢO	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6	3	4.75	
81	171081	022211011896	TRỊNH GIA	BẢO	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.5	8.8	3.75	
82	171082	030211014204	NGUYỄN NGUYÊN	BẰNG	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	4.8	3.5	
83	171083	022311001574	PHẠM NGỌC	BÍCH	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	7.2	6.5	
84	171084	046211005933	NGÔ THANH	BÌNH	29/10/2011	Thành phố Huế	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	8.6	4.5	
85	171085	022211002881	NGUYỄN THANH	BÌNH	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	3	4.75	
86	171086	022211010812	PHAN THANH	BÌNH	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	2	2.6	2.75	
87	171087	022311011596	CHU BẢO	CHÂM	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7	4.4	6	
88	171088	022311010752	CHU MAI	CHÂM	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	6.4	6	
89	171089	022311002242	PHẠM BẢO	CHÂU	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.75	8.6	7.25	
90	171090	022311003494	DƯƠNG MAI	CHI	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3.5	4.6	4.5	
91	171091	022311008811	DƯƠNG QUỲNH	CHI	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3.75	7.8	4.5	
92	171092	034311002982	ĐÀO QUỲNH	CHI	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2.75	4.6	4.5	
93	171093	022311000831	ĐÀO VŨ TRÚC	CHI	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	3.8	3.5	
94	171094	022311000802	NGUYỄN KHÁNH	CHI	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	4.6	6.5	
95	171095	022311009829	NGUYỄN KHÁNH	CHI	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	4.4	6.5	
96	171096	022311001944	NGUYỄN LINH	CHI	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4	2.8	4.75	
97	171097	022311008122	NGUYỄN LINH	CHI	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	3.4	3	
98	171098	022311002868	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	4.25	2.2	1.5	
99	171099	022311001176	NGUYỄN THỊ QUỲNH	CHI	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
100	171100	022311013098	NGUYỄN YẾN	CHI	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	5.4	3	
101	171101	022311007960	PHẠM LINH	CHI	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	4.4	4.5	
102	171102	022311001776	PHẠM QUỲNH	CHI	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5	4.4	3.25	
103	171103	022311010621	PHÙNG KHÁNH	CHI	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	8	9.8	8	
104	171104	022311006240	TRẦN DIỆP	CHI	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	7.6	7.5	
105	171105	022311004229	TRIỆU THANH	CHÚC	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	4.4	3.75	
106	171106	022211008588	NGUYỄN NGỌC THÀNH	CÔNG	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	4	3.25	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
107	171107	022211007868	VŨ MINH	CƯƠNG	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4	3.4	1.25	
108	171108	022211007080	ĐẶNG MẠNH	CƯỜNG	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.5	9.8	5.75	
109	171109	022211009409	HÀ HUY	CƯỜNG	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	2.75	2.4	2	
110	171110	022211002906	NGUYỄN ĐỨC	CƯỜNG	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.25	5.6	1.75	
111	171111	037211006496	PHẠM TRẦN MINH	CƯỜNG	25/04/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.25	4.2	4.25	
112	171112	022211012435	TRẦN ĐỨC	CƯỜNG	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.25	3.2	3.75	
113	171113	022211006496	TRẦN VŨ MẠNH	CƯỜNG	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	7.4	6	
114	171114	034211005289	VŨ MẠNH	CƯỜNG	08/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	8.8	3.25	
115	171115	022211011610	NGUYỄN MINH	DIỆN	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	8.4	5.25	
116	171116	022311002598	HOÀNG NGỌC	DIỆP	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	6.4	5.5	
117	171117	022311008164	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	7.6	3.5	
118	171118	022311006663	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆP	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.75	4.6	5.5	
119	171119	022311011385	PHẠM NGỌC	DIỆP	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.5	5.6	4.75	
120	171120	022311009054	TRẦN NGỌC	DIỆP	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3.5	5	4	
121	171121	022311004734	TRẦN NGỌC	DIỆP	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3.5	2.4	2	
122	171122	022311005430	VŨ NGỌC	DIỆP	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	7.6	7.5	
123	171123	022311001417	ĐINH THÙY	DUNG	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.75	8.2	8.25	
124	171124	022311008313	LƯU THÙY	DUNG	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4	3.8	2.5	
125	171125	022311006433	VŨ THÙY	DUNG	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	6.6	6	
126	171126	022211004085	HOÀNG ĐỨC	DŨNG	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	3.8	4	
127	171127	022211010690	HOÀNG MINH	DŨNG	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	9.4	9.25	
128	171128	022211003843	NGUYỄN MẠNH	DŨNG	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	4	2.2	1	
129	171129	022211008952	NGUYỄN QUANG	DŨNG	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	8	3.5	
130	171130	022211006886	NGUYỄN QUANG	DŨNG	26/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	4.2	2.5	
131	171131	022211002133	NGUYỄN TẤN	DŨNG	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	4.6	3.75	
132	171132	022211003900	NGUYỄN TUẤN	DŨNG	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	5.8	6.25	
133	171133	022211014713	NGUYỄN XUÂN	DŨNG	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	3.5	6	4	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
134	171134	022211007411	PHẠM ANH	DŨNG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	2.25	3.6	2.75	
135	171135	034211006834	PHẠM ĐÌNH	DŨNG	21/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	5.2	2.5	
136	171136	022211009936	TRẦN MINH	DŨNG	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.25	4.4	2.75	
137	171137	022211007723	TRẦN TRUNG	DŨNG	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	6	5	
138	171138	022211003436	TRƯƠNG MINH	DŨNG	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	5.2	3.25	
139	171139	033211014830	VŨ TẤN	DŨNG	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.5	5.2	4	
140	171140	022211003104	ĐÀO TIẾN	DUY	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	5.2	4.25	
141	171141	022211007247	ĐỖ MINH	DUY	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
142	171142	022211005796	LƯƠNG KHÁNH	DUY	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	4.6	4	
143	171143	022211013005	NGUYỄN ĐỨC	DUY	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	7.2	6.5	
144	171144	033211008464	NGUYỄN PHÚC	DUY	15/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	7.2	4.75	
145	171145	022211002989	NGUYỄN THÀNH	DUY	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.75	4.8	4.25	
146	171146	022211014109	NGUYỄN THÀNH	DUY	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	8.8	5.5	
147	171147	042211010942	THÁI KHÁNH	DUY	02/09/2011	Tỉnh Hà Tĩnh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	3.2	5	
148	171148	022211009162	TRẦN NGUYỄN ANH	DUY	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	7.2	8	
149	171149	022211009542	TRƯƠNG HỘI	DUY	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	4.8	4.25	
150	171150	022211014708	VŨ ĐỨC	DUY	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3	8.6	4.75	
151	171151	034311001939	ĐINH NGỌC	DUYÊN	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8.25	7.8	7.75	
152	171152	022311007411	BÙI THÙY	DƯƠNG	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	9.2	7	
153	171153	022311010386	ĐINH THÙY	DƯƠNG	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	6.4	4.5	
154	171154	022211006209	ĐOÀN THÁI	DƯƠNG	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	6.4	7.75	
155	171155	022211002725	NGUYỄN ĐỨC	DƯƠNG	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	3	2.5	
156	171156	034211003850	NGUYỄN THẾ	DƯƠNG	21/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	6	4.25	
157	171157	022311008287	PHẠM LÊ ÁNH	DƯƠNG	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	8.6	3.25	
158	171158	022311013728	PHẠM THUỲ	DƯƠNG	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	9.6	5	
159	171159	022311003528	PHẠM THÙY	DƯƠNG	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.5	9	8	
160	171160	022211003886	TRẦN ĐỨC	DƯƠNG	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.25	8.2	5.75	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
161	171161	022311010522	TRẦN THÙY	DƯƠNG	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	6	3.5	
162	171162	022211012261	TRẦN TRỌNG	DƯƠNG	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	6.4	2.75	
163	171163	022211004628	BÙI MINH	ĐAN	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.75	9	3.5	
164	171164	022211007118	BÀNG THÀNH	ĐẠT	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.5	4	1.25	
165	171165	022211000136	DƯƠNG THÀNH	ĐẠT	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	9.4	8.25	
166	171166	022211010434	ĐẶNG NGUYÊN	ĐẠT	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	0.5	4.8	4.75	
167	171167	022211005158	NGUYỄN DANH	ĐẠT	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	6.2	5.5	
168	171168	022211005818	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	7	5.25	
169	171169	022211012696	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	5.4	4	
170	171170	033211007795	PHẠM THÀNH	ĐẠT	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	5.8	6	
171	171171	022211009725	PHẠM TIẾN	ĐẠT	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	8.2	6	
172	171172	022211012202	VŨ THÀNH	ĐẠT	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.75	7.6	4.25	
173	171173	022311013663	ĐOÀN NGỌC	ĐIỆP	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.75	6.2	4	
174	171174	022211002485	HOÀNG ĐỨC	ĐỘ	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	2.5	3	3.25	
175	171175	022210007752	DIỆP HỮU	ĐỨC	07/11/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.75	3	1.75	
176	171176	022211002409	ĐẶNG NGUYÊN	ĐỨC	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1.75	3.2	3	
177	171177	022211008419	ĐOÀN MINH	ĐỨC	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	4.8	3.5	
178	171178	022211000742	HOÀNG MINH	ĐỨC	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3	5	4.25	
179	171179	022211003610	HOÀNG MINH	ĐỨC	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	5	7.5	
180	171180	022211008538	LÊ MINH	ĐỨC	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	3.4	6	
181	171181	022211011602	LÊ VIỆT	ĐỨC	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	2.8	2	
182	171182	022211014116	LƯƠNG MINH	ĐỨC	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.5	5.2	3.5	
183	171183	022211010404	NGUYỄN TRỌNG	ĐỨC	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	4.4	2.5	
184	171184	022211005103	PHẠM MINH	ĐỨC	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	9.2	6.25	
185	171185	022211006778	PHẠM XUÂN	ĐỨC	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.75	6.6	4.25	
186	171186	033211014997	SÁI MẠNH	ĐỨC	27/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	8.6	6	
187	171187	022211009229	TRẦN TRUNG	ĐỨC	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	5.2	5	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
188	171188	030211001481	VŨ MINH	ĐỨC	14/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	4.6	7	
189	171189	037311002092	AN HƯƠNG	GIANG	18/07/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	4	2.25	
190	171190	022311011414	CAO HƯƠNG	GIANG	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.25	2.6	6.25	
191	171191	022311004896	ĐOÀN NGUYỄN HOÀI	GIANG	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.75	5.2	2.75	
192	171192	022211013660	ĐỖ TRƯỜNG	GIANG	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	3	3	
193	171193	022311013619	HÀ THỊ BẮC	GIANG	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7	3.4	4.25	
194	171194	022311004366	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	5.6	3.5	
195	171195	022311013655	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	7.2	3.5	
196	171196	022311013071	TRƯƠNG HƯƠNG	GIANG	07/05/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	4.8	2.5	
197	171197	037311000395	ĐÀO NGÂN	HÀ	27/10/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	4.4	4.5	
198	171198	022311010561	HOÀNG NGỌC	HÀ	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	3.6	3.75	
199	171199	022311006284	LÊ BẢO	HÀ	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	4	4	
200	171200	022311002071	LÊ NGỌC	HÀ	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	9.2	6	
201	171201	022211003910	NGUYỄN ĐÌNH THÁI	HÀ	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	4.2	5	
202	171202	022311010496	NGUYỄN MINH	HÀ	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	7.8	4.5	
203	171203	022311000836	NGUYỄN THÁI	HÀ	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	2.4	4	
204	171204	022311001407	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÀ	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.75	7.2	4.25	
205	171205	034311019544	PHẠM NGÔ NGỌC	HÀ	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	3.4	4	
206	171206	022311005464	TRẦN THU	HÀ	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.25	7.2	4.5	
207	171207	022311004905	TRẦN THU	HÀ	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	8.8	6	
208	171208	022211004694	NGUYỄN MINH	HẢI	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	3.6	6.75	
209	171209	036211007028	NGUYỄN THANH	HẢI	17/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4	8.6	8	
210	171210	022211010495	PHẠM THANH	HẢI	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.25	3.6	3.5	
211	171211	022311005537	HOÀNG HỒNG	HẠNH	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8.25	9.4	6	
212	171212	022311011897	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HẠNH	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.75	8.2	6.25	
213	171213	022311005134	DƯƠNG THỊ DIỆU	HẰNG	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.5	4.6	5	
214	171214	022311003516	ĐOÀN MINH	HẰNG	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.75	9	5.5	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
215	171215	022311012124	ĐỖ THANH	HẰNG	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.5	8.6	5.25	
216	171216	022311008975	ĐỖ THỊ ÁNH	HẰNG	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5	4.6	3.25	
217	171217	022311012848	HÀ MINH	HẰNG	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	4.8	3.5	
218	171218	022311006155	LƯƠNG THÚY	HẰNG	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	6.6	4.75	
219	171219	022311001877	NGÔ THANH	HẰNG	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.25	8.8	4	
220	171220	022311008837	NGUYỄN THANH	HẰNG	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5	2.6	4.25	
221	171221	022311010678	PHẠM MINH	HẰNG	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	4.8	4	
222	171222	022311009757	PHẠM THỊ MINH	HẰNG	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8	6	5.25	
223	171223	022311004399	VŨ MINH	HẰNG	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	3.6	3.5	
224	171224	022311005059	BÙI NGỌC	HÂN	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	1.25	3	3	
225	171225	027311000428	ĐÀO GIA	HÂN	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5	8	4	
226	171226	022311001920	ĐINH GIA	HÂN	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.75	8.2	7	
227	171227	022311008616	HOÀNG GIA	HÂN	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	3.4	2.75	
228	171228	022311001847	LÊ GIA	HÂN	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	8.2	5.5	
229	171229	022311011191	NGUYỄN BẢO	HÂN	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.5	9.2	4.25	
230	171230	022311012347	NGUYỄN BẢO	HÂN	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	6.8	4	
231	171231	022311011808	TRẦN NGỌC	HÂN	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	6.6	6.75	
232	171232	022311009182	BÙI THẢO	HIỀN	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	5.8	6.25	
233	171233	022311013683	BÙI THỊ THU	HIỀN	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8	6.4	8.75	
234	171234	022211006754	ĐỖ TUẤN	HIỀN	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.25	8.2	5	
235	171235	022311002559	NGUYỄN BẢO	HIỀN	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	6.6	6.5	
236	171236	033211008367	LÊ HỒNG	HIẾU	18/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	5	8.2	8	
237	171237	001211029911	LÊ MINH	HIẾU	28/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3.25	2.6	2.25	
238	171238	022211002507	LÊ TRUNG	HIẾU	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	4.8	5.5	
239	171239	022211009614	LÊ TRUNG	HIẾU	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	5.4	5.5	
240	171240	022211014015	NGUYỄN MẠNH	HIẾU	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.75	4.8	3.75	
241	171241	022211008197	NGUYỄN MINH	HIẾU	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	8.8	6.75	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
242	171242	022211010568	NGUYỄN MINH	HIẾU	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	2.6	2.75	
243	171243	022211001662	NGUYỄN MINH	HIẾU	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	4.4	2.25	
244	171244	022211013019	NGUYỄN MINH	HIẾU	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	8.8	6.75	
245	171245	022211010942	PHẠM TRUNG	HIẾU	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	8.6	8	
246	171246	022211003316	VŨ CÔNG	HIẾU	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	6	5.25	
247	171247	022211005410	VŨ QUÝ	HIẾU	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	6.6	6.25	
248	171248	022311004988	PHẠM NHƯ	HOA	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	6.4	6.5	
249	171249	022211003585	NGUYỄN ĐỨC	HOÀ	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	4.8	3.25	
250	171250	034311015638	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HÒA	25/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	7.2	4.75	
251	171251	022211012683	PHẠM TRỌNG	HÒA	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	4	1.25	
252	171252	022311004907	LÀNH THỊ	HOÀI	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	3.25	3.8	1.75	
253	171253	022311009801	TRẦN MINH	HOÀI	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	6.6	5.5	
254	171254	022211003114	TRẦN TẤT	HOAN	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	6.8	4.5	
255	171255	022211008787	BÙI LÊ	HOÀNG	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	7.6	4.75	
256	171256	022211002292	CHU VIỆT	HOÀNG	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.5	7.4	6	
257	171257	022211001684	LÊ ĐỨC HUY	HOÀNG	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	4.2	6.75	
258	171258	022211009008	LÊ	HOÀNG	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
259	171259	022211010056	LÊ TRẦN	HOÀNG	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8	9.4	9	
260	171260	022211006536	HOÀNG MẠNH	HÙNG	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.5	8.8	6.25	
261	171261	022211001464	HOÀNG PHI	HÙNG	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	2.5	2.8	1.75	
262	171262	026211005563	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	15/09/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	7.8	8.5	
263	171263	022211005761	VŨ	HÙNG	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.25	9.4	7.75	
264	171264	030211007500	BÙI DUY LÊ	HUY	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	5.8	4	
265	171265	022211009860	ĐÀO QUANG	HUY	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.25	4.6	5	
266	171266	022211001397	ĐOÀN THÁI	HUY	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	7.8	4.75	
267	171267	022211011872	HÀ GIA	HUY	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	2.8	3.75	
268	171268	022211004096	HÀ VĨNH	HUY	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.5	6.4	6	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
269	171269	022211013255	HOÀNG MINH	HUY	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.5	8.6	6	
270	171270	022211006794	KHIẾU GIA	HUY	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	4.8	2.25	
271	171271	030211000555	LÊ THẾ	HUY	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	7.6	5.25	
272	171272	022211000790	NGÔ GIA	HUY	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	1.25	3	0.5	
273	171273	022211000821	NGUYỄN GIA	HUY	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.25	4.8	2.5	
274	171274	022211012160	NGUYỄN MINH	HUY	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5	3	4	
275	171275	022211002886	PHẠM GIA	HUY	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	8	4.25	
276	171276	022211006973	PHẠM MINH	HUY	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	7.6	5	
277	171277	022211000648	PHẠM NHẬT	HUY	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	8.6	7.5	
278	171278	022211002703	PHẠM QUỐC	HUY	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	7.6	4.25	
279	171279	022211014676	TÔ QUANG	HUY	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3.5	5	0.75	
280	171280	022211009887	TRẦN NGỌC	HUY	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	8.6	7.5	
281	171281	022211010938	VŨ GIA	HUY	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.75	3.6	3.5	
282	171282	022311010859	DƯƠNG THANH	HUYỀN	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	7.2	6.5	
283	171283	022311006605	ĐỖ MINH	HUYỀN	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	3.8	3.5	
284	171284	022311004299	ĐỖ THU	HUYỀN	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	5.8	4.25	
285	171285	022311005836	HÀ MINH	HUYỀN	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	2.75	3.4	1.25	
286	171286	022311001321	KHỔNG THU	HUYỀN	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.5	2.8	2	
287	171287	022311000811	LÊ THU	HUYỀN	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	6.4	4.5	
288	171288	022311001401	LƯU THỊ KIM	HUYỀN	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	9.2	5.25	
289	171289	022311001838	NGUYỄN DIỆU	HUYỀN	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8.25	6.6	5.5	
290	171290	022311012284	NGUYỄN THANH	HUYỀN	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.25	7.2	4.5	
291	171291	022311005950	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	7.4	7.5	
292	171292	030311000504	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	22/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	3.4	5.25	
293	171293	022311012600	TÔ KHÁNH	HUYỀN	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	4.4	0.5	
294	171294	022311009937	TRẦN MINH	HUYỀN	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	8.6	4.25	
295	171295	022311000830	VŨ THANH	HUYỀN	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8	6.2	7	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
296	171296	022211005958	BÙI TUẤN	HƯNG	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	2.5	6.4	1.75	
297	171297	022211014726	ĐỖ GIA TUẤN	HƯNG	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	4.2	2.75	
298	171298	022211007523	HÀ QUANG	HƯNG	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	6	5.25	
299	171299	022211002451	HOÀNG NGUYỄN TUẤN	HƯNG	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.5	7.2	5.5	
300	171300	022211014727	LÊ GIA	HƯNG	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	8	4.75	
301	171301	022211012733	NGUYỄN DUY	HƯNG	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	4.4	4.5	
302	171302	022211014643	NGUYỄN KHÁNH	HƯNG	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4	3	3.5	
303	171303	022211012859	NGUYỄN THỊNH	HƯNG	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.25	3.4	1.5	
304	171304	022211007727	NGUYỄN VŨ	HƯNG	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	6.6	5	
305	171305	022311011857	CAO LAN	HƯƠNG	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	4.6	4.25	
306	171306	022311010831	PHẠM QUỲNH	HƯƠNG	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	8.25	9	8.25	
307	171307	022311006039	PHẠM THỊ VÂN	HƯƠNG	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.75	6.4	4.75	
308	171308	022311002823	TRẦN QUỲNH	HƯƠNG	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.25	3.8	1	
309	171309	030311004508	ĐẶNG THỊ THU	HƯỜNG	12/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.25	3.2	2	
310	171310	022211010701	NGUYỄN ĐỨC	HƯỜNG	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	3.75	2	3	
311	171311	022211008915	NGUYỄN THẾ	KHẢI	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	9.2	7	
312	171312	022211011374	ĐINH BẢO	KHANG	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	8.4	7.25	
313	171313	022211008009	ĐỖ HỮU MINH	KHANG	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.25	4.2	5	
314	171314	034211010294	TẠ MINH	KHANG	16/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	4.8	4.75	
315	171315	022311008631	PHẠM VÂN	KHANH	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	3.8	4.25	
316	171316	022211007784	TỐNG DUY	KHANH	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	4.6	3.5	
317	171317	022211012608	BÙI GIA	KHÁNH	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.75	5.8	4	
318	171318	022211007127	DƯƠNG GIA	KHÁNH	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.25	8.8	7.75	
319	171319	022211003897	ĐẶNG GIA	KHÁNH	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.75	3.8	2.25	
320	171320	022211009353	ĐẶNG NGỌC	KHÁNH	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.5	7.2	4.25	
321	171321	022211004933	HOÀNG TRUNG	KHÁNH	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	5.75	7.8	5	
322	171322	022211014111	NGUYỄN NAM	KHÁNH	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	7.2	3.75	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
323	171323	022211007295	PHẠM NAM	KHÁNH	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	7.4	6.75	
324	171324	022211014772	TRẦN MINH	KHÁNH	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	7.6	5.25	
325	171325	030211015171	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4	2.2	1	
326	171326	022211002548	VŨ ANH	KHÔI	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3.75	3.6	1.75	
327	171327	022211009130	VŨ NHẬT	KHÔI	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	8.2	4.5	
328	171328	022211001878	MAI THÀNH	KIÊN	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	6.6	5	
329	171329	022211007926	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	6.8	7.5	
330	171330	036211017356	NGUYỄN XUÂN	KIÊN	29/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	4.6	4.25	
331	171331	030211004395	VŨ ĐỨC	KIÊN	26/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	4.4	5.5	
332	171332	022211011907	LƯƠNG TUẤN	KIỆT	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	2.75	2.2	2.75	
333	171333	022211000145	LÝ ANH	KIỆT	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
334	171334	034211003721	PHẠM QUANG	KIỆT	01/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	7	4.75	
335	171335	022211000781	TỪ TUẤN	KIỆT	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3.5	2.8	2.25	
336	171336	022211006303	VŨ ANH	KIỆT	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.75	6.6	3.25	
337	171337	022311002620	NGHIÊM BẢO	LAM	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	5	4	
338	171338	022311010357	ĐỖ TRẦN MAI	LAN	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	7.6	5	
339	171339	030311018531	PHẠM THỊ HƯƠNG	LAN	10/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	7.8	7	
340	171340	022311003704	TRẦN NGUYỄN MAI	LAN	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	6.4	5	
341	171341	022211010736	CAO HOÀNG	LÂM	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3	3	1	
342	171342	022211012646	DƯƠNG TÙNG	LÂM	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	3.6	1	
343	171343	022211009181	HOÀNG TÙNG	LÂM	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	5.6	6.5	
344	171344	022211012514	LÊ MẠNH	LÂM	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.75	5.4	4	
345	171345	075311018982	LƯƠNG THỊ NGỌC	LÂM	20/06/2011	Thành phố Đồng Nai	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	8.25	6.8	5.75	
346	171346	022211009713	LƯƠNG TÙNG	LÂM	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	5.25	8	5.75	
347	171347	030211008102	NGUYỄN CẢNH	LÂM	30/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	8.8	5.5	
348	171348	022211000871	PHẠM HẢI	LÂM	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.5	5.2	5	
349	171349	022211005855	PHẠM TÙNG KHÁNH	LÂM	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	7	3.5	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
350	171350	022311011909	TẠ TÂN TUỆ	LÂM	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8.25	7	4.75	
351	171351	034311010332	TRẦN THỊ TUYẾT	LÂM	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	4.2	7.5	
352	171352	022211009733	VŨ HOÀNG	LÂM	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6	6.4	5	
353	171353	030211118317	NGUYỄN PHẠM NGỌC	LÂN	18/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	3.4	2.5	
354	171354	036311018869	BÙI HÀ	LINH	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	7	5.5	
355	171355	022311002377	CAO TÙNG	LINH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	4.6	3.5	
356	171356	022311012485	CHU HOÀNG	LINH	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	7.6	6.5	
357	171357	022311000165	DƯƠNG KHÁNH	LINH	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.5	6.6	5.25	
358	171358	022311002459	DƯƠNG THỊ THÙY	LINH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	4	3.8	3	
359	171359	022311010395	HÀ BÙI PHƯƠNG	LINH	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.25	7.8	6.5	
360	171360	022311005545	LÊ HÀ	LINH	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	7.8	5.75	
361	171361	030211118280	LÊ VŨ HOÀNG	LINH	06/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	10	7.25	
362	171362	022311002211	LÙ UYÊN	LINH	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.25	4.6	5.5	
363	171363	022311008234	LƯU KHÁNH	LINH	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5	4.6	4	
364	171364	022311009947	MAI DIỆU	LINH	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	6.8	6.25	
365	171365	022311013654	NGUYỄN BÙI KHÁNH	LINH	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.75	5.2	4.25	
366	171366	022311004494	NGUYỄN DIỆU	LINH	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8.75	7.8	6.25	
367	171367	022311006692	NGUYỄN HÀ	LINH	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.5	4.6	3.5	
368	171368	022311010189	NGUYỄN HÀ	LINH	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	9.6	6.5	
369	171369	022311007402	NGUYỄN KHÁNH	LINH	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	4.4	2.25	
370	171370	022311010150	NGUYỄN NGỌC BẢO	LINH	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	3.75	5.8	2.25	
371	171371	022311006081	NGUYỄN NGỌC	LINH	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	8.4	6.5	
372	171372	034311007242	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	6	3.75	
373	171373	022311002597	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	6.6	5	
374	171374	022311005106	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	3.75	3.2	1.5	
375	171375	022311001443	NGUYỄN THẢO	LINH	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	5.4	3.5	
376	171376	033311004704	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	3.4	4.25	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
377	171377	036311006889	NGUYỄN THỊ	LINH	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8.5	6.2	8	
378	171378	022311011214	NGUYỄN THỊ TUỆ	LINH	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3.75	5.2	4.25	
379	171379	022311010541	NGUYỄN THÙY	LINH	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	8.6	5.5	
380	171380	022311009982	NGUYỄN VŨ KHÁNH	LINH	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	3.4	2	
381	171381	034311005114	PHẠM KHÁNH	LINH	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.5	8.8	3.25	
382	171382	022311001866	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	3.75	2.4	1.25	
383	171383	022311005367	PHẠM TRÚC	LINH	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3.25	4.4	1.75	
384	171384	022311010005	PHẠM VY	LINH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	9	7	
385	172001	022311012769	TRẦN KHÁNH	LINH	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	9.4	6	
386	172002	022311013653	TRẦN PHƯƠNG	LINH	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	4.4	4.25	
387	172003	034311000288	TRẦN PHƯƠNG	LINH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	5.2	7	
388	172004	022311004347	TRẦN YẾN	LINH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	5.8	3	
389	172005	022311004618	TRỊNH GIA	LINH	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	4.8	2	
390	172006	022311009648	VŨ DIỆU	LINH	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	4	3	
391	172007	022311011144	VŨ NHẬT	LINH	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.5	5.4	2	
392	172008	022311004775	DƯƠNG BÍCH	LOAN	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.75	4.6	5.25	
393	172009	022211003459	BÙI THÀNH	LONG	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	4	6	
394	172010	022211011647	ĐINH THIỆN	LONG	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	8.8	5	
395	172011	022211002763	ĐỖ HOÀNG	LONG	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	9.2	7.25	
396	172012	030211000533	LÊ GIA	LONG	20/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	3.75	4.8	3.75	
397	172013	022211000989	NGUYỄN ĐỨC	LONG	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5	5.6	3.75	
398	172014	022211002201	NGUYỄN HẢI	LONG	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.25	3.8	2.75	
399	172015	022211003885	NGUYỄN HẢI	LONG	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5	5.4	3.25	
400	172016	022211007608	NGUYỄN PHẠM BẢO	LONG	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	3.25	6.4	5.25	
401	172017	022211002488	PHẠM PHI	LONG	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	8	8.5	
402	172018	031211017510	LÂM TIẾN	LỘC	18/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	7.2	7.75	
403	172019	034211002325	PHẠM TIẾN	LỘC	12/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.25	5.8	4.25	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
404	172020	022211001041	TÔ ĐỨC	LƯƠNG	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.25	3.2	0.75	
405	172021	036311013222	ĐINH KHÁNH	LY	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4	2.2	1	
406	172022	022311000860	ĐOÀN THẢO	LY	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	8	7.2	5	
407	172023	036311006543	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8.5	6.8	6	
408	172024	022311013015	VŨ PHẠM HẢI	LY	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.25	7.4	4.75	
409	172025	022311001849	ĐẶNG ĐIỆP TRÚC	MAI	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.75	8	7.25	
410	172026	022311010543	LẠI QUỲNH	MAI	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	2.2	5.5	
411	172027	022311005244	NGUYỄN NGỌC	MAI	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	4.8	4.75	
412	172028	022311012245	NGUYỄN QUỲNH	MAI	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	8.6	5.25	
413	172029	022311003429	PHẠM TUYẾT	MAI	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	4.2	4.5	
414	172030	022311013730	NGUYỄN HÀ	MI	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.5	6.4	5	
415	172031	022211001753	BÙI ĐỨC	MINH	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5	4.4	5	
416	172032	022211004017	BÙI TUẤN	MINH	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.5	7	4.5	
417	172033	022211013211	DƯƠNG TẤN	MINH	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4	6.6	4.5	
418	172034	022211008126	ĐỖ HOÀNG	MINH	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	8	8	
419	172035	038211021146	HOÀNG LÊ BẢO	MINH	22/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.25	6.6	6.75	
420	172036	034211014283	LẠI NGỌC NHẬT	MINH	27/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	8.8	7.25	
421	172037	022211007350	LẠI NHẬT	MINH	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	8.2	7.25	
422	172038	022211010031	LÊ TUẤN	MINH	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4	5.4	3	
423	172039	022211003004	NGUYỄN CÔNG	MINH	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3.25	8.2	5.5	
424	172040	022211013341	NGUYỄN ĐỨC	MINH	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	8.4	8.25	
425	172041	022211009031	NGUYỄN THẮNG	MINH	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	8.4	5.75	
426	172042	033211010392	NGUYỄN TUẤN	MINH	03/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	8.6	8	
427	172043	022211005831	NGUYỄN VŨ	MINH	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	5.6	5.5	
428	172044	022211004176	PHẠM HỒNG	MINH	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	8.5	7.6	8	
429	172045	022311010513	PHẠM THÙY	MINH	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	9.2	6.75	
430	172046	033211006421	PHAN CÔNG	MINH	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.75	9.4	4	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
431	172047	022211001728	PHÙNG KHÁNH	MINH	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	7.8	2.75	
432	172048	022211000815	TRẦN ĐỨC	MINH	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	3.8	3.25	
433	172049	022211011675	TRẦN LƯU HẢI	MINH	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	9.4	7.25	
434	172050	034211001196	TRẦN QUANG	MINH	06/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	4.8	6.5	
435	172051	022211001294	TRƯƠNG HOÀNG	MINH	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5	6.4	4.5	
436	172052	022311005136	BÙI HÀ	MY	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	7.4	3.75	
437	172053	022311005828	ĐỒNG THỊ HÀ	MY	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.5	4.6	1	
438	172054	022311012335	HOÀNG THẢO	MY	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	8	6.5	
439	172055	022311006859	NGÔ THỊ TRÀ	MY	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	6.4	3.5	
440	172056	034311005413	NGUYỄN NGỌC TRÀ	MY	20/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	8.8	3.25	
441	172057	022311004999	NGUYỄN NGỌC TRÀ	MY	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	8.2	7	
442	172058	022311004181	NGUYỄN PHẠM HÀ	MY	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	5	2.5	
443	172059	022311004768	PHẠM HÀ	MY	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	1	3.6	2.5	
444	172060	022311003732	PHẠM HÀ	MY	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	8.6	7.25	
445	172061	022311010412	PHẠM NGỌC HÀ	MY	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	8.75	10	6.5	
446	172062	022211007331	DƯƠNG NHẬT	NAM	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	3.8	3.5	
447	172063	022211002644	ĐÀO BẢO	NAM	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4	8.6	5.25	
448	172064	022211002563	NGUYỄN BẢO	NAM	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	8.8	5.75	
449	172065	022211013434	NGUYỄN BẢO	NAM	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.25	6.4	3	
450	172066	022211011146	NGUYỄN HẢI	NAM	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	4.25	3.8	3	
451	172067	022211000098	NGUYỄN NHẬT	NAM	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	2.75	6.4	0.5	
452	172068	022211010887	NGUYỄN THÀNH	NAM	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.25	7.6	6.5	
453	172069	022211007807	NGUYỄN TIẾN	NAM	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	7.6	6	
454	172070	022211014112	PHẠM NHẬT	NAM	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	5.6	2	
455	172071	022211004833	TỐNG DUY	NAM	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	7.2	5.25	
456	172072	001211050629	TRẦN HOÀNG BẢO	NAM	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	7	7.5	
457	172073	022211008991	TRỊNH HOÀI	NAM	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	9.8	8.75	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
458	172074	022211001870	VŨ HOÀI	NAM	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	9.8	6.5	
459	172075	022211010598	VŨ PHƯƠNG	NAM	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.5	4.8	4.75	
460	172076	022211007276	VŨ QUÝ NHẬT	NAM	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.5	6.2	3	
461	172077	030311002871	NGUYỄN QUỲNH	NGA	14/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	5.4	7.5	
462	172078	022311008474	HÀ THU	NGÂN	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	5.8	4.5	
463	172079	022311007993	NGÔ THỊ BẢO	NGÂN	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	1.75	5.6	0.75	
464	172080	022311010652	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	26/06/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	6.4	4	
465	172081	038311022135	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	18/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	9.2	5.5	
466	172082	022311003409	TRƯƠNG CẨM	NGÂN	16/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ	Sán Dìu	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	5.4	3	
467	172083	022311004698	VŨ PHƯƠNG	NGÂN	29/12/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	4.6	1	
468	172084	022211010811	NGUYỄN MINH	NGHĨA	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	4.75	7	4.5	
469	172085	020211000365	PHAN HOÀNG	NGHĨA	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Nùng	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	7.8	3.25	
470	172086	022211008757	TRẦN ĐẠI	NGHĨA	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	6.2	6.25	
471	172087	001211015607	TRẦN VIẾT TRUNG	NGHĨA	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	6.6	5.25	
472	172088	022211001653	TRƯƠNG MINH	NGHĨA	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.75	5.2	3.75	
473	172089	022211003780	VƯƠNG GIA	NGHĨA	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	5.4	4.75	
474	172090	036211010974	ĐÀM VĨNH	NGỌC	25/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam	Nùng	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.5	9.2	6.5	
475	172091	036311007362	ĐOÀN THỊ ÁNH	NGỌC	22/02/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8	6.4	5.75	
476	172092	022311004139	HÀ BÍCH	NGỌC	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	4.75	4	3.25	
477	172093	022311000749	HOÀNG BẢO	NGỌC	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	4.8	3.5	
478	172094	022311001352	LÊ BẢO	NGỌC	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	6.8	6.5	
479	172095	022311013011	LÊ KHÁNH	NGỌC	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	8	5.8	5.5	
480	172096	022311003281	NGÔ BẢO	NGỌC	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	4	3.5	
481	172097	022311006558	NGUYỄN BẢO	NGỌC	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	3.8	5	
482	172098	022311007032	NGUYỄN BẢO	NGỌC	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	3.2	2.5	
483	172099	022311000782	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	5.8	4.5	
484	172100	022311002309	NGUYỄN MAI	NGỌC	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	7.4	7.25	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
485	172101	022311006822	NGUYỄN MINH	NGỌC	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.75	3.4	0.5	
486	172102	022311004765	PHẠM DƯƠNG KHÁNH	NGỌC	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	6.4	6.25	
487	172103	022311002855	PHẠM ĐỖ BẢO	NGỌC	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	9	9	
488	172104	022311004665	PHẠM MINH	NGỌC	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8	6.8	6.5	
489	172105	022311008439	TRỊNH HÀ	NGỌC	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.5	4.2	2.75	
490	172106	022311002346	VŨ HỒNG	NGỌC	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.25	3.4	0.25	
491	172107	022311005064	VŨ QUỲNH	NGỌC	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	6.6	5	
492	172108	022211010273	CAO BẢO	NGUYÊN	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	4.4	3.5	
493	172109	022211013481	ĐINH BẢO	NGUYÊN	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	7	5.5	
494	172110	030311007324	ĐỖ THỊ THẢO	NGUYÊN	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	6	5.5	
495	172111	022311003174	NGUYỄN THẢO	NGUYÊN	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	5.4	4.25	
496	172112	022211002729	VŨ HOÀNG	NGUYÊN	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	7.2	5.25	
497	172113	022311005976	NGUYỄN ÁNH	NGUYỆT	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	4.8	3.25	
498	172114	022311010837	NGUYỄN LÂM	NHÃ	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	8	9.8	7.25	
499	172115	022311013647	PHAN THỊ	NHÀN	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8.25	8.2	8	
500	172116	022311009252	TẠ THỊ THANH	NHÀN	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	1.6	1.5	
501	172117	034211005203	PHAN ĐĂNG THIỆN	NHÂN	04/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	5	4.5	
502	172118	022211003334	TRẦN THIỆN	NHÂN	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4	5.2	2.75	
503	172119	022211011678	VŨ ĐỨC	NHÂN	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	8.6	8.5	
504	172120	022211005954	VƯƠNG VŨ	NHÂN	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	7.8	4.75	
505	172121	022211010395	LÊ MINH	NHẬT	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	4.2	2.5	
506	172122	022211002915	NGUYỄN ĐĂNG	NHẬT	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.75	9.4	8	
507	172123	022311000179	BÙI LÊ HƯƠNG	NHI	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.75	5.4	4.25	
508	172124	022311007467	BÙI PHƯƠNG	NHI	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	10	7.25	
509	172125	022311011952	BÙI YẾN	NHI	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	6.4	3	
510	172126	022311010302	ĐÀO NGỌC YẾN	NHI	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	8.8	6	
511	172127	022311006390	ĐÀO YẾN	NHI	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.75	2	4.5	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
512	172128	030311009854	ĐOÀN YẾN	NHI	16/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	3.8	2.75	
513	172129	022310010742	HÀ NGỌC	NHI	26/10/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	1	3.6	2	
514	172130	022311005728	LÝ UYÊN	NHI	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.75	6.8	5.5	
515	172131	022311008620	NGÔ NGUYỄN NGỌC	NHI	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	2.8	2.25	
516	172132	034311006091	NGUYỄN ĐÀO YẾN	NHI	11/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.25	4.8	4.25	
517	172133	024311015256	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	06/08/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ	Cao Lan	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.75	5.6	5.5	
518	172134	036311001943	PHẠM THỊ YẾN	NHI	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	4.8	4.75	
519	172135	022311009959	TÔ YẾN	NHI	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	4.6	4	
520	172136	022311011696	TRẦN ĐỖ PHƯƠNG	NHI	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	4	1.5	
521	172137	022311005663	TRẦN YẾN	NHI	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8.5	7.6	7.75	
522	172138	036311017539	TRẦN YẾN	NHI	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	2.4	3.25	
523	172139	022311005005	TRẦN YẾN	NHI	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	8.6	7.25	
524	172140	022311011816	TRỊNH BẢO	NHI	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	8.4	6.75	
525	172141	036311015016	VŨ ĐỖ YẾN	NHI	02/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	6.8	6.25	
526	172142	022311004663	VŨ YẾN	NHI	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	4.2	3	
527	172143	022211001028	VŨ THẾ	NHIÊN	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	3.25	4.6	2.75	
528	172144	022311008090	CAO THỊ HỒNG	NHUNG	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	4.4	4.75	
529	172145	022311008031	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	8.6	6	
530	172146	022311001701	TRẦN HOÀNG GIA	NHƯ	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	4.8	3.75	
531	172147	022211009779	ĐỖ HẢI	NINH	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.75	4.2	1.25	
532	172148	022211007265	PHẠM MINH	PHI	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.25	5.6	5	
533	172149	022211002167	ĐẶNG HOÀNG	PHONG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	6	4.75	
534	172150	022211008248	ĐẶNG THANH	PHONG	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5	4.6	5	
535	172151	022211001869	ĐẶNG TUẤN	PHONG	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.5	5.8	5	
536	172152	008211000286	ĐỖ VŨ	PHONG	29/11/2011	Tỉnh Tuyên Quang	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.5	7.4	9	
537	172153	022211013561	HOÀNG HẢI	PHONG	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4	5	5.75	
538	172154	022211009589	LÊ ĐỨC	PHONG	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	3.6	4	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
539	172155	022211009903	LÊ NAM	PHONG	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	5	7	
540	172156	022211010785	LỤC TIẾN	PHONG	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	3.2	2.5	
541	172157	022210009099	NGUYỄN ĐÌNH	PHONG	18/11/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.5	4.6	2.5	
542	172158	022211009077	NGUYỄN THẾ	PHONG	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	6.4	4.75	
543	172159	022211003437	TẠ KHẢI	PHONG	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	6.8	7	
544	172160	022211000843	TRẦN GIA	PHONG	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	7.6	7	
545	172161	022211012376	TRẦN NGUYỄN HẢI	PHONG	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	3.5	7.8	3.75	
546	172162	022211000857	TRƯƠNG NAM	PHONG	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.5	4.8	2.75	
547	172163	022211013960	BÙI MINH	PHÚ	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	9	5.25	
548	172164	022211012124	HÀ GIA	PHÚ	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.25	8.6	3.5	
549	172165	022211008337	HOÀNG GIA	PHÚ	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	7.2	5.25	
550	172166	022211008104	HOÀNG NGỌC	PHÚ	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	7.8	3.75	
551	172167	022211014779	NGUYỄN HƯNG	PHÚ	15/03/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.5	6.6	5	
552	172168	022211008318	PHẠM ĐẠI	PHÚ	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	4.4	6	
553	172169	036211009644	VŨ ĐÌNH MINH	PHÚ	12/08/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.5	4.8	4	
554	172170	022211006790	VŨ ĐỨC	PHÚ	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	4.75	5.2	2.5	
555	172171	022211014693	BÙI BÁ GIA	PHÚC	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	9	6.75	
556	172172	022211005470	BÙI ĐÌNH	PHÚC	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	4.8	3.75	
557	172173	022211008763	DƯƠNG HỒNG	PHÚC	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.75	7.6	4	
558	172174	022211004110	NGUYỄN ĐỨC	PHÚC	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	4	4	
559	172175	022211004945	PHẠM MINH	PHÚC	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	6.4	6.5	
560	172176	022211000146	PHẠM VŨ ĐỨC	PHÚC	16/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.75	4.6	4	
561	172177	022211010743	TRẦN TRUNG	PHÚC	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.5	4.4	3.25	
562	172178	034211006060	TRẦN VĂN	PHÚC	18/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	9	6.25	
563	172179	022211007792	VŨ ĐỨC	PHÚC	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	6.8	4.75	
564	172180	034311000455	ĐINH PHẠM HÀ	PHƯƠNG	24/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	5.4	4.75	
565	172181	034311008696	ĐOÀN THỊ THU	PHƯƠNG	12/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	6.2	3.75	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
566	172182	022311010659	ĐỖ HÀ	PHƯƠNG	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	5.2	4	
567	172183	022311011792	ĐỒNG THU	PHƯƠNG	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	3.2	3.5	
568	172184	022311006411	LÊ THU	PHƯƠNG	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	4.6	3	
569	172185	022311002226	LƯƠNG THU	PHƯƠNG	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.75	2.6	1.75	
570	172186	022311002413	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	5.8	5.75	
571	172187	022311005215	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	3.25	3.4	3.75	
572	172188	022311012240	NGUYỄN NGỌC	PHƯƠNG	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8	8.6	6.75	
573	172189	033311011583	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.5	3.4	2	
574	172190	022311002434	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	5	2.5	
575	172191	022311000720	TÔ KHÁNH	PHƯƠNG	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	7.4	6.75	
576	172192	022311011910	NGUYỄN THỊ KIM	PHƯỢNG	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh			0	Toán: đình chỉ
577	172193	022211003389	NGUYỄN ĐỨC	QUANG	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Mường	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.25	3	2.75	
578	172194	022211012745	ĐỖ MINH	QUÂN	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.5	5	4.25	
579	172195	022211007800	LẠI MINH	QUÂN	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	0.5	3.4	0.75	
580	172196	022211009964	ĐỖ THÀNH	QUÝ	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	5.2	5	
581	172197	022311005187	ĐINH THÁI	QUYÊN	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	6.6	3	
582	172198	022311011967	HOÀNG NGỌC	QUYÊN	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	9.4	4.5	
583	172199	022311012998	NGUYỄN THÙY	QUYÊN	30/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	6.4	5	
584	172200	022211011148	PHẠM TRUNG	QUYỀN	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	7.8	4.5	
585	172201	022311009772	LƯƠNG THỊ DIỄM	QUỲNH	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8.25	7.8	7	
586	172202	022311007833	NGÔ NHƯ	QUỲNH	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.5	6	4.25	
587	172203	022311003090	TRẦN THỊ DIỄM	QUỲNH	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	7.6	6.25	
588	172204	022211007960	TRẦN TẤN	SANG	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	9	5.75	
589	172205	022311009598	LẠI HỒNG	SÂM	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	7.6	5.75	
590	172206	022211000685	ĐẶNG NGỌC	SƠN	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	3.5	8.2	3.75	
591	172207	022211011354	HOÀNG NGỌC	SƠN	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	7.8	5.5	
592	172208	033211010259	TÔ TRẦN NAM	SƠN	17/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	7.8	7.25	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
593	172209	022311010908	ĐOÀN NGUYỄN NGỌC	TÂM	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	7.4	6	
594	172210	022311002118	HÀ MINH	TÂM	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	3.4	3.75	
595	172211	022311012986	VŨ NHƯ	TÂM	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	6	4.75	
596	172212	022211013998	NGUYỄN DUY	TÂN	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	4	4.75	
597	172213	022211014120	NGUYỄN MẠNH	TÂN	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	8	4	
598	172214	022211003576	PHẠM DUY	TÂN	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	7	5	
599	172215	022211013483	TÔ CẢNH	TÂN	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	5.2	3.25	
600	172216	036211002928	TRẦN MINH	TÂN	21/06/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	4	4.25	
601	172217	034211016526	LÊ ĐẶNG AN	THÁI	08/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	7.2	8	
602	172218	022311004845	DƯƠNG NGUYỆT	THANH	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	6.8	4.5	
603	172219	034311003266	ĐÀO THỊ NHÃ	THANH	18/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.5	3.8	2.75	
604	172220	022211007760	ĐẶNG QUANG	THANH	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	8.2	7.25	
605	172221	022211004226	HÀ VIỆT	THANH	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	5	5.75	
606	172222	022311003972	NGŨ CAO DIỄM	THANH	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.25	5	3.75	
607	172223	019211005573	NGUYỄN CHÍ	THANH	26/04/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	3.75	5.6	2.25	
608	172224	022311001646	TRẦN HOÀI	THANH	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	9.2	8	
609	172225	022311003097	TRẦN NGUYỄN ĐAN	THANH	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	7.8	5	
610	172226	022211011788	VŨ TẤT	THANH	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	5.4	3.75	
611	172227	022211004398	CHU XUÂN	THÀNH	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	8.2	6.25	
612	172228	022210011161	ĐINH CÔNG	THÀNH	10/07/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.25	7.8	3.5	
613	172229	022211006400	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3.75	3.2	1.25	
614	172230	022211002830	NGUYỄN QUYẾT	THÀNH	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	5.6	4	
615	172231	022311009301	BÙI HIỀN	THẢO	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	8	6	
616	172232	022311007203	DƯƠNG THU	THẢO	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	4.8	1.25	
617	172233	031311006518	ĐỖ MINH PHƯƠNG	THẢO	12/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	7.4	5.25	
618	172234	022311011354	LÊ HƯƠNG	THẢO	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	6.8	5.75	
619	172235	022311005494	NGÔ PHƯƠNG	THẢO	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	3.8	5.25	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
620	172236	025311010372	THẠCH THỊ THU	THẢO	02/10/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	5.8	4.5	
621	172237	022311006633	TÔ THỊ THANH	THẢO	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	2.75	2.8	4	
622	172238	034311010845	TRẦN THANH	THẢO	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	7.4	5.25	
623	172239	022311006265	TRIỆU THU	THẢO	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	7.2	5.5	
624	172240	022211011582	LƯU QUANG	THẮNG	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	4.6	2	
625	172241	022211011216	NGUYỄN QUANG	THẮNG	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4	6.8	0.75	
626	172242	022211013722	PHẠM ĐỨC	THẮNG	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.75	7.4	5	
627	172243	022211003815	TÔ MINH	THẮNG	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	7.4	2.5	
628	172244	022211007530	TỐNG ĐỨC	THẮNG	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5	8.4	5	
629	172245	022211002653	TRẦN ĐỨC	THẮNG	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.75	6.8	7.25	
630	172246	022211004360	BÙI PHƯỚC	THIỆN	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	5.6	4.75	
631	172247	022211002121	LẠI GIA	THIỆN	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3	6.6	1.5	
632	172248	022211009891	TRẦN PHÚC	THIỆN	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1.75	5.8	2.5	
633	172249	022211006658	PHẠM ĐỨC	THỊNH	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.25	6.4	5.5	
634	172250	022211011867	NGUYỄN MINH	THUẬN	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	7.8	5	
635	172251	022311004260	DIỆP THU	THUỶ	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4	4.4	2	
636	172252	035311010875	NGUYỄN THU	THUỶ	22/06/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.5	5.6	4.25	
637	172253	022311000803	NGUYỄN THU	THÙY	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	6.2	2.5	
638	172254	022311012761	TRẦN PHƯƠNG	THÚY	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	8.4	5.5	
639	172255	022311011198	HOÀNG NGUYỄN ANH	THƯ	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	6.4	4.25	
640	172256	022311000709	NGUYỄN MINH	THƯ	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	3.6	3.5	
641	172257	022311000884	NGUYỄN QUỲNH	THƯ	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	5.2	4.25	
642	172258	022311003646	VŨ ANH	THƯ	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	3.5	5	4.5	
643	172259	022311000159	VŨ MINH	THƯ	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	8	6.75	
644	172260	022311012408	NGUYỄN NGỌC	THƯƠNG	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.75	7.2	4	
645	172261	022311006546	PHẠM KHÁNH	THY	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	5.8	4.75	
646	172262	022211014704	DƯƠNG TRƯỜNG	TOÀN	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3	3	1.75	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
647	172263	022311012555	TÔ THANH	TRÀ	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	8	3.25	
648	172264	036311012622	CAO THỊ THÙY	TRANG	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	7	6.5	
649	172265	015311007556	ĐINH THÙY	TRANG	07/10/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.75	5.8	4.25	
650	172266	022311010867	LÊ THÙY	TRANG	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5	9.2	6	
651	172267	022311011002	LÊ THÙY	TRANG	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.5	9	6.25	
652	172268	022311001971	LÝ QUỲNH	TRANG	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.5	1.8	5	
653	172269	022311010180	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	5	3.75	
654	172270	025311009091	NGUYỄN THÙY	TRANG	01/09/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.25	4.6	4	
655	172271	022311012384	PHẠM THỊ THU	TRANG	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	7.8	6.5	
656	172272	022311004355	TÔ QUỲNH	TRANG	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	3	3.4	3.5	
657	172273	022311005527	TRẦN QUỲNH	TRANG	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	8.6	5.75	
658	172274	022311000880	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	TRANG	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	7	4.75	
659	172275	022311005937	VŨ HUYỀN	TRANG	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	9.4	8.5	
660	172276	022311010419	VŨ THỊ MINH	TRANG	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	6.2	3.75	
661	172277	022311006028	LƯU NGUYỄN BẢO	TRÂM	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	3.4	1.75	
662	172278	022311008705	NGUYỄN BẢO	TRÂM	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4	6.8	3.5	
663	172279	034211004926	LÊ ĐỨC	TRÍ	14/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	2.8	2.75	
664	172280	022211002642	NGUYỄN MINH	TRÍ	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	3	3	4	
665	172281	022211008709	VŨ HẢI	TRIỀU	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	5.25	8.2	6.5	
666	172282	022311012296	NGUYỄN KIỀU	TRINH	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	5.8	4.5	
667	172283	036211010351	PHẠM BÁ	TRÌNH	15/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	6.8	5.75	
668	172284	022311008020	BÙI PHƯƠNG	TRÚC	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	9.2	6.5	
669	172285	022311001523	ĐỖ THANH	TRÚC	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	7.8	6.75	
670	172286	022311012271	TÔ NGUYỄN BẢO	TRÚC	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	8	9.4	6.5	
671	172287	022211003929	LÊ THÀNH	TRUNG	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.25	6.6	4.5	
672	172288	022211010298	NGUYỄN ĐÌNH	TRUNG	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	5.6	7.25	
673	172289	022211006499	PHẠM THÀNH	TRUNG	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	5.4	5	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
674	172290	022211000141	PHẠM TIẾN	TRUNG	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.25	4.4	3.5	
675	172291	022211000838	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	4	6	
676	172292	022311010963	HOÀNG CẨM	TÚ	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	7	5.5	
677	172293	022211002424	NGUYỄN ANH	TÚ	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	2.6	3	
678	172294	022211001959	PHẠM ANH	TÚ	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.25	8.6	4.75	
679	172295	034211014164	NGUYỄN NĂNG	TUÂN	19/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4	5.2	3.5	
680	172296	022211014838	PHẠM HOÀNG	TUÂN	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	2.5	9.2	5.25	
681	172297	027211009746	ĐÀM ANH	TUẤN	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	4.8	6.5	
682	172298	040211017182	HOÀNG ĐỨC	TUẤN	23/04/2011	Tỉnh Nghệ An	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.25	1.8	2	
683	172299	022211010279	LÊ MINH	TUẤN	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.75	4.6	4	
684	172300	022211011506	NGUYỄN MINH	TUẤN	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	6.2	6	
685	172301	022211008245	BÙI THANH	TÙNG	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.5	9.6	7	
686	172302	033211014926	NGUYỄN THANH	TÙNG	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	6.8	7	
687	172303	001211072838	PHẠM SƠN	TÙNG	30/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	7.2	4	
688	172304	035311003880	TRẦN ÁNH	TUYẾT	31/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	2.8	3	
689	172305	022311000156	ĐỖ NGỌC CÁT	TƯỜNG	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	7.8	5.5	
690	172306	022311006464	LÊ VY CÁT	TƯỜNG	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	3.6	6	
691	172307	022211012328	LƯU NGUYỄN	TƯỜNG	12/02/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	3.4	5.75	
692	172308	006211003986	PHƯƠNG TÚ	TƯỜNG	30/12/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nam	Tày	THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.25	7	3.5	
693	172309	022311004825	ĐOÀN PHƯƠNG	UYÊN	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	7	6.5	
694	172310	001311018116	KIỀU PHƯƠNG	UYÊN	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	5.2	3	
695	172311	022311013099	NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	2.2	3.25	
696	172312	022311008758	NGUYỄN VÕ TỐ	UYÊN	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	5	2.75	
697	172313	022311011270	TẠ THẢO	UYÊN	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.5	4	5.5	
698	172314	022311012902	TRẦN NHÃ	UYÊN	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7.5	8.4	8.25	
699	172315	022311001241	TRẦN PHƯƠNG	UYÊN	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	8.4	6.25	
700	172316	031311001855	TRƯƠNG THỊ TỐ	UYÊN	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	6.6	4.75	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
701	172317	030211009547	HOÀNG VĂN	VĂN	11/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3	4	5	
702	172318	022311008127	BÙI THANH	VÂN	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	4.4	5.75	
703	172319	022311005099	NGUYỄN HỒNG	VÂN	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	4.4	2.5	
704	172320	022311006972	NGUYỄN THANH	VÂN	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	6.8	6	
705	172321	034311011358	PHẠM THỊ KHÁNH	VÂN	24/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.25	3.6	1	
706	172322	022311006220	TẠ Y	VÂN	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.5	4.4	3.75	
707	172323	022311012650	TRƯƠNG MỸ	VÂN	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.5	5.8	6.25	
708	172324	022311006858	NGUYỄN ĐỖ TRÀ	VI	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	6	5.5	
709	172325	022211000151	TRẦN TRÍ	VĨ	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.5	4.4	2.75	
710	172326	022211005774	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	2.5	3.8	3.25	
711	172327	022211014840	BÙI TIẾN	VINH	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2.75	2.4	1.25	
712	172328	030211001436	NGUYỄN THÀNH	VINH	19/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.25	8.2	4.25	
713	172329	022211009134	TRẦN THẾ	VINH	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	1.5	7	4.5	
714	172330	022211012291	VŨ CHÍ	VỊNH	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	7	5.6	7.5	
715	172331	022211014824	NGÔ LÂM	VŨ	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5	6.6	5.5	
716	172332	022211011395	NGUYỄN UY	VŨ	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.5	9.4	5.5	
717	172333	022211005772	PHẠM HUY	VŨ	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.75	6.2	3.5	
718	172334	022211011260	PHÙNG MINH	VŨ	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	6.2	6.75	
719	172335	022211006000	TRẦN KHẮC	VŨ	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.5	5.4	5.5	
720	172336	022211009433	PHẠM QUỐC	VƯỢNG	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	4.25	6	3.75	
721	172337	022311004176	BÙI THÚY	VY	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	4.8	2.75	
722	172338	022311010372	ĐIỆP DƯƠNG HÀ	VY	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.5	6	6	
723	172339	022311012663	ĐINH PHƯƠNG	VY	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	2.4	3.5	
724	172340	022311006583	ĐỖ THÙY	VY	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.5	5	7.25	
725	172341	022311005594	HOÀNG KHÁNH	VY	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	6.4	6.5	
726	172342	033311003154	HOÀNG KHÁNH	VY	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.25	5.4	6.5	
727	172343	022311001201	HOÀNG THỊ TRÀ	VY	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.25	3.8	4.25	

Đơn vị: THPT Cửa Ông (22_HD_017)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
728	172344	022311007768	LỤC NGUYỄN HÀ	VY	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	6.4	4.5	
729	172345	022311009566	NGÔ TRÀ	VY	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	7.4	3.25	
730	172346	022311007906	NGUYỄN HÀ	VY	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.75	3.4	2.75	
731	172347	022311013103	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	VY	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6	2	1.75	
732	172348	022311009918	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.5	5.4	6.25	
733	172349	022311008448	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	7.2	7.25	
734	172350	022311000804	NGUYỄN QUỲNH	VY	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	6.75	7.2	6	
735	172351	022311011251	NGUYỄN TỪ	VY	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	3	2.8	2.25	
736	172352	022311001346	NÔNG KIỀU	VY	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	4.5	3.2	2.5	
737	172353	022311002661	PHẠM HÀ	VY	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	5.6	4.75	
738	172354	022311004660	PHẠM NGUYỄN HÀ	VY	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8.25	7.6	5.25	
739	172355	022311005703	TÔ THẢO	VY	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	3.8	1.75	
740	172356	022311001042	HÀ THỊ HẢI	YẾN	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.5	4	4.25	
741	172357	022311006320	NGUYỄN BẢO	YẾN	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	5.6	4.75	
742	172358	027311006597	NGUYỄN THỊ	YẾN	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	4.8	3.75	
743	172359	022311009336	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	5.75	6	5	
744	172360	022311009509	TRƯƠNG BẢO	YẾN	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cửa Ông	Tiếng Anh	5.25	5	3.5	

(Danh sách này gồm có 744 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Mông Dương (22_HD_018)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	180001	014311000559	CẦM BẢO	AN	03/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ	Thái	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4	3.8	4.75	
2	180002	022211011265	ĐÀO DUY BẢO	AN	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	4.8	4.5	
3	180003	038211000882	LÊ BẢO	AN	03/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.5	7.8	4.25	
4	180004	030311014540	NGUYỄN THỊ HOÀI	AN	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7	6.6	5	
5	180005	022311004269	VŨ BẢO	AN	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	7.4	5.5	
6	180006	040311011509	CHU THỊ TÂM	ANH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	5.6	5	
7	180007	020211004741	ĐÀO PHAN	ANH	20/04/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.25	9.6	7.5	
8	180008	022211006825	ĐẶNG HOÀNG	ANH	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.25	5.4	2.5	
9	180009	037211012240	ĐINH HOÀNG NHẬT	ANH	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.25	7.4	5	
10	180010	022311003814	ĐỖ PHẠM HỒNG	ANH	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	7.2	5	
11	180011	022311003257	HOÀNG LÂM	ANH	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5	4.8	5.25	
12	180012	022211013703	LẠI NGUYỄN VIỆT	ANH	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.75	8.8	9.25	
13	180013	034311013270	LÊ QUỲNH	ANH	23/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	7	3	
14	180014	022311006863	LÊ QUỲNH	ANH	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7	6.6	4.25	
15	180015	022211002892	LÝ TUẤN	ANH	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	2	3.8	2.25	
16	180016	022311003068	NGUYỄN BÙI TÂM	ANH	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	3.2	4.5	
17	180017	022311012372	NGUYỄN LÊ DIỆU	ANH	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.25	4.8	5.75	
18	180018	022211000101	NGUYỄN NHẬT	ANH	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.25	7.4	5.25	
19	180019	035311005730	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	13/04/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	7.4	4.75	
20	180020	022311011684	NGUYỄN QUỲNH	ANH	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	8.2	5	
21	180021	026311005607	NGUYỄN THẾ HÀ	ANH	12/07/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.75	8.2	8	
22	180022	022211008349	PHẠM KỲ	ANH	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	9	7	
23	180023	022311011502	PHẠM QUỲNH	ANH	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	6.4	3.75	

Đơn vị: THPT Mông Dương (22_HD_018)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
24	180024	022311007155	TẰNG VÂN	ANH	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.25	4.4	5.25	
25	180025	022311006624	TÔ TRỊNH LAN	ANH	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	3	3.5	
26	180026	022311011365	TÔ VÂN	ANH	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.5	7.8	6	
27	180027	042311004806	TRẦN LÊ CẨM	ANH	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	8.25	6.8	6	
28	180028	022311001424	TRẦN THỊ NGỌC	ANH	09/02/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.25	4.2	3	
29	180029	022211007352	VŨ ĐỨC	ANH	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	4.8	4.25	
30	180030	022311000556	VŨ PHƯƠNG	ANH	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	5	2.75	
31	180031	030311012471	VŨ THỊ PHƯƠNG	ANH	06/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.75	6.4	7.25	
32	180032	022311008545	VŨ THÙY	ANH	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	8	4.8	4.5	
33	180033	022311002736	ĐINH PHẠM MINH	ÁNH	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Mường	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	4.4	3	
34	180034	022211001461	NGUYỄN ĐỨC	ÂN	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.75	7	6.25	
35	180035	022211012137	MAI VIỆT	BÁCH	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	8.8	6.25	
36	180036	022211002999	ĐÀO GIA	BẢO	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	4.2	3.25	
37	180037	022211006211	ĐẶNG GIA	BẢO	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	2.25	1.2	0.75	
38	180038	022211006957	ĐINH GIA	BẢO	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	4.2	3	
39	180039	033211015173	HOÀNG GIA	BẢO	07/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3.75	3.4	5	
40	180040	022211001764	NGUYỄN HUY	BẢO	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.5	7	3.75	
41	180041	022211009362	NGUYỄN VIỆT	BẮC	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3	2.8	1.25	
42	180042	034311010152	PHẠM KHÁNH	BĂNG	27/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	6.6	4.25	
43	180043	022211007257	PHẠM KHẮC	BẰNG	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	6.8	5.5	
44	180044	022211008494	PHÙNG PHÚ	BẰNG	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3.25	6.6	5	
45	180045	022211007991	NGUYỄN THANH	BÌNH	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	8.8	6.5	
46	180046	022211007380	NGUYỄN XUÂN	BÌNH	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.5	5.8	2.75	
47	180047	022211009587	PHẠM CAO	BÌNH	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.5	5.8	4.5	
48	180048	022211010455	ĐỖ ĐẶNG VĂN	CAO	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.5	5.8	2.25	

Đơn vị: THPT Mông Dương (22_HD_018)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
49	180049	022311006796	ĐẶNG THỊ QUỲNH	CHÂU	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	2.4	2	
50	180050	022211013901	NGÔ BẢO	CHÂU	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7	3.4	2.5	
51	180051	022311008867	ĐỖ HÀ	CHI	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	3.2	3	
52	180052	022311004742	LÊ QUỲNH	CHI	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	5	4.75	
53	180053	038311034105	NGUYỄN THỊ QUỲNH	CHI	24/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7	5.6	4	
54	180054	022211004522	TÔ ĐẶNG THÀNH	CÔNG	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	3.25	2.2	3.75	
55	180055	022211006011	TẠ QUỐC	CƯỜNG	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7	6	4.25	
56	180056	022311011019	CHẨM KIỀU	DIỄM	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.5	6.2	3.25	
57	180057	022311001924	VƯƠNG NGỌC	DIỆP	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	6.2	5	
58	180058	022211011961	NGUYỄN HUY	DŨNG	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	8	6.6	5	
59	180059	022211003309	TRẦN VĂN	DŨNG	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3.75	5.6	2	
60	180060	022211013796	VƯƠNG TIẾN	DŨNG	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Nùng	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	3.75	3.8	3	
61	180061	022211013805	ĐẶNG NGỌC	DUY	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4	1.6	2.5	
62	180062	022211004557	HOÀNG PHÚ	DUY	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7	3.8	4.5	
63	180063	022211000684	LÃ ĐỨC	DUY	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.5	5.8	2.5	
64	180064	022211004171	NGUYỄN ĐẶNG BẢO	DUY	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3.75	3	1.25	
65	180065	033211001740	NGUYỄN MINH	DUY	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.75	6.6	5.5	
66	180066	022211009054	PHẠM ANH	DUY	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	4.5	5.4	3	
67	180067	022211000705	PHẠM KHÁNH	DUY	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.25	2.8	2.75	
68	180068	022211004405	VŨ NGỌC	DUY	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	4.75	4.4	1.5	
69	180069	030211004290	ĐẶNG TÙNG	DƯƠNG	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.25	3.6	2	
70	180070	022211007012	LÊ TÙNG	DƯƠNG	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	9.4	7.5	
71	180071	022311008854	PHẠM THÙY	DƯƠNG	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.25	3.4	2.75	
72	180072	034311016981	TRẦN VŨ ÁNH	DƯƠNG	08/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.25	7.4	5.25	
73	180073	022211004946	ĐOÀN ĐÌNH	ĐẠI	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	3.2	5	

Đơn vị: THPT Mông Dương (22_HD_018)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
74	180074	022311006340	CẦN LINH	ĐAN	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.25	8	6.25	
75	180075	022311001100	PHẠM BẢO	ĐAN	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	4.4	4.5	
76	180076	022211008534	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	7.6	4.5	
77	180077	022211004501	VŨ ĐÌNH TIẾN	ĐẠT	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	5.4	3.5	
78	180078	022211014654	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	9.4	4.75	
79	180079	022211011341	HOÀNG VŨ	ĐỊNH	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.25	3.6	4	
80	180080	022211012053	LÊ QUÝ	ĐỨC	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.5	7	4.5	
81	180081	022211005250	LÊ VĂN	ĐỨC	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.25	4.2	4.75	
82	180082	022211007848	PHẠM TRUNG	ĐỨC	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.5	7.6	3.75	
83	180083	022211008074	TẠ HỮU	ĐỨC	10/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	4.4	3.25	
84	180084	033211013760	VŨ VIỆT	ĐỨC	02/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.25	5.8	4.5	
85	180085	022311002846	BÙI THANH	HÀ	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.5	4	5.5	
86	180086	022211003575	LÊ HẢI	HÀ	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	3.5	2.8	0.25	
87	180087	022311003474	NGUYỄN NGỌC	HÀ	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	2.8	3.25	
88	180088	022211008685	ĐINH CÔNG	HẢI	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.25	4.6	5	
89	180089	022311008812	NGUYỄN THANH	HẢO	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3.5	1.8	1.5	
90	180090	030311004447	PHẠM THU	HẰNG	19/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	3.6	3.5	
91	180091	022311013076	BÙI TRẦN GIA	HÂN	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.25	8	3.5	
92	180092	022311008320	ĐIỆP NGỌC	HÂN	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	3.6	2	
93	180093	022311009296	TRỊNH NGỌC	HÂN	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	2.5	2	1	
94	180094	022311009376	HUỲNH NGỌC	HIỀN	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.5	9	5.25	
95	180095	034311008925	TRƯƠNG THỊ THU	HIỀN	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	6.2	3.5	
96	180096	022211004435	BẾ QUANG	HIẾU	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.25	5.6	4.25	
97	180097	022211003523	ĐÀO TRUNG	HIẾU	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3.5	3.8	3.25	
98	180098	022211004447	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.5	5.6	4.25	

Đơn vị: THPT Mông Dương (22_HD_018)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
99	180099	022211003059	TRẦN GIA	HIẾU	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	2.4	2.75	
100	180100	022211011911	NGUYỄN MINH	HÒA	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	1.5	2.2	2.5	
101	180101	022211005613	VŨ VĂN	HÒA	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.5	4.6	2.25	
102	180102	022211011123	ĐẶNG DUY	HOÀN	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.5	5.8	4.25	
103	180103	022211005574	NGUYỄN DANH	HÙNG	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4	5.6	2.5	
104	180104	022211002835	PHẠM ĐỨC	HÙNG	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.25	9	6	
105	180105	022211013143	PHẠM KHÁNH	HÙNG	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.5	6	1.5	
106	180106	022211014105	BÙI GIA	HUY	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	2.5	4	3.5	
107	180107	022211009939	ĐINH QUANG	HUY	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	1.5	8.8	5	
108	180108	022211003670	ĐỖ ĐÌNH	HUY	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.25	7	4.25	
109	180109	022211002450	HÀ MẠNH	HUY	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	4	3.8	3	
110	180110	022211011075	PHẠM ĐỨC	HUY	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7	8	5	
111	180111	022211003310	PHẠM GIA	HUY	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.5	7.8	5.5	
112	180112	022211002967	PHÙNG ĐỨC	HUY	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	9.2	5	
113	180113	022211013381	TẠ QUỐC	HUY	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	2.75	5.2	1	
114	180114	022211012729	TRẦN TRƯƠNG GIA	HUY	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3	4.8	5	
115	180115	030211012844	VŨ ĐÌNH MINH	HUY	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	8.2	4.5	
116	180116	022311002482	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.75	5.2	3.5	
117	180117	037311004944	PHẠM NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.5	5.8	5.5	
118	180118	030211009380	BÙI QUANG	HƯNG	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.25	8.2	4.5	
119	180119	022211008767	LÙNG NGỌC	HƯNG	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3.5	4.2	2.25	
120	180120	022211006049	TẠ QUANG	HƯNG	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4	5.4	3.25	
121	180121	022311013773	ĐINH QUỲNH	HƯƠNG	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5	4.2	3.75	
122	180122	030311001009	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HƯƠNG	13/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.5	8.4	8	
123	180123	022211010407	ĐỖ ĐỨC	KHANG	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.5	4.8	3	

Đơn vị: THPT Mông Dương (22_HD_018)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
124	180124	022211013950	LÝ TUẤN	KHANG	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	3	4	
125	180125	022211004562	DƯƠNG LÊ TUẤN	KHANH	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.25	8.4	5.25	
126	180126	022211008370	BÙI NAM	KHÁNH	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	4	2.2	2.5	
127	180127	022211004963	LÊ HUY	KHÁNH	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	8.25	9.6	4.75	
128	180128	022211013128	NGUYỄN GIA	KHÁNH	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.5	7.4	6	
129	180129	022211007303	TRƯƠNG DUY	KHÁNH	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	3.75	2.4	1.25	
130	180130	022211000082	MAI DUY	KHOA	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.25	5	4	
131	180131	022211007407	PHẠM ĐĂNG	KHOA	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.25	4.8	4.75	
132	180132	037211009469	TRẦN MINH	KHÔI	06/12/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.5	7.6	7.75	
133	180133	022211011357	TẠ DUY	KIÊN	11/12/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.5	4.8	2.5	
134	180134	022211005427	CÁP CÔNG TUẤN	KIỆT	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	2.75	4.8	2	
135	180135	022211011943	TẠ TUẤN	KIỆT	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	2.5	0.6	1.25	
136	180136	022211012585	TÔ GIA	KIỆT	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5	2.6	3.5	
137	180137	022311013689	ĐOÀN THIÊN	KIM	18/02/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.5	4.2	3.75	
138	180138	022311005772	PHẠM CHÚC	LÂM	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.5	3.2	5.5	
139	180139	022311006838	CAO LÊ HẢI	LINH	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	4.2	3.25	
140	180140	022311007279	ĐOÀN PHƯƠNG	LINH	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	8.25	8.4	7	
141	180141	022311004025	ĐỖ HOÀNG	LINH	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	5.2	4.75	
142	180142	022311009275	ĐỖ KHÁNH	LINH	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.5	2.6	2.25	
143	180143	022311012522	HÀ DIỆU	LINH	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	8	4.8	4	
144	180144	001311004526	KHUẤT THỊ DIỆU	LINH	21/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3.5	2	2.5	
145	180145	030311005982	LÊ THỊ KHÁNH	LINH	21/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.25	6.2	3	
146	180146	038311033081	MAI THỊ UYÊN	LINH	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.25	6.8	4.25	
147	180147	022311005062	NGÔ HÀ	LINH	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7	5.2	2.5	
148	180148	022311009489	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	28/10/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.5	4.4	3	

Đơn vị: THPT Mông Dương (22_HD_018)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
149	180149	022311009048	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4	1.4	2	
150	180150	030311016748	PHÙNG KHÁNH	LINH	22/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3.75	3.6	2.25	
151	180151	022311007022	TRIỆU THỊ	LINH	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	3	4	
152	180152	022311004679	TỪ NGỌC KHÁNH	LINH	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	4.6	4.25	
153	180153	034311000358	VŨ THỊ BẢO	LINH	17/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3.5	2.4	2.5	
154	180154	036311016277	VŨ THỊ KHÁNH	LINH	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.5	5.6	5.25	
155	180155	022311003039	VŨ THỊ PHƯƠNG	LINH	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	3.6	4.75	
156	180156	022311002157	LƯU PHƯƠNG	LOAN	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	3.25	3.4	2.75	
157	180157	033211014156	BÙI HẢI	LONG	08/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3.75	4.2	4.5	
158	180158	022211013902	NGUYỄN HỮU BẢO	LONG	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	7	5.75	
159	180159	022311005993	DƯƠNG THỊ CẨM	LY	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.5	3.8	4.25	
160	180160	022311011036	HOÀNG THỊ	LY	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	8.25	3.2	3.75	
161	180161	020311006923	LÃ PHƯƠNG	LY	29/08/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nữ	Tày	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.25	2.4	0.75	
162	180162	022311002437	PHẠM KHÁNH	LY	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.25	3.8	3.75	
163	180163	022311003100	VŨ NGUYỄN THẢO	LY	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	8.25	6	6.75	
164	180164	022311002840	TRẦN NGỌC	MAI	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.75	2.8	2.25	
165	180165	034211012342	VŨ ĐỨC	MẠNH	04/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	1.5	3.2	1.25	
166	180166	022211006396	LÊ TIẾN	MINH	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	5.4	5	
167	180167	022211004858	MAI TRẦN NHẬT	MINH	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4	3.4	3	
168	180168	033211010000	MAI VŨ GIA	MINH	05/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.25	2.8	3.25	
169	180169	022211011435	NGUYỄN GIA	MINH	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	4.4	3.25	
170	180170	022211003726	NGUYỄN QUANG	MINH	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.5	4	4.25	
171	180171	022211014731	TRẦN GIA	MINH	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	5.6	4.75	
172	180172	022211014020	TRƯƠNG CÔNG	MINH	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	3.8	2.25	
173	180173	022211002755	VŨ BẢO	MINH	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	3.8	5.75	

Đơn vị: THPT Mông Dương (22_HD_018)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
174	180174	022311012644	BÙI THỊ TRÀ	MY	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	2.4	2	
175	180175	022311010638	HOÀNG TRÀ	MY	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Nùng	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	4.75	3.2	1.75	
176	180176	038311009854	TRẦN HÀ TRÀ	MY	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	4	4.25	
177	180177	022211014663	BÙI THIỆN	NAM	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.5	7.6	5.75	
178	180178	022211008578	ĐÀO THẾ HẢI	NAM	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7	6.2	8	
179	180179	022211001892	NGUYỄN ĐỨC	NAM	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3.5	4.6	3.25	
180	180180	022211005162	NGUYỄN NHẤT	NAM	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.5	5.6	4.25	
181	180181	022210001015	TRẦN HẢI	NAM	12/11/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4	3	1.5	
182	180182	022211008016	TRẦN HỮU BẢO	NAM	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5	3	3.75	
183	180183	022211008477	TRIỆU HẢI	NAM	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	3.5	4.4	3.25	
184	180184	022311011949	LOAN THỊ ÁNH	NGA	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3	2	1	
185	180185	022311002834	TRƯƠNG THU	NGA	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	4.6	3.5	
186	180186	022311006870	NGÔ KIM	NGÂN	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	8.5	6	5.25	
187	180187	001211060823	LÊ MINH	NGHĨA	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	3.6	3.5	
188	180188	022211007140	VI TRUNG	NGHĨA	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3.75	3	2.25	
189	180189	022311007303	BÙI THỊ THANH	NGỌC	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7	5.2	3.5	
190	180190	022311007116	LÊ HUYỀN	NGỌC	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7	8.8	6.25	
191	180191	036311017619	PHẠM BẢO	NGỌC	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.75	3.6	4.25	
192	180192	022311008410	TRƯƠNG KHÁNH	NGỌC	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.25	4	4.5	
193	180193	022311012481	VŨ XUÂN	NGỌC	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	2.25	2	2.5	
194	180194	022211013520	ĐỖ DUY	NGUYÊN	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	2.25	2.2	2.75	
195	180195	022211001051	VŨ ĐĂNG	NGUYÊN	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	5.4	6.5	
196	180196	022311012549	ĐỖ ÁNH	NGUYỆT	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	7.75	4.6	6.5	
197	180197	034211015348	ĐẶNG THIỆN	NHÂN	04/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	5	6.25	
198	180198	022311007705	ĐÀO THỊ KHÁNH	NHI	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4	5	3.75	

Đơn vị: THPT Mông Dương (22_HD_018)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
199	180199	022311003775	HOÀNG YẾN	NHI	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7	8.4	4.5	
200	180200	022311002569	NGUYỄN VŨ UYỂN	NHI	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	3.6	4.5	
201	180201	022311003714	NÔNG THỊ KIỀU	NHI	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	4.75	3	2	
202	180202	022311004427	THÁI VÂN	NHI	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7	7.8	5	
203	180203	024311011533	VŨ THỊ NGỌC	NHI	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.25	3	0.75	
204	180204	022311003343	VŨ YẾN	NHI	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	3	3.4	3	
205	180205	022311011266	KHỔNG VŨ TRANG	NHUNG	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	4.5	2.8	5.5	
206	180206	022311003511	GIÁP NGUYỄN KIỀU	NHƯ	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3	2.6	2.5	
207	180207	022311010143	LÊ QUỲNH	NHƯ	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	4.5	3.2	4	
208	180208	001311005398	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	03/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4	3.4	2	
209	180209	022311005445	NGUYỄN THỊ DIỆU	NINH	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.5	6.8	5.75	
210	180210	022211005349	LÊ THANH	PHONG	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	6	4.25	
211	180211	022211010962	TẠ ĐÌNH	PHONG	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	4.2	2.75	
212	180212	022211009879	TRẦN DUY	PHONG	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	4	3	
213	180213	022211005407	HOÀNG TRỌNG	PHÚ	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	2.25	1.8	1.5	
214	180214	022311010626	VŨ HỒNG	PHÚC	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.5	5.2	4.25	
215	180215	025311007510	ĐẶNG TÚ MAI	PHƯƠNG	25/04/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.25	6.4	2.5	
216	180216	022311006197	ĐOÀN KHÁNH	PHƯƠNG	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.25	6	3.5	
217	180217	033311011826	HOÀNG THỊ MINH	PHƯƠNG	26/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.25	3.2	2.5	
218	180218	022311012811	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.25	9.4	5.5	
219	180219	022311002929	PHẠM THỊ HOÀI	PHƯƠNG	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	4.8	5.5	
220	180220	022311012705	TRẦN HÀ	PHƯƠNG	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.5	4.4	4.75	
221	180221	022311011029	TRẦN THỊ QUỲNH	PHƯƠNG	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.25	4.4	3.75	
222	180222	022211002604	HOÀNG MINH	PHƯỢNG	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	3	2	2.75	
223	180223	033211001329	BÙI ĐỨC	QUANG	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	4.2	4	

Đơn vị: THPT Mông Dương (22_HD_018)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
224	180224	022211003858	TRẦN MINH	QUANG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.25	6.8	4	
225	180225	022211012645	PHẠM HỒNG	QUÂN	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	3.6	4.25	
226	180226	022211001063	CAO ĐỨC	QUÝ	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.25	6.2	6.25	
227	180227	022211008268	NGUYỄN VINH	QUÝ	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.75	3.4	3.75	
228	180228	022311008223	CAO THỊ BÍCH	QUYÊN	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	2.75	2.2	0.25	
229	180229	022211001463	NGUYỄN THẾ	QUYỀN	10/06/2011	Tỉnh Lào Cai	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3	2	2.75	
230	180230	022311008552	BÀN NHƯ	QUỲNH	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.5	4.4	3.5	
231	180231	022311000926	HÀ HƯƠNG	QUỲNH	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.5	5.8	4.25	
232	180232	022311005180	LƯƠNG NGỌC NHƯ	QUỲNH	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	3	4.6	4.5	
233	180233	022311011178	LƯU NHƯ	QUỲNH	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.5	4.6	4.5	
234	180234	022211007620	MÃ THIÊN	SƠN	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	1.75	3	2.5	
235	180235	022211005404	TÔ CHÍ	TÀI	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	2.25	3.8	1.25	
236	180236	022211000622	TÔ GIA	TÀI	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	2.5	1.8	2	
237	180237	034311006170	PHẠM THANH	TÂM	25/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7	9	4.75	
238	180238	022211010714	VŨ NGỌC	THÁI	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	1	2.8	0.75	
239	180239	022211009002	HOÀNG NGUYỄN MINH	THÀNH	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.5	9.6	7	
240	180240	022211003617	HOÀNG XUÂN	THÀNH	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	0.25	1.2	0.75	
241	180241	022211001750	VŨ ĐỨC	THÀNH	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.5	6.8	2.75	
242	180242	022311010644	LÂM PHƯƠNG	THẢO	09/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	4.6	4.75	
243	180243	022311011540	LÊ PHƯƠNG	THẢO	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	8.25	6.2	6.25	
244	180244	022311010505	LỤC PHƯƠNG	THẢO	03/01/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ	Sán Dìu	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4	3.2	2	
245	180245	022311011378	VŨ THU	THẢO	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
246	180246	022311013687	VŨ THƯƠNG	THẢO	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7	6.2	5.25	
247	180247	022211010885	VI TOÀN	THẮNG	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	2.25	1.8	1.5	
248	180248	022311001887	ĐINH BÙI KHÁNH	THI	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	7.2	6	

Đơn vị: THPT Mông Dương (22_HD_018)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
249	180249	022211010820	CAO ĐỨC	THIỆN	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	5.6	4.75	
250	180250	033211011992	TRẦN ANH	THIỆN	18/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4	5.6	4.75	
251	180251	022311008094	BÙI THỊ THANH	THIẾT	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	2	4.8	1.5	
252	180252	030211017320	NGÔ NGỌC	THU	16/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.5	5.4	5.25	
253	180253	022311011304	TRẦN THỊ THU	THUẬN	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	4	2	
254	180254	022311007478	LÊ PHƯƠNG	THÙY	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	8.5	9.6	7.5	
255	180255	022311002983	PHẠM MINH	THÙY	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	3.25	2.8	1	
256	180256	022311008572	HOÀNG THU	THỦY	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	4.75	2	2.25	
257	180257	022311006428	ĐỒNG GIÁP ANH	THƯ	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.25	3	4.5	
258	180258	022311012351	LÊ TRẦN ANH	THƯ	07/06/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.75	6.2	5.25	
259	180259	022311011700	TRẦN ANH	THƯ	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.5	9.8	7	
260	180260	022311001821	VŨ HOÀNG ANH	THƯ	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.5	5.4	5.5	
261	180261	022311011386	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6	4.4	5	
262	180262	022311010204	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	6.5	2.8	3	
263	180263	036311014777	PHẠM THU	TRANG	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	4.2	4.25	
264	180264	022311001817	TRẦN HUYỀN	TRANG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.25	5.2	3.25	
265	180265	022311013688	VƯƠNG QUỲNH	TRANG	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	7.6	5	
266	180266	022311009492	HOÀNG BẢO	TRÂN	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	8	8.8	7.25	
267	180267	022311008045	TẠ BẢO	TRÂN	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.75	4	3	
268	180268	022211012868	ĐINH QUỐC	TRỌNG	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	3.25	3.2	2.75	
269	180269	022311002577	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	8	8.4	6.75	
270	180270	022311002213	VI HÀ THANH	TRÚC	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	3	2.8	1.25	
271	180271	022211013838	NGUYỄN BẢO	TRUNG	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	1	2.8	1.25	
272	180272	022211011829	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.75	5.2	3.5	
273	180273	022211011889	NGUYỄN ĐÌNH	TRƯỜNG	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.5	5.4	4.75	

Đơn vị: THPT Mông Dương (22_HD_018)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
274	180274	022211000441	BÙI THANH MINH	TUẤN	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	5	6.5	
275	180275	022211008462	ĐOÀN QUANG	TUẤN	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	5.6	5	
276	180276	033211011336	NGUYỄN QUANG	TUẤN	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	6.4	6.5	
277	180277	034211001621	TRƯƠNG ANH	TUẤN	26/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.5	6.4	4.5	
278	180278	031211005991	PHẠM THANH	TÙNG	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.25	4	3.5	
279	180279	031211004538	PHẠM VĂN	TÙNG	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.5	7	8	
280	180280	022211006441	PHÚ VĂN HOÀNG	TÙNG	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	4.4	3	
281	180281	022311012601	CHU NGỌC	TUYỀN	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.25	5	3.5	
282	180282	022211014634	VI DŨNG	TUYỀN	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6	5.2	2.5	
283	180283	022211012503	HOÀNG HUY	TUYỂN	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.5	2.6	3.5	
284	180284	022311002042	HOÀNG TỐ	UYÊN	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	4.5	3.6	3	
285	180285	022311008257	NGUYỄN THỊ TỐ	UYÊN	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3.75	3	3.25	
286	180286	022311007551	ĐIỆP THỊ QUỲNH	VÂN	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.5	3	2	
287	180287	022311012640	HOÀNG HÀ	VI	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.5	6.8	5	
288	180288	022311006303	PHẠM NGỌC TƯỜNG	VI	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.25	4.4	4	
289	180289	001211026089	NGUYỄN TIẾN	VIỆT	02/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.25	5.8	3	
290	180290	022211011500	NGUYỄN HOÀNG	VŨ	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	3.5	2	2.25	
291	180291	022311005804	HOÀNG THỊ KIỀU	VY	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5.25	6.2	3.5	
292	180292	022311012918	LÝ THỊ HÀ	VY	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7.75	3.4	4.75	
293	180293	042311008697	NGUYỄN HÀ	VY	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.75	7.4	6	
294	180294	022311001539	NGUYỄN TƯỜNG	VY	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5	4.8	3.75	
295	180295	020310005667	LƯƠNG THỊ	XUÂN	03/08/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Nùng	TH và THCS Hải Hòa	Tiếng Anh	5	2.8	3.5	
296	180296	022311003045	ĐẶNG THỊ HẢI	YẾN	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	6.25	5.8	5.25	
297	180297	022311003783	ĐỖ HẢI	YẾN	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	8.25	4.8	5	
298	180298	022311013632	NGUYỄN BẢO	YẾN	28/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.25	4.4	3.75	

Đơn vị: THPT Mông Dương (22_HD_018)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
										Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
299	180299	022311004394	TẠ THỊ BẢO YẾN	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	7	6.4	6	

(Danh sách này gồm có 299 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	190001	022311010233	BÙI TRẦN TÂM	AN	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.75	8.6	5.5	
2	190002	022311003574	ĐÀO LINH	AN	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	9.4	5.5	
3	190003	022311011561	ĐẶNG BẢO	AN	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.75	9.4	7.5	
4	190004	022211010244	LÊ BẢO	AN	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	7	5	
5	190005	022311009294	LÊ THÙY	AN	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8.5	9.2	7.75	
6	190006	022311000201	LƯƠNG NGỌC BẢO	AN	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	4	4	
7	190007	022311002510	NGUYỄN HÀ	AN	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.75	8.2	7.5	
8	190008	022311003882	NGUYỄN NGỌC BẢO	AN	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8	9.2	8	
9	190009	022311007525	NGUYỄN PHẠM KHÁNH	AN	06/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8	8.6	5.25	
10	190010	022211010596	NGUYỄN THÀNH	AN	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	5.8	2.75	
11	190011	022311000167	NGUYỄN TRẦN THUỲ	AN	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	9.2	4.75	
12	190012	020311005128	NÔNG BÌNH	AN	13/04/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nữ	Tày	THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	5	3.25	
13	190013	066211017033	PHẠM NGUYỄN MINH	AN	06/11/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	8.8	6.25	
14	190014	022311008799	THÂN BẢO	AN	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	7.8	4.5	
15	190015	022211011386	TRẦN MINH	AN	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5	5.8	5	
16	190016	022311013627	TRẦN PHƯƠNG HÀ	AN	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8.25	5.6	5.5	
17	190017	034211007925	BÙI DUY BẢO	ANH	14/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.75	9.8	8	
18	190018	030211002131	BÙI VIỆT	ANH	18/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8.5	9.8	7.25	
19	190019	022311007519	CHU THỊ NGỌC	ANH	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	6	5.75	
20	190020	022211005422	DIỆP HÙNG	ANH	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	7.8	4.75	
21	190021	022311005982	ĐẶNG DIỆU	ANH	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	5.5	8.2	6.5	
22	190022	022311010271	ĐẶNG HÀ	ANH	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8.25	9.8	8	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
23	190023	022311012053	ĐẶNG HUYỀN	ANH	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8	8.6	7.75	
24	190024	036311012545	ĐINH THỊ PHƯƠNG	ANH	22/10/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5	4.2	4.5	
25	190025	022311012704	ĐINH VŨ TÂM	ANH	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	6.8	7	
26	190026	022311012638	ĐỖ HÀ	ANH	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	5.6	5.25	
27	190027	022311003406	ĐỖ VŨ BẢO	ANH	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	10	6.25	
28	190028	022311002305	HÀ HẢI	ANH	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	5	6.25	
29	190029	022211012386	HÁN THẾ	ANH	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	9.4	7.75	
30	190030	022311004823	HOÀNG QUỲNH	ANH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	6	3.5	
31	190031	033311004089	HOÀNG THỊ QUỲNH	ANH	12/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	2.2	2	
32	190032	022211010379	LẠI MINH	ANH	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	4.75	5.4	4.75	
33	190033	022311005001	LÊ DIỆU	ANH	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	6.8	4	
34	190034	022211001756	LÊ HỒNG	ANH	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	9.2	6.5	
35	190035	022311007916	LÊ NGỌC	ANH	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	6.8	4.75	
36	190036	022311004654	LÊ VI BẢO	ANH	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8.25	7.2	7	
37	190037	022311013603	LƯƠNG THỊ TÚ	ANH	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	9.4	5.75	
38	190038	022311005580	MAI LÊ NGỌC	ANH	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	8.2	5	
39	190039	022311012969	NGÔ HÀ	ANH	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	4.6	2.25	
40	190040	022311005522	NGÔ NGỌC	ANH	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.75	6.8	4.5	
41	190041	022311007713	NGÔ NGỌC TÚ	ANH	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	4	3.75	
42	190042	022311010451	NGÔ TRÂM	ANH	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	7.4	7.25	
43	190043	022211012134	NGUYỄN BÁ	ANH	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.75	9.8	7.5	
44	190044	038211010967	NGUYỄN BÁ	ANH	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam	Mường	THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	8	8	
45	190045	022311007870	NGUYỄN CHÂU	ANH	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	8.8	9	
46	190046	022211005899	NGUYỄN ĐỨC	ANH	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.25	9.8	6.5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
47	190047	022311004583	NGUYỄN HÀ	ANH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	8	5.75	
48	190048	022311005616	NGUYỄN HÀ	ANH	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.75	6.2	5.25	
49	190049	022311005839	NGUYỄN HÀ	ANH	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	7	5.25	
50	190050	022311003047	NGUYỄN HÀ	ANH	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.75	7.8	6	
51	190051	022311004486	NGUYỄN HÀ DIỆP	ANH	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	6.8	6.75	
52	190052	022211002000	NGUYỄN HUY	ANH	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.75	8.4	6.25	
53	190053	022211006811	NGUYỄN LÊ VIỆT	ANH	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	7.4	5.75	
54	190054	022311008524	NGUYỄN MAI KIỀU	ANH	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	8.4	3.75	
55	190055	022311007378	NGUYỄN MINH	ANH	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	7	6.25	
56	190056	022311002818	NGUYỄN NGỌC	ANH	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	6.6	3.25	
57	190057	022311004587	NGUYỄN NGỌC BẢO	ANH	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	8.6	5.25	
58	190058	022311006115	NGUYỄN NGỌC BẢO	ANH	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	8	2.4	2.5	
59	190059	022311012778	NGUYỄN PHẠM QUỲNH	ANH	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	9	5	
60	190060	036311001897	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	6	5	
61	190061	022311011631	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.5	4.8	5	
62	190062	022311002064	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	7.2	7.25	
63	190063	022311009988	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	4.4	5.5	
64	190064	022311006130	NGUYỄN QUỲNH	ANH	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	9.6	7.25	
65	190065	022311002899	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	6.6	3.5	
66	190066	027311009920	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	07/07/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	10	6.75	
67	190067	022311004082	NGUYỄN THÙY	ANH	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	8.2	5	
68	190068	022311004304	NGUYỄN TRÂM	ANH	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	8.6	8.5	
69	190069	022311003171	NGUYỄN TRÂM	ANH	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	8.4	7.5	
70	190070	022211006919	NGUYỄN TUẤN	ANH	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	6.6	6	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
71	190071	022311001212	NGUYỄN VÂN	ANH	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5	5.6	2	
72	190072	022311013720	NGUYỄN VŨ HÀ	ANH	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	4.6	3.75	
73	190073	022311006866	PHẠM DIỆP	ANH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	8.2	5.75	
74	190074	022211009982	PHẠM DUY	ANH	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	5.6	1.25	
75	190075	022211012972	PHẠM GIA BẢO	ANH	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	3.6	4.5	
76	190076	022311003900	PHẠM MINH	ANH	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.75	4	5.5	
77	190077	022311008687	PHẠM NGỌC	ANH	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	8.8	7.25	
78	190078	022311011341	PHẠM TRÚC	ANH	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	4.25	5.4	3	
79	190079	022211004088	PHẠM VIỆT	ANH	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	9.6	7.75	
80	190080	031311009479	PHAN BẢO HÀ	ANH	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	6.8	4	
81	190081	022311004607	PHAN NGỌC	ANH	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	4.2	5.25	
82	190082	022311009152	PHAN NHẬT HÀ	ANH	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	8.6	7	
83	190083	022211000175	TRẦN ĐỨC	ANH	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	8.6	6.75	
84	190084	022311004296	TRẦN HÀ	ANH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	3.8	4	
85	190085	022211009895	TRẦN KHẢI	ANH	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	8	7.4	6.25	
86	190086	022311007106	TRẦN LÂM QUỲNH	ANH	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	5.4	3.75	
87	190087	022311008106	TRẦN MAI	ANH	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	7.2	6.5	
88	190088	035311009143	TRẦN NGỌC	ANH	24/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	9.6	6.25	
89	190089	022311006790	TRẦN PHƯƠNG	ANH	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	8.25	8	5	
90	190090	022311010692	TRẦN VŨ BẢO	ANH	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.5	8.6	5.5	
91	190091	022311007732	TRIỆU PHƯƠNG	ANH	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	8.4	3.25	
92	190092	022311003597	TRƯƠNG HẢI	ANH	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	9.4	8.25	
93	190093	030311010648	VŨ HẢI	ANH	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.75	9.2	6.5	
94	190094	022311004018	VŨ LÊ QUỲNH	ANH	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.25	9.2	4.5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
95	190095	022211007508	VŨ NGUYÊN	ANH	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.5	9.6	6.75	
96	190096	022311007598	VŨ NGUYỄN QUỲNH	ANH	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	5.8	2.5	
97	190097	022311003398	VŨ PHƯƠNG	ANH	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	4.8	5.25	
98	190098	030311013781	VŨ QUỲNH	ANH	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	7.4	6	
99	190099	022311009503	VŨ QUỲNH	ANH	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8.5	10	7	
100	190100	022211000290	VŨ VIỆT	ANH	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5	9.8	8.25	
101	190101	022311007597	BÙI MINH	ÁNH	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	9.6	5.75	
102	190102	033311008867	ĐÀO THỊ NGỌC	ÁNH	01/07/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	5.2	5.25	
103	190103	022311007038	NGUYỄN HÀ NGUYỆT	ÁNH	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	9.4	8.25	
104	190104	022311012431	PHẠM NGUYỆT	ÁNH	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	8	5.5	
105	190105	022311006236	TRẦN ĐẶNG NGỌC	ÁNH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	5	6.25	
106	190106	022211001931	DƯƠNG TÙNG	BÁCH	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	8.6	6	
107	190107	022211007840	ĐÀO HOÀNG	BÁCH	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	9.8	7.5	
108	190108	022211000153	ĐINH VIỆT	BÁCH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	4.5	8.8	4.75	
109	190109	022211007749	HOÀNG MINH	BÁCH	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	2.5	5	2.5	
110	190110	022211003700	HOÀNG THỌ	BÁCH	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	3.4	5.75	
111	190111	022211008329	KHƯƠNG TRẦN XUÂN	BÁCH	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	8.2	5.5	
112	190112	022211005015	NGUYỄN HOÀNG	BÁCH	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	9.6	7.25	
113	190113	022211012984	NGUYỄN QUANG	BÁCH	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	9	7.5	
114	190114	022211004436	NGUYỄN XUÂN	BÁCH	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	9.8	8.75	
115	190115	022211001706	TRẦN HOÀNG	BÁCH	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.5	6.6	4.5	
116	190116	022211005039	VŨ ĐÌNH	BÁCH	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	5	3.75	
117	190117	022211008239	BÙI QUỐC	BẢO	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	8.6	7.5	
118	190118	022211011620	BÙI TIẾN	BẢO	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	7	6.5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
119	190119	033211000502	ĐÀO GIA	BẢO	13/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	7.4	6.25	
120	190120	022211010503	HÀ DUY	BẢO	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.75	8.8	7.25	
121	190121	022211004163	HOÀNG TRỌNG GIA	BẢO	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.5	8	7.25	
122	190122	022211000291	NGUYỄN THÁI	BẢO	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.25	8.6	7	
123	190123	022211006806	TRẦN GIA	BẢO	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	6.2	6.25	
124	190124	022211007094	VŨ GIA	BẢO	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	9.6	8.25	
125	190125	022211000635	VŨ NHẬT GIA	BẢO	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	5.25	8	5.75	
126	190126	022211010782	VƯƠNG GIA	BẢO	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	4.75	8.2	5.5	
127	190127	022211010967	PHẠM HOÀI	BẮC	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	4.75	6	5	
128	190128	022311012188	TRƯƠNG THỊ NGỌC	BÍCH	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	4.5	2.4	3	
129	190129	022211000267	ĐOÀN ĐỨC	BÌNH	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	8.6	8.25	
130	190130	022211009080	KIỀU QUANG	BÌNH	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6	7.6	6.25	
131	190131	022211006430	NGUYỄN AN	BÌNH	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	4.6	4.5	
132	190132	022211001780	VŨ TRẦN HÒA	BÌNH	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	4.5	5.4	3.25	
133	190133	022311003040	LÊ BẢO	CHÂU	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	7	4.5	
134	190134	046311008666	NGÔ NGỌC TRÂN	CHÂU	31/10/2011	Thành phố Huế	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	6.8	7.5	
135	190135	022309005571	NGUYỄN PHAN MINH	CHÂU	18/01/2009	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.75	6.2	5.75	
136	190136	030311010606	PHAN MINH	CHÂU	21/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.5	7.8	7.5	
137	190137	022311005497	VŨ NGỌC MINH	CHÂU	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	5.75	7.2	5	
138	190138	034311019646	BÙI NGUYỄN KHÁNH	CHI	14/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	8.5	8.6	4.75	
139	190139	022311010110	DƯƠNG BẢO	CHI	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	4.2	4.75	
140	190140	022311012302	ĐỖ QUỲNH	CHI	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	9.6	8	
141	190141	022311008361	LÊ DIỄM KHÁNH	CHI	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	10	6.75	
142	190142	022311005886	LÊ THÙY	CHI	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	9.8	6.75	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
143	190143	022311009651	NGÔ KHÁNH	CHI	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	7.2	5.25	
144	190144	022311012701	NGUYỄN ĐẶNG THÙY	CHI	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	9	7.5	
145	190145	022311007428	NGUYỄN HÀ NHẬT	CHI	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	9	6.75	
146	190146	022311009012	NGUYỄN HIỀN	CHI	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	9	7.5	
147	190147	022311009206	NGUYỄN QUỲNH	CHI	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.25	5.2	6.75	
148	190148	034311006491	NGUYỄN THẢO	CHI	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.25	6.4	6.75	
149	190149	030311003547	PHẠM THẢO	CHI	13/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5	3.8	3.5	
150	190150	033311009229	VŨ THỊ KIM	CHI	08/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5	9	7.5	
151	190151	022211000179	KIỀU CAO	CHỨC	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	4	7.25	
152	190152	036211005285	CHU ĐỨC	CÔNG	18/02/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	7.8	7.25	
153	190153	022211009567	LÊ NGUYỄN KIÊN	CƯỜNG	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	9.8	5.5	
154	190154	022211002800	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5	6.2	4.75	
155	190155	022211005977	NGUYỄN MINH	CƯỜNG	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	9.8	8.25	
156	190156	022311001769	ĐỖ NGỌC	DIỆP	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.25	6.2	4.25	
157	190157	022311003209	ĐỖ NGỌC	DIỆP	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	9	7	
158	190158	022311007073	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.5	5.2	5	
159	190159	036311015237	NINH NGỌC	DIỆP	23/03/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	9	7.25	
160	190160	022311000275	PHẠM NGỌC	DIỆP	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	7	7.25	
161	190161	022311001450	TRẦN LƯƠNG NGỌC	DIỆP	12/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	5.2	2.5	
162	190162	022311008330	TRẦN NGUYỄN NGỌC	DIỆP	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	9.2	7.75	
163	190163	022311009684	VŨ NGỌC	DIỆP	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	8.5	7.4	5	
164	190164	036311004274	NGUYỄN NGỌC	DIỆU	16/01/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	4.8	2.75	
165	190165	022211007525	PHẠM TRỌNG	DOANH	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8	6	7.75	
166	190166	022311001661	HOÀNG THANH	DU	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	6.4	6.5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
167	190167	022311006746	HÀ THÙY	DUNG	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8.5	8	6.75	
168	190168	022311002206	LÊ MAI	DUNG	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	3.8	4	
169	190169	022311008789	LÊ THÙY	DUNG	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	8.6	8	
170	190170	022311005871	NGUYỄN HẠNH	DUNG	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	8	5.25	
171	190171	031311012042	NGUYỄN PHƯƠNG	DUNG	25/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.5	5.6	5	
172	190172	022311000272	PHẠM PHƯƠNG	DUNG	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	8.4	4.75	
173	190173	022211005882	BÙI ĐÌNH	DŨNG	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5	5.2	5.75	
174	190174	022211006034	BÙI MẠNH	DŨNG	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	9.6	8.75	
175	190175	022211005423	DƯƠNG CÔNG	DŨNG	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5	3.6	1.25	
176	190176	022211001941	HÀ ANH	DŨNG	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.25	5.2	4.25	
177	190177	033211010612	HOÀNG TẤN	DŨNG	26/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	4.5	7.6	4	
178	190178	022211004978	LÊ HỮU	DŨNG	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	3.8	1.5	
179	190179	038211035433	MAI TUẤN	DŨNG	30/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	4	5.25	
180	190180	022211006216	NGUYỄN MẠNH	DŨNG	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.75	9.2	7.75	
181	190181	022211005361	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	9.6	6.75	
182	190182	022211009106	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	8.8	8	
183	190183	022211012060	PHẠM CÔNG	DŨNG	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	10	8.25	
184	190184	022211012996	TRẦN MẠNH	DŨNG	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	3	4.2	2.75	
185	190185	034211017117	TRẦN TIẾN	DŨNG	17/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	5.2	0.25	
186	190186	022211007287	BÙI ĐỨC	DUY	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	8.2	4	
187	190187	022211010148	ĐỖ LƯƠNG QUANG	DUY	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	9.2	6.75	
188	190188	022211003709	NGUYỄN ĐỨC	DUY	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	9.25	9	5.5	
189	190189	031211002736	NGUYỄN ĐỨC	DUY	20/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	9.4	7.75	
190	190190	030211019930	NGUYỄN THẾ	DUY	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	4	5.5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
191	190191	031211021447	NGUYỄN VŨ LÊ	DUY	26/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	9.6	6.75	
192	190192	024211000420	TỐNG KHẮC	DUY	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	8	5.25	
193	190193	022211008043	TRẦN ĐÌNH	DUY	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	4	5.6	3	
194	190194	022211010975	TRƯƠNG MINH	DUY	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	4.75	9.2	4.25	
195	190195	022211013372	VŨ TRỌNG	DUY	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.25	6.6	5.75	
196	190196	022311000113	ĐẶNG THÙY	DUYÊN	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.5	5	4	
197	190197	022311006948	NGUYỄN NGỌC	DUYÊN	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	9.6	5.75	
198	190198	022311008792	ĐẬU THÙY	DƯƠNG	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	9	6.25	
199	190199	022311008645	ĐỖ BẠCH	DƯƠNG	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	9.4	6.25	
200	190200	035211004019	LÊ MINH	DƯƠNG	10/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	7.8	6.25	
201	190201	022211013248	LƯƠNG TÙNG	DƯƠNG	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	10	8.75	
202	190202	022311011228	MAI THÙY	DƯƠNG	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	8.6	5.75	
203	190203	022211005873	NGUYỄN HOÀNG	DƯƠNG	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	3.6	4	
204	190204	022311005151	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	8.6	6.5	
205	190205	022311002798	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	8.4	6.75	
206	190206	022311011199	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8.5	9.4	7.75	
207	190207	022211008848	NGUYỄN TÙNG	DƯƠNG	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	6.8	4.25	
208	190208	022311002635	NINH THÙY	DƯƠNG	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8.25	9	7.25	
209	190209	022211014785	PHẠM MINH TIẾN	DƯƠNG	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	2	4.8	3.75	
210	190210	030211012774	PHẠM NGỌC	DƯƠNG	22/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	3	4.75	
211	190211	022211011811	PHẠM TÙNG	DƯƠNG	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.25	8	8	
212	190212	030311012752	TRẦN ÁNH	DƯƠNG	07/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	6.4	7.25	
213	190213	022311004707	TRẦN QUỲNH	DƯƠNG	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	9.6	6	
214	190214	022211007653	VŨ MINH	DƯƠNG	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	6.2	6	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
215	190215	022211012150	NGUYỄN NGỌC	ĐẠI	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	10	7.5	
216	190216	022311011559	CAO VŨ LINH	ĐAN	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	4	5.25	
217	190217	022311002015	DƯƠNG LINH	ĐAN	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	8.4	4.25	
218	190218	022311007145	NGUYỄN VŨ KHÁNH	ĐAN	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8.25	9.8	7.5	
219	190219	022311000755	VŨ HƯƠNG LINH	ĐAN	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.75	6.6	5	
220	190220	022211009954	KHUẤT THÀNH	ĐẠT	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
221	190221	022211004848	LÊ THÀNH	ĐẠT	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.5	7.2	4.75	
222	190222	022211007940	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	8.8	4.5	
223	190223	022211005365	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	2.5	3.2	1.25	
224	190224	022211011761	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8.5	9.8	9	
225	190225	022211001776	NGUYỄN VĂN TẤT	ĐẠT	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	8.2	4.25	
226	190226	022211011426	TRẦN MẠNH	ĐẠT	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	8	6	
227	190227	022211012513	TRƯƠNG VĂN	ĐẠT	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	9.6	8.25	
228	190228	022211014850	VŨ MINH	ĐẠT	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	5	6.6	3.75	
229	190229	022211003341	VŨ TIẾN	ĐẠT	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	2.75	7.8	1.75	
230	190230	022211005512	HÀ LÂM	ĐĂNG	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	8.6	7.25	
231	190231	033211010608	HOÀNG HẢI	ĐĂNG	05/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	5.75	7.4	8.5	
232	190232	022211005008	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	8.4	7.75	
233	190233	030211019682	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	24/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	9	4.75	
234	190234	022211008524	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	10	8.5	
235	190235	022211002480	NGUYỄN PHÚC HẢI	ĐĂNG	21/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8.5	9.2	7.5	
236	190236	022211013456	NGUYỄN TUẤN	ĐĂNG	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.25	8.2	4.75	
237	190237	022211006817	PHẠM BẮC HẢI	ĐĂNG	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	8.4	5.75	
238	190238	030211018778	BÙI PHƯƠNG	ĐÔNG	24/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	4.2	6.5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
239	190239	022211008846	BÙI ANH	ĐỨC	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	8.4	7.25	
240	190240	022211001291	CAO MINH	ĐỨC	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	7	6.5	
241	190241	022211006528	ĐÀO MINH	ĐỨC	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	8.6	1.5	
242	190242	022211011855	ĐẶNG ANH	ĐỨC	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	7	6.75	
243	190243	022211014701	ĐỖ TRUNG	ĐỨC	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	8.8	6.75	
244	190244	022211011947	LƯƠNG MINH	ĐỨC	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	8.4	5.75	
245	190245	022211004003	NGÔ MINH	ĐỨC	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	9	7	
246	190246	022211001874	NGUYỄN BÁ HỒNG	ĐỨC	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	2.25	4.8	3.75	
247	190247	022211010853	NGUYỄN MINH	ĐỨC	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	9.2	8.75	
248	190248	022211002570	NGUYỄN MINH	ĐỨC	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	4.75	7	5.5	
249	190249	022211001660	NGUYỄN XUÂN	ĐỨC	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.25	5.4	4.75	
250	190250	030211000301	PHẠM MINH	ĐỨC	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	4	7.2	4.75	
251	190251	040211018043	PHAN MINH	ĐỨC	22/06/2011	Tỉnh Nghệ An	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.25	3	7	
252	190252	022211009854	TRẦN ANH	ĐỨC	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	3	3.4	3.5	
253	190253	036211003743	TRỊNH MINH	ĐỨC	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.75	6	6	
254	190254	022211001520	VŨ NGỌC	ĐỨC	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	5.75	7.2	6.75	
255	190255	022211000169	VŨ NHẬT	ĐỨC	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.75	9.2	8.5	
256	190256	022311013691	LÊ	FIONA	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	8.6	7.25	
257	190257	022311007340	ĐÀO THỊ HƯƠNG	GIANG	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	9.2	4.75	
258	190258	022311002363	ĐẶNG HƯƠNG	GIANG	06/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	8	7.5	
259	190259	022311000783	ĐỖ THU	GIANG	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	8.2	7	
260	190260	022211007889	NGÔ TRƯỜNG	GIANG	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	6.8	7.5	
261	190261	034311007352	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	18/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8	9.2	7.75	
262	190262	022211013884	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	7	6.75	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
263	190263	022311005523	PHẠM THU	GIANG	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	9	6	
264	190264	022311003133	VŨ HƯƠNG	GIANG	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	9.6	8.25	
265	190265	038311033812	NGÔ NGỌC	HÀ	13/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	8.8	6.25	
266	190266	034311004522	NGÔ NGỌC	HÀ	14/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	6.2	5	
267	190267	022311012067	NGUYỄN KHÁNH	HÀ	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.75	9.4	7.75	
268	190268	022311004936	NGUYỄN THANH	HÀ	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	10	6.75	
269	190269	022211012586	NGUYỄN THANH	HÀ	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	8.2	6	
270	190270	022311009967	PHÙNG THỊ MINH	HÀ	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	6.4	4.25	
271	190271	022311012264	TRẦN ĐÀO NGỌC	HÀ	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	8.6	8.25	
272	190272	022311011350	TRẦN THANH	HÀ	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.5	7.6	5.5	
273	190273	022311002004	TRẦN THU	HÀ	29/07/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8	9.8	6.25	
274	190274	022311005360	TRẦN THU	HÀ	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	7.2	3	
275	190275	022311008588	VŨ NGÂN	HÀ	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8.25	10	8.5	
276	190276	022211007246	CAO LAI	HẢI	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	4	9.6	7	
277	190277	022211003432	NGUYỄN ĐỨC	HẢI	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.75	5.4	4	
278	190278	022311011758	NGUYỄN THỊ DIỆP	HẢI	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.75	5	5.75	
279	190279	037211002554	NGUYỄN TRUNG	HẢI	12/08/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.25	8.4	6	
280	190280	022311011103	NGUYỄN XUÂN THANH	HẢI	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	8.25	9.8	6.25	
281	190281	022211010988	PHẠM HOÀNG	HẢI	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	6.6	6	
282	190282	022211002528	TÔ HOÀNG	HẢI	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	3.75	2.2	5	
283	190283	022211008983	TRỊNH QUANG	HẢI	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	2.4	3.75	
284	190284	022211011372	TÔ ANH	HÀO	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	5.75	5	4	
285	190285	030211000302	VŨ PHÚC	HÀO	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.75	8.4	7.5	
286	190286	022311005407	BÙI THÚY	HẰNG	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	6.6	4.75	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
287	190287	022311007841	NGUYỄN MINH	HẰNG	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8.25	8.2	4	
288	190288	034311015269	NGUYỄN THỊ	HẰNG	09/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	4.6	5	
289	190289	034311002162	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	01/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	5.2	2.75	
290	190290	022311003831	BÙI TRẦN GIA	HÂN	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	8.8	7.5	
291	190291	022311003151	ĐÀM GIA	HÂN	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	4	3.25	
292	190292	022311000169	HOÀNG GIA	HÂN	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	8.8	8	
293	190293	022311007214	HOÀNG NGỌC	HÂN	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	6.4	5	
294	190294	022311004284	LẠI GIA	HÂN	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8.25	7.8	5.75	
295	190295	022311005946	LÊ GIA	HÂN	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	6.2	3.25	
296	190296	033311008023	LƯƠNG NGỌC BẢO	HÂN	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	9	7.25	
297	190297	022311005810	NGUYỄN BẢO	HÂN	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.75	6.4	4	
298	190298	046311002050	NGUYỄN ĐOÀN NGỌC	HÂN	31/07/2011	Thành phố Huế	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	8	6	
299	190299	022311010092	NGUYỄN GIA	HÂN	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8.5	9.8	7	
300	190300	022311001678	NGUYỄN NGỌC	HÂN	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	8.8	6	
301	190301	040311022561	NGUYỄN THẢO	HÂN	11/12/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	8.8	5.25	
302	190302	022311000386	NHÂM GIA	HÂN	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5	2.4	2	
303	190303	022311011320	PHẠM GIA	HÂN	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	9.4	8.25	
304	190304	022311003553	PHẠM GIA	HÂN	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.75	8	7.5	
305	190305	022311007668	PHẠM NGỌC	HÂN	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	3.4	3	
306	190306	022311004035	PHẠM TRẦN GIA	HÂN	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	9.6	4.25	
307	190307	022311000139	TẠ BẢO	HÂN	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	7.8	4.75	
308	190308	022311007284	THÂN NGỌC	HÂN	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8.5	8.6	7.5	
309	190309	022311003195	TRẦN BẢO	HÂN	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.75	9.2	7	
310	190310	022311000263	TRẦN BẢO	HÂN	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	6.8	5.5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
311	190311	001311000073	TRẦN GIA	HÂN	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	4.8	3.25	
312	190312	022311000186	BÙI THANH	HIỀN	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	3.6	4.5	
313	190313	030311013887	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	05/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	4.4	4.25	
314	190314	022311007472	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	6	6.75	
315	190315	022311008015	NGUYỄN THU	HIỀN	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	9.4	7.75	
316	190316	022311012062	NGUYỄN THÚY	HIỀN	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	8.25	9.8	8.75	
317	190317	036311012242	VŨ THỊ	HIỀN	13/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	4.6	5.25	
318	190318	022211005184	LÊ HOÀNG	HIỆP	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	7.8	4.5	
319	190319	022211001569	ĐINH TRUNG	HIẾU	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	9.6	8.25	
320	190320	022211014648	LÊ ĐÌNH	HIẾU	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Mường	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	9.6	7.5	
321	190321	022211009680	NGÔ TRUNG	HIẾU	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5	6.8	4.25	
322	190322	034211004506	NGUYỄN NHƯ	HIẾU	07/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	10	8.75	
323	190323	022211008558	NGUYỄN TRẦN	HIẾU	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	5.6	7.25	
324	190324	022211008761	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.5	8.4	6.25	
325	190325	022211002085	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	7.4	7.25	
326	190326	022211005144	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	9	4.75	
327	190327	022211012900	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	7.8	6.75	
328	190328	022211008933	NGUYỄN VŨ TRUNG	HIẾU	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	3.75	3.4	1.5	
329	190329	022211008168	PHẠM ĐẮC	HIẾU	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	7.2	6.5	
330	190330	022211008115	BÙI HỮU	HÒA	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	7.2	8.5	
331	190331	022311010556	NGUYỄN THÁI	HÒA	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8.75	9.4	7.25	
332	190332	022311012295	TRẦN BÍCH	HÒA	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6	7.8	4.25	
333	190333	022311001350	TRẦN KHÁNH	HÒA	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	4.6	4.5	
334	190334	022211009520	TRẦN NGỌC	HÒA	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.75	9.2	6	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
335	190335	022311011362	LÝ THU	HOÀI	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8	9.2	5.75	
336	190336	022211012904	BÙI TRỌNG	HOÀNG	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8.25	10	9.5	
337	190337	022211008307	ĐÀO TRẦN HUY	HOÀNG	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	5.8	5	
338	190338	022211004869	NGUYỄN HUY	HOÀNG	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	8.6	8	
339	190339	034211009258	NGUYỄN HUY	HOÀNG	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	9.6	6.75	
340	190340	022211012138	NGUYỄN HUY	HOÀNG	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	1.5	3.2	4	
341	190341	022211014837	NGUYỄN TIẾN	HOÀNG	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.75	9	7.5	
342	190342	035311005329	PHẠM NHƯ ÁNH	HỒNG	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	8.8	7.75	
343	190343	022311004038	TRẦN GIA	HỒNG	10/12/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	7.8	4.5	
344	190344	022211013484	PHẠM NGUYỄN NGỌC	HÙNG	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.5	6	4	
345	190345	022210000242	QUÁCH MẠNH	HÙNG	30/10/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.25	9.2	4	
346	190346	022211003342	VŨ ĐÌNH	HÙNG	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.5	5.8	4	
347	190347	022211013956	BÙI ĐỨC	HUY	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	4.8	4.5	
348	190348	022211008029	BÙI TRƯƠNG GIA	HUY	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.75	6.8	7.5	
349	190349	022211009205	ĐỖ GIA	HUY	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	6.4	5.75	
350	190350	022211011184	HOÀNG GIA	HUY	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	6.4	3.5	
351	190351	022211007866	LÊ GIA	HUY	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	9.4	7.75	
352	190352	022211007537	NGÔ GIA	HUY	05/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	4.5	6.8	4	
353	190353	022211011353	NGUYỄN GIA	HUY	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.75	8.8	7.75	
354	190354	022211010854	NGUYỄN GIA	HUY	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	3.25	8.8	4	
355	190355	022211010476	NGUYỄN HỮU	HUY	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.75	8.2	5.75	
356	190356	022211012699	NGUYỄN NGỌC	HUY	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	8.25	8.8	9.25	
357	190357	022211005690	NGUYỄN QUANG	HUY	15/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	8	8	
358	190358	022211005217	NGUYỄN QUANG	HUY	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	9.4	7.5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
359	190359	022211000827	NGUYỄN TUẤN	HUY	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	6.2	4.75	
360	190360	036211018100	PHẠM GIA	HUY	18/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	9.2	7.75	
361	190361	022211004619	PHAN GIA	HUY	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	9.8	8.25	
362	190362	022211009289	PHÙNG ĐỨC	HUY	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	4.5	4.6	5.75	
363	190363	022211003659	TRẦN QUANG	HUY	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	7.6	5	
364	190364	022211005895	TRIỆU QUỐC	HUY	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	5.75	8.6	8	
365	190365	022211004937	VÕ QUANG	HUY	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	9	6.25	
366	190366	022211006278	VŨ GIA	HUY	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	8.8	7.75	
367	190367	022211010251	VŨ GIA	HUY	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	6.8	5	
368	190368	022211006927	VŨ KHÁNH	HUY	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.5	9.6	5.25	
369	190369	022311001021	ĐẶNG THU	HUYỀN	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	7.4	5.25	
370	190370	022311008843	ĐOÀN MINH	HUYỀN	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	9.2	7.5	
371	190371	022311009186	ĐỖ KHÁNH	HUYỀN	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5	6.6	2	
372	190372	022311005304	LÊ THU	HUYỀN	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.75	8.6	8	
373	190373	022311007328	NGUYỄN DIỆU	HUYỀN	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	10	5	
374	190374	022311000250	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	8.4	5.25	
375	190375	022311008568	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	5.2	4.25	
376	190376	022311001092	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	4.4	4.5	
377	190377	022311002267	NGUYỄN THU	HUYỀN	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	7.6	5.5	
378	190378	022311007968	QUÁCH THU	HUYỀN	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	8.4	7.5	
379	190379	022311012192	VŨ KHÁNH	HUYỀN	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	9.4	8.25	
380	190380	022211001225	ĐÀO QUANG	HƯNG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	9.6	5	
381	190381	022211002866	ĐÀO TRẦN GIA	HƯNG	20/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	8.6	6.25	
382	190382	022211010147	ĐOÀN HỮU	HƯNG	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	2.5	4	4	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
383	190383	022211002651	ĐỖ GIA	HƯNG	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	9.6	9	
384	190384	022211014664	LÊ GIA	HƯNG	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	5.6	7	
385	190385	022211012476	LÝ CHẤN	HƯNG	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	4	6.6	4.5	
386	190386	022211011084	NGUYỄN NGỌC	HƯNG	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	3.6	4.5	
387	190387	022211007781	NGUYỄN QUỐC	HƯNG	07/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
388	190388	022211008146	NGUYỄN TIẾN	HƯNG	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	6.8	5.75	
389	190389	022211001166	NGUYỄN VIỆT	HƯNG	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	9.8	6.25	
390	190390	022211003639	TRẦN HOÀNG	HƯNG	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	9	8.25	
391	190391	022211012129	TRẦN LÊ HIẾU	HƯNG	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8.25	9.8	9	
392	190392	027211012933	VŨ ĐỨC	HƯNG	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.75	7.4	6.25	
393	190393	022311012617	ĐẶNG THẢO	HƯƠNG	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	9.2	6	
394	190394	022311011871	ĐINH THỊ THU	HƯƠNG	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	9.8	8.25	
395	190395	022311003405	LƯƠNG QUỲNH	HƯƠNG	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	2	1.5	
396	190396	037311001017	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	08/02/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	7.8	5.5	
397	190397	022311009409	NGUYỄN MAI	HƯƠNG	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	6.2	5.25	
398	190398	022311007664	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	9.8	7.25	
399	190399	001311004962	NGUYỄN THU	HƯƠNG	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.75	9	6.5	
400	190400	022311009992	TRẦN THU	HƯƠNG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	7.8	6.5	
401	190401	022311012085	VŨ VÂN	HƯƠNG	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8.25	9.4	8	
402	190402	022211004412	TRẦN SƠN	KHA	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	7.2	7	
403	190403	022211011223	NGÔ TUẤN	KHANG	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5	2.4	5.25	
404	190404	022211007910	NGUYỄN KIM	KHANG	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	9.6	8.75	
405	190405	022211007086	NGUYỄN PHÚC	KHANG	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	6	4.5	
406	190406	022211012046	TRẦN AN	KHANG	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	4.2	4.5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
407	190407	022311007496	NGUYỄN VÂN	KHANH	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5	7	4	
408	190408	033211000077	ĐÀO NAM	KHÁNH	20/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	10	8	
409	190409	022211003690	ĐỖ NAM	KHÁNH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	9.6	8.5	
410	190410	022311000170	LÊ GIA	KHÁNH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	5.4	5	
411	190411	022211003480	LÊ NAM	KHÁNH	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8.5	9.8	9.75	
412	190412	022311000469	LƯU VÂN	KHÁNH	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8.25	8.6	7	
413	190413	022311002680	NGÔ NGÂN	KHÁNH	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.75	9.2	8.5	
414	190414	022211006958	NGUYỄN DUY	KHÁNH	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	6.6	3.25	
415	190415	022211008359	NGUYỄN GIA	KHÁNH	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	6.8	8.25	
416	190416	022311007579	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	10	7.75	
417	190417	022311011953	NGUYỄN NHÃ	KHÁNH	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	5.4	6.75	
418	190418	026211005042	PHẠM QUANG	KHÁNH	02/09/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	10	7.5	
419	190419	022211014007	TẠ NGỌC AN	KHÁNH	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	8.8	7	
420	190420	035211009921	TRẦN MINH GIA	KHÁNH	07/06/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	3.8	3	
421	190421	022211003705	NGUYỄN ANH	KHOA	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	9.2	7.25	
422	190422	022211008994	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	6.2	9	
423	190423	022211012159	PHẠM ANH	KHOA	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	8.6	8.25	
424	190424	022211006130	PHẠM ĐĂNG	KHOA	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.5	6.4	3.25	
425	190425	034211009145	TRẦN ĐĂNG	KHOA	12/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	8.4	5.5	
426	190426	022211011029	VŨ TIẾN	KHOA	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.75	10	7.75	
427	190427	022211001189	HOÀNG TRẦN ANH	KHÔI	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.75	8.4	8.25	
428	190428	022211000172	NGUYỄN ANH MINH	KHÔI	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8.5	9.4	8	
429	190429	022211010333	NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	9.2	6.75	
430	190430	022211005060	NGUYỄN MINH	KHÔI	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	9.8	6.75	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
431	190431	022211000187	TRẦN ĐĂNG	KHÔI	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	10	7	
432	190432	034311008739	NGUYỄN NGỌC	KHUÊ	19/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8.5	8.8	9	
433	190433	022311013618	NGUYỄN THỊ MINH	KHUÊ	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	8	3.5	
434	190434	022211005030	TRỊNH MINH	KHUÊ	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	9.6	7.25	
435	190435	022211013335	ĐÔNG TRUNG	KIÊN	06/05/2011	Tỉnh Sơn La	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	4.75	5	8	
436	190436	022211004747	VŨ TRUNG	KIÊN	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	5.2	3.75	
437	190437	022211006293	NGUYỄN TUẤN	KỲ	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	8.4	4.5	
438	190438	022211005177	NGUYỄN TÙNG	LAM	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.75	5.8	4.75	
439	190439	027311005955	NGUYỄN PHƯƠNG	LAN	28/07/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	6.6	5.5	
440	190440	022211008418	CAO TÙNG	LÂM	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	7.6	7.25	
441	190441	022211012672	ĐINH PHÚ	LÂM	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	9	7.25	
442	190442	036211006987	ĐOÀN HUY	LÂM	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.75	8	6.5	
443	190443	022311002776	HÀ THÙY	LÂM	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	4.8	4	
444	190444	022211009857	HOÀNG HẢI	LÂM	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	5	6	
445	190445	022211012888	LÊ ĐỨC	LÂM	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.5	9.8	7.5	
446	190446	022211011459	LÊ TÙNG	LÂM	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	7.2	4.5	
447	190447	022211010946	NGUYỄN ĐỖ HOÀNG	LÂM	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	6.8	6.25	
448	190448	022211002753	NGUYỄN NGỌC	LÂM	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	8.4	8	
449	190449	022211012329	NGUYỄN NHƯ	LÂM	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	5.5	6.4	4.75	
450	190450	022211004692	NGUYỄN PHONG	LÂM	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	7.2	8.25	
451	190451	022211001096	TRẦN KHẢI	LÂM	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	6	5.25	
452	190452	031211022354	VŨ NGỌC	LÂM	19/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.5	7.6	6.5	
453	190453	022311003565	BÙI PHƯƠNG	LINH	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	4.4	4	
454	190454	022311008418	DIỆP KHÁNH	LINH	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.75	4.8	3.75	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
455	190455	022311000933	DƯƠNG GIA	LINH	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	4.8	1.5	
456	190456	022311003218	ĐÀO KHÁNH	LINH	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	6.8	7.5	
457	190457	022311011319	ĐẶNG TUỆ	LINH	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	6.8	4	
458	190458	022311001911	ĐINH KHÁNH	LINH	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.75	7.6	6.75	
459	190459	022311005963	HOÀNG GIA	LINH	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.75	9.8	7.75	
460	190460	022311003469	HOÀNG THÙY	LINH	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	7.4	7	
461	190461	022311008503	LÊ PHẠM ĐAN	LINH	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	9.2	9	
462	190462	022311001399	LÊ TRẦN PHƯƠNG	LINH	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	8.2	8.25	
463	190463	022311010892	LƯU HÀ	LINH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	4.5	4.6	2.75	
464	190464	022311009337	LÝ DIỆU	LINH	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	6.2	5.5	
465	190465	022311001190	MAI KHÁNH	LINH	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	9.4	8.25	
466	190466	022311009536	NGÔ BẢO	LINH	20/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.75	5.6	3.5	
467	190467	022311000295	NGÔ UYÊN	LINH	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	4.75	3.4	4.25	
468	190468	022311009547	NGUYỄN BẢO	LINH	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	7.2	3.75	
469	190469	022311012712	NGUYỄN GIA	LINH	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	9.6	8	
470	190470	022311003212	NGUYỄN HÀ	LINH	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	8.6	5.25	
471	190471	022311011500	NGUYỄN HÀ	LINH	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	7.6	7.5	
472	190472	022311003739	NGUYỄN HÀ	LINH	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8	9.6	8.5	
473	190473	034311011039	NGUYỄN HOÀNG THÙY	LINH	08/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	9.4	9.25	
474	190474	022311010656	NGUYỄN KHÁNH	LINH	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	7.6	6.75	
475	190475	022311005175	NGUYỄN KHÁNH	LINH	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.25	8	6.75	
476	190476	022311007260	NGUYỄN MAI	LINH	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	4.4	6.75	
477	190477	022310009773	NGUYỄN NGỌC GIA	LINH	18/06/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	8.25	5.8	7.25	
478	190478	033311013891	NGUYỄN NGỌC	LINH	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.75	9	3.5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
479	190479	022311001480	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8	9.8	8.75	
480	190480	022311013676	NGUYỄN THẢO	LINH	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.5	7.4	5.5	
481	190481	022311012049	NGUYỄN THỊ HÀ	LINH	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	9.8	5.5	
482	190482	022311006292	NGUYỄN THÙY	LINH	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	8.4	6.5	
483	190483	034311002274	NGUYỄN VŨ KHÁNH	LINH	02/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	4.8	4.75	
484	190484	022311004050	PHẠM DIỆU	LINH	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	8.2	6.5	
485	190485	022311005279	PHẠM HÀ	LINH	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	8.6	7.75	
486	190486	022311000168	PHẠM HƯƠNG	LINH	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	8.6	8.5	
487	190487	022311005340	PHẠM NGỌC DIỆU	LINH	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	7.2	4.75	
488	190488	022311000298	PHẠM NGỌC KHÁNH	LINH	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	7	4.25	
489	190489	022311009311	PHẠM THÙY	LINH	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	8	9.4	7	
490	190490	022311012976	PHẠM THÙY	LINH	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	7.8	5	
491	190491	022311011965	PHẠM THÙY	LINH	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	6.2	4.75	
492	190492	022311002457	PHAN THỊ CẨM	LINH	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	5.6	2.75	
493	190493	034311017178	TẠ PHƯƠNG	LINH	26/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	9.8	8.5	
494	190494	022311006105	TRẦN DIỆU	LINH	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	8	8	
495	190495	022311002008	TRẦN PHƯƠNG	LINH	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	5.8	5.25	
496	190496	022311012940	TRẦN THỊ NGỌC	LINH	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	6.6	5.25	
497	190497	022311001273	VŨ CẨM	LINH	25/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8.5	9.6	8	
498	190498	030311007521	VŨ ĐÀO KHÁNH	LINH	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	5.4	4.5	
499	190499	022311006358	VŨ THẢO	LINH	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	8.2	7.5	
500	190500	022311005955	VŨ THỤC	LINH	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	8.4	6.5	
501	190501	022311009749	VŨ TRÚC	LINH	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	9.2	7.5	
502	190502	022211012949	BÙI ĐÌNH	LONG	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	6.6	6.5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
503	190503	022211009862	NGUYỄN ĐỨC BẢO	LONG	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.75	9.6	7.75	
504	190504	022211009736	NGUYỄN ĐỨC	LONG	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	9.4	7.75	
505	190505	022211005570	TRẦN THÀNH	LONG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.75	7.2	5.75	
506	190506	022211010826	VŨ ĐỨC	LONG	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	5.8	6.75	
507	190507	022211009531	LÊ ĐỨC	LỘC	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.5	9.6	5.5	
508	190508	022211013921	NGUYỄN ĐỨC	LỢI	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	9.4	7.5	
509	190509	038211031358	ĐỖ ĐỨC	LƯỢNG	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	9.6	7.5	
510	190510	022311005544	ĐỖ NGUYỄN KHÁNH	LY	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	3.4	4.25	
511	190511	022311012146	NGÔ HÀ	LY	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	4.4	4.5	
512	190512	022311002615	NGUYỄN KHÁNH	LY	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	8	9.8	4.25	
513	190513	022311011478	NGUYỄN VŨ KHÁNH	LY	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	8.6	4.75	
514	190514	022311001635	PHAN THẢO	LY	27/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.5	3.2	4.5	
515	190515	046311003296	TRẦN THỊ KHÁNH	LY	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	9	9	
516	190516	022311006983	NGUYỄN NGỌC	MAI	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	4.6	5.5	
517	190517	022311011147	PHẠM NGỌC	MAI	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8.25	9.4	7.75	
518	190518	022311000048	PHẠM PHƯƠNG	MAI	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	9.4	6.25	
519	190519	022311012199	PHẠM THANH	MAI	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8.5	10	8	
520	190520	022311004491	TÔ HƯƠNG	MAI	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	4	5.25	
521	190521	022211008830	ĐOÀN ĐỨC	MẠNH	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.5	6.2	3.75	
522	190522	022211008314	NGUYỄN TIẾN	MẠNH	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.75	9.8	8.25	
523	190523	022311001883	PHẠM THỊ	MẾN	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	9	7.5	
524	190524	022311000182	PHẠM HÀ	MI	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	8.2	4.75	
525	190525	038311034648	TRẦN TRÀ	MI	20/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	4.6	4.75	
526	190526	022211004876	BÙI GIA	MINH	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	7.8	7	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
527	190527	022211010792	ĐẶNG NGỌC TUẤN	MINH	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	7.8	8.5	
528	190528	022211010737	ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG	MINH	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.5	7.4	6.75	
529	190529	022211007306	ĐINH QUANG	MINH	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	9.8	8.25	
530	190530	022211004053	ĐỖ NGỌC QUANG	MINH	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8.25	9.8	8.75	
531	190531	022211006782	HOÀNG HIẾU	MINH	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.25	9.2	5.25	
532	190532	022211011502	NGUYỄN HOÀNG	MINH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.75	9	6.5	
533	190533	022211008188	NGUYỄN NHẬT	MINH	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	8.6	6.5	
534	190534	022211007731	NGUYỄN QUANG	MINH	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	7.2	3.25	
535	190535	022211006099	NGUYỄN QUANG	MINH	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	9.8	7.5	
536	190536	022211007172	NGUYỄN QUANG	MINH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	9.8	8	
537	190537	022211010968	NGUYỄN TUẤN	MINH	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	7.8	7.5	
538	190538	022211011498	NGUYỄN TUẤN	MINH	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	6.6	6.5	
539	190539	020211002240	NGUYỄN VIỆT HẢI	MINH	22/04/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.75	9.2	8.25	
540	190540	022211012954	NGUYỄN VŨ NHẬT	MINH	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	8.4	7.25	
541	190541	022211010184	PHẠM ĐỨC	MINH	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	5.2	4	
542	190542	022211000140	PHẠM NGUYỄN GIA	MINH	05/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.5	9	5	
543	190543	022211008775	PHÓ TƯỜNG	MINH	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hán	THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
544	190544	022211003100	TRẦN BẢO	MINH	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	8.8	7.25	
545	190545	022211009724	TRẦN DOÃN GIA	MINH	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	5.4	5.75	
546	190546	022211011166	TRẦN DUY	MINH	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	5	4.25	
547	190547	022211001666	TRẦN NHẬT	MINH	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	8	6.75	
548	190548	022211007064	TRẦN PHÚ	MINH	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	4.5	3.6	1.75	
549	190549	030211016408	TRẦN TUẤN	MINH	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	7.8	7.5	
550	190550	022211007370	TRỊNH BÌNH	MINH	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.75	7.2	6.5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
551	190551	022211003295	VI BẢO	MINH	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	5.6	5	
552	190552	022211008575	VŨ BẢO	MINH	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	1	7.75	
553	190553	022211001208	VŨ ĐÌNH	MINH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	5.4	3.75	
554	190554	022211011344	VŨ ĐỨC	MINH	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	8.2	8.5	
555	190555	022211001743	VŨ HOÀNG	MINH	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.25	9.2	8.75	
556	190556	022211010621	VŨ NHẬT	MINH	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	9	8	
557	190557	022211007345	VƯƠNG GIA	MINH	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	5	5	
558	190558	022311003486	NGUYỄN NGỌC TRÀ	MY	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5	5.6	1.75	
559	190559	022311012140	NGUYỄN VŨ HÀ	MY	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	7.8	5.75	
560	190560	022311000087	VŨ TRÀ	MY	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.25	9	5.75	
561	190561	022311000892	HOÀNG HIẾU	MỸ	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	8.4	5.75	
562	190562	022311009362	NGÔ THIỆN	MỸ	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	8.2	7	
563	190563	022211004868	BÙI HOÀNG BẢO	NAM	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.5	4.4	6.75	
564	190564	022211004332	ĐẶNG ĐỨC	NAM	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	9	8.5	
565	190565	022211003759	HOÀNG NHẤT	NAM	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	5.4	3.75	
566	190566	022211007019	NGUYỄN BẢO	NAM	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	8.5	7.4	6.75	
567	190567	022211002724	NGUYỄN THÀNH	NAM	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	7	1.5	
568	190568	036211004608	PHẠM HOÀNG	NAM	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5	3.4	2	
569	190569	022211009594	TRẦN BẢO	NAM	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	7.2	3	
570	190570	022211005150	TRẦN BẢO	NAM	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	8	6.75	
571	190571	022211007207	TRẦN GIA	NAM	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	3.75	8	4.25	
572	190572	022211004468	TRẦN HOÀNG	NAM	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.5	8.8	8.25	
573	190573	030211018980	TRỊNH BẢO	NAM	08/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	5.4	8.25	
574	190574	022211007684	TRƯƠNG HOÀNG	NAM	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	8.6	7.75	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
575	190575	022211006210	VŨ THẾ	NAM	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	4.75	6	4.25	
576	190576	022311002427	NGUYỄN PHƯƠNG	NGA	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	9.4	7	
577	190577	024311014408	PHẠM QUỲNH	NGA	08/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8	9.6	7.5	
578	190578	022311012868	PHẠM VÂN	NGA	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	7.6	7	
579	190579	022311004908	TRẦN THÚY	NGA	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	7	5.75	
580	190580	022311010623	BÙI KIM	NGÂN	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	7.2	5.75	
581	190581	022311004542	DƯƠNG THANH	NGÂN	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.75	7.4	6	
582	190582	022311000063	ĐẶNG NGỌC	NGÂN	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8	9.6	8	
583	190583	022311003558	HOÀNG NGUYỄN BẢO	NGÂN	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	5.2	3.5	
584	190584	022311005280	MAI TRẦN BẢO	NGÂN	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	8.6	8.75	
585	190585	022311005895	NGUYỄN NGỌC BẢO	NGÂN	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	6.6	4.25	
586	190586	022311011723	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	10	8	
587	190587	022311007017	NGUYỄN THU	NGÂN	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	6.6	6	
588	190588	022311003918	NGUYỄN THU	NGÂN	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	5.6	5.5	
589	190589	022311012475	TRẦN NGỌC LINH	NGÂN	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	4.75	3.8	3.5	
590	190590	022311007215	VŨ MAI	NGÂN	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	8	8	4.25	
591	190591	022211012373	LÊ QUÝ	NGHỊ	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	8.6	8.25	
592	190592	022211012658	LÊ GIA	NGHĨA	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	8.8	9	
593	190593	022211011088	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.75	8.2	6.75	
594	190594	022211002037	PHAN KHÁNH	NGHĨA	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	8.8	7.25	
595	190595	022211005963	TRẦN HIẾU	NGHĨA	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	7.4	6.25	
596	190596	022211010485	TRẦN TRỌNG	NGHĨA	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	8.2	5.25	
597	190597	030311015478	BÙI NGUYỄN BẢO	NGỌC	21/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8.25	9.6	7.75	
598	190598	022311010538	ĐÀO HOÀNG BẢO	NGỌC	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	6.4	3.5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
599	190599	022311001738	ĐỖ BẢO	NGỌC	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.75	9.4	7.5	
600	190600	022311009880	ĐỖ MINH	NGỌC	20/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	7.8	4.5	
601	190601	022311007770	HOÀNG TÂM	NGỌC	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	8.6	7.25	
602	190602	022311006178	NGÔ BẢO	NGỌC	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	9.4	7.75	
603	190603	022311007866	NGUYỄN BẢO	NGỌC	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	8.8	6.25	
604	190604	022311005500	NGUYỄN BẢO	NGỌC	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	5	5.5	
605	190605	022311004767	NGUYỄN BẢO	NGỌC	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	4.8	4.5	
606	190606	022311005589	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	7.4	6.25	
607	190607	022311002045	NGUYỄN MINH	NGỌC	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	9.8	7.75	
608	190608	022311008916	NGUYỄN PHẠM ÁNH	NGỌC	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	6.6	3.5	
609	190609	001311035657	NGUYỄN THỊ MINH	NGỌC	21/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.75	9.6	9	
610	190610	022311009530	NGUYỄN TRẦN BẢO	NGỌC	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	3.8	1.75	
611	190611	030311000279	PHẠM BẢO ÁNH	NGỌC	09/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	6	3.75	
612	190612	022311001329	PHẠM NGUYỄN BẢO	NGỌC	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	8.6	7.25	
613	190613	022311005707	TRẦN ĐẶNG ÁNH	NGỌC	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.25	5.4	6.5	
614	190614	022311000815	TRẦN HOÀNG BẢO	NGỌC	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.5	4.8	3.25	
615	190615	022211012563	TRẦN HOÀNG	NGỌC	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	9.2	5.5	
616	190616	022311001543	TRẦN MAI	NGỌC	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.25	7.8	4	
617	190617	022311008736	VŨ THỊ BẢO	NGỌC	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	6	3.5	
618	190618	022211004094	ĐINH TRỌNG	NGUYÊN	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	8.2	3	
619	190619	022211003478	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	NGUYÊN	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5	6.2	5.5	
620	190620	022211004388	TRẦN KHÔI	NGUYÊN	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8.25	8.2	7.25	
621	190621	022311008111	TRẦN THẢO	NGUYÊN	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	6.2	7.75	
622	190622	022211010610	VŨ ĐỨC	NGUYÊN	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.75	6.8	7.25	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
623	190623	022211005023	VŨ KHÔI	NGUYÊN	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.5	4.2	2.5	
624	190624	022311000299	LÊ MINH	NGUYỆT	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6	7	7.75	
625	190625	022311005140	NGUYỄN MINH	NGUYỆT	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	4.8	4.5	
626	190626	022311007130	NGUYỄN NHƯ	NGUYỆT	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	8.4	6	
627	190627	022211007242	NGUYỄN THIỆN	NHÂN	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.5	7.4	5.25	
628	190628	022311009388	BÙI GIA	NHI	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	4.75	2.4	1	
629	190629	034311019428	BÙI THỊ PHƯƠNG	NHI	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8	5	3.75	
630	190630	022311005328	LÊ BẢO	NHI	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	6	3.25	
631	190631	030311012502	LÊ NGỌC	NHI	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	8.4	5.75	
632	190632	022311003710	NGÔ TUYẾT	NHI	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	2.8	3	
633	190633	022311007548	NGUYỄN AN	NHI	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	7	4.25	
634	190634	022311008391	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.75	7.6	7.5	
635	190635	022311001252	NGUYỄN YẾN	NHI	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	4.6	3.75	
636	190636	022311012649	PHẠM QUỲNH YẾN	NHI	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5	6.4	3.25	
637	190637	022311004134	PHẠM TÂM	NHI	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.25	7.8	7.75	
638	190638	022311010436	PHẠM THẢO	NHI	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	6	5.25	
639	190639	022311011970	PHẠM YẾN	NHI	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	9	7.5	
640	190640	022311005290	TRẦN KHÁNH	NHI	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8	9.2	5	
641	190641	022311007171	TRẦN NGUYỄN YẾN	NHI	04/10/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	6.2	5.5	
642	190642	022311001822	TRẦN YẾN	NHI	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	5	3.5	
643	190643	022311002626	VƯƠNG YẾN	NHI	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	6.6	4.75	
644	190644	022311002043	BÙI THỊ	NHUNG	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	3.2	4.5	
645	190645	022311013700	HOÀNG HỒNG	NHUNG	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.75	7.4	7.75	
646	190646	022311003365	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8.5	8.4	7.5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
647	190647	022311000697	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.25	3.4	3.5	
648	190648	022311012462	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	5.5	3	2.5	
649	190649	022311000311	TRẦN TRANG	NHUNG	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.25	5.4	4.75	
650	190650	022311010770	NGUYỄN THỊ TÂM	NHƯ	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	8.4	6.25	
651	190651	022311003437	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	NHƯ	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	8	6	
652	190652	022211006390	PHẠM NGUYÊN	NINH	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	6	4.75	
653	190653	035311003111	NGUYỄN PHƯƠNG	OANH	24/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	9.4	7.5	
654	190654	025211011815	HÀ ĐÌNH THÀNH	PHÁT	17/03/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	9.6	7.5	
655	190655	034211017133	NGUYỄN XUÂN	PHÁT	26/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	8.8	7.25	
656	190656	022211004286	NGUYỄN BẢO	PHONG	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	8.6	5.25	
657	190657	040211007577	NGUYỄN HOÀNG	PHONG	21/05/2011	Tỉnh Nghệ An	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	5.6	4.5	
658	190658	030211014884	NGUYỄN NAM	PHONG	25/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.75	9.6	8.25	
659	190659	022211002473	NGUYỄN NAM	PHONG	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	6.6	7.25	
660	190660	022211009391	NGUYỄN NAM	PHONG	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.75	7.6	6.5	
661	190661	022211008989	NGUYỄN TẤN	PHONG	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.5	6	7.5	
662	190662	022211014867	NGUYỄN TRẦN THANH	PHONG	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	5.8	5.75	
663	190663	022211014753	NGUYỄN VIỆT	PHONG	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8	9.8	9	
664	190664	022211008858	PHẠM NGUYỄN DUY	PHONG	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	8	4.5	
665	190665	022211007989	PHÙNG NAM	PHONG	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	3.6	4.25	
666	190666	022211005730	TRẦN NAM	PHONG	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	3.5	4.8	3	
667	190667	022211008219	VŨ CHẤN	PHONG	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7	6.2	7.5	
668	190668	022211000286	BÙI KHẮC	PHÚ	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	8.25	9.8	8.5	
669	190669	022211005610	ĐÀM GIA	PHÚ	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.5	9.8	8.25	
670	190670	022211008011	LÊ THIÊN	PHÚ	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.25	5.8	4.5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
671	190671	022211002137	PHAN THANH	PHÚ	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	9.2	6.75	
672	190672	022211002250	ĐỖ XUÂN VĨNH	PHÚC	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	3.5	3	3.75	
673	190673	022211012979	HOÀNG NGỌC GIA	PHÚC	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8	9.4	8.5	
674	190674	022211003563	NGUYỄN MINH	PHÚC	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.25	9.2	5.75	
675	190675	034211005895	VŨ DUY	PHÚC	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	7.4	4.75	
676	190676	022211008458	ĐOÀN CAO	PHƯƠNG	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	8.6	3.25	
677	190677	022311005197	HOÀNG LAN	PHƯƠNG	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	8.4	7	
678	190678	022311001617	HOÀNG PHẠM QUỲNH	PHƯƠNG	07/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.75	9.2	6	
679	190679	022311001870	LÊ MINH	PHƯƠNG	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.5	4.2	3	
680	190680	022311005622	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	7.4	6.75	
681	190681	022311006295	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	9.6	7.75	
682	190682	034311010911	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	01/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	6.4	5.75	
683	190683	022311006439	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8.5	10	8.5	
684	190684	033311007779	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	29/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	8.8	5.5	
685	190685	022311005710	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	8.6	4	
686	190686	022311009402	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	7	4.5	
687	190687	022311011548	PHẠM MAI	PHƯƠNG	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	8	8	6.5	
688	190688	034311010372	TRẦN HÀ	PHƯƠNG	07/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	8.6	7.75	
689	190689	022311013001	HOÀNG KIM	PHƯỢNG	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.75	6.4	5.75	
690	190690	022311007355	PHẠM THỊ HOA	PHƯỢNG	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	6.6	3.25	
691	190691	033211005609	NGUYỄN DUY	QUANG	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	7.2	5.25	
692	190692	022211007068	NGUYỄN MINH	QUANG	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	9.8	7.5	
693	190693	022211011241	PHẠM VŨ MINH	QUANG	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.5	8.8	8.75	
694	190694	022211011622	VŨ TIẾN	QUANG	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	9.8	6.75	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
695	190695	022211002188	BÙI HOÀNG	QUÂN	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	9.4	7.75	
696	190696	022211006783	ĐÀO ANH	QUÂN	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	4.75	5.4	4.5	
697	190697	022211003240	ĐẶNG ANH	QUÂN	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.75	8.8	7.75	
698	190698	022211005675	ĐỖ HỒNG	QUÂN	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	9.4	6.75	
699	190699	022211010757	MẠC MẠNH	QUÂN	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	9.8	8.5	
700	190700	022211010665	NGÔ HOÀNG	QUÂN	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8.25	9.6	8	
701	190701	022211008299	PHẠM TRUNG	QUÂN	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	10	8.5	
702	190702	022211011429	TRẦN MINH	QUÂN	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	5	3.5	
703	190703	034211009211	VŨ MINH	QUÂN	13/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	9.8	8.75	
704	190704	022211000801	ĐẶNG PHÚ	QUÝ	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	8.2	7.75	
705	190705	022311001541	ĐỖ BẢO	QUYÊN	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	7.4	5.25	
706	190706	022311006922	VŨ NGỌC	QUYÊN	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.25	6.2	5	
707	190707	022311009904	VŨ TRẦN TÚ	QUYÊN	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	9.2	8	
708	190708	022311000166	VŨ TÚ	QUYÊN	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	9.6	7.5	
709	190709	022311005091	ĐOÀN NHƯ	QUỲNH	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.75	7.6	7.75	
710	190710	022311012356	HOÀNG NHƯ	QUỲNH	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	8.4	5.75	
711	190711	033311003908	LÊ DIỄM	QUỲNH	29/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	9	8	
712	190712	022311001950	TRẦN THU	QUỲNH	21/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	8	8.8	6.75	
713	190713	022311003536	ĐINH HẠNH	SAN	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8.25	8	7	
714	190714	022211003288	BÙI NHẤT	SƠN	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	3.5	5.6	4.25	
715	190715	022211004670	ĐẶNG THÁI	SƠN	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	4.25	8.4	7.25	
716	190716	022211013710	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	7.6	6.75	
717	190717	022311012667	BÙI THỊ THANH	TÂM	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	5.8	4.75	
718	190718	022311000232	ĐẶNG HOÀNG ĐAN	TÂM	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	9.6	6	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
719	190719	022311004788	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.25	7.6	5.5	
720	190720	022311011107	TRẦN BẢO	TÂM	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.5	7.6	4	
721	190721	022311008690	TRẦN THANH	TÂM	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	8.6	7	
722	190722	022211008211	HUỲNH DUY	THÁI	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	6.5	7.2	3.75	
723	190723	022211006617	NGUYỄN MINH	THÁI	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	3.5	8.4	5.5	
724	190724	022211005843	VŨ ĐỨC	THÁI	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	9.2	8.5	
725	190725	022311008596	ĐÀO DIỆP	THANH	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	7.6	8.75	
726	190726	022311000219	ĐẶNG PHƯƠNG	THANH	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	3.8	6.25	
727	190727	022311000057	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	THANH	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.75	9	4	
728	190728	038311007065	NGUYỄN LÊ	THANH	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.5	5.8	5.25	
729	190729	022311009243	NGUYỄN THỊ BÁCH	THANH	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8.5	10	6.25	
730	190730	022211005729	TẠ CHÍ	THANH	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	4.4	6.25	
731	190731	022211003569	NGUYỄN ĐỨC	THÀNH	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	2.4	5.75	
732	190732	022211011755	PHẠM GIA	THÀNH	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	6.2	7	
733	190733	067211000289	PHAN LÊ DUY	THÀNH	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	8.4	7	
734	190734	022211001135	TRẦN TIẾN	THÀNH	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	6	6.75	
735	190735	022311008994	ĐÀO PHƯƠNG	THẢO	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	5.6	7	
736	190736	031311000248	ĐẶNG DƯƠNG PHƯƠNG	THẢO	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	9.2	6.25	
737	190737	001311030193	ĐẶNG PHƯƠNG	THẢO	05/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	3.75	7	2.75	
738	190738	022311002164	GIANG NGUYÊN	THẢO	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	9.8	8.25	
739	190739	022311000213	LÊ PHƯƠNG	THẢO	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	8	7.6	4.75	
740	190740	022311010818	LÊ PHƯƠNG	THẢO	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	10	7	
741	190741	022311010482	LÊ PHƯƠNG	THẢO	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	9.8	7	
742	190742	022311002902	LƯƠNG THU	THẢO	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8.25	9.2	7.5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
743	190743	022311003587	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	9.6	9	
744	190744	022311000313	NGUYỄN THANH	THẢO	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	8.4	6.75	
745	190745	022311009445	VƯƠNG THANH	THẢO	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	4.2	4	
746	190746	022211001978	NGUYỄN CHIẾN	THẮNG	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.25	8.4	4.75	
747	190747	022211012297	NGUYỄN TẤT	THẮNG	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.25	8.8	7	
748	190748	022211004768	NGUYỄN HÀO	THIÊN	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.75	5.8	4.75	
749	190749	001211032950	NGUYỄN GIANG	THIỆN	12/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	9.6	8.5	
750	190750	022211001853	TRỊNH HỮU	THIỆN	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	6.2	6.5	
751	190751	022311002463	NGUYỄN THỊ MINH	THU	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	4.6	3.5	
752	190752	022311007166	BÙI THỊ MAI	THÙY	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	8.8	7	
753	190753	022311011046	HOÀNG THANH	THỦY	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	7.2	4.25	
754	190754	036311018124	NGUYỄN THANH	THỦY	12/10/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8	9.4	9	
755	190755	022311001200	NGUYỄN THU	THỦY	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	7.8	5.25	
756	190756	022311010435	TRẦN MINH	THỦY	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	6.2	7.25	
757	190757	022311008577	VƯƠNG THANH	THỦY	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	5	3	
758	190758	022311004575	ĐẶNG ANH	THƯ	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	8	4.5	
759	190759	022311012336	ĐẶNG MINH	THƯ	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	8.6	4.75	
760	190760	022311008989	ĐẶNG NGUYỄN ANH	THƯ	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.5	8.2	3.25	
761	190761	022311008953	ĐỖ ANH	THƯ	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	7.2	4.5	
762	190762	022311008532	LÊ TRẦN ANH	THƯ	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	6.6	4.5	
763	190763	022311008632	NGÔ ANH	THƯ	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.75	9.4	7.25	
764	190764	034311003954	NGUYỄN ANH	THƯ	28/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	8.8	6.75	
765	190765	022311006836	NGUYỄN ANH	THƯ	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	8.6	7.5	
766	190766	022311006774	NGUYỄN ĐỨC ANH	THƯ	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.75	7.8	5.5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
767	190767	022311002055	NGUYỄN HOÀNG ANH	THƯ	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	8.8	4.5	
768	190768	022311007582	NGUYỄN MINH	THƯ	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.25	9.6	5.75	
769	190769	022311002836	NGUYỄN MINH	THƯ	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	8.4	5.5	
770	190770	022311007989	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	6.2	4	
771	190771	022311010464	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	THƯ	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	7.4	6	
772	190772	022311010925	NGUYỄN TRẦN ANH	THƯ	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	8	5	
773	190773	022311003460	PHẠM LÊ ANH	THƯ	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	4.6	2.25	
774	190774	022311000194	PHÙNG HÀ ANH	THƯ	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	8.6	6.75	
775	190775	022311005872	THÁI MINH	THƯ	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	4.2	1.75	
776	190776	022311013638	TRẦN ANH	THƯ	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	10	5.75	
777	190777	022311012499	TRẦN ANH	THƯ	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.75	9.4	7.25	
778	190778	022311009587	TRẦN HÀ ANH	THƯ	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.25	8.4	4.25	
779	190779	022311008648	VŨ THANH	THƯ	21/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	7.8	7.25	
780	190780	034311007012	LƯU THỊ	THƯƠNG	02/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	7.4	5.5	
781	190781	022311010241	NGUYỄN BẢO	THY	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	3.4	3.5	
782	190782	022311004556	NGUYỄN KHÁNH	THY	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	3.75	8	4	
783	190783	001311056311	NGUYỄN NGỌC THỦY	TIÊN	23/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.5	9.6	5.5	
784	190784	022311008033	PHẠM THỊ THỦY	TIÊN	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	4	4	3	
785	190785	022211000438	CHU VŨ	TIẾN	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.75	8.2	8	
786	190786	036211006631	DƯƠNG VIỆT	TIẾN	14/12/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.25	5.2	4.5	
787	190787	030211009848	PHẠM XUÂN ĐỨC	TIẾN	19/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	9	8.5	
788	190788	022211006198	THÂN NHẬT	TIẾN	23/08/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.5	7.2	4	
789	190789	033211014913	DƯƠNG THANH	TOÀN	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	7.2	5.25	
790	190790	022211008707	NGUYỄN THẮNG	TOÀN	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	6.8	5.25	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
791	190791	022211012305	NGUYỄN XUÂN	TOÀN	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	6	5.25	
792	190792	022311006382	CAO HUYỀN	TRANG	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	8.4	6.5	
793	190793	033311009784	HOÀNG THỊ MINH	TRANG	29/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	8.8	5.5	
794	190794	022311004605	LÊ HUYỀN	TRANG	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	5.2	4.75	
795	190795	022311012630	NGUYỄN PHƯƠNG	TRANG	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	7.75	9	7.5	
796	190796	022311001533	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8.5	8.2	7.75	
797	190797	022311000086	PHẠM BẢO	TRANG	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	8.2	7.5	
798	190798	019311002766	PHẠM NGUYỄN MINH	TRANG	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8.25	9.4	7.75	
799	190799	030311007981	PHẠM NGUYỄN THẢO	TRANG	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	9.8	7	
800	190800	022311000292	TĂNG THỊ BẢO	TRANG	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	9	5.25	
801	190801	022311002605	TRẦN HUYỀN	TRANG	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.5	7.4	4.5	
802	190802	022311000283	VƯƠNG HUYỀN	TRANG	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	8.6	6.5	
803	190803	019311007131	NÔNG BẢO	TRÂM	24/12/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nữ	Nùng	THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	6.4	4	
804	190804	022311000247	PHẠM MAI BẢO	TRÂM	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8.5	8.6	7.5	
805	190805	022311001371	VŨ BẢO	TRÂN	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	10	7.25	
806	190806	022211014872	NGUYỄN TRỌNG	TRÍ	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	7.8	5.75	
807	190807	022311001220	PHẠM KIỀU	TRINH	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	7.4	4.75	
808	190808	022311005396	PHẠM VIỆT	TRINH	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.75	7	6	
809	190809	022211002300	ĐINH HỮU	TRỌNG	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.75	8.2	6.75	
810	190810	022211010165	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	8.4	5.25	
811	190811	031211005284	VŨ QUỐC	TRỌNG	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	5.2	4.75	
812	190812	022311007909	BÙI THẢO	TRÚC	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	9.2	8.25	
813	190813	022311013770	MAI THỊ THANH	TRÚC	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	6	3.25	
814	190814	022311003533	NGUYỄN NGỌC THỦY	TRÚC	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	8.8	3.25	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
815	190815	022311001392	NGUYỄN THANH	TRÚC	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	7.8	4.75	
816	190816	022311007695	NGUYỄN THANH	TRÚC	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.5	6.2	3.25	
817	190817	022211006883	ĐỖ THÀNH	TRUNG	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.75	7.6	5.75	
818	190818	022211002634	ĐỖ THÀNH	TRUNG	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.25	8.4	7.75	
819	190819	022211000767	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	8.4	6.75	
820	190820	001211028707	NGUYỄN GIANG	TRƯỜNG	12/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	9.2	8.5	
821	190821	022211007149	TRẦN THIÊN	TRƯỜNG	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	8	5.75	
822	190822	022211003884	PHẠM QUANG	TRƯỜNG	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	9.8	7	
823	190823	022211003577	BÙI MINH	TÚ	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.75	9.2	6.5	
824	190824	022211010546	ĐẶNG ANH	TÚ	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	8.6	7.5	
825	190825	001211048670	ĐỖ TUẤN	TÚ	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	8.4	7.5	
826	190826	033311009886	NGÔ THỊ	TÚ	25/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.75	6	2.5	
827	190827	022211009871	TRẦN ANH	TÚ	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	8.8	7.5	
828	190828	022211000157	ĐỖ ANH	TUẤN	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	5.8	3.5	
829	190829	022211002803	ĐƯỜNG MINH	TUẤN	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.25	8	7.5	
830	190830	022211004786	HOÀNG ANH	TUẤN	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.5	9.4	7	
831	190831	022211010270	LÃ ANH	TUẤN	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	8.8	7.5	
832	190832	022211011554	NGUYỄN MINH	TUẤN	21/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	7.8	6.5	
833	190833	034211002664	PHẠM ANH	TUẤN	24/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8	9.8	9	
834	190834	022211012325	PHAN ANH	TUẤN	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.25	10	8.5	
835	190835	022211011290	PHÙNG MINH	TUẤN	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7.75	8.8	7	
836	190836	022211002459	VŨ ANH	TUẤN	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	5.5	7.4	5.5	
837	190837	022211008302	VŨ QUANG	TUẤN	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	4.8	6.5	
838	190838	022211003355	DƯƠNG HUY	TÙNG	25/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	9.6	7.25	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
839	190839	022211004818	ĐỖ QUANG	TÙNG	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6.25	4.2	5.75	
840	190840	022211001856	HOÀNG NHẬT	TÙNG	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	4.25	6.6	3.25	
841	190841	031211019546	NGÔ THANH	TÙNG	05/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.5	4.6	4	
842	190842	022211002567	NGUYỄN ANH	TÙNG	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	4	6	2.75	
843	190843	022211000148	NGUYỄN HỮU HẢI	TÙNG	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.25	7.4	6.5	
844	190844	022211003281	NGUYỄN SƠN	TÙNG	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	8.2	4.75	
845	190845	022211003356	NINH BÙI TUẤN	TÙNG	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	7.2	8	
846	190846	022211003584	TRẦN VIỆT	TÙNG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8.25	8	6.5	
847	190847	022211003118	VŨ HOÀNG	TÙNG	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.75	9	8	
848	190848	022211009234	LÝ THÁI	TUYÊN	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	3.5	4.6	1.75	
849	190849	030311014031	PHAN THỊ THU	TUYỀN	05/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8.25	7.8	5.75	
850	190850	031311016468	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	22/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7	7.4	5.75	
851	190851	022311005288	VŨ THỊ ÁNH	TUYẾT	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.5	8	6.25	
852	190852	035311007502	ĐỖ PHƯƠNG	UYÊN	07/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	6.2	5	
853	190853	027311005051	HOÀNG THANH	UYÊN	27/12/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8.5	6.2	3.5	
854	190854	022311011336	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	8	6.5	
855	190855	022311011579	PHAN PHƯƠNG	UYÊN	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	8.4	6.5	
856	190856	022311012395	ĐINH THANH	VÂN	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	8.4	7.25	
857	190857	022311006023	LÊ PHƯƠNG	VI	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.5	8.8	3.25	
858	190858	022311009358	TRẦN THỊ YẾN	VI	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	8.2	7.25	
859	190859	022211001118	PHẠM HOÀNG	VIỆT	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	8.4	4.75	
860	190860	022211008110	PHẠM QUỐC	VIỆT	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.75	9	7	
861	190861	022211012207	BẠC CẨM	VINH	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	8	10	9	
862	190862	022211007455	DIỆP THÀNH	VINH	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	5.25	6.4	5	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
863	190863	022211002322	ĐINH QUỐC	VINH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	9.6	7.5	
864	190864	022211002611	NGUYỄN BÙI TRƯỜNG	VINH	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	6.2	4.25	
865	190865	036211023659	TỐNG CÔNG	VINH	18/08/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	4.25	8.8	5.75	
866	190866	022211010561	TRẦN ĐỨC	VINH	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	6.6	4.25	
867	190867	033211004758	ĐÀO HUY	VŨ	25/08/2011	Tỉnh Điện Biên	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	7.2	4.25	
868	190868	022211001001	SỲ PHONG	VŨ	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hán	THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.75	6.2	7.5	
869	190869	022211005275	PHẠM LÂM	VƯƠNG	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	8.2	7.75	
870	190870	022211001844	TẠ KHẢI	VƯƠNG	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	9.6	7.5	
871	190871	046311005182	ĐẶNG TRẦN YẾN	VY	02/01/2011	Tỉnh Đồng Nai	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	6	2.6	3.75	
872	190872	022311000370	ĐỖ YẾN	VY	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	4.6	3.5	
873	190873	022311011011	LẠI KHÁNH	VY	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.75	8	5	
874	190874	022311006099	LÊ BÙI HÀ	VY	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.25	9	5	
875	190875	022311006478	NGUYỄN HÀ	VY	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.75	5.2	6.75	
876	190876	034311009873	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	VY	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	5.25	4.6	4.75	
877	190877	022311002513	NGUYỄN KHÁNH	VY	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	7	9.2	6	
878	190878	022311002879	NGUYỄN QUỲNH	VY	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.75	5	4.75	
879	190879	022311003824	PHẠM TƯỜNG	VY	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.5	9.6	4.75	
880	190880	022311009796	VŨ PHƯƠNG	VY	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.25	7.6	7.25	
881	190881	038311021033	VŨ TƯỜNG	VY	18/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.5	6.2	7.25	
882	190882	022211013060	PHẠM KHÔI	VỸ	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7.5	8.6	7.5	
883	190883	022311000293	LÊ BẢO	YẾN	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.5	5.6	2.5	
884	190884	022311001385	NGUYỄN HẢI	YẾN	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	7.4	7.25	
885	190885	022311009755	NGUYỄN HẢI	YẾN	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.25	5.2	5.25	
886	190886	022311009820	NGUYỄN NHẬT	YẾN	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	7.25	8.6	5.75	

Đơn vị: THPT Cẩm Phả (22_HD_019)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
										Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
887	190887	022311003712	TRỊNH HẢI YẾN	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	8	8.8	5.5	

(Danh sách này gồm có 887 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	200001	022311002768	LẠC VY	AN	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	2	2.8	1.5	
2	200002	022211013935	NGUYỄN ĐỨC	AN	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	5.2	7.25	
3	200003	022211013170	PHẠM TRÀNG	AN	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5	4.6	4.25	
4	200004	022311012817	BÙI HẢI	ANH	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.75	5.2	4	
5	200005	022311012672	BÙI MINH	ANH	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.75	4.8	4.25	
6	200006	022311011083	BÙI PHƯƠNG	ANH	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.5	6	4.25	
7	200007	022311009584	DƯƠNG MINH	ANH	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8	8.2	5.75	
8	200008	038211000895	ĐÀO DUY	ANH	30/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.75	7.2	8	
9	200009	022211009597	ĐẶNG LÊ HỒNG	ANH	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	7.2	4.75	
10	200010	022311001795	ĐẶNG NGỌC MINH	ANH	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	5.4	4.75	
11	200011	022311012934	ĐINH PHƯƠNG	ANH	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	7.8	9	
12	200012	022311007495	ĐOÀN LAN	ANH	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	5.6	4	
13	200013	022311005454	ĐOÀN THỊ VÂN	ANH	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.5	3.8	3	
14	200014	022311007915	ĐỖ BẢO	ANH	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	7.6	3.5	
15	200015	022311010817	HÀ THỊ VÂN	ANH	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	5.8	3.5	
16	200016	022311006678	HOÀNG BẢO	ANH	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.25	4.4	5	
17	200017	022211001833	KIỀU NHẬT	ANH	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5	1.6	2.75	
18	200018	038311033272	LÊ HẢI	ANH	03/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.5	5.8	4	
19	200019	038211005186	LÊ TRỌNG VIỆT	ANH	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	4.75	6.2	4.25	
20	200020	022211011363	LÊ TUẤN	ANH	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.75	7.6	7.25	
21	200021	034311008417	NGÔ TRẦN HÀ	ANH	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	8.2	5.75	
22	200022	022211006797	NGUYỄN DUY	ANH	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	3.75	5	3.75	
23	200023	022311002975	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	ANH	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	7	5.5	
24	200024	026211015198	NGUYỄN HOÀNG	ANH	07/05/2011	Tỉnh Lai Châu	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6	9	7	
25	200025	035211008747	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	ANH	12/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.75	5.6	7.25	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
26	200026	022311003952	NGUYỄN QUỲNH	ANH	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8	6.2	4.25	
27	200027	034311011542	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	10/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.75	7.6	5.25	
28	200028	022311008437	PHẠM HOÀNG	ANH	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5	2.8	2.5	
29	200029	022211010522	PHẠM HUY	ANH	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	8	4	
30	200030	022211007050	PHẠM TUẤN	ANH	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.75	8.2	3.75	
31	200031	022311005925	PHAN CHÂU	ANH	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	8.6	6	
32	200032	022311005010	PHÓ PHƯƠNG	ANH	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8.25	8.8	6.75	
33	200033	022211006721	TẠ KHẢI	ANH	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8	8.8	7.75	
34	200034	022211001984	TRẦN BẢO	ANH	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	4.75	8	6.75	
35	200035	033311009692	TRẦN QUỲNH	ANH	16/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.75	8.2	7	
36	200036	022311013729	TRƯƠNG MINH NGỌC	ANH	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Nùng	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8	8.8	7.75	
37	200037	022311011364	TRƯƠNG PHƯƠNG	ANH	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.75	7.2	4.25	
38	200038	022211006172	TRƯƠNG THẮNG	ANH	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	6.6	6.25	
39	200039	027311000730	VŨ HỒNG	ANH	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	5.6	5.75	
40	200040	022311003591	VŨ NGỌC VÂN	ANH	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	6	4.25	
41	200041	022311000775	NGÔ NGỌC	ÁNH	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.75	7	4.25	
42	200042	022311005179	NGUYỄN MINH	ÁNH	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7	7	5.75	
43	200043	030311000172	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	12/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.5	6	3.75	
44	200044	022311009540	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7	6.2	5	
45	200045	022311007531	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	02/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.25	7.8	5.25	
46	200046	030311011838	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.25	4.4	4.75	
47	200047	022311007992	PHẠM NGUYỄN KIỀU	ÂN	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8.75	8.2	5.25	
48	200048	042211013456	HỒ GIA	BÁCH	24/01/2011	Tỉnh Hà Tĩnh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	8.8	7	
49	200049	037211008156	PHẠM XUÂN	BÁCH	06/03/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	6.8	4.75	
50	200050	001211003291	BÙI GIA	BẢO	02/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	5.6	4.5	
51	200051	042211014164	ĐOÀN GIA	BẢO	02/01/2011	Tỉnh Hà Tĩnh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7	7.4	5.5	
52	200052	022211002767	HOÀNG GIA	BẢO	25/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	4.2	4.75	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
53	200053	034211011072	NGUYỄN GIA	BẢO	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.25	4	2.5	
54	200054	038211026589	PHẠM NGỌC GIA	BẢO	14/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	9.6	7.5	
55	200055	033211013761	TRẦN HOÀNG GIA	BẢO	21/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5	5.8	4.75	
56	200056	022311010975	HÀ THỊ NGỌC	BÍCH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.25	8.2	6.75	
57	200057	022311005994	HỒ NGỌC	BÍCH	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	8.2	6.75	
58	200058	022311007367	TRẦN NGỌC	BÍCH	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	8	6.4	4.75	
59	200059	022211001658	NGUYỄN VĂN	BIÊN	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.75	7.6	5.25	
60	200060	022211011537	NGUYỄN ĐỨC	BÌNH	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	8	5.75	
61	200061	022211003658	PHẠM THANH	BÌNH	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	8	4	
62	200062	022311002850	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂM	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.5	6	4.75	
63	200063	034311016972	ĐỖ NGỌC BẢO	CHÂU	07/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.75	9	6.25	
64	200064	022211011757	LÊ ĐÌNH BẢO	CHÂU	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.25	9.2	5.75	
65	200065	022311008555	NGUYỄN BẢO	CHÂU	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.5	6.2	4	
66	200066	022311013623	BÙI THỊ KHÁNH	CHI	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.5	5.4	4.75	
67	200067	040311025306	CHU PHẠM LINH	CHI	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	8.8	6.75	
68	200068	022311002161	ĐẶNG KHÁNH	CHI	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	5.6	6	
69	200069	022311011255	ĐẶNG MINH	CHI	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	4.8	5.25	
70	200070	022311007314	NGÔ NGUYỄN THÙY	CHI	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
71	200071	022311006892	NGÔ QUẾ	CHI	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	8.2	3.75	
72	200072	042311003591	NGUYỄN DIỆP	CHI	12/08/2011	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Thái	TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	8	4.8	4.25	
73	200073	022311008692	NGUYỄN LÊ LINH	CHI	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.25	2.4	3.25	
74	200074	022311002816	NGUYỄN THỊ QUỲNH	CHI	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	4	5.5	
75	200075	022311001023	NGUYỄN THÙY	CHI	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.5	3.8	2.25	
76	200076	034311017447	PHẠM THÙY	CHI	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8	8.2	6	
77	200077	022311005725	PHẠM THÙY	CHI	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	7.6	6.5	
78	200078	038211021673	HOÀNG ĐÌNH	CƯỜNG	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	6.8	2.75	
79	200079	034211016169	NGUYỄN ĐỨC THANH	DANH	02/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	4.75	6.2	3	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
80	200080	022211010180	VŨ CÔNG	DANH	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.75	5.8	3.5	
81	200081	036211017097	NGUYỄN NGỌC	DIỆN	16/07/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8	7.4	7.25	
82	200082	022311001681	NGUYỄN MINH	DIỆP	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.5	7.6	4.75	
83	200083	022311002075	NGUYỄN PHƯƠNG	DIỆP	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	4	2.8	2.75	
84	200084	022211007915	BÙI TIẾN	DŨNG	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	6.8	4.5	
85	200085	022211013630	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	6.6	5.25	
86	200086	022211013777	PHẠM ANH	DŨNG	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	9.4	6.5	
87	200087	022211000183	PHẠM TIẾN	DŨNG	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	0.2	7.25	
88	200088	034211000458	ĐÀO VĂN	DUY	25/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.25	6	2.5	
89	200089	034211015721	MAI THẠCH	DUY	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	3.75	6.4	6.25	
90	200090	027211000527	NGUYỄN ĐĂNG	DUY	22/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	6.8	3.75	
91	200091	022211013543	NGUYỄN ĐỨC	DUY	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	2	2.4	2.5	
92	200092	022211002585	NGUYỄN KHÁNH	DUY	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.75	9.4	7	
93	200093	022211009179	TẠ NGỌC	DUY	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.25	5.8	2.75	
94	200094	022211002943	TỐNG MINH	DUY	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.25	8.8	6.75	
95	200095	022211001992	TRẦN BẢO	DUY	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.75	7	5.75	
96	200096	022211007717	TRẦN MINH	DUY	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.5	5	1	
97	200097	022311009047	TRẦN MỸ	DUYÊN	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.5	5.6	6.5	
98	200098	022211000173	ĐẶNG TÙNG	DƯƠNG	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	9.8	8.5	
99	200099	022311001772	ĐỖ THÙY	DƯƠNG	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	5.6	4.5	
100	200100	022311010871	ĐỖ THÙY	DƯƠNG	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.5	5.2	2	
101	200101	038211033460	MAI ĐẠI	DƯƠNG	22/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.25	9.4	7	
102	200102	022311000161	NGÔ ÁNH	DƯƠNG	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.25	7.2	6	
103	200103	024311007179	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8.25	9.4	7.25	
104	200104	022311006602	NGUYỄN TRẦN YẾN	DƯƠNG	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	7	4.5	
105	200105	022211012925	QUẢN MINH	DƯƠNG	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	7.6	6.75	
106	200106	038211024381	TRỊNH NGUYỄN TÙNG	DƯƠNG	07/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.25	9.2	7.25	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
107	200107	022311003659	VŨ ÁNH	DƯƠNG	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	0.5	2.6	2	
108	200108	022211005666	NGUYỄN THÀNH	ĐẠI	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	5.6	4	
109	200109	022311002742	HOÀNG LINH	ĐAN	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.5	4	5	
110	200110	022311002790	NGUYỄN NGỌC LINH	ĐAN	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5	4.6	3.25	
111	200111	022211004401	BÙI TIẾN	ĐẠT	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	7.6	7.5	
112	200112	022211004765	HOÀNG TIẾN	ĐẠT	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	4	5	3.5	
113	200113	038211004787	LA THẾ	ĐẠT	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.75	4	6.25	
114	200114	022211010538	LÊ THÀNH	ĐẠT	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	9	8	
115	200115	022211005233	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	3.5	2.4	1.75	
116	200116	035211010567	PHẠM QUANG	ĐẠT	16/12/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6	4.8	6.5	
117	200117	022211000277	PHẠM TIẾN	ĐẠT	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	7.2	6	
118	200118	030211014443	PHẠM VĂN MẠNH	ĐẠT	01/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	5.4	5.25	
119	200119	034211016025	PHAN TIẾN	ĐẠT	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.25	4.4	4.5	
120	200120	022211014791	TRẦN TIẾN	ĐẠT	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.25	3.8	2.75	
121	200121	022211002148	TRỊNH THẾ	ĐẠT	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	8.6	7.25	
122	200122	022211007156	HOÀNG HẢI	ĐĂNG	30/09/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	6	2.5	
123	200123	022211001049	PHẠM QUANG HẢI	ĐĂNG	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.75	4.4	4.25	
124	200124	022211005298	LÊ ANH	ĐỨC	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	7.6	4.75	
125	200125	038211018338	LÊ NGUYỄN ANH	ĐỨC	31/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4	5.8	2.75	
126	200126	038211010633	NGUYỄN MINH	ĐỨC	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	3.6	5.75	
127	200127	022211002534	NGUYỄN MINH	ĐỨC	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5	2.4	3.75	
128	200128	022211013307	NGUYỄN TRÍ	ĐỨC	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.25	5.4	3.25	
129	200129	022211013028	NGUYỄN TUẤN	ĐỨC	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.5	4.4	2	
130	200130	022211012114	TRẦN MINH	ĐỨC	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	4.75	3.8	1	
131	200131	036211008455	VŨ ANH	ĐỨC	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.75	8.6	5.75	
132	200132	030311014797	BÙI TRÀ	GIANG	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	6.8	2.5	
133	200133	022311001799	ĐẶNG QUỲNH	GIANG	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.5	4.8	4.25	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
134	200134	027311000064	HOÀNG KIM	GIANG	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.25	3.4	3.5	
135	200135	022311008906	LÊ ÁNH	GIANG	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	8.6	5.75	
136	200136	022311006414	NGUYỄN THU	GIANG	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	8.8	7.25	
137	200137	033311010975	NGUYỄN VŨ HƯƠNG	GIANG	13/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.5	8.8	5	
138	200138	022311008889	RA HƯƠNG	GIANG	14/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.5	3.4	4.25	
139	200139	022211003311	TRẦN PHONG	GIANG	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.75	6.6	5.25	
140	200140	022211013402	BÙI HOÀNG	HÀ	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5	5.6	2.75	
141	200141	022311003750	ĐẶNG VÂN	HÀ	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	2.4	4	
142	200142	022311012587	LÊ KHÁNH	HÀ	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.25	5	4.75	
143	200143	022311000296	LÊ NGỌC	HÀ	07/11/2011	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.25	7	5.75	
144	200144	022311011134	NGUYỄN VIỆT	HÀ	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	9.4	5.75	
145	200145	022311001755	PHẠM THANH	HÀ	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	8	7.4	7	
146	200146	034311001025	TRẦN THỊ THANH	HÀ	08/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	9	7.25	
147	200147	010311005112	HOÀNG THỊ TRANG	HẠ	11/11/2011	Tỉnh Lào Cai	Nữ	Tày	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	3.8	2.25	
148	200148	034211007070	ĐINH ANH	HAI	18/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	7.4	5	
149	200149	031211015938	CHU HOÀNG	HẢI	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6	6.8	4.75	
150	200150	022211009494	ĐỖ MINH	HẢI	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.75	6.6	3.5	
151	200151	034211004062	HÀ NGỌC	HẢI	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5	7.4	6	
152	200152	022211013037	NGUYỄN MẠNH	HẢI	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5	5.2	4.5	
153	200153	036211004151	PHẠM THANH	HẢI	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	1	4.4	3	
154	200154	038311014836	TRẦN THỊ	HẢI	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5	1.8	4	
155	200155	022311003638	HOÀNG THỊ MỸ	HẠNH	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	9	7	
156	200156	022211000382	NGÔ ANH	HÀO	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.5	7.8	4.25	
157	200157	022311007756	LÊ THU	HẰNG	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	8.2	4.25	
158	200158	022311009112	ĐỖ THỊ NGỌC	HÂN	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	4.6	3.75	
159	200159	022311006448	NGÔ HOÀNG GIA	HÂN	09/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.75	8.4	6	
160	200160	022211002916	NGUYỄN ĐỨC	HẬU	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	2.25	3	1.75	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
161	200161	033211003938	ĐỖ BÁ	HIẾU	15/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	8	8.25	
162	200162	022211000695	ĐỖ MẠNH	HIẾU	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.25	3.4	2.75	
163	200163	034211002920	HOÀNG TRUNG	HIẾU	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5	7.6	3.5	
164	200164	022211009038	HỒ GIA	HIẾU	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	4.6	3.5	
165	200165	022211012191	LÊ NGỌC	HIẾU	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.25	9.2	4.75	
166	200166	030211016721	LƯU ĐỨC	HIẾU	14/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.5	5	2.5	
167	200167	022211013816	NGUYỄN MINH	HIẾU	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5	8.6	5.25	
168	200168	024211000789	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	19/06/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6	4.2	2.75	
169	200169	036211017991	TRẦN TRUNG	HIẾU	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	7.2	5.75	
170	200170	022311003258	PHẠM KHÁNH	HÒA	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	6.4	3.25	
171	200171	022211004283	PHẠM THÁI	HÒA	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.5	7.2	5.75	
172	200172	022211007192	TRẦN THÁI	HÒA	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	6.8	5.25	
173	200173	030211006342	NGUYỄN HUY	HOÀN	12/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.5	5.6	6.75	
174	200174	022211002797	BÙI HUY	HOÀNG	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	0.5	6.6	1.75	
175	200175	022211010050	ĐINH KHẮC HUY	HOÀNG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.25	2.8	2	
176	200176	034211002333	ĐỖ VIỆT	HOÀNG	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	7.6	6.25	
177	200177	022211012107	LÊ HUY	HOÀNG	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	7.2	5.25	
178	200178	022211007925	NGUYỄN TRỌNG	HOÀNG	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.75	8	6.75	
179	200179	034211012803	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.25	3.6	3.25	
180	200180	022211000765	VŨ HUY	HOÀNG	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.5	6.2	4	
181	200181	040211013778	HỒ CÔNG THÁI	HỌC	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.5	6.2	5	
182	200182	022211010996	LÊ ĐỨC	HÙNG	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	3.75	2.8	4.25	
183	200183	022211012232	PHAN MẠNH	HÙNG	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	3	5.4	4	
184	200184	030211008276	ĐÀO GIA	HUY	09/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.25	7.4	6.75	
185	200185	022211012398	ĐÀO GIA	HUY	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.5	8.8	8.75	
186	200186	022211006996	NGÔ QUANG	HUY	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	6.6	6.25	
187	200187	033211010735	NGUYỄN GIA	HUY	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5	7.6	3.75	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
188	200188	040211011510	NGUYỄN GIA	HUY	19/08/2011	Tỉnh Nghệ An	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	7.8	4.5	
189	200189	022211006078	NGUYỄN HỮU MINH	HUY	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	7.2	6	
190	200190	022211011657	PHẠM QUANG	HUY	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	7.8	6	
191	200191	022211006297	TỐNG GIA	HUY	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	8	5.75	
192	200192	022211009006	TRẦN GIA	HUY	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	7	5	
193	200193	022211006473	TRẦN GIA	HUY	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	5.4	5.75	
194	200194	024211011010	TRẦN GIA	HUY	09/01/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	9	7	
195	200195	022211014804	TRẦN GIA	HUY	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.5	4.2	4.75	
196	200196	022211014851	VŨ GIA	HUY	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.75	6.8	5.5	
197	200197	022311008010	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	6.2	4.25	
198	200198	022311005678	VŨ KHÁNH	HUYỀN	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	6.4	5	
199	200199	022311006856	VŨ THANH	HUYỀN	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.25	1.6	1	
200	200200	022211010999	BÙI DUY	HƯNG	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	8.6	7.25	
201	200201	022211011423	BÙI MẠNH	HƯNG	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.25	9.6	5.5	
202	200202	022211007430	ĐÀM MINH	HƯNG	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6	4.2	2.25	
203	200203	022211013555	ĐÀO TUẤN	HƯNG	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	6	4.5	
204	200204	022211009373	ĐẶNG DUY	HƯNG	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	7.4	3.75	
205	200205	022211004111	ĐẶNG GIA	HƯNG	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	9.6	5.25	
206	200206	022211008435	NGUYỄN KHÁNH	HƯNG	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	8	6.25	
207	200207	022211009715	NGUYỄN QUANG	HƯNG	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	3.6	3.5	
208	200208	040211016478	NGUYỄN SỸ GIA	HƯNG	26/10/2011	Tỉnh Nghệ An	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6	7.8	5.75	
209	200209	022211004681	PHẠM TUẤN	HƯNG	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.5	0.4	4.25	
210	200210	022311001242	DƯƠNG QUỲNH	HƯƠNG	17/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.75	4.2	4.25	
211	200211	022311006582	ĐẶNG THANH	HƯƠNG	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	7	7.75	
212	200212	034311004927	NGÔ THANH	HƯƠNG	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8.5	9.2	7	
213	200213	024311010235	NGUYỄN THU	HƯƠNG	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	7.2	8	
214	200214	022311000285	TRẦN THU	HƯƠNG	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	5.8	4.75	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
215	200215	022311009761	VŨ NGỌC DIỄM	HƯƠNG	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.75	9.2	4.75	
216	200216	022311006300	THOÒNG THÚY	HƯỜNG	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8	7.8	6.25	
217	200217	022311008970	TRẦN THU	HƯỜNG	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	6	4.5	
218	200218	022211002568	ĐÀM QUÂN	KHẢI	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	5.6	3.25	
219	200219	022211009315	BÀNG MINH	KHANG	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	7.4	7	
220	200220	022311012929	NGUYỄN HIỀN	KHANG	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	7.2	5	
221	200221	019211014017	TRẦN TUẤN	KHANH	10/01/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nam	Sán Chay	TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.75	9	6.5	
222	200222	022211008553	BÙI NAM	KHÁNH	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	5.4	6.5	
223	200223	022211010731	ĐỖ QUỐC	KHÁNH	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	6.2	6.5	
224	200224	022211007685	LƯƠNG MINH	KHÁNH	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	8.2	4.75	
225	200225	022311010861	LÝ NGỌC	KHÁNH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	6	2	
226	200226	022211001779	NGUYỄN ĐÌNH	KHÁNH	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.75	6.6	6.25	
227	200227	022211005472	NGUYỄN ĐỨC QUỐC	KHÁNH	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.75	8	7.5	
228	200228	034211000253	PHẠM ĐỨC GIA	KHÁNH	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	8.4	4.75	
229	200229	022211003757	LÊ ANH	KHOA	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	4	7.6	7	
230	200230	022211007165	LÊ ANH	KHOA	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.5	8	5	
231	200231	022211004390	ĐỖ TRUNG	KIÊN	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	7	5	
232	200232	022211008561	NGUYỄN CHÍ	KIÊN	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	10	8.25	
233	200233	022211004229	NGUYỄN DUY	KIÊN	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.75	7.4	6.5	
234	200234	037211011318	NGUYỄN THẾ	KIÊN	17/06/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	4.8	3.75	
235	200235	022211004040	PHẠM TUẤN	KIỆT	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.5	5.2	6.5	
236	200236	066211018870	ĐINH LÊ NGUYỄN	KỲ	16/04/2011	Tỉnh Lâm Đồng	Nam	Tày	TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7	8.4	2	
237	200237	022211012630	NGUYỄN CAO	KỲ	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.25	3.2	3.75	
238	200238	022311005834	LÊ TUỆ	LÂM	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	6.6	6.25	
239	200239	022311000972	LƯU VŨ BẢO	LÂM	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.5	6	5.25	
240	200240	022211000137	NGÔ BÁ	LÂM	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6.5	8	5.75	
241	200241	030211006058	NGUYỄN TÙNG	LÂM	02/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.5	5.4	5.5	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
242	200242	022311010251	VŨ QUỲNH	LÂM	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	8.25	8.6	6	
243	200243	001311021688	BÙI DIỆU	LINH	18/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	7.2	4.5	
244	200244	022311007735	BÙI HÀ	LINH	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8.25	7.4	5	
245	200245	022311008191	DƯƠNG HÀ	LINH	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	5.8	4	
246	200246	022311006825	ĐẶNG ĐỖ PHƯƠNG	LINH	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.75	6.4	3.25	
247	200247	022311011468	ĐIỆP KHÁNH	LINH	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5	3.6	4.75	
248	200248	022311004641	ĐOÀN KIM GIA	LINH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.25	8.2	7	
249	200249	022311006279	ĐỖ KHÁNH	LINH	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.5	7.6	4.5	
250	200250	038311007075	ĐỖ THỊ DIỆU	LINH	21/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	3	4	
251	200251	022311005251	ĐỖ TRẦN HÀ	LINH	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	8.6	5.25	
252	200252	022311010313	HÀ THÙY	LINH	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5	5	4.25	
253	200253	034311014295	LÊ GIA	LINH	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	4.6	4.5	
254	200254	038311027012	LÊ LẠI HOA	LINH	05/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	5.8	6.5	
255	200255	022311004323	NGUYỄN HẢI	LINH	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	8	8.2	5	
256	200256	025311009590	NGUYỄN HÀ	LINH	13/02/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	5	3.5	
257	200257	022311007454	NGUYỄN HÀ	LINH	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7	5	5.75	
258	200258	022311002277	NGUYỄN HIẾU	LINH	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.25	4.8	3.75	
259	200259	034211002476	NGUYỄN HOÀI	LINH	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.5	5.2	5.25	
260	200260	022311010300	NGUYỄN KHÁNH	LINH	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	8.4	6.75	
261	200261	022311000667	NGUYỄN KHÁNH	LINH	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.25	4.6	4.5	
262	200262	031311014631	NGUYỄN KHÁNH	LINH	16/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	6.2	5.5	
263	200263	031311004738	NGUYỄN KHÁNH	LINH	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	6.2	5	
264	200264	022311006764	NGUYỄN KHÁNH	LINH	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.75	6.8	5.75	
265	200265	022311005552	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	3	3.4	1.75	
266	200266	022311010660	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	6.2	3.75	
267	200267	022311007195	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Cẩm Phả	Tiếng Anh	6	6.2	5.5	
268	200268	022311006944	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.5	5.6	4.5	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
269	200269	022311003322	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	4.75	5.4	4	
270	200270	022311003849	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	20/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.75	9	7.75	
271	200271	083311007973	NGUYỄN THÙY	LINH	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.25	9.2	7.25	
272	200272	022311003844	NGUYỄN TRẦN UYÊN	LINH	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.5	4.4	4.25	
273	200273	022211012456	PHẠM ĐÌNH NHẬT	LINH	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.5	6.6	4	
274	200274	022311011832	PHẠM KHÁNH	LINH	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	7.4	4.25	
275	200275	022311005247	PHẠM KHÁNH	LINH	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.75	8.4	4.5	
276	200276	022311010139	PHẠM NGỌC	LINH	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	4.8	4.5	
277	200277	022311011670	TRẦN KHÁNH	LINH	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	4.4	3.5	
278	200278	022311004645	TRẦN THỊ HẢI	LINH	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.75	7.2	6.25	
279	200279	030311012864	TRỊNH PHƯƠNG	LINH	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.75	5.8	6.5	
280	200280	031211001450	TRỊNH QUANG	LINH	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	7.4	3.75	
281	200281	022311006811	TRƯƠNG THỊ NGỌC	LINH	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.75	6.4	5.25	
282	200282	030311001620	VŨ KHÁNH	LINH	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	9.4	5.5	
283	200283	022211011063	TRẦN QUANG	LĨNH	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	6.4	4.25	
284	200284	037211012237	ĐINH HUY	LONG	25/03/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	8.2	5.25	
285	200285	001211070408	LÊ QUANG	LONG	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.5	8.6	8.25	
286	200286	022211001477	TRẦN NINH HOÀNG	LONG	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.25	6.6	4.25	
287	200287	015211006199	TRỊNH HOÀNG	LONG	08/03/2011	Tỉnh Lào Cai	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	8.2	5.25	
288	200288	022211006040	VŨ NGUYÊN	LONG	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	9.4	7	
289	200289	022211008928	TRẦN GIA	LỘC	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.25	8.8	5	
290	200290	022211001659	TƯỜNG DUY	LƯƠNG	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	10	6.25	
291	200291	022311005743	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	LY	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	7.4	3.75	
292	200292	022311010748	NGUYỄN THẢO	LY	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.75	3	2.75	
293	200293	022311012994	TRƯƠNG THẢO	LY	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.25	5.6	5	
294	200294	034311007726	NGUYỄN PHƯƠNG	MAI	07/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	8	7.8	5.25	
295	200295	034311016182	VŨ NGỌC	MAI	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	3.6	2.75	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
296	200296	022211013096	HOÀNG THẾ	MẠNH	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	5.6	5	
297	200297	001211048423	LÊ ĐÌNH	MẠNH	05/06/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	8	5	
298	200298	022211005425	NGUYỄN TIẾN	MẠNH	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	9.8	6.25	
299	200299	022211013486	ĐOÀN ĐỨC	MINH	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	9.2	7	
300	200300	022211011049	ĐỖ THÁI	MINH	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	6.2	7	
301	200301	022211003745	LÊ ANH	MINH	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.25	6.8	4	
302	200302	034211005881	LÊ QUANG	MINH	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	5.4	5.5	
303	200303	022211003974	NGÔ NHẬT	MINH	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	4.2	0.25	
304	200304	022211013156	NGUYỄN BÌNH	MINH	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.5	7.4	4.5	
305	200305	022211002816	NGUYỄN BÌNH	MINH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	4.2	3.5	
306	200306	022211006223	NGUYỄN ĐỨC	MINH	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	5.6	1.5	
307	200307	022311004104	NGUYỄN THÙY	MINH	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	5.2	5	
308	200308	022211013464	NGUYỄN TUỆ	MINH	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	4.8	4.75	
309	200309	034211010518	PHẠM NHẬT	MINH	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.25	6.2	3.5	
310	200310	022311010685	PHẠM PHƯƠNG	MINH	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5	7	6.25	
311	200311	022211001124	PHẠM THẾ	MINH	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6	7	4.5	
312	200312	022211001207	TẠ QUANG	MINH	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.75	8.6	5.25	
313	200313	022211008706	TRẦN BÌNH	MINH	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4	8.8	4	
314	200314	037311009236	TRẦN TUỆ	MINH	28/10/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.25	7	5	
315	200315	030211000453	VŨ TRỌNG	MINH	28/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5	9.8	4	
316	200316	022211005187	VŨ VĂN	MINH	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	6	6.75	
317	200317	022311000380	HOÀNG TRÀ	MY	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.25	5	2.5	
318	200318	022311002176	LÊ THỊ TRÀ	MY	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	6.8	8	
319	200319	022311004519	NGUYỄN THẢO	MY	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	7.4	6.25	
320	200320	022311012772	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	19/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	7.4	4.25	
321	200321	022311006574	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	8.6	5.5	
322	200322	022311003539	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	7.2	5.75	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
323	200323	022311008414	ĐỖ THANH	MỸ	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6	4	2	
324	200324	022311010362	LƯU PHẠM GIA	MỸ	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	7.2	6	
325	200325	037211002621	HOÀNG THẾ	NAM	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	2	3.6	0.75	
326	200326	022211001507	NGUYỄN HOÀNG	NAM	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.75	8	7.25	
327	200327	022211001489	NGUYỄN HỮU HOÀI	NAM	21/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	7.2	5.25	
328	200328	038211012211	NGUYỄN VĂN	NAM	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.5	3	1.5	
329	200329	022211005531	PHẠM THÀNH	NAM	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	2.25	2.4	1.5	
330	200330	022211006295	PHẠM TRẦN	NAM	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	4.5	3.6	2	
331	200331	022311002516	BÙI THỊ HẰNG	NGA	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	8.25	9.4	5.5	
332	200332	022311006535	NGUYỄN LINH	NGA	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	5.6	6.5	
333	200333	022311000195	PHẠM THỊ LINH	NGA	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	9	3.75	
334	200334	038311008220	BÙI THỊ HỒNG	NGÂN	19/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	2.5	3.8	1.25	
335	200335	022311004065	ĐỖ HÀ LINH	NGÂN	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.25	8.8	3.5	
336	200336	024311010005	LƯƠNG TUYẾT	NGÂN	13/05/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ	Dao	THCS Mông Dương	Tiếng Anh	5.25	6.8	4	
337	200337	022311000181	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	7.4	4.5	
338	200338	022311006124	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8	9.4	7	
339	200339	034311005341	NGUYỄN THÚY	NGÂN	26/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	8.4	5.25	
340	200340	022311004791	NGUYỄN XUÂN	NGÂN	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.5	4.2	3.25	
341	200341	034311000398	TRẦN KIM	NGÂN	06/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8	7.8	7.5	
342	200342	022311002323	TRẦN PHAN KIM	NGÂN	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	6.6	5.25	
343	200343	022211012636	NGUYỄN HOÀNG	NGHĨA	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	3.25	5.8	3.75	
344	200344	022211012694	VŨ GIA	NGHĨA	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	7	8	
345	200345	022211010043	BÙI DUY	NGỌC	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	5.6	4.25	
346	200346	031311008605	DƯƠNG HOÀNG KHÁNH	NGỌC	27/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	5.2	4	
347	200347	022311012235	ĐINH NGUYỄN LINH	NGỌC	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	4.4	4.25	
348	200348	022311001326	HOÀNG KIỀU MINH	NGỌC	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	6.6	8.25	
349	200349	040311023762	HỒ BẢO	NGỌC	02/05/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	7.6	5.5	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
350	200350	022311001828	HỒ KIM	NGỌC	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7	6.8	3.25	
351	200351	022211003916	KHƯƠNG BẢO	NGỌC	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	7.2	5.75	
352	200352	022311003507	NGUYỄN BẢO	NGỌC	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	3.6	4.25	
353	200353	034311003896	NGUYỄN BẢO	NGỌC	28/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.25	5	5	
354	200354	022311004062	NGUYỄN MINH	NGỌC	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	6.2	4.5	
355	200355	022311005637	NÔNG ĐÀO BẢO	NGỌC	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	6.6	4.5	
356	200356	022211007694	PHẠM BẢO	NGỌC	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.75	5	4.5	
357	200357	022211005678	TẠ KHẢI	NGỌC	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	7	6.5	
358	200358	033311007307	TRẦN BẢO	NGỌC	28/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.75	4.6	0.75	
359	200359	022311002695	TRẦN NHƯ	NGỌC	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.5	7.8	4	
360	200360	034311000229	TRẦN VŨ KHÁNH	NGỌC	10/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	3.5	4	4.75	
361	200361	022311005634	VŨ BẢO	NGỌC	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	7	7	6.5	
362	200362	022311008444	VŨ BẢO	NGỌC	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.5	2.8	5.75	
363	200363	031211004597	ĐÀO HOÀNG TRỌNG	NGUYÊN	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	2.5	6	5	
364	200364	022311000058	NGUYỄN ĐẶNG THẢO	NGUYÊN	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	4.25	8.6	6.75	
365	200365	045311006941	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	03/11/2011	Tỉnh Quảng Trị	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.25	6.6	3.75	
366	200366	022311004172	TÔ NHƯ	NGUYỆT	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.5	3.6	1.5	
367	200367	030311002752	LÊ THANH	NHÀN	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8	9	6	
368	200368	034311015208	NGUYỄN THU	NHÀN	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	5.2	3.75	
369	200369	022211002557	MAI KHẮC NGỌC	NHÂN	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.25	5.6	5	
370	200370	022211008139	TRẦN LÊ NAM	NHÂN	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	3.5	4	3.75	
371	200371	022311008367	ĐÀM YẾN	NHI	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7	7.2	4.25	
372	200372	022311003874	ĐỖ YẾN	NHI	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
373	200373	040311028570	LÊ THỊ YẾN	NHI	23/04/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.75	7.2	3.75	
374	200374	022311008719	NGUYỄN THỊ	NHI	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Mường	TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	4.25	4.8	1.25	
375	200375	022311011998	PHẠM TUYẾT	NHI	14/07/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	3.2	4	
376	200376	034311008685	TRẦN YẾN	NHI	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	7.4	7.5	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
377	200377	042311008649	VŨ NGUYỄN YẾN	NHI	10/02/2011	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.75	7.6	5.25	
378	200378	036311000204	VŨ TRẦN LINH	NHI	13/07/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	5.6	3.75	
379	200379	038311007454	THÁI QUỲNH	NHƯ	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	4.8	4.5	
380	200380	034311011659	VŨ THỊ QUỲNH	NHƯ	10/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8	8.4	7.25	
381	200381	030311011189	VŨ THỊ KIM	OANH	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	7.8	6.75	
382	200382	022211008330	BÙI GIA	PHONG	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	6.4	2.5	
383	200383	022211005332	BÙI NAM	PHONG	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.5	4.2	4.5	
384	200384	022211010877	ĐÀO THANH	PHONG	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	3.5	5.2	3.5	
385	200385	022211007823	ĐỖ THANH	PHONG	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.25	4.6	2	
386	200386	022211004306	HOÀNG SỸ NAM	PHONG	03/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	4.5	8.8	4.75	
387	200387	022211003497	NGUYỄN ĐĂNG	PHONG	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	1.75	2.4	1	
388	200388	040211018877	NGUYỄN GIA	PHONG	02/01/2011	Tỉnh Nghệ An	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.25	6.2	5	
389	200389	030211004161	NGUYỄN NAM	PHONG	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.75	8.8	5.25	
390	200390	022211007417	NGUYỄN THUẬN	PHONG	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	4.5	3.2	3	
391	200391	022211005577	NGUYỄN TRỊNH HẢI	PHONG	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	7.6	6.75	
392	200392	022211002442	NGUYỄN TUẤN	PHONG	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.75	5.6	4	
393	200393	022211002810	NGUYỄN VŨ	PHONG	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	8.4	4.25	
394	200394	022211011109	HOÀNG AN	PHÚ	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.5	7	3.75	
395	200395	022211008293	HOÀNG THÀNH	PHÚ	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	8.6	5.25	
396	200396	022211009182	LÊ THANH	PHÚ	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	7.8	4.25	
397	200397	022211009660	ĐẶNG BẢO	PHÚC	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	8.2	4.25	
398	200398	022211010364	LƯU GIA	PHÚC	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	8.2	6	
399	200399	022211001482	NGUYỄN BÙI MINH	PHÚC	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.75	8.4	8.25	
400	200400	022211000160	NGUYỄN GIA	PHÚC	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.5	5.8	5.5	
401	200401	022211013620	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.25	2.6	4.25	
402	200402	034211005340	NGUYỄN THÀNH	PHÚC	15/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	6.4	5.25	
403	200403	022211011180	TRẦN ANH	PHÚC	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.75	4.6	4.25	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
404	200404	022211006629	TRẦN ĐỨC	PHÚC	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	7.8	6	
405	200405	022211001505	VŨ ĐỨC	PHÚC	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7	7.8	8	
406	200406	022211002516	VŨ HOÀNG	PHÚC	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.5	2.4	2.75	
407	200407	022211006634	VŨ HỒNG	PHÚC	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	8	7	
408	200408	022311005506	ĐỖ THANH	PHƯƠNG	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	1	3.4	0.5	
409	200409	038311004790	HÀ KHÁNH	PHƯƠNG	30/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.5	3.8	3.25	
410	200410	022311003163	LÝ MAI	PHƯƠNG	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	6.6	4.5	
411	200411	022311007677	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.75	5.6	4	
412	200412	038311000856	NGUYỄN KHÁNH	PHƯƠNG	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4	4.2	2.25	
413	200413	036311008890	NGUYỄN THỊ KHÁNH	PHƯƠNG	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.75	8.8	8	
414	200414	022311010131	TRẦN MINH	PHƯƠNG	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.75	3.2	4.25	
415	200415	022311009938	TRẦN NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	09/10/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	6.2	6.5	
416	200416	022311008110	TRẦN THU	PHƯƠNG	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	8.8	6	
417	200417	022311006568	TRUNG NHẬT	PHƯƠNG	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	8.8	6.25	
418	200418	022311002169	VŨ HÀ	PHƯƠNG	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4	3.6	0.75	
419	200419	022311010922	VŨ KIỀU	PHƯƠNG	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.75	6.4	7.75	
420	200420	034211013723	NGUYỄN VINH	QUANG	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	5.6	5	
421	200421	022211008033	NGUYỄN VŨ HỒNG	QUANG	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	6.8	4.75	
422	200422	022211013442	NGUYỄN HỒNG	QUẢNG	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8	7.2	5.25	
423	200423	036211014971	ĐỖ MINH	QUÂN	06/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	6.2	4.75	
424	200424	022211007216	LẠI TRỌNG TƯỜNG	QUÂN	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4	4	2	
425	200425	040211033982	NGUYỄN TOÀN	QUÂN	11/08/2011	Tỉnh Nghệ An	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.25	7.6	5.25	
426	200426	022211008826	TRƯƠNG HOÀNG	QUÂN	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.25	6.2	4.25	
427	200427	022211009359	PHẠM ĐỨC	QÚY	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.75	7	8	
428	200428	030311009619	HOÀNG THỊ TỐ	QUYÊN	02/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.75	8.6	7	
429	200429	002311000130	PHẠM LỆ	QUYÊN	26/12/2011	Tỉnh Tuyên Quang	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	6.2	2.5	
430	200430	022311011225	TRẦN ĐỖ	QUYÊN	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	2.5	4.4	3	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
431	200431	022211005700	PHẠM ĐÌNH	QUYẾT	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	7.8	4.5	
432	200432	022311003297	ĐINH NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.25	4	3	
433	200433	035311002033	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.75	7.2	6.75	
434	200434	022211006139	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8.25	7.4	6.75	
435	200435	022211001481	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.75	9	6.25	
436	200436	030211007349	VŨ NGỌC	SƠN	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4	7.4	6.5	
437	200437	031211016516	ĐỖ ĐỨC	TÀI	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	2.25	4.4	1.75	
438	200438	035211000175	NGUYỄN VĂN	TÀI	14/12/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	4.83	4.4	4.5	
439	200439	022311000160	ĐOÀN THANH	TÂM	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.25	9.6	5.25	
440	200440	022311004529	NGUYỄN MINH	TÂM	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	4.2	4	
441	200441	022211006662	NGUYỄN PHÚC	TÂM	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	1.75	3.2	4.75	
442	200442	022311002361	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8	7.8	5	
443	200443	034211017188	PHẠM ĐÌNH DUY	TÂN	07/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.75	5.6	2.25	
444	200444	034211001053	ĐÀM DUY	THÁI	31/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	5.6	3.25	
445	200445	022311012262	TRẦN ĐAN	THANH	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.5	7.6	4.5	
446	200446	022211007526	BÙI HUY	THÀNH	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	1.25	5.8	2.25	
447	200447	033211011716	ĐỖ ĐẮC TÂN	THÀNH	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.5	4	2.25	
448	200448	022211013794	LÊ XUÂN	THÀNH	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.5	4.8	5.5	
449	200449	034211013379	PHẠM QUANG	THÀNH	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	9.4	6.5	
450	200450	022311002848	HOÀNG THU	THẢO	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	5	4.5	
451	200451	037311002818	MAI PHƯƠNG	THẢO	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7	7.2	5	
452	200452	034311007426	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6	5.6	4	
453	200453	022311010053	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	8	8.8	7	
454	200454	022311005388	NGUYỄN THANH	THẢO	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	9.4	7.5	
455	200455	022211012078	NGUYỄN VĂN	THẢO	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.25	3.8	4	
456	200456	022311010838	TĂNG PHƯƠNG	THẢO	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.75	8.2	6.75	
457	200457	022311008865	TRỊNH PHƯƠNG	THẢO	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	5	4	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
458	200458	022211009172	BÙI QUANG	THẮNG	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	6.4	5.25	
459	200459	022211006960	LÊ QUỐC	THẮNG	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	6.8	6.25	
460	200460	022311003778	LƯƠNG THỊ KHÁNH	THI	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	3	3.4	2.25	
461	200461	031211055576	NGÔ HẢI	THIỆN	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	7.2	7	
462	200462	022211007719	NGUYỄN MINH	THIỆN	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4	4.8	4.75	
463	200463	022211008203	TRẦN ĐỨC	THIỆN	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.75	5.4	5.5	
464	200464	022211007038	UÔNG HẢI	THỊNH	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	2	6.4	4	
465	200465	022311008924	NGUYỄN HÀ	THU	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8.25	7.2	6.25	
466	200466	022311007798	NGUYỄN THỊ HỒNG	THU	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	9.2	7.75	
467	200467	022311004228	NGUYỄN MAI	THÙY	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	6.75	6.6	5.5	
468	200468	022311003641	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THÙY	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	7.4	7.5	
469	200469	035311000082	TRẦN THU	THÙY	17/07/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7	5.2	2.75	
470	200470	022311009329	BÙI THU	THỦY	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	5.8	4.75	
471	200471	011311008903	CÀ THỊ	THỦY	15/03/2011	Tỉnh Điện Biên	Nữ	Thái	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	6.2	6.25	
472	200472	022311001468	NGUYỄN THANH	THỦY	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	8.2	4.75	
473	200473	022311011313	BÀNG DIỆU	THÚY	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	6.6	3.75	
474	200474	042311004212	BÙI ANH	THƯ	22/02/2011	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	6.4	4.25	
475	200475	022311005799	ĐOÀN ANH	THƯ	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.25	3.8	3.25	
476	200476	022311005676	NGÔ ANH	THƯ	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Chu Văn An	Tiếng Anh	8	9.4	7.75	
477	200477	022311000987	NGUYỄN ANH	THƯ	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	7.8	4.25	
478	200478	022311007671	NGUYỄN ANH	THƯ	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	5.4	4	
479	200479	034311011699	NGUYỄN MINH	THƯ	03/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	9	5.25	
480	200480	022311002904	NGUYỄN MINH	THƯ	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	4.6	3.25	
481	200481	022311002936	NGUYỄN MINH	THƯ	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.5	9.8	5.5	
482	200482	022311006322	PHẠM ANH	THƯ	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	8	4	
483	200483	034311017325	TRẦN MINH	THƯ	31/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.75	10	8.25	
484	200484	022311009001	TRẦN NGỌC ANH	THƯ	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	4.6	4	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
485	200485	022311001789	TRẦN THỊ ANH	THƯ	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	6.2	5	
486	200486	036311002736	VŨ ANH	THƯ	27/05/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	6.4	3.75	
487	200487	022311001610	VŨ MINH	THƯ	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	6	4	
488	200488	036311000508	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	10/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	6.2	4.75	
489	200489	022311012052	PHẠM KHÁNH	THY	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	8.4	5.5	
490	200490	022211011247	NGUYỄN VIỆT	TIỀN	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.25	3.2	2.5	
491	200491	022211004006	PHAN MINH	TIẾN	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8.5	6	6	
492	200492	030211015064	NGUYỄN KHÁNH	TOÀN	18/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	7.8	7.5	
493	200493	022211006469	NGUYỄN ĐỨC	TÔN	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7	6.6	6.25	
494	200494	022311009026	TRẦN THU	TRÀ	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	5.25	6	2.5	
495	200495	022311011197	ĐỖ THÙY	TRANG	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.75	8	4.75	
496	200496	034311006270	NGUYỄN MINH	TRANG	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.75	4.4	6.5	
497	200497	034311002865	NGUYỄN THU	TRANG	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.5	5.4	4.5	
498	200498	022311004377	PHẠM THÙY	TRANG	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	9.4	5.75	
499	200499	022311012016	TIỀN BẢO	TRANG	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5	3.8	3.5	
500	200500	024311007143	VŨ THỊ HUYỀN	TRANG	19/09/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8.5	9	8.5	
501	200501	022311010534	LÊ BẢO	TRÂM	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6	6.8	4.75	
502	200502	022311007036	THÂN THỊ MINH	TRÂM	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5	7.2	5	
503	200503	001311058345	TRẦN BẢO	TRÂM	10/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	4.8	2.5	
504	200504	034311003284	VŨ NGỌC	TRÂM	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.25	8	6.25	
505	200505	022211010607	NGUYỄN ĐỨC	TRÍ	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	5.4	4	
506	200506	022211012471	TRẦN ĐỨC	TRÍ	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8	9	7.5	
507	200507	040211032488	HỒ CÔNG MINH	TRIẾT	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	1.25	5	3.75	
508	200508	030311002118	BÙI AN	TRINH	20/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7	6	4.25	
509	200509	022211001445	DƯƠNG TỰ	TRỌNG	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	3.25	8.2	2	
510	200510	022211011152	NGUYỄN HỮU	TRỌNG	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	3	3.4	3	
511	200511	022211001033	NGUYỄN PHÚ	TRỌNG	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.75	7.2	7	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
512	200512	036311001629	NINH NGỌC	TRÚC	16/08/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	6.8	4.5	
513	200513	022311010279	VŨ THANH	TRÚC	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	6	5.25	
514	200514	022211001352	HOÀNG MINH	TRUNG	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	4.25	1.8	1.75	
515	200515	008211008477	NGUYỄN DOÃN	TRUNG	09/09/2011	Tỉnh Tuyên Quang	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.75	5.8	4	
516	200516	030211017181	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	01/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.25	8.2	4.5	
517	200517	022211012359	TỐNG ĐỨC	TRUNG	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	2.75	3.6	3.75	
518	200518	022211003963	VŨ ĐỨC	TRUNG	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	4.75	7.2	5.75	
519	200519	030211008542	PHẠM CÔNG	TRƯỜNG	05/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	4.5	2.6	2.75	
520	200520	022211008526	TĂNG XUÂN	TRƯỜNG	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	3.75	5.6	3.25	
521	200521	022211005390	TRỊNH QUANG	TRƯỜNG	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	7.6	2.75	
522	200522	022211006682	ĐÀO TUẤN	TÚ	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	7.25	9.4	6.75	
523	200523	022211004235	NGUYỄN MINH	TÚ	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	7.8	5.25	
524	200524	022211004406	ĐỒNG ĐĂNG	TUẤN	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.25	5.4	5.75	
525	200525	022211000313	NGÔ ĐĂNG	TUẤN	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	9.8	8.5	
526	200526	036211008543	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.5	4.8	1	
527	200527	035211001151	TRẦN ĐỨC	TUẤN	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	2.5	6	2.75	
528	200528	037211006908	VŨ ANH	TUẤN	04/07/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.25	6.6	3.5	
529	200529	022211005748	VŨ QUANG	TUẤN	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	7.8	4.75	
530	200530	022211008981	HOÀNG XUÂN	TÙNG	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Suối Khoáng	Tiếng Anh	6.25	8.8	5.75	
531	200531	033211006824	NGUYỄN DANH	TÙNG	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.5	7	3.5	
532	200532	022211009970	NGUYỄN DUY	TÙNG	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	8.4	7	
533	200533	037211005262	PHẠM THANH	TÙNG	06/03/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	6.8	4.5	
534	200534	022211002946	TRẦN THANH	TÙNG	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	1.5	7.2	4.25	
535	200535	022211006917	VŨ ĐÌNH	TÙNG	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	8.6	6.75	
536	200536	022311009046	TRẦN THỊ ÁNH	TUYẾT	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	3.6	4.25	
537	200537	022211009173	PHAN ĐĂNG	TƯỜNG	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	8.6	3.25	
538	200538	022311008245	NGUYỄN NHÃ	UYÊN	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.5	3.6	3.5	

Đơn vị: THPT Lê Quý Đôn (22_HD_020)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
539	200539	022311000454	PHAN PHƯƠNG	UYÊN	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.75	5.6	3.75	
540	200540	022311000668	NGUYỄN KHÁNH	VÂN	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	7.2	6.5	
541	200541	022311006431	PHẠM KHÁNH	VÂN	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	8	7.75	
542	200542	022311008884	NGUYỄN HÀ	VI	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	7.8	4	
543	200543	022211002597	PHẠM HOÀNG	VIỆT	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	2.5	3.8	1.25	
544	200544	034211003783	BÙI QUANG	VINH	18/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	4.5	5	5.25	
545	200545	030311002893	NGUYỄN THỊ NGỌC	VINH	09/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5.5	7.8	1	
546	200546	033211013906	ĐỖ TUẤN	VŨ	28/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	5	4.2	2.25	
547	200547	022211006945	LÊ CÔNG ANH	VŨ	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	7.8	7.75	
548	200548	022311003416	ĐÀO THỊ KHÁNH	VY	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	3	3	0.75	
549	200549	038311030914	ĐỖ NHẬT	VY	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7	6.6	5.75	
550	200550	022311004459	ĐỖ PHƯƠNG	VY	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	8	7.25	
551	200551	022311006767	KHỔNG HÀ	VY	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.5	5.6	3.25	
552	200552	022311003378	LÊ PHƯƠNG	VY	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6.5	4	3.25	
553	200553	022311011724	NGHIÊM HÀ	VY	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	6.8	6	
554	200554	022311000764	NGUYỄN HÀ	VY	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.25	6.8	4	
555	200555	022311013651	NGUYỄN HÀ	VY	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	7.25	7.4	4.75	
556	200556	022311012491	PHẠM NGỌC TƯỜNG	VY	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	5.75	3.6	6	
557	200557	033311010537	VŨ THANH	XUÂN	06/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	8	9	5.25	
558	200558	036311013639	BÙI HẢI	YẾN	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7	5.4	5.75	
559	200559	022311001973	HOÀNG HẢI	YẾN	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	3.5	3.8	2	
560	200560	022311002514	LẠI BẢO	YẾN	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6	7.2	6.25	
561	200561	022311012078	LÊ HẢI	YẾN	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	6	7	5	
562	200562	022311010314	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	7.5	8.2	5.75	
563	200563	022311002072	TRẦN VŨ BẢO	YẾN	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quang Hanh	Tiếng Anh	6.75	7	4.25	

(Danh sách này gồm có 563 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	210001	022311001633	BÙI HẢI	AN	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	3.4	2.75	
2	210002	022311012208	DƯƠNG NGUYỄN HẢI	AN	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.75	8.8	4.25	
3	210003	022311013041	ĐÀO HOÀI	AN	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	7.2	4.75	
4	210004	033211011176	ĐÀO NGỌC TRƯỜNG	AN	02/06/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	3.5	5.6	4.5	
5	210005	022311001277	ĐẶNG NGUYỄN HÀ	AN	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	4.4	5.75	
6	210006	022311010936	LÂM HOÀNG	AN	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	6.4	5.75	
7	210007	022311004088	LÊ NGỌC HÀ	AN	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	6.2	3.75	
8	210008	022211012930	LÊ PHÚC	AN	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	6	4.5	
9	210009	022211006268	LÊ TIẾN	AN	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	6.6	5.25	
10	210010	022311007765	LÊ TÔ VI	AN	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	6.6	5	
11	210011	022311008618	LÊ TƯỜNG	AN	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	8	7.75	
12	210012	022211001615	LƯU ĐỨC	AN	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	1.5	2.2	2.25	
13	210013	022311012745	NGÔ NGỌC BẢO	AN	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	7.6	6.75	
14	210014	022311002801	NGUYỄN BẢO	AN	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.5	8.4	5.25	
15	210015	022211003335	NGUYỄN BÌNH	AN	14/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.5	5	4	
16	210016	022311005284	NGUYỄN LINH HẢI	AN	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.5	8.2	7	
17	210017	030311000934	PHẠM MINH	AN	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	5	6	
18	210018	022311002184	PHẠM THANH	AN	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	6.8	6.25	
19	210019	001211063351	PHAN TRƯỜNG	AN	26/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	9	4.75	
20	210020	024311010263	VŨ LƯƠNG BẢO	AN	20/08/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	6.8	5.5	
21	210021	022211012884	BÙI BẢO	ANH	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3.75	9.8	5	
22	210022	022311001605	BÙI HÀ	ANH	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	3.8	4	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
23	210023	022311002796	BÙI HÀ	ANH	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	4	3.75	
24	210024	022311012695	BÙI NGỌC	ANH	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	6.2	8	
25	210025	031311010154	BÙI PHƯƠNG	ANH	26/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	9.6	7.5	
26	210026	022311013641	CAO KIỀU	ANH	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	5.5	9.2	5.5	
27	210027	022311001705	CHU HÀ	ANH	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	7	5	
28	210028	022311005003	ĐẶNG LAN	ANH	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	7.2	8.25	
29	210029	022211010557	ĐINH ĐỨC	ANH	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	7.2	7.25	
30	210030	022311013759	ĐINH MINH	ANH	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	5.6	4.5	
31	210031	022311008521	ĐINH THỊ HÀ	ANH	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	4.4	5	
32	210032	022211010617	ĐINH VIỆT	ANH	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	7.5	8.4	6.75	
33	210033	022211003493	ĐOÀN TUẤN	ANH	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	5.4	4	
34	210034	031311002438	HOÀNG VŨ KIM	ANH	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	2.8	3	
35	210035	022211004821	LÊ ĐỨC	ANH	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8.25	7.4	6.25	
36	210036	022211009599	LÊ PHAN TUẤN	ANH	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	2.6	4.75	
37	210037	022311010038	LÊ QUỲNH	ANH	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.5	5.4	4.25	
38	210038	022311009289	LÊ TÂM	ANH	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	8.2	3	
39	210039	030311009824	LÊ THỊ LAN	ANH	09/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	8.2	6.5	
40	210040	022311011041	LƯƠNG LAN	ANH	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.25	8.6	1.25	
41	210041	034311019678	LƯU MINH	ANH	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.25	5.8	4.5	
42	210042	022211008164	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	ANH	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	3.4	4.75	
43	210043	034211005320	NGUYỄN GIA	ANH	16/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	4.8	5	
44	210044	022311009434	NGUYỄN HÀ	ANH	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.75	9.6	5.75	
45	210045	022311003150	NGUYỄN HÀ	ANH	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	8.4	5.25	
46	210046	022211011051	NGUYỄN HOÀNG	ANH	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	3.2	5	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
47	210047	022311000092	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	ANH	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	6	6.25	
48	210048	030311016657	NGUYỄN HỒNG	ANH	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	3.6	2.5	
49	210049	022311005227	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	ANH	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.5	5.8	4	
50	210050	022311011972	NGUYỄN MAI	ANH	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	7	7.25	
51	210051	022311002388	NGUYỄN NGỌC	ANH	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.25	6	6.75	
52	210052	022311012074	NGUYỄN NGỌC HÀ	ANH	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	3.6	4.5	
53	210053	022311012737	NGUYỄN NHẬT	ANH	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	5.75	8.2	6.5	
54	210054	030211011521	NGUYỄN PHÚ	ANH	02/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	3.2	4.5	
55	210055	030311003053	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	16/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	5.5	7.2	4.5	
56	210056	022311005341	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	5.2	3.75	
57	210057	022311004622	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	7.8	4.5	
58	210058	030311000401	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	16/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	7.4	8.5	
59	210059	022311010914	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	7.4	4.5	
60	210060	022311012246	NGUYỄN QUỲNH	ANH	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	5.8	3.5	
61	210061	038311022678	NGUYỄN QUỲNH	ANH	07/05/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.5	3.8	4.25	
62	210062	022311010529	NGUYỄN QUỲNH	ANH	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	8.5	8.6	6.75	
63	210063	024311013246	NGUYỄN THỊ DIỆU	ANH	06/09/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	6.4	3.5	
64	210064	022311010114	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8.5	4.4	4.75	
65	210065	030311017083	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	07/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	5.8	5.25	
66	210066	022311013073	NGUYỄN THUỲ	ANH	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.75	9.4	7.25	
67	210067	022311011827	NGUYỄN TÚ	ANH	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	6.4	5.25	
68	210068	042311000716	NGUYỄN VÂN	ANH	06/10/2011	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	6.8	5.25	
69	210069	022211010970	NGUYỄN VIỆT	ANH	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	9	7.5	
70	210070	022211012166	PHẠM ĐỨC	ANH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	9.2	7.75	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
71	210071	034311012597	PHẠM HÀ	ANH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	7.6	4.25	
72	210072	001311029756	PHẠM MINH	ANH	15/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	8.8	4.5	
73	210073	022311011796	PHẠM QUỲNH	ANH	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	5.2	4.25	
74	210074	022311003213	PHẠM QUỲNH	ANH	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	4.8	4	
75	210075	022211009485	PHẠM TÙNG	ANH	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.25	8.4	8.5	
76	210076	040311019930	PHAN HÀ	ANH	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	5.8	3.25	
77	210077	022311006270	PHAN LAN	ANH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	5.8	4.5	
78	210078	022311006642	PHÙNG THỦY	ANH	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	10	5.5	
79	210079	022311000013	TRẦN HÀ	ANH	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	5	4	
80	210080	022311012820	TRẦN HÀ	ANH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	2.4	1	
81	210081	022311007673	TRẦN HẢI	ANH	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	5.8	6	
82	210082	022211004350	TRẦN HOÀNG	ANH	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	7.4	5.75	
83	210083	022311006327	TRẦN LÂM	ANH	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	2	2.6	0.75	
84	210084	022311008748	TRẦN NGỌC	ANH	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.5	7.8	4	
85	210085	022211006641	TRẦN VIỆT	ANH	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	7	3.25	
86	210086	030211118235	TRƯƠNG VIỆT	ANH	22/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	6.8	6	
87	210087	022311004146	VŨ HOÀNG QUỲNH	ANH	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	2.75	3.2	2	
88	210088	022311002204	VŨ NGỌC MAI	ANH	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	2.6	5	
89	210089	022311000449	VŨ PHẠM MỸ	ANH	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	7.2	4	
90	210090	022311005932	VŨ PHƯƠNG	ANH	21/08/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	5.2	4.75	
91	210091	022311006722	VŨ PHƯƠNG	ANH	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	0.4	4	
92	210092	022211009798	VŨ VIỆT	ANH	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	3.6	4.25	
93	210093	022211007470	VŨ VIỆT	ANH	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.75	3.8	3.25	
94	210094	042311007183	ĐINH NGUYỄN HÀ	ÁNH	26/10/2011	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.75	2.4	4	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
95	210095	030311016672	HOÀNG NGỌC	ÁNH	27/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	2.6	2.75	
96	210096	040311003294	NGUYỄN HỒ NGỌC	ÁNH	03/05/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	6.8	5	
97	210097	034211013106	BÙI PHẠM HOÀI	ÂN	14/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.5	3.8	2	
98	210098	022211002694	BÙI TÙNG	BÁCH	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	3.8	1.75	
99	210099	022211011994	NGÔ HOÀNG	BÁCH	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.25	4.2	3	
100	210100	034211012048	NGUYỄN HOÀNG	BÁCH	23/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	6.2	4	
101	210101	022211003825	NGUYỄN HOÀNG	BÁCH	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	7.8	3.75	
102	210102	022211003033	NGUYỄN LÂM	BÁCH	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6	8.6	6.5	
103	210103	022211011982	VŨ GIA	BÁCH	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	5	2	2	
104	210104	022211011409	BÙI GIA	BẢO	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	7	6.75	
105	210105	022211003772	CAO GIA	BẢO	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	9	8.2	8.75	
106	210106	022211006704	ĐÀM GIA	BẢO	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	8.4	6.25	
107	210107	022211003719	ĐỖ DUY GIA	BẢO	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	6.4	2.25	
108	210108	022211006308	ĐỖ GIA	BẢO	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	9.6	5.5	
109	210109	022211010573	ĐỖ LÊ	BẢO	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	9	4.5	
110	210110	022211004298	HOÀNG THIÊN	BẢO	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	6.4	5.25	
111	210111	022211006476	LÊ GIA	BẢO	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	4	2.75	
112	210112	030211118233	LÊ THÁI	BẢO	31/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	5	7.25	
113	210113	022211002696	LƯU GIA	BẢO	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.25	2	2.25	
114	210114	022211003243	NGUYỄN DUY	BẢO	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.25	4.8	3.25	
115	210115	022211014775	NGUYỄN HOÀNG GIA	BẢO	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	6	4.5	
116	210116	022211002192	NGUYỄN THÁI	BẢO	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	6	3.75	
117	210117	022211000416	VƯƠNG GIA	BẢO	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	7.4	8.25	
118	210118	022311009400	VŨ HẢI	BĂNG	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.25	3.6	1	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
119	210119	022211014868	PHẠM MINH	BẰNG	01/06/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	7	4.6	2.75	
120	210120	036211004235	LƯU AN	BÌNH	12/07/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.25	4	4.75	
121	210121	022211000620	NGUYỄN THANH	BÌNH	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.25	5	4.5	
122	210122	022211009998	NGUYỄN THANH	BÌNH	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.25	9.2	7.5	
123	210123	022211004817	PHẠM HẢI	BÌNH	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.5	5	4.25	
124	210124	022311005255	ĐINH MINH	CHÂU	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	9.2	5.5	
125	210125	022311006013	LÊ THỊ BẢO	CHÂU	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6	4.6	4.75	
126	210126	022311009790	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	6.6	4.25	
127	210127	022311001295	PHẠM MINH BẢO	CHÂU	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.25	8.4	8.75	
128	210128	040311007276	TĂNG KHÁNH	CHÂU	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	6.8	5.25	
129	210129	022311012301	VŨ BẢO	CHÂU	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	6.6	5.75	
130	210130	022311008046	ĐÀO QUỲNH	CHI	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	6.2	3.25	
131	210131	022311006465	ĐOÀN QUỲNH	CHI	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.75	3.6	3.25	
132	210132	022311001312	ĐỖ LINH	CHI	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	5	2.5	
133	210133	022311010873	HOÀNG PHƯƠNG	CHI	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	5.6	4.5	
134	210134	022311012582	NGUYỄN BẢO	CHI	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	6.8	4	
135	210135	022311009104	NGUYỄN HUYỀN	CHI	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	8.25	8.6	5	
136	210136	001311058238	NGUYỄN KHÁNH	CHI	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	3.8	2	
137	210137	022311009276	NGUYỄN LÊ HẢI	CHI	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	6	6.75	
138	210138	022311005044	NGUYỄN MAI	CHI	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	8	7.4	4.5	
139	210139	022311005343	NGUYỄN QUẾ	CHI	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	4.6	4	
140	210140	022311005670	NGUYỄN QUỲNH	CHI	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.5	5.4	1.75	
141	210141	022311005889	PHẠM BẢO	CHI	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.25	4	6.5	
142	210142	022311008586	TRẦN HUYỀN	CHI	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	8	3.25	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
143	210143	022311003887	TRẦN KHÁNH	CHI	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	9	4.5	
144	210144	035311009542	TRẦN KHÁNH	CHI	15/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	7.4	4.5	
145	210145	022311001951	TRẦN THÙY	CHI	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	3.8	2.75	
146	210146	022311005563	VŨ DIỆP	CHI	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	9	5.5	
147	210147	022311002099	VŨ QUỲNH	CHI	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	3	1.25	
148	210148	022211002823	HOÀNG ỨNG BẢO	CHUNG	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.25	2.8	1	
149	210149	034211000289	PHẠM THÀNH	CHUNG	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3	3.4	3.5	
150	210150	022211002766	NGUYỄN HOÀNG NAM	CƯỜNG	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	5.75	4.4	4.5	
151	210151	034211006860	NGUYỄN HỮU	CƯỜNG	28/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.25	9.2	7.75	
152	210152	024211002806	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	04/09/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.75	8.6	7	
153	210153	022211007855	NGUYỄN NAM	CƯỜNG	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	6.2	5	
154	210154	022211010729	NGUYỄN TUẤN	CƯỜNG	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	4	5.8	5.25	
155	210155	030211015105	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	04/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	7	3.75	
156	210156	034211015945	LÊ CÔNG	DANH	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	7.8	3.75	
157	210157	022311008527	LÊ THIÊN	DI	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.25	5	3	
158	210158	022311012397	BÙI NGỌC	DIỆP	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	5.4	4.5	
159	210159	022311006373	BÙI NGỌC	DIỆP	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	8.4	7.75	
160	210160	022311003049	MAI BÍCH	DIỆP	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	9	6	
161	210161	037311006991	NGUYỄN LẠI NGỌC	DIỆP	25/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	7	8.8	6.25	
162	210162	031311017244	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	04/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6	7.8	5.25	
163	210163	024211002307	NGUYỄN TÙNG	DIỆP	12/08/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	8	6.6	8.75	
164	210164	022311007908	PHẠM NGỌC	DIỆP	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
165	210165	022311008156	TRẦN LÊ NGỌC	DIỆP	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	7	6.5	
166	210166	022311006801	TRẦN NGỌC	DIỆP	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	5.2	4.75	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
167	210167	022311001677	VŨ NGỌC	DIỆP	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	5.6	2.75	
168	210168	022311002217	NGUYỄN THUỲ	DỊU	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vũ Oai	Tiếng Anh	6.5	7.4	5.75	
169	210169	030311013436	BÙI THỊ MỸ	DUNG	19/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	6.2	3.75	
170	210170	022311011335	LÊ HOÀNG	DUNG	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5	6.6	3.75	
171	210171	022311003943	NGUYỄN THỊ	DUNG	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7	7.8	5	
172	210172	022311012635	NGUYỄN THÙY	DUNG	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	4.25	5.6	1.25	
173	210173	030211016508	ĐÀO ANH	DŨNG	10/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	5.4	3	
174	210174	022211007108	LÊ ANH TUẤN	DŨNG	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	5.6	3.25	
175	210175	022211012697	LÊ NGUYỄN TUẤN	DŨNG	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	6.25	4.6	5	
176	210176	024211006175	NGÔ QUANG	DŨNG	15/10/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.75	4.8	4.75	
177	210177	022211010337	NGÔ TRÍ	DŨNG	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	6	3	
178	210178	022211000449	NGUYỄN NGỌC	DŨNG	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.5	8.6	6	
179	210179	022211003851	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	6.6	4.5	
180	210180	022211003680	PHẠM NGỌC	DŨNG	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	2.75	6.8	1.5	
181	210181	022211012324	PHÙNG TUẤN	DŨNG	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.25	6.4	5.5	
182	210182	022211013585	TRẦN TRÍ	DŨNG	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.25	5.2	4.75	
183	210183	022211009752	VŨ HUY	DŨNG	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	4.2	5	
184	210184	022211013566	ĐỖ BẢO	DUY	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	5.2	3.25	
185	210185	022211002495	NGUYỄN ANH	DUY	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	1.25	2.4	1.75	
186	210186	022211004324	NGUYỄN ĐỨC ANH	DUY	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	8.8	8.5	
187	210187	022211012704	NGUYỄN KHÁNH	DUY	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	5.5	8.2	4	
188	210188	010211000298	NGUYỄN KHÁNH	DUY	30/07/2011	Tỉnh Lào Cai	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	7.2	7	
189	210189	036211016044	NGUYỄN TÀI ĐỨC	DUY	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	7.8	6.25	
190	210190	022211004535	PHẠM MINH	DUY	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4	9.4	5	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
191	210191	022211012975	TRẦN KHÁNH	DUY	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	9.6	8.25	
192	210192	022311010086	PHẠM BÙI HƯƠNG	DUYÊN	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5	4.8	2	
193	210193	022311000018	TRẦN MỸ	DUYÊN	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.5	3	2.5	
194	210194	022211001605	BÀNG VĨ	DƯƠNG	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	4	3.4	3.25	
195	210195	022311007357	BÙI NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	9	3.75	
196	210196	036211002154	CHU MẠNH	DƯƠNG	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.25	4	5	
197	210197	022311010177	ĐÀO LÊ THÙY	DƯƠNG	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	8.8	4	
198	210198	022211011483	ĐỖ HẢI	DƯƠNG	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	9.2	7.75	
199	210199	022211001078	LA ĐẠI	DƯƠNG	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	4.6	4.5	
200	210200	022311000891	LÊ THỊ ÁNH	DƯƠNG	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	8.25	4	2	
201	210201	022211001650	NGUYỄN ĐẠI	DƯƠNG	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	6.8	5.25	
202	210202	022311001782	NGUYỄN LÂM	DƯƠNG	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	8.8	5	
203	210203	022311010003	NGUYỄN NGỌC THÙY	DƯƠNG	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.75	2.8	3.25	
204	210204	030311003376	NGUYỄN NGUYỆT ÁNH	DƯƠNG	14/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.25	9.2	6.5	
205	210205	022311013070	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	6.6	8.25	
206	210206	030211008419	NGUYỄN TÙNG	DƯƠNG	06/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	5.4	3.25	
207	210207	022311007994	PHẠM ÁNH	DƯƠNG	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	8.6	7.5	
208	210208	022211007813	PHẠM HẢI	DƯƠNG	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8.25	6	6.25	
209	210209	034211012603	PHẠM LÊ	DƯƠNG	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	6.4	6.75	
210	210210	022311001801	PHẠM TRẦN HÀ	DƯƠNG	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	0.4	2.5	
211	210211	022311004454	PHẠM VŨ BẠCH	DƯƠNG	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	9.6	3.5	
212	210212	022311008553	TRẦN THÙY	DƯƠNG	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	6	4.5	
213	210213	022311004954	BÙI HOÀNG	ĐAN	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	9.2	2.75	
214	210214	022311000077	HOÀNG KHÁNH	ĐAN	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.75	5	6	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
215	210215	022311007913	VŨ LINH	ĐAN	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	4.2	3.5	
216	210216	022311005035	VŨ THỊ LINH	ĐAN	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	2	4.4	2.25	
217	210217	022211011460	ĐẶNG ĐỨC	ĐẠT	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	5.8	4	
218	210218	022211005514	ĐẶNG TIẾN	ĐẠT	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	3.2	3.5	
219	210219	022211010038	ĐINH THÀNH	ĐẠT	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	9.2	8.75	
220	210220	022211009274	ĐỖ MẠNH	ĐẠT	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	1.5	4	2.25	
221	210221	022211004942	ĐỖ QUANG	ĐẠT	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	4.2	4.75	
222	210222	022211004746	ĐỖ TUẤN	ĐẠT	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	7	6.75	
223	210223	022211002159	LÝ HOÀNG	ĐẠT	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	6	5.75	
224	210224	022211005326	NGÔ TUẤN	ĐẠT	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	3.6	2.75	
225	210225	030211018645	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	9.2	6.5	
226	210226	022211000773	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	4.75	6.2	4	
227	210227	024211016685	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	26/08/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.25	3	3.75	
228	210228	022211010822	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	8	6	
229	210229	022211003792	PHẠM BẢO	ĐẠT	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	0.5	4.2	4	
230	210230	022211000099	PHẠM VĂN ƯỚC	ĐẠT	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	4.2	3.5	
231	210231	022211008856	PHAN HẢI	ĐẠT	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.25	7.8	5.75	
232	210232	022211001062	TRỊNH TIẾN	ĐẠT	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	8.25	7	7.75	
233	210233	022211011733	VŨ THÀNH	ĐẠT	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	5.4	4.5	
234	210234	022211002579	BÙI TRẦN MINH	ĐĂNG	28/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	6	5.25	
235	210235	022211010059	ĐÀO HẢI	ĐĂNG	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.5	3.8	4.5	
236	210236	022211011745	ĐOÀN ĐÌNH	ĐĂNG	11/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.25	2	1.25	
237	210237	022211000261	ĐỖ HOÀNG HẢI	ĐĂNG	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	6	7.25	
238	210238	042211011556	HOÀNG HẢI	ĐĂNG	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.75	3.6	2.5	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
239	210239	022211010389	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.25	4.8	5.75	
240	210240	022211003182	NGUYỄN VŨ HẢI	ĐĂNG	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	4	3.2	4.75	
241	210241	022211010344	BÙI TRẦN MINH	ĐỨC	28/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	6	6.25	
242	210242	030211017718	ĐỖ MINH	ĐỨC	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.25	3.6	3.25	
243	210243	022211001459	HOÀNG ANH	ĐỨC	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	8.2	7.25	
244	210244	064211001734	HOÀNG MINH	ĐỨC	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	6	6.25	
245	210245	022211005056	LÊ MINH	ĐỨC	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	9.8	8.5	
246	210246	033211011029	LƯƠNG MẠNH	ĐỨC	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	8	9.4	8	
247	210247	022211002317	NGUYỄN ANH	ĐỨC	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.75	3.8	2.5	
248	210248	035211000158	NGUYỄN LÊ MINH	ĐỨC	16/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.5	6.8	6.5	
249	210249	022211004361	NGUYỄN TRUNG	ĐỨC	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	4.8	5.5	
250	210250	022211005096	PHẠM MẠNH	ĐỨC	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	9	4.5	
251	210251	022211012019	PHẠM MINH	ĐỨC	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	5.5	4.8	2.75	
252	210252	022211001545	TĂNG QUANG	ĐỨC	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.25	3.6	2.75	
253	210253	022211011604	TRẦN MINH	ĐỨC	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8.25	8.2	7.5	
254	210254	027211011374	TRẦN MINH	ĐỨC	24/12/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	6.4	7.5	
255	210255	022211000582	VI TRỌNG	ĐỨC	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.5	6	4.25	
256	210256	022211001322	VÕ ĐÀO TRỌNG	ĐỨC	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	4.25	4.6	2	
257	210257	034211001889	VŨ HOÀNG TRUNG	ĐỨC	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	5.8	4.75	
258	210258	022211008869	VŨ MINH	ĐỨC	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	6.4	5	
259	210259	022311013019	BÙI HÀ	GIANG	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	3.4	5	
260	210260	022311008726	ĐẶNG CHÂU	GIANG	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	5.25	3.8	4	
261	210261	022311006828	ĐOÀN LINH	GIANG	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.25	3	3.25	
262	210262	022311001655	ĐỖ SONG	GIANG	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	4.6	5.25	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
263	210263	022311003733	HÀ HƯƠNG	GIANG	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.5	3.4	2	
264	210264	022311000482	HOÀNG THANH	GIANG	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	3.2	3.25	
265	210265	022211004623	LÊ BÁCH	GIANG	06/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	2.5	8.8	1.75	
266	210266	022211014715	LÊ TRƯỜNG	GIANG	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4	8.2	4	
267	210267	027311004133	NGUYỄN HÀ	GIANG	07/10/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	8	4	
268	210268	022311001517	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	7.6	5.75	
269	210269	031311012495	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	21/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	8.6	5.25	
270	210270	022311008376	NGUYỄN LINH	GIANG	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.5	3.8	5.5	
271	210271	022311009241	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG	GIANG	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	4.2	8.25	
272	210272	033311013068	NGUYỄN THU	GIANG	29/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	8.4	7.5	
273	210273	022311010011	PHẠM HƯƠNG	GIANG	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
274	210274	034311017426	PHẠM LÂM THU	GIANG	05/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	4.4	4.25	
275	210275	022311005623	PHÙNG THỊ TRÀ	GIANG	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	4.4	4.75	
276	210276	022311003395	TRẦN HƯƠNG	GIANG	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	3.6	5.75	
277	210277	022311000143	TRẦN HƯƠNG	GIANG	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	6	3.5	
278	210278	022311012654	VŨ HƯƠNG	GIANG	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	8	4	
279	210279	022311006514	VŨ THỊ LINH	GIANG	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	3.75	5.4	3.75	
280	210280	022211004415	VŨ TRƯỜNG	GIANG	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	9.6	6.25	
281	210281	022311006953	ĐOÀN NGỌC	HÀ	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	9.4	8	
282	210282	022311012724	HOÀNG MINH	HÀ	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	5.4	3.25	
283	210283	022311002451	LÊ KHÁNH	HÀ	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	3.4	1.75	
284	210284	022311010017	NGUYỄN KHÁNH	HÀ	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	9.4	8.5	
285	210285	022311009596	NGUYỄN THANH	HÀ	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	5.2	2	
286	210286	033311003720	NGUYỄN THỊ HẢI	HÀ	06/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	2.4	1.75	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
287	210287	022311010142	PHẠM NGỌC	HÀ	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	4.6	4.75	
288	210288	031311011436	TRẦN HOÀNG NGÂN	HÀ	06/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	4.2	4.75	
289	210289	022311012722	TRẦN NGỌC	HÀ	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	6	4.75	
290	210290	022211008518	BÙI ĐỨC	HẢI	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	3.8	4.75	
291	210291	022211009301	BÙI TUẤN	HẢI	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.25	5.6	5.25	
292	210292	022211000293	ĐINH HỮU	HẢI	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.25	8.6	5.25	
293	210293	022211004270	ĐOÀN NAM	HẢI	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4	3.8	1.25	
294	210294	022211012423	LÊ MẠNH	HẢI	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.5	3.4	2.5	
295	210295	034211018040	LÊ QUANG	HẢI	17/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	9.4	8	
296	210296	034211018298	NGUYỄN HOÀNG	HẢI	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3.5	4.4	4	
297	210297	022211002650	NGUYỄN MẠNH	HẢI	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.75	9	4.5	
298	210298	034211010161	PHẠM MINH	HẢI	18/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	8.4	7.25	
299	210299	027211008850	VŨ ĐÌNH HẢI	HẢI	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	7.6	7.75	
300	210300	022311000319	ĐỖ HỒNG	HẠNH	27/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	4.6	5.75	
301	210301	022211011137	TRẦN HUY	HÀO	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	9.4	6.25	
302	210302	022311000590	ĐÀO MINH	HẰNG	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	3	2	3	
303	210303	022311008421	LÊ MINH	HẰNG	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.75	3.2	3.5	
304	210304	022311012400	CHU NGỌC	HÂN	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	6.4	4.75	
305	210305	022311010174	ĐINH BẢO	HÂN	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	5.6	6.5	
306	210306	022311002640	LÊ BẢO	HÂN	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	4.4	4.25	
307	210307	022311007131	LƯƠNG BẢO	HÂN	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	7.4	5	
308	210308	040311009974	NGUYỄN NGÔ BẢO	HÂN	25/06/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.25	3.6	4.75	
309	210309	022311012456	NGUYỄN VŨ GIA	HÂN	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	6.4	4.5	
310	210310	054311001307	PHẠM BẢO	HÂN	28/09/2011	Tỉnh Đắk Lắk	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	6.6	5	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
311	210311	045311002415	PHAN GIA	HÂN	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	4.4	3.75	
312	210312	022311013003	TRẦN GIA	HÂN	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	3	2.25	
313	210313	022311004946	TRẦN GIA	HÂN	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	6.8	3.5	
314	210314	034311010133	TRỊNH NGỌC	HÂN	29/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	7	5.75	
315	210315	022311003010	TRƯƠNG GIA	HÂN	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6	5.8	1.5	
316	210316	022311010751	VŨ GIA	HÂN	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	3.6	3.75	
317	210317	030311001585	NGUYỄN THỊ DUYÊN	HIỀN	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	2.75	2.6	1.25	
318	210318	022310003122	PHẠM THỊ	HIỀN	14/09/2010	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	4.25	4	2	
319	210319	022311008868	PHẠM THU	HIỀN	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.5	4	2.5	
320	210320	022211007483	TRẦN NGỌC	HIỂN	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	4.75	7.2	4.75	
321	210321	022211001761	GIÁP HOÀNG	HIẾU	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.25	2.8	3.5	
322	210322	022211000589	HÀ MINH	HIẾU	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.75	7.8	7.5	
323	210323	022211002656	HÀ TRUNG	HIẾU	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	9	5.5	
324	210324	022211006554	LÊ QUANG	HIẾU	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.5	6.4	7	
325	210325	022211012457	LÊ QUANG	HIẾU	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	6.4	3.5	
326	210326	038211017282	NGUYỄN HOÀNG TRUNG	HIẾU	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	6.4	7	
327	210327	022211010253	NGUYỄN MINH	HIẾU	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	4	3.5	
328	210328	022211005009	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	3	3.2	1.25	
329	210329	022211010656	PHẠM CHUNG	HIẾU	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	8.6	8	
330	210330	022211006038	PHẠM NGỌC	HIẾU	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	7.2	5	
331	210331	022211011813	TRẦN TRUNG	HIẾU	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	4.8	6.25	
332	210332	022211001886	TRẦN TRUNG	HIẾU	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.5	5.8	4	
333	210333	022211002400	VI NGUYỄN TRUNG	HIẾU	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	7	8.4	5.25	
334	210334	022311008014	NGUYỄN QUỲNH	HOA	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	4.6	3.5	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
335	210335	022211009678	TRẦN VŨ	HOAN	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.5	4.6	6.5	
336	210336	022211002955	NGUYỄN ĐỨC	HOÀN	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3.75	9.6	5	
337	210337	022211010891	CAO ĐỨC	HOÀNG	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.5	8.2	6	
338	210338	036211009133	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH	HOÀNG	18/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	4.4	5	
339	210339	030211010614	ĐÀO HUY	HOÀNG	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	9.2	7.75	
340	210340	079211015153	LÊ	HOÀNG	16/03/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	9.2	4	
341	210341	022211003558	LÊ HUY	HOÀNG	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.25	4	5.5	
342	210342	022211009765	NGÔ VIỆT	HOÀNG	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	5.8	5	
343	210343	022211005744	NGUYỄN DUY	HOÀNG	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	8.6	7	
344	210344	022211012087	NGUYỄN TRỊNH LÊ	HOÀNG	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	6.8	5.75	
345	210345	022211013924	PHẠM HUY	HOÀNG	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	7.8	8	
346	210346	022211014874	TRẦN ĐÌNH	HOÀNG	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	4.2	3.5	
347	210347	022211012121	TRẦN GIA	HOÀNG	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	7	3.25	
348	210348	022211013780	VŨ TỰ	HOÀNG	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.25	7.6	2.5	
349	210349	022211013584	VŨ VIỆT	HOÀNG	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.5	4	1.5	
350	210350	022211012715	NGUYỄN ĐẮC	HUẤN	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	7	3.75	
351	210351	022211006409	BÙI MẠNH	HÙNG	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	6.8	6.5	
352	210352	022211002103	NGUYỄN ANH	HÙNG	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	2.4	2.5	
353	210353	022211006459	TRẦN MINH	HÙNG	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	9.6	8.75	
354	210354	022211010198	VŨ MẠNH	HÙNG	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	5.6	6.75	
355	210355	030211003446	BÙI QUANG	HUY	10/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	9.8	7.5	
356	210356	022211011992	ĐÀO ĐỨC	HUY	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	7	7	
357	210357	022211002821	ĐẶNG NGỌC NHẬT	HUY	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	1.5	6.2	3	
358	210358	022211012649	ĐINH TIẾN	HUY	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.25	7.8	4.5	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
359	210359	022211004835	ĐỖ DƯƠNG	HUY	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	9.4	6.75	
360	210360	022211005485	ĐỖ THÁI	HUY	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6.5	4	7	
361	210361	022211013994	ĐỖ VĂN	HUY	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	9.2	4.75	
362	210362	038211000832	HOÀNG QUỐC	HUY	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3	4.2	3.25	
363	210363	038211005866	LÊ ĐỨC	HUY	05/08/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	6.4	6.5	
364	210364	022211008833	LÊ GIA	HUY	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	4.4	3.75	
365	210365	022211003314	NGUYỄN GIA	HUY	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6	2.8	4.25	
366	210366	022211007176	NGUYỄN GIA	HUY	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	9.2	8	
367	210367	022211006497	NGUYỄN GIA	HUY	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	8	8	
368	210368	022211006616	NGUYỄN GIA	HUY	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	6.8	2.75	
369	210369	022211001085	NGUYỄN GIA	HUY	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.5	7	6	
370	210370	022211012401	NGUYỄN HÀ	HUY	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	3.2	4	
371	210371	040211005102	NGUYỄN HỮU	HUY	24/03/2011	Tỉnh Nghệ An	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.25	4.8	4.25	
372	210372	022211000070	NGUYỄN QUANG	HUY	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	6.2	4.25	
373	210373	022211012675	NGUYỄN XUÂN	HUY	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	6.4	5.25	
374	210374	022211010890	PHẠM ĐỨC	HUY	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	3.8	7.25	
375	210375	022211008860	TÔ GIA	HUY	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	4	6.4	5.75	
376	210376	022211012871	TỐNG CÔNG	HUY	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	8.8	4.5	
377	210377	001211044791	TRẦN GIA	HUY	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
378	210378	022211005225	TRẦN GIA	HUY	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	9	6.25	
379	210379	022211004621	TRẦN QUANG	HUY	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	3.4	3.5	
380	210380	022211008394	TRỊNH QUANG	HUY	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	6.6	7.5	
381	210381	022211014666	VI LƯƠNG KHÁNH	HUY	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6	9.8	5	
382	210382	022211013783	VŨ GIA	HUY	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	7.2	6.25	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
383	210383	022311009552	DOÃN NGỌC	HUYỀN	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	4.4	5.25	
384	210384	022311007926	LÊ KHÁNH	HUYỀN	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	3.8	4.75	
385	210385	022311011556	LÊ THU	HUYỀN	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.75	7	4.25	
386	210386	034311007637	LƯƠNG THỊ KHÁNH	HUYỀN	05/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.5	6.2	3.75	
387	210387	022311000533	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	3	2.5	
388	210388	022311001264	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	4.2	3	
389	210389	022311008784	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Vũ Oai	Tiếng Anh	7	6.4	5.75	
390	210390	038311030646	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	08/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	9.4	5.75	
391	210391	030311012088	NGUYỄN THU	HUYỀN	14/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	6	7.6	5	
392	210392	033311009185	NGUYỄN VŨ KHÁNH	HUYỀN	02/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	4.5	2.8	1.5	
393	210393	022311000550	PHẠM KHÁNH	HUYỀN	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.25	5.6	2.5	
394	210394	022311006579	PHAN THANH	HUYỀN	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	3.6	3.5	
395	210395	040311012774	TRẦN THỊ	HUYỀN	06/09/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.5	9.2	7.75	
396	210396	022211005558	BÙI HOÀNG TUẤN	HƯNG	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	8	2.75	
397	210397	022211010458	ĐINH GIA	HƯNG	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	7	7.8	4	
398	210398	022211001525	LÊ QUANG	HƯNG	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	9.2	6	
399	210399	022211000282	NGUYỄN DUY	HƯNG	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	7	9	
400	210400	022211013163	NGUYỄN GIA	HƯNG	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6	4	5.25	
401	210401	022211006702	NGUYỄN NGỌC	HƯNG	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	7.8	5.5	
402	210402	030211015421	NGUYỄN NHẬT	HƯNG	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	4.2	3	
403	210403	022211013798	NGUYỄN PHÚ	HƯNG	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	2	4	0.75	
404	210404	022211007284	PHẠM BẢO	HƯNG	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	4.8	6.5	
405	210405	022211012290	VŨ DUY	HƯNG	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	9.4	7.75	
406	210406	022211004474	VŨ GIA	HƯNG	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	7.2	3	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
407	210407	030311009023	NGÔ THỊ DIỆU	HƯƠNG	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	5.75	5.6	6.25	
408	210408	022311003032	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4	3	2.25	
409	210409	001311060318	VŨ QUỲNH	HƯƠNG	04/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	4.75	5.6	3.5	
410	210410	022311003099	NGUYỄN THANH	HƯỜNG	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	9.4	4.5	
411	210411	022211008568	TRẦN SINH	HƯỜNG	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.5	8.6	3.75	
412	210412	022211009622	DƯƠNG TUẤN	KHANG	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	8.8	6.25	
413	210413	022211008774	ĐÀO CHÍ	KHANG	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	9.6	8.25	
414	210414	022211012331	NGUYỄN DUY	KHANG	14/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	4.8	3.25	
415	210415	022211009671	TỪ MINH	KHANG	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.5	5.4	5	
416	210416	022211006276	NGUYỄN VIỆT	KHÁNG	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	7.4	4	
417	210417	022211007985	NGUYỄN TRƯỜNG	KHANH	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	8.4	8.25	
418	210418	022311011207	BÙI NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	8.4	4	
419	210419	022211004196	ĐÀO DUY	KHÁNH	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	6.4	3.5	
420	210420	022211005457	ĐỒNG NAM	KHÁNH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	8.5	9.2	8.25	
421	210421	030211021086	HOÀNG GIA	KHÁNH	04/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	8	3.75	
422	210422	022211009298	LÊ NAM	KHÁNH	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	5	5	
423	210423	022211006604	LÊ PHẠM GIA	KHÁNH	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	3.5	5.8	4.25	
424	210424	022211003246	NGÔ NAM	KHÁNH	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.75	7.2	4.25	
425	210425	022211000713	NGUYỄN GIA	KHÁNH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	4.4	5	
426	210426	022211007308	NGUYỄN GIA	KHÁNH	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	3.5	0	2.25	
427	210427	001211044066	NGUYỄN NAM	KHÁNH	26/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7	5.4	5.25	
428	210428	030211009762	NGUYỄN NAM	KHÁNH	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	6.8	7	
429	210429	022311007977	NGUYỄN THỊ NGỌC	KHÁNH	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	7	5.25	
430	210430	022211008222	PHẠM QUỐC	KHÁNH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	6.4	6	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
431	210431	022211004185	TRẦN NAM	KHÁNH	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	5.8	5	
432	210432	022211009550	ĐỖ MINH	KHOA	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	9.2	5.25	
433	210433	022211010113	LÊ ANH	KHOA	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.5	7.8	5.75	
434	210434	022211004059	LÊ ĐĂNG	KHOA	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.75	6	6.25	
435	210435	022211004095	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	4	5.5	
436	210436	022211010680	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	8.4	8	
437	210437	034211010576	NGUYỄN ĐÌNH	KHOA	01/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4	6	6.25	
438	210438	022211013461	PHẠM ĐỨC	KHOA	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	3.25	4	4.75	
439	210439	031211019700	PHẠM MINH	KHOA	30/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	5.5	5.6	5	
440	210440	033211002663	TRẦN ANH	KHOA	06/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	8	8	
441	210441	022211005211	TRẦN MINH	KHOA	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	9.8	8.5	
442	210442	022211008669	DƯƠNG MINH	KHÔI	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	4.6	7	
443	210443	022211006154	MAI DUY	KHÔI	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	4.2	1	
444	210444	022211002064	TRỊNH ANH	KHÔI	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	6.6	3.25	
445	210445	022211003465	TRƯƠNG QUỐC ANH	KHÔI	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	5.5	5.2	2	
446	210446	022211011486	TRẦN VIỆT	KHUÊ	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.75	9.4	7	
447	210447	022311003606	VŨ MINH	KHUÊ	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	8	7.25	
448	210448	022211000046	NGUYỄN MẠNH	KHƯƠNG	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	6.6	4.5	
449	210449	022211010796	LÊ HẢI	KIÊN	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.25	7.4	3.25	
450	210450	033211011544	NGUYỄN NGỌC	KIÊN	27/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	8.8	7	
451	210451	036211015721	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	28/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4	4.2	2.75	
452	210452	022211001723	VŨ ĐÌNH	KIÊN	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	7.6	8.5	
453	210453	022211007200	HOÀNG TUẤN	KIỆT	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.25	9.2	7.25	
454	210454	037211001660	TRỊNH TUẤN	KIỆT	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	6.6	4.5	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
455	210455	022211006301	VŨ THẾ	KIỆT	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	5.6	4.5	
456	210456	022211007920	VŨ TUẤN	KIỆT	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5	3.2	3.75	
457	210457	022311011591	NGUYỄN DƯƠNG PHƯƠNG	KIỀU	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	4.6	4.25	
458	210458	033311004304	NGUYỄN THỊ BẢO	KIM	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	6.5	7.8	3	
459	210459	022311010316	BÙI TUYẾT	LAN	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	7.6	3.75	
460	210460	030311011639	NGUYỄN NGỌC	LAN	26/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	5	4.25	
461	210461	022211004581	ĐÀO TÙNG	LÂM	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.25	3.4	3	
462	210462	030211002723	HÀ ĐÌNH TÙNG	LÂM	03/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	4.75	3.8	1	
463	210463	022210005932	LÊ HỮU	LÂM	26/08/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	5.8	7.75	
464	210464	022211000598	NGUYỄN TÙNG	LÂM	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	2.6	1.25	
465	210465	022211013051	PHẠM TÙNG	LÂM	14/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	5.6	4.75	
466	210466	022211002605	VŨ TÙNG	LÂM	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	4.4	6.5	
467	210467	022311003910	NGUYỄN HỒNG	LIÊN	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.25	5	2.5	
468	210468	022311001820	NGUYỄN TÂM	LIÊN	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	8.4	6.5	
469	210469	022311008386	ĐẶNG NHẬT	LIỄU	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	3.2	5	
470	210470	022311011699	BÙI NGỌC	LINH	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	7.2	6.25	
471	210471	022311012283	BÙI THỊ PHƯƠNG	LINH	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	5	7.25	
472	210472	022311013613	CAO KHÁNH	LINH	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	4.6	4	
473	210473	022311000585	DƯƠNG KHÁNH	LINH	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.25	2.8	4.75	
474	210474	027311001287	ĐÀO THỊ NGỌC	LINH	19/12/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.25	7.4	6.75	
475	210475	030311000414	ĐÀO TRÚC KHÁNH	LINH	13/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	7.8	7.5	
476	210476	022311006443	ĐẶNG HÀ	LINH	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	4.2	5.5	
477	210477	022311008440	ĐẶNG HÀ	LINH	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	8.2	4.25	
478	210478	022311011435	ĐOÀN THỊ BẢO	LINH	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6.5	8.4	5.25	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
479	210479	022311006032	ĐỖ PHƯƠNG	LINH	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7	7.8	4.5	
480	210480	022311002922	HÀ PHƯƠNG	LINH	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	4.8	3.75	
481	210481	022311009633	HOÀNG HÀ	LINH	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	6.8	3.5	
482	210482	022311005908	HOÀNG KHÁNH	LINH	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	7.8	8.5	
483	210483	064311007385	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH	LINH	17/07/2011	Tỉnh Đắk Lắk	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	10	6	
484	210484	022311001658	HỒ TRẦN BẢO	LINH	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.25	9	6	
485	210485	022311004996	LÊ HÀ	LINH	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	4.5	2.2	2.5	
486	210486	022311006267	LÊ THỊ KHÁNH	LINH	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	8.2	6.25	
487	210487	022311005692	LÊ UYÊN	LINH	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	6.4	5.25	
488	210488	022311009109	LƯU BẢO PHƯƠNG	LINH	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	4.2	1.5	
489	210489	022311011626	MẠC THÙY	LINH	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.25	5.8	4	
490	210490	022311003394	NGÔ DIỆP	LINH	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	8	6.25	
491	210491	022311006095	NGÔ THỊ NGỌC	LINH	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.25	9.6	7	
492	210492	022311005744	NGÔ THÙY	LINH	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	6.2	5.5	
493	210493	022311004423	NGUYỄN GIA	LINH	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	7.2	7.5	
494	210494	030311000286	NGUYỄN HẢI	LINH	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	6.6	5	
495	210495	022311001504	NGUYỄN HÀ	LINH	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	6.8	4	
496	210496	022311010055	NGUYỄN KHÁNH	LINH	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	6.6	5.75	
497	210497	022311010682	NGUYỄN KHÁNH	LINH	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
498	210498	022311009017	NGUYỄN NGỌC HÀ	LINH	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3	2.4	3.75	
499	210499	022311013681	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	LINH	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	5.8	4	
500	210500	022311008738	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	9.8	6	
501	210501	022311012699	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.25	3.4	1.5	
502	210502	022311002087	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	4.8	6.5	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
503	210503	022311003006	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	6.8	3.5	
504	210504	022311000993	NGUYỄN THÙY	LINH	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6	8	5.5	
505	210505	022311010377	NGUYỄN TRẦN BẢO	LINH	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	7.6	5.5	
506	210506	022311005505	NGUYỄN TRẦN HÀ	LINH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	5.6	1.5	
507	210507	022311007398	NGUYỄN UYÊN	LINH	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	8.6	6.75	
508	210508	022311001243	NGUYỄN VŨ DIỆU	LINH	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	6.6	7	
509	210509	022311011565	PHẠM BẢO	LINH	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	2	4.8	2	
510	210510	022311000593	PHẠM BẢO	LINH	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.25	3.8	1.75	
511	210511	075311013725	PHẠM BÙI HẠ	LINH	24/01/2011	Tỉnh Đồng Nai	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	6	5.25	
512	210512	022211005576	PHẠM DUY	LINH	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.25	2	6.5	
513	210513	022311011954	PHẠM NGỌC	LINH	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	7.6	4.25	
514	210514	022311008222	PHẠM PHƯƠNG	LINH	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	1	7.6	2.25	
515	210515	030311007159	PHẠM PHƯƠNG	LINH	13/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7	6	3.25	
516	210516	030311000407	PHẠM THỊ PHƯƠNG	LINH	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6	6.6	5.75	
517	210517	035311009764	PHẠM TRẦN NGỌC	LINH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	6.6	4.75	
518	210518	022311003841	TÔN DIỆU	LINH	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6.75	4.6	6.25	
519	210519	022311010807	TRẦN HÀ	LINH	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8.5	4.8	5.5	
520	210520	022311007681	TRẦN NGỌC THUỲ	LINH	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	7.8	6.75	
521	210521	022311012277	TRẦN PHƯƠNG	LINH	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	6.8	4	
522	210522	022311002800	TRỊNH MAI	LINH	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.25	8.2	5	
523	210523	022311009613	VŨ CẨM	LINH	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.25	2	1	
524	210524	022311004343	VŨ DIỆP	LINH	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	5.6	4	
525	210525	022311010239	VŨ DIỆU	LINH	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	6.4	4.75	
526	210526	034311016615	VŨ KHÁNH	LINH	04/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7	7.4	2	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
527	210527	022311010033	VŨ PHƯƠNG	LINH	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	4.6	3.75	
528	210528	022311002384	VŨ THÙY	LINH	13/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	7.4	8.5	
529	210529	022211012256	CAO PHAN	LONG	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3	5.4	2	
530	210530	022211001881	ĐOÀN ĐỨC	LONG	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	4.5	3.6	4.75	
531	210531	022211004208	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	LONG	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	6.2	5	
532	210532	022211000393	NGUYỄN HƯNG	LONG	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.5	6	4.5	
533	210533	022211000575	NGUYỄN TRỌNG VŨ	LONG	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.5	7.6	5	
534	210534	034211000201	NGUYỄN TRUNG	LONG	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	5	3.4	5.5	
535	210535	022211000581	PHẠM HOÀNG	LONG	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	4.25	3.8	3	
536	210536	030211009664	TRẦN NHẬT	LONG	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	3.4	3.25	
537	210537	034211010589	TRẦN THÀNH	LONG	25/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	7.8	6.5	
538	210538	036211001060	NGUYỄN THÀNH	LỘC	11/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	6	8.25	
539	210539	022311013771	PHẠM NGỌC GIA	LỘC	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	5.2	3.5	
540	210540	022211008271	VŨ XUÂN	LỘC	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.5	8.8	7.5	
541	210541	022311005900	ĐOÀN KHÁNH	LY	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	3.2	3.75	
542	210542	034311007008	NGUYỄN KHÁNH	LY	18/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3.75	4.4	3.75	
543	210543	022311011163	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.25	2.8	2.5	
544	210544	022311004450	VŨ THẢO	LY	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	4	6	
545	210545	022311011764	ĐẶNG QUỲNH	MAI	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	8.2	5	
546	210546	022311005233	ĐẶNG THỊ QUỲNH	MAI	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	4	4.5	
547	210547	022311008023	ĐOÀN PHƯƠNG	MAI	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	5.2	5.75	
548	210548	022311000222	LÊ NGUYỄN NHƯ	MAI	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	4.2	5.25	
549	210549	022311001046	NGÔ THU	MAI	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.75	4.2	4	
550	210550	022311007499	NGUYỄN ÁNH NGỌC	MAI	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	5	4.75	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
551	210551	022311006171	NGUYỄN NGỌC	MAI	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	7.8	5.5	
552	210552	034311006430	NGUYỄN PHƯƠNG	MAI	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	8.2	5.75	
553	210553	022311002895	NGUYỄN PHƯƠNG	MAI	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	3.4	6.25	
554	210554	022311011736	NGUYỄN QUỲNH	MAI	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	5.4	3	
555	210555	022311013717	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	5.2	4	
556	210556	022311000209	PHẠM THANH	MAI	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	8.2	5	
557	210557	030311004824	VŨ NGỌC	MAI	09/05/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	7.8	4.75	
558	210558	022311005235	VŨ THANH	MAI	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	5.8	3	
559	210559	022211012183	DƯƠNG ĐĂNG	MẠNH	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7	9.2	8	
560	210560	022211008345	ĐOÀN ĐỨC	MẠNH	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	8.2	6.5	
561	210561	022211003301	LÊ ĐÌNH	MẠNH	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3	8.2	3.75	
562	210562	022211003123	NGUYỄN THẾ	MẠNH	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	8.8	5	
563	210563	022211000096	ĐÀO NHẬT	MINH	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.5	6.2	5.75	
564	210564	022211003652	ĐẶNG QUANG	MINH	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.5	7.8	2.5	
565	210565	022211005612	ĐINH TUẤN	MINH	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.75	3.6	3.75	
566	210566	022211013591	ĐOÀN NHẬT	MINH	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	7.6	3.75	
567	210567	022211012869	ĐỒNG NGUYỄN BẢO	MINH	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	3.6	2.5	
568	210568	022211001103	ĐỖ VĂN	MINH	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5	3.8	4.25	
569	210569	022211002895	LÊ ĐỨC	MINH	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	5.25	9.6	5.5	
570	210570	033211008193	LÊ NHẬT	MINH	22/07/2011	Tỉnh Điện Biên	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.5	8.8	3	
571	210571	022211009361	LÊ QUANG	MINH	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.5	7	5.5	
572	210572	022211013910	NGÔ TƯỜNG	MINH	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	7.4	7	
573	210573	022211008157	NGUYỄN BÙI ĐỨC	MINH	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	4.6	6.5	
574	210574	022211011682	NGUYỄN ĐỨC	MINH	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	5.8	5.25	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
575	210575	022211003716	NGUYỄN HẢI	MINH	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	7.4	7	
576	210576	022211011806	NGUYỄN HOÀNG	MINH	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.25	5.6	4.75	
577	210577	036211004231	NGUYỄN NGỌC	MINH	01/02/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	5.2	8.5	
578	210578	024211000215	NGUYỄN PHẠM GIA	MINH	18/12/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	7	3.5	
579	210579	022211005341	NGUYỄN PHÚC	MINH	04/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	8.2	6.25	
580	210580	022211000477	NGUYỄN QUANG	MINH	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	5.2	7.25	
581	210581	022211012390	NGUYỄN QUANG	MINH	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	2.8	2.25	
582	210582	001211076860	NGUYỄN QUANG	MINH	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.5	8	6	
583	210583	022211014760	NGUYỄN TIẾN	MINH	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	2	4	
584	210584	022211013082	NGUYỄN TRỌNG TẤN	MINH	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	5.8	5.75	
585	210585	034311014260	NGUYỄN TUỆ	MINH	18/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	7.4	5.75	
586	210586	022211011903	NGUYỄN VIỆT	MINH	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	8	6.25	
587	210587	022211001267	PHẠM ANH	MINH	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3.25	6.8	5.5	
588	210588	030211007316	PHẠM BẢO	MINH	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	7.2	5	
589	210589	022211004213	PHÙNG KHẮC	MINH	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	4.4	1	
590	210590	022211012890	TRẦN CÔNG	MINH	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.25	3.8	3.75	
591	210591	022311006415	TRẦN THỊ BẢO	MINH	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	8.4	5.5	
592	210592	035311000120	TRẦN THỊ THU	MINH	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	7.4	7.25	
593	210593	022211005591	TRẦN TIẾN	MINH	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	4.6	4.75	
594	210594	022211011800	VŨ ĐỨC	MINH	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	3	1.5	
595	210595	022211006348	VŨ HỮU ĐỨC	MINH	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	2.75	3	4.25	
596	210596	022311009016	VŨ THỊ	MINH	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	4.8	2	
597	210597	022311001777	ĐOÀN THỊ HUYỀN	MY	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	3.8	5.25	
598	210598	022311002478	ĐỖ VŨ HÀ	MY	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	3.6	4.75	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
599	210599	030311007825	KHƯƠNG TRÀ	MY	28/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	5.4	4.75	
600	210600	022311001189	LÊ NGUYỄN TRÀ	MY	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.75	5	5.5	
601	210601	022311011466	NGUYỄN BẢO	MY	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	6.8	5.75	
602	210602	022311010497	NGUYỄN HÀ	MY	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	6.6	4.25	
603	210603	022311012661	NGUYỄN HÀ	MY	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	4.2	3.75	
604	210604	022311001223	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	4.6	5.75	
605	210605	026311012646	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	10/08/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	7.2	3.5	
606	210606	030311000471	NGUYỄN THỊ UYÊN	MY	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.5	7.6	7.25	
607	210607	022311005436	PHẠM HÀ	MY	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	5	7	
608	210608	030311012740	PHẠM TRÀ	MY	24/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	3.4	5.5	
609	210609	022311003694	TRẦN GIA	MY	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	5.4	6.5	
610	210610	022311002883	TRẦN TRÀ	MY	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	7	4	
611	210611	022311007856	VŨ HÀ	MY	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.5	7	5.5	
612	210612	022311009813	TẠ PHƯƠNG HOÀNG	MỸ	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.25	4	6.75	
613	210613	022211000250	ĐỖ ĐỨC	NAM	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	8.6	4	
614	210614	022211012860	LƯU ĐẠI	NAM	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	6	3.25	
615	210615	022211012089	NGUYỄN BẢO	NAM	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	4.25	3.6	3.5	
616	210616	022211012599	NGUYỄN CƯỜNG	NAM	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	2.2	5	
617	210617	022211002529	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH	NAM	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.75	4	2.5	
618	210618	022211011411	NGUYỄN ĐÌNH	NAM	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	4.8	6	
619	210619	022211010569	NGUYỄN HẢI	NAM	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	7	3.75	
620	210620	022211011452	NGUYỄN SINH NHẬT	NAM	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6	8.4	7.5	
621	210621	022211001411	NGUYỄN TUẤN	NAM	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.25	3.4	3	
622	210622	022211004654	PHẠM HẢI	NAM	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.5	2.2	2.5	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
623	210623	093211005014	PHẠM HOÀNG	NAM	17/05/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.5	7.2	1.5	
624	210624	022211002646	PHẠM NGÔ BẢO	NAM	26/08/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	5.4	2.25	
625	210625	035211003055	TẠ THÀNH	NAM	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	4.75	2.2	2.75	
626	210626	017211006091	TRẦN KHÁNH	NAM	28/09/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.5	7.6	8.75	
627	210627	022211002469	VŨ HẢI	NAM	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.25	5.8	3.5	
628	210628	022311004054	TRẦN DIỆU	NGÀ	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	7.8	3.5	
629	210629	022311004681	CÙ THU	NGÂN	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	3	5.25	
630	210630	030311003524	KHÚC KIM	NGÂN	26/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	6.6	4.5	
631	210631	022311005196	LÊ THỊ HỒNG	NGÂN	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	3.6	5	
632	210632	031311014844	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NGÂN	26/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	8	7	
633	210633	022311004566	NGUYỄN THÙY	NGÂN	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	5.5	4.4	4	
634	210634	022311001067	TRẦN THỊ THÚY	NGÂN	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.5	4.8	2.25	
635	210635	022311003942	TRƯƠNG HOÀNG KIM	NGÂN	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	8	6.5	
636	210636	022311005243	VŨ KIM	NGÂN	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	3.8	3.25	
637	210637	022311002001	VŨ THU	NGÂN	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	6	4.75	
638	210638	022211008174	ĐẶNG PHẠM	NGHĨA	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	8.2	6.25	
639	210639	015211011692	LƯƠNG ĐOÀN HẢI	NGHĨA	22/07/2011	Tỉnh Lào Cai	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	3.2	3.25	
640	210640	022211002336	MAI GIA	NGHĨA	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	5.6	4.5	
641	210641	022211013728	TRẦN TRUNG	NGHĨA	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	2.6	3.75	
642	210642	022211014735	MẠC HỒNG	NGHIỆP	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	5	6.75	
643	210643	022311013033	BÙI BẢO	NGỌC	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.5	3.8	3.75	
644	210644	022311000011	DƯƠNG KHÁNH	NGỌC	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	4	2.25	
645	210645	042311007876	ĐÀO THỊ BẢO	NGỌC	24/05/2011	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4	2.6	1.75	
646	210646	022311000045	ĐẶNG VŨ BẢO	NGỌC	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6	7.4	4.5	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
647	210647	022311002266	ĐINH BẢO	NGỌC	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	3.8	2	
648	210648	022311002730	HOÀNG NHƯ	NGỌC	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	5.2	5	
649	210649	022311000635	NGÔ BẢO	NGỌC	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.75	6	5.5	
650	210650	022311006301	NGUYỄN BẢO	NGỌC	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	7.2	6	
651	210651	034311012825	NGUYỄN BẢO	NGỌC	30/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	8.8	6.5	
652	210652	022311000552	NGUYỄN BẢO	NGỌC	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	6.6	6	
653	210653	022311011275	NGUYỄN BẢO	NGỌC	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	7.4	6.5	
654	210654	022311010039	NGUYỄN BẢO	NGỌC	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	5.4	3.5	
655	210655	022311007574	NGUYỄN BẢO	NGỌC	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	3.8	5	
656	210656	022311005575	NGUYỄN BẢO	NGỌC	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	5.6	3.25	
657	210657	022311012863	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	4.6	4.25	
658	210658	022311005053	NGUYỄN LÊ BẢO	NGỌC	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	4.4	1.25	
659	210659	022311001101	NHỮ NGUYỄN NHƯ	NGỌC	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.5	9.6	7	
660	210660	031311010804	PHẠM MINH	NGỌC	02/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.5	3.2	2.25	
661	210661	022311009700	PHẠM NHỮ MINH	NGỌC	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	8.6	6	
662	210662	022311008895	PHẠM VŨ BẢO	NGỌC	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.75	6.2	4.75	
663	210663	022311000098	TĂNG KHÁNH	NGỌC	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hán	THCS Lê Văn Tám (Phân hiệu 1)	Tiếng Anh	5.5	7.8	3	
664	210664	022211002500	CHU MẠNH	NGUYÊN	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	8	9.8	6.5	
665	210665	022211010179	HOÀNG HẠO	NGUYÊN	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	4.6	3	
666	210666	022211013053	NGÔ MẠC LÂM	NGUYÊN	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	5	3	3	
667	210667	038211027506	NGUYỄN HOÀNG MINH	NGUYÊN	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	4.75	3.6	2.5	
668	210668	022211005359	NGUYỄN KHÁNH	NGUYÊN	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6	7.4	2	
669	210669	034311007080	NGUYỄN THẢO	NGUYÊN	26/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	5.2	3.75	
670	210670	022211001880	PHẠM NGUYỄN KHÔI	NGUYÊN	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	7.4	4.5	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
671	210671	022211013282	TRỊNH PHÚC	NGUYÊN	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	8	6	
672	210672	022311007255	PHẠM NGUYỄN MINH	NGUYỆT	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	4.6	5.75	
673	210673	022311009946	VŨ MINH	NGUYỆT	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	8.4	7.5	
674	210674	031311006721	TÔ THANH	NHÀN	12/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6.5	6.6	4.75	
675	210675	036211004846	DƯƠNG TRỌNG	NHÂN	30/04/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6	5.4	4.75	
676	210676	022211000587	HÀ THIỆN	NHÂN	13/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	8.8	6.25	
677	210677	022211009158	NGUYỄN DOANH	NHÂN	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	5.5	3.8	4	
678	210678	022311000207	BÙI PHƯƠNG	NHI	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	8	5.5	
679	210679	022311010689	BÙI YẾN	NHI	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	2.5	4.4	3.5	
680	210680	033311010778	ĐẶNG TUYẾT	NHI	06/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.5	6.8	4.5	
681	210681	022311004033	ĐỒNG NGUYỄN BẢO	NHI	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	9	5	
682	210682	026311002346	HOÀNG THỊ YẾN	NHI	23/03/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	5.2	4.25	
683	210683	022311012474	HOÀNG YẾN	NHI	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8.25	6.2	4.75	
684	210684	022311008261	LÊ NGỌC UYÊN	NHI	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	5.2	2.5	
685	210685	034311014068	LÊ THỊ YẾN	NHI	28/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	6.6	5.25	
686	210686	038311028445	NGÔ THỊ YẾN	NHI	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	6.6	5.75	
687	210687	040311003213	NGUYỄN PHAN YẾN	NHI	06/04/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	4.4	3	
688	210688	022311006748	NGUYỄN THẢO	NHI	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	6.6	6.25	
689	210689	022311012796	NGUYỄN TRẦN BẢO	NHI	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	4.6	3	
690	210690	022311003067	PHẠM ĐÔNG	NHI	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	1.4	1	
691	210691	022311006782	PHẠM TUYẾT	NHI	17/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	7.2	1.5	
692	210692	022311004215	PHẠM YẾN	NHI	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	6.8	5	
693	210693	019311008284	TRẦN HOÀNG YẾN	NHI	21/08/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	5.2	4.75	
694	210694	075311000960	TRẦN THỊ YẾN	NHI	25/08/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	7	6.75	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
695	210695	022311008044	TRẦN YẾN	NHI	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	8.2	5.75	
696	210696	022311005450	VŨ BẢO	NHI	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	4	4.25	
697	210697	022311004031	VŨ NGỌC QUỲNH	NHI	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	5.2	4	
698	210698	022311006761	ĐÀO PHƯƠNG	NHUNG	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	4.4	2.25	
699	210699	022311004157	LÊ THỊ HÀ	NHUNG	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	3.2	2.75	
700	210700	022311004872	NGUYỄN CẨM	NHUNG	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	5.6	4	
701	210701	022311008779	PHẠM PHƯƠNG	NHUNG	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	5.8	6.25	
702	210702	022311010310	TRẦN HỒNG	NHUNG	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	3.8	3.75	
703	210703	022311004723	ĐỖ NGỌC QUỲNH	NHƯ	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	7	6.5	
704	210704	022311012519	HÀ NGỌC	NHƯ	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.25	5.2	2	
705	210705	022311009452	NGUYỄN NGỌC BẢO	NHƯ	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	2.25	1.8	3	
706	210706	030311000307	NGUYỄN VŨ QUỲNH	NHƯ	03/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	3.8	3.5	
707	210707	022311006210	TRẦN ÁNH	NHƯ	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	6.8	4.75	
708	210708	022311011409	VŨ HÀ	NHƯ	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	3.8	3	
709	210709	022211008313	NGUYỄN HẢI	NINH	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	9.8	9.25	
710	210710	022211004265	NGUYỄN TUẤN	NINH	29/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	5.6	4	
711	210711	022311001759	PHẠM NGÔ THÁI	NINH	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8	9.4	5.75	
712	210712	022211007213	VŨ NHẬT	NINH	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.5	3.4	2.75	
713	210713	038211023756	LÊ QUỐC	OAI	17/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	4.4	5.5	
714	210714	022211000292	LÊ HỮU	PHÁT	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	5.4	3.25	
715	210715	040211007885	MÃ HOÀNG	PHÁT	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	6.6	5.5	
716	210716	022211012319	CHU QUANG	PHI	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.25	9.2	9	
717	210717	022211008100	ĐINH NAM	PHONG	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	3.2	4	
718	210718	022211010142	HỒ XUÂN	PHONG	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	8.6	8.5	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
719	210719	034211015640	NGUYỄN HÀ	PHONG	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.25	3.6	1.75	
720	210720	022211006882	NGUYỄN HOÀNG NAM	PHONG	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	2	2.4	0.25	
721	210721	022211011083	NGUYỄN HUY	PHONG	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.75	6.6	4.25	
722	210722	022211009792	NGUYỄN THANH	PHONG	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	9.4	7	
723	210723	022211001061	NGUYỄN VĂN HẢI	PHONG	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.5	5.6	3.75	
724	210724	022211009803	PHẠM HẢI	PHONG	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4	7.6	3.5	
725	210725	022211003831	PHẠM NHẬT	PHONG	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	4.6	3.75	
726	210726	022211007103	TĂNG ĐÌNH	PHONG	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	6.6	3	
727	210727	022211008006	TRẦN NAM	PHONG	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	4.4	4.75	
728	210728	022211006908	VŨ ANH	PHONG	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	5.8	3.75	
729	210729	022211009428	VŨ HẢI	PHONG	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.5	2.6	1.25	
730	210730	022211014741	VŨ TIẾN	PHONG	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	9	6.25	
731	210731	022211005659	CAO VŨ THỊNH	PHÚ	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	9	6.75	
732	210732	022211009497	NGUYỄN GIA	PHÚ	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	4.4	4.75	
733	210733	001211071324	NGUYỄN TRỌNG	PHÚ	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	3.2	3.75	
734	210734	022211002593	TRẦN THÀNH	PHÚ	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	2.75	8.4	2.25	
735	210735	022211003589	HỒ ĐỨC	PHÚC	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	4.6	4.25	
736	210736	022211008551	LÊ HOÀNG	PHÚC	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	5	3.75	
737	210737	022211001452	LÊ MINH	PHÚC	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6	3.2	2	
738	210738	022211012500	NGÔ THÀNH	PHÚC	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.5	7.2	4	
739	210739	030211002858	NGUYỄN BẢO	PHÚC	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6	6.6	3.25	
740	210740	022211013873	NGUYỄN DUY	PHÚC	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	5	2.75	
741	210741	022211007909	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.25	3.2	3	
742	210742	030211118367	NGUYỄN THẮNG BẢO	PHÚC	07/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Văn Đức	Tiếng Anh	1	2.6	1	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
743	210743	022211004537	NGUYỄN THẾ	PHÚC	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	8.2	8.25	
744	210744	022211004214	NGUYỄN XUÂN	PHÚC	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.25	3.4	2.5	
745	210745	031211015056	PHẠM HỮU	PHÚC	25/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	3.25	3.6	4	
746	210746	030211006683	PHẠM MINH	PHÚC	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.25	5.4	5.75	
747	210747	037211004439	TRƯƠNG HỒNG	PHÚC	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	9.6	7.25	
748	210748	022211014630	VŨ DUY	PHÚC	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	9.8	5.5	
749	210749	022211001081	VŨ ĐỨC	PHÚC	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.5	5.2	2	
750	210750	022211011031	NGUYỄN BÌNH	PHƯỚC	14/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	9.2	5	
751	210751	022311006533	ĐẶNG MAI	PHƯƠNG	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	8.25	9	5	
752	210752	022311011586	ĐẶNG MINH	PHƯƠNG	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	6	5.5	
753	210753	022311006476	ĐỖ MAI	PHƯƠNG	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	7.6	2.25	
754	210754	022311013607	HOÀNG BÍCH	PHƯƠNG	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	6.2	3.75	
755	210755	022311010907	HOÀNG MINH	PHƯƠNG	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.5	0	3.75	
756	210756	022311008795	LÊ MAI	PHƯƠNG	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	6.8	4.25	
757	210757	022311010856	LÊ THỊ HÀ	PHƯƠNG	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.25	3.8	3.5	
758	210758	022311000707	LƯU THU	PHƯƠNG	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	5.8	2.25	
759	210759	022311003492	NGUYỄN LAN	PHƯƠNG	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.25	7	3.25	
760	210760	030211003525	NGUYỄN LƯƠNG	PHƯƠNG	03/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	4.8	6.5	
761	210761	022211004194	NGUYỄN NAM	PHƯƠNG	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
762	210762	022311010404	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.25	7.8	7.25	
763	210763	030311019154	NGUYỄN TRẦN HÀ	PHƯƠNG	08/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	5	4.6	4.5	
764	210764	022311003175	PHẠM KIỀU	PHƯƠNG	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.5	7.4	5.5	
765	210765	022311011092	PHẠM VŨ MAI	PHƯƠNG	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	9.4	5	
766	210766	022311002325	TRẦN MAI	PHƯƠNG	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	8.2	5.75	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
767	210767	022311007158	TRẦN MINH	PHƯƠNG	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	5.2	6	
768	210768	022311008547	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.5	3.4	4.75	
769	210769	022311001848	VŨ HÀ	PHƯƠNG	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	4.6	3.5	
770	210770	022211000294	NGUYỄN PHÚC	QUANG	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3	4.8	3	
771	210771	022211007593	TRẦN ĐỨC	QUANG	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	6.4	5.25	
772	210772	042211000158	ĐÀO XUÂN	QUẢNG	30/03/2011	Tỉnh Hà Tĩnh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	9.4	6.25	
773	210773	022211008291	ĐINH VĂN	QUÂN	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	4	4.5	
774	210774	022211003170	LÊ TRẦN MINH	QUÂN	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	5.8	3.5	
775	210775	034211016244	NGUYỄN ĐỨC	QUÂN	09/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	3.6	3.75	
776	210776	030211017597	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	30/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
777	210777	022211006070	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	3.8	3.5	
778	210778	022211005802	NGUYỄN MẠNH	QUÂN	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	8	6	
779	210779	022211009547	NGUYỄN MINH	QUÂN	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.5	6.6	2.75	
780	210780	022211004323	NGUYỄN VIỆT	QUÂN	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	7.4	6.75	
781	210781	022211000003	TRẦN ANH	QUÂN	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.75	6.4	5.5	
782	210782	022211004024	TRẦN MINH	QUÂN	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	6	4.25	
783	210783	022211013192	TRẦN MINH	QUÂN	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	9	6.75	
784	210784	036311003765	ĐỖ THỤC	QUYÊN	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	4.25	3.6	0.75	
785	210785	022311006450	ĐỖ THỤC	QUYÊN	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	7	4.5	
786	210786	022311000085	NGUYỄN HOÀNG	QUYÊN	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	5.6	1	
787	210787	022211013297	NGUYỄN QUANG	QUYẾT	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	9.4	7	
788	210788	030311013091	ĐOÀN TÚ	QUỲNH	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	8.4	7.25	
789	210789	022311010301	NGUYỄN NGỌC	QUỲNH	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	4	3	2.75	
790	210790	022311012232	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUỲNH	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	2.8	2.5	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
791	210791	022311000439	PHẠM DIỄM	QUỲNH	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	6.5	5.8	2	
792	210792	022311009862	TRẦN DIỆU	QUỲNH	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	6.4	4.75	
793	210793	022311011456	TRẦN THỊ NHƯ	QUỲNH	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	3.2	2	
794	210794	031311000360	TRỊNH HƯƠNG	QUỲNH	30/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.5	4.8	4.75	
795	210795	022311008551	VŨ NGỌC	QUỲNH	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	4.2	3.5	
796	210796	022311000743	VŨ THỊ XUÂN	QUỲNH	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.75	8.4	4.75	
797	210797	022311002318	BÙI SAN	SAN	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	3.8	1.75	
798	210798	022211004167	ĐỖ HOÀNG	SƠN	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	5.6	4.75	
799	210799	038211003028	LƯU NAM	SƠN	08/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	4	4	
800	210800	022211003124	NGUYỄN BẢO	SƠN	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
801	210801	022211001478	VÕ NGỌC	SƠN	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	8.6	3.75	
802	210802	022311004906	NGUYỄN NGỌC	TÂM	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	3	2	
803	210803	022311008198	NGUYỄN THÙY THANH	TÂM	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	8	7	6	
804	210804	022211002035	TRẦN NGỌC	TÂM	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	5.2	4.75	
805	210805	022311007637	VŨ ĐẶNG MINH	TÂM	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.75	7.4	6	
806	210806	034211011553	BÙI VĂN	TÂN	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	1.75	2.6	2.75	
807	210807	022211000273	NGUYỄN DOÃN NGỌC	THÁI	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	3.4	4.5	
808	210808	022311005199	ĐÀO MAI	THANH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	6.8	5.25	
809	210809	030211000611	NGUYỄN CÔNG	THANH	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6	6	8.5	
810	210810	022211007353	PHẠM MINH	THANH	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	9.2	8.25	
811	210811	034311000132	TRẦN KIỀU	THANH	23/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	6.8	5.25	
812	210812	022211006062	ĐINH PHÚC	THÀNH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	10	6.25	
813	210813	022211004955	LÊ CÔNG	THÀNH	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.25	9.2	6	
814	210814	022211008038	TRẦN TÂN	THÀNH	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	5	6.4	6	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
815	210815	022211001998	TRẦN THẾ	THÀNH	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	8.2	5	
816	210816	036211019519	TRẦN TIẾN	THÀNH	25/08/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	8.8	7	
817	210817	231311000111	BÙI PHƯƠNG	THẢO	04/06/2011	Nước ngoài	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	4.5	2.6	5	
818	210818	022311010097	ĐOÀN PHƯƠNG	THẢO	17/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	3	1.5	
819	210819	022311013790	ĐỖ MINH	THẢO	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6.5	3	3.75	
820	210820	017311020609	ĐỖ NGUYỄN HƯƠNG	THẢO	24/07/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.5	7.6	5.25	
821	210821	022311007163	LÊ THANH	THẢO	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	8.5	9	6.5	
822	210822	022311012880	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	7.2	4.25	
823	210823	022311005885	NGÔ THỊ THANH	THẢO	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	4.6	2	
824	210824	022311008579	NGUYỄN ĐỖ THU	THẢO	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	6.2	5.5	
825	210825	022311008232	NGUYỄN NGỌC	THẢO	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	9	7.75	
826	210826	022311005624	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG	THẢO	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	6.4	3	
827	210827	022311002873	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	7.6	4.75	
828	210828	022311004430	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	6	3.5	
829	210829	022311011530	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	9	6.25	
830	210830	022311005033	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.25	6.8	4.25	
831	210831	022311003370	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	6.8	5.5	
832	210832	022311002489	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	5.8	5.75	
833	210833	022311001107	NGUYỄN THANH	THẢO	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	4	2.6	1	
834	210834	037311008609	PHẠM BÙI NHƯ	THẢO	06/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ	Mường	THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	3.2	2.75	
835	210835	022311000076	PHẠM HƯƠNG	THẢO	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.5	5.2	5.75	
836	210836	022311008050	PHẠM THANH	THẢO	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	8.4	7.75	
837	210837	022311002632	PHÙNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.25	8.6	4.25	
838	210838	031211007520	NGUYỄN PHÚ	THẮNG	25/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	0	2.5	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
839	210839	030211007285	VŨ HUY	THẮNG	06/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	6.4	5	
840	210840	022211013125	VŨ MINH	THẮNG	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	4.5	4.8	2.25	
841	210841	031311011457	NGUYỄN THỊ BẢO	THI	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	5.8	6	
842	210842	022211012894	TẠ NGỌC	THIỆN	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6	4.2	2.75	
843	210843	031211011858	TRỊNH DUY	THIỆN	29/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	6.6	6.25	
844	210844	022211005787	DƯƠNG CÔNG	THỊNH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	9.8	7.25	
845	210845	036211004217	PHẠM CƯỜNG	THỊNH	22/06/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.25	3.8	1.25	
846	210846	022311001825	NGUYỄN KIM	THOA	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	5	3	
847	210847	022311013601	NGUYỄN THỊ XUÂN	THƠ	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	7.6	6	
848	210848	022311009466	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	THUỲ	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.25	6	6.5	
849	210849	022311010292	BÙI HÀ	THUỶ	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	5.2	3	
850	210850	038311025832	LÊ THÚY PHƯƠNG	THÙY	28/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	7.5	6.8	8	
851	210851	022311005910	NÔNG THANH	THỦY	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	2.8	1	
852	210852	022311010860	TRẦN THU	THỦY	20/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	8.6	7.25	
853	210853	022311005524	BÙI NGỌC ANH	THƯ	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	3.6	4.75	
854	210854	022311010196	ĐÀO ANH	THƯ	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	4.6	3	
855	210855	022311013758	ĐÀO ANH	THƯ	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	7.6	5.75	
856	210856	022311010560	ĐẶNG ANH	THƯ	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám (Phân hiệu 1)	Tiếng Anh	8	6	4.75	
857	210857	036311009616	ĐỖ ANH	THƯ	28/07/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	7.8	5	
858	210858	022311006226	LÊ ANH	THƯ	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	8.5	3.8	2.5	
859	210859	031311013499	MAI ANH	THƯ	05/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	4.6	4.25	
860	210860	022311003701	NGUYỄN ANH	THƯ	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	5.8	5.25	
861	210861	036311008528	NGUYỄN ANH	THƯ	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.75	6.2	4	
862	210862	022311005496	NGUYỄN MINH	THƯ	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	3.6	4.25	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
863	210863	042311005390	PHAN TRẦN MINH	THƯ	04/08/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	7.6	5.5	
864	210864	022311006943	TRẦN ANH	THƯ	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	3.2	3.25	
865	210865	022311012634	TRẦN ANH	THƯ	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.5	4	4.25	
866	210866	022311001258	NGUYỄN THỊ HOÀNG	THƯƠNG	19/12/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	6.6	6.75	
867	210867	022311002592	TRẦN KHÁNH	THY	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.5	6.8	7.5	
868	210868	022311012739	TRẦN NGUYỄN BẢO	THY	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	8.6	5.5	
869	210869	022311001152	ĐINH THỦY	TIÊN	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.5	6.4	5.5	
870	210870	030311015575	HOÀNG VŨ THỦY	TIÊN	22/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	4.6	3.75	
871	210871	022211004555	NGUYỄN MINH	TIẾN	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	5.2	3.25	
872	210872	033211011169	VŨ MINH	TIẾN	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7	8.2	4.25	
873	210873	022211011851	BẠCH CHÍ	TOÀN	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7	8.8	9	
874	210874	022211005001	NGÔ THÁI	TOÀN	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	3.6	3	
875	210875	022211000256	NGUYỄN QUÝ	TOÀN	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	7	4.75	
876	210876	022211003664	PHẠM MINH	TOÀN	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	7.6	6.25	
877	210877	022211005058	NGUYỄN MẠNH	TỚI	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6	3.2	3.75	
878	210878	022311006512	BÙI THANH	TRÀ	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	4.4	2.75	
879	210879	022311003140	CAO THỊ THU	TRÀ	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	9.2	7.25	
880	210880	022311004874	BÙI HOÀNG MINH	TRANG	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.5	5.8	4.75	
881	210881	034311015100	BÙI VÂN	TRANG	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	8	7	
882	210882	022311010863	ĐINH THỊ THÙY	TRANG	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	4.6	6.75	
883	210883	022311009601	ĐOÀN BẢO	TRANG	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	3.4	3.25	
884	210884	020311000340	ĐỖ KIỀU	TRANG	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6	3.4	4	
885	210885	022311011339	ĐỖ THỊ THU	TRANG	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6	4	3.5	
886	210886	040311015271	LÊ PHAN QUỲNH	TRANG	20/05/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	9.8	8	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
887	210887	022311000365	LÊ QUỲNH	TRANG	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	6.6	4.5	
888	210888	022311000943	LỤC THÙY	TRANG	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8.25	6.6	6	
889	210889	022311009250	LƯƠNG NGỌC	TRANG	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7	4.8	3.25	
890	210890	022311008373	MAI THÙY	TRANG	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	8.25	8.8	4.25	
891	210891	022311012865	NGÔ THU	TRANG	23/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	9.2	8	
892	210892	022311008155	NGÔ THÙY	TRANG	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	4.6	5.25	
893	210893	022311001936	NGUYỄN MAI	TRANG	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	8	5	
894	210894	022311004120	NGUYỄN THU	TRANG	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.75	5	3.25	
895	210895	034311015281	NGUYỄN THÙY	TRANG	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	5.2	3.25	
896	210896	022311005560	PHẠM HUYỀN	TRANG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	5.2	6.25	
897	210897	022311011646	PHẠM QUỲNH	TRANG	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.25	3.6	3.5	
898	210898	036311000378	PHẠM THỊ THÙY	TRANG	13/03/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	3.8	4.5	
899	210899	022311003984	PHẠM THU	TRANG	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	6.8	5	
900	210900	022311008469	PHẠM THU	TRANG	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	4.8	2.25	
901	210901	035311003619	PHẠM THÙY	TRANG	14/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	5.8	6	
902	210902	022311011662	TRẦN BẢO	TRANG	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	3.4	3	
903	210903	022311004938	TRẦN QUỲNH	TRANG	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	5.25	4.6	3.5	
904	210904	022311002051	VŨ THÙY	TRANG	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám (Phân hiệu 1)	Tiếng Anh	6	5.4	4.25	
905	210905	022311012157	HOÀNG NGỌC	TRÂM	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.75	9.2	4.75	
906	210906	022311003974	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	3.2	5.75	
907	210907	033311004804	PHẠM HỒNG BẢO	TRÂM	24/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	9	5.25	
908	210908	022311008543	NGUYỄN HOÀNG BẢO	TRÂN	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	6.6	2.25	
909	210909	022211009145	LÊ QUANG	TRÍ	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	5	4	2.5	
910	210910	035211000139	TRẦN MINH	TRÍ	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.5	7.8	8	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
911	210911	022211000562	VŨ MINH	TRIẾT	08/11/2011	Thành phố Cần Thơ	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	4.4	3	
912	210912	015311009049	NGUYỄN BẢO	TRINH	13/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	5.2	4.5	
913	210913	022211001719	NGUYỄN HỮU	TRỌNG	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	6.2	6.75	
914	210914	022211001784	TRẦN ĐỨC	TRỌNG	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.5	9.2	8.75	
915	210915	022211006593	VŨ QUÝ	TRỌNG	23/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	9.2	7.5	
916	210916	022311003859	ĐẶNG BẢO	TRÚC	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	5.6	4.75	
917	210917	022311010952	ĐỒNG THANH	TRÚC	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	6.8	6.75	
918	210918	022311000400	LÊ PHƯƠNG DIỄM	TRÚC	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.75	6.2	3.25	
919	210919	034311001227	MAI THANH	TRÚC	13/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	7.8	4.5	
920	210920	022311009292	PHẠM THANH	TRÚC	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	7	6.25	
921	210921	037311006583	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	30/10/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	2.25	2.4	2.75	
922	210922	022211003131	LÊ CHÍ	TRUNG	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.5	3.6	4	
923	210923	036211023719	NGÔ VIỆT	TRUNG	19/06/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
924	210924	022211005521	NGUYỄN BẢO	TRUNG	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3	2	1.25	
925	210925	022211000780	NGUYỄN QUANG	TRUNG	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	2.5	3	2.75	
926	210926	022211005842	PHẠM THÀNH	TRUNG	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	9	6.5	
927	210927	022211012273	VŨ QUỐC	TRUNG	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	7.25	8.2	7.25	
928	210928	022211004242	VŨ NHẬT	TRƯỜNG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	2.6	3	
929	210929	030211003584	TRẦN CÔNG	TRƯỜNG	23/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.25	9	6	
930	210930	022311004137	ĐINH KHỔNG	TÚ	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	7.4	5.5	
931	210931	022211003557	HOÀNG LÊ ANH	TÚ	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	5.6	5.5	
932	210932	022211000281	LẠI ANH	TÚ	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	7	7.5	
933	210933	022211003385	NGÔ MINH	TÚ	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	5.75	8.8	4.25	
934	210934	022211011315	LÊ VŨ ANH	TUẤN	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.75	4	3.75	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
935	210935	022211003889	NGUYỄN NGỌC THÁI	TUẤN	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	6.8	5.75	
936	210936	022211005694	NGUYỄN THÁI	TUẤN	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.25	6	6	
937	210937	022311006385	TRẦN VŨ MINH	TUỆ	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	9.6	8.25	
938	210938	022211011963	ĐINH DUY	TÙNG	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	2.4	2.5	
939	210939	022211010716	ĐỖ NGUYỄN QUANG	TÙNG	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	5.6	5	
940	210940	022211002933	HOÀNG	TÙNG	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.25	7.4	6	
941	210941	001211051747	LÊ ĐÌNH	TÙNG	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	3.8	3.25	
942	210942	022211007716	LÊ SƠN	TÙNG	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.25	2.4	1.75	
943	210943	022211000095	NGUYỄN MAI	TÙNG	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	7.4	5.5	
944	210944	034211016830	NGUYỄN NHƯ	TÙNG	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	5.2	3.25	
945	210945	022211000987	NGUYỄN VŨ ĐÌNH	TÙNG	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	5.75	7	4	
946	210946	022211005578	PHẠM QUANG	TÙNG	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.25	4	0.5	
947	210947	022211009690	TẠ THANH	TÙNG	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	6.2	6.25	
948	210948	022211008592	VŨ MẠNH NHƯ	TÙNG	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	6.2	5	
949	210949	022311001055	BÙI THU	UYÊN	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	9.4	6.25	
950	210950	022311002066	BÙI TỐ	UYÊN	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6.25	4.4	4.25	
951	210951	022311007103	ĐÀM VI THẢO	UYÊN	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.25	8.4	2.5	
952	210952	022311009798	LÊ PHƯƠNG	UYÊN	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.5	4.6	2.75	
953	210953	022311003648	NGUYỄN THU	UYÊN	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	3.2	3.75	
954	210954	022311002462	PHẠM TÚ	UYÊN	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	5.2	1.25	
955	210955	022311005890	LƯƠNG THÁI	VÂN	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6.75	3.6	4.5	
956	210956	022311012183	NGÔ NGUYỄN KIỀU	VÂN	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.75	4.8	1.25	
957	210957	022311006556	NGUYỄN HÀ	VI	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	6	3.25	
958	210958	022311009188	NGUYỄN TƯỜNG	VI	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	2.75	3.8	3.25	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
959	210959	022311010557	VŨ HÀ	VI	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	6	7	
960	210960	022211003463	NHO QUANG	VĨ	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	3.8	4.5	
961	210961	022211007072	QUÁCH GIA	VĨ	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Mường	THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	10	5.75	
962	210962	022211011197	LÊ HOÀNG	VIỆT	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	4.4	3.25	
963	210963	022211009475	NGUYỄN HOÀNG QUỐC	VIỆT	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.25	5.6	3.25	
964	210964	022211005141	NGUYỄN KHẮC	VIỆT	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	5.6	7.25	
965	210965	022211011010	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	5.5	8.8	6	
966	210966	022211010271	TRẦN VĂN THÁI	VIỆT	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	5.5	5.6	2	
967	210967	022211002102	VÕ QUANG	VIỆT	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	8.8	8.25	
968	210968	022211010257	NGUYỄN VŨ HOÀNG	VINH	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	8	3.5	
969	210969	036211000055	NGUYỄN ĐỨC	VŨ	05/10/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.5	5	6.75	
970	210970	022211006889	NGUYỄN PHONG	VŨ	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	6.2	4.75	
971	210971	022211000644	PHẠM LÂM	VŨ	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	9	7.25	
972	210972	022211004919	TRẦN LÊ MINH	VŨ	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	3.5	0.2	4.25	
973	210973	034211009727	TRẦN TRƯỜNG	VŨ	12/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.5	0	2.5	
974	210974	022311005456	BÙI BẢO	VY	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	4.2	2	
975	210975	022311005385	BÙI HẢI	VY	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.25	6.2	4.25	
976	210976	022311007202	BÙI THẢO	VY	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.5	2.4	1.75	
977	210977	022311011403	LƯƠNG KHÁNH	VY	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	4.6	3	
978	210978	022311004376	NGUYỄN HÀ	VY	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	1.8	3.75	
979	210979	022311012543	NGUYỄN HÀ	VY	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	5.8	5.25	
980	210980	022311001623	NGUYỄN THẢO	VY	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	3	3.5	
981	210981	022311012537	NGUYỄN THỊ THẢO	VY	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	8.2	5	
982	210982	040311019715	NGUYỄN TƯỜNG	VY	11/10/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7.5	6	6.25	

Đơn vị: THPT Ngô Quyền (22_HD_021)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
983	210983	022311009717	PHẠM LÊ DIỆP	VY	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	8.8	5.5	
984	210984	030311005549	PHÙNG HÀ	VY	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	7	5.4	4.25	
985	210985	022311005866	VŨ THỊ THANH	XUÂN	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6	4.2	3.25	
986	210986	022311008724	NGUYỄN NHƯ	Ý	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	4.4	4.25	
987	210987	022311003451	LƯ ĐỖ BẢO	YẾN	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	5.25	2.8	4.25	
988	210988	015311009497	NGUYỄN BẢO	YẾN	02/08/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7	8.2	5.5	
989	210989	022311008571	NGUYỄN HOÀNG BẢO	YẾN	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	8.6	6.5	
990	210990	022311003228	VŨ HẢI	YẾN	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	7.8	7	
991	210991	022211013945	NGUYỄN MINH	HẢI	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3.75	7.4	1	

(Danh sách này gồm có 991 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	220001	037311006411	BÙI CHÚC	AN	17/08/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7	10	8.75	
2	220002	022311006531	ĐỖ NGÂN	AN	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	9.4	6	
3	220003	022311011387	LÊ PHẠM KHÁNH	AN	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.25	8.8	7.75	
4	220004	022211001403	NGÔ ĐÀM PHÚ	AN	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	8	9.6	4.75	
5	220005	022311005374	NGÔ ĐOÀN BẢO	AN	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	8.8	6.25	
6	220006	022311010034	NGÔ NGỌC	AN	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	7.4	5.25	
7	220007	022311000839	NGUYỄN BẢO	AN	26/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	9.4	8.75	
8	220008	022311005125	NGUYỄN HÀ	AN	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	8.6	4.5	
9	220009	022211005793	NGUYỄN HOÀNG	AN	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	9.6	5.75	
10	220010	022211008820	NGUYỄN MINH	AN	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	8	5	
11	220011	022311011845	TRỊNH AN	AN	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	7	6.75	
12	220012	022211004881	VŨ THÀNH	AN	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	5.2	4	
13	220013	022211009351	BÙI ĐỨC BẢO	ANH	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.75	5.8	4.25	
14	220014	022311001085	BÙI MAI	ANH	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8.5	8.8	6.25	
15	220015	022311006915	BÙI PHƯƠNG	ANH	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám (Phân hiệu 1)	Tiếng Anh	4.5	7.4	4.75	
16	220016	022211000607	CHU NGUYỄN DUY	ANH	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	7.6	5.5	
17	220017	022211012640	ĐẶNG VŨ DUY	ANH	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	8.8	6	
18	220018	022311005685	ĐOÀN PHƯƠNG	ANH	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	8.2	7.5	
19	220019	024311003324	ĐỖ THỊ DIỆP	ANH	19/05/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	9	6.25	
20	220020	022311005224	HOÀNG PHƯƠNG	ANH	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	5.2	1.25	
21	220021	022311005201	HOÀNG THỊ MINH	ANH	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8	8.6	7.5	
22	220022	022311010102	HỒ NGỌC	ANH	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	7.8	5.25	
23	220023	022311006842	KHỔNG MINH	ANH	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	9	8.75	
24	220024	022311003048	LẠI PHƯƠNG	ANH	25/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	3.8	2	
25	220025	022311008323	LẠI TĂNG NGỌC	ANH	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	6.75	8.4	2.75	
26	220026	022311010154	LÊ HÀ	ANH	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.75	7.8	6.75	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
27	220027	022311000491	LÊ HOÀNG QUẾ	ANH	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	9	4.75	
28	220028	022311006044	LÊ NGỌC	ANH	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	8.4	7.5	
29	220029	022311007259	LÊ QUỲNH	ANH	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	5.8	3.25	
30	220030	022311005985	LƯƠNG MỸ	ANH	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8	9.4	7.75	
31	220031	022211000076	NGÔ HOÀNG	ANH	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	7.25	9.8	4.5	
32	220032	022311008725	NGÔ PHƯƠNG	ANH	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	7.6	8.75	
33	220033	022211011995	NGUYỄN ĐỨC GIANG	ANH	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	9	8.75	
34	220034	022311006201	NGUYỄN HÀ	ANH	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	8	8	4.75	
35	220035	022311005469	NGUYỄN MAI	ANH	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	7.2	6.25	
36	220036	022211004976	NGUYỄN MINH	ANH	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	9	7.25	
37	220037	022311010030	NGUYỄN QUỲNH	ANH	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9.6	7.75	
38	220038	031311016130	NGUYỄN THU	ANH	08/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.5	8.6	6.75	
39	220039	022311001027	NGUYỄN TRẦN DIỆP	ANH	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	7	5	
40	220040	022211005688	NGUYỄN TUẤN	ANH	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8.5	10	9	
41	220041	022311010773	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	ANH	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	7.75	8.6	6	
42	220042	022211004491	NGUYỄN VŨ QUANG	ANH	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.25	9.8	8.5	
43	220043	022211013294	PHẠM HOÀNG KHANG	ANH	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	8	9.2	7.25	
44	220044	022311006231	PHẠM HUYỀN	ANH	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	7.4	6.5	
45	220045	022211009665	PHẠM NGUYỄN DUY	ANH	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	9.4	8.75	
46	220046	034211011429	PHẠM PHÚC	ANH	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	8.6	6.25	
47	220047	022311000412	PHẠM PHƯƠNG	ANH	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	9.4	8.25	
48	220048	022311000888	PHẠM THÙY	ANH	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	8.2	7.25	
49	220049	022211008183	PHẠM TUẤN	ANH	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7	8.6	8.75	
50	220050	022311007784	TRẦN DIỆP	ANH	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	9.4	8.25	
51	220051	030211012809	TRẦN ĐỨC	ANH	29/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	4.25	4.4	2.5	
52	220052	022311000204	TRẦN MINH	ANH	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	7	7.25	
53	220053	022311001743	TRẦN NGỌC DIỆU	ANH	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	8.2	8.25	
54	220054	022311009351	TRỊNH NGỌC MỸ	ANH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	4.5	3.4	2.25	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
55	220055	020211001345	VI HOÀNG	ANH	07/07/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nam	Tày	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.25	6.4	8.5	
56	220056	022311004763	VŨ CAO HÀ	ANH	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	8.6	5.75	
57	220057	022311009677	VŨ HÀ	ANH	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	8.6	5.25	
58	220058	030311003586	VŨ MAI	ANH	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6	7.8	7.25	
59	220059	022311010472	VŨ NGỌC QUỲNH	ANH	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7	8.6	5.75	
60	220060	022311010758	VŨ NGUYỄN HÀ	ANH	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	7.8	7	
61	220061	022311008126	VŨ PHAN HÀ	ANH	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.75	8	7.75	
62	220062	022311012903	VŨ PHƯƠNG	ANH	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	4.5	4	3	
63	220063	022311012709	VŨ QUỲNH	ANH	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	5.4	5	
64	220064	022311007883	VŨ TRẦN QUỲNH	ANH	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	8.8	8	
65	220065	022311005746	TRẦN MINH	ÁNH	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	7.8	6.25	
66	220066	030311001957	NGUYỄN PHẠM HỒNG	ÂN	25/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	4.4	4.5	
67	220067	022211004211	HOÀNG QUANG	BÁCH	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	6.5	5.2	3	
68	220068	001211031341	PHAN VIỆT	BÁCH	16/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.25	9.8	5	
69	220069	033211013235	TRẦN ANH	BÁCH	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	5.6	8	
70	220070	022211005064	VŨ HOÀNG	BÁCH	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	9.8	8	
71	220071	022311008500	BÙI THỊ THIÊN	BẢO	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.25	8.6	4.5	
72	220072	022211000343	ĐOÀN QUỐC	BẢO	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	8.25	7.4	9	
73	220073	022211011381	HÀ GIA	BẢO	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	9.2	7.5	
74	220074	022211003318	HOÀNG GIA	BẢO	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám (Phân hiệu 1)	Tiếng Anh	5.75	8.6	5.5	
75	220075	022211010732	HOÀNG GIA	BẢO	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	7.6	5.5	
76	220076	022211004703	HOÀNG TRẦN GIA	BẢO	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	9.4	7.5	
77	220077	022211005826	LÊ VĂN	BẢO	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	5.8	7.25	
78	220078	022211001224	LƯU THIÊN	BẢO	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	9.2	5.5	
79	220079	022211003729	NGUYỄN DUY	BẢO	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	9.4	9	
80	220080	022211012738	NGUYỄN ĐÌNH	BẢO	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.25	7.8	8.75	
81	220081	022211002391	NGUYỄN GIA	BẢO	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	9.4	8.75	
82	220082	022211007590	NGUYỄN GIA	BẢO	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	7.6	7.5	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
83	220083	022211009328	NGUYỄN GIA	BẢO	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	7.2	9	
84	220084	022211001285	NGUYỄN TRẦN GIA	BẢO	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9.6	7.5	
85	220085	022211013832	PHẠM GIA	BẢO	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	2.75	6.6	4.25	
86	220086	022211001930	VŨ DUY	BẢO	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	5.5	6.8	5.75	
87	220087	022211004478	VŨ HOÀNG	BẢO	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.25	8.6	6.75	
88	220088	022311002512	NGUYỄN HẢI	BĂNG	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	8.6	5	
89	220089	022311006145	NGUYỄN HOÀNG HẢI	BĂNG	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	8.6	9.25	
90	220090	022311012517	PHẠM ĐẶNG KHÁNH	BĂNG	19/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.25	9.6	9	
91	220091	022311011301	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC	BÍCH	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám (Phân hiệu 1)	Tiếng Anh	7	6.8	4	
92	220092	022311001536	PHẠM THANH	BÌNH	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.25	6.2	3.5	
93	220093	030211006908	PHẠM TRỌNG	BÌNH	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.75	9.6	8	
94	220094	022211011908	PHẠM TUẤN	BÌNH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	7	7	
95	220095	034211010806	BÙI THÀNH	CHÂU	07/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8.25	9.8	9	
96	220096	022311000223	NGUYỄN BẢO	CHÂU	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.75	9	4.25	
97	220097	022311011709	PHẠM MINH	CHÂU	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	5.8	4.5	
98	220098	022311012267	VŨ NGỌC BẢO	CHÂU	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	7	7	7.25	
99	220099	022311010999	BÙI HÀ	CHI	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8	9.8	8.75	
100	220100	022311006932	ĐỖ QUỲNH	CHI	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	8.6	6.25	
101	220101	022311010305	LÊ KHÁNH	CHI	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.5	7	4.25	
102	220102	022311013750	LÊ QUỲNH	CHI	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	8.6	5	
103	220103	022311001141	LÊ QUỲNH	CHI	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	7.4	4.75	
104	220104	022311011269	NGUYỄN KHÁNH	CHI	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	7.4	6.5	
105	220105	022311004966	NGUYỄN KHÁNH	CHI	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8.25	9.2	8.25	
106	220106	022311004218	NGUYỄN KHÁNH	CHI	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	8.6	8.25	
107	220107	022311013018	NGUYỄN MAI	CHI	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	8	9.4	8	
108	220108	022311005371	NGUYỄN QUỲNH	CHI	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	5.6	3.75	
109	220109	022311010461	NGUYỄN TRẦN MAI	CHI	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	9.8	8.25	
110	220110	022311002011	PHẠM LAN	CHI	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	8.4	5.5	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
111	220111	022311001993	TÔ KHÁNH	CHI	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.75	9.8	7.5	
112	220112	022311004007	TRỊNH HÀ	CHI	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	6	3.75	
113	220113	031311009185	VŨ HÀ LINH	CHI	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8.25	8.4	5.25	
114	220114	022311008343	VŨ LINH	CHI	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	6	4.75	
115	220115	022311008852	VƯƠNG BÍCH HUỆ	CHI	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.5	8	6.75	
116	220116	022211007037	LÊ MẠNH	CƯỜNG	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	8.4	6.25	
117	220117	030211018543	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	06/04/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	8.6	8.75	
118	220118	022211004906	TRẦN VIỆT	CƯỜNG	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	7.8	6.5	
119	220119	022311003380	TRƯƠNG NGỌC	DIỄM	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	9.4	6.5	
120	220120	022311001081	ĐINH NGỌC	DIỆP	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.75	10	8	
121	220121	022311000240	ĐỖ NGỌC	DIỆP	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	5.8	7	
122	220122	022311003897	LÊ HUYỀN TÙNG	DIỆP	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	6.4	5.25	
123	220123	022311008663	LÊ THỊ NGỌC	DIỆP	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	8	4.5	
124	220124	022311003325	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK	Tiếng Anh	6.5	6.2	2.75	
125	220125	022311005888	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	8.6	6.75	
126	220126	022311008277	PHẠM HUYỀN	DIỆP	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	5	6.6	4.5	
127	220127	001311062127	TỐNG PHẠM BẢO	DIỆP	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK	Tiếng Anh	8	9.6	7	
128	220128	022311002688	TRƯƠNG NGỌC	DIỆP	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	8.2	4.25	
129	220129	022311006190	VŨ NGỌC	DIỆP	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	9.4	5	
130	220130	022311003650	VŨ PHẠM NGỌC	DIỆP	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	9.8	7.75	
131	220131	022311000069	ĐỖ THÙY	DUNG	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	8.4	4.25	
132	220132	022311013674	VŨ THÙY	DUNG	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8	8.4	8.25	
133	220133	022211008218	ĐOÀN CHÍ	DŨNG	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.25	8.8	7.75	
134	220134	022211005429	LÂM VĂN	DŨNG	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	8.6	7.25	
135	220135	022211002464	NGUYỄN TRÍ	DŨNG	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	8.4	8	
136	220136	022211013432	VŨ	DŨNG	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9.4	9	
137	220137	022211006897	ĐÀO ĐỨC	DUY	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9.6	7	
138	220138	022211011349	HOÀNG CÔNG	DUY	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	9	5.5	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
139	220139	022211000746	LÊ TRÌNH NHẬT	DUY	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	8.2	6.25	
140	220140	022211010363	LƯƠNG ĐỨC	DUY	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	4.75	4.2	1.25	
141	220141	022211001317	NGUYỄN KHÁNH	DUY	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	5.8	7.5	
142	220142	022211003208	BÙI ĐỨC	DƯƠNG	01/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	6.8	3.25	
143	220143	022211013808	ĐOÀN TÙNG	DƯƠNG	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	7.4	7.75	
144	220144	022311010525	HOÀNG THÙY	DƯƠNG	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	6	7	
145	220145	022311000789	KHÚC ÁNH	DƯƠNG	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.75	7.6	5.25	
146	220146	022211007248	MAI ÁNH	DƯƠNG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	7.6	6.5	
147	220147	022311001434	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	9.2	7.75	
148	220148	022311005453	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	9.6	8.75	
149	220149	022211010343	NGUYỄN TRẦN ĐỨC	DƯƠNG	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	8.6	6	
150	220150	001211021158	PHẠM THÁI	DƯƠNG	15/02/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	5.75	6.6	5.25	
151	220151	022211001360	PHẠM TÙNG	DƯƠNG	28/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	7	5.5	
152	220152	022311003960	TRẦN THỊ ÁNH	DƯƠNG	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	8.4	6.5	
153	220153	001211055476	VƯƠNG NHẬT	DƯƠNG	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	7.6	8.5	
154	220154	022211002897	HOÀNG TRỌNG	ĐẠI	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	5.25	9.2	5.5	
155	220155	022211001282	NGUYỄN QUANG	ĐẠI	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	8.2	7.25	
156	220156	022211002883	NGUYỄN VŨ	ĐAM	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	9.6	7.5	
157	220157	036211010548	ĐINH TIẾN	ĐẠT	15/05/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	9.8	5.75	
158	220158	022211009510	LÃ TIẾN	ĐẠT	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	9.8	7.5	
159	220159	022211000475	LÊ THÀNH	ĐẠT	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	9.8	5	
160	220160	022211002677	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8.25	8.8	9	
161	220161	022211000524	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	9.4	5.5	
162	220162	022211008783	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	6.2	5.75	
163	220163	022211002266	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	8.8	8.25	
164	220164	001211016304	PHẠM TIẾN	ĐẠT	22/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.75	9.4	7.5	
165	220165	022211011714	PHẠM TUẤN	ĐẠT	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.25	9.2	6.75	
166	220166	022211006477	PHẠM VŨ	ĐẠT	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	5.2	3	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
167	220167	022311000270	HOÀNG HƯƠNG	ĐĂNG	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	10	8.25	
168	220168	022211011898	NGÔ HẢI	ĐĂNG	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	9.2	8.25	
169	220169	038211034931	NGUYỄN MINH	ĐÔNG	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	9.4	8.75	
170	220170	036211018183	BÙI MINH	ĐỨC	26/08/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.5	9.6	8	
171	220171	022211006891	ĐỖ PHAN MINH	ĐỨC	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	9.8	7.5	
172	220172	022211009187	LÊ NGUYỄN MINH	ĐỨC	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	9	7.25	
173	220173	022211006195	NGUYỄN HỒNG	ĐỨC	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	4	6.8	1.75	
174	220174	022211012431	NGUYỄN MẠNH	ĐỨC	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	9	7.25	
175	220175	022211012978	NGUYỄN THÁI	ĐỨC	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	8	7.6	5	
176	220176	022211000191	NGUYỄN THẾ	ĐỨC	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	9.4	7.5	
177	220177	022211012751	PHẠM ANH	ĐỨC	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	5	7.8	2.25	
178	220178	022211009103	PHẠM MINH	ĐỨC	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	8	7.25	
179	220179	022211011465	VŨ ANH	ĐỨC	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	9.2	6.75	
180	220180	022211009001	VŨ BÙI GIA	ĐỨC	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	9	4.5	
181	220181	031211005040	CAO TRƯỜNG	GIANG	03/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS-THPT Trần Quốc Tuấn	Tiếng Anh	6.75	8.6	5	
182	220182	022311008947	NGÔ HƯƠNG	GIANG	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	5.2	3.5	
183	220183	022311003076	NGUYỄN THỊ	GIANG	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	7.25	7.8	5.25	
184	220184	022311005599	PHẠM HƯƠNG	GIANG	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	6.4	5.75	
185	220185	022311009558	PHẠM THANH	GIANG	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	8.8	5.75	
186	220186	022311005595	PHÙNG THANH	GIANG	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	8.8	6.75	
187	220187	024311000507	THÂN THANH	GIANG	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8.25	10	7	
188	220188	022311006456	TRẦN VŨ HƯƠNG	GIANG	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8	9.8	7.25	
189	220189	022311011337	VŨ HƯƠNG	GIANG	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8	9.2	4.75	
190	220190	022311012166	ĐOÀN KHÁNH	HÀ	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	7.75	8.6	4.75	
191	220191	022311004512	HOÀNG THÁI	HÀ	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	9.8	8.5	
192	220192	022311012829	NGUYỄN KHÁNH	HÀ	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.25	6.6	4	
193	220193	022311000530	NGUYỄN KHÁNH	HÀ	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám (Phân hiệu 1)	Tiếng Anh	6.5	5.4	5.5	
194	220194	022311007112	NGUYỄN NGÂN	HÀ	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.75	9.2	6.75	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
195	220195	022311000505	NGUYỄN NGỌC	HÀ	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	7.6	7.75	
196	220196	022211002245	NGUYỄN SƠN	HÀ	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	3.8	3.75	
197	220197	022211010482	NGUYỄN THẾ	HÀ	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	6	7.6	4.75	
198	220198	022311001113	PHẠM KHÁNH	HÀ	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	5	7	
199	220199	022311001955	PHẠM PHƯƠNG	HÀ	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	5.2	4.5	
200	220200	022311007563	TRẦN KHÁNH	HÀ	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.25	8.8	7.25	
201	220201	022311009595	TRƯƠNG THỊ THANH	HÀ	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	7.5	8.4	6.5	
202	220202	022211010137	DƯƠNG MINH	HẢI	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	9.2	6.25	
203	220203	030211011962	HOÀNG TRUNG	HẢI	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5	7.2	7	
204	220204	034211000429	HOÀNG VŨ	HẢI	23/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	9.4	7.5	
205	220205	022211009044	NGUYỄN DUY	HẢI	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	4.4	3.5	
206	220206	022211000563	NGUYỄN ĐĂNG	HẢI	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.75	8	7.75	
207	220207	022211013966	NGUYỄN MINH	HẢI	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9	8	
208	220208	022211000429	NGUYỄN PHONG	HẢI	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	5	5.4	3.75	
209	220209	022211005350	VŨ BÙI HOÀNG	HẢI	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	9	4.25	
210	220210	022311007806	BÙI THỊ HỒNG	HẠNH	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	8.8	4.5	
211	220211	022211004328	LÊ QUANG	HÀO	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	8.8	7	
212	220212	022311007733	HOÀNG MINH	HẰNG	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	5.5	7.4	4	
213	220213	022311010344	PHẠM MINH	HẰNG	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	5	4.75	
214	220214	022311000038	VĂN THỊ MINH	HẰNG	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8	7.6	8.25	
215	220215	022311010138	ĐOÀN NGỌC	HÂN	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	8.4	5.75	
216	220216	022311009265	HÀ NGỌC	HÂN	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	8.2	7.25	
217	220217	022311000107	NGUYỄN BẢO	HÂN	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	8.8	7.75	
218	220218	022311009286	NGUYỄN GIA	HÂN	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.75	7	4.25	
219	220219	022311006890	NGUYỄN TRẦN GIA	HÂN	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9.4	7	
220	220220	022311001294	PHẠM NGỌC	HÂN	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	8.8	8.75	
221	220221	022311001471	TẠ GIA	HÂN	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	3.8	2.5	
222	220222	022311011711	TRẦN GIA	HÂN	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	7.6	5.75	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
223	220223	022311011434	VŨ NGỌC	HÂN	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.75	6.2	3	
224	220224	022311008472	ĐỖ THU	HIỀN	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	8	5.5	
225	220225	022211007785	BÙI MINH	HIẾU	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	8.8	8.25	
226	220226	022211000165	BÙI TÙNG	HIẾU	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	5.75	6.6	4.75	
227	220227	030211020777	CAO CÔNG	HIẾU	22/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	8.6	8	
228	220228	036211020220	ĐINH TRUNG	HIẾU	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	9.8	8.5	
229	220229	034211001425	NGUYỄN CHẤP MINH	HIẾU	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	8.4	8.25	
230	220230	022211011679	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	9.8	6	
231	220231	033211002171	NGUYỄN QUANG	HIẾU	01/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.5	9.6	6.75	
232	220232	022211007203	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8	9.4	8.25	
233	220233	022211005716	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	9.6	7.75	
234	220234	022211006907	TRẦN TRUNG	HIẾU	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7	7.8	3.5	
235	220235	022211002456	VŨ ĐỨC	HIẾU	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	6.75	9.8	5	
236	220236	038211004377	ĐÀM KHÁNH	HOÀNG	31/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	9	7.5	
237	220237	022211012298	LƯƠNG DUY	HOÀNG	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.25	10	8.25	
238	220238	022211002929	NGUYỄN HUY	HOÀNG	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám (Phân hiệu 1)	Tiếng Anh	7.5	8	4	
239	220239	022211002672	PHẠM ĐỨC THÁI	HOÀNG	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	9.6	5.25	
240	220240	024211001224	VI LÊ CHÍ	HOÀNG	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	7.2	4.5	
241	220241	022311006083	VŨ ÁNH	HỒNG	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	6.5	6.4	2.75	
242	220242	022311012952	LÊ THU	HUỆ	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	2.4	1.75	
243	220243	022211002719	ĐỖ VIỆT	HÙNG	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.25	8.6	7.5	
244	220244	022211004275	LÊ QUANG	HÙNG	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	8.2	4.5	
245	220245	022211013183	NGUYỄN ĐẶNG	HÙNG	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	9.4	6.25	
246	220246	033211002622	NGUYỄN THANH	HÙNG	04/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	8.6	8.25	
247	220247	022211001438	PHẠM TUẤN	HÙNG	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	4	4.8	4.25	
248	220248	022211010481	ĐÀM ĐỨC	HUY	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.75	9.4	8.5	
249	220249	022211001199	ĐẶNG XUÂN	HUY	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.5	9.4	7.75	
250	220250	022211005933	ĐỒNG GIA	HUY	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	8	9.4	8.75	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
251	220251	022211003644	HÀ LÂM GIA	HUY	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	9.6	4.5	
252	220252	022211011236	NGUYỄN ĐĂNG	HUY	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	8.6	8	
253	220253	022211010718	NGUYỄN ĐỨC	HUY	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	9.2	8.25	
254	220254	022211002422	NGUYỄN GIA	HUY	18/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.75	9.6	8.5	
255	220255	022210007745	NGUYỄN KHẢI	HUY	17/12/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.25	5.4	3	
256	220256	022211012792	NGUYỄN TIẾN	HUY	13/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.75	7.2	8	
257	220257	022211001141	PHẠM LÊ GIA	HUY	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	5.5	8.2	4.75	
258	220258	022211011765	PHẠM LÊ	HUY	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.5	9.8	7.75	
259	220259	022211003297	PHẠM QUỐC	HUY	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7	8.8	8.5	
260	220260	022211008612	TRẦN GIA	HUY	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK	Tiếng Anh	4.5	9.2	4.75	
261	220261	022211004116	TRẦN GIA	HUY	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.25	6.8	5.25	
262	220262	022211008046	VŨ ĐÌNH GIA	HUY	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	8.2	8.5	
263	220263	022211002270	VŨ GIA	HUY	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	9	8	
264	220264	022211012203	VŨ GIA	HUY	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	8.2	7.5	
265	220265	022311006071	ĐẶNG KHÁNH	HUYỀN	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	9.2	7.75	
266	220266	022311011776	ĐOÀN KHÁNH	HUYỀN	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	3.5	5.4	2	
267	220267	022311003526	NGÔ KHÁNH	HUYỀN	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	8.8	8.5	
268	220268	022311009882	NGUYỄN MAI	HUYỀN	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	8.6	8.75	
269	220269	022311006628	NGUYỄN MAI THU	HUYỀN	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8	9.4	5.25	
270	220270	022311006750	NGUYỄN PHƯƠNG	HUYỀN	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	8.2	5.75	
271	220271	022311001184	PHẠM KHÁNH	HUYỀN	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	8.6	7.5	
272	220272	022311000622	TRẦN ĐOÀN KHÁNH	HUYỀN	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.75	9.4	7.75	
273	220273	036311000208	TRỊNH KHÁNH	HUYỀN	17/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8.5	9.6	8.25	
274	220274	045211006094	CÁI PHÚC GIA	HƯNG	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.75	9.2	4.5	
275	220275	022211002423	ĐÀM	HƯNG	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	10	5.25	
276	220276	022211001043	ĐÀO DUY	HƯNG	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.5	7.6	6.5	
277	220277	022211008125	ĐOÀN MẠNH	HƯNG	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	6	5	
278	220278	022211009161	HOÀNG GIA	HƯNG	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.75	9.4	7.5	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
279	220279	022211006193	LƯƠNG QUỐC	HƯNG	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5	7.6	2.5	
280	220280	022211012870	NGUYỄN PHÚ MINH	HƯNG	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9.4	8	
281	220281	022211009923	PHẠM TUẤN	HƯNG	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.5	9	7.25	
282	220282	022211000486	TRẦN PHÚC GIA	HƯNG	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	9.2	7.25	
283	220283	022211000224	VŨ HẢI	HƯNG	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	9.4	8.25	
284	220284	022311008297	NGUYỄN THIÊN	HƯƠNG	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	8.8	6	
285	220285	022311002564	PHẠM HOÀNG LAN	HƯƠNG	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	9	7	
286	220286	022311006208	NGUYỄN HẢI	HƯỜNG	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	4.2	3.25	
287	220287	022211008656	NGUYỄN ĐỖ	KHẢ	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	9.4	7.25	
288	220288	022211009020	BÙI MINH	KHANG	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	5	4.2	4.25	
289	220289	022211013844	NGUYỄN CHÍ	KHANG	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.25	8.8	5.25	
290	220290	001311060266	NGUYỄN DIỆP	KHANH	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8.5	9.4	7	
291	220291	022211001326	ĐOÀN TRỌNG	KHÁNH	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	10	7.75	
292	220292	022211008865	LÊ DUY	KHÁNH	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	9.8	5.75	
293	220293	022211002175	MẠC GIA	KHÁNH	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	5.5	9.4	4.25	
294	220294	022211005269	NGUYỄN GIA	KHÁNH	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	9.8	6.5	
295	220295	027211002218	NGUYỄN NAM	KHÁNH	19/03/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	9.8	9	
296	220296	022311003463	NGUYỄN VÂN	KHÁNH	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	6	4.25	
297	220297	022211014677	PHẠM BẢO	KHÁNH	16/08/2011	Nước ngoài	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.25	9.6	6.75	
298	220298	034211001623	PHẠM GIA	KHÁNH	23/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	9.4	7.25	
299	220299	022211001608	PHẠM GIA	KHÁNH	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	9.6	6	
300	220300	022211006061	PHƯƠNG KIM PHÚC	KHÁNH	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK	Tiếng Anh	5.5	8.6	4.75	
301	220301	022211003075	TRẦN NAM	KHÁNH	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	8	9.8	7	
302	220302	022311000462	VŨ TRẦN NGÂN	KHÁNH	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.25	7.4	6	
303	220303	022211001985	NGUYỄN TRỌNG	KHIÊM	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	7.8	3.5	
304	220304	022211001606	BÙI ANH	KHOA	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	9.6	9	
305	220305	022211004822	BÙI BÁCH	KHOA	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	3.5	7.4	4.5	
306	220306	022211004551	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	9.4	6	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
307	220307	022211003179	NGUYỄN ĐỖ ĐĂNG	KHOA	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	5.6	2.5	
308	220308	022211000233	NGUYỄN VIỆT	KHOA	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.75	8.6	6.25	
309	220309	022211006786	PHAN ĐỨC	KHOA	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	9.4	9	
310	220310	022211005917	TRẦN ĐĂNG	KHOA	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.5	9.8	7	
311	220311	022211005708	BÙI NGUYỄN NGUYÊN	KHÔI	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.5	9.2	8.5	
312	220312	022211014645	ĐỖ MINH	KHÔI	09/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	2.2	3.25	
313	220313	022211014778	NGUYỄN NGUYÊN	KHÔI	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.25	10	8.25	
314	220314	022211007114	TRẦN ANH	KHÔI	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.75	6	4.75	
315	220315	022211012520	TRẦN MINH	KHÔI	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	8.8	6.5	
316	220316	022311006146	PHẠM LÊ MINH	KHUÊ	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8.25	9.8	6.5	
317	220317	022311006419	PHẠM THỊ MINH	KHUÊ	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.5	7	4	
318	220318	022211014742	LƯU TRUNG	KIÊN	24/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	8.8	8	
319	220319	022211004731	NGUYỄN ĐỨC	KIÊN	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9.6	6.5	
320	220320	022211013106	PHẠM TRUNG	KIÊN	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK	Tiếng Anh	6	6.6	5.75	
321	220321	022311003854	ĐỖ CHI	LAN	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	8	9.6	8	
322	220322	022311000205	NGUYỄN BẢO	LAN	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	7.25	5.6	4	
323	220323	022311010585	VŨ PHƯƠNG	LAN	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	9.8	8	
324	220324	022211010145	ĐOÀN TÙNG	LÂM	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	8.4	7.75	
325	220325	022211004106	HOÀNG TÙNG	LÂM	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	8.4	7.5	
326	220326	022211012741	HOÀNG TÙNG	LÂM	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	8.2	7.75	
327	220327	022211011630	NGUYỄN PHÚC	LÂM	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	8.2	3	
328	220328	022211009140	NGUYỄN TÙNG	LÂM	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	8.2	6.75	
329	220329	022211001946	NGUYỄN TÙNG	LÂM	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	9.8	8	
330	220330	022311004470	PHẠM THÙY	LÂM	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	8.5	8.2	6	
331	220331	022311001302	TỐNG KHÁNH	LÂM	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	8	3.25	
332	220332	022211006423	TRẦN THANH	LÂM	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	9.4	6	
333	220333	022311004536	NGUYỄN VŨ THẢO	LÊ	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	4.8	3.75	
334	220334	022311002068	BÙI GIA	LINH	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.75	9.4	8.25	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
335	220335	022311007379	BÙI KHÁNH	LINH	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	6.4	6	
336	220336	022311008659	BÙI KHÁNH	LINH	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8.5	9	7	
337	220337	022311008655	ĐÀO CÁT	LINH	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	8.8	8.25	
338	220338	022311005796	ĐỖ TRÚC	LINH	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.25	8.2	5.75	
339	220339	022311007048	HỨA NGỌC	LINH	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	10	7.75	
340	220340	022311007225	LÊ HÀ	LINH	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	7.8	6.5	
341	220341	030311008173	LÊ KHÁNH	LINH	31/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.25	8	6.25	
342	220342	022311004084	LÊ UYÊN TRÚC	LINH	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	9.6	7.25	
343	220343	022311001535	NGÔ HẢI	LINH	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8.5	9.6	6	
344	220344	022311004078	NGUYỄN BẢO	LINH	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám (Phân hiệu 1)	Tiếng Anh	6.75	7.6	4.75	
345	220345	034311013650	NGUYỄN HÀ	LINH	21/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.75	9.2	6.25	
346	220346	022311007861	NGUYỄN HÀ	LINH	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	8.6	5	
347	220347	022311008332	NGUYỄN KHÁNH	LINH	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	6.25	7.8	6.25	
348	220348	022311004224	NGUYỄN NGỌC GIA	LINH	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	4.2	5	
349	220349	022311011095	NGUYỄN NGỌC	LINH	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	7.2	4.5	
350	220350	022311004451	NGUYỄN PHẠM BẢO	LINH	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.75	5.4	4.75	
351	220351	022311012112	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	8	7.6	7	
352	220352	022311004072	NGUYỄN THỊ VÂN	LINH	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9.6	7.5	
353	220353	022311001484	NGUYỄN TUỆ	LINH	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	9.8	7.5	
354	220354	030311008008	TẠ BẢO	LINH	22/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	9.4	7.5	
355	220355	030311010652	TRẦN HÀ	LINH	19/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	10	7.75	
356	220356	022311004591	TRẦN HẠO	LINH	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.25	9	4.75	
357	220357	022311010923	TRẦN HUYỀN	LINH	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	5.25	6.2	4.75	
358	220358	035311009342	TRẦN LÊ KHÁNH	LINH	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	6.6	4.75	
359	220359	022311006646	TRẦN PHƯƠNG	LINH	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	7.6	6.5	
360	220360	022311004701	VŨ GIA	LINH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9	4.5	
361	220361	022311003256	VŨ KHÁNH	LINH	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	8.8	6.25	
362	220362	022311005283	VŨ NGỌC	LINH	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	5.5	9.2	4.25	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
363	220363	022311001573	VŨ PHƯƠNG	LINH	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	9.4	5	
364	220364	022311012568	VŨ THÁI	LINH	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	9	9	8	
365	220365	022211001814	MAI HẢI	LONG	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	8.4	6.5	
366	220366	022211010304	NGÔ GIA	LONG	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	8.6	7	
367	220367	022211004635	NGUYỄN DUY	LONG	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	8	8.25	
368	220368	022211006185	NGUYỄN ĐỨC	LONG	08/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	9.6	8.25	
369	220369	022211004594	NGUYỄN TẤN	LONG	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.25	8	7.5	
370	220370	022311000470	ĐOÀN PHƯƠNG	LY	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	8.4	7.75	
371	220371	022311005992	LÝ DIỆP	MAI	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	7.5	9.2	7.25	
372	220372	022311000426	LÝ PHƯƠNG	MAI	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	10	8.25	
373	220373	022311003621	NGUYỄN THANH	MAI	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	8.4	7	
374	220374	022311006485	PHẠM XUÂN	MAI	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.5	8.8	8	
375	220375	022211005544	HOÀNG DUY	MẠNH	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Nùng	THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	9.6	8.75	
376	220376	022211001217	LÊ NGUYỄN	MẠNH	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	8.4	7.5	
377	220377	030311007660	PHẠM HÀ	MI	25/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	9	9.25	
378	220378	022211012760	BẠCH TUẤN	MINH	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	9.2	9.25	
379	220379	022211011566	DƯƠNG ĐỨC	MINH	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	6	5	6.5	
380	220380	022211012943	ĐÀO ANH	MINH	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	9.4	8	
381	220381	022311007236	ĐÀO THU	MINH	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	6.25	5.8	3	
382	220382	022211005007	ĐẬU ĐỨC	MINH	03/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	9	8.75	
383	220383	036211000307	ĐINH TUẤN	MINH	06/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.25	8.6	8.25	
384	220384	022211008703	ĐINH TƯỜNG	MINH	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	8.2	6.25	
385	220385	022211002117	ĐỖ GIA	MINH	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	7.4	6.5	
386	220386	022211006688	HOÀNG DUY	MINH	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	3.8	4	
387	220387	001311066845	HOÀNG TUỆ	MINH	07/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	8.2	5.25	
388	220388	022211011021	LÂM KHÔI	MINH	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	9.6	4.75	
389	220389	034211014380	LÊ NGỌC TUẤN	MINH	12/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.75	9.4	8.25	
390	220390	022211012267	LÊ XUÂN	MINH	05/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	7.8	5	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
391	220391	022211011816	NGUYỄN DUY	MINH	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	9	5.5	
392	220392	030211018643	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	MINH	10/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	9.2	8	
393	220393	001211060487	NGUYỄN HOÀNG	MINH	09/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.25	9.4	5.75	
394	220394	001211011511	NGUYỄN NGỌC HIỀN	MINH	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	8.2	7.75	
395	220395	022211007683	NGUYỄN NGỌC	MINH	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	8.8	8.25	
396	220396	022211012661	NGUYỄN NHẬT	MINH	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	8.8	7.25	
397	220397	022211007547	NGUYỄN NHẬT	MINH	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	6.6	8	
398	220398	022211005906	NGUYỄN QUANG	MINH	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6	8.8	7	
399	220399	022311000521	NGUYỄN THỊ GIA	MINH	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8.25	9	7.25	
400	220400	022211000330	NGUYỄN TUẤN	MINH	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	3.6	5.75	
401	220401	022211004329	NGUYỄN TUẤN	MINH	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9.4	6.75	
402	220402	022211007597	PHẠM ĐỨC	MINH	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	6	5.75	
403	220403	022211001922	PHẠM HỒNG	MINH	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	5.75	6.2	5	
404	220404	022211004107	PHẠM QUANG	MINH	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	9.8	8.75	
405	220405	022211000283	PHẠM QUANG	MINH	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	7.8	7.75	
406	220406	022211006533	PHÙNG NHẬT	MINH	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	8.2	3.75	
407	220407	022211010592	TRẦN BÁ	MINH	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.25	9.8	9	
408	220408	022211009679	TRẦN BẢO	MINH	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	8.8	8.75	
409	220409	022211008265	TRỊNH NHẬT	MINH	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	5.5	7.6	3.75	
410	220410	022211006807	VŨ NGỌC TUẤN	MINH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	9.6	8.5	
411	220411	022211013312	VŨ NHẬT	MINH	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7	5.8	7.25	
412	220412	022311005236	VŨ THỊ TUYẾT	MINH	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8	9.4	7.5	
413	220413	022311004174	DƯƠNG HÀ	MY	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	2.8	6	
414	220414	022311006894	LÊ XUÂN HÀ	MY	22/09/2011	Thành phố Huế	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	6	5	
415	220415	022311002782	TRẦN HẢI	MY	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	3.4	4	
416	220416	022311010379	TRẦN HÀ	MY	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.75	9.6	7.75	
417	220417	022311000178	TRẦN HÀ	MY	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	7.8	6.5	
418	220418	022311006671	TRẦN THẢO	MY	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	8.6	7	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
419	220419	022311007810	VŨ NGUYỄN TRÀ	MY	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	9.6	7	
420	220420	022211014644	CAO BẢO	NAM	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	9	7.25	
421	220421	022211011841	ĐÀO BẢO	NAM	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.75	7	5.75	
422	220422	022211013706	NGÔ HUY	NAM	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	7	4.75	
423	220423	022211008931	NGUYỄN BÙI BẢO	NAM	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	6.4	6	
424	220424	022211008134	NGUYỄN ĐỨC	NAM	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	9.2	8.25	
425	220425	022211005383	NGUYỄN THÀNH	NAM	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.25	9	8.75	
426	220426	022211003320	NGUYỄN THẾ	NAM	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	8.8	7	
427	220427	022211012759	NGUYỄN THIỆN BẢO	NAM	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	8.4	7.75	
428	220428	022211011681	NINH BẢO	NAM	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	9	7.75	
429	220429	022211004667	PHẠM NGỌC	NAM	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	8.4	4.25	
430	220430	022211006620	TRẦN ĐĂNG HẢI	NAM	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	7.8	3.25	
431	220431	022211009508	VŨ ĐÌNH	NAM	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	5.5	7.2	6	
432	220432	001311053992	NGUYỄN PHƯƠNG	NGA	26/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	8.8	5.75	
433	220433	022311011317	BÙI MẠC HÀ	NGÂN	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	8	9.2	5.5	
434	220434	022311008642	NGUYỄN KIM	NGÂN	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	7.8	6.25	
435	220435	022311004687	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	9.2	8.25	
436	220436	022311002663	NGUYỄN VŨ KIM	NGÂN	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	9	9.6	6.75	
437	220437	022211013274	NGUYỄN HỮU	NGHỊ	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	8.2	6.25	
438	220438	022211011028	PHẠM QUANG	NGHỊ	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	9.6	5	
439	220439	022211003996	HÀ TRỌNG	NGHĨA	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.25	9.2	7	
440	220440	022211005493	NGUYỄN QUỐC	NGHĨA	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.25	8.8	7.5	
441	220441	022211011496	TRẦN TRUNG	NGHĨA	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	9.2	8.75	
442	220442	022311005465	BÙI BẢO	NGỌC	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	7.4	4.75	
443	220443	022211004029	ĐÀO GIA	NGỌC	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.25	9.4	8.25	
444	220444	022311004234	ĐỖ BẢO	NGỌC	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	5	3.75	
445	220445	022311003160	LÊ HỒNG	NGỌC	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	8	9.8	8	
446	220446	022311001806	LÊ TRẦN MINH	NGỌC	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.5	9.6	7	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
447	220447	022311012615	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	9.2	8	
448	220448	022311004748	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	7.6	3.75	
449	220449	001311030670	NGUYỄN LÊ BẢO	NGỌC	28/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	8.4	7.75	
450	220450	034311017520	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	7.8	7	
451	220451	022311000489	NGUYỄN THỊ MINH	NGỌC	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.75	9.6	7.25	
452	220452	022311003310	NGUYỄN TRẦN BẢO	NGỌC	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	9.8	5.25	
453	220453	033311006378	TRẦN BẢO	NGỌC	20/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	7.8	7.75	
454	220454	022311001644	TRẦN LÊ BẢO	NGỌC	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	8.2	6.75	
455	220455	022311007341	VŨ BẢO	NGỌC	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	9.2	6.25	
456	220456	022211002049	LÊ KHÔI	NGUYÊN	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7	9.2	8.25	
457	220457	022211003408	NGUYỄN ĐỨC	NGUYÊN	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	4.5	8	5	
458	220458	022211004763	NGUYỄN THÀNH	NGUYÊN	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	8.4	6.75	
459	220459	066311016812	NGUYỄN THẢO	NGUYÊN	24/12/2011	Tỉnh Đắk Lắk	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	8.4	5.75	
460	220460	022311005147	NGUYỄN THẢO	NGUYÊN	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	5	5	4	
461	220461	022211001182	NGUYỄN TRUNG	NGUYÊN	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	8	7.25	
462	220462	022211009897	PHẠM KHOA	NGUYÊN	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8.75	8.8	7.75	
463	220463	022211003879	PHẠM KHÔI	NGUYÊN	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9	8.5	
464	220464	022211009875	TỐNG KHOA	NGUYÊN	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	9.8	8.75	
465	220465	022311007658	TRẦN HÀ	NGUYÊN	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	5	6	4.75	
466	220466	022311012171	TRẦN THẢO	NGUYÊN	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	9	6.75	
467	220467	022211012720	TRỊNH KHÔI	NGUYÊN	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	8	6.25	
468	220468	022311001699	MẠC UYÊN	NGUYỆT	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7	9	7	
469	220469	022311011984	TRẦN UYÊN	NHÃ	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK	Tiếng Anh	7	9.2	5	
470	220470	022211009738	VŨ MINH	NHẬT	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	9.4	8	
471	220471	022311004393	ĐỖ YẾN	NHI	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	6.2	4.5	
472	220472	022311007669	HÀ BẢO	NHI	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.75	5.2	4.25	
473	220473	022311012857	HOÀNG TRÚC	NHI	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.75	9	6	
474	220474	022311007534	NGUYỄN HOÀNG YẾN	NHI	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	6.8	4.75	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
475	220475	022311004586	NGUYỄN LINH	NHI	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	4.25	5.2	1.25	
476	220476	022311006047	NGUYỄN NGỌC	NHI	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	8.8	5.25	
477	220477	022311007435	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	9.2	6.5	
478	220478	022311000597	NGUYỄN THÁI NGỌC	NHI	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	7.25	8.4	6.75	
479	220479	022311004442	NGUYỄN VŨ TÂM	NHI	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	10	9	
480	220480	022311000257	NGUYỄN YẾN	NHI	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	7.8	7	
481	220481	026311005020	NGUYỄN YẾN	NHI	04/10/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	9.8	6.75	
482	220482	022311012904	NGUYỄN YẾN	NHI	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	9.4	8.25	
483	220483	022311001510	TRẦN GIA	NHI	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	7.8	6.75	
484	220484	022311010006	TRẦN GIA	NHI	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	9.6	8.75	
485	220485	022311003465	VŨ YẾN	NHI	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	9.8	9	
486	220486	001311051296	ĐẶNG TRANG	NHUNG	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	9.6	6.5	
487	220487	022311011538	NGUYỄN PHƯƠNG	NHUNG	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	8	4.75	
488	220488	022311012548	TRẦN THỊ TRANG	NHUNG	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	2.5	6.2	1	
489	220489	022311009060	VŨ THẢO	NHUNG	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.5	9.4	8.25	
490	220490	022311010729	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6	5.8	5.25	
491	220491	022311006369	NGUYỄN TRẦN DIỆP	NHƯ	05/06/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	9.2	8.25	
492	220492	038311005277	PHÙNG THỊ KIỀU	NHƯ	14/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	6.2	5.25	
493	220493	022211000558	ĐỖ XUÂN	NINH	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	4	7.2	3	
494	220494	022211000348	BÙI MINH	PHÁT	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	5.6	3.25	
495	220495	022211005273	HỒ NGUYỄN GIA	PHÁT	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.75	8.6	5	
496	220496	022211005204	NGUYỄN THÀNH	PHÁT	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	9.6	7.5	
497	220497	022211006716	PHẠM HỒNG	PHÁT	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	9.4	5.5	
498	220498	022211013827	BÙI HẢI	PHONG	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.5	9.8	5.5	
499	220499	022211009355	CHU HẢI	PHONG	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.75	10	7.25	
500	220500	022211003396	ĐỖ HỒNG	PHONG	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	2.25	5	3.25	
501	220501	022211000245	HÀN KIM DUY	PHONG	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.5	6.8	6.25	
502	220502	022211011493	HOÀNG DUY	PHONG	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.25	9.6	8.5	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
503	220503	022211011671	NGUYỄN DUY	PHONG	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	8.6	8.75	
504	220504	022211009267	NGUYỄN HIẾU	PHONG	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	9.6	9	
505	220505	022211007388	NGUYỄN LÊ HẢI	PHONG	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	8.8	8.75	
506	220506	022211007389	NGUYỄN NAM	PHONG	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	9	5.75	
507	220507	022211003286	NGUYỄN PHAN NAM	PHONG	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	7	6.5	
508	220508	022211003895	NGUYỄN TRỌNG	PHONG	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	5.4	5.75	
509	220509	022211011876	PHẠM THANH	PHONG	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	10	9	
510	220510	022211003348	TRẦN NGUYỄN TUẤN	PHONG	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	9.2	8.25	
511	220511	022211006240	VŨ HẢI	PHONG	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	4	3.8	2.75	
512	220512	022211011299	NGUYỄN THIÊN	PHÚ	28/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5	9	8.5	
513	220513	034211008681	TRẦN THIÊN	PHÚ	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	9.8	9.25	
514	220514	022211007183	VĂN TRỌNG	PHÚ	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	9.2	7.25	
515	220515	022211006767	BÙI TRƯỜNG	PHÚC	02/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.5	8.8	8.75	
516	220516	022211002339	HUỲNH BẢO	PHÚC	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	9.4	8.5	
517	220517	022211003908	NGUYỄN ANH	PHÚC	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6	8	6.25	
518	220518	022211005304	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	7.2	6	
519	220519	036211003712	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	28/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	7.2	4.25	
520	220520	022211007702	NGUYỄN XUÂN	PHÚC	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9.8	7.5	
521	220521	022211002453	PHẠM BỈNH	PHÚC	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	9.8	8.5	
522	220522	022311012310	PHẠM HÀ BẢO	PHÚC	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Pháp	6.75	4.2	4	
523	220523	030211015251	TRẦN TRỌNG	PHÚC	09/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	7	6	
524	220524	022211011854	TRƯƠNG HOÀNG	PHÚC	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	7.2	6.25	
525	220525	022311012410	BÙI MAI	PHƯƠNG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	9.6	6.5	
526	220526	022311000975	LÊ BẢO	PHƯƠNG	12/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9.8	8	
527	220527	034311006085	NGUYỄN HOÀNG LINH	PHƯƠNG	23/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	8.4	6.25	
528	220528	022311007547	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.5	9.4	5	
529	220529	022311007541	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.75	9.2	7.75	
530	220530	022311009667	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	6.8	6	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
531	220531	022311002303	NGUYỄN TRẦN TRÚC	PHƯƠNG	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.75	6.4	6.5	
532	220532	022311002648	PHẠM THANH	PHƯƠNG	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	6.8	7	
533	220533	022311003027	PHẠM THẢO	PHƯƠNG	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	7.8	6.75	
534	220534	022311010512	VŨ HÀ	PHƯƠNG	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	7.2	6.25	
535	220535	022311008115	VŨ KHÁNH	PHƯƠNG	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	7.6	5.75	
536	220536	022311005076	VŨ THU	PHƯƠNG	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.25	8.2	4.25	
537	220537	022311009923	VŨ UYÊN	PHƯƠNG	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8	9.6	6	
538	220538	022311007947	NGUYỄN HỒNG	PHƯỢNG	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Toán: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi
539	220539	022211005491	ĐÀO NHẬT ĐĂNG	QUANG	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	2.25	7.8	2.75	
540	220540	022211003296	LÊ MẠNH	QUANG	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	8.4	5.75	
541	220541	022211012151	LƯƠNG BÁ	QUANG	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK	Tiếng Anh	4.25	7.6	2	
542	220542	022211003176	HOÀNG MINH	QUÂN	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.5	8.8	8	
543	220543	022211003381	HOÀNG TÙNG	QUÂN	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	9.8	9	
544	220544	022211002421	LÊ MINH	QUÂN	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	8.4	7.75	
545	220545	022211004458	MAI ANH	QUÂN	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.5	8.4	3.75	
546	220546	022211003216	NGUYỄN MINH	QUÂN	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.75	8.6	7.25	
547	220547	022211012023	TRẦN MINH	QUÂN	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6.75	10	9	
548	220548	022211007078	NGUYỄN DANH PHÚ	QUÝ	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	5.5	5.2	2.5	
549	220549	022311005996	HOÀNG LÊ THỤC	QUYÊN	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	8	5	
550	220550	022311011607	HOÀNG MAI	QUỲNH	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	8.8	8.25	
551	220551	022311004241	HOÀNG VŨ DIỄM	QUỲNH	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	9	5.75	
552	220552	022311008025	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	4.5	6	3.25	
553	220553	022311011314	VŨ NHƯ	QUỲNH	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	8.2	7.25	
554	220554	022311004903	PHẠM HẢI	SAN	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8.25	9.2	8	
555	220555	022211001218	ĐẶNG TẤN	SANG	16/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	7.2	3.5	
556	220556	022211002387	BÙI VŨ	SƠN	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	6.8	3	
557	220557	031211018223	ĐẶNG BẢO	SƠN	05/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	9.2	6.75	
558	220558	022211002735	ĐỖ TRƯỜNG	SƠN	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9.8	9	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
559	220559	022211000192	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	4	5.6	3	
560	220560	030211012571	NGUYỄN VIỆT	SƠN	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	10	9.25	
561	220561	031211005246	NGUYỄN XUÂN	SƠN	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	8.4	6	
562	220562	022211004528	PHẠM HOÀNH	SƠN	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	9.2	7.5	
563	220563	022211007615	ĐẶNG ANH	TÀI	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5	9.6	7.5	
564	220564	022211004636	HÀ ĐỒNG	TÂM	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	7.6	6.25	
565	220565	022311005333	NGUYỄN MINH	TÂM	11/01/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	8.2	7.75	
566	220566	022311006031	TRẦN MINH	TÂM	17/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	7.25	8.4	6	
567	220567	022211004262	ĐẶNG QUỐC	THÁI	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6	8	4.75	
568	220568	022211007447	ĐỖ QUỐC	THÁI	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	9.4	8.25	
569	220569	022211007872	LỤC GIA	THÁI	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Toán: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi
570	220570	022211007117	NGUYỄN HÀ QUANG	THÁI	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6	9.4	8.75	
571	220571	022211000223	NGUYỄN HUY	THÁI	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	8.4	7	
572	220572	022211011020	NGUYỄN VIỆT	THANH	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.75	9.6	6	
573	220573	022211002626	NGUYỄN XUÂN	THANH	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.75	9.2	6.75	
574	220574	022211005285	BÙI VŨ ĐỨC	THÀNH	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	8.4	7	
575	220575	036211012792	PHẠM	THÀNH	10/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	9.8	8	
576	220576	022211000474	VŨ CHÍ	THÀNH	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	8.8	6.25	
577	220577	022311010134	ĐẶNG PHƯƠNG	THẢO	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	7.8	6.75	
578	220578	030311003015	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	THẢO	18/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9.2	8	
579	220579	022311007801	LÂM NGUYỄN NGUYÊN	THẢO	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	9.2	7.75	
580	220580	022311000093	NGUYỄN HƯƠNG	THẢO	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	9.2	6.5	
581	220581	022311011252	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	5.25	3.8	2.75	
582	220582	022311009433	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	16/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	7.4	3.25	
583	220583	034311005753	NGUYỄN TRẦN THANH	THẢO	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	5	3.25	
584	220584	046311009171	NGUYỄN VÕ PHÚC	THẢO	02/06/2011	Thành phố Huế	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	9.8	9	
585	220585	022311012945	PHẠM DƯƠNG	THẢO	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	8.2	4	
586	220586	034311001566	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	01/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8.25	9.2	8.25	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
587	220587	022311010202	TRƯƠNG PHƯƠNG	THẢO	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	6.25	5.8	3.75	
588	220588	022311004794	VŨ THANH	THẢO	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	8.6	8	
589	220589	022211007014	LÊ MINH	THẮNG	31/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	9.4	9	
590	220590	022211009846	NGUYỄN MẠNH	THẮNG	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	7	8	5	
591	220591	022211005828	NGUYỄN DUY	THIỆN	13/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	5.6	6.25	
592	220592	022211011687	NGUYỄN ĐỨC	THIỆN	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	8	7	
593	220593	022211013256	PHẠM TRƯỜNG	THỊNH	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	8.8	7.75	
594	220594	022211011547	TRẦN PHÚC	THỊNH	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6	9.4	5.75	
595	220595	036311002517	TRẦN MINH	THU	24/05/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5	5.4	4.5	
596	220596	022311006056	VĂN MINH	THÙY	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	5.2	3	
597	220597	022311007241	ĐOÀN MINH	THƯ	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	8.8	7.5	
598	220598	022311004265	ĐỖ ANH	THƯ	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8	8	8.75	
599	220599	022311003535	ĐỖ QUYỀN BẢO	THƯ	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6	7.2	3.25	
600	220600	022311001506	LÊ ANH	THƯ	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	6.4	5.75	
601	220601	022311005967	NGUYỄN ANH	THƯ	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	8	9.8	6.75	
602	220602	022311009783	NGUYỄN ANH	THƯ	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	4.5	5.6	3.75	
603	220603	022311006565	NGUYỄN ANH	THƯ	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	9.4	4.5	
604	220604	022311000463	NGUYỄN ANH	THƯ	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	6.6	5.25	
605	220605	022311012547	NGUYỄN HÀ ANH	THƯ	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	6	6.6	6.75	
606	220606	001311060282	VŨ LÊ MINH	THƯ	31/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	9.8	6.75	
607	220607	022311001591	LÊ THUỶ	TIÊN	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	9.2	4.75	
608	220608	022311000264	NGUYỄN THỦY	TIÊN	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám (Phân hiệu 1)	Tiếng Anh	3	5.2	3	
609	220609	022311010732	NGUYỄN THỦY	TIÊN	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.75	10	8.75	
610	220610	022211010099	NGUYỄN MẠNH	TIẾN	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	3.75	9.2	5	
611	220611	022211008246	NGUYỄN THÀNH	TIẾN	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	5.8	6	
612	220612	022211011144	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	6.4	4.75	
613	220613	022211015888	NGUYỄN KHÁNH	TOÀN	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	5.5	7.6	3.75	
614	220614	036311003689	HOÀNG HƯƠNG	TRÀ	23/02/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	9.6	9.5	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
615	220615	022311007176	BÙI BẢO	TRANG	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.75	10	7.5	
616	220616	030311010215	BÙI THỊ HÀ	TRANG	09/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	5.6	3.5	
617	220617	034311000365	ĐỖ BẢO	TRANG	25/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	8.8	6.5	
618	220618	022311010192	NGUYỄN LƯU HUYỀN	TRANG	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	5.25	9.6	4	
619	220619	022311010260	NGUYỄN MINH	TRANG	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	8.2	6	
620	220620	022311000075	PHẠM THUỲ	TRANG	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	4.4	6.75	
621	220621	022311009245	TỐNG QUỲNH	TRANG	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	8	7.25	
622	220622	022311012873	BÙI BẢO	TRÂM	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	9.8	9	
623	220623	022311002435	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Cao Xanh	Tiếng Anh	6.75	7.4	4	
624	220624	022311010528	VŨ NGỌC BẢO	TRÂM	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	3.25	6.8	4.75	
625	220625	022311002136	BÙI BẢO	TRÂN	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7	5	4	
626	220626	022311012239	NGUYỄN TRẦN BẢO	TRÂN	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	9	8.25	
627	220627	022211008338	PHẠM ĐỨC	TRÍ	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.25	5.4	4.5	
628	220628	022211010918	TRẦN ĐỨC	TRÍ	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	5	9	5.5	
629	220629	022211001502	NGUYỄN PHÚ	TRỌNG	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	9.6	8.5	
630	220630	022311001224	NGÔ THANH	TRÚC	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.25	9.2	8.5	
631	220631	001311051428	NGUYỄN HOÀNG	TRÚC	17/02/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	6.25	9.2	7	
632	220632	022211012891	ĐINH QUỐC	TRUNG	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6	9.4	8.25	
633	220633	022211004209	NGUYỄN QUÝ	TRUNG	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6	9.2	8.5	
634	220634	022211000068	NGUYỄN TIẾN	TRƯỜNG	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	4.25	7.6	4.5	
635	220635	022211000414	TRẦN BÁ	TRƯỜNG	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	5.8	5.5	
636	220636	030211008006	NGUYỄN ĐỨC	TRƯỜNG	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	8.8	7.25	
637	220637	022211001759	BÙI MINH	TUẤN	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	5.5	8.8	5.5	
638	220638	022211005178	NGUYỄN MINH	TUẤN	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	9.2	4.5	
639	220639	022211003630	PHẠM BÙI ANH	TUẤN	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	9.2	3.25	
640	220640	031211006308	PHẠM MINH	TUẤN	24/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	6.8	8.75	
641	220641	022211001726	LƯƠNG TÀI	TUỆ	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.75	8.8	7.5	
642	220642	022211014782	NGÔ ĐỨC	TUỆ	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.5	6.6	4.5	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
643	220643	001211049194	BÙI HẢI	TÙNG	31/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7	9	6.5	
644	220644	022211002496	ĐOÀN ĐỨC	TÙNG	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	9	6	
645	220645	022211012838	HOÀNG MẠNH	TÙNG	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	9.4	5.25	
646	220646	022211011181	LÊ ANH	TÙNG	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	9.6	8	
647	220647	022211000207	MAI VĂN	TÙNG	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7	9.4	7.5	
648	220648	022211005943	NGUYỄN ĐẶNG HOÀNG	TÙNG	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	9.4	7.25	
649	220649	022211008123	NGUYỄN HOÀNG	TÙNG	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	9.4	7.5	
650	220650	022211010013	NGUYỄN MINH	TÙNG	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	9.8	8.5	
651	220651	001211022574	NGUYỄN THANH	TÙNG	08/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8	9.6	8.5	
652	220652	022211000344	NGUYỄN VĂN	TÙNG	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	9.8	7.5	
653	220653	022211003284	PHẠM ĐÌNH	TÙNG	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.5	10	6.5	
654	220654	022211004575	TỐNG THANH	TÙNG	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6	8.4	7.25	
655	220655	022211010020	VŨ THANH	TÙNG	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	5.5	8.8	6.25	
656	220656	022211006245	TẰNG ĐỨC	TUY	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	9.4	7.5	
657	220657	022311006198	PHẠM ÁNH	TUYẾT	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	9	7.5	
658	220658	022211003945	NGUYỄN MINH	TƯỜNG	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	9.4	9	
659	220659	022311000455	HOÀNG BẢO	UYÊN	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	5.5	7.4	7	
660	220660	022311011410	TRỊNH PHƯƠNG	UYÊN	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	8.6	6.5	
661	220661	022311002647	BÙI THANH	VÂN	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.5	9.4	6.5	
662	220662	022311006687	HOÀNG KHÁNH	VÂN	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.5	9.2	8.25	
663	220663	022311011424	LẠI GIA	VÂN	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	7	5.5	
664	220664	022311002656	NGUYỄN LÊ	VÂN	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9.8	7.75	
665	220665	022311003846	TRẦN THỊ TRÀ	VI	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	7.5	9	7.75	
666	220666	022211003344	DƯƠNG GIA	VĨ	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.25	8.2	3.25	
667	220667	030211016020	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	21/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8	9.8	9.25	
668	220668	036211011358	NGUYỄN THẾ	VIỆT	02/05/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.25	2.8	1	
669	220669	022211004697	TRẦN ĐỨC	VIỆT	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	6.5	9.6	9	
670	220670	022211004736	NGUYỄN CÔNG	VINH	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	9.6	9	

Đơn vị: THPT Hòn Gai (22_HD_022)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
671	220671	022211011224	NGUYỄN NHƯ	VINH	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.25	9.2	7.5	
672	220672	022211001276	ĐINH HOÀNG	VŨ	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	10	8	
673	220673	022211012824	NGUYỄN ANH	VŨ	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	9.2	3.75	
674	220674	022211006773	NGUYỄN MINH	VŨ	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	6.75	6.6	3.75	
675	220675	030311005263	LÃNH KHÁNH	VY	18/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	8.2	6.75	
676	220676	022311007685	NGUYỄN BẢO	VY	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	8.25	10	9	
677	220677	022311003222	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	7.4	4.5	
678	220678	022311013727	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	7.75	8.8	6.25	
679	220679	022311012981	NGUYỄN THẢO	VY	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7.25	8.4	7.25	
680	220680	022311009607	NGUYỄN TƯỜNG	VY	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.25	9.6	5	
681	220681	022311007573	PHẠM TƯỜNG	VY	15/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	8	7	
682	220682	022311004992	VŨ THẢO	VY	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	8.4	4.25	
683	220683	022311011171	ĐINH THỊ THANH	XUÂN	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp	3.75	6.6	4.75	
684	220684	022311006350	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	4.2	1.5	
685	220685	033311008057	HOÀNG THỊ HẢI	YẾN	20/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	8.75	9.4	9	
686	220686	022311003802	NGUYỄN HẢI	YẾN	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	9.2	7.75	
687	220687	022311007025	TRẦN THỊ HẢI	YẾN	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	9.6	6.75	

(Danh sách này gồm có 687 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Vũ Văn Hiếu (22_HD_023)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	230001	034211013904	BÙI TẤN	AN	21/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh				Ngoại ngữ: vắng thi; Ngữ văn: vắng thi; Toán: vắng thi
2	230002	022211007710	ĐINH PHÚC	AN	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
3	230003	022211009272	HÀ VĂN	AN	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6	6.8	6.5	
4	230004	022211006690	LÊ BẢO	AN	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	4.2	3	
5	230005	022311008362	LÊ BẢO	AN	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	9	7.25	
6	230006	022211008148	LỤC NINH ĐẠI	AN	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8	5.6	6	
7	230007	022311002050	MAI LÊ YẾN	AN	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	8.8	4.75	
8	230008	031311011123	NGUYỄN BẢO	AN	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8	5.4	5.5	
9	230009	031311015269	NGUYỄN HOÀI	AN	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	8	7.5	
10	230010	022211014777	NGUYỄN XUÂN	AN	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	8.2	6.25	
11	230011	022311009618	PHẠM HẢI	AN	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	2.8	2.5	
12	230012	022311002375	TRẦN HẠNH	AN	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Văn Tám (Phân hiệu 1)	Tiếng Anh	5.75	7.2	6.25	
13	230013	001211033449	TRẦN VŨ	AN	01/02/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	6.6	5.25	
14	230014	022211006230	BÙI ĐỨC	ANH	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	4.5	5.6	4.75	
15	230015	022311000051	BÙI MAI HÀ	ANH	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	3.8	5	
16	230016	022211001113	BÙI TUẤN	ANH	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	5	4.5	
17	230017	030211019137	BÙI TUẤN	ANH	09/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	3.5	5.8	4.75	
18	230018	022211006196	ĐẶNG ĐỨC	ANH	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	4.5	6.4	4.5	
19	230019	022211008637	ĐINH VIỆT	ANH	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.25	4	4	
20	230020	022211012282	ĐOÀN VIỆT	ANH	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4	3.4	2.5	
21	230021	022311005122	HÀ KIM	ANH	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	4	5.75	

22	230022	022311011340	HÀ VÂN	ANH	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.5	5	4.5	
23	230023	022311011429	HOÀNG TÚ	ANH	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	2.8	2.25	
24	230024	034311011458	HÒA THỊ THẢO	ANH	10/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	4.2	2.5	
25	230025	022211002130	LẠI THẾ	ANH	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6	5.4	2.5	
26	230026	022311000436	LÊ HÀ	ANH	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.25	5.6	1.75	
27	230027	022211004264	LÊ HẢI	ANH	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3.25	1.6	3.25	
28	230028	045311006350	LÊ NGUYỄN HÀ	ANH	23/09/2011	Tỉnh Quảng Trị	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	5.8	6	
29	230029	022211004723	LÊ THIỆN	ANH	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	8.4	5.25	
30	230030	022311001559	LỤC MAI	ANH	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	9	6.75	
31	230031	022311005355	LƯƠNG DIỆP	ANH	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	3.6	2	
32	230032	022311011932	LƯƠNG NGỌC	ANH	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	6.6	4.75	
33	230033	022311007632	LƯƠNG THỊ MINH	ANH	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	4.25	4.6	3.25	
34	230034	022311010776	LƯU BẢO	ANH	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3.25	3.4	1.5	
35	230035	022311008116	LƯU VŨ PHƯƠNG	ANH	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.25	2.2	5	
36	230036	022311005316	NGUYỄN BẢO	ANH	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	8.6	3.75	
37	230037	022211007181	NGUYỄN BẢO HẢI	ANH	01/08/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	3.4	1.75	
38	230038	022311007462	NGUYỄN BÙI MINH	ANH	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.75	5.2	3.75	
39	230039	022311002562	NGUYỄN DIỆU	ANH	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	8.4	3.5	
40	230040	022211004246	NGUYỄN ĐỨC	ANH	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	4.75	4.4	1.5	
41	230041	022311004730	NGUYỄN HỒNG	ANH	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	5.4	4.25	
42	230042	022311005642	NGUYỄN MỘC QUẾ	ANH	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	5.6	5.25	
43	230043	022311011840	NGUYỄN NGỌC	ANH	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	3	3	2.5	
44	230044	031311014575	NGUYỄN NGỌC	ANH	20/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	9.2	4.75	
45	230045	022311009009	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	3	2.25	
46	230046	022311005425	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	6.4	2.25	
47	230047	022311012153	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	6.4	6.5	

48	230048	022311005875	NGUYỄN TÚ	ANH	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.25	7.4	4.5	
49	230049	033211000137	NGUYỄN TUẤN	ANH	29/10/2011	Thành phố Cần Thơ	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	9.2	6.75	
50	230050	022311010266	PHẠM HÀ	ANH	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	7.4	7	
51	230051	022311008625	PHẠM HÀ	ANH	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.25	2.6	4.25	
52	230052	022311004142	PHẠM LÂM BẢO	ANH	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	6.8	4.75	
53	230053	022311008317	PHẠM NGỌC	ANH	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	6.4	3.75	
54	230054	022311003362	PHẠM NGUYỆT	ANH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.25	5.6	4	
55	230055	022211007690	PHẠM TUẤN	ANH	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.75	6	2	
56	230056	022311003002	PHẠM VÂN	ANH	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	7	5	
57	230057	022311007743	PHAN NGỌC	ANH	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	6.4	6	
58	230058	030211019449	PHÍ HOÀNG	ANH	04/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5	7	8.5	
59	230059	022211002503	TRẦN ĐỨC	ANH	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6	5.8	4	
60	230060	022311001824	TRẦN HOÀI	ANH	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	3.2	3.25	
61	230061	022311009025	TRẦN LAN	ANH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	8.6	8.25	
62	230062	022311011237	TRẦN NGỌC HẢI	ANH	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	8.2	7.75	
63	230063	022311002177	TRẦN THÚY	ANH	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	2.8	2	
64	230064	022311006346	TRIỆU HÀ	ANH	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	3	3.25	
65	230065	022311012191	TRỊNH HÀ	ANH	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.75	7	4.75	
66	230066	022211004820	VŨ ĐỨC	ANH	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5	7	4.5	
67	230067	022211005837	VŨ HUY	ANH	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.25	7	5.75	
68	230068	022311011215	DƯƠNG NGỌC	ÁNH	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	6	8.25	
69	230069	038311021728	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.5	3.2	7	
70	230070	022311003976	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5	3.6	4.25	
71	230071	022311009879	NGUYỄN NGỌC DIỆP	ÁNH	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	6	3.2	1.25	
72	230072	022311003233	TRẦN NGUYỆT	ÁNH	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.25	7.8	5.75	
73	230073	036311014577	NGUYỄN THIÊN	ÂN	26/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.25	3.8	5.25	

74	230074	022211002787	ĐOÀN VIỆT	BÁCH	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	2.75	6.6	4	
75	230075	022211006292	PHẠM LÊ NGUYÊN	BÁCH	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	5.25	4.6	2.75	
76	230076	024211011473	NGUYỄN GIA	BẢO	16/08/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.25	8.4	9	
77	230077	022211011207	NGUYỄN GIA	BẢO	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	7.4	6.25	
78	230078	022211007307	TRẦN GIA	BẢO	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.25	6.6	4	
79	230079	045311007210	LÊ TRẦN KHÁNH	BĂNG	05/08/2011	Tỉnh Quảng Trị	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	7.6	6.75	
80	230080	022311002061	NGUYỄN KHÁNH	BĂNG	05/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.75	3.8	1.75	
81	230081	022311009283	VŨ THỊ NGỌC	BÍCH	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	6.8	5.75	
82	230082	040311008498	HOÀNG THỊ THANH	BÌNH	17/02/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	8.2	5.5	
83	230083	022211005856	PHAN THANH	BÌNH	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	4.6	4.25	
84	230084	022211013695	VI THANH	BÌNH	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	5.6	3.75	
85	230085	022211002233	VŨ AN	BÌNH	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	6.6	3.5	
86	230086	022211007029	VŨ ĐỨC	BÌNH	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	4.8	5	
87	230087	033311003483	NGUYỄN TRẦN THÙY	CHANG	12/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	5.2	4.5	
88	230088	022311006386	VŨ MINH	CHÂU	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	6	4.75	
89	230089	022311008881	ĐÀO KHÁNH	CHI	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	6.8	6.5	
90	230090	022311006887	ĐỖ LINH	CHI	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	3	3.4	1.25	
91	230091	022311001881	NGUYỄN DIỆP	CHI	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	6.4	3.25	
92	230092	022311010252	NGUYỄN HÀ	CHI	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	7.2	5.25	
93	230093	022311005686	NGUYỄN QUỲNH	CHI	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.25	9	6.25	
94	230094	022311009172	PHẠM QUỲNH	CHI	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	6.4	6.5	
95	230095	022311011536	PHẠM YẾN	CHI	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	7.8	4.75	
96	230096	022311004262	VŨ BẢO	CHI	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	3.2	4.5	
97	230097	022311012424	VŨ MAI	CHI	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.5	3.4	5.25	
98	230098	022211007859	NGUYỄN HOÀNG	CƯƠNG	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	4.6	2	
99	230099	022211013250	HOÀNG VIỆT	CƯỜNG	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8.25	9.4	6.25	

100	230100	022211008882	NGUYỄN HOÀNG	CƯỜNG	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	4	2.25	
101	230101	030311007297	HOÀNG NGUYỄN NGỌC	DIỆP	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	7.6	7.25	
102	230102	022311008621	LẠI NGỌC	DIỆP	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	7.4	2.5	
103	230103	022311011167	TRƯƠNG NGỌC	DIỆP	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	6.4	6.25	
104	230104	022311013711	VŨ NGỌC	DIỆP	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	4.25	6.2	2.25	
105	230105	030311000485	VŨ NGỌC	DIỆP	06/11/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	9.4	7.25	
106	230106	031311015383	ĐỖ THỊ KIỀU	DUNG	24/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.5	4.2	2.5	
107	230107	022311003188	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	DUNG	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8	8.4	7.75	
108	230108	022311012042	PHẠM THỊ KIM	DUNG	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	9	5.75	
109	230109	038211024849	LÊ DUY	DŨNG	12/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.75	3.4	3.75	
110	230110	022211002905	NGUYỄN ANH	DŨNG	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	4.8	5.25	
111	230111	001211017516	NGUYỄN ĐẮC	DŨNG	19/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	3.5	3.8	3	
112	230112	022211008531	NGUYỄN TUẤN	DŨNG	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	8.6	5.75	
113	230113	022211014788	PHẠM QUANG	DŨNG	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3.75	5	2.75	
114	230114	031211018631	PHẠM TIẾN	DŨNG	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	8.4	6	
115	230115	022211011538	PHAN TIẾN	DŨNG	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	1.75	2.8	2	
116	230116	022211005605	TRẦN HÀ	DŨNG	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	7.8	4.25	
117	230117	022211006349	VŨ NGỌC	DŨNG	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	3.2	3.5	
118	230118	022211005896	VŨ TUẤN	DŨNG	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	7.4	5	
119	230119	022211007542	ĐẶNG VŨ	DUY	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	7.2	5.5	
120	230120	022211008629	NGUYỄN TIẾN	DUY	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8	5.8	5.75	
121	230121	015311004687	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	27/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.25	6.2	2.75	
122	230122	022211014871	CHU THÁI	DƯƠNG	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9	5.25	
123	230123	022311008783	ĐỖ HOÀNG THÙY	DƯƠNG	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8.25	8	7.75	
124	230124	022211008728	HOÀNG ĐĂNG	DƯƠNG	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5	4.2	4.25	
125	230125	022311002872	KHUẤT THÙY	DƯƠNG	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	6.8	5.5	

126	230126	022311004518	NGÔ ÁNH	DƯƠNG	01/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	4.2	4.25	
127	230127	022311013725	PHẠM THÙY	DƯƠNG	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	7.4	6	
128	230128	022211004381	TĂNG TÙNG	DƯƠNG	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	3	5	3	
129	230129	022211009894	PHẠM CHÍNH	ĐẠI	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.75	4	5	
130	230130	022211010734	PHẠM QUỐC	ĐẠI	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	4.8	5.75	
131	230131	022211013626	LÊ ĐỨC	ĐAM	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5	5.6	2.5	
132	230132	022211005714	BÙI ĐỨC	ĐAN	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	7	5.5	
133	230133	022311003938	HOÀNG TÂM	ĐAN	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	5.4	4	
134	230134	022211002969	BÙI TIẾN	ĐẠT	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	9.4	6.5	
135	230135	022210008606	NGUYỄN DUY	ĐẠT	11/12/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	6.6	5.75	
136	230136	022211008500	NGUYỄN MẠNH	ĐẠT	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.75	5.2	5	
137	230137	036211013874	NGUYỄN PHÁT	ĐẠT	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	5.2	6.75	
138	230138	022211008361	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8	8.4	4.75	
139	230139	022211000501	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	ĐĂNG	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	8.6	8.5	
140	230140	022211013066	PHẠM DUY	ĐÔNG	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.5	5	2.75	
141	230141	022211000029	ĐÀO TRUNG	ĐỨC	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.75	8	4	
142	230142	022211006289	ĐẶNG TRẦN	ĐỨC	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	9.4	7.75	
143	230143	030211016673	ĐOÀN ĐÌNH MINH	ĐỨC	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	3.5	5.4	3.5	
144	230144	022211002069	HOÀNG MINH	ĐỨC	25/01/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	6.25	4.8	5.25	
145	230145	022211013587	LÊ TIẾN	ĐỨC	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	8.2	3.5	
146	230146	022211005094	NGUYỄN ANH	ĐỨC	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	3.5	2.2	3.5	
147	230147	022211001967	NGUYỄN GIA	ĐỨC	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4	2.8	4.5	
148	230148	022211001373	NGUYỄN MINH	ĐỨC	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	4.2	5	
149	230149	022211012692	NGUYỄN MINH	ĐỨC	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	8	5.75	
150	230150	022211006741	PHẠM TRUNG	ĐỨC	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	4	2.75	
151	230151	022211014781	TRẦN ANH	ĐỨC	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	4.5	5.2	2.75	

152	230152	022211003595	LÊ MINH	ĐƯỜNG	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	6.8	7	
153	230153	022211008215	NGUYỄN ĐỨC	GIANG	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	5.8	4	
154	230154	022311009998	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	6.6	4.75	
155	230155	022311001452	ĐÀO LÊ HẢI	HÀ	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	9.8	4.75	
156	230156	022311009873	ĐÀO NGỌC MINH	HÀ	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	8.4	3.5	
157	230157	022311000721	HOÀNG NGÂN	HÀ	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	6.6	4.75	
158	230158	022311011283	NGUYỄN NGỌC	HÀ	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	3.5	6.6	3.75	
159	230159	022211010235	PHẠM NHẬT	HẢI	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	9.4	6.75	
160	230160	022211004872	TRẦN THANH	HẢI	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.5	5.2	5.5	
161	230161	022311007592	BÙI MINH	HẰNG	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	5	5.25	
162	230162	022311006165	ĐÀO MINH	HẰNG	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.25	7	7.25	
163	230163	022311009807	NGUYỄN DIỆU	HẰNG	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	5	4	
164	230164	022311002606	TRẦN LÊ DIỄM	HẰNG	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	8.6	5.25	
165	230165	022311003165	VŨ THANH	HẰNG	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.75	4.8	3.25	
166	230166	022311001682	VŨ THỊ	HẰNG	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6	3.8	4.25	
167	230167	022311011250	ĐỖ TRẦN BẢO	HÂN	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8	4.6	6.75	
168	230168	022311012020	NGUYỄN BÙI GIA	HÂN	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	6.4	2.5	
169	230169	022311007397	NGUYỄN GIA	HÂN	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	5	6.75	
170	230170	022311009639	NGUYỄN NGỌC BẢO	HÂN	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	8.4	3	
171	230171	022311008099	PHAN NGỌC	HÂN	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6	5.4	3.75	
172	230172	022311007604	TRẦN NGỌC	HÂN	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	5.8	5.5	
173	230173	022311005345	TRƯƠNG THỤY TRÚC	HÂN	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.25	7.6	7.5	
174	230174	031311016250	VŨ GIA	HÂN	31/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	6.8	7	
175	230175	022311002536	BÙI THU	HIỀN	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8	9.4	7.25	
176	230176	022211013985	ĐỒNG ĐỨC	HIỆP	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.75	9	6.5	
177	230177	022211005237	NGUYỄN HOÀNG	HIỆP	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	7.2	7.25	

178	230178	036211012126	ĐỖ MINH	HIẾU	25/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	4	6.5	
179	230179	022211004672	ĐỖ TRUNG	HIẾU	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	5.2	4	
180	230180	022211005564	ĐỖ TRUNG	HIẾU	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.25	4.6	4.75	
181	230181	022211011967	HÀ DUY	HIẾU	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	5.2	2.25	
182	230182	022211013539	LÊ QUANG	HIẾU	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5	3	1.75	
183	230183	038211033685	LƯƠNG TRUNG	HIẾU	03/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	9.6	7.75	
184	230184	022211007983	NGÔ MINH	HIẾU	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	2.8	2.5	
185	230185	034211012993	PHẠM DUY	HIẾU	26/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	5.4	4.25	
186	230186	022311009207	PHẠM QUỲNH	HOA	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8.25	7	6	
187	230187	022311004830	QUÁCH THẢO	HOA	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.75	4.8	4.75	
188	230188	022211004878	ĐOÀN HỮU	HÒA	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	6.4	7.25	
189	230189	022211005505	LÊ MINH	HOÀNG	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	6.2	5	
190	230190	030211016587	TRỊNH HUY	HOÀNG	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8	8.2	6.5	
191	230191	022211002535	VŨ LÊ	HOÀNG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	6	3.5	
192	230192	022311010909	VŨ THỊ	HỒNG	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8	9.4	6.25	
193	230193	036211001658	NGUYỄN DUY	HÙNG	13/02/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	4.75	4.6	3.5	
194	230194	022211005982	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	6.8	8.5	
195	230195	022211003091	TRẦN TIẾN	HÙNG	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.5	1.6	4	
196	230196	022211004135	ĐINH GIA	HUY	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3.75	4.6	2.75	
197	230197	030211005117	HOÀNG GIA	HUY	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3.75	3.8	1.25	
198	230198	022211004890	LÊ ĐỨC	HUY	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.25	9.8	4	
199	230199	022211009828	LÊ HỮU GIA	HUY	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	6.8	3	
200	230200	035211006185	LÊ QUỐC	HUY	01/02/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	9.2	6.25	
201	230201	022211010267	LÊ TRIỆU	HUY	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	4.2	2.5	
202	230202	022211003162	LÊ VĂN TUẤN	HUY	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	7.8	7.25	
203	230203	022211006302	LƯƠNG NHẬT GIA	HUY	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5	8.2	3	

204	230204	022211002522	MAI GIA	HUY	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.75	9.2	4.75	
205	230205	030211118327	NGÔ GIA	HUY	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	6.4	7.75	
206	230206	022211002695	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	7	3.75	
207	230207	022211008815	NGUYỄN ĐỨC	HUY	17/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	4.25	2.6	3.5	
208	230208	022211001273	NGUYỄN GIA	HUY	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.75	5	6	
209	230209	022211009033	NGUYỄN GIA	HUY	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.5	4.2	2.75	
210	230210	022211000055	NGUYỄN KHÁNH	HUY	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.75	7.6	3.75	
211	230211	022211001334	NGUYỄN MINH	HUY	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5	3.6	3	
212	230212	022211006836	NGUYỄN VĂN QUỐC	HUY	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.25	3.8	5	
213	230213	022211008287	PHẠM QUANG	HUY	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6	5	3.75	
214	230214	022211012360	PHẠM TÙNG	HUY	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	4	3.4	3.75	
215	230215	022211013997	QUẢN GIA	HUY	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	4.8	6.5	
216	230216	022211007063	TRẦN GIA	HUY	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5	5.2	2.5	
217	230217	022211010779	TRẦN NGUYỄN GIA	HUY	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	5.6	7.25	
218	230218	022211010935	TRƯƠNG GIA	HUY	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	4	1.4	1.5	
219	230219	022211009877	TRƯƠNG QUANG	HUY	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	6.2	6.75	
220	230220	022211008874	VŨ GIA	HUY	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	5.6	3.75	
221	230221	022311003708	HOÀNG KHÁNH	HUYỀN	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	3.6	4.5	
222	230222	022311010980	LÃ THỊ NGỌC	HUYỀN	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	7.6	4	
223	230223	034311004175	NGUYỄN DIỆU	HUYỀN	11/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	7.4	4	
224	230224	022311005361	TRẦN THỊ THANH	HUYỀN	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	7.8	5.75	
225	230225	030311009614	VŨ TRẦN THẢO	HUYỀN	19/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	3.4	6	
226	230226	022211005159	BÙI GIA	HƯNG	24/04/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	4.2	4.75	
227	230227	022211012338	BÙI GIA	HƯNG	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.5	5	4.25	
228	230228	022211002210	BÙI GIA	HƯNG	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	3.6	6.5	
229	230229	034211001749	BÙI VIỆT	HƯNG	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	6.4	5.5	

230	230230	035211000157	CHU GIA	HƯNG	24/06/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.75	9.2	8.75	
231	230231	034211001514	HÀ TRẦN	HƯNG	31/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	4.8	7	
232	230232	022211009643	MẠC QUANG	HƯNG	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	7.4	3.25	
233	230233	022211007170	NGUYỄN VIỆT	HƯNG	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.25	4.4	5	
234	230234	022211011634	PHẠM DUY	HƯNG	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	6.8	7.5	
235	230235	022211005112	PHẠM GIA	HƯNG	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.5	6.2	3	
236	230236	022211000434	PHẠM KHÁNH	HƯNG	14/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	2.4	5	
237	230237	022211002551	PHẠM QUANG	HƯNG	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	4.5	4.4	1.5	
238	230238	022211002246	TÔ DUY	HƯNG	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.5	8.2	6.25	
239	230239	022211010906	VŨ VIỆT	HƯNG	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3	5.8	3.75	
240	230240	079311045491	ĐÀO THIÊN	HƯƠNG	25/12/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.5	4.8	6.75	
241	230241	022311008238	LƯU THIÊN	HƯƠNG	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	2.8	2.5	
242	230242	022311006626	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	3.6	3.5	
243	230243	034211006131	TRẦN HOÀNG MINH	KHANG	02/03/2011	Tỉnh Lâm Đồng	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	9.2	7.5	
244	230244	022211007539	CAO NGUYỄN NAM	KHÁNH	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	5.6	4.75	
245	230245	022211012436	LÊ DUY	KHÁNH	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6	7.2	4.75	
246	230246	022211013837	LÊ QUỐC	KHÁNH	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	5.6	4	
247	230247	022311008047	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	5.8	5	
248	230248	022211007453	PHẠM GIA	KHÁNH	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	5.4	5	
249	230249	031211004593	PHẠM MINH	KHÁNH	24/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.75	3.4	4.25	
250	230250	036211020980	PHẠM NGỌC	KHÁNH	06/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	5.6	5.75	
251	230251	022211003899	TẠ DUY	KHÁNH	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	8.2	8	
252	230252	022211006113	TRẦN ĐAN	KHÁNH	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	7.6	5	
253	230253	022211006999	DƯƠNG ANH	KHOA	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5	4	5	
254	230254	022211011479	ĐINH VĂN	KHOA	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	7.6	2	
255	230255	022211011127	GIANG ĐĂNG	KHOA	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	7.6	6.5	

256	230256	022211002938	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	6.6	4.5	
257	230257	022211006446	PHẠM ĐĂNG	KHOA	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	4.8	6.5	
258	230258	022211001868	TRẦN ANH	KHOA	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	9	7.25	
259	230259	022211013639	TRẦN ĐĂNG	KHOA	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8	7.2	7	
260	230260	022211002793	LÊ SỸ ĐỨC	KHÔI	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	9.4	4	
261	230261	022211002654	LIÊU MINH	KHÔI	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	8	7	
262	230262	022211003744	NGUYỄN ANH	KHÔI	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.25	3.6	2.5	
263	230263	022211002706	NGUYỄN VŨ ANH	KHÔI	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.5	6.8	6	
264	230264	022211011313	PHẠM ANH	KHÔI	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5	5.6	3.75	
265	230265	022211004601	TRẦN ĐĂNG	KHÔI	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	4.2	4.75	
266	230266	002211002242	HÀ DUY	KIÊN	26/09/2011	Tỉnh Tuyên Quang	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	2	2.4	3.75	
267	230267	022211011753	NGUYỄN PHÚ	KIÊN	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	4.4	5	
268	230268	022211013540	VŨ TRUNG	KIÊN	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.75	9.4	8	
269	230269	030311010202	KIM THỊ THÚY	LAN	08/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.25	3.2	4.75	
270	230270	022311010052	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	LAN	16/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	9.2	6.5	
271	230271	022311005234	CHU NGỌC	LÂM	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.25	5	4	
272	230272	025211002756	ĐÀO PHÚC	LÂM	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	6.4	7	
273	230273	034211003550	NGUYỄN HÀ BẢO	LÂM	25/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	6.4	5.5	
274	230274	022211010329	NGUYỄN NGỌC	LÂM	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.75	4.2	4.25	
275	230275	022211009125	NGUYỄN TÙNG	LÂM	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.75	7.6	6	
276	230276	022211008430	NGUYỄN TÙNG	LÂM	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	7.8	6.75	
277	230277	022311006472	PHẠM TUỆ	LÂM	09/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	4.4	5.25	
278	230278	022311005081	PHÍ PHƯƠNG	LÂM	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	7.25	8.6	5	
279	230279	022211010628	VŨ NGỌC TÙNG	LÂM	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	6.4	4	
280	230280	022311004390	BÙI KHẢ	LỆ	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.75	8.2	4	
281	230281	022311010225	PHẠM THỊ HẢI	LIÊN	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	7.2	6	

282	230282	022311012204	BÙI KHÁNH	LINH	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8	4.6	4	
283	230283	022311013723	BÙI THỊ KHÁNH	LINH	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	4.4	2.75	
284	230284	001311000971	ĐẶNG THỊ THÙY	LINH	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	7.6	5.75	
285	230285	022311004182	ĐẶNG THÙY	LINH	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	3.2	2.75	
286	230286	022311002849	ĐINH DIỆU	LINH	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	5.2	3.5	
287	230287	022311001745	ĐỖ GIA	LINH	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	4.6	3.25	
288	230288	022311012942	ĐỖ PHƯƠNG	LINH	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	4.4	5	
289	230289	022311007197	HÀ THÙY	LINH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4	2.6	1.5	
290	230290	022311000596	HOÀNG NHẬT	LINH	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	8.4	5.75	
291	230291	034311015083	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	LINH	01/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	2.75	4	5.75	
292	230292	022311005275	LÊ BÙI GIA	LINH	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	5.8	3.75	
293	230293	022311005979	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	6.6	6.75	
294	230294	022311008774	LÊ THÙY	LINH	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	3.25	4	0.25	
295	230295	022311002077	MẠC ÁI	LINH	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	5.4	4.5	
296	230296	022311002596	MAI PHƯƠNG	LINH	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	6.6	1.75	
297	230297	022311003622	NGUYỄN DIỆU	LINH	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	6.8	6.5	
298	230298	022311001419	NGUYỄN HÀ	LINH	09/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5	5.2	3.5	
299	230299	022311004219	NGUYỄN KHÁNH	LINH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	7.6	4.75	
300	230300	022311013740	NGUYỄN KHÁNH	LINH	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3.5	3.4	2.25	
301	230301	022311011051	NGUYỄN NGỌC	LINH	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	4.8	4	
302	230302	034311008763	NGUYỄN NHẬT	LINH	02/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	7.6	5.5	
303	230303	022311012995	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	7.4	3.5	
304	230304	022311003604	PHẠM DIỆU	LINH	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	9.2	5.5	
305	230305	033311004230	PHẠM NGỌC	LINH	19/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	4.8	3	
306	230306	022311013038	TẠ KHÁNH	LINH	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	9.4	3.25	
307	230307	022311013744	TRẦN NGỌC	LINH	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	6.6	4.75	

308	230308	022311009884	TRẦN PHƯƠNG	LINH	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	7.6	5.5	
309	230309	022311008640	TRẦN THỊ DIỆU	LINH	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.5	5.2	7	
310	230310	022311006503	VŨ GIA	LINH	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	5.2	4.25	
311	230311	022311012288	VŨ KHÁNH	LINH	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	9	6.75	
312	230312	001311060277	VŨ PHƯƠNG	LINH	05/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	8.2	5.75	
313	230313	036211014823	HOÀNG THÀNH	LONG	10/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	4.8	3.25	
314	230314	022211004268	NGUYỄN MINH	LONG	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	5.6	2	
315	230315	022211013292	PHẠM NGUYỄN BẢO	LONG	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	3.5	5.6	4.5	
316	230316	022211000505	PHẠM VĂN	LONG	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.5	9	7	
317	230317	022211006997	TRẦN HỮU ĐỨC	LONG	06/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	6.4	4.25	
318	230318	022211009247	VŨ NGỌC	LONG	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.25	7.6	4.5	
319	230319	022211006112	NGUYỄN THÀNH	LỘC	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	7.8	7	
320	230320	022211000341	VŨ HỒ PHÁT	LỘC	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.75	7.8	7.25	
321	230321	022311009911	TRỊNH HƯƠNG	LY	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	7.4	6	
322	230322	038311008698	TRƯƠNG KHÁNH	LY	09/02/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	6.8	4.5	
323	230323	034311011086	NGUYỄN THỊ HOÀNG	MAI	28/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	8.8	5	
324	230324	022311007441	VŨ NGỌC	MAI	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	4.8	3.25	
325	230325	033211006689	BÙI ĐOÀN DUY	MẠNH	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	6	7.75	
326	230326	022211002363	ĐOÀN ĐỨC	MẠNH	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	4.2	5	
327	230327	022211011130	NGUYỄN TIẾN	MẠNH	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6	3.2	6.75	
328	230328	022211007419	VŨ ĐỨC	MẠNH	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.5	5.2	3.75	
329	230329	022211006427	BÙI SỸ	MINH	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	5.2	3.25	
330	230330	022311013034	ĐẶNG THỊ HỒNG	MINH	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	4.4	4.25	
331	230331	022211012062	ĐINH NGỌC	MINH	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	9.4	6	
332	230332	025211000172	ĐỖ THÀNH	MINH	18/11/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	3	3.5	
333	230333	022211003427	HOÀNG BẢO	MINH	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3.25	4	3	

334	230334	022211001371	HOÀNG ĐỨC	MINH	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.75	6.8	7.5	
335	230335	022211007973	LÊ HOÀNG ANH	MINH	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.25	5	3.75	
336	230336	022311012265	NGÔ HÀ	MINH	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	7.2	5.5	
337	230337	022211006024	NGUYỄN QUANG	MINH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	8.8	4.25	
338	230338	022211003893	NGUYỄN THẾ	MINH	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	8.4	5.25	
339	230339	022211014769	NGUYỄN TIẾN	MINH	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	4.75	6.8	5.25	
340	230340	022211006220	NGUYỄN TIẾN	MINH	19/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	5.2	2.75	
341	230341	022211000511	PHẠM QUANG	MINH	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6	6.8	6.75	
342	230342	022311001489	PHẠM TUỆ	MINH	09/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	4.4	4	
343	230343	022211005106	TRẦN KHÁNH	MINH	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	9.4	8	
344	230344	035211006663	TRẦN NGUYỄN GIA	MINH	18/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6	6	7	
345	230345	022311004194	TRẦN THỊ NGỌC	MINH	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	6	5.5	
346	230346	022311011985	TRƯƠNG NHẬT	MINH	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	8.2	4.25	
347	230347	022211013157	VŨ CÔNG	MINH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	2.25	2.4	0.5	
348	230348	022211010881	VŨ ĐÌNH HOÀNG	MINH	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	4.8	5.25	
349	230349	022211007075	VŨ ĐỨC	MINH	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	6.6	5	
350	230350	022211007009	VŨ NGỌC	MINH	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	9.4	8	
351	230351	022211004348	VŨ VĂN	MINH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	4	1.75	
352	230352	022311004557	ĐẶNG NGUYỄN HÀ	MY	18/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8.25	8	7.75	
353	230353	022311007458	NGUYỄN HUYỀN	MY	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.25	6.6	4.5	
354	230354	022311001262	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8.5	9.6	8	
355	230355	022311007583	NGUYỄN TRÀ	MY	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
356	230356	022211006124	ĐỖ HUY	NAM	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.25	7	5.25	
357	230357	022211004239	LÊ HẢI	NAM	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	5.2	2.5	
358	230358	022211011807	LỮ THÀNH	NAM	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Thái	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6	5.6	4.75	
359	230359	031211009444	MẠC THÀNH	NAM	14/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	6	4.5	

360	230360	022211010098	NGHIÊM XUÂN	NAM	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6	4.6	8.25	
361	230361	022211001465	NGUYỄN TIẾN	NAM	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.25	6.4	6.25	
362	230362	022211008226	NGUYỄN VĂN	NAM	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.25	4	2.75	
363	230363	030211009166	PHẠM BẢO	NAM	19/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	3.6	7.75	
364	230364	022211006899	PHẠM ĐỨC	NAM	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	6.4	6.25	
365	230365	022211002249	PHẠM HOÀNG	NAM	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	3.8	4.5	
366	230366	022211001338	VŨ HẢI	NAM	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5	3.8	2.5	
367	230367	022311006609	HOÀNG THÚY	NGA	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7	7.2	7	
368	230368	022311009074	NGUYỄN LINH	NGA	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	9.8	4.5	
369	230369	022311007134	NGUYỄN THÚY	NGA	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	6	8.25	
370	230370	022311001930	NGUYỄN BẢO KIM	NGÂN	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.25	5.4	3.75	
371	230371	022311009939	NGUYỄN THỊ KHÁNH	NGÂN	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	5.4	3.5	
372	230372	022311004027	PHẠM KIM	NGÂN	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	7	4.75	
373	230373	022311003721	TRƯƠNG KIM	NGÂN	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.75	5	3.75	
374	230374	022211009830	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	NGỌC	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	3.2	3.5	
375	230375	035311005039	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	11/08/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	4.8	3.75	
376	230376	030311019194	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	5.2	3.75	
377	230377	022311013096	PHẠM BẢO	NGỌC	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	6.6	3.25	
378	230378	022311007683	PHẠM BÍCH	NGỌC	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	7	4.25	
379	230379	022311009389	TRẦN ÁNH	NGỌC	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	8.8	6	
380	230380	022311007530	TRẦN BẢO	NGỌC	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	9.8	7.25	
381	230381	022311006651	VŨ BẢO	NGỌC	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8.25	7.2	3.5	
382	230382	022311004106	VŨ BẢO	NGỌC	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	5	3.25	
383	230383	022311003186	VŨ BẢO	NGỌC	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.25	5	3.5	
384	230384	022311004856	ĐỖ PHƯƠNG	NGUYÊN	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.5	2.8	3	
385	230385	022211012099	LÊ	NGUYỄN	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.75	6.2	4	

386	230386	022311003727	ĐINH THỊ	NHÃ	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	7.4	6.75	
387	230387	033311011584	NGUYỄN THANH	NHÀN	18/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	4.2	3.25	
388	230388	022311003205	BÙI YẾN	NHI	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.25	5.2	3.75	
389	230389	022311004059	ĐÀO YẾN	NHI	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	5.8	4.25	
390	230390	022311001790	ĐỖ THỊ BẢO	NHI	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.5	5.2	4.25	
391	230391	022311007004	LƯƠNG PHƯƠNG	NHI	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	8.2	3.5	
392	230392	022311001467	NGUYỄN VŨ HẢI	NHI	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6	6.8	3.5	
393	230393	022311004673	NGUYỄN YẾN	NHI	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	4.6	3	
394	230394	022311009163	PHẠM NGỌC	NHI	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	3.6	3	
395	230395	022311009429	TẠ NGỌC	NHI	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	4.8	3.25	
396	230396	022311004460	TRỊNH YẾN	NHI	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	7.8	5.25	
397	230397	022311001514	VŨ VŨ GIA	NHI	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	4.2	4.25	
398	230398	022311006518	BÙI NGỌC	NHUNG	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	6	6.5	
399	230399	022311003815	LÊ TÂM	NHƯ	13/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	6.8	5.25	
400	230400	035211001993	VŨ HỒNG	NIÊN	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8	5	2.75	
401	230401	036311007856	NGUYỄN PHƯƠNG	OANH	13/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	3.6	3	
402	230402	022211013379	BÙI TUẤN	PHONG	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.75	7.2	6	
403	230403	022211013131	ĐOÀN MẠNH	PHONG	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	8.4	5.5	
404	230404	022211007349	ĐOÀN NAM	PHONG	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	7.6	5.25	
405	230405	022211007631	HOÀNG TRUNG	PHONG	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	7	7.75	
406	230406	022211008835	LÊ NAM	PHONG	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	6.2	3.25	
407	230407	022211006105	NGUYỄN ĐỨC NAM	PHONG	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.25	0.6	4.75	
408	230408	022211011070	NGUYỄN HẢI	PHONG	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	4.2	6.75	
409	230409	022211004558	NGUYỄN NHẬT	PHONG	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.25	3.4	1.5	
410	230410	037211002097	NGUYỄN TẤN	PHONG	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.25	6.4	5	
411	230411	022211001609	TẠ MINH	PHONG	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	7.4	7.25	

412	230412	022211005575	TẠ THUẬN	PHONG	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.75	4.2	1.25	
413	230413	022211000571	NGUYỄN ĐÌNH GIA	PHÚ	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	4.25	3.4	4.5	
414	230414	022211010650	NGUYỄN ĐỨC	PHÚ	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.25	5.4	5.75	
415	230415	022211002527	TRẦN AN	PHÚ	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	3.8	2.25	
416	230416	022211013453	HOÀNG MINH	PHÚC	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	7.2	7.25	
417	230417	022211011398	NGUYỄN ĐỨC	PHÚC	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	4	1.75	
418	230418	038211023966	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	22/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	7.8	6	
419	230419	022211004425	NGUYỄN VIỆT	PHÚC	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	6.6	2.5	
420	230420	022211002562	PHẠM GIA	PHÚC	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.75	8.6	8	
421	230421	022211006743	PHẠM MINH	PHÚC	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	5	3.75	
422	230422	022211005542	PHẠM NGUYỄN HỒNG	PHÚC	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	5.6	6	
423	230423	022211004660	PHAN ĐỨC	PHÚC	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	7	6	
424	230424	022311005113	BÙI HÀ	PHƯƠNG	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	6.2	4.5	
425	230425	001311048791	BÙI MAI	PHƯƠNG	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	6.2	4.75	
426	230426	022311001577	ĐẶNG BÍCH	PHƯƠNG	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	4.8	4.5	
427	230427	022311009444	NGUYỄN LAN	PHƯƠNG	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	5.8	3.25	
428	230428	022311012608	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	1.8	4.25	
429	230429	022311011102	NGUYỄN TÚ	PHƯƠNG	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8	8.2	6.5	
430	230430	022311007938	PHẠM MINH	PHƯƠNG	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	2.8	1.5	
431	230431	022211012448	BÙI MINH	QUANG	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.25	6.2	6.75	
432	230432	022211011448	TRẦN DUY	QUANG	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	8.6	6.75	
433	230433	022211001339	TRỊNH MINH	QUANG	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	5.4	5.75	
434	230434	022211005876	VŨ THẾ	QUANG	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6	6.4	7.5	
435	230435	022211008744	ĐẶNG ĐÌNH	QUẢNG	14/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	8.4	6.5	
436	230436	022211011156	ĐỖ HỒNG	QUÂN	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5	4.4	3.75	
437	230437	038211026493	LÊ HỒNG	QUÂN	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.5	3.6	5.5	

438	230438	022211013032	NGUYỄN ANH	QUÂN	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5	4.4	5	
439	230439	022211004828	TRỊNH MINH	QUÂN	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	6	5	
440	230440	022311006217	ĐẶNG NHƯ BẢO	QUỲNH	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	9.4	8	
441	230441	022311003348	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	4.6	5	
442	230442	022311003863	NGUYỄN THÚY	QUỲNH	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8.25	6	4	
443	230443	022311005520	TRƯƠNG GIA	QUỲNH	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.75	4.4	2.25	
444	230444	022311001491	TRƯƠNG TÚ	QUỲNH	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.25	4	5.25	
445	230445	034311003653	VŨ THỊ THÁI	QUỲNH	20/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	5.2	3.75	
446	230446	022211010391	HOÀNG ANH	SƠN	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	6.4	2.75	
447	230447	022211001767	LƯU BẢO	SƠN	18/02/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	4.6	4.75	
448	230448	022211000459	NGUYỄN BẢO	SƠN	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	2.75	5.4	3.75	
449	230449	022211012517	VŨ MINH	SƠN	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6	9	4.25	
450	230450	022211002882	NGUYỄN CHÍ	TÀI	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	3.75	5.8	3.75	
451	230451	022211008475	NGUYỄN HỮU	TÀI	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	7.2	4	
452	230452	030211002575	NGUYỄN LƯƠNG	TÀI	25/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.75	8.6	5.75	
453	230453	022211011918	NGUYỄN THÀNH	TÀI	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	8	6	
454	230454	022311012398	NGUYỄN THANH	TÂM	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	8.2	5	
455	230455	022311003415	TRẦN HOÀNG BĂNG	TÂM	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	3.8	3.5	
456	230456	022311006690	TRẦN NGỌC	TÂM	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	Tiếng Anh	7	7.2	4.75	
457	230457	022211006955	NGUYỄN VIỆT	TÂN	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6	8.6	3.75	
458	230458	022211006050	AN MINH	THÁI	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	9.6	7.25	
459	230459	022211001676	HOÀNG QUỐC	THÁI	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	6.8	6.5	
460	230460	022311000574	VŨ PHƯƠNG	THANH	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	6.8	4.5	
461	230461	022210012186	HÀ DUY	THÀNH	24/04/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	6	3.5	
462	230462	022211014862	NGUYỄN CHÍ	THÀNH	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	5.75	7	3.5	
463	230463	022211003807	NGUYỄN HỮU VIỆT	THÀNH	19/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	3.5	7	4.5	

464	230464	022211000089	PHẠM TIẾN	THÀNH	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	5.8	6.75	
465	230465	022211013116	PHẠM TUẤN	THÀNH	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	8.4	5	
466	230466	022311002092	BÙI THỊ PHƯƠNG	THẢO	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	2.6	3.75	
467	230467	022311007272	ĐỖ THANH	THẢO	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5	4.2	3.75	
468	230468	022311003550	HUỲNH NGỌC	THẢO	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	3.2	1	
469	230469	022311009091	LÊ PHƯƠNG	THẢO	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	6.8	4.75	
470	230470	022311012238	NGÔ HOA ANH	THẢO	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	4.8	4.75	
471	230471	022311012563	NGUYỄN MAI	THẢO	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5	2.4	4	
472	230472	022311008121	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	4	2.25	
473	230473	036311010062	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	17/07/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.75	4.4	3.25	
474	230474	022311011721	NGUYỄN THỊ MINH	THẢO	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	8.6	5.5	
475	230475	022311010045	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	13/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	6	5	
476	230476	022311011128	NGUYỄN THU	THẢO	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8	9	4.5	
477	230477	022311013620	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	8	4.25	
478	230478	022311005748	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	5.8	5.75	
479	230479	022311003545	TÔ PHƯƠNG	THẢO	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	8.5	7.6	5.75	
480	230480	022311012211	TRƯƠNG PHƯƠNG	THẢO	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	5	3.5	
481	230481	022311012280	VŨ PHƯƠNG	THẢO	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5.5	4.2	3.75	
482	230482	022211005494	NGUYỄN XUÂN	THẮNG	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	7.8	5.75	
483	230483	022211003210	PHẠM QUANG	THẮNG	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	5.4	5.5	
484	230484	022211003351	PHẠM VĂN	THẮNG	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	2.75	3.8	1	
485	230485	022211003013	LÊ MINH	THỊNH	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	6.4	4.75	
486	230486	022311003686	NGUYỄN ANH	THƠ	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	5.4	5.5	
487	230487	034311013572	NGUYỄN ANH	THƠ	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	8.4	7.5	
488	230488	022311008961	HOÀNG NGUYỄN HÀ	THU	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	3.6	3	
489	230489	022311010721	NGUYỄN THỊ THẢO	THUẦN	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	8	4.25	

490	230490	036311006065	NGÔ MAI	THÙY	05/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6	5.6	4.5	
491	230491	022311009968	ĐOÀN THU	THỦY	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8.5	7.4	6.75	
492	230492	022311002769	LÊ THU	THỦY	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	6.4	2	
493	230493	022311008174	MẠC THỊ THU	THỦY	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	2.5	6	4	
494	230494	022311010243	NGUYỄN THỊ HỒNG	THỦY	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	5.6	4.75	
495	230495	022311003547	NGÔ THỊ PHƯƠNG	THÚY	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	5.4	5.5	
496	230496	036311000511	HOÀNG THỊ MINH	THƯ	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	8.4	4.75	
497	230497	030311003177	NGUYỄN ANH	THƯ	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	6.4	5	
498	230498	022311011119	NGUYỄN HÀ	THƯ	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5	2.8	2.5	
499	230499	022311001178	NGUYỄN LÊ THẢO	THƯ	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.75	5.4	3.75	
500	230500	022311007235	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.25	5.6	3.75	
501	230501	034311008415	QUÁCH ANH	THƯ	04/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	5.4	3.75	
502	230502	022311006553	TRẦN ANH	THƯ	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	6.2	4.75	
503	230503	034311013687	TRẦN MINH	THƯ	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	4.6	4.25	
504	230504	022311004806	ĐỖ NGUYỄN THỦY	TIÊN	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	7.2	6	
505	230505	022311002207	LÊ THỊ THỦY	TIÊN	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8	5.8	5.5	
506	230506	022311007615	NGUYỄN THỦY	TIÊN	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	6.2	4	
507	230507	022311004375	PHẠM THỦY	TIÊN	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.5	3.2	2.25	
508	230508	040211031526	MAI ĐỨC	TIẾN	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	8.2	4.25	
509	230509	033211000255	PHAN ĐỨC	TOÀN	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	3	1.75	
510	230510	022211010710	VŨ KHÁNH	TOÀN	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3.25	6.8	5	
511	230511	022311000504	PHẠM HƯƠNG	TRÀ	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.25	2.2	1.75	
512	230512	022311000451	BÙI THÙY	TRANG	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.75	7.2	5.75	
513	230513	022311005208	ĐỖ ÁNH	TRANG	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	3.6	4.25	
514	230514	022311003961	ĐỖ THU	TRANG	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	9.4	8	
515	230515	022311009414	LÊ NGUYỄN THẢO	TRANG	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8	8	4.5	

516	230516	022311007692	LÊ THÙY	TRANG	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	6.8	6.5	
517	230517	022311004945	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	6.8	7	
518	230518	022311007516	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.75	7.2	5	
519	230519	024311007422	NGUYỄN THỊ BẢO	TRANG	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	4.75	2.4	1.75	
520	230520	022311005788	PHẠM NGUYỄN HUYỀN	TRANG	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5	2.8	2.25	
521	230521	022311012513	TRƯƠNG QUỲNH	TRANG	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8	8.2	4.75	
522	230522	022311001109	ĐÀO BẢO	TRÂM	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	7.8	5.75	
523	230523	022211008550	TRƯƠNG THỤY MINH	TRÍ	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	5.8	3.25	
524	230524	027211003455	NGUYỄN TIẾN	TRIỆU	04/04/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	5.8	6	
525	230525	031211013688	PHẠM VĂN	TRỌNG	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	4.4	2.75	
526	230526	022211005970	TRẦN ĐÌNH	TRỌNG	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	4.25	4.6	6.25	
527	230527	022311000073	BÙI NGUYỄN THANH	TRÚC	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	7.8	7	
528	230528	022311005139	CHU THANH	TRÚC	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	6.4	4.25	
529	230529	022311004658	DƯƠNG THANH	TRÚC	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	6.2	3.5	
530	230530	022311001903	HOÀNG THANH	TRÚC	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8	7	6.25	
531	230531	022311009766	NGUYỄN THANH	TRÚC	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	8.2	7.25	
532	230532	030211012186	PHẠM THÀNH	TRUNG	15/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.25	4	7	
533	230533	022211011833	VŨ ĐÌNH	TRUNG	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	8.25	6	7.75	
534	230534	030211020404	HOÀNG ANH	TÚ	19/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.25	3.4	2.75	
535	230535	022311003166	VŨ THANH	TÚ	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	5	4.5	
536	230536	024211018184	AN MINH	TUẤN	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	3.25	7.8	1.25	
537	230537	022211005182	HOÀNG ANH	TUẤN	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	8	5.75	
538	230538	022211010338	LỤC ĐỨC	TUẤN	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.75	8.8	6	
539	230539	022211008502	NGUYỄN LÊ HUY	TUẤN	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5	5.2	3	
540	230540	022211000564	CAO THANH	TÙNG	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.25	7.4	4.25	
541	230541	022211004290	LÊ QUỐC	TÙNG	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	6.4	5.5	

542	230542	022211005988	PHẠM DUY	TÙNG	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	4.2	7.5	
543	230543	022211004210	PHẠM GIA	TÙNG	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	5	4.6	4.75	
544	230544	022211014776	TRẦN THANH	TÙNG	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7	8.4	6.5	
545	230545	022311004200	PHẠM LÊ MINH	TUYẾT	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	6.4	4.75	
546	230546	022311011509	BÙI PHƯƠNG	UYÊN	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	4.4	6.5	
547	230547	022311000690	PHẠM GIA BẢO	UYÊN	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.75	6.4	4.5	
548	230548	022311010284	TRẦN VŨ PHƯƠNG	UYÊN	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	5.6	5	
549	230549	022211003926	ĐỖ TRỌNG	VĂN	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.5	4.2	3	
550	230550	022311001906	NGUYỄN THỊ HẢI	VÂN	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.25	6.2	3.75	
551	230551	015311005884	NGUYỄN THỊ	VÂN	02/02/2011	Tỉnh Lào Cai	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	5.75	8.8	7	
552	230552	022311011377	HÀ TƯỜNG	VI	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	7.5	7.4	3.25	
553	230553	022311003777	NGUYỄN TƯỜNG	VI	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7	6	4.5	
554	230554	022211008730	NGUYỄN KHÔI	VĨ	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	4.8	2.25	
555	230555	034211008794	NGUYỄN THẾ	VIỆT	07/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	5.8	5	
556	230556	022211008881	NGUYỄN ĐÌNH	VINH	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	6.5	4.6	1.5	
557	230557	022211010790	PHẠM QUANG	VINH	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.25	6.4	2.75	
558	230558	022211013785	LƯƠNG DUY	VŨ	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3.5	4.4	3.75	
559	230559	034311017429	BÙI THỊ HÀ	VY	18/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	4.8	2.5	
560	230560	022311011942	ĐẶNG TƯỜNG	VY	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	8	5.4	4.5	
561	230561	022310000005	LÊ PHƯƠNG	VY	08/12/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	5.5	4	2.75	
562	230562	022311008004	LƯ HÀ	VY	18/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.5	6.6	7.25	
563	230563	034311011858	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6	7.4	4	
564	230564	022311007712	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	23/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.5	5.2	5.5	
565	230565	022311002292	NGUYỄN THẢO	VY	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	3	3.4	2.25	
566	230566	022311006780	NGUYỄN THẢO	VY	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	6.5	4	5	
567	230567	022311010075	VŨ YẾN	VY	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	4.25	4.6	3.25	

568	230568	022311004703	LÊ BẢO YẾN	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	4.75	2.8	4	
569	230569	022311005178	NGUYỄN BẢO YẾN	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.25	3.2	1.5	
570	230570	036311003223	NGUYỄN HẢI YẾN	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	4.5	2.2	1.5	
571	230571	034311016414	NGUYỄN OANH YẾN	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hà Tu	Tiếng Anh	4.5	5.6	4.75	

(Danh sách này gồm có 571 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	240001	022311007253	BÙI THỊ KIỀU	AN	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.5	4	2.5	
2	240002	001211067707	ĐÀO QUÝ BÌNH	AN	16/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5	5.8	3.5	
3	240003	030311014191	ĐINH BẢO	AN	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	7.8	5.75	
4	240004	022311003352	HÀ MINH	AN	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.4	7	
5	240005	022211001751	HOÀNG QUỐC	AN	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	7.2	8.25	
6	240006	022311009307	LÊ HOÀI	AN	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7	2.8	4.5	
7	240007	031311004534	NGÔ HIỀN	AN	02/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	9.2	5.5	
8	240008	022311011157	NGUYỄN BẢO	AN	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	4.6	5.75	
9	240009	022211007967	NGUYỄN THÁI	AN	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.75	5.2	4.75	
10	240010	022311009371	NGUYỄN THU	AN	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.75	9.4	7.75	
11	240011	022311011298	TRẦN NGUYỄN HÀ	AN	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	8	7	4.25	
12	240012	022311012694	TRẦN THẢO	AN	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	5.8	6.25	
13	240013	022311005173	TRẦN VŨ KỲ	AN	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	7.4	3	
14	240014	022311010549	TRỊNH THÚY	AN	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	5	4.25	
15	240015	022211000650	VŨ CHÍ	AN	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	7.4	6.25	
16	240016	022311004267	BÙI BẢO	ANH	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	9.4	4.25	
17	240017	022311001834	BÙI BẢO	ANH	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	4.2	3.75	
18	240018	022311012190	BÙI BẢO	ANH	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	7.6	6.5	
19	240019	022311004011	BÙI HÀ	ANH	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	7.2	6.5	
20	240020	022311012123	BÙI HÀ	ANH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	5.6	5.75	
21	240021	022311003224	BÙI LÊ PHƯƠNG	ANH	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	8	6.5	
22	240022	022311000606	BÙI NGỌC	ANH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	6.6	5	
23	240023	034311000342	BÙI NGỌC	ANH	28/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	9.4	7.25	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
24	240024	031311010867	BÙI NGỌC TRÂM	ANH	28/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	8.8	7.25	
25	240025	038311008784	BÙI PHẠM QUỲNH	ANH	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	6.8	4.5	
26	240026	022311000568	BÙI VŨ TÚ	ANH	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	7.4	6.5	
27	240027	022211003731	CHU ĐỨC	ANH	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	6.6	6.25	
28	240028	022311004669	DƯƠNG HÀ KIỀU	ANH	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	5.6	4	
29	240029	022211008018	DƯƠNG KỲ	ANH	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6.25	7	7.25	
30	240030	022311003240	DƯƠNG QUỲNH	ANH	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	9.4	6.5	
31	240031	027311008302	ĐÀO MỸ	ANH	14/04/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	4.75	5.4	4.5	
32	240032	022311000578	ĐẶNG MINH	ANH	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5	9.8	7	
33	240033	022311011024	ĐẶNG NGỌC	ANH	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	5.2	4.5	
34	240034	022311012416	ĐẶNG THÙY	ANH	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	7.4	5	
35	240035	022311008237	ĐOÀN QUỲNH	ANH	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	3	1.5	
36	240036	034311007661	ĐỖ LAN	ANH	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	4.6	4.25	
37	240037	022311004032	ĐỖ MỸ	ANH	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	5.2	6.25	
38	240038	022311010444	ĐỖ NGỌC	ANH	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	7.4	2.25	
39	240039	022311004111	HOÀNG HÀ	ANH	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	9	8	
40	240040	022311001964	HOÀNG THẢO	ANH	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	7.25	7.6	5.75	
41	240041	030311005260	HOÀNG THIÊN	ANH	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	4	4.5	
42	240042	034211007940	HOÀNG TUẤN	ANH	31/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	8.2	7	
43	240043	019311011255	LÃ THỊ LAN	ANH	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7.25	4.8	6.25	
44	240044	022311009171	LÊ BÙI DIỆP	ANH	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	6.8	4.25	
45	240045	022211001647	LÊ ĐỨC	ANH	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	7	5.75	
46	240046	022311011947	LÊ THỊ PHƯƠNG	ANH	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5	3.4	4.5	
47	240047	022211012174	LÊ VIỆT	ANH	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	4.25	5.8	4	
48	240048	033311002185	LÝ HỒNG	ANH	15/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7.5	6	5.75	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
49	240049	022311012742	MẠC VÂN	ANH	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.5	6.6	4.25	
50	240050	022311010163	NGÔ MỸ	ANH	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	6.8	4	
51	240051	022311005868	NGÔ PHƯƠNG	ANH	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	8.6	4	
52	240052	022311010575	NGUYỄN BẢO	ANH	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	8.25	7.6	4.75	
53	240053	022311012018	NGUYỄN BẢO	ANH	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.25	7.6	7.25	
54	240054	022311005306	NGUYỄN DIỆP	ANH	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	7.8	5.75	
55	240055	031211012566	NGUYỄN DUY	ANH	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	4.5	8.8	7.75	
56	240056	022211002875	NGUYỄN ĐẶNG TÙNG	ANH	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	8.6	5	
57	240057	022211003775	NGUYỄN ĐỨC	ANH	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	5.8	4	
58	240058	022211000500	NGUYỄN ĐỨC ĐĂNG	ANH	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	5.6	6.25	
59	240059	022311009071	NGUYỄN HÀ	ANH	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	9.2	8.5	
60	240060	022311006676	NGUYỄN HÀ	ANH	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	6.4	5.25	
61	240061	001211027027	NGUYỄN HẢI	ANH	17/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	9.4	7.5	
62	240062	022311012527	NGUYỄN HOÀNG	ANH	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	5.8	3.5	
63	240063	022311000442	NGUYỄN HỒNG	ANH	03/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	4.2	4.5	
64	240064	022311011712	NGUYỄN KIỀU	ANH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.75	4.2	5	
65	240065	022311001493	NGUYỄN MAI	ANH	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.5	3.6	4.75	
66	240066	022311007984	NGUYỄN MAI	ANH	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	5.2	5.75	
67	240067	022311010551	NGUYỄN MINH	ANH	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	8	3.6	4.75	
68	240068	022311012989	NGUYỄN NGỌC KIỀU	ANH	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	4.75	4	3.25	
69	240069	022311000119	NGUYỄN NGỌC KIM	ANH	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	2.2	4.5	
70	240070	022311002094	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	9.6	4.75	
71	240071	022311004526	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	9.8	7	
72	240072	022311003302	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.25	6.6	3.75	
73	240073	022311006883	NGUYỄN QUỲNH	ANH	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	5.2	4	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
74	240074	022311000901	NGUYỄN QUỲNH	ANH	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.5	8.6	1.75	
75	240075	022211004511	NGUYỄN THẾ	ANH	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	7.4	4	
76	240076	030311008803	NGUYỄN THỊ HÀ	ANH	07/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	7.4	6.25	
77	240077	022311009664	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	6.2	5.5	
78	240078	024311010152	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	20/08/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.5	8	5.5	
79	240079	022311004798	NGUYỄN THUỲ	ANH	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	9	7.5	
80	240080	022311005008	NGUYỄN THÙY	ANH	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	5	2.5	
81	240081	022211014783	NGUYỄN TÔ TRỌNG	ANH	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5	4.2	3.25	
82	240082	022311002108	NGUYỄN VÂN	ANH	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	8.8	5	
83	240083	022211011277	NGUYỄN VIỆT	ANH	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	8.8	6.75	
84	240084	022311008007	PHẠM CHÂM	ANH	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7.5	9	6.75	
85	240085	022311002088	PHẠM DUYÊN	ANH	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	6.8	5.25	
86	240086	022211013530	PHẠM ĐỨC	ANH	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6	9	6.25	
87	240087	022311003853	PHẠM HÀ	ANH	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.75	9	6	
88	240088	022311003927	PHẠM MAI	ANH	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.25	9.2	6.5	
89	240089	022311008896	PHẠM MAI	ANH	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	6.2	4.5	
90	240090	022311007393	PHẠM MỸ	ANH	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.75	6.8	7.25	
91	240091	030311011728	PHẠM NGỌC	ANH	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	7.8	6.75	
92	240092	022311011863	PHẠM NGỌC	ANH	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	4.8	3.25	
93	240093	022311003248	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	6.2	5.5	
94	240094	022311001990	PHẠM QUỲNH	ANH	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	9.2	5.5	
95	240095	022311012619	PHẠM THỊ MINH	ANH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	4.2	3.25	
96	240096	022311001639	PHẠM VŨ QUỲNH	ANH	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.25	7.4	6.25	
97	240097	022311010743	PHAN THỊ PHƯƠNG	ANH	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	8.75	7.8	7	
98	240098	022311008584	TẠ MINH	ANH	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	5.2	6.75	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
99	240099	022311011934	TRẦN NGỌC QUỲNH	ANH	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	4.4	4.75	
100	240100	022211009552	TRẦN THẾ	ANH	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	3.4	4.5	
101	240101	022311007426	TRỊNH LAN	ANH	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	9	7.25	
102	240102	022211004563	VŨ ĐỨC	ANH	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5	4	4.75	
103	240103	022311010031	VŨ HÀ	ANH	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	7.4	7	
104	240104	022311008515	VŨ HOÀI	ANH	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	6.8	5.25	
105	240105	022311001507	VŨ KIỀU	ANH	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	3.75	4.6	3.75	
106	240106	022311002341	VŨ QUỲNH	ANH	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	7.6	5.5	
107	240107	022211007613	VŨ TÙNG	ANH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	9	6.75	
108	240108	022311009083	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	5.8	4.5	
109	240109	031311005174	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	3	3	2	
110	240110	022311012387	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	8	4.25	
111	240111	036311014312	NGUYỄN VŨ MINH	ÁNH	29/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	7	5	
112	240112	022311000060	TRẦN THỊ NGUYỆT	ÁNH	03/02/2011	Tỉnh Quảng Trị	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	4.2	4	
113	240113	022311006104	VŨ MINH	ÁNH	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	7.2	7.25	
114	240114	037211007704	PHAN TRẦN THIÊN	ÂN	19/08/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	7.2	7.25	
115	240115	036311000420	TRẦN PHẠM NGỌC	ÂN	14/02/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	8.2	7.75	
116	240116	022211002641	CAO XUÂN	BÁCH	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	6.4	7.25	
117	240117	022211008788	ĐẶNG TÙNG	BÁCH	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	8.5	8.8	9	
118	240118	022211008627	HOÀNG TÙNG	BÁCH	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	6	8.75	
119	240119	022211003553	LÊ HOÀNG	BÁCH	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.25	4	5.5	
120	240120	024211008148	LÝ XUÂN	BÁCH	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Nùng	THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	2.5	4.2	2.5	
121	240121	022211010512	PHẠM CÔNG	BÁCH	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	10	8.75	
122	240122	022211001490	ĐỒNG XUÂN NGỌC	BẢO	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	8	6	
123	240123	022211002320	LUO LÂM	BẢO	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hán	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	7	3.5	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
124	240124	024211000834	NGUYỄN GIA	BẢO	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7.5	8.2	8.75	
125	240125	022211012591	NGUYỄN THÁI	BẢO	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	8.6	5.75	
126	240126	022211013505	PHẠM DUY	BẢO	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	7.6	6.5	
127	240127	022211013562	PHẠM GIA	BẢO	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	3.6	5.5	
128	240128	022211005226	PHẠM GIA	BẢO	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.25	8.8	5	
129	240129	030211016726	PHẠM GIA	BẢO	13/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	7.4	4	
130	240130	017211001655	TRẦN GIA	BẢO	10/08/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	8.4	7.5	
131	240131	022211000643	TRƯƠNG GIA	BẢO	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7	7.2	7	
132	240132	022211000957	VŨ GIA	BẢO	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.25	5.4	5.75	
133	240133	022311002563	TRẦN NGỌC HIẾU	BĂNG	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	9.2	6.5	
134	240134	001311060308	BÙI ÁNH NGỌC	BÍCH	16/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	3	3.25	
135	240135	022311009965	BÙI AN	BÌNH	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	7.5	8.8	5	
136	240136	022211011358	ĐINH QUỐC	BÌNH	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5	5.8	4.75	
137	240137	022311006740	HỒ CẨM	BÌNH	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	1.5	4.4	2.25	
138	240138	034211002117	LÊ THANH	BÌNH	30/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	10	5	
139	240139	022211010821	NGUYỄN CHÍ	BÌNH	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7	8.2	6.75	
140	240140	034211013708	NGUYỄN GIA	BÌNH	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7.25	4	6.25	
141	240141	019211000151	NGUYỄN LONG	BÌNH	12/05/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	6	7.5	
142	240142	022211013758	VŨ ĐỨC	BÌNH	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	6.8	6	
143	240143	033311005218	ĐẶNG PHƯƠNG	CHÂM	17/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	7	4.75	
144	240144	034311013017	NGUYỄN THỊ THÙY	CHÂM	09/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	7.6	4.75	
145	240145	022311003699	BÙI MINH	CHÂU	01/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	8	5.75	
146	240146	022311003084	ĐÀO BẢO	CHÂU	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	5.6	3.5	
147	240147	022311013777	ĐẶNG BẢO	CHÂU	02/06/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	9.6	4	
148	240148	022311007865	HÀ BẢO	CHÂU	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7	10	5	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
149	240149	015311002507	HOÀNG TRIỆU MINH	CHÂU	11/02/2011	Tỉnh Lào Cai	Nữ	Tày	THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	5	2.75	
150	240150	040311004650	LÊ THỊ MINH	CHÂU	11/05/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	7.6	7.25	
151	240151	030311010982	NGÔ LÊ MỸ	CHÂU	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	8.4	7.25	
152	240152	022311000589	NGUYỄN BẢO	CHÂU	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7.5	4.6	6	
153	240153	001311025723	NGUYỄN HÀ	CHÂU	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	4.6	4.5	
154	240154	022311010244	NGUYỄN MINH	CHÂU	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	3.2	3.25	
155	240155	022311001522	NGUYỄN TRẦN NGỌC	CHÂU	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	6.6	7.25	
156	240156	022311002589	PHẠM BẢO	CHÂU	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5	6.8	4.5	
157	240157	022311004762	TRẦN MINH	CHÂU	10/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.75	8	5	
158	240158	030211007653	TRỊNH MINH	CHÂU	28/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	8.8	8.75	
159	240159	022211009487	VŨ MINH	CHÂU	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6.75	8.2	8.25	
160	240160	022311009733	BÙI VŨ LINH	CHI	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	9.6	5.5	
161	240161	022311008769	ĐINH MẪN	CHI	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	6.2	3.25	
162	240162	022311007115	LÊ HÀ PHƯƠNG	CHI	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	3.6	3	
163	240163	022311000539	LÊ KHÁNH	CHI	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	8	8.6	7.5	
164	240164	022311011458	NGUYỄN HÀ	CHI	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	6.4	4	
165	240165	022311011647	NGUYỄN LINH	CHI	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	4.75	5	2.5	
166	240166	022311000227	NGUYỄN QUỲNH	CHI	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	8.25	8.8	6.5	
167	240167	036311008547	NGUYỄN THỊ LINH	CHI	31/05/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7	9.4	4.5	
168	240168	022311009775	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	CHI	07/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	5.4	3	
169	240169	022311000542	NGUYỄN TRẦN TỐ	CHI	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	7.4	8.25	
170	240170	022311005751	PHẠM LINH	CHI	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8	6.25	
171	240171	022311000711	VŨ KHÁNH	CHI	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	4	3.5	
172	240172	022311004145	VŨ LINH	CHI	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	7.5	7	4.5	
173	240173	001211071614	VŨ ĐỨC	CHUNG	08/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	4	4.5	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
174	240174	022211009120	NGUYỄN LÝ THÀNH	CÔNG	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	7.6	6.75	
175	240175	034211010773	LÊ KIÊN	CƯỜNG	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	5	7.75	
176	240176	064211002537	NGUYỄN CAO	CƯỜNG	13/07/2011	Tỉnh Gia Lai	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7.5	3	7.75	
177	240177	022211005930	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	6	3.75	
178	240178	022311000591	BÙI NGỌC	DIỄM	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.25	2	1	
179	240179	022311003488	BÙI THANH	DIỆP	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.25	8	8.25	
180	240180	022311004818	ĐÀO NGỌC	DIỆP	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	8.6	6	
181	240181	022311003529	ĐÀO NGỌC	DIỆP	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	9	6.5	
182	240182	022311007553	ĐỚI THỊ BÍCH	DIỆP	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	7.2	3.75	
183	240183	022311004307	HOÀNG NGỌC	DIỆP	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	4	5.8	4.75	
184	240184	022311003185	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.8	7	
185	240185	001311039511	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	27/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	8.4	2.25	
186	240186	022311000460	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	4.8	3.25	
187	240187	022311006786	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.75	8.6	5.75	
188	240188	022311005503	NGUYỄN PHƯƠNG	DIỆP	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	7	5.5	
189	240189	022311002014	PHẠM NGỌC	DIỆP	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.25	6.4	6.25	
190	240190	022311007829	PHẠM THỊ NGỌC	DIỆP	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	6.4	4.25	
191	240191	022311008775	PHÙNG NGỌC	DIỆP	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	3.8	2.25	
192	240192	022311006954	ĐỖ NGỌC	DUNG	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	9.2	6.5	
193	240193	022311000105	NGUYỄN THỊ THUỲ	DUNG	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	8	3.5	
194	240194	075211007246	ĐỖ QUANG	DŨNG	15/12/2011	Thành phố Đồng Nai	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	9.4	6.25	
195	240195	022211003273	HOÀNG MẠNH	DŨNG	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	9.6	6	
196	240196	022211008366	HOÀNG TRUNG	DŨNG	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	6.2	5	
197	240197	022211005299	NGUYỄN ANH	DŨNG	26/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	8.8	5.5	
198	240198	001211006059	PHẠM DƯ ĐỨC	DŨNG	27/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	8.2	7	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
199	240199	036211012710	PHẠM TẤN	DŨNG	30/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	7.4	7.5	
200	240200	026211004142	TRẦN VĂN	DŨNG	12/12/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	8.2	7	
201	240201	034211010117	VŨ MINH	DŨNG	12/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	4.8	4.5	
202	240202	022211004338	DƯƠNG KHÁNH	DUY	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	7.8	8	
203	240203	022211012235	ĐẶNG KHÁNH	DUY	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	8.4	4.75	
204	240204	022211003193	LÊ KHÁNH	DUY	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	8.6	7.25	
205	240205	022211004225	LƯƠNG NGỌC	DUY	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	6.8	6.5	
206	240206	022211002728	NGUYỄN VŨ	DUY	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	7.8	5.75	
207	240207	022211009452	TẠ NGUYỄN THỊNH	DUY	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	4.8	4.25	
208	240208	022311003843	ĐÀM MỸ	DUYÊN	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	9	4.75	
209	240209	022311009903	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	9.4	6.75	
210	240210	022311003673	BÙI THUỲ	DƯƠNG	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	9	6.25	
211	240211	022311008035	ĐẶNG THỊ TÙNG	DƯƠNG	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.25	9	6.5	
212	240212	022311002852	HÀ THÙY	DƯƠNG	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	9.25	9.2	9	
213	240213	035311006667	LƯƠNG THÙY	DƯƠNG	18/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	6.6	4.5	
214	240214	022211007943	NGUYỄN HỮU TÙNG	DƯƠNG	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.25	8.6	4.75	
215	240215	022311003957	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	7	6	
216	240216	022211003814	NGUYỄN TÙNG	DƯƠNG	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	8	7.6	5	
217	240217	022311005163	PHẠM NGUYỄN ÁNH	DƯƠNG	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	9	5.75	
218	240218	031211006858	TRẦN ĐỨC	DƯƠNG	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	9.2	6.75	
219	240219	022311001474	TRẦN THÙY	DƯƠNG	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	2.8	4	
220	240220	022311009101	TRẦN THÙY	DƯƠNG	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	8.6	4.25	
221	240221	022211008693	TRƯƠNG TÙNG	DƯƠNG	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.25	4	6.5	
222	240222	022211010442	VŨ TÙNG	DƯƠNG	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	8.2	4.75	
223	240223	034211003705	NGUYỄN QUANG	ĐẠI	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.75	6	2.75	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
224	240224	024211012048	TĂNG QUỐC	ĐẠI	05/01/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	9	7	
225	240225	022211001801	NGUYỄN HỮU	ĐAM	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.25	4.2	7	
226	240226	022311001890	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	ĐAN	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	6.8	4.25	
227	240227	022311003444	PHẠM KHÁNH	ĐAN	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	7	6.75	
228	240228	022211003611	BÙI TIẾN	ĐẠT	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	6.2	5	
229	240229	037211000379	ĐINH HOÀNG	ĐẠT	01/02/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	6.2	2.5	
230	240230	022211013860	ĐỖ VŨ TIẾN	ĐẠT	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.2	8.25	
231	240231	022211012865	LÊ MINH	ĐẠT	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	6.4	7.5	
232	240232	022211006307	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	6.6	5.5	
233	240233	022211012380	TRẦN CAO	ĐẠT	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	10	7.75	
234	240234	024211000593	TRẦN CÔNG HOÀNG	ĐẠT	04/01/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.5	6.6	8.5	
235	240235	022211013851	VŨ THÀNH	ĐẠT	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	8.8	7.25	
236	240236	022211008539	VŨ TIẾN	ĐẠT	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.5	8.8	9.25	
237	240237	036211015309	TRỊNH HẢI	ĐĂNG	05/05/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	10	7.75	
238	240238	022311011465	PHẠM NGỌC	ĐIỆP	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	8.5	6.8	5.25	
239	240239	022211001244	NGUYỄN HỮU PHƯƠNG	ĐÔNG	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	8.4	4.75	
240	240240	022211009518	BÙI TIẾN	ĐỨC	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.25	6.2	4.5	
241	240241	026211003915	ĐÀM MINH	ĐỨC	05/05/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	5.6	5.5	
242	240242	022211011725	ĐẶNG ĐÌNH	ĐỨC	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trọng Điểm	Tiếng Anh	5.75	7.2	7.5	
243	240243	038211012015	HOÀNG MINH	ĐỨC	15/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	3	3.8	1	
244	240244	022211012263	HOÀNG NGHĨA	ĐỨC	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6.75	6.2	4.75	
245	240245	022211003019	LÊ ANH	ĐỨC	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	9	7.5	
246	240246	022211007266	NGUYỄN ANH	ĐỨC	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	9.8	6.25	
247	240247	022211011501	NGUYỄN HỒNG	ĐỨC	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.75	6.2	4.75	
248	240248	022211009893	NGUYỄN MINH	ĐỨC	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.25	4.2	1.5	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
249	240249	022211000566	NGUYỄN NGUYÊN	ĐỨC	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	3.2	3.25	
250	240250	022211000803	NGUYỄN TRẦN ANH	ĐỨC	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6.75	8	7.25	
251	240251	022211003785	NGUYỄN VIỆT	ĐỨC	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	8	5	
252	240252	022211011891	PHẠM MINH	ĐỨC	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	8.4	7.5	
253	240253	022211009684	VŨ ANH	ĐỨC	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	7.2	4.5	
254	240254	022211002561	VŨ MINH	ĐỨC	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	6.8	5.25	
255	240255	022311008295	ĐỖ PHÙNG HƯƠNG	GIANG	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	4.6	3.75	
256	240256	022311000970	LÊ CHÂU	GIANG	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.75	9.4	7.25	
257	240257	022311007972	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.5	8.2	6.5	
258	240258	024311015174	NÔNG HUYỀN	GIANG	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6.5	3.8	5.5	
259	240259	022311001327	PHẠM THỊ HƯƠNG	GIANG	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	6.4	4.5	
260	240260	022311000685	TRẦN HƯƠNG	GIANG	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	9	6	
261	240261	022311006625	TRIỆU HƯƠNG	GIANG	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	7.6	7.5	
262	240262	022311002711	VŨ HƯƠNG	GIANG	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.25	6.6	7.5	
263	240263	022311002284	ĐÀO NGỌC	HÀ	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	6	4.25	
264	240264	022311012141	ĐÀO NGUYỄN NGÂN	HÀ	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	8.2	7	
265	240265	022311009597	ĐẶNG HOÀNG	HÀ	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	6.4	6.5	
266	240266	022311001763	ĐỖ NGỌC	HÀ	24/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	8.2	4.75	
267	240267	025311006345	LÊ PHẠM THANH	HÀ	06/12/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	7.2	6.25	
268	240268	022311012448	NGUYỄN KHÁNH	HÀ	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	9.8	7.75	
269	240269	022311001272	NGUYỄN NGÂN	HÀ	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	9.6	2.5	
270	240270	022311012036	NGUYỄN VŨ THU	HÀ	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.75	4.6	4.75	
271	240271	022311006025	PHẠM KHÁNH	HÀ	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	6.4	3.75	
272	240272	022311010467	PHẠM NGÂN	HÀ	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7.75	8.4	7.75	
273	240273	022311006343	PHAN DIỆU	HÀ	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.4	5.5	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
274	240274	022211013293	TRẦN ĐÔNG	HÀ	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	8.2	7.5	
275	240275	034311002247	TRẦN SONG	HÀ	08/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	10	8	
276	240276	022311012185	TRẦN THANH	HÀ	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	9	7.5	
277	240277	022311006237	TRẦN THU	HÀ	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	6	5	
278	240278	022211001290	ĐỖ TRÍ	HẢI	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	7.8	7	
279	240279	022211006987	HOÀNG MINH	HẢI	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	7	4.75	
280	240280	022211005861	NGUYỄN LONG	HẢI	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	9.2	7.5	
281	240281	022211005752	NGUYỄN VĂN	HẢI	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	3.4	3.5	
282	240282	022211004314	TRƯƠNG XUÂN	HẢI	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	9.6	7.75	
283	240283	033311003894	ĐẶNG NGỌC	HÂN	20/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	9.8	7.5	
284	240284	022311009038	LƯU GIA	HÂN	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	8	3.75	
285	240285	022311000655	NGUYỄN BẢO	HÂN	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	8	4.5	
286	240286	022311011706	NGUYỄN NGỌC	HÂN	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	7	5.75	
287	240287	022311009504	PHAN KHÁNH	HÂN	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	3.8	3.5	
288	240288	022311008694	PHÙNG BẢO	HÂN	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	8.4	5.75	
289	240289	033311011085	QUÁCH THỊ BẢO	HÂN	03/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	9.6	8.5	
290	240290	022311001793	THÁI HIẾU	HÂN	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	5.5	4.2	4.25	
291	240291	038311032321	TRỊNH GIA	HÂN	12/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.75	9.4	7	
292	240292	022311009431	NGUYỄN HẢI	HẬU	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	7.2	6.25	
293	240293	022311012286	ĐẶNG THU	HIỀN	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	7.6	6.25	
294	240294	034311006178	PHẠM THỊ MINH	HIỀN	26/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	5.8	5.5	
295	240295	022211009933	NGUYỄN HOÀNG	HIỆP	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	7.6	4.75	
296	240296	022211012841	TÔ TIẾN	HIỆP	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.25	7	2.75	
297	240297	034211017511	ĐÀO DUY	HIẾU	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	6.2	5	
298	240298	022211001263	LÊ MINH	HIẾU	24/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.5	6.4	4.75	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
299	240299	034211002150	NGUYỄN HỮU MINH	HIẾU	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	6.8	5.25	
300	240300	022211002818	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	9	6.5	
301	240301	022211008276	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	3.75	5.6	7	
302	240302	022211003159	PHẠM DUY	HIẾU	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	5.8	6.75	
303	240303	022211010335	PHẠM TRUNG	HIẾU	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4	4.6	2.75	
304	240304	022211007809	PHẠM TRUNG	HIẾU	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	1.75	2.2	0.25	
305	240305	022211003887	TRẦN MINH	HIẾU	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	4.5	5.6	6.25	
306	240306	022211012610	VŨ LÊ	HIẾU	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	9	7.75	
307	240307	022211009524	VŨ NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	5.8	8.5	
308	240308	022211006028	VŨ TRUNG	HIẾU	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Lê Văn Tám	Tiếng Anh	5.25	4.6	3.75	
309	240309	033311012175	NGUYỄN THỊ	HOA	27/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.25	4.4	3	
310	240310	034311011703	PHẠM MINH	HÒA	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	8.6	6.5	
311	240311	046311000359	PHẠM THỊ NGỌC	HÒA	18/11/2011	Thành phố Huế	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	8.6	6	
312	240312	022211009216	TÔ HOÀNG	HOAN	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	9.4	7.5	
313	240313	022211012093	ĐẶNG QUANG	HOÀN	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	4.6	6	
314	240314	022211002869	LÊ	HOÀNG	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	8	8	
315	240315	022211005297	NGUYỄN HUY	HOÀNG	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6	4.2	4.5	
316	240316	022211006574	NGUYỄN HƯNG	HOÀNG	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	6.8	4.75	
317	240317	022311011449	ĐỖ THỊ ÁNH	HỒNG	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	7.8	6	
318	240318	030211001890	BÙI THIÊN	HÙNG	16/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	5.4	3.25	
319	240319	022211012748	NGUYỄN HÀO	HÙNG	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	6.4	5	
320	240320	022211005816	ĐINH GIA	HUY	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	4.6	6	
321	240321	022211001125	ĐINH QUANG	HUY	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	8.2	7.25	
322	240322	022211002127	LƯƠNG TRƯỜNG	HUY	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	8.2	7.25	
323	240323	022211002889	NGUYỄN GIA	HUY	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	9.4	8.5	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
324	240324	022211001304	NGUYỄN MINH	HUY	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
325	240325	022211003018	NGUYỄN NGỌC	HUY	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.25	7	6.5	
326	240326	030211010747	PHẠM ĐỨC	HUY	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	4.6	3.5	
327	240327	022211011892	TRẦN GIA	HUY	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	6	6	
328	240328	022211005049	TRẦN QUANG	HUY	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6.5	7.8	7.75	
329	240329	022211006612	TRẦN QUANG	HUY	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	6.4	7.25	
330	240330	022211011754	TRẦN VĂN	HUY	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4	6.6	5	
331	240331	022211000692	VŨ GIA	HUY	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	7.8	6	
332	240332	022211011417	VŨ QUANG	HUY	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	7	6.25	
333	240333	022311001427	BÀNG KHÁNH	HUYỀN	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	8.2	4.25	
334	240334	031311009218	NGÔ THỊ KHÁNH	HUYỀN	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	9	5.25	
335	240335	022311005579	NGUYỄN MINH	HUYỀN	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	6.8	5.5	
336	240336	022311003111	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6.75	7.4	5	
337	240337	022311001718	PHẠM THANH	HUYỀN	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	7.4	5.5	
338	240338	022311003530	TRẦN PHƯƠNG	HUYỀN	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	7	3.5	
339	240339	022311009886	VŨ NGỌC	HUYỀN	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4	3.4	4	
340	240340	022211002223	ĐINH GIA	HUỲNH	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.25	6.6	4.25	
341	240341	022211007743	DƯƠNG TRUNG	HƯNG	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	9.6	8	
342	240342	022211004510	ĐÀO AN	HƯNG	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	9.6	7.25	
343	240343	022211000813	ĐÀO KHÁNH	HƯNG	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	3.5	3.2	0.75	
344	240344	022211012248	ĐẶNG MINH	HƯNG	27/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7.5	8.8	8.5	
345	240345	022211000651	ĐINH THẾ	HƯNG	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	9.6	8.5	
346	240346	022211009986	NGUYỄN GIA	HƯNG	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	7.4	5.75	
347	240347	022211006012	NGUYỄN LÊ GIA	HƯNG	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	6	1.5	
348	240348	022211008073	NGUYỄN TUẤN	HƯNG	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	5.5	7.8	8.5	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
349	240349	022211000548	PHẠM THẾ	HƯNG	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	7.2	6.75	
350	240350	022211008680	THÁI GIA	HƯNG	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	10	4.75	
351	240351	035311007896	ĐÀO LÊ NGUYÊN	HƯƠNG	10/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	5	4.25	
352	240352	022311011880	ĐẶNG NGUYỄN DIỆU	HƯƠNG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	9	9.8	6.75	
353	240353	022311013774	LÊ THU	HƯƠNG	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	6.2	6.5	
354	240354	022311012375	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	8.4	6	
355	240355	036311001535	NGUYỄN THU	HƯƠNG	05/10/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	7.2	4.75	
356	240356	022211012077	NGUYỄN NAM	KHẢI	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4	6.6	4.75	
357	240357	031211003861	ĐẶNG THẾ	KHANG	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	9.2	4.75	
358	240358	022211004296	HÀ HUY ĐỨC	KHANG	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	3.25	5.4	3.5	
359	240359	022311000468	ĐẶNG NGÂN	KHÁNH	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	7.8	6.75	
360	240360	037211012236	ĐINH NGỌC GIA	KHÁNH	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.5	6.4	6.75	
361	240361	022311001729	LƯƠNG VŨ NGỌC	KHÁNH	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	5.6	3.75	
362	240362	022211009926	LÝ NAM	KHÁNH	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	7.4	8.75	
363	240363	036211003423	MAI DUY	KHÁNH	30/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7	8.6	7.75	
364	240364	026211010796	NGUYỄN DUY	KHÁNH	12/08/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	5.8	6.5	
365	240365	022211007358	NGUYỄN HOÀNG GIA	KHÁNH	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.25	5.8	4.75	
366	240366	022311004052	NGUYỄN NGÂN	KHÁNH	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	8.5	8.4	7	
367	240367	922000000001	HỨA ĐÌNH	KHIẾT	14/07/2011	Nước ngoài	Nữ	ời nước n	THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	7.2	5.75	
368	240368	022211001884	PHẠM VŨ ĐĂNG	KHOA	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5	4.8	4.5	
369	240369	022211000430	CAO TRỌNG	KHÔI	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.75	7	5	
370	240370	022211001154	HÀ TUẤN	KHÔI	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6.75	9.4	4	
371	240371	022211006051	NGUYỄN TRỌNG	KHÔI	23/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	9.2	8.25	
372	240372	040211000760	PHAN	KHÔI	28/10/2011	Tỉnh Nghệ An	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	9	4.5	
373	240373	022211000376	VŨ ANH	KHÔI	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	8	6	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
374	240374	034311019677	NGUYỄN VŨ MINH	KHUÊ	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	7.4	3.75	
375	240375	022211009275	ĐOÀN MẠNH	KIÊN	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	7	5.25	
376	240376	022211006170	PHẠM TRÍ	KIÊN	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.75	4.8	3.75	
377	240377	022210000801	ĐỖ TẤN	KIỆT	04/08/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	0.75	2.8	1.75	
378	240378	022211013655	NGUYỄN DUY	KIỆT	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	4.75	8.6	5.5	
379	240379	022211006128	NGUYỄN MINH	KIỆT	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	10	5.75	
380	240380	030311010873	NGUYỄN THIÊN	KIM	14/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	6.8	7	
381	240381	022311012780	VƯƠNG TRÚC	LAM	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.25	6.2	4	
382	240382	034311001664	TRẦN HUYỀN	LAN	14/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.5	7.8	7	
383	240383	022311012984	ĐINH BẢO	LÂM	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	7	8.2	7.5	
384	240384	022211000454	LÝ QUẾ	LÂM	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	5.75	7.8	4.75	
385	240385	036211016601	NGUYỄN ĐẠI TÙNG	LÂM	19/03/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	8	5.25	
386	240386	022211010320	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	LÂM	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	9.8	8.25	
387	240387	031211006386	NGUYỄN THÀNH	LÂM	19/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	7.8	5.75	
388	240388	022211004261	PHAN TÙNG	LÂM	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	9.8	6.5	
389	240389	031311012408	VŨ NGỌC	LÂM	23/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	8	5.25	
390	240390	022211000066	NGUYỄN QUỐC	LÂN	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	5	4.75	
391	240391	022311003057	NGUYỄN HỒNG	LIÊN	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	6.2	4.5	
392	240392	022311000557	BÙI GIA	LINH	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK Academy	Tiếng Anh	6.25	5.6	3.75	
393	240393	022311008102	BÙI NGỌC	LINH	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	5.2	3.75	
394	240394	022311010164	BÙI PHƯƠNG	LINH	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7	7.2	7.5	
395	240395	022311003965	BÙI PHƯƠNG	LINH	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	8.2	6.75	
396	240396	022311005586	BÙI THUỲ	LINH	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	7.6	7	
397	240397	022311002247	CAO HÀ	LINH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	6.2	5.25	
398	240398	022311002227	ĐẶNG THÙY	LINH	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6.25	5.2	5.75	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
399	240399	022311003743	ĐỖ BẢO	LINH	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	7.6	7.5	
400	240400	022311012804	ĐỖ DIỆU	LINH	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	4.5	4	6	
401	240401	022311001503	ĐỖ HÀ	LINH	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	5.75	5.8	4	
402	240402	022311002039	ĐỖ KHÁNH	LINH	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	6.6	3.75	
403	240403	022311004143	HOÀNG THU	LINH	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	5.6	4	
404	240404	040311036912	HOÀNG THÙY	LINH	26/09/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	8.8	7.5	
405	240405	022311011271	HOÀNG VŨ GIA	LINH	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	8.4	3.25	
406	240406	022311012263	LÊ MAI PHƯƠNG	LINH	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	9.4	6.75	
407	240407	022311009756	LÊ PHƯƠNG	LINH	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.5	8.8	8.25	
408	240408	022311006695	LÊ THÙY	LINH	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	8.8	7.5	
409	240409	022311009146	LƯU TRẦN KHÁNH	LINH	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	8.4	4.75	
410	240410	022311003438	NGÔ NGỌC BẢO	LINH	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	9	5.25	
411	240411	022311004004	NGUYỄN HÀ	LINH	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	3.4	2	
412	240412	022311002460	NGUYỄN HÀ	LINH	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	9	8.25	
413	240413	022311005986	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	LINH	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	5	4.8	6	
414	240414	022310009512	NGUYỄN KHÁNH	LINH	22/08/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	5.25	7.8	5.25	
415	240415	022311002117	NGUYỄN NHÃ	LINH	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	8	6	
416	240416	022311004947	NGUYỄN PHẠM HÀ	LINH	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	8.4	7.5	
417	240417	022311004501	NGUYỄN THỊ HÀ	LINH	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.25	5.6	3.75	
418	240418	022311012979	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6	3.2	5	
419	240419	030311013383	PHẠM KHÁNH	LINH	24/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	5.6	5.5	
420	240420	022311007542	PHẠM MAI	LINH	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	9.2	6.25	
421	240421	022311007095	PHẠM THỊ PHƯƠNG	LINH	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.25	9.4	5.75	
422	240422	022311004613	PHẠM THÙY	LINH	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8	5	
423	240423	034311015879	TRẦN THỊ KHÁNH	LINH	05/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	1.5	4.2	5.25	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
424	240424	022311010567	TRỊNH KHÁNH	LINH	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	9.2	6.75	
425	240425	034311000383	VŨ BẢO	LINH	14/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	7.6	5.25	
426	240426	036311004578	VŨ DIỆU	LINH	27/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	3.2	3.75	
427	240427	022311006649	VŨ PHƯƠNG	LINH	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	7.4	5.5	
428	240428	022211009540	ĐỖ ĐỨC	LONG	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.25	3.6	1.25	
429	240429	022211006606	NGUYỄN ĐỒNG HẢI	LONG	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	7	4.75	
430	240430	030211001806	NGUYỄN MINH	LONG	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	8.8	7.75	
431	240431	022211011726	NGUYỄN THÀNH	LONG	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	8.8	7.25	
432	240432	030211000527	NGUYỄN VÂN	LONG	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5	9	6.25	
433	240433	022211000522	NGUYỄN VIỆT	LONG	15/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	7.2	7.25	
434	240434	033211006323	TRẦN ĐỨC	LONG	29/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	5.8	6.5	
435	240435	037211005299	TRƯƠNG HẢI	LONG	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	5.4	6.5	
436	240436	022211013301	VŨ ĐỨC	LONG	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	3.75	5.2	3.5	
437	240437	022311003612	BÙI THỊ	LUYẾN	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	7	4	
438	240438	022311008937	NGUYỄN DIỆU	LY	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	4.6	4.25	
439	240439	022311005855	NGUYỄN HƯƠNG	LY	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.6	5.75	
440	240440	022311013713	NGUYỄN HƯƠNG	LY	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	3.8	2	
441	240441	022311008604	TRẦN NGỌC	LY	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	5.5	9.2	4.75	
442	240442	022311010371	VÕ KHÁNH	LY	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	8.2	6.5	
443	240443	022311006934	ĐÀO NGỌC	MAI	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	7.4	6	
444	240444	030311009489	ĐÀO XUÂN	MAI	25/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	6.2	4.75	
445	240445	035311009257	LÊ THỊ QUỲNH	MAI	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	3.6	4	
446	240446	034311001732	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	MAI	17/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	8.8	5.25	
447	240447	040311025579	NGUYỄN NGỌC THANH	MAI	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	6.8	4.75	
448	240448	022311010612	NGUYỄN THỊ TRÚC	MAI	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	6.4	5	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
449	240449	022311011399	PHẠM UYÊN	MAI	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	7.2	5	
450	240450	022211004070	ĐỖ ĐỨC	MẠNH	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	8	6	
451	240451	022211005035	HOÀNG ĐỨC	MẠNH	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	8.2	3.75	
452	240452	022211009767	PHẠM ĐỨC	MẠNH	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	1.25	3.2	1.75	
453	240453	022211001875	PHAN ĐỨC	MẠNH	12/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	8.8	5.5	
454	240454	022211005463	TRẦN ĐỨC	MẠNH	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	8.8	4.5	
455	240455	001311038833	HOÀNG NGUYÊN	MÂY	06/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	8	8.4	7.25	
456	240456	022311003368	HOÀNG THẢO	MI	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	6.8	4.75	
457	240457	022311000419	NGUYỄN GIA	MĨ	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	9.6	7.5	
458	240458	022211000528	BÙI CÔNG	MINH	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	9.6	7	
459	240459	022211005436	BÙI ĐỨC	MINH	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.75	9.4	9	
460	240460	001211043310	BÙI TUẤN	MINH	19/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	8.8	6.25	
461	240461	022211000572	ĐÀO ĐỨC	MINH	04/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	8.4	8.75	
462	240462	022211002588	ĐẶNG GIA	MINH	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	7.6	6.5	
463	240463	022211011664	ĐINH QUANG	MINH	21/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	5.4	3.25	
464	240464	022211009719	ĐOÀN TUẤN	MINH	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	9.4	7.25	
465	240465	022211008927	ĐỒNG HIẾU	MINH	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	5.6	4.25	
466	240466	022211002438	LÊ ANH	MINH	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	7.8	4.5	
467	240467	022211002197	LÊ	MINH	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	9.4	6.75	
468	240468	022211000586	NGUYỄN ĐỨC	MINH	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	5.8	5.25	
469	240469	022211008163	NGUYỄN HOÀNG	MINH	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	6	7	
470	240470	034211006404	NGUYỄN HỮU QUANG	MINH	07/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	5.4	6.25	
471	240471	022311005488	NGUYỄN MINH	MINH	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.75	6.6	6.75	
472	240472	022311011867	NGUYỄN NGỌC GIA	MINH	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	7.2	6	
473	240473	027211007609	NGUYỄN QUANG	MINH	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	8	9	7.75	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
474	240474	022211009385	NGUYỄN QUANG	MINH	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	8	7	
475	240475	024211000729	NGUYỄN TIẾN	MINH	17/09/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	10	8.25	
476	240476	022211005053	NGUYỄN VŨ HOÀNG	MINH	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	8.6	9	
477	240477	022311013093	NHỮ NGUYỆT	MINH	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	7.8	7.75	
478	240478	022211002236	PHẠM ANH	MINH	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	7.8	7.25	
479	240479	022211005438	PHẠM GIA	MINH	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	6.8	6.25	
480	240480	022211012778	TÔ ANH	MINH	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.75	7.2	5	
481	240481	022211004072	TÔ TIẾN	MINH	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	9.6	7.5	
482	240482	022211002712	TRẦN TUỆ	MINH	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.75	4.8	3.5	
483	240483	022211013088	VŨ DUY	MINH	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	5.8	5.25	
484	240484	022211009336	VŨ ĐỨC	MINH	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long	Tiếng Anh	6	8.4	4.5	
485	240485	022211002837	VŨ ĐỨC	MINH	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.5	8.6	6.25	
486	240486	022211014107	VŨ LÊ NHẬT	MINH	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	7.4	7.75	
487	240487	022211014749	VŨ TIẾN	MINH	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	6.6	4.75	
488	240488	035311003951	HOÀNG HÀ	MY	23/03/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	8.2	4.25	
489	240489	022311012631	KIỀU UYỂN	MY	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	7	4.75	
490	240490	022311009310	LƯƠNG HÀ	MY	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	8.4	7	
491	240491	022311002471	NGÔ HOÀNG HÀ	MY	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	9.2	8.5	
492	240492	022311004508	NGUYỄN ÁNH TRÀ	MY	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.75	9.4	6.75	
493	240493	022311000511	NGUYỄN NGỌC TRÀ	MY	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	9	8	
494	240494	022311004747	NGUYỄN THỊ HÀ	MY	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	9.6	4	
495	240495	034311010790	PHẠM HÀ	MY	23/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.2	6.25	
496	240496	022311005413	TRẦN HÀ	MY	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	8	5.25	
497	240497	022311007213	TRẦN THẢO	MY	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.75	5.4	4	
498	240498	022311005332	TRẦN TRÀ	MY	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	4.6	3	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
499	240499	030311016694	NGUYỄN NGỌC	MỸ	22/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	4.25	5.4	3.75	
500	240500	022211000545	BÙI BẢO	NAM	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	9.4	6.25	
501	240501	022211010077	BÙI LÊ BẢO	NAM	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	6.2	4.5	
502	240502	022211007623	HOÀNG BẢO	NAM	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	9.4	7.25	
503	240503	022211012345	LÃ HẢI	NAM	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	8.4	5.5	
504	240504	022211006780	LÊ BẢO	NAM	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.25	8.6	4.5	
505	240505	022211006781	LÊ HẢI	NAM	05/06/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	9.8	6.25	
506	240506	022211002414	LÊ HẢI	NAM	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.5	9.4	5.5	
507	240507	022211010501	NGÔ TÙNG	NAM	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7.25	5.8	7.25	
508	240508	022211011174	NGUYỄN BÌNH	NAM	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	7.4	6.25	
509	240509	027211013645	NGUYỄN HẢI	NAM	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	6.6	6.75	
510	240510	022211007210	NGUYỄN KHÁNH	NAM	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	8.8	5.5	
511	240511	022211001973	NGUYỄN NHẬT	NAM	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	7.8	8.5	
512	240512	022211003332	NGUYỄN NHẬT	NAM	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	9.2	8.25	
513	240513	022211000588	NGUYỄN THÁI	NAM	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5	8.2	5.25	
514	240514	022211005138	PHẠM BẢO	NAM	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	9.4	7.75	
515	240515	034211002946	PHẠM TRUNG	NAM	23/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	9.8	9.5	
516	240516	022211006842	TRỊNH HẢI	NAM	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK Academy	Tiếng Anh	4.5	9.4	3.5	
517	240517	022211002966	VŨ HẢI	NAM	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	6.4	4.25	
518	240518	027311006803	NGUYỄN THỊ	NGA	19/08/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	5.2	4.25	
519	240519	022311003958	PHẠM LINH	NGA	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	9	7.6	5.5	
520	240520	022311011393	TRẦN LINH	NGA	21/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.75	4.8	6.25	
521	240521	022311002530	TRỊNH THỊ	NGA	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	9.6	5.75	
522	240522	022311001854	ĐỖ THU	NGÂN	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	8.6	8	
523	240523	022311004974	NGUYỄN KIM	NGÂN	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	7	6.75	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
524	240524	022311002699	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NGÂN	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	5.6	5.25	
525	240525	022311010573	PHẠM BẢO	NGÂN	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	9.4	6.25	
526	240526	022311002012	PHẠM BẢO	NGÂN	24/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	8	6.25	
527	240527	014311005561	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	14/08/2011	Tỉnh Sơn La	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6.5	5	5.5	
528	240528	022311009573	PHẠM THỊ TÂM	NGÂN	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	5.6	2.5	
529	240529	030311018271	PHẠM THU	NGÂN	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	7.4	6.25	
530	240530	022211004272	NGUYỄN HỮU	NGHĨA	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	8.8	6	
531	240531	022211005734	NGUYỄN TUẤN	NGHĨA	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	9.6	8.5	
532	240532	022211013269	VŨ NGUYỄN GIA	NGHĨA	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	8.6	7	
533	240533	022311010649	ĐẶNG MINH	NGỌC	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	9.4	6.5	
534	240534	022311003347	ĐINH THỊ HỒNG	NGỌC	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	9.6	4.25	
535	240535	022311010934	ĐỖ BẢO	NGỌC	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	5.4	6.5	
536	240536	022311001054	HOÀNG BẢO	NGỌC	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6.75	2.8	3.75	
537	240537	022311001485	NGUYỄN BẢO	NGỌC	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Văn Thuộc	Tiếng Anh	7.5	5	6.75	
538	240538	022311000040	NGUYỄN BẢO	NGỌC	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	6	3.25	
539	240539	022311011056	NGUYỄN BẢO	NGỌC	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	6.4	3.75	
540	240540	022311005322	NGUYỄN BẢO	NGỌC	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	5.2	3.75	
541	240541	022311007007	NGUYỄN BẢO	NGỌC	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.4	5	
542	240542	030211004314	NGUYỄN HẢI	NGỌC	22/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.5	3.8	2.25	
543	240543	022311008782	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	6.8	5.25	
544	240544	022311010127	NGUYỄN PHẠM BẢO	NGỌC	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	5.4	3.25	
545	240545	022311005864	NGUYỄN THÁI BẢO	NGỌC	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	6.6	4.5	
546	240546	022311011112	NGUYỄN THỊ	NGỌC	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	5	7	
547	240547	022311004717	NGUYỄN VI KHÁNH	NGỌC	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.5	4.6	3.75	
548	240548	034311012338	PHẠM BẢO	NGỌC	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	6.2	5.5	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
549	240549	022211007490	PHẠM MINH	NGỌC	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	9.4	5.75	
550	240550	036311013364	TRỊNH THỊ BÍCH	NGỌC	19/10/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	4	4	
551	240551	022311000532	VŨ BẢO	NGỌC	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	5.8	5.75	
552	240552	022311006929	VŨ BẢO	NGỌC	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	6.2	3	
553	240553	022311007464	VŨ LÊ BẢO	NGỌC	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK Academy	Tiếng Anh	7	6.6	5	
554	240554	022311000508	VŨ THỊ BÍCH	NGỌC	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	8	4.5	
555	240555	022211003503	ĐỖ KHÔI	NGUYÊN	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	7	8	
556	240556	034211012863	LÂM THẾ BẢO	NGUYÊN	19/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	2.75	3.8	2.25	
557	240557	022311010348	MAI PHƯƠNG	NGUYÊN	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	7.6	6.5	
558	240558	022211007786	NGUYỄN ĐỨC	NGUYÊN	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	8.6	7.5	
559	240559	033211004412	NGUYỄN KHÁNH	NGUYÊN	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	6	5.25	
560	240560	034311003629	NGUYỄN THỊ HẠNH	NGUYÊN	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	7	7.5	
561	240561	022211000549	PHẠM AN	NGUYÊN	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	7.4	4.5	
562	240562	022211013254	PHẠM VŨ TRÍ	NGUYÊN	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	6	2.75	
563	240563	022211009133	CAO VŨ PHÚC	NHÂN	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	8.4	8.75	
564	240564	022211004640	MAI MINH	NHẬT	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	8.4	7.5	
565	240565	022311011916	ĐẶNG YẾN	NHI	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	6	4	
566	240566	022311005878	HOÀNG NGUYỄN YẾN	NHI	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	4.4	4	
567	240567	022311011374	HOÀNG PHƯƠNG	NHI	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.75	5.4	4.5	
568	240568	034311005128	LÊ PHẠM BẢO	NHI	31/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	6.2	4.5	
569	240569	067311000159	MAI THỊ YẾN	NHI	15/12/2011	Tỉnh Lâm Đồng	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	2.8	3.25	
570	240570	022311007113	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	NHI	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	9	7	
571	240571	034311000236	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	NHI	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.4	7.5	
572	240572	022311000890	NGUYỄN NGỌC BẢO	NHI	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7	6.4	7.25	
573	240573	022311005356	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	8.5	9.6	7.5	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
574	240574	022311012437	NGUYỄN THẢO	NHI	31/05/2011	Thành phố Đà Nẵng	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	3.6	5.5	
575	240575	034311000371	NGUYỄN THỊ HIỀN	NHI	05/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.8	7.5	
576	240576	022311012755	PHẠM BẢO	NHI	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	6.6	6	
577	240577	022311009010	VŨ PHƯƠNG	NHI	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	7	8	4.75	
578	240578	022211000758	TRẦN HÀ	NHIÊN	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	7.6	4.25	
579	240579	022311004203	ĐOÀN CẨM	NHUNG	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	9.8	5	
580	240580	004311005089	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	21/11/2011	Tỉnh Cao Bằng	Nữ	Tày	THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	6	4.75	
581	240581	004311005303	NỊNH NGỌC	NHUNG	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chi	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	8.6		Toán: vắng thi
582	240582	022311006689	CAO UYÊN	NHƯ	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Văn Lang	Tiếng Anh	5	5.2	4.5	
583	240583	022311006880	PHẠM KHIẾT	NHƯ	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	8	8.4	8.25	
584	240584	022211005488	TRẦN HẢI	NINH	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	9.8	5.5	
585	240585	022311002580	VŨ HẢI	NINH	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	9	8	
586	240586	022311002601	NGUYỄN NGỌC	OANH	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.2	7.25	
587	240587	022211004025	BÙI NAM	PHONG	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.5	6	5.75	
588	240588	030211014974	ĐẶNG MINH	PHONG	30/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	7.8	5	
589	240589	030211003203	ĐOÀN CHẤN	PHONG	13/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.25	8	5	
590	240590	022211006322	ĐOÀN NAM	PHONG	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	9.8	7.5	
591	240591	022211006175	ĐỖ NAM	PHONG	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	9	6	
592	240592	022211004734	HOÀNG NAM	PHONG	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	8.4	7.25	
593	240593	038211010698	LÊ NGUYÊN	PHONG	17/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	7.4	7.75	
594	240594	022211001471	LÊ VŨ	PHONG	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	8.2	5.5	
595	240595	022211003942	NGUYỄN TRƯỜNG	PHONG	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	4.6	5.25	
596	240596	022211011828	PHẠM NAM	PHONG	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	8.2	6.75	
597	240597	022211002425	PHÙNG NHẬT	PHONG	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	7.6	6.25	
598	240598	022211001419	TRẦN MINH	PHONG	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	2.25	5	2.5	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
599	240599	022211001258	TRẦN NGUYÊN	PHONG	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	10	7	
600	240600	036211015004	TRƯƠNG HUY	PHONG	08/04/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	7.4	7.75	
601	240601	022211004498	VŨ ĐỨC	PHONG	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	8.6	9	
602	240602	022211012490	VŨ NAM	PHONG	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	8	6.75	
603	240603	034211006354	VŨ NGỌC HẢI	PHONG	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	3.4	5.5	
604	240604	022211011494	TRẦN TRỌNG	PHÚ	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.25	9.4	8.25	
605	240605	031311002758	VŨ THỊ MAI	PHÚ	22/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	3.4	5	
606	240606	022211010397	BÙI THÀNH BẢO	PHÚC	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	8.25	7.4	8.25	
607	240607	034211004910	ĐÀO HOÀNG	PHÚC	30/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	2.6	4.5	
608	240608	034211001148	LÊ XUÂN	PHÚC	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	8.2	6	
609	240609	022211008528	LƯU MINH	PHÚC	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	3.4	7.5	
610	240610	026211006117	NGUYỄN DUY	PHÚC	07/07/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	9.6	9	
611	240611	022211000466	NGUYỄN ĐÌNH	PHÚC	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	3	6.75	
612	240612	022211006312	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	9.2	5	
613	240613	030211019500	NGUYỄN THÀNH GIA	PHÚC	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	8.8	5	
614	240614	022211000830	NGUYỄN THÀNH	PHÚC	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	9.6	5.5	
615	240615	022211007440	TẠ MINH	PHÚC	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	9.6	6.25	
616	240616	022211007796	CAO THIỆN	PHƯỚC	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	7.6	6.75	
617	240617	001311058467	LÂM THÚY	PHƯƠNG	19/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	3.8	5.25	
618	240618	031311017633	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	6.4	3.5	
619	240619	022311009642	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.25	9	4.75	
620	240620	022310002338	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	22/12/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	5.4	3.75	
621	240621	022311006349	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	2.4	3.5	
622	240622	036311009101	PHẠM DANH	PHƯƠNG	13/06/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6.5	3.8	5	
623	240623	034311011340	TẠ THU	PHƯƠNG	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	4	5.25	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
624	240624	022311013779	TRỊNH MINH	PHƯƠNG	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	7.8	6.25	
625	240625	022211004696	DOÃN MINH	QUANG	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	4.2	4.25	
626	240626	092211000161	ĐÀO ĐĂNG	QUANG	28/11/2011	Thành phố Cần Thơ	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	9.4	8.5	
627	240627	022211005822	NGUYỄN MINH	QUANG	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	3.2	8	
628	240628	022211006418	NGUYỄN NHẬT	QUANG	16/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	8.4	8.25	
629	240629	022211007209	NGUYỄN VŨ MINH	QUANG	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	6.4	4.75	
630	240630	036211018338	PHẠM VINH	QUANG	05/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.25	7	6.75	
631	240631	040211017265	NGÔ PHÚC TRUNG	QUÂN	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	9.2	8	
632	240632	022211007155	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6	7	8	
633	240633	022211011345	VŨ ANH	QUÂN	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	7	8.25	
634	240634	022311003609	LƯƠNG THỤC	QUYÊN	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	8.4	7.25	
635	240635	022311008396	LƯU VY THỤC	QUYÊN	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	8.5	8.8	4.75	
636	240636	022211004641	LÊ ĐỨC	QUYỀN	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.25	5.8	1	
637	240637	022311004706	LÊ NHƯ	QUỲNH	12/08/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	7.5	6.6	3	
638	240638	017311001296	NGUYỄN LÊ DIỄM	QUỲNH	21/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	8.4	6	
639	240639	022311000598	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	8	6.75	
640	240640	024311006431	NGUYỄN THỊ THU	SANG	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	4.8	0.5	
641	240641	022211011838	ĐỖ TRƯỜNG	SƠN	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	4.4	2	
642	240642	022211000180	NGUYỄN HẢI	SƠN	19/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
643	240643	022211014004	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	SƠN	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	7.6	6	
644	240644	022211004387	PHẠM HẢI	SƠN	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	8.4	8.25	
645	240645	022211007182	VŨ THÁI	SƠN	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	8.6	7.75	
646	240646	022311004812	TRIỆU ĐỖ LÂM	SƯƠNG	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	9	6	
647	240647	034211016994	NGUYỄN ĐỨC	TÀI	24/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	5.75	7.4	7	
648	240648	034211001694	NGUYỄN THẾ	TÀI	17/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	8.2	5.5	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
649	240649	022311003549	LÊ THỊ NGỌC	TÂM	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	6.2	4.5	
650	240650	037311004397	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	01/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	7	7	
651	240651	022211012612	HOÀNG NGUYỄN ĐỨC	THÁI	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	5.8	8	
652	240652	022311009933	ĐỖ THỊ THANH	THANH	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	6.2	4.75	
653	240653	022211008205	NGUYỄN DUY	THANH	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.5	6.2	4.5	
654	240654	030311010700	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THANH	08/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	7.8	7.25	
655	240655	022211007128	LÊ ĐỨC	THÀNH	15/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	8.6	8.5	
656	240656	034211010621	NGÔ TIẾN	THÀNH	21/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	9.2	8.5	
657	240657	022211011509	NGÔ TUẤN	THÀNH	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	9	6.25	
658	240658	022211005503	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	30/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	8.6	7.5	
659	240659	022211010411	NGUYỄN XUÂN	THÀNH	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	8.8	5.5	
660	240660	022311001118	BÙI PHƯƠNG	THẢO	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	8.8	4.25	
661	240661	022311013102	ĐẶNG LÊ PHƯƠNG	THẢO	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	8.8	6.25	
662	240662	031311010443	HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	8	4.75	
663	240663	022311005610	LÊ BÁCH	THẢO	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.6	5	
664	240664	034311000105	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	27/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	7	4.75	
665	240665	031311012830	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	8.2	4.75	
666	240666	022311004981	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	9	5.75	
667	240667	025311012386	NGUYỄN THU	THẢO	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	2.2	3	
668	240668	022311002392	NGUYỄN XUÂN	THẢO	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	6.2	4.5	
669	240669	022311002402	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.25	5.8	5.75	
670	240670	022311004737	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	6	4.75	
671	240671	022211001928	ĐOÀN HỮU TOÀN	THẮNG	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	6.8	8.5	
672	240672	022211007750	NGUYỄN HỮU	THẮNG	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	8	8.5	
673	240673	022211001517	PHẠM QUANG	THẮNG	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	3.75	7.8	2.75	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
674	240674	033211005225	PHAN MẠNH	THẮNG	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	7.8	9	
675	240675	022211000748	HOÀNG CHÍ	THIỆN	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	8	4.75	
676	240676	022211008777	NGUYỄN ĐỨC	THIỆN	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	9.4	5	
677	240677	034211016797	NGUYỄN HỮU	THIỆN	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	8.8	4.5	
678	240678	022211012618	NGUYỄN NGỌC	THIỆN	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	9.8	6.5	
679	240679	022211003178	NGUYỄN BÁ	THỊNH	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.25	9	6	
680	240680	022211012161	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.25	8	7.5	
681	240681	022211001044	TRẦN HUY	THỊNH	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	7.2	8.25	
682	240682	022211007548	VƯƠNG THẾ	THỊNH	11/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	5.6	4	
683	240683	022211010545	TRẦN QUANG	THỌ	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5.75	4	5	
684	240684	022311009952	ĐỒNG MINH	THU	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	8	6	8.25	
685	240685	033311005898	PHAN THỊ PHƯƠNG	THU	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	7.4	7.75	
686	240686	030311006320	PHẠM THU	THUỶ	01/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	6.2	4	
687	240687	022311013680	LÊ PHƯƠNG	THÙY	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	8	4.25	
688	240688	022311007715	BÙI THU	THỦY	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	7.4	6.5	
689	240689	022311006966	ĐỒNG THU	THỦY	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.25	8.2	4.75	
690	240690	022311012054	PHẠM THỊ	THỦY	20/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	6.4	4	
691	240691	034311011996	LÊ THỊ MINH	THÚY	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	5	6	
692	240692	022311007277	BÙI MINH	THƯ	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	7	4.25	
693	240693	022311007104	ĐẶNG ANH	THƯ	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	8.2	7.75	
694	240694	022311005721	ĐỖ ANH	THƯ	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	8.4	4	
695	240695	017311000557	ĐỖ MINH	THƯ	12/11/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	9.2	5	
696	240696	022311005105	LÊ HOÀNG MINH	THƯ	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	6	4.25	
697	240697	022311003707	LÊ HOÀNG MINH	THƯ	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	9.2	7	
698	240698	022311002111	LÊ MINH	THƯ	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	8.2	4.25	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
699	240699	022311001703	NGUYỄN ANH	THƯ	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	9.6	6.25	
700	240700	022311004899	NGUYỄN ANH	THƯ	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	5.4	4	
701	240701	022311006711	NGUYỄN ANH	THƯ	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	5.2	3	
702	240702	035311004200	NGUYỄN ANH	THƯ	06/10/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.5	6.4	3.75	
703	240703	022311006021	NGUYỄN ANH	THƯ	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	5.8	4.75	
704	240704	022311003008	NGUYỄN ĐAN	THƯ	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.75	6.6	7.25	
705	240705	025311006956	NGUYỄN HÀ ANH	THƯ	26/06/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.25	6.2	4.25	
706	240706	022311008827	NGUYỄN THANH	THƯ	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.25	5.8	7	
707	240707	022311011901	NGUYỄN THỊ NGỌC	THƯ	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	8.4	3.75	
708	240708	022311003402	PHẠM ĐẶNG ANH	THƯ	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	7.4	7.5	
709	240709	008311000253	VŨ ĐẶNG ANH	THƯ	01/06/2011	Tỉnh Tuyên Quang	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	7.2	3.5	
710	240710	022311004814	VŨ MINH	THƯ	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	9.6	7	
711	240711	030311016829	VŨ THỊ MINH	THƯ	01/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	8.6	6.5	
712	240712	091311011196	LÊ THỊ NGỌC	THƯƠNG	02/05/2011	Tỉnh An Giang	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	5	5	
713	240713	030311015285	LÊ CÁT	TIÊN	05/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6.75	9.2	5.75	
714	240714	022311003479	LÊ THỦY	TIÊN	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	5.6	5	
715	240715	022311001749	VI THỦY	TIÊN	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	9.4	8.25	
716	240716	022211002486	NGUYỄN MINH	TIẾN	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.25	4.6	4.5	
717	240717	022311001765	ĐÀO THANH	TRÀ	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	8	3.25	
718	240718	022311006580	NGUYỄN PHƯƠNG	TRÀ	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	6.4	6.5	
719	240719	022311003907	NGUYỄN THANH	TRÀ	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	8.6	6.25	
720	240720	022311011574	VŨ PHƯƠNG	TRÀ	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	7	6	
721	240721	022311007177	ĐỖ PHẠM THU	TRANG	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8	9.4	8	
722	240722	022311010129	ĐỖ QUỲNH	TRANG	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	9	6	
723	240723	038311012996	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	30/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.75	5.8	1	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
724	240724	022311008928	NGUYỄN THỊ HÀ	TRANG	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	6.2	4.75	
725	240725	022311008959	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.75	3.2	1	
726	240726	022311001336	PHẠM THẢO	TRANG	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.5	9.6	3.5	
727	240727	036311011291	PHẠM THỊ MINH	TRANG	31/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	5	4.8	3.75	
728	240728	022311006655	TRẦN BẢO	TRANG	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	7	6.25	
729	240729	022311004396	TRẦN HÀ	TRANG	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	8.5	9.2	7.25	
730	240730	030311003325	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	5.2	3.25	
731	240731	022311005793	VÕ NGỌC	TRANG	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	7	9.8	8.25	
732	240732	022311000561	VŨ TRẦN BẢO	TRANG	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	7.8	3.75	
733	240733	022211007056	ĐẶNG LÂN	TRÁNG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	8	5.75	
734	240734	022311003598	LÊ BẢO	TRÂM	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	7.6	4.25	
735	240735	066311000327	LƯƠNG NGỌC BẢO	TRÂM	13/08/2011	Tỉnh Đắk Lắk	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	7	6.5	
736	240736	022311011587	NGUYỄN BẢO	TRÂM	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	8.2	6	
737	240737	022311010203	NGUYỄN LÊ QUỲNH	TRÂM	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	6.2	3.5	
738	240738	046311000329	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	08/02/2011	Thành phố Huế	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5	4.6	3	
739	240739	030311010874	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	19/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	6.2	4.75	
740	240740	046311000087	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	08/02/2011	Thành phố Huế	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4	6.8	4.5	
741	240741	022311003576	PHẠM NGỌC BẢO	TRÂN	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7.5	8.4	7.5	
742	240742	022211007504	NGUYỄN MINH	TRÍ	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	4	5.6	4	
743	240743	022311010250	BÙI THANH	TRÚC	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	8.8	6.75	
744	240744	022311008650	LÊ THANH	TRÚC	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	6.4	5.5	
745	240745	022311009714	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	5.6	3.25	
746	240746	022311003294	TÔ THANH	TRÚC	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	9.4	9	
747	240747	022311002128	TRỊNH THANH	TRÚC	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.4	7	
748	240748	022211003875	VŨ THÀNH	TRUNG	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	7.8	6.75	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
749	240749	022211007501	VŨ THÀNH	TRUNG	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	5.8	2.75	
750	240750	022311005533	ĐẶNG CẨM	TÚ	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	6.2	4.5	
751	240751	022211011513	ĐINH TUẤN	TÚ	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	7.8	4.5	
752	240752	022211014784	NGUYỄN HOÀNG	TÚ	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.25	4.2	4.25	
753	240753	022211003045	NGUYỄN NGỌC	TÚ	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	8.6	8	
754	240754	022211010036	BÙI VĂN	TUẤN	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.5	8.8	5.5	
755	240755	022211013946	DƯƠNG QUỐC	TUẤN	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7.25	6.2	9	
756	240756	051211006350	ĐỖ ANH	TUẤN	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	6.2	4.75	
757	240757	022211007125	HOÀNG ANH	TUẤN	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	9.4	8	
758	240758	037211012165	NGUYỄN ANH	TUẤN	29/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5	3.8	2	
759	240759	022211008679	VŨ ĐỖ MINH	TUẤN	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	7.4	6.75	
760	240760	022211002475	BÙI MINH	TÙNG	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.25	8	5.25	
761	240761	022211001957	ĐINH SƠN	TÙNG	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
762	240762	022211006114	ĐOÀN BÁCH	TÙNG	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6.5	7.4	6.5	
763	240763	022211004400	LẠI THANH	TÙNG	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.5	5.6	3.25	
764	240764	022211002350	LÊ MẠNH	TÙNG	18/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	8.6	6.75	
765	240765	022211004417	LÊ THẾ	TÙNG	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	9.8	8.25	
766	240766	022211001797	NGÔ LÊ	TÙNG	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	9.8	7.25	
767	240767	022211004128	NGUYỄN ANH	TÙNG	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	7.8	6.75	
768	240768	030211020943	NGUYỄN HOÀNG	TÙNG	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6	4.8	3.75	
769	240769	033311002537	ĐÀO THỊ	TUYẾT	30/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.75	9	7.75	
770	240770	001311010047	PHẠM NGỌC MỸ	UYÊN	03/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ	Tày	THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	6	5.5	
771	240771	022311007342	PHẠM TỐ	UYÊN	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	5	3.25	
772	240772	022311007361	HÀ KHÁNH	VÂN	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7.75	8.6	8.25	
773	240773	022311002859	NGUYỄN HẢI	VÂN	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.25	4.4	3.75	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
774	240774	001311000387	NGUYỄN NHƯ	VÂN	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	6.4	3.75	
775	240775	022311008607	TRỊNH KHÁNH	VÂN	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7	7.4	4	
776	240776	022211001586	CHU QUỐC	VIỆT	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	8.4	6.5	
777	240777	035211009109	ĐẶNG HOÀNG	VIỆT	21/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	9.2	8.25	
778	240778	022211011834	NGUYỄN ANH	VIỆT	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	8	6.75	
779	240779	022211010205	NGUYỄN ĐỨC	VIỆT	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.5	4	4	
780	240780	022211008746	VŨ NGỌC	VIỆT	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	7	6.75	
781	240781	034211012291	LÊ QUANG	VINH	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	8.8	7.25	
782	240782	030211012748	PHẠM NGUYÊN	VINH	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	7.8	8.25	
783	240783	022211007858	PHẠM QUANG	VINH	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	9.2	5.25	
784	240784	030211012913	PHẠM THÀNH	VINH	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	8.6	7.5	
785	240785	034311015990	LÊ ĐOAN	VŨ	12/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6	9	5	
786	240786	022211007146	NGUYỄN HẢI	VŨ	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.25	9.2	7.25	
787	240787	022211012172	PHẠM KHẮC HUY	VŨ	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	7	8.25	
788	240788	022211002556	TRẦN THÀNH	VƯƠNG	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	9	8.25	
789	240789	030311013185	BÙI VƯƠNG KHÁNH	VY	17/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	5.6	6.25	
790	240790	022311000120	ĐỒNG BẢO	VY	09/06/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.75	8.6	4	
791	240791	022311011657	LÊ HÀ	VY	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	7	5.2	4.5	
792	240792	031311011661	LƯƠNG HÀ	VY	24/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.5	9.8	4.75	
793	240793	022311009364	LƯƠNG HÀ	VY	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	7.25	6	4.25	
794	240794	025311009890	NGUYỄN YẾN	VY	03/04/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	8.4	5.25	
795	240795	022311003986	TỐNG GIA	VY	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	6.8	5.25	
796	240796	022311003760	TỐNG TRIỆU	VY	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	6.2	6	
797	240797	022311010391	TRẦN PHƯƠNG THẢO	VY	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	7	6.25	
798	240798	034311012189	VŨ HÀ TRIỆU	VY	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.5	4	3	

Đơn vị: THPT Bãi Cháy (22_HD_024)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
799	240799	022311011453	VŨ LUYỆN DIỆP	VY	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	7.5	6.8	4.5	
800	240800	022311007251	VŨ THỊ PHƯƠNG	VY	26/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	8	6.75	
801	240801	022211007286	DƯƠNG CHÍ	VỸ	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	0.5	1.8		Toán: vắng thi
802	240802	022311005023	LÊ THỊ CHI	YÊN	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8	7.25	
803	240803	022311006907	ĐẶNG HOÀNG	YẾN	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	5.25	5.4	5.75	
804	240804	022311005983	VŨ HOÀNG	YẾN	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	7.75	8.2	6.5	

(Danh sách này gồm có 804 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	250001	035311001040	ĐINH THÚY	AN	07/01/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	5	4.5	
2	250002	022311007591	HOÀNG THỊ	AN	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5	4.8	0.5	
3	250003	022311005292	HOÀNG TRẦN HẠNH	AN	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.75	5.4	6	
4	250004	030311016883	LÊ HUYỀN	AN	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	5.8	4.25	
5	250005	022311012760	LƯU KHÁNH	AN	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	4.4	4.5	
6	250006	022311005643	NGUYỄN BẢO	AN	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	7.2	5	
7	250007	022311000418	NGUYỄN BẢO	AN	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7	4.4	8.5	
8	250008	022311002683	NGUYỄN LÊ KHÁNH	AN	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	4	3.75	
9	250009	027311011465	NGUYỄN LINH	AN	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8.5	7.4	6	
10	250010	022311009810	NGUYỄN LINH BẢO	AN	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8	9.6	7.5	
11	250011	022211007337	NGUYỄN TRƯỜNG	AN	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.25	6.4	4.25	
12	250012	022311005541	NGUYỄN VŨ HOÀI	AN	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	5.6	5.5	
13	250013	022311004103	PHẠM AN	AN	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	3.5	2.6	2.5	
14	250014	022211001836	PHẠM BẢO	AN	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.25	5.4	5.5	
15	250015	036211023638	PHẠM BẢO	AN	08/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	4.8	6.75	
16	250016	022311004685	TRẦN BÌNH	AN	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	7.2	5.5	
17	250017	022311008979	BÀN THỊ DIỆP	ANH	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	7	4	3.75	
18	250018	022211000472	BÙI ĐỨC	ANH	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	5.2	2.75	
19	250019	022311012352	BÙI PHƯƠNG	ANH	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	2	1.75	
20	250020	022311011223	DIỆP PHƯƠNG	ANH	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	6.2	6.25	
21	250021	030211018890	ĐÀO DUY	ANH	02/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	6.6	5.25	
22	250022	031311010859	ĐÀO THỊ MINH	ANH	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	6.2	5.75	
23	250023	022211009299	ĐOÀN ĐỨC	ANH	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5.75	8.2	3.75	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
24	250024	022311008772	ĐOÀN MINH	ANH	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.75	7	3.75	
25	250025	022311000663	HOÀNG KIM	ANH	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5.75	4	3.25	
26	250026	022311002908	HOÀNG QUỲNH	ANH	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	3.5	4.8	4.5	
27	250027	022210003178	HOÀNG TUẤN	ANH	12/07/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	4.25	4	4	
28	250028	038211019845	HỒ HOÀNG	ANH	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	5	2	3.25	
29	250029	022211010353	LÊ CÔNG	ANH	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	7.8	2.5	
30	250030	022211000736	LÊ DUY	ANH	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6	3.4	4.5	
31	250031	022311009488	LÊ HẢI	ANH	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6.75	5.4	1.25	
32	250032	022311001134	LÊ NGUYỄN NGỌC	ANH	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4	4.2	4.75	
33	250033	022211010171	LÊ TRUNG	ANH	27/02/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.25	5	2.5	
34	250034	022211004100	LINH NHẬT	ANH	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Kỳ Thượng	Tiếng Anh	4	3.8	5	
35	250035	022311012248	LINH THỊ TRÂM	ANH	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Đồng Sơn	Tiếng Anh	5	2.8	2.5	
36	250036	022311000007	LÝ HÀ	ANH	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6	2.2	1.75	
37	250037	022311008746	MAI TUYẾT	ANH	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	6.4	4.5	
38	250038	022311009164	NGUYỄN DIỆP	ANH	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.5	7.2	5.5	
39	250039	022211006714	NGUYỄN ĐỨC	ANH	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.75	6.8	5.25	
40	250040	036311003033	NGUYỄN HÀ	ANH	05/07/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	5.6	4	
41	250041	022211004227	NGUYỄN HOÀNG KỲ	ANH	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5.5	8	5	
42	250042	022311003548	NGUYỄN MAI	ANH	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8	9	4	
43	250043	022311002475	NGUYỄN MAI	ANH	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	3.2	5.75	
44	250044	022211005040	NGUYỄN QUỐC	ANH	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	7.6	4.75	
45	250045	033311010551	NGUYỄN THỊ CHÂU	ANH	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	3.8	1.5	
46	250046	025311006651	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	ANH	25/03/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	3	1.25	
47	250047	030311008758	NGUYỄN VÂN	ANH	18/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	3.8	1.75	
48	250048	022311006570	NGUYỄN VÂN	ANH	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	9	5.25	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
49	250049	022211007583	NGUYỄN XUÂN	ANH	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5.25	5.6	6.5	
50	250050	022211007695	PHẠM DUY	ANH	20/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	5	2.8	5.25	
51	250051	022311006002	PHẠM HẢI	ANH	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	6.2	5.5	
52	250052	024311008447	PHẠM MAI	ANH	10/07/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	6.2	3.75	
53	250053	022311003403	PHẠM NGỌC	ANH	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
54	250054	022311011272	PHẠM QUỲNH	ANH	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	6.8	5.5	
55	250055	036311003992	PHẠM QUỲNH	ANH	02/10/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	4	6.25	
56	250056	022311006375	PHẠM QUỲNH	ANH	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	5.4	3.25	
57	250057	022311008120	PHẠM THỊ BẢO	ANH	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	5.4	4.5	
58	250058	022311012882	PHẠM THỤC	ANH	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	5	4.75	
59	250059	022311010921	PHAN NGỌC	ANH	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	8.5	8.6	7.25	
60	250060	022311009593	TẠ VÂN	ANH	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5.75	2.8	1.25	
61	250061	034211026862	TRẦN DUY	ANH	17/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	4.5	2.2	2.75	
62	250062	022211007348	TRẦN ĐỨC	ANH	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	3.25	2.6	0.75	
63	250063	022311009738	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG	ANH	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
64	250064	022311001815	TRẦN NGỌC MINH	ANH	16/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	8.6	2.75	
65	250065	022311012100	TRẦN PHƯƠNG	ANH	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	7	5	
66	250066	022311011257	TRẦN QUỲNH	ANH	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	2.4	5.25	
67	250067	022311013716	TRƯƠNG THỊ MỸ	ANH	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	3.75	2.2	1.75	
68	250068	022211010600	VŨ ĐỨC	ANH	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	2.6	1.5	
69	250069	022311000424	VŨ QUỲNH	ANH	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	6.2	5.25	
70	250070	033311012179	MAI NGỌC	ÁNH	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7	3.4	3.75	
71	250071	022311003906	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	8.4	6.75	
72	250072	040311008068	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	ÁNH	24/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	5.6	2.5	
73	250073	022311003627	VŨ HOÀNG MAI	ÁNH	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.25	2.8	4.25	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
74	250074	022211012820	BÙI ĐOÀN XUÂN	BÁCH	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6	8.8	4.75	
75	250075	022211001522	HOÀNG VIỆT	BÁCH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	7	5	4.75	
76	250076	027211005886	LÊ CÔNG	BAN	17/02/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	2.2	2.75	
77	250077	022211008999	ĐẬU KIM	BẢO	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7.5	8.4	6.5	
78	250078	022211013205	HOÀNG GIA	BẢO	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.75	6.2	4.25	
79	250079	022211003156	NGUYỄN GIA	BẢO	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	6.2	5	
80	250080	022211013634	PHẠM TRẦN CHÍ	BẢO	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	7.4	4.5	
81	250081	022211013686	TRẦN QUỐC	BẢO	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	4.4	4.75	
82	250082	022211002742	TRIỆU ĐÌNH	BẢO	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5	6.6	4.25	
83	250083	022211000532	NGUYỄN VĂN	BẰNG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	5.2	6.5	
84	250084	022311009107	HOÀNG NGỌC	BÍCH	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	4	4.25	
85	250085	022311009671	NGÔ THỊ NGỌC	BÍCH	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	7.6	4.75	
86	250086	022311009357	PHAN NGỌC	BÍCH	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6	8.4	4.5	
87	250087	037311003235	PHAN THỊ NGỌC	BÍCH	06/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	4	3.4	1.25	
88	250088	022211004515	NGUYỄN HỮU	BÌNH	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5	6.8	2.5	
89	250089	034211004673	PHẠM TÂN	BÌNH	28/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	3.6	4.5	
90	250090	025311011726	LÊ HOÀNG BẢO	CHÂU	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	2.8	2.75	
91	250091	022311004810	LÊ MINH	CHÂU	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.6	5	
92	250092	022311002144	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh		0		Ngoại ngữ: đình chỉ; Toán: vắng thi
93	250093	022311001121	TRẦN MINH	CHÂU	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	7.8	6.5	
94	250094	022311007508	ĐÀM DIỆP	CHI	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7	8	9	
95	250095	022311005323	ĐẶNG HÀ	CHI	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
96	250096	001311056073	HOÀNG YẾN	CHI	25/10/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	5.2	4	
97	250097	022311006281	LÝ NGỌC KHÁNH	CHI	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi - Việt Hưng	Tiếng Anh	6.5	7.8	4.25	
98	250098	022311000656	MẠC PHƯƠNG	CHI	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.5	2.8	3.5	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
99	250099	027311013208	NGUYỄN HÀ LINH	CHI	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	4.8	3.5	
100	250100	022311005031	NGUYỄN THỊ QUỲNH	CHI	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	6.8	3.75	
101	250101	022311007914	NGUYỄN THÙY	CHI	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	7.6	4	
102	250102	022311002280	NÔNG THỊ BẢO	CHI	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	1.8	3.25	
103	250103	022311009247	PHẠM HÀ	CHI	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8	7	4.5	
104	250104	022311009214	PHÙNG KHÁNH	CHI	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	7.6	4.25	
105	250105	022311005714	TRẦN QUỲNH	CHI	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.25	4	4.75	
106	250106	031311006742	VŨ THÙY	CHI	23/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	5.8	4.25	
107	250107	022211006505	BÙI ĐỨC	CHÍNH	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	4	1.5	
108	250108	040211002186	HỒ VĂN	CHÍNH	29/09/2011	Tỉnh Nghệ An	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6	8	8.5	
109	250109	022311012725	PHẠM THANH	CHÚC	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	3	2.6	1.5	
110	250110	022211002240	CHU THẾ	CHUNG	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	2.5	1.6	0.5	
111	250111	022211011535	HOÀNG THÀNH	CÔNG	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5.75	4.8	2.25	
112	250112	022211012371	VŨ THÀNH	CÔNG	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	7.25	7.8	5.25	
113	250113	022211008333	DƯƠNG ĐỨC	CƯỜNG	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	6.4	6.75	
114	250114	030211013921	ĐÀO NAM	CƯỜNG	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	4.4	7	
115	250115	022211011027	HOÀNG KIÊN	CƯỜNG	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5	4.8	1.25	
116	250116	022211008673	HOÀNG VIỆT	CƯỜNG	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6	3.2	4.75	
117	250117	022211008951	NGUYỄN DƯƠNG HỒNG	CƯỜNG	13/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	8.8	8.75	
118	250118	030211006531	NGUYỄN PHÚ	CƯỜNG	17/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.25	6.8	2.75	
119	250119	022211005111	NHÂM GIA	CƯỜNG	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5.75	6.2	6.75	
120	250120	022311006640	TRẦN LÊ HỒNG	DIỄM	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	8	7	
121	250121	022311011775	ĐỖ THỊ BÍCH	DIỆP	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	3.6	1.75	
122	250122	022211011157	HOÀNG NGỌC	DIỆP	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	4.75	6.6	3.25	
123	250123	030311018266	MAI HOÀNG NGỌC	DIỆP	10/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	5.4	3.25	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
124	250124	022311011966	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8.25	9.8	7.25	
125	250125	022311006484	ĐẶNG THỊ NGỌC	DỊU	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	5	2.4	2.5	
126	250126	001211006759	BẠCH THÀNH	DOANH	15/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nam	Mường	THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	9.2	8.25	
127	250127	022211003212	NGUYỄN VIỆT	DOANH	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	5.5	7	3.25	
128	250128	022211013195	VŨ ĐỨC	DOANH	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	4.8	2	
129	250129	037311004209	TRẦN NGÔ THÙY	DUNG	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	2.8	1.5	
130	250130	022211010115	BÙI QUANG	DŨNG	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	4.5	3.8	2.25	
131	250131	022211010341	ĐẶNG TRUNG	DŨNG	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
132	250132	022211010625	NGUYỄN HUY	DŨNG	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	3	2.6	2.75	
133	250133	022211003999	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	4.75	8.2	3.75	
134	250134	022211007206	NGUYỄN TUẤN	DŨNG	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.5	7	4.25	
135	250135	022211008971	NGUYỄN TUẤN	DŨNG	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	2	3	0.75	
136	250136	030211001879	PHẠM QUANG	DŨNG	07/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5.25	4	2.25	
137	250137	022211001962	PHẠM TIẾN	DŨNG	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.5	7.2	5.25	
138	250138	022211005261	PHẠM TRUNG	DŨNG	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	4.6	4	
139	250139	022211000960	VŨ TUẤN	DŨNG	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	0.5	3.8	1.25	
140	250140	022211004193	BÀN VĂN	DUY	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5.75	4.6	4.5	
141	250141	022211011039	LÊ ANH	DUY	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5	4.2	4.25	
142	250142	022211004618	QUÁCH ĐỨC	DUY	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Mường	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	4.5	3	1.5	
143	250143	022211007633	VŨ NGỌC	DUY	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	5.6	3.75	
144	250144	022311005006	VŨ NGỌC	DUYÊN	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	5.8	3.5	
145	250145	022211010611	BÙI PHÚ	DƯƠNG	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	6.2	5.5	
146	250146	036311018233	ĐINH HOÀNG THÙY	DƯƠNG	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	4.4	4	
147	250147	022211001048	HOÀNG BÌNH	DƯƠNG	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6	5.2	4.25	
148	250148	022311010824	LÊ ÁNH	DƯƠNG	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	7.8	4.5	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
149	250149	022211003711	LÊ TÙNG	DƯƠNG	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
150	250150	022211004302	NGUYỄN ĐỨC	DƯƠNG	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	4.4	4.75	
151	250151	022211006327	NGUYỄN MINH	DƯƠNG	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7	6.2	6	
152	250152	022211013200	NGUYỄN THẾ	DƯƠNG	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	5.2	5.25	
153	250153	022311002229	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.25	5.4	5.25	
154	250154	022211013252	PHẠM VŨ ĐẠI	DƯƠNG	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	6	3.2	6.75	
155	250155	022311005043	VŨ THỊ THÙY	DƯƠNG	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	3.75	3.6	5	
156	250156	022211005244	ĐINH QUẢNG	ĐẠI	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	7.4	7.5	
157	250157	022211003253	ĐỖ TRỌNG	ĐẠI	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	8.4	5.5	
158	250158	034311009238	NGÔ KHÁNH	ĐAN	03/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6.5	4.6	6.75	
159	250159	022311008213	NGUYỄN HOÀNG LINH	ĐAN	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	8	6	
160	250160	034211019123	BÙI THÀNH	ĐẠT	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.5	3.6	4.5	
161	250161	022211012287	ĐỖ ĐỨC	ĐẠT	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7	9	4.5	
162	250162	022211006808	HOÀNG TIẾN	ĐẠT	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	3.75	3	0.5	
163	250163	022211007817	LINH TÀI	ĐẠT	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
164	250164	022211010405	NGUYỄN ĐĂNG	ĐẠT	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7	8.2	5.5	
165	250165	022211011361	NGUYỄN HOÀNG	ĐẠT	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	5.8	5.25	
166	250166	022211002839	PHÙNG TUẤN	ĐẠT	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	8	5	
167	250167	022211009745	TRẦN THÀNH	ĐẠT	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	8.25	5.8	4.75	
168	250168	022211009878	TRẦN TIẾN	ĐẠT	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	9	6	
169	250169	022211010901	VŨ CHƯƠNG	ĐẠT	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	4.75	4.4	3.75	
170	250170	022211001646	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	3.5	3.6	2.5	
171	250171	022211011443	BÙI XUÂN	ĐỨC	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	5.4	3.25	
172	250172	022211003119	HÀ MINH	ĐỨC	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	6	4.5	
173	250173	022211003492	HOÀNG TIẾN	ĐỨC	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	6.75	5.8	6.75	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
174	250174	030211015983	NGUYỄN DUY	ĐỨC	02/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	5.2	6.25	
175	250175	038211022128	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	13/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	5.8	3	
176	250176	022211003163	NGUYỄN MINH	ĐỨC	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	4.75	4	4.25	
177	250177	022211009874	NGUYỄN MINH	ĐỨC	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	9	4.5	
178	250178	022211000521	NGUYỄN MINH	ĐỨC	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.5	4.6	2.25	
179	250179	022211006004	NGUYỄN MINH	ĐỨC	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.5	7.2	5.5	
180	250180	022211012955	PHẠM MINH	ĐỨC	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7	9.4	7.75	
181	250181	022211007007	PHẠM TRUNG	ĐỨC	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5.5	4	5	
182	250182	022211003822	TẠ MINH	ĐỨC	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	4.5	6.6	4	
183	250183	022211003251	TRƯƠNG TIẾN	ĐỨC	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	4	5	2.25	
184	250184	022211006280	ĐẶNG VĂN	ĐƯỜNG	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	4	2.8	0.75	
185	250185	022211006687	ĐỖ VŨ TUỆ	GIA	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	7.6	4.5	
186	250186	022311011944	DƯƠNG THỊ	GIANG	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8	8.6	7.75	
187	250187	022311001861	ĐẶNG THỊ HƯƠNG	GIANG	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	1.2	3.5	
188	250188	022311001547	ĐỖ HÀ	GIANG	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	9.2	3.5	
189	250189	022311004242	HÀ HIỀN	GIANG	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8.5	9.2	8.25	
190	250190	022211009717	NGUYỄN ĐỨC	GIANG	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	8.25	8.6	5	
191	250191	022311006041	NGUYỄN HÀ	GIANG	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
192	250192	025311001285	NGUYỄN LÊ HÀ	GIANG	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	3.6	2.25	
193	250193	022211011365	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	6.4	6	
194	250194	022311011577	PHẠM HƯƠNG	GIANG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8.5	9.2	6.5	
195	250195	033211010993	TỐNG ĐỨC	GIANG	28/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	7	6.5	
196	250196	022211009067	VŨ TRƯỜNG	GIANG	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7	6.8	4	
197	250197	031211013482	ĐỖ ĐÌNH	GIÁP	29/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	4.8	3.25	
198	250198	038311023181	CHU MAI	HÀ	09/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	6.6	4.5	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
199	250199	022311006540	ĐOÀN THANH	HÀ	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.5	4	4.25	
200	250200	030311003853	NGUYỄN THỊ MINH	HÀ	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	6	6.25	
201	250201	022311001397	NGUYỄN VŨ THANH	HÀ	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6	7	5.75	
202	250202	022311004733	PHẠM NGỌC	HÀ	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	5.8	5.75	
203	250203	022311009898	TRẦN THỊ THU	HÀ	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.75	5.8	5	
204	250204	022311011405	TRIỆU THỊ	HÀ	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	8	5	5.5	
205	250205	022211002452	BÙI THANH	HẢI	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	5	4	
206	250206	022211003703	ĐẶNG NGỌC	HẢI	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	5.8	4.75	
207	250207	022211011578	ĐỖ THANH	HẢI	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	4.5	6	2.75	
208	250208	030211003684	NGUYỄN THANH	HẢI	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	8	9.4	7.5	
209	250209	022211013271	TRẦN DUY	HẢI	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	4.6	5.25	
210	250210	022211008473	NGUYỄN ANH	HÀO	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7	6	7.5	
211	250211	022311007313	VŨ THÚY	HẰNG	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5.25	4.8	4.5	
212	250212	022311012729	ĐẶNG BÍCH	HÂN	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Đồng Sơn	Tiếng Anh	3.5	1.6	1.5	
213	250213	022311007888	ĐỖ NGỌC	HÂN	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4	9	4.25	
214	250214	022311012997	HOÀNG NGỌC	HÂN	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	4.75	1.6	1	
215	250215	022311004933	LÊ CAO GIA	HÂN	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5.75	4.8	4.5	
216	250216	022311000443	LÊ NGỌC	HÂN	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	7.5	9.4	5.75	
217	250217	001311000925	NGUYỄN DƯƠNG MAI	HÂN	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.25	4.4	4	
218	250218	022311011372	NGUYỄN ĐẶNG BẢO	HÂN	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	9.2	2.5	
219	250219	022311013023	NGUYỄN GIA	HÂN	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	4.75	4.4	2.75	
220	250220	022311010784	NGUYỄN NGỌC	HÂN	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	8	4.4	3.25	
221	250221	020311008458	PHẠM NGỌC	HÂN	29/05/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.5	2.4	1.25	
222	250222	022311001918	TÔ NGỌC	HÂN	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5.75	4.6	3.25	
223	250223	022311008957	TRẦN NGỌC	HÂN	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	3.8	4.25	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
224	250224	022311002993	TRIỆU THỊ	HÂN	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	3.75	2.4	1.25	
225	250225	022311002854	TRIỆU THỊ NGỌC	HÂN	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	1.5	2	1.5	
226	250226	022311001570	ĐOÀN THÚY	HIỀN	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	5	3	4.5	
227	250227	022311001103	LÊ THU	HIỀN	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7	7.4	6	
228	250228	022311003504	LIÊU THỊ THU	HIỀN	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	7.25	3.4	2.75	
229	250229	022311005938	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5	2.8	1.75	
230	250230	022311009723	NGUYỄN THU	HIỀN	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.75	4.2	3.25	
231	250231	030211004725	ĐỒNG MINH	HIẾN	18/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.25	6.8	3.5	
232	250232	037211003959	NGUYỄN ĐỨC	HIẾN	01/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7	2.6	3.25	
233	250233	022211003767	DIỆP TÚ	HIỆP	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	THCS Trới	Tiếng Anh	6	6.2	3.5	
234	250234	022211002784	CHU MINH	HIẾU	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	4.75	6.8	3.75	
235	250235	022211003477	LINH ĐỨC	HIẾU	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Kỳ Thượng	Tiếng Anh	2.75	2.4	0.5	
236	250236	022211010691	LƯƠNG MINH	HIẾU	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5.75	4.6	5	
237	250237	034211016818	NGUYỄN BÁ	HIẾU	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	2.6	4.25	
238	250238	022211012230	NGUYỄN ĐÌNH	HIẾU	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	5.25	3.6	7	
239	250239	024211011591	NGUYỄN MINH	HIẾU	06/09/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	4.5	3.2	4.5	
240	250240	022211003096	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7	5	5.25	
241	250241	030211004548	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5.25	4.8	4	
242	250242	022211000206	NGUYỄN VĂN DUY	HIẾU	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	3	3	0.75	
243	250243	022211011373	NGUYỄN VĂN	HIẾU	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	5.5	6	2.75	
244	250244	034211010908	PHẠM ĐỨC	HIẾU	06/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	7.5	7.4	8.75	
245	250245	022211007153	PHẠM HOÀNG	HIẾU	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	7.8	4.5	
246	250246	022211003052	ĐẶNG QUỐC	HIỆU	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.5	3.2	4.25	
247	250247	037311000186	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HOA	05/03/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	3.4	5.5	
248	250248	022311008578	PHAN THỊ MAI	HOA	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5.75	5.8	4.5	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
249	250249	022311008100	TRIỆU THỊ	HOA	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Kỳ Thượng	Tiếng Anh	2.75	4.2	3.25	
250	250250	022311001466	ĐINH KHÁNH	HÒA	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	7	6.6	4	
251	250251	022311005419	MÃ THỊ THÁI	HÒA	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	6.5	9.2	6	
252	250252	033211002199	NGUYỄN HẢI	HÒA	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	4.75	7.6	5.5	
253	250253	022311005806	TRẦN THÁI	HÒA	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	8.75	4.6	8.75	
254	250254	022211000448	BÙI GIA	HOÀNG	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	6.6	3.75	
255	250255	010211003022	DOÃN NGÔ HUY	HOÀNG	28/08/2011	Tỉnh Lào Cai	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5	2.6	1.5	
256	250256	010211004977	ĐỖ DUY	HOÀNG	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	3.6	5.5	
257	250257	022211001254	ĐỖ TRỌNG	HOÀNG	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5.25	6.8	4	
258	250258	037211010170	NGUYỄN HUY	HOÀNG	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	7.4	4.5	
259	250259	022211012100	NGUYỄN HUY	HOÀNG	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	6.8	5.75	
260	250260	030211020005	NGUYỄN HỮU MINH	HOÀNG	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.75	6.2	5.25	
261	250261	022211004758	NGUYỄN MINH	HOÀNG	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	2.25	3	1	
262	250262	022211007475	TẠ VIỆT	HOÀNG	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	6	3	0.75	
263	250263	022211002351	TRẦN VIỆT	HOÀNG	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	1.75	2.8	2.5	
264	250264	022311003999	BÙI THỊ ÁNH	HỒNG	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7	7.8	6.5	
265	250265	022311001357	NGUYỄN ÁNH	HỒNG	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5	3	1	
266	250266	022311002301	PHẠM THỊ	HỒNG	10/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	4.25	3	2	
267	250267	022311007033	VŨ ÁNH	HỒNG	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8.5	7.4	6.25	
268	250268	022211011972	HOÀNG PHI	HÙNG	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.25	6	8	
269	250269	022211004313	LƯƠNG ANH	HÙNG	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	4.25	5.2	1.25	
270	250270	022211009226	NGUYỄN ĐÌNH	HÙNG	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	6.6	4.75	
271	250271	022211002177	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6	3.8	6	
272	250272	022211011775	TRẦN ĐỨC	HÙNG	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.5	6.6	5.25	
273	250273	022211013840	TRIỆU VIỆT	HÙNG	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	3.75	1.2	2.5	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
274	250274	022211007491	DƯƠNG QUỐC	HUY	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	8.8	6	
275	250275	022211005289	ĐOÀN GIA	HUY	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	2	2	3.25	
276	250276	022211002307	ĐỒNG GIA	HUY	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6	5.2	6.5	
277	250277	022211003116	ĐỖ NGUYỄN HẢI	HUY	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	4.6	4	
278	250278	034211000421	LỤC GIA	HUY	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	5.8	5.5	
279	250279	024211001995	LƯU QUANG	HUY	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	3	4.25	
280	250280	022211009601	NGỌC ĐỨC	HUY	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	5.25	5.6	5	
281	250281	022211006933	NGUYỄN DOÃN GIA	HUY	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3	3	2	
282	250282	022211004780	NGUYỄN ĐỨC	HUY	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	2.8	4	
283	250283	022211013127	NGUYỄN GIA	HUY	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	4.8	3.75	
284	250284	022211009993	NGUYỄN HỮU	HUY	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7	7.6	7.75	
285	250285	022211009256	NGUYỄN KIM GIA	HUY	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	5.5	2	5	
286	250286	022211011168	TRƯƠNG KHÁNH	HUY	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	6.2	4.75	
287	250287	022211000006	VŨ GIA	HUY	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	4.2	3.25	
288	250288	022211014770	VŨ HOÀNG	HUY	15/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	3.5	2.2	2.25	
289	250289	022311009944	BÙI THỊ THANH	HUYỀN	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.5	6.6	8	
290	250290	022311009991	ĐÀO NGỌC	HUYỀN	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	4.75	3.6	4.25	
291	250291	022311008248	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5.25	4.2	5	
292	250292	022311010590	NGUYỄN THANH	HUYỀN	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	5.6	6.5	
293	250293	022311002146	NGUYỄN THANH	HUYỀN	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5.75	6	3.5	
294	250294	022311010680	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	3.8	3.75	
295	250295	022211003636	ĐÀO QUANG	HƯNG	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	3.6	4.25	
296	250296	022211006168	ĐẶNG TUẤN	HƯNG	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	8.25	5.8	5	
297	250297	022211008254	HÀ THANH	HƯNG	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4	6.2	4.75	
298	250298	022211009579	LÊ VIỆT	HƯNG	02/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	5.8	4.5	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
299	250299	022211005205	NGUYỄN DUY	HƯNG	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	8.8	6	
300	250300	022211004709	NGUYỄN GIA	HƯNG	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	8.6	3.75	
301	250301	022211005092	NGUYỄN GIA	HƯNG	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.75	9.6	5	
302	250302	022211011690	NGUYỄN GIA	HƯNG	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6	5	5	
303	250303	034211008708	NGUYỄN HỮU	HƯNG	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	2.8	2.25	
304	250304	022211000574	NGUYỄN MẠNH	HƯNG	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	4	4.5	
305	250305	022211003277	NGUYỄN MINH	HƯNG	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	4.5	2.2	1.75	
306	250306	022211002228	PHẠM KHÁNH	HƯNG	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6	3.4	3.5	
307	250307	022211008300	PHẠM KHÁNH	HƯNG	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	6	8.2	5.5	
308	250308	027211006381	PHẠM QUANG	HƯNG	11/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7	9.2	6.25	
309	250309	022211011507	TRẦN DUY	HƯNG	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	4.6	4.75	
310	250310	022311011923	BÙI THỊ THU	HƯƠNG	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	3.6	3.25	
311	250311	030311007227	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	20/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	9.4	9	
312	250312	022311011080	NGUYỄN THU	HƯƠNG	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.5	6.6	4.75	
313	250313	022311000291	NGUYỄN THỊ THÚY	HƯỜNG	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	8.5	6.2	5	
314	250314	022211013035	NGUYỄN NGỌC	KHANG	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	8.6	4	
315	250315	022211011257	TỐNG GIA	KHANG	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7	6	2	
316	250316	022211001377	CÁI HOÀNG TRÙNG	KHÁNH	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	9.2	7.5	
317	250317	022211006359	ĐẶNG NAM	KHÁNH	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	7.75	5	4	
318	250318	022211012092	ĐINH XUÂN	KHÁNH	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	6.2	6.25	
319	250319	014211008547	ĐỖ DUY	KHÁNH	23/07/2011	Tỉnh Sơn La	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	4.6	2.75	
320	250320	022211001672	LA MINH	KHÁNH	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Trới	Tiếng Anh	6.25	8.6	6.5	
321	250321	022311011592	LÊ NGỌC	KHÁNH	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	3.75	2.4	0.75	
322	250322	022211007374	LƯU DUY	KHÁNH	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	5.25	5.6	3.5	
323	250323	022311008235	PHẠM DƯ	KHÁNH	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	6.4	4.75	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
324	250324	022311004498	PHẠM NGỌC	KHÁNH	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	6.8	6	
325	250325	022211005889	TẠ HỮU MINH	KHÁNH	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
326	250326	022211006901	TẨY GIA	KHÁNH	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	5	5.25	
327	250327	022211001602	TRẦN QUỐC	KHÁNH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	5.75	6	4.5	
328	250328	022211001054	VŨ GIA	KHÁNH	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7	7.8	4	
329	250329	022211005955	BÙI XUÂN	KHOA	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
330	250330	022211013360	LÊ ĐỨC	KIÊN	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	3.6	4.25	
331	250331	022211006296	NGUYỄN THẾ TRUNG	KIÊN	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	5.6	6	
332	250332	022211001427	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	3	0.75	
333	250333	022211001077	LÝ ANH	KIỆT	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Đồng Sơn	Tiếng Anh	3	2	1	
334	250334	024211000836	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	17/03/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	6.4	4.5	
335	250335	022211011966	NGUYỄN VĂN	KIỆT	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5	3	5.25	
336	250336	022311001986	NGUYỄN HOÀNG	KIM	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	5	5.5	
337	250337	022311000534	LÊ THƯ	KỲ	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	4.8	5	
338	250338	022311002961	VŨ THỊ HƯƠNG	LAN	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	5.8	6	
339	250339	022211001619	ĐỖ THANH	LÂM	14/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5	5.2	4.5	
340	250340	022211004371	HOÀNG BẢO	LÂM	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	4.4	7.5	
341	250341	022211005810	LÊ BẢO	LÂM	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	5.25	3.6	4.75	
342	250342	022211003094	LÝ VĂN	LÂM	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Kỳ Thượng	Tiếng Anh	3	4	1.25	
343	250343	022211007412	NGUYỄN HOÀNG	LÂM	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.25	8.6	4	
344	250344	022211005136	PHẠM ĐỨC	LÂM	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi - Việt Hưng	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
345	250345	022211004429	PHẠM TÙNG	LÂM	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	9.4	6	
346	250346	022211011899	TRỊNH ĐĂNG	LÂM	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	3	7.75	
347	250347	034211019428	NGUYỄN VĂN	LÂN	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.75	3.6	3.5	
348	250348	022311011285	LINH THỊ KIỀU	LIÊN	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Đồng Sơn	Tiếng Anh	3.5	2.8	2.5	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
349	250349	022311006423	NGUYỄN PHƯƠNG	LIÊN	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	3.8	2.25	
350	250350	022311004135	BÀN TUỆ	LINH	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PTDT Nội trú THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh	Tiếng Anh	7.75	5	2.25	
351	250351	022311011760	DIÊM KHÁNH	LINH	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	4.5	5.8	4.25	
352	250352	022311003634	DƯƠNG PHƯƠNG	LINH	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	9	6.6	5.25	
353	250353	022311006947	ĐẶNG HẢI	LINH	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	2.2	3	
354	250354	022311001354	ĐẶNG KHÁNH	LINH	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	6.25	1.8	3.25	
355	250355	031311002077	ĐẶNG NGUYỄN BẢO	LINH	11/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	4.6	4.25	
356	250356	022311002113	HÀ THÙY	LINH	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.25	3.6	4.25	
357	250357	022311002934	LÊ HÀ	LINH	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7	4.4	3.25	
358	250358	022311002119	LÊ THỊ TUYẾT	LINH	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	4.6	4	
359	250359	022311003914	LÊ YẾN	LINH	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	9.6	6.5	
360	250360	022211007594	LỤC ĐỨC	LINH	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	6.25	5	3.25	
361	250361	024311013222	LÝ THỊ MAI	LINH	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chỉ	THCS Trới	Tiếng Anh	3.5	2.2	1	
362	250362	034311017576	NGÔ THỊ MAI	LINH	12/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8	6.2	5.25	
363	250363	022311010755	NGUYỄN GIA	LINH	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.25	2.8	1.75	
364	250364	022311000661	NGUYỄN HÀ	LINH	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.25	5	4.75	
365	250365	022311012455	NGUYỄN HÀ	LINH	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	4.6	3	
366	250366	030311003399	NGUYỄN HOÀNG	LINH	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8.5	6.2	6	
367	250367	022311009765	NGUYỄN NGỌC HÀ	LINH	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	8.25	6.2	3.75	
368	250368	022311006207	NGUYỄN NGỌC	LINH	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	4.25	4	2.5	
369	250369	030311010218	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8.5	5.4	4.25	
370	250370	022211003766	NGUYỄN QUANG	LINH	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	3.8	3.75	
371	250371	022311001666	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	4.6	4.75	
372	250372	022311003323	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	4.25	3.4	2	
373	250373	022311010616	NGUYỄN VŨ GIA	LINH	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	7.8	7	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
374	250374	022311006383	PHẠM BẢO	LINH	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	4.4	4.5	
375	250375	022311001621	PHẠM HỒNG	LINH	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	5.2	5.5	
376	250376	022311002225	PHẠM NGỌC GIA	LINH	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	6.8	2.75	
377	250377	022311008283	PHẠM THỊ KHÁNH	LINH	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.25	7.8	6.5	
378	250378	036311015737	PHẠM THỊ PHƯƠNG	LINH	10/05/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5.5	2.6	2	
379	250379	022311003481	QUÁN THÙY	LINH	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	2.25	3	1.75	
380	250380	022311007782	TẠ KHÁNH	LINH	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.5	5.4	3.25	
381	250381	022311001691	TẨY ÁI	LINH	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	7	7	3.5	
382	250382	022311001856	TỐNG THỊ KHÁNH	LINH	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	5.2	4.75	
383	250383	022311002366	TÔ THÙY	LINH	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	8.25	4	4.5	
384	250384	024311016069	TRẦN ĐỒNG KHÁNH	LINH	05/08/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	8.2	5	
385	250385	022311007633	VŨ THỊ DIỆU	LINH	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	4	2.4	1.25	
386	250386	030311004941	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	25/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	4.8	3.75	
387	250387	022211008889	BÙI HOÀNG	LONG	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	4.25	2.6	0.75	
388	250388	030211010017	BÙI HUY	LONG	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	3	2.75	
389	250389	022211005283	NGỌC BẢO	LONG	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	3.25	2	1	
390	250390	022211009930	NGÔ HOÀNG	LONG	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	9.2	7.5	
391	250391	022211006310	NGUYỄN HOÀNG	LONG	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	4.6	2	
392	250392	022211011228	NGUYỄN THÀNH	LONG	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	3.75	2.8	1	
393	250393	030211003984	VŨ ĐỨC	LONG	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	3	0.75	
394	250394	034211007931	HOÀNG PHÚC	LỘC	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	7.8	6.25	
395	250395	022311006567	LÝ THỊ VIỆT	LỤA	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Đồng Sơn	Tiếng Anh	2.5	2.2	3	
396	250396	022311008338	ÂU THỊ MINH	LUYẾN	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Cao Lan	THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	2.4	5.5	
397	250397	022211008049	NGUYỄN THÀNH	LƯƠNG	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	5	5.25	
398	250398	022311001544	ĐỖ THỊ THẢO	LY	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7	6.6	5.75	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
399	250399	022311000872	TẠ BẢO KHA	LY	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.75	5.6	5	
400	250400	022311010230	BÙI PHƯƠNG	MAI	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	4	2.75	
401	250401	022311013735	BÙI THANH	MAI	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	5.6	4.25	
402	250402	022311008514	DƯƠNG QUỲNH	MAI	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	5.8	3.75	
403	250403	022311006857	ĐẶNG HIỀN	MAI	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	5	3.5	
404	250404	022311012915	ĐINH THỊ NGỌC	MAI	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	8.25	6	6.75	
405	250405	022311004225	ĐỖ NGỌC	MAI	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5.75	7.2	5	
406	250406	022311008129	NGUYỄN DƯƠNG THANH	MAI	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8	9.8	6.75	
407	250407	022311003093	NGUYỄN THANH	MAI	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5.75	4.8	5.5	
408	250408	022311002104	NGUYỄN XUÂN	MAI	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi - Việt Hưng	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
409	250409	022311006089	PHẠM NGỌC	MAI	27/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	7.6	4.5	
410	250410	022311011437	TRẦN THỊ XUÂN	MAI	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	3.5	3.4	1.25	
411	250411	022211003571	BÙI XUÂN	MẠNH	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	3.6	2.25	
412	250412	022211003911	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	MẠNH	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5	6.2	4.5	
413	250413	022211011702	PHẠM DUY ĐỨC	MẠNH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.5	7	3.75	
414	250414	030211018045	TÔ ĐỨC	MẠNH	12/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.25	5.6	2.75	
415	250415	022211013911	TRẦN ĐỨC	MẠNH	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.75	4.4	2.25	
416	250416	022211010667	BÙI QUANG	MINH	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	6.6	5.75	
417	250417	022211011151	DƯƠNG THIỆN	MINH	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	4.8	4	
418	250418	035211006676	ĐÀO NHẬT	MINH	04/07/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	5	4.75	
419	250419	022211006541	ĐẶNG ĐỨC	MINH	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi - Việt Hưng	Tiếng Anh	5.25	3.6	3.75	
420	250420	022211003454	ĐẶNG TUẤN	MINH	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5.5	3.8	6	
421	250421	024211001523	KIỀU CÔNG	MINH	09/10/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	2.8	1.75	
422	250422	022211000227	LÂM THÁI	MINH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	3.5	3.4	4.5	
423	250423	033211008121	NGUYỄN HOÀNG	MINH	10/02/2011	Tỉnh Sơn La	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	8.2	8.25	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
424	250424	022311003745	NGUYỄN LÊ NGỌC	MINH	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	3.25	4.4	6.25	
425	250425	034211002982	NGUYỄN MẬU	MINH	13/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	7.4	4	
426	250426	022211001277	NGUYỄN NHẬT	MINH	01/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	5.6	4	
427	250427	022211001640	NGUYỄN QUANG	MINH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	7.4	2.5	
428	250428	031211011076	NGUYỄN QUANG	MINH	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7	6.2	4	
429	250429	037311009579	NGUYỄN THỊ THU	MINH	13/02/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	2.4	2.25	
430	250430	030211011035	NGUYỄN TIẾN ANH	MINH	22/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	3	6.25	
431	250431	024211000812	PHẠM NGUYỄN LÂM	MINH	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	8.8	5.75	
432	250432	030211007882	TIÊU CÔNG	MINH	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	4.2	4	
433	250433	022311006051	TRẦN HOÀNG	MINH	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6	3.2	4.5	
434	250434	022211005528	VŨ ĐÌNH	MINH	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	5	6.5	
435	250435	022211007827	VŨ LÊ	MINH	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	6.8	4	
436	250436	022311012010	BÀN THỊ HÀ	MY	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	7.25	3	3.75	
437	250437	022311001376	ĐẶNG THỊ TRÀ	MY	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Kỳ Thượng	Tiếng Anh	3	2.4	1.25	
438	250438	022311009459	ĐẶNG THỊ TUYẾT	MY	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	5.75	3.4	3.25	
439	250439	022311010182	ĐỖ HÀ	MY	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5	4.8	3.25	
440	250440	022311003551	NGUYỄN HÀ	MY	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	5	4.25	
441	250441	038311014275	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	06/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	4	3	
442	250442	022311002452	PHẠM HÀ	MY	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	5.2	5.5	
443	250443	022311005141	PHẠM TRÀ	MY	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	4.2	4.25	
444	250444	022311011743	TRẦN TRÀ	MY	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	3.2	2.75	
445	250445	022311004796	TRẦN TRÀ	MY	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8.75	6.4	5.75	
446	250446	030311004136	TRƯƠNG VŨ THẢO	MY	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	4	1.75	
447	250447	022311001225	VŨ HOÀNG MỸ	MỸ	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	5.75	5.4	3.75	
448	250448	022311001311	TRIỆU LI	NA	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	6.5	6.6	3.25	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
449	250449	022211000647	DƯƠNG THÀNH	NAM	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	8.6	3.25	
450	250450	022211002900	ĐOÀN HẢI	NAM	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	4	4.5	
451	250451	022211004450	ĐOÀN HOÀNG THIỆN	NAM	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	2.5	2.2	1	
452	250452	022211012505	HOÀNG HẢI	NAM	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	7.8	4.75	
453	250453	022211005028	LÊ BẢO	NAM	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	8.4	5	
454	250454	022211008702	LÊ SƠN	NAM	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7	3.6	5	
455	250455	022211000711	NGUYỄN HẢO	NAM	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	6	6	
456	250456	022211000538	PHẠM KHÁNH	NAM	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	4.2	4.25	
457	250457	022211006570	PHẠM VĂN HẢI	NAM	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	5	3.25	
458	250458	022211007670	VŨ ĐỖ HOÀI	NAM	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7	4.6	3.25	
459	250459	022211001252	VŨ HẢI	NAM	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6	4.4	4.5	
460	250460	022311005370	NGUYỄN THỊ TỐ	NGA	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	4.75	8.2	5	
461	250461	022311007642	TRIỆU THỊ QUỲNH	NGA	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6.75	3.2	3.75	
462	250462	022311008382	TRỊNH PHƯƠNG	NGA	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	7.4	2.75	
463	250463	022211012506	BÀN VĂN	NGÂN	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	4.75	2.8	5.5	
464	250464	022311005761	ĐÀM HOÀNG	NGÂN	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	6.6	4	
465	250465	022311011307	ĐẶNG THỊ MỸ	NGÂN	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	8.2	4.25	
466	250466	022311009120	ĐỒNG THỊ KIM	NGÂN	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	7.2	2.5	
467	250467	022311007395	LÊ THỊ KIM	NGÂN	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	4	3.4	1.5	
468	250468	022311007836	LÊ THỊ THÚY	NGÂN	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8	8.8	7.5	
469	250469	027311008702	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	6.2	2.75	
470	250470	022311007199	NGUYỄN TRẦN BẢO	NGÂN	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	7	3.75	
471	250471	022311003866	ĐÀM TUỆ TƯỜNG	NGHI	16/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	9.2	6.75	
472	250472	038211020384	PHẠM THANH	NGHỊ	06/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	1.6	4.25	
473	250473	022211009672	ĐẶNG VĂN	NGHĨA	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	4	2.6	3	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
474	250474	022211010489	ĐINH TRUNG	NGHĨA	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	4	5	4.75	
475	250475	022211013010	TRẦN ĐÌNH	NGHĨA	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	8.6	4	
476	250476	022211002494	TRẦN TRỌNG	NGHĨA	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	9.2	7.5	
477	250477	022211010131	TRƯƠNG TRUNG	NGHĨA	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5.75	4.6	3.5	
478	250478	022311001736	BÙI MINH	NGỌC	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	3.2	2.25	
479	250479	022311009576	DƯƠNG MINH	NGỌC	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	2.6	1.75	
480	250480	079311049932	DƯƠNG THÚY	NGỌC	27/07/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	THCS Trới	Tiếng Anh	6	4.2	3.25	
481	250481	022311005329	ĐINH MINH	NGỌC	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.5	4.6	5.75	
482	250482	022311000716	HOÀNG DƯƠNG BẢO	NGỌC	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8.25	9.4	5.5	
483	250483	022311011404	HOÀNG MINH	NGỌC	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8.75	6.6	4.25	
484	250484	024311009412	HOÀNG THỊ	NGỌC	04/12/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ	Nùng	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	5.2	5.25	
485	250485	040311004350	HỒ HOÀNG BẢO	NGỌC	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	9	7.75	
486	250486	022311000106	NGÔ BẢO	NGỌC	05/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	3.4	3.5	
487	250487	022311004293	NGUYỄN BẢO	NGỌC	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	6.5	5.6	6.75	
488	250488	022311010697	NGUYỄN BẢO	NGỌC	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.25	5.6	6	
489	250489	022311003803	NGUYỄN BẢO	NGỌC	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	3.5	3.8	1.75	
490	250490	022311000822	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.25	4.8	3.75	
491	250491	022311012830	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	7.2	4.75	
492	250492	022311010742	NGUYỄN VŨ BẢO	NGỌC	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	9	6.8	6.5	
493	250493	022311009240	PHẠM BẢO	NGỌC	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	7.6	4.25	
494	250494	022311005452	PHẠM NGUYỄN BẢO	NGỌC	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.75	3.6	5.25	
495	250495	030311002584	TÔ ÁNH	NGỌC	14/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	1.8	2.25	
496	250496	022311009650	TRẦN LÊ NHƯ	NGỌC	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	6.6	4	
497	250497	022311004567	VŨ BẢO	NGỌC	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.25	5.2	4.75	
498	250498	022211010985	ĐẶNG KHÔI	NGUYÊN	12/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.25	5.2	5.5	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
499	250499	022311003095	NGUYỄN HIỀN THẢO	NGUYÊN	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	3.6	5	
500	250500	022211002928	NGUYỄN TRUNG	NGUYÊN	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.5	6.2	4.25	
501	250501	022211008280	PHẠM KHÔI	NGUYÊN	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	5	5.75	
502	250502	022211002178	TRỊNH CÔNG	NGUYÊN	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5.75	7	3.5	
503	250503	022211001404	VŨ ĐĂNG	NGUYÊN	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.25	9.8	5.5	
504	250504	022211005929	NGUYỄN NGUYÊN	NGUYỄN	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	4	0.5	
505	250505	022211010875	CHU VĂN	NHÂN	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7	6	4.25	
506	250506	022211003283	HOÀNG QUÝ	NHÂN	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	4.25	3	4.5	
507	250507	022211002856	ĐINH MINH	NHẬT	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.25	8.2	4.5	
508	250508	022311007144	ĐỖ YẾN	NHI	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	7.6	6.75	
509	250509	022311010155	HOÀNG VŨ YẾN	NHI	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8	8.2	5.75	
510	250510	015311003327	NGUYỄN BẢO	NHI	19/12/2011	Tỉnh Lào Cai	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	2.6	3	
511	250511	034311000457	NGUYỄN LÊ YẾN	NHI	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	6.4	5	
512	250512	022311006033	NGUYỄN THẢO	NHI	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5.25	3.8	3	
513	250513	022311010258	PHẠM ĐAN	NHI	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	1.8	2.5	
514	250514	022311011457	TRẦN YẾN	NHI	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	2.4	3.5	
515	250515	022311003058	TRẦN YẾN	NHI	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.5	4.8	3.75	
516	250516	022311007484	TRIỆU THỊ YẾN	NHI	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	4.25	2.4	2	
517	250517	022311000736	VŨ PHAN YẾN	NHI	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8.25	4.6	4.25	
518	250518	022311009168	BÙI CẨM	NHUNG	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8	3.2	3.5	
519	250519	022311009280	LƯU THỊ HỒNG	NHUNG	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	4.8	4.25	
520	250520	022311012728	TRƯƠNG CẨM	NHUNG	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	4.8	5	
521	250521	022311001761	BÀN THỊ QUỲNH	NHƯ	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Kỳ Thượng	Tiếng Anh	6.75	2.8	2.5	
522	250522	022311009346	BÀN THỊ QUỲNH	NHƯ	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6	3.2	2.5	
523	250523	022311010227	BÙI THỊ HẢI	NHƯ	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7	2.8	2	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
524	250524	022311009942	LƯƠNG NGUYỄN LINH	NHƯ	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8.5	8.6	6.75	
525	250525	022311002448	NGUYỄN HUỆ	NHƯ	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	10	4.75	
526	250526	022311004476	ĐẶNG THỊ HÀ	NINH	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	8	2.8	2.5	
527	250527	022211011583	NGUYỄN HOÀNG	NINH	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	4.4	2.25	
528	250528	022311010981	PHẠM THÙY	NINH	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	3.5	3.2	1.25	
529	250529	022311005308	NGUYỄN LÂM	OANH	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7	3.6	1	
530	250530	022211001038	BÙI TẤN	PHÁT	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	3.8	2.25	
531	250531	030211013177	NGUYỄN ĐỨC	PHÁT	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	2.75	5.2	3.5	
532	250532	022211012147	ĐÀO XUÂN	PHONG	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.5	6.6	5	
533	250533	022311005984	ĐẶNG THANH	PHONG	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	5.75	2.8	3.5	
534	250534	022211002075	ĐOÀN ĐỨC	PHONG	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	7.8	6	
535	250535	022211013809	ĐOÀN HẢI	PHONG	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	8	8.25	
536	250536	030211006036	NGUYỄN ĐỨC	PHONG	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
537	250537	022211000525	NGUYỄN HẢI	PHONG	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.5	4.2	4.5	
538	250538	022211009283	NGUYỄN NAM	PHONG	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.75	2	3.25	
539	250539	022211003702	NGUYỄN NGỌC GIA	PHONG	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.5	5	5.5	
540	250540	022211012369	NGUYỄN QUỐC	PHONG	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.5	5.2	8	
541	250541	022211009451	TRIỆU KIM	PHONG	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	1.5	1.6	1	
542	250542	022211009572	TRIỆU SINH	PHONG	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	2.25	2	1.75	
543	250543	022211001272	BÙI ĐỨC	PHÚ	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	4	2.8	3.25	
544	250544	022211007168	ĐINH GIA	PHÚ	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6	8.6	5.75	
545	250545	022211008729	LÊ MINH	PHÚ	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi - Việt Hưng	Tiếng Anh	4.75	4.4	3.25	
546	250546	022211008208	TRẦN ĐỨC	PHÚ	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7	4.6	4.75	
547	250547	022211004698	ĐÀO ĐỨC	PHÚC	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7	2.8	4.5	
548	250548	022211007132	ĐOÀN MINH	PHÚC	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	2.75	2.6	1	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
549	250549	022311003575	LÝ HỒNG	PHÚC	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hán	TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.25	3.8	2.5	
550	250550	022211003325	NGÔ HỮU	PHÚC	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.25	5.4	4.5	
551	250551	022211010661	NGUYỄN NGỌC DANH	PHÚC	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	4.75	2.2	1.25	
552	250552	022211009740	NGUYỄN TRƯỜNG	PHÚC	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	8.25	9.6	5.75	
553	250553	022211013155	PHẠM DUY	PHÚC	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	8.4	8	
554	250554	022211006084	VŨ GIA	PHÚC	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi - Việt Hưng	Tiếng Anh	3.5	6.2	4.25	
555	250555	033311000459	BÙI THỊ MAI	PHƯƠNG	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	6.4	8	
556	250556	022311008804	ĐÀM THẢO	PHƯƠNG	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7	4.6	5.25	
557	250557	022311000738	ĐỖ THỊ THU	PHƯƠNG	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	4.2	3.75	
558	250558	022311004835	HOÀNG HÀ	PHƯƠNG	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8	7.6	4.5	
559	250559	022311002255	LẠI THU	PHƯƠNG	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	5	3.75	
560	250560	022311004048	LÝ BÌNH	PHƯƠNG	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	8.5	8.2	6.5	
561	250561	022311008904	NGUYỄN ĐỖ MINH	PHƯƠNG	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8	6.8	5.5	
562	250562	022311005294	NGUYỄN HẢI	PHƯƠNG	16/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	9	7.75	
563	250563	002311009811	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	4.4	4	
564	250564	022311006617	NGUYỄN THỊ MINH	PHƯƠNG	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8	4	4.75	
565	250565	022311005490	NGUYỄN VŨ LAN	PHƯƠNG	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.5	4	3.5	
566	250566	022211006618	PHẠM KHÁNH	PHƯƠNG	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	1.4	1.5	
567	250567	022311010458	PHẠM THU	PHƯƠNG	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	7.2	4.5	
568	250568	022311001583	TRẦN THỊ MAI	PHƯƠNG	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.5	2.8	3.25	
569	250569	038311005065	VŨ LAN	PHƯƠNG	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	3.5	2.4	1.5	
570	250570	022310003411	TRIỆU THỊ	PHƯỢNG	31/10/2010	Tỉnh Lạng Sơn	Nữ	Dao	TH và THCS Kỳ Thượng	Tiếng Anh	3.5	3.4	2	
571	250571	022211002850	LÊ MINH	QUANG	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	1.75	3	0.5	
572	250572	022211001138	NGUYỄN ĐỨC	QUANG	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	6.8	4.25	
573	250573	022211010403	LÊ CÔNG	QUÂN	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	4.8	3.5	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
574	250574	022211011303	NGUYỄN MINH	QUÂN	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	8	7	
575	250575	022211009705	PHÚ MẠNH	QUÂN	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	6.4	6	
576	250576	022211006892	TRẦN NGỌC	QUÂN	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	3.8	2.75	
577	250577	022311001926	TRIỆU THỊ KIM	QUÂN	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	2.75	1.8	1	
578	250578	022311009859	BÙI THỊ MAI	QUYÊN	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	3.5	2	2.25	
579	250579	022311006521	ĐẶNG THỤC	QUYÊN	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7	6.8	5	
580	250580	022311004617	LÝ THỊ NGỌC	QUYÊN	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	6.5	3.4	4	
581	250581	022211008966	BÀN VĂN	QUYỀN	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Trới	Tiếng Anh	6.25	9	5.5	
582	250582	022211004321	BÙI THẾ	QUYỀN	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	3	4.25	
583	250583	022311012744	AN THANH	QUỲNH	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.25	5.2	2.75	
584	250584	022311009706	DƯƠNG THỊ NHƯ	QUỲNH	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7	3	1.5	
585	250585	022311002686	ĐỖ NHƯ	QUỲNH	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6.75	3.2	3.25	
586	250586	022311005780	LÊ THÚY	QUỲNH	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	7.4	4.75	
587	250587	022311009543	TẠ THU	QUỲNH	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	4.25	4.2	2.75	
588	250588	022211003718	NGUYỄN NGỌC	SƠN	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6	4.8	4.25	
589	250589	033311005924	ĐỖ QUỲNH	TÂM	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	3.6	4.5	
590	250590	022211006994	NGUYỄN ĐỨC	TÂM	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	4.2	4	
591	250591	022311009716	TRẦN THANH	TÂM	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.5	3.6	5.75	
592	250592	022311006581	VŨ MINH	TÂM	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6	4.2	4.5	
593	250593	022211000996	PHẠM TRỌNG	TẤN	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	2.75	5.4	4.75	
594	250594	022211009157	BÀN HỮU	THANH	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Kỳ Thượng	Tiếng Anh	1.5	2	1.25	
595	250595	022311006852	ĐÀM THỊ HUYỀN	THANH	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	4.75	3	1.5	
596	250596	022211011637	ĐOÀN TRUNG	THÀNH	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	3.6	0.75	
597	250597	022211008651	ĐỖ ĐỨC	THÀNH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.25	8.6	6.75	
598	250598	022211012008	HỒ MINH	THÀNH	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	8.2	7.75	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
599	250599	030211017810	NGUYỄN BÁ	THÀNH	23/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5.75	4.6	5	
600	250600	038211027378	NGUYỄN HỮU	THÀNH	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi - Việt Hưng	Tiếng Anh	5.75	7.2	3.25	
601	250601	022211006759	TRẦN MINH	THÀNH	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	4.6	4	
602	250602	022311008960	ĐOÀN HƯƠNG	THẢO	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.25	7.2	5	
603	250603	022311001148	ĐỖ THU	THẢO	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	4	3	
604	250604	022311002455	LA PHƯƠNG	THẢO	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Trới	Tiếng Anh	7	4.6	4	
605	250605	034311016743	LÊ NGUYỄN THANH	THẢO	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.25	4.4	4.5	
606	250606	034311004005	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	23/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7	5.8	5.5	
607	250607	022311007997	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7	4.8	3.5	
608	250608	022311007016	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	5.8	4	
609	250609	022311011448	PHẠM THỊ THANH	THẢO	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	4.8	4	
610	250610	022311001992	TẨY PHƯƠNG	THẢO	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	8.25	5.6	7.25	
611	250611	022311008622	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	3.75	2	0.25	
612	250612	022311004017	VŨ THANH	THẢO	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8.5	3.6	5	
613	250613	022211010313	ĐẶNG QUANG	THẮNG	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	4.2	4	
614	250614	022211013920	LẠI VĂN	THẮNG	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	5.75	2.6	1.75	
615	250615	030211004888	NGÔ ĐỨC	THẮNG	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	5	5.5	
616	250616	022211006401	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	THẮNG	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.75	4.6	6.25	
617	250617	022211007768	PHẠM QUANG	THẮNG	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	5.2	3.25	
618	250618	022211007451	PHẠM THÀNH	THẮNG	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	4.2	2.75	
619	250619	022211012469	PHẠM XUÂN	THỊNH	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	6	4.5	
620	250620	022211013508	TRẦN ĐỨC	THỊNH	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	4.8	4.75	
621	250621	022211004889	NGUYỄN VĂN	THÔNG	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5	6.6	7.25	
622	250622	022211002260	VŨ HỮU	THÔNG	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	2.5	6.2	2.75	
623	250623	022311005556	NGUYỄN THỊ ANH	THƠ	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5.25	2.4	3.75	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
624	250624	022311002003	PHẠM THỊ THANH	THUÝ	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8.5	8.4	7	
625	250625	022311007057	ĐỖ MAI	THÙY	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	3.2	4.25	
626	250626	022311002297	QUANG THỊ THANH	THÙY	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.25	3.8	4.5	
627	250627	022311000787	VŨ MAI	THÙY	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	Tiếng Anh	5.75	3.4	2.75	
628	250628	022311000540	NGUYỄN THU	THỦY	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	5.2	4.5	
629	250629	022311011331	HOÀNG PHƯƠNG	THÚY	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	7.6	7	
630	250630	022311000718	NGUYỄN NGỌC	THÚY	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	1.8	1.25	
631	250631	031311015163	BÙI ANH	THƯ	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7	7.4	5	
632	250632	022311008517	BÙI THỊ MINH	THƯ	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	6.2	4.75	
633	250633	022311005135	ĐẶNG ANH	THƯ	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	8	7.6	4.5	
634	250634	022311003230	HÀ ANH	THƯ	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	3	3	
635	250635	022311008649	NGUYỄN ANH	THƯ	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	8.25	6.2	5	
636	250636	022311001205	NGUYỄN MINH	THƯ	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.75	4	2.75	
637	250637	022311000536	NGUYỄN THỊ AN	THƯ	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	5.2	4.75	
638	250638	024311002584	NÔNG THỊ MINH	THƯ	02/10/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	4.6	3.25	
639	250639	034311017209	PHÙNG ANH	THƯ	21/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	2.4	3.25	
640	250640	022311003563	TRẦN ANH	THƯ	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.5	9.2	7.25	
641	250641	022311010820	TRẦN NGUYỄN MINH	THƯ	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	2.2	4.5	
642	250642	022311004008	TRIỆU THỊ ANH	THƯ	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	7.5	5.6	4.25	
643	250643	022311006125	VŨ MINH	THƯ	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5.5	2.4	1.75	
644	250644	034311002975	VŨ THỊ MINH	THƯ	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.25	3.8	1.5	
645	250645	022311006743	NGUYỄN KHÁNH	THY	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8.5	10	8.25	
646	250646	022311002827	TRIỆU BÙI KHÁNH	THY	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8	6.2	3.75	
647	250647	022311002268	NGUYỄN THỦY	TIÊN	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Trới	Tiếng Anh	8.5	8.8	8.25	
648	250648	022311012202	TRIỆU THỊ THUỶ	TIÊN	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	5.25	2.6	1	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
649	250649	022211003533	HOÀNG TRỌNG	TIẾN	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	4.8	4	
650	250650	079211024147	LẠI KHÁNH	TOÀN	08/09/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5.75	7.4	4.5	
651	250651	022211005426	LÊ CẢNH	TOÀN	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6	4.4	4.25	
652	250652	022311001343	ĐẶNG THANH	TRÀ	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	3.6	3	
653	250653	022311008747	NGUYỄN HƯƠNG	TRÀ	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.75	3.8	4.25	
654	250654	022311002253	ĐẶNG MAI	TRANG	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8	6.8	6	
655	250655	022311002828	ĐẶNG TÔ THÙY	TRANG	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6	8	2.25	
656	250656	022311009679	ĐINH HUYỀN	TRANG	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	7.6	6.5	
657	250657	022311006014	LINH THỊ HUYỀN	TRANG	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	5.75	4.6	2.5	
658	250658	022311009132	LƯƠNG HUYỀN	TRANG	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7	3	2	
659	250659	022311006272	LƯU HUYỀN	TRANG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	2.8	0.75	
660	250660	033311001373	NGÔ HÀ	TRANG	13/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7	6.6	5	
661	250661	022311008001	NGUYỄN ÁNH HUYỀN	TRANG	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5	3.4	4.75	
662	250662	022311002658	NGUYỄN MINH	TRANG	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	6.8	7	
663	250663	022311003497	PHẠM BẢO	TRANG	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	7.4	3	
664	250664	022311004346	PHẠM QUỲNH	TRANG	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.5	4.8	5	
665	250665	022311012556	PHÙNG THỊ MINH	TRANG	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	1.8	3.5	
666	250666	022311004594	TRẦN HUYỀN	TRANG	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	6	6.25	
667	250667	022311001494	VŨ QUỲNH	TRANG	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.5	7.8	6.5	
668	250668	022311006621	VŨ THỊ QUỲNH	TRANG	28/08/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	6.2	3.75	
669	250669	036311011073	CỒ THỊ BẢO	TRÂM	13/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.25	4.2	3.75	
670	250670	022311003858	ĐẶNG HUYỀN	TRÂM	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	6	4.8	4.5	
671	250671	022311004985	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	6.2	4.75	
672	250672	022311008944	LÝ THỊ NGỌC	TRÂN	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	6.75	2.4	2	
673	250673	022311005211	BÙI NGỌC PHƯƠNG	TRINH	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	6.6	3.25	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
674	250674	022311000422	LÊ KIỀU	TRINH	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6	3.2	2.5	
675	250675	034311001206	NGUYỄN HÀ HUYỀN	TRINH	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	4	6.25	
676	250676	022211008803	NGUYỄN THÁI	TRỌNG	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Mường	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.5	6	1.75	
677	250677	022211001966	TRẦN ĐÌNH	TRỌNG	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	6.6	3.25	
678	250678	022311000705	HOÀNG MAI THANH	TRÚC	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	2.2	2.5	
679	250679	022311009273	VŨ THANH	TRÚC	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	5.8	4	
680	250680	022211007788	BÙI VĂN QUỐC	TRUNG	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	8.6	7.75	
681	250681	022211002433	NGUYỄN ANH	TRUNG	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	5	3.8	1	
682	250682	022211000951	NGUYỄN TIẾN	TRUNG	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6.25	4.6	5.5	
683	250683	022211004518	VŨ ĐÌNH	TRUNG	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	4	3.25	
684	250684	022211004653	ĐINH QUANG	TRƯỜNG	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.25	5	3.5	
685	250685	022211001752	ĐINH XUÂN	TRƯỜNG	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	5.6	3.25	
686	250686	022211008527	ĐINH XUÂN	TRƯỜNG	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	3.25	3	1.75	
687	250687	022211013999	TRẦN VĂN	TRƯỜNG	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	4.5	3.2	1.5	
688	250688	022211008934	TRIỆU KIM	TRƯỜNG	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	4.5	3.2	2.75	
689	250689	022211002145	HOÀNG HẢI	TÚ	17/09/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Tày	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	6.5	4.6	5.5	
690	250690	022211000662	HOÀNG TUẤN	TÚ	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	9.2	5.5	
691	250691	022311010397	MAI CẨM	TÚ	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	6.4	3	
692	250692	022211013516	NGUYỄN ANH	TÚ	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.75	2.8	1	
693	250693	040211000829	NGUYỄN HỮU	TÚ	29/07/2011	Tỉnh Nghệ An	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	8.2	7	
694	250694	022211003896	NGUYỄN VIỆT	TÚ	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	3.6	5.25	
695	250695	022211009165	TRỊNH TUẤN	TÚ	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	3.5	5.6	2	
696	250696	036211002776	CỒ NĂNG	TUÂN	21/12/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	2.25	4	3.75	
697	250697	022211004342	LẠI MINH	TUÂN	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.25	7.2	4	
698	250698	022211001961	ĐINH CÔNG	TUẤN	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	4.6	4.75	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
699	250699	022211006272	HÀ ANH	TUẤN	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	3.2	6	
700	250700	022211008849	LƯƠNG ANH	TUẤN	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	3.25	3.8	1	
701	250701	022211012819	PHẠM VĂN	TUẤN	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	3.5	2.4	1.5	
702	250702	022211012717	NGUYỄN TIẾN	TUỆ	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	5.75	4.6	2.5	
703	250703	022211009616	BÙI DUY	TÙNG	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	4.2	7	
704	250704	022211006166	ĐẶNG PHÚC	TÙNG	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	5	2.2	3.75	
705	250705	022211001385	HỒ VŨ ĐỨC	TÙNG	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
706	250706	052211004837	LÊ NGUYÊN	TÙNG	11/12/2011	Tỉnh Gia Lai	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	3.2	5	
707	250707	022211013881	NGÔ XUÂN	TÙNG	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	3.6	2.5	
708	250708	022211000135	NGUYỄN SƠN	TÙNG	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	7.2	6	
709	250709	022211014662	TRẦN HẢI	TÙNG	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7	4.8	4.25	
710	250710	022211003550	VŨ ĐỨC HẢI	TÙNG	04/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Nguyễn Trãi - Việt Hưng	Tiếng Anh	6.75	4.8	4.5	
711	250711	022211004181	NGUYỄN ĐĂNG	TUYÊN	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	5	3.4	2.75	
712	250712	022311006739	BÀN THỊ THANH	TUYỀN	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	5.75	2.8	4.5	
713	250713	022311010736	TRỊNH THỊ	TƯƠI	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Kỳ Thượng	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
714	250714	022311010037	ĐẶNG BÍCH	UYÊN	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	2.75	2.2	0.25	
715	250715	022311002410	NGÔ TÂN	UYÊN	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6.5	3.2	3.25	
716	250716	022311007618	NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	7.4	5.25	
717	250717	022311009377	PHẠM NGỌC	UYÊN	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	4	1	
718	250718	034311012933	VŨ MAI PHƯƠNG	UYÊN	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	8	6.75	
719	250719	022211013061	NGỌC ANH	VĂN	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7	3.8	6.5	
720	250720	033311013916	BÙI THỊ CẨM	VÂN	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	5	4.8	5.75	
721	250721	022211003180	LÝ QUỐC	VIỆT	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	2.25	1.6	0.75	
722	250722	022211006395	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	8.6	7.5	
723	250723	022211000527	VY HẢI	VINH	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	4	6.6	2	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
724	250724	022211003245	BÙI HUY	VŨ	18/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	6	7.6	3.25	
725	250725	022211001025	BÙI MINH	VŨ	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	3.5	2.4	1.5	
726	250726	022211005037	DƯƠNG HOÀNG	VŨ	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	4.4	4.25	
727	250727	022211009560	ĐỖ ĐỨC	VŨ	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	3.2	2	
728	250728	022211009108	LỤC GIA TUẤN	VŨ	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	7	4	3.25	
729	250729	030311017861	NGUYỄN THU	VŨ	17/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.75	8.8	6	
730	250730	022211004320	PHẠM TRƯƠNG DƯƠNG	VŨ	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	3	2.6	1.25	
731	250731	022211003313	TRẦN QUANG	VŨ	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7	8.2	4.5	
732	250732	030211005079	LƯƠNG XUÂN	VŨNG	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trới	Tiếng Anh	6.75	9.2	7.5	
733	250733	022211002316	NGUYỄN LÂM	VƯƠNG	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	2.75	8	6	
734	250734	022311000549	ĐỖ PHƯƠNG	VY	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.25	3.8	4	
735	250735	022311008358	NGỌC HOÀNG YẾN	VY	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7.5	4.2	3.25	
736	250736	040311012158	NGUYỄN THẢO	VY	21/10/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6	4.6	4	
737	250737	038311012698	NGUYỄN THỊ HÀ	VY	05/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	7.25	5.2	6.5	
738	250738	022311011839	TẠ HIỀN	VY	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7	8.6	4.75	
739	250739	022311008200	VŨ YẾN	VY	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	6.75	4.8	3.75	
740	250740	022311000014	BÀN THỊ PHI	YẾN	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Kỳ Thượng	Tiếng Anh	0.75	2.4	0.5	
741	250741	022311010782	LÊ HẢI	YẾN	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	8.25	7.2	4.25	
742	250742	022311010238	LINH THỊ	YẾN	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Kỳ Thượng	Tiếng Anh	7	4.2	4	
743	250743	022311012089	NGUYỄN HẢI	YẾN	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7	3.2	4	
744	250744	022311004321	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	4.8	1.75	
745	250745	022311007011	NGUYỄN NGỌC HẢI	YẾN	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Hưng	Tiếng Anh	4.5	4.4	3.5	
746	250746	022311007404	PHẠM HẢI	YẾN	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	3	3	
747	250747	022311004956	PHẠM HẢI	YẾN	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	7	4.6	5.75	
748	250748	022311012693	PHẠM HẢI	YẾN	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trới	Tiếng Anh	6.5	4.6	2.75	

Đơn vị: THPT Hoành Bồ (22_HD_025)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
749	250749	022311000324	TRIỆU THỊ	YẾN	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Thống Nhất	Tiếng Anh	4.5	3.6	2.25	

(Danh sách này gồm có 749 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THCS và THPT Quảng La (22_HD_026)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	260001	022311011164	BÀN THỊ	ANH	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Tân Dân	Tiếng Anh	4.25	3.4	3.75	
2	260002	022211001111	ĐẶNG HỮU NHẬT	ANH	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Tân Dân	Tiếng Anh	2.75	3	1.75	
3	260003	022311009699	LÝ THỊ	ANH	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Tân Dân	Tiếng Anh	2.25	2	1	
4	260004	022311009660	LÝ THỊ TRÂM	ANH	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Tân Dân	Tiếng Anh	2	3.2	1	
5	260005	022310000959	TRẦN THỊ LAN	ANH	28/06/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	6	3.4	2	
6	260006	022211001649	VŨ VIỆT	ANH	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	4.25	2.8	3.5	
7	260007	022311012585	LÝ THỊ HỒNG	ÁNH	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	4	2.2	1.25	
8	260008	022311008347	TRƯƠNG NGỌC	ÁNH	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	5.25	2.8	2.5	
9	260009	022211000295	HOÀNG TRẦN GIA	BẢO	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	2.75	4.4	0.5	
10	260010	022211003821	TRIỆU BẢO	BẢO	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	2	2.8	0.75	
11	260011	022311003881	BÀN LÝ HUYỀN	BĂNG	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	3.25	2.8	2	
12	260012	022311003979	HOÀNG LỤC TÙNG	CHI	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	6.75	2.8	4.75	
13	260013	022311009589	LÝ BẢO	CHINH	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	4.75	2.4	3	
14	260014	022211010982	NGUYỄN TIẾN	CƯỜNG	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	5.75	3.8	3	
15	260015	022311001957	TRIỆU THỊ LÝ	DIỄM	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Tân Dân	Tiếng Anh	4	2.6	2	
16	260016	022211000437	TRƯƠNG HỮU	DUỆ	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	3.5	3.4	3.5	
17	260017	022211006486	LÊ XUÂN	DŨNG	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	6.25	3.2	3.25	
18	260018	022211004048	HOÀNG ĐỨC	DUY	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	5	2.4	1.25	
19	260019	022211006320	HOÀNG KHÁNH	DUY	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	5.25	2.6	1.75	
20	260020	022211004573	NGUYỄN KHÁNH	DUY	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	4.5	3.2	2	
21	260021	022311002028	BÀN THỊ	DUYÊN	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	6.5	3	3.5	
22	260022	022211010963	PHẠM TIẾN	DỰ	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	5	2.4	1.5	
23	260023	022311000237	ĐẶNG THỊ ÁNH	DƯƠNG	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	5.75	4.4	4	
24	260024	022211009546	LÝ QUỐC	DƯƠNG	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	5	5	2.5	

Đơn vị: THCS và THPT Quảng La (22_HD_026)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
25	260025	022311001283	NGÔ THỊ ÁNH	DƯƠNG	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	7.25	6.2	5	
26	260026	022311010905	NGÔ THỊ THÙY	DƯƠNG	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	6	3	2.5	
27	260027	022311000414	NGUYỄN ÁNH	DƯƠNG	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	3	3.6	2.75	
28	260028	022211004219	HÀ DUY	ĐẠT	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	4	2.4	2	
29	260029	022211009512	BÀN HẢI	ĐĂNG	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	3.25	3.4	2.25	
30	260030	022211010258	PHẠM HOÀNG HẢI	ĐĂNG	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	5.25	4.6	4.25	
31	260031	022211001074	TRƯƠNG VĂN	ĐỒNG	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	4	2.2	2	
32	260032	022211005415	DƯƠNG HOÀNG	ĐỨC	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	4.25	2.4	1.5	
33	260033	022211007093	HOÀNG MINH	ĐỨC	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	2.25	1.6	2.25	
34	260034	022211003142	HOÀNG MINH	ĐỨC	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	4	2.4	1.5	
35	260035	022211006539	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	4.25	2.4	3	
36	260036	022311012718	BÀN THỊ HƯƠNG	GIANG	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Tân Dân	Tiếng Anh	5.25	4	3.5	
37	260037	022311012731	ĐÀO HƯƠNG	GIANG	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	4.75	3	1	
38	260038	022211009783	ĐẶNG TRƯỜNG	GIANG	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	5.5	5.8	3.25	
39	260039	022211011441	NGUYỄN VĂN	GIANG	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tân Dân	Tiếng Anh	4.25	2.4	2.5	
40	260040	022211008825	LÝ VĂN	GIÁP	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	4	5.2	1.5	
41	260041	022311010717	BÀN THỊ THU	HÀ	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Tân Dân	Tiếng Anh	3.5	1.4	2	
42	260042	022311009158	CHU MINH	HẰNG	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	6.25	3.4	2.75	
43	260043	022310006490	NGUYỄN THỊ	HẰNG	21/11/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tân Dân	Tiếng Anh	2.5	1.8	2	
44	260044	022311004480	TRẦN THỊ MINH	HẰNG	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	5.5	2.4	4.25	
45	260045	022311007725	BÀN THỊ NGỌC	HÂN	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	2	2.4	1	
46	260046	022311007023	DƯƠNG THỊ NGỌC	HÂN	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	1.75	3	1.25	
47	260047	022311004502	HOÀNG PHƯƠNG	HẬU	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	5.75	2.6	2.5	
48	260048	022211004782	TRƯƠNG THẾ	HIỂN	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	4.5	5.4	5	
49	260049	022211007365	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	3.75	3.4	4	
50	260050	022211002095	BÀN VĂN	HIỆU	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	1.75	2.8	2.5	
51	260051	022311005093	NGUYỄN NGỌC	HOA	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	6	4.2	4.75	

Đơn vị: THCS và THPT Quảng La (22_HD_026)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
52	260052	022311005437	NGUYỄN THỊ THANH	HOA	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	6.5	3.8	4.25	
53	260053	022311011200	TRẦN THỊ	HOA	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	2.75	3.2	2.75	
54	260054	022211000230	KHÚC HUY	HOÀNG	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	7	6.4	4.5	
55	260055	022211001830	LƯƠNG HUY	HOÀNG	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	7.25	5	4.5	
56	260056	022211004730	PHẠM VIỆT	HOÀNG	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	6.25	4.8	4	
57	260057	022211003688	VI VIỆT	HOÀNG	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	2	2.8	2.75	
58	260058	022211009604	HÀ VIỆT	HÙNG	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	4.5	2.2	2.25	
59	260059	022211007377	LƯƠNG TUẤN	HÙNG	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	2.75	3.4	2.75	
60	260060	022211011004	CHU GIA	HUY	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	2.5	2.4	1.75	
61	260061	022211009405	LINH TÀI	HUY	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	4.5	4	4.25	
62	260062	022311000309	ÂN THANH	HUYỀN	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	3.25	2.6	2.25	
63	260063	022311012098	TRẦN KHÁNH	HUYỀN	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	5.25	4.6	4.75	
64	260064	022211013696	CHU GIA	HƯNG	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	6.75	5.2	1	
65	260065	022211008362	LÝ LÊ TUẤN	HƯNG	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	1.5	3.2	1	
66	260066	022211007058	NGUYỄN MẠNH	HƯNG	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	4.5	3.2	2	
67	260067	022211000279	TẨY VĂN	HƯNG	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	3.25	2.6	0.75	
68	260068	022211009916	TRIỆU TIẾN	HƯNG	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Tân Dân	Tiếng Anh	4.25	2.2	4.25	
69	260069	022211011112	TRƯƠNG THÁI	HƯNG	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	8.5	9.6	6.25	
70	260070	022211001664	LÝ NGUYÊN	KHANH	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	7	3.8	2.25	
71	260071	022211003112	LÝ SINH	KHÔI	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	4	1.6	1.25	
72	260072	022211001169	NGUYỄN HOÀNG	KIÊN	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	6.25	5.4	3.5	
73	260073	022211000226	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	6	2.6	3.5	
74	260074	022211008505	TRẦN VĂN TUẤN	KIỆT	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	3.25	3.6	1	
75	260075	022211005268	TRƯƠNG ANH	KIỆT	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	1.5	1.2	0.5	
76	260076	022211003008	TRẦN HOÀNG	LÂM	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	2.75	2.2	1.75	
77	260077	022211002361	TRƯƠNG BẢO	LÂM	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	2.75	3.4	1	
78	260078	022311003703	HOÀNG THỊ HOA	LÊ	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	4	6.4	3.75	

Đơn vị: THCS và THPT Quảng La (22_HD_026)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
79	260079	022311003098	BÀN KHÁNH	LINH	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	PT DTNT THCS và THPT Tỉnh Quảng Ninh (CƠ SỞ HẠ LONG)	Tiếng Anh	7	5.4	3	
80	260080	022311003359	ĐẶNG THẢO	LINH	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	5.75	3.8	3.75	
81	260081	022311000243	LÝ LƯU	LINH	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	7.5	4.4	4.5	
82	260082	024311007124	NGÔ PHƯƠNG	LINH	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	8	4.6	4.5	
83	260083	022311007958	PHẠM THÙY	LINH	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	7.25	4.6	4.25	
84	260084	022311006850	TRẦN PHƯƠNG	LINH	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	7	5.2	5	
85	260085	022311007444	TRẦN THẢO	LINH	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	2	6.6	2.25	
86	260086	022211001860	BÀN ĐỨC	LỘC	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	4.25	2.4	2.25	
87	260087	022211004345	TRIỆU HOÀNG	LUÂN	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	3.75	6.8	2.25	
88	260088	022311008985	ĐẶNG THẢO	LY	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	6	2.6	2	
89	260089	022311000289	ĐỖ KHÁNH	LY	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	4.5	2.8	2.25	
90	260090	022311000256	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	4.75	3.6	2.75	
91	260091	022311007755	TRẦN THỊ	MAI	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	2.5	2	0.75	
92	260092	022211012080	ĐẶNG HOÀNG	MINH	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	4.5	2.6	3.25	
93	260093	022210010195	ĐẶNG QUỐC	MỪNG	11/01/2010	Tỉnh Đắk Lắk	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	3	2.2	1.75	
94	260094	022311007289	TRƯƠNG HÀ	MY	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	3	2.6	1.75	
95	260095	022211002756	CHU BẢO	NAM	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	6	3.2	2.25	
96	260096	022211007437	HOÀNG NHẬT	NAM	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	3	1.4	2.5	
97	260097	022311004808	LÝ BẢO	NGÂN	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	5.75	2	2.5	
98	260098	022211001530	ĐẶNG HIẾU	NGHĨA	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	3.75	3	3.75	
99	260099	022211011987	LĂNG CHÍNH	NGHĨA	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	3.5	3.6	1.25	
100	260100	022211003257	TRIỆU GIA	NGHĨA	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	3.5	2.6	2.25	
101	260101	022311010875	TRIỆU BẢO	NGỌC	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Tân Dân	Tiếng Anh	4	2.6	1.75	
102	260102	022311002337	TRIỆU BẢO	NGỌC	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	3	2.2	1.25	
103	260103	022211013615	ĐẶNG BÌNH	NGUYÊN	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	1	2.2	1	
104	260104	022211007650	ĐINH KHÔI	NGUYÊN	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	7	7.8	8	
105	260105	022311010885	PHẠM THỊ THẢO	NGUYÊN	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	6.25	3.8	3.75	

Đơn vị: THCS và THPT Quảng La (22_HD_026)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
106	260106	022211013831	TRIỆU ĐỨC	NGUYÊN	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Tân Dân	Tiếng Anh	4.75	3.8	3.75	
107	260107	022311010898	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	7.25	5.8	5	
108	260108	022211010903	BÀN MINH	NHẬT	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	4.75	5.6	3.25	
109	260109	022211000444	ĐẶNG VĂN	NHẬT	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	4.75	3.2	1.25	
110	260110	022211013604	TRIỆU ĐỨC	NHẬT	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Tân Dân	Tiếng Anh	2.25	2.8	1.75	
111	260111	022311011488	BÀN THỊ LINH	NHI	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	4.25	3.6	2.75	
112	260112	022311002399	LÝ TUYẾT	NHI	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	6.25	3.6	3.25	
113	260113	031311018875	TRẦN TẠ TUYẾT	NHI	31/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	4.75	2.2	0.75	
114	260114	022211008289	VŨ TẤN	PHÁT	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	5.25	2.4	2	
115	260115	022211001466	LÊ TUẤN	PHONG	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	6	5.4	3.5	
116	260116	022211000083	NGỌC THIÊN	PHÚ	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	5.25	7.4	4.25	
117	260117	022211000305	LÊ HỮU	PHƯỚC	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	7	6	6	
118	260118	022311005324	BÙI MAI	PHƯƠNG	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	6.75	5.4	4.25	
119	260119	022311006473	HOÀNG Y	PHƯƠNG	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	5.5	4.8	2.5	
120	260120	022211003737	TRƯƠNG VINH	QUANG	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	3.25	6.6	4	
121	260121	022311008483	TẠ THỊ	QUYÊN	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Tân Dân	Tiếng Anh	2.25	1.4	2.5	
122	260122	022211011052	ÂN HỮU	QUYỀN	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	3.5	1.8	1.25	
123	260123	022211001420	NGUYỄN THẾ	QUYỀN	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	4.25	3.2	3.5	
124	260124	022211008624	BÀN SINH	QUYẾT	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Tân Dân	Tiếng Anh	3	4.2	2	
125	260125	022211006937	BÀN PHÚC	SANG	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Tân Dân	Tiếng Anh	3.75	3.2	2	
126	260126	022211000431	TRẦN THANH	SƠN	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	3	3	2.5	
127	260127	022211008654	ĐẶNG LÝ TUẤN	TÀI	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	2.5	6	3	
128	260128	022211007816	TRIỆU HỮU	TÀI	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	4.75	5.6	3.75	
129	260129	022211009119	ĐẶNG THÀNH	TẤN	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	5.25	8.4	5.75	
130	260130	022211003473	LÝ VĂN	THÀNH	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	4.75	2.6	3.5	
131	260131	022311005144	ĐẶNG PHƯƠNG	THẢO	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	4	5.4	2.25	
132	260132	022311007169	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	7.25	6.6	3	

Đơn vị: THCS và THPT Quảng La (22_HD_026)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
133	260133	022311000224	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	6.5	4.8	3.5	
134	260134	022311007950	TRIỆU PHƯƠNG	THẢO	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	5.25	2.4	1.5	
135	260135	022211006821	NGUYỄN MẠNH	THẮNG	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	5.75	2.2	1.25	
136	260136	022211005201	NGUYỄN TẤT	THẮNG	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	2.75	2.4	1.25	
137	260137	022211006030	ĐẶNG QUỐC	THIÊN	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	1.5	1.8	1	
138	260138	022211010352	ĐẶNG TRÍ	THIỆN	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Trới	Tiếng Anh	5	3.8	1.75	
139	260139	022211009901	ĐINH NGỌC	THIỆN	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	3.25	3.2	2	
140	260140	022211012141	BÀNG ĐỨC	THỊNH	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	4.75	4	1.75	
141	260141	022211007607	ĐẶNG MINH	THÔNG	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	3.5	3	1.5	
142	260142	022311011612	LÝ THỊ	THU	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	2.5	2	0.75	
143	260143	022311007350	NGUYỄN MAI	THÙY	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	5.25	3.8	2.5	
144	260144	022311001674	DƯƠNG THU	THỦY	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	5	4.2	3	
145	260145	022311001553	ĐẶNG THỊ ANH	THƯ	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	6.25	3.6	2.75	
146	260146	022311008660	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	6	5	4.75	
147	260147	022211005291	HÀ MẠNH	TIẾN	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	3.75	3.2	1	
148	260148	022211002139	PHẠM XUÂN	TÌNH	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	3.25	2.6	1.5	
149	260149	022211007261	BÀNG QUỐC	TĨNH	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	4.5	4.4	2.25	
150	260150	022311011353	LÝ HƯƠNG	TRÀ	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	4.25	2.8	1.25	
151	260151	022211001083	BÀN ĐỨC	TRAI	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	2.25	2.2	0.75	
152	260152	022311003886	HOÀNG THU	TRANG	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	6.75	3.2	2.5	
153	260153	038311010197	TRỊNH THU	TRANG	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	5.5	3.4	2.25	
154	260154	022211001785	BÙI TRAI	TRÁNG	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	4.5	3.8	4.25	
155	260155	022311003197	TRƯƠNG NGỌC	TRÂN	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	4.25	2.2	3.5	
156	260156	022211000278	ĐẶNG NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	2.25	2	1.5	
157	260157	022211009039	GIÁP ĐẠI	TRƯỜNG	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	4.25	3.8	2.5	
158	260158	022211003561	LÂM MẠNH	TRƯỜNG	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	2.75	2	1	
159	260159	022211001934	ĐINH VĂN	TRƯỜNG	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	2.25	2.8	1	

Đơn vị: THCS và THPT Quảng La (22_HD_026)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
160	260160	022211011071	NGUYỄN ANH	TÚ	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	3.25	1.6	1.75	
161	260161	022211001146	TRIỆU HOÀNG	TÚ	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Tân Dân	Tiếng Anh	5.5	2.6	2.75	
162	260162	022211005498	TRIỆU KIM DUY	TÙNG	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	5.25	3	1.75	
163	260163	022311008933	ĐẶNG HẠ	TUYẾT	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	6	4.6	4.25	
164	260164	022210007818	TRẦN ĐỨC	UY	30/12/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	1	2	1	
165	260165	022311007814	TRẦN THỊ	UYÊN	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	3.75	1.6	1	
166	260166	022311001167	HOÀNG THANH	VÂN	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	5.5	3	2.5	
167	260167	022311009957	ĐẶNG KIỀU	VI	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	3.75	1.8	1.5	
168	260168	022311011329	ĐẶNG TRƯƠNG HÀ	VI	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	4	2.2	3.25	
169	260169	022311012024	LÝ THỊ	VI	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	1.25	3.6	1	
170	260170	022211001129	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	5.25	2.6	2.75	
171	260171	022211005384	PHẠM TUẤN	VIỆT	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	4.25	9.2	4.5	
172	260172	022311004989	BÀN THỊ KHÁNH	VY	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	2.75	2.4	1.25	
173	260173	022311012730	NGỌC HÀ	VY	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	5.5	4.2	4.25	
174	260174	022311000244	VŨ KHÁNH	VY	06/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	5.5	6.2	5	
175	260175	022211011003	ĐINH TRIỆU	VỸ	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Sơn Dương	Tiếng Anh	3.25	1.8	2.25	
176	260176	022211012004	PHAN ĐẶNG DUY	VỸ	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	5.5	3.4	4.75	
177	260177	022311006034	NGÔ THỊ NHƯ	Ý	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS và THPT Quảng La	Tiếng Anh	6.25	3.8	4.75	
178	260178	022311002037	LÊ HOÀNG	YẾN	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quảng La	Tiếng Anh	6.5	5.2	4.25	

(Danh sách này gồm có 178 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Đông Thành (22_HD_027)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	270001	001311064100	NGUYỄN HOÀNG	AN	13/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.25	5.8	5	
2	270002	022211004192	NGUYỄN NGỌC	AN	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6	4.8	6	
3	270003	022211011086	NGUYỄN NHẬT	AN	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	6.8	9	
4	270004	022311004650	NGUYỄN TUỆ	AN	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.5	8.2	6	
5	270005	022311010080	TRẦN KHÁNH	AN	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.25	2.8	4.25	
6	270006	022311003875	TRẦN THỊ HIẾU	AN	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5	3.6	2	
7	270007	022211002887	VŨ NGUYÊN BÌNH	AN	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4.5	5.8	4	
8	270008	022311003945	VŨ THÙY	AN	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.75	9.6	7	
9	270009	022311008658	BÙI BẢO TRÂM	ANH	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	8.6	7.5	
10	270010	022311003116	BÙI PHƯƠNG	ANH	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.75	8	6.5	
11	270011	022311003482	ĐINH NGỌC	ANH	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.5	3.2	3.25	
12	270012	022311007794	ĐINH THỊ PHƯƠNG	ANH	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	3.8	3.75	
13	270013	022311001569	ĐINH THỊ QUỲNH	ANH	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	4.75	4.2	0.5	
14	270014	022211001835	ĐINH TUẤN	ANH	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	2	4.5	
15	270015	022311012094	ĐOÀN NGUYỄN MAI	ANH	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.5	3.6	2.75	
16	270016	022211008809	ĐỖ ĐỨC	ANH	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.25	6	4	
17	270017	030311015333	ĐỖ PHƯƠNG	ANH	14/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.25	3.6	2.75	
18	270018	022211009330	HÀ TUẤN	ANH	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.75	2.4	6.5	
19	270019	022311004485	NGÔ THÙY	ANH	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.75	3.2	2.75	
20	270020	022311005301	NGÔ TRẦN DIỆP	ANH	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.75	6.4	4	
21	270021	022210002606	NGUYỄN HỮU HÙNG	ANH	15/04/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.25	6.6	4	
22	270022	022311000019	NGUYỄN LÊ QUỲNH	ANH	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
23	270023	022311012795	NGUYỄN MAI	ANH	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	7	3.4	7	

24	270024	022311006713	NGUYỄN NGỌC	ANH	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7	9.8	1.25	
25	270025	022311004849	NGUYỄN NGỌC	ANH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	7	2.4	1.75	
26	270026	022311006122	NGUYỄN NGỌC HÀ	ANH	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.75	6.6	3.25	
27	270027	022311008697	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4.75	2.4	1.5	
28	270028	022311011368	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5	4.6	2.75	
29	270029	019211005306	NGUYỄN QUANG	ANH	17/04/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nam	Tày	TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	3.75	5.4	3.5	
30	270030	022311003461	NGUYỄN QUỲNH	ANH	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6	9	8.5	
31	270031	022311009040	NGUYỄN TUYẾT	ANH	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	6.2	6.75	
32	270032	022211007886	NGUYỄN VIỆT	ANH	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	2.25	2.2	1	
33	270033	030211017376	PHẠM TUẤN	ANH	18/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.5	4	4.75	
34	270034	022311003570	PHAN MINH	ANH	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	6	3.8	2	
35	270035	022211003967	TRẦN TUẤN	ANH	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.25	2.8	1.5	
36	270036	022211003428	VŨ ĐỨC	ANH	15/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.75	6.6	5.75	
37	270037	022211007791	VŨ HOÀNG	ANH	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	4.75	7.2	2.5	
38	270038	022311002841	VŨ NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.75	7.6	4.75	
39	270039	022311000643	VŨ QUỲNH	ANH	15/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.5	8.6	6.75	
40	270040	022311011451	VŨ THỊ NGỌC	ANH	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6.5	4.4	3.5	
41	270041	022311012130	VŨ THỊ PHƯƠNG	ANH	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.25	2.6	3	
42	270042	022311012320	BÙI THỊ HỒNG	ÁNH	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	4.8	8	
43	270043	022311007120	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7	5.6	3	
44	270044	022311004503	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.75	4.4	2	
45	270045	022311007703	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	8.25	10	6.75	
46	270046	022311003299	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
47	270047	022211008348	BÙI XUÂN	BÁCH	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.5	5.2	1.75	
48	270048	022311011325	ĐỖ THỊ NGỌC	BẠCH	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	3.75	2.2	1	
49	270049	022211003433	BÙI NGỌC	BẢO	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	3.75	3.4	2.25	
50	270050	001211070970	HOÀNG GIA	BẢO	29/06/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	2.75	5.2	1.75	

51	270051	022311013767	NGUYỄN NGỌC	BẢO	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.75	5.8	3.5	
52	270052	022211012903	TRẦN GIA	BẢO	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	4	3.8	2	
53	270053	022211002399	TRƯƠNG QUỐC	BẢO	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4.5	3.6	1.5	
54	270054	022211007905	VŨ QUỐC	BẢO	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	3.75	4.4	4.25	
55	270055	022211012714	NGUYỄN XUÂN	BẮC	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	4.75	8.4	4.75	
56	270056	022311011355	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	BĂNG	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quốc tế Stephen Hawking	Tiếng Anh	6.25	6	6.5	
57	270057	022211001537	BÙI TRỌNG	BẰNG	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.75	9	6	
58	270058	022211010414	VŨ HỮU	BÌNH	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	4	5.5	
59	270059	022311006599	NGUYỄN THỊ	CHĂM	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.75	2.2	3.5	
60	270060	022311000645	ĐOÀN BẢO	CHÂN	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7	7.2	6.25	
61	270061	031211022935	MẠC HẢI	CHÂU	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.75	10	9	
62	270062	022311010179	NGUYỄN THỊ QUỲNH	CHÂU	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	2.25	5.2	2.75	
63	270063	022311001937	TRẦN BẢO	CHÂU	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	2	4.2	0.25	
64	270064	022311008491	VŨ THỊ MINH	CHÂU	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8.25	9	7	
65	270065	022311008385	HOÀNG BẢO	CHI	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.75	4.6	4.5	
66	270066	022311010804	LÊ THỊ KIM	CHI	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.25	2.2	3.25	
67	270067	022311012732	NGUYỄN LINH	CHI	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.75	3.8	4.25	
68	270068	022311001760	PHẠM HÀ	CHI	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6	6.4	4.5	
69	270069	022311011608	VŨ THỊ THÙY	CHI	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	6.4	5.25	
70	270070	022211006982	VŨ ĐỨC	CHIẾN	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	7.4	9	
71	270071	022211002146	NGUYỄN VĂN	CHINH	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.75	3.4	3	
72	270072	026211006109	NGUYỄN DUY	CHÍNH	13/05/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7	5.4	5.75	
73	270073	022211008410	NGUYỄN CÔNG	CHUẨN	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.75	7.8	5.5	
74	270074	022211001059	VŨ CHÍ	CÔNG	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7.75	7.4	5.75	
75	270075	022311010413	NGUYỄN THỊ THU	CÚC	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	6	5.8	6.25	
76	270076	022211002170	BÙI VIỆT	CƯỜNG	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	3.5	2.2	1.25	
77	270077	022211004256	ĐINH MẠNH	CƯỜNG	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5	1.4	3.25	

78	270078	022211005147	HÀ PHÚ	CƯỜNG	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4.25	2.2	1.75	
79	270079	022211006985	PHẠM MINH	CƯỜNG	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7.25	7.6	7.5	
80	270080	022311007413	LÊ THỊ NGỌC	DIỆP	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.5	5.4	2.25	
81	270081	022311007569	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	5.75	3.2	2.75	
82	270082	022311011710	PHẠM NGỌC	DIỆP	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	8.75	9.2	6.5	
83	270083	022311010361	PHẠM NGỌC	DIỆP	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4.75	4.8	4.25	
84	270084	022311009656	VÕ NGỌC	DIỆP	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.5	4	5	
85	270085	022311007149	VŨ NGỌC	DIỆP	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5	3.8	2.5	
86	270086	022311004159	ĐOÀN THÙY	DỊU	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	4.8	4.25	
87	270087	022311009728	VŨ THỊ LIÊN	DOANH	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	4.4	5.5	
88	270088	022311010439	HOÀNG THUỲ	DUNG	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	3.2	3.75	
89	270089	022311008537	NGUYỄN THÙY	DUNG	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7	7.2	5.5	
90	270090	022211012909	BÙI ANH	DŨNG	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.25	2.8	2.25	
91	270091	022211009536	BÙI TUẤN	DŨNG	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7	9.2	9	
92	270092	022211008147	ĐINH CÔNG	DŨNG	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.75	2.4	3.25	
93	270093	022210008296	ĐINH VĂN	DŨNG	18/08/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5	2.8	2	
94	270094	027211003422	NGUYỄN ĐÌNH	DŨNG	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	8.25	6.2	4	
95	270095	022211002031	PHẠM TRÍ	DŨNG	11/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.25	3.4	0	
96	270096	022211000861	PHẠM TUẤN	DŨNG	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	3.2	4.5	
97	270097	022211011055	NGUYỄN ĐỨC	DUY	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.5	5.6	4.25	
98	270098	022211007187	TRẦN ANH	DUY	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4.75	6.4	2.5	
99	270099	022211002215	TRẦN LÊ	DUY	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.5	9.6	9.75	
100	270100	022211007621	VŨ ĐỨC	DUY	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	3.5	8.2	4.25	
101	270101	022311002114	VŨ THỊ	DUYÊN	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
102	270102	022211011005	ĐINH TÙNG	DƯƠNG	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	6	7.4	3.25	
103	270103	022311010852	HOÀNG ÁNH	DƯƠNG	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	3.75	5.2	2.75	
104	270104	022311003147	NGÔ THÙY	DƯƠNG	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	6.2	5	

105	270105	022211013110	NGUYỄN THÁI	DƯƠNG	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.75	6	5.25	
106	270106	022311008510	NGUYỄN THÚY	DƯƠNG	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.25	8.8	7	
107	270107	033211011668	PHẠM HỒNG	DƯƠNG	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.25	8.6	6	
108	270108	022211004622	TRẦN ANH	DƯƠNG	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4.5	4.2	3.25	
109	270109	022211007476	TRẦN XUÂN	ĐAN	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7.25	7.4	3.75	
110	270110	022211003750	VŨ LONG	ĐÀN	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuấn Châu	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
111	270111	022211004949	ĐINH KHÁNH	ĐẠT	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4	2.4	2.75	
112	270112	022211004895	ĐOÀN QUỐC	ĐẠT	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	7	7.5	
113	270113	022211007450	LÊ XUÂN	ĐẠT	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuấn Châu	Tiếng Anh	4.25	2.4	1.5	
114	270114	022211003735	PHẠM MẠNH	ĐẠT	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	4.75	3.8	5	
115	270115	022211001879	VŨ HỮU	ĐẠT	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	4.2	5	
116	270116	022211002271	HOÀNG MINH	ĐỨC	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	1.25	2.6	0.75	
117	270117	022311007590	DƯƠNG THỊ HƯƠNG	GIANG	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	4	1.75	
118	270118	022311002789	ĐINH THỊ CHÂU	GIANG	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	6.4	5.25	
119	270119	022311006136	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.25	7.8	8	
120	270120	022211002573	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuấn Châu	Tiếng Anh	3.75	3.4	2	
121	270121	022211004506	PHẠM TRƯỜNG	GIANG	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.75	10	7.75	
122	270122	024311002744	BÙI HOÀNG VIỆT	HÀ	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.5	9.8	8	
123	270123	022311001130	ĐINH THỊ NGỌC	HÀ	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.25	9.8	7.25	
124	270124	022211006995	NGUYỄN HOÀNG DUY	HÀ	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4.75	6.4	4	
125	270125	022311010958	NGUYỄN NGỌC	HÀ	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.25	8.2	3.5	
126	270126	022311008195	NGUYỄN NGỌC	HÀ	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	8.25	7.8	7	
127	270127	022311010067	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	3.4	5.75	
128	270128	022311006757	NGUYỄN THU	HÀ	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.75	7.6	6.5	
129	270129	022311004755	PHẠM THỊ NGỌC	HÀ	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7.25	5.2	3	
130	270130	022311011459	PHẠM THỊ THANH	HÀ	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.75	6.4	6	
131	270131	022311002978	PHẠM THỊ THU	HÀ	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	3.4	3.25	

132	270132	022211002006	ĐINH THẾ	HẢI	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.75	2.8	2.75	
133	270133	022211001152	NGUYỄN TRUNG	HẢI	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.75	9	5.5	
134	270134	022211003468	PHẠM VINH	HẢI	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	7	7.2	6.25	
135	270135	022211002868	NGUYỄN DUY	HÀO	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	3.75	2.6	1.5	
136	270136	022211007481	LÊ ĐÌNH	HẢO	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	4	2.6	3.25	
137	270137	022311012244	ĐINH THANH	HẰNG	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	6.25	4.6	1.75	
138	270138	022311001931	ĐINH THỊ THANH	HẰNG	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4.5	3.4	2.25	
139	270139	022311003947	BÙI GIAI	HÂN	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.25	5	4.25	
140	270140	022311007752	ĐINH THỊ GIA	HÂN	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6	3.4	3	
141	270141	022311008591	VŨ THỊ NGỌC	HÂN	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	3.8	4.75	
142	270142	034311007084	NGUYỄN THANH	HIỀN	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.25	5.4	5.25	
143	270143	031211013558	NGUYỄN TUẤN	HIỆP	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6	6.6	7.5	
144	270144	033211006673	ĐẶNG MINH	HIẾU	10/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.25	5.8	6	
145	270145	022211005643	LÊ TRUNG	HIẾU	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.5	5	4	
146	270146	022211011002	NGUYỄN MINH	HIẾU	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	6	4.8	9	
147	270147	022211002214	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6	4.8	7.5	
148	270148	058210006615	PHẠM SƠN	HIẾU	23/11/2010	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.75	3.8	5	
149	270149	022311000672	NGUYỄN THANH	HOA	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	5	4	
150	270150	022311001438	BÙI ĐẶNG KHÁNH	HÒA	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	8	4.6	3.5	
151	270151	022311006924	BÙI THỊ THANH	HÒA	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	2.6	2.75	
152	270152	022311003493	LẠI THỊ KHÁNH	HÒA	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	7	6	
153	270153	022211004943	ĐINH VIỆT	HOÀNG	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5	3	4	
154	270154	022211006671	PHẠM MINH	HOÀNG	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	3.5	4.4	2.25	
155	270155	022211006962	VŨ HUY	HOÀNG	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.75	5.8	3.5	
156	270156	022211001865	VŨ MINH	HOÀNG	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	7.5	7.6	5.75	
157	270157	022211009588	BÙI MINH	HỒNG	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4	3.6	4.5	
158	270158	022311005171	NGUYỄN THỊ KIM	HỒNG	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8.5	7.2	3.75	

159	270159	022311002508	TRẦN THỊ THU	HỒNG	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8.5	7.2	6	
160	270160	022211012204	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	4.75	7.2	6	
161	270161	036211013307	NGUYỄN PHI	HÙNG	13/02/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
162	270162	022211008117	NGUYỄN TIẾN	HÙNG	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6	4	4	
163	270163	022211001485	NGUYỄN TRUNG	HÙNG	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.5	4.2	3	
164	270164	022211004079	ĐỖ GIA	HUY	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.5	5	1.25	
165	270165	022211002410	NGUYỄN QUỐC	HUY	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6.5	4	4.75	
166	270166	022211012348	NGUYỄN TƯỜNG	HUY	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.5	7.6	7	
167	270167	030211015073	NGUYỄN VŨ GIA	HUY	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4.75	3	2.5	
168	270168	022211004469	PHẠM ANH	HUY	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6	2.6	3.75	
169	270169	022211009429	PHẠM ĐỨC	HUY	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6	4.2	3.5	
170	270170	022211010445	PHẠM GIA	HUY	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6.75	8.6	5.5	
171	270171	022211002962	VŨ VĂN	HUY	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4.5	4.6	2.5	
172	270172	022311011407	ĐINH NGỌC KHÁNH	HUYỀN	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	8	9	4.25	
173	270173	022311011121	LÊ THU	HUYỀN	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.75	7.2	4.25	
174	270174	022311004504	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.25	5.2	3.75	
175	270175	022311007786	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	7.6	5.5	
176	270176	022311008473	NGUYỄN THU	HUYỀN	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7	5	3	
177	270177	022311005805	TRẦN THỊ THU	HUYỀN	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6.25	3.2	4.5	
178	270178	022311006111	VŨ THỊ KHÁNH	HUYỀN	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6.25	6.8	3.75	
179	270179	022211002370	ĐINH NGUYỄN PHÚ	HƯNG	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.5	9	8	
180	270180	022211011433	ĐINH PHÚC MINH	HƯNG	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.75	5.4	3	
181	270181	022211002295	ĐỖ PHÚC	HƯNG	12/06/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	3	4	3.5	
182	270182	022211010008	NGUYỄN HỮU	HƯNG	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5	4.2	4	
183	270183	022211007746	NGUYỄN THẾ	HƯNG	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.5	9	7.25	
184	270184	022211008072	PHẠM DUY	HƯNG	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	0.5	2.6	3.25	
185	270185	022211002907	PHẠM GIA	HƯNG	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.5	6.2	3	

186	270186	031211005230	VY ĐOÀN QUỐC	HƯNG	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	8.2	2.5	
187	270187	022311007689	BÙI LINH	HƯƠNG	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.75	4.2	2.75	
188	270188	022311003251	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7	4.6	3.5	
189	270189	022311010394	TRẦN THỊ LỆ	HƯƠNG	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5	1.8	1.25	
190	270190	022311005787	VŨ QUỲNH	HƯƠNG	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6	3.4	1.25	
191	270191	022311008192	TRẦN HOÀNG	HƯỚNG	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	2.2	3.25	
192	270192	022311005462	BÙI THỊ BẢO	KHÁNH	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6.25	3.6	3	
193	270193	022311001626	LÊ PHẠM VÂN	KHÁNH	17/02/2011	Tỉnh Đồng Tháp	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.5	3.8	3.25	
194	270194	022211008569	MAI TRỌNG QUỐC	KHÁNH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.5	4.8	4.25	
195	270195	022311003091	PHẠM VŨ VÂN	KHÁNH	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.25	6.8	6.25	
196	270196	022211001826	TRẦN DUY	KHÁNH	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.25	3.4	2.75	
197	270197	031211000356	VŨ DUY	KHÁNH	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.25	4.4	3	
198	270198	022211000315	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	4.5	4	2.75	
199	270199	022211009056	BÙI ĐĂNG	KHÔI	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	6	5	
200	270200	022211013101	NGUYỄN VIỆT	KHÔI	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	6.25	6.6	7.25	
201	270201	022311012531	LÝ HỒNG	KHUYÊN	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6	3.8	1.5	
202	270202	022211003405	NGUYỄN HOÀNG ANH	KIỆT	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8.25	4.4	5.25	
203	270203	022311004882	PHẠM VIỆT	KIỀU	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	7.5	7.2	5.75	
204	270204	022311009741	NGUYỄN THỊ VÂN	LAI	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.25	7.8	5	
205	270205	022311000044	ĐINH THỊ HỒNG	LAM	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	3.6	3.25	
206	270206	022311002498	NGUYỄN THANH	LAM	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	3.25	5	3	
207	270207	022311003295	NGUYỄN THỊ THANH	LAM	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	6.6	6.75	
208	270208	022311001724	DƯƠNG MY	LAN	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	8.25	7	7.25	
209	270209	022311005936	NGUYỄN THỊ MAI	LAN	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	3.8	6.25	
210	270210	022311007216	TRẦN THỊ HƯƠNG	LAN	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6	4.2	2	
211	270211	022211003317	ĐẶNG TRẦN PHÚC	LÂM	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	3.25	2.6	2.5	
212	270212	022211010674	LÊ BẢO	LÂM	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7	6.6	5.5	

213	270213	022211005021	NGUYỄN ĐỨC	LÂM	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.5	7	5	
214	270214	022311000438	NGUYỄN THỊ BẢO	LÂM	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.25	5.2	4.5	
215	270215	022211011641	PHẠM BẢO	LÂM	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.5	4	3.75	
216	270216	022211011792	TRẦN BẢO	LÂM	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4.25	3.6	3.75	
217	270217	022211006598	TRẦN HOÀNG	LÂM	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.25	4.6	4	
218	270218	022211013452	ĐINH PHÚ	LÂN	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6.25	7.2	5.5	
219	270219	022211000766	ĐOÀN NGỌC	LÂN	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5	3.2	2	
220	270220	022311010532	VŨ THỊ	LỆ	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.25	3.2	4	
221	270221	022311004196	BÙI PHƯƠNG	LINH	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.5	4	4	
222	270222	026311008423	BÙI THÙY	LINH	26/02/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6.25	5	2.5	
223	270223	022311012075	ĐINH NGỌC	LINH	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.75	3.4	4	
224	270224	022311006000	ĐOÀN KHÁNH	LINH	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7.25	3.4	3.25	
225	270225	022311001211	LÊ HÀ	LINH	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	8	6.6	4.25	
226	270226	022311010900	NGÔ MAI	LINH	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	8.25	6.8	5.25	
227	270227	022311002793	NGUYỄN HÀ	LINH	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.25	7	6.75	
228	270228	022311010449	NGUYỄN LÊ MỸ	LINH	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.75	7.2	4.75	
229	270229	022311010500	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7	6.6	7	
230	270230	022311000910	NGUYỄN THÙY	LINH	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.75	5	4.75	
231	270231	022311012837	PHẠM KHÁNH	LINH	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	3	4.2	2.75	
232	270232	022311001087	TẠ NGỌC DIỆU	LINH	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	6.75	3.4	2.25	
233	270233	022311001237	TRẦN HOÀNG MAI	LINH	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	8.25	9.4	8.5	
234	270234	022311012961	VŨ HÀ	LINH	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.75	4.4	3.25	
235	270235	022311001576	VŨ KHÁNH	LINH	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.5	3.8	2.75	
236	270236	022311006539	VŨ PHƯƠNG	LINH	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	7	6	6.75	
237	270237	022311008196	VŨ THỊ HẢI	LINH	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	3	4.5	
238	270238	022311009758	VŨ TRANG	LINH	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6.75	4.2	1.5	
239	270239	022211010637	BÙI THANH	LONG	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.5	3.4	4	

240	270240	022211010227	ĐẶNG ĐỨC	LONG	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6.5	4.2	4	
241	270241	022211012605	HOÀNG BẢO NGỌC	LONG	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.5	3.8	3.25	
242	270242	022211001633	PHẠM NGỌC	LONG	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	4.2	3.25	
243	270243	022211007320	NGUYỄN TẤN	LỘC	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
244	270244	022211001539	NGUYỄN GIA	LỢI	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4.5	2.2	1.75	
245	270245	022211006288	NGUYỄN KIỆT	LUÂN	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.5	3.6	1.5	
246	270246	022211011912	NGUYỄN ĐỒNG NGỌC	LƯƠNG	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	4.75	4.4	3.75	
247	270247	022311005415	NGUYỄN THANH	LƯƠNG	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.25	8	6.75	
248	270248	022311001213	BÙI ÁNH	LY	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	5.2	4.5	
249	270249	022311009456	BÙI THỊ NGỌC	LY	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.5	7.2	3	
250	270250	022311012059	LÊ NGUYỄN KHÁNH	LY	25/01/2011	Tỉnh Đắk Lắk	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	4.8	2.25	
251	270251	022311005765	LÊ THỊ	LY	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5	3	0.5	
252	270252	022311002426	NGUYỄN KHÁNH	LY	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.75	2.2	2.25	
253	270253	022311003795	NGUYỄN THỊ CẨM	LY	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	3.25	4.2	1	
254	270254	022311012636	VŨ THỊ CẨM	LY	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6.25	2.8	2	
255	270255	022311002550	VŨ THỊ TUYẾT	MAI	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
256	270256	022211011419	ĐÀM QUANG	MINH	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.25	3.4	3.25	
257	270257	022211010636	ĐINH NHẬT	MINH	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.5	5.2	3.5	
258	270258	022311010888	ĐINH THU	MINH	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.5	3.8	6.25	
259	270259	022211012855	ĐOÀN ĐỨC	MINH	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7	7.8	5.5	
260	270260	022211007042	ĐỖ TIẾN	MINH	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.25	7	4.25	
261	270261	022211012919	LÊ ANH	MINH	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.5	2.2	1.5	
262	270262	030211003695	LÊ	MINH	08/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	5.75	8.4	6	
263	270263	022211006394	LÊ NHẬT	MINH	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	2.75	5.2	1.25	
264	270264	022211007970	LÊ SỸ TUẤN	MINH	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	4	5	5.25	
265	270265	022210011047	NGUYỄN ĐỨC	MINH	23/10/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	2.8	4	
266	270266	022211005968	NGUYỄN QUANG	MINH	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.75	10	8.5	

267	270267	022211011742	NGUYỄN THÁI	MINH	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6.25	3.8	2.5	
268	270268	022211014018	VŨ QUANG	MINH	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7.75	5.2	3.75	
269	270269	022311006951	NGUYỄN NGỌC THẢO	MY	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	7.5	3.8	4.75	
270	270270	022311010918	TRẦN THỊ BẠCH	MỸ	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6	2.8	3.75	
271	270271	022211010668	ĐÀO HOÀNG	NAM	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6	6.8	4.5	
272	270272	022211013869	HOÀNG NHẬT	NAM	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	8	10	8	
273	270273	022211004141	HOÀNG VÂN	NAM	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6	4.6	3.75	
274	270274	022211000990	NGUYỄN BẢO	NAM	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.5	4	1	
275	270275	022211011385	NGUYỄN BẢO	NAM	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.75	3	3.75	
276	270276	022211009042	TRẦN HOÀI	NAM	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	3.75	3.4	3.25	
277	270277	022211002939	VŨ BẢO	NAM	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	4	2.6	2.25	
278	270278	022211013992	VŨ HẢI	NAM	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.75	4.4	2.5	
279	270279	022311010364	VŨ BẢO PHƯƠNG	NGA	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7.25	3.8	2.25	
280	270280	022311005809	VŨ NGUYỄN THANH	NGA	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7	7.2	5.25	
281	270281	022311004764	BÙI KIM	NGÂN	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
282	270282	022311009670	ĐINH THỊ KIM	NGÂN	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.75	2.6	4.75	
283	270283	034311009281	NGUYỄN KIM	NGÂN	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6	4.6	4.75	
284	270284	022311000919	NGUYỄN NGỌC	NGÂN	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.75	4.2	2.75	
285	270285	022311011806	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
286	270286	022211012657	BÙI ĐỨC	NGHĨA	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	4	3.2	4	
287	270287	022311011542	BÙI BÍCH	NGỌC	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	7	8.2	7.75	
288	270288	022211005710	BÙI DOÃN	NGỌC	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5	3.2	3.5	
289	270289	022311007575	DƯƠNG HỒNG	NGỌC	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7.5	6.2	6.25	
290	270290	022311005978	ĐINH BẢO	NGỌC	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8.25	4.8	3.75	
291	270291	031311017095	ĐINH HỒNG	NGỌC	09/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	3	3	1	
292	270292	022311009863	ĐINH THỊ ÁNH	NGỌC	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8.25	4	4.5	
293	270293	022311011886	HÀ THỊ BẢO	NGỌC	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	8.75	7	5	

294	270294	022311004214	LÊ BẢO	NGỌC	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	8	6.8	6	
295	270295	022311006218	NGÔ MINH	NGỌC	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.75	5.2	3.5	
296	270296	022311000699	NGUYỄN BẢO	NGỌC	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8.75	6.4	6.75	
297	270297	022311000394	NGUYỄN BẢO	NGỌC	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	1.5	2.4	1	
298	270298	022311010389	NGUYỄN LÊ MAI	NGỌC	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.5	2.4	4	
299	270299	022311007325	NÔNG BẢO	NGỌC	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Nùng	TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7	6.4	1.25	
300	270300	022311007661	PHẠM ÁNH	NGỌC	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	2.5	3.2	1.75	
301	270301	022311004634	PHẠM VŨ BẢO	NGỌC	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	8	6.4	6.25	
302	270302	022311005330	PHAN QUỲNH	NGỌC	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	8.75	8.6	5.25	
303	270303	022311012080	TĂNG THANH	NGỌC	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6	5.4	4.75	
304	270304	036311020113	TRẦN BẢO	NGỌC	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4.25	7.4	3.75	
305	270305	022311012853	VŨ BẢO	NGỌC	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6	4	3.25	
306	270306	022310005252	VŨ BẢO	NGỌC	30/12/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	4.75	3	4.5	
307	270307	022311009341	VŨ NGUYỄN THUỶ	NGỌC	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	6.4	5	
308	270308	022311010704	BÙI NGỌC HẢI	NGUYÊN	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	8.25	7.2	7.5	
309	270309	022211013055	ĐÀO TRUNG	NGUYÊN	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	8	7.8	8.25	
310	270310	022311011527	LẠI THẢO	NGUYÊN	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.75	3.4	1.75	
311	270311	022311012689	NGUYỄN THẢO	NGUYÊN	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.5	2.8	3.25	
312	270312	022211006254	TRẦN VŨ KHÔI	NGUYÊN	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.75	7.2	7.25	
313	270313	022311011382	LẠI THỊ	NGUYỆT	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	5	5	
314	270314	022311010661	PHẠM ÁNH	NGUYỆT	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.25	5.8	3.75	
315	270315	030311014006	LÊ THANH	NHÀN	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.75	7	4	
316	270316	022211000637	BÙI VIỆT	NHẬT	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	2.6	2	
317	270317	022211005478	HOÀNG MINH	NHẬT	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.25	5.6	5.75	
318	270318	022311006347	VŨ THANH	NHẬT	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	8.4	7.75	
319	270319	022311009355	LƯU YẾN	NHI	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6	3.4	4.25	
320	270320	022311000391	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	4.75	3.4	1.25	

321	270321	022311009815	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	NHI	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.25	1.8	3.5	
322	270322	022311008417	TRẦN THỊ YẾN	NHI	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	2.6	3.75	
323	270323	035311009445	TRẦN TIỂU BÌNH	NHI	13/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.25	3.6	3	
324	270324	022311010215	VŨ PHƯƠNG	NHI	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.75	7.6	4.75	
325	270325	022311000395	VŨ THỊ TUYẾT	NHI	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6	2.2	2	
326	270326	022311005939	NGUYỄN THỊ	NHUNG	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	2	2.4	2	
327	270327	022311002287	VŨ THỊ HỒNG	NHUNG	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7.5	4.4	5.75	
328	270328	022311011025	PHẠM THỊ DIỄM	NHƯ	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	3.8	3.75	
329	270329	022311007987	BÙI THỊ PHƯƠNG	OANH	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	5	3.75	
330	270330	022311006248	NGUYỄN HÀ KIỀU	OANH	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.75	3.4	2.75	
331	270331	022211007535	LẠI HOÀNG	PHÁT	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.25	6.8	4.75	
332	270332	022211012711	ĐOÀN NAM	PHONG	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.75	5.8	7.75	
333	270333	022211005451	LÊ HẢI	PHONG	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4	3.2	4.75	
334	270334	022211013579	NGÔ ĐÌNH NAM	PHONG	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	3.75	3.2	4.25	
335	270335	022211001410	NGUYỄN GIA	PHONG	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	5.5	7.6	7.75	
336	270336	022211007116	NGUYỄN GIA	PHONG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5	2.8	3.25	
337	270337	022211001819	VŨ ĐỨC	PHONG	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.75	4.4	4.25	
338	270338	022211004058	VŨ HUY	PHONG	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.25	3.2	4	
339	270339	022211007933	VŨ NAM	PHONG	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6	8	4.25	
340	270340	022211006649	BÙI DUY	PHÚ	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.5	2.8	5.75	
341	270341	022211012498	LẠI THANH	PHÚ	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6	8.4	5	
342	270342	022211007707	NGUYỄN VĂN	PHÚ	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.25	7	4.75	
343	270343	022211009243	LÊ MAI BẢO	PHÚC	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6	6.2	5	
344	270344	022211013762	NGÔ GIA	PHÚC	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.5	10	8.75	
345	270345	022211013242	NGUYỄN DUY	PHÚC	26/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	4.6	2.75	
346	270346	022211008611	PHẠM ĐĂNG BẢO	PHÚC	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.5	4.6	4	
347	270347	022311007672	TRẦN LÊ HỒNG	PHÚC	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.75	4.2	5	

348	270348	022211012822	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Yên Hưng	Tiếng Anh	6.5	5.6	4.75	
349	270349	022311011785	ĐẶNG THU	PHƯƠNG	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7	5	4.75	
350	270350	022311001462	HOÀNG THỊ	PHƯƠNG	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	6.5	3.8	6	
351	270351	022311001742	LÊ HÀ	PHƯƠNG	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6	3.4	2	
352	270352	022311006064	LÊ HÀ	PHƯƠNG	13/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.5	7.2	5.25	
353	270353	022311002933	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	PHƯƠNG	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.25	5.4	4.75	
354	270354	022311007580	NGUYỄN NGỌC	PHƯƠNG	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.5	6	4.25	
355	270355	022311003653	NGUYỄN THỊ ÁNH	PHƯƠNG	11/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	6.25	5.6	5.25	
356	270356	022311007614	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	3	3.5	
357	270357	022311002685	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.25	7.6	4.5	
358	270358	022311006384	PHẠM KHÁNH	PHƯƠNG	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.5	8.4	7.75	
359	270359	022311005626	PHẠM THỊ MAI	PHƯƠNG	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	3.6	2.5	
360	270360	022311011627	VŨ HOÀI	PHƯƠNG	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.75	3.4	3.5	
361	270361	022311009095	VŨ HUYỀN	PHƯƠNG	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.25	9	7.75	
362	270362	022311009334	VŨ NGỌC BẢO	PHƯƠNG	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6.5	5.8	3.75	
363	270363	034311009258	NGUYỄN KIM	PHƯỢNG	19/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	7.25	6.8	5.5	
364	270364	022211002131	NGUYỄN NGỌC	QUANG	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.5	2.8	2.5	
365	270365	022211008503	ĐOÀN ĐÔNG	QUÂN	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	3.5	3.4	1.5	
366	270366	022211008156	ĐOÀN MINH	QUÂN	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.5	3.2	3.75	
367	270367	022211011266	LÊ ĐÌNH	QUÂN	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.75	3	1.75	
368	270368	022211004836	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.25	8.8	5.5	
369	270369	022311004927	NGUYỄN THỊ BÍCH	QUYÊN	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	8	8	7.75	
370	270370	022211003130	PHẠM HỮU	QUYỀN	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5	8.4	4.5	
371	270371	022311008787	NGUYỄN ÁNH	QUỲNH	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	2.75	5.4	1.25	
372	270372	022311009987	PHẠM NHƯ	QUỲNH	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.25	6.2	4.75	
373	270373	022211002347	TRẦN ĐÌNH THANH	SANG	27/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.5	3.6	2.5	
374	270374	022211011330	NGUYỄN THANH	SƠN	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	4.75	2.8	1.75	

375	270375	022211005127	VŨ THÁI	SƠN	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.5	9.4	9	
376	270376	022211000799	ĐINH VĂN	TĂNG	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	2.4	4.5	
377	270377	022211008737	BÙI MINH	TÂN	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	6.25	5.2	3.5	
378	270378	022211009163	ĐỖ DUY	TÂN	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.5	5.2	4.5	
379	270379	022211013989	VŨ ĐẠI	TÂN	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.75	6.4	7	
380	270380	022211013818	NGUYỄN DUY NGỌC	THẠCH	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bái Tử Long	Tiếng Anh	4.75	7	5.75	
381	270381	022311009635	ĐINH THỊ HỒNG	THÁI	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	4.4	4.75	
382	270382	022211012193	HÀ CAO	THÁI	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	6.75	5.6	6.5	
383	270383	022211010972	LÊ SONG	THÁI	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.25	6.4	6	
384	270384	022311003926	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	THANH	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	3.2	5	
385	270385	022211002169	ĐẬU KHẮC	THÀNH	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6	8.6	4.5	
386	270386	022211000965	LƯƠNG TRƯỜNG	THÀNH	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.75	6	6.25	
387	270387	022211011698	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	6.5	7.8	7.25	
388	270388	022211004742	VŨ VĂN	THÀNH	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8.25	4.8	3.5	
389	270389	022311011531	BÙI THANH	THẢO	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5	2.8	1.5	
390	270390	022311007258	ĐINH THỊ PHƯƠNG	THẢO	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.5	3.2	3	
391	270391	022311004207	ĐOÀN PHƯƠNG	THẢO	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7.25	3.4	3.75	
392	270392	022311011306	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	4.4	3.5	
393	270393	034311009665	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	27/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.25	7	5	
394	270394	022311004064	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7	5	3.5	
395	270395	022311010246	NGUYỄN THỊ	THẢO	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.75	2.8	2.75	
396	270396	022311009592	PHẠM THANH	THẢO	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5	2.4	0.75	
397	270397	022311003308	VŨ THỊ BÍCH	THẢO	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	8.8	8.75	
398	270398	022311001785	VŨ THỊ THANH	THẢO	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5	3.6	3	
399	270399	022311009676	VŨ THỊ ANH	THƠ	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.5	2.2	2.5	
400	270400	022311004514	BÙI THỊ XUÂN	THU	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.75	4.8	5	
401	270401	022311011674	HÀ THU	THỦY	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	5.5	4.2	5.5	

402	270402	022311004991	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7.5	6.4	5	
403	270403	022311006148	TRẦN THU	THỦY	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.5	6.4	2.25	
404	270404	022311010249	ĐIỆP HOÀNG MINH	THƯ	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.25	3.8	3	
405	270405	022311007221	ĐINH THỊ MINH	THƯ	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	4	3.4	3.5	
406	270406	022311010539	NGUYỄN ANH	THƯ	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	4.75	3.2	6.75	
407	270407	022310003465	TRẦN ANH	THƯ	20/03/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5	2.2	0	
408	270408	022311011077	TRẦN THỊ ANH	THƯ	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.5	4.6	3.25	
409	270409	022311011994	VŨ MINH	THƯ	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7.75	9.6	9	
410	270410	022311012436	VŨ THANH	THƯ	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	4.75	6.2	4.5	
411	270411	040311017871	NGUYỄN THỊ DIỆU	THƯƠNG	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5	4	1.75	
412	270412	022311005907	VŨ NGỌC THỦY	TIÊN	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	3.5	2.4	0.5	
413	270413	022211014796	PHẠM ANH	TIỀN	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	2.5	2	2	
414	270414	022211004912	NGUYỄN MINH	TIẾN	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	5.25	3.4	3.5	
415	270415	001211086836	NGUYỄN VIỆT	TIẾN	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	3.2	4.5	
416	270416	022210007098	TRẦN CÔNG	TOÀN	06/06/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	3.75	3.2	3.25	
417	270417	022311007147	ĐÀM HƯƠNG	TRÀ	11/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
418	270418	022311001744	LÊ THU	TRÀ	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	4.4	2.75	
419	270419	022311009165	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	TRÀ	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	7.5	7.2	3.75	
420	270420	022311012423	BÙI MINH	TRANG	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	4.2	6.25	
421	270421	022311008468	LÊ HỒNG HUYỀN	TRANG	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6	3	1.25	
422	270422	022311004877	PHẠM THỊ QUỲNH	TRANG	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.75	4.2	4.75	
423	270423	022311005812	VŨ HUYỀN	TRANG	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	9	5	
424	270424	022311006789	VŨ THÙY	TRANG	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.5	3.6	2.75	
425	270425	022311002927	NGUYỄN BẢO	TRÂM	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.25	4.8	3.75	
426	270426	022211003789	NGUYỄN QUỐC	TRIỆU	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	3.75	4.8	6	
427	270427	022311012180	NGUYỄN NGỌC KIỀU	TRINH	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.75	6.2	5	
428	270428	022211000395	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	4	2.6	6	

429	270429	022311003004	NGUYỄN THANH	TRÚC	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	4.75	7.4	3.25	
430	270430	022311011040	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5	3.8	3.5	
431	270431	022311000887	PHẠM THANH	TRÚC	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	3.75	1.8	2.25	
432	270432	022311007474	VŨ THANH	TRÚC	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	4.6	3.75	
433	270433	034211013671	PHẠM TIẾN QUANG	TRUNG	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.5	8	4.75	
434	270434	022211011209	BÙI HUY	TRƯỜNG	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	2.5	2.2	2.75	
435	270435	022211000755	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4.75	7.8	3	
436	270436	037211011562	TRẦN MINH	TÚ	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.75	5.8	5.5	
437	270437	022311005966	VŨ CẨM	TÚ	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	9	9.6	7.5	
438	270438	022211010472	NGUYỄN BÙI ANH	TUẤN	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.5	4	2	
439	270439	035211010094	PHẠM ANH	TUẤN	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.25	9.2	7.5	
440	270440	022211010770	PHẠM ANH	TUẤN	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	4	5.6	1.5	
441	270441	022211014797	TRẦN ANH	TUẤN	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.5	3.4	3.25	
442	270442	022211002615	VŨ ANH	TUẤN	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	5.8	8	
443	270443	022211006969	ĐINH HOÀNG	TÙNG	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	7.8	4.75	
444	270444	022211005500	ĐINH NGUYỄN BẢO	TÙNG	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.5	6	3.75	
445	270445	036211000499	HÀ LÂM	TÙNG	13/10/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	4.8	4.5	
446	270446	022211003357	LĂNG THANH	TÙNG	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5	8	0.5	
447	270447	022211009159	LÊ ĐÌNH	TÙNG	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.25	3	4.75	
448	270448	022210001590	NGUYỄN BÁ	TÙNG	18/12/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	2.2	3.75	
449	270449	022211009380	NGUYỄN ĐÌNH	TÙNG	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	5.5	8.6	4.25	
450	270450	022211005468	NGUYỄN ĐÌNH	TÙNG	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7	7	4	
451	270451	022211001501	NGUYỄN SƠN	TÙNG	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7	9.8	7.75	
452	270452	022311009239	VŨ THẢO	TUYỀN	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	6.75	4.4	6.25	
453	270453	022311007283	NGUYỄN ÁNH	TUYẾT	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5	4	4.5	
454	270454	022311008908	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	9.6	8.5	
455	270455	031211014475	ĐỖ THẾ	TƯỜNG	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7.25	6.2	3	

456	270456	022311012972	HOÀNG THỊ THU	UYÊN	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.5	8.8	7.25	
457	270457	022311011258	VŨ NGỌC	UYÊN	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	3.6	2.75	
458	270458	022211000398	LÊ HÀ	VĂN	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	4.5	3.2	4.75	
459	270459	022311002002	ĐÀM THẢO	VÂN	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	7.5	9.2	7.75	
460	270460	022311003102	NGUYỄN HIẾU	VÂN	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	4.6	4.25	
461	270461	022311004372	THÁI NHẬT	VI	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	7	6.2	3.25	
462	270462	022311007868	VŨ PHƯƠNG	VI	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.75	5	3.25	
463	270463	022211011712	ĐẶNG BẮC	VIỆT	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4.5	4.4	3.75	
464	270464	022211010372	ĐOÀN QUỐC	VIỆT	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	6	7.25	
465	270465	022211011114	LÊ HOÀNG	VIỆT	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4	2.6	3.5	
466	270466	022211001904	VŨ ĐỨC	VIỆT	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	3	3.5	
467	270467	022211003635	NGUYỄN CÔNG	VINH	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	4.5	3.6	1.5	
468	270468	022211002403	NGUYỄN QUANG	VINH	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.5	8	4.5	
469	270469	022211005229	ĐINH HOÀNG	VŨ	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	2	7	1.75	
470	270470	022211003345	NGUYỄN THÀNH	VŨ	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	4.75	4.4	4.75	
471	270471	022311012175	ĐỒNG PHƯƠNG	VY	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.5	5	4.25	
472	270472	022311003441	LÊ LƯƠNG THIÊN	VY	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	6.25	8.6	5.5	
473	270473	022311000700	NGUYỄN ÁNH	VY	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.25	3.4	2.25	
474	270474	022311002903	NGUYỄN HÀ	VY	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.25	4	4	
475	270475	022311003589	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	VY	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	2.8	4	
476	270476	022311000723	NGUYỄN TƯỜNG	VY	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	3.2	4.5	
477	270477	022311002633	PHẠM PHƯƠNG	VY	06/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.5	4	4.75	
478	270478	022311003679	PHẠM VŨ HÀ	VY	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.5	7.6	6.25	
479	270479	022311002659	TRẦN HÀ	VY	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	3.75	2.4	2.5	
480	270480	022311008582	VŨ NGỌC BẢO	VY	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
481	270481	022311012894	VŨ PHƯƠNG	VY	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	7.25	6.6	8.25	
482	270482	022311000754	VŨ THỊ HÀ	VY	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	8	8.2	5.5	

483	270483	022211001730	BÙI CHÍ	VỸ	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7	4.2	3.75	
484	270484	022211010216	LÊ THẾ	VỸ	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	6	3.75	
485	270485	022211009167	VŨ CHÍ	VỸ	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	3	4.75	
486	270486	022311002622	BÙI HOÀNG THANH	XUÂN	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	4.6	2.5	
487	270487	022311003003	BÙI THANH	XUÂN	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	4.75	2.6	2	
488	270488	022211006231	NGUYỄN VĂN	XUYÊN	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	5.8	5.75	
489	270489	022311006889	BÙI HẢI	YẾN	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	6.5	6.4	4.75	
490	270490	022311003250	LÊ THỊ HẢI	YẾN	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	7.5	4.2	5.25	
491	270491	022311001519	NGUYỄN HẢI	YẾN	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tuần Châu	Tiếng Anh	5.5	3	2	
492	270492	022311002548	NGUYỄN THỊ BẢO	YẾN	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Đông Mai	Tiếng Anh	5.75	4	3.75	
493	270493	022311004804	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Minh Thành	Tiếng Anh	6.5	3.4	0.75	

(Danh sách này gồm có 493 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	280001	022311012096	BÙI KIM	AN	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	4.4	3.25	
2	280002	022311000696	ĐÀM THỊ KHÁNH	AN	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	6.5	4	2.75	
3	280003	022211013184	ĐỖ ĐỨC MINH	AN	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	8	8	
4	280004	022311012159	NGUYỄN VY	AN	10/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.5	5.6	2.75	
5	280005	022311007890	PHẠM THỊ BẢO	AN	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	3.75	5.8	4.75	
6	280006	022311003267	VŨ BẢO	AN	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	5.6	4.25	
7	280007	022311006867	VŨ THỊ BÌNH	AN	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	5.6	6.75	
8	280008	022311009177	BÙI ĐỖ LAN	ANH	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	8.4	6	
9	280009	022311009474	BÙI NGỌC	ANH	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	3.8	4.5	
10	280010	022311003619	BÙI PHƯƠNG	ANH	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.75	6.2	3.75	
11	280011	022311005433	BÙI PHƯƠNG	ANH	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.75	8.8	7.25	
12	280012	022311011849	BÙI THỊ MAI	ANH	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6	4.6	4.5	
13	280013	022311010351	BÙI TRANG	ANH	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	6.4	4.25	
14	280014	022211010851	BÙI TUẤN	ANH	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.25	4	4.25	
15	280015	022311012139	BÙI TUYẾT	ANH	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	9.6	8	
16	280016	022311011605	BÙI VÂN	ANH	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	5	5.75	
17	280017	022211008801	DƯƠNG HẢI	ANH	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	4.6	2	
18	280018	022211004180	ĐÀM QUANG TUẤN	ANH	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5.75	4	4	
19	280019	022311000745	ĐÀM THỊ MAI	ANH	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7	2.8	3.5	
20	280020	022311001560	ĐỖ HOÀNG	ANH	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	5.6	5.75	
21	280021	022311002504	HÀ KIỀU	ANH	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.75	8	6.75	
22	280022	022311002664	HOÀNG NGỌC PHƯƠNG	ANH	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	6.75	6.4	4.5	
23	280023	022211003817	LÊ ĐỨC	ANH	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.5	8.8	5.75	
24	280024	022311010460	LÊ NGUYỄN HỒNG	ANH	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.75	5	4.75	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
25	280025	022211007013	LÊ NGUYỄN TÙNG	ANH	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8	9.2	6	
26	280026	031310001972	LÊ PHƯƠNG	ANH	21/03/2010	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.25	2.8	0.5	
27	280027	022211011176	LÊ TUẤN	ANH	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.25	4.2	5	
28	280028	022311007450	NGÔ HOÀNG DIỆU	ANH	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.25	10	6.25	
29	280029	022211012584	NGUYỄN CÔNG DUY	ANH	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.5	6.4	2.25	
30	280030	022311005089	NGUYỄN ĐẶNG NGUYỆT	ANH	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.5	9.4	7.25	
31	280031	022211004779	NGUYỄN ĐÌNH	ANH	19/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	2	3.4	2.5	
32	280032	022311003754	NGUYỄN KIM	ANH	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	6.2	5.75	
33	280033	022311008002	NGUYỄN LƯƠNG QUỲNH	ANH	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	5.2	6.75	
34	280034	022311009169	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	3.5	5	4.75	
35	280035	022311007206	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	5	4.8	3	
36	280036	022311007483	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	3.25	6.6	4.75	
37	280037	022211012007	NGUYỄN TRỊNH ĐỨC	ANH	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.75	4.2	5	
38	280038	022311006038	NGUYỄN VÂN	ANH	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.75	5	3.75	
39	280039	022311005409	NGUYỄN VŨ	ANH	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	6.4	3.75	
40	280040	031311018210	PHẠM MAI	ANH	26/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	4.25	3.6	2.25	
41	280041	022211010824	PHẠM VŨ VIỆT	ANH	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.25	6.8	3.75	
42	280042	022211008890	PHÙNG ĐỨC	ANH	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	8	6.25	
43	280043	022211004566	TẠ ĐÌNH ĐỨC	ANH	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	6	6	
44	280044	022311012960	TRẦN THỊ HÀ	ANH	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	5	4.6	4	
45	280045	022311008281	VŨ ĐẶNG NGỌC	ANH	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	4.4	4.5	
46	280046	022211010772	VŨ ĐỨC	ANH	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	3.5	4.2	1.5	
47	280047	022311010580	VŨ HOÀI	ANH	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5	6.8	5.5	
48	280048	022211009176	VŨ HOÀNG	ANH	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	4.5	3.8	3.5	
49	280049	022311000659	VŨ MINH	ANH	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	3.2	5.25	
50	280050	022311001216	VŨ NGỌC	ANH	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6	4.6	4.25	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
51	280051	022311002357	VŨ QUỲNH	ANH	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	4.5	3.2	3	
52	280052	022311002987	VŨ THỊ NGỌC	ANH	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	3.8	3.5	
53	280053	022311010872	VŨ THỊ QUỲNH	ANH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6	4.8	5.75	
54	280054	022311007701	VŨ THỊ QUỲNH	ANH	11/12/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
55	280055	022211012220	VƯƠNG QUỐC	ANH	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	5.6	3.75	
56	280056	022311007263	BÙI NGỌC	ÁNH	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5.5	3.2	1.75	
57	280057	022311001435	ĐÀM HỒNG	ÁNH	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7	6	4.5	
58	280058	022311012977	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.5	5	4.25	
59	280059	022311005680	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÁNH	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	9.6	4	
60	280060	022311000817	PHẠM THỊ NGỌC	ÁNH	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	6.6	6.25	
61	280061	022311001572	PHÙNG NGỌC	ÁNH	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.5	7.2	6.5	
62	280062	022311010126	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	6.75	1.8	2.75	
63	280063	030311000453	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.25	3.8	5	
64	280064	022311005790	BÙI HỒNG	ÂN	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8.25	6.4	5.25	
65	280065	022211002437	LÊ MAI GIA	ÂN	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	5.6	5.25	
66	280066	022211012551	ĐÀM QUANG GIA	BẢO	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	4.5	3	1.25	
67	280067	022311001809	NGUYỄN THÁI	BẢO	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	9	3.25	
68	280068	022211013716	NGUYỄN VĂN	BẢO	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	8	6.75	
69	280069	040211002685	NGUYỄN VĂN	BẢO	16/02/2011	Tỉnh Nghệ An	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	3.5	7.2	4.75	
70	280070	022311006325	LÊ NGỌC	BÍCH	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	2.4	2.25	
71	280071	022311003893	NGUYỄN PHƯƠNG	BÍCH	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	3.2	5	
72	280072	022211008155	BÙI BẢO	BÌNH	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.75	8.6	8.75	
73	280073	022211010217	BÙI QUANG	BÌNH	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	8.6	8.5	
74	280074	022311002774	ĐỖ NGỌC BẢO	BÌNH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.75	4.4	4.25	
75	280075	022311005973	BÙI HÀ	CHÂU	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6	3.4	4.5	
76	280076	022311006813	NGUYỄN HÀ MINH	CHÂU	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8	9	7.75	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
77	280077	033311007692	TRẦN THỊ BẢO	CHÂU	01/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	5.6	5	
78	280078	022311005022	TRẦN THỊ MINH	CHÂU	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	4.4	2.75	
79	280079	022311007907	VŨ BẢO	CHÂU	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	6.2	3.75	
80	280080	022311008470	BÙI MAI	CHI	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	6	4.2	3.25	
81	280081	022311005540	DƯƠNG THÙY	CHI	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6	3.6	3.75	
82	280082	022311005267	ĐÀM YẾN	CHI	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	6.5	5	3	
83	280083	022311004101	LÊ THỊ KHÁNH	CHI	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	5	4	
84	280084	022311007264	NGUYỄN ĐỨC LINH	CHI	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	8.8	5	
85	280085	022311004184	NGUYỄN HẢI	CHI	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	7.4	4	
86	280086	022311003009	NGUYỄN MAI	CHI	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.5	4.6	4.5	
87	280087	022311011397	NGUYỄN THỊ LINH	CHI	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	4.6	3.25	
88	280088	022311011439	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	CHI	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	6.4	3	
89	280089	022311001091	NGUYỄN YẾN	CHI	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.75	5	3.75	
90	280090	030311014232	PHẠM KHÁNH	CHI	29/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	5.2	2	
91	280091	014311000602	TRẦN HUYỀN	CHI	07/07/2011	Tỉnh Sơn La	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	8.8	5.25	
92	280092	022311000396	VŨ THỊ THÙY	CHI	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.5	2	3	
93	280093	022211011970	BÙI ĐỨC MINH	CHÍ	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	6	4.5	
94	280094	022211003458	HOÀNG ANH	CHUNG	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	3.25	2.4	2	
95	280095	022211000853	NGUYỄN CHÍ	CÔNG	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.75	4.2	3.25	
96	280096	022211008129	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5	3.8	3	
97	280097	022311002069	BÙI THU	CÚC	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	2.2	2.25	
98	280098	022311006977	NGUYỄN KIM	CÚC	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	3.2	5	
99	280099	022211006323	TRẦN VĂN	CƯƠNG	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.25	4.8	4.75	
100	280100	022211011267	ĐÀM QUANG DUY	CƯỜNG	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	4.25	2	1	
101	280101	022211003559	LÊ BÁ NAM	CƯỜNG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5	4.2	3.75	
102	280102	022211010528	NGUYỄN BÙI THÁI	CƯỜNG	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
103	280103	022211011319	PHẠM NAM	CƯỜNG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	9.2	7.75	
104	280104	022211011658	TỐNG QUỐC	CƯỜNG	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	5.8	4.75	
105	280105	022311011855	PHẠM TRẦN THIÊN	DI	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.5	6.4	4.75	
106	280106	022311000773	BÙI NGỌC	DIỆP	30/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7	6.2	6.25	
107	280107	022311004795	BÙI THỊ NGỌC	DIỆP	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	1.2	3.75	
108	280108	022311008302	ĐINH THỊ NGỌC	DIỆP	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	5.8	6	
109	280109	022311012586	HOÀNG MINH	DIỆP	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	4.8	4	
110	280110	022311005165	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	5	5.25	
111	280111	022311012121	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	1.6	4.25	
112	280112	022311005015	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆP	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	4.2	3	
113	280113	022311003458	VŨ THỊ NGỌC	DIỆP	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.75	4.6	3	
114	280114	022211004459	BÙI CÔNG	DŨNG	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	3.2	5.5	
115	280115	022211011470	BÙI LÊ TẤN	DŨNG	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	7.2	4.75	
116	280116	022211011805	BÙI VIỆT	DŨNG	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	3.75	4.4	2.25	
117	280117	022211011476	ĐINH HOÀNG	DŨNG	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	6.2	4.5	
118	280118	022211003761	ĐINH MINH	DŨNG	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	7.4	5.75	
119	280119	022211008980	LÊ TIẾN	DŨNG	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.25	3.4	3	
120	280120	024211001124	LÊ TRUNG	DŨNG	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.25	8.6	4	
121	280121	022211009297	NGUYỄN CHÍ	DŨNG	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.25	4	8	
122	280122	022211012102	NGUYỄN TRÍ	DŨNG	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	8.8	7.5	
123	280123	022211001159	NGUYỄN TUẤN	DŨNG	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
124	280124	022211008451	BÙI BẢO	DUY	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	2.8	2.25	
125	280125	022211013671	BÙI KHƯƠNG	DUY	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	8.2	4	
126	280126	022211008184	BÙI TIẾN	DUY	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	4	4.5	
127	280127	022211009646	LÊ HỮU	DUY	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.25	8.6	6.5	
128	280128	022211007366	LÊ KỲ	DUY	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.5	3.4	3.25	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
129	280129	022211005355	NGUYỄN ĐỨC	DUY	08/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.25	9.6	7.5	
130	280130	022211008834	VŨ ĐỨC	DUY	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	4.4	5	
131	280131	022311008459	BÙI KỲ	DUYÊN	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7.75	9	5.75	
132	280132	022211008914	ĐÀM QUANG	DƯƠNG	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	3.5	3.6	2	
133	280133	022311006620	ĐINH THỊ ÁNH	DƯƠNG	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	3.6	4.5	
134	280134	022311001360	HOÀNG ÁNH	DƯƠNG	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	5.4	4	
135	280135	022311005695	NGÔ ÁNH	DƯƠNG	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.5	4.8	6	
136	280136	022311004632	NGÔ ÁNH	DƯƠNG	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	4.75	2.6	3.75	
137	280137	022311002198	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7.25	6.4	4.75	
138	280138	022311005822	NGUYỄN YẾN	DƯƠNG	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.75	4	3.25	
139	280139	022311012476	PHẠM THÙY	DƯƠNG	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.75	4.6	5.25	
140	280140	022211000541	TRẦN QÚI	DƯƠNG	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	9.4	7	
141	280141	022311009519	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	8.25	7.8	6.5	
142	280142	022211009023	NGUYỄN THẾ	ĐẠI	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.25	6.8	5.75	
143	280143	022311002294	PHẠM NGỌC ĐAN	ĐAN	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	7.6	4	
144	280144	022211006321	BÙI PHÚ	ĐẠT	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	6.8	4.25	
145	280145	022211003103	BÙI TIẾN	ĐẠT	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.75	5	6.5	
146	280146	022211003728	ĐINH ĐỨC	ĐẠT	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	6.2	3.75	
147	280147	022211004548	LÊ TIẾN	ĐẠT	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	6.4	3.25	
148	280148	022211007577	LÊ XUÂN	ĐẠT	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	6.25	4	4.75	
149	280149	022211002783	LƯƠNG THÀNH	ĐẠT	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	6.5	6	5.25	
150	280150	034211010432	NGHIÊM TIẾN	ĐẠT	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	6.8	5.5	
151	280151	022211005061	NGUYỄN ĐĂNG THÀNH	ĐẠT	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	5.8	6.25	
152	280152	022211012255	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	6.8	7.25	
153	280153	022211001734	VŨ GIA	ĐẠT	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7.25	8.4	7.75	
154	280154	022211003338	LÊ HẢI	ĐĂNG	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	6.8	6.25	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
155	280155	022211000797	LÊ THẾ	ĐÔNG	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	7.2	5.75	
156	280156	022211006118	BÙI HỒNG	ĐỨC	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	2.75	5	4.25	
157	280157	022211000775	TRẦN TRUNG	ĐỨC	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	5.6	4.75	
158	280158	022211000912	VŨ HUY	ĐỨC	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.5	10	7.75	
159	280159	022211005372	VŨ MINH	ĐỨC	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5.5	4.6	3.25	
160	280160	022211010128	VŨ MINH	ĐỨC	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	7	4	
161	280161	022211006285	VŨ TRẦN MINH	ĐỨC	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6	5.2	4.5	
162	280162	022211012387	VŨ TRỌNG	ĐỨC	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	7.8	5.5	
163	280163	022311001139	BÙI HƯƠNG	GIANG	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	4.8	3.75	
164	280164	022311011621	ĐINH HƯƠNG	GIANG	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	6.8	4.5	
165	280165	022311004576	ĐINH THÙY VÂN	GIANG	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.75	4.2	3.75	
166	280166	022311011105	HOÀNG THỊ NHU	GIANG	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.5	8.8	5	
167	280167	022311003435	LÊ NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8	7.8	4.75	
168	280168	022311004094	VŨ CHÂU	GIANG	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	4.4	3.25	
169	280169	022311009387	VŨ HƯƠNG	GIANG	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	3.8	0.75	
170	280170	022311005857	BÙI NGÂN	HÀ	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.5	5	3	
171	280171	022311007276	ĐỒNG THỊ THU	HÀ	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7	3.2	2	
172	280172	022311010571	HOÀNG NGÂN	HÀ	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.75	9.4	8	
173	280173	038311021677	NGUYỄN NHẬT	HÀ	30/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	8.8	7.25	
174	280174	022311009535	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.75	4.6	2.75	
175	280175	022311012095	PHẠM NGUYỄN NGỌC	HÀ	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	3.75	5.4	5	
176	280176	022311012494	PHẠM THỊ NGỌC	HÀ	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	5	2.25	
177	280177	022311011795	PHẠM THU	HÀ	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	7.6	6.5	
178	280178	022311009299	TRẦN THỊ THU	HÀ	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.5	4.6	5	
179	280179	022311006717	VŨ THU	HÀ	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8.25	9.2	5.5	
180	280180	022211001567	NGUYỄN QUANG	HẢI	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	8	6.75	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
181	280181	022211000923	PHẠM QUANG	HẢI	04/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	9.2	7.25	
182	280182	022311002957	VŨ THỊ THÚY	HẢI	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.5	4.6	4.5	
183	280183	022211000855	PHẠM THẾ	HÀO	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	8.2	6	
184	280184	022311006421	TRƯƠNG MĨ	HẢO	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.75	9.2	6.75	
185	280185	022311008170	BÙI THU	HẰNG	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	3.4	4	
186	280186	022311007728	VŨ THANH	HẰNG	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	8.2	6.75	
187	280187	022311003911	VŨ THỊ	HẰNG	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.25	4.2	2.75	
188	280188	022311005177	LƯU NGỌC	HÂN	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.25	8.6	6.25	
189	280189	022311013751	NGÔ BẢO	HÂN	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	4.4	2	
190	280190	022311000999	NGUYỄN GIA	HÂN	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.5	7	8	
191	280191	022311013658	VŨ BẢO	HÂN	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.5	4	3.5	
192	280192	022311005614	VŨ THỊ TỐ	HÂN	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.75	6.2	3.75	
193	280193	022311011089	ĐỖ THỊ ÁNH	HẬU	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.5	5.4	2.5	
194	280194	022311000475	LƯƠNG THỊ BÍCH	HẬU	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5	2.2	3.75	
195	280195	022311012805	NGUYỄN THỊ	HẬU	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	3.2	4.25	
196	280196	022311009126	ĐINH THỊ	HIÊN	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	4.6	4	
197	280197	022311001965	BÙI THU	HIỀN	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.75	4.2	3	
198	280198	022311001251	LÊ THU	HIỀN	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	8.8	6.25	
199	280199	022311012825	NGUYỄN THỊ THẢO	HIỀN	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.75	3.6	3.75	
200	280200	022211001895	BÙI ĐỨC	HIẾU	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	4.8	5.5	
201	280201	022211009951	LÊ TRUNG	HIẾU	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	9.4	4.5	
202	280202	022211006343	NGÔ MINH	HIẾU	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	3.75	1.8	3.5	
203	280203	022211008908	NGUYỄN VŨ TRUNG	HIẾU	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.25	7	6	
204	280204	022211013232	PHẠM TRUNG	HIẾU	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
205	280205	022211001612	PHẠM TRUNG	HIẾU	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	7.6	8.75	
206	280206	022311006950	BÙI THỊ HỒNG	HOA	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	3.4	3.5	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
207	280207	022311008638	ĐẶNG THANH	HOA	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	7.2	4.5	
208	280208	022311002052	ĐINH THANH	HOA	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.75	4.4	5.25	
209	280209	022311009781	ĐINH THỊ MAI	HOA	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.5	5.6	4.25	
210	280210	001311060356	LƯƠNG THỊ DUNG	HÒA	29/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8	9.8	8	
211	280211	022311000862	NGUYỄN MINH	HÒA	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	7	5.5	
212	280212	022211007361	NGUYỄN VIỆT	HOÀN	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.25	5.2	5.5	
213	280213	022211006064	LÊ VIỆT	HOÀNG	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.5	3.2	3.75	
214	280214	022211003158	NGUYỄN VŨ	HOÀNG	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.25	7.8	5.25	
215	280215	022211006828	VŨ HUY	HOÀNG	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.25	3.6	2.5	
216	280216	022211011422	VŨ VIỆT	HOÀNG	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	5.6	2	
217	280217	048311007772	BÙI THU	HỒNG	28/01/2011	Thành phố Đà Nẵng	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	5	4.5	
218	280218	022311004361	ĐINH THÚY	HỒNG	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	4	5.25	
219	280219	022311012201	BÙI THU	HUẾ	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.25	7	4.25	
220	280220	034311008158	NGUYỄN THỊ KIM	HUỆ	14/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	3.8	4.5	
221	280221	022311007939	VŨ THỊ	HUỆ	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	8.5	6.4	7.5	
222	280222	022211012574	ĐINH ĐỨC	HÙNG	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.75	3.8	5.5	
223	280223	022211010129	ĐINH VIỆT	HÙNG	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	4.6	8.5	
224	280224	022211001514	NGUYỄN SINH	HÙNG	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	5.2	5	
225	280225	022211000887	TỐNG DUY	HÙNG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	4	5.2	4.75	
226	280226	022211012059	BÙI ĐỨC	HUY	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.25	4.4	4.75	
227	280227	022211007442	BÙI GIA	HUY	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	5.8	5.75	
228	280228	022211009465	DƯƠNG GIA	HUY	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	6.6	4.75	
229	280229	022211002094	ĐÀM QUANG	HUY	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5.5	3.8	2.5	
230	280230	022211013363	NGÔ VĂN PHONG	HUY	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	9.4	8.25	
231	280231	022211014761	NGUYỄN BẢO	HUY	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.25	4.4	5.25	
232	280232	022211005254	NGUYỄN GIA	HUY	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	9.2	5.25	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
233	280233	022211013812	PHẠM ĐỖ QUANG	HUY	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	8.2	6.5	
234	280234	022211007790	PHẠM GIA	HUY	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7.25	7.8	7.25	
235	280235	022211009829	PHẠM KHẢI	HUY	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	4	7.6	4.75	
236	280236	022211000529	PHẠM MINH	HUY	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7.25	4.8	5.5	
237	280237	022211009195	PHẠM QUANG	HUY	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5	3.2	4	
238	280238	022311007959	BÙI THỊ THU	HUYỀN	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	2.6	4.5	
239	280239	022311011441	ĐINH KHÁNH	HUYỀN	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.5	8.4	8	
240	280240	022311007315	ĐINH THANH	HUYỀN	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	4.4	5.5	
241	280241	022311007273	ĐOÀN THỊ KHÁNH	HUYỀN	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	9.2	6.25	
242	280242	022311008699	HÀ THU	HUYỀN	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
243	280243	022311009100	PHẠM VŨ KHÁNH	HUYỀN	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	5.4	5	
244	280244	022311009333	TRẦN THU	HUYỀN	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	5	5	
245	280245	022211002090	BÙI DANH	HƯNG	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	5.6	6	
246	280246	022211007099	ĐÀM VIỆT	HƯNG	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	7	8.2	8.75	
247	280247	022211000890	ĐẶNG MINH	HƯNG	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	9.2	8.5	
248	280248	022211001975	LÊ VŨ THÁI	HƯNG	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.75	9	9	
249	280249	022211013296	NGUYỄN THẾ	HƯNG	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.5	3.4	4.5	
250	280250	022211004243	PHẠM PHÚC	HƯNG	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.25	6.6	7.25	
251	280251	022211010974	TRẦN DƯƠNG CHÍ	HƯNG	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	4.75	3.4	1.5	
252	280252	022211011185	TRẦN TUẤN	HƯNG	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	5	5	6	
253	280253	022311012510	ĐÀM THỊ QUỲNH	HƯƠNG	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	8.2	8.75	
254	280254	022311011876	NGUYỄN THỊ NHẬT	HƯƠNG	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	8.6	4.5	
255	280255	022311010428	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.75	5.8	5.5	
256	280256	022311000798	NGUYỄN THỊ NHƯ	HƯỜNG	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	2.8	3.5	
257	280257	022211003248	ĐINH SỸ	KHẢI	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	6.8	5.75	
258	280258	022211000642	ĐỒNG XUÂN MINH	KHANH	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	7.8	5.5	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
259	280259	022211013512	ĐÀM QUANG	KHÁNH	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	6.5	3.2	5	
260	280260	022311000873	ĐẶNG THỊ KIM	KHÁNH	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8	8	7	
261	280261	022211004449	ĐỖ GIA	KHÁNH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.25	4	4.25	
262	280262	022211003615	HOÀNG NAM	KHÁNH	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	8	4.75	
263	280263	022211009028	LÊ MINH	KHÁNH	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	7	4.8	6.75	
264	280264	022211010939	LƯU GIA	KHÁNH	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.75	3.6	4.25	
265	280265	022211012105	NGUYỄN GIA	KHÁNH	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	5.8	5	
266	280266	030311003453	NGUYỄN NGÂN	KHÁNH	13/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8	7	8	
267	280267	022311011454	NGUYỄN NGÂN	KHÁNH	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	4.8	3.75	
268	280268	022311001797	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	6	3.5	
269	280269	095211003315	VŨ ANH	KHOA	28/07/2011	Tỉnh Cà Mau	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	7.2	3.5	
270	280270	022210000123	VŨ MINH	KHOA	03/07/2010	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS TT Trâu Quỳ	Tiếng Anh	6	7.6	4.75	
271	280271	022211000729	LÊ ANH	KHÔI	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.25	9.2	7.75	
272	280272	022211002359	NGUYỄN ANH	KHÔI	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.5	7.4	3.5	
273	280273	022211011450	PHẠM ĐĂNG	KHÔI	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.5	8.2	4	
274	280274	022211001540	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	3.75	4.6	5.75	
275	280275	022211008909	PHẠM NGỌC	KIÊN	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	4	5.6	3.5	
276	280276	022211001230	VŨ TUẤN	KIỆT	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	3.5	5	2.25	
277	280277	037311005372	ĐINH HẠ	LAN	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5.25	3.6	1.5	
278	280278	022311000613	LÊ THỊ MAI	LAN	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.75	4.6	7.75	
279	280279	022211002744	BÙI BẢO	LÂM	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	9.4	6.25	
280	280280	022211013983	BÙI ĐỨC	LÂM	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	8.2	3.5	
281	280281	022211012935	ĐÀO XUÂN	LÂM	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.25	6.8	4.75	
282	280282	022211009681	ĐINH TÙNG	LÂM	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	8.2	7.25	
283	280283	022211000720	HÀ PHÚ	LÂM	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.75	4.2	4	
284	280284	082211010047	NGUYỄN PHÚC	LÂM	11/01/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	9	7	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
285	280285	022211000903	NGUYỄN TÙNG	LÂM	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	3.5	4.6	3.25	
286	280286	022211010361	NGUYỄN TÙNG	LÂM	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	9.4	8	
287	280287	022211005033	VŨ TÙNG	LÂM	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	3.25	4.2	1.75	
288	280288	022311010303	ĐINH ÁI	LIÊN	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	6.8	5.75	
289	280289	022311006120	BÙI DIỆU	LINH	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.25	8.2	7.5	
290	280290	022311008159	BÙI HÀ	LINH	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8	8.8	4.75	
291	280291	022311011882	BÙI KHÁNH	LINH	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	3.25	4.8	1.5	
292	280292	022311012039	BÙI PHƯƠNG	LINH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8.25	5	5.75	
293	280293	022311009948	BÙI THỊ MAI	LINH	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5.75	3.6	4.5	
294	280294	022311003948	BÙI TRẦN HÀ	LINH	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	6.8	3.25	
295	280295	022311011343	ĐINH KHÁNH	LINH	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	6.6	4.5	
296	280296	022311001886	ĐỒNG NGỌC MAI	LINH	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.75	8.2	7.25	
297	280297	022311000848	LẠI THỊ KHÁNH	LINH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	6.6	3.5	
298	280298	022311002416	LÊ NGỌC KHÁNH	LINH	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	6	4.25	
299	280299	022311012602	NGUYỄN ĐÀO PHƯƠNG	LINH	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.25	9.2	6.5	
300	280300	001311046732	NGUYỄN HÀ	LINH	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.25	7.2	5	
301	280301	022311005045	NGUYỄN KHÁNH	LINH	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	6.8	3.5	
302	280302	022311012003	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.5	4	4.75	
303	280303	022311010832	NGUYỄN THỊ MAI	LINH	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	8.2	8.75	
304	280304	022311012538	PHẠM HOÀNG	LINH	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	7.2	8.25	
305	280305	022311009103	PHẠM NGỌC	LINH	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	6	6.2	2.5	
306	280306	022311013010	PHẠM PHƯƠNG	LINH	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7	5.4	3.75	
307	280307	022311002947	PHẠM THỊ HÀ	LINH	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	8	7	5.5	
308	280308	022311002756	TRẦN KIỀU	LINH	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	8.2	5.75	
309	280309	022311009124	TRẦN PHƯƠNG	LINH	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7.75	3	2.75	
310	280310	022311012266	TRẦN THẢO	LINH	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.5	5.6	5.75	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
311	280311	022311005508	TRẦN THỊ DIỆU	LINH	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	4.8	1.75	
312	280312	022211007644	VŨ HOÀNG	LINH	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8.25	5.8	5.25	
313	280313	022311008802	VŨ THẢO	LINH	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8	8.8	5.5	
314	280314	022311004619	VŨ THỊ HỒNG	LINH	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	3.6	5.25	
315	280315	022311012874	VŨ THỊ KHÁNH	LINH	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.25	3.6	3.25	
316	280316	022311010133	VŨ THỊ TRÚC	LINH	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8.5	9.2	8	
317	280317	022211011077	NGUYỄN VIỆT	LONG	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.5	5.8	4	
318	280318	022211009556	PHẠM THÀNH	LONG	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	7.2	5.25	
319	280319	022211003417	TRẦN ĐỨC	LONG	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.75	8.4	7.5	
320	280320	036211008530	NGUYỄN HẢI	LỘC	23/02/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	3.2	5	
321	280321	022211010669	NGUYỄN PHÚ	LỘC	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	4.4	4.25	
322	280322	022211006967	BÙI HUY	LUẬT	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	7	3.6	4.5	
323	280323	022211008875	VŨ ĐẮC	LƯỢC	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.5	6.8	6.75	
324	280324	022211002471	NGUYỄN THÀNH	LƯƠNG	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	9	6.75	
325	280325	022311009528	BÙI NGUYỄN QUỲNH	LY	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	6.6	5.75	
326	280326	022311011633	ĐÀM THỊ KHÁNH	LY	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5	3.6	3.5	
327	280327	022311011722	ĐOÀN THỊ KHÁNH	LY	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	3	5.75	
328	280328	022311010814	NGUYỄN KHÁNH	LY	06/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.5	3.8	0.75	
329	280329	022311010988	NGUYỄN KHÁNH	LY	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	8	6.25	
330	280330	022311003953	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LY	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.75	5.6	5	
331	280331	022311003949	VŨ MAI HOA	LY	01/12/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	8.6	7.5	
332	280332	034311011616	VŨ NGỌC	LY	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	5	7	
333	280333	022311011138	NGUYỄN THỊ	LÝ	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	3.2	5.25	
334	280334	038311011573	LÊ NGỌC	MAI	25/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.25	8.4	8.75	
335	280335	022311001531	TRẦN CHI	MAI	05/06/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8	7.2	4.5	
336	280336	022311012038	VŨ THỊ HUYỀN	MAI	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	4.6	4.75	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
337	280337	022311006110	VŨ THỊ QUỲNH	MAI	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	7.4	7.25	
338	280338	022311012261	LƯƠNG TRIỆU	MẪN	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	7.8	3.25	
339	280339	022211006150	BÙI GIA	MINH	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	6.8	6.75	
340	280340	022211002042	BÙI HUY	MINH	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.5	6.8	7.75	
341	280341	022211014757	BÙI NHẬT	MINH	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.75	5	4	
342	280342	022211003782	BÙI TRÍ	MINH	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.25	5.4	4	
343	280343	022211012952	DƯƠNG ANH	MINH	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	8.4	5	
344	280344	022211004254	ĐÀM QUANG	MINH	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	8.4	7.5	
345	280345	022211010241	ĐÀO TUỆ	MINH	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	9.4	8.5	
346	280346	022211002426	ĐOÀN TUỆ	MINH	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.5	7.6	7.5	
347	280347	022211003685	LÊ VĂN	MINH	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.5	3.8	3.75	
348	280348	022211000667	LƯƠNG QUANG	MINH	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	6	5.2	4.25	
349	280349	022211002116	NGÔ VĂN	MINH	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5.75	3.4	5	
350	280350	022211005650	NGUYỄN ĐỨC	MINH	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	6	5	
351	280351	022211011643	NGUYỄN NHẬT	MINH	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	7.4	5.5	
352	280352	022211005696	NGUYỄN TIẾN	MINH	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	4.5	3.2	3.5	
353	280353	022211009886	NGUYỄN TUẤN	MINH	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	7.4	5.25	
354	280354	022211000864	NGUYỄN TUẤN	MINH	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	9.8	7.5	
355	280355	022211001233	PHẠM HỒNG	MINH	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	3.25	4.6	3.75	
356	280356	022311010272	PHẠM NGUYỆT	MINH	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	4.5	3.4	3.25	
357	280357	022211011579	TRIỆU QUANG	MINH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	5.2	5.5	
358	280358	022211003933	VŨ NGỌC	MINH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	9.2	3.5	
359	280359	022211012989	VŨ QUANG	MINH	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.5	9.4	7.75	
360	280360	022211013136	VŨ QUANG	MINH	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	7.8	5.75	
361	280361	022311010812	BÙI THỊ HÀ	MY	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7.75	3.4	2	
362	280362	022311003929	ĐÀO THỊ HÀ	MY	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	9.25	6.2	4.75	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
363	280363	022311002662	ĐẶNG THỊ TRÀ	MY	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	8	5.8	5	
364	280364	022311007066	ĐINH THỊ TRÀ	MY	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	3	5	
365	280365	034311005172	NGÔ TRÀ	MY	19/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.75	9.8	7	
366	280366	022311012421	VŨ NGUYỄN TRÀ	MY	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6	4.4	3.5	
367	280367	022211013339	BÙI BẢO	NAM	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	4.4	5.5	
368	280368	022211007942	NGUYỄN HẢI	NAM	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	2.25	4.8	3.75	
369	280369	022211010497	NGUYỄN HOÀNG	NAM	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	6.6	5	
370	280370	022211012206	TRẦN HẢI	NAM	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Yên Hưng	Tiếng Anh	4.25	4.4	1.75	
371	280371	022311006212	ĐINH GIA	NGÂN	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	7.6	3.25	
372	280372	022311009174	ĐOÀN THỊ	NGÂN	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7	5	6.5	
373	280373	022311004861	NGUYỄN THỊ HOÀNG	NGÂN	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8	9.4	6.75	
374	280374	022311002825	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.25	9.8	7.25	
375	280375	001311066519	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	6.8	4	
376	280376	022311000654	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	5.8	5.75	
377	280377	022311005719	NGUYỄN THỊ THÙY	NGÂN	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6	6.4	6.5	
378	280378	022311006827	NGUYỄN THỊ TRANG	NGÂN	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	5.6	5	
379	280379	022311002830	PHÙNG KIM	NGÂN	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	6.2	4.75	
380	280380	022211012746	BÙI ĐẠI	NGHĨA	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.75	3.6	4.5	
381	280381	022211001749	ĐINH CÔNG	NGHĨA	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	7.6	6.25	
382	280382	022311002568	DƯƠNG ÁNH	NGỌC	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.75	4.2	6.75	
383	280383	022311000934	DƯƠNG THÁI BẢO	NGỌC	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	5.2	5.25	
384	280384	022311005088	ĐÀM BẢO	NGỌC	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5.75	4.8	3.25	
385	280385	022311005312	ĐINH THỊ HỒNG	NGỌC	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	4.8	5.5	
386	280386	022311004169	LÊ KHÁNH	NGỌC	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7.75	2.4	4.75	
387	280387	022311005320	NGUYỄN ÁI	NGỌC	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7	4.6	6	
388	280388	022311002200	NGUYỄN BẢO	NGỌC	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	6	3.25	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
389	280389	022311005965	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.25	6.4	6.5	
390	280390	022311000906	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	5.6	6	
391	280391	022311000984	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	5.2	4.5	
392	280392	022311010237	PHẠM BÍCH	NGỌC	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	5.2	5.5	
393	280393	022211006102	PHẠM THẾ	NGỌC	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6	4.6	7.75	
394	280394	022311008255	PHẠM THỊ BÍCH	NGỌC	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.25	4.8	6.5	
395	280395	022311011740	TRẦN MINH	NGỌC	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.5	3.2	1.5	
396	280396	022311002345	VŨ HOÀNG KHÁNH	NGỌC	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	6.2	3.25	
397	280397	022311001170	VŨ THỊ BẢO	NGỌC	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	7	5.25	
398	280398	022311002719	ĐỒNG THỊ THẢO	NGUYÊN	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	5.4	5	
399	280399	022211007039	LÊ MINH	NGUYÊN	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	3.25	3.8	4.75	
400	280400	022211013260	PHẠM HOÀNG	NGUYÊN	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	4.5	3.4	3.25	
401	280401	022211006277	VŨ KHÔI	NGUYÊN	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	5	7.25	
402	280402	022211013140	VŨ TIẾN	NGUYÊN	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	7.4	3	
403	280403	022311010322	ĐINH THỊ ÁNH	NGUYỆT	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	6	5	
404	280404	022311003118	ĐOÀN THỊ NHƯ	NGUYỆT	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.75	8.8	7	
405	280405	022311011379	LÊ MINH	NGUYỆT	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8	8	4.75	
406	280406	022311007860	LÊ MINH	NGUYỆT	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.25	6.4	4.75	
407	280407	022311002034	LÊ THỊ ÁNH	NGUYỆT	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.25	3.4	3.5	
408	280408	022311002600	TRẦN THỊ MINH	NGUYỆT	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.25	3	2.5	
409	280409	022211001106	ĐINH DUY	NHÂN	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	9	6	
410	280410	022311000898	BÙI THỊ THU	NHẬT	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.5	6	4	
411	280411	027211004260	NGUYỄN MINH	NHẬT	11/03/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	3.75	4.2	2.75	
412	280412	022211000888	VŨ ĐÌNH MINH	NHẬT	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	6.2	3.25	
413	280413	022311008686	ĐINH YẾN	NHI	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	8.2	5	
414	280414	022311010646	ĐOÀN NGỌC	NHI	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7	7.4	6.25	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
415	280415	022311000900	NGÔ KHÁNH	NHI	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	6.2	6	
416	280416	022311013761	NGUYỄN KHÁNH	NHI	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	3.8	3.5	
417	280417	022311001490	NGUYỄN LÊ NGỌC	NHI	20/09/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ		TH, THCS và THPT Yên Hưng	Tiếng Anh	5.25	4.8	3.25	
418	280418	022311012786	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	4.4	4.25	
419	280419	022311001022	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.75	5.8	7.25	
420	280420	022311006440	TÔ THỊ YẾN	NHI	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	5.6	4.5	
421	280421	022311009631	TRẦN HOÀNG	NHI	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	3.75	2.6	3	
422	280422	022311002329	VŨ THỊ YẾN	NHI	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5.5	3	2.25	
423	280423	038311033596	VŨ THỊ YẾN	NHI	06/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.75	4.6	4	
424	280424	022311000331	PHẠM THUỲ	NHUNG	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7.25	4.8	5.25	
425	280425	022311003344	ĐÀO HỒNG	NHƯ	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	6.2	5	
426	280426	022311009202	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	8	7.8	7.75	
427	280427	022311000725	VŨ HOÀNG QUỲNH	NHƯ	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.25	6.6	4.75	
428	280428	022311007974	BÙI NGỌC KHÁNH	NINH	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6	2.6	3.5	
429	280429	022311001604	PHẠM THỊ THÙY	NINH	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	1.6	1.25	
430	280430	022211011369	BÙI ĐỨC	PHONG	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	8.2	6.25	
431	280431	022211009827	ĐÀO NAM	PHONG	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	5.4	3.5	
432	280432	022211013586	ĐOÀN VŨ	PHONG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	4.4	5.5	
433	280433	034211006774	HOÀNG DUY	PHONG	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.75	4.2	3.5	
434	280434	022211012316	NGÔ VĂN	PHONG	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	6.5	7.4	4.75	
435	280435	022211004499	NGUYỄN ĐỨC	PHONG	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5	7.2	5	
436	280436	022211007489	NGUYỄN ĐỨC	PHONG	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	7	6.5	
437	280437	022211002089	NGUYỄN THANH	PHONG	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	7.8	6.75	
438	280438	022211008270	PHẠM DUY	PHONG	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6	9.8	7.75	
439	280439	022211006548	PHẠM THANH	PHONG	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	6.4	7.75	
440	280440	022211001192	VŨ DUY	PHONG	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	6.2	7.75	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
441	280441	022211005377	VŨ ĐÌNH	PHONG	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	9	9	
442	280442	034211006497	VŨ ĐỨC	PHONG	01/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.5	6.8	8.5	
443	280443	022211011764	VŨ XUÂN	PHONG	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	6.6	8.5	
444	280444	022211005398	HOÀNG ĐÌNH	PHÚ	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.25	8.8	8	
445	280445	022211007628	CHU ĐẠI	PHÚC	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	7.8	6.75	
446	280446	022211010214	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	7	5.25	
447	280447	022211007664	NGUYỄN QUANG	PHÚC	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	5	6.2	3.25	
448	280448	022211000721	PHẠM TIẾN	PHÚC	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	6.5	5.2	1.75	
449	280449	022211009081	TỐNG HUY	PHÚC	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	5.4	5.75	
450	280450	031211020676	TRẦN HOÀNG	PHÚC	22/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	4.4	4.75	
451	280451	022211013318	TRỊNH PHẠM ĐỨC	PHÚC	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	6.4	6.5	
452	280452	022211013753	NGUYỄN ĐẶNG HỮU	PHƯỚC	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	7	5.5	
453	280453	022211014830	BÙI NAM	PHƯƠNG	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5.25	4.4	4.75	
454	280454	022311012662	BÙI THỊ MỸ	PHƯƠNG	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.75	3.4	3.25	
455	280455	022311001426	ĐẶNG HUYỀN	PHƯƠNG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	5.6	3.5	
456	280456	022311000786	ĐOÀN HÀ	PHƯƠNG	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	10	7.75	
457	280457	022211002288	ĐOÀN MINH	PHƯƠNG	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.25	7.8	5	
458	280458	022311000908	NGÔ THỊ LAN	PHƯƠNG	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	5.4	4.5	
459	280459	022311001637	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.25	3.8	5.25	
460	280460	022311007269	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	7.2	5.25	
461	280461	022311011554	TRẦN THU	PHƯƠNG	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.5	3	2.25	
462	280462	022311008824	VŨ HÀ	PHƯƠNG	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	8.4	4	
463	280463	022311009473	NGUYỄN HỒNG	PHƯỢNG	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	4.2	3.5	
464	280464	022311009585	VŨ MINH	PHƯỢNG	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7	4	2	
465	280465	022211004423	LÊ MINH	QUANG	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	9.4	6.25	
466	280466	022211008413	NGUYỄN ĐỨC	QUANG	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	7.2	3.75	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
467	280467	022211010696	TRẦN NHẬT	QUANG	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5.5	4.2	3.25	
468	280468	022211009083	ĐINH QUANG	QUẢNG	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8	5.4	7.25	
469	280469	022211001450	BÙI MẠNH	QUÂN	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	8.6	8	
470	280470	022211002595	NGUYỄN TIẾN	QUÂN	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.5	4.6	6.25	
471	280471	022211000663	NGUYỄN VŨ MINH	QUÂN	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	5.8	8	
472	280472	022211003453	VŨ ANH	QUÂN	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	8	5.75	
473	280473	022211005316	VŨ HỒNG	QUÂN	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	5.8	7.25	
474	280474	022211006824	NGUYỄN DANH BẢO	QUỐC	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.25	5.8	3.25	
475	280475	022211008751	NGUYỄN MẠNH	QUÝ	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.5	6.2	3.75	
476	280476	022311010897	ĐÀM THỊ	QUYÊN	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	6.25	3.8	3.25	
477	280477	022311002154	NGUYỄN NGỌC	QUYÊN	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6	3.4	4	
478	280478	022311003719	TẠ BÙI NHÃ	QUYÊN	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	4.8	3.5	
479	280479	022211001434	ĐỖ VĂN	QUYẾT	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	2.4	2.75	
480	280480	022311009822	BÙI NHƯ	QUỲNH	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7	6.6	7	
481	280481	022311009058	ĐÀM THỊ NHƯ	QUỲNH	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.75	7.8	5	
482	280482	022311010983	ĐINH THỊ THU	QUỲNH	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	6.6	6	
483	280483	022311000832	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.5	2.4	3.75	
484	280484	022311003206	PHẠM THỊ NHƯ	QUỲNH	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.75	3.2	4.75	
485	280485	022311009000	VŨ MAI	QUỲNH	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	3.6	5.25	
486	280486	022211004161	ĐÀM QUANG TIẾN	SANG	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5.5	2.4	2.75	
487	280487	022211010914	NGUYỄN MINH	SANG	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.25	6.6	4.75	
488	280488	022211013359	VŨ VĂN	SÁNG	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	3	4.75	
489	280489	022311008672	CAO HOÀNG	SÂM	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.25	6	5	
490	280490	022211003710	LÊ NGỌC TRƯỜNG	SƠN	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	6.6	4.75	
491	280491	022211011957	NGUYỄN XUÂN	SƠN	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	6.2	5	
492	280492	022211008283	VŨ TRƯỜNG	SƠN	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.5	5.4	7.25	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
493	280493	022311008728	BÙI THỊ MINH	TÂM	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8.25	6	5	
494	280494	022211002286	BÙI TRỊNH	TÂM	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.75	5	5.75	
495	280495	022311009092	PHẠM THỊ THANH	TÂM	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.75	9.2	6	
496	280496	022211008023	ĐINH ĐỨC	TÂN	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.75	8.2	8.5	
497	280497	022211011273	NGÔ DUY	TÂN	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.75	4.8	5	
498	280498	022211008955	BÙI ĐỨC	TẤN	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	5.4	4.25	
499	280499	022211008811	ĐINH KHẮC	THÁI	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	8.6	9	
500	280500	022211011348	LÊ VĂN	THÁI	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	5	4	
501	280501	024211013235	NGÔ QUANG	THÁI	21/08/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.25	3.4	2.75	
502	280502	022211005047	NGUYỄN PHÚ	THÁI	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	5	5.5	
503	280503	022311004895	ĐÀO HOÀI	THANH	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	5.8	6.25	
504	280504	022211011302	NGUYỄN VĂN	THANH	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.25	3.2	2.5	
505	280505	022211011218	TRẦN ĐỨC	THANH	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	2.6	3	
506	280506	022211004750	CAO THIÊN	THÀNH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	5	2.2	3.25	
507	280507	022211004480	NGUYỄN NHƯ	THÀNH	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	4.6	3.5	
508	280508	022211006679	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	8.6	7	
509	280509	022211011026	NGUYỄN TRƯỜNG	THÀNH	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.5	9.2	7.5	
510	280510	022211012634	TRẦN XUÂN	THÀNH	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8	7.4	4.75	
511	280511	022311003577	BÙI PHƯƠNG	THẢO	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	4.4	4	
512	280512	022311002193	BÙI PHƯƠNG	THẢO	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5	4.8	3.75	
513	280513	022311012441	ĐẶNG THỊ THANH	THẢO	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.5	5.6	3.5	
514	280514	022311000744	ĐINH THANH	THẢO	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	5	2	
515	280515	022311005997	ĐINH THỊ THANH	THẢO	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	2.4	3	
516	280516	022311003592	NGÔ THỊ THANH	THẢO	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.75	2.4	3	
517	280517	022311012370	NGUYỄN DIỆU	THẢO	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	5.8	5	
518	280518	022311009828	NGUYỄN THANH	THẢO	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.25	6.6	5	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
519	280519	022311010890	NGUYỄN THỊ	THẢO	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	3.6	6.5	
520	280520	034311000675	NGUYỄN THU	THẢO	09/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	3	4.25	
521	280521	022311003525	VŨ TRẦN PHƯƠNG	THẢO	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	2.8	4.75	
522	280522	022311001792	NGUYỄN HỒNG	THẮM	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	4.6	2	
523	280523	022211010422	ĐINH ĐỨC	THĂNG	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	7.8	6.75	
524	280524	022211010096	ĐINH DƯƠNG QUANG	THẮNG	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	9.8	6.5	
525	280525	022311001279	LÊ THỊ	THÊM	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	5.8	5	
526	280526	022311005858	LÊ VŨ	THI	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.75	4.8	2.75	
527	280527	022311007676	TRẦN THỊ KHÁNH	THI	11/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6	6.4	4.5	
528	280528	022211012722	TRẦN PHÚC	THIÊN	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	7.8	4.75	
529	280529	022211006208	ĐINH GIA	THIỆN	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	9.8	5.75	
530	280530	022211009698	LÊ ĐÌNH	THIỆN	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	5.8	7.5	
531	280531	022211013327	NGUYỄN GIA	THIỆN	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	5.8	3.75	
532	280532	022211014640	TRẦN ĐỨC	THIỆN	29/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.25	6	6.25	
533	280533	022211013247	NGÔ ĐÌNH	THỌ	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.5	7.4	5.75	
534	280534	022211008804	VŨ VĂN	THỐNG	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	4.2	7.5	
535	280535	022311005368	NGÔ THỊ	THƠ	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	6.75	5.2	6.5	
536	280536	022311000853	PHẠM ĐỖ ANH	THƠ	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	6.8	4.5	
537	280537	022311004732	ĐỖ NGÂN	THU	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	7.2	4.25	
538	280538	022311008118	PHẠM THỊ HỒNG	THU	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	6	3.8	1.75	
539	280539	022311007416	BÙI THỊ HẢI	THÙY	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.75	4.6	6.25	
540	280540	022311006560	BÙI THỊ KHÁNH	THÙY	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	2.8	6.5	
541	280541	022311003990	LÊ KHÁNH	THÙY	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	6.6	5.25	
542	280542	022311002165	BÙI THỊ	THỦY	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.75	7	5.5	
543	280543	022311013753	LÊ THU	THỦY	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	9	5.75	
544	280544	022311000918	NGUYỄN NGỌC	THỦY	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	4.6	3.5	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
545	280545	022311000735	NGUYỄN THỊ KIM	THỦY	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.5	6.8	6.5	
546	280546	022311005476	VŨ BÍCH	THỦY	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	2.6	3.75	
547	280547	022311005296	VŨ THỊ	THÚY	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7	4	3.75	
548	280548	022311007245	BÙI ANH	THƯ	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	6.6	4	
549	280549	022311004326	BÙI THANH	THƯ	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6	5.4	4	
550	280550	022311011535	ĐINH THANH	THƯ	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	4.8	4.75	
551	280551	022311003138	LÊ MINH	THƯ	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.25	4.6	4.25	
552	280552	022311008701	NGÔ THỊ HUYỀN	THƯ	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	9.6	8.25	
553	280553	022311006805	NGUYỄN MINH	THƯ	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	5.6	3.5	
554	280554	022311011694	NGUYỄN THỊ QUỲNH	THƯ	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	5	3.4	4.25	
555	280555	070311003976	PHẠM ANH	THƯ	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7	5.2	3	
556	280556	022311004782	VŨ NGỌC MINH	THƯ	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.25	9	3.75	
557	280557	022311003825	VŨ THỊ ANH	THƯ	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5.75	2.6	1.5	
558	280558	022311009784	VŨ THỊ	THƯ	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.5	3.2	3.25	
559	280559	022311013682	PHẠM THỊ NGÂN	THƯƠNG	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7.25	7.4	3.75	
560	280560	022311003321	NGUYỄN THỦY	TIÊN	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	8.4	5.25	
561	280561	022211001899	BÙI KIM	TIỀN	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.75	6.6	4.25	
562	280562	022211008354	BÙI VĂN	TIỀN	03/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5.25	3.8	4.25	
563	280563	022211000878	NGUYỄN TRỌNG	TIỆP	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.75	3.6	4.25	
564	280564	022211004383	VŨ TRỌNG	TÍN	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.25	7.8	6.75	
565	280565	022211000690	NGUYỄN MẠNH	TOÀN	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.75	7	4.75	
566	280566	037211008945	VŨ VĂN	TỚI	18/12/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	7.8	6	
567	280567	022311001624	NGUYỄN HOÀNG HƯƠNG	TRÀ	08/03/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	6.2	5	
568	280568	022311004984	NGUYỄN PHƯƠNG	TRÀ	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	3.75	3.2	2.75	
569	280569	022311001714	ĐINH THẢO	TRANG	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	5.4	3.25	
570	280570	022311007507	ĐINH VŨ LINH	TRANG	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.75	9.4	7.75	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
571	280571	022311012783	ĐỖ THỊ HƯƠNG	TRANG	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.25	5.6	4.75	
572	280572	022311005318	NGÔ THỊ HUYỀN	TRANG	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.5	3.6	4	
573	280573	022311012050	NGUYỄN MINH	TRANG	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	9	3.75	
574	280574	022311009816	NGUYỄN PHƯƠNG	TRANG	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	5	4.25	
575	280575	022311006807	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	5.6	4.5	
576	280576	022311003176	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	6.2	7.5	
577	280577	022311010868	NGUYỄN THỊ MAI	TRANG	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	3.4	2.75	
578	280578	022311004612	TRẦN QUỲNH	TRANG	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.25	5	4.5	
579	280579	022311001070	VŨ QUỲNH	TRANG	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	8.4	4.25	
580	280580	022311003103	VŨ THỊ QUỲNH	TRANG	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	6.75	6	5	
581	280581	022311000776	VŨ THỊ THU	TRANG	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.75	3.6	3.5	
582	280582	022211010413	NGUYỄN VĂN	TRÁNG	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	9.4	6.75	
583	280583	022311001281	ĐẶNG NGỌC	TRÂM	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.5	6.2	4.5	
584	280584	022311007731	ĐINH THỊ BẢO	TRÂM	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.5	4.6	4.5	
585	280585	022311002576	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.5	4	4	
586	280586	022311001195	VŨ THỊ NGỌC	TRÂM	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.25	5.6	3.75	
587	280587	022311005359	VŨ THUỲ	TRÂM	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	6.75	5.8	6.25	
588	280588	022311010403	TRẦN NGỌC BẢO	TRÂN	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.75	8.6	6.5	
589	280589	022211009350	ĐINH ĐỨC	TRỌNG	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	2.8	4.25	
590	280590	031211019214	NGUYỄN PHÚ	TRỌNG	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	4.4	3.5	
591	280591	022211010807	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.5	4	5.25	
592	280592	022311003080	ĐOÀN THANH	TRÚC	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	5.5	4.4	4	
593	280593	022311012118	ĐOÀN THANH	TRÚC	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8.5	6.2	4.5	
594	280594	022211009154	TRẦN BẢO	TRÚC	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	8	5.5	
595	280595	022311007111	VŨ LÃ THANH	TRÚC	01/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.75	9	6.25	
596	280596	022211006290	DƯƠNG TIẾN	TRUNG	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.25	6	4.75	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
597	280597	022211004389	TRỊNH XUÂN	TRUNG	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	7	4.25	
598	280598	022211011603	TÔ DUY	TRƯỜNG	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	9.6	8.25	
599	280599	022211007428	BÙI HUY TUẤN	TÚ	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	3.75	10	5.5	
600	280600	022211005067	BÙI NGỌC	TÚ	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	4.8	7	
601	280601	022211013172	ĐOÀN QUANG	TÚ	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
602	280602	022311013747	LÊ CẨM	TÚ	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	7.4	2.75	
603	280603	022311012381	LÊ THỊ THANH	TÚ	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	9	9.6	7.75	
604	280604	022311002265	NGUYỄN CẨM	TÚ	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.25	9.2	6.25	
605	280605	022211005288	NGUYỄN TUẤN	TÚ	03/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.5	6.2	5.25	
606	280606	022311002310	TRẦN CẨM	TÚ	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.25	9.6	7.5	
607	280607	022311009513	VŨ THỊ CẨM	TÚ	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	7.2	5.75	
608	280608	022211012205	HOÀNG ĐỨC	TUẤN	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	7.6	4.75	
609	280609	022211008489	NGUYỄN ANH	TUẤN	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.5	7.6	4.5	
610	280610	022211003653	VŨ HOÀNG	TUẤN	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	3.5	7	2.5	
611	280611	022217002305	VŨ TÀI	TUỆ	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	7.6	5.5	
612	280612	022211006156	BÙI DUY	TÙNG	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6	5.8	4.75	
613	280613	022211014841	LƯƠNG NGỌC	TÙNG	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	4.5	7	4.5	
614	280614	022211001618	NGUYỄN HẢI	TÙNG	21/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	7.8	5	
615	280615	022211008806	NGUYỄN LƯƠNG	TÙNG	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK Academy	Tiếng Anh	4.5	6.2	4.75	
616	280616	022211003975	NGUYỄN TIẾN	TÙNG	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.25	2.4	0.75	
617	280617	022211000719	PHẠM MẠNH	TÙNG	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	3.5	2.8	1.5	
618	280618	022211008066	BÙI MINH	TUYỀN	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	5.4	4.75	
619	280619	030311012376	NGUYỄN ÁNH	TUYẾT	08/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	3.5	4	3.25	
620	280620	022311011890	BÙI PHƯƠNG	UYÊN	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.5	6.6	3.75	
621	280621	022311006592	BÙI PHƯƠNG	UYÊN	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	6.8	4.75	
622	280622	022311004923	BÙI THỊ KHÁNH	UYÊN	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8.25	9.8	8.25	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
623	280623	022311000644	PHẠM KHÁNH	UYÊN	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền An	Tiếng Anh	7	5.2	4	
624	280624	022311002595	ĐỖ LÊ THÙY	VÂN	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Yên Hưng	Tiếng Anh	4	2.4	1.25	
625	280625	022311004186	NGUYỄN MINH	VÂN	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	8	8.25	
626	280626	022311006186	PHẠM THỊ BÍCH	VÂN	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	5.4	3.5	
627	280627	022311002918	PHẠM THỊ	VÂN	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	8.4	3	
628	280628	022311000741	VŨ THANH	VÂN	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	4.6	7.75	
629	280629	022311012358	BÙI THỊ HÀ	VI	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	2.6	1.75	
630	280630	022311008464	ĐINH HÀ	VI	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.25	5.2	3.25	
631	280631	022311007186	LƯƠNG VŨ HÀ	VI	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	5.25	3.2	2.5	
632	280632	022311011290	TRẦN THỊ KIỀU	VI	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	8.25	8.6	7.25	
633	280633	022211010248	BÙI ĐĂNG	VINH	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4	3.8	2.75	
634	280634	022211003917	NGUYỄN PHÚC	VINH	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	6.6	4.5	
635	280635	022211002412	HOÀNG NGUYÊN	VŨ	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hà An	Tiếng Anh	3.75	4.2	4.75	
636	280636	022211001944	LÊ MINH	VŨ	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	9.2	6	
637	280637	022211002168	LÊ	VŨ	21/09/2011	Tỉnh Quảng Trị	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	8.8	4	
638	280638	022211005901	NGÔ NHẬT	VŨ	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	7	5.25	
639	280639	094311002462	BÙI LÊ	VY	29/07/2011	Thành phố Cần Thơ	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	3.4	4.5	
640	280640	022311000869	LÊ THỊ BẢO	VY	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	4.25	3	1.5	
641	280641	022311002864	NGÔ HÀ	VY	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.25	5.2	6.25	
642	280642	022311002724	NGÔ THỊ THẢO	VY	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	3.4	4.5	
643	280643	022311007026	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	6.25	4	4	
644	280644	022311012026	NGUYỄN THẢO	VY	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	4	2.25	
645	280645	022311010592	PHẠM ÁNH	VY	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	4.75	3.6	4	
646	280646	022311000576	PHẠM NGỌC CẨM	VY	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7	2.4	4.25	
647	280647	022311000911	PHẠM NGỌC HÀ	VY	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	4.4	3	
648	280648	022311008863	TRẦN VŨ HÀ	VY	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	5.75	5.6	4.25	

Đơn vị: THPT Bạch Đằng (22_HD_028)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
649	280649	022311005601	TRƯƠNG THẢO	VY	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	9	7	
650	280650	022311011363	VŨ HÀ	VY	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	4	3.2	2.75	
651	280651	022311007012	VŨ THỊ KIỀU	VY	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.25	5.2	5	
652	280652	022311006029	PHẠM THỊ	XUÂN	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	2.2	3	
653	280653	022311004928	BÙI LỆ NHƯ	Ý	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	3.4	5.25	
654	280654	022311001919	BÙI THỊ HẢI	YẾN	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.25	6.2	7.75	
655	280655	022311010359	BÙI THỊ NGÂN	YẾN	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.75	5.8	5	
656	280656	022311004805	ĐINH HẢI	YẾN	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	7.5	7	6.5	
657	280657	022311011481	ĐINH THỊ HẢI	YẾN	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.5	4.2	3.75	
658	280658	022311000674	HOÀNG THỊ HẢI	YẾN	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hà An	Tiếng Anh	7.5	3.8	4.75	
659	280659	022311002805	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	6.75	3.2	2.5	
660	280660	022311009697	PHẠM TÔ HẢI	YẾN	09/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	8.8	4.75	

(Danh sách này gồm có 660 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	290001	022311000713	ĐỖ THỊ THÁI	AN	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.75	3	4.75	
2	290002	022311007307	VŨ BẢO	AN	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	4.4	3.5	
3	290003	022211011250	VŨ QUỐC	AN	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	3.5	4	2.5	
4	290004	022211005797	VŨ TÂN	AN	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	3.8	4	
5	290005	022211011845	BÙI KIM TUẤN	ANH	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	6.2	6.5	
6	290006	022211005123	BÙI THẾ	ANH	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.25	4.8	3.5	
7	290007	022311002588	BÙI THỊ PHƯƠNG	ANH	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.25	6.8	5.25	
8	290008	022311004406	CAO PHƯƠNG	ANH	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.75	4.2	5	
9	290009	022311006073	CAO THỊ NGỌC	ANH	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.25	4.6	6	
10	290010	022211001838	CAO VIỆT	ANH	23/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	4	2.8	1.75	
11	290011	022311009317	DƯƠNG PHƯƠNG	ANH	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.25	2.6	1	
12	290012	022211009257	DƯƠNG VĂN DUY	ANH	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.25	4.4	3	
13	290013	022211011455	ĐẶNG TÙNG	ANH	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.25	3.2	4.5	
14	290014	022311007068	ĐỖ HOÀNG	ANH	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	7.6	6	
15	290015	022311013637	ĐỖ THỊ LỆ	ANH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.5	3	4	
16	290016	022311001556	ĐỖ VÂN	ANH	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6	4.8	5	
17	290017	022211001181	HOÀNG GIA BẢO	ANH	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	4.5	4	4	
18	290018	022211009453	HOÀNG LÊ ĐỨC	ANH	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	3.75	5.2	1.75	
19	290019	022311007331	HOÀNG THỊ NGỌC	ANH	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.5	4.6	4.5	
20	290020	022311011973	LÊ DIỆP	ANH	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.25	5.4	5	
21	290021	022211008243	LÊ ĐỨC	ANH	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.5	2.4	2.5	
22	290022	022211009525	LÊ HẢI	ANH	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.5	3.4	1.5	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
23	290023	022311005483	LÊ NGUYỄN DIỆP	ANH	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.75	7	7	
24	290024	022211005082	LÊ SỸ QUẾ	ANH	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.5	4	3.5	
25	290025	022211001346	LÊ THẾ	ANH	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.5	1.6	4.5	
26	290026	022311011663	LÊ THỊ KIM	ANH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	4.4	5.75	
27	290027	022311000876	LÊ THỊ LAN	ANH	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.25	2.8	5.25	
28	290028	022311013686	LÊ THỊ NGỌC	ANH	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.75	4.6	5.5	
29	290029	022311004651	LÊ THỊ TÂM	ANH	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	4.6	5	
30	290030	022311003329	LÊ THỊ VÂN	ANH	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.25	4.6	3.5	
31	290031	022211009909	LÊ TUẤN	ANH	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.5	7	4.5	
32	290032	022311007771	NGÔ CHÂU	ANH	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.5	3	3	
33	290033	022311004053	NGÔ THỊ NGỌC	ANH	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	4.8	5	
34	290034	031311007408	NGÔ TRÂM	ANH	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	4.5	5.2	4.25	
35	290035	022211013446	NGUYỄN DUY	ANH	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.5	3	0.75	
36	290036	022311008967	NGUYỄN HÀ	ANH	25/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	4.25	3.6	2	
37	290037	022311006140	NGUYỄN HOÀI	ANH	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.25	6.8	6.75	
38	290038	022211001369	NGUYỄN HOÀNG	ANH	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
39	290039	022311002728	NGUYỄN MINH	ANH	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.75	4.4	4.25	
40	290040	022311001486	NGUYỄN NGỌC	ANH	26/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	4.2	5.5	
41	290041	022311001709	NGUYỄN NGÔ NGỌC	ANH	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	4	3.25	
42	290042	022211002202	NGUYỄN QUỐC	ANH	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.5	3.4	6.75	
43	290043	022211009397	NGUYỄN QUỐC	ANH	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.75	3.2	3.5	
44	290044	022211002751	NGUYỄN THẾ	ANH	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6	5.8	7	
45	290045	022311007804	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.5	2.2	3.75	
46	290046	022311005495	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	1.75	2.8	0.25	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
47	290047	022311008428	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	8.25	9.8	5.75	
48	290048	022211010356	NGUYỄN TUẤN	ANH	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.5	6.6	4.75	
49	290049	022211009326	NGUYỄN VIỆT	ANH	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.75	7.2	5.25	
50	290050	022311001280	NGUYỄN VŨ HOÀNG	ANH	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	8	4.8	5.75	
51	290051	022211005859	PHẠM DUY	ANH	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	5.6	6.25	
52	290052	022311007286	PHẠM HÀ	ANH	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.25	7	4.25	
53	290053	022311008212	PHẠM THỊ LAN	ANH	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.75	4.6	3.25	
54	290054	022211000886	TRẦN HỒNG	ANH	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	4.8	5	
55	290055	022211003510	VŨ ĐÌNH ĐỨC	ANH	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5	6.6	4.75	
56	290056	022211013806	VŨ ĐỨC	ANH	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
57	290057	022211000873	VŨ HÙNG	ANH	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	6	4.25	
58	290058	022211013663	VŨ NHẬT	ANH	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.25	4.2	4.25	
59	290059	022311002985	VŨ THỊ CHÂU	ANH	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	4.6	4	
60	290060	022311011440	VŨ THỊ KIỀU	ANH	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.5	9	6.25	
61	290061	022311000784	VŨ THỊ NGỌC	ANH	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5	6.6	4	
62	290062	022311001695	VŨ THỊ PHƯƠNG	ANH	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	8.25	6.6	7	
63	290063	022311004678	DƯƠNG THỊ	ÁNH	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	1.4	3	
64	290064	022311001500	DƯƠNG THỊ NGỌC	ÁNH	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	3.2	4.25	
65	290065	022311010132	ĐÀO THỊ NGỌC	ÁNH	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.25	4.6	5	
66	290066	022311010304	LÊ NGỌC	ÁNH	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	6.4	2.5	
67	290067	022311004461	LÊ NGỌC	ÁNH	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.5	3.2	3.5	
68	290068	022311000722	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
69	290069	022311002126	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6	4.6	4.25	
70	290070	022311002149	NGUYỄN NGUYỆT	ÁNH	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	8.25	9.2	7.75	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
71	290071	022311000759	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.5	2	3.5	
72	290072	022311003705	VŨ NGỌC	ÁNH	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.75	2.8	3.5	
73	290073	022311012814	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.5	5.2	4.25	
74	290074	022211009389	BÙI DUY GIA	BẢO	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3	3.4	1.25	
75	290075	022211003141	ĐẶNG GIA	BẢO	17/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.25	2.4	1.5	
76	290076	022211009230	HOÀNG GIA	BẢO	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5	6.2	2.75	
77	290077	022211013198	LÊ QUÂN	BẢO	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7	5.2	5.25	
78	290078	022211014098	NGUYỄN QUỐC	BẢO	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.5	8.8	8.75	
79	290079	022211009657	VŨ THÁI	BẢO	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.75	3	4.25	
80	290080	022211005534	NGUYỄN VĂN	BẮC	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
81	290081	022211003354	LÊ QUẢNG	BÌNH	31/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	3	3.6	3.25	
82	290082	022211000823	LÊ THANH	BÌNH	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.25	3.6	7.75	
83	290083	022311004255	NGÔ BẢO	CHÂU	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	3	4	
84	290084	022311005240	TRẦN HOÀNG BẢO	CHÂU	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	8.25	6.8	7	
85	290085	022311000756	BÙI DIỆP	CHI	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6	3.4	3.75	
86	290086	031311005385	ĐỖ THÙY	CHI	27/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	3.5	1.8	2	
87	290087	022311001359	HOÀNG THỊ KIM	CHI	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	8	7.6	6.5	
88	290088	022311000351	HOÀNG THỊ THÙY	CHI	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.5	3.2	4	
89	290089	022311012292	NGUYỄN QUỲNH	CHI	20/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	3	5	
90	290090	022311010248	NGUYỄN THỊ MAI	CHI	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.25	9.2	4.75	
91	290091	022311010581	NGUYỄN THỊ MAI	CHI	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hiệp Hòa	Tiếng Anh	8.5	8.6	8	
92	290092	022311009281	PHẠM THÙY	CHI	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	4.2	3.25	
93	290093	022311003159	TRẦN THỊ LINH	CHI	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	8.5	6.6	6.5	
94	290094	022211001551	PHẠM MINH	CHÍ	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	2.75	1.8	1.25	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
95	290095	022211008800	BÙI HUY	CHIẾN	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.75	4	4	
96	290096	022311010577	PHAN THỊ NGỌC	CHUYÊN	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.75	5.8	3	
97	290097	022211002718	DƯƠNG VĂN	CƯƠNG	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	8.4	2.5	
98	290098	022211001066	DƯƠNG QUỐC	CƯỜNG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.75	2.6	0.75	
99	290099	022211000447	ĐÀO VIỆT	CƯỜNG	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	4	1.8	1.25	
100	290100	022211004456	ĐẶNG TUẤN	CƯỜNG	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.75	5	4.5	
101	290101	022211014050	ĐỖ VIỆT	CƯỜNG	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.75	3.6	4.5	
102	290102	022311010167	BÙI NGỌC	DIỆP	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	4.5	3.4	3	
103	290103	022311003895	NGUYỄN THỊ HUYỀN	DIỆP	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.5	6.4	4.5	
104	290104	022311001097	NGUYỄN THỊ	DUNG	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	8	7.4	6.75	
105	290105	031311015192	NGUYỄN THỊ	DUNG	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.5	6.8	4.5	
106	290106	022211002355	HOÀNG LÊ ANH	DŨNG	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.5	8.8	5.5	
107	290107	022211011567	NGÔ ĐĂNG	DŨNG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5	5.8	4.5	
108	290108	022211005193	NGÔ MẠNH	DŨNG	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	9.4	6.75	
109	290109	038211009913	NGUYỄN ĐÌNH	DŨNG	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.5	3.8	2.5	
110	290110	022211008498	NGUYỄN VĂN	DŨNG	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	1.8	4.75	
111	290111	022211004825	VŨ MẠNH	DŨNG	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.75	9.8	8.75	
112	290112	022211009888	DƯƠNG KHÁNH	DUY	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.25	4.4	4	
113	290113	022211000698	NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.5	2.8	5	
114	290114	022211002624	NGUYỄN MẠNH	DUY	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6	3	2.5	
115	290115	022311003180	LÊ THỊ HỒNG	DUYÊN	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6	2.4	4.25	
116	290116	022211004662	ĐẶNG VIỆT	DƯƠNG	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	8	8.8	7.25	
117	290117	022311000702	HÀ THỊ ÁNH	DƯƠNG	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	5.2	4.25	
118	290118	022311013080	LÊ THỊ THÙY	DƯƠNG	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6	2.6	3.5	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
119	290119	022311007559	LÊ THÙY	DƯƠNG	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.75	9.4	7.75	
120	290120	022311001127	LÊ THÙY	DƯƠNG	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	8	9.2	8	
121	290121	022311007087	LÊ THÙY	DƯƠNG	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4	4	3.75	
122	290122	022311002888	PHẠM QUỲNH	DƯƠNG	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7	6.6	6.75	
123	290123	022311013612	PHẠM THÙY	DƯƠNG	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.5	6.6	8	
124	290124	022311012652	HOÀNG THỊ THÚY	ĐÀO	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.5	7.2	7	
125	290125	022211008912	HOÀNG QUANG	ĐẠO	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	3.4	3	
126	290126	022211004169	BÙI KIM	ĐẠT	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5	7	5.25	
127	290127	022211014625	ĐỖ DUY	ĐẠT	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.75	4.8	3	
128	290128	022211003439	HOÀNG TIẾN	ĐẠT	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3	2	2.5	
129	290129	022211012516	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	4.8	4	
130	290130	022211000777	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4	4.4	4.75	
131	290131	022211008070	PHẠM QUỐC	ĐẠT	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.75	5	4	
132	290132	022211008798	PHẠM TIẾN	ĐẠT	27/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.75	8.2	6	
133	290133	022211012209	PHẠM TIẾN	ĐẠT	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	6.4	5	
134	290134	022211012434	TRẦN TUẤN	ĐẠT	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.75	5.4	3.75	
135	290135	022211013447	VŨ ĐÌNH	ĐẠT	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.25	6.2	3.75	
136	290136	022211002809	VŨ TRỌNG THÀNH	ĐẠT	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.25	6	3.25	
137	290137	022211007463	VŨ HẢI	ĐĂNG	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	8	4.5	
138	290138	022211002973	NGUYỄN THẾ	ĐÔNG	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5	2.4	1.25	
139	290139	022211009633	BÙI HUY	ĐỨC	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	8	3.6	6	
140	290140	022211011532	BÙI MINH ANH	ĐỨC	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	5.4	3.25	
141	290141	022211006506	ĐẶNG VĂN VIỆT	ĐỨC	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.75	5.8	1	
142	290142	022211006461	LÊ MINH	ĐỨC	19/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5	7.8	6	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
143	290143	022211008533	VŨ VĂN	ĐỨC	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.75	6.2	3.75	
144	290144	038311030312	ĐINH PHAN TRƯỜNG	GIANG	22/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3	3.2	2.75	
145	290145	022311001367	ĐỖ HƯƠNG	GIANG	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.5	3.6	5.25	
146	290146	022311001459	LÊ HÀ	GIANG	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.25	4	2	
147	290147	022311013643	LÊ THỊ	GIANG	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.25	4.6	6	
148	290148	022211009322	NGÔ ĐÌNH	GIANG	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.25	4.2	2	
149	290149	022311005559	NGÔ HƯƠNG	GIANG	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	3.4	4	
150	290150	027311000578	TRẦN THỊ THÙY	GIANG	20/12/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	4.75	2.8	4.5	
151	290151	022211004408	NGUYỄN NGỌC	GIÀU	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	4.4	3	
152	290152	022211004490	BÙI HUY	HÀ	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	2.2	3	
153	290153	022311004019	LÊ THỊ THU	HÀ	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7	4.8	4.5	
154	290154	022311001061	NGUYỄN BẢO	HÀ	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	8	4.4	5	
155	290155	022311009869	NGUYỄN NGÂN	HÀ	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5	3.2	4.5	
156	290156	022311013065	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7	2.6	4.25	
157	290157	022311004206	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.25	5.4	3.25	
158	290158	022311006992	PHẠM THỊ THANH	HÀ	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.75	2.4	3.75	
159	290159	030311013257	VŨ THỊ NGỌC	HÀ	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.25	4.8	2.5	
160	290160	022311012850	VŨ THỊ THANH	HÀ	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5	4	2.25	
161	290161	022311003590	NGUYỄN HỒNG	HẠ	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7	4	3	
162	290162	022311003904	PHẠM THỊ	HÀI	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5	2.6	2.5	
163	290163	022211007049	ĐẶNG ĐỨC	HẢI	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.5	3.4	4.75	
164	290164	022211010825	ĐẶNG HOÀNG	HẢI	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.75	6.6	5.75	
165	290165	022211013389	NGÔ BÁ	HẢI	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.75	5	6	
166	290166	022211003000	PHẠM TRIỆU	HẢI	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6	2.8	3.75	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
167	290167	022311010073	NGUYỄN THỊ	HẠNH	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	4.75	3.6	3.25	
168	290168	022311012685	PHẠM NGỌC	HẢO	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.75	3.2	2	
169	290169	022211014093	LÊ THIÊN	HẠO	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.75	2	4	
170	290170	022311004233	NGUYỄN MINH	HẰNG	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	5.6	7.75	
171	290171	022311006504	TRẦN THANH	HẰNG	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.5	6.2	4.75	
172	290172	022311005518	VŨ THỊ DIỄM	HẰNG	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5	3.2	3.25	
173	290173	022311010368	VŨ THỊ MINH	HẰNG	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	3.2	2	
174	290174	022311001712	VŨ THU	HẰNG	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	4.2	4.5	
175	290175	022311005084	BÙI VŨ NGỌC	HÂN	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	4	4.5	
176	290176	022311009335	LÊ HẢI	HẬU	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	8.5	9.4	7.25	
177	290177	022311008862	NGÔ THỊ BÍCH	HIỀN	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	8	5.4	5	
178	290178	022311011990	NGUYỄN THU	HIỀN	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	3.8	4.5	
179	290179	022311008636	VŨ THỊ	HIỀN	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3	2.2	3	
180	290180	022211006902	NGUYỄN VĂN	HIỂN	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	5	4.25	
181	290181	022211009801	DƯƠNG VĂN	HIỆP	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	2.25	2.4	1	
182	290182	022211000743	ĐỖ MINH	HIẾU	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4	5.4	4	
183	290183	022211004134	NGUYỄN CHÂN	HIẾU	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	4.75	6.6	4.5	
184	290184	030211004244	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	06/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5	1.6	4.5	
185	290185	022211009920	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	5	4.75	
186	290186	022211009530	PHẠM MINH	HIẾU	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	4	3.6	5.75	
187	290187	022211011749	VŨ LÊ HOÀNG	HIẾU	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5	2	3.25	
188	290188	022211000616	NGÔ GIA	HINH	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	2.25	5.6	2.25	
189	290189	022311005762	BÙI THỊ	HOA	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	4.75	2.4	3.25	
190	290190	022311002070	ĐẶNG VŨ THANH	HOA	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	7.4	5.5	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
191	290191	022311011853	NGÔ THỊ	HOA	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	3.2	4.5	
192	290192	022311012696	VŨ THỊ QUỲNH	HOA	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.75	2.6	2.75	
193	290193	022311011644	NGÔ THU	HOÀI	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.75	5.8	5.5	
194	290194	022311010157	DƯƠNG THANH	HOAN	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	4	3.75	
195	290195	022211008554	LÊ THANH	HOÀN	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7	7	8	
196	290196	022211009795	NGÔ BÁ	HOÀN	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6	3	5.75	
197	290197	022211012167	BÙI HUY	HOÀNG	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.5	4	3.75	
198	290198	022211002566	BÙI HUY MINH	HOÀNG	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.5	2.8	2.5	
199	290199	022211002302	BÙI KIM	HOÀNG	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Bãi Cháy	Tiếng Anh	4.5	1.8	1.5	
200	290200	022211001766	LÊ MINH	HOÀNG	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.5	8.4	7.25	
201	290201	022211014858	NGUYỄN HUY	HOÀNG	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5	2.4	3.5	
202	290202	022211008053	NGUYỄN HUY	HOÀNG	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.75	4	2.5	
203	290203	022211011826	NGUYỄN KHÁNH	HOÀNG	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.75	3.2	5.25	
204	290204	022211001349	NGUYỄN NGỌC MINH	HOÀNG	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	4.5	2.4	4.25	
205	290205	022211005960	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6	4.6	4	
206	290206	022211009938	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	3	3.75	
207	290207	022211001157	VŨ ĐÌNH	HOÀNG	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.25	4.8	7.75	
208	290208	022211011058	VŨ HUY	HOÀNG	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	4.5	3	4	
209	290209	024311007339	TÔ THỊ BÍCH	HỒNG	22/01/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.5	3.4	4.75	
210	290210	022311000777	BÙI THỊ	HUẾ	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	8	3.2	2.75	
211	290211	022211005543	ĐỖ MINH	HÙNG	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.25	2.6	3.75	
212	290212	022211012066	MAI VIỆT	HÙNG	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	2.6	4	
213	290213	022210003030	NGÔ QUANG	HÙNG	08/06/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.25	2.2	2	
214	290214	022211012278	NGUYỄN THẾ	HÙNG	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.25	4.6	4	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
215	290215	022211014114	ĐỖ GIA	HUY	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.75	3	4	
216	290216	022211005862	NGUYỄN TIẾN	HUY	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6	2.2	4	
217	290217	022211013767	NGUYỄN VIỆT	HUY	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7	8	5	
218	290218	022211008545	VŨ VĂN	HUY	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3	2	2	
219	290219	022211004149	VŨ VĂN	HUY	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	3	5	
220	290220	022311012626	BÙI THỊ KHÁNH	HUYỀN	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	5.2	6	
221	290221	022311012461	ĐỖ KHÁNH	HUYỀN	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7	6.4	5.25	
222	290222	022311009213	ĐỖ NGỌC	HUYỀN	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	9.4	6.5	
223	290223	022311013081	ĐỖ NHƯ	HUYỀN	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.75	9.8	7	
224	290224	022311005264	HOÀNG KHÁNH	HUYỀN	27/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.25	4.4	4.5	
225	290225	022311008157	LÊ THỊ KHÁNH	HUYỀN	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.25	4	2.25	
226	290226	022311002322	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7	5.4	7.5	
227	290227	022311004382	VŨ KHÁNH	HUYỀN	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5	4.6	3	
228	290228	022311003872	VŨ THỊ KHÁNH	HUYỀN	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	4.8	3.75	
229	290229	022311010366	VŨ THỊ THANH	HUYỀN	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	1.4	4	
230	290230	012211003240	HOÀNG BẢO	HUYNH	06/11/2011	Tỉnh Lai Châu	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
231	290231	022211002554	LÊ QUANG	HƯNG	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.25	8.4	5	
232	290232	022211013249	NGUYỄN QUANG	HƯNG	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.25	6.4	5.25	
233	290233	022211012374	VŨ DUY	HƯNG	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.5	4.2	4.5	
234	290234	022311007607	LÊ THỊ	HƯƠNG	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	7.4	4.5	
235	290235	022311012931	NGUYỄN THỊ HOÀI	HƯƠNG	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.75	6	5	
236	290236	022311006144	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	9	7	
237	290237	022311000679	TRẦN LIÊN	HƯƠNG	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7	9	7.5	
238	290238	022311005991	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.75	3	3.25	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
239	290239	022211008903	BÙI NAM	KHÁNH	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4	3.8	2	
240	290240	022311000978	BÙI NGỌC	KHÁNH	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.5	1.8	2.25	
241	290241	022211009506	ĐẶNG DUY	KHÁNH	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	5.4	2	
242	290242	022211002958	ĐỖ DUY	KHÁNH	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.25	3.4	5	
243	290243	022211002024	NGÔ VĂN	KHÁNH	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	4.2	3.75	
244	290244	022211000769	NGUYỄN HỮU	KHÁNH	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.5	4.4	4.75	
245	290245	022311010121	NGUYỄN THỊ VÂN	KHÁNH	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7	2.8	5.5	
246	290246	022211004755	PHẠM GIA	KHÁNH	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.5	4	3.5	
247	290247	022211014051	PHẠM HỮU QUỐC	KHÁNH	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.25	4.4	5.5	
248	290248	022211005228	VŨ HUY	KHÁNH	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.75	4.2	3.5	
249	290249	022211006137	VŨ NAM	KHÁNH	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	5.4	4.5	
250	290250	022211008926	VŨ NAM	KHÁNH	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.25	2	3.25	
251	290251	174311000014	VŨ NGỌC	KHÁNH	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.75	5	6.25	
252	290252	022211003102	VŨ VĂN	KHÁNH	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.5	4	5.25	
253	290253	022211014831	HOÀNG TRUNG	KHOA	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.5	2.6	6.5	
254	290254	022211007505	NGUYỄN DUY	KHOA	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.75	3	3.5	
255	290255	022211008968	VŨ MINH	KHÔI	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.25	1.4	0.5	
256	290256	022211011516	ĐÀO ĐỨC	KIÊN	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	4.75	8.8	4.5	
257	290257	022211009432	ĐOÀN TRUNG	KIÊN	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.75	3.4	4	
258	290258	022211005795	LÊ ĐỨC	KIÊN	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7	9	8.75	
259	290259	022211014812	NGÔ ĐĂNG	KIÊN	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.5	3	1.75	
260	290260	022211012700	PHẠM NHỮ	KIÊN	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.25	2	3.75	
261	290261	022211005176	VŨ MẠNH	KIÊN	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	4.5	2.4	2.5	
262	290262	022311012978	DƯƠNG TỐ	LAN	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	4.4	4.25	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
263	290263	022311011484	ĐỖ THỊ NGỌC	LAN	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.25	4.6	6.25	
264	290264	022311007973	LÊ TRÚC	LAN	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	8.25	6.8	6.5	
265	290265	022311005155	NGUYỄN THỊ	LAN	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5	2.4	2.5	
266	290266	022311010106	NGUYỄN THỊ	LAN	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Yên Hưng	Tiếng Anh	4.5	1.6	2	
267	290267	022311000751	NGUYỄN THỊ	LAN	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.25	6.6	8	
268	290268	022311009740	NGÔ PHƯƠNG	LIÊN	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6	2.6	3.25	
269	290269	002311006177	VŨ KIM	LIÊN	28/11/2011	Tỉnh Tuyên Quang	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.25	2.4	2.75	
270	290270	022311013704	CAO NGỌC	LINH	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6	3.2	4.5	
271	290271	022311010162	DƯƠNG THỊ HÀ	LINH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	3.4	5.5	
272	290272	022311002203	DƯƠNG THỊ THÙY	LINH	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.25	5	6	
273	290273	022311003225	ĐỖ DIỆU	LINH	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7	2	5	
274	290274	022311011179	ĐỖ HÀ	LINH	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.75	2.4	5.5	
275	290275	022311012550	ĐỖ NGUYỄN MAI	LINH	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.5	5.4	6	
276	290276	022311008602	ĐỖ THÙY	LINH	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.5	3.6	5	
277	290277	031311004144	ĐỖ THÙY	LINH	27/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.75	2.6	2.75	
278	290278	022311006627	HOÀNG HÀ	LINH	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.75	7.2	5	
279	290279	022311005511	LÊ DIỆU	LINH	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	8	7.8	6.75	
280	290280	022311013634	LÊ PHƯƠNG	LINH	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.5	4.2	4.5	
281	290281	022311009457	LÊ VŨ HÀ	LINH	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.5	9.4	5.75	
282	290282	022311001374	LÊ VŨ	LINH	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.5	2.8	4.75	
283	290283	022311010583	NGÔ KHÁNH	LINH	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	1.5	4.8	1.75	
284	290284	022311003908	NGUYỄN HÀ	LINH	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	4.5	6.6	1.75	
285	290285	022311006173	NGUYỄN THỊ BẢO	LINH	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Yên Hưng	Tiếng Anh	6	8.6	4.25	
286	290286	022311010486	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.5	7.4	6.25	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
287	290287	022311001982	NGUYỄN THÙY	LINH	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	3	3.5	
288	290288	022309000094	NGUYỄN THÙY	LINH	26/08/2009	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.25	3.4	3.25	
289	290289	022311001513	PHẠM GIA	LINH	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	3	3.75	
290	290290	022311002216	PHÍ THÙY	LINH	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.75	5.8	2.25	
291	290291	022211008177	TỐNG GIA	LINH	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.5	3.8	4.75	
292	290292	022311009524	TRẦN HẢI	LINH	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6	7	3.25	
293	290293	022311009070	VŨ KIỀU	LINH	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	2.5	1.4	2.5	
294	290294	022311012521	VŨ NGỌC	LINH	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.5	5	5	
295	290295	022311003787	VŨ THỊ	LOAN	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	6.8	4.75	
296	290296	022211007951	ĐOÀN TRUNG	LONG	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	3.4	3	
297	290297	022211014821	ĐỖ HOÀNG	LONG	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	4.5	2.8	0.75	
298	290298	022211001947	LƯU PHI	LONG	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.25	4.6	2.5	
299	290299	022211012703	NGÔ XUÂN	LONG	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.25	4.4	2.5	
300	290300	022211005926	NGUYỄN VĂN	LONG	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.75	3.6	4	
301	290301	022211000675	NGUYỄN VĂN	LONG	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	2.5	3.4	2.5	
302	290302	022211001402	VŨ CÔNG	LONG	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
303	290303	022211013472	VŨ DUY	LONG	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.75	4	5.25	
304	290304	022211000640	NGUYỄN KHÁNH	LỘC	27/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.25	4	4.75	
305	290305	022211005036	VŨ ĐẮC	LỘC	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.75	2.4	4.5	
306	290306	022211014679	LÊ THÀNH	LUÂN	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.25	3.8	7.5	
307	290307	022211003140	NGÔ THÀNH	LUÂN	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.5	2.2	2.25	
308	290308	022211003830	LÊ GIA	LUẬT	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	9.2	6	
309	290309	022311013066	ĐỖ THỊ	LƯƠNG	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.25	5.6	3.25	
310	290310	022311006545	BÙI KHÁNH	LY	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.5	5.2	4.75	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
311	290311	022311000467	LÊ THỊ KHÁNH	LY	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	2.25	5.4	2.5	
312	290312	022311010004	LÊ THỊ XUÂN	MAI	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5	3.6	5	
313	290313	022311003670	NGÔ PHƯƠNG	MAI	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	8	5.25	
314	290314	022311002540	VŨ THỊ TRÚC	MAI	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	3	3.75	
315	290315	022211003608	ĐỖ VĂN	MẠNH	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.75	3.6	2.5	
316	290316	022211006372	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5	1.6	1	
317	290317	022311013636	LÊ THỊ	MÃO	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.75	6.4	5.75	
318	290318	022311001662	DƯƠNG THỊ TUYẾT	MAY	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	3	1.75	
319	290319	022311002406	TÔ THỊ	MẾN	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	3.6	4.5	
320	290320	022311008623	LÊ THỊ HÒA	MI	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	4.4	3.25	
321	290321	022311007649	ĐỖ BẢO	MINH	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	6	4	
322	290322	022211008159	NGÔ ĐỨC	MINH	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.25	3.2	3.25	
323	290323	022211010720	NGÔ GIA	MINH	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.75	5.8	3.75	
324	290324	022211009334	NGUYỄN ĐỨC	MINH	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.75	7.8	7.5	
325	290325	022211003476	NGUYỄN NHẬT	MINH	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	6.6	4.75	
326	290326	022211000309	NGUYỄN TIẾN	MINH	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	4.75	2.6	4.25	
327	290327	022211003907	TRẦN VĂN	MINH	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.5	3.8	4.5	
328	290328	022211000822	VŨ ANH	MINH	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.5	3	4.75	
329	290329	022211008386	NGUYỄN VĂN	MỪNG	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.25	4.4	5	
330	290330	022311005543	BÙI THỊ	MY	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.25	6	4	
331	290331	022311007687	BÙI THỊ TRÀ	MY	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.25	3.8	3.25	
332	290332	022311001194	HOÀNG THỊ TRÀ	MY	16/09/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.5	6.4	4.5	
333	290333	022311007445	LÊ THỊ KHÁNH	MY	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.5	2.6	2	
334	290334	022311011321	LÊ THỊ TRÀ	MY	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.25	4.6	4.5	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
335	290335	022311013058	TRẦN THỊ THẢO	MY	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.75	4.8	5.25	
336	290336	022311005667	VŨ THỊ TRÀ	MY	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.75	8.2	6.25	
337	290337	022211014040	CAO ĐỖ CHÍ	NAM	10/09/2011	Tỉnh Tây Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	3.75	5.6	2.25	
338	290338	022211008284	LÊ ĐỨC	NAM	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6	4	5.25	
339	290339	022211005164	LÊ ĐỨC	NAM	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.25	5.8	4.5	
340	290340	022211008678	NGUYỄN BẢO	NAM	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.5	4.8	4.5	
341	290341	022311002125	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.25	4.2	4.75	
342	290342	022211014001	VŨ BÁCH	NAM	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.5	3.6	4.5	
343	290343	022211007908	VŨ BẢO	NAM	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.25	5.6	4.25	
344	290344	022211009632	VŨ TRỊNH BẢO	NAM	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.5	3.4	4	
345	290345	022311011850	NGUYỄN LINH	NGA	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.25	4.2	3.5	
346	290346	022311004813	NGUYỄN LINH	NGA	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	4.6	3.25	
347	290347	022311001985	VŨ THỊ THÚY	NGA	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	3.6	3.5	
348	290348	022311011477	ĐỒNG THỊ	NGÂN	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	6	5	
349	290349	022311006800	VŨ BẢO	NGÂN	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.25	3	2.5	
350	290350	022311001844	VŨ KHÁNH	NGÂN	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	7.6	4.25	
351	290351	022311002056	VŨ THỊ	NGÂN	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.25	5	4	
352	290352	022311007294	BÙI BẢO	NGỌC	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5	3.4	5.75	
353	290353	022311012291	BÙI THỊ YẾN	NGỌC	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6	4.8	3.75	
354	290354	022311002336	ĐỖ NHƯ	NGỌC	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	8	6.4	7	
355	290355	022211014822	ĐỖ VĂN	NGỌC	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.25	3.6	2.5	
356	290356	022311006134	HOÀNG NHƯ	NGỌC	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.25	1.6	4.5	
357	290357	022211004452	HOÀNG VĂN	NGỌC	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.25	2.8	3	
358	290358	022311007420	NGÔ BẢO	NGỌC	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	8.25	5.8	6.25	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
359	290359	022311000774	NGÔ THỊ	NGỌC	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.75	7.4	8	
360	290360	022311011480	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	5.2	4.75	
361	290361	031311002437	TRỊNH KHÁNH	NGỌC	03/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.5	5.6	6	
362	290362	022311001089	VŨ NGUYỄN MINH	NGỌC	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	5.6	5.25	
363	290363	022211012103	VŨ THẾ	NGỌC	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3	3.2	1.75	
364	290364	022311009468	VŨ THỊ HỒNG	NGỌC	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	6.6	4.25	
365	290365	022311011797	VŨ THỊ KHÁNH	NGỌC	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	3.4	4.25	
366	290366	022311000476	VŨ THỊ	NGỌC	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.75	2.2	3.5	
367	290367	022311000992	LÊ BẢO	NGUYÊN	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	4	4.6	3.75	
368	290368	022311002275	LÊ THỊ THẢO	NGUYÊN	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.5	5	4	
369	290369	022211010724	VŨ TRỌNG	NGUYÊN	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.5	3.4	3	
370	290370	022311005273	DƯƠNG THỊ ÁNH	NGUYỆT	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.25	8.8	6.75	
371	290371	022311004010	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	6.8	2.75	
372	290372	022311008280	VŨ THỊ MỸ	NGUYỆT	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.75	2.6	1.5	
373	290373	022311010917	NGÔ THỊ THANH	NHÀN	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.25	4	3	
374	290374	006311004238	BÀN YẾN	NHI	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.25	3.4	3.75	
375	290375	022311009198	DƯƠNG BẢO YẾN	NHI	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	7.2	4.75	
376	290376	022311010306	DƯƠNG PHƯƠNG	NHI	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	5.6	4.75	
377	290377	022311009033	DƯƠNG THỊ VÂN	NHI	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	3	4.25	
378	290378	022311000845	ĐÀO YẾN	NHI	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	8.5	9.2	7	
379	290379	022311007835	ĐẶNG TRIỆU ÁNH	NHI	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.25	7.2	6	
380	290380	022311013611	ĐỖ THỊ	NHI	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.5	2	4.5	
381	290381	022311013667	HOÀNG THỊ	NHI	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.75	3	4.5	
382	290382	022311000796	HOÀNG TUỆ	NHI	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7	3.4	5.25	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
383	290383	022311003822	LÊ HÀ	NHI	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.25	6.2	5	
384	290384	037311000367	LÊ YẾN	NHI	06/11/2011	Thành phố Cần Thơ	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.5	3.2	4.75	
385	290385	022311007967	NGÔ NGUYỆT	NHI	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.75	4	4.5	
386	290386	022311008855	NGÔ THỊ YẾN	NHI	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.5	4.4	5.25	
387	290387	022311009872	NGUYỄN HOÀNG TUYẾT	NHI	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.75	4.4	5	
388	290388	022311005200	NGUYỄN THỊ ĐÔNG	NHI	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.25	2.8	3.5	
389	290389	022311002442	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	8	7.8	6.5	
390	290390	022311000882	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.75	3.4	2.25	
391	290391	022311000819	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	4.2	4.75	
392	290392	036311002482	NGUYỄN TUYẾT	NHI	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.75	2.8	3	
393	290393	022311002989	NGUYỄN YẾN	NHI	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.5	3.6	3.75	
394	290394	036311011424	PHẠM THỊ DUNG	NHI	28/02/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	4.4	1.5	
395	290395	022311005534	PHẠM THỊ YẾN	NHI	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.5	3.6	3	
396	290396	022311008236	PHÙNG THỊ PHƯƠNG	NHI	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.25	5.8	4.75	
397	290397	022311011110	PHÙNG THỊ YẾN	NHI	11/06/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.25	4.2	4.25	
398	290398	022311000881	VŨ THỊ VÂN	NHI	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	6.4	5.75	
399	290399	022311007843	VŨ THỊ YẾN	NHI	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	3	1.75	
400	290400	022311013077	ĐỖ THỊ	NHỊ	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.25	3	4.75	
401	290401	022311010643	NGUYỄN THỊ	NHUNG	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.25	3.2	3.5	
402	290402	022311002557	TRẦN HỒNG	NHUNG	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.5	5	5	
403	290403	022311002256	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	1.8	3.75	
404	290404	022311013092	NGUYỄN THỊ	NHƯ	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5	4	3.5	
405	290405	022311010290	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5	3.2	3.75	
406	290406	022211012015	NGÔ NHẬT	NINH	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	4.2	4.25	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
407	290407	022311000826	NGUYỄN THÁI	NINH	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.5	6.4	5.25	
408	290408	022311002747	NGÔ MAI	OANH	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.75	4.8	4.5	
409	290409	022311012354	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	6	3	
410	290410	022311003890	TRẦN THỊ YẾN	OANH	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.5	4.6	6	
411	290411	022311010485	VŨ NGỌC	OANH	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.75	8.8	3.25	
412	290412	022311008507	VŨ THỊ KIM	OANH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.25	1.8	1	
413	290413	022211002166	BÙI HUY HOÀNG	PHÁT	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	3.4	4.75	
414	290414	022211014059	ĐỖ MẠNH	PHÁT	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5	8.2	3.5	
415	290415	022211010436	ĐỖ QUANG	PHÁT	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.5	3.8	2	
416	290416	022211005684	LÊ VĂN	PHÁT	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	2.75	7	2.25	
417	290417	022211003047	NGÔ HOÀNG	PHÁT	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5	5.6	3	
418	290418	022211014064	ĐỖ VĂN	PHONG	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7	5	4.75	
419	290419	022211013977	LÊ ĐỨC NAM	PHONG	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	4.8	4.75	
420	290420	022211007199	LÊ ĐỨC TUẤN	PHONG	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	8	5.25	
421	290421	022211001590	NGUYỄN HOÀNG	PHONG	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.5	5.6	5	
422	290422	022211005805	NGUYỄN HỒNG	PHONG	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5	6.8	3.5	
423	290423	022211005948	VŨ ĐÌNH	PHONG	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.5	5.2	6.5	
424	290424	001211039279	VŨ HẢI	PHONG	09/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5	4.4	3.5	
425	290425	022211012779	VŨ VĂN	PHONG	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6	5.4	3.25	
426	290426	022211001882	VŨ VÂN	PHONG	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.25	2.4	3.75	
427	290427	022211012926	BÙI VINH	PHÚ	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Yên Hưng	Tiếng Anh	4.25	5	3	
428	290428	022211000702	KHUẤT DUY	PHÚ	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.5	7.4	4.75	
429	290429	022211003050	LÊ ĐẠI	PHÚ	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	5.8	3	
430	290430	022211013715	BÙI ĐÌNH	PHÚC	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.5	7	3.75	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
431	290431	022211012936	DƯƠNG VĂN	PHÚC	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.75	3.2	3.75	
432	290432	022211013526	ĐỖ HỒNG	PHÚC	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	8.25	7.6	5.5	
433	290433	022211007098	ĐỖ VĂN	PHÚC	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.25	5.6	8	
434	290434	022211000347	LÊ DUY	PHÚC	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6	2.8	6.5	
435	290435	022311008651	LÊ HỒNG THIÊN	PHÚC	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	8	8.2	7.5	
436	290436	022211000615	LÊ VĂN	PHÚC	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	8.25	9.4	6.75	
437	290437	022211010390	NGÔ BÁ	PHÚC	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	4.25	6.4	3.5	
438	290438	022211013468	PHẠM ĐỨC	PHÚC	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5	3	4	
439	290439	022211010215	VŨ NHO	PHÚC	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.75	6.2	5	
440	290440	022211006601	VŨ THIÊN	PHÚC	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	1.5	3.8	4.25	
441	290441	022211006282	VŨ VĂN	PHÚC	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.75	2.8	4.5	
442	290442	022211011627	ĐẶNG ĐỨC	PHỤNG	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.5	3.6	2.75	
443	290443	022211002230	BÙI HUY ĐỨC	PHƯƠNG	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5	5.2	4.25	
444	290444	022311006928	DƯƠNG ĐÀI	PHƯƠNG	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4	3.4	3	
445	290445	022311000870	ĐÀO THỊ	PHƯƠNG	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.75	2.4	6	
446	290446	022311010401	LÊ HÀ	PHƯƠNG	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.75	5	5.75	
447	290447	022311006916	LÊ THỊ THU	PHƯƠNG	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.25	7.6	5.5	
448	290448	022311006334	NGÔ KHÁNH	PHƯƠNG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	2.5	3	2.5	
449	290449	022311002990	NGÔ KIM	PHƯƠNG	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.25	4	2.25	
450	290450	022311001488	NGÔ MAI	PHƯƠNG	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	3.5	2.2	2.25	
451	290451	022211009861	NGUYỄN ĐỨC	PHƯƠNG	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3	2.8	0.75	
452	290452	022311006759	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	4.4	4.75	
453	290453	022311001366	PHẠM THỊ HẢI	PHƯƠNG	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.5	8.6	4.75	
454	290454	022311008876	TRẦN KIM	PHƯƠNG	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.25	4	5.25	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
455	290455	022311008913	LÊ THỊ	PHƯỢNG	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	8.5	8.4	7.25	
456	290456	022211002466	NGUYỄN ĐĂNG	QUANG	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.5	2.4	3.25	
457	290457	022211001929	VŨ NGUYÊN	QUẢNG	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.75	6.8	2.25	
458	290458	022211006388	DƯƠNG HOÀNG	QUÂN	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.75	5.8	2.5	
459	290459	022211013658	ĐẶNG HỒNG	QUÂN	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	5.6	4	
460	290460	022211007737	ĐẶNG MINH	QUÂN	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.75	4.8	4.5	
461	290461	022211007513	LÊ HỒNG	QUÂN	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5	2.6	2.75	
462	290462	022211012768	NGUYỄN ĐĂNG	QUÂN	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.75	3.6	5.5	
463	290463	022211010042	NGUYỄN VĂN	QUÂN	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.75	4.2	2.75	
464	290464	022211007559	VŨ MINH	QUÂN	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5	4	5	
465	290465	022211006236	NGUYỄN HỮU	QÚY	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5	3	1.5	
466	290466	022311012287	NGÔ THỊ	QUYÊN	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.75	3.4	4.25	
467	290467	022311011131	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYÊN	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	3	3.75	
468	290468	022311007132	PHẠM THỊ HỒNG	QUYÊN	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.5	4.2	3.75	
469	290469	022311011493	PHẠM THÙY	QUYÊN	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.25	6.2	4.75	
470	290470	022311004232	TRẦN TỐ	QUYÊN	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	8.25	9.2	7.75	
471	290471	022211005698	LÊ ĐỨC	QUYỀN	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.75	9.4	7.25	
472	290472	022211007799	NGUYỄN VĂN	QUYỀN	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	4	4	3.75	
473	290473	022211002207	LÊ VĂN	QUYẾT	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.5	6	5.25	
474	290474	022211008434	NGUYỄN VĂN	QUYẾT	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	6.6	5.5	
475	290475	022211003604	VŨ ĐÌNH	QUYẾT	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	8	9	
476	290476	022211013862	VŨ VĂN	QUYẾT	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.75	5.4	4.25	
477	290477	022311008083	ĐỒNG THỊ NHƯ	QUỲNH	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	2.2	3.5	
478	290478	022311012251	ĐỖ NHƯ	QUỲNH	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.75	8.6	7	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
479	290479	022311004724	ĐỖ THỊ	QUỲNH	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
480	290480	022311008892	LÊ THỊ HOA	QUỲNH	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.5	6.4	5	
481	290481	022311000760	LÊ THỊ NHƯ	QUỲNH	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6	2.8	4	
482	290482	022310000778	LÊ THỊ	QUỲNH	27/09/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.5	3.8	4	
483	290483	022311008981	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.75	3	1.25	
484	290484	022311009487	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7	7	6.5	
485	290485	022311006955	TRẦN NHƯ	QUỲNH	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.5	7.2	4	
486	290486	022311001433	VŨ THỊ NHƯ	QUỲNH	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.25	4.6	4.25	
487	290487	022211000688	NGUYỄN PHƯỚC	SANG	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.25	6	3.75	
488	290488	022211010576	ĐỖ BẢO	SÂM	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	4.75	3.6	2.25	
489	290489	022211007862	BÙI THÁI	SƠN	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.25	6.2	6.25	
490	290490	022211014665	LÊ NGUYỄN LONG	SƠN	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.75	5.2	4.25	
491	290491	022211014847	NGUYỄN BẢO	SƠN	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.75	9.6	9	
492	290492	022211000756	NGUYỄN TIẾN ANH	SƠN	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.25	6.6	4.25	
493	290493	022211014090	NGUYỄN VĂN	SƠN	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.75	3.8	4.75	
494	290494	022211003955	VŨ TRƯỜNG	SƠN	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	4	2.75	
495	290495	022311013749	CAO THỊ THANH	TÂM	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.75	2.6	2.75	
496	290496	022211000852	ĐỖ VĂN	THANG	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.75	3.6	5.25	
497	290497	022311005514	VŨ NGỌC	THANH	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	4.4	3.75	
498	290498	022311003391	VŨ PHƯƠNG	THANH	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.75	6.4	4.25	
499	290499	022211008906	NGUYỄN NHẬT	THÀNH	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	4.25	2.4	3.5	
500	290500	022311005846	BÙI PHƯƠNG	THẢO	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.5	3.2	5	
501	290501	022311001904	BÙI THỊ	THẢO	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	3.6	3.5	
502	290502	022311002279	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	8	7.2	4.5	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
503	290503	022311013052	ĐỖ THỊ	THẢO	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.5	2.6	3.25	
504	290504	022311009634	ĐỖ THỊ VÂN	THẢO	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	8.75	9.2	8	
505	290505	022311013635	LÊ HOÀNG HƯƠNG	THẢO	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.5	4.8	4.25	
506	290506	022311010374	LÊ THANH	THẢO	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH, THCS và THPT Yên Hưng	Tiếng Anh	5.25	3.8	3.5	
507	290507	022311008133	LÊ THỊ	THẢO	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	5.2	7.5	
508	290508	022311001056	NGÔ THỊ PHƯƠNG	THẢO	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.75	4.6	1.5	
509	290509	022311007800	NGUYỄN HỒNG	THẢO	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.75	4.4	2.75	
510	290510	022311010842	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.25	9.6	6.75	
511	290511	022311000858	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7	5.2	2.75	
512	290512	022311005063	NGUYỄN THỊ DẠ	THẢO	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.5	4.4	5.5	
513	290513	022311009531	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5	4.4	1	
514	290514	022311001230	TRẦN THỊ	THẢO	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6	4	3.25	
515	290515	022311011026	VŨ PHƯƠNG	THẢO	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.75	3.2	4.5	
516	290516	022311008252	VŨ THỊ PHƯƠNG	THẢO	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	8.25	8.8	7	
517	290517	022311010149	VŨ THỊ THANH	THẢO	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.75	3.2	3	
518	290518	022210007993	HÀ MINH	THẮNG	08/05/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	1.5	2.2	0.5	
519	290519	022211001116	LƯU VĂN	THẮNG	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4	3.6	0.75	
520	290520	022311004332	ĐẶNG THỊ KHÁNH	THI	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.25	6.8	3.75	
521	290521	022311005958	VŨ THỊ	THI	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
522	290522	022211013625	BÙI KIM	THỊNH	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Yên Hưng	Tiếng Anh	4	1.8	0.75	
523	290523	022211007334	NGÔ QUANG	THỊNH	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.5	9.4	7	
524	290524	022311007986	VŨ THỊ ANH	THƠ	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.25	6.8	4.75	
525	290525	022311001840	BÙI THỊ	THU	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6	4.8	3.5	
526	290526	022311008606	ĐỖ HÀ	THU	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	4	1.5	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
527	290527	022311011352	PHẠM HOÀI	THU	17/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	8	4.8	4.5	
528	290528	022311008000	NGUYỄN THỊ THU	THUỶ	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	5	3	
529	290529	022311003519	PHẠM THỊ	THUỶ	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	4	3.8	2.25	
530	290530	022311000753	BÙI THỊ	THỦY	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	8	4	6.75	
531	290531	034311015187	ĐỖ THỊ THU	THỦY	24/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	7	7.25	
532	290532	022311007826	VŨ THỊ	THỦY	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.25	2.4	3.25	
533	290533	022311000840	TRẦN THỊ THU	THÚY	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.5	2.8	4	
534	290534	022311008874	VŨ THỊ PHƯƠNG	THÚY	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4	2.4	1	
535	290535	001311000980	ĐỖ LÂM	THƯ	30/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	8	8	5.75	
536	290536	022311006593	LÊ HUỲNH THIÊN	THƯ	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.25	3.2	1.25	
537	290537	022311003283	PHẠM ANH	THƯ	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.25	6.6	4.75	
538	290538	022311003300	TRẦN MINH	THƯ	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	8	6.4	5.5	
539	290539	022311011232	VŨ ANH	THƯ	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.25	8.6	5	
540	290540	022311009887	VŨ THỊ ANH	THƯ	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.25	2.4	3.75	
541	290541	022311013083	HOÀNG THỊ	THƯƠNG	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5	3.2	2	
542	290542	022311012597	VŨ HOÀI	THƯƠNG	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.5	2	2.5	
543	290543	022311008178	LÊ THỦY	TIÊN	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.75	2.8	3	
544	290544	030311019297	NGUYỄN THUỶ	TIÊN	13/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.25	6.6	6.25	
545	290545	022211010780	PHÙNG MINH	TIẾN	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	3	3.25	
546	290546	022311013764	NGUYỄN THỊ BEN	TIN	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.25	2.2	4	
547	290547	022211013782	ĐỖ VĂN	TOÀN	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	4.25	2.2	3.25	
548	290548	022211012363	NGUYỄN PHÚC	TOÀN	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.25	3.4	7	
549	290549	022211002743	VŨ VĂN	TOÀN	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	4	3	1	
550	290550	022311000022	ĐỖ THỊ THANH	TRÀ	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.5	2.4	1.75	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
551	290551	022311002174	LÊ THỊ THANH	TRÀ	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.75	7.2	5.5	
552	290552	022311013069	PHẠM THANH	TRÀ	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6	5.6	4.25	
553	290553	022311007227	ĐỖ THỊ YẾN	TRANG	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.5	4.2	3.25	
554	290554	022311007934	LÊ QUỲNH	TRANG	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.25	2.8	1.75	
555	290555	022311007453	LÊ QUỲNH	TRANG	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	7.8	4.5	
556	290556	022311000684	LÊ THỊ MAI	TRANG	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.5	4.4	3.25	
557	290557	022311005434	LÊ THỊ THUỲ	TRANG	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	4.4	4.75	
558	290558	022311012747	NGÔ QUỲNH	TRANG	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.5	1.6	2.75	
559	290559	022311008055	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.5	8	7.75	
560	290560	022311012399	TÔ THỊ THU	TRANG	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.25	2.8	3.25	
561	290561	022311006601	VŨ THỊ HUYỀN	TRANG	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	4.4	6.75	
562	290562	022311000061	LÊ THỊ	TRÂM	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	4	4.2	3.75	
563	290563	022311007408	LÊ BẢO	TRÂN	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.25	5	4.75	
564	290564	022211005950	NGUYỄN MẠNH	TRÍ	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	5.8	4.75	
565	290565	022211013879	VŨ QUỐC	TRÍ	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.25	7.6	5	
566	290566	022211008166	LÊ HOÀNG	TRIỆU	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.75	6.6	6.25	
567	290567	022211007465	LÊ XUÂN	TRINH	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7	5	5	
568	290568	022211004295	NGÔ MINH	TRỌNG	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	2.8	3.25	
569	290569	022311002202	DƯƠNG LÊ	TRÚC	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	8.75	7.6	6	
570	290570	022311013745	HOÀNG THANH	TRÚC	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7	3	3.75	
571	290571	022311001515	LÊ THỊ THANH	TRÚC	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7	9	4.5	
572	290572	031311015579	NGÔ THANH	TRÚC	26/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.5	8	5.25	
573	290573	022211013568	DƯƠNG QUANG	TRUNG	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.25	2.8	2.75	
574	290574	022211003943	ĐỖ THÀNH	TRUNG	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6	4.6	3.75	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
575	290575	022211013215	LÊ THÀNH	TRUNG	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.25	3.6	3.25	
576	290576	022211004564	LÊ VĂN	TRUNG	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.5	4.2	4.75	
577	290577	022211010948	VŨ ĐÌNH	TRUNG	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
578	290578	022211011768	VŨ ĐÌNH	TRUNG	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6	2.6	4	
579	290579	022211012706	BÙI CÔNG	TRƯỜNG	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.5	2.2	0.75	
580	290580	022211014104	CAO ANH	TÚ	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.75	4.4	2.5	
581	290581	022311001062	DƯƠNG THỊ	TÚ	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.25	3.2	3.5	
582	290582	022211000834	ĐÀM ANH	TÚ	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	5.4	4.25	
583	290583	022211008907	NGUYỄN TUẤN	TÚ	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	2.4	2.75	
584	290584	022211003150	TRẦN MẠNH	TÚ	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7	3	3.75	
585	290585	022211008918	NGÔ ANH	TUẤN	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	2.8	4.75	
586	290586	022211014092	NGUYỄN ANH	TUẤN	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5	2.8	3.25	
587	290587	022211007212	NGUYỄN HOÀNG QUỐC	TUẤN	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	3.75	3	4.75	
588	290588	022211007911	VŨ VĂN	TUẤN	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.75	5.6	4.5	
589	290589	022311004384	NGUYỄN LÊ MINH	TUỆ	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.75	4.6	4.5	
590	290590	022211004010	ĐẶNG BÁCH	TÙNG	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	1.8	3	
591	290591	022211009071	NGÔ ĐÌNH	TÙNG	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.25	2.4	1.25	
592	290592	022211000126	NGUYỄN HOÀNG	TÙNG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	4.75	1.8	4	
593	290593	022211011283	NGUYỄN THANH	TÙNG	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.25	2.8	4.5	
594	290594	022211006686	VŨ VĂN	TÙNG	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6	4.2	5.75	
595	290595	022311007654	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
596	290596	022311011755	ĐINH THỊ ÁNH	TUYẾT	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	3.6	4	
597	290597	022311002030	NGUYỄN LÊ BẢO	VÂN	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7.5	6.8	5.5	
598	290598	022311005705	VŨ THỊ BẢO	VÂN	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	5.5	1.2	1.25	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
599	290599	022311004766	VŨ THỊ MINH	VÂN	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	4	3.75	
600	290600	022311002687	DƯƠNG TƯỜNG	VI	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	7	6	4.5	
601	290601	022311013072	LÊ ĐÀO VI	VI	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.5	3.2	3	
602	290602	022311009895	LÊ PHƯƠNG	VI	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.5	5.8	3.75	
603	290603	022211007082	BÙI ĐÌNH	VIỆT	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.25	4	5.5	
604	290604	022211006192	ĐỖ TIẾN	VIỆT	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6	8.2	6.75	
605	290605	022211005508	NGUYỄN ĐỨC	VIỆT	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.75	7.4	4.75	
606	290606	022211005265	VŨ VĂN	VIỆT	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4	5.2	4.75	
607	290607	022211007272	ĐỖ BẢO	VINH	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	3.75	3	1.5	
608	290608	022211006147	LÊ QUANG	VINH	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.5	4.2	5.5	
609	290609	022311013094	NGUYỄN LÊ BẢO	VINH	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	4.8	4.5	
610	290610	022211009427	TÔ QUANG	VINH	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	4.5	2.4	1	
611	290611	022211008452	DƯƠNG MẠNH	VŨ	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	5.5	7.4	6.5	
612	290612	022211009595	HÀ MINH	VƯƠNG	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.5	4.2	4	
613	290613	022311000689	ĐỖ THỊ KHÁNH	VY	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	5.75	8.8	6.25	
614	290614	022311007537	NGUYỄN HÀ TƯỜNG	VY	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.5	8.6	4.25	
615	290615	022211005616	NGUYỄN NAM	VY	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	6.75	6	6	
616	290616	022311002159	VŨ THỊ BẢO	VY	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.25	3.4	3.25	
617	290617	022311002497	LÊ THỊ HƯƠNG	XUÂN	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	8	2.6	4.5	
618	290618	022311011567	NGUYỄN NGỌC	XUYỀN	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	7.25	4.8	3.5	
619	290619	022311000062	LÊ NHƯ	Ý	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tiền Phong	Tiếng Anh	6.5	2.6	5.75	
620	290620	022311011431	TRẦN NHƯ	Ý	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.5	5	5.25	
621	290621	022311004672	NGÔ THỊ	YẾN	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Phong Cốc	Tiếng Anh	6.75	3.6	1.75	
622	290622	022311002168	VŨ THỊ	YẾN	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phong Hải	Tiếng Anh	7.5	5.6	7.5	

Đơn vị: THPT Minh Hà (22_HD_029)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
										Ngữ văn	N.ngữ	Toán	

(Danh sách này gồm có 622 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	300001	038211016781	HÀ BÌNH	AN	29/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam	Mường	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.5	3.4	2.25	
2	300002	022311008074	HÀ DƯƠNG	AN	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	7	8.5	
3	300003	022211003903	NGUYỄN ĐÌNH	AN	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quốc tế Stephen Hawking	Tiếng Anh	7.25	7.8	8	
4	300004	031311007504	NGUYỄN THÙY	AN	26/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	3.8	2.75	
5	300005	022311004889	NGUYỄN THÚY	AN	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7	6	6.25	
6	300006	022311002654	NGUYỄN TRẦN BẢO	AN	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	8.25	8.8	7.5	
7	300007	022311006984	PHẠM BẢO	AN	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8.5	8.6	6.75	
8	300008	034311011074	PHẠM BẢO	AN	08/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	5.2	5.5	
9	300009	022311010025	PHẠM KHÁNH	AN	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7	5.4	2.25	
10	300010	030211018436	PHẠM MINH	AN	08/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.75	4	5	
11	300011	022311010554	TẠ HOÀNG PHƯƠNG	AN	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	3.4	5.75	
12	300012	022311006232	TRỊNH NGUYỄN KHÁNH	AN	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6	6.4	4.75	
13	300013	030311000408	VŨ THỊ LINH	AN	20/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	8	7.75	
14	300014	022311005014	BÙI HÀ	ANH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	7.4	6.75	
15	300015	022311000665	BÙI NGỌC PHƯƠNG	ANH	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	8.2	6.25	
16	300016	022311006496	BÙI QUỲNH	ANH	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	4	4	
17	300017	022311009516	ĐÀO DIỆP	ANH	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	5.8	8	
18	300018	022311011463	ĐẶNG NGỌC	ANH	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	6.75	5.8	5.5	
19	300019	022311006802	ĐINH NGUYỄN HÀ	ANH	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quốc tế Stephen Hawking	Tiếng Anh	6.75	7.4	7.5	
20	300020	022211008675	ĐINH PHẠM TUẤN	ANH	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.75	3.8	5.25	
21	300021	022311004272	ĐOÀN PHƯƠNG	ANH	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.75	8.4	7	
22	300022	022211000901	ĐỖ HOÀNG	ANH	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	3.75	3	0.75	
23	300023	001311060532	ĐỖ NGHI	ANH	22/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.5	9	8	
24	300024	022311000849	ĐỖ NGỌC	ANH	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.75	8.2	6.5	
25	300025	022211001791	ĐỒNG VIỆT	ANH	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	8	8.2	8.25	
26	300026	022211010555	ĐỖ QUANG	ANH	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	7.75	9.6	8.75	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
27	300027	022211003979	ĐỖ TRẦN ĐỨC	ANH	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	4.8	7	
28	300028	022211006448	ĐỖ VIỆT	ANH	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.75	8.4	4.25	
29	300029	022311004515	HOÀNG DƯƠNG MAI	ANH	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.5	6.6	4.5	
30	300030	022311007489	HOÀNG HÀ	ANH	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.5	5.4	4	
31	300031	034311009935	HOÀNG PHƯƠNG	ANH	20/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.4	6	
32	300032	022311010929	HOÀNG TRÚC	ANH	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	1.75	1.8	1.5	
33	300033	022311005228	LÃ NGỌC THÙY	ANH	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	4.6	4.75	
34	300034	022311010229	LÂM NGỌC BẢO	ANH	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	7	4.25	
35	300035	022311002172	LÊ HUYỀN	ANH	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	9.8	8.75	
36	300036	022311010402	LÊ MAI	ANH	17/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	7	4.25	
37	300037	022211006947	LÊ MAI ĐỨC	ANH	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6.5	5.2	5	
38	300038	022311011655	LÊ MINH	ANH	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.25	8.6	5.25	
39	300039	022311011239	LÊ MINH	ANH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.5	4.2	2.25	
40	300040	022311002624	LÊ THỊ DIỆP	ANH	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	7.8	7.25	
41	300041	022211000916	LÊ TUẤN	ANH	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	3.4	5.5	
42	300042	022311007082	LÊ VÂN	ANH	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8.25	9	7.5	
43	300043	022211013779	NGHIÊM NHẬT	ANH	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	9.6	6.75	
44	300044	022311000719	NGÔ HOÀNG BẢO	ANH	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	5.8	8.75	
45	300045	022311002831	NGÔ KIỀU	ANH	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	5.4	6.5	
46	300046	022211007414	NGÔ QUANG THẾ	ANH	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	7	7.6	7	
47	300047	022311005364	NGUYỄN BẢO	ANH	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	6.4	6	
48	300048	001311069225	NGUYỄN BẢO CHI	ANH	14/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	3.6	4.75	
49	300049	022211008501	NGUYỄN ĐĂNG HẢI	ANH	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	2	3.8	1	
50	300050	022211004665	NGUYỄN ĐỨC	ANH	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.25	3.4	5	
51	300051	022211006668	NGUYỄN ĐỨC	ANH	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	9	7	
52	300052	022311013719	NGUYỄN HÀ	ANH	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	5.6	9	
53	300053	001311005339	NGUYỄN HÀ	ANH	18/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.5	9.2	6	
54	300054	022311000683	NGUYỄN HÀ	ANH	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7	6.2	3.25	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
55	300055	030311000375	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	ANH	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	4.75	1.8	4	
56	300056	022211012244	NGUYỄN HOÀNG	ANH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	9.8	9	
57	300057	022211000894	NGUYỄN HOÀNG	ANH	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	9.4	8.5	
58	300058	022311000938	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	ANH	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7	5.4	5	
59	300059	022211007326	NGUYỄN HOÀNG THẾ	ANH	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.25	2.8	3.25	
60	300060	022211009706	NGUYỄN HỒ THẾ	ANH	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	7.2	6.75	
61	300061	022311008345	NGUYỄN NGỌC BẢO	ANH	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	7.4	6.75	
62	300062	022311008497	NGUYỄN NGỌC KỲ	ANH	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	8.2	6.5	
63	300063	022311011652	NGUYỄN NGỌC LINH	ANH	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.75	8.8	6	
64	300064	022311000676	NGUYỄN NHẬT MINH	ANH	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	5.2	7.75	
65	300065	022311013678	NGUYỄN PHÚC MAI	ANH	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	6.6	3.5	
66	300066	022311011982	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.25	6.8	5.5	
67	300067	022311009840	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	8.5	9.2	7.25	
68	300068	022311009427	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5	3.6	2.5	
69	300069	022311005627	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.75	5.4	5	
70	300070	022311001332	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	8.5	8.6	7	
71	300071	022311007586	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.75	5.4	5.75	
72	300072	036311013790	NGUYỄN QUỲNH	ANH	14/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	4.8	3	
73	300073	001311002492	NGUYỄN TÂM	ANH	22/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	5.2	4.5	
74	300074	022311004968	NGUYỄN THỊ TRÂM	ANH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quốc tế Stephen Hawking	Tiếng Anh	8	5.6	5.25	
75	300075	022311004893	NGUYỄN THÙY	ANH	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	5	2.5	
76	300076	022211009424	NGUYỄN TRẦN DUY	ANH	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.5	7.6	7.25	
77	300077	022211008207	NGUYỄN TUẤN	ANH	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3	3.8	3.75	
78	300078	022211007282	NGUYỄN VIỆT	ANH	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	5	6	
79	300079	022211003488	NGUYỄN XUÂN DUY	ANH	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	5.8	5.75	
80	300080	022311007100	PHẠM CHÂM	ANH	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7	4.4	4	
81	300081	022311002602	PHẠM HÀ	ANH	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6	4.8	5.5	
82	300082	022211013174	PHẠM HOÀI	ANH	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	4.25	3.8	2.75	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
83	300083	034311010530	PHẠM HOÀI	ANH	22/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.6	7.75	
84	300084	022211000686	PHẠM HOÀNG	ANH	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4	4	3.5	
85	300085	022211012538	PHẠM HUỲNH	ANH	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	1.75	3.4	3.75	
86	300086	022311010962	PHẠM LÊ	ANH	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	3.2	3.5	
87	300087	022311000921	PHẠM MINH	ANH	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	6.6	5.5	
88	300088	022311007077	PHẠM NGỌC	ANH	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.25	7.4	7.75	
89	300089	022211012289	PHẠM NHẬT DUY	ANH	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	5	5.75	
90	300090	022311010762	PHẠM PHƯƠNG	ANH	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	8.25	6.4	6	
91	300091	030311000452	PHẠM QUỲNH	ANH	25/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	6.6	4.75	
92	300092	022311010429	PHẠM QUỲNH	ANH	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.25	6.2	4.25	
93	300093	022311011817	PHẠM QUỲNH	ANH	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	9.6	7.5	
94	300094	022311006445	PHẠM QUỲNH	ANH	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quốc tế Stephen Hawking	Tiếng Anh	6.75	8.6	6.75	
95	300095	022311002178	PHAN VŨ HOÀNG	ANH	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	8.6	4.5	
96	300096	022211011936	PHÙNG ĐOÀN ĐỨC	ANH	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	5.8	5	
97	300097	022211003591	PHÙNG ĐỨC	ANH	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.75	6.2	5.5	
98	300098	022311009527	TRẦN DIỆP	ANH	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	5.2	4.75	
99	300099	022311006771	TRẦN MINH	ANH	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	8.4	5	
100	300100	022311000768	TRẦN NGỌC	ANH	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.75	7	4.75	
101	300101	036311005151	TRẦN PHƯƠNG	ANH	23/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	8.6	7.75	
102	300102	022311005859	TRẦN PHƯƠNG	ANH	15/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ	Mường	THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8.25	8.4	4.75	
103	300103	034311009872	TRẦN THỊ NGỌC	ANH	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4.5	1.8	1.25	
104	300104	022311003085	TRỊNH MINH	ANH	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	8.8	7.75	
105	300105	022311004373	TRỊNH PHƯƠNG	ANH	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	6	8	7.25	
106	300106	022211010884	TRƯƠNG ĐỨC	ANH	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.25	7.4	6.75	
107	300107	022311007039	TƯỜNG HOÀNG	ANH	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	8.25	9.6	9.5	
108	300108	022211005330	VŨ ĐỨC	ANH	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	8	6.5	
109	300109	022311005354	VŨ HỒNG	ANH	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.75	5.4	2	
110	300110	022311007338	VŨ KIM	ANH	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.25	8.2	5	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
111	300111	022311001012	VŨ LÊ PHƯƠNG	ANH	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	3.5	2.6	3.5	
112	300112	022311010352	VŨ MAI	ANH	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	7.6	6.75	
113	300113	022311010409	VŨ MAI	ANH	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	7.25	5.6	5.25	
114	300114	022311000902	VŨ MAI	ANH	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	8.2	7	
115	300115	034311000550	VŨ MINH	ANH	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	9.4	2.5	
116	300116	022311012684	VŨ NGỌC	ANH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	7.2	5.25	
117	300117	022211000741	VŨ THẾ TÙNG	ANH	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quốc tế Stephen Hawking	Tiếng Anh	6	5	5	
118	300118	022311003181	VŨ THỊ LAN	ANH	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7	4.6	3	
119	300119	001211073135	VŨ VĂN PHÚC	ANH	29/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	9.2	7.5	
120	300120	022311011762	DƯƠNG VIỆT	ÁNH	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	8	8	8.75	
121	300121	022311013772	ĐẶNG QUỲNH	ÁNH	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	8.5	5	4.75	
122	300122	022311001275	ĐINH THỊ NGUYỆT	ÁNH	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	5.75	4.4	5.5	
123	300123	022311011452	ĐỖ HỒNG	ÁNH	28/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	4.8	6.5	
124	300124	022311000497	ĐỖ THỊ NGỌC	ÁNH	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.5	5.2	4.5	
125	300125	022311000810	MAI NGỌC	ÁNH	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.5	3	2	
126	300126	022311008926	NGUYỄN NGUYỆT	ÁNH	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7	4.2	1.75	
127	300127	022311006736	TRƯƠNG NGỌC	ÁNH	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	9.6	7.75	
128	300128	022311005417	NGUYỄN THỊ KIM	ÂN	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	1.5	2.2	3	
129	300129	022211003594	NGUYỄN ĐÌNH	BÁCH	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	9.8	7	
130	300130	022211004814	NGUYỄN XUÂN	BÁCH	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	7.8	4.25	
131	300131	022211009088	VŨ ĐÌNH	BÁCH	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.5	8.6	5.25	
132	300132	022211010486	BÙI GIA	BẢO	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	4	5.2	4.75	
133	300133	022211012455	ĐỖ GIA	BẢO	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	8.4	7.5	
134	300134	022211007689	ĐỖ MINH	BẢO	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.25	9	5	
135	300135	022211008339	HÀ GIA	BẢO	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	5.5	4.8	5	
136	300136	022211006155	HOÀNG GIA	BẢO	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.25	7.4	5.5	
137	300137	022211006091	LÊ GIA	BẢO	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	5.25	3.2	6	
138	300138	022211007676	LÊ VĂN BẢO	BẢO	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	7	2.5	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
139	300139	030211004950	NGUYỄN GIA	BẢO	12/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	9.4	7	
140	300140	022211002671	NGUYỄN THÁI	BẢO	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	5.2	6.5	
141	300141	034211000436	PHẠM DUY	BẢO	09/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	0.5	2.8	0.75	
142	300142	022211005585	PHẠM QUỐC	BẢO	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8.5	9	7.5	
143	300143	022211013617	TÔ THƯỢNG GIA	BẢO	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	8	7.25	
144	300144	022211006017	TRẦN GIA	BẢO	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	5.2	8	
145	300145	022211007033	TRẦN GIA	BẢO	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	3.25	5.2	2.75	
146	300146	022211008445	VŨ THANH	BẢO	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4.5	3.2	2.75	
147	300147	022211005995	VŨ TIẾN	BẢO	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	5.75	5.2	6.75	
148	300148	022211010349	CHỬ THANH	BÌNH	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	7.4	8	
149	300149	022211001084	ĐÀO ĐÌNH	BÌNH	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	5.2	7.5	
150	300150	022211012463	LÊ HẢI	BÌNH	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.5	4.6	3.5	
151	300151	022311002321	LƯƠNG THỊ THANH	BÌNH	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	7	8.4	7.5	
152	300152	034211003744	NGUYỄN AN	BÌNH	22/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5	8.6	5.5	
153	300153	031211017344	TRỊNH THANH	BÌNH	18/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	9.6	7.5	
154	300154	022211002099	VŨ AN	BÌNH	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	4.5	9.6	5.25	
155	300155	022311009392	CHU THỊ BẢO	CHÂM	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	5	2.2	4.5	
156	300156	022311003184	ĐÀO DIỆU	CHÂU	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	5.5	8	4.25	
157	300157	022211002904	HOÀNG BẢO	CHÂU	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	8.8	4.75	
158	300158	001311064086	LÝ BẢO	CHÂU	06/02/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
159	300159	040311008935	NGUYỄN BẢO	CHÂU	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	9.6	9.25	
160	300160	022211013677	NGUYỄN LÊ BẢO	CHÂU	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	7.4	4.75	
161	300161	022211004130	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6	4.6	1	
162	300162	022311002966	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	7.6	8	
163	300163	033311003393	NGUYỄN THỊ MINH	CHÂU	12/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	5.4	4.25	
164	300164	022311008813	QUÁCH MINH	CHÂU	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.25	6	4.75	
165	300165	022211010527	TRẦN HÀ BẢO	CHÂU	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7	7.2	5.75	
166	300166	022311004769	VŨ BÙI MINH	CHÂU	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.5	4.4	2	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
167	300167	022311000528	VŨ ĐỖ MINH	CHÂU	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.25	2.8	3	
168	300168	034311002263	VŨ LÊ BẢO	CHÂU	09/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	7.75	6.8	6	
169	300169	022311002495	ĐÀO LAN	CHI	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.25	5	4.25	
170	300170	022311005056	ĐOÀN VŨ PHƯƠNG	CHI	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	7	9.4	7.25	
171	300171	022311000670	HOÀNG NGỌC MAI	CHI	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	5	8.2	4	
172	300172	022311009764	KHIẾU QUỲNH	CHI	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	2.8	3.25	
173	300173	022311000847	LÊ HOÀNG KHÁNH	CHI	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	9.8	9	
174	300174	022311000488	LÊ PHƯƠNG	CHI	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	6.8	4.75	
175	300175	022311000909	NGUYỄN BẢO	CHI	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	4.25	2.8	2.75	
176	300176	022311013718	NGUYỄN NGỌC MAI	CHI	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	8.4	6.75	
177	300177	022311000781	NGUYỄN NGUYỆT QUẾ	CHI	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	4.4	5	
178	300178	022311004941	NGUYỄN QUỲNH	CHI	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	3.2	3.25	
179	300179	031311010351	NGUYỄN THẢO	CHI	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	3.8	3.25	
180	300180	022311003811	NGUYỄN YẾN	CHI	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.5	9.6	9	
181	300181	022311011936	PHÙNG NGUYỄN HẠ	CHI	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	8	8.8	5.75	
182	300182	024311009191	TRẦN DIỆP	CHI	26/08/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	5.6	6.5	
183	300183	022311008286	TRẦN MAI	CHI	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	7.2	7.25	
184	300184	022311006505	TRẦN NGUYỄN YẾN	CHI	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	3.2	5	
185	300185	022311006062	TRẦN PHƯƠNG	CHI	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.25	5	2.25	
186	300186	022311007917	TRẦN QUỲNH	CHI	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7	4.6	3.5	
187	300187	022211001086	TRẦN MINH	CHÍ	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.25	7.6	7.75	
188	300188	030211013339	ĐỖ MINH	CHIẾN	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	7.4	8	
189	300189	022311007840	ĐÀO HỒNG	CHINH	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	5.8	5.5	
190	300190	022211012702	LƯỜNG ĐỨC	CHÍNH	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Nùng	THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	1.25	2.2	2.25	
191	300191	022211004530	NGUYỄN ĐỨC	CHÍNH	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	5.2	5	
192	300192	022311007858	VŨ HOÀNG	CÚC	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	4	2.4	4.25	
193	300193	034211015958	BÙI ĐÌNH QUANG	CƯỜNG	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.25	4	7.5	
194	300194	001211016291	NGUYỄN ĐỨC	CƯỜNG	05/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	8.2	4.5	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
195	300195	022211009019	NGUYỄN KIÊN	CƯỜNG	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	7.2	8.5	
196	300196	022211008192	PHẠM QUỐC	CƯỜNG	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5	6.8	4.75	
197	300197	022211000706	PHẠM TRẦN QUỐC	CƯỜNG	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	6	2.75	
198	300198	008211009266	PHẠM VĂN NHẬT	CƯỜNG	12/12/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	7.6	3.75	
199	300199	022211001914	TẠ QUỐC	CƯỜNG	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	7	4	
200	300200	022211004485	VŨ MẠNH	CƯỜNG	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	5.25	4.4	4	
201	300201	022211010176	NGUYỄN HOÀNG	DANH	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	7	9.4	6.75	
202	300202	022311012105	BÙI NGỌC	DIỆP	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.5	6.4	4	
203	300203	022311003042	BÙI NGỌC	DIỆP	08/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	5.75	4.4	7.25	
204	300204	022311007243	ĐẶNG PHƯƠNG	DIỆP	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.5	5.8	4.25	
205	300205	022311012992	LÊ PHẠM THANH	DIỆP	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	7.2	6	
206	300206	022311012799	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	4.6	4	
207	300207	022311012639	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	7	5	
208	300208	022311002333	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8.75	8.8	8	
209	300209	022311001044	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	8.4	6.5	
210	300210	030311012349	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	7	8.6	5.75	
211	300211	022311000844	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.75	9.8	7.5	
212	300212	022311008480	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	8.8	4.5	
213	300213	022311001008	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.25	9	6.75	
214	300214	022311011625	NGUYỄN TRẦN NGỌC	DIỆP	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	7.4	6.5	
215	300215	022311012841	PHẠM HỒNG	DIỆP	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	8.8	8	
216	300216	022311007475	PHẠM NGỌC	DIỆP	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	9.8	7.75	
217	300217	022311010405	PHẠM THỊ NGỌC	DIỆP	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	5	3	3.75	
218	300218	019311007085	TẠ BÍCH	DIỆP	09/12/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	10	4.5	
219	300219	022311000771	TRẦN NGỌC	DIỆP	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.75	3.6	2.25	
220	300220	022311008265	TRỊNH DOANH	DOANH	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.5	7.6	6.25	
221	300221	022211005670	LÊ MINH	DUỆ	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	7.2	5.5	
222	300222	022311001767	NGUYỄN PHƯƠNG	DUNG	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.4	7	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
223	300223	022311007819	NGUYỄN PHƯƠNG	DUNG	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	7.75	8.2	4.75	
224	300224	038311018452	NGUYỄN PHƯƠNG	DUNG	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	7	9.6	5.75	
225	300225	022311010686	PHÙNG PHƯƠNG	DUNG	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	8	9	
226	300226	022311006765	TRẦN PHƯƠNG	DUNG	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	3	4	
227	300227	022311002777	TRẦN PHƯƠNG	DUNG	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	8.4	7.75	
228	300228	030211017470	CAO VIỆT	DŨNG	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.5	4.6	1.75	
229	300229	022211000367	ĐẶNG VĂN	DŨNG	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	8	7.8	9	
230	300230	022211002462	LÊ	DŨNG	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	3.5	3.6	1	
231	300231	022211011431	LÊ THÁI	DŨNG	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.5	9.4	8.25	
232	300232	022211002843	NGÔ MẠNH	DŨNG	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	8	8.6	8.25	
233	300233	022211005550	NGUYỄN ANH	DŨNG	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.25	6	6.25	
234	300234	022211000471	NGUYỄN LƯƠNG	DŨNG	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	8.8	8.25	
235	300235	022211009250	NGUYỄN MINH	DŨNG	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	8	5.5	
236	300236	022211000536	NGUYỄN TẤN	DŨNG	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.75	8.2	8.75	
237	300237	022211004789	NGUYỄN THẾ	DŨNG	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	3.25	2.2	2.5	
238	300238	022211000440	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4.75	5.6	3.5	
239	300239	022211010116	NGUYỄN TUẤN	DŨNG	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.75	8.8	8.25	
240	300240	022211006269	NGUYỄN TUẤN	DŨNG	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	5.75	5	5.75	
241	300241	022211012139	PHẠM CHÍ	DŨNG	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	9.8	8.75	
242	300242	022211008369	PHẠM NINH DUY	DŨNG	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.25	4.8	7.25	
243	300243	022211006523	PHẠM THANH	DŨNG	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	3.8	4.5	
244	300244	022211007378	PHẠM TIẾN	DŨNG	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	5.6	7.5	
245	300245	038211023925	TẠ TIẾN	DŨNG	23/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	4.2	5.75	
246	300246	036211020859	TRẦN DUY	DŨNG	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	5.4	6.75	
247	300247	022211004778	VŨ ANH	DŨNG	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	6.4	3	
248	300248	022211011801	VŨ TIẾN	DŨNG	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	5.25	5.8	6.75	
249	300249	022211009959	BÙI ĐỨC	DUY	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	6.6	5	
250	300250	022211000850	CAO XUÂN	DUY	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	9.4	5.25	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
251	300251	022211003479	HOÀNG CÔNG	DUY	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.6	8	
252	300252	022211004305	MẠC ĐĂNG	DUY	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	5.2	5.25	
253	300253	022211000537	NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	5.4	3.25	
254	300254	022211007614	NGUYỄN TRẦN	DUY	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.75	8.8	3.75	
255	300255	022211011996	NGUYỄN TRỌNG	DUY	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7	7.2	7.5	
256	300256	022211012867	PHẠM KHÁNH	DUY	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.25	5	5	
257	300257	022311011956	ĐỖ PHƯƠNG	DUYÊN	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.25	2.6	1.5	
258	300258	022311005481	NGUYỄN THÙY	DUYÊN	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.5	4	2.75	
259	300259	022211006010	BÙI ĐỨC	DƯƠNG	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	3.75	3.6	3.5	
260	300260	022311000929	ĐINH THỊ ÁNH	DƯƠNG	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	6	4.25	
261	300261	022211001715	NGÔ ĐỨC	DƯƠNG	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	5.8	5.5	
262	300262	022311008215	NGUYỄN ÁNH	DƯƠNG	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.25	8.2	4.5	
263	300263	022211002971	NGUYỄN QUÝ	DƯƠNG	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.5	2.8	3.75	
264	300264	022311007610	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	5.75	7.6	4.5	
265	300265	022311012959	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	4.2	2.5	
266	300266	022311000731	NGUYỄN XUÂN ÁNH	DƯƠNG	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	8.4	6.75	
267	300267	022211006771	PHẠM ĐĂNG	DƯƠNG	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	8.6	6.5	
268	300268	022311009262	PHAN VŨ ÁNH	DƯƠNG	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8.25	9	7.75	
269	300269	022311002969	TRẦN ĐÀO THÙY	DƯƠNG	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.75	7.2	4.75	
270	300270	022211008509	TRẦN VIỆT	DƯƠNG	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.5	7.8	7.25	
271	300271	022211008781	VŨ HẢI	DƯƠNG	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.25	3	3	
272	300272	022211001160	VŨ HOÀNG	DƯƠNG	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.25	3.2	4.25	
273	300273	022211009534	ĐÀO TRỌNG	ĐẠI	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	7.4	5	
274	300274	022211003898	HOÀNG TRỌNG	ĐẠI	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	7.75	6.2	8.25	
275	300275	022211010321	NGUYỄN CÔNG ĐỨC	ĐAM	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.25	8.4	9.25	
276	300276	022211006131	VŨ ĐỨC	ĐAM	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	4.5	3.6	1.5	
277	300277	022311008751	PHẠM NGUYỄN BẢO	ĐAN	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	6	7.5	
278	300278	022211007945	TRƯƠNG TIẾN	ĐẢNG	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	5.8	7.25	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
279	300279	022211004372	ĐOÀN TIẾN	ĐẠT	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	8.2	9.25	
280	300280	022211010318	HOÀNG TIẾN	ĐẠT	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.5	7.2	5.5	
281	300281	022211008497	LÊ SỸ	ĐẠT	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.75	2.4	1.75	
282	300282	022211001379	LÊ TIẾN	ĐẠT	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6	4.4	3	
283	300283	022211001240	MAI ĐÀM THÀNH	ĐẠT	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	7.8	8	
284	300284	022211002609	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	3.75	2.8	5.5	
285	300285	022211000458	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6	5	6	
286	300286	022211007401	PHẠM HUY	ĐẠT	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	8.2	7	
287	300287	022211008142	PHẠM TIẾN	ĐẠT	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	3.5	6.8	5.5	
288	300288	022211011552	TRẦN QUỐC	ĐẠT	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6.75	8.2	5.75	
289	300289	022211011576	TRẦN TIẾN	ĐẠT	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4	2.8	5	
290	300290	022211000659	HOÀNG HẢI	ĐĂNG	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.25	8.4	5.25	
291	300291	022211000897	PHẠM HẢI	ĐĂNG	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.5	3.6	4.25	
292	300292	022211012590	TRỊNH HỒNG	ĐOÀN	22/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	7.4	6.5	
293	300293	022211002606	ĐOÀN DUY	ĐÔNG	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	0.5	2	1.25	
294	300294	031211003297	BÙI DUY	ĐỨC	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	8.8	8.5	
295	300295	022211000703	BÙI QUANG	ĐỨC	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	3.4	4	
296	300296	022211003490	CAO MINH	ĐỨC	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7	6.2	7.25	
297	300297	022211004908	ĐỖ THÀNH	ĐỨC	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	7.6	5	
298	300298	022211001386	HÀ MINH	ĐỨC	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.5	6.2	4	
299	300299	022211004609	HOÀNG ANH	ĐỨC	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	6.4	6	
300	300300	022211003205	HOÀNG ANH	ĐỨC	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	5.25	2	1.75	
301	300301	022211012550	HOÀNG TRUNG	ĐỨC	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	6.2	4.25	
302	300302	022211008340	LƯƠNG MINH	ĐỨC	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	8.6	7.75	
303	300303	022211008003	NGÔ MINH	ĐỨC	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	7.6	5.25	
304	300304	022211002077	NGUYỄN MINH	ĐỨC	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	9.4	8.25	
305	300305	022211002257	NGUYỄN MINH	ĐỨC	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.25	5.4	5.25	
306	300306	022211008664	PHẠM MINH	ĐỨC	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8.25	9.6	9.5	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
307	300307	022211010784	VŨ ĐÌNH ANH	ĐỨC	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	8.75	8.8	8.75	
308	300308	022211008007	BÙI HOÀNG	GIANG	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	9.2	9	
309	300309	022311010825	BÙI HƯƠNG	GIANG	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	3.5	4.6	1.25	
310	300310	022311010933	ĐÀO HƯƠNG	GIANG	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	7.25	9	7.75	
311	300311	022311002220	ĐÀO NGÂN	GIANG	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7	7.8	6	
312	300312	022311000850	ĐỖ THÙY	GIANG	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7	7	7.25	
313	300313	022311002141	LÊ HÀ	GIANG	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.5	7	4.75	
314	300314	022311009486	LÊ HƯƠNG	GIANG	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	7.2	4	
315	300315	031311018565	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	13/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	8	4.6	6.5	
316	300316	022211002180	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	8	9.2	7.75	
317	300317	034311007750	PHẠM HƯƠNG	GIANG	22/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7	6.2	5.25	
318	300318	022311007852	TRẦN HƯƠNG	GIANG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	7	7.2	6.75	
319	300319	022311008384	TRẦN THỊ TRÀ	GIANG	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	7	5	7.5	
320	300320	022311013659	VŨ HƯƠNG	GIANG	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.75	7	4	
321	300321	022211005813	VƯƠNG ĐỨC TRƯỜNG	GIANG	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.25	4.6	6	
322	300322	022311011156	BÙI THANH	HÀ	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.75	8.8	8	
323	300323	022311009356	DƯƠNG DIỆP	HÀ	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	7.5	9.6	8.25	
324	300324	022311004068	ĐINH NGÂN	HÀ	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	6.8	6.75	
325	300325	022311010079	ĐINH THU	HÀ	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.75	5.2	5	
326	300326	022311008006	ĐỖ HẢI	HÀ	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	7.8	4.25	
327	300327	022311002787	ĐỖ NGÂN	HÀ	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	7.4	5.75	
328	300328	034311017324	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	HÀ	10/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	4.4	7	
329	300329	030311011214	HOÀNG THU	HÀ	24/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ	Sán Dìu	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	9	7	
330	300330	022311001632	LÊ NGỌC	HÀ	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	7.2	6	
331	300331	022311000694	NGUYỄN NGỌC NGÂN	HÀ	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	10	6.5	
332	300332	022211009658	NGUYỄN THÁI	HÀ	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.25	8.8	3.25	
333	300333	022311005269	NGUYỄN THANH	HÀ	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.5	7.2	7.75	
334	300334	022311003726	NGUYỄN THANH	HÀ	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	7	7.4	5.75	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
335	300335	022311004036	NGUYỄN THANH	HÀ	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	4.8	1	
336	300336	022311008485	NGUYỄN THỊ NGÂN	HÀ	03/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
337	300337	022311000627	NGUYỄN THỊ THANH	HÀ	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	5	5.6	5	
338	300338	022311010356	PHẠM BẢO	HÀ	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	7.4	6	
339	300339	022311008923	PHẠM HẢI	HÀ	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	8.2	8	
340	300340	022311004245	PHẠM NGỌC	HÀ	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6	5.8	3.25	
341	300341	022311012184	PHẠM NGỌC NHẬT	HÀ	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	2.4	3	
342	300342	030311000528	PHẠM THỊ KHÁNH	HÀ	08/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	8	9.4	8.5	
343	300343	022311010076	PHẠM THỊ THU	HÀ	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	6.4	8.25	
344	300344	022311000903	TRẦN THỊ THÁI	HÀ	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	8.2	6	
345	300345	022311007207	TRẦN THỊ THU	HÀ	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.5	4	4.25	
346	300346	022211012030	TRƯƠNG QUỐC	HÀ	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	2.75	3.6	2.25	
347	300347	022311002150	VŨ NGỌC	HÀ	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8.25	8.8	8.25	
348	300348	022311002215	VŨ THỊ NHẬT	HÀ	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	5.75	9.2	5	
349	300349	022211011396	BÙI NGỌC	HẢI	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	7.5	9.4	7.25	
350	300350	022211001968	CAO ĐÔNG	HẢI	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	7	8.6	5.25	
351	300351	027211002640	ĐÀO ĐỨC HOÀNG	HẢI	24/11/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7	5.2	4.25	
352	300352	022211005328	ĐỖ DUY	HẢI	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.25	4.4	4.5	
353	300353	022211011007	HOÀNG SƠN	HẢI	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.75	9.4	8	
354	300354	022211001639	HOÀNG TRUNG	HẢI	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	9.6	8	
355	300355	022211012154	LÊ ĐÌNH	HẢI	21/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6	6.8	3.5	
356	300356	022211012197	LÊ QUÝ	HẢI	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.5	5.4	4.25	
357	300357	036211019042	PHẠM XUÂN	HẢI	14/10/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	5	3.4	4.25	
358	300358	022211006932	TẠ TRƯỜNG	HẢI	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	6.6	7.25	
359	300359	022211005166	TRẦN NAM	HẢI	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	8	8.2	6	
360	300360	022211008061	VŨ NAM	HẢI	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	8.8	8	
361	300361	022211003629	CAO VĂN	HẠNH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	3.5	1.8	1.25	
362	300362	022311008754	VŨ MINH	HẠNH	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.75	9.4	8.25	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
363	300363	022211003475	NGUYỄN HUY	HÀO	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.75	7.2	7.75	
364	300364	022311005150	BÙI NHƯ	HẢO	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.75	6.4	6.5	
365	300365	022311004599	ĐOÀN MINH	HẰNG	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	5.6	4	
366	300366	022311000812	ĐỖ MINH	HẰNG	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.75	8.8	8	
367	300367	030311009930	ĐỖ THỊ THU	HẰNG	02/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	3.6	3.25	
368	300368	022311006577	LƯU THU	HẰNG	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	5.6	6.5	
369	300369	022311011935	NGUYỄN THANH	HẰNG	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	9	7	5	
370	300370	022311000820	NGUYỄN THÚY	HẰNG	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	8	7.5	
371	300371	022311005549	NÔNG THỊ	HẰNG	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.5	3.6	1	
372	300372	022311002419	PHẠM THANH	HẰNG	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.5	5.8	2.75	
373	300373	022311012919	BÙI THỊ NGỌC	HÂN	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	8.6	4.5	
374	300374	022311001099	ĐỖ NGỌC	HÂN	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	7.6	7.25	
375	300375	022311001602	LƯU GIA	HÂN	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5	9.2	6.5	
376	300376	022311008149	NGUYỄN BẢO	HÂN	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	6.25	8.6	7.5	
377	300377	022311012181	NGUYỄN PHẠM GIA	HÂN	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	7.75	9.2	8.25	
378	300378	022311001810	TRỊNH GIA	HÂN	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	7.4	7	
379	300379	022211005319	ĐỖ QUANG	HẬU	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	8.2	7.25	
380	300380	022311005461	BÙI THU	HIỀN	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4.25	6.2	4.5	
381	300381	022311001853	ĐẶNG THỊ THANH	HIỀN	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	2.8	1.5	
382	300382	022311000478	ĐINH NGUYỄN KHÁNH	HIỀN	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	8.25	7.8	6	
383	300383	022311000883	NGUYỄN THANH	HIỀN	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	3.8	5	
384	300384	022311003610	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7	2.8	3.25	
385	300385	022311011494	NGUYỄN THU	HIỀN	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	7.6	5.25	
386	300386	022311007282	PHẠM THU	HIỀN	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.25	7.2	6.5	
387	300387	022311001636	PHẠM TRẦN THANH	HIỀN	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.75	9	8	
388	300388	022311002262	TRỊNH THANH	HIỀN	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5	4.4	2.75	
389	300389	022311007760	VŨ THANH	HIỀN	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.5	4	4	
390	300390	022211004325	NGUYỄN NGỌC	HIỀN	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	1	2.4	1.5	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
391	300391	022211000484	ĐẶNG VĂN ĐỨC	HIẾU	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.5	8.2	3	
392	300392	022211012488	ĐINH HẢI	HIẾU	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4	3.8	4.25	
393	300393	022211004175	ĐINH TRỌNG	HIẾU	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4	5.4	1.75	
394	300394	030211003904	HÀ TRUNG	HIẾU	03/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	5.8	3.75	
395	300395	022211008977	LÊ AN	HIẾU	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.75	9.2	7.75	
396	300396	022211005509	LÊ TRUNG	HIẾU	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	6.4	5.75	
397	300397	022211001435	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	4.2	7.25	
398	300398	022211013495	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.25	2.2	4.25	
399	300399	022211000492	PHẠM MINH	HIẾU	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	7.8	8.5	
400	300400	022211008862	PHẠM TRUNG	HIẾU	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	5.6	7.25	
401	300401	022211000649	PHẠM TRUNG	HIẾU	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7	9.8	8.25	
402	300402	022211007896	TRẦN TRUNG	HIẾU	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4	4.8	1	
403	300403	022211008844	VŨ TRUNG	HIẾU	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	5.8	4	
404	300404	022311003229	HỒ QUỲNH	HOA	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	5.2	6.25	
405	300405	022311008818	NGUYỄN NGỌC	HOA	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	9.2	8	
406	300406	022211012581	ĐẶNG ĐỨC	HÒA	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	7.4	4.75	
407	300407	034211009790	NGUYỄN THÁI	HÒA	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.25	8.8	8	
408	300408	022211007157	PHẠM TÂM	HÒA	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	7	9	7.5	
409	300409	022211000928	TRẦN THÁI	HÒA	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	8.6	4.75	
410	300410	022211002458	TRỊNH THANH	HÒA	30/08/2011	Tỉnh Tuyên Quang	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	9.6	6.75	
411	300411	022211006694	VŨ VĨNH	HÒA	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	6.6	8	
412	300412	022311005568	NGUYỄN THU	HOÀI	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	8.75	6.4	3.25	
413	300413	022311007675	TRẦN THỊ THU	HOÀI	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	8.8	7.75	
414	300414	022211012546	ĐẶNG MINH	HOÀNG	10/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7.25	9.8	8.5	
415	300415	022211012131	NGÔ VIỆT	HOÀNG	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	3.25	4.4	5.25	
416	300416	022211000546	NGUYỄN HUY	HOÀNG	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7	6	5.75	
417	300417	022211000576	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	9.2	7.25	
418	300418	022211008563	TRƯƠNG HUY	HOÀNG	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	7	5.25	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
419	300419	034211017110	VŨ MINH	HOÀNG	15/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.75	6.6	5.75	
420	300420	022211008256	VŨ TIẾN	HOÀNG	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.5	6.4	5.75	
421	300421	031211022699	ĐẶNG THẾ	HỌC	13/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam	Dao	THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	9.8	6.5	
422	300422	022210011452	ĐINH VIỆT	HÙNG	11/08/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	7	2.75	
423	300423	022211002149	ĐỖ THẾ	HÙNG	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	6.6	8.5	
424	300424	036211012305	NGÔ ĐỨC	HÙNG	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	8	7.25	
425	300425	022211003139	NGUYỄN ĐỨC	HÙNG	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	9.6	7.5	
426	300426	022211005076	NGUYỄN SINH	HÙNG	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.5	3.2	3	
427	300427	022211006948	VŨ MẠNH	HÙNG	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.75	6.4	6	
428	300428	022211006088	VŨ TUẤN	HÙNG	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	8.8	4.25	
429	300429	022211010878	HÀU GIA	HUY	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	4	7.8	6.5	
430	300430	022211001943	LÊ MINH	HUY	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	8.4	6.75	
431	300431	022211003733	LƯƠNG GIA	HUY	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	2.25	4.2	2.25	
432	300432	022211011980	MAI GIA	HUY	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	7.8	6.75	
433	300433	022211010209	NGÔ QUANG	HUY	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	8	9.6	8.5	
434	300434	022211010799	NGUYỄN CÔNG	HUY	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	4.5	4.8	2.75	
435	300435	022211011901	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	5	8.8	6.75	
436	300436	022210010375	NGUYỄN GIA	HUY	30/07/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.25	2.6	2.25	
437	300437	022211011853	NGUYỄN MINH	HUY	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	2.8	1.5	
438	300438	022211011291	NGUYỄN QUANG	HUY	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	9.8	8.75	
439	300439	022211001311	NGUYỄN QUỐC GIA	HUY	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.25	6.2	6.75	
440	300440	022211007829	PHẠM GIA	HUY	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.25	6.6	4.5	
441	300441	036211004552	PHẠM GIA	HUY	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	7.8	8.25	
442	300442	022211002362	PHẠM MINH	HUY	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	7.75	9	5.75	
443	300443	022211006510	PHẠM QUỐC	HUY	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.25	7.8	5.25	
444	300444	034211013196	QUÁCH VĂN	HUY	11/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	7.6	4	
445	300445	022211012556	QUÁN TRẦN NHẬT	HUY	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.5	3	3.75	
446	300446	022211001091	TRẦN GIA	HUY	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.25	3.4	1	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
447	300447	022211000608	TRẦN LÊ	HUY	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	6.2	7.75	
448	300448	022211008274	TRẦN MINH	HUY	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	9.6	8.75	
449	300449	022211005656	VŨ GIA	HUY	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6	5.2	3.25	
450	300450	031311012843	BÙI NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	8	8.2	6.25	
451	300451	022311009969	CÙ THỊ THÚY	HUYỀN	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	8.5	9.4	8.5	
452	300452	022311007588	DOÃN THANH	HUYỀN	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	7.6	7.75	
453	300453	022311001527	ĐÀO KHÁNH	HUYỀN	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.5	5.2	2	
454	300454	022311002959	ĐINH NGỌC	HUYỀN	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	7.6	8.5	
455	300455	001311046338	KIỀU KHÁNH	HUYỀN	28/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	7.8	7	
456	300456	022311000479	LÊ KHÁNH	HUYỀN	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.5	5.4	4	
457	300457	022311008109	LÊ PHÙ DIỆU	HUYỀN	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4	4.2	0.25	
458	300458	022311011186	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	7	4.75	
459	300459	022311008666	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
460	300460	022311006335	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4.75	2.6	2	
461	300461	022311012750	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.75	5.6	4	
462	300462	022311000678	PHẠM DIỆU	HUYỀN	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	9.2	7	
463	300463	022311010605	PHẠM DIỆU	HUYỀN	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.5	5.2	3.75	
464	300464	022311007601	PHẠM KHÁNH	HUYỀN	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
465	300465	022311001266	TRẦN NHƯ	HUYỀN	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	3	4	
466	300466	022311005597	VÕ KHÁNH	HUYỀN	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	5	6.25	
467	300467	022311009442	VŨ HÀ KHÁNH	HUYỀN	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	2.5	3.4	2	
468	300468	022211010993	BÙI KHÁNH	HƯNG	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.75	4	3	
469	300469	022211012262	ĐẶNG GIA	HƯNG	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.25	8.8	6	
470	300470	022211000908	ĐẶNG HỮU	HƯNG	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	8.4	4	
471	300471	022211006564	ĐẶNG KHÁNH	HƯNG	13/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	4.8	8.5	
472	300472	022211010529	ĐINH TIẾN	HƯNG	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.25	4.8	2.25	
473	300473	022211010655	ĐỖ QUANG	HƯNG	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	9.2	6.5	
474	300474	022211007369	ĐỖ THÀNH	HƯNG	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	8	8.6	8.25	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
475	300475	022211001384	LÊ DUY	HƯNG	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.5	7.6	6.25	
476	300476	022211002658	LÊ THÀNH	HƯNG	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4	6.6	5.75	
477	300477	022211010933	NGÔ VIỆT	HƯNG	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6.5	4.6	8	
478	300478	022211006442	NGUYỄN GIA	HƯNG	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.5	8.6	7.75	
479	300479	022211011555	NGUYỄN TUẤN	HƯNG	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.5	3.8	2.75	
480	300480	022211005653	NGUYỄN VIỆT	HƯNG	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quốc tế Stephen Hawking	Tiếng Anh	6.5	5.2	4.75	
481	300481	022211008660	PHẠM GIA	HƯNG	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8.25	9.8	9	
482	300482	022211002082	PHẠM NGỌC	HƯNG	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	7.4	5	
483	300483	022211009928	PHẠM NHẤT	HƯNG	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.25	6.4	3.25	
484	300484	022211004572	PHAN HỒNG	HƯNG	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	9.6	6.75	
485	300485	022211013799	TẠ DUY	HƯNG	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.5	2.4	1.5	
486	300486	022211011512	TRẦN NAM	HƯNG	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quốc tế Stephen Hawking	Tiếng Anh	6	7	8	
487	300487	022211006905	VŨ DUY	HƯNG	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	6.8	8	
488	300488	022211000694	VŨ GIA	HƯNG	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.5	5.2	4	
489	300489	022311003847	CAO QUỲNH	HƯƠNG	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	4.5	1.6	2.5	
490	300490	022311008144	HOÀNG MAI	HƯƠNG	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	7.8	7	
491	300491	022311012951	NGUYỄN MAI	HƯƠNG	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.25	6.4	4.75	
492	300492	022311012467	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.25	3.8	3.25	
493	300493	022311009745	PHẠM THU	HƯƠNG	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	5.25	6.4	4.25	
494	300494	022311001641	PHÙNG THANH	HƯƠNG	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.75	9.6	5	
495	300495	022311002183	TRẦN THỊ MAI	HƯƠNG	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	7	8.4	5.75	
496	300496	022311001567	VŨ THỊ LAN	HƯƠNG	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.5	6.6	2.5	
497	300497	022211010908	TRẦN PHÚC	KHẢI	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	8	6	
498	300498	022211009102	PHẠM NHẤT	KHANG	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	6	8	
499	300499	031211022173	TRỊNH MINH	KHANG	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	5.2	4.75	
500	300500	024211010078	VŨ TRÍ	KHANG	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	8.4	7.75	
501	300501	022311010636	PHẠM DUY TUỆ	KHANH	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.25	8.6	6	
502	300502	022211006466	DƯƠNG GIA	KHÁNH	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	9.4	7.75	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
503	300503	022211003698	ĐỖ BẢO	KHÁNH	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.75	6	5.75	
504	300504	022311006875	HOÀNG VÂN	KHÁNH	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7	9.6	7.75	
505	300505	022311004860	LÊ NGUYỄN BẢO	KHÁNH	14/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	5.8	4.25	
506	300506	022211008399	LÊ PHAN BẢO	KHÁNH	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	8.8	5.5	
507	300507	022311001002	NGUYỄN BẢO	KHÁNH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	5.6	4	
508	300508	038211001415	NGUYỄN ĐÌNH	KHÁNH	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	3.4	4.75	
509	300509	022211008323	NGUYỄN GIA	KHÁNH	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.5	7.8	7.25	
510	300510	022211000859	NGUYỄN HUY	KHÁNH	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4	3.6	1.75	
511	300511	022211000930	NGUYỄN MINH	KHÁNH	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	8.2	9	
512	300512	034311002690	NGUYỄN THỊ MINH	KHÁNH	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	8	7.75	
513	300513	030211000520	PHẠM CÔNG NAM	KHÁNH	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	3	4.6	1.75	
514	300514	022311006927	PHẠM LÊ NGÂN	KHÁNH	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	3	6.8	3.25	
515	300515	022311000353	PHẠM NGUYỄN VÂN	KHÁNH	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	5.75	6	4	
516	300516	022211004556	THÁI DUY	KHÁNH	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.25	2.4	1	
517	300517	022311001863	TRẦN THỊ NGỌC	KHÁNH	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.75	7	7.5	
518	300518	022211001055	TRƯƠNG PHẠM NAM	KHÁNH	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	9.2	6	
519	300519	022211008476	PHẠM DUY	KHIÊM	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	3.75	5.4	5.25	
520	300520	022211002747	NGUYỄN NGỌC	KHOA	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	9	8.25	
521	300521	030211007307	VŨ ANH	KHOA	06/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3	4.2	4.75	
522	300522	022211006509	VŨ ĐỨC ANH	KHOA	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	9.4	7	
523	300523	022211002769	VŨ NAM	KHOA	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	8.4	5	
524	300524	022211000700	LÊ DUY	KHÔI	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	6.8	4.25	
525	300525	022211012876	NGUYỄN ANH	KHÔI	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	4	8.8	6.5	
526	300526	022211013479	NGUYỄN MINH	KHÔI	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
527	300527	022211013595	PHẠM CÔNG	KHÔI	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4	3.4	3.75	
528	300528	022211014710	PHẠM MINH	KHÔI	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	4	9.8	2.25	
529	300529	022211004587	TRẦN MINH	KHUÊ	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	8.4	8.75	
530	300530	022211000788	ĐỖ CHÍ	KIÊN	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.75	4.6	3.25	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
531	300531	031211014860	ĐỖ TRUNG	KIÊN	18/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.25	3	5	
532	300532	022211012809	ĐỖ TRUNG	KIÊN	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6	3.6	4.75	
533	300533	022211006847	NGUYỄN DUY	KIÊN	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	9	8.6	6	
534	300534	022211006450	NGUYỄN ĐỨC	KIÊN	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.75	4	5.5	
535	300535	022211007398	NGUYỄN THÀNH	KIÊN	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.5	7.6	7.5	
536	300536	022211000392	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	5.2	6.75	
537	300537	022211008645	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	7	6.8	5	
538	300538	092211004087	LÊ CÔNG TUẤN	KIỆT	15/12/2011	Thành phố Cần Thơ	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	3	3.4	4	
539	300539	022211011915	TRẦN HỮU	KIỆT	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.75	6.4	4	
540	300540	022311009636	BÙI HỒNG	KỲ	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	5.2	5.75	
541	300541	022311005406	BÙI NGỌC HOÀNG	LAN	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.25	6.8	4.25	
542	300542	022311012009	NGÔ HOÀNG HẠ	LAN	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	8.6	5	
543	300543	022311000904	NGUYỄN HƯƠNG	LAN	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	6.8	7.75	
544	300544	022211008390	BÙI BẢO	LÂM	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	9.4	9	
545	300545	030211004442	BÙI HẢI	LÂM	03/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	4.4	6.5	
546	300546	022211010295	LÊ TÙNG	LÂM	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.75	3.6	2.5	
547	300547	022211008002	NGUYỄN CÔNG TÙNG	LÂM	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6	8.6	7	
548	300548	022211004880	NGUYỄN TÙNG	LÂM	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6.5	7	5.25	
549	300549	022211008376	TRẦN TÙNG	LÂM	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6	8.2	5	
550	300550	022311008844	BÙI KIM	LIÊN	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	8.75	9.2	5.75	
551	300551	022311000813	PHẠM BÍCH	LIÊN	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.25	3.4	1.75	
552	300552	022311011940	BÙI HÀ	LINH	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8.25	7.4	6	
553	300553	022311011525	DƯƠNG PHƯƠNG	LINH	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	7.6	7.5	
554	300554	022311002251	ĐÀO THÙY	LINH	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.75	6.8	4.75	
555	300555	034311010476	ĐẶNG PHƯƠNG	LINH	03/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.75	0.2	7.25	
556	300556	022311001686	ĐẶNG PHƯƠNG	LINH	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	8	8.6	8	
557	300557	022311011807	ĐẶNG THÙY	LINH	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	4	4.5	
558	300558	022311000525	ĐOÀN PHƯƠNG	LINH	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	6.8	5	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
559	300559	022311012511	ĐOÀN THỊ MAI	LINH	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	9.2	7.5	
560	300560	022311009995	ĐỖ PHƯƠNG	LINH	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	7	4.25	
561	300561	022311004350	ĐỖ PHƯƠNG	LINH	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	9	9.4	8	
562	300562	022311010739	ĐỖ THỊ HẢI	LINH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.5	5.2	4.5	
563	300563	022311004880	HOÀNG HÀ	LINH	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.25	4.6	2.5	
564	300564	022311013084	HOÀNG KHÁNH	LINH	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	9.6	9	
565	300565	022311009222	HOÀNG NGỌC KHÁNH	LINH	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.5	4.6	1.25	
566	300566	034311008713	HOÀNG PHƯƠNG	LINH	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6.25	4.8	4.25	
567	300567	022311005153	LÊ PHƯƠNG	LINH	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	9.6	6.75	
568	300568	022311002900	LƯU KHÁNH	LINH	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	8	9.4	7.5	
569	300569	022311003005	MAI KHÁNH	LINH	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	4.6	5.75	
570	300570	022311008260	NGÔ PHƯƠNG	LINH	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	7.6	7.25	
571	300571	022311006791	NGUYỄN ĐẶNG THÙY	LINH	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	2	5	1.75	
572	300572	022311005466	NGUYỄN HÀ	LINH	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	4.2	1.75	
573	300573	022311010283	NGUYỄN KHÁNH	LINH	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.25	2.4	1.5	
574	300574	022311011318	NGUYỄN NGỌC	LINH	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8	7.25	
575	300575	022311012070	NGUYỄN NGỌC	LINH	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	7.6	9	
576	300576	022311002474	NGUYỄN NGỌC	LINH	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	8	7	
577	300577	022311004640	NGUYỄN NGỌC	LINH	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.75	8.4	8.25	
578	300578	022311011189	NGUYỄN PHẠM HỒNG	LINH	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8.25	8.8	7	
579	300579	022311012025	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.75	6.6	4	
580	300580	022311004338	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	3.25	3.2	2.5	
581	300581	022311001601	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	3	2.2	1	
582	300582	022311004569	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.5	4	3	
583	300583	036311009589	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	02/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	6.4	7.25	
584	300584	022311012117	NGUYỄN THÙY	LINH	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	6.75	5.4	5.5	
585	300585	022311006515	NGUYỄN YẾN	LINH	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4.5	7.4	3.75	
586	300586	022311006998	PHẠM KHÁNH	LINH	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.75	3.2	3.25	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
587	300587	022311011282	PHẠM KHÁNH	LINH	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4.5	4.6	3.75	
588	300588	001311012056	PHẠM NGỌC TƯỜNG	LINH	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.5	2.2	0.75	
589	300589	022311001414	QUÁCH ĐOÀN BẢO	LINH	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	8.6	8.75	
590	300590	022311006106	TẠ HÀ	LINH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	3.2	1	
591	300591	042311005126	TRẦN DIỆU	LINH	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6	5.2	4.25	
592	300592	031311010815	TRẦN NGỌC	LINH	03/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.5	4.4	3.75	
593	300593	022311002653	TRẦN NGUYỄN DIỆU	LINH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	10	9	
594	300594	022311001065	TRỊNH GIA	LINH	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.25	2.2	1.5	
595	300595	022211002779	TRỊNH NGỌC	LINH	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.25	5.6	6.25	
596	300596	022311010622	VŨ DIỆU	LINH	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.5	2.4	3.5	
597	300597	022311003616	VŨ GIA KHÁNH	LINH	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	6	4.5	
598	300598	022311010148	VŨ HOÀNG THẢO	LINH	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	3.2	3	
599	300599	022311000727	VŨ THÙY	LINH	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.5	6.2	5.5	
600	300600	022311011522	PHẠM THỊ KIM	LOAN	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6	7	3.5	
601	300601	030211007370	ĐẶNG THÀNH	LONG	01/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	6.4	8.5	
602	300602	022211003528	ĐỖ HOÀNG	LONG	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.75	4.2	3	
603	300603	022211012333	ĐỖ NGUYỄN SƠN	LONG	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.5	9.6	5	
604	300604	001211035756	KHUẤT DUY	LONG	19/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nam	Mường	TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	3.2	8.25	
605	300605	022211002693	NGUYỄN BÁ	LONG	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quốc tế Stephen Hawking	Tiếng Anh	8	8.6	9	
606	300606	022211008960	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.5	6.6	7.25	
607	300607	022211009908	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.75	8.4	7.5	
608	300608	022211000793	NGUYỄN	LONG	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	7.6	8	
609	300609	031211007729	NGUYỄN THÀNH	LONG	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	4.2	2.75	
610	300610	022211003923	NGUYỄN VÂN	LONG	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.75	7.8	8.5	
611	300611	022211007134	NGUYỄN THÀNH	LỘC	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.75	9.6	3	
612	300612	022211007426	PHẠM HỮU	LỘC	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.75	3.6	2.75	
613	300613	022211005762	CAO THẾ	LỢI	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	8.2	7.75	
614	300614	022211007944	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	2.25	8.4	1.25	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
615	300615	022211005022	PHẠM ĐỨC	LUẬN	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	9.6	8.75	
616	300616	022211012016	VŨ VĂN	LUẬT	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.75	9.6	8.75	
617	300617	022211002048	NGUYỄN THẾ	LỰC	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	9.4	7.75	
618	300618	022211001571	NGUYỄN KHANG	LƯƠNG	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	2	3	1.5	
619	300619	022211001472	LÊ QUÝ	LƯỢNG	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5	4.2	2	
620	300620	031311007477	BÙI UYÊN	LY	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	1.25	2.2	1.25	
621	300621	022311013757	ĐẶNG KHÁNH	LY	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.25	4	4.75	
622	300622	022311004074	HÀ KHÁNH	LY	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	8.25	9.2	8	
623	300623	022311008806	LĂNG KHÁNH	LY	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	7	5	7	
624	300624	022311000730	NGUYỄN TRÀ	LY	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	4.2	5	
625	300625	022311000761	TẠ BẢO KHÁNH	LY	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	6.6	7	
626	300626	022311004411	TRẦN PHƯƠNG	LY	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7	3.4	4.5	
627	300627	022311005402	TRỊNH PHẠM NA	LY	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	4.5	3.4	0.75	
628	300628	022311005133	VŨ KHÁNH	LY	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.5	5.2	3.25	
629	300629	022311010726	VŨ KHÁNH	LY	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	1.75	4.2	2.5	
630	300630	022311002212	BÙI PHƯƠNG	MAI	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	1.25	3.2	3	
631	300631	022311002365	ĐẶNG NGUYỄN NHẬT	MAI	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	8	8.2	5.5	
632	300632	022311009382	ĐỖ TUYẾT	MAI	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	8.4	8	
633	300633	034311004833	LÊ NGỌC	MAI	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6.75	5.2	4.25	
634	300634	022311003390	NGUYỄN NGỌC	MAI	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	6	4.5	
635	300635	022311002905	NGUYỄN NGỌC	MAI	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	6.6	4.5	
636	300636	022311000507	NGUYỄN THANH	MAI	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	7.4	6	
637	300637	022311004279	PHẠM ĐỖ NGỌC	MAI	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	5.2	1.75	
638	300638	022311012851	TRẦN NHẬT	MAI	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.75	6.2	3.25	
639	300639	037311001884	VŨ THỊ TUYẾT	MAI	25/04/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	7.75	5	4.75	
640	300640	022211011776	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.25	7.4	4.75	
641	300641	022211005565	PHẠM BÙI QUANG	MẠNH	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.25	9.2	7.5	
642	300642	022211002980	PHẠM CAO	MẠNH	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.75	9.2	8.75	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
643	300643	022211012897	PHẠM ĐỨC	MẠNH	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	7.6	5	
644	300644	022211007890	TRẦN ĐỨC	MẠNH	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	5.8	5.75	
645	300645	022211000577	TRẦN ĐỨC	MẠNH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	4.4	4.5	
646	300646	022211008841	VŨ THẾ	MẠNH	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	6.4	4	
647	300647	022211006747	BÙI QUANG	MINH	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.5	7	7.5	
648	300648	022211011164	CAO ANH	MINH	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	9.6	7.75	
649	300649	022211006650	DƯƠNG NHẬT	MINH	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	6.8	1.25	
650	300650	022211008408	ĐÀO QUANG	MINH	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.25	7	1.5	
651	300651	022311001297	ĐINH HỒNG	MINH	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6	3.4	1.25	
652	300652	022211005292	ĐỖ TUỆ	MINH	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	7	9.2	7.75	
653	300653	022311008364	HOÀNG HIẾU	MINH	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	4	4.5	
654	300654	001211071392	KIỀU TIẾN	MINH	22/02/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.75	8	5.5	
655	300655	022211007208	LÃ NHẬT	MINH	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.75	3.4	4	
656	300656	034211001744	LÊ ANH	MINH	23/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.75	5.4	4	
657	300657	022311003279	LÊ HỒNG	MINH	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	3.6	4.5	
658	300658	022211000931	LÊ NHẬT	MINH	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	7.8	6.75	
659	300659	022211008393	LÊ TUẤN	MINH	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	9.4	8.5	
660	300660	015211006653	NGUYỄN BÌNH	MINH	14/08/2011	Tỉnh Tuyên Quang	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	6	7.75	
661	300661	027211000486	NGUYỄN CÔNG NHẬT	MINH	29/05/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	5.2	2.5	
662	300662	022211003930	NGUYỄN DUY	MINH	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.75	5.8	7.5	
663	300663	022211000476	NGUYỄN DUY	MINH	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	4	6	
664	300664	022211009310	NGUYỄN ĐĂNG	MINH	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
665	300665	030211000525	NGUYỄN ĐÌNH BÌNH	MINH	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	3.75	4	5.25	
666	300666	022211001356	NGUYỄN HIẾU	MINH	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	9.4	9	
667	300667	022211005278	NGUYỄN HỮU BÌNH	MINH	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.25	5	4.25	
668	300668	022211006433	NGUYỄN NHẬT	MINH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5	4.4	5.25	
669	300669	022211001925	NGUYỄN NHẬT	MINH	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.75	3.8	8	
670	300670	022211005074	NGUYỄN QUANG	MINH	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	5.8	3.75	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
671	300671	022211008949	NGUYỄN SỸ TUẤN	MINH	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.5	7.2	2.75	
672	300672	022211010879	NGUYỄN THIỆN	MINH	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	7.2	6	
673	300673	022211011289	NGUYỄN TUẤN	MINH	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	8.4	8.25	
674	300674	022211004153	PHẠM VŨ BÌNH	MINH	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	3.4	1.75	
675	300675	022211012804	TRẦN TIẾN	MINH	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	8.6	5.25	
676	300676	022211004842	VŨ GIA	MINH	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4	3.6	3	
677	300677	022211009035	VŨ QUỐC	MINH	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	8.2	6.25	
678	300678	022311008380	BÙI THỊ TRÀ	MY	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.25	3.6	1.5	
679	300679	022311010671	ĐẶNG TRÀ	MY	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	6	5.75	
680	300680	033311005466	ĐOÀN THỊ HÀ	MY	13/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	9.6	9	
681	300681	022311004994	ĐỖ TRÀ	MY	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	7.8	8.25	
682	300682	022311005970	LÊ HÀ	MY	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	4	3.5	
683	300683	038311000858	LÊ THỊ TRÀ	MY	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	5.2	6.25	
684	300684	022311002665	NGUYỄN THẢO	MY	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	4.2	4.5	
685	300685	022311004444	NGUYỄN THỊ HÀ	MY	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	3.6	2.5	
686	300686	022311001135	NGUYỄN TRÀ	MY	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.75	3	1.25	
687	300687	022311011137	NGUYỄN TRÀ	MY	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.5	7.2	4.75	
688	300688	022311010613	NGUYỄN VŨ HÀ	MY	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	4.2	3.5	
689	300689	022311004398	PHẠM NGỌC HUYỀN	MY	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.25	3.6	4.75	
690	300690	022311006792	PHẠM VŨ HÀ	MY	05/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	9	9	
691	300691	022311001325	TRẦN DIỆP	MY	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	5.6	6.5	
692	300692	022311008329	TRẦN HÀ	MY	23/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	5.2	7.5	
693	300693	022311012726	VŨ THỊ TRÀ	MY	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	3.2	3.5	
694	300694	022311010609	BÙI NGỌC	MỸ	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	7.6	4.75	
695	300695	031311002816	VŨ THỊ NGỌC	MỸ	07/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	3.4	5.75	
696	300696	022211006859	ĐOÀN HOÀI	NAM	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	5	2	4.75	
697	300697	022211000752	ĐỖ NHẬT	NAM	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5	8.2	3.75	
698	300698	022211005998	HOÀNG HẢI	NAM	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	4.2	4	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
699	300699	022211005122	LÊ HẢI	NAM	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	1.75	3.2	1	
700	300700	022211008101	LÊ THÀNH	NAM	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	5.75	8.2	8.25	
701	300701	022211001911	LƯƠNG BẢO	NAM	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	7	3.5	
702	300702	022211011812	NGUYỄN HẢI	NAM	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quốc tế Stephen Hawking	Tiếng Anh	4	5.6	4	
703	300703	022211006107	NGUYỄN LÊ HUY	NAM	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	9.2	7.75	
704	300704	022211013281	NGUYỄN NHẬT	NAM	04/03/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4	3.6	4	
705	300705	022211001393	PHẠM HẢI	NAM	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4	2.6	6.5	
706	300706	022211009290	PHẠM NGUYỄN HẢI	NAM	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.75	2.6	2	
707	300707	022211011120	THÁI ĐẠI	NAM	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	8	9.4	8.25	
708	300708	022211005069	TRẦN HẢI	NAM	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.5	7.4	7	
709	300709	022211006178	TRẦN HẢI	NAM	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	7.8	5.5	
710	300710	022311005698	BÙI PHƯƠNG	NGA	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.5	4.6	2	
711	300711	022311005942	DƯƠNG THANH	NGA	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	8.4	7.25	
712	300712	019311006005	ĐÀO THỊ QUỲNH	NGA	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.25	3.6	3.25	
713	300713	022311005930	ĐỖ THANH	NGA	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.25	5.6	5	
714	300714	022311011883	NGUYỄN HẰNG	NGA	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	3.2	2	
715	300715	022311002433	NGUYỄN PHƯƠNG	NGA	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	3.8	4.75	
716	300716	022311010777	HÀ THỊ KIM	NGÂN	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.75	7.4	4.25	
717	300717	031311000446	NGUYỄN MAI KIM	NGÂN	27/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	10	7.5	
718	300718	036311005681	NGUYỄN THỊ THÙY	NGÂN	06/03/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.5	2.8	3.75	
719	300719	022311011682	PHẠM THỊ THANH	NGÂN	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.5	8.4	4.5	
720	300720	022311005832	PHẠM THU	NGÂN	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.5	8.2	4.75	
721	300721	022311007205	PHẠM VŨ THU	NGÂN	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	7.25	8.4	5.5	
722	300722	022311006749	TẠ KHÁNH	NGÂN	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	5	2.75	
723	300723	031311017233	VŨ THỊ BẢO	NGÂN	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	6.8	7.25	
724	300724	030311017885	VŨ THỊ KIM	NGÂN	30/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	6.8	7.75	
725	300725	022311011216	TƯỜNG BẢO	NGHI	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4.5	3.4	0.75	
726	300726	022211012018	ĐÀO TRỌNG	NGHĨA	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	5.8	3.5	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
727	300727	036211000439	MAI TRUNG	NGHĨA	22/06/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.75	3	4.5	
728	300728	022211005475	NGUYỄN THIỆN	NGHĨA	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	7	7.75	
729	300729	030311004422	BÙI THỊ YẾN	NGỌC	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.75	3	7	
730	300730	022311009981	DƯƠNG HẢI	NGỌC	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	0	3.2	0	
731	300731	030311014702	DƯƠNG THU BẢO	NGỌC	06/02/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	3.2	1.25	
732	300732	022311009220	ĐINH LÊ HỒNG	NGỌC	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.75	4.8	3.5	
733	300733	022311000340	ĐỖ GIA BẢO	NGỌC	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	8.8	5.5	
734	300734	022311007194	ĐỒNG THỊ MINH	NGỌC	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	4	3.75	
735	300735	022311000728	ĐỖ THANH	NGỌC	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.75	3.2	4.25	
736	300736	022311011113	ĐỖ THỊ THANH	NGỌC	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	4.8	5.25	
737	300737	022311008910	HOÀNG BẢO	NGỌC	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.25	5.6	4.5	
738	300738	035211000159	HOÀNG MINH	NGỌC	28/04/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.5	5.8	8.5	
739	300739	022311007777	LÊ BẢO	NGỌC	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	4.2	4	
740	300740	022311000828	LÊ THỊ HỒNG	NGỌC	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.75	4.6	4.75	
741	300741	022311010792	LƯU BẢO	NGỌC	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	3.75	5.6	3.5	
742	300742	022311007049	NGÔ BẢO	NGỌC	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	6	6	
743	300743	022211002381	NGUYỄN BÙI BẢO	NGỌC	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6	5	8.75	
744	300744	022311009064	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	9.6	9.5	
745	300745	022311011640	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	2.25	3.2	3.25	
746	300746	022311009838	NGUYỄN MINH	NGỌC	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	9.4	6.25	
747	300747	022311011085	NGUYỄN NHẬT	NGỌC	17/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	6	6.5	
748	300748	022311008652	NGUYỄN THU	NGỌC	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	7.4	8.25	
749	300749	022311000769	PHẠM BẢO	NGỌC	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	3.4	5.25	
750	300750	022311012125	PHẠM BẢO	NGỌC	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.25	4	6.75	
751	300751	022311003396	PHẠM KHÁNH	NGỌC	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.25	6.8	4.75	
752	300752	022311005842	PHẠM KHÁNH	NGỌC	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.5	6	3.25	
753	300753	022311012366	PHẠM MINH	NGỌC	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	7.5	8	7	
754	300754	022311000930	PHẠM NGUYỄN MINH	NGỌC	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	4.2	3.75	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
755	300755	022311002383	TẠ THỊ BẢO	NGỌC	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	8	6.25	
756	300756	022311007359	TRẦN HÀ BẢO	NGỌC	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	4	6.8	2	
757	300757	022311008453	TRẦN KHÁNH	NGỌC	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	6.4	8	
758	300758	022311005971	VŨ BẢO	NGỌC	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6	3.2	4.25	
759	300759	022311002352	VŨ THỊ THÚY	NGỌC	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	4.6	3	
760	300760	022211013220	BÙI ĐÌNH KHÔI	NGUYÊN	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6	8.8	9	
761	300761	022311000897	BÙI HẠNH	NGUYÊN	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	7	3.25	
762	300762	022211006823	NGUYỄN KHÔI	NGUYÊN	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.75	7	3.75	
763	300763	022311003254	NGUYỄN NGỌC HẠNH	NGUYÊN	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7	6.4	6.25	
764	300764	022211002224	NGUYỄN PHÚC	NGUYÊN	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	8.4	7	
765	300765	022211013238	VŨ TRUNG	NGUYÊN	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.5	6.2	5.75	
766	300766	022311004533	BÙI MINH	NGUYỆT	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	9.4	8	
767	300767	022211013094	PHẠM BẢO	NHẤT	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	8.8	6.25	
768	300768	022211008566	NGUYỄN ĐỨC	NHẬT	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	4.4	6	
769	300769	022211006077	NGUYỄN QUANG	NHẬT	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	3.6	1.75	
770	300770	022211009630	NGUYỄN VIỆT	NHẬT	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	4.25	5	5.75	
771	300771	022311000653	BÙI YẾN	NHI	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7	8.6	4.5	
772	300772	022311005647	DƯƠNG DUNG	NHI	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.75	9	8	
773	300773	022311000920	DƯƠNG ĐÀO BẢO	NHI	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4	3.4	3.25	
774	300774	030311013504	ĐINH PHƯƠNG	NHI	21/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	6.6	8.25	
775	300775	022311011552	ĐỖ YẾN	NHI	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	4.8	3.25	
776	300776	022311010424	HOÀNG PHƯƠNG	NHI	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.5	6	3.75	
777	300777	022311000621	HOÀNG THỊ YẾN	NHI	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	5.75	8	5.5	
778	300778	022311000496	LÊ PHƯƠNG	NHI	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7	8	5.75	
779	300779	022311000529	LÊ UYÊN	NHI	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	7.2	8.25	
780	300780	022311007364	LÊ YẾN	NHI	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.25	5.2	4	
781	300781	022311007877	NGUYỄN THẢO	NHI	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	8.8	6.75	
782	300782	022311003255	PHẠM PHƯƠNG	NHI	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.25	3.6	2.5	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
783	300783	022311009861	PHẠM PHƯƠNG	NHI	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4	4	1.75	
784	300784	022311006773	TRẦN THỊ YẾN	NHI	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	4.5	3.6	3.75	
785	300785	022311011049	VŨ NGỌC THẢO	NHI	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	8	8.25	
786	300786	022311004337	VŨ YẾN	NHI	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.75	5.4	4.5	
787	300787	022311008022	BÙI THỊ HỒNG	NHUNG	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	4	4.6	4.5	
788	300788	022311005957	HOÀNG THỊ HỒNG	NHUNG	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	4.75	2.2	6.25	
789	300789	022311005020	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.25	1.6	2.5	
790	300790	022311009373	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7	4	4.25	
791	300791	036311016638	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	2	2.75	
792	300792	022311006997	NGUYỄN TUYẾT	NHUNG	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	5.2	6.5	
793	300793	022311006832	PHẠM HỒNG	NHUNG	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	3.8	6	
794	300794	022311009724	DƯƠNG MẠC THẢO	NHƯ	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.25	7.6	5.25	
795	300795	022311006851	LÊ NGUYỄN KIỀU	NHƯ	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7	8.6	7.25	
796	300796	022311012844	NGUYỄN TÂM	NHƯ	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	8.25	8.8	6.25	
797	300797	022311010816	TRỊNH TÂM	NHƯ	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	5.4	5.25	
798	300798	022211003400	LÊ VŨ HẢI	NINH	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.25	9.2	8.75	
799	300799	022211005523	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	NINH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	5	3	2.25	
800	300800	022211001376	TRẦN ĐĂNG	NINH	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	3.2	3.75	
801	300801	022311003975	TRẦN HUYỀN	NINH	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.25	3.6	4.25	
802	300802	022211011740	VÕ HOÀNG NHẬT	NINH	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.5	2.8	1.5	
803	300803	034211007468	VŨ THÁI	NINH	13/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	8.8	7.25	
804	300804	022311011769	NGUYỄN NGỌC	OANH	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	3.2	2.5	
805	300805	022311001285	NGUYỄN PHƯƠNG	OANH	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.75	2.8	3.5	
806	300806	022211008924	NGUYỄN DUY	PHAN	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	7	7.6	7.5	
807	300807	022211005399	ĐẶNG DANH	PHÁT	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	3	3	
808	300808	022211008594	NGUYỄN QUANG	PHÁT	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.25	4.8	6	
809	300809	036211016254	VŨ HOÀNG GIA	PHÁT	22/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	9.2	2.25	
810	300810	022211000404	NGUYỄN TUẤN	PHI	12/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	8.4	7.75	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
811	300811	022211000555	ĐỖ HẢI	PHONG	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quốc tế Stephen Hawking	Tiếng Anh	5.5	6.8	5	
812	300812	034211009123	ĐỖ KIM	PHONG	30/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3	5	0.25	
813	300813	022211011172	LÊ KỲ	PHONG	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	4.8	5.75	
814	300814	022211006949	NGUYỄN BÙI HẢI	PHONG	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.5	4.2	6.5	
815	300815	022211008817	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	PHONG	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	1.75	1.6	1.5	
816	300816	022211009017	NGUYỄN ĐỨC HẢI	PHONG	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.5	6.6	6	
817	300817	022211002822	NGUYỄN NAM	PHONG	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quốc tế Stephen Hawking	Tiếng Anh	6.5	6.8	5.75	
818	300818	022211009282	NGUYỄN THANH	PHONG	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	6.2	5.75	
819	300819	022211003006	NGUYỄN VŨ	PHONG	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	5.4	6	
820	300820	022211010017	QUÁCH ĐÔNG	PHONG	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	5.6	3.75	
821	300821	022211010498	TRẦN NAM	PHONG	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5	5	4.5	
822	300822	022211008186	BÙI THÀNH	PHỐ	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	9	7	
823	300823	022211001979	DƯƠNG QUANG	PHÚ	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7	8	4.75	
824	300824	022211012912	DƯƠNG TRỌNG	PHÚ	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	2.8	4.25	
825	300825	022211000789	LÂM ĐẠI	PHÚ	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.5	7.8	6.25	
826	300826	022211001104	BÀNG NGUYÊN	PHÚC	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chay	THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	7.8	7.25	
827	300827	022211008328	ĐÀO THIỆN	PHÚC	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.5	9.4	2.25	
828	300828	022211004222	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	PHÚC	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.25	6.2	4.75	
829	300829	022211002402	NGÔ DUY	PHÚC	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.75	4.6	2.75	
830	300830	022211013895	NGUYỄN ĐỨC	PHÚC	29/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	8.25	9	6	
831	300831	022211000759	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	5.4	8.75	
832	300832	022211000583	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	5.5	9.6	6	
833	300833	022211011572	NGUYỄN PHONG GIA	PHÚC	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.75	7.8	6	
834	300834	034211014533	NGUYỄN THANH	PHÚC	05/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.5	8.6	6.25	
835	300835	022211005010	NGUYỄN TRƯỜNG	PHÚC	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5	5.8	6.75	
836	300836	022211013852	NGUYỄN XUÂN	PHÚC	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	9.6	9.75	
837	300837	022211000774	PHẠM PHAN GIA	PHÚC	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	6.4	7	
838	300838	022211011704	PHẠM TIẾN	PHÚC	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	3.6	7.75	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
839	300839	022211001180	TRẦN ĐỨC	PHÚC	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	2.4	4	
840	300840	022211010883	TRƯƠNG HOÀNG	PHÚC	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	9.6	7	
841	300841	022211004343	VŨ ĐỨC	PHÚC	27/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	6.8	5.75	
842	300842	022311005689	BÙI THU	PHƯƠNG	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6	2.8	5	
843	300843	022311010083	ĐẶNG NGUYỆT	PHƯƠNG	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	7.4	6.25	
844	300844	022311004167	ĐINH KHÁNH	PHƯƠNG	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	9.8	7	
845	300845	022311009875	ĐINH THỊ THẢO	PHƯƠNG	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.25	2.2	4.5	
846	300846	022311005995	ĐINH THU	PHƯƠNG	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.75	5.4	4.25	
847	300847	022311000698	ĐOÀN HÀ	PHƯƠNG	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	7.8	6.25	
848	300848	022211005637	ĐỖ NGUYÊN	PHƯƠNG	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	7	8.4	5.75	
849	300849	022311009581	HOÀNG MINH	PHƯƠNG	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	2	2.4	0.75	
850	300850	022311007491	HOÀNG THU	PHƯƠNG	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	5.6	7	
851	300851	022311011889	HỒ MAI	PHƯƠNG	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	9.4	7.25	
852	300852	022311008971	LÊ MINH	PHƯƠNG	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	6.8	6.75	
853	300853	022311005919	MAI	PHƯƠNG	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.5	8.4	8.25	
854	300854	022311010960	MẠNH THẢO	PHƯƠNG	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	8.6	6.25	
855	300855	022311006363	MẠNH THU	PHƯƠNG	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	6.2	4	
856	300856	022311003936	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	9	9.4	8.5	
857	300857	022311000931	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	7	3.5	
858	300858	022311010617	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	7.2	5.5	
859	300859	022311003239	NGUYỄN THẢO	PHƯƠNG	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	7.4	6	
860	300860	022311012221	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	2	4.2	3.25	
861	300861	022211013212	NGUYỄN TIỀN	PHƯƠNG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	5.25	5	6.25	
862	300862	022211013602	NGUYỄN TUẤN	PHƯƠNG	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8	8.5	
863	300863	022311008082	PHẠM MAI	PHƯƠNG	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7	6.2	6.5	
864	300864	022311000413	PHẠM MAI	PHƯƠNG	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	8	9.8	8.5	
865	300865	031311008868	PHẠM THU	PHƯƠNG	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	10	6.5	
866	300866	022311002421	PHẠM THU	PHƯƠNG	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	3.6	3	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
867	300867	022211000768	PHÙNG TIẾN	PHƯƠNG	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.75	9	3.5	
868	300868	022311002358	TRẦN MAI	PHƯƠNG	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	6.4	7.75	
869	300869	022211004722	TRẦN THÁI	PHƯƠNG	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	9.4	7.25	
870	300870	022311001909	TRẦN THẢO	PHƯƠNG	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6	8.6	6.25	
871	300871	036311017930	TRẦN THỊ THU	PHƯƠNG	16/05/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	7.6	9	
872	300872	022311009619	TRỊNH MAI	PHƯƠNG	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.75	9.4	7.75	
873	300873	022211005697	TRỊNH TUẤN	PHƯƠNG	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	4.5	5.8	1.75	
874	300874	022311006869	VŨ HÀ	PHƯƠNG	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.5	5.2	4.25	
875	300875	022311005291	VŨ HÀ	PHƯƠNG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	7	8.6	8.25	
876	300876	022311000914	HOÀNG MINH	PHƯỢNG	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	5.4	5	
877	300877	022211006283	HOÀNG MINH	QUANG	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	4.4	4.5	
878	300878	022211008048	HOÀNG NGỌC	QUANG	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7	9.8	9	
879	300879	022211006597	LÊ HỒNG	QUẢNG	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.75	8.8	6	
880	300880	022211003905	AN MẠNH	QUÂN	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6	8.6	5.25	
881	300881	022211000678	BÙI ANH	QUÂN	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8	8.4	8.5	
882	300882	022211000517	ĐOÀN MINH	QUÂN	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	7.8	7.75	
883	300883	022211006273	HOÀNG MINH	QUÂN	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	8.2	6.25	
884	300884	022211009287	TRỊNH ANH	QUÂN	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	4.8	3.25	
885	300885	024211011499	VŨ MINH	QUÂN	05/11/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	4.75	4.2	1.5	
886	300886	031211000341	VŨ QUỐC	QUÂN	05/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	4.75	3.6	3.25	
887	300887	022211009210	VŨ QUỐC	QUÂN	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	8.4	9	
888	300888	022211007782	NGUYỄN MINH	QUÝ	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.75	3.4	6.25	
889	300889	022211000366	NGUYỄN NĂNG QUỐC	QUÝ	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7	8.2	4	
890	300890	022311007093	NGUYỄN THỤC	QUYÊN	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	5.25	7.8	6.5	
891	300891	022311005893	PHẠM TÚ	QUYÊN	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.5	3.2	2.25	
892	300892	022311007665	TRẦN ĐỖ	QUYÊN	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.75	4.8	3.75	
893	300893	022211005717	NGUYỄN MINH	QUYẾT	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	6.4	5	
894	300894	022311012541	BÙI NHƯ	QUỲNH	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.75	7.4	4.5	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
895	300895	022311010995	NGÔ NHƯ	QUỲNH	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.25	7.8	7	
896	300896	022311012422	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	7	9.4	7.75	
897	300897	035311007206	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	15/08/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.75	4.2	7	
898	300898	027311001420	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	23/12/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	5.2	5.25	
899	300899	022311001580	VŨ THỊ HẢI	SAN	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	5.8	4	
900	300900	022211013727	HOÀNG MINH	SANG	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.75	7	6.5	
901	300901	022211007472	ĐINH TIẾN	SƠN	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7	5	8	
902	300902	022211012472	ĐỖ NGỌC	SƠN	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	3.75	3.4	3	
903	300903	022211013414	HOÀNG ĐÌNH	SƠN	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	9.6	7	
904	300904	022211011750	MẠC NGỌC	SƠN	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	7.4	4.75	
905	300905	022211006204	NGUYỄN BẢO	SƠN	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	7	9.6	8.25	
906	300906	022211002509	NGUYỄN HỮU	SƠN	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	9.6	9	
907	300907	022211006722	NGUYỄN THẾ	SƠN	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	4.4	7.25	
908	300908	034211003766	TỐNG THÁI	SƠN	31/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.75	7.6	7.5	
909	300909	022211013662	TRẦN THẾ	SƠN	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	7	8.2	6.25	
910	300910	022211003675	BÙI ĐOÀN TRÍ	TÀI	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	9.8	9	
911	300911	022211002408	LÊ NGUYỄN ĐỨC	TÀI	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	7.6	6.25	
912	300912	022211012310	VŨ NGUYỄN DANH	TÀI	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.5	5.2	4.75	
913	300913	022311001409	ĐẶNG MỸ	TÂM	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	8.8	6.25	
914	300914	022211000370	LẠI THANH	TÂM	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.75	3.8	1.5	
915	300915	022311012279	NGUYỄN MINH	TÂM	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.25	8.8	5.5	
916	300916	022211002229	VŨ TRỌNG	TẤN	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.25	5.6	4.25	
917	300917	022211004090	NGUYỄN ĐỨC	THÁI	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	6.4	7.25	
918	300918	034211012052	PHẠM NGỌC	THÁI	01/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	3.75	4.8	4.25	
919	300919	022211000672	ĐINH QUANG	THANH	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6.75	7.8	5.5	
920	300920	022311005700	NGÔ THANH	THANH	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	8.2	4	
921	300921	022211002209	NGUYỄN CHÍ	THANH	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	8.2	5.25	
922	300922	022211005277	TRẦN QUANG	THANH	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.75	5.6	3	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
923	300923	031211016954	ĐÀO ĐỨC	THÀNH	22/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	5	7.2	5	
924	300924	022211013287	HÀ MINH	THÀNH	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	5	7	
925	300925	022211002851	NGUYỄN PHÚ	THÀNH	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	5.4	7	
926	300926	022211009785	NGUYỄN THIỆN	THÀNH	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	7.75	9.8	9	
927	300927	022211010554	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	6.8	7	
928	300928	022211007617	PHẠM TRÍ	THÀNH	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.25	9.4	5.25	
929	300929	022211000701	VŨ XUÂN	THÀNH	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	5.4	4.75	
930	300930	033311003327	BÙI PHƯƠNG	THẢO	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	6	5.25	
931	300931	022311005618	BÙI PHƯƠNG	THẢO	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.5	2.4	3.25	
932	300932	022311010297	ĐOÀN HƯƠNG	THẢO	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	6.8	5.75	
933	300933	022311003776	ĐỖ THU	THẢO	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	4.2	5.25	
934	300934	022311009525	HOÀNG MAI PHƯƠNG	THẢO	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	4.6	5.5	
935	300935	022311000600	LẠI PHƯƠNG	THẢO	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.75	3.8	4.5	
936	300936	022311000594	LÊ THU	THẢO	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.25	3.2	2.25	
937	300937	022311005821	LỘC THỊ PHƯƠNG	THẢO	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	7.75	8	7.75	
938	300938	022311000509	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	6.4	7.5	
939	300939	022311010946	NGUYỄN THANH	THẢO	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6	7	3.75	
940	300940	022311002517	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	4.25	4.4	8.25	
941	300941	022311000323	QUÁCH PHƯƠNG	THẢO	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	8	8.6	6.75	
942	300942	022311001589	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	9.2	8	
943	300943	022211011317	ĐẶNG VIỆT	THẮNG	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	9.8	8.5	
944	300944	022211010882	NGUYỄN HỮU	THẮNG	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	9.6	6.5	
945	300945	022211000469	NGUYỄN PHÙNG ĐỨC	THẮNG	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	9.4	5.25	
946	300946	022211007173	NGUYỄN TRỌNG	THẮNG	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	3.5	1.4	0.75	
947	300947	022211006083	LÊ KHẮC	THẾ	23/04/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.75	7.4	4.5	
948	300948	022211012684	ĐỖ MINH	THIỆN	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	9	7.75	
949	300949	034211002698	NGUYỄN ĐỨC	THIỆN	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	4.8	4.5	
950	300950	022211002312	NGUYỄN HỢP	THIỆN	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	9.4	8	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
951	300951	022211005311	TRƯƠNG KHÁNH	THIỆN	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	2.25	2	2	
952	300952	022211010082	VŨ MINH	THIỆN	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6	6	6	
953	300953	022211012238	BÙI ĐỨC	THỊNH	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6	5.2	4	
954	300954	022211008087	BÙI TRUNG	THỊNH	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	4.6	2.75	
955	300955	022211001600	LƯƠNG KHANG	THỊNH	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	9.4	6.25	
956	300956	022211006504	NGUYỄN DUY	THÔNG	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	6.4	4	
957	300957	022311002032	ĐỖ THỊ ANH	THƠ	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	6.2	5.25	
958	300958	022311000409	PHẠM ANH	THƠ	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6	5.4	7.25	
959	300959	022311001341	PHẠM THỊ ANH	THƠ	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	8.2	7.5	
960	300960	022311007724	NGÔ THỊ NGỌC	THƠM	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	4	2.5	
961	300961	030311015698	PHẠM THỊ MAI	THU	09/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.25	6	4.75	
962	300962	022311005753	TRẦN MINH	THU	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	3.6	3	
963	300963	022211000673	PHẠM QUỐC	THỤ	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	8.4	8.25	
964	300964	022211007391	LƯƠNG QUANG	THUẬN	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	2.5	5	5.75	
965	300965	022211004776	TRẦN ĐINH ĐỨC	THUẬN	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	5.6	6.5	
966	300966	022211009551	ĐINH NGUYỄN ANH	THUỶ	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	7.6	8.25	
967	300967	022311000843	LÊ MINH	THUÝ	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6.75	4.4	4	
968	300968	022311006691	NGUYỄN THANH	THÙY	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.25	6.4	4.75	
969	300969	022311004926	HOÀNG PHƯƠNG	THỦY	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	5.4	5.5	
970	300970	022311012604	NGUYỄN THANH	THỦY	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.5	6	4.25	
971	300971	022311007109	TRẦN THANH	THỦY	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.25	4.6	3.5	
972	300972	022311000677	NGUYỄN PHƯƠNG	THÚY	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	8	5.8	4.5	
973	300973	022311003981	ĐẶNG MINH	THƯ	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	3.8	6.25	
974	300974	022311004633	ĐỖ NGUYỄN MINH	THƯ	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4	3	0.75	
975	300975	022311004360	HỒ MINH	THƯ	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.75	3.4	2.25	
976	300976	022311001597	NGUYỄN ANH	THƯ	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	8	6.4	8	
977	300977	036311001080	NGUYỄN MINH	THƯ	13/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	8.25	9.4	8.75	
978	300978	022311007362	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	8	9	8.25	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
979	300979	022311008745	NGUYỄN THANH	THƯ	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	3	3.4	4.25	
980	300980	022311002067	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	4.25	2.6	2.5	
981	300981	034311005404	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.75	7	7.5	
982	300982	022311006147	NGUYỄN THỊ SONG	THƯ	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.25	5.8	3.5	
983	300983	022311000527	PHẠM THỊ ANH	THƯ	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	9.2	8.5	
984	300984	036311013977	PHAN NGỌC BẢO	THƯ	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	3	6.4	2.75	
985	300985	022311012498	TRẦN ANH	THƯ	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	7.4	6.5	
986	300986	022311000495	TRẦN ANH	THƯ	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	8.25	7.8	6	
987	300987	022311000762	TRẦN ANH	THƯ	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5	3.4	3.75	
988	300988	022311004058	TRẦN ANH	THƯ	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.25	5.4	4.5	
989	300989	022311009779	TRẦN MINH	THƯ	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.75	8.2	7	
990	300990	022311007506	VÕ THANH	THƯ	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.5	2.2	3.75	
991	300991	022311009537	VŨ HÀ	THƯ	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7	4.8	5.25	
992	300992	024311007901	GIÁP HÀ	THƯƠNG	23/09/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.25	3	6.25	
993	300993	022311004790	HOÀNG THANH	THƯƠNG	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	2.5	4.6	3.25	
994	300994	022311013652	NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	5	6	
995	300995	022311002522	TRẦN XUÂN	THƯƠNG	16/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	3.8	0.75	
996	300996	022211005450	HOÀNG MẠNH	THƯỜNG	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.25	8.4	6	
997	300997	022311004530	ĐỖ BẢO	THY	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	8	5	
998	300998	022311004816	LÊ THỦY	TIÊN	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	3.25	4	2	
999	300999	022311009727	NGUYỄN NGỌC THỦY	TIÊN	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	7.4	4.75	
###	301000	022311005055	VŨ NGUYỄN THỦY	TIÊN	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	5	3.5	
###	301001	022211014792	LẠI VIỆT	TIỀN	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	9.8	8.75	
###	301002	022211013564	NGUYỄN NGỌC	TÍN	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.25	9	6.75	
###	301003	022211002863	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	4.2	4.25	
###	301004	022211002926	NGUYỄN TRẦN	TỚI	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	8.2	8.5	
###	301005	033311010482	BÙI HUYỀN	TRANG	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	9.2	7.75	
###	301006	022311010328	ĐẶNG TRẦN BẢO	TRANG	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6	8	5	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
###	301007	036311001767	ĐINH BẢO	TRANG	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4.5	3.6	1.75	
###	301008	022311009570	ĐINH THỊ MINH	TRANG	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	2.8	3	
###	301009	022311000913	ĐOÀN KIỀU	TRANG	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	9.8	9	
###	301010	022311004328	ĐOÀN THỊ QUỲNH	TRANG	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	4	2.8	2.25	
###	301011	022311002319	HOÀNG MAI	TRANG	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	8.25	8	8	
###	301012	022311003537	LẠI THU	TRANG	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	4.6	2.5	
###	301013	022311002691	LÊ QUỲNH	TRANG	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	4.2	4.75	
###	301014	022311011669	LÊ THÙY	TRANG	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.75	8	7.5	
###	301015	022311002026	MAI YẾN	TRANG	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	4.6	6	
###	301016	022311002396	MAN THỊ MAI	TRANG	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	8	7	7	
###	301017	022311003108	NGUYỄN BẢO	TRANG	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	5.2	3.5	
###	301018	022311010061	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	9.2	7.25	
###	301019	022311005386	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	2.6	4.5	
###	301020	022311012216	NGUYỄN THẢO	TRANG	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	8	6.4	5.75	
###	301021	026311002256	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.75	3.2	3.5	
###	301022	022311010278	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	4.4	7.25	
###	301023	022311006872	NGUYỄN THU	TRANG	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7	7.6	4.5	
###	301024	022311008328	PHẠM LƯU BẢO	TRANG	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	9.4	7.75	
###	301025	022311009960	PHẠM THU	TRANG	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6	4	4	
###	301026	022311001991	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	3	4.5	
###	301027	033311001963	VŨ BẢO	TRANG	20/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.5	3.2	2.5	
###	301028	022311003019	VŨ QUỲNH	TRANG	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.75	5.6	5	
###	301029	022311001060	VŨ THỊ ĐOAN	TRANG	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	3.4	2	
###	301030	022311000808	BÙI BẢO	TRÂM	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	3.5	3.6	2.25	
###	301031	022311010665	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	8.8	7.5	
###	301032	022311011053	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.5	7.2	6.75	
###	301033	022311003543	NGUYỄN TRẦN NGỌC	TRÂM	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.25	2	3.25	
###	301034	022311003107	PHẠM THỊ BẢO	TRÂM	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	8	8	7.25	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
###	301035	022311001631	TRẦN ĐOÀN BẢO	TRÂM	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7	4.6	2.5	
###	301036	022311000307	VŨ NGỌC BẢO	TRÂM	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.75	6.8	4.5	
###	301037	022311004546	ĐẶNG BẢO	TRÂN	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.5	7.6	7.25	
###	301038	022211011392	NGUYỄN MINH	TRÍ	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	9	7.5	
###	301039	022211008441	ĐINH MINH	TRỌNG	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.5	5.4	4.25	
###	301040	022211012783	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.25	2.8	2.25	
###	301041	024211004517	NGUYỄN MINH	TRỌNG	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.75	1.8	1.5	
###	301042	231311000033	CHU THỊ BẢO	TRÚC	16/08/2011	Nước ngoài	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.75	4.8	5.75	
###	301043	038311027559	KIỀU THỊ THANH	TRÚC	02/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	8	8.25	
###	301044	022311004154	LÊ THANH	TRÚC	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.75	6.2	4.5	
###	301045	031311012509	NGUYỄN THANH	TRÚC	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.75	5	4	
###	301046	022311010270	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	7.75	8.4	5.75	
###	301047	022311001978	PHẠM BẢO	TRÚC	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.75	4.8	8	
###	301048	022311011117	PHẠM THANH	TRÚC	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4.5	8	3	
###	301049	022311010569	TRẦN THANH	TRÚC	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.25	8.8	8.75	
###	301050	022311005730	VŨ THỊ THANH	TRÚC	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6	3	4	
###	301051	034211013287	DƯƠNG THÀNH	TRUNG	07/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.75	8	7.25	
###	301052	022211000671	ĐỖ ĐỨC	TRUNG	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.75	8.8	9	
###	301053	022211008768	HOÀNG MẠNH	TRUNG	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4.75	4.2	6.25	
###	301054	022211010480	LÊ THÀNH	TRUNG	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	4.4	4.75	
###	301055	022211001451	MẠC HỮU	TRUNG	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.25	5.2	3.25	
###	301056	022211001280	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	9.2	7	
###	301057	022211003968	PHẠM THÀNH	TRUNG	08/11/2011	Tỉnh Cà Mau	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	3.4	6.75	
###	301058	022211009412	VŨ ĐỨC	TRUNG	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	9.6	7.5	
###	301059	022211008022	VŨ ĐỨC	TRUNG	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	8.5	9.8	9	
###	301060	022211007955	VŨ ĐỨC	TRUNG	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	5.4	6.25	
###	301061	022211009418	BÙI NGỌC	TRƯỜNG	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	9.2	7	
###	301062	022211000980	DƯƠNG AN	TÚ	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.25	8.8	8.5	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
###	301063	022211008102	ĐẶNG HỒ TUẤN	TÚ	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.25	8.2	6	
###	301064	022211002053	ĐỖ ANH	TÚ	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.75	8.8	6.25	
###	301065	022211005215	HOÀNG TUẤN	TÚ	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	4.6	4.25	
###	301066	022211000802	LÊ NGUYỄN TUẤN	TÚ	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.75	9.2	8.5	
###	301067	022211011457	NGUYỄN ANH	TÚ	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.25	9.8	8.75	
###	301068	022211000726	NGUYỄN MINH	TÚ	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	6.8	6.75	
###	301069	022211004787	NGUYỄN TUẤN	TÚ	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	5.25	3.8	3.25	
###	301070	022311005531	PHẠM ĐOÀN MINH	TÚ	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	7.8	4	
###	301071	022211000760	TRẦN THANH	TÚ	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.5	5	5	
###	301072	022211003526	NGUYỄN ĐÌNH	TUÂN	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	4.75	9	8.5	
###	301073	022211012009	BÙI NHẬT	TUẤN	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	6	6.8	6	
###	301074	022211011132	ĐẶNG ANH	TUẤN	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	4.5	3.6	3	
###	301075	022211004606	ĐỖ ANH	TUẤN	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	6.2	5.75	
###	301076	022211013193	HÀ ANH	TUẤN	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	9.2	6.5	
###	301077	022211005581	LÊ NGỌC	TUẤN	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7	7.2	4.25	
###	301078	022211000918	NGHIÊM GIA	TUẤN	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5	3.4	4	
###	301079	022211005353	NGUYỄN MẠNH	TUẤN	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	4.4	5.5	
###	301080	022211000682	NGUYỄN VŨ ANH	TUẤN	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	8.8	8.5	
###	301081	022211008466	TRỊNH ANH	TUẤN	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	3.4	3.75	
###	301082	022211003966	ĐẶNG THANH	TÙNG	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5	7.6	4	
###	301083	022211011977	ĐOÀN ANH	TÙNG	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.75	9	7.75	
###	301084	022211010357	ĐOÀN ĐÌNH	TÙNG	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7	8.6	9.25	
###	301085	025211004631	HÀ THANH	TÙNG	29/10/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.25	9.2	7.5	
###	301086	022211013283	LƯƠNG BÁCH	TÙNG	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	5.4	4	
###	301087	022211003164	NGUYỄN HOÀNG	TÙNG	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.5	3	2.75	
###	301088	022211002265	NGUYỄN SƠN	TÙNG	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.5	9.6	9.5	
###	301089	022211002795	NGUYỄN THANH	TÙNG	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	2.5	6.4	1.75	
###	301090	022211000519	NGUYỄN THANH	TÙNG	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	6.8	6.5	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
###	301091	033211000146	NGUYỄN THANH	TÙNG	23/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Quốc tế Stephen Hawking	Tiếng Anh	8	9.2	6.75	
###	301092	022211000932	NGUYỄN XUÂN	TÙNG	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	5	3	1	
###	301093	022211010997	PHẠM TÀI	TÙNG	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.25	6	6	
###	301094	022211007081	PHẠM XUÂN	TÙNG	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	4.25	4.8	2.75	
###	301095	022211001903	PHAN THANH	TÙNG	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	4.25	6.2	4	
###	301096	022211005898	TRẦN ĐỨC	TÙNG	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.25	6.2	7	
###	301097	022211012350	TRẦN THANH	TÙNG	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	6.2	7	
###	301098	036211016113	TRẦN THANH	TÙNG	14/10/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.5	2.8	1.25	
###	301099	022211008543	VŨ GIA	TÙNG	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7	8.4	6	
###	301100	022311003722	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	30/07/2011	Tỉnh Đắk Lắk	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.25	4	3	
###	301101	022211006537	PHẠM QUỐC	UY	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6.5	5.4	4.75	
###	301102	022311012390	ĐẶNG THẢO	UYÊN	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.5	7	3.5	
###	301103	022311008490	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	3.2	6.75	
###	301104	022311009298	LƯƠNG THU	UYÊN	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.25	8.2	5	
###	301105	022311004582	NGÔ THẢO	UYÊN	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.5	7.2	5.25	
###	301106	022311013692	TRẦN NGUYỄN TỐ	UYÊN	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5.25	3.2	3.5	
###	301107	022311010383	VŨ THU	UYÊN	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.5	8.2	5.75	
###	301108	022311000932	ĐẶNG THỊ THANH	VÂN	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	5.4	7.25	
###	301109	022311005037	NGUYỄN THANH	VÂN	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.75	8.8	9.5	
###	301110	022311004891	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.75	3.6	3.25	
###	301111	022311001330	PHẠM THỊ THU	VÂN	15/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	5.75	8.4	3.25	
###	301112	025211000263	TẠ QUỐC	VIỆT	09/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	6.6	6.5	
###	301113	022211003818	VŨ ĐÌNH	VIỆT	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7	8	7.25	
###	301114	022211000428	VŨ VĂN	VIỆT	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6.75	8.2	8	
###	301115	022211004993	ĐỒNG THẾ	VINH	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	2.5	2.4	2	
###	301116	022211006732	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	VINH	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.5	7.8	6	
###	301117	022211000929	NGUYỄN TRỌNG	VINH	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.75	5.4	7.25	
###	301118	022211008590	BÙI HUY	VŨ	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.75	9.6	8.5	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
###	301119	022211008602	MAI HIỂN HẢI	VŨ	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	8.4	6.75	
###	301120	030211013545	NGUYỄN ANH	VŨ	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	9	7.5	
###	301121	022211005452	PHẠM NHỮ LONG	VŨ	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	4.75	2.6	4.25	
###	301122	022211007587	PHẠM VĂN ANH	VŨ	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	8.2	6.75	
###	301123	022211012823	HÁN QUỐC	VƯƠNG	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	3.5	4	4	
###	301124	022311001436	BÙI MINH	VY	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Mường	TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7	5.2	5	
###	301125	022311003891	BÙI NGỌC PHƯƠNG	VY	04/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	5.8	4.75	
###	301126	022311000747	ĐÀO NGUYỄN TRÀ	VY	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	7	8.25	
###	301127	022311007098	ĐÀO TƯỜNG	VY	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	7.75	8	6.75	
###	301128	022311009709	ĐẶNG TRỊNH TƯỜNG	VY	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.75	7.8	6.25	
###	301129	022311002257	ĐOÀN HẠ	VY	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	6.4	5.5	
###	301130	022311006608	ĐỖ NGỌC BẢO	VY	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.5	6.4	3.75	
###	301131	022311000579	HOÀNG KHÁNH	VY	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	4.4	5	
###	301132	022311001289	LƯU QUỲNH	VY	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.75	6.4	5.25	
###	301133	022311007300	NGUYỄN ĐOÀN TƯỜNG	VY	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6.5	4.8	5.75	
###	301134	022311006526	NGUYỄN HÀ	VY	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH,THCS và THPT Thực hành Sư phạm	Tiếng Anh	4.75	7.2	4.25	
###	301135	022311006797	NGUYỄN HÀ	VY	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	6	5.5	
###	301136	022311004189	NGUYỄN HÀ	VY	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.25	4.2	4.25	
###	301137	022311012107	NGUYỄN KIỀU	VY	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.25	5	3.75	
###	301138	022311009314	NGUYỄN PHẠM KHÁNH	VY	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	4.25	1.8	3	
###	301139	022311000592	NGUYỄN TRẦN HÀ	VY	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	5.6	4.5	
###	301140	022311004659	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	VY	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Uông Bí	Tiếng Anh	6	4.2	6.75	
###	301141	022311002407	NGUYỄN TRIỆU KHÁNH	VY	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7.5	5.6	8.5	
###	301142	022311008820	NGUYỄN TƯỜNG	VY	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.5	5.8	2.5	
###	301143	022311009284	NGUYỄN TƯỜNG	VY	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	8.25	8.8	3	
###	301144	022311008708	NGUYỄN VŨ HÀ	VY	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	7.25	9.4	8.25	
###	301145	022311002493	PHẠM KHÁNH	VY	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	8.8	6.75	
###	301146	038311002284	PHẠM KHÁNH	VY	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.75	4	3.25	

Đơn vị: THPT Uông Bí (22_HD_030)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
###	301147	022311008244	TỪ THẢO	VY	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	8	9.25	
###	301148	022311001115	VŨ NGUYỄN THẢO	VY	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	7.5	5.6	4.5	
###	301149	022311009116	VŨ TƯỜNG	VY	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	8.5	9.6	9.25	
###	301150	022311006730	PHẠM BẢO	XUÂN	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.75	9.6	7	
###	301151	022311000512	PHAN THANH	XUÂN	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	8.25	10	9	
###	301152	022311006453	TRƯƠNG MINH	XUÂN	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.75	4.4	5.75	
###	301153	022311010265	NGUYỄN NHƯ	Ý	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	7.25	8.2	4.25	
###	301154	040311007385	TRẦN THỊ VINH	YÊN	01/02/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	8	9.6	4.5	
###	301155	033311013853	BÙI THỊ HẢI	YẾN	05/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	0.75	2.4	0.75	
###	301156	022311000459	NGUYỄN HẢI	YẾN	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	6.75	8.4	7.25	
###	301157	022311012087	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	5.75	5.2	3.5	
###	301158	022311000946	PHẠM HẢI	YẾN	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	7	6.2	7.5	
###	301159	033311007346	TRẦN THỊ HẢI	YẾN	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	6	8.8	4.25	
###	301160	022311005952	VŨ BẢO	YẾN	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	5.5	3.6	4	
###	301161	022311004300	VŨ HẢI	YẾN	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Nam	Tiếng Anh	8	5.8	4.5	
###	301162	022311006290	VŨ MINH	YẾN	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Trần Quốc Toản - Uông Bí	Tiếng Anh	8	8.4	6.25	

(Danh sách này gồm có 1162 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Hoàng Văn Thụ (22_HD_031)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	310001	022211013978	ĐẶNG TRƯỜNG	AN	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	4	3.2	5	
2	310002	022311010693	NGUYỄN NGỌC BẢO	AN	06/10/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.5	3.6	5.25	
3	310003	022210007627	NGUYỄN THÁI	AN	01/12/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6	9.2	3.75	
4	310004	022211008324	PHẠM THÀNH	AN	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	4	2.4	4.25	
5	310005	022311009417	BÙI NGỌC	ANH	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.5	5.4	1.5	
6	310006	036311007710	BÙI PHƯƠNG	ANH	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	9.4	7.25	
7	310007	022311001338	ĐOÀN NGUYỄN LAN	ANH	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
8	310008	031311006326	HOÀNG NGỌC	ANH	13/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5.5	4.4	3.75	
9	310009	231211000103	LÊ HỒNG	ANH	21/01/2011	Nước ngoài	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4	4.2	3.25	
10	310010	022211007773	LÝ NHẬT	ANH	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	3	4	3	
11	310011	022311004469	LÝ THỊ HỒNG	ANH	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	6	2.8	3.75	
12	310012	034211014202	NGUYỄN HOÀNG	ANH	23/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.25	5	3.25	
13	310013	022311004417	NGUYỄN QUỲNH	ANH	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.5	8.4	3.25	
14	310014	022311002785	NGUYỄN THỊ HOÀNG	ANH	02/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	3.25	2.8	2.5	
15	310015	022211009543	NGUYỄN TUẤN	ANH	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	3.25	3.4	1.25	
16	310016	022211009800	NGUYỄN TUẤN	ANH	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4	2.8	1.25	
17	310017	022311005816	PHẠM BÙI NGỌC	ANH	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	6	4.6	5	
18	310018	022311007894	PHẠM HÀ	ANH	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.25	5	4	
19	310019	022311000889	PHẠM HOÀNG TRÚC	ANH	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	8.8	4	
20	310020	030211004894	PHƯƠNG KIM TÚ	ANH	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	4.8	4.25	
21	310021	022311006460	TÔ LAM	ANH	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.75	2.8	3.5	
22	310022	022211009461	TRẦN ĐỨC	ANH	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	1.75	4.6	6.25	
23	310023	022311004606	TRƯƠNG THỊ TUYẾT	ANH	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4	3.6	1.25	

Đơn vị: THPT Hoàng Văn Thụ (22_HD_031)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
24	310024	022311002205	VŨ PHƯƠNG	ANH	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	7.25	7.4	6	
25	310025	022311004479	CÙ NGỌC	ÁNH	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.5	8.4	7.75	
26	310026	022311001778	LÝ THỊ HỒNG	ÁNH	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5	3	4.25	
27	310027	022311005561	TRẦN NGỌC	ÁNH	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6	3.4	5	
28	310028	022311011322	TRIỆU NGỌC	ÁNH	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	7.75	3.2	5.5	
29	310029	022211010294	BÀN GIA	BẢO	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	2.25	2.8	2.75	
30	310030	022211010143	CHU GIA	BẢO	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.75	7.6	6	
31	310031	022210003807	HOÀNG GIA	BẢO	01/02/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5.5	5.4	2.5	
32	310032	022211013923	LÝ THIÊN	BẢO	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5	5.4	4.75	
33	310033	022211014815	NGÔ GIA	BẢO	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5.75	4.4	3.25	
34	310034	022211006455	NGUYỄN QUỐC	BẢO	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.75	6.8	6.75	
35	310035	022211009107	TRẦN GIA	BẢO	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.75	4.8	6.25	
36	310036	022311009549	ĐẶNG THỊ KHÁNH	BĂNG	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	3.75	4.4	2.75	
37	310037	022310008655	ĐẶNG THỊ	BÍCH	21/07/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5.25	2.6	1.5	
38	310038	022211009925	NGUYỄN HẢI	BÌNH	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.75	7.4	4.75	
39	310039	030211012463	TRỊNH THANH	BÌNH	11/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.25	8.2	5.25	
40	310040	002211009683	DƯƠNG TÀI	CAO	16/01/2011	Tỉnh Tuyên Quang	Nam	HMông	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	3	2.8	3.5	
41	310041	015311007225	NGUYỄN HOÀNG MINH	CHÂU	14/05/2011	Tỉnh Lào Cai	Nữ	Tày	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.25	4.6	3.25	
42	310042	022311010042	NGUYỄN TRẦN MINH	CHÂU	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	1.4	4	
43	310043	022311003011	NGHIÊM PHẠM LINH	CHI	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	7	6.4	5.5	
44	310044	022311004611	NGUYỄN KIM	CHI	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	3.8	3.25	
45	310045	022311001915	NGUYỄN QUỲNH	CHI	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.75	2.8	3	
46	310046	022311009236	PHẠM QUỲNH	CHI	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4	2.8	2.75	
47	310047	022311010996	TRƯƠNG QUẾ	CHI	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	8.2	6.75	
48	310048	022211004502	NGUYỄN TRỌNG	CHIẾN	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	3.5	4.4	1.25	

Đơn vị: THPT Hoàng Văn Thụ (22_HD_031)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
49	310049	022311009748	HỶ THỊ THÙY	CHINH	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.25	2.2	1.5	
50	310050	022311011087	TRIỆU THỊ ÁNH	CHƯỚC	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5.75	3.2	2.75	
51	310051	022211006015	ĐINH KHẮC KIÊN	CƯỜNG	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	6.25	5	3.25	
52	310052	022211004675	LÝ THẾ	CƯỜNG	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.5	7.6	1.75	
53	310053	022211001100	VŨ TRỌNG	CƯỜNG	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.5	6.6	3.25	
54	310054	022311011086	TRƯƠNG QUỲNH	DAO	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5.25	6.6	3.75	
55	310055	022311000893	ĐÀM THANH	DIỆP	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7	9.6	5.25	
56	310056	022311008619	VŨ NGỌC	DIỆP	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	5	4.25	
57	310057	022311011610	ĐẶNG THỊ BÍCH	DỊU	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4.5	3.2	1.25	
58	310058	034311006927	PHẠM THỊ KHÁNH	DOAN	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	7.25	3.6	3.5	
59	310059	022211013263	NGUYỄN CÔNG	DOANH	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	1.5	3.4	0.75	
60	310060	022311011297	ĐẶNG THỊ	DUNG	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.75	2.4	2	
61	310061	022311001199	NGUYỄN THỊ THANH	DUNG	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.75	5.8	4	
62	310062	022211010441	ĐẶNG VIỆT	DŨNG	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	8.6	4.25	
63	310063	022211003883	HÀ SẮM	DŨNG	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	2.75	2.8	1	
64	310064	022211001729	HOÀNG MẠNH	DŨNG	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	2.75	7	5.25	
65	310065	040211030739	NGUYỄN ĐÌNH	DŨNG	26/11/2011	Tỉnh Nghệ An	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	1.5	3.2	2.25	
66	310066	022211000944	NGUYỄN MẠNH	DŨNG	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.25	3	3	
67	310067	022211005099	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.75	5	4.75	
68	310068	022211003115	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.5	5.8	4.75	
69	310069	022211006739	VƯƠNG VIỆT	DŨNG	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.25	6.6	4.25	
70	310070	022211011414	TRƯƠNG VĂN	DUY	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
71	310071	022311011442	BÀN KHÁNH	DUYÊN	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	2.75	3.2	3.5	
72	310072	022311005901	LÊ MỸ	DUYÊN	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.5	3	7	
73	310073	022311009056	NGÔ ÁNH	DƯƠNG	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	5.75	3	4.25	

Đơn vị: THPT Hoàng Văn Thụ (22_HD_031)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
74	310074	022211005987	NGUYỄN THÁI	DƯƠNG	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	4.5	2.6	3.25	
75	310075	022311003758	NGUYỄN THỊ ÁNH	DƯƠNG	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.75	2.6	1.75	
76	310076	022311011148	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.5	8.4	4	
77	310077	022311010022	PHẠM ÁNH	DƯƠNG	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.5	4.8	5.75	
78	310078	022311004918	TRẦN THÙY	DƯƠNG	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7.5	5.2	5	
79	310079	036311008184	TRẦN YẾN	DƯƠNG	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.5	2	1	
80	310080	022311000947	VŨ THÙY	DƯƠNG	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7.75	3.4	3.5	
81	310081	022211013498	DƯƠNG CÔNG	ĐẠT	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	4.4	4.25	
82	310082	022211000913	ĐẶNG PHÚ	ĐẠT	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	6.5	6.6	7.75	
83	310083	022211010399	ĐỖ TIẾN	ĐẠT	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	2.5	2.8	1	
84	310084	022211002802	NGUYỄN THANH	ĐẠT	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7	5.8	4	
85	310085	031211020886	NGUYỄN TUẤN	ĐẠT	21/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	3.75	6.8	4.75	
86	310086	022211011199	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.5	8.6	5.25	
87	310087	022210007704	TRƯƠNG VĂN	ĐÔ	28/09/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	3.5	4.8	2	
88	310088	022211006956	BÙI DUY	ĐỨC	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	6.4	7.25	
89	310089	022211010581	CHU VĂN	ĐỨC	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6.25	3.4	6.75	
90	310090	022211013309	ĐỖ MINH	ĐỨC	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	3	6.8	3.5	
91	310091	022211005327	LÊ ANH	ĐỨC	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4	5	2.75	
92	310092	022211005552	NGUYỄN MINH	ĐỨC	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	7.2	4.75	
93	310093	022211001504	PHAN ANH	ĐỨC	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6.5	6	4.75	
94	310094	022210012404	TRIỆU VĂN	ĐỨC	11/08/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
95	310095	022311004636	NGUYỄN HÀ	GIANG	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5	6.6	2.25	
96	310096	022211000772	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6	4.8	4.25	
97	310097	022311005204	PHẠM HƯƠNG	GIANG	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	8	3.2	4	
98	310098	022311012439	TRỊNH TRÀ	GIANG	17/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	3.25	5.8	5.75	

Đơn vị: THPT Hoàng Văn Thụ (22_HD_031)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
99	310099	022311000895	VŨ HƯƠNG	GIANG	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.25	1.6	2.5	
100	310100	022311012256	ĐẶNG HẢI	HÀ	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	4.25	2.6	1.5	
101	310101	022311005129	ĐẶNG THỊ KIM	HÀ	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	6.5	2.2	3.5	
102	310102	022311000945	HOÀNG NGỌC	HÀ	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	2.6	2.5	
103	310103	034311010365	LÊ NGỌC	HÀ	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7.25	3.6	4.5	
104	310104	022311002528	LÊ THU	HÀ	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.5	2.8	3	
105	310105	022310004277	NGUYỄN PHẠM THU	HÀ	28/09/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	3.75	4.4	1	
106	310106	024311013420	NGUYỄN THỊ HỒNG	HÀ	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.75	6.4	4.5	
107	310107	022311010668	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4.25	2.4	2.5	
108	310108	030311014319	VŨ THỊ NGÂN	HÀ	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	4.6	6.25	
109	310109	022211007341	CAO THANH	HẢI	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	5.5	3.8	4.75	
110	310110	022211013471	ĐỖ XUÂN	HẢI	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.25	3.8	4.5	
111	310111	022211003256	LÊ HOÀNG	HẢI	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5	3.2	3.75	
112	310112	022211006398	NGUYỄN ĐỨC	HẢI	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	4	4.25	
113	310113	022211006235	NGUYỄN HOÀNG	HẢI	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	2.8	2.5	
114	310114	022211004596	NGUYỄN TUẤN	HẢI	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	2.75	3.6	5.75	
115	310115	022211010092	PHẠM ĐỨC	HẢI	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4.75	3.4	3.5	
116	310116	022311008909	PHẠM PHƯƠNG	HẢI	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7.5	7.6	5	
117	310117	022211003472	PHẠM TRẦN NGỌC	HẢI	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Trần Quốc Toản - Uông B	Tiếng Anh	2.5	5.8	4.75	
118	310118	022211013338	VŨ NGỌC	HẢI	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.5	4.8	4.25	
119	310119	022311011733	TRẦN MỸ	HẠNH	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7	9.2	7.25	
120	310120	022211002429	NGUYỄN DUY	HÀO	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.75	7.6	2.75	
121	310121	022311007789	ĐỖ THANH	HẰNG	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5	3	3.75	
122	310122	022311007903	PHẠM NGUYỄN ANH	HẰNG	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	5.75	3.8	3.75	
123	310123	024311010954	VŨ HOÀNG MINH	HẰNG	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.75	4.6	1.5	

Đơn vị: THPT Hoàng Văn Thụ (22_HD_031)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
124	310124	022311004022	VŨ THỊ THU	HẰNG	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	8	9.4	7	
125	310125	022311004422	NGUYỄN NGỌC	HÂN	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.25	5.2	4.25	
126	310126	022311001942	NGUYỄN NGỌC	HÂN	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	5.75	2.8	4.75	
127	310127	022311010146	TRƯƠNG NGỌC	HÂN	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4.5	4	4.25	
128	310128	022311007099	TRƯƠNG THỊ NGỌC	HÂN	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4	4	1.5	
129	310129	022311009472	ĐINH THỊ THU	HIỀN	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	7.2	5	
130	310130	022311002278	ĐINH THU	HIỀN	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	2	5.6	3	
131	310131	022311005148	NGUYỄN THẢO	HIỀN	09/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5	4.8	3.5	
132	310132	022311004758	NGUYỄN THÚY	HIỀN	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7	6.4	4.5	
133	310133	022211007204	HOÀNG NGỌC	HIẾU	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	7.6	2.25	
134	310134	022211008704	NGHIÊM MINH	HIẾU	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.5	5.8	3.75	
135	310135	022211012528	NGUYỄN TRÍ ĐÌNH	HIẾU	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	5	4.2	5.75	
136	310136	022211013310	VŨ ĐĂNG	HIẾU	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	2.5	2.2	2	
137	310137	022311007310	LÊ MAI	HOA	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.25	5.6	3.25	
138	310138	022311001737	TRƯƠNG THỊ	HOA	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.25	5	2.25	
139	310139	022311003995	TRƯƠNG THỊ MỸ	HOA	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	3.75	3.2	2.75	
140	310140	022311002127	LÊ MINH	HÒA	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	2.75	3	2.75	
141	310141	022211007755	TRƯƠNG VĂN	HOAN	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	0.25	4.6	1	
142	310142	022211013206	BÙI VIỆT	HOÀNG	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5	7.8	4.25	
143	310143	022211010990	ĐÀO HUY	HOÀNG	06/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.75	9.8	8	
144	310144	022211011246	ĐỖ MINH	HOÀNG	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6	4.6	4.25	
145	310145	022211012382	ĐỒNG XUÂN	HOÀNG	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.75	8	5	
146	310146	034211000416	NGUYỄN HUY	HOÀNG	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.25	3.4	3.75	
147	310147	022211005476	NGUYỄN HUY	HOÀNG	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6	6.4	4.5	
148	310148	022211005823	NGUYỄN MINH	HOÀNG	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	2	4.6	4	

Đơn vị: THPT Hoàng Văn Thụ (22_HD_031)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
149	310149	022211009669	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7.5	9.6	8.25	
150	310150	022211014696	TRẦN THÁI	HOÀNG	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5	7	4.5	
151	310151	030211002105	TRẦN TIẾN	HOÀNG	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	5	4.5	
152	310152	022211009600	LẠI TUẤN	HÙNG	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	3	3.6	4.75	
153	310153	022210001974	TRƯƠNG YẾN	HÙNG	28/02/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	2	2.8	2	
154	310154	022211003842	ĐỖ GIA	HUY	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5	3	3.75	
155	310155	022211013971	ĐỖ QUANG	HUY	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6.25	5.2	4.75	
156	310156	022211004427	HOÀNG MINH	HUY	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.75	4.8	5.25	
157	310157	022211009061	HOÀNG VĂN	HUY	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4	4.8	3	
158	310158	022211006242	LÝ KHÁNH	HUY	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	6.25	6.6	4.5	
159	310159	022211000749	NGUYỄN GIA	HUY	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.5	6.8	3.25	
160	310160	022211011586	PHẠM QUANG	HUY	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5	7.2	8.5	
161	310161	022211006521	TRẦN GIA	HUY	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6	4.2	4	
162	310162	022211000899	VŨ ĐỨC	HUY	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5	3.4	2.25	
163	310163	022311007657	BÙI KHÁNH	HUYỀN	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4.5	4.8	2.75	
164	310164	022311010640	NGUYỄN THANH	HUYỀN	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.5	4.2	0.75	
165	310165	022311004957	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.75	4.6	3	
166	310166	030311011334	VƯƠNG KHÁNH	HUYỀN	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.75	4.8	5.75	
167	310167	022211005887	BÙI TIẾN	HƯNG	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	2.5	2	3.25	
168	310168	022210011999	HOÀNG GIA	HƯNG	01/02/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4.5	3	3	
169	310169	022211003160	VŨ ĐÌNH	HƯNG	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	2	5	3.25	
170	310170	022311008982	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6.25	1.8	4.5	
171	310171	033311012726	NGUYỄN PHẠM THIÊN	HƯƠNG	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7	4.4	4.25	
172	310172	022311008978	NGUYỄN THỊ THANH	HƯỜNG	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7	9.2	7.25	
173	310173	035211009453	NGUYỄN MINH	HƯỞNG	08/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	4.6	4.75	

Đơn vị: THPT Hoàng Văn Thụ (22_HD_031)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
174	310174	017211005683	NGUYỄN HOÀNG THÁI	KHANG	29/04/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam	Mường	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	2	2.8	1.5	
175	310175	034211017374	TRẦN LÊ MINH	KHANG	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.5	6.2	3.5	
176	310176	022211002965	TRƯƠNG TUẤN	KHANG	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	1.75	4.6	2	
177	310177	022211006199	NGUYỄN HỮU	KHÁNH	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.5	8.2	6.75	
178	310178	022211005412	NGUYỄN LƯU GIA	KHÁNH	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.75	8	7	
179	310179	022211000900	PHẠM NAM	KHÁNH	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.75	6.6	5.5	
180	310180	022211006822	ĐẶNG VŨ TIẾN	KHOA	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7.25	10	7.75	
181	310181	022211007302	TRƯƠNG VĂN	KHOA	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	0.75	3.8	0.75	
182	310182	022211000947	NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.75	4	4	
183	310183	022211003868	PHẠM ĐĂNG	KHÔI	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	7	4.2	5	
184	310184	022211001933	ĐẶNG HIẾU	KIÊN	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7	9.6	7.5	
185	310185	022211010000	HOÀNG TRUNG	KIÊN	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6.5	6	5.25	
186	310186	022211004882	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	5	5	3.25	
187	310187	022211005191	TRƯƠNG TUẤN	KIỆT	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	6	5.6	4.25	
188	310188	022311008339	NGUYỄN PHƯƠNG	LAN	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	3	5.25	
189	310189	022211007883	ĐỖ QUANG	LÂM	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	3.5	2.6	3	
190	310190	022311005581	KHÚC NGUYỄN MAI	LÂM	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7	7.2	6.75	
191	310191	022211008130	LÝ BẢO	LÂM	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	7.5	4.4	5.25	
192	310192	022311002799	TRẦN BẢO	LÂM	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	2.75	1.4	0.75	
193	310193	022311009578	NGÔ BẢO	LIÊN	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7	8	6.25	
194	310194	022311003284	BÀN THÙY	LINH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5	4	1	
195	310195	022311012103	BÙI PHƯƠNG	LINH	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.25	7	4.75	
196	310196	022311009175	DOÃN VŨ PHƯƠNG	LINH	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	4.25	4	3.75	
197	310197	022311011267	LƯU THÙY	LINH	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.25	10	8.25	
198	310198	022311010731	NGUYỄN BẢO	LINH	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.25	6.6	8.75	

Đơn vị: THPT Hoàng Văn Thụ (22_HD_031)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
199	310199	022311002110	NGUYỄN HÀ	LINH	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.5	7.8	2.25	
200	310200	022311005757	NGUYỄN KHÁNH	LINH	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5.5	4.6	2.5	
201	310201	022311003028	NGUYỄN LÊ DIỆU	LINH	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	2.75	4.2	1.75	
202	310202	022311009035	NGUYỄN NGỌC	LINH	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.5	9.2	5.75	
203	310203	022311007297	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	5	5.6	4.25	
204	310204	022311000805	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	8.4	4.5	
205	310205	022311009166	PHẠM HẢI	LINH	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7	8	4.75	
206	310206	022311004997	PHẠM KHÁNH	LINH	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	2.25	3.8	4.25	
207	310207	022311005049	PHẠM KHÁNH	LINH	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	8	4.75	
208	310208	022311009130	QUÁCH DIỆU	LINH	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Mường	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	3.75	2.6	2.5	
209	310209	022210001728	TRẦN DƯƠNG	LINH	21/07/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	1.75	3.2	0.75	
210	310210	022311010754	TRẦN HÀ	LINH	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7.5	9.4	5.75	
211	310211	022311000939	TRẦN KHÁNH	LINH	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.5	3.8	3.25	
212	310212	022311003334	TRƯƠNG NGỌC	LINH	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	6	3.6	3.75	
213	310213	022311001716	VŨ HẢI	LINH	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	4.5	2.4	3.25	
214	310214	022311005779	ĐẶNG THỊ NHƯ	LOAN	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.25	5	1.5	
215	310215	030211012408	CAO HẢI	LONG	24/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.75	9	6	
216	310216	022211001740	LÝ PHI	LONG	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	1.75	2.4	1	
217	310217	022211010638	TRƯƠNG BẢO	LONG	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4.5	4.2	2.25	
218	310218	022211008984	TRƯƠNG HOÀNG	LONG	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	2.75	3.8	1.25	
219	310219	022211003151	BÀN TẤN	LỘC	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4	3	2	
220	310220	022311002494	NGUYỄN KHÁNH	LY	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.75	6.6	4.5	
221	310221	022311011781	NGUYỄN PHƯƠNG	LY	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	8.4	4.5	
222	310222	022311008341	NGUYỄN THẢO	LY	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	4.5	3.2	3.5	
223	310223	022311007511	NGUYỄN HIỀN	MAI	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5	7.2	4.75	

Đơn vị: THPT Hoàng Văn Thụ (22_HD_031)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
224	310224	031211014856	CHU DANH	MẠNH	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5	4.8	3.5	
225	310225	022211002912	ĐÀM HỮU	MẠNH	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	5.6	4.75	
226	310226	022211013438	NGUYỄN THẾ	MẠNH	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.25	4	3.25	
227	310227	022211007087	PHẠM ĐỨC	MẠNH	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5	3.4	3.5	
228	310228	022211013081	ĐÀO NHẬT	MINH	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5	9.2	6	
229	310229	022211002974	ĐỖ QUANG	MINH	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4	9	5	
230	310230	022211012368	LÊ ANH	MINH	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	7.25	6	6.75	
231	310231	022211004379	LƯU ĐỨC GIA	MINH	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.75	8	8.5	
232	310232	022211009652	NGUYỄN BÌNH	MINH	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.75	6.8	5.75	
233	310233	022211004879	NGUYỄN HẢI	MINH	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	4.5	3.4	6.25	
234	310234	022211010950	NGUYỄN TIẾN	MINH	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6.25	8	4	
235	310235	022211000917	PHẠM BÌNH	MINH	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.5	3.8	6	
236	310236	034211017118	TÔ NHẬT	MINH	21/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	5	4.5	
237	310237	022311002441	BÙI THỊ TRÀ	MY	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	4.5	2	3.75	
238	310238	006311002163	LA THỊ TRÀ	MY	03/12/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nữ	Tày	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	2.5	3.8	3	
239	310239	034311007387	NGUYỄN NGỌC TRÀ	MY	14/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	4.6	4.25	
240	310240	022311000558	NGUYỄN TRÀ	MY	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6	3	4	
241	310241	022211001611	ĐÀO HẢI	NAM	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	2.25	3	3.5	
242	310242	001211075534	ĐẶNG BẢO	NAM	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.25	4.2	3.25	
243	310243	022211006752	LƯU THÀNH	NAM	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.25	4.6	5	
244	310244	022211007622	NGÔ HỮU	NAM	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	6	5.5	
245	310245	030211018540	NGUYỄN THÀNH	NAM	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7.25	7.6	4.25	
246	310246	022211004318	TẠ THIỆN	NAM	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	3	3.6	1.5	
247	310247	022211007433	TRẦN BẢO	NAM	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	2	2.4	2	
248	310248	001311047876	ĐỖ THỊ NGUYỆT	NGA	07/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5.75	2.4	4.75	

Đơn vị: THPT Hoàng Văn Thụ (22_HD_031)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
249	310249	022311001378	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7.25	4.4	6.5	
250	310250	033311000140	ĐINH THÙY	NGÂN	07/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	8	6.5	
251	310251	022311002874	PHAN THỊ BẢO	NGÂN	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7.25	7.2	7.25	
252	310252	034311009018	TẠ HOÀNG	NGÂN	13/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.75	7	7.25	
253	310253	034211008649	VŨ MẠNH	NGÂN	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6	2.4	4.5	
254	310254	022211003328	CAO TRUNG	NGHĨA	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7.25	8.8	4.75	
255	310255	022211009255	ĐÀM QUANG	NGHĨA	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	4.5	2.8	4.25	
256	310256	022311008781	ĐẶNG THANH	NGOAN	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	6	7.8	2.5	
257	310257	022311009788	ĐÀO BẢO	NGỌC	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7.5	3.6	3.5	
258	310258	022311008268	ĐINH THỊ MINH	NGỌC	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	5	2.2	4	
259	310259	022311007256	LÝ BÍCH	NGỌC	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5	6.6	2.5	
260	310260	022311005358	LÝ MINH	NGỌC	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5.25	3.4	2.25	
261	310261	022311006495	NGUYỄN BẢO	NGỌC	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	8	9.6	6.5	
262	310262	022311005108	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	7.5	5.8	4.5	
263	310263	022311010608	VŨ ÁNH	NGỌC	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	2.25	8.6	4	
264	310264	022211000949	ĐOÀN SỸ	NGUYÊN	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5	5.2	4.5	
265	310265	022311004379	NGUYỄN THẢO	NGUYÊN	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	8	2	4.25	
266	310266	022311011293	TRƯƠNG THẢO	NGUYÊN	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5.25	2.6	1.75	
267	310267	022311000502	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	5.25	4.4	3.5	
268	310268	022311010093	TRIỆU THỊ NGUYÊN	NHAN	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	3.5	4.8	3.5	
269	310269	022211010435	ĐOÀN TRẦN NĂNG	NHẬT	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6.5	7.6	5.75	
270	310270	022311003351	ĐINH TUYẾT	NHI	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5	4.8	3.75	
271	310271	034311009703	ĐOÀN PHƯƠNG	NHI	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.5	9.6	6.75	
272	310272	022311012935	NGUYỄN YẾN	NHI	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	7.5	2.2	5.75	
273	310273	022311008066	PHẠM NGỌC	NHI	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	4.5	6.4	5	

Đơn vị: THPT Hoàng Văn Thụ (22_HD_031)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
274	310274	022311012207	TRẦN ĐỖ BẢO	NHI	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.75	9.4	8.75	
275	310275	022311012490	TRƯƠNG BẢO	NHI	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	3.25	6.2	2	
276	310276	022311000894	TRƯƠNG THỊ YẾN	NHI	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	6	8.4	4	
277	310277	022311006591	VŨ THẢO	NHI	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	2.5	2.2	1.5	
278	310278	034311001130	PHẠM QUỲNH	NHƯ	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.5	4.4	3	
279	310279	022311009096	VŨ ĐẶNG QUỲNH	NHƯ	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	3.5	4	1.5	
280	310280	022211004713	PHAN HẢI	NINH	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	3	4.6	2.75	
281	310281	022311011096	ĐẶNG THỊ LÂM	OANH	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4	2.8	4.75	
282	310282	022211010260	LÊ BẰNG	PHI	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.75	9.2	8.75	
283	310283	022211013513	TRƯƠNG TUẤN	PHI	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	1	3.2	1	
284	310284	022211012747	HOÀNG HẢI	PHONG	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	3.75	3.2	2	
285	310285	022211013705	LƯU GIA	PHONG	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	5.5	3.8	3	
286	310286	022211010900	LÝ TUẤN	PHONG	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	3.75	3	1.75	
287	310287	022211006508	NGUYỄN VŨ	PHONG	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.75	3	1.5	
288	310288	022211012190	TRƯƠNG QUỐC	PHONG	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	2.75	2.2	1	
289	310289	022211010246	TRƯƠNG TAM	PHONG	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	0.5	2.6	2.5	
290	310290	022211000986	VŨ LÂM	PHONG	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	3.25	7.4	4.25	
291	310291	022211008892	TRƯƠNG ĐẠI	PHÚ	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4.25	6.4	4	
292	310292	022211010297	VŨ TẤN	PHÚ	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	3.25	5	3.25	
293	310293	022211008281	ĐỖ HỮU	PHÚC	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.75	5.8	3.5	
294	310294	022211011601	HOÀNG GIA	PHÚC	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	7	9.2	4.5	
295	310295	066211008762	LÊ XUÂN	PHÚC	30/10/2011	Tỉnh Đắk Lắk	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4	6	3.75	
296	310296	022211005340	NGUYỄN GIA	PHÚC	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	6	4.2	3.5	
297	310297	034211012876	PHẠM DUY	PHÚC	07/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4	4.4	3	
298	310298	022211000904	PHẠM DUY	PHÚC	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	7.4	8	

Đơn vị: THPT Hoàng Văn Thụ (22_HD_031)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
299	310299	022311000867	ĐẶNG NINH	PHƯƠNG	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.5	3.6	1.25	
300	310300	022311012682	NGUYỄN LAN	PHƯƠNG	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	4.8	1.75	
301	310301	022211005486	ĐỖ NHẬT	QUANG	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	5	3.2	4	
302	310302	022211004357	NGUYỄN HỮU	QUANG	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5.25	5.4	2.5	
303	310303	022211007959	PHÙNG MINH	QUANG	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4	8.6	7.75	
304	310304	022211009337	ĐỖ HOÀNG	QUÂN	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	2	5.4	5.25	
305	310305	022311012465	HOÀNG THỤY	QUÂN	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.5	7.8	4	
306	310306	022211002441	PHẠM HẢI	QUÂN	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.25	4	4	
307	310307	034311010196	TRƯƠNG HOÀNG	QUYÊN	03/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.25	4.6	4.25	
308	310308	022211005571	HÀ SẮM	QUYẾT	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	3	3.4	1	
309	310309	022211008482	TRƯƠNG VĂN	QUYẾT	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	6	5.4	3.5	
310	310310	022211007948	NGUYỄN THÁI	SƠN	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6	6.4	4.5	
311	310311	022211004377	TRIỆU XUÂN	TẠO	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	2	3.6	2	
312	310312	030311000163	BÙI THỊ THANH	TÂM	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	6.25	2.8	4.5	
313	310313	022311012819	PHẠM THANH	TÂM	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.75	9.8	6	
314	310314	022311005657	TRƯƠNG TUỆ	TÂM	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4.25	5.2	1.5	
315	310315	022211007954	NGUYỄN MINH	TÂN	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	2.75	4.4	1.75	
316	310316	022311005681	ĐỖ THANH	THANH	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6	3.6	4	
317	310317	022311012473	NGUYỄN THỊ HOÀI	THANH	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5	8.6	1.75	
318	310318	022311004857	HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	6.25	8	5.25	
319	310319	022311011824	LƯƠNG THANH	THẢO	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.5	6	6.5	
320	310320	033311004730	PHẠM THỊ THANH	THẢO	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6.5	3.4	5.75	
321	310321	034311011903	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	3.75	9	3.25	
322	310322	022311007434	TRỊNH HƯƠNG	THẢO	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.5	9.6	8.25	
323	310323	022211003058	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5	9.4	3.25	

Đơn vị: THPT Hoàng Văn Thụ (22_HD_031)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
324	310324	022211001574	NGUYỄN ANH	THIỆN	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	6	5.75	
325	310325	022211000014	PHẠM ĐÌNH	THIỆN	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.75	7.2	3.5	
326	310326	022211010182	PHẠM VĂN	THỊNH	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	6.8	3.25	
327	310327	022311005838	VŨ THỊ	THƠM	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.75	3.8	2.5	
328	310328	022311001355	BÙI THANH	THU	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	5.25	3.2	3.25	
329	310329	022311000610	NGUYỄN BÁCH	THỦY	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	3.75	2.4	2.75	
330	310330	022311001215	PHẠM THU	THỦY	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.5	6.4	5.75	
331	310331	022311007086	TRƯƠNG KIM	THUYỀN	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	6.75	4.2	1.5	
332	310332	022311011708	ĐẶNG THỊ NGỌC	THƯ	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5.75	5.8	2	
333	310333	022311004819	HẠ KHÁNH	THƯ	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4.75	2	2.25	
334	310334	022311007292	LẠI HÀ ANH	THƯ	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7.5	9.8	7	
335	310335	022311003833	LÂM ÁNH	THƯ	26/06/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.25	3.4	1.75	
336	310336	022311002368	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	3.75	4.8	4.5	
337	310337	022311003993	TRIỆU THỊ ANH	THƯ	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	2	2	2	
338	310338	034311002810	VŨ THỊ MINH	THƯ	12/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5	3.2	3	
339	310339	022211004482	NGUYỄN TRÍ	THỨC	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	2.75	3.8	2	
340	310340	022311006508	BÙI NGUYỄN NGỌC	THƯƠNG	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4.5	4	4.5	
341	310341	022211004580	ĐẶNG CÔNG	THƯƠNG	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4	4	3.25	
342	310342	008311007859	TRẦN THỊ ÁNH	THƯƠNG	02/01/2011	Tỉnh Tuyên Quang	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.5	5.2	3.75	
343	310343	022211006096	NGUYỄN XUÂN	THƯỞNG	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	1.5	3.4	2.25	
344	310344	022311010421	TRẦN NGỌC BẢO	THY	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	4.75	4.6	4	
345	310345	022211012399	NGUYỄN DUY	TIẾN	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4.5	2.8	6	
346	310346	022211006232	LÝ VĂN	TOẠI	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4.75	3.8	2.25	
347	310347	022211000959	TRẦN QUỐC	TOẢN	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	3.5	3.4	4.5	
348	310348	022311004403	TRƯƠNG THỊ	TRÀ	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.75	4.2	3.75	

Đơn vị: THPT Hoàng Văn Thụ (22_HD_031)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
349	310349	006311000054	BẾ VŨ	TRANG	10/12/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nữ	Tày	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	3.6	2.25	
350	310350	022311004820	ĐINH HUYỀN	TRANG	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	2.5	5.6	3.5	
351	310351	022311007407	ĐINH HUYỀN	TRANG	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	6.5	6.4	4.25	
352	310352	022311006554	NGUYỄN HÀ	TRANG	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	4.8	6.75	
353	310353	022311010317	NGUYỄN MAI	TRANG	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.75	4.6	4	
354	310354	022311006085	NHÂM BẢO	TRANG	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	8.5	9.6	7.5	
355	310355	022311010128	PHẠM QUỲNH	TRANG	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4.5	2.8	1.25	
356	310356	022311010566	TÔ DIỆU	TRANG	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.75	3.8	5.25	
357	310357	022311005666	VŨ THU	TRANG	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	2.5	2.2	2	
358	310358	034311014769	LÊ THỊ THÙY	TRÂM	10/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.75	6.2	5.5	
359	310359	022311002581	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7	6.4	5.75	
360	310360	022211012641	HOÀNG LONG	TRẦN	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	2	1.4	1.75	
361	310361	022211002087	BÙI ĐỨC	TRỌNG	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	3.75	7	4.25	
362	310362	022211003521	NGUYỄN BẢO	TRỌNG	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	4.25	5	3.5	
363	310363	022211011090	NGUYỄN QUỐC	TRỌNG	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5	5	5	
364	310364	022211002380	PHẠM ĐÌNH	TRỌNG	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	4.5	5	6.75	
365	310365	022311006246	ĐÀO PHẠM THANH	TRÚC	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	5.25	5	4.5	
366	310366	022311002591	ĐỖ THANH	TRÚC	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	2.5	3.4	1	
367	310367	022311007274	NGÔ THANH	TRÚC	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	8.8	8	
368	310368	022311009479	TRẦN TÂM	TRÚC	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.25	6.4	4.5	
369	310369	022311008039	TRƯƠNG THỊ THANH	TRÚC	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	2.75	2.8	1.5	
370	310370	022211009968	BÙI THẾ	TRUNG	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	2.75	2.4	2	
371	310371	034211016999	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7	2.4	4	
372	310372	022211010263	PHẠM PHÚC	TRUNG	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	1.75	2.2	5.75	
373	310373	022211013246	ĐINH QUẢNG	TRƯỜNG	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	3.5	4.4	2	

Đơn vị: THPT Hoàng Văn Thụ (22_HD_031)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
374	310374	022211012192	HOÀNG ANH	TÚ	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Trưng Vương	Tiếng Anh	5	3.2	3	
375	310375	022211013231	NGUYỄN TUẤN	TÚ	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6	4.8	2.25	
376	310376	022211013688	NGUYỄN ANH	TUẤN	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.5	5.4	4	
377	310377	022211012637	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7	9.6	7	
378	310378	022211002340	DƯƠNG DUY	TÙNG	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	2.75	3.2	2	
379	310379	022211012937	ĐẶNG NGUYỄN ĐỨC	TÙNG	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	5	3.5	
380	310380	022211011134	NGUYỄN QUANG	TÙNG	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.5	4	2.5	
381	310381	022211005507	PHẠM CAO	UY	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	4.25	3.6	3.25	
382	310382	022311001546	VŨ DƯƠNG NHẬT	UY	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	6	3.6	2.75	
383	310383	022311008685	BÙI THU	UYÊN	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	3.8	4.75	
384	310384	022311006769	LÝ THẢO	UYÊN	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	1.5	3.6	2.25	
385	310385	022211001296	ĐINH VIẾT HOÀI	VĂN	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5.75	2.8	3.25	
386	310386	022311000942	ĐINH THỊ QUỲNH	VÂN	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	7	5.25	
387	310387	022311007693	HOÀNG HẢI	VÂN	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	5.5	3.6	5.5	
388	310388	034311017184	NGÔ THANH	VÂN	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	3.75	5.2	2.75	
389	310389	022311004647	NGUYỄN THỊ THẢO	VÂN	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	6.75	5	4.75	
390	310390	022311005851	PHẠM NGỌC	VÂN	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	4.75	3.6	2.25	
391	310391	022311003532	TRƯƠNG THỊ CẨM	VÂN	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4.5	2.2	3	
392	310392	022311013105	TRẦN THỊ HỒNG	VIÊN	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	3.75	6	1.5	
393	310393	034211015719	BÙI ĐỨC	VIỆT	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	3	4.5	
394	310394	022211005928	BÙI VĂN	VIỆT	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	1.5	3.8	2	
395	310395	022211005055	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VINH	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nam Khê	Tiếng Anh	2.5	2.8	1	
396	310396	022211006227	PHẠM MINH	VŨ	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	1.25	4.4	0.5	
397	310397	022311012317	BÀN THỊ HẠ	VY	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4	3.6	3	
398	310398	022311010350	ĐẶNG THẢO	VY	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5.25	4.6	3.5	

Đơn vị: THPT Hoàng Văn Thụ (22_HD_031)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
399	310399	001311019422	NGUYỄN PHƯỚC KHÁNH VY		28/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7.75	9.4	8.75	
400	310400	022311003755	NGUYỄN YẾN	VY	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	4	2.2	2	
401	310401	022311006143	TRIỆU PHƯƠNG	VY	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	6	7	5	
402	310402	022311005377	TRƯƠNG TẠ TƯỜNG	VY	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	4.75	4.4	3	
403	310403	022311004306	TRƯƠNG THỊ NGỌC	VY	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5	5.2	4.75	
404	310404	022211005466	ĐẶNG CHÍ	VỸ	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.25	5.2	2.5	
405	310405	022211002222	TRẦN GIA	VỸ	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	2.25	3.6	3.5	
406	310406	022311010216	LÝ QUỲNH	XAN	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	5.25	2	3.25	
407	310407	022311006477	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	XUÂN	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	7.5	6.4	5	
408	310408	022311005277	TRƯƠNG THỊ THANH	XUÂN	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Dao	TH và THCS Yên Tử	Tiếng Anh	6	3.2	2.5	
409	310409	022311002320	ĐỖ NHƯ	YẾN	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	7.5	9.2	6.5	
410	310410	022311007831	NGUYỄN NGỌC	YẾN	24/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Bắc Sơn	Tiếng Anh	3.5	3.6	3.5	
411	310411	022311007656	PHẠM HẢI	YẾN	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5.75	6.6	1.25	
412	310412	022311006810	PHẠM LÊ HẢI	YẾN	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh	5	3	5	

(Danh sách này gồm có 412 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	320001	022311009154	ĐỖ HOÀI	AN	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.25	7.8	4.25	
2	320002	001211039841	ĐỖ KHÁNH	AN	19/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.75	8.2	4.5	
3	320003	022311000366	LÊ NGUYỄN PHÚC	AN	09/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	7	7	
4	320004	022311007921	MAI THÙY	AN	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	7.6	3.75	
5	320005	040311003243	NGUYỄN BẢO	AN	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.25	6.8	4	
6	320006	022211004523	NGUYỄN BÌNH	AN	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	7.6	4.5	
7	320007	034211000225	NGUYỄN DUY	AN	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	6	6	
8	320008	034211000288	NGUYỄN ĐÀO BÌNH	AN	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	7.8	6	
9	320009	040211035809	NGUYỄN HỮU TRƯỜNG	AN	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.75	9.2	9	
10	320010	022311001340	NGUYỄN NGỌC	AN	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	8.8	4.25	
11	320011	022211012180	NGUYỄN PHÚC	AN	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	8.8	7	
12	320012	022211013398	PHẠM NGUYỄN KHÁNH	AN	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5	6.2	5.25	
13	320013	022211001825	VŨ QUỐC	AN	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.5	5	3.25	
14	320014	022311010021	BÙI HẢI	ANH	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	8.75	9.6	8.75	
15	320015	022311000369	BÙI PHƯƠNG	ANH	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	9.2	8.5	
16	320016	022311007699	BÙI QUỲNH	ANH	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8.25	9.4	7	
17	320017	030311007099	ĐÀO DIỆP	ANH	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8	9.2	5.75	
18	320018	030311002022	ĐÀO PHƯƠNG MỸ	ANH	10/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	7.8	5.75	
19	320019	022311012359	ĐINH BẢO	ANH	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	8.8	5.5	
20	320020	030211010795	ĐINH ĐỨC	ANH	20/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	8.6	7	
21	320021	022211011434	ĐOÀN PHAN	ANH	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	3	3.4	1.5	
22	320022	022311006480	HÀ PHƯƠNG	ANH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	6.2	5.25	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
23	320023	022211008614	HÀ VIỆT	ANH	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	6.4	5	
24	320024	022311011717	HOÀNG LAN	ANH	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	6.8	7.25	
25	320025	036311000162	HOÀNG PHƯƠNG	ANH	01/08/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	8.2	6.75	
26	320026	022211013355	HOÀNG TRUNG	ANH	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	5.8	7.5	
27	320027	022311000332	LÊ QUỲNH	ANH	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	8.6	5.25	
28	320028	022311006906	LƯU HẢI	ANH	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	3.4	4.75	
29	320029	022211009164	MAI NGỌC ĐỨC	ANH	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	9.8	9	
30	320030	022311008455	NGÔ DIỄM THẢO	ANH	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.25	8.2	7	
31	320031	030211001848	NGÔ DOÃN TUẤN	ANH	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	7.2	7	
32	320032	022311002371	NGÔ HOÀI	ANH	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	3.5	2.6	1.25	
33	320033	022211006880	NGÔ THẾ	ANH	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	6	6.5	
34	320034	022311008879	NGUYỄN DIỆP	ANH	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	9.2	7	
35	320035	022211007466	NGUYỄN ĐỨC	ANH	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	7.4	7	
36	320036	022211001840	NGUYỄN ĐỨC	ANH	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4	2	1.5	
37	320037	022311001057	NGUYỄN HOÀI	ANH	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	7.4	5.5	
38	320038	022311003131	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	ANH	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	8.8	4.75	
39	320039	022311002639	NGUYỄN HỒNG	ANH	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.75	8.8	8	
40	320040	022311004473	NGUYỄN KIỀU	ANH	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	8.4	7.5	
41	320041	022311006469	NGUYỄN KIM	ANH	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	8.8	6.5	
42	320042	022311010759	NGUYỄN MINH	ANH	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	9.2	6.75	
43	320043	022311011185	NGUYỄN MINH	ANH	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	8	8.8	5.25	
44	320044	022311004341	NGUYỄN MINH	ANH	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	4.6	3.25	
45	320045	022311012294	NGUYỄN MỸ	ANH	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	9.8	5	
46	320046	022211008694	NGUYỄN NAM	ANH	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	3.5	8	6.5	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
47	320047	022211006367	NGUYỄN PHÙNG VIỆT	ANH	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8.25	8.6	7.5	
48	320048	022311009467	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	8.6	9	
49	320049	022311012717	NGUYỄN QUỲNH	ANH	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	6.8	5.25	
50	320050	022311011032	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.75	6.2	5	
51	320051	022211012827	NGUYỄN TƯỜNG	ANH	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	7.2	3.75	
52	320052	022211005938	PHẠM CÔNG	ANH	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4	6	4.75	
53	320053	030311000087	PHẠM HÀ	ANH	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	6.2	4	
54	320054	022311002289	PHẠM LÊ PHƯƠNG	ANH	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	6.8	4.75	
55	320055	022311005379	PHẠM NGỌC	ANH	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	7.2	4.5	
56	320056	022311013784	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7	8.8	7	
57	320057	022211004612	PHẠM QUỐC	ANH	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	8.6	3.5	
58	320058	022311007126	PHẠM QUỲNH	ANH	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.75	5.6	2.25	
59	320059	030311011458	PHẠM THỊ LAN	ANH	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	0.8	4.75	
60	320060	030311012732	PHẠM THỊ NGỌC	ANH	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	8.8	6.5	
61	320061	022311007418	PHÙNG QUỲNH	ANH	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	6.8	5.5	
62	320062	022211010814	TRẦN HOÀNG	ANH	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8.25	8.8	7.25	
63	320063	022311010747	TRẦN NGUYỄN MINH	ANH	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	8.25	7	5.25	
64	320064	024211008815	TRẦN VIỆT	ANH	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	7	5	
65	320065	022311002729	VŨ HOÀI	ANH	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	6.4	5	
66	320066	022311008334	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	21/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	7.4	5.5	
67	320067	001211045673	NGÔ	BÁCH	24/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	8.4	6.5	
68	320068	022211002329	NGUYỄN ĐĂNG	BÁCH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	7.2	6	
69	320069	022211000111	TRẦN TÙNG	BÁCH	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	9.2	8	
70	320070	022211008201	HOÀNG GIA	BẢO	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.75	6.8	5.5	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
71	320071	022211007529	LƯ GIA	BẢO	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.25	7.4	7.75	
72	320072	022211009527	VŨ LÂM GIA	BẢO	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	8	5.25	
73	320073	022311013042	PHAN THỊ BĂNG	BĂNG	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	4.2	3.75	
74	320074	030311000321	ĐOÀN NGỌC	BÍCH	07/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	7.8	6.75	
75	320075	022311012832	NGUYỄN NGỌC	BÍCH	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	6.8	6.25	
76	320076	022311000118	PHẠM PHƯƠNG	BÍCH	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	5.6	6.25	
77	320077	034211000268	NGUYỄN THÁI	BÌNH	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.75	4.2	5.5	
78	320078	030311000771	HOÀNG MINH	CHÂU	27/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8.25	8.6	7.5	
79	320079	022311006138	BÙI THỊ QUẾ	CHI	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	8.4	2.75	
80	320080	022311011528	ĐOÀN DIỆP	CHI	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	6.2	6	
81	320081	022311012110	ĐỖ NGỌC TÙNG	CHI	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	7.2	5.75	
82	320082	022311005051	LƯƠNG BẢO	CHI	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	9.2	6	
83	320083	022311006467	PHẠM BÌNH PHƯƠNG	CHI	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.5	8.6	6.75	
84	320084	022311008633	PHẠM QUỲNH	CHI	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	5.8	3.75	
85	320085	022311003580	VŨ QUỲNH	CHI	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6	3.2	1	
86	320086	022211006588	MẠC HOÀNG TIẾN	CƯỜNG	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	9.8	7.75	
87	320087	022211000123	PHẠM VĂN	CƯỜNG	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.25	4.6	3.25	
88	320088	022311002049	BÙI NGỌC	DIỆP	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	4.2	4.25	
89	320089	022311012767	HOÀNG NGỌC	DIỆP	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	9.4	6.5	
90	320090	022311007846	NGUYỄN HOÀNG	DIỆP	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	5	5.5	
91	320091	022311005420	TRẦN NGỌC	DIỆP	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	4.8	4.5	
92	320092	022311006042	GIÁP HOÀNG	DUNG	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.5	3.2	3.25	
93	320093	022311000401	NGUYỄN PHƯƠNG	DUNG	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	3	4.5	
94	320094	022311000153	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	8.8	6	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
95	320095	022211005769	BÙI TIẾN	DŨNG	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.5	4	3.75	
96	320096	022211007133	HOÀNG NGỌC	DŨNG	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	8	6.25	
97	320097	022211006560	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	8.2	5.25	
98	320098	022211001999	NGUYỄN TRẦN ANH	DŨNG	24/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7	9	8.5	
99	320099	022211009270	NGUYỄN TRÍ	DŨNG	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	8.4	6.25	
100	320100	022211005243	NGUYỄN TUẤN	DŨNG	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.5	8.4	5.75	
101	320101	030211007235	PHẠM HÙNG	DŨNG	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	7.4	5	
102	320102	022211012835	TRẦN QUỐC	DŨNG	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	6.8	2.75	
103	320103	022211006695	TRỊNH TRUNG	DŨNG	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.25	9.2	5.75	
104	320104	033211000061	CHU ĐỨC	DUY	16/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	9.4	5.25	
105	320105	022211007438	LÊ KHÁNH	DUY	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	9.8	7.25	
106	320106	022211012626	NGÔ THẾ	DUY	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	8.6	5	
107	320107	022211008634	NGUYỄN	DUY	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.25	5.8	7	
108	320108	022211000312	NINH KHÁNH	DUY	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	9.6	5	
109	320109	022311000180	VŨ HOÀNG PHƯƠNG	DUYÊN	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	9.6	4.75	
110	320110	022211001260	VŨ VIỆT	DUYỆT	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	3.75	6.4	3.75	
111	320111	022311000097	NGÔ THẢO	DƯỢC	29/12/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8	9.8	5	
112	320112	022211000319	BÙI ĐỨC	DƯƠNG	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH,THCS và THPT Thực hành S	Tiếng Anh	3.75	5.6	1.25	
113	320113	022311004283	CHU HOÀNG ÁNH	DƯƠNG	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	9.8	7.5	
114	320114	022311007142	ĐẶNG NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	9.8	5.75	
115	320115	022211000093	LÊ HOÀNG	DƯƠNG	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	9.8	8.25	
116	320116	022211006706	NGUYỄN HOÀNG	DƯƠNG	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	7.6	5.25	
117	320117	034311000201	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.25	9	8.25	
118	320118	022211011881	NGUYỄN TÙNG	DƯƠNG	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	7.6	2.75	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
119	320119	033211001327	NGUYỄN TÙNG	DƯƠNG	22/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.25	5.4	3.5	
120	320120	022311004760	PHẠM THÙY	DƯƠNG	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	8.8	8.25	
121	320121	022211000081	TRẦN ĐỨC	DƯƠNG	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5	8	3.75	
122	320122	022311009970	TRỊNH THÙY	DƯƠNG	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	8.4	3.75	
123	320123	022311001859	VŨ THỊ MINH	ĐAN	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	9.8	8.75	
124	320124	022311011819	BÙI LÊ ANH	ĐÀO	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	5.8	6.25	
125	320125	022211008026	MAI VĂN	ĐẠT	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.75	8	8	
126	320126	022211002805	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.5	9	7	
127	320127	022211000232	PHẠM HẢI	ĐĂNG	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6	10	7.25	
128	320128	022211004969	PHẠM ĐỨC	ĐIỆP	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.5	9.4	7.5	
129	320129	022211011783	CHU MINH	ĐỨC	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	8	6	
130	320130	022211006800	HUỲNH CÔNG	ĐỨC	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	7	5.5	
131	320131	022211007762	LÊ MINH	ĐỨC	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5	7.8	8.25	
132	320132	022211004384	NGÔ TRỌNG	ĐỨC	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	7.4	5	
133	320133	034211011682	PHẠM VIỆT	ĐỨC	04/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.5	8.4	4.5	
134	320134	022211007301	TRẦN NGỌC	ĐỨC	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	7.8	3.5	
135	320135	022211005886	ĐINH ĐỨC	GIANG	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	1.5	5.2	3.75	
136	320136	022311010835	ĐỖ HƯƠNG	GIANG	25/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.5	8	8	
137	320137	022311009403	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	6.6	6.75	
138	320138	022211005703	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	10	7.75	
139	320139	022311004559	THÂN HƯƠNG	GIANG	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	9	6.5	
140	320140	022311002386	CHU THANH	HÀ	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.5	7.8	7	
141	320141	022311005207	DƯƠNG NGỌC	HÀ	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	2	2.25	
142	320142	030311013631	ĐẶNG NGỌC	HÀ	20/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	8.8	4.25	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
143	320143	022311005262	ĐẶNG NGUYỄN BẢO	HÀ	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	8.5	9.8	6.5	
144	320144	022311003298	LƯƠNG BÍCH	HÀ	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	8.6	6.25	
145	320145	030311000775	NGUYỄN THANH	HÀ	28/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	5	4.75	
146	320146	022311012162	PHẠM NGỌC	HÀ	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	9.6	4	
147	320147	022311007156	TRẦN THỊ MINH	HÀ	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.5	6	6	
148	320148	022311012907	VŨ DIỆU	HÀ	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	5.8	4.5	
149	320149	022211010771	HỒ NGỌC	HẢI	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5	2.8	3.5	
150	320150	022211012216	KHƯƠNG ĐẠI	HẢI	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.75	8.8	8.25	
151	320151	022211005062	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	HẢI	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7	7.2	6.25	
152	320152	022311009874	NGUYỄN MINH	HẢI	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	9	6.5	
153	320153	022211012362	PHẠM MINH	HẢI	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	8.8	6	
154	320154	022211000288	PHAN NAM	HẢI	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	6.6	5.75	
155	320155	033311009216	ĐÀO THỊ	HẠNH	18/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	9.8	7.5	
156	320156	035211008151	TRẦN ANH	HÀO	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.75	6.8	5.5	
157	320157	022311001656	HOÀNG MINH	HẰNG	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	8.4	4.25	
158	320158	001311017037	NGUYỄN MINH	HẰNG	13/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	7.6	5	
159	320159	022311005271	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.75	9.4	6.25	
160	320160	022311000398	NGUYỄN GIA	HÂN	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	9.4	6.25	
161	320161	022311000368	NGUYỄN HOÀNG GIA	HÂN	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	7.4	5.25	
162	320162	022311011170	NGUYỄN NGỌC GIA	HÂN	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	8.2	3.25	
163	320163	022311006079	TRẦN NGỌC	HÂN	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.5	7.4	3.5	
164	320164	022311005570	LƯƠNG NGỌC	HIỀN	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	8.2	6	
165	320165	022211012223	LÊ MINH	HIẾU	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	6.8	6.25	
166	320166	022211012118	LÊ XUÂN	HIẾU	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6	6.8	7	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
167	320167	022211013605	NGÔ TRỌNG	HIẾU	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	8	8.6	7	
168	320168	022211008985	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	7.2	5.25	
169	320169	022211000056	PHẠM ĐỨC	HIẾU	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	8.8	3.5	
170	320170	231311000195	NGUYỄN DIỆU	HOA	14/09/2011	Nước ngoài	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	7.6	7	
171	320171	022311005853	NGUYỄN THỊ MAI	HOA	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8	7.2	6.25	
172	320172	036311000168	PHAN THỊ NGỌC	HOA	28/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7	6.8	7.25	
173	320173	022311008479	ĐÀO KHÁNH	HÒA	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	8.6	3.25	
174	320174	022211013266	BÙI HUY	HOÀNG	12/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.75	8.2	7.25	
175	320175	022211000320	LÊ VIỆT	HOÀNG	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	8.6	4.75	
176	320176	022211007779	VŨ VIỆT	HOÀNG	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	8.2	8.5	
177	320177	022311008691	NGUYỄN MINH	HỒNG	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	8.4	8.75	
178	320178	022211011307	DIỆP ĐỨC	HUÂN	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4	3.8	1.75	
179	320179	022311005491	TRẦN NGỌC NHƯ	HUỆ	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	3	4.25	
180	320180	022211005170	BÙI MẠNH	HÙNG	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	1.5	2.2	1.5	
181	320181	022211006420	DƯƠNG VĂN	HÙNG	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4	2.8	1.5	
182	320182	022211006251	TRẦN ĐỖ DUY	HÙNG	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.75	6.2	5	
183	320183	022211000461	TRẦN HUY	HÙNG	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.75	8.4	5.75	
184	320184	030211005698	TRỊNH VĂN	HÙNG	21/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	6.8	4.75	
185	320185	022211007244	ĐỖ GIA	HUY	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	9.6	8.5	
186	320186	030211001066	NGUYỄN ĐỨC	HUY	15/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	8.8	7.5	
187	320187	022211010754	NGUYỄN MINH	HUY	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5	8	6	
188	320188	022211009224	NGUYỄN QUANG	HUY	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.75	9.2	5.25	
189	320189	022211007992	PHẠM GIA	HUY	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8	9.8	8.5	
190	320190	022211004994	PHÙNG GIA	HUY	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	6.6	7.25	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
191	320191	022211008039	TRƯƠNG GIA	HUY	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	2.2	5	
192	320192	022211009225	VŨ GIA	HUY	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	9.6	7.25	
193	320193	022311007766	LÊ THANH	HUYỀN	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	4.4	5.75	
194	320194	031311006218	LÊ THU	HUYỀN	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.5	3.8	3.75	
195	320195	022311001461	LƯƠNG KHÁNH	HUYỀN	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	8.25	9.4	6.5	
196	320196	022311010153	NGÔ KHÁNH	HUYỀN	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	9.4	5.5	
197	320197	022311008185	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	7	4.75	
198	320198	022311000121	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6	7.2	4.25	
199	320199	022311001187	VŨ KHÁNH	HUYỀN	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8.5	9.8	7.75	
200	320200	030311008800	VŨ THỊ THANH	HUYỀN	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	5.2	3.75	
201	320201	022211004856	DƯƠNG THÀNH	HƯNG	30/04/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	5.6	4.25	
202	320202	022211006740	NGUYỄN QUỐC	HƯNG	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.75	8.8	7	
203	320203	022211000321	VŨ GIA	HƯNG	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.75	8.6	4.5	
204	320204	022311008356	BÙI MAI	HƯƠNG	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	6.6	4.75	
205	320205	022311007943	NGUYỄN VŨ DIỆU	HƯƠNG	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	6.2	5	
206	320206	022211000837	ĐOÀN TUẤN	KHANG	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	2.75	3.6	1.25	
207	320207	022211012507	PHẠM TUẤN	KHANG	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	3.5	7.6	3.25	
208	320208	022211000117	ĐỖ BẢO	KHANH	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5	9.4	6.25	
209	320209	022311005346	ĐỒNG HIẾU	KHÁNH	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	6.8	4.5	
210	320210	022211007023	HÀ MINH	KHÁNH	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.25	9.8	7.75	
211	320211	022211010211	HOÀNG GIA	KHÁNH	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	7.2	6	
212	320212	022211002525	NGÔ TRƯƠNG BẢO	KHÁNH	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	6.2	7	
213	320213	022211000353	NGUYỄN ĐỨC MINH	KHÁNH	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	9.2	6	
214	320214	022211003512	NGUYỄN NAM	KHÁNH	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	7	6.5	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
215	320215	022311005393	NGUYỄN NGÂN	KHÁNH	01/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	9.6	6.25	
216	320216	022211003347	PHẠM QUỐC	KHÁNH	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	5.8	5.75	
217	320217	022211005727	PHÙNG NAM	KHÁNH	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8	10	8.25	
218	320218	034211012440	NGUYỄN ANH	KHOA	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7	9	8	
219	320219	022211000357	NGUYỄN ĐỖ ĐĂNG	KHOA	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	10	7.75	
220	320220	022211000352	NGUYỄN NGỌC ĐĂNG	KHOA	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4	2.6	2.75	
221	320221	022211000358	PHẠM ĐĂNG	KHOA	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	8.8	7.75	
222	320222	022211005559	PHÙNG ĐĂNG	KHOA	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	8.8	6.5	
223	320223	022211011520	LÊ MINH	KHÔI	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	10	7	
224	320224	022211010110	KHƯƠNG CÔNG	KIÊN	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	6.8	6	
225	320225	001211071003	PHẠM HOÀNG TRUNG	KIÊN	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	9.6	7.75	
226	320226	022211000122	PHẠM VĂN	KIÊN	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4	5.8	5	
227	320227	022211012716	TRẦN TRUNG	KIÊN	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.75	8.2	5.25	
228	320228	022211004679	TRẦN TRUNG	KIÊN	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	3	5.8	4.5	
229	320229	022211012119	ĐOÀN TUẤN	KIỆT	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	4.8	7	
230	320230	022311002797	NGUYỄN THƯ	KIỀU	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7	4.4	6	
231	320231	022311000399	NGUYỄN HOÀNG	LAN	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Quốc tế Stephen Ha	Tiếng Anh	5.75	5	4.75	
232	320232	022211001312	PHẠM TRÍ	LẬP	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	3.8	3.25	
233	320233	022311003805	NGÔ THÙY	LIÊN	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5	8	5.5	
234	320234	022311000333	DƯƠNG PHƯƠNG	LINH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Nùng	THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	8	4.5	
235	320235	022311000358	ĐÀO NGUYỄN MỸ	LINH	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	6.8	4.75	
236	320236	022311002381	ĐẶNG THẢO	LINH	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	6	3.5	
237	320237	001311058450	ĐẶNG THỊ KIỀU	LINH	28/02/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	3.8	4	
238	320238	001311040972	HOÀNG PHƯƠNG	LINH	04/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	7.8	7	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
239	320239	022311013021	LÊ KHÁNH	LINH	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.5	8.6	7.25	
240	320240	022311007170	LƯU VŨ KHÁNH	LINH	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	9.4	7.5	
241	320241	022311003290	NGÔ DIỆU	LINH	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.5	9.4	8.25	
242	320242	022311001231	NGUYỄN DIỆU	LINH	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	8.25	9.4	6.5	
243	320243	022311000184	NGUYỄN GIA	LINH	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	8.8	3.5	
244	320244	022311002923	NGUYỄN GIA	LINH	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8	9.6	8.75	
245	320245	022311011153	NGUYỄN HOÀNG	LINH	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8.5	7.8	5.5	
246	320246	022311011202	NGUYỄN KHÁNH	LINH	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	3	4.75	
247	320247	022311011023	NGUYỄN KHÁNH	LINH	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	7.8	6.25	
248	320248	033311001973	NGUYỄN NGỌC THẢO	LINH	14/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	8	6.5	
249	320249	022311008815	NGUYỄN NGỌC THÙY	LINH	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.75	7.8	6.5	
250	320250	022311006275	NGUYỄN THỊ HÀ	LINH	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	8.4	4.5	
251	320251	030311013322	NGUYỄN THÙY	LINH	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Minh Tân	Tiếng Anh	7.25	9.6	6	
252	320252	022311000137	NGUYỄN TƯỜNG	LINH	26/07/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.25	8.2	6.25	
253	320253	022311002644	PHẠM VŨ TRÚC	LINH	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	6.8	5.75	
254	320254	022311010771	TÔ KHÁNH	LINH	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	9.2	4.75	
255	320255	022311003450	TRẦN BÙI PHƯƠNG	LINH	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	8.25	9.4	7.75	
256	320256	022311001914	TRẦN PHƯƠNG	LINH	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	7.6	7.25	
257	320257	022311000330	TRẦN TRANG	LINH	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	6	6	
258	320258	022311002696	VŨ KHÁNH	LINH	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	8.2	7.75	
259	320259	022311000183	VŨ THỊ KHÁNH	LINH	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.5	3.6	4.25	
260	320260	036211017708	ĐINH BẢO	LONG	03/06/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.75	8.4	7.25	
261	320261	022211000340	LƯƠNG VIỆT	LONG	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	10	8.5	
262	320262	022211012189	NGUYỄN HOÀNG ANH	LONG	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.75	7.4	5.25	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
263	320263	022211012917	ĐOÀN ĐỨC	LỘC	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	9.4	8.5	
264	320264	022211000691	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.75	4.2	3	
265	320265	022311001440	TRẦN PHẠM KHÁNH	LY	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	9.6	6	
266	320266	022311010883	LÊ THỊ NGỌC	MAI	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	7	4.5	
267	320267	022311012645	NGUYỄN PHƯƠNG	MAI	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	7	5.75	
268	320268	022311000151	NGUYỄN THỊ HIẾU	MAI	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4	2.4	3.5	
269	320269	022311005530	PHẠM HƯƠNG	MAI	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.75	8.2	5.5	
270	320270	022311012897	PHẠM NGUYỄN BAN	MAI	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	6	3.25	
271	320271	022211001056	BÙI ĐỨC	MẠNH	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	7.6	6.5	
272	320272	022211006479	DƯƠNG ĐỨC	MẠNH	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	8.6	7	
273	320273	022211000407	NGÔ TIẾN	MẠNH	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.5	7.2	6	
274	320274	022211011225	CAO ĐỨC	MINH	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	6.4	6	
275	320275	022211010817	ĐẶNG XUÂN	MINH	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8.5	9	7.5	
276	320276	022211014740	LÊ HOÀNG	MINH	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5	4.2	4.25	
277	320277	022211008321	LÊ	MINH	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	9.4	8.75	
278	320278	022211004253	NGUYỄN ANH	MINH	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	9.6	8.75	
279	320279	022211011769	NGUYỄN BẢO	MINH	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	5.2	4.75	
280	320280	022211003668	NGUYỄN HUY	MINH	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.75	3.4	3.5	
281	320281	022211004661	NGUYỄN LÊ NHẬT	MINH	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	8.4	6	
282	320282	022311006458	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	MINH	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	9.6	7.75	
283	320283	034311007327	NGUYỄN NGỌC	MINH	09/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	7.6	4.5	
284	320284	022311000203	NGUYỄN PHÚC NGỌC	MINH	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.25	5.6	4.25	
285	320285	022311008737	NGUYỄN THÙY	MINH	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6	6.4	5.5	
286	320286	030211015022	NGUYỄN TUẤN	MINH	20/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.5	7.8	5	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
287	320287	022211005890	NGUYỄN TUẤN	MINH	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	10	8.75	
288	320288	022211001579	TRẦN BÌNH	MINH	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.75	7.6	6.5	
289	320289	022211009062	TRẦN QUANG	MINH	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	9.2	4.75	
290	320290	022211008948	VŨ ANH	MINH	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.25	5	5.5	
291	320291	022211008499	VŨ QUANG	MINH	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	6.8	6.25	
292	320292	022211005832	VŨ QUANG	MINH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	9.2	8.5	
293	320293	022311006490	CAO THỊ THẢO	MY	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	7.2	6	
294	320294	022311000162	CHU THẢO	MY	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	2.2	1.5	
295	320295	022311006015	ĐINH THỊ THẢO	MY	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	7.2	5	
296	320296	030311007102	NGUYỄN THANH THẢO	MY	22/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	9.6	7.25	
297	320297	022311006299	NGUYỄN THỊ HÀ	MY	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	6.6	4	
298	320298	034311002624	NGUYỄN TRÀ	MY	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	7.6	5.25	
299	320299	022311010565	TRẦN HÀ	MY	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	7	6	
300	320300	022311003231	TRỊNH HÀ	MY	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	7.4	5.5	
301	320301	022211001628	NGUYỄN BẢO	NAM	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	9.6	7	
302	320302	022211013899	NGUYỄN ĐỨC BẢO	NAM	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	10	8.25	
303	320303	022211005638	NGUYỄN HẢI	NAM	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	6.8	6.25	
304	320304	022211013854	NGUYỄN TRỌNG	NAM	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	5.4	4.25	
305	320305	022211002301	PHẠM KHÁNH	NAM	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8	10	9	
306	320306	022211009252	TRẦN HẢI	NAM	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	9.2	8	
307	320307	022211004234	TRẦN HOÀNG	NAM	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	8.6	5.25	
308	320308	030311001591	CAO PHƯƠNG	NGA	04/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	9.4	7	
309	320309	022311010390	HOÀNG YẾN	NGA	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	9.4	7.75	
310	320310	022311008220	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	9.4	4.5	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
311	320311	022311004115	NGÔ HỒNG	NGÂN	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	7.4	6.5	
312	320312	030311000160	NGÔ KIM	NGÂN	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	6.8	5.5	
313	320313	022311003055	PHẠM HẢI	NGÂN	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	8.4	7.75	
314	320314	022311001851	PHẠM HOÀNG	NGÂN	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	9.2	4.5	
315	320315	031311000253	PHẠM NGỌC	NGÂN	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	7.6	5.5	
316	320316	022311003470	PHÙNG BẢO	NGÂN	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	5.8	5	
317	320317	022311010041	TRẦN MAI	NGÂN	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	9.4	6.25	
318	320318	033311008677	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	05/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.5	9.8	5.75	
319	320319	022311010642	TRẦN THU	NGÂN	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	8.75	9.6	7.25	
320	320320	022211000350	NGUYỄN VĂN	NGHỊ	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	3.75	4.4	5.25	
321	320321	022211008515	ĐẶNG VĂN	NGHĨA	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	5.4	5.75	
322	320322	022211007000	NGÔ ĐẠI	NGHĨA	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	7.2	5.5	
323	320323	022311008526	BÙI BẢO	NGỌC	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	9.4	9.25	
324	320324	022311009964	ĐỖ HỒNG BẢO	NGỌC	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.25	5	3.25	
325	320325	022311010151	HOÀNG YẾN	NGỌC	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	7.4	6.25	
326	320326	022311009232	LÊ BẢO	NGỌC	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	7.6	4.5	
327	320327	022311009994	LÊ NGUYỄN KIM	NGỌC	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	9	4.25	
328	320328	040311033506	LÊ NHƯ BẢO	NGỌC	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	7.8	6.25	
329	320329	034311000275	NGÔ KHÁNH	NGỌC	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	4.6	3.5	
330	320330	022311001941	NGUYỄN BẢO	NGỌC	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8.5	9.6	8.75	
331	320331	022311009061	NGUYỄN BẢO	NGỌC	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	9.2	6.5	
332	320332	022311011064	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	9.2	6	
333	320333	022310000317	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	06/11/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	4	4.75	
334	320334	022311006639	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	8.25	9.6	8	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
335	320335	022311002084	VŨ PHƯƠNG	NGỌC	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	9.6	6.75	
336	320336	022311002454	VŨ THANH	NGỌC	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6	5.8	6.75	
337	320337	022311006446	BÙI THẢO	NGUYÊN	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	7	5.25	
338	320338	022211000067	LÊ MINH	NGUYÊN	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	6.4	6.75	
339	320339	022311005203	NGUYỄN BẢO	NGUYÊN	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	9.6	7.25	
340	320340	022211009142	TRẦN CAO	NGUYÊN	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	7.2	6	
341	320341	022211000127	VŨ ĐẠI	NGUYÊN	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	3.5	5.2	3	
342	320342	022211013367	LÊ DANH	NHÂN	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	2	8	3.25	
343	320343	035211006425	ĐOÀN MINH	NHẬT	11/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	8.2	4.75	
344	320344	022211014692	NGUYỄN MINH	NHẬT	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	3.5	4.4	2	
345	320345	017311005386	BẾ NGỌC PHƯƠNG	NHI	03/05/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ	Tày	THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	7	6	
346	320346	022311001114	CHU MỸ UYÊN	NHI	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8	9	8	
347	320347	022311007965	ĐINH GIA	NHI	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.75	6.6	7	
348	320348	022311000516	NGÔ TUYẾT	NHI	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	7.4	6.25	
349	320349	022311000280	NGUYỄN PHẠM THẢO	NHI	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	9.4	8	
350	320350	022311005519	PHẠM THẢO	NHI	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	9.6	8.25	
351	320351	022311005546	PHÙNG NGUYỄN UYÊN	NHI	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	8.2	6.75	
352	320352	022311004549	VŨ THỊ YẾN	NHI	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6	8	5.5	
353	320353	022311007129	LÊ HỒNG	NHUNG	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	9	5.75	
354	320354	022311000520	NGÔ TUYẾT	NHUNG	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	7.8	7.25	
355	320355	022311010910	ĐÀO HỒNG GIA	NHƯ	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	8	7.75	
356	320356	022311006154	ĐẶNG KHÁNH	NHƯ	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	8.6	7	
357	320357	022311006612	ĐOÀN TỐ	NHƯ	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	8.4	7.75	
358	320358	022311000373	LÊ HÀ	NHƯ	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	6.8	4.5	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
359	320359	022311001446	THÂN NGỌC	NHƯ	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	7.6	5.25	
360	320360	001211028086	BÙI HẢI	NINH	10/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7	9.6	7.75	
361	320361	022211014826	VŨ BẮT	PHÀM	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5	8.8	6	
362	320362	022211005631	ĐOÀN THANH	PHÁT	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	8.8	6.25	
363	320363	022211001798	TRẦN TẤN	PHÁT	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	9.2	8.75	
364	320364	022211000090	HOÀNG GIA	PHONG	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.5	7.6	7	
365	320365	022211012109	NGUYỄN CAO	PHONG	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	9.2	7.25	
366	320366	022211007871	NGUYỄN ĐÌNH	PHONG	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	9	7.25	
367	320367	022211012861	PHẠM NAM	PHONG	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	9.2	8	
368	320368	034211012908	PHẠM THANH	PHONG	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	3.75	4.4	3.75	
369	320369	030211118248	TRẦN LONG	PHÚ	22/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	5.2	4.75	
370	320370	022211014755	HOÀNG THIÊN	PHÚC	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.25	10	7.5	
371	320371	036211008826	LÊ GIA	PHÚC	28/12/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	9.4	7.5	
372	320372	022211006619	NGÔ TRỌNG	PHÚC	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.5	9.2	7.75	
373	320373	022211005672	NGUYỄN BÁ	PHÚC	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	7.4	8	
374	320374	022211004473	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	7.2	6.75	
375	320375	022211006134	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	9.4	6	
376	320376	022211000131	PHẠM MINH	PHÚC	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	7.4	5.25	
377	320377	022211001172	VŨ MINH	PHÚC	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.5	9.8	5.5	
378	320378	022211010741	BÙI DUY	PHƯỚC	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	9.6	8.75	
379	320379	022311012209	LÊ NGỌC MINH	PHƯƠNG	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	8.5	7.4	5.75	
380	320380	022311000374	MẠC QUỲNH	PHƯƠNG	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	7.6	4.75	
381	320381	022311010531	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	8.8	5.5	
382	320382	022311011635	NGUYỄN NAM	PHƯƠNG	02/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	6.8	6.75	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
383	320383	022311012797	NGUYỄN THẢO	PHƯƠNG	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	5.8	4.5	
384	320384	022311007910	NGUYỄN THẢO	PHƯƠNG	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.5	7.6	6.75	
385	320385	022311000094	NGUYỄN THÙY	PHƯƠNG	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	8	6	
386	320386	022211011244	NGUYỄN TUẤN	PHƯƠNG	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	9.6	8.5	
387	320387	022311008814	PHẠM MINH	PHƯƠNG	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	8	9.6	7.5	
388	320388	022311001980	TRẦN HÀ	PHƯƠNG	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8	6	5.75	
389	320389	030211014982	NGUYỄN MINH	QUANG	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8	9.2	8	
390	320390	022211000132	ĐẶNG MINH	QUÂN	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.5	6	3.75	
391	320391	022211010904	ĐỖ ANH	QUÂN	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4	8.4	5	
392	320392	022211004411	LÊ MẠNH	QUÂN	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.5	7.8	6	
393	320393	022211001971	NGUYỄN TÙNG	QUÂN	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	9.6	7	
394	320394	022311000187	PHẠM KHÁNH	QUYÊN	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	5.8	5.75	
395	320395	022311010894	BÙI NHƯ	QUỲNH	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	9.6	7	
396	320396	019311004314	CHU DIỆP	QUỲNH	19/12/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nữ	Nùng	THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	8.6	7	
397	320397	022311006257	HOÀNG NHƯ	QUỲNH	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	3.6	5.25	
398	320398	022211003134	LÊ MẠNH	QUỲNH	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	3.5	3.4	2.75	
399	320399	022311001954	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUỲNH	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	8.2	6.5	
400	320400	001311059681	NGUYỄN THÚY	QUỲNH	05/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	7.8	3.25	
401	320401	030211000203	HỒ HẢI	SƠN	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	9.8	8.5	
402	320402	022211003627	NGUYỄN CAO QUỐC	SƠN	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	3	7.6	3.75	
403	320403	001211014045	NGUYỄN MINH	SƠN	24/02/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6	9.4	6.25	
404	320404	022211013236	NGUYỄN ĐÌNH	TÀI	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	9.8	7.5	
405	320405	034211007910	NGUYỄN VĂN	TÀI	10/12/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	9.2	8	
406	320406	022311006820	HOÀNG UYÊN	TÂM	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	9.2	8.75	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
407	320407	022311003191	TRƯƠNG THỊ THANH	TÂM	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	7.6	5	
408	320408	022211000078	VŨ ĐÔNG	THÁI	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.5	7.4	4.25	
409	320409	022211012749	BÙI ĐỨC	THANH	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Quốc tế Stephen Ha	Tiếng Anh	7.5	9.2	8	
410	320410	022211005662	NGUYỄN ĐỨC	THANH	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	9	7	
411	320411	022311011913	NGUYỄN THANH	THANH	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8.5	9	6.5	
412	320412	022211002227	GIANG LÊ	THÀNH	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	8	5.25	
413	320413	022211008900	LÊ NGUYỄN TIẾN	THÀNH	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	8.8	6	
414	320414	022211006730	NGUYỄN DUY	THÀNH	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.75	4.6	4	
415	320415	022311002524	BÙI PHƯƠNG	THẢO	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	5.8	6.25	
416	320416	022311000360	DƯƠNG PHƯƠNG	THẢO	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	8.8	6.75	
417	320417	022311009027	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	THẢO	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	8.6	4.75	
418	320418	022311010607	ĐỒNG PHƯƠNG	THẢO	21/03/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	6	5	
419	320419	022311009228	ĐỖ PHƯƠNG	THẢO	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	7.8	4.25	
420	320420	022311009546	HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	9	7.25	
421	320421	022311011911	LÃ PHƯƠNG	THẢO	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	7.6	4	
422	320422	037311009804	LÊ THU	THẢO	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	8.25	6.6	6.75	
423	320423	022311011510	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	7.2	3.75	
424	320424	022311007105	PHẠM ĐOÀN PHƯƠNG	THẢO	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	2.75	5	3	
425	320425	022211008658	NGUYỄN ĐỨC	THIỆN	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	2	2.4	1.5	
426	320426	022211002807	PHẠM ĐỨC	THIỆN	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5	8.8	6.25	
427	320427	022211012079	TẠ TÂN	THỊNH	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.75	8.2	7.25	
428	320428	022211008367	LÊ ĐỨC	THUẬN	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	8	6.5	
429	320429	022211004068	NGUYỄN PHÚC	THUẬN	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	8.2	5.5	
430	320430	022311002283	NGUYỄN THANH	THÙY	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.75	4.2	4.25	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
431	320431	022311000349	ĐOÀN NGỌC	THỦY	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	8.4	6.75	
432	320432	022311009932	ĐỖ THỊ ANH	THƯ	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	8.8	6	
433	320433	022311003081	HOÀNG ANH	THƯ	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8	7.8	5.75	
434	320434	022311009034	HOÀNG KIM	THƯ	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	6.8	4.25	
435	320435	022311010530	LÊ ANH	THƯ	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.5	6	5.5	
436	320436	022311001912	MAI ANH	THƯ	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	5.6	4.5	
437	320437	022311000341	NGUYỄN PHẠM ANH	THƯ	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.75	9.2	8.75	
438	320438	022311000110	NGUYỄN SONG	THƯ	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	7.2	7	
439	320439	033311007132	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	14/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	8	8.2	4.5	
440	320440	022311000376	PHAN THANH	THƯ	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Cao Lan	THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	8	7.6	6.25	
441	320441	022311005801	THÂN HOÀNG MINH	THƯ	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	7.8	7.5	
442	320442	022311002328	TRẦN ANH	THƯ	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	9.8	6	
443	320443	022311006285	TRẦN BẢO	THƯ	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7	8	7.5	
444	320444	022211003128	TRẦN	TIẾN	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.5	5.2	5.75	
445	320445	022211011638	ĐINH DUY	TOÀN	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	9.8	8.75	
446	320446	022211004873	NGUYỄN KHẮC LƯƠNG	TOÀN	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	8.4	7	
447	320447	022211001222	PHẠM KHÁNH	TOÀN	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	8.4	8.5	
448	320448	022311009318	NGÔ UYÊN	TRANG	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8	8.2	8.25	
449	320449	022311002674	NGUYỄN MAI	TRANG	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.75	6.8	4.75	
450	320450	022311003626	NGUYỄN MINH	TRANG	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	8.8	9	
451	320451	022311000176	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.75	8.6	7.25	
452	320452	022311011259	PHẠM MAI	TRANG	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	10	7.75	
453	320453	022311012881	TRẦN BÙI ĐOAN	TRANG	18/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.5	5	2	
454	320454	022311005600	TRẦN THÙY	TRANG	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	9	8.75	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
455	320455	022311010633	ĐỖ THỊ THÙY	TRÂM	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.75	8.2	7.75	
456	320456	022311005867	NGUYỄN THÙY	TRÂM	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.25	6.8	6.75	
457	320457	022311000355	TRẦN BẢO	TRÂN	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8	6.2	5.75	
458	320458	022211006792	PHẠM ĐỨC	TRÍ	29/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	9.2	6	
459	320459	022211010871	NGUYỄN TIẾN	TRỌNG	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	4	5	
460	320460	022311012759	LƯU THANH	TRÚC	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	8.25	7.8	7.5	
461	320461	022311003916	LƯU THANH	TRÚC	10/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8	9.8	7.25	
462	320462	022311001117	NGUYỄN PHƯƠNG	TRÚC	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	8.6	7.5	
463	320463	022311003331	NGUYỄN THANH	TRÚC	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	9	8.5	
464	320464	022211008261	LẠI VIỆT	TRUNG	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	9.4	3.5	
465	320465	022211000194	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	9.8	7	
466	320466	022211002028	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	7	4.75	
467	320467	022211008112	PHẠM ĐỨC	TRUNG	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.25	10	6.75	
468	320468	022211013091	TRIỆU VĂN	TRƯỜNG	27/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Nùng	THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	6.2	4.5	
469	320469	034311000400	ĐẶNG KHẢ	TÚ	22/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.75	9.6	5.25	
470	320470	022211006852	TRẦN ĐẶNG TUẤN	TÚ	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5	5.8	3	
471	320471	022211000368	PHẠM TIẾN	TUÂN	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	8.4	4.75	
472	320472	022211013158	NGÔ MINH	TUẤN	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	9.4	9	
473	320473	022211009191	NGUYỄN ANH	TUẤN	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	7.6	4.75	
474	320474	022211007669	VŨ HOÀNG	TUẤN	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	7.2	5.5	
475	320475	022311013762	NGUYỄN MINH GIA	TUỆ	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	9.6	7.5	
476	320476	022211010515	CAO BÁ	TÙNG	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.5	7.4	8	
477	320477	022211012772	NGUYỄN MẠNH	TÙNG	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	7	7	
478	320478	022211012921	NGUYỄN THANH	TÙNG	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	7.4	5	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
479	320479	022211003548	NGUYỄN THANH	TÙNG	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	8.2	8	
480	320480	022211013437	VŨ KÌNH	TÙNG	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	8.6	7.25	
481	320481	022211001328	VŨ THANH	TÙNG	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	5	5.5	
482	320482	022311009328	ĐỖ TRẦN MINH	TUYẾT	01/02/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	5.8	2.75	
483	320483	031311000260	ĐINH BẢO NHƯ	UYÊN	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.5	9	7.75	
484	320484	022311002241	NGUYỄN HÀ	UYÊN	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	8	7.8	7	
485	320485	022311012084	NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.75	9.2	7.25	
486	320486	022311002298	BÙI MỸ	VÂN	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	8.8	6.5	
487	320487	022311000150	NGUYỄN LONG	VÂN	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	8.6	5.25	
488	320488	022311007809	PHÙNG THỊ KHÁNH	VÂN	13/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	6	4.5	
489	320489	022311012824	LƯU TƯỜNG	VI	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	8.6	6.25	
490	320490	022211009193	TRƯƠNG THẾ	VINH	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	5.4	6	
491	320491	022211007987	PHẠM BÁ MINH	VŨ	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	9.4	8.75	
492	320492	022211012654	TRẦN ĐÌNH	VŨ	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	2.4	4.25	
493	320493	022211010606	VŨ GIA	VŨ	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	5.8	5.5	
494	320494	022311002529	ĐOÀN THỊ	VY	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.75	3.6	4.75	
495	320495	022311000352	ĐỖ NGỌC THẢO	VY	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	8.2	4	
496	320496	022311001475	HOÀNG HÀ	VY	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.75	7.8	6	
497	320497	022311010849	KHỔNG HÀ	VY	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.75	7.2	8.25	
498	320498	022311008762	LÊ THẢO	VY	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	4.6	4.25	
499	320499	027311000367	LÊ THỊ HÀ	VY	08/11/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5	6	3.5	
500	320500	022311012480	NGÔ KHÁNH	VY	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	6.4	3.25	
501	320501	022311001565	NGUYỄN THẢO	VY	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5	6.4	3.25	
502	320502	022311003126	NGUYỄN THỊ THẢO	VY	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7	5	5.5	

Đơn vị: THPT Hoàng Quốc Việt (22_HD_032)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
503	320503	022311010101	PHẠM BẢO	VY	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	5.8	3.25	
504	320504	034311007740	PHẠM THẢO	VY	26/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.75	9.6	3.5	
505	320505	022311011129	DƯƠNG HOÀNG	YẾN	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	6	4.25	
506	320506	022311005577	NGUYỄN BẢO	YẾN	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	6.6	3.75	
507	320507	022311007148	NGUYỄN HẢI	YẾN	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	9.4	4.75	
508	320508	022311000039	NGUYỄN KIM	YẾN	26/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	7.2	7.75	
509	320509	022311010972	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.5	5.2	4.75	

(Danh sách này gồm có 509 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	330001	022311011388	HOÀNG BẢO	AN	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7	8.6	6.5	
2	330002	022211006931	MẠC MINH	AN	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6	7.6	7.75	
3	330003	022311006957	NGUYỄN ĐẶNG THỤY	AN	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	8.25	7.8	4.75	
4	330004	022211006189	NGUYỄN ĐỨC	AN	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6	6.6	6.75	
5	330005	022311006781	TRỊNH NGUYỄN BẢO	AN	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.75	5	3.5	
6	330006	022211010319	BÙI ĐỨC DUY	ANH	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	4.5	3.2	8.75	
7	330007	022311012213	BÙI HÀ	ANH	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	8	9.2	7.5	
8	330008	022211011456	BÙI PHAN	ANH	14/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	2	4	5	
9	330009	022211009716	CHÂU HOÀNG	ANH	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	6.8	4.5	
10	330010	022311003608	ĐÀO PHẠM VÂN	ANH	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	3.5	2.8	2.5	
11	330011	022211012344	HOÀNG DUY	ANH	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5	2.8	4	
12	330012	040211031473	HỒ HẢI	ANH	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.5	1.8	2.75	
13	330013	022211003200	HỒ XUÂN PHAN	ANH	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	6.2	3.25	
14	330014	025211009127	LÊ VIỆT	ANH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.25	4.8	5.5	
15	330015	022311002968	LƯƠNG HẢI	ANH	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	8	7	
16	330016	022211007332	MẠC DUY	ANH	21/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.25	8	4	
17	330017	022211001661	NGUYỄN CÁT HOÀNG	ANH	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.5	3.6	2.75	
18	330018	022211000560	NGUYỄN CÔNG	ANH	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6	8.8	7.5	
19	330019	022311011735	NGUYỄN HOÀNG	ANH	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.25	3.4	1	
20	330020	022311003417	NGUYỄN NGỌC	ANH	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.25	1.4	1.75	
21	330021	022311001369	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	1.6	1.5	
22	330022	022311001963	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.25	3.2	4.5	
23	330023	022311011563	NGUYỄN QUỲNH	ANH	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.75	3.4	5.25	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
24	330024	022211014764	NGUYỄN THẾ	ANH	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	5.4	1	
25	330025	022211001134	NGUYỄN THẾ	ANH	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	3	4.6	2.5	
26	330026	022311003747	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.5	6.6	2.75	
27	330027	022211000378	NGUYỄN TRỌNG BẢO	ANH	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	2.25	2	3.5	
28	330028	022211002443	NGUYỄN VIỆT	ANH	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	9.2	5.5	
29	330029	022211001685	NGUYỄN VŨ VIỆT	ANH	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7	5	5.5	
30	330030	022311005440	PHẠM HẢI	ANH	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.75	9.4	6.75	
31	330031	022311012069	PHẠM NGUYỄN TRÂM	ANH	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4	3.6	4.75	
32	330032	022211013042	PHẠM QUỐC	ANH	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4.75	9.6	7.5	
33	330033	022211011905	PHẠM TUẤN	ANH	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7	5.6	6.75	
34	330034	022211001620	PHẠM TUẤN	ANH	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.5	9.2	7	
35	330035	022211007420	TRẦN HẢI	ANH	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.25	6.4	6	
36	330036	022311010236	TRẦN THỊ MAI	ANH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	7	2.75	
37	330037	022311006163	TRỊNH NHẬT	ANH	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5	6.2	3.25	
38	330038	022211008681	VŨ ĐỨC	ANH	24/01/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	8	9.6	7.5	
39	330039	022311002246	NGUYỄN THỊ	ÁNH	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	3.4	6	
40	330040	022311009375	NGUYỄN THỊ MINH	ÁNH	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4.5	3.8	2.75	
41	330041	022311001607	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6	4	3	
42	330042	022311002350	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	ÁNH	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	2.6	3.25	
43	330043	022311011008	TRẦN NGỌC	ÁNH	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6	3.2	4.75	
44	330044	022211003583	VŨ ĐÌNH	ÁNH	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	1	4	4.25	
45	330045	022331000971	VŨ NGỌC	ÁNH	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	2.2	4.75	
46	330046	022211011870	NGUYỄN VIỆT	BÁCH	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.75	5.6	7.75	
47	330047	037211004442	ĐINH VŨ GIA	BẢO	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	3.8	6.75	
48	330048	022211013410	NGUYỄN KIM	BẢO	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	3	3.75	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
49	330049	022211000325	NGUYỄN NGỌC	BẢO	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	6	5.75	
50	330050	022211002026	PHẠM TRÍ	BẢO	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	2.25	1.8	3.5	
51	330051	022211001593	TRƯƠNG CÔNG	BẢO	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	8	6.5	
52	330052	022211011522	ĐOÀN VIỆT	BẮC	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.25	5.6	8.25	
53	330053	022311010014	NGÔ DIỆU	BĂNG	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.5	7.6	1.5	
54	330054	022311005086	NGUYỄN THỊ THẢO	BĂNG	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	4.8	5.25	
55	330055	022211012351	NGUYỄN LƯƠNG	BẰNG	26/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.5	9.4	7	
56	330056	022311006946	ĐẶNG NGỌC	BÍCH	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.75	8.2	5.5	
57	330057	022311007141	BẾ YÊN	BÌNH	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.25	5	3.25	
58	330058	022311001706	LÊ THANH	BÌNH	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	8	6.6	4	
59	330059	022311000701	ĐẶNG THÙY	CHÂM	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.75	5.6	2.25	
60	330060	022311008585	HOÀNG THÚY	CHI	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	4.25	8.2	3.75	
61	330061	022311002744	LÊ DIỆP	CHI	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	9	8.25	
62	330062	022311005879	NGÔ QUỲNH	CHI	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	6.2	6.5	
63	330063	022311013768	NGUYỄN HÀ	CHI	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.25	8.8	4.75	
64	330064	022311002382	NGUYỄN HUYỀN	CHI	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.25	3.4	2	
65	330065	022311008305	NGUYỄN QUỲNH	CHI	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6	4.8	5.25	
66	330066	022311010533	NGUYỄN THỊ KHÁNH	CHI	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.75	5.2	6.75	
67	330067	022311012957	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	3.5	5.6	3.25	
68	330068	022311009367	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	CHI	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	8.25	9.6	8.5	
69	330069	022311001899	TÔ THỊ BẢO	CHI	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.75	4	5.5	
70	330070	022211011487	ĐỖ VĂN	CHIẾN	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	3.25	4	2.25	
71	330071	022211001279	HOÀNG ANH	CHÚC	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	5.6	4.5	
72	330072	022211003978	MẠC ĐĂNG	CHUNG	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7	4.8	6.25	
73	330073	022211012769	NGUYỄN THÀNH	CHUNG	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.25	6	7	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
74	330074	022211003578	TRẦN HỮU	CHUNG	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.5	3.8	3	
75	330075	022311005253	TRẦN SẦM	CÚC	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6	4.4	5.25	
76	330076	022211001919	HOÀNG ĐỖ BÁ	CƯỜNG	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	5.2	6.25	
77	330077	022211010431	NGUYỄN THẾ	CƯỜNG	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	6.8	5.5	
78	330078	022211011261	TRẦN MẠNH	CƯỜNG	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.5	6	4.25	
79	330079	022211005441	VŨ MẠNH	CƯỜNG	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.25	7.6	4.75	
80	330080	034211001434	LẠI HỢP	DANH	03/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.5	7.2	6.5	
81	330081	022211005077	NGUYỄN THÀNH	DANH	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.5	7.8	3.5	
82	330082	022311005202	NGUYỄN HÀ NGỌC	DIỆP	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.25	7.4	4.5	
83	330083	022311012275	PHAN NGÔ NGỌC	DIỆP	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	4.2	3.25	
84	330084	022311009259	LÊ THỊ	DỊU	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5	2	7.25	
85	330085	022311000268	ĐẶNG THỊ	DUNG	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	2.4	2.25	
86	330086	022311006462	ĐẶNG THỊ KIM	DUNG	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	3.75	5	3	
87	330087	022311002844	ĐẶNG THU	DUNG	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5	4.4	4.25	
88	330088	022311010710	TRỊNH PHƯƠNG	DUNG	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	8.25	6.4	5.25	
89	330089	022311011356	TRƯƠNG THỊ THU	DUNG	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.25	3	2.5	
90	330090	022211010519	BÙI NGUYỄN ANH	DŨNG	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.5	8.4	4	
91	330091	022211006680	BÙI QUANG	DŨNG	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.5	6	4.5	
92	330092	022211001654	HOÀNG CHÍ	DŨNG	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	3	6.6	1.75	
93	330093	022211004539	LÊ NGUYỄN TUẤN	DŨNG	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.75	6	5	
94	330094	022211009348	NGUYỄN MẠNH	DŨNG	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.5	7.2	4.5	
95	330095	022211000496	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7	6.2	5	
96	330096	030211005018	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	17/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.25	7.4	1.5	
97	330097	022211008158	PHẠM LÊ TIẾN	DŨNG	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	4.2	4	
98	330098	022211011954	VŨ HỮU	DŨNG	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	2.6	2.25	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
99	330099	022211013801	VŨ MINH	DŨNG	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.25	4.2	4	
100	330100	022211001742	BÙI THẾ	DUY	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.75	2.6	1	
101	330101	022211009504	ĐOÀN BẢO	DUY	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.25	4.6	3.5	
102	330102	022211004252	LÊ KHÁNH	DUY	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4.5	5.2	1.25	
103	330103	022211004887	NGÔ THẾ	DUY	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7	5.2	6.75	
104	330104	022211000071	NGUYỄN ĐĂNG	DUY	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4.25	5.4	1.5	
105	330105	033211000086	NGUYỄN ĐỨC	DUY	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4.75	4.8	2.5	
106	330106	022211013154	NGUYỄN ĐỨC	DUY	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	2.5	1.6	0.25	
107	330107	022211007815	NGUYỄN HOÀNG	DUY	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	8	9	7	
108	330108	030311014317	ĐẶNG THÙY	DƯƠNG	16/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	2.5	2	2.5	
109	330109	022211007314	HOÀNG NAM	DƯƠNG	10/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	2.25	3.6	2.5	
110	330110	022311000327	HOÀNG THÙY	DƯƠNG	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	7.2	4.25	
111	330111	022211011314	HOÀNG TRIỀU	DƯƠNG	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	3	3.8	3	
112	330112	022211013380	LÊ THÁI	DƯƠNG	21/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	5.4	7	
113	330113	022311002153	MAI THÙY	DƯƠNG	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	8.2	3.75	
114	330114	022211012777	NGUYỄN ĐĂNG	DƯƠNG	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4.25	5.8	2.75	
115	330115	022211008257	NGUYỄN ĐỨC	DƯƠNG	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	6.2	3.75	
116	330116	022311006376	NGUYỄN THUỲ	DƯƠNG	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.5	8.8	8.75	
117	330117	022211011744	NGUYỄN TÙNG	DƯƠNG	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	1.75	6	2	
118	330118	022211001281	PHẠM ÁNH	DƯƠNG	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	3.5	2.6	3.5	
119	330119	022211004862	PHẠM ĐĂNG	DƯƠNG	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	3.25	5.2	3.5	
120	330120	022311002180	PHẠM NGỌC ÁNH	DƯƠNG	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.25	3.6	5	
121	330121	022211006543	LÊ VĂN	ĐẠI	26/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	6.8	4.75	
122	330122	022311004987	NGUYỄN LINH	ĐAN	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	3.2	2	
123	330123	022211004231	ĐỖ ĐỨC	ĐẠT	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.25	5	7.25	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
124	330124	022211002029	LÊ BÁ THÀNH	ĐẠT	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	3.4	2.75	
125	330125	022211004465	NGÔ THÀNH	ĐẠT	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.25	6.8	3.75	
126	330126	022211006221	NGUYỄN MẠNH	ĐẠT	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	8	6.8	6	
127	330127	022211012058	VŨ TIẾN	ĐẠT	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.75	4.2	3.75	
128	330128	022211013766	ĐỖ HẢI	ĐĂNG	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.25	4	4	
129	330129	022211010037	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	3.6	5	
130	330130	022211000796	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.25	5.8	8.25	
131	330131	022211011830	NGUYỄN KHẢI	ĐĂNG	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.25	2.2	4.25	
132	330132	022211004330	NGUYỄN LƯƠNG HẢI	ĐĂNG	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.5	5	6	
133	330133	022211000342	VŨ ĐÌNH	ĐÔNG	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	2.5	4	2.25	
134	330134	022211005231	BẾ DUY	ĐỨC	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	3.25	4	1	
135	330135	022211008136	ĐÀO TRỌNG	ĐỨC	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.75	4.2	4.25	
136	330136	022211010922	NGÔ MINH	ĐỨC	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6	3	3.5	
137	330137	022210001175	NGUYỄN HÀ VIỆT	ĐỨC	27/11/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	3.75	1.4	2.25	
138	330138	038211004029	NGUYỄN MINH	ĐỨC	13/12/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7	7	6.5	
139	330139	022211004936	NGUYỄN MINH	ĐỨC	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7	4.2	4.25	
140	330140	022210011929	PHẠM ĐÌNH	ĐỨC	13/09/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	1.5	3	0.75	
141	330141	030211000360	TẠ HOÀNG ANH	ĐỨC	17/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5	2.2	2	
142	330142	022211009277	TRẦN QUANG	ĐỨC	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7	7.2	7.25	
143	330143	022211000035	TRẦN VINH	ĐỨC	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.5	4.6	4	
144	330144	022311007763	LÊ THỊ	GIANG	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.25	4.4	5.5	
145	330145	022311003491	NGÔ THU	GIANG	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6	6	4.75	
146	330146	022311003336	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.75	8.2	5.75	
147	330147	022311011778	NGUYỄN LÂM KHÁNH	GIANG	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	2	4.8	3	
148	330148	022311004201	VŨ HƯƠNG	GIANG	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.75	6	3.25	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
149	330149	022211002298	CAO BÁ	HÀ	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	9	7.5	
150	330150	022311009216	DOÃN THỊ THANH	HÀ	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	4.5	5.8	2.25	
151	330151	022311011628	ĐẶNG NGÂN	HÀ	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6	5.8	5.5	
152	330152	022311001571	ĐỖ HOÀNG	HÀ	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	8	9.2	5.25	
153	330153	022311009302	LÊ PHƯƠNG	HÀ	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.75	7.2	4.5	
154	330154	022311009763	NGUYỄN ĐÔNG	HÀ	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.5	5.6	5	
155	330155	022311002236	NGUYỄN THANH	HÀ	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.25	5.6	4.5	
156	330156	022311004198	PHẠM NGỌC	HÀ	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	8.8	5	
157	330157	022311003422	PHẠM THỊ HOÀNG	HÀ	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.25	9.4	7	
158	330158	022311010081	PHAN NGÂN	HÀ	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4	4.6	3.25	
159	330159	022211002344	ĐẶNG TRƯỜNG	HẢI	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	4.8	4.75	
160	330160	022211000597	LÊ HOÀNG	HẢI	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.75	8.2	6.25	
161	330161	022211004683	NGUYỄN ĐỨC	HẢI	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.25	9.4	6	
162	330162	022211005850	NGUYỄN QUANG	HẢI	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	2.25	4.4	4.25	
163	330163	022211008556	TRẦN ĐỨC	HẢI	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	2	5	1.25	
164	330164	001311067070	NGUYỄN THANH	HẰNG	02/07/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.25	7.4	4.5	
165	330165	022311012641	PHẠM MINH	HẰNG	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.75	5.2	3	
166	330166	022311004630	PHẠM THANH	HẰNG	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.25	1.8	3.5	
167	330167	022311006849	TRƯƠNG MINH	HẰNG	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.5	3.4	3.25	
168	330168	022311009480	YÊN NGỌC	HÂN	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7	1.8	1.75	
169	330169	022311010599	LÊ THỊ BÍCH	HIỀN	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.5	3.4	3.25	
170	330170	040311004550	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	09/11/2011	Tỉnh Nghệ An	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.75	2.4	3	
171	330171	022311011623	NGUYỄN THU	HIỀN	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	3	2.2	1	
172	330172	022311009989	VŨ THỊ THU	HIỀN	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7	3.6	4.75	
173	330173	022311004325	VŨ THỊ THU	HIỀN	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6	3.2	1.5	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
174	330174	022211010773	HOÀNG ĐÌNH	HIỆP	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.5	7.8	3.75	
175	330175	022211012250	VŨ ĐÌNH	HIỆP	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	7.4	5.5	
176	330176	022211011862	ĐOÀN MINH	HIẾU	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.5	8.2	3.75	
177	330177	022211008723	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	26/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.5	8.4	3.5	
178	330178	022211004871	NGUYỄN GIA	HIẾU	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	4.8	1.25	
179	330179	034211006796	NGUYỄN MINH	HIẾU	06/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.25	2.6	3.25	
180	330180	022211000289	NGUYỄN MINH	HIẾU	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	7.2	3.75	
181	330181	022211007660	NGUYỄN XUÂN	HIẾU	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.75	4.2	2.75	
182	330182	022211003486	TRẦN VĂN	HIẾU	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	5	2.75	
183	330183	022311000236	NGUYỄN THANH	HOA	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.5	4.6	5.25	
184	330184	022311004570	PHẠM QUỲNH	HOA	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.5	4.4	4.75	
185	330185	022311004178	TRẦN NINH	HÒA	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.75	9.2	6.75	
186	330186	022311009793	LÊ THỊ	HOÀI	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	7	8.25	
187	330187	022211012879	MẠC ĐĂNG	HOÀNG	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7	7.8	8.5	
188	330188	022211004087	NGUYỄN VŨ MINH	HOÀNG	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.5	3.2	5.25	
189	330189	022311002449	PHẠM THỊ THANH	HUỆ	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.75	5.4	4.25	
190	330190	022211007765	BÙI ĐỨC	HÙNG	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.5	2.8	6.75	
191	330191	022211009170	LƯU THẾ	HÙNG	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4	4.8	4	
192	330192	022211004700	NGÔ VIỆT	HÙNG	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7	5.6	5	
193	330193	034211009326	NGUYỄN DUY	HÙNG	13/06/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.25	4.2	4.75	
194	330194	022211000596	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.5	7.4	8.25	
195	330195	022211006387	HOÀNG GIA	HUY	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.5	5.4	6	
196	330196	022211000374	KHỔNG KHÁNH	HUY	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	4	5	
197	330197	022211002972	NGÔ QUỐC	HUY	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6	3.2	0.75	
198	330198	022211012895	NGUYỄN ĐỨC	HUY	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4.75	2.6	1.75	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
199	330199	022211000707	NGUYỄN ĐỨC	HUY	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6	2.8	4.75	
200	330200	022211009470	NINH ĐỨC	HUY	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.75	5.4	7	
201	330201	022211005071	TRẦN ĐỨC	HUY	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	6.6	4.75	
202	330202	022211000725	VŨ ĐỨC	HUY	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.75	9.4	6.5	
203	330203	022311009436	BÙI KHÁNH	HUYỀN	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	8	8.2	7.25	
204	330204	022311005736	ĐẶNG NGỌC	HUYỀN	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	3.75	4.6	1.5	
205	330205	030311010191	NGUYỄN THANH	HUYỀN	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	4.8	3.25	
206	330206	022311001791	TRẦN NGỌC	HUYỀN	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	4.4	3.5	
207	330207	022311005590	TRỊNH NGỌC	HUYỀN	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.5	4.2	4.25	
208	330208	022211007519	ĐỒNG GIA BẢO	HƯNG	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5	4.6	2.75	
209	330209	022211000062	MAI GIA	HƯNG	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	5.4	4.75	
210	330210	022211000260	TRỊNH PHÚC	HƯNG	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	8.25	6	6.5	
211	330211	022211005329	VŨ MINH	HƯNG	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.25	9	4	
212	330212	022311000315	NGUYỄN MINH	HƯƠNG	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.5	6.8	7	
213	330213	022311003786	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	4.6	5.25	
214	330214	022211004496	NGÔ QUANG	KHẢI	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7	7.2	6.75	
215	330215	022211008020	NGUYỄN MINH	KHẢI	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7	8.2	6.5	
216	330216	022211009914	BÙI TRIỆU	KHANG	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	7.6	6.75	
217	330217	022211001432	BÙI DUY	KHÁNH	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	3.5	2	2.25	
218	330218	022211007857	ĐÀO DUY	KHÁNH	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	2.75	2.4	4	
219	330219	022211011229	HOÀNG MINH	KHÁNH	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5	4.4	4.25	
220	330220	022211011646	NGUYỄN DUY	KHÁNH	08/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	5.4	3.25	
221	330221	022211006791	NGUYỄN DUY	KHÁNH	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	8.25	7.6	8.5	
222	330222	022211010797	NGUYỄN DUY	KHÁNH	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.25	8.2	6.5	
223	330223	022211012006	NGUYỄN NAM	KHÁNH	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	7.2	6.75	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
224	330224	022211004481	PHẠM NAM	KHÁNH	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	2.75	7.8	2.5	
225	330225	022211000727	VŨ MINH	KHÁNH	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7	9.2	7.75	
226	330226	022211010080	NGUYỄN VĂN	KHIỂN	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6	4	5.25	
227	330227	022211010583	NGÔ ĐĂNG	KHOA	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.25	9.4	7	
228	330228	022211007292	ĐOÀN QUANG	LÂM	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	9	6.25	
229	330229	022211011871	NGUYỄN MẠNH	LÂM	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7	8	4.5	
230	330230	022211000630	NGUYỄN THANH	LÂM	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.75	9.6	6	
231	330231	022211010841	NGUYỄN VŨ BẢO	LÂM	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	8.8	4	
232	330232	022211005623	TRẦN NGỌC	LÂM	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	3.75	4.8	4.25	
233	330233	022311005052	BẠCH THỊ THÙY	LINH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Mường	THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5	5.8	5.75	
234	330234	022311011929	DƯƠNG KHÁNH	LINH	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.75	7.4	5.75	
235	330235	022311012896	DƯƠNG THÙY	LINH	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	5	4.25	
236	330236	022311000669	ĐINH PHƯƠNG	LINH	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.75	7.2	7.5	
237	330237	022311002201	ĐỖ HÀ	LINH	02/07/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.75	6.4	4	
238	330238	022311004785	HOÀNG THÙY	LINH	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.25	4	3.75	
239	330239	022311000317	LÊ HOÀNG	LINH	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4	3.6	4	
240	330240	022311000155	LÊ NHÃ	LINH	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	3.8	4.5	
241	330241	022311006524	LÊ THỊ HOÀNG	LINH	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.25	2.6	2.5	
242	330242	022311003685	LƯU YẾN	LINH	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.75	7	6.5	
243	330243	022311008834	NGÔ PHƯƠNG	LINH	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	8.25	9.4	6.75	
244	330244	022311003495	NGÔ THỊ THÙY	LINH	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.5	2.2	4.25	
245	330245	022311008587	NGUYỄN BẢO	LINH	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	6.4	4	
246	330246	022311005295	NGUYỄN HÀ	LINH	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.5	6.4	2.75	
247	330247	022311000350	NGUYỄN HOÀNG TÚ	LINH	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.25	8.8	6.75	
248	330248	022311008988	NGUYỄN KHÁNH	LINH	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.25	2	2.5	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
249	330249	022311012220	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	LINH	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.25	7.6	7	
250	330250	022311008029	NGUYỄN NGỌC	LINH	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	5.4	5.25	
251	330251	022311001391	NGUYỄN NGỌC	LINH	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4	5.4	2.25	
252	330252	022311002423	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7	4	3.25	
253	330253	022311007306	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	13/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.5	4.6	3.75	
254	330254	022311012011	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.75	5.6	5.75	
255	330255	022311002571	NGUYỄN THÙY	LINH	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	4	4.75	
256	330256	022311010478	PHẠM DIỆU	LINH	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	5.6	6.75	
257	330257	022311007931	PHẠM KHÁNH	LINH	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6	2.6	1.75	
258	330258	034311001792	PHẠM THỊ	LINH	28/07/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	7	4.25	
259	330259	022311007878	PHẠM THÙY	LINH	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4	3.4	2.5	
260	330260	022311000433	PHẠM THÙY	LINH	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7	6.6	4.25	
261	330261	022311012773	TRẦN BẢO	LINH	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.25	3	3.5	
262	330262	034311012862	TRẦN HÀ BẢO	LINH	18/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.5	4	3.25	
263	330263	022311010124	TRẦN HÀ	LINH	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	7.4	4	
264	330264	022311010274	TRẦN HÀ	LINH	22/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	1.4	5.75	
265	330265	022311006113	TRẦN KHÁNH	LINH	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.5	9	8.5	
266	330266	022311007019	TRẦN NGỌC	LINH	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.25	2.4	2	
267	330267	022311009029	TRẦN PHƯƠNG	LINH	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.75	4.8	4.75	
268	330268	022311011079	VŨ TÙNG	LINH	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	4.5	1.8	1	
269	330269	022311010526	NGUYỄN MAI	LOAN	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7	5	3.5	
270	330270	022311010064	PHẠM THANH	LOAN	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.25	4	4.5	
271	330271	022211013845	BÙI HỒNG	LONG	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	2.75	3.8	3.5	
272	330272	022211012395	DƯƠNG THÀNH	LONG	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4.75	3.2	4.75	
273	330273	030211006743	PHẠM BẢO	LONG	17/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6	3.6	7.25	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
274	330274	022211006850	NGUYỄN NHẬT	LUÂN	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5	3.2	1	
275	330275	022211007011	ĐỖ BÁ	LƯƠNG	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.75	3.4	3.25	
276	330276	022311005843	HÀ KHÁNH	LY	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.25	8.2	6	
277	330277	022311009227	NGÔ KHÁNH	LY	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7	7.4	5	
278	330278	022311000316	NGUYỄN HƯƠNG	LY	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.5	5	1.25	
279	330279	022311010365	LÊ QUỲNH	MAI	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.25	3.6	4.75	
280	330280	022311007964	LÊ THANH	MAI	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	3.4	3.75	
281	330281	022311001538	LƯƠNG NGUYỄN CHÚC	MAI	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.5	5.4	4.25	
282	330282	022311012419	NGUYỄN THANH	MAI	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.75	5	4	
283	330283	022311001499	NGUYỄN THANH	MAI	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6	3.2	3.25	
284	330284	022311006835	TRẦN THỊ	MAI	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.75	4.6	5	
285	330285	022211007659	BÙI ĐỨC	MẠNH	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	3	6.2	1.75	
286	330286	022211000841	ĐỖ LÊ ĐỨC	MẠNH	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5	4.8	3.75	
287	330287	022211003699	ĐỖ TIẾN	MẠNH	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	4.2	3.75	
288	330288	022211002269	PHẠM ĐỨC	MẠNH	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5	4	3.5	
289	330289	022211007836	PHẠM ĐỨC	MẠNH	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7	7	4.25	
290	330290	022311008218	HOÀNG BẢO	MINH	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6	3.2	4.25	
291	330291	022211003626	HOÀNG QUANG	MINH	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	3.4	7	
292	330292	022211009640	LÊ BẢO	MINH	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.25	4.2	6.75	
293	330293	022311008575	NGÔ THỊ NGUYỆT	MINH	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.5	9.2	9.5	
294	330294	022211003648	NGUYỄN ĐỨC	MINH	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.25	4.8	4	
295	330295	022211006753	NGUYỄN HIẾU	MINH	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.5	3.6	3.75	
296	330296	022211011784	NGUYỄN THÀNH	MINH	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6	9	3.5	
297	330297	022211000355	NGUYỄN TRẦN ĐỨC	MINH	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5	4.4	5	
298	330298	022211009076	NGUYỄN TRỊNH NHẬT	MINH	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.5	4	5	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
299	330299	030211007144	NGUYỄN TUẤN	MINH	21/06/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	1.25	3.6	1.5	
300	330300	022211000198	PHẠM NGỌC	MINH	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.75	4.6	6	
301	330301	030211002632	PHẠM TIẾN	MINH	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.5	5	3.5	
302	330302	022211001515	PHẠM VŨ TƯỜNG	MINH	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.25	5.6	3.75	
303	330303	022211009934	TRẦN ANH	MINH	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	2.8	5	
304	330304	022211001508	TRẦN ĐỨC	MINH	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	6.8	4.5	
305	330305	022211007582	TRỊNH CÔNG	MINH	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.25	5.6	3.5	
306	330306	022311006294	ĐÀM TRÀ	MY	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7	6.4	4.5	
307	330307	036311014093	ĐỖ HÀ HẢI	MY	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.5	4.4	3.75	
308	330308	025311005564	ĐỖ TRÀ	MY	07/05/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	6.2	4	
309	330309	022211005439	BẠCH BẢO	NAM	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	2.75	7.2	3.75	
310	330310	022211013146	HÀ LÊ BẢO	NAM	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.25	6.4	5	
311	330311	022211006121	LƯU HOÀNG	NAM	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	9.2	7.75	
312	330312	022211005433	NGÔ NHẬT	NAM	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
313	330313	022211009249	NGUYỄN BẢO	NAM	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.75	5.6	5.25	
314	330314	022211011056	NGUYỄN PHẠM HẢI	NAM	26/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	6.6	6	
315	330315	022311002545	BÙI PHƯƠNG	NGA	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	3.6	4.75	
316	330316	022311002994	HOÀNG PHƯƠNG	NGA	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	5.6	4.75	
317	330317	022311000325	PHẠM THỊ	NGA	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.25	6.4	4	
318	330318	022311011145	PHẠM THỊ QUỲNH	NGA	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6	5	3.5	
319	330319	036311002353	ĐỖ BẢO	NGÂN	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.25	2.6	1.5	
320	330320	022311001780	ĐỖ THỊ	NGÂN	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.5	4.6	2.5	
321	330321	022311002535	NGÔ BẢO	NGÂN	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	3.5	3.8	1	
322	330322	022311011242	NGÔ THỊ KIM	NGÂN	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.5	4.8	4.25	
323	330323	022311003114	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.75	4.8	4	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
324	330324	022311008664	VŨ THỊ KIM	NGÂN	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	8	4.2	3.75	
325	330325	022211010316	NGÔ TUẤN	NGHĨA	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	4.4	6.75	
326	330326	022211003171	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	3.4	3.5	
327	330327	022311003120	CHU HỒNG	NGỌC	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	3.4	5	
328	330328	022311006227	ĐẶNG MỸ	NGỌC	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4	2.4	1.75	
329	330329	022311004464	HOÀNG BẢO	NGỌC	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7	6.4	5.75	
330	330330	022311000465	HOÀNG THÚY	NGỌC	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6	4.2	3.25	
331	330331	022311012348	LÊ BÍCH	NGỌC	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.25	4.4	4	
332	330332	022211002711	LƯ QUANG BẢO	NGỌC	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.5	1.8	1.25	
333	330333	022311002456	NGÔ BẢO	NGỌC	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.5	6.4	4.25	
334	330334	022311009424	NGÔ THANH	NGỌC	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.25	6.8	6	
335	330335	022311004348	NGUYỄN BẢO	NGỌC	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.75	4.6	4.5	
336	330336	022311011991	PHẠM BẢO	NGỌC	07/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.5	7	6.25	
337	330337	022311011291	PHẠM BÍCH	NGỌC	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.5	7.2	5.25	
338	330338	022311007688	PHẠM KHÁNH	NGỌC	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6	2.8	2.25	
339	330339	022311012044	PHẠM THỊ KIM	NGỌC	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.5	9.4	7.75	
340	330340	022311004879	VŨ THỊ TUYẾT	NGỌC	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	4.25	3.4	1	
341	330341	022311001999	DƯƠNG THẢO	NGUYÊN	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	5.5	2.8	3	
342	330342	022211009239	ĐẶNG BÌNH	NGUYÊN	23/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.25	3.6	2.75	
343	330343	022311004770	HOÀNG THẢO	NGUYÊN	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.5	4.4	5.25	
344	330344	022211006385	NGUYỄN LƯƠNG	NGUYÊN	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	4.25	3.6	0.25	
345	330345	022311009556	NINH THỊ THU	NGUYỆT	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.75	2	1.5	
346	330346	022311001193	BÙI THỊ THANH	NHÀN	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	5.6	2.25	
347	330347	022211001956	NGUYỄN THIỆN	NHÂN	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4	5	2.5	
348	330348	022211000335	ĐOÀN ĐÌNH	NHẬT	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.5	3.6	4	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
349	330349	022211000162	LÊ TRỌNG	NHẬT	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	2.5	3.6	3.25	
350	330350	022211008859	NGUYỄN ĐỨC	NHẬT	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	4	4.25	
351	330351	022311001645	NGUYỄN BẢO	NHI	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.25	3.8	4.5	
352	330352	038311019172	NGUYỄN NINH	NHI	20/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	9.6	5.5	
353	330353	022311007979	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.5	5	3.75	
354	330354	022311012576	NGUYỄN TUYẾT	NHI	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	2.8	4	
355	330355	022311012733	NGUYỄN XUÂN	NHI	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.75	5.6	5.25	
356	330356	022311009623	NGUYỄN YẾN	NHI	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	9.6	5.5	
357	330357	022311007571	PHẠM LÊ TUYẾT	NHI	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	8.75	9.2	8	
358	330358	022311010588	TRẦN KHÁNH	NHI	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	6	5.75	
359	330359	022311004435	TRẦN THỊ YẾN	NHI	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5	3	0.25	
360	330360	034311001549	TRẦN YẾN	NHI	14/02/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	7	5.25	
361	330361	022311013738	TRƯƠNG NGỌC	NHI	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.5	4.4	4	
362	330362	022311007461	ĐẶNG HỒNG	NHUNG	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	3.2	1.75	
363	330363	022311001700	VŨ HỒNG	NHUNG	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	3	3	0.75	
364	330364	022311011505	ĐẶNG QUỲNH	NHƯ	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.25	8.6	6.75	
365	330365	022311010087	PHẠM THỊ PHƯƠNG	NINH	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.75	8.4	6	
366	330366	022311007707	VŨ NGỌC HOÀNG	OANH	16/03/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.25	5.4	3	
367	330367	022211005133	NGÔ TIẾN	PHÁT	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4.25	3.2	1	
368	330368	022211008439	NGUYỄN CHẤN	PHONG	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7	3.8	3.5	
369	330369	022211002372	NGUYỄN HẢI	PHONG	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	3.4	4	
370	330370	022211003027	NGUYỄN MINH	PHONG	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6	5.8	2	
371	330371	022211010114	NGUYỄN TUẤN	PHONG	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.75	2.6	2.75	
372	330372	022211005660	PHẠM DUY	PHONG	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	9.6	7.75	
373	330373	022211005024	PHAN DUY	PHONG	21/08/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	7.6	6	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
374	330374	022211012651	TRƯƠNG HOÀNG	PHONG	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	3	2.4	5	
375	330375	022211011758	NGUYỄN MINH	PHÚ	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.5	9.6	8.75	
376	330376	022211000561	LÊ NGUYÊN	PHÚC	03/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.75	9.6	8.75	
377	330377	022311010912	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.75	2.8	3.5	
378	330378	022211009064	NGUYỄN MINH	PHÚC	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7	3.8	6.25	
379	330379	022211006342	NGUYỄN TRẦN MINH	PHÚC	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	3.6	4.25	
380	330380	022211001573	TRẦN XUÂN	PHÚC	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.25	8.6	6	
381	330381	022211001532	VŨ HỒNG	PHÚC	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.25	8	6.75	
382	330382	022211013582	VŨ VĂN	PHÚC	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	4.8	5.75	
383	330383	022211001024	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.25	3.8	4	
384	330384	022211013542	TRẦN NGUYỄN	PHƯỚC	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6	7.4	6.75	
385	330385	022311005669	BÙI NGỌC ĐAN	PHƯƠNG	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	6.6	5	
386	330386	022311005529	CHU HẢI	PHƯƠNG	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7.25	3.8	4.25	
387	330387	022211002252	ĐOÀN TIỀN	PHƯƠNG	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.25	4.6	4.5	
388	330388	031211006154	HOÀNG PHÚ	PHƯƠNG	26/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6	8.6	5.25	
389	330389	022311003439	LÊ MINH	PHƯƠNG	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.25	7.2	5	
390	330390	022211004382	NGÔ DUY	PHƯƠNG	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.25	4.2	3.75	
391	330391	022311006656	NGÔ KỲ	PHƯƠNG	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6	3.4	1.75	
392	330392	022311006604	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	3	3	1	
393	330393	022311004021	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	25/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	8	5	
394	330394	022311004290	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	2.4	3.5	
395	330395	022211000316	PHÙNG MINH	PHƯƠNG	03/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	6	3.25	
396	330396	022311009352	VŨ HÀ	PHƯƠNG	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	4.4	3.25	
397	330397	022311007209	LÊ THỊ NGỌC	PHƯỢNG	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	3.5	2.6	3.25	
398	330398	022311003781	MẠC KIM	PHƯỢNG	27/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.5	6.6	7.25	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
399	330399	022311001393	NGUYỄN KIM	PHƯỢNG	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	3.5	2.2	1	
400	330400	022311002794	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4	2	2.5	
401	330401	022211010910	ĐÀO HUY	QUANG	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7	9	8.5	
402	330402	022211003502	BÙI ĐỨC	QUÂN	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	6.4	4.5	
403	330403	030211000502	ĐỒNG MINH	QUÂN	08/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	7.2	5	
404	330404	022211003224	PHẠM HỒNG	QUÂN	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.75	5	4	
405	330405	022211012648	PHẠM VŨ MINH	QUÂN	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.25	4.2	3.25	
406	330406	022211003811	HOÀNG THẾ	QUÝ	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	4.2	5.25	
407	330407	022211012679	NGUYỄN TIẾN	QUÝ	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4.75	3	3.25	
408	330408	022211013987	LÊ DUY	QUYỀN	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	1.5	4.4	4	
409	330409	022211008294	NGUYỄN VĂN	QUYỀN	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.25	4.2	1	
410	330410	022311007430	NGUYỄN NGỌC	QUỲNH	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	4.75	2.8	4.75	
411	330411	022311008349	NGÔ MAI HẢI	SÂM	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	3	3.6	1	
412	330412	022211002136	NGUYỄN HÀO	SÂM	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6	4	3	
413	330413	022211008064	VŨ BẢO	SƠN	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	9.6	3.25	
414	330414	022211005738	ĐINH MẠNH	TÀI	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6	8	4.25	
415	330415	022211005736	ĐÀO MẠNH	TÂM	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	3.5	5	2.25	
416	330416	022211011227	ĐOÀN XUÂN	TÂM	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	5.8	5	
417	330417	022311004580	HOÀNG THANH	TÂM	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	4	5.75	
418	330418	022211002622	ĐÀO MINH	THÁI	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.25	7.4	6.75	
419	330419	022211005973	NGUYỄN DUY	THÁI	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	4.75	5	1.75	
420	330420	022211008122	NGUYỄN PHÚC	THÁI	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	3.75	3.2	3.5	
421	330421	022211002084	PHẠM LÊ BẢO	THÁI	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	2.25	3.8	2.5	
422	330422	022311001837	ĐINH HẢI	THANH	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	3	4.75	
423	330423	022311012145	PHẠM BÙI LAN	THANH	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5	4.6	3.25	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
424	330424	022311003139	TRỊNH THỊ MAI	THANH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	4.6	4.25	
425	330425	022211011632	ĐỖ PHÚC	THÀNH	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.75	9.2	7.75	
426	330426	022211008953	ĐỖ TIẾN	THÀNH	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	4.2	4.75	
427	330427	031211021419	LÊ ĐỨC	THÀNH	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.25	7.8	3.5	
428	330428	022211002255	NGUYỄN QUỐC	THÀNH	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.25	7	3.5	
429	330429	022311003773	ĐÀO PHƯƠNG	THẢO	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	2.6	3.5	
430	330430	022311007439	ĐỒNG THỊ	THẢO	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.75	3.4	2.75	
431	330431	022311001581	HOÀNG THANH	THẢO	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	4	3	5	
432	330432	022311004107	LƯU PHƯƠNG	THẢO	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	6.4	4	
433	330433	022311007720	NGÔ THỊ PHƯƠNG	THẢO	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	8.25	7.6	6.5	
434	330434	022311007577	NGUYỄN THU	THẢO	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5	4.8	1.5	
435	330435	022211011611	TÔ HUY	THẢO	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	4.75	7	5.75	
436	330436	022311006269	TRẦN LÝ NGỌC	THẢO	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.75	4.2	4.5	
437	330437	022311011861	VŨ HƯƠNG	THẢO	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	8.25	9	5.75	
438	330438	022211010140	AN VĂN	THẮNG	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	7	4.25	
439	330439	022211009793	BÙI QUYẾT	THẮNG	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	1.5	4.2	0.75	
440	330440	022211010504	NGUYỄN CHÍ	THẮNG	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.5	7.6	3	
441	330441	022211013427	NGUYỄN HỮU	THẮNG	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	4.75	2.6	2.75	
442	330442	022211006326	VŨ ĐỨC	THẮNG	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	7.4	6.5	
443	330443	022311012193	ĐÀO THỊ KHÁNH	THI	06/08/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.5	7.4	5.75	
444	330444	022211013756	NGUYỄN ĐÌNH	THI	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	2.2	5.25	
445	330445	022311000636	ĐỖ BÙI HỒNG	THIÊN	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.25	7.8	4.75	
446	330446	022211009094	NGUYỄN ĐỨC	THIỆN	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.5	7.4	3.5	
447	330447	022211002176	VŨ TRƯƠNG	THIỆN	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.25	7	7.5	
448	330448	022211009490	CAO ĐỨC	THỊNH	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.5	7.8	5	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
449	330449	022311000603	VŨ THỊ MINH	THU	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	5.2	5	
450	330450	022311004144	VŨ THANH	THUỶ	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	2.75	4.6	1.5	
451	330451	022311003672	PHẠM NGỌC	THÙY	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.75	2.8	2.75	
452	330452	022311006168	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.75	3	4	
453	330453	022311004118	NGÔ PHƯƠNG	THÚY	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.25	8	6.25	
454	330454	022311007080	NGUYỄN MAI	THÚY	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.25	5.4	4.25	
455	330455	022311001676	ĐỖ HÀ	THƯ	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	4	3.5	
456	330456	022311004639	HOÀNG ANH	THƯ	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6	2.4	3.25	
457	330457	022311006497	HOÀNG ANH	THƯ	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.5	8	4	
458	330458	022311004951	LÊ ANH	THƯ	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.25	3	5.25	
459	330459	022311003883	LÊ ANH	THƯ	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	4.5	3.4	3.25	
460	330460	022311005764	NGÔ THỊ THANH	THƯ	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7	9.2	5.75	
461	330461	022311000282	NGUYỄN ANH	THƯ	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	7	4.4	3.5	
462	330462	022311002651	NGUYỄN ANH	THƯ	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	8.25	6.2	8	
463	330463	022311007723	NGUYỄN MINH	THƯ	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	8.25	8.8	5.5	
464	330464	022311001145	PHẠM ANH	THƯ	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.75	5.2	5.25	
465	330465	022311000318	VŨ ANH	THƯ	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4	2	2.25	
466	330466	022311005948	VŨ ANH	THƯ	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.5	3.6	1.25	
467	330467	022211010739	HOÀNG TRỌNG	THỨC	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4.5	2.6	3.25	
468	330468	022311007827	NGÔ THỊ KIỀU	THƯƠNG	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.25	7.4	5.5	
469	330469	022311001590	NGUYỄN VŨ QUỲNH	THƯƠNG	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.5	6.6	5.75	
470	330470	022311006541	KHÚC KHÁNH	THY	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.25	6.4	7.5	
471	330471	022311007392	ĐẶNG THỦY	TIÊN	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4.5	3.6	3	
472	330472	022211006111	HOÀNG ANH	TIẾN	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	1.5	4.2	2	
473	330473	022211000595	LÊ QUANG	TIẾN	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	2.5	2.8	4	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
474	330474	022211006217	NGÔ HOÀNG	TIẾN	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	1.5	1.4	0.5	
475	330475	022211006692	NGÔ VĂN	TIẾN	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.25	2.6	4	
476	330476	022211004500	NGUYỄN ĐỨC	TIẾN	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
477	330477	022211013062	NGUYỄN QUYẾT	TIẾN	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.5	5.6	4.25	
478	330478	022211000375	VŨ MẠNH HIỀN	TIẾN	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	5	3.5	
479	330479	022311003828	ĐOÀN NGỌC	TRANG	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.25	2.4	3	
480	330480	022311006360	ĐỖ HOÀNG BẢO	TRANG	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	4.2	4.25	
481	330481	022311005848	HOÀNG LÊ BẢO	TRANG	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.5	4.4	4.75	
482	330482	022311007711	KHÚC THỊ HUYỀN	TRANG	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.25	2.2	2.5	
483	330483	022311007465	LÊ HUYỀN	TRANG	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	8	7	5	
484	330484	022311006794	NGÔ MINH	TRANG	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	5	2	
485	330485	022311000320	NGUYỄN MINH	TRANG	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	5.4	5	
486	330486	022311008793	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	8.5	5.8	6	
487	330487	022311011169	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7	7.6	6.5	
488	330488	030311019191	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.75	4.6	3.5	
489	330489	022311006166	NGUYỄN THU	TRANG	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7	4	4.5	
490	330490	024311006906	TRẦN KIỀU	TRANG	04/03/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.5	8.8	4.5	
491	330491	022311008729	VŨ HUYỀN	TRANG	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7	3.4	4.75	
492	330492	022311003998	NGUYỄN BẢO	TRÂM	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.25	6.2	6	
493	330493	022311009550	NGUYỄN THÙY	TRÂM	09/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.75	5.6	7	
494	330494	022311003033	NGUYỄN THÙY	TRÂM	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7	5.6	3.75	
495	330495	038311024110	TRỊNH THỊ HUYỀN	TRÂM	18/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.25	3.6	3.5	
496	330496	022311009672	VŨ THÙY	TRÂM	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.5	6.2	4.75	
497	330497	052211012579	NGUYỄN MINH	TRÍ	09/01/2011	Tỉnh Gia Lai	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	4.5	5.6	6.75	
498	330498	022211000326	PHẠM MINH	TRIẾT	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.75	6.8	5.5	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
499	330499	020211000036	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG	06/08/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.75	5.2	3	
500	330500	022211003435	BÙI MINH	TRÚC	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.75	8.4	5.5	
501	330501	022311011915	LÊ THỊ THANH	TRÚC	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.25	4.6	5.25	
502	330502	022311000305	NGUYỄN THANH	TRÚC	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6.5	10	7.5	
503	330503	022311009055	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.25	3	2.25	
504	330504	022311002754	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	8	3.8	5.5	
505	330505	022311013782	PHẠM THANH	TRÚC	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5	4.4	2.25	
506	330506	022211010719	NGÔ QUỐC	TRUNG	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6	5.8	5.75	
507	330507	022211013415	NGUYỄN ĐÌNH	TRUNG	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5.5	3.6	3.25	
508	330508	022211012510	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.75	9.6	7.75	
509	330509	022211008232	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	5.6	5	
510	330510	022211008716	NGUYỄN TIẾN	TRUNG	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6	7.8	4.5	
511	330511	022211012072	TÔ ĐOÀN BẢO	TRUNG	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	4	3	
512	330512	022211007662	ĐẶNG THANH	TÚ	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Dao	THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
513	330513	022311012305	HOÀNG THỊ CẨM	TÚ	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6.5	7.4	5.5	
514	330514	022211005084	NGÔ ANH	TÚ	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6	5.2	5	
515	330515	022211004595	TÔ TUẤN	TÚ	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	8	8.75	
516	330516	022211003197	ĐOÀN HỮU	TUẤN	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.25	9.8	6.5	
517	330517	022211008151	HOÀNG ANH	TUẤN	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	3.75	3	7.75	
518	330518	022211012669	NGÔ ANH	TUẤN	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.75	6	5.25	
519	330519	022211006746	NGÔ VIỆT	TUẤN	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4.75	5.4	1.75	
520	330520	022211009463	NGUYỄN ANH	TUẤN	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7	9.6	5.5	
521	330521	022211003944	NGUYỄN THÁI	TUẤN	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	6	9.8	6.25	
522	330522	024211011406	TĂNG NHẬT	TUỆ	16/05/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	5	3.4	3.25	
523	330523	022211014096	ĐỖ DANH	TÙNG	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.25	5.8	6.25	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
524	330524	022211000950	ĐỖ THANH	TÙNG	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.5	2.4	0.75	
525	330525	022311008809	ĐÀO THỊ ÁNH	TUYẾT	15/02/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.5	3.2	5.75	
526	330526	022311006302	BÙI PHƯƠNG	UYÊN	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5	2.2	0.75	
527	330527	022311008706	ĐẶNG THỊ MAI	UYÊN	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	7.75	8.2	7.5	
528	330528	022311007266	NGUYỄN THỊ LAN	UYÊN	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.25	3.4	3.25	
529	330529	022211012858	TRẦN ANH	VĂN	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6	6	6.25	
530	330530	022311006442	NGUYỄN HÀ	VI	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê II	Tiếng Anh	4.5	2.6	3.25	
531	330531	022311006573	NGUYỄN HÀ	VI	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.25	8.2	5	
532	330532	022311012158	NGUYỄN TƯỜNG	VI	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6	7.8	7	
533	330533	022211006378	BÙI HOÀNG	VIỆT	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	7	4.75	
534	330534	022211002902	LÊ HOÀNG	VIỆT	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6.5	8.2	9.5	
535	330535	022211007656	LÊ PHẠM QUỐC	VIỆT	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	4.75	3	3.75	
536	330536	022211002463	ĐẶNG TUẤN	VINH	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	4	3	
537	330537	022211004439	ĐỖ CHÍ	VINH	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	5	4.25	
538	330538	022211009817	GIÁP VĂN	VŨ	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.75	5.4	4	
539	330539	022211010580	NGUYỄN ANH	VŨ	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	0.25	2.6	1.75	
540	330540	022311002317	NGUYỄN NGUYÊN	VŨ	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	6	2.4	2.5	
541	330541	022211004854	PHẠM DUY	VƯƠNG	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	2.5	3.2	1.25	
542	330542	022311005002	NGUYỄN KIM	VƯỢNG	23/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	6.25	3.6	2	
543	330543	022311004081	BÙI QUỲNH	VY	17/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	3.75	2	1	
544	330544	022311000646	HOÀNG CÁT TƯỜNG	VY	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.25	5.8	4.25	
545	330545	022311000103	HOÀNG THẢO	VY	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5.75	2	3.25	
546	330546	022311002261	NGÔ NGỌC KHÁNH	VY	01/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6	3.2	3	
547	330547	022311012000	NGUYỄN THỊ HÀ	VY	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	4.25	5.2	4	
548	330548	022311001715	NGUYỄN TRẦN THẢO	VY	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.75	8	7.5	

Đơn vị: THPT Hoàng Hoa Thám (22_HD_033)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
549	330549	022311000326	PHẠM ĐỨC HÀ	VY	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	6	2.8	3.5	
550	330550	022311006809	PHẠM PHƯƠNG	VY	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.75	5	4	
551	330551	022311007127	TRẦN BẢO	VY	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	7.75	8.6	5	
552	330552	022211013077	TRẦN HOÀNG	VỸ	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.25	3.2	6	
553	330553	022311004385	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	4.75	3.4	3.25	
554	330554	022311006050	ĐẶNG THỊ HẢI	YẾN	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	5	4.2	2.5	
555	330555	022311012727	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	21/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hoàng Quế	Tiếng Anh	7.75	6	6	
556	330556	022311012412	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Yên Đức	Tiếng Anh	5.5	2.8	2.75	

(Danh sách này gồm có 556 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	340001	022311000278	DƯƠNG BÌNH	AN	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	8	9	8.5	
2	340002	022311001356	ĐOÀN THU	AN	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.75	8.2	7	
3	340003	022211008758	ĐỖ MINH	AN	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.5	8	5	
4	340004	022211001398	LÊ ĐỨC	AN	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.25	8.4	5.25	
5	340005	022211002377	LÊ TRẦN ĐẠI	AN	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.5	7.4	8	
6	340006	022311008717	LƯƠNG THỊ HÒA	AN	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6.5	5	3.75	
7	340007	022211009819	NGÔ QUỐC THÁI	AN	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	6.6	4.5	
8	340008	022311005596	NGUYỄN BẢO	AN	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6.25	4.2	3.5	
9	340009	022211011799	NGUYỄN HẢI	AN	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.75	5.8	2.5	
10	340010	022311005383	NGUYỄN NGỌC BẢO	AN	01/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	8.8	6.75	
11	340011	022311010431	NGUYỄN THỊ HOÀI	AN	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.75	6.4	5.5	
12	340012	022311001933	NGUYỄN THU	AN	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.75	8	5.25	
13	340013	022311009192	NGUYỄN THU	AN	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	5.8	3.75	
14	340014	022311004616	NGUYỄN THÙY	AN	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	7.4	4	
15	340015	022211007566	NGUYỄN TRƯỜNG	AN	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	4.5	6.2	5	
16	340016	022311008086	PHẠM NGỌC BẢO	AN	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.75	9.4	8.5	
17	340017	030311016588	TRẦN KHÁNH	AN	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	9.4	7.5	
18	340018	022311010043	BÙI NGUYỄN LAN	ANH	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6	5.6	3.5	
19	340019	022311007094	BÙI PHƯƠNG	ANH	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	3.8	3.75	
20	340020	022211011380	CAO TUẤN	ANH	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6	4	1.75	
21	340021	022311009418	CAO VY	ANH	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.5	4.8	4.25	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
22	340022	022311001721	ĐẶNG QUỲNH	ANH	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.75	5	2.75	
23	340023	022311000185	ĐINH MINH	ANH	28/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	5	4.25	
24	340024	022311001495	ĐOÀN DIỆU KIỀU	ANH	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	8	5	4.5	
25	340025	022211008415	ĐOÀN THANH TUẤN	ANH	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6.25	5	5.75	
26	340026	091311008303	ĐỖ HOÀNG TRÚC	ANH	16/07/2011	Tỉnh An Giang	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.25	7.4	7	
27	340027	022311007927	KHỔNG MINH	ANH	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	2.8	4.25	
28	340028	022211004117	LÊ ĐỨC	ANH	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.25	8.2	6.5	
29	340029	022211013896	LÊ ĐỨC	ANH	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.5	9.6	5.25	
30	340030	022311003851	LÊ HOÀNG	ANH	18/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	7.8	7	
31	340031	022311001015	NGUYỄN BẢO	ANH	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.5	5.8	4.75	
32	340032	022211013001	NGUYỄN DUY	ANH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7	3	4	
33	340033	022311012962	NGUYỄN HẢI	ANH	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.75	2.6	2.25	
34	340034	022311001696	NGUYỄN LAN	ANH	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	6.4	6.25	
35	340035	022311001707	NGUYỄN MAI	ANH	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.75	4.6	5	
36	340036	022311006937	NGUYỄN MỸ	ANH	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.75	3.8	5.25	
37	340037	022311012033	NGUYỄN NGỌC	ANH	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.5	4.6	6	
38	340038	022311000265	NGUYỄN NGỌC NHƯ	ANH	30/05/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.25	7	5	
39	340039	022311006332	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.75	4.4	4.5	
40	340040	022311009378	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.5	5.6	5	
41	340041	022311008934	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.75	8	4.5	
42	340042	022311009647	NGUYỄN QUỲNH	ANH	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	8	8.4	4.5	
43	340043	022311001196	NGUYỄN QUỲNH	ANH	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.25	8	7.5	
44	340044	022311005348	NGUYỄN THỊ CHÂM	ANH	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6	6	6.75	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
45	340045	022311005319	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	3	2.6	1.5	
46	340046	022311009708	NGUYỄN TRÂM	ANH	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	4.8	3.75	
47	340047	022211010078	NGUYỄN TUẤN	ANH	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	4.75	2.8	2.75	
48	340048	036311000224	NGUYỄN TƯỜNG	ANH	11/12/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.75	8.2	6.75	
49	340049	030211005416	PHẠM ĐỨC	ANH	18/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.25	8	7	
50	340050	022211010024	PHẠM HOÀNG	ANH	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.5	8.8	8	
51	340051	022311009785	PHẠM KIM	ANH	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	4.5	3.8	4.75	
52	340052	022311003514	PHẠM LAN	ANH	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.25	6.4	5	
53	340053	019311009273	PHẠM NGUYỄN NGỌC	ANH	07/04/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	3.75	3.6	3.25	
54	340054	030311000294	PHẠM QUỲNH	ANH	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.5	7.6	4	
55	340055	022311005074	PHẠM THỊ MAI	ANH	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.75	5.2	3.25	
56	340056	022211004046	TRẦN ĐỨC	ANH	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	5.75	2.8	4.25	
57	340057	030311005936	TRẦN NGÔ PHƯƠNG	ANH	10/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	6	5.5	
58	340058	022311007029	TRẦN PHƯƠNG	ANH	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.75	7.2	4.75	
59	340059	022311000288	TRẦN VÂN	ANH	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7	6	5.5	
60	340060	022311000208	TRIỆU HIẾU	ANH	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	3.25	4.4	2	
61	340061	022311003664	TRỊNH NGỌC QUỲNH	ANH	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.25	9.2	7.75	
62	340062	022311006305	TRƯƠNG NGUYỄN MINH	ANH	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	4.25	4.6	3.75	
63	340063	022311006607	VŨ BẢO	ANH	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6.25	8.4	5.25	
64	340064	022211000218	VŨ ĐỨC	ANH	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.25	6.6	7.5	
65	340065	022311001829	VŨ MỸ	ANH	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.75	6.8	4.75	
66	340066	022311005029	VƯƠNG QUỲNH	ANH	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.25	8.8	7	
67	340067	022311013775	BÙI BẢO	ÁNH	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.25	8.6	6.25	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
68	340068	022311008671	BÙI NGỌC	ÁNH	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	5.5	4.4	4	
69	340069	022311010084	ĐẶNG NGỌC	ÁNH	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.25	4.8	5.25	
70	340070	035311008812	NGUYỄN NHƯ	ÁNH	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.25	7.8	5	
71	340071	022211003882	ĐỖ ĐĂNG GIA	BẢO	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.25	2	3	
72	340072	022211007233	LỤC GIA	BẢO	08/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.25	8.4	5	
73	340073	022211013948	NGÔ GIA	BẢO	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	4.75	5.2	3.75	
74	340074	022211010735	NGUYỄN CHÍ GIA	BẢO	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	7	6	
75	340075	030211000335	NGUYỄN ĐỨC	BẢO	03/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	4.25	7	3.75	
76	340076	022211013164	NGUYỄN GIA	BẢO	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.5	8.2	5.5	
77	340077	022211013622	NGUYỄN THÁI	BẢO	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	5.4	5	
78	340078	015211007894	TRẦN GIA	BẢO	23/12/2011	Tỉnh Lào Cai	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	7.4	6.75	
79	340079	022211005562	VŨ GIA	BẢO	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	7.4	7.75	
80	340080	022211012226	NGUYỄN XUÂN	BẮC	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	5.2	4.75	
81	340081	022211000332	NGUYỄN BÙI PHI	BẰNG	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6	6.6	6	
82	340082	022211004186	ĐỖ THANH	BÌNH	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6	6.6	5.25	
83	340083	022211000211	HOÀNG VĂN	BÌNH	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.75	5	4.75	
84	340084	022311004972	HOÀNG THỊ NGỌC	CHÂM	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.5	6	5.25	
85	340085	022311000238	TRẦN BẢO	CHÂM	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.75	4.8	4	
86	340086	022211003149	NGÔ BẢO	CHÂU	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	8	9.25	
87	340087	022310006803	BÙI THỊ KHÁNH	CHI	17/03/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	4.75	5.6	3	
88	340088	022311006091	ĐẶNG THÙY	CHI	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	6.6	7.25	
89	340089	022311013694	NGUYỄN KIM	CHI	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	9.4	8.75	
90	340090	022311008763	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	CHI	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.25	9.2	8	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
91	340091	022311006637	NGUYỄN QUỲNH	CHI	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	6.2	4.25	
92	340092	030311000250	VŨ UYỂN	CHI	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	9	4.25	
93	340093	022211014816	NGUYỄN ĐỨC	CHUNG	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5	5.2	4.25	
94	340094	022211000216	LÊ MINH	CƯỜNG	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.5	6.8	5.5	
95	340095	022211011329	NGUYỄN ĐỨC	CƯỜNG	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.25	4.6	4.5	
96	340096	022211009653	VŨ TIẾN	CƯỜNG	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	6.8	7.5	
97	340097	022211008119	DƯƠNG DOÃN	DÂN	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.75	8.4	5	
98	340098	022311000859	LÊ NGỌC	DIỆP	02/08/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.75	6.4	5.25	
99	340099	022311003790	NGUYỄN BẢO	DIỆP	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	8	8.2	6.75	
100	340100	022311004049	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆP	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	7.6	5.75	
101	340101	022311000266	PHẠM HẢI	DIỆP	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	8.25	8.6	5.5	
102	340102	022311000336	PHAN NGỌC	DIỆP	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.75	9.8	8	
103	340103	022311010819	VŨ NGỌC	DIỆP	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	9	5.5	
104	340104	022311001395	VŨ NGỌC	DIỆP	30/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6	5.8	4.5	
105	340105	022311000241	PHẠM HUYỀN	DIỆU	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.25	7	6	
106	340106	022311002167	ĐỖ DOANH	DOANH	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	8.5	5.2	5.25	
107	340107	022211005157	BÙI ĐÌNH	DŨNG	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6.75	7.8	5	
108	340108	022211002027	KHỔNG TRÍ	DŨNG	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.25	7.4	5.75	
109	340109	022211004224	LÊ MẠNH	DŨNG	17/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	3.75	4.2	6.25	
110	340110	022211009576	NGUYỄN QUANG	DŨNG	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	8.4	6.75	
111	340111	022211005883	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	1.75	2.8	0.75	
112	340112	022211003090	NGUYỄN XUÂN	DŨNG	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	2.5	3.2	3.75	
113	340113	022211005402	SỲ ANH	DŨNG	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	2	5.6	2.5	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
114	340114	022211002968	CAO THANH	DUY	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	4.25	3.8	4	
115	340115	022211002820	NGUYỄN NGỌC	DUY	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.25	9	5.75	
116	340116	022211000234	NGUYỄN TRÍ	DUY	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	4.75	5	4	
117	340117	036311018380	HOÀNG NGỌC KHÁNH	DUYÊN	10/02/2011	Thành phố Đồng Nai	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6.75	3.6	4.75	
118	340118	022311002538	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	03/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	4.75	2	2.25	
119	340119	022311000335	PHAN KỲ	DUYÊN	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.25	9.4	6.5	
120	340120	022311012349	TRẦN THỊ	DUYÊN	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.25	5.8	4.25	
121	340121	022211012481	CAO HOÀNG	DƯƠNG	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.5	5.8	4	
122	340122	022211006717	ĐỖ ĐĂNG	DƯƠNG	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6	6.4	3	
123	340123	022311006738	NGUYỄN THUỲ	DƯƠNG	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.5	8.8	5.5	
124	340124	022211011553	NGUYỄN TÙNG	DƯƠNG	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.75	5.4	6.5	
125	340125	022211007126	PHẠM ĐỨC	DƯƠNG	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	2.25	4	3.75	
126	340126	022211011545	PHẠM ĐỨC	DƯƠNG	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6	5.6	5.5	
127	340127	022211002647	LÊ ĐỨC	ĐAM	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.75	4.4	4.5	
128	340128	022211004793	LÊ TIẾN	ĐẠT	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	4.8	4.75	
129	340129	022211000254	NGUYỄN CAO	ĐẠT	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.25	3.2	6.5	
130	340130	022211002689	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	4.75	5.6	2.75	
131	340131	022211001110	TRƯƠNG THÀNH	ĐẠT	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	2.5	1.8	1.75	
132	340132	022211010236	VŨ THÀNH	ĐẠT	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.25	7	5.25	
133	340133	022211008557	LÝ BẢO	ĐIỀN	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.75	8	4.75	
134	340134	034211015115	NGUYỄN QUỐC	ĐIỀN	01/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	2.5	9.4	4	
135	340135	022211000257	BÙI TỐ ANH	ĐÔNG	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7	9.4	9.25	
136	340136	022211002054	ĐỖ DUY MINH	ĐỨC	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6	8.8	7.5	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
137	340137	022211007789	NGUYỄN BÙI ANH	ĐỨC	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.5	7	5.5	
138	340138	022211004199	NGUYỄN MINH	ĐỨC	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	8	6.25	
139	340139	022211013070	NGUYỄN MINH	ĐỨC	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	8	5	
140	340140	022311011327	LÊ HƯƠNG	GIANG	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6	5.6	5.25	
141	340141	022311001047	LÊ THỊ THÙY	GIANG	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	8.75	7.8	4	
142	340142	022311012150	NGUYỄN PHÚC HƯƠNG	GIANG	12/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	9.8	4.75	
143	340143	022311008187	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7	7.6	4.25	
144	340144	022311008372	NGUYỄN THỊ TRIỀU	GIANG	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.5	4.4	4	
145	340145	022311010420	TRẦN THỊ HÀ	GIANG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.75	4	1.75	
146	340146	022211003044	BÙI TỐ	GIAO	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	2.25	2.6	0.75	
147	340147	022211002813	BÙI THÀNH	GIÁP	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.75	9	7	
148	340148	022211014633	CAO HOÀNG	HÀ	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6.75	5.6	4.75	
149	340149	022311011885	DƯƠNG ĐOÀN THU	HÀ	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	8.5	9.6	8	
150	340150	022211009687	ĐẶNG VIỆT	HÀ	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.25	3.4	2.75	
151	340151	022311008011	ĐỖ NGỌC	HÀ	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	5	3	1.25	
152	340152	022311012135	HOÀNG THU	HÀ	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	4.25	2.8	1.5	
153	340153	022311006587	HOÀNG VÂN	HÀ	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.75	3.4	4.75	
154	340154	022311000260	NGÔ NGỌC	HÀ	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	7.8	7.25	
155	340155	022311004913	NGUYỄN THỊ BẢO	HÀ	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4	2	2.75	
156	340156	022311006221	NGUYỄN VIỆT	HÀ	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.25	7.6	4.75	
157	340157	022311004180	PHÙNG NGỌC	HÀ	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	7.4	5.5	
158	340158	022311010288	TRẦN THÁI	HÀ	21/05/2011	Tỉnh Gia Lai	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	3.6	3	
159	340159	022311002038	TRẦN THỊ	HÀ	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	4.75	3.6	4.25	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
160	340160	022311001463	VƯƠNG NGÂN	HÀ	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.25	3	3.25	
161	340161	022211007600	ĐỖ LÊ	HẢI	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Phương Đông	Tiếng Anh	4.75	5.8	4.75	
162	340162	022211002549	LÊ NGỌC	HẢI	03/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.75	6.4	5.25	
163	340163	022211009674	TRẦN NGỌC	HẢI	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6	9.6	6	
164	340164	022211002814	TRẦN TRUNG	HẢI	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	4.75	8.2	5	
165	340165	022311003200	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.25	7.4	5.5	
166	340166	022211007882	DƯƠNG GIA	HÀO	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.25	3.8	4	
167	340167	022311000640	ĐẶNG TÚ	HẢO	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.75	5.6	3.5	
168	340168	022311009902	ĐOÀN THỊ MINH	HẰNG	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	7.2	6.5	
169	340169	022311009731	ĐỖ DIỆU	HẰNG	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	3.6	5.75	
170	340170	022311011192	NGUYỄN MINH	HẰNG	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.5	3.8	2.75	
171	340171	022311010959	NGUYỄN MINH	HẰNG	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	3	5	
172	340172	022311005724	NGUYỄN THANH	HẰNG	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7	7.8	5.5	
173	340173	022311001826	NGUYỄN THỊ NGỌC	HẰNG	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6	4.4	4.75	
174	340174	022311012463	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	8	7.2	5.75	
175	340175	022311006698	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.75	3.6	5.25	
176	340176	022311000251	NGUYỄN THÚY	HẰNG	06/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	8.5	6.4	6.75	
177	340177	022311002575	TRỊNH THỊ	HẰNG	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.75	7.4	7.25	
178	340178	022311009244	ĐẶNG GIA	HÂN	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.75	6	3.75	
179	340179	022311011226	NGUYỄN NGỌC BẢO	HÂN	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6	7.6	3.5	
180	340180	022311002249	PHẠM GIA	HÂN	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	8.25	9	9	
181	340181	022311011634	VŨ GIA	HÂN	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	2.5	4.2	5	
182	340182	022311007482	VƯƠNG GIA	HÂN	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6	7.8	5.75	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
183	340183	030311003501	NÔNG THỊ	HẬU	07/03/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.25	5.4	3.75	
184	340184	022311013754	ĐINH THẢO	HIỀN	14/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.75	8	7.75	
185	340185	022311011783	NGUYỄN KHÁNH	HIỀN	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	3.4	2.25	
186	340186	022311001939	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.5	6.6	4.25	
187	340187	022311003337	NGUYỄN THU	HIỀN	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	4.75	5.2	3.5	
188	340188	022311009688	VŨ THU	HIỀN	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6	4	4.5	
189	340189	022211000467	ĐẶNG ĐÌNH	HIẾU	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.25	4.2	4.5	
190	340190	022211005232	ĐẶNG ĐỨC	HIẾU	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.25	4.4	4	
191	340191	022211005129	ĐỖ ĐÌNH	HIẾU	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	5.4	3.25	
192	340192	022211007927	HỒ NGUYỄN MINH	HIẾU	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.75	6	5	
193	340193	022211006152	LÊ QUANG	HIẾU	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	2.8	2	
194	340194	022211011873	LÊ TRỌNG	HIẾU	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	5.2	7.25	
195	340195	022211000880	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	2.25	2.4	1.25	
196	340196	022211011525	NGUYỄN VĂN	HIẾU	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	7.8	3.75	
197	340197	022211006148	TRẦN NGỌC	HIẾU	12/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	8	7	7	
198	340198	022211010259	TRỊNH ĐÌNH CHÍ	HIẾU	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	8.25	9.4	8.5	
199	340199	036211011947	VŨ MINH	HIẾU	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	2.5	5.6	5	
200	340200	022311002594	BÙI THỊ THANH	HOA	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6.75	5.6	5	
201	340201	022311009200	NGUYỄN ĐỖ THANH	HOA	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.75	3	3.5	
202	340202	022311001875	NGUYỄN NGỌC	HOA	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	4.2	4.75	
203	340203	022311003253	VŨ THANH	HOA	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7	7.2	5.75	
204	340204	022311000276	LÊ THỊ KHÁNH	HÒA	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	8	5.6	4.25	
205	340205	022211010591	BÙI PHAN XUÂN	HOÀNG	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.25	2.6	4	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
206	340206	022211007833	NGUYỄN MINH	HOÀNG	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	2.25	2.6	2	
207	340207	022211006020	NGUYỄN TIẾN	HOÀNG	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	7.2	6.75	
208	340208	027211005527	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	09/10/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	7.4	7.5	
209	340209	035311002900	NGUYỄN THỊ	HỒNG	14/02/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	3.6	4.25	
210	340210	022211000258	ĐỖ VIỆT	HÙNG	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6.25	8	5.75	
211	340211	022211007610	LÊ HUY	HÙNG	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5	3.2	4.25	
212	340212	022211008285	NGUYỄN HUY	HÙNG	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6	6.6	3.75	
213	340213	022211012644	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	4.2	4	
214	340214	022211006071	PHẠM MẠNH	HÙNG	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	7.2	6.75	
215	340215	022211007104	NGUYỄN PHẠM GIA	HUY	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	6.4	7	
216	340216	030211010032	NGUYỄN VĂN	HUY	20/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.25	7.2	3	
217	340217	022211003491	VŨ BẢO	HUY	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	4.4	5	
218	340218	022211000244	VŨ DUY	HUY	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6	3	3.5	
219	340219	022311008476	NGUYỄN MAI	HUYÊN	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.25	3.2	5	
220	340220	022311001898	LÊ THU	HUYỀN	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	3	3	
221	340221	022311012210	NGUYỄN HOÀNG THU	HUYỀN	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.75	5.2	6.25	
222	340222	030311000090	NGUYỄN THU	HUYỀN	23/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.75	7.6	2.75	
223	340223	022211013084	BÙI QUANG	HƯNG	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	4.75	5.4	4.5	
224	340224	022211000164	ĐỖ KHÁNH	HƯNG	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.75	7.6	5.5	
225	340225	022211004173	NGUYỄN DUY	HƯNG	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	4.4	4.25	
226	340226	022211004182	NGUYỄN ĐÌNH	HƯNG	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	7	5.5	
227	340227	022210006662	TRỊNH GIA	HƯNG	05/01/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.25	8.8	7.25	
228	340228	022211007120	ỨNG DUY	HƯNG	03/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6.5	9.2	6.25	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
229	340229	022311005241	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	2.4	2.75	
230	340230	022311011360	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6.5	2.4	4.75	
231	340231	022311000581	TRẦN THU	HƯƠNG	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	6.4	4.5	
232	340232	022311000347	TRỊNH THỊ THANH	HƯƠNG	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	3.5	3.8	4	
233	340233	022211009761	LÊ MẠNH	HƯỞNG	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	5.75	6.4	5.5	
234	340234	040211004174	VŨ HỮU	KHẢI	23/06/2011	Tỉnh Nghệ An	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	3.5	3	3	
235	340235	022211004951	BÙI HUY	KHANG	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	5	6.6	4.75	
236	340236	022211013139	ĐINH MINH	KHANG	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.75	3.2	4.75	
237	340237	022211010419	NGUYỄN ĐỨC	KHANG	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.25	5.6	5.25	
238	340238	022211001720	PHẠM HIẾU	KHANG	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.25	5.2	6.75	
239	340239	022211000624	BÙI KIM AN	KHÁNH	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.25	6.4	8	
240	340240	022211007752	ĐẶNG NGỌC	KHÁNH	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.25	7.6	5.75	
241	340241	022211000328	ĐỖ ĐĂNG	KHÁNH	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.75	4.8	3.75	
242	340242	022211008229	NGUYỄN MINH	KHÁNH	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	3.6	2.5	
243	340243	022311005849	NGUYỄN THỊ NGÂN	KHÁNH	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.25	4.6	1.75	
244	340244	022211002296	TRẦN NAM	KHÁNH	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	5.4	4.75	
245	340245	022211002581	VŨ DUY	KHÁNH	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	4.2	4.75	
246	340246	022211008808	LÊ ĐĂNG	KHOA	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5	6.8	6	
247	340247	022211008058	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	4.6	4.5	
248	340248	022211002789	TRẦN ANH	KHOA	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	4.5	6	4.75	
249	340249	022211004069	NGUYỄN ANH	KHÔI	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.75	2.2	3.75	
250	340250	022211011964	NGUYỄN THÁI	KIÊN	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	3.6	6.5	
251	340251	022211000185	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	7.8	6.25	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
252	340252	022211010377	PHẠM ĐỨC	KIÊN	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6	8.4	8.75	
253	340253	022211007274	PHẠM GIA	KIÊN	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	3.4	4.75	
254	340254	022211010802	VŨ TRUNG	KIÊN	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6.75	8.2	5	
255	340255	022211013959	BÙI QUỐC	KIỆT	30/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.25	5.8	5.75	
256	340256	022211003235	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	7	5.25	
257	340257	022211005169	TRỊNH TUẤN	KIỆT	29/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.75	6.6	4.75	
258	340258	022311009845	ĐẶNG GIANG	LAM	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.5	6	3.75	
259	340259	022311013617	BÙI THỊ NGỌC	LAN	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	5.75	3.6	4	
260	340260	022311002554	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	15/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6	4.2	2.5	
261	340261	022311008333	TRỊNH THỊ MAI	LAN	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	8.25	8.2	6.5	
262	340262	022211011175	ĐOÀN PHÚC	LÂM	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	6.8	5	
263	340263	022211004970	NGÔ PHÚC	LÂM	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7	6.4	6.5	
264	340264	022211006145	TRẦN BẢO	LÂM	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6	2.4	0.75	
265	340265	022311000271	BÙI KHÁNH	LINH	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7	8.2	5.5	
266	340266	022311011630	BÙI NGỌC	LINH	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.25	3.6	4.25	
267	340267	022311007745	BÙI PHẠM HÀ	LINH	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	4.5	7.4	4.25	
268	340268	022311009770	ĐẶNG DIỆU	LINH	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	9	9	6.5	
269	340269	022311007375	ĐẶNG THỊ THÙY	LINH	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6	3.2	1.25	
270	340270	022311007503	ĐỖ HÀ	LINH	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7	5	7	
271	340271	022311009195	ĐỖ KHÁNH	LINH	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	5.8	4.75	
272	340272	022311010948	ĐỖ NGUYỄN THÙY	LINH	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	5.8	3.5	
273	340273	034311013621	ĐỖ PHẠM DIỆP	LINH	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.25	7.2	7	
274	340274	022311006969	HOÀNG KHÁNH	LINH	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	5.5	4.6	4.25	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
275	340275	022311009976	LÊ GIA	LINH	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.75	4	4.75	
276	340276	022311010971	LÊ THỊ DIỆU	LINH	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.5	4	3.5	
277	340277	022311011981	NGÔ KHÁNH	LINH	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.75	7	6	
278	340278	022311012858	NGUYỄN DIỆU	LINH	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	5.8	5.25	
279	340279	022311012609	NGUYỄN KHÁNH	LINH	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	6	5	
280	340280	022311007799	NGUYỄN KHÁNH	LINH	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.25	7.6	4.75	
281	340281	022311007329	NGUYỄN KHÁNH	LINH	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7	7	4	
282	340282	022311000321	NGUYỄN KHÁNH	LINH	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	3.5	6.6	3.5	
283	340283	022311004631	NGUYỄN KHÁNH	LINH	13/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.5	7.2	4	
284	340284	022311007217	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.75	8.4	7.5	
285	340285	022311002544	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	6.4	4.25	
286	340286	022311008211	NGUYỄN THỊ HẢI	LINH	30/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	6.4	6	
287	340287	022311003980	NGUYỄN THỊ MAI	LINH	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.5	5.4	5.5	
288	340288	022311002612	NGUYỄN THỊ MAI	LINH	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	2.4	4.5	
289	340289	022311007055	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	3.75	3.2	4	
290	340290	022311004704	NGUYỄN THỊ YẾN	LINH	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	8.25	7.6	6.25	
291	340291	022311000253	NGUYỄN THUỲ	LINH	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7	7.4	6	
292	340292	022311002829	NGUYỄN THUỲ	LINH	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6	6	4.75	
293	340293	022311006318	NGUYỄN THƯƠNG	LINH	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	4	5	
294	340294	022311005238	NGUYỄN VŨ DIỆU	LINH	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.5	9.2	6.75	
295	340295	030311006892	PHẠM MINH HÀ	LINH	24/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.5	7.4	5.75	
296	340296	022311005376	TRẦN HÀ	LINH	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.75	6	4.5	
297	340297	022311012656	TRẦN KHÁNH	LINH	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6	5.2	4.75	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
298	340298	022311008130	TRẦN KHÁNH	LINH	28/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	5	6.5	
299	340299	022311013708	TRẦN PHƯƠNG	LINH	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	4.25	6.2	2.75	
300	340300	034311013574	TRẦN THỊ KHÁNH	LINH	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6	2.8	3.5	
301	340301	022311010264	TRƯƠNG BẢO	LINH	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7.75	9.4	5	
302	340302	022311006389	VŨ HOÀNG	LINH	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.75	4	3	
303	340303	022311000337	VŨ MAI	LINH	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.75	6.2	5.5	
304	340304	022311008918	VƯƠNG ANH THẢO	LINH	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	8.25	9.8	7.25	
305	340305	022311006298	VƯƠNG KHÁNH	LINH	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.5	3.4	4.5	
306	340306	022211009438	NGUYỄN HÀ BẢO	LONG	02/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.25	10	7.25	
307	340307	022211009364	NGUYỄN HẢI	LONG	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	2	2.8	1.25	
308	340308	022211004091	NGUYỄN HOÀNG	LONG	28/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.25	7.4	7.5	
309	340309	022211009423	NGUYỄN THÀNH	LONG	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.5	3.6	4	
310	340310	022211001486	VŨ TUẤN	LONG	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4	3.2	2.5	
311	340311	022211012452	LÊ XUÂN	LỘC	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	4	5.5	
312	340312	022211013221	HOÀNG MINH	LỢI	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	9	8	
313	340313	022211003603	NGUYỄN BÙI GIA	LƯƠNG	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7	8	7.5	
314	340314	022311004858	NGUYỄN HƯƠNG	LY	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	10	8.5	
315	340315	022311011201	VŨ HƯƠNG	LY	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	5.6	5	
316	340316	022311007612	NGUYỄN HÀ TỐ	MAI	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	8	8.8	6.25	
317	340317	024211005814	ĐƯỜNG ĐỨC	MẠNH	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Nùng	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	3.75	1.8	2.75	
318	340318	022211010764	LÊ ĐỨC	MẠNH	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5	4	4	
319	340319	022211003330	NGUYỄN MINH	MẠNH	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	4.75	4.4	4.25	
320	340320	001211049251	VŨ ĐỨC	MẠNH	20/05/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6	3.2	4	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
321	340321	022211006482	ĐẶNG THÁI	MINH	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.25	4	4.75	
322	340322	022211002418	HÀ NHẬT	MINH	30/05/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	4.75	7.8	4.5	
323	340323	022211005546	NGUYỄN GIA	MINH	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	5.2	4.75	
324	340324	022211003720	NGUYỄN HOÀNG	MINH	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	2.8	3	
325	340325	022311007006	NGUYỄN HỒNG	MINH	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.5	6	4.5	
326	340326	022211009855	NGUYỄN THÀNH	MINH	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	8.2	6	
327	340327	022211003976	PHẠM BÌNH	MINH	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	4	2	1.25	
328	340328	022311005675	PHẠM THỊ THU	MINH	23/05/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	8	9	4.5	
329	340329	022211000171	VŨ BẢO	MINH	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6	6.2	2.75	
330	340330	022211007798	VŨ HOÀNG	MINH	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	4.75	2.8	4.25	
331	340331	022311013741	BÙI HÀ	MY	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	8.25	7.2	7	
332	340332	022311002315	NGUYỄN THỊ KHÁNH	MY	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6	4.6	4.75	
333	340333	022311000310	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.25	7.2	4.5	
334	340334	034311012611	TẠ THỊ TRÀ	MY	07/01/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5	4.6	4.5	
335	340335	022211000262	ĐẶNG TRUNG	NAM	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	5.5	6.6	4.5	
336	340336	022211012508	NGUYỄN HẢI	NAM	20/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	6.6	7	
337	340337	022211004505	NGUYỄN HOÀNG	NAM	06/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	3	2.4	0.5	
338	340338	022211007579	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5	3	6.25	
339	340339	022211010699	TRẦN HẢI	NAM	20/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7	6.6	7.5	
340	340340	022211004331	TRẦN HẢI	NAM	13/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	6.2	6	
341	340341	022311007807	ĐỖ THỊ KIM	NGÂN	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6	2.8	3.5	
342	340342	022311008306	NGUYỄN PHƯƠNG	NGÂN	08/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	8	8.6	4.5	
343	340343	022311000230	NGUYỄN THANH	NGÂN	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.75	9	3.75	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
344	340344	022311011273	VƯƠNG TRẦN BẢO	NGÂN	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	8.4	6	
345	340345	022211004517	MẠC TRẦN DUY	NGHĨA	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.5	5.4	6.5	
346	340346	022211000336	TRẦN TRUNG	NGHĨA	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	4	2.6	4.25	
347	340347	022211011378	DƯƠNG THÁI	NGỌC	20/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.25	5.6	1.5	
348	340348	022211006661	ĐẶNG LÊ THẾ	NGỌC	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.25	4.6	4.75	
349	340349	022311002254	ĐOÀN THỊ	NGỌC	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.5	4.6	3.5	
350	340350	022311007863	ĐỖ NGUYỄN NHƯ	NGỌC	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.5	3.2	1.75	
351	340351	022311008803	LÊ PHẠM KHÁNH	NGỌC	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	8.25	6.2	6.25	
352	340352	022311000198	NGUYỄN BẢO	NGỌC	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	9.4	8	
353	340353	022311001492	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	3	2.2	1.25	
354	340354	022311000273	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.5	6.4	5.25	
355	340355	022311000261	NGUYỄN LÊ MINH	NGỌC	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.75	6.6	6	
356	340356	022311000053	NGUYỄN LÝ MINH	NGỌC	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Chay	THCS Nam Hải	Tiếng Anh	5.25	3.2	2.5	
357	340357	022311000248	NGUYỄN THẢO	NGỌC	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	8.5	5	5	
358	340358	022311005917	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	2.8	1.5	
359	340359	022311004731	PHẠM THỊ KHÁNH	NGỌC	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7	6.2	3.75	
360	340360	022311002380	PHÓ BẢO	NGỌC	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	5.25	3.6	5	
361	340361	022311004892	TRẦN BẢO	NGỌC	01/11/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6	6.4	3.75	
362	340362	022311010619	TRẦN THỊ BẢO	NGỌC	23/03/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	6.4	4.75	
363	340363	022311004680	VŨ KHÁNH	NGỌC	06/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	7	8.25	
364	340364	022211005586	NGUYỄN ĐỨC	NGUYÊN	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7	9.4	8	
365	340365	022211003801	NGUYỄN KHÔI	NGUYÊN	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.5	9.4	8.5	
366	340366	022211010351	NGUYỄN TRUNG	NGUYÊN	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.25	9.2	7.75	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
367	340367	022311009591	TRẦN PHƯƠNG	NGUYÊN	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.5	5.6	5.5	
368	340368	022211010843	NGUYỄN TRÍ	NGUYỄN	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	4.5	3.8	3.75	
369	340369	022311012186	NGUYỄN MINH	NGUYỆT	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.75	9.2	5.25	
370	340370	064211008336	BÙI THÀNH	NHÂN	08/04/2011	Tỉnh Gia Lai	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	5.5	6	4	
371	340371	022211012603	TRỊNH MINH	NHẬT	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	7.6	5.5	
372	340372	022211001631	NGUYỄN DUY	NHẬT	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6	5.6	6.5	
373	340373	022311002349	HỨA YẾN	NHI	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.5	3.2	5	
374	340374	022311000254	NGUYỄN GIA	NHI	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6	8.4	4.5	
375	340375	022311011604	NGUYỄN YẾN	NHI	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.75	6.2	6	
376	340376	022311008669	VƯƠNG YẾN	NHI	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	7.2	6.75	
377	340377	022311003065	LẠI HỒNG	NHUNG	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.75	9.8	5.25	
378	340378	022311009274	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6.25	4.4	3.5	
379	340379	022311005783	NGUYỄN PHƯƠNG	NHUNG	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.75	6.4	6	
380	340380	022311009910	NGUYỄN YẾN	NHƯ	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.5	2.2	4.5	
381	340381	022311004919	PHẠM TỐ	NHƯ	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	4.8	7	
382	340382	022311000197	PHẠM NGỌC	OANH	06/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	7.4	7	
383	340383	001211076772	BẠCH QUANG	PHÁT	11/01/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	6.6	6.75	
384	340384	022211005497	LÊ ĐỨC	PHÁT	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	2.2	1.75	
385	340385	022211004708	BÙI NAM	PHONG	14/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.75	5.4	5.75	
386	340386	022211012171	ĐẶNG CHẤN	PHONG	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	2.8	4	
387	340387	022211004279	LÊ GIA	PHONG	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	7.4	8	
388	340388	022211010978	LÊ HỒNG	PHONG	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	5.4	4	
389	340389	022211013708	LÊ KIM	PHONG	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.25	7.6	6.25	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
390	340390	022211003241	NGUYỄN THANH	PHONG	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	5.25	5.8	3.75	
391	340391	022211013867	NGUYỄN VŨ	PHONG	10/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.25	5.8	5.5	
392	340392	022211013781	PHẠM MINH	PHONG	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.75	7.8	7	
393	340393	022211009688	TRỊNH CHẤN	PHONG	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7	4.4	5.25	
394	340394	075211011054	HỒ HOÀNG	PHÚ	23/09/2011	Thành phố Đồng Nai	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5	4.2	6.75	
395	340395	022211007325	ĐÀO GIA	PHÚC	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.25	9	8.75	
396	340396	022211000158	ĐẶNG ĐỨC	PHÚC	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.25	4.8	5.75	
397	340397	022211004174	LÊ HUỲNH TRUNG	PHÚC	21/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	6.8	7	
398	340398	022211000205	NGUYỄN BẢO	PHÚC	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	5.8	5.75	
399	340399	022211012404	NGUYỄN MINH	PHÚC	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.25	6	6.25	
400	340400	030211020641	NGUYỄN MINH	PHÚC	27/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	5.4	5	
401	340401	022211000371	NGUYỄN MINH	PHÚC	26/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.5	4.8	4.25	
402	340402	022311000218	ĐOÀN MAI	PHƯƠNG	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.75	8.6	7.25	
403	340403	022311000004	ĐỖ MINH	PHƯƠNG	20/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.25	6.2	5	
404	340404	022311007446	HOÀNG PHẠM THANH	PHƯƠNG	23/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.75	6.2	5.25	
405	340405	022311006895	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	3.5	4.8	3.5	
406	340406	022211000652	NGUYỄN QUẢNG	PHƯƠNG	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.75	8.2	6.75	
407	340407	022311011844	TRỊNH HÀ	PHƯƠNG	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.5	2.8	4.25	
408	340408	022211009609	ĐINH MINH	QUANG	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	4.75	6.8	2.75	
409	340409	022211010769	ĐOÀN VŨ	QUANG	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.75	5	6	
410	340410	022211011034	TRỊNH TUẤN	QUANG	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.25	7.6	5.75	
411	340411	022211005872	HOÀNG ĐẶNG HỒNG	QUÂN	20/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.75	6	4.5	
412	340412	022211005533	LÊ MINH	QUÂN	23/02/2011	Thành phố Hà Nội	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	8	6	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
413	340413	022211010491	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.25	4.2	4.5	
414	340414	022211000259	BÙI TRỌNG	QUÝ	08/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	4	8.6	5.75	
415	340415	030211000332	NGUYỄN ĐỨC	QUÝ	06/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam	Sán Dìu	THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.25	6.8	7	
416	340416	033211003128	TRẦN XUÂN	QUÝ	28/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.5	7	7.5	
417	340417	022311008776	CHU MINH ĐỖ	QUYÊN	17/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.25	10	8.25	
418	340418	022311005143	NGUYỄN ĐAN	QUYÊN	17/01/2011	Tỉnh Ninh Bình	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	4	4.8	4.25	
419	340419	022311012386	NGUYỄN THỊ TÚ	QUYÊN	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.5	7	5	
420	340420	022211009651	PHÙNG TIẾN	SANG	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.5	6.4	4.75	
421	340421	022211007260	NGUYỄN NAM KỲ	SƠN	12/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	5.4	6	
422	340422	022211009691	NGUYỄN THÁI	SƠN	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	3.2	5.5	
423	340423	022211003226	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	5.6	3.5	
424	340424	022211004686	PHẠM PHÚ	SƠN	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.5	7	6.75	
425	340425	022211003525	PHẠM XUÂN	SƠN	11/11/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	3.2	2	
426	340426	034211019320	TRẦN PHẠM HÙNG	SƠN	15/06/2011	Thành phố Đà Nẵng	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.75	4.6	3.5	
427	340427	022211012163	PHẠM CHÍ	TÀI	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.75	3.2	2.5	
428	340428	022211013649	TRẦN ĐỨC	TÂM	16/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.75	6.4	8	
429	340429	022311005442	TRẦN THỊ MINH	TÂM	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.25	9.2	6	
430	340430	022211004905	VŨ THÀNH	TÂM	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.25	5.8	6	
431	340431	022211000176	LÊ ANH	THÁI	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.75	3.4	2.5	
432	340432	022211009472	TRƯƠNG CÔNG	THÁI	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.75	9.6	8.75	
433	340433	022311009255	LƯƠNG PHƯƠNG	THANH	24/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.75	6.8	3.5	
434	340434	022211005115	NGUYỄN DUY	THANH	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	9.2	5.25	
435	340435	022211000251	NGUYỄN NHƯ	THANH	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.75	9.8	9	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
436	340436	034211005461	NGUYỄN QUANG	THANH	27/10/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	5.4	3.75	
437	340437	022311007667	NGUYỄN THỊ HÀ	THANH	04/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.25	9	5.25	
438	340438	022311006101	NGUYỄN THỊ VÂN	THANH	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	4.25	8.6	4.75	
439	340439	022211001800	PHẠM HOÀN	THANH	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.75	7.4	3.5	
440	340440	022311004077	TRẦN PHƯƠNG	THANH	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.5	8	5.5	
441	340441	022211000263	BÙI VĂN NHẬT	THÀNH	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7	7.8	5.5	
442	340442	022211003987	NGÔ VĂN	THÀNH	19/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.5	5.4	2.75	
443	340443	022211007922	NGUYỄN ĐỨC	THÀNH	17/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6	3.4	4.25	
444	340444	022211001725	NGUYỄN KIM	THÀNH	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.25	8.2	6.75	
445	340445	022311013679	MẠC THỊ THANH	THẢO	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	2.25	2.4	2.5	
446	340446	022311006127	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	10	6.75	
447	340447	022311000267	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7	7.4	4.75	
448	340448	022311012355	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	5	4.25	
449	340449	022311004238	NGUYỄN THANH	THẢO	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	3	3	
450	340450	022311000346	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.5	8	5.5	
451	340451	022311010107	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.5	1.8	4	
452	340452	022311000152	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	3.2	3.75	
453	340453	034311009252	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO	01/02/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	6.2	5.75	
454	340454	022311006160	VŨ PHƯƠNG	THẢO	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.25	10	9.25	
455	340455	022211001067	NGUYỄN DƯƠNG VIỆT	THẮNG	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6	9.6	5	
456	340456	022211001457	NGUYỄN MINH	THẮNG	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.75	5.2	3.5	
457	340457	022211006468	NGUYỄN TOÀN	THẮNG	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.25	3.2	2.75	
458	340458	022211005461	ĐOÀN MINH	THIỆN	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.5	2.8	5	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
459	340459	022211003950	NGUYỄN VŨ XUÂN	THỊNH	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.5	5.4	4.5	
460	340460	022211012340	TRẦN DUY	THỊNH	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	4.6	7.25	
461	340461	022311003658	PHÙNG THỊ ANH	THƠ	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	2	3.2	2.5	
462	340462	022311011076	LÊ MINH	THU	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7	9.4	8.75	
463	340463	022311002862	LÝ THỊ	THU	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6	2.4	2.75	
464	340464	022311012470	NGUYỄN MINH	THU	19/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.75	8.4	5.25	
465	340465	001311010103	TRỊNH QUỲNH	THU	15/08/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	4.75	2.2	0.75	
466	340466	022211005189	BÙI ĐÌNH QUANG	THUẬN	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6.25	6.4	5.25	
467	340467	022311007302	TRẦN PHƯƠNG	THÙY	29/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	3	4.25	
468	340468	022311004354	BÙI TRIỆU ANH	THƯ	02/07/2011	Tỉnh Lào Cai	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.25	7.2	3.75	
469	340469	022311013615	CẤN ANH	THƯ	12/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	4.25	2.8	3.25	
470	340470	022311010778	ĐOÀN ANH	THƯ	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	8	7.4	5	
471	340471	022311007882	HOÀNG MINH	THƯ	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6.75	6	6.5	
472	340472	022311002397	MẠC MINH	THƯ	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5	4	3.25	
473	340473	022311000235	NGUYỄN ANH	THƯ	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.75	8.8	9	
474	340474	022311002090	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	8.2	6	
475	340475	022311004340	NGUYỄN THANH	THƯ	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	4.8	4.75	
476	340476	022311007494	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	7.4	5.75	
477	340477	022311008426	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	4.5	3.4	3.25	
478	340478	022311011964	NGUYỄN THỊ THANH	THƯ	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.25	5	4.5	
479	340479	022311005226	PHẠM ANH	THƯ	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	8.5	8.6	5.75	
480	340480	022311006193	TRẦN ANH	THƯ	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.5	4.8	4.25	
481	340481	022311010321	TRẦN THANH	THƯ	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	3.6	4.5	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
482	340482	022211001885	PHẠM NGỌC	THỰC	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	3.5	2.4	1	
483	340483	022311012269	HOÀNG GIA BẢO	THY	01/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7	4.6	4.25	
484	340484	022211002105	NGUYỄN VĂN	TIẾN	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.5	6.6	4.5	
485	340485	022211003046	PHẠM PHÚC	TIẾN	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	4.4	4.75	
486	340486	022211002455	TĂNG BÁ MINH	TIẾN	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.25	4	2.25	
487	340487	022211001449	CAO MINH	TOÀN	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.25	3.2	6.75	
488	340488	022211012126	NGUYỄN KHÁNH	TOÀN	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	6.8	6	
489	340489	022211010983	NGUYỄN MẠNH	TOÀN	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	2.2	3	
490	340490	022211001052	TRẦN QUỐC	TOÀN	01/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	5.4	5	
491	340491	022311011821	BÙI THANH	TRÀ	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.25	5.4	6.5	
492	340492	022311009049	NGUYỄN HƯƠNG	TRÀ	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.75	8.8	8.25	
493	340493	022311004216	CAO BẢO	TRANG	01/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	5.4	8	
494	340494	022311009625	ĐẶNG HOÀNG	TRANG	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	4	3.75	
495	340495	022311010330	ĐẶNG QUỲNH	TRANG	19/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.75	6.8	8.5	
496	340496	022311004039	ĐỖ THỊ HUYỀN	TRANG	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.5	2.6	2.75	
497	340497	022311004040	ĐỖ THÙY	TRANG	11/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.5	6.6	7	
498	340498	022311003272	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.25	8.4	8.5	
499	340499	022311008076	NGUYỄN MAI	TRANG	20/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	5.4	5	
500	340500	022311008403	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRANG	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	3.8	5.5	
501	340501	022311003462	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.75	4.8	4.75	
502	340502	022311000680	NGUYỄN THẢO	TRANG	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	8	5.2	4.75	
503	340503	022311007481	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	5	3.75	
504	340504	022311003017	NGUYỄN THU	TRANG	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	4.4	4	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
505	340505	022311000233	TRẦN BẢO	TRANG	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.75	5.2	3.5	
506	340506	022311002302	TRẦN BẢO	TRANG	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5	3.4	2.5	
507	340507	022311007566	LÊ NGỌC	TRÂM	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	8.75	9	7	
508	340508	022311012554	NGÔ HUỲNH KIỀU	TRÂM	02/02/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.25	2.8	3.25	
509	340509	022311003806	PHẠM NGỌC	TRÂM	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	9	9.8	5.75	
510	340510	022311011469	PHẠM THỊ BÍCH	TRÂM	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.25	5.2	4	
511	340511	022211000310	BÙI TRỌNG	TRÚC	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	2.5	2	3	
512	340512	015311009203	ĐINH THỊ ANH	TRÚC	20/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ	Mường	THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	3.2	3.25	
513	340513	025311005498	ĐỖ THANH	TRÚC	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.25	7.8	8	
514	340514	022311000343	LẠI THỊ THANH	TRÚC	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.5	5.8	4.75	
515	340515	022311008495	LÊ THANH	TRÚC	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	8.75	8.2	6.75	
516	340516	022311001406	NGUYỄN THANH	TRÚC	26/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.5	5.8	5	
517	340517	022311010046	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	8	4	4.75	
518	340518	074211000119	HOÀNG ĐÌNH	TRUNG	18/07/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	1.75	2.4	1.25	
519	340519	022211010097	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6.25	7	5.75	
520	340520	022211005271	PHẠM ĐỨC	TRUNG	02/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6	6.2	6.75	
521	340521	022211006975	VŨ THÀNH	TRUNG	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	0.75	2	1.5	
522	340522	022211002002	LÊ VŨ	TRƯỜNG	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	4	5	
523	340523	022211000166	NGUYỄN THẾ	TRƯỜNG	28/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	4.5	3.8	3.25	
524	340524	022211009358	BÙI TUẤN	TÚ	13/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	4.5	2.6	5	
525	340525	022311008143	NGUYỄN CẨM	TÚ	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.25	5.4	5.25	
526	340526	022211005702	VƯƠNG TUẤN	TÚ	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	5.8	3.75	
527	340527	022211009635	HOÀNG TRỌNG	TUẤN	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.5	4.4	4.75	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
528	340528	022211005386	NGUYỄN ANH	TUẤN	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	2.75	3.8	3.75	
529	340529	022211000331	NGÔ THANH	TÙNG	31/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	4.4	4	
530	340530	022211007084	NGUYỄN SƠN	TÙNG	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.25	8	8.5	
531	340531	022211012155	NGUYỄN THANH	TÙNG	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	3.75	3.4	4.25	
532	340532	022211002988	NGUYỄN THANH	TÙNG	17/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	7.8	7	
533	340533	022211004073	NGUYỄN XUÂN	TÙNG	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	4.8	3.75	
534	340534	030211003507	NGUYỄN XUÂN	TÙNG	09/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	9.6	5	
535	340535	022211010471	VŨ VĂN	TÙNG	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7	9.4	8	
536	340536	022211011577	NGUYỄN VĂN	TUYÊN	18/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7.75	6.8	6.5	
537	340537	022211001331	NGUYỄN QUỐC	TUYỂN	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	5.75	9.8	8.5	
538	340538	022311010483	LƯƠNG THỊ	TUYẾN	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	4.75	3	3.25	
539	340539	022311008357	ĐỖ NGUYỄN KHÁNH	TƯỜNG	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	8.25	7.6	5	
540	340540	022311005933	BÙI THANH	VÂN	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7	4.2	3.75	
541	340541	022311002005	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	6.2	5	
542	340542	066311016338	BÙI THỊ TƯỜNG	VI	08/01/2011	Tỉnh Đắk Lắk	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	3.8	3.25	
543	340543	022211000159	ĐẶNG QUỐC	VIỆT	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6	4.2	3	
544	340544	022211011949	HOÀNG QUỐC	VIỆT	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.75	3.6	5.5	
545	340545	022211005776	ĐOÀN HẢI	VINH	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.75	10	7.25	
546	340546	022211012857	NGUYỄN QUANG	VINH	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	8	8	
547	340547	022211002001	NGUYỄN QUANG	VINH	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.75	6.4	5.5	
548	340548	022211009697	TRẦN CÔNG	VINH	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	5.5	5	4.25	
549	340549	022211012818	NGUYỄN ĐÌNH ANH	VŨ	14/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	8.25	9	9	
550	340550	022311007492	BÙI TỐ PHƯƠNG	VY	11/02/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.25	9.4	7.5	

Đơn vị: THPT Đông Triều (22_HD_034)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
551	340551	022311005459	ĐẶNG THỊ HUYỀN	VY	06/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	4.5	3.2	4	
552	340552	022311011606	LÊ PHƯƠNG	VY	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.5	4	4.75	
553	340553	022311006991	NGUYỄN THẢO	VY	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.25	6.6	3.25	
554	340554	022311009242	NGUYỄN TRẦN HÀ	VY	03/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7.75	7.2	6.25	
555	340555	022311004545	PHÙNG THỊ HÀ	VY	31/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	2.6	3.75	
556	340556	022311011865	TẠ PHƯƠNG	VY	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	4.2	3.5	
557	340557	022311004431	TRẦN PHẠM THẢO	VY	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.5	6	5.25	
558	340558	079311015421	VŨ THỊ HÀ	VY	21/01/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.5	7.2	7.5	
559	340559	030311003527	NGUYỄN LÊ NHƯ	Ý	28/05/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.25	6.4	3.5	
560	340560	022311000874	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7.5	6.2	5.5	
561	340561	022311006142	ĐƯỜNG HẢI	YẾN	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	5.2	6.5	
562	340562	022311012161	NGÔ THỊ HẢI	YẾN	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	7.25	5.8	5	
563	340563	022311006931	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	YẾN	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	3.8	5.5	
564	340564	022311012460	PHÙNG HẢI	YẾN	29/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6	4.2	4.25	

(Danh sách này gồm có 564 thí sinh)

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027

ĐIỂM BÀI THI TUYỂN SINH

Ngày 06 tháng 07 năm 2026

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
1	350001	022211010653	LÊ QUỐC	AN	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.75	6.8	5.25	
2	350002	022211003065	VŨ TRƯỜNG	AN	21/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	4.75	5	4.75	
3	350003	022311004670	BÙI MINH	ANH	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.25	3.8	4.5	
4	350004	022311002170	ĐÀO NGỌC	ANH	18/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7	3.8	5.25	
5	350005	022311007436	ĐÀO QUỲNH	ANH	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5.75	4	6.25	
6	350006	022311002537	ĐẶNG KIM	ANH	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.75	4.2	5.25	
7	350007	022311003583	ĐẶNG NGỌC	ANH	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	3.5	1.8	1.25	
8	350008	022211011335	ĐẶNG THẾ	ANH	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.25	9	4.75	
9	350009	022311012065	ĐOÀN PHƯƠNG	ANH	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.5	8	6	
10	350010	022311002360	ĐOÀN THỊ KIM	ANH	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4	2.6	1.25	
11	350011	022311002781	ĐỖ THỊ NGỌC	ANH	31/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.25	5.4	5.25	
12	350012	031311014813	ĐỖ TRÂM	ANH	10/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.5	5	2	
13	350013	022311002853	HOÀNG LÊ PHƯƠNG	ANH	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	3.75	3.8	2.25	
14	350014	022311006280	HỒ QUỲNH	ANH	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.25	5.2	3.25	
15	350015	022311007570	LƯƠNG PHƯƠNG	ANH	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.75	4	1.75	
16	350016	022211001576	LÝ NAM	ANH	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6	3.6	4	
17	350017	022311006708	MẠC THỊ VÂN	ANH	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.25	6.8	4.5	
18	350018	022311004573	NGUYỄN DIỆU	ANH	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.25	6.6	4.25	
19	350019	022211009050	NGUYỄN DUY	ANH	25/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5	4.8	2.75	
20	350020	022211006250	NGUYỄN ĐỨC	ANH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.25	2.4	4.25	
21	350021	022211001948	NGUYỄN ĐỨC	ANH	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7	6.8	4	
22	350022	022311002737	NGUYỄN HÀ	ANH	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4	2.6	1.5	
23	350023	034311000278	NGUYỄN HOÀNG HÀ	ANH	25/11/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.25	2.2	2.25	
24	350024	022311006942	NGUYỄN HOÀNG THỊ LAN	ANH	15/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.5	2.4	4	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
25	350025	022311002466	NGUYỄN KIM	ANH	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5.5	4.6	1.25	
26	350026	022311008478	NGUYỄN MAI	ANH	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.5	2.6	4.25	
27	350027	022311001482	NGUYỄN NGỌC	ANH	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7.25	6.4	6	
28	350028	022311002488	NGUYỄN NGỌC	ANH	05/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	3.5	4.8	2.75	
29	350029	022211013581	NGUYỄN NGỌC HẢI	ANH	12/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.25	5.8	2.75	
30	350030	022311002670	NGUYỄN NGỌC MAI	ANH	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.75	3.2	2.75	
31	350031	022311007501	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	4.5	3.8	2.5	
32	350032	022311002418	NGUYỄN QUỲNH	ANH	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.25	8.4	6.25	
33	350033	022311004175	NGUYỄN QUỲNH	ANH	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4	3.6	4	
34	350034	022311012468	NGUYỄN TÂM	ANH	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.75	3.2	4.5	
35	350035	022311003489	NGUYỄN THỊ HUYỀN	ANH	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.75	5.8	5.25	
36	350036	022311002832	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	4.75	3.2	1	
37	350037	022311009297	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.75	3	5	
38	350038	022311012242	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.75	3.2	4	
39	350039	022311011896	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	3.2	4	
40	350040	022311004797	NGUYỄN TRÂM	ANH	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	5.5	4.2	5.5	
41	350041	022211005661	NGUYỄN TUẤN	ANH	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.75	8	7.25	
42	350042	022314000355	NGUYỄN VIỆT	ANH	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.5	6	3.5	
43	350043	022311012155	PHẠM HỒNG	ANH	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.75	5.4	3.25	
44	350044	022311010028	PHẠM QUỲNH	ANH	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	7.75	5.6	7	
45	350045	022311009860	PHẠM THỊ MAI	ANH	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	4.75	3	1	
46	350046	030311011953	PHẠM THỊ PHƯƠNG	ANH	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	3.4	4.5	
47	350047	030211001320	TRẦN VIỆT	ANH	27/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	2	2.6	3.75	
48	350048	022211004639	TRƯƠNG QUỐC	ANH	27/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.25	5.4	5	
49	350049	022211000338	VŨ NGỌC HẢI	ANH	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.25	4.2	3.5	
50	350050	022311004205	VŨ THỊ KIM	ANH	05/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	3.25	2.6	1.5	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
51	350051	022311005092	VŨ THỊ MINH	ANH	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	8.25	8.6	6.5	
52	350052	022311008678	VŨ TRÂM	ANH	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.25	4.6	3	
53	350053	022311000231	VƯƠNG NGỌC	ANH	24/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.25	4.2		Toán: vắng thi
54	350054	022311001702	LÃ MINH	ÁNH	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.25	3.8	2	
55	350055	022311011767	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	13/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	8.25	7.6	7.5	
56	350056	022311012657	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6.75	4.4	6	
57	350057	022211007484	NGÔ HOÀNG	BÁCH	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	4.75	6	3.75	
58	350058	022211007576	TRẦN VIỆT	BÁCH	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5	4.4	3	
59	350059	022211000386	ĐOÀN THÁI	BẢO	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	7	4.2	4	
60	350060	022211001954	HOÀNG GIA	BẢO	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5.75	5.2	5.5	
61	350061	022211002785	HOÀNG QUỐC	BẢO	12/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	4	4.6	3.5	
62	350062	022211004568	LÊ GIA	BẢO	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.75	8.2	7.75	
63	350063	022211002750	LÊ MINH	BẢO	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6	3.4	5.25	
64	350064	022211010709	NGUYỄN GIA	BẢO	17/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.75	6	5.5	
65	350065	022211007698	NGUYỄN HOÀNG GIA	BẢO	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	8.75	9.4	8.75	
66	350066	022211003036	NGUYỄN TIẾN	BẢO	24/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.25	4.6	6	
67	350067	022211003624	PHẠM GIA	BẢO	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.5	3.6	1.75	
68	350068	022211007054	PHẠM HỮU QUỐC	BẢO	22/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.75	2	2.75	
69	350069	022211011902	PHẠM THẾ	BẢO	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	2.25	2.8	1.25	
70	350070	022211011571	TRẦN CHÍNH	BẢO	20/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	3.6	3.25	
71	350071	030211016373	VŨ GIA	BẢO	30/01/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.5	8.8	4.75	
72	350072	022211000450	NGUYỄN CHÍ	BẮC	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.5	7.8	2.25	
73	350073	022211008944	NGUYỄN TRỌNG	BẰNG	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	4	2.4	2.75	
74	350074	022211000409	VŨ HIẾU	BẰNG	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	4.25	2.8	2	
75	350075	022311005100	ĐẶNG NGỌC	BÍCH	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	7	3.2	4.5	
76	350076	022211005757	NGUYỄN AN	BÌNH	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.5	2.4	5	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
77	350077	030211000315	NGUYỄN ĐỨC AN	BÌNH	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.75	2.8	3	
78	350078	022211005870	PHẠM VĂN	BÌNH	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.25	1.6	4	
79	350079	022311008233	NGUYỄN THANH THÚY	CẦM	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	8.5	7.8	5.25	
80	350080	022311008462	HOÀNG NGỌC BẢO	CHÂU	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7	4.8	5	
81	350081	022311002518	PHẠM NGỌC MINH	CHÂU	14/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	5.5	3.4	5	
82	350082	022311003586	DƯƠNG QUỲNH	CHI	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.75	6	5.5	
83	350083	022311006963	LÊ LAN	CHI	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5	4.6	2.75	
84	350084	022311007063	LÊ THANH	CHÚC	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.75	3.6	3	
85	350085	022211007567	MAI VĂN	CÔNG	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.5	5.8	5.5	
86	350086	022211011786	NGUYỄN KIM	CƯƠNG	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.75	9.2	8.5	
87	350087	022211004847	NGUYỄN LÊ	CƯƠNG	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.25	5.6	4.25	
88	350088	022211010317	ĐÀM QUỐC	CƯỜNG	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	2.5	3	1	
89	350089	022211013332	LÃ ĐỨC	CƯỜNG	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.5	2.2	3.25	
90	350090	024211012120	LÊ VIỆT	CƯỜNG	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	4.75	2.2	1.75	
91	350091	025211014992	MA NAM	CƯỜNG	21/02/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam	Tày	TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.5	8	5	
92	350092	022211005820	VŨ NGỌC	CƯỜNG	14/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	3	3	3.25	
93	350093	022311012723	NGUYỄN HỒNG	DÁNG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	2.6	3	
94	350094	022311001758	LÊ VŨ NGỌC	DIỆP	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.25	4.6	6	
95	350095	022311009653	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	4.75	2.8	3.5	
96	350096	022211005186	CHU VĂN	DOANH	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5	3.4	2.25	
97	350097	022311008016	PHẠM PHƯƠNG	DUNG	19/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.25	3.6	6.25	
98	350098	022311008063	TRẦN THỊ PHƯƠNG	DUNG	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	2.75	3.2	3	
99	350099	022211004336	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.5	4.2	3.75	
100	350100	022211002533	NGUYỄN VĂN	DŨNG	02/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6	3.8	2	
101	350101	022211005034	TRẦN TRUNG	DŨNG	23/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.75	9	7	
102	350102	022211002004	VŨ QUANG	DŨNG	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.75	8.4	4.25	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
103	350103	022211013973	BÙI ĐỨC	DUY	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	3.5	4.4	2.75	
104	350104	022211012492	LÝ ĐỨC	DUY	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.75	5.8	4	
105	350105	022211012589	NGÔ VŨ CÔNG	DUY	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	4.25	3.2	1.5	
106	350106	022211011629	NGUYỄN BẢO	DUY	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	6	1.6	4.75	
107	350107	019211013468	NGUYỄN THÀNH	DUY	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	4.25	1.8	1	
108	350108	022211013573	PHẠM KHÁNH	DUY	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7	6.6	5.75	
109	350109	022211013477	PHẠM KHÁNH	DUY	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	7.25	6.6	7.5	
110	350110	022211007936	VŨ TRỌNG	DUY	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.5	6.6	4.5	
111	350111	022311005940	NGUYỄN THỊ ÁNH	DUYÊN	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	4.25	2	2.75	
112	350112	022311002636	NGUYỄN TRẦN THÙY	DƯƠNG	09/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	2.6	6.25	
113	350113	022311011603	PHẠM ÁNH	DƯƠNG	22/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.75	7.4	5.75	
114	350114	022311000202	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	10/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	3	1.8	1	
115	350115	022211012681	TRƯƠNG ĐỨC	DƯƠNG	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.75	9.4	7.25	
116	350116	022311000416	LÊ THỊ LINH	ĐAN	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7	3.4	2.5	
117	350117	030311013927	TRẦN VŨ CHI	ĐAN	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.5	2.6	3.5	
118	350118	022211001176	BÙI TẤN	ĐẠT	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.75	8.8	7	
119	350119	022211002545	BÙI TIẾN	ĐẠT	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	3.5	2.8	1.75	
120	350120	024211000878	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	ĐẠT	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	3	3.4	2.75	
121	350121	022211003838	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.5	3.2	2	
122	350122	022211004934	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6.5	7.2	6	
123	350123	022211003402	TRẦN TIẾN	ĐẠT	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.5	2.8	3	
124	350124	022211004707	LÊ HẢI	ĐĂNG	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.25	4	3.75	
125	350125	022211012830	NGUYỄN HÀ HẢI	ĐĂNG	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5.25	4.6	3.75	
126	350126	022211008051	PHẠM HẢI	ĐĂNG	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.25	3.2	3.5	
127	350127	022211005965	PHAN HẢI	ĐĂNG	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7	3.8	4	
128	350128	022211013611	NGUYỄN THIỆN	ĐÔ	02/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6	8	4.25	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
129	350129	022211014106	PHẠM TIẾN	ĐỒNG	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.75	3.6	3.75	
130	350130	022211011931	CAO XUÂN	ĐỨC	06/01/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.75	4.6	6.25	
131	350131	022211013422	DƯƠNG MINH	ĐỨC	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.25	5.2	4	
132	350132	022211005043	ĐÀO BÌNH	ĐỨC	20/11/2011	Thành phố Huế	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.5	4.8	4.75	
133	350133	022210011396	HOÀNG TRỌNG	ĐỨC	08/11/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	4.25	2.2	3.25	
134	350134	022211013299	NGUYỄN LÊ ANH	ĐỨC	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.25	6.4	4.5	
135	350135	022211013982	NGUYỄN MINH	ĐỨC	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5	6.2	5.5	
136	350136	022211012068	HOÀNG TUỆ	GIÁC	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	5	4.75	
137	350137	022311006865	BÙI NGỌC	GIANG	14/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6.25	5	3.5	
138	350138	030311015142	ĐỖ HƯƠNG	GIANG	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.5	5.4	4	
139	350139	022211010070	TRẦN VĂN	GIÁP	20/09/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.25	4	2.25	
140	350140	022311010026	HỒ NGỌC	HÀ	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7	3.6	4	
141	350141	022311008963	LÊ NGÂN	HÀ	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.5	5.2	4.5	
142	350142	022311010705	NGUYỄN NGỌC	HÀ	28/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.25	6	4	
143	350143	022311003393	NGUYỄN THU	HÀ	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7	4	3.5	
144	350144	022311008402	PHẠM NGÂN	HÀ	30/09/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.5	5.6	4	
145	350145	022311000229	PHẠM NGỌC	HÀ	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.75	4.4	3.5	
146	350146	022211009115	TRẦN THẾ	HÀ	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5.75	4.8	5.25	
147	350147	022311009582	TRẦN THỊ NGỌC	HÀ	01/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4	3.4	2.5	
148	350148	022311004324	TRẦN THỊ THU	HÀ	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.5	5.6	3.75	
149	350149	022311009193	TRẦN THU	HÀ	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.5	8.6	4.25	
150	350150	022211003730	NGUYỄN TRỌNG	HẢI	23/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.5	2.6	4.5	
151	350151	022211004157	NGUYỄN TRUNG	HẢI	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	3.4	5	
152	350152	022211008169	NGUYỄN VĂN	HẢI	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	4.2	6.5	
153	350153	022211011117	PHẠM ĐỨC	HẢI	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.25	5.6	3.5	
154	350154	030311008938	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	28/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5.25	2.6	1.5	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
155	350155	022311011926	TRẦN MAI	HẠNH	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	3.75	3.8	2.75	
156	350156	022311001265	LÊ THANH	HẰNG	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	4.75	3.8	6.5	
157	350157	030311002391	NGUYỄN MINH	HẰNG	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	4	4.8	3	
158	350158	022311011262	NGUYỄN NGỌC	HẰNG	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	4.75	3	1.75	
159	350159	022311011357	NGUYỄN THU	HẰNG	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	2.5	2.6	0.5	
160	350160	022311013091	HOÀNG THỊ	HIỀN	15/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	3.75	2	1.25	
161	350161	022311010930	NGUYỄN THỊ	HIỀN	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	2.25	2.8	1.75	
162	350162	022311000357	NGUYỄN THỊ	HIỀN	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4	3.6	2.25	
163	350163	022311000339	TRẦN THỊ THU	HIỀN	16/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.5	2	1.25	
164	350164	022211010840	KIỀU MINH	HIẾU	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6	3.8	3	
165	350165	022211003691	LÊ MẠNH	HIẾU	24/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	1	2.4	1	
166	350166	022211001140	LÊ QUANG	HIẾU	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	2.5	3	2.5	
167	350167	022211000457	NGÔ QUANG	HIẾU	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4	3.8	3.75	
168	350168	022211000243	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	20/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	4.5	4.8	4	
169	350169	022211010995	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	3.5	3.8	3	
170	350170	022211010717	NGUYỄN VĂN	HIẾU	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5	4.8	3.5	
171	350171	022211008780	PHẠM TRUNG	HIẾU	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6	2.8	4	
172	350172	022211009480	VŨ TRUNG	HIẾU	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	1.75	1.4	0.5	
173	350173	022211006738	VŨ QUỐC	HIỆU	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	2	2.6	2.25	
174	350174	022311006522	NGUYỄN QUỲNH	HOA	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7	8.4	4.5	
175	350175	022311004070	VŨ QUỲNH	HOA	11/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.25	4.2	4	
176	350176	022311004456	VŨ QUỲNH	HOA	21/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.75	3.8	4	
177	350177	031211005319	LÊ ĐỨC	HÒA	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	2.25	2	1.5	
178	350178	022211008911	NGUYỄN AN	HÒA	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	5.5	5	2	
179	350179	022211009335	NGUYỄN ĐỨC	HÒA	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.75	5.4	3	
180	350180	022211004454	VŨ MINH	HÒA	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.75	5.4	3.5	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
181	350181	022311006092	PHẠM THU	HOÀI	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	2.6	4.5	
182	350182	022211005673	VŨ CÔNG	HOÀN	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	3.25	4	1.5	
183	350183	022211010453	ĐỖ VĂN	HOÀNG	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.75	3.4	3.5	
184	350184	022211004837	NGUYỄN HUY	HOÀNG	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.25	5	4	
185	350185	022211012299	NGUYỄN VĂN	HỌC	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5	6	2.25	
186	350186	022311005974	LÊ DIỄM	HỒNG	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	3	2.6	1.25	
187	350187	022311000407	PHAN THU	HỒNG	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	5.5	3.2	0.75	
188	350188	022311005808	DƯƠNG THANH	HUẾ	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.5	3	2.75	
189	350189	022311009811	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HUỆ	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.25	5.8	6.5	
190	350190	022211003760	HOÀNG HẢI	HÙNG	04/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7.25	6.4	5	
191	350191	022211001148	LÊ VŨ	HÙNG	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	3.75	3	1.5	
192	350192	022211004716	MẠC TUẤN	HÙNG	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7	4.8	3.75	
193	350193	019211010045	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Chay	THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	2.6	3	
194	350194	022211007703	PHẠM DUY	HÙNG	29/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	1.25	2.8	2.25	
195	350195	022211007324	PHẠM VĂN	HÙNG	24/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	3.25	3	2.25	
196	350196	022211004486	TRẦN MẠNH	HÙNG	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.25	3.8	4.25	
197	350197	022211008189	BÙI TỐ	HUY	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	5.4	4.75	
198	350198	022211009025	CHU GIA	HUY	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.25	4.4	3.5	
199	350199	022211000388	ĐINH GIA	HUY	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	2.5	3.6	2	
200	350200	022211006425	ĐỖ VĂN	HUY	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.75	2	4	
201	350201	030211008046	NGÔ TIẾN	HUY	05/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	6	3.25	
202	350202	022211010191	NGUYỄN DƯƠNG	HUY	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	6.6	7.75	
203	350203	022211014011	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	2.75	5.2	4.5	
204	350204	022211006035	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	5.6	2	
205	350205	022211004816	NGUYỄN ĐỨC	HUY	24/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7	5.6	5.75	
206	350206	022210000515	NGUYỄN TUẤN	HUY	23/10/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4	5.4	3.5	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
207	350207	022211001198	NGUYỄN VƯƠNG	HUY	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.25	4.6	5.5	
208	350208	022211005967	TRẦN TRÍ	HUY	23/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh				Ngữ văn: vắng thi; Ngoại ngữ: vắng thi; Toán: vắng thi
209	350209	022311012592	LÊ MINH	HUYỀN	05/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.75	5.2	7	
210	350210	022311003349	LƯU HOÀNG KHÁNH	HUYỀN	11/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.25	4.8	4.5	
211	350211	022311007500	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	06/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.75	2	1.5	
212	350212	022311002578	NGUYỄN THỊ KIM	HUYỀN	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6.5	4.4	2.75	
213	350213	022311006589	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	14/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	4	2.4	2.75	
214	350214	022211011268	BÙI ĐÌNH KHÁNH	HƯNG	13/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6	7	6.75	
215	350215	022211003181	BÙI VIỆT	HƯNG	10/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.75	4.4	3	
216	350216	022211002675	KHÚC NGỌC GIA	HƯNG	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.75	6.6	6.25	
217	350217	022211001960	NGUYỄN GIA	HƯNG	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	2.25	3	2.25	
218	350218	022211000896	NGUYỄN MINH	HƯNG	11/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	3.25	2.2	3.5	
219	350219	022211004054	NGUYỄN PHÚC	HƯNG	20/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7	4.2	4.25	
220	350220	022211007573	PHẠM CÔNG	HƯNG	02/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	4.75	4.4	3.75	
221	350221	031211000256	VŨ DUY	HƯNG	13/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.5	6	4.25	
222	350222	022311001946	ĐOÀN LINH	HƯƠNG	25/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.75	4.8	4.5	
223	350223	022311001895	ĐỖ THỊ THU	HƯƠNG	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	3	5.25	
224	350224	022311011052	LỤC THỊ MAI	HƯƠNG	27/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.25	4.2	4	
225	350225	022311011344	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.25	2	2.25	
226	350226	022311006457	PHÙNG MAI	HƯƠNG	14/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4	1.8	4.5	
227	350227	022311009659	TẠ QUỲNH	HƯƠNG	09/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	4	2.2	4.75	
228	350228	022311012282	TRƯƠNG THỊ ÁNH	HƯỜNG	17/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	5.2	4.75	
229	350229	022211005054	LÃNH THÁI	KHANG	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7.75	5.6	4.5	
230	350230	022211001072	NGUYỄN BẢO	KHANG	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	1.75	4.8	1.5	
231	350231	022211000130	NGUYỄN MINH	KHANG	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Mạo Khê	Tiếng Anh	6.25	5.6	4.25	
232	350232	022211010725	KIỀU DUY	KHÁNH	07/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	3	5.2	1.75	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
233	350233	022211011649	NGUYỄN ĐÌNH	KHÁNH	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7	4.8	7.75	
234	350234	022211000276	NGUYỄN GIA	KHÁNH	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5	3.6	5.75	
235	350235	022211013500	NGUYỄN VĂN	KHÁNH	30/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.75	6.4	6.5	
236	350236	022311000199	NGUYỄN VÂN	KHÁNH	15/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.25	5.8	7.25	
237	350237	022211009222	TẠ HÙNG	KHÁNH	18/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5	6.2	5.25	
238	350238	022211004039	TỐNG GIA	KHÁNH	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.5	3.6	2.25	
239	350239	022211007043	VŨ NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	3.5	3.6	1.75	
240	350240	022211009448	PHẠM GIA	KHIÊM	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.25	4	3.5	
241	350241	022211011407	NGUYỄN VĂN	KHOA	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	5	2.25	
242	350242	022211000868	NGUYỄN Y	KHOA	07/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.5	6.2	3.75	
243	350243	022211012613	PHẠM ĐĂNG	KHOA	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7	9	5.52	
244	350244	022211010616	PHẠM ANH	KHÔI	30/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4	3.4	2.75	
245	350245	022211000181	LÊ QUANG MINH	KHỞI	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4	2	3.25	
246	350246	030211010689	NGUYỄN ĐỨC	KIÊN	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.25	3.2	2	
247	350247	022211008171	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5	2.6	3.25	
248	350248	022211008636	PHẠM TRUNG	KIÊN	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.5	4.6	2	
249	350249	022211009727	BÙI HOÀNG ANH	KIỆT	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.75	3.8	4.25	
250	350250	022311005075	NGUYỄN KHÁNH	LAM	06/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6.25	6.4	5.25	
251	350251	022311002930	ĐẶNG KHÁNH	LAN	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	7.75	5.2	4.25	
252	350252	022311000387	PHẠM THỊ HƯƠNG	LAN	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	3.25	5	0.5	
253	350253	022211003254	ĐỖ HẢI	LÂM	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.75	4.2	5	
254	350254	022211005405	LÊ TRẦN TIẾN	LÂM	01/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	2	2.6	1.5	
255	350255	022211008622	NGUYỄN ĐÌNH	LÂM	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.75	5	8.75	
256	350256	022211001130	NGUYỄN PHÚC THIÊN	LÂM	03/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	3	3.4	2.75	
257	350257	022311007567	LƯƠNG THỊ	LEN	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.75	2.4	4	
258	350258	030311018549	BÙI THỊ MỸ	LỆ	22/10/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5	2.8	3.5	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
259	350259	022311004209	NGUYỄN THỊ HỒNG	LIÊN	15/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	5	2.8	2.25	
260	350260	022311012911	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LIÊN	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.75	8.6	8	
261	350261	022311012206	BÙI BẢO	LINH	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	8.25	6.2	4.5	
262	350262	022311004447	DIỆP HOÀ	LINH	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	3.5	2.2	1.25	
263	350263	022311000329	ĐÀO KHÁNH	LINH	18/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.75	6.2	4.5	
264	350264	022311008070	ĐỖ PHƯƠNG	LINH	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6	3.8	2.25	
265	350265	022311005310	ĐỖ THỊ DIỆU	LINH	18/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5	5.2	3.5	
266	350266	024311014602	HÀ KHÁNH	LINH	30/06/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.5	7	4.5	
267	350267	022311002806	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH	LINH	14/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	3.2	1.75	
268	350268	022311012501	HỒ TUỆ	LINH	17/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.75	6	5.25	
269	350269	022311009348	MẠC VŨ PHƯƠNG	LINH	22/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.5	6.2	6.5	
270	350270	022311002646	NGUYỄN DIỆU	LINH	25/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5	6.2	4.75	
271	350271	022311007412	NGUYỄN ĐÀO HÀ	LINH	06/10/2011	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.25	4.4	4.25	
272	350272	022211000235	NGUYỄN ĐỨC	LINH	03/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	4	4	2.75	
273	350273	022311002958	NGUYỄN GIA	LINH	04/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.5	9.8	8.75	
274	350274	022311012792	NGUYỄN KHÁNH	LINH	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	3.25	4.4	1.5	
275	350275	022311005602	NGUYỄN THÁI NGỌC	LINH	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6	4.2	4.5	
276	350276	030311000354	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	7.5	4.6	4.5	
277	350277	022311005392	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	23/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	3.25	2.8	2.75	
278	350278	022311004601	PHẠM HỒNG	LINH	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7	5.8	4.75	
279	350279	022311011281	HOÀNG THỊ HỒNG	LOAN	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5.75	3.4	2.5	
280	350280	022211006785	MẠC ĐÌNH	LONG	26/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.75	9.6	5	
281	350281	022211005724	NGUYỄN BÁCH	LONG	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	4	2.75	
282	350282	022211002109	NGUYỄN DUY	LONG	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.75	6.6	5.5	
283	350283	022211010181	NGUYỄN DUY	LONG	14/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.25	7.6	3.75	
284	350284	030211006093	NGUYỄN THÀNH	LONG	18/08/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.25	5.8	5.25	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
285	350285	022211005389	NGUYỄN TRỌNG	LONG	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5.75	4.6	4.25	
286	350286	022211002323	PHẠM BÌNH	LONG	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	7.4	8.5	
287	350287	022211009668	NGUYỄN THÀNH	LỘC	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.75	5.8	5.25	
288	350288	022211013029	NGUYỄN THÀNH	LỘC	17/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7	7.4	8.25	
289	350289	022211010774	LÝ GIA	LUÂN	04/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.25	3.4	3.25	
290	350290	022211007135	NGUYỄN ĐỨC	LUẬN	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.25	3.2	3.75	
291	350291	022311006367	BÙI THỊ KHÁNH	LY	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.25	4.6	4.75	
292	350292	022311009390	TRƯƠNG THIÊN	LÝ	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7	2.2	4.5	
293	350293	030311017884	LÊ PHƯƠNG	MAI	10/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4	3.6	3	
294	350294	022311000212	NGUYỄN THANH	MAI	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	5.2	4.25	
295	350295	022311010558	NGUYỄN THỊ THANH	MAI	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	6.8	4	
296	350296	022311010990	PHẠM THỊ	MAI	16/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	2	4	2.75	
297	350297	022311004787	TRẦN CHI	MAI	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.75	8	6.25	
298	350298	022211013244	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	1.5	2.2	1.5	
299	350299	030211005095	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	4.75	4.4	2.25	
300	350300	022211000385	TRẦN ĐỨC	MẠNH	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6.5	7.4	5.25	
301	350301	022211002030	ĐỖ NHẬT	MINH	06/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	6.2	4.5	
302	350302	022211009870	LÊ NHẬT	MINH	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	3.5	5.2	3.75	
303	350303	022311005191	LÊ THỊ BÌNH	MINH	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6.25	7.4	6.25	
304	350304	022211000439	NGÔ QUANG	MINH	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	3.25	3.4	3.25	
305	350305	022211008114	NGUYỄN CÔNG	MINH	14/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	1.75	1	1.25	
306	350306	022211002857	NGUYỄN ĐOÀN NHẬT	MINH	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5	2.2	1.25	
307	350307	022211004422	NGUYỄN ĐỨC	MINH	27/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.75	5.2	5.5	
308	350308	022211003203	NGUYỄN GIA	MINH	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.25	5.8	8	
309	350309	022211005715	NGUYỄN NHẬT	MINH	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.25	6.8	4	
310	350310	022211012959	NGUYỄN QUANG	MINH	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	8.25	9.6	8.25	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
311	350311	022211005701	NGUYỄN VĂN	MINH	31/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6	3.8	4.5	
312	350312	022211014113	PHẠM BÌNH	MINH	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.25	6.6	5.25	
313	350313	022211012774	PHẠM ĐỨC	MINH	17/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	4	2.8	3.5	
314	350314	022211011674	PHẠM GIA	MINH	16/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	4.5	4.2	3.25	
315	350315	030211000369	TRỊNH TUẤN	MINH	24/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.75	2.2	3	
316	350316	022311007578	BÙI VŨ THẢO	MY	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6	4.6	3	
317	350317	022311002655	ĐÀO THỊ KHỞI	MY	12/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6	3	3.25	
318	350318	022311003735	ĐỖ TRÀ	MY	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	8	4.8	3.25	
319	350319	022311001668	MẠC THỊ TRÀ	MY	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7.5	6.6	6.5	
320	350320	022311005286	NGUYỄN HÀ	MY	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.25	2	2.75	
321	350321	022311003633	NGUYỄN HÀ	MY	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6	3.2	3	
322	350322	022211006638	ĐÀO HẢI	NAM	19/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	5.4	7	
323	350323	022211000327	ĐOÀN BẢO	NAM	23/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.5	3.2	3.75	
324	350324	022211008352	ĐỖ PHƯƠNG	NAM	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.5	5.2	3.75	
325	350325	022211006615	LƯU ĐỨC	NAM	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	4.25	3.4	2.5	
326	350326	022311002881	DƯƠNG QUỲNH	NGA	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6	6.4	6.5	
327	350327	022311012342	DƯƠNG VÂN	NGA	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	5.25	2.2	2.25	
328	350328	022311007433	ĐOÀN THANH	NGA	25/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	8	7.2	5.25	
329	350329	022311001246	NGUYỄN THANH	NGA	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.25	4.4	4.5	
330	350330	022311008331	LÊ HÀ	NGÂN	18/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	8.75	9.6	6.25	
331	350331	022311006338	NGUYỄN THỊ THÙY	NGÂN	27/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	3.75	2.6	3.5	
332	350332	012311002289	PHẠM KIM	NGÂN	28/08/2011	Tỉnh Lai Châu	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	2.2	2.75	
333	350333	022311011274	TRỊNH KIM	NGÂN	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	8.75	4.2	5	
334	350334	022311001361	NGUYỄN THỊ THÚY	NGẦN	05/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	5.75	4	5.25	
335	350335	022211004349	NGUYỄN MINH	NGHĨA	09/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.75	2.2	2.25	
336	350336	022311007405	BÙI HOÀNG HỒNG	NGỌC	09/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.5	3.6	3.75	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
337	350337	022311008557	ĐOÀN HỒNG	NGỌC	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.25	7	5.25	
338	350338	022311004955	LÊ ÁNH	NGỌC	24/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.5	7.2	4	
339	350339	022211005627	NGUYỄN ĐỨC	NGỌC	01/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6	7	4.25	
340	350340	022211010021	NGUYỄN HỮU	NGỌC	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.5	4.2	2.75	
341	350341	022311004873	NGUYỄN MINH	NGỌC	07/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	8	8.2	5.25	
342	350342	022311008501	NGUYỄN PHẠM BẢO	NGỌC	28/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.25	7.8	4.5	
343	350343	022311006413	NGUYỄN THẢO	NGỌC	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5.5	4.8	1.75	
344	350344	022311001739	NGUYỄN TRẦN BẢO	NGỌC	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7	5.6	4	
345	350345	022311000612	PHẠM THANH	NGỌC	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7.75	5.2	3.75	
346	350346	022311001250	TRẦN HẢI	NGỌC	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.5	4.6	4.25	
347	350347	022211001202	TRƯƠNG MINH	NGỌC	03/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.5	6.2	4.5	
348	350348	022211000380	HOÀNG BẢO	NGUYÊN	15/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.5	4.4	4	
349	350349	022211013917	NGUYỄN HOÀNG	NGUYÊN	30/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6	9.4	5.25	
350	350350	022211014759	NGUYỄN VIỆT	NGUYÊN	04/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.75	3	2	
351	350351	022211002261	TRẦN TRÍ	NGUYÊN	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH, THCS và THPT Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh	3.5	3.6	1.5	
352	350352	022211013392	TRỊNH ĐÌNH BẢO	NGUYÊN	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7	7	4.25	
353	350353	022311008321	ĐỒNG MINH	NGUYỆT	22/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.25	4	2.75	
354	350354	022311009465	LÊ THỊ MINH	NGUYỆT	08/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	7.75	7.2	5.5	
355	350355	022311001575	NÔNG THỊ ÁNH	NGUYỆT	15/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5	3.4	2.75	
356	350356	022311004336	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	29/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7.25	6.8	4.75	
357	350357	022211007580	LÊ VĂN THANH	NHẬT	30/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6	2.8	3.5	
358	350358	027211001455	NGUYỄN PHONG	NHẬT	17/11/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	5.75	6.6	4	
359	350359	022311009160	ÂN THỊ YẾN	NHI	24/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.75	5	4	
360	350360	022311007905	DƯƠNG YẾN	NHI	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5.5	4.2	3.5	
361	350361	022311009437	ĐOÀN THỊ TUYẾT	NHI	25/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5	2.6	2.5	
362	350362	022311003725	LẠI QUỲNH	NHI	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.5	3.2	3.75	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
363	350363	022311005232	LÊ THỊ PHƯƠNG	NHI	04/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	1.5	1.4	1	
364	350364	020311000042	LÊ THỊ TUYẾT	NHI	03/06/2011	Tỉnh Lạng Sơn	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.25	4.6	3.5	
365	350365	022311000342	NGUYỄN NGỌC	NHI	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.75	2.4	1.5	
366	350366	022311007694	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.5	3.6	1.75	
367	350367	022311012855	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	08/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.25	8.4	7.25	
368	350368	022311007887	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	03/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	7.5	8.2	5.25	
369	350369	022311012189	NGUYỄN TUYẾT	NHI	08/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	3.5	4.8	2	
370	350370	022311013109	NGUYỄN TUYẾT	NHI	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6.75	5	4.75	
371	350371	022311001119	NGUYỄN YẾN	NHI	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	8	6.8	5.5	
372	350372	022311006803	NGUYỄN YẾN	NHI	22/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	8	7.2	7.75	
373	350373	022311004493	PHẠM YẾN	NHI	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.25	6.6	5.5	
374	350374	022311013089	PHAN THANH THẢO	NHI	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7.25	5.2	4.25	
375	350375	022311012409	PHAN THỊ NGỌC	NHI	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7.75	6.8	4.25	
376	350376	022311007709	TRỊNH YẾN	NHI	31/10/2011	Thành phố Hà Nội	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5.5	7.4	5	
377	350377	022311010700	TRƯƠNG KHÁNH	NHI	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	5	5	
378	350378	022311011249	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	8	4.8	4.25	
379	350379	022311004869	PHẠM HỒNG	NHUNG	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	4.5	3.6	3	
380	350380	022311009644	BẾ THỊ QUỲNH	NHƯ	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.75	3.8	3.75	
381	350381	022311005123	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHƯ	11/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7	5	5.25	
382	350382	022311009767	NGUYỄN THỊ YẾN	NHƯ	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	3.5	4.6	2.25	
383	350383	022311000377	VŨ THỊ KIM	OANH	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	4.25	2.8	4.5	
384	350384	022210001150	PHẠM HÒA	PHÁT	10/07/2010	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.5	3.2	3.5	
385	350385	022211005989	HOÀNG NGỌC	PHONG	04/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	3.75	1.6	0.75	
386	350386	022211008945	LÊ THANH	PHONG	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4	3	5	
387	350387	022211012449	NGUYỄN HOÀNG GIA	PHONG	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	4.75	3.8	2.75	
388	350388	022211011556	NGUYỄN HOÀNG	PHONG	01/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	2	4.2	2.5	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
389	350389	022211012236	NGUYỄN THÁI	PHONG	21/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	3.75	3	1.5	
390	350390	022211011795	NGUYỄN VIỆT	PHONG	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	3.75	5	4.5	
391	350391	022211013597	HOÀNG VĂN	PHÚ	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	2.75	2	3.5	
392	350392	022211012483	NGUYỄN GIA	PHÚ	22/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.75	4.4	3.5	
393	350393	022211003438	TRẦN XUÂN	PHÚ	22/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	7.5	8.6	6	
394	350394	022211000221	BÙI VĂN	PHÚC	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.5	4	4.5	
395	350395	022211010134	ĐỖ ĐÌNH	PHÚC	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6	4.8	3.75	
396	350396	022311006941	HỒ CẨM	PHÚC	31/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.5	8.2	4.25	
397	350397	022211012405	LÊ HỒNG	PHÚC	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	5.25	8.4	5.5	
398	350398	022211000381	LÊ PHẤN	PHÚC	13/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Hoa	TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	3.25	2.8	3.75	
399	350399	022211011316	LƯU QUANG	PHÚC	10/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	1	5.4	3.75	
400	350400	022211001976	VŨ VĂN	PHÚC	30/04/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6	4	2.5	
401	350401	022311009580	DIỆP THỊ THU	PHƯƠNG	29/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.75	3.8	2.25	
402	350402	022311010027	DƯƠNG TRẦN TRÚC	PHƯƠNG	02/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.25	2.4	2	
403	350403	022311003475	ĐINH NGUYỄN KỲ	PHƯƠNG	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.25	3.2	3.5	
404	350404	022311005159	LÊ MINH	PHƯƠNG	13/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	8.25	9.8	5.75	
405	350405	022311006074	LÊ THẢO	PHƯƠNG	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.75	5	2.25	
406	350406	022311006245	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	8.5	8.2	5	
407	350407	022311006871	NGUYỄN KHÁNH	PHƯƠNG	15/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	4.75	1.8	4.25	
408	350408	022211013721	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.75	6.8	5.75	
409	350409	022311010020	NGUYỄN THẢO	PHƯƠNG	25/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5.25	3.2	4.25	
410	350410	015311007476	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHƯƠNG	03/03/2011	Tỉnh Lào Cai	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.5	2	2.75	
411	350411	022311012163	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	5	3.4	4	
412	350412	022311007346	NGUYỄN THỊ MINH	PHƯƠNG	02/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.5	8.4	4.5	
413	350413	022311008091	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	23/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	4.25	3.4	3.75	
414	350414	022311004683	PHẠM HOÀI	PHƯƠNG	16/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7	5.4	4	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
415	350415	022311011396	TRẦN THỊ THU	PHƯƠNG	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7.25	5	4.25	
416	350416	022211004877	ĐỖ ĐĂNG	QUANG	21/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	1.75	3.2	1	
417	350417	022211006609	NGUYỄN MINH	QUANG	28/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5	1.6	2.25	
418	350418	022211004127	NGUYỄN SỸ	QUANG	14/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.25	3.6	1	
419	350419	022211006558	VŨ VĂN	QUANG	12/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.25	3.4	3.25	
420	350420	022211002844	DIỆP HIẾU	QUÂN	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	4.5	3.6	2.5	
421	350421	022211011323	HOÀNG MINH	QUÂN	19/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.25	5.4	3.75	
422	350422	022211005983	PHẠM MINH	QUÂN	11/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	0.75	3	0.75	
423	350423	022311005439	NGUYỄN HÀ	QUYÊN	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	3.25	3.4	0.75	
424	350424	022311002813	NGUYỄN THỊ TÚ	QUYÊN	07/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6.5	4	4	
425	350425	022211012186	LÊ HỒNG	QUYẾT	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	4.5	1.8	3	
426	350426	022311007636	DƯƠNG TỬ	QUỲNH	23/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.5	3.6	1.75	
427	350427	030311001776	ĐÀO THỊ NHƯ	QUỲNH	11/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.75	4.6	2.75	
428	350428	031311015221	ĐỖ THỊ DIỄM	QUỲNH	07/11/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.5	5.8	5	
429	350429	022311000196	NGÔ THỊ NHƯ	QUỲNH	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	3.4	3.25	
430	350430	022311012056	NGUYỄN DIỄM	QUỲNH	04/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.25	3.2	2.75	
431	350431	022311008983	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	05/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	8.75	9.6	7.25	
432	350432	022311001753	PHẠM NHƯ	QUỲNH	16/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.25	1.6	2.25	
433	350433	022311007271	PHẠM NHƯ	QUỲNH	07/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	4.75	4.2	2.5	
434	350434	022311010185	VŨ THỊ MAI	QUỲNH	14/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7	4.2	4	
435	350435	022211010859	VŨ ĐĂNG	SAO	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	1	3	0.5	
436	350436	022211013120	CAO THÁI	SƠN	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7	6.2	5	
437	350437	022211005449	ĐÀO THÁI	SƠN	13/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	4.75	3.8	3.5	
438	350438	083210011488	TRƯƠNG TẤN	TÀI	16/11/2010	Tỉnh Vĩnh Long	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	3.75	4.2	3.75	
439	350439	022311008581	NGUYỄN THANH	TÂM	12/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.25	2	3.25	
440	350440	022311001540	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	04/12/2011	Thành phố Hải Phòng	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.75	8.2	7.5	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
441	350441	022211005152	DƯƠNG NGỌC	THÁI	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5.5	4.4	3.5	
442	350442	022211003802	NGUYỄN ĐÌNH AN	THÁI	30/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7	3.4	5.25	
443	350443	022211002287	LÊ HUY	THANH	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.5	2.6	3.5	
444	350444	022211005677	NGUYỄN MINH	THANH	21/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.5	3	7.75	
445	350445	022211013448	BÙI DUY	THÀNH	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	3.75	4.6	2.75	
446	350446	022211008818	DƯƠNG BÁ	THÀNH	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	8.25	7.8	6.25	
447	350447	022211012525	HOÀNG VĂN	THÀNH	05/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	0.5	2.6	1.25	
448	350448	022211006878	NGUYỄN ĐÌNH	THÀNH	02/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	3.75	3.8	2.25	
449	350449	022211007811	NGUYỄN TRƯỜNG	THÀNH	04/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6	4.8	5	
450	350450	022211002401	PHẠM VĂN	THÀNH	19/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	4.5	2.4	2.25	
451	350451	022211003378	PHAN TIẾN	THÀNH	24/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.5	4	5.25	
452	350452	022211006120	VÕ TUẤN	THÀNH	22/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	5	2.8	2	
453	350453	031311017287	BÙI THỊ PHƯƠNG	THẢO	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	3.75	1	1	
454	350454	022311009852	BÙI THU	THẢO	06/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	8	5.2	4.75	
455	350455	022311001977	ĐỖ THỊ	THẢO	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.25	5.4	4	
456	350456	022311002842	HOÀNG THỊ	THẢO	25/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	3.5	3.6	3.25	
457	350457	022311002733	HỨA HƯƠNG	THẢO	31/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.25	6.8	5.75	
458	350458	022311008423	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	22/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	4.25	2.4	1.25	
459	350459	022311000411	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	4.75		2.5	Ngoại ngữ: vắng thi
460	350460	022311006638	VŨ THỊ PHƯƠNG	THẢO	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	5.75	3.8	4.25	
461	350461	022311000220	VƯƠNG THANH	THẢO	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5	2	5.25	
462	350462	022311006684	BÙI THỊ HỒNG	THẮM	08/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6.5	5.6	2.5	
463	350463	022211000870	ĐÀM GIA	THẮNG	15/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5	8.4	5.25	
464	350464	026211004514	LÊ ANH	THẮNG	18/03/2011	Tỉnh Phú Thọ	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6	5.4	5.75	
465	350465	022211004131	LÊ QUANG	THẮNG	17/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5	3.4	1.75	
466	350466	022211003990	NGUYỄN QUANG	THẮNG	27/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	3	3	1	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
467	350467	022211007581	PHẠM VĂN	THẮNG	26/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	4.5	6.4	2.25	
468	350468	022211001382	NGUYỄN ĐÌNH THANH	THIỆN	19/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.25	7.4	5.5	
469	350469	022211007935	NGUYỄN NHẬT	THIỆN	01/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7	8.2	7.5	
470	350470	022211013069	PHÙNG ỨNG	THIỆN	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	3	2	0.75	
471	350471	022211007359	BÙI ĐỨC	THỊNH	05/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	3.75	3.4	3.25	
472	350472	022211003727	ĐOÀN XUÂN	THỊNH	10/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	3	3.6	2.75	
473	350473	022311002123	DƯƠNG ANH	THƠ	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.5	5	3.5	
474	350474	022311005223	NGUYỄN THỊ ANH	THƠ	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	4.75	2.4	1.5	
475	350475	022311013005	NGUYỄN THỊ ANH	THƠ	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.25	5.2	2.75	
476	350476	022311000255	NGUYỄN THỊ KIỀU	THƠM	30/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	7	5.2	3.75	
477	350477	022311006230	NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.25	2.2	2.25	
478	350478	022311000382	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THÙY	09/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	3	2.8	2.25	
479	350479	022311003571	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	10/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.75	8.2	3.75	
480	350480	022311003052	NGUYỄN THU	THỦY	16/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.75	5.2	4.75	
481	350481	022311003569	NGUYỄN THU	THỦY	26/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	3.5	6.4	3.25	
482	350482	022311003774	PHẠM THANH	THỦY	20/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.25	7.8	4.5	
483	350483	022311009395	TỐNG THU	THỦY	01/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	8.5	8.4	8.5	
484	350484	022311011289	TRẦN THỊ THU	THỦY	26/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.75	3.2	1.25	
485	350485	022311006427	KIỀU PHƯƠNG	THÚY	09/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	4.75	6.8	4.75	
486	350486	022311001989	VŨ THANH	THÚY	03/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7	4	4.75	
487	350487	022311004400	ĐINH THỊ AN	THUYÊN	22/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.5	7	5	
488	350488	022311002817	LẠI ANH	THƯ	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	4.75	4	4.25	
489	350489	022311004716	NGÔ ANH	THƯ	11/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	8	3.8	4.75	
490	350490	022311007168	NGUYỄN ANH	THƯ	09/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.75	2.4	2.75	
491	350491	022311007813	NGUYỄN MINH	THƯ	09/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7.25	8.4	5	
492	350492	022311012383	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	29/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	6.75	5.4	4.25	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
493	350493	022311012212	PHẠM THỊ ANH	THƯ	12/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.25	4.2	2.75	
494	350494	022311012565	TẠ ANH	THƯ	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5	3	2.75	
495	350495	022311013110	TRƯƠNG THỊ THANH	THƯ	20/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Hoa	TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6.5	6.6	4.75	
496	350496	022311002393	VI THỊ ANH	THƯ	02/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4	2	1.25	
497	350497	022311004506	ĐỖ NGUYỄN NGÂN	THƯƠNG	27/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.75	8.6	7	
498	350498	022311003954	LƯ THỊ THANH	THƯƠNG	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6	2.4	3	
499	350499	022211002572	NGUYỄN NGỌC	THƯƠNG	07/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	3.75	4	2.25	
500	350500	022311002155	ĐẶNG THỦY	TIÊN	23/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.75	8	4	
501	350501	022311005297	NGUYỄN TRANG THÙY	TIÊN	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7.75	6.2	4.25	
502	350502	022211004957	DƯƠNG MINH	TIẾN	22/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	1.25	2.4	0.75	
503	350503	022211007767	LÊ LẠI HÙNG	TIẾN	01/02/2011	Thành phố Hải Phòng	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	6.5	4.8	4.75	
504	350504	022211004532	LÊ QUYẾT	TIẾN	16/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4	2	1.25	
505	350505	022211006913	NGUYỄN KIM	TIẾN	07/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.5	8.6	8.75	
506	350506	022211007538	NGUYỄN VĂN	TIẾN	30/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	3	2.4	2.25	
507	350507	022211007853	TẠ VĂN	TIẾN	04/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.75	5.2	4.75	
508	350508	022211009069	VI ĐẠT	TIẾN	29/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5	4.2	3	
509	350509	022311000381	VŨ THỊ	TÌNH	07/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	7.75	4.4	4	
510	350510	022211011306	NGUYỄN THẮNG TRƯỜNG	TOÀN	15/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	8.25	4.8	6.25	
511	350511	022311006114	PHAN THANH	TRÀ	29/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.75	3	2.75	
512	350512	022311012404	ĐÀO THU	TRANG	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	2	2.2	0.75	
513	350513	022311011637	ĐINH THỊ KHÁNH	TRANG	25/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7	3.2	3.75	
514	350514	008311004624	HOÀNG VŨ QUỲNH	TRANG	29/09/2011	Tỉnh Tuyên Quang	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.25	2.8	1.5	
515	350515	022311000046	KHỔNG QUỲNH	TRANG	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7	6.6	3.5	
516	350516	022311005501	LẠI QUỲNH	TRANG	29/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	8	5.4	5.25	
517	350517	022311000344	LÊ THỊ THÙY	TRANG	09/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.75	4.6	4.25	
518	350518	022311008759	LÊ THỊ THÙY	TRANG	25/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6.25	4.4	5.25	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
519	350519	022311012508	LƯU HUYỀN	TRANG	10/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5.25	4.2	3.5	
520	350520	022311004116	NGÔ MAI	TRANG	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	8.25	5.6	5	
521	350521	022311010380	NGUYỄN BẢO	TRANG	19/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.25	2.2	2.75	
522	350522	022311008206	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	02/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	3	3.2	1.5	
523	350523	022311004800	NGUYỄN KIỀU	TRANG	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7.25	5.6	3.25	
524	350524	022311012318	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	28/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7	3.8	3.25	
525	350525	022311000228	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	08/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	3	2	
526	350526	022311000800	NGUYỄN THU	TRANG	31/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	8	6.8	6.25	
527	350527	022311004553	NGUYỄN THU	TRANG	20/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6.25	4	3.5	
528	350528	022311012900	NGUYỄN THÙY	TRANG	28/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.5	4.2	3.75	
529	350529	022311002194	NGUYỄN VIỆT	TRANG	05/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7.25	5.8	4	
530	350530	022311000216	TRẦN HÀ	TRANG	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5	3.4	5.25	
531	350531	022311008300	ĐỖ NGỌC	TRÂM	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	4.75	5.2	4.75	
532	350532	022311012846	NGUYỄN BẢO	TRÂM	21/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.5	3.8	4.25	
533	350533	022311009440	NGUYỄN THỊ THÙY	TRÂM	26/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6	1.8	1.75	
534	350534	022311007899	NGUYỄN BẢO	TRÚC	08/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	7	4	5.5	
535	350535	022311008949	NGUYỄN ĐOÀN THANH	TRÚC	26/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	4.25	3.2	0.75	
536	350536	022211006864	BÙI THÀNH	TRUNG	08/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	6.6	6.75	
537	350537	022211010842	NGUYỄN BẢO	TRUNG	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	6.2	6.25	
538	350538	022211012157	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	11/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	3.5	4	3	
539	350539	022211007468	NGUYỄN MINH	TRUNG	06/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	4	7.4	5.25	
540	350540	022211001755	VŨ QUỐC	TRUNG	07/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	4.5	3	4.5	
541	350541	022211011710	DIỆP BÙI ANH	TÚ	05/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	3.5	3.6	4	
542	350542	022211013007	DƯƠNG DOÃN	TÚ	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.25	5.4	4.5	
543	350543	022211008583	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	TÚ	07/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	3.5	6	4.75	
544	350544	022211009618	NGUYỄN ĐỨC	TÚ	31/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6	5.4	4.75	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
545	350545	022311002276	PHẠM CẨM	TÚ	12/09/2011	Tỉnh Thái Nguyên	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7	5.4	4.75	
546	350546	022211005851	TRẦN VĂN	TÚ	28/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	1.75	1.4	2.5	
547	350547	022211008508	TRẦN XUÂN	TÚ	10/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	3.75	4.2	1.25	
548	350548	022211008851	BÙI QUỐC	TUẤN	18/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.5	3.8	4	
549	350549	022211011046	NGUYỄN ANH	TUẤN	01/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.5	4.8	3.25	
550	350550	034211009038	PHAN ANH	TUẤN	24/08/2011	Tỉnh Hưng Yên	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	5.5	5.2	3	
551	350551	022211010815	ĐỖ XUÂN	TÙNG	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	5.25	3.2	5.25	
552	350552	022211009325	NGUYỄN DUY	TÙNG	09/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	3	3	1.25	
553	350553	022211009553	NGUYỄN QUANG	TÙNG	12/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	5.5	6.4	4.75	
554	350554	022211000064	PHAN NGUYỄN ĐỨC	TÙNG	25/04/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5	4	4.75	
555	350555	022211011264	TRẦN MẠNH	TÙNG	26/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	4	3.2	5.25	
556	350556	022211006667	TRẦN VŨ THANH	TÙNG	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	3.75	3.2	4	
557	350557	022211013102	VI HOÀNG	TÙNG	16/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4	3.4	2.5	
558	350558	022211013900	BÙI ĐÌNH	TUYỀN	06/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	2.25	2.4	1.75	
559	350559	022211009260	HOÀNG THANH	TUYỀN	12/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	4.75	3.8	2.75	
560	350560	022211003543	DIỆP VĂN	TUYỀN	19/12/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	0.5	0	1.5	
561	350561	022311013646	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	17/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.25	4.8	5.75	
562	350562	022211007774	LÊ QUỐC	UY	20/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	9	8.25	
563	350563	022311005697	LƯ THỊ NHƯ	UYÊN	28/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5.5	2.6	5.25	
564	350564	022311006177	LƯU TỐ	UYÊN	25/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	7.25	4.8	5.25	
565	350565	022311010672	NGUYỄN THỊ MỸ	UYÊN	27/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7	7.6	5.75	
566	350566	030211118105	NHO QUANG	VĂN	05/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6.25	7	4.75	
567	350567	022311000384	HOÀNG VŨ THU	VÂN	17/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6.25	4.8	4.5	
568	350568	022311008531	LÊ THANH	VÂN	18/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	4.75	2.6	3.25	
569	350569	022311002660	NGUYỄN THỊ THẢO	VÂN	15/03/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	6.75	7.2	3.25	
570	350570	022311008882	LÊ TƯỜNG	VI	08/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5	7.4	3.75	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
											Ngữ văn	N.ngữ	Toán	
571	350571	022311010942	LÊ TƯỜNG	VI	19/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	5	2	2	
572	350572	027211006803	NGUYỄN HỮU	VĨ	20/11/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nam		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	1	2.4	2.25	
573	350573	022211012799	BÙI HÙNG	VIỆT	13/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	7	8.2	4.75	
574	350574	022211011047	NÔNG BẢO	VIỆT	01/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam	Nùng	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6.75	2.8	4.75	
575	350575	022211009097	PHẠM THÁI	VIỆT	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	5.25	2.2	3.25	
576	350576	024211011400	TRẦN VĂN QUỐC	VIỆT	04/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	4.25	6.6	5	
577	350577	022211001857	VŨ HOÀNG	VIỆT	10/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	6	7.4	4.5	
578	350578	022211008883	HOÀNG QUANG	VINH	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	4.25	5.8	3	
579	350579	022211004997	VƯƠNG CÔNG	VINH	27/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	4.75	4.2	3.5	
580	350580	022211002449	BÙI THẾ	VŨ	02/08/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	4.75	8.8	4.75	
581	350581	022211012598	NGUYỄN KIM	VŨ	10/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5.25	5.2	4	
582	350582	022211005321	NGUYỄN VĂN	VŨ	16/06/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	6.75	4.4	3.75	
583	350583	022311002344	PHẠM ĐOÀN VŨ	VŨ	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Dương	Tiếng Anh	7.75	9	5.75	
584	350584	022211006556	NGUYỄN HOÀNG	VƯƠNG	21/09/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nam		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	1.5	2.4	1.5	
585	350585	022311001842	LÊ THỊ PHƯƠNG	VY	06/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS An Sinh	Tiếng Anh	5.5	5.8	6.5	
586	350586	022311007896	NGUYỄN THỊ YẾN	VY	19/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Hưng Đạo	Tiếng Anh	6.75	4.2	4.25	
587	350587	022311012922	PHẠM NGUYỄN HÀ	VY	21/05/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	4.75	3.6	5	
588	350588	022311005877	LÝ HOÀNG NHƯ	Ý	26/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ	Tày	TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	6	6.8	5.5	
589	350589	022311006945	PHẠM HÀ THANH	YÊN	10/10/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Bình Khê	Tiếng Anh	5	5.8	4.25	
590	350590	024311016797	BÙI HẢI	YẾN	28/10/2011	Tỉnh Bắc Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Du	Tiếng Anh	5.5	4	3.75	
591	350591	022311000348	DƯƠNG HẢI	YẾN	27/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Tràng An	Tiếng Anh	7.75	2.6	2	
592	350592	022311011602	DƯƠNG NGUYỄN HẢI	YẾN	02/02/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	5	4.6	3.25	
593	350593	022311002139	LÊ HẢI	YẾN	26/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	6	5	3	
594	350594	022311006247	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	16/07/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		TH và THCS Việt Dân	Tiếng Anh	7	3	2.25	
595	350595	022311003709	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	12/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Nguyễn Huệ	Tiếng Anh	8	6.6	4.25	
596	350596	022311002121	PHẠM HẢI	YẾN	06/01/2011	Tỉnh Quảng Ninh	Nữ		THCS Mạo Khê I	Tiếng Anh	4	4.4	2.25	

Đơn vị: THPT Lê Chân (22_HD_035)

STT	SBD	Số CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc ít người	Trường THCS	Ngoại ngữ	Điểm bài thi			Ghi chú
										Ngữ văn	N.ngữ	Toán	

(Danh sách này gồm có 596 thí sinh)